KINH

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải

TẬP 1

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Như Lai chỉ dùng một Phật thừa,
mà vì chúng sinh thuyết pháp,
chẳng có hai hoặc ba thừa nào khác.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Tập 1

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail : kimquangtu@hotmail.com

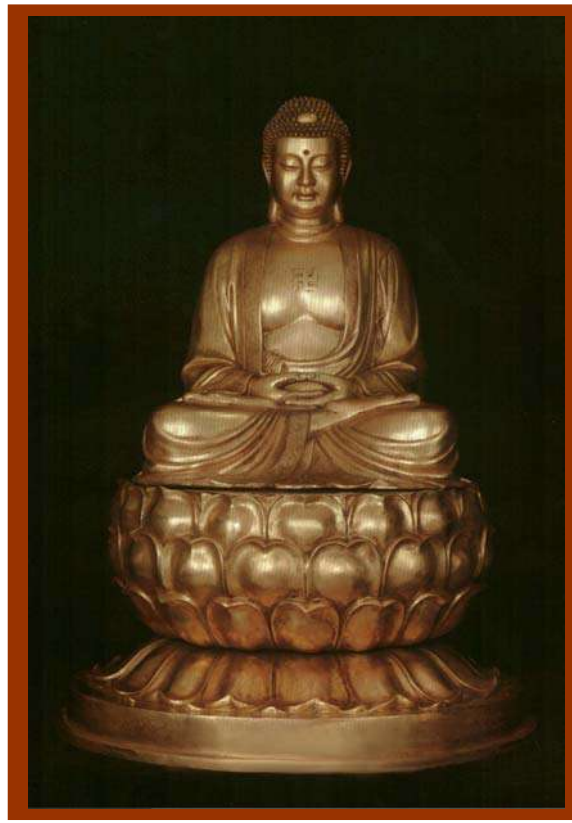

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát

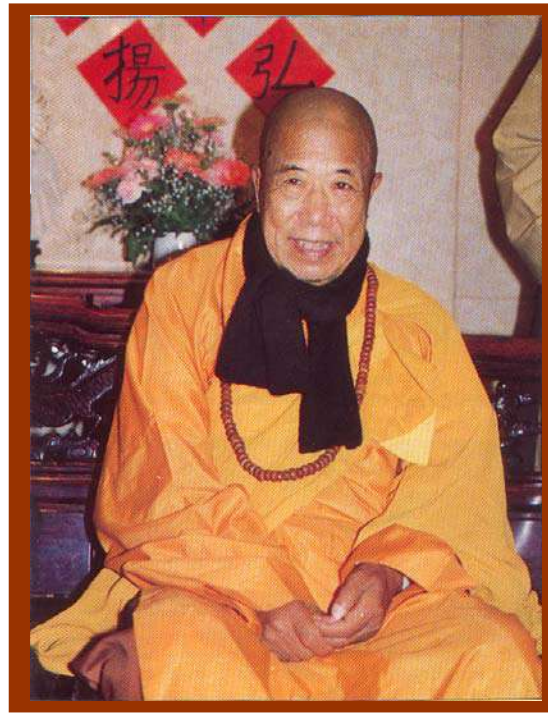

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Nội dung

Giải thích tên Kinh.....9
Giải thích Kinh văn,
Quyển 1, phẩm tựa thứ nhất.....73
Phẩm phương tiện thứ hai.....290

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

1. GIẢI THÍCH TÊN KINH :

"**Diệu**", đối với chữ diệu nầy, chúng ta phải cần một phen, hạ khổ công phu để nghiên cứu. "Diệu" tức là huyền diệu, vi diệu, thâm áo không thể dò. Ngài Trí Giả Đại Sư, chỉ nói về một chữ diệu, mà phải mất thời gian chín mươi ngày, tập thành một bộ Pháp Hoa Huyền, là một bộ Kinh quan trọng trong ba bộ Kinh lớn của tông Thiên Thai. Đó là, chỉ nói một chữ diệu, mà phải mất ba tháng mới nói xong, bạn nói có diệu chăng !

Trước khi, giảng bất cứ bộ Kinh gì, thì trước hết giảng về "thất chủng lập đề" (bảy loại làm tên Kinh) và "ngũ trùng huyền nghĩa" (năm tầng nghĩa huyền diệu), đó là quy tắc giảng Kinh của tông Thiên Thai.

Bảy loại làm tên Kinh là : Đơn có ba, kép có ba, đầy đủ có một. Trước hết nói về đơn có ba, tức là người, pháp và dụ.

Thứ nhất là đơn nhân (người) lập đề, ví như "Phật Nói Kinh A Di Đà." Phật là người, A Di Đà cũng là

người, cho nên gọi là đơn nhân (người) lập đề, chỉ dùng một người để đại biểu tên của một bộ Kinh. Vì Kinh A Di Đà nầy là nói về pháp môn Tịnh Độ, nói về thế giới Cực Lạc, của Phật A Di Đà. Tại sao có thế giới Cực Lạc ? Vì khi Phật A Di Đà, tại nhân địa làm Tỳ Kheo Pháp Tạng, thì phát bốn mươi tám đại nguyện. Những nguyện nầy nguyện nào cũng độ tất cả chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc, tương lai sẽ thành Phật. Cho nên, bộ Kinh nầy dùng Đức Phật A Di Đà, để đại biểu tên của bộ Kinh nầy.

Khi Phật Pháp đến thời kỳ diệt vong, thì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh mất đi trước hết, vì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh chánh nhân thành Phật, tức tốc chứng quả liễu nghĩa, chúng sinh nghiệp chuyển nặng, cho nên mất đi trước nhất. Cũng có thể nói là, vì kinh Lăng Nghiêm nói quá tỉ mỉ, về đạo lý vạn sự vạn vật của thế gian, có thể nói là, tiết lậu bí mật của trời đất. Do đó, đến thời kỳ mạt pháp, thì Kinh Lăng Nghiêm bị tiêu diệt đi trước nhất, những Kinh khác cũng theo đó tiếp tục bị diệt; cuối cùng chỉ còn lại Kinh A Di Đà, lưu lại thế giới nầy một trăm năm, cho nên Kinh A Di Đà, là Kinh mất đi sau cùng. Đến lúc Kinh A Di Đà cũng chẳng còn nữa, thì còn lại sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật", lưu lại trên thế gian nầy một trăm năm, sau đó, sáu chữ diệt mất đi hai chữ, chỉ còn lại "A Di Đà Phật" bốn chữ, lại tồn tại trên thế gian nầy một trăm năm. Cuối cùng, Phật Pháp trên thế gian sẽ

hoàn toàn diệt hết. Lúc đó, ba tai tám nạn, tất cả tai hại sẽ xảy đến, thì thế giới nầy theo đó mà huỷ diệt.

Do đó, chúng ta nên đặc biệt chú ý về Kinh A Di Đà. Vì thời đại mạt pháp thì pháp môn Tịnh Độ, sẽ hợp cơ nhất đối với tất cả mọi người. Nhưng thời đại mạt pháp cũng có chánh pháp tồn tại. Giống như nước Mỹ chúng ta đang ở, trước kia chưa hề nghe qua Phật Pháp, bây giờ khắp nơi đều nghe nói về Phật Pháp. Đó là Phật Pháp mới truyền vào nước nầy, cho nên bây giờ có rất nhiều người Mỹ thích ngồi Thiền, thích nghiên cứu Phật Pháp, mở ra mùi gió chánh pháp của Phật Giáo.

Kinh A Di Đà là đơn nhân (người) làm tên Kinh, còn đơn pháp làm tên Kinh là Kinh gì ? Là Kinh Niết Bàn. Niết là "không sinh", Bàn là "không diệt"; không sinh không diệt, chẳng có pháp sinh diệt, đó là đơn pháp làm tên Kinh.

Đơn dụ làm tên Kinh là Kinh Phạm Võng. Phạm Võng là một tấm lưới La Tràng, ở trước cung điện của trời Đại Phạm Thiên. Lưới La Tràng nầy, hình thù tròn rỗng, bốn mặt có lỗ, cho nên gọi là lưới, giống như lưới đánh cá, dùng để trang nghiêm. Đại Phạm Thiên Vương thích trang trí cung điện của mình, cho trang nghiêm đẹp đẽ, cho nên treo lưới La Tràng. Mỗi lỗ của tấm lưới đều có hạt châu, hạt châu nầy phóng ra ánh sáng, cho nên gọi là dạ minh châu, ban ngày cũng phóng ánh sáng, ban đêm cũng phóng ánh sáng. Mỗi hạt châu phóng vào mỗi lỗ,

cho nên quang minh chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, ánh sáng với ánh sáng chiếu soi lẫn nhau, lỗ và lỗ thông đạt với nhau, đó gọi là Phạm Võng. Kinh Phạm Võng tức là phẩm Bồ Tát giới. Tại sao Bồ Tát giới dùng Phạm Võng để đại biểu làm tên Kinh ? Vì giới giống như hạt châu phóng quang. Bạn giữ giới thanh tịnh, thì có quang minh. Ở trên đã nói qua đơn có ba : Người, pháp, dụ làm tên Kinh.

Kép có ba : Người (nhân) và pháp làm tên Kinh, người và dụ làm tên Kinh, pháp và dụ làm tên Kinh. Người và pháp làm tên Kinh tức là Kinh Văn Thù Hỏi Bát Nhã. Bồ Tát Văn Thù là người, Bát Nhã là pháp. Bồ Tát Văn Thù là Bồ Tát đại trí huệ. Ngài hỏi về Bát Nhã. Bát Nhã là pháp trí huệ, người có trí huệ mới hỏi được. Bộ Kinh nầy dùng người và pháp để làm tên Kinh.

Người và dụ làm tên Kinh là Kinh Như Lai Sư Tử Hống. Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Pháp của Như Lai nói giống như tiếng hống của sư tử, khi sư tử hống thì trăm loài thú đều sợ hãi, bất cứ là sài, lang, hổ, báo, ác thú gì cũng đều sợ hãi. Kinh Như Lai Sư Tử Hống là người và dụ làm tên Kinh.

Dùng pháp và dụ làm tên Kinh, là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là dụ; dùng diệu pháp chi phối liên hoa, làm đề mục cho bộ Kinh nầy. Cho nên, bộ Kinh nầy dùng pháp và dụ làm tên Kinh, thuộc vào một trong ba loại kép.

Đầy đủ có một, là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Phương là phương pháp cũng là Phật Pháp, Đại Phương Quảng ba chữ nầy giải thích đơn giản là : Phật Pháp sâu như biển cả, rộng lớn như hư không chẳng có bờ mé. Phật là người, Hoa Nghiêm là ví dụ. Hoa thì có hương thơm, đại biểu đức tính viên mãn và công đức tu hành, để trang nghiêm mười thân của Phật, cho nên bộ Kinh nầy dùng : người, pháp, dụ ba loại đầy đủ hoàn toàn để làm tên Kinh.

Người nghiên cứu Phật Pháp, nên nhớ bảy loại làm tên Kinh (thất chủng lập đề), để có thể tuỳ thời giảng Kinh. Nếu không hiểu bảy loại làm tên Kinh, thì bạn chẳng phải là người nghiên cứu Phật Pháp. Trong Đại Tạng Kinh có rất nhiều loại, Kinh điển cũng có mấy ngàn quyển, nhưng không ra ngoài bảy loại làm tên Kinh nầy. Cho nên, khi xem Kinh điển thì biết bộ Kinh đó dùng gì để làm đề mục. Nhận thức được lập đề rồi, thì sau đó tự nhiên sẽ đi sâu vào Tạng Kinh, trí huệ như biển. Nếu tên Kinh không biết rõ ràng, ví như gì gọi là Kinh Niết Bàn ? bạn nói không hiểu, nội tên Kinh Niết Bàn đã không hiểu, vậy bạn xem Kinh Niết Bàn lại có ích gì ? Nếu không nhận thức được tên Kinh, thì chẳng thể đi sâu vào Tạng Kinh, cũng chẳng được trí huệ như biển; không được trí huệ như biển, thì bạn một đời học Phật Pháp vẫn tối tăm mù mịt. Cho nên bảy loại làm tên Kinh nầy rất quan trọng.

Nếu ai cũng nhận thức được bảy loại làm tên Kinh, thì có thể nghiên cứu Phật Pháp. Còn có năm tầng nghĩa huyền diệu (ngũ trùng huyền nghĩa). Năm tầng nghĩa huyền diệu là :

1. Giải thích tên Kinh.
2. Giảng giải thể Kinh.
3. Nói rõ tông chỉ.
4. Luận về dụng đồ.
5. Biết rõ giáo tướng.

Tên là bộ Kinh nầy dùng gì làm tên ? Thể là pháp thể của bộ Kinh nầy là gì ? Biết được pháp thể rồi, thì phải biết tông chỉ của Kinh nói gì ? Biết tông chỉ rồi, còn phải biết dụng đồ của Kinh, biết dụng đồ rồi, còn phải biết giáo tướng. Tại sao ? Giống như, chúng ta trước hết phải có tên, như Trương Tam, Lý Tứ, mỗi người đều có tên của họ. Biết được tên Trương Tam, thì sẽ biết thân thể lớn cỡ nào ? cao bao nhiêu ? nặng bao nhiêu ? thân thể của y ra sao ? mạnh khoẻ hay không mạnh khoẻ ? dùng gì để sinh sống? đi học hay đi làm ? Trong các nghề : sĩ, nông, công, thương, y làm nghề gì ? Nếu y đi học thì lấy sự đi học làm tông chỉ, đi học xong lại giúp được gì ? Phải chăng đi ngủ ? chẳng phải, học xong thì y sẽ phát triển dụng đồ của y. Học về khoa học thì phát triển về khoa học, học triết lý thì phát triển về triết lý, mỗi môn đều có chỗ dụng của nó. Kinh cũng như thế, biết được dụng đồ của Kinh, thì đề mục và tông chỉ cũng biết được,

cứu kính thân phận là gì ? Ví như thầy giáo, giám đốc. Nói tóm lại mỗi người đều có thân phận của mỗi người, đó là phán rõ sự thành tựu tương lai của họ. Kinh cũng như thế, bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy, dùng pháp và dụ trong bảy loại làm tên Kinh để làm đề Kinh.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ở trong năm tầng nghĩa lý huyền diệu, thì huyền nghĩa thứ nhất là giải thích tên Kinh. Bộ Kinh nầy dùng Diệu Pháp Liên Hoa làm tên. Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là ví dụ, vì Phật Pháp vi diệu thâm sâu, một số người không dễ gì hiểu nổi, cho nên dùng liên hoa (hoa sen) để ví dụ, do đó bộ Kinh nầy lấy pháp và dụ làm tên.

Cứu kính thì diệu pháp là gì ? diệu đến cỡ nào ? tốt đến cỡ nào ? Nay tôi nói cho bạn biết, sự diệu nầy không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời bàn luận, không thể dùng tâm để dò, nghĩ cũng nghĩ không hiểu nổi; nghĩ muốn hiểu biết thì nói không đến được sự diệu của nó. Tức nhiên nghĩ không hiểu biết, vậy không cần nói, có nói cũng không ra ! Song, không thể không nói, nói không ra tức là diệu. Nói không ra vẫn phải nói, sự nói chẳng phải diệu mà là hình dung sự diệu và tư tưởng diễn nói sự diệu nầy.

Cứu kính, ý nghĩa thật sự về diệu là gì ? Đó chỉ có Phật với Phật mới thấu rõ cảnh giới thâm sâu nầy. Nay giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chỉ giảng chút ít mà thôi. Song, sự chút ít nầy không biết phải giảng bao nhiêu

ngày. Vì chữ diệu nầy Ngài Trí Giả Đại Sư củ tông Thiên Thai, giảng mất chín chục ngày, cũng chưa giảng xong chữ diệu, chỉ giảng một phần nhỏ. Năm nay (1968) vào mùa hè tôi giảng chín mươi sáu ngày mới xong bộ Kinh Lăng Nghiêm, thật có thể nói nhanh như ngồi hoả tiễn đi thám hiểm mặt trăng. Vì tôi đã từng giảng Kinh Lăng Nghiêm ở tại Hương Cảng phải mất mười bốn tháng mới giảng xong.

Trước hết chúng ta giảng về chữ diệu, chữ diệu nầy cứu kính phải giảng bao nhiêu ngày ? Hiện tại cũng không cách chi biết trước được, giảng được mấy ngày thì hay mấy ngày. Trước hết phải nói về diệu. Gì là diệu ? Diệu pháp tức là diệu, chúng sinh cũng là diệu, Phật cũng là diệu, trong trời đất hết thảy tất cả, chẳng có gì mà không diệu, gì cũng đều là diệu. Cho nên chữ diệu nầy giảng ra thì vô cùng vô tận. Đây cũng là diệu, đó cũng là diệu, diệu cứu kính từ đâu đến ? Từ tâm mà đến.

Làm thế nào bạn biết là diệu pháp ? Vì bạn có tâm, cho nên tâm pháp diệu, kế đến chúng sinh pháp diệu, sau đến Phật pháp diệu.

Tâm pháp diệu như thế nào ? Tất cả sơn hà đại địa, sâm la vạn tượng, nhà cửa phòng xá, hết thảy vạn vật từ đâu đến ? Đều từ một tâm niệm hiện tiền của mỗi người sinh ra, từ trong tâm của chúng sinh sinh ra. Làm thế nào sinh ra ? Bạn sẽ nói :"Không biết !" Đó là diệu. Biết hay không biết đều là diệu. Tại sao bạn biết ? và tại sao bạn

không biết ? đó chẳng phải là diệu sao ? đây tức là tâm pháp diệu.

Tâm pháp diệu, tâm diệu như thế nào ? Tâm của con người đều là một không hai. Có người chỉ trước ngực nói :"Tâm của tôi ở đây". Chân tâm của bạn ở đâu ? Bạn đã nhận lầm tâm của bạn rồi ! Là nhận giặc làm con ! Giống như Tôn Giả A Nan, trong Kinh Lăng Nghiêm. Tôn Giả A Nan nói :"Tâm ở trong." Tức là chỉ quả tim bằng thịt, quả tim nầy vô dụng. Sao lại nói nó là vô dụng ? Vì nó chỉ là cục thịt. Đó là do tụ tập nhiều phiền não mà sinh ra quả tim; lại gọi là tâm duyên lự, năng lực phan duyên tư lự giúp cho bạn khởi vọng tưởng. Thức thứ sáu cũng gọi là tâm tập khởi, là quả tim trợ giúp cho bạn khởi vọng tưởng và sinh tâm tạp niệm, tâm duyên lự, tâm tập khởi .v .v . Tâm nầy có rất nhiều tên gọi. Do đó, tâm pháp mà tôi nói, bạn đừng cho rằng đó là quả tim bằng thịt. Vậy riêng ngoài tôi còn có tâm chăng ? Bạn không biết phải chăng ? Hãy xem đó có phải là diệu chăng ? Cho đến mình có tâm mà bạn còn chẳng biết, tất nhiên cho đến tâm cũng chẳng biết, cho đến sinh mạng mà bạn cũng chẳng biết rõ ! Khi sinh ra thì hồ đồ, chết đi cũng hồ đồ, từ đâu đến cũng chẳng biết, đó là diệu ! Khi chết cũng hồ đồ ra đi, chẳng biết đi về đâu, đó cũng là diệu; khi sinh ra và chết đi đều không biết, đó cũng là diệu ! Vậy khi còn sống chẳng phải là diệu chăng ? Đây lại càng diệu ! Sao lại càng diệu hơn ? Ví như, lúc bạn còn bé nhỏ, trong sự bất tri bất giác thì lớn lên, sau lại trưởng thành người lớn;

thành người lớn rồi cũng không biết sao lại biến thành người già. Bạn nói đó có diệu chăng ? Không những biến thành người già, mà bạn còn sinh con đẻ cái nuôi dưỡng chúng. Nếu chẳng phải diệu, sao bất tri bất giác thì có nhiều sự biến hoá như thế ? Đó là diệu pháp. Bây giờ giảng diệu pháp nầy ra, thì bạn cảm thấy có chút ý nghĩa, giống như việc ở trên vừa nói, nhưng khi chưa nói ra thì bạn vốn chẳng biết đó là diệu pháp.

Diệu pháp tức là trong sự bất tri bất giác của bạn sinh ra một thứ tác dụng. Những gì bạn thấy trước mắt đều là diệu. Tại sao ? Sao bạn nhìn thấy được ? Nếu không diệu thì bạn nhìn chẳng thấy. Vậy nhìn không thấy thì chẳng phải diệu chăng ? Nhìn không thấy lại càng diệu. Nhìn thấy và nhìn không thấy đều là diệu, nghe được và nghe không được cũng là diệu.

Cho nên trước mắt nhìn thấy được, không những là nhìn thấy; làm sao nhìn thấy được ? Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói :"Ai nhìn thấy được ? Ai cùng với bạn nhìn thấy ?" Bạn nói đó có diệu chăng ? Tại sao gần thì bạn nhìn thấy được ? còn xa thì bạn nhìn chẳng thấy ? Đó đều là diệu. Khi bạn nhìn thấy màu vàng, thì có tác dụng màu vàng, bạn nhìn thấy màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen thì những thứ nầy ở trong tám thức của bạn, sinh ra dạng của nó. Sao lại sinh khởi ra ? Ai kêu bạn sinh ra thứ hình bóng đó ? đó có diệu chăng ?

Nghe cũng như thế. Tại sao có âm thanh bạn thích nghe, có âm thanh bạn chẳng thích nghe ? Ai kêu bạn

thích và không thích nghe ? Chẳng có ai ! Tại sao mình lại sinh ra tâm thích và ghét ? Thấy sắc đẹp thì sinh tâm ưa thích, thấy nhan sắc không đẹp thì sinh tâm ghét chán. Do ai kêu bạn ? Bạn nói "tôi không biết, chỉ là nghĩ như vậy". Nghĩ như vậy tức là diệu. Hết thảy tất cả đều là diệu; đó là tâm pháp diệu; do trong tâm sinh ra thiên biến vạn hoá. Nếu không diệu sao lại sinh ra đủ thứ biến hoá ?

Diệu quá nhiều, nếu muốn nói thì dù nói mấy trăm năm, cũng nói chẳng xong sự diệu nầy. Nếu nói xong thì chẳng phải diệu. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, đều không ra ngoài chữ diệu nầy. Cho nên, chữ diệu nầy bao quát Tam Tạng mười hai bộ Kinh, bao quát tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp không vượt ra chữ diệu nầy. Cho nên Ngài Trí Giả Đại Sư giảng đến chín mươi ngày, dù giảng chín mươi năm, cũng giảng không xong chữ diệu nầy. Vậy nói đến Kinh Pháp Hoa, chắc suốt đời nầy cũng không được nghe, cũng chẳng có cơ hội nghe hết được, chín mươi năm cũng nói chẳng xong một chữ diệu, vậy thử hỏi Kinh văn chẳng biết giảng bao lâu mới xong ? Đừng sợ, thời đại hiện nay tất cả sự việc đều nói cho nhanh. Giảng Kinh mau là diệu, giảng chậm cũng là diệu. Tất nhiên, Đức Phật giảng Kinh cũng chẳng vượt ra sự diệu nầy, hiện tại tôi giảng Kinh sao lại kìa khỏi sự diệu nầy ? Lìa khỏi sự diệu nầy thì chẳng diệu, lìa không khỏi tức là diệu.

Pháp tuy nhiên là diệu, muốn biết diệu pháp thì trước hết phải buông xả sự diệu. Buông chẳng đặng là

diệu, nhưng buông xả đặng thì mới là thật diệu; nếu không tin thì bạn hãy thử buông xả thân tâm. Trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới; người không, pháp cũng không, tất cả đều không. Bạn nói đó chẳng phải là diệu chăng ? Sự diệu nầy, nếu buông xả thân tâm đặng, thì mới đắc được sự diệu chân chánh của tự tánh vốn có. Nếu bạn trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới, song chẳng lìa khỏi thân tâm thế giới. Đây chẳng phải nói lìa khỏi thân tâm nầy của ta, lìa khỏi thế giới nầy, mới không có thân tâm thế giới; mà là tại thân tâm nầy, tại thế giới nầy mà chẳng có.

"Mắt thất hình sắc chẳng dính mắc,
Tai nghe âm thanh tâm chẳng hay".

Đó là cảnh giới sớm sẽ đạt được, trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới. Đây là việc chẳng dễ dàng, cho nên mới diệu. Dễ cũng là diệu, không dễ cũng là diệu, tất cả hết thảy đều diệu, thảy đều không vượt ra ngoài diệu pháp nầy. Cho nên, chữ diệu nầy chẳng có cách chi giảng xong được.

Vì diệu không dễ gì nói, cho nên là diệu. Không dễ dì nói, bây giờ cũng phải nói, cũng là diệu. Nói tóm lại, Diệu ! Diệu ! Diệu ! Tất cả đều diệu. Đây lại có dụng gì ? Bạn hỏi vấn đề nầy, đó mới là thật diệu.

Tu hành, tham thiền, đả toạ, là đi tìm sự diệu nầy. Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm tại núi Tuyết, là tìm cầu sự

diệu nầy. Tất cả Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, cũng là tìm cầu sự diệu nầy. Các bậc A La Hán buông xả tất cả, cũng là đi tìm sự diệu nầy. Tất cả phàm phu, Thánh nhân muốn tu hành, cũng vì tìm cầu sự diệu nầy. Cho nên thành được quả vị Phật cũng gọi là diệu. Là diệu gì ? là Diệu Giác. Bồ Tát là Đẳng Giác, chưa đạt được Diệu Giác. Cho nên hiện tại trước hết phải hiểu sự diệu nầy.

Diệu có hữu dụng gì ? Chẳng có hữu dụng gì, song, gì cũng đều cần nó. Sự diệu nầy, phải nói rằng là đại dụng của nó, đại tạo hoá, trời đất vạn vật, hết thảy tất cả đều từ diệu nầy mà sinh ra. Cho nên đừng cho rằng nhờ Thiên Chúa, Địa Chúa, Nhân Chúa sáng tạo thế giới nầy. Kỳ thật, tất cả đều từ diệu nầy sinh ra. Chữ diệu nầy cũng chỉ có Phật mới có thể cán đán được. Phật tánh vốn có của chúng ta, là diệu giác Phật tánh. Có lối minh bạch chữ diệu nầy, thì bảo sao mà dễ thế ! Nếu bạn minh bạch quá dễ dàng chữ diệu nầy, thì nói chẳng phải diệu chăng ? chẳng phải. Nếu bạn minh bạch chữ diệu nầy quá dễ dàng, thì đó là càng diệu. Tại sao ? Vì bạn chẳng phí sức thì đã minh bạch, đó chẳng phải là diệu chăng ? Bạn phí rất nhiều công phu mới minh bạch, đây lại càng diệu. Cho nên, giảng như thế nào cũng đều diệu, đầu đầu thị đạo.

Bạn nói trước mắt những gì chẳng phải diệu ? Đèn, bàn ghế, tất cả đều là biểu hiện của diệu pháp. Nếu bạn minh bạch được diệu pháp nầy, thì tất cả đều diệu; không minh bạch diệu pháp nầy, thì tất cả đều là thô. Bạn cảm

thấy bạn đã minh bạch, nhưng thật ra bạn chưa minh bạch, nếu bạn nghiên cứu bổn thể của nó, thì đều từ một chữ diệu nầy mà sinh ra.

Mùa hè năm nay (1968), giảng bộ Kinh Lăng Nghiêm mất hết chín mươi sáu ngày. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi ấm ma, những ấm ma nầy, đều siêu hơn thiên ma ngoại đạo hiện nay. Vì thần thông của năm mươi thứ ấm ma đó thật là lợi hại, có thứ trên đầu phóng quang, nếu quang minh của nó phóng trúng đầu của bạn, thì đầu của bạn cũng sẽ phóng quang. Nhưng những thứ thần thông nầy, đều là ma ở trong Phật giáo, hà huống ngoại đạo bây giờ, đều không thể phóng quang. Chúng sinh giống như con nhặng, bay loạn xạ đông tây nam bắc, bay tới bay lui, cũng chẳng tìm được lối thoát, đáng thương những người nầy theo người mù. Nếu như bạn nói bạn không biết, muốn cầu pháp thì hãy theo học với tôn giáo hiểu biết, một số người không hiểu biết, bèn dùng người mù dẫn người mù. Vì người hiểu biết và có trí huệ trên thế giới nầy rất ít, còn người không hiểu biết và ngu si thì rất nhiều. Người có trí huệ thì thích nghe chân lý, người chẳng có trí huệ thì thích nghe đạo lý của người mê muội . Đạo lý của người mê là gì ? Ví như họ nói người tu hành không cần đoạn dâm dục, có thể tuỳ tiện, vì nói như thế thì cho rằng nó là tốt. Chủ trương của Phật giáo là đoạn dâm dục, nếu không đoạn dâm dục mà tu hành, thì như trong Kinh Lăng Nghiêm có nói :"Như nấu

cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn ức kiếp cũng chỉ là cát nóng". Vì dục lạc không cứu kính của nhân gian và khoái lạc cứu kính xuất thế gian không thể nào dung hợp với nhau.

Còn có những người nghiên cứu tu tập ở trong Phật pháp, mà cứ thực hành trên miệng lưỡi, chứ chẳng thật tâm hành trì, chẳng y chiếu theo phương pháp của Phật dạy mà hành trì, đó chẳng khác gì là ma, cũng không thể liệt họ vào trong Phật giáo đồ. Giống như có những người thấy Phật mà chẳng lạy, họ nói họ tin Phật, thứ người nầy hậu quả tương lai không thể tưởng tượng được, cuối cùng sẽ đi vào đường súc sinh, ngạ quỷ hoặc rơi vào địa ngục, chẳng có ai dám bảo đảm. Tại sao ? Vì học Phật pháp, thì phải y chiếu theo phương pháp Phật dạy mà thực hành. Nếu coi "cái ta" lớn hơn Phật thì thật là quá sai lầm ! Người học Phật pháp, không những thấy Phật phải cung kính lễ lạy, mà gặp Bồ Tát cũng phải lạy Bồ Tát, thấy A La Hán cũng phải lạy A La Hán, thấy bậc đại thiện nhân, đại tu hành nên cung kính khâm phục họ, đừng nên cống cao ngã mạn, khinh khi, tự cao tự đại. Bất cứ, người nào học Phật pháp đều phải khiêm nhường, cung kính, hoà hợp.

Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm thứ hai mươi nói về vị Bồ Tát Thường Bất Khinh. Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh nầy là tiền thân của Đức Phật, suốt một đời tu hành Bồ Tát đạo. Một đời Ngài chuyên môn hành Bồ Tát đạo

"thường bất khinh" (thường không khinh khi ai). Ngài hành như thế nào ? Ngài chuyên môn cung kính mười đại Nguyện Vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Mười đại Nguyện Vương là :

1. **Lễ kính các Đức Phật** : Tức là cung kính đảnh lễ chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, mười phương ba đời tất cả các đức Phật.

2. **Khen ngợi Như Lai** : Có người hỏi :"Phật cũng thích người khen ngợi chăng ?" Không sai ! Vì bạn thích khen ngợi Phật thì chính là thích khen ngợi chính mình. Nếu như bạn không muốn khen ngợi mình, thì đừng khen ngợi Phật. Phật và chúng sinh đều như nhau. Bạn nói :"Tôi là Phật, vậy tôi không cần lạy Phật". Đó thì không đúng. Tự tánh của bạn là Phật, nhưng bạn chẳng tu hành, thì chưa chứng được Phật quả như Đức Phật. Nếu ai ai cũng đều là Phật, thì Đức Phật cần gì đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, ngồi dưới cội bồ đề bốn mươi chín ngày mới khai ngộ thành Phật.

Đức Phật trong quá khứ tu đủ thứ khổ hạnh, tu đủ thứ thiền định, tu đủ thứ Bát Nhã trí huệ, tu đủ thứ bố thí, giới luật, nhẫn nhục, tinh tấn và đủ thứ pháp môn. Đời nầy còn phải vào núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, ngồi dưới cội bồ đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, phải phí rất nhiều thủ tục ! Mà bạn trong vòng sáu ngày làm không xong, mà bạn cho bạn là Phật, thật là quá tiện nghi. Cho nên, có những người nói họ chính là Phật, thật là không

biết hổ thẹn, không biết mắc cỡ. Trong khi đó, Đức Phật trong đời quá khứ đã từng làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, tức là vĩnh viễn luôn luôn không khinh thường bất cứ chúng sinh nào. Ngài thấy Phật thì lễ Phật, thấy Bồ Tát thì lễ Bồ Tát, thấy A La Hán thì lễ A La Hán, thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và tất cả mọi người cũng đều cung kính lễ lạy và nói :"Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật". Sự phát tâm ấy thật là chân thật, một chút hư giả cũng chẳng có, chân thật cung kính tất cả chúng sinh. Song, Ngài chiêu lại quả báo rất là thậm tệ, vì có những vị Tỳ Kheo kiêu mạn nói :"Ông Tỳ Kheo nầy chẳng hiểu Phật pháp, thọ ký bậy bạ cho người ta". Do đó, Ngài bị đánh, khi Ngài lạy xuống thì bị họ đá Ngài, thậm chí bị đá rụng răng. Đã lạy người ta còn bị người đánh. Sau đó, Ngài ở đằng xa thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni thì lạy, khi họ đến gần thì Ngài bỏ chạy, để khỏi bị họ đánh. Ngài vẫn hành Bồ Tát đạo không khinh mạn tất cả chúng sinh, đó là tiền kiếp của Đức Phật tu sáu độ vạn hạnh, chứ chẳng phải một sớm một chiều mà thành Phật. Cho nên những người đó cho rằng mình là Phật, họ chẳng nhận thức được Phật, tự mình lừa dối mình, tự tôn đại, đó là có : tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, chẳng phải là cảnh giới của Phật. Cho rằng mình là Phật mà không tu hành, cứ tạo tội nghiệp, so với hằng ngày bạn ôm bom nguyên tử, bom kinh khí còn nguy hiểm hơn, những người nầy tương lai chắc chắn sẽ đoạ địa ngục, thật là :

"Thiên đường có lối bạn chẳng đi,
Địa ngục không cửa dấn thân vào".

Khi tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm đã từng nói qua bài kệ nầy :

"U mê truyền u mê,
Một truyền hai chẳng hiểu,
Thầy rớt vào địa ngục,
Trò cũng chạy theo vào".

Khi ông thầy rớt vào địa ngục, nói với đồ đệ rằng :"Tại sao con cũng vào đây"? đồ đệ nói :"Con theo thầy học đạo, thì đương nhiên cũng theo thầy đến đây". Ông thầy nói :"Lầm rồi ! Lầm rồi ! Đây là địa ngục mà !" Đồ đệ hỏi :"Tại sao thầy dẫn con xuống địa ngục ? Ông thầy đáp :"Cho đến ta cũng chẳng biết sao lại đến chỗ nầy, bây giờ muốn ra cũng chẳng được". Không những chính ông ta ra không được, mà tất cả đồ đệ theo học với ông ta cũng bị luôn. Đó là những kẻ tự xưng là Phật, không nhận thức được Phật, cũng chẳng hiểu Phật pháp.

Ở trên là nói phải tu theo mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền.

1. Lễ kính các Đức Phật.

2. Khen ngợi Như Lai.

3. **Rộng tu cúng dưỡng** : Đây chẳng phải nói hôm nay cúng dường, ngày mai thì không cúng dường ; chẳng

phải cúng dường một vị Phật, mà là cúng dường tất cả vị Phật, đều phải cúng dường khắp hết thảy.

4. **Sám hối nghiệp chướng** : Tại sao chúng ta phải lễ Phật ? Là vì muốn biểu hiện, phát lồ sám hối những lỗi lầm đã gây ra, từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay. Từ nay sửa đổi lỗi lầm làm lại con người mới.

5. **Tuỳ hỷ công đức** : Tức là thấy những việc từ thiện hãy nên làm, làm được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu. Hành Bồ Tát đạo là phải lợi ích cho người, giúp người, chẳng phải chỉ muốn làm lợi cho mình. Phàm là giúp đỡ người, chẳng ích kỷ lợi mình đều là tuỳ hỷ công đức.

6. **Thỉnh chuyển bánh xe pháp** : Khi bạn biết vị Pháp Sư nào đó giảng Kinh được, thì liên hệ với nhiều người thỉnh vị Pháp Sư đó thuyết pháp. Học Phật pháp phải học với các vị Pháp sư thông hiểu Phật pháp, đừng tự cho rằng mình hiểu Phật pháp. Do đó, thỉnh vị Pháp sư chân chánh hiểu Phật pháp giảng Kinh thuyết pháp, tức là thỉnh chuyển bánh xe pháp.

7. **Thỉnh Phật ở lại đời** : Bây giờ Phật chẳng còn ở đời, thì thỉnh Phật pháp ở lại đời.

8. **Thường học theo Phật** : Đức Phật hành Bồ Tát đạo, nhẫn những gì người không nhẫn được, làm những gì người không làm được, tu đủ thứ pháp môn, cho nên phải học theo Ngài.

9. **Luôn thuận chúng sinh** : Luôn luôn tuỳ thuận chúng sinh, hy vọng khiến cho họ hiểu Phật pháp.

10. **Thảy đều hồi hướng** : Đem tất cả công đức của mình hồi hướng cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ sớm thành Phật đạo.

Giải thích tên "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" thì chữ thứ nhất là diệu. Chữ diệu quá rộng lớn, nói ngang nói dọc, nói xuôi nói ngược cũng đều diệu. Pháp của Đức Phật nói đều là diệu pháp, diệu pháp bao hàm tất cả, cho đến ba tạng mười hai bộ đều bao quát ở trong diệu pháp.

Ba tạng là :
Tạng Kinh,
Tạng luật và
Tạng luận.

Tạng Kinh là nói về định học.
Tạng luật là nói về giới học.
Tạng luận là nói về huệ học.

Kinh, luật, luận, bao hàm đạo lý vô lượng vô biên, vô cùng vô tận, mà công đức ở trong giới định huệ cũng vô cùng vô tận. Tất nhiên, Kinh luật luận là diệu pháp, thì giới định huệ cũng là diệu pháp. Về giới định huệ các bạn đã nghe qua rất nhiều, vậy thử hỏi cứu kính làm được tới đâu rồi ? Chúng ta nghe Phật pháp, không những phải minh bạch mà còn phải y theo pháp tu hành thì mới thật sự có sở đắc. Biết mà chẳng tu hành thì cũng như không biết. Tại sao ? Vì đó cũng như biết thức ăn là ngon, nhưng phải ăn thì mới thật sự thọ dụng. Phật pháp cũng như thế,

biết một chút thực hành một chút thì đó mới là người thực hành. Nếu biết mà không thực hành thì đối với bạn, đối với Phật pháp chẳng có ích gì, giống như người bằng đá không khác, hình dáng tuy là người mà chẳng nói được, chẳng đi được.

Diệu gồm có : Tâm pháp diệu, chúng sinh diệu và Phật pháp diệu. Phân ra mà nói thì có ba, hợp lại thì chỉ có một. Dù phân ra hoặc hợp lại để giảng, đều là diệu pháp. Cả ba là diệu pháp, một cũng là diệu pháp.

Ba tạng mười hai bộ. Ba tạng là : Kinh, luật, luận, bao quát giới định huệ ba học vô lậu.

Mười hai bộ Kinh là :

1. Khế Kinh.
2. Trùng tụng.
3. Phúng tụng.
4. Nhân duyên.
5. Bổn sự.
6. Bổn sinh.
7. Vị tằng hữu.
8. Thí dụ.
9. Luận nghị.
10. Tự thuyết.
11. Phương quảng.
12. Thọ ký.

Tuy mười hai bộ Kinh ý nghĩa thâm sâu, nhưng chủ yếu là nhớ và hiểu rõ nghĩa lý của Phật. Phật pháp không nhất định chú trọng về học vấn, mà chú trọng về chân thật hành trì. Lục Tổ Huệ Năng chưa từng đi học, chẳng biết chữ, thế mà Ngài giảng Kinh thuyết pháp. Vì Ngài chẳng biết chữ, khi giảng Kinh thì nhờ họ đọc Kinh văn, họ đọc một câu thì Ngài giảng một câu. Pháp của Ngài giảng rất hợp với ý của Phật, hợp với Phật pháp. Lục Tổ tuy không biết chữ mà giảng Kinh thuyết pháp, là vì Ngài đắc được tâm ấn của Phật, của Tổ, diệu pháp dùng tâm ấn tâm ; cho nên pháp của Ngài nói đều là diệu pháp. Lục Tổ đắc được tâm pháp của Ngũ Tổ, y bát của Ngũ Tổ được truyền cho Ngài ; Ngài ở với đám thợ săn mười lăm năm, trong đoạn thời gian đó, Ngài dụng công tu hành, khai mở đại trí huệ. Chúng ta người tu đạo nên nhớ đừng muốn mau, người xưa có nói :"Đừng muốn mau, muốn mau tất không thành". Dụng công tu hành cũng giống như bắn cung, căng quá thì đứt, chùng quá thì lỏng lẻo, đừng căng đừng chùng mới thành công. Do đó có câu :"Tiến nhanh thì lùi cũng mau". Ở Trung Quốc có con phù du, con phù du nầy sáng sớm sinh ra, chiều tối thì chết đi, sinh ra nhanh mà chết cũng sớm. Do đó, chúng ta người tu đạo phải lão thật dụng công, ngàn vạn đừng đi đường tắt nhỏ của bàng môn tả đạo, để mong thành tựu cho nhanh, trên thật tế thì chẳng đạt được mục đích. Chúng ta phải y chiếu theo con đường lớn lục độ vạn hạnh mà tu hành, đây mới

là diệu pháp. Trung đạo tức là diệu pháp, lìa xa trung đạo thì chẳng phải là diệu pháp.

Vào đời nhà Hán, có hai người đều làm quan trong triều, một người là Viên Án và người kia là Triều Thố. Viên Án tìm cách giết hại Triều Thố, về sau Viên Án xuất gia làm Hoà Thượng. Vì ông ta luôn luôn thấy quỷ, thấy hồn quỷ của Triều Thố muốn đến để giết ông ta, dù ban ngày hay ban đêm cũng thế, khiến cho ông ta cảm thấy chính mình đã làm việc sai lầm, do đó mà sám hối đi xuất gia. Sau khi ông ta xuất gia rồi, thì chẳng còn thấy hồn quỷ nữa, mới quyết tâm dụng công tu hành. Vì một niệm sai lầm giết người mà xuất gia, cho nên ông ta hy vọng đời sau cũng muốn làm hoà thượng chứ chẳng muốn làm quan. Quả nhiên, đời thứ hai ông ta trở thành một đại Pháp Sư đi hoằng pháp khắp nơi, là một vị khổ tu hành chẳng tham danh lợi dưỡng. Đời này ông ta cũng chẳng thấy hồn quỷ của Triều Thố. Trải qua mười đời như thế, vì ông ta khổ công tu hành, có chút đạo đức, cho nên mỗi đời thân phận càng cao. Đến đời thứ mười một thì ông ta làm Quốc sư, là thầy của hoàng đế. Hoàng đế thưởng cho ông ta chiếc ghế báu làm bằng gỗ trầm hương (đương thời gỗ trầm hương ở bên Tàu là một thứ gỗ quý trọng nhất, chỉ có hoàng đế mới ngồi ghế tạo bằng gỗ này). Khi Quốc sư ngồi trên ghế báu thì tinh thần cảm thấy quá sung sướng, ông ta nghĩ :"Hiện tại trên đời Pháp Sư tôn quý

được ngồi trên ghế báu này chẳng mấy vị, đây thật là tốt biết bao"!

Khi ông ta sinh một tâm niệm cống cao, cho rằng hiện nay chỉ mình ta tôn quý trong thiên hạ, liền lúc đó oan hồn của Triều Thố mười đời về trước chưa siêu thoát, nay đến tìm ông ta, đột nhiên trên đầu gối ông ta nổi lên mụt ghẻ mặt người, có miệng, mũi và biết nói, luôn luôn nói với ông ta :"Ông đừng nghĩ cách trốn tôi nữa, tôi đã theo ông mười đời, ông chưa đền mạng cho tôi". Quốc sư Ngộ Đạt mắc phải bệnh mụt nhọt này, ngày đêm la đau, thật khó mà chịu đựng, dù tụng Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm và tụng Kinh cũng chẳng tiêu tội được, vì ông ta nghiệp quá nặng. Đó là do ông ta sinh một tâm niệm cống cao ngã mạn, cho nên thần hộ pháp cũng xa lìa, không bảo hộ nữa. Khi đó, ông ta nhớ đến Tôn Giả Ca Nặc Ca, ông ta đã từng hầu hạ Tôn Giả, đương thời Tôn Giả toàn thân bị bệnh ghẻ chảy máu chảy mủ lại có mùi hôi thối. Quốc Sư Ngộ Đạt vẫn hầu hạ Tôn Giả hết mình, rửa ráy thuốc thang phục dịch mọi việc, khiến cho Tôn Giả lành bệnh. Kỳ thật, Tôn Giả Ca Nặc Ca chẳng phải thật có bệnh, Ngài thị hiện để độ Quốc Sư Ngộ Đạt. Quả nhiên Quốc Sư đối tốt với Ngài, sau khi Tôn Giả lành bệnh mới nói với Quốc Sư :"Khi ông có nạn thì đến núi Trà Sơn ở Tứ Xuyên tìm ta, ta sẽ có biện pháp giải quyết". Lúc đó Quốc Sư Ngộ Đạt bị mụt ghẻ mặt người chẳng cách chi trị được, bèn nhớ đến tìm Tôn Giả Ca Nặc Ca. Tôn Giả dùng

nước tam muội tắm cho ông ta thì mụt ghẻ mặt người lành khỏi. Cho nên người tu đạo bất cứ như thế nào cũng đừng sanh tâm cống cao ngã mạn.

Ở trên, đã giảng đại khái về ý nghĩa tâm pháp diệu. Bây giờ giảng về chúng sinh pháp diệu. Chúng sinh là gì ? Chúng sinh là do các thứ nhân duyên hòa hợp mà sinh, cho nên gọi là chúng sinh. Chúng sinh phân làm mười hai loài :

1. Noãn sinh (sinh bằng trứng),
2. Thai sinh (sinh bằng thai),
3. Thấp sinh (sinh bằng ẩm ướt),
4. Hóa sinh (biến hóa sinh ra),
5. Hữu sắc (có sắc),
6. Vô sắc (không có sắc),
7. Hữu tưởng (có tưởng),
8. Vô tưởng (không có tưởng),
9. Phi hữu sắc (chẳng có sắc),
10. Phi vô sắc (chẳng không sắc),
11. Phi hữu tưởng (chẳng có tưởng),
12. Phi vô tưởng (chẳng không tưởng).

Mỗi loài trong mười hai loài, lại có đủ thứ sự khác nhau. Ví như : loài sinh bằng trứng, có loài biết bay, có loài chẳng biết bay. Loài biết bay lại có muôn ngàn loại khác nhau, không ai có thể biết rõ hết hoàn toàn. Bạn nói

có diệu chăng ? Phân biệt không rõ ràng là diệu, phân biệt rõ ràng cũng diệu. Đó là loài sinh bằng trứng, còn loài bằng thai, sinh bằng biến hóa, bằng ẩm thấp .v.v., cho đến tất cả chúng sinh cũng như thế.

Con người là thai sinh, tất cả súc sinh cũng là thai sinh. Loài sinh bằng trứng như thế nào ? Trứng do tưởng mà sinh, vì có tưởng nghĩ, có nên có sự sinh bằng trứng. Sinh bằng thai là do ái tình mà sinh. Ai ai cũng cho rằng ái tình là việc khoái lạc nhất, nhưng thực tế, mặt trái của khoái lạc nhất là đau khổ nhất. Hiện nay, tại nước Mỹ có rất nhiều người thức tỉnh về ái tình chẳng tự do, do đó thoát khỏi ái tình, đi đến bờ tỉnh thức. Một số thanh niên nam nữ, tùy tiện nói về ái tình, tùy tiện kết hợp, rồi tùy tiện chia tay, nói rằng đó là tự do, kỳ thật, đó là hiểu lầm tự do. Nam nữ đều chẳng kết hôn, không giữ quy cụ, đó không những chẳng phải là tự do mà là lầm lẫn trong sự lầm lẫn. Tại sao ? Vì nếu kết hôn rồi, tuy không tự do vẫn là con đường từ ngàn xưa. Nếu hiểu lầm ái tình, nói không kết hôn thì có thể tùy tiện, đó là muốn chết sớm một chút, muốn phá hoại thân thể của mình sớm một chút, thân thể mà đã bại hoại thì sẽ chết sớm một chút, tình hình này nếu không sớm cứu vãn, thì tai họa sẽ không nhỏ, đó là nói về thai do tình mà có.

Bất cứ là người hoặc là súc sinh, vì súc sinh cũng có tình, tại sao chúng có tình ? Vì thứ tình này do điên đảo tập khí quá sâu, từ vô lượng kiếp cho đến nay. Khi làm người thì tình dục quá nặng, cho nên bị đọa lạc vào

súc sinh ; nếu trong đường súc sinh chưa thức tỉnh thì tình dục sẽ càng nặng, thì sẽ càng ngu si ám độn.

Thấp sinh và hóa sinh, sinh ra như thế nào ? Cũng vì tâm dâm dục quá nặng. Bất cứ chúng sinh nào cũng vì có tình, do đó :

"Nghiệp sạch tình không tức là Phật,
Nghiệp nặng tình mê là phàm phu".

Ai bị tình làm mê là phàm phu, nếu bạn chẳng còn dính mắc về tình nữa, xem nó là không tức là Thánh nhân.

Loài người và loài súc sinh, đều có ngàn vạn khác biệt, song, cũng chẳng lìa khỏi diệu pháp này, đều bao hàm ở trong diệu pháp, cho nên chúng sinh pháp cũng là diệu pháp.

Bạn không nghiên cứu nó thì chẳng biết ra sao, nếu mà nghiên cứu thì mỗi loài đều có đạo lý của nó. Tại sao lại làm người ? Tại sao lại làm chó ? Tại sao lại làm heo ? làm bò ? Trong đó đều hàm tàng một diệu pháp. Đạo lý diệu pháp này, chẳng dễ gì minh bạch được, không dễ dàng minh bạch tức là diệu pháp. Bạn nói tôi minh bạch được, minh bạch cũng là diệu pháp. Diệu pháp là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới không thể nghĩ bàn này, giống như ở trong phần chúng sinh.

Nói đến Phật pháp diệu, Phật pháp là gì ? Cái gì lại chẳng phải là Phật pháp ? Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Phật có tất cả hết thảy các pháp, chẳng có gì mà

chẳng phải là Phật pháp. Cứu kính có bao nhiêu ? Tổng quát lại thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì pháp môn nào diệu nhất ? Pháp môn nào cũng đều diệu nhất. Trước kia có người hỏi tôi :"Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào là số một ? là cao nhất ?" Tôi đáp :"Bạn cho rằng môn nào hợp với bạn, thì pháp môn đó đệ nhất, cao nhất ; còn pháp môn nào chẳng hợp với bạn, thì pháp môn đó thấp nhất". Phải xem căn tánh của bạn. Phật nói ra tám bạn bốn ngàn pháp môn, là để đối trị tám vạn bốn ngàn bệnh của chúng sinh. Bệnh của bạn trị rồi thì pháp môn đó chẳng còn giá trị nữa. Nếu bệnh của bạn vẫn còn, thì pháp môn đó có thể trị bệnh của bạn, thì pháp môn đó là đệ nhất. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì có tám vạn bốn ngàn đệ nhất, cũng có tám vạn bốn ngàn chướng ngại, và tám vạn bốn ngàn tối cao vô thượng.

Hiện tại giảng đến Phật pháp diệu, tức cũng có tám vạn bốn ngàn pháp diệu. Tại sao ? Vì pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp, pháp pháp đều là toa thuốc. Bạn có bệnh gì thì uống thuốc đó, thuốc nầy dùng để trị bệnh của bạn, nếu lành bệnh thì thuốc hay, nếu bạn dùng lầm thuốc, thì dù thuốc hay cũng biến thành thuốc độc.

Hôm nay có người hỏi tôi : Ăn thịt có thể khai ngộ chăng ? Tôi nói :"Nếu kẻ ăn thịt một lần nuốt được một con heo, một con dê hoặc một con bò, nếu có miệng lớn như thế thì có thể ; nếu không có miệng lớn như thế thì

chẳng có ai bảo đảm có thể khai ngộ. Lục Tổ Huệ Năng sống với bọn thợ săn hơn mười năm, do đó Ngài ăn thịt, song, Ngài ăn rau bên thịt. Vì Ngài sống với thợ săn, thợ săn họ dùng thịt làm thức ăn, nếu Ngài không ăn thịt thì chẳng có gì để ăn, về sau Ngài tự trồng chút ít rau cải cũng chẳng nấu riêng, Ngài bỏ rau vào trong nồi thịt, khi ăn, Ngài vớt rau ăn, đó gọi là rau bên thịt. Lục Tổ Ngài ăn rau bên thịt, vì Ngài là người đã khai ngộ thành Phật, thì Ngài ăn thịt, ăn gì cũng có thể được. Chúng ta chẳng có trí huệ đức hạnh như Ngài Lục Tổ, chẳng khai ngộ, mà cứ tham ăn hưởng thụ, ăn vật ngon vào trong bụng cũng biến thành bẩn thỉu, chẳng có ý nghĩa gì hết". Tâm của chúng ta có thể đến mười pháp giới. Mười pháp giới không ra ngoài một niệm tâm hiện tiền. Ví như, chúng ta sinh một tâm niệm ác, thì trồng xuống nhân địa ngục, sinh một niệm ác nữa, thì trồng xuống nhân ngạ quỷ, sinh một niệm ác ghét hận, thì trồng xuống nhân A Tu La, sinh một niệm ác ngu si, thì trồng xuống nhân súc sinh. Bạn sinh một niệm thiện thì sẽ sinh vào loài người, nếu sinh tâm giữ năm giới, tu mười điều lành, thì sẽ sinh về cõi trời. Nếu như, phát tâm tu hành : khổ, tập, diệt, đạo, bốn Diệu Đế thì trồng nhân Thanh Văn. Bạn phát tâm tu Lục độ vạn hạnh thì trồng nhân Bồ Tát. Bạn phát tâm tu trì tất cả Phật pháp, hy vọng thành Phật, thì đó là trồng nhân Phật.

Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, là mười pháp giới. Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn là bốn pháp giới

của bậc Thánh. Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, là sáu pháp giới của phàm phu, hợp lại là mười pháp giới. Mười pháp giới là từ một niệm tâm hiện tiền của chúng ta tạo thành, cho nên nói tâm pháp diệu. Nếu tâm pháp không diệu thì chúng sinh pháp cũng không diệu ; chúng sinh pháp không diệu, thì Phật pháp cũng không diệu. Vì tâm pháp diệu cho nên chúng sinh pháp cũng diệu, Phật pháp cũng diệu. Mười phương chư Phật cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền, mười phương các Bồ Tát cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta ; cho đến mười phương các Duyên Giác, Thanh Văn cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Thậm chí trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, cũng chẳng vượt ra một niệm tâm hiện tiền.

Nói đến chữ tâm, người xưa có nói mấy câu rằng :

"Ba chấm bày như sao,
Uốn cong tợ trăng non,
Mang lông từ đây khởi,
Làm Phật cũng do nó".

Trong thiền tông có nói :"Phật đến chém Phật, ma đến chém ma". Nghĩa là, Phật đến cũng đừng động tâm, phải tu được định lực này. Không thể Phật đến thì sinh tâm vui mừng, một khi sinh tâm vui mừng tức là :"Phàm tất cả các tướng, đều là hư vọng". Tại sao sinh tâm vui mừng ? Nên biết :"Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy

Như Lai". Tất cả những gì có tướng đều không thật, nếu nơi tất cả tướng mà thấy là không, thì đó tức là chân không, mà trong chân không lại thấy là có (hữu), đó là diệu hữu. Chân không vốn chẳng không, diệu hữu vốn phi hữu (chẳng có). Bạn nói đó có diệu chăng ? Đến được lúc này thì gọi là "phân chứng tức Phật".

Tuy đến được phân chứng tức Phật, nhưng chưa cứu kính, phải như Đức Phật ngồi dưới cội bồ đề, thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, chứng quả cứu kính, đó gọi là "cứu kính tức Phật". Những gì đã nói ở trên là lấy "lục tức Phật" để giải thích về diệu pháp này, đến được lúc này, mới thân chứng bổn thể của diệu pháp mà chân chánh thành Phật.

Cảnh giới diệu pháp thì không suy lường, không phân biệt. Như có người muốn học Chú Lăng Nghiêm, thì họ rơi vào sự suy lường và phân biệt. Nên biết, nếu bạn càng suy lường, thì càng không thể học, càng phân biệt thì càng không hiểu. Nếu bạn muốn nghĩ tại sao, thì không thể nhớ được Chú Lăng Nghiêm. Đừng nghĩ gì hết, mà chỉ biết tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, là bổn phận của mình mới đúng. Muốn thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, thì đừng dùng tâm phân biệt và suy lường, phân biệt tức là thức thứ sáu, suy lường tức là thức thứ bảy. Chúng ta phải dùng diệu pháp không phân biệt, không suy lường, phải dùng chân tâm để học Phật pháp.

Diệu pháp tuy là diệu, song người dùng được rất ít. Xưa kia có vị cư sĩ họ Bàng, sau khi ông ta khai ngộ, thì nhớ lại từ vô lượng kiếp cho đến nay, đời đời kiếp kiếp cho đến hiện tại mới khai ngộ, cảm thấy sự việc thật không dễ dàng, cho nên ông ta nói lên pháp môn của diệu pháp đã ngộ, thật là : "***Khó, khó, khó*** "! Vì tu hành thì phải sửa đổi diệt trừ tập khí mao bệnh nhưng vẫn cứ tái phạm, bạn muốn không nóng giận nhưng khi có sự việc xảy đến lại khiến cho bạn nổi giận, có vẻ như thử thách bạn. Ví như : Bạn muốn không uống rượu nữa, mà tình cờ gặp bạn bè rủ bạn đi uống rượu. Bạn từ chối nói bạn giữ giới rượu, y lại nói :"Uống lần cuối cùng này rồi hãy giữ giới", sau đó lại có người bạn khác đến rủ bạn nữa, cứ như thế mà muốn giữ giới rượu chẳng phải dễ, thậm chí tất cả những hành vi tập khí xấu, nghĩ muốn tiêu trừ thật chẳng dễ dàng chút nào.

Cư sĩ họ Bàng cảm thấy sự khai ngộ rất khó, song vợ của ông ta cho rằng không khó. Bà ta nói :"***Dễ, dễ, dễ ! Bách hoa đầu thượng Tổ Sư ý***". Nghĩa là : hết thảy cỏ cây, đều là tâm ấn pháp môn của Phật, diệu ý của Tổ Sư Đạt Ma ở trên đầy trăm hoa. "*Thúy trúc hoàng hoa, vô phi bát nhã*". Tất cả trúc xanh hoa vàng, đều là thuyết pháp, biểu hiện trí huệ Bát nhã. Tô Đông Pha đã từng nói rằng :

"Kê thanh tận thị quảng trường thiệt,
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân".

Nghĩa là : tiếng suối reo, tướng lưỡi rộng dài của mười phương chư Phật, nói ở trong Kinh A Di Đà, màu sắc đỉnh núi, đâu chẳng phải là diệu pháp chăng ! Một cộng cỏ, một bụi cây đều là diệu pháp. Như vậy cứu kính thì có gì khó ? Vì cả nhà ông cư sĩ họ Bàng, đều là người khai ngộ, còn con gái của ông ta là Bàng Linh Chiêu cũng nói :"***Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ ! Đói thì ăn, mệt thì ngủ***". Đó là biểu thị, bình thường hằng ngày như ăn cơm, mặc áo, ngủ, nghỉ .v.v., đều là diệu pháp. Người tu đạo suốt ngày ăn cơm, nhưng chưa ăn một hạt gạo, suốt ngày mặc áo, nhưng chưa mặc một sợi tơ, đó chẳng phải nói dối, mà là tâm chẳng dính mắc ; do đó : thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị, đó là đã đạt đến cảnh giới vô tâm. Lúc đó, tuy là ngủ nhưng giống như tỉnh, vì chẳng hồ đồ, chẳng giống như người thường mộng mị, khởi vọng tưởng.

Tại Trung Quốc, có vị Quốc Sư Ngọc Lâm rất thông minh. Sư phụ của Ngọc Lâm muốn Ngọc Lâm và sư huynh của Ngài (Ngọc Lam), trong một ngày một đêm học thuộc bộ Kinh Pháp Hoa, nếu ai thuộc lòng trước thì truyền pháp cho người đó. Sư huynh của Ngọc Lâm ngủ li bì suốt ngày, Quốc Sư Ngọc Lâm cho rằng, mình nhất định thuộc Kinh Pháp Hoa trước sư huynh của mình. Không ngờ Ngọc Lâm lên gặp Sư Phụ, thì Sư Phụ nói với Ngài rằng, sư huynh của con đã thuộc lòng tối hôm qua rồi. Tại sao sư huynh của Ngài mau thuộc lòng như thế ? Vì

cảnh giới của Ngài đã đạt đến ngủ mà chẳng ngủ, có thể là nhập định. Người thường dụng công phu, thì bất cứ đi đứng nằm ngồi, đều có thể nhập định. Người không dụng công, thì chê chỗ này ồn ào, chỗ kia chẳng thanh tịnh. Kỳ thật, nếu như tâm của bạn thanh tịnh, thì đi đâu cũng đều thanh tịnh.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật từng nói với Ngài A Nan :"**Thành Phật là do sáu căn, đọa lạc cũng do sáu căn**". Sáu căn, sáu thức, mười pháp giới đều là diệu pháp, đều là biểu hiện xưa nay nói về tâm, song bạn đừng suy lường, đừng phân biệt, một khi suy lường và phân biệt, thì rơi vào sào huyệt của ý thức. Do đó, phần đông tâm không thể chuyên nhất, không thể chuyển thức thành trí. Trí là do thức biến hóa ; trí cũng là diệu pháp. Ở phần chúng sinh là chuyển trí thành thức, là trí huệ vốn có biến thành ý thức, cho nên từ diệu biến thành thô, mà thô thì chẳng diệu. Ở tại phần của Phật thì chuyển thức thành trí ; cho nên ở trong sào huyệt ý thức, đắc được trí huệ chân chánh, mà chứng được diệu pháp.

Diệu pháp mà nói ra thì vô cùng vô tận, chiếu theo trong bổn môn của Đức Phật, thì có mười thứ diệu, tích môn lại có mười thứ diệu. Bổn tức là Phật, tức diệu giác ; tích là thùy tích, hiển bày đủ thứ vết tích. Vì diệu quá rộng, quá nhiều, cho nên Trí Giả Đại Sư, từng nói về chữ diệu trong chín mươi ngày. Diệu thì không thể dùng tâm để suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn, chỉ có biết là diệu, song vẫn có chỗ không minh bạch. Dưới đây, sẽ giảng những

công án để mọi người nghe, để chứng minh chỗ diệu của diệu pháp.

Trước kia, có vị Hòa Thượng mỗi ngày đều tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, từ trong Kinh, Ngài biết biên chép bộ Kinh này, công đức không thể nghĩ bàn, do đó, Ngài cung kính biên chép toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Khi Ngài biên xong bộ Kinh này, thì đang lúc mùa đông, Ngài đem bút bỏ vào trong nước ngâm để rửa, thì trong nước hốt nhiên hiện ra một đóa hoa sen bằng băng đá. Đóa hoa sen bằng băng đá đó dần dần cao lớn. Do đó, Ngài tự cho mình một biệt hiệu là "Băng Liên Hòa Thượng" (Hoà Thượng hoa sen bằng băng đá), sự việc này lúc đó có rất nhiều người thấy được.

Còn có một câu chuyện, cũng chứng minh sự diệu của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trước kia, có vị Hòa Thượng rất có địa vị tham chánh ở trong triều đình. Mỗi lần ông ta từ Chùa đến hoàng cung đều chẳng ngồi kiệu, ông ta cỡi ngựa. Mỗi lần ông ta ngồi trên lưng ngựa, thì đọc thuộc lòng quyển thứ nhất của Kinh Pháp Hoa, đến hoàng cung thì vừa tụng xong quyển thứ nhất. Ngày nào cũng thế, một ngày nọ, con ngựa đột nhiên chết, mà có nhà cư sĩ đối diện trước Chùa của ông ta, hạ sinh một bé trai. Trước khi hài nhi ra đời, thì mẹ của đứa bé mộng thấy, con ngựa của vị Hoà Thượng cỡi chui vào bụng bà ta, chẳng bao lâu thì hài nhi ra đời. Bà ta cảm thấy kỳ lạ, mới kêu người đến Chùa hỏi xem, mới biết con ngựa đó

vừa mới chết. Bà ta biết đứa bé này là con ngựa đó đến đầu thai, cho nên đem đứa bé đó vào Chùa, song đứa bé đó rất ngu si, tối tăm, bất cứ dạy y đọc, hoặc viết chữ, y chẳng làm được, cho nên một chữ cũng chẳng biết. Song, có một vị Hòa Thượng dạy y đọc Kinh Pháp Hoa, thì y nhớ quyển thứ nhất rất nhanh chóng, còn những quyển còn lại y chẳng nhớ được. Vì khi y làm ngựa thì mỗi ngày vị Hoà Thượng cỡi, đều tụng thuộc lòng quyển thứ nhất, cho nên y nhớ được. Vì y nghe được Kinh Pháp Hoa, mà được đầu thai làm người, do đó đủ biết công đức của bộ Kinh Pháp Hoa này, thật là không thể nghĩ bàn.

Vào thời đại nhà Tấn, tại Vân Nam có vị cư sĩ tên là Trần Đông Viện, ông ta rất tin Bồ Tát Quán Thế Âm. Ông ta từng đến núi Phổ Đà, lễ bái đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi ông ta lạy xong, thì thấy một vị Hòa Thượng đang tụng Kinh Pháp Hoa, bèn thỉnh vị Hòa Thượng đó thế ông ta tụng Kinh siêu độ hồn của mẹ, khiến cho được lìa khỏi cảnh khổ, sớm sinh lên cõi Trời. Khi công đức viên mãn thì con bò của nhà ông ta đột nhiên chết đi. Đêm đó, con bò báo mộng cho ông ta nói :"Ta là mẹ của ngươi, vì khẩu nghiệp quá nặng, tội nghiệt quá sâu, cho nên đầu thai làm bò. Nay nhờ nhà ngươi thỉnh Pháp Sư tụng Kinh siêu độ ta, khiến cho ta lìa khỏi thân bò, nhưng vẫn chưa lìa khỏi khổ ở địa ngục, nhà ngươi hãy thỉnh vị Pháp Sư vì ta tụng Kinh siêu độ nữa" ! Trần Đông Viện lại đến núi Phổ Đà gặp vị Hòa Thượng đó, thỉnh Hòa Thượng siêu độ mẹ của ông ta nữa,

vị Hòa Thượng đó tụng Kinh thì đương nhiên rất thành tâm, nhưng chứng nghiện rượu chưa bỏ được, đôi khi uống một hai ly rượu. Khi ông ta biết tình hình mẹ của Trần Đông Viện, thì rất thành tâm quỳ trước bàn Phật tụng Kinh Pháp Hoa, khi tụng đến quyển thứ tư, thì ông ta khát nước, muốn uống trà, nhưng bình trà chẳng có trà, song thấy trong ly rượu thường dùng hằng ngày lại có rượu, bèn uống hết ly rượu đó, rồi tiếp tục tụng hết bộ Kinh Pháp Hoa.

Trần Đông Viện lại nằm mộng thấy mẹ của ông ta nói :"Số là ta có thể thoát khỏi địa ngục, khi Pháp Sư tụng Kinh Pháp Hoa, từ quyển một đến quyển bốn thì trong địa ngục đầy khắp kim quang, còn có hoa sen bằng vàng sinh ra, chính lúc đó ta phải đi đầu thai, thì hốt nhiên có mùi rượu đầy khắp địa ngục, từ quyển thứ năm đến quyển thứ bảy, thì chẳng có công hiệu là bao, ngươi hãy thỉnh vị Hoà Thượng đó vì ta tụng nữa !" Trần Đông Viện lại đem tình hình trên nói với vị Hòa Thượng đó. Trước kia, vị Hòa Thượng đó cho rằng uống một hai ly rượu chẳng có quan hệ gì, khi trải qua sự việc này thì ông ta hoàn toàn bỏ rượu. Từ câu chuyện này nhìn lại thì sự diệu của Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn.

Người học Phật, phải biết Kinh Pháp Hoa có rất nhiều sự mầu nhiệm, như làm súc sinh mà nghe Kinh nghe Pháp, thì được đầu thai làm người, ở trong địa ngục chịu khổ mà nghe được Kinh, thì có thể sinh về cõi Trời. Vì có ý nghĩa như vậy, cho nên có một số người tụng

niệm Kinh điển, y chiếu phương pháp trong Kinh điển mà tu hành, bất quá tu hành tuyệt đối đừng tự mãn, đừng cho rằng tụng Kinh có công đức. Nếu bạn sinh tâm tự mãn, không những chẳng có công đức, mà có thể nói là lãng phí. Từ từ trồng xuống chút căn lành, người tu đạo nên nhớ đừng tự đại, đừng cống cao ngã mạn, phải khiêm cung hòa kính.

Trong khi Pháp Bảo Đàn, có một đoạn nói : Có một vị Tăng tên là Pháp Đạt, tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ, do đó ông ta sinh tâm cống cao ngã mạn. Khi ông ta đến Tào Khê Chùa Nam Hoa gặp Lục Tổ Huệ Năng, thì bổn lai tất cả chư Tăng thấy vị Hòa Thượng trụ trì đều đắp y trì cụ, cung kính đảnh lễ. Vì trong tâm của Pháp Sư Pháp Đạt sinh ra một sự chướng ngại, cho rằng tụng đã hơn ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa, thì công đức chắc chắn không ít, do đó, khi ông ta thấy Lục Tổ Huệ Năng thì chỉ khom lưng, đầu lạy chẳng đụng đất.

Lục Tổ hỏi ông ta :"Hiện tại trong tâm của ông có vật gì ? Ông bình thường tu tập pháp môn gì ?" Pháp Sư Pháp Đạt nói :"Tôi tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ". Lục Tổ nói :"Đừng nói tụng được bao nhiêu bộ Kinh, điều quan trọng là hiểu được ý của Kinh". Lại nói :

"Lễ bổn triết mạn tràng
Đầu hề bất chí địa ?
Hữu ngã tội tức sinh
Vong công phước vô tỷ".

Nghĩa là :

Lễ lạy để diệt trừ kiêu mạn,
Sao đầu chẳng đụng đất ?
Còn cái ta thì tội sinh ra,
Quên cái ta thì phước vô ngần.

Chính là :

"Tâm mê Pháp Hoa chuyển,
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa".

"*Tụng Kinh cửu bất giải, dữ nghĩa tác cừu già*". Nghĩa là : khi tâm của bạn mê, thì bị Kinh Pháp Hoa chuyển, khi trong tâm của bạn minh bạch, thì chuyển được Kinh Pháp Hoa. Chuyển Pháp Hoa mới là diệu pháp, bị Pháp Hoa chuyển, là diệu mà chẳng diệu, chuyển Pháp Hoa mới là không diệu mà diệu. Bạn tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ, nhưng chẳng hiểu nghĩa trong Kinh, thì giống như bạn với ý nghĩa của Kinh, sinh ra một sự oan cừu. Bổn lai bộ Kinh này với bạn là một thể, nhưng bạn cho rằng, tụng được hơn ba ngàn bộ Kinh thì có công đức, có sự chướng ngại, cho nên biến thành hai. Chỉ vì bạn chưa minh bạch đạo lý trong Kinh, cho nên chưa trừ khử được tâm cống cao ngạo mạn.

Từ câu chuyện này về sau, hy vọng bất cứ vị nào có công đức gì, đều đừng sinh tâm kiêu ngạo và tự mãn. Nên nhớ ! Người học phật pháp, nhất định phải khiêm cung hòa

kính, đừng kiêu ngạo với bất cứ người nào, điểm này rất là quan trọng, hy vọng mọi người để vào tai những gì tôi nói.

Đề Kinh của bổn Kinh này là : Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, diệu pháp rộng lớn vô cùng, chẳng cách chi nói hết được. Ở trên đã giải thích đại khái, bây giờ giảng tiếp về hai chữ Liên Hoa (hoa sen).

Hoa sen là một thứ hoa hy hữu nhất. Thứ hoa này, thuộc về : hoa quả cùng lúc ; hoa nở thì sen hiện, hoa rụng thì sen thành. Rễ của hoa sen ở dưới bùn, cọng thì ở trong nước, còn hoa thì vượt lên khỏi mặt nước. Rễ ở trong bùn là biểu thị phàm phu, cọng ở trong nước là biểu thị hàng nhị thừa. Phàm phu chấp về có, ở trong bùn là ví dụ có ; nhị thừa thì chấp không, cọng hoa ở trong nước là biểu thị không. Hoa sen ở trên mặt nước là vượt ra không, có ; là biểu thị trung đạo và liễu nghĩa. Tức chẳng rơi về không, cũng chẳng rơi về có. Không, có gọi là hai bên, chẳng chấp vào hai bên, là trung đạo liễu nghĩa.

Sao lại nói hoa sen là biểu thị sự trung đạo liễu nghĩa, đại giáo viên đốn ? Vì một khi hoa sen nở, thì có sen, đó gọi là biểu thị nhân quả không hai ; nhân là quả, quả cũng là nhân, như trồng nhân Phật thì kết quả Phật. Mà hoa quả cùng lúc, cũng là biểu thị khai quyền hiển thật. Hoa sen nở thì biểu thị khai quyền, pháp quyền xảo phương tiện, sen hiện ra là biểu thị thật pháp ; là chân thật không hư, dùng pháp thật tướng làm thể.

Trong bổn Kinh này có nói, Phật vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đại sự gì ? Là vấn đề sinh tử của chúng sinh. Phật dạy tất cả chúng sinh giác ngộ, liễu sinh thoát tử. Có người nói :"Sinh tử ai ai cũng có, sao gọi là đại sự ?" Không sai, ai ai cũng sinh, ai ai cũng chết. Song, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, cứu kính là vì sao ? Trang Tử có nói mấy câu này rất là chí lý :"Sinh mạng của tôi thì có hạn, mà sự hiểu biết thì vô hạn, lấy cái có hạn học cái vô hạn". Nghĩa là, sinh mạng thì có hạn định, có lúc kết thúc, song, sự hiểu biết thì chẳng có bờ mé. Chúng ta dùng sinh mạng có hạn định, để học sự hiểu biết vô hạn, đó thì chẳng cách chi truy cứu được ! Nhưng ông ta chỉ biết một nửa, chưa biết hết toàn thể, tại sao nói như thế ? Vì ông ta chỉ biết sinh mạng có lúc kết thúc, mà chẳng biết kết thúc rồi sẽ có bắt đầu nữa.

Sinh mạng của chúng ta, chẳng phải đi rồi thì không trở lại. Nếu bạn biết vấn đề sinh tử như thế nào, thì cũng chỉ giải quyết được một nửa ; nếu chẳng biết vấn đề sinh tử như thế nào thì chẳng minh bạch. Do đó, đến cũng hồ đồ, đi cũng hồ đồ. Về vấn đề sinh tử, Tử Lộ từng hỏi đức Khổng Tử :"Thầy ! Con phải dùng phương pháp gì để cung phụng quỷ thần ?" Khổng Tử đáp :"Chưa biết lo cho người, sao cung phụng được quỷ ?" Tử Lộ lại hỏi : "Dám hỏi về cái chết, con cả gan hỏi về chết như thế nào ? Chết từ vị nó như thế nào ? Tình hình chết như thế nào"? Khổng Tử đáp :"Chưa biết sinh, làm sao biết chết"? Nghĩa là chưa biết sống như thế nào, lại làm sao biết chết ? Tức

cũng là, sinh như thế nào thì chết như thế ấy. Vậy cứu kính sinh như thế nào ? Đó là nói đến vấn đề căn bản, mọi người nên chú ý chỗ này một chút, sinh tử là một đại sự.

Người là do tình dục mà sinh, cho nên cũng do tình dục mà chết. Nếu chẳng có tình dục thì chẳng có sinh, cũng chẳng có chết. Vấn đề sinh tử là do tâm tham dục, nếu đoạn trừ được tâm tham dục, thì cũng biết rõ về sinh tử. Phật là vì muốn chấm dứt vấn đề sinh tử của tất cả chúng sinh, mà đến thế giới này, cho nên vấn đề sinh tử rất là quan trọng.

Có câu chuyện về vấn đề sinh tử : Xưa kia có một đại phú ông cưới một cô vợ rất đẹp, sinh được ba người con. Đại phú ông ngoài tiền bạc ra, ông ta chẳng biết gì hết. Tiền là người bạn tốt nhất trong cuộc đời của ông ta, như cốt nhục chí thân, cho nên ông ta sửa đổi một đoạn "Trung Dung" của bậc Thánh nhân trước tác. Sửa là :

"Thiên mạng chi vị tiền,
Suất tính chi vị tiền,
Tu đạo chi vị tiền.
Tiền dã giả, bất khả tu du lìa dã".

Tiền thì không phút giây nào xa rời nó. Do đó, ông ta đặt tên cho thằng con trai cả tên là Vàng, đứa kế là Bạc, vì vàng bạc đều có, đứa thứ ba thì đặt tên rất là kỳ quái, gọi là Nghiệp Chướng.

Khi ba đứa con của ông ta trưởng thành, thì ông ta cũng già nua, lại còn mắc bệnh tê liệt, mắc phải bệnh này ông chẳng đi đâu được, suốt ngày nằm trên giường, nhà tuy giàu có, song chẳng ai hầu hạ ông ta. Vợ đẹp của ông ta cũng xa lìa ông ta, đứa con thông minh của ông ta cũng chẳng đến thăm ông ta. Ông ta cắn răng muốn chết sớm một chút, song ông ta lại nghĩ : Một mình xuống âm phủ quá cô đơn, do đó ông ta thương lượng với bà vợ nói :"Tôi bị bệnh đã lâu, coi bộ chẳng qua khỏi, bằng chi chết sớm một chút cho yên thân. Bà có thể đi với tôi nhé ?" Bà vợ đẹp của ông ta đáp :"Sao ông lại có thể kêu tôi đi với ông ? Chết thì ai cũng không thể thế cho ai, ông bị bệnh thần kinh chăng ?" Ông ta thấy vợ chẳng chịu đi theo, ông ta bèn gọi đứa con trai cả nói :"Vàng ! Khi con vừa sinh ra thì ta thương con nhất, con có biết chăng ?" Con trai cả đáp :"Đương nhiên con biết". Ông ta lại nói :"Bây giờ ta sắp chết, con đi với ta nhé ?" Con trai cả nghe vậy đáp lại :"Ông thật là hồ đồ ! Tuổi của ông đã lớn, là đáng chết, con còn trẻ sao có thể chết được ? Nếu như cha thương con thì đừng kêu con chết đi". Do đó, đứa con cả chạy đi. Ông ta lại kêu đứa thứ nhì nói :"Bạc ! Hiện ta sắp chết, con đi với ta nhé ?" Con trai thứ nhì nói :"Ông này lộn xộn ! Muốn chết thì chết, sao lại kêu ta đi theo với ông ?" Vợ của ông ta và hai đứa con lớn, chẳng chịu đi theo ông ta. Cuối cùng ông ta kêu đứa thứ ba đến nói :"Nghiệp Chướng ! Con tuổi trẻ nhất, ta cũng thương con nhất, ta muốn chết, nhưng bỏ con chẳng đặng, con tính làm sao

đây ?" Thằng út thông minh lanh lợi nói :"Đừng lo, cha thương con nhất thì con sẽ chết theo cha" ! Ông ta nghe vậy rất vui mừng, vì chỉ có đứa con út Nghiệp Chướng chịu đi với ông ta vào địa ngục, cho nên ông ta nói :

"Mọi thứ chẳng mang theo được,
Chỉ có nghiệp theo mình".

Tất cả vàng, bạc, châu báu, đều mang đi chẳng đặng, chỉ có nghiệp thiện, hoặc nghiệp ác, mà bạn tạo ra, thì mới theo bạn như bóng theo hình. "*Đản niệm A Di Đà, vãng sinh cực lạc quốc*". Tất nhiên là nghiệp theo mình thì phải chuyên tâm niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", thì sẽ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, sẽ không đọa lạc vào biển khổ sáu nẻo luân hồi. Trong Kinh A Di Đà có nói : Cõi nước Cực Lạc dùng vàng làm đất, vàng làm đất thì nhiều vô số, có thể nói là giàu sang đến cực điểm.

Chúng ta sống ở đời, phải kịp thời làm thiện, còn chút hơi thở, chút sức lực, thì phải làm thiện tích đức, đừng có chỉ mượn phước đã tích tập trong kiếp trước, mà hưởng thụ hết trong đời này.

Hoa có nhiều loại khác nhau, có loại "hoa dại không có quả", chỉ có hoa mà chẳng có quả, là ví dụ những người buông lung, cứ nói dối, chỉ nói mà không làm, cũng là ví dụ cho ngoại đạo. Vì những bàng môn tả đạo, mặt ngoài trông có vẻ rất là thần thánh, họ cũng rất dụng công tu hành, tu đủ thứ sự khổ hạnh, nhưng

chẳng kết quả, cuối cùng chẳng thành công, đó cũng như hoa dại chẳng có quả.

Có thứ "hoa có rất nhiều quả", đó là ví dụ phàm phu cúng dường cho cha mẹ, sư trưởng, đủ thứ hành vi hiếu thuận. Vì cúng dường cha mẹ, cho nên được rất nhiều công. Những công này, tương lai cũng sẽ kết rất nhiều quả, hoặc là sinh về cõi trời, hoặc là sinh vào cõi người làm người giàu có, đó thật là một hoa có nhiều quả.

Lại có, "một hoa kết một quả", đó là biểu thị Duyên Giác. Duyên Giác tu hạnh viễn ly, tu pháp môn này, thì vào trong rừng sâu núi thẳm, cũng chỉ đắc được quả vị Duyên Giác.

Lại có, "trước quả sau hoa", như Tu Đà Hoàn, họ đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhưng về sau họ vẫn cần tiếp tục tu hành.

Lại có, "trước hoa sau quả", đây là biểu thị Bồ Tát thừa, Bồ Tát thì trước phải tu hành, về sau mới đắc được quả vị Bồ Tát. Song, những thứ hoa đã nói ở trên, không thể ví dụ với diệu pháp được, cũng không thể sánh với diệu pháp, chỉ có hoa sen mới thật sự có thể ví dụ cho diệu pháp, vì hoa sen là hoa quả cùng lúc, biểu thị tức quyền tức thật.

Hoa quả cùng lúc vừa nói ở trên, mới biểu thị khai quyền hiển thật, vừa có hoa lại có quả, quyền là hoa, thật là quả, song, duy thật thí quyền, sao lại có hoa ? Hoa là vì chấp quả mà có. Khi Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, A Hàm,

Phương Đẳng, Bát Nhã đều vì nói Kinh Pháp Hoa, mới nói những Kinh điển đó. Pháp được nói ra trước là quyền pháp (pháp phương tiện), chứ chẳng phải là thật pháp, đến hội Pháp Hoa mới là thật pháp, thật giáo. Đem quyền giáo triển khai, để hiện thị ra nhất thừa thật pháp, đó tức là : hoa nở sen hiện, cũng gọi là khai quyền hiển thật. Hoa rụng sen thành, tức gọi là bỏ quyền lợi thật, xả bỏ quyền pháp, tuyên lưu ra diệu pháp chân thật. Thật giáo thượng thừa tức là viên đốn nhất thừa.

Pháp của Phật nói gồm có : bổn, tích (gốc, vết tích) hai môn. Bổn môn là gì ? Bổn là căn bổn, tích là vết tích. Bổn là gì ? Bây giờ đưa ra một ví dụ : Mặt trăng ở trong hư không là bổn (gốc), mặt trăng trong nước là tích, gốc chỉ có một, mà tích thì có vô lượng vô biên. Do gốc mà có tích, nhờ có gốc mới hiển thật tích. Khai tích hiển gốc. Tích là tông tích, như bóng, có cái bóng hoặc là sự tích. Đó đều là do thật mà thí quyền, khai quyền hiển thật, giống như đạo lý bỏ quyền lợi thật.

Ở trong Kinh văn nói : Mười sáu vị Vương tử phát tâm xuất gia tu đạo là gốc, mà ở trước đó chẳng biết lâu xa bao nhiêu, cho nên mười sáu vị Vương tử xuất gia cũng không kể là gốc. Hiện tại Đức Phật Thích Ca, thị hiện thân Phật đến thế giới này, vì chúng sinh mà thuyết pháp là tích. Kỳ thật, Phật Thích Ca chẳng phải mới ở thế giới này tu đạo thành Phật, mà trong vô lượng kiếp lâu xa về trước đã thành Phật rồi. Trong Kinh Phạm Võng có nói

:"Ta đến thế giới Ta Bà này đã tám ngàn lần". Thế giới Ta Bà hiện tại của chúng ta đây, là một thế giới Ta Bà mới, là thế giới Ta Bà trẻ trung, còn có thế giới già, bổn lai thế giới đó mới gọi là gốc, thế giới hiện tại gọi là tích. Nếu dùng Phật pháp theo sự hiểu biết của chúng ta, thì chẳng cách chi đo lường được, là vô cùng vô tận, vô lượng vô biên, cho nên gọi là diệu pháp.

Hoa sen là tượng trưng cho diệu pháp. Diệu Pháp Liên Hoa là ví dụ cho bộ Kinh này, là biệt danh của bộ Kinh này. Biệt tức là riêng biệt, tại sao lại riêng biệt ? Vì chữ Kinh là tên chung. Tất cả Kinh đều gọi là Kinh ; giống như tất cả mọi người đều gọi là người. Song, mỗi người còn có tên của họ. Diệu Pháp Liên Hoa là tên riêng, Kinh là tên chung. Đây là dùng : riêng, chung hai pháp để phán đoán tên của bộ Kinh này.

Diệu Pháp là diễn nói vô tận. Nếu nói ý nghĩa rộng, thì thật không biết nói đến bao giờ mới hết, dù có nhiều thời gian cũng giảng chẳng xong. Hiện tại đã giải thích sơ lược về tên Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Kinh, mọi người hầu như đều biết rành chữ Kinh, song, cứu kính có thật hiểu về chữ Kinh chăng ? Nguồn gốc Kinh có năm lối giải thích áo diệu, cho nên gọi là ngũ trùng huyền nghĩa, tức là :

1. Thích danh.
2. Biện thể.

3. Minh tông.
4. Luận dụng,
5. Phán giáo.

Ngoài ra chữ Kinh còn bao hàm nhiều ý nghĩa khác.

Kinh nghĩa là "con đường", là con đường từ phàm phu đến quả vị Phật, đó là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai gọi là pháp bổn, tức là pháp căn bản, là phương pháp trở về nguồn cội (thành Phật). Thứ ba là suối vọt, nghĩa là trào ra không ngừng, hoặc nghĩa là dây mực, tức là một thứ quy cụ, do đó "Không dùng quy cụ, sao thành vuông tròn". Nghĩa là cần có compas, thước, mới vẽ họa đồ được. Còn có một ý nghĩa là kết man. Kết là kết lại với nhau, man là tràng hoa, nghĩa là sâu kết tất cả các pháp lại với nhau. Cho nên mới nói Kinh là quán nhiếp thường pháp. Đem tất cả đạo lý trước sau, sâu lại với nhau, khiến cho đừng rời lạc chương tiết, cũng giống như làm văn, phải có mở đề, thân bài và kết luận. Kinh văn tựa như dùng một sợi chỉ khâu kết ý nghĩa lại. Nhiếp là nhiếp trì tất cả chúng sinh căn cơ hóa độ được ; bất cứ bạn thích hợp pháp môn nào, thì ở trong Kinh đều bao hàm hết thảy. Ví như : tham thiền, tĩnh tọa, thuyết pháp, giảng Kinh, trì luật, hoặc niệm danh hiệu Phật, trì Chú, học mật .v.v., bất cứ pháp môn nào, cũng đều có đủ trong Kinh điển.

Kinh, lại hàm có ý nghĩa là trường (dài). Trường tức là vĩnh viễn không đổi, từ khi đức Phật nói, rồi đến kết tập Kinh điển, cho đến hiện tại chưa từng biến đổi, một chữ cũng không thể bớt, cũng không thể thêm ; do đó không tăng không giảm, tức là ý nghĩa của Kinh vẫn hằng thường như vậy.

Tu Đa La là tiếng Phạn, dịch là "khế Kinh". Khế nghĩa là hợp ; trên thì thông với tâm của chư Phật, dưới thì hợp với tâm của chúng sinh ; đều tâm tâm khế hợp, niệm niệm như như. Như trong Kinh Hoa Nghiêm có nói :"*Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba chẳng khác nhau*". Cho nên Kinh là tâm pháp, là chúng sinh pháp, tức là Phật pháp. Ba thứ pháp này, chẳng có sự phân biệt, đó là hiểu nghĩa Kinh hàng đầu trong sự "thích danh" (giải thích đề Kinh).

Biện thể là nhận thức bổn thể của Kinh này. Vậy bộ Kinh này lấy gì làm thể ? Bổn Kinh này lấy thật tướng làm thể. "Thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng". Tất cả tướng, đều từ thật tướng mà sinh ra, không những các tướng đều do thật tướng sinh ra, mà tất cả chư Phật, tất cả các Bồ Tát, tất cả Duyên Giác, Thanh Văn cũng đều từ thật tướng huyễn sinh ra. Vậy thật tướng do ai tạo ? Chẳng có ai tạo, là bổn lai có đủ. Sao lại có ? Gốc thật tướng có trước tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến tất cả chúng sinh, cũng đều tự bổn Kinh sinh ra. Vì chúng ta trải qua thời gian quá lâu, đã quên

mất ngôi nhà thật sự của mình, quên mất nguồn gốc mẫu thể. Bây giờ mọi người phát tâm nghe bộ Kinh này, có thể nói là tìm lối tắt trở về nhà.

Đã biết tên và thể của bổn Kinh này rồi. Vậy lấy gì làm tông ? Lấy nhất thừa : Nhân quả thực tế làm tông. Nhất thừa là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. Người tu học từng phân ra : Thanh Văn thừa, mà bộ Kinh này, chỉ hướng về một thừa, tức là Phật thừa. Phật thừa chẳng nằm ở trong năm thừa. Thừa này dùng nhân quả chân thật làm tông. Bổn Kinh dùng hoa sen làm dụ, nghĩa là : tức nhân tức quả, tức quả tức nhân. Hoa sen nở tức là Phật nhân, đồng thời kết thành sen, tức là Phật quả. Cho nên nói, dùng nhất thừa nhân quả làm tông cho bổn Kinh này.

Đã biết tông của Kinh này rồi, bây giờ hãy nghiên cứu về dụng đồ. Dụng đồ của bộ Kinh này, là muốn chúng ta đoạn trừ nghi hoặc mà sinh tín tâm, Ngài Trí Giả Đại Sư đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, đắc được Đà La Ni, do đó sáng lập ra tông Thiên Thai. Chúng ta tuyệt đối đừng xem thường bộ Kinh này. Nên biết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả Tổ Sư, đều từ hoa quả trong bộ Kinh này mà sinh ra.

Giáo tướng của bộ Kinh này là gì ? Giáo tướng của Kinh này là đề hồ, trong năm thời tám giáo, tướng của Kinh Pháp Hoa và Kinh Niết Bàn đều thuộc đề hồ. Đề hồ là từ sữa bò, do sữa sinh ra lạc, do lạc sinh ra tô, từ tô

sống ra tô chín, từ tô chín ra đề hồ. Cho nên, đề hồ là vị ngon thơm hạng nhất, đó chỉ là một ví dụ. Mọi người nghe được bộ Kinh này, thì đồng như nếm được pháp vị diệu nhất, ngon nhất, trên hết thảy, vì toàn Kinh chữ đều bao hàm diệu nghĩa vô cùng, phải nhất tâm thọ trì làm chủ thì sẽ đắc được lợi ích vô tận.

Bộ Kinh này, do Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập, dịch vào thời Diêu Tần. Diêu Tần là thời kỳ Đông Tấn tại Trung Quốc, lúc ban đầu do Phù Kiên thống trị. Từ Hán Cao Tổ diệt Tần về sau, đến nhà Tấn có những người còn hoài niệm về nhà Tần. Cho nên Phù Kiên (người sau của Tần Thủy Hoàng) tổ chức một bang phái gọi là Tần Bang. Lập một nước ở tại Trường An gọi là Phù Tần. Lúc đó Khâm Thiên Giám (nhà thiên văn học) thấy ở trên bầu trời Ấn Độ có vì sao trí. Do đó, mới nói với Phù Kiên rằng, đương thời ở Tây vực (Ấn Độ) có bậc đại trí huệ, tương lai sẽ đến Trung Quốc, sẽ ủng hộ cho Trung Quốc. Phù Kiên nói :"Ta biết người này nhất định là Cưu Ma La Thập, chúng ta hãy đem binh đi bắt Ngài đem về !" Do đó, phái đại tướng quân Lữ Quang, dẫn bảy vạn nhân mã đánh nước Quy Từ Tây Vực (nay là một khu vực nhỏ cạnh bên Tân Cương của Trung Quốc), phải bắt lấy Pháp Sư Cưu Ma La Thập đem về. Khi Lữ Quang chưa đến nước Quy Từ, thì Pháp Sư Cưu Ma La Thập nói với vua nước Quy Từ rằng :"Hiện nay Trung Quốc xuất binh đánh chúng ta, mục đích chẳng phải tranh đất đai,

Ngài nên giảng hòa với Trung Quốc, bất cứ điều kiện gì đều đáp ứng họ". Song, vua nước Quy Từ chẳng nghe lời của Ngài Cưu Ma La Thập. Khi quân đội của Lữ Quang đến, thì ông ta đốt lửa đánh nhau với. Quân đội của Trung Quốc hùng mạnh, đánh thắng nước Quy Từ nhỏ yếu này rất dễ dàng, giết chết vua nước Quy Từ. Bổn lai vua nước Quy Từ rất là hạnh phúc, nhưng tại sao ông ta bị quân đội Trung Quốc giết chết ? Vì tiền kiếp nghiệp sát của ông ta quá nặng, cho nên định nghiệp không thể chuyển, không cách chi trốn tránh nghiệp báo xảy đến.

Diệt được nước Quy Từ rồi, Lữ Quang đem Ngài Cưu Ma La Thập về ở tạm tại Tây Lương, thì nghe nói trong nước phát sinh biến cố. Phù Kiên đã bị Diêu Trường giết chết. Diêu Trường lên làm Diêu Tần Hoàng Đế (vì ông ta họ Diêu, cho nên cải đổi triều đại Phù Tần thành Diêu Tần). Lữ Quang bèn ở tại đất Lương hạ trại tại chỗ trũng. Ngài Cưu Ma La Thập nói với Lữ Quang rằng :"Tuyệt đối đừng hạ trại ở chỗ này, chỗ này chủ nguy hiểm lắm. Khi nước lớn xuống thì sẽ ngập chìm hết toàn quân". Lữ Quang nói :"Ngài là người xuất gia, hiểu biết gì về việc bày binh bố trận ? Hạ trại tại chỗ này sao lại bị ngập chìm chết ? Ngài đừng lo lắng !" Vì anh ta chẳng nghe lời Ngài Cưu Ma La Thập, quả nhiên nửa đêm nước lũ từ trên núi tràn xuống, thế nước dữ dội làm chết hết năm sáu ngàn binh lính. Sáng ngày sau, anh ta mới biết Ngài Cưu Ma La Thập là người có thần thông. Từ đó anh ta rất khâm phục, rất tin tưởng Ngài Cưu Ma La Thập. Vì

Lữ Quang nghe nói Diêu Trường đã giết Phù Kiên, do đó anh ta án binh bất động tại Tây Lương, qua hai năm Diêu Trường chết, con là Diêu Hưng lên kế vị. Diêu Hưng biết trước kia Phù Kiên phái Lữ Quang đi bắt Ngài Cưu Ma La Thập về kinh, nhưng Lữ Quang không chịu, do đó Diêu Hưng phát binh đánh Lữ Quang, vừa lúc đó Lữ Quang qua đời, con là Lữ Long lên thay. Hai bên đánh với nhau, quân đội Lữ Long bị thua. Lúc đó, mới thỉnh Ngài Cưu Ma La Thập về Trường An, làm công tác phiên dịch Kinh điển. Công tác phiên dịch Kinh điển rất to tác khó khăn. Tại sao Phù Kiên muốn Lữ Quang đi bắt Cưu Ma La Thập đem về ? Tại sao Diêu Hưng lại phát binh đi tiếp Ngài Cưu Ma La Thập ? Vì lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập đức cao vọng trọng, ai ai cũng đều khâm phục kính ngưỡng Ngài. Ngài còn là nhân tài phiên dịch Kinh điển hay nhất, cho nên Diêu Hưng bắt Ngài đến Trung Quốc để phiên dịch Kinh điển. Đó là nguyên nhân Ngài Cưu Ma La Thập đến Trung Quốc.

Nhân duyên bản thân của Ngài Cưu Ma La Thập cũng rất kỳ diệu. Phụ thân của Ngài là Cưu Ma La Viêm, là con của thừa tướng một nước ở Trung Ấn Độ, bổn lai Cưu Ma La Viêm có thể kế thừa chức thừa tướng, nhưng ông ta không muốn làm quan, mà muốn xuất gia tu đạo. Do đó, đi các nơi du học, đi khắp các nơi tìm minh sư. Vì phụ thân của ông ta là thừa tướng, cho nên đến đâu thì mọi người đều hoan nghênh, khi ông ta đi đến nước Quy

Từ, thì không những vua nước Quy Từ ra ngoài xa đón, mà còn mời ông ta dùng yến tiệc ở trong cung. Vua có người em gái tên là Kì Bà, khi thấy Cưu Ma La Viêm thì không nỡ rời xa. Kì Bà rất thông minh, khinh thường đàn ông của nước mình, cho rằng họ đều xấu chẳng hợp với cô ta, nhưng lần này thấy Cưu Ma La Viêm bèn động tâm. Tuy nhiên, cô ta chẳng nói với anh của cô ta, nhưng vua nước Quy Từ cũng là người thông minh, vua biết em gái mình, rất có hảo cảm đối với Cưu Ma La Viêm, do đó, gả Kì Bà cho Cưu Ma La Viêm. Chẳng bao lâu thì Kì Bà thọ thai, thì chuyện kỳ lạ cũng phát sinh. Kì Bà vốn không hiểu ngôn ngữ Ấn Độ, nhưng khi mang thai Ngài Cưu Ma La Thập, thì không những nghe được mà còn nói được tiếng Phạn, còn có tài năng biện tài vô ngại. Đương thời có vị A La Hán nói với mọi người rằng :"Đứa trẻ ở trong bụng của bà này, nhất định chẳng phải tầm thường, là người có đại trí huệ. Trước kia, đệ tử của đức Phật là Ngài Xá Lợi Phất ở trong bụng mẹ, thì mẹ của Ngài cũng có trí huệ biện tài vô ngại, đại khái đứa trẻ này cũng như Xá Lợi Phất". Đó là lúc Ngài Cưu Ma La Thập ở trong bụng mẹ, giúp cho mẹ của Ngài tăng thêm trí huệ.

Mẹ của Ngài sinh Ngài ra rồi, qua ba năm sau lại sinh một người con nữa. Từ đó trở đi, mẹ của Ngài luôn luôn đến Chùa nghe Kinh, vì căn cơ của bà ta sâu dày, nghe Pháp Sư thuyết pháp : Người ở trên thế gian đều là khổ, không, vô thường, vô ngã thì bà ta phát tâm muốn xuất gia. Nhưng phụ thân của Ngài Cưu Ma La Thập

không cho xuất gia vì tham luyến vợ đẹp, tài sản và địa vị, không những mình chẳng muốn xuất gia trở lại, mà cũng chẳng cho vợ xuất gia. Nhưng Kì Bà đã quyết tâm muốn xuất gia, bà ta phát nguyện nói : "Nếu không được xuất gia thì tôi sẽ nhịn đói mà chết". Do đó, bà ta chẳng ăn uống gì, ban đầu bà ta không ăn thì Cưu Ma La Viêm nghĩ chẳng hề gì, nhưng đến ngày thứ sáu thì thấy sự việc chẳng xong, nếu không cho bà ta xuất gia, thì không nỡ để bà ta chết đói, cho nên bèn nói với bà ta :"Tôi cho bà đi xuất gia, nhưng bà trước phải ăn uống đã !" Song, bà ta nói : "Ông đã cho phép tôi xuất gia thì trước phải xuống tóc cho tôi, sau đó tôi mới ăn. Nếu không xuống tóc, đợi tôi ăn xong thì ông không cho tôi xuất gia, lúc đó biết làm sao ?" Cưu Ma La Viêm thấy tình hình như vậy, bất đắc dĩ mới đi thỉnh Hòa Thượng trụ trì ở Chùa gần đó đến xuống tóc cho bà ta. Xuống tóc rồi bà ta mới ăn uống, chính thức bắt đầu đời sống của người xuất gia, học tập Phật pháp. Học tập Phật pháp nhất định phải có tâm chân thành; nếu chẳng có tâm thành, thì dù học bao lâu cũng chẳng thành tựu. Vì bà ta quá thành tâm, dù chết cũng muốn xuất gia, xem thường sống chết, buông xả tất cả mọi thứ, cho nên "tĩnh cực quang thông đạt", linh quang của bà ta hiện thông, mà chứng được sơ quả.

Kì Bà chứng được sơ quả rồi, thì dẫn Ngài Cưu Ma La Thập đến Chùa lễ Phật. Ngài Cưu Ma La Thập lúc đó, là cậu bé chỉ mới bảy tuổi. Khi vào Chùa thấy họ lạy Phật, Ngài cũng lạy Phật, thấy họ thắp hương, cũng thắp

hương; lại thấy ở trước bàn Phật có lư hương thật lớn, nhẹ nhất nặng cũng khoảng hơn trăm lạng, nhưng Ngài chẳng phí chút sức lực, bèn bưng lư hương lớn đó để lên đầu, rồi nghĩ :"Ta chỉ là cậu bé bảy tuổi, sao lại có thể bưng nổi lư hương lớn nặng như thế này ?" Trong tâm Ngài vừa mới sinh tâm suy lường phân biệt, thì cảm thấy lư hương đó nặng như ngàn cân, chẳng chịu nổi được nữa, bèn buông lư hương rớt xuống đất. Do đó, Ngài Cưu Ma La Thập ngộ được tất cả trên thế gian đều do tâm tạo. Trước khi Ngài chưa sinh tâm suy lường phân biệt, thì lư hương nặng mà chẳng cảm thấy nặng, nhưng khi sinh tâm phân biệt rồi, thì không nặng cũng nặng trở lại. Ngài ngộ được "tất cả do tâm tạo ". Sau đó, Ngài theo mẹ đi xuất gia, lạy Bàn Đồ Bồ Đạt Đa làm thầy, tu học theo tiểu thừa, mỗi lần đọc tụng một ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi sáu chữ, cho nên mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ (số mục này gấp hơn ba mươi lần Chú Lăng Nghiêm). Ngài mới bảy tuổi, mà mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ, sự thông minh trí huệ này, chẳng phải người thường có thể sánh được. Vì Ngài học nhanh như thế, chẳng bao lâu thì học hết toàn bộ Kinh điển tiểu thừa, không những như thế mà Ngài còn học pháp thế gian như : y dược, chiêm tinh, bói quẻ .v.v.. Học hết pháp tiểu thừa và học vấn thế gian rồi, Ngài đến Ấn Độ học pháp đại thừa. Khi học pháp tiểu thừa, thì Ngài cảm thấy Kinh điển tiểu thừa rất vi diệu. Về sau học pháp đại thừa, mới biết pháp đại thừa là diệu trong diệu, không thể nghĩ bàn. Ngài rất thông minh, lại

siêng tu, do đó sở học Kinh điển và học vấn vừa nhiều vừa nhanh chóng. Đó là giai đoạn Ngài Cưu Ma La Thập học Phật pháp.

Khi Ngài học Kinh điển đại thừa viên mãn rồi, Ngài trở về nước Quy Từ hoằng pháp, giáo hóa chúng sinh. Vì Ngài khác lạ hơn người, cho nên mọi người đều biết, đó là một vị Pháp sư lỗi lạc. Đương thời, có vị luận sư cho rằng, trên thế gian này chẳng có ai biện luận thắng được ông ta. Một ngày nọ, ông ta thách thức ra thông cáo nói :"Nếu bất cứ người nào biện luận thắng ta, thì ta sẽ cắt đầu của ta xuống để tạ ơn người đó". Lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập đi ngang qua đó, nghe luận sư nói như thế, thì hỏi ông ta hai vấn đề, song vị luận sư này bí lối, nói chẳng ra lời. Đáng lẽ ông ta phải chém đầu để đa tạ, nhưng lúc đó xả chẳng đặng chém đầu, do đó lạy Ngài Cưu Ma La Thập làm thầy, học tập Phật pháp.

Không lâu Ngài Cưu Ma La Thập trở về nước cậu của Ngài (nước Quy Từ). Cậu của Ngài rất cung kính Ngài, dùng vàng tạo tòa sư tử thỉnh Ngài Cưu Ma La Thập, đăng đàn giảng Kinh thuyết pháp. Nhưng lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập có ý định chuẩn bị đi độ thầy tiểu thừa của Ngài (Bàn Đà Đồ Đạt Đa). Vì có rất nhiều người tín ngưỡng thầy tiểu thừa của Ngài, nếu độ được ông ta, thì cũng có thể độ được rất nhiều người đến học pháp đại thừa. Cho nên cậu của Ngài vì Ngài tạo tòa sư tử bằng vàng, mà Ngài có ý định muốn ra đi đến độ thầy của

Ngài. Do đó, cậu của Ngài định sẽ khởi ấn tượng chẳng tốt đối với Ngài. Định sẽ nghĩ thế này :"Ngài là cháu ngoại tộc, chẳng có chút tình cảm nào, ta rất cung kính đối với Ngài, còn vì Ngài tạo tòa bằng vàng, mà cuối cùng chẳng giữ Ngài lại được". Nhưng vừa đúng lúc đó, Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa đến nước Quy Từ, cho nên Ngài Cưu Ma La Thập và vua đều đi ra ngoài xa đón rước.

Vua hỏi Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa rằng :"Tại sao xa xôi mà Ngài đến nước của ta ?" Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa nói :"Thứ nhất, tôi nghe nói vua rất tin Phật pháp, cung kính Tam Bảo, cho nên tôi đến để gặp bệ hạ. Thứ hai, tôi nghe nói Cưu Ma La Thập, pháp sư bây giờ pháp duyên thịnh đại, cho nên tôi đến thăm". Do đó, vua thỉnh Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa vào cung ở với Ngài Cưu Ma La Thập. Ngài Cưu Ma La Thập thấy thầy của Ngài đã đến, bèn vì ông ta giảng "Kinh Đức Nữ Sở Vấn" (Đức Nữ Sở Vấn đại thừa Phật giáo đạo lý). Giảng xong thì thầy của Ngài nói :"Ông cảm thấy giáo lý đại thừa có chỗ nào cao siêu ? có chỗ nào đặc biệt ? Ông bỏ tiểu thừa mà học đại thừa, giáo lý đại thừa là nói về không, không tức là gì cũng chẳng có, ông học nó có ích gì ? Không, vốn là không, sao ông lại đi học ?" Ngài Cưu Ma La Thập nói :"Trong (cái) không lại có (cái) có ; trong chân không mới có diệu hữu, trong diệu hữu tức cũng là chân không. Pháp đại thừa mới là pháp cứu kính triệt để, chẳng giống như tiểu thừa, có quá nhiều danh tướng, quá câu thúc, chẳng đắc được giải thoát".

Sư phụ của Ngài đáp :"Bây giờ ta đưa ví dụ ra để bác đạo lý của ông nói. Ví như : có người cuồng nhờ một người thợ dệt để dệt cho y, dệt xong một tấm lụa mịn vô cùng đưa cho người cuồng xem, nhưng người cuồng còn chê là thô nói :"Dệt chưa được khéo lắm". Lúc đó người thợ dệt gạt người cuồng nói :"Anh nói tấm này thô, bất quá bây giờ tôi còn có một tấm lụa mịn đẹp ở trong hư không". Thợ dệt lấy tay chỉ vào hư không kêu người cuồng xem, người cuồng nhìn chẳng thấy bèn nói : "Chẳng có ! Trong hư không chẳng có tơ lụa gì hết !" Người thợ dệt đáp :"Tấm lụa đó ở trong hư không, mịn tinh vi lắm, dù tôi là thợ dệt cũng nhìn chẳng thấy, huống gì anh chẳng phải là thợ dệt, thì làm sao nhìn thấy được !" Người cuồng nghe nói cho rằng rất có lý, do đó thưởng cho người thợ dệt một số vàng. Về sau, rất nhiều thợ dệt cũng như thế, đến gạt người cuồng nói :"Sự dệt lụa của tôi ở trong hư không rất tinh vi, mịn nhuyễn vô cùng, chẳng có ai có thể sánh được". Người cuồng nghe nói thì cũng cho họ rất nhiều tiền. Pháp đại thừa mà ông nói tức là không, trong không mới có diệu hữu, mà nhìn chẳng thấy, giống như ví dụ vừa rồi".

Ngài Cưu Ma La Thập nói chẳng phải, do đó lại vì thầy của Ngài giảng rất nhiều diệu pháp đại thừa, và biện luận hơn một tháng mới thuyết phục được thầy tiểu thừa của Ngài. Lúc đó, Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa hiểu đạo lý chân không diệu hữu của đại thừa rồi, nói với Ngài Cưu

Ma La Thập :"Bây giờ ta phải lạy ông làm thầy". Ngài Cưu Ma La Thập nói :"Đó thì không được, trước kia tôi lạy thầy làm thầy, bây giờ sao thầy lại lạy tôi làm thầy ?" Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa nói :"Tôi là thầy tiểu thừa của ông, ông là thầy đại thừa của tôi, ai nấy đều có thầy của thừa đó, đó chẳng có gì quan hệ". Ông ta nói như thế thì Ngài Cưu Ma La Thập thu thầy của Ngài làm đệ tử. Từ câu chuyện Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa trở lại lạy đệ tử làm thầy, chúng ta có thể biết người xưa chẳng có "ngã tướng" (cái ta), mà là lấy đạo làm thầy, chỉ cần đạo đức của bạn cao hơn tôi, thì tôi lạy bạn làm thầy mà chẳng có quan niệm về ngã tướng (tướng ta).

Khi Ngài Cưu Ma La Thập ở nước Quy Từ, thì có một lần thời tiết hạn hán, không mưa, lúc đó Ngài hiển thần thông cầu mưa, Ngài bày pháp đàn rồi, tiên đoán nội trong ba ngày, chắc chắn sẽ có mưa, quả nhiên đến ngày thứ ba thì mưa xuống, cho nên phần đông nhân dân càng thêm cung kính tín ngưỡng Ngài Cưu Ma La Thập. Từ đó, có nhiều vị quốc vương thỉnh mời Ngài Cưu Ma La Thập đăng đàn giảng Kinh thuyết pháp, dùng thân làm tòa ngồi ; tức là ông vua dùng thân thể của mình làm tòa, để cho Ngài Cưu Ma La Thập ngồi lên giảng Kinh thuyết pháp. Đó là biểu thị sự cung kính, sùng bái nhất đối với Phật pháp. Ngài Cưu Ma La Thập đi khắp nơi xứ Ấn Độ giảng Kinh thuyết pháp, hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh. Lúc thiếu thời, Ngài theo mẹ đi các nơi tham

phương, thì gặp một vị La Hán. Vị La Hán này nói với mẹ của Ngài :"Bà phải bảo hộ chú tiểu Sa Di này, chú tiểu Sa Di này chẳng phải người thường. Nếu chú tiểu này đến ba mươi tuổi mà không phá giới, chuyên cần giữ gìn giới luật, thì sẽ giáo hoá độ được rất nhiều người, như tổ thứ tư Ưu Ba Cúc Đa". Ngài Cưu Ma La Thập rất tin lời của vị La Hán nói với mẹ của Ngài. Mẹ của Ngài chứng đến tam quả A La Hán rồi, quán sát biết được tương lai nhân duyên con của mình, cho nên nói với Ngài :"Tương lai con sẽ độ chúng sinh ở đông độ (Trung Quốc), nhưng đối với thân con bất lợi vô cùng". Ngài Cưu Ma La Thập nói :"Chỉ cần con lưu truyền hoằng dương Phật pháp đến đông độ, thì bất cứ gian nan khốn khổ cách mấy con cũng phải thực hành. Vì Bồ Tát phát tâm không vì mình, chỉ vì chúng sinh". Đó là lúc đó Ngài Cưu Ma La Thập đã phát đại bồ đề tâm, muốn hoằng dương Phật pháp đến Trung Quốc.

Bây giờ, nói về tình hình khi Lữ Quang bắt Ngài Cưu Ma La Thập đưa về Tây Lương. Lúc đó, Lữ Quang có một cận thần tên là Trương Tri bị bệnh nặng, có một vị Bà La Môn gạt nói y có thể trị lành bệnh cho Trương Tri, nhưng Ngài Cưu Ma La Thập biết người này lường gạt, bèn nói với Lữ Quang rằng :"Dù ông bỏ ra bao nhiêu tiền cũng không thể trị lành bệnh cho Trương Tri, tôi có thể chứng minh cho ông xem. Bây giờ tôi đốt sợi chỉ ngũ sắc thành tro, sau đó bỏ vào trong nước. Nếu tro biến trở lại chỉ ngũ sắc, thì bệnh của Trương Tri không thể chữa

khỏi, còn nếu tro trong nước vẫn là tro, thì Trương Tri sẽ hết bệnh". Khi thử xem thì tro chưa vào trong nước đã biến trở lại thành chỉ ngũ sắc. Không lâu quả nhiên Trương Tri qua đời, mà Lữ Quang cũng tốn một số vàng vẫn chẳng ích gì. Đó là cảnh giới thần thông của Ngài Cưu Ma La Thập, chẳng phải một số phàm phu dò biết được.

Sau khi Lữ Quang qua đời, con là Lữ Toản lên thay thế. Khi Lữ Toản đương triều năm thứ hai, thì có con heo ba đầu sinh ra, và còn có người thấy một con rồng từ phương đông thăng lên, cuộn tròn chiếm cứ ở trước cung điện, cho đến tối mới ẩn mất, Lữ Toản cho rằng đó là điềm tốt, cho nên đặt tên cho hoàng cung là "Bàn Long" (rồng cuộn tròn). Lại có người nhìn thấy một con rồng đen ở ngoài cửa thành ngự phòng, Lữ Toản lại đem tên "Cửu Cung áp" đổi lại là "Thăng Long áp". Nhưng Ngài Cưu Ma La Thập nói với Lữ Toản rằng :"Những con rồng này thị hiện là điềm xấu vô cùng, những thứ rồng này xuất hiện thì cho biết trong nước sẽ có tai nạn. Nếu lập tức tu bồi công đức thì sẽ hóa giải tai hại". Nhưng Lữ Toản quyết chí đương đầu chẳng biết sợ gì cả. Một ngày nọ, Lữ Toản đánh cờ với Ngài Cưu Ma La Thập, Lữ Toản ăn con cờ (con chốt) của Ngài và nói :"Tôi chém đầu Hồ Nô". Ngài Cưu Ma La Thập ăn con ngựa và nói :"Anh không thể chém đầu Hồ Nô mà Hồ Nô sẽ chém đầu nhà ngươi ". Ngài Cưu Ma La Thập nói lời đó là để cảnh tỉnh Lữ Toản, nhưng anh ta thủy chung chẳng ngộ. Lữ

Quang có người em tên là Lữ Bảo, có con tên là Lữ Siêu, lúc nhỏ tên là Hồ Nô, Lữ Siêu lúc đó đang âm mưu muốn ám sát Lữ Toản. Chẳng bao lâu, Lữ Siêu quả nhiên giết chết Lữ Toản, lập anh là Lữ Long lên làm hoàng đế. Lúc đó, mới có người biết sự tiên đoán của Ngài Cưu Ma La Thập là đúng. Lữ Long lên ngôi tại Kinh Châu rồi, Diêu Hưng phát binh đến đánh, rước Ngài Cưu Ma La Thập trở về Trung Quốc.

Ngài Cưu Ma La Thập đến được Trường An, thì được tôn làm Quốc Sư. Ngài đứng đầu về trung tâm phiên dịch Kinh, gồm hơn tám trăm vị Tăng và các vị học giả. Ngài dịch được hơn ba trăm quyển Kinh. Chúng ta có thể chứng minh Kinh của Ngài dịch rất chính xác vô cùng. Khi Ngài Cưu Ma La Thập sắp viên tịch, Ngài yêu cầu trà tỳ (hoả thiêu) và nói :"Trong cuộc đời của tôi đã dịch rất nhiều Kinh điển, nhưng chính tôi cũng không biết trong lời Kinh có chính xác hay chăng ? Nếu chính xác thì khi thiêu thân của tôi, lưỡi không bị cháy, còn nếu sai lầm thì lưỡi cũng cháy luôn". Quả nhiên thiêu xong thì thân thể cháy thành tro, duy chỉ cái lưỡi vẫn an nhiên như sống không hủy hoại. Vào đời Đường, Ngài Đạo Tuyên Luật Sư (giữ giới trong sạch, được cảm ứng chư Thiên thường đem cơm cúng dàng), có một lần Ngài hỏi chư Thiên :"Tại sao người đời thích đọc Kinh điển, do Ngài Cưu Ma La Thập dịch ?" Chư Thiên đáp :"Ngài Cưu Ma La Thập đời đời đều phát nguyện : Mỗi khi Phật

xuất hiện ra đời, Ngài đều lãnh trách nhiệm phiên dịch Kinh điển. Bảy vị Phật trong quá khứ cho đến hiện tại, Kinh điển đều do Ngài phiên dịch ra, rất tuyệt đối chính xác".

Ngài Cưu Ma La Thập tinh thông Tam Tạng : Kinh, luật, luận, cho nên xưng là "Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập". "Cưu Ma La Thập" là tiếng Phạn dịch là "đồng thọ". Ngài tuy là đồng tử, nhưng có đủ phong độ của bậc trưởng giả : về đức hạnh, trí huệ và phẩm học. Cho nên, Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập, tức là người dịch Kinh Diệu Pháp Liên Hoa từ tiếng Phạn ra tiếng Hán.

GIẢI THÍCH KINH VĂN

QUYỂN 1

PHẨM TỰA THỨ NHẤT

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có hai mươi tám phẩm, thứ nhất là phẩm tựa ; tường thuật nhân duyên của Kinh văn. Bổn lai tất cả Kinh văn, phẩm đầu tiên không gọi là phẩm tựa, nhưng chỉ có bộ Kinh Pháp Hoa này, dùng phẩm thứ nhất làm phẩm tựa.

Tôi nghe như vầy.

"Tôi nghe" là nghe (văn) thành tựu, "tôi" là ai ? Tôi gồm có cái tôi giả, và thần ngã của ngoại đạo. Cái "tôi" này là tôi giả, chẳng phải tôi thật. Sao lại nói "tôi nghe" mà không nói "tai nghe" ? Vì lỗ tai chỉ là một bộ phận của thân thể, chẳng phải gọi chung cho toàn thân thể. Cho nên Ngài A Nan nói "Tôi nghe".

"Như vầy" là tin thành tựu. Pháp như vầy mới có thể tin, chẳng phải pháp như vầy, thì không thể tin. "Tôi nghe như vầy" có nhiều ý nghĩa :

1. Dứt lòng nghi của đại chúng : Khi Ngài A Nan kết tập Kinh điển, ban đầu lên pháp tòa, tướng tốt trang nghiêm như đức Phật, do đó đại chúng khởi lên ba điều nghi.

Điều nghi thứ nhất là : Các vị đại A La Hán trong pháp hội, cho rằng Đức Phật chưa vào Niết Bàn, còn đến giảng Kinh thuyết pháp.

Điều nghi thứ hai là : Đại chúng cho rằng, vị Phật này từ phương khác đến.

Điều nghi thứ ba là : Đại chúng nghi ngờ cho rằng Ngài A Nan đã thành Phật, nếu không sao Ngài lại có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của đức Phật, nhưng khi Ngài A Nan lên pháp tòa, nói "Tôi nghe như vầy", thì lập tức cả đại chúng chẳng còn hoài nghi gì nữa. Tất cả đại chúng đều biết Ngài A Nan đang nói :"Pháp như vầy là tôi A Nan thân tự nghe được những gì Đức Phật nói, chứ chẳng phải tôi tự tạo ra".

2. Tôn trọng sự phó chúc của Phật. Khi Đức Phật vào Niết Bàn, thì phó chúc cho Ngài A Nan :"Khi bắt đầu tất cả Kinh điển đều nên dùng "Tôi nghe như vầy". Vì tôn trọng sự chỉ thị của đức Phật, cho nên khi kết tập Kinh điển, thì Ngài A Nan trước hết nói "Tôi nghe như vầy", bốn chữ.

3. Dứt tranh luận. Ngài A Nan là đệ tử trẻ của đức Phật. Nếu Ngài không nói rõ bộ Kinh này, do Ngài nghe Đức Phật nói chứ chẳng phải mình nói, thì trong đại chúng nhất định sẽ khởi tranh luận :"Ngài có thể nói, tôi

cũng có thể nói !" Mọi người nhất định sẽ khởi sự luận nghị, song, khi Ngài A Nan nói bộ Kinh này do đức Phật nói, thì lập tức đại chúng dứt tranh luận và sự bất bình.

4. Khác với ngoại đạo. Ngoại đạo dùng hai chữ "A Ưu" để bắt đầu Kinh điển của họ, "A" là không, "Ưu" là có. Vì ngoại đạo nói tất cả vạn pháp chẳng phải có thì là không, chẳng phải không tức là có. Kinh điển của Phật nói, dùng :"Tôi nghe như vầy", để bắt đầu Kinh điển, để khác với ngoại đạo.

Khi Đức Phật sắp vào Niết Bàn, thì Ngài A Nan hỏi Đức Phật bốn việc : Sau khi Đức Phật nhập diệt thì :

a. Khi kết tập Kinh điển dùng chữ gì bắt đầu Kinh điển, để khiến cho mọi người đều tin là Phật nói ?

b. Sau này về phương pháp tu hành y theo pháp gì mà trụ ?

c. Sau này chúng con nương ai làm thầy ?

d. Những Tỳ Kheo ác tính, chúng con đối xử với họ ra sao ?

Đức Phật trả lời :

Thứ nhất : Khi kết tập Kinh điển, thì trước hết Kinh bắt đầu câu :"Tôi nghe như vầy".

Thứ hai : Y theo tứ niệm xứ mà trụ.Tứ niệm xứ là thân, thọ, tâm, pháp.

1. **Quán thân bất tịnh** : Thân thể của chúng ta dù tắm rửa rất sạch sẽ, cũng có mồ hôi chảy ra, nếu không

tắm thì thối không chịu nổi ! Trên thân có chín lỗ thường tiết ra thứ bất tịnh : Ghèn, nước mắt, nước mũi, cứt ráy, đàm, đại tiện, tiểu tiện .v.v., luôn luôn tiết ra chất dơ bẩn. Cho nên phải quán thân bất tịnh. Người nhiều tham dục thì hãy dùng quán bất tịnh để đối trị, quán nam nữ dù đẹp cũng là dơ bẩn không sạch, tức nhiên không sạch, lại có gì để tham luyến ? Biết không sạch thì sẽ chẳng tham trước, chẳng còn tâm dâm dục.

2. **Quán thọ là khổ** : Thọ là lãnh thọ, bất cứ cảnh giới thiện ác, thuận nghịch gì hiện tiền, bạn lãnh thọ thì tâm của bạn sẽ giao động. Có giao động thì là khổ. Tất cả sự tiếp thọ, chịu đựng mọi cảnh giới đều là khổ. Nếu bạn biết nó là khổ, thì chẳng tham hưởng thụ, cầu dục lạc, như thế thì sẽ đoạn diệt khổ.

3. **Quán tâm vô thuởng**. Tâm của chúng ta như sóng trong biển, niệm trước diệt, niệm sau sinh, niệm niệm biến đổi, sinh sinh không ngừng, nhưng mỗi một niệm đều là vô thường hư vọng.

4. **Quán pháp vô ngã**. Pháp có : sắc pháp, tâm pháp. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận có nói :"Sắc pháp có mười một, tâm pháp có tám, tâm sở pháp có năm mươi mốt, bất tương ưng pháp có hai mươi bốn, vô vi pháp có sáu, tổng cộng thành một trăm pháp". Tuy nhiên có nhiều pháp như thế, nhưng đều vô ngã, cho nên đừng chấp trước pháp. Trong Kinh Kim Cang có nói : "Pháp còn phải xả bỏ, hà huống là phi pháp". Tu hành, tu đến cực điểm thì người và pháp chẳng còn nữa. Trước kia, khi

chưa minh bạch Phật pháp, thì chấp cái ta rất sâu nặng, tất cả đều thuộc về ta, gì cũng đều là của ta. Nhưng khi minh bạch Phật pháp rồi, thì chấp trước vào pháp, biến thành pháp chấp, có sự chấp trước thì có quái ngại, có quái ngại thì khởi điên đảo, khởi điên đảo thì sinh mộng tưởng. Nếu quán cái ta chẳng còn nữa, vậy còn pháp thì sao ? Cho nên phải quán pháp vô ngã. Từ quán thân bất tịnh rồi thì quán tâm, thọ, pháp, cũng đều bất tịnh. Quán thọ là khổ rồi thì quán thân, tâm, pháp, cũng đều là vô thường. Quán pháp vô ngã rồi thì quán thân, thọ tâm cũng đều vô ngã. Cho nên, tuy nói là bốn Niệm Xứ, nhưng chúng có mối quan hệ với nhau. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, mỗi vị Tỳ Kheo đều nên y theo bốn Niệm Xứ mà trụ, không thể tơ hào xa lìa.

Thứ ba : Phải lấy giới làm thầy. Tất cả những người xuất gia, phải y theo giới luật tu hành, nếu không y theo giới luật tu hành, thì Phật pháp sẽ diệt vong. Nếu y theo giới luật tu hành, thì Phật pháp sẽ tồn tại lâu dài trên thế gian. Có một người y theo giới luật tu hành, thì Phật giáo có một phần quang minh, có mười người thì có mười phần quang minh, có trăm người, ngàn người, vạn người, cho đến ai ai cũng đều y theo giới luật tu hành, mà không hủy phạm, thì Phật giáo có vô lượng vô biên quang minh, chiếu phá tiêu diệt tất cả sự đen tối trên thế gian. Cho nên giữ giới trong sạch, y theo giới luật tu hành, là lời dạy cuối cùng, quan trọng nhất của Đức Phật. Giới là thầy hiện tại của Tỳ Kheo tu hành.

Thứ Tư : Không nói năng gì với Tỳ Kheo ác tính. Không đếm xỉa gì đến họ, lấy sự yên lặng đối đãi với họ. Tỳ Kheo ác tính chẳng cứ đạo lý, cho nên đừng đả động gì đến họ, để họ tự sinh hổ thẹn, do đó sẽ làm ảnh hưởng đến họ, khiến cho họ hồi tâm trở lại giữ quy cụ, đó là biện pháp tốt nhất.

Ngài A Nan hỏi Phật bốn câu hỏi ; Phật đều trả lời phó chúc, cho nên tất cả Kinh điển, trước hết đều bắt đầu bằng câu :"Tôi nghe như vầy". "Tôi nghe" là Ngài A Nan nói : "Pháp như vầy là tôi A Nan thân tự nghe Đức Phật nói, chứ chẳng phải tôi tự bày vẽ tạo ra". "Như vầy" là từ chỉ pháp, tức là nói bộ Kinh này, gọi là tin thành tựu, bạn tin tức là như vầy, không tin thì chẳng phải như vầy. "Như " là bất biến (không thay đổi), tùy duyên là "vầy". "Như vầy" tức là tùy duyên không thay đổi, không thay đổi mà tùy duyên, tức cũng là như như bất động, liễu liễu thường minh. Và "như vầy" là một sự ấn khả, tức là nếu bạn làm đúng khế hợp với tâm của Phật tức là như vầy. Nếu trái với tâm của Phật thì chẳng như vầy.

Ngài A Nan ít tuổi hơn đức Phật rất nhiều, khi đức Phật ba mươi tuổi thành đạo, thì cũng lúc ấy Ngài A Nan ra đời. Ngài A Nan hai mươi lăm tuổi mới xuất gia, vậy hai mươi lăm năm về trước, Kinh điển của Phật nói, Ngài cũng chẳng nghe qua, sao Ngài lại đi kết tập Kinh điển ? Ngài A Nan là em bà con chú bác với Đức Phật, tuy hai mươi lăm tuổi mới xuất gia, nhưng Ngài thỉnh cầu đức

Phật nói lại hết những Kinh điển đã nói lúc trước. Do đó, Phật dùng sức thần thông, nói lại hết những Kinh điển đã nói lúc trước cho Ngài A Nan nghe. Sức trí nhớ của Ngài A Nan tốt vô cùng, một khi lọt vào tai thì vĩnh viễn không bao giờ quên. Cho nên nói :"Phật pháp như biển cả, chảy vào tâm A Nan". Hơn nữa Ngài A Nan cũng là đại quyền thị hiện, vì trong quá khứ tất cả chư Phật nói Kinh điển, cũng đều do Ngài A Nan kết tập, hơn nữa mỗi vị Phật thuyết pháp cũng đều như nhau, cho nên Ngài A Nan khai ngộ rồi, đều nhớ lại tất cả pháp tạng của tất cả Chư Phật đã nói trong quá khứ.

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vưởng Xá, trên núi Kì Xà Quật, cùng với đại chúng Tỳ Kheo, một vạn hai ngàn ngưởi tụ tập.

"Một thời" là thời thành tựu. Cho nên không nói rõ ngày tháng chính xác, là vì muốn tránh nhà lịch sử học, truy tìm khảo chứng gốc rễ không có ý nghĩa. Một thời này, tức là lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Kinh Pháp Hoa, tức là vào lúc đó.

"Đức Phật" là chủ thành tựu. "Phật" là nửa tiếng Phạn, nói đầy đủ là Phật Đà Gia". Phật dịch là "giác". Giác thì có :

1. Bổn giác,
2. Thủy giác,
3. Cứu Kinh giác.

1. **Bổn giác** : Tức là giác ngộ Phật tánh vốn có sẵn, không cần phải trải qua sự tu hành, mà vẫn đầy đủ sự giác ngộ.

2. **Thủy giác** : Mới bắt đầu giác ngộ. Chúng ta phát tâm muốn học Phật pháp, nghiên cứu Kinh điển giáo lý, đó gọi là thủy giác.

3. **Cứu Kính giác** : Bắt đầu giác ngộ rồi, thì ngày càng tinh tấn, ngộ hiểu Phật pháp, cho đến khi hoàn toàn minh bạch Phật pháp thành Phật, đó gọi là cứu kính giác. Lại có lối nói khác :

1. **Tự giác** : Tự giác ngộ chân lý. Như hàng nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) chỉ tự giác, mà không thể giác tha, cho nên gọi là người tiểu thừa.

2. **Giác tha** : Mình giác ngộ rồi, cũng phải đem chân lý phát dương quang đại, giáo hóa chúng sinh, khiến cho tất cả mọi người cũng đều giác ngộ. Bồ Tát thì tự độ độ tha, tự lợi lợi tha. Người tiểu thừa chỉ biết lợi mình mà không biệt lợi người, chỉ muốn làm tự liễu hán. Cho nên, Phật trách người tiểu thừa là tiêu nhạ bại chủng, không thể hoằng dương Phật pháp quảng đại.

3. **Giác hạnh viên mãn** : Đó là sự viên mãn của Phật. Đức Phật thì ba giác tròn vạn đức đầy. Vị Phật này là chỉ ai ? Tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sinh ra tại

Ấn Độ, thái tử của vua Tịnh Phạn, tên là Tất Đạt Đa, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội.

"Ở tại thành Vương Xá, trên núi Kì Xà Quật". Thành Vương Xá tức là kinh đô nước Ma Kiệt Đà, là thành của vua Tần Bà Sa La ở, bốn phía thành có năm dãy núi lớn bao bọc, núi hướng đông bắc là núi Linh Sơn. Núi Kì Xà Quật tức cũng là núi Linh Thứu (Linh Sơn), vì núi hình giống như con chim Thứu, cho nên gọi là núi "Linh Thứu". "Thành Vương Xá núi Kì Xà Quật" là xứ thành tựu.

"Cùng với chúng Đại Tỳ Kheo một vạn hai ngàn người tụ tập", là chúng thành tựu. Những Kinh điển khác đa số đều nói là hai trăm năm mươi người tụ tập, nhưng đặc biệt người trong hội Pháp Hoa nhiều hơn, tới một vạn hai ngàn người tụ tập. Đại Tỳ Kheo tức là Tỳ Kheo đã chứng quả A La Hán. Tỳ Kheo là tiếng Phạn có ba nghĩa :

1. **Khất sĩ** : Tỳ Kheo chẳng nấu nướng, mỗi ngày đến giờ ăn, thì ôm bát đi vào trong thành, hoặc làng quê khất thực hóa trai, làm như thế không những thân an đạo tồn, mà còn phước lợi cho thí chủ. Phật chế Tỳ Kheo ngày ăn một bữa, quá ngọ không ăn, đó là hành hạnh đầu đà (khổ hạnh).

2. **Bố ma** : Người xuất gia, khi thọ giới Tỳ Kheo thì tam sư thất chứng hỏi rằng :"Con có phải là đại trượng phu chăng ?" Đáp :"là đại trương phu". Hỏi :"Con đã phát

tâm bồ đề chưa ?" Đáp :" Đã phát tâm bồ đề". Trong lúc Yết Ma vấn đáp, bạn đáp nói đã phát tâm bồ đề, thì lúc đó có địa hành Dạ Xoa truyền lời cho không hành Dạ Xoa, không hành Dạ Xoa truyền lời cho thiên ma lục dục thiên nghe, nói rằng :"Ở nhân gian lại có thêm người xuất gia, quyến thuộc của Phật lại tăng thêm, còn quyến thuộc của chúng ta lại giảm bớt". Ma vương nghe lời nói đó, thì sinh tâm đố kị và sợ hãi, cho nên gọi là bố ma.

3. **Phá ác** : Phá ác gì ? Tức là phá phiền não ác, vô minh ác và tham sân si ba ác độc.

Trước mỗi bộ Kinh đều có sáu thành tựu, đó là : Tin thành tựu, nghe thành tựu, thời thành tựu, chủ thành tựu, xứ thành tựu, và chúng thành tựu. Có sáu thứ thành tựu nầy, đức Phật mới nói pháp. Nếu thiếu một trong sáu thứ không thành tựu, thì không thể nói pháp.

Đều là A La Hán, các lậu đã hết, chẳng còn phiền não. Sớm được lợi mình, hết nhửng sự ràng buộc trong các cõi, tâm đươc tự tại.

"Đều là A la hán", đây là khen ngợi công đức của bậc A la hán. A la hán là tiếng Phạn, cũng có ba ý nghĩa như Tỳ Kheo. Tỳ Kheo tức là nhân của A la hán, A la hán tức là quả của Tỳ Kheo.

1. **Ứng cúng** : Lúc tại nhân địa thì Tỳ Kheo là khất sĩ. Tại quả địa thì A la hán là ứng cúng, tức là xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của trời người. Cũng gọi là "cúng ứng", tức là đi cúng dường những Tỳ Kheo khác. Lúc đức Phật còn ở đời, thì tất cả Tỳ kheo đều cúng dường đức Phật, nhưng có một lần nọ, đức Phật biến thành một đạo nhân, chuyển sự cúng dường đến tất cả các vị Tỳ kheo, cho nên gọi là "cúng ứng".

2. **Sát tặc** : Giết tặc vô minh, tặc phiền não, tặc mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu tên tặc. A la hán hoàn toàn tiêu diệt, giết sạch hết những tên tặc nầy. Chẳng những giết "tặc", mà cũng giết "chẳng phải tặc". Thế nào là "chẳng phải tặc" cũng giết ? Vì những thứ đó hàng tiểu thừa nhận rằng chẳng phải tặc, nhưng tại Phật và Bồ Tát nhìn lại, thì cũng đều là tặc, cho nên "chẳng phải tặc" cũng phải giết.

3. **Vô sinh** : Chứng được tứ quả A la hán, thì ngộ vô sinh pháp nhẫn. Ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Cảnh giới nầy nói chẳng ra, giảng chẳng được, nhưng chỉ có thể nhẫn thọ nơi tâm, cho nên gọi là vô sinh pháp nhẫn.

A la hán có bốn bậc :

Sơ quả,
Nhị quả,
Tam quả và

Tứ quả.

Sơ quả A la hán còn gọi là quả Tu đà hoàn, là bước đầu tiên của A la hán. Chứng được sơ quả A la hán, thì sinh tử vẫn chưa dứt. Cho nên gọi là "kiến đạo vị" (bậc thấy đạo). Tu đà hoàn là tiếng Phạn, dịch là "nhập lưu", nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính, ngược dòng phàm phu sáu trần. Sáu trần tức là : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sắc trần : Người chứng được sơ quả chẳng nhập vào sáu trần, bậc ấy có một thứ định lực, bất cứ sắc đẹp nào ở trước mắt, cũng chẳng động tâm.

Thanh trần : Một số người thích nghe tiếng âm nhạc ca khúc êm tai. Nhưng người chứng được sơ quả, bất cứ tiếng hay dở tốt xấu thị phi, cũng đều chẳng lay động, chẳng bị thanh trần lay chuyển, mà chuyển được thanh trần.

Hương trần : Con người thích ngửi hương thơm, nhưng mùi hôi thối thì khởi tâm chán ghét, có tâm hoan hỉ và chán ghét, thì có tâm thích ghét, khởi tâm thích ghét thì bị hương trần lay chuyển.

Vị trần : Bình thường con người ăn vật ngon, thì ham ăn nhiều, nhưng khi ăn đến vật không ngon thì không thích ăn, đó lại bị vị trần lay chuyển.

Xúc trần : Người bình phàm tham trước xúc giác, cho đến tham luyến tình ái giữa nam nữ không xả bỏ, tham trước xúc chạm vàng bạc báu vật mỹ lệ nhỏ nhẵn.

Đó đều là nhìn chẳng xuyên thủng, không chuyển được xúc trần.

Pháp trần : Chấp trước vào đủ thứ pháp, đó tức là pháp trần. Sơ quả A la hán chẳng bị sáu trần ở trên lay chuyển, bậc ấy đạt đến cảnh giới nầy.

Nếu có người nói họ tự chứng quả, hoặc đắc đạo khai ngộ, phải chứng nghiệm họ có chân thật chăng, thì hãy làm cho họ một phần thức ăn ngon thượng hạng, và một phần thức ăn khó ăn nhất. Xem thử họ chọn món nào ? Nhưng đừng cho họ biết bạn đang thử họ, nếu họ biết được, thì họ sẽ chuyên ăn món thức ăn khó ăn, cũng là bị hương vị trần lay chuyển. Đây tức là tạo tác, đeo mặt giả để lường gạt người. Vì chẳng bị vị trần lay chuyển, thì dù một chút phân biệt lựa chọn cũng chẳng có, ngon dở đều ăn, đó mới có thể chứng minh, người tu hành có một chút công phu. Cho nên, chứng được sơ quả Thánh nhân, thì phải có chứng cứ, chẳng phải ai cũng có thể nói mình đã chứng quả khai ngộ.

Nhị quả A la hán, còn gọi là quả Tư đà hàm, Tư đà hàm là tiếng Phạn, dịch là "Nhất lai", nếu như không hướng về trước tu hành, thì vẫn còn phải một lần sinh lên cõi trời, một lần sinh xuống nhân gian, cho nên nhị quả là quả nhất lai. Sơ quả thì còn bảy lần thọ sinh tử.

Tam quả A la hán, gọi là quả A na hàm, cũng là tiếng Phạn, dịch là "Bất lai", chẳng còn thọ sinh tử trong cõi dục nữa. Sơ quả là "bậc thấy đạo", nhị quả và tam quả

là "bậc tu đạo", tứ quả là "bậc vô học", không cần học nữa, đã chấm dứt sinh tử. Nhưng tứ quả chỉ đoạn được "phần đoạn sinh tử", còn "biến dịch sinh tử" vẫn chưa đoạn trừ được. Bây giờ giải thích sơ lược về hai loại sinh tử :

1. Phần đoạn sinh tử : Mỗi người đều có một phần thân hình của mình, thân hình đó đều có sự phân biệt, mạng sống đều có sự giới hạn.

2. Biến dịch sinh tử : Ở trong tâm, niệm trước diệt, thì niệm sau sinh, niệm sau diệt, thì niệm sau nữa lại sinh, niệm niệm sinh diệt biến đổi không ngừng. Bồ Tát đã đoạn trừ được biến dịch sinh tử.

Người chứng được tứ quả A la hán, thì có thần thông biến hoá không thể nghĩ bàn, cảnh giới vi diệu khó tả. Ngài có ngũ nhãn lục thông, lại có thể vọt thân lên hư không mà đi. Ngài có thể trên thân phun ra lửa, dưới thân phun ra nước; trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa. Tóm lại, ở trong hư không Ngài có mười tám thần thông biến hoá. Vì tứ quả A la hán có thần thông, cho nên liệt vào một trong bốn bậc Thánh trong Phật giáo : Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn.

Trước kia, có một vị A la hán dẫn theo một vị đệ tử mới thu nhận, cùng đi du hành, vị đệ tử đó mang hành lý đi trên đường bèn nghĩ : "Hành Bồ Tát đạo là tối vô thượng, ta nhất định phải phát tâm tu Bồ Tát đạo, để độ tất cả chúng sinh". Vị đệ tử nghĩ như thế, thì vị A la hán

lập tức biết được. Bèn nghĩ : "Vị đệ tử hiện tại phát tâm bồ đề, mà ta chỉ là A la hán, ta phải mang hành lý". Do đó, bèn lấy hành lý từ vị đệ tử và mang trên vai. Đi được một đoạn đường, vị đệ tử lại nghĩ : "Ngài Xá Lợi Phất vừa mới hành Bồ Tát đạo, thì có người đến xin Ngài con mắt, móc ra con mắt trái cho, thì người đó không muốn, còn nói không phải, nói là muốn con mắt bên phải. Ôi ! Bồ Tát đạo thật là khó hành khó nhẫn. Hay là ta không nên tu Bồ Tát đạo, mà tu pháp A la hán, làm tự liễu hán cho xong". Vị Thầy A la hán lập tức biết được tâm niệm của đệ tử, từ lớn lùi xuống nhỏ, cho nên đưa hành lý lại cho vị đệ tử mang. Vị đệ tử mang hành lý chưa được bao lâu, lại phát khởi lại tâm Bồ Tát, vị A la hán biết, lại mang hành lý thế cho vị đệ tử. Cứ đưa qua lấy lại như vậy mấy lần, khiến cho vị đệ tử nghĩ rất là kỳ lạ, bèn hỏi : "Sư phụ ! Một lúc thì Thầy mang hành lý, một lúc lại đưa cho con, bây giờ Thầy lại mang, đó chẳng phải là làm phiền chăng, con thật không hiểu". Vị La hán đáp : "Trên đường đi, có lúc con phát tâm Bồ Tát, hồi tiểu hướng đại, cho nên hành lý phải đưa cho ta người hành pháp A la hán mang. Đi được một đoạn đường, con lại hồi đại hướng tiểu, chẳng muốn tu Bồ Tát đạo mà muốn tu pháp A la hán, cho nên hành lý phải đưa cho con mang. Hiện tại con lại phát khởi tâm lớn, thì hành lý phải đưa cho ta mang". Vị đệ tử nghe xong, mới biết sư phụ của mình thật sự có lai lịch, do đó vị đệ tử phát tâm đại bồ đề, hành Bồ Tát đạo.

Khi kết tập Kinh điển Tôn Giả A Nan chưa chứng được tứ quả, chưa đắc được lậu tận thông. Lúc kết tập tạng Kinh, mọi người tuyên bố rõ, chỉ có những người chứng được tứ quả A la hán, mới có thể tham gia. Mà Tôn Giả A Nan chỉ chứng được tam quả, cho nên mọi người chẳng cho Ngài A Nan vào. Ngài đứng ở ngoài cửa lo lắng vạn phần, nghĩ : "Biết làm sao ? Hết thảy Kinh điển của Phật nói, ta đều nhớ hết. Nhưng bây giờ, chỉ vì ta chưa chứng được tứ quả A la hán, nên không thể tham gia pháp hội kết tập tạng Kinh, làm thế nào bây giờ ?" Trong lúc cấp bách như thế, thì Ngài lập tức chứng được tứ quả A la hán. Do đó, Ngài nói : "Hiện tại tôi đã chứng được tứ quả A la hán rồi, các Ngài hãy mở cửa cho tôi vào đi !" Các vị đại A la hán ở bên trong nói : "Nếu ông chứng được tứ quả, thì cần gì phải mở cửa để vào ? Ông hãy vào lỗ ổ khoá cửa đi !" Ngài A Nan nghe, nghĩ : "Đúng đó ! Hà tất phải mở cửa ?" Do đó, Ngài bèn vận dụng thần thông đi vào lỗ ổ khoá cửa. Cho nên người chứng được quả A la hán, ra vào không cần phải mở cửa. Nếu có người nói đã chứng quả, nhưng phải mở cửa mới có thể ra vào, thì biết người đó đại vọng ngữ, nói lời giả dối.

Chứng được tứ quả A la hán, mới có thể sạch hết các lậu, phiền não tức là lậu, có tám vạn bốn ngàn thứ phiền não, thì có tám vạn bốn ngàn thứ lậu. Sinh ra phiền não tức là lậu đi xuống, gọi là hữu lậu, rớt (lậu) xuống cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Hết thảy tất cả mao bệnh, tâm

dục niệm, tham luyến mỹ vị, tiếng hay, nhà tốt, xe cộ .v.v., đều gọi là lậu. Những gì bạn ưa thích tham muốn, hoặc buông bỏ chẳng được, đều gọi là lậu. Hết thảy tập khí ác mao bệnh quái lạ, như thích hút thuốc, uống rượu, bài bạc, tìm người nữ, đó đều gọi là lậu. Người nữ thích tìm người nam cũng là lậu, người nữ mỗi tháng đều có kinh nguyệt, cho nên người nữ càng nhiều lậu. Người nam chẳng buông bỏ được tâm dâm dục, đây gọi là lậu lớn nhất. Thân thể của chúng ta gọi là thân hữu lậu, mắt, tai, mũi, miệng, nơi đại tiểu tiện đều gọi là lậu. Nói rõ ra là trong tâm của bạn khởi vọng tưởng, giữ gìn chẳng được tinh khí thần của chính mình, đây gọi là lậu. Những thứ lậu nầy cũng giống như dưới đáy bình có lỗ hổng, có bao nhiêu nước trong bình đều rỉ ra hết bấy nhiêu, làm được bao nhiêu công đức thì lậu ra hết bấy nhiêu. Lậu có quá nhiều, đếm cũng đếm không hết, kỳ thật chẳng phải chỉ có tám vạn bốn ngàn thứ. Song, bậc A la hán đã hết các lậu, "Đã hết" chẳng phải nói là đã lậu hết ; mà là đã hoàn toàn chẳng còn lậu nữa. Chẳng phải nói lậu ra hết, thì gọi là hết ; mà là vốn đã chẳng còn lậu nữa, vốn chẳng lậu nữa, đây mới gọi là "hết lậu". Cho nên mọi người xem Kinh phải đặc biệt hiểu rõ ý nghĩa nầy. Lậu tận thông tức là các lậu đã hết, phải chứng được tứ quả A la hán mới đắc được. Hiện tại một vạn hai ngàn vị đại A la hán, các lậu đều đã hết, bậc Thánh nhân chẳng còn chút tập khí mao bệnh nào.

Những vị đại A La Hán này, vì đều đã đắc được lậu tận thông, cho nên chẳng còn phiền não. "Chẳng còn" nghĩa là chẳng có nữa. Những gì cần làm các Ngài đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa. Sinh tử đã dứt, cho nên chẳng có phiền não. Phiền não cứu kính có bao nhiêu ? Có tám vạn bốn ngàn, nhưng tổng quát lại thì tức là vô minh. Vô minh sinh ra tất cả phiền não, phân ra thành ba loại, tức là tham, sân, si, ba độc. Ba độc này che lấp Phật tánh của mọi người. Chúng ta từ vô thủy cho đến hiện tại, chưa thành Phật là vì có ba thứ phiền não này. Ba thứ độc này, độc hại con người sinh ra trong cơn say, chết đi trong ảo mộng, khiến cho không thể trở về nguồn cội, khôi phục lại bộ mặt thật của thuở nào. Nhưng nếu tu ba học vô lậu : Giới, định, huệ thì có thể diệt trừ ba độc này, khôi phục lại thanh tịnh.

Giới : Tức là chấm dứt làm các điều ác, phòng ngừa việc quấy, đối trị với tâm tham. Tâm tham tức là tham mà không chán, không biết đủ. Người nhiếp chánh có dã tâm lớn, đều muốn nuốt chiếm đoạt đất đai tài sản của nước khác. Người tham lam luôn luôn muốn tất cả vật chất của thế giới quy thuộc về mình. Có tâm tham thì sẽ sinh ra niệm tà, tham tài vật không thể có được. Vì sao sinh ra tham ? Là vì không hiểu về giới. Giới thì chấm dứt làm các điều ác, phòng ngừa việc quấy, kêu bạn nên biết đủ, đừng tham lam. Bạn giữ được giới luật thì có thể chiến thắng lòng tham của bạn.

Định : Tức là có định lực, chẳng có định lực thì sẽ nổi giận, thấy người thấy việc đều cảm thấy không vừa mắt. Nếu chẳng có ai, mình thấy không vừa mắt thì sẽ nổi giận. Có người không những chính mình nổi giận mà còn đánh mình nữa, cho một bạt tai vào má trái, lại sợ má phải "ăn dấm" cho nên lại bồi cho một bạt tai.

"Ăn dấm" là một câu chuyện vào thời xưa của Trung Quốc. Vào đời Đường, có một ông quan đại thần là thuộc hạ của vua, ông ta rất sợ vợ vô cùng. Ông quan này, nếu mỗi lần về nhà trễ, thì vợ của ông ta bắt ông ta quỳ ở trước giường, cho đến khi bà ta bảo thôi, thì ông ta mới dám đứng lên. Ông quan này, ban ngày thấy hoàng đế thì phải lạy, ban đêm về nhà trễ thì phải quỳ vợ. Ông quan này rất thân với hoàng đế, do đó đem tình hình trên nói với hoàng đế, hoàng đế lập tức nói có biện pháp. Sang ngày sau, hạ thánh chỉ gọi vợ của ông quan vào cung, hoàng đế nói với bà ta :"Chồng của bà chẳng làm bậy với người nữ, cũng chẳng làm việc sai quấy, chỉ về nhà trễ mà thôi, sao bà lại bắt ông ta phạt quỳ trước giường ? Đó thật là chẳng đúng, nếu về sau bà không tái phạm nữa, thì trẫm tha thứ bà vô tội, còn nếu về sau cũng như thế thì trẫm bắt ngươi chết, bà phải uống thuốc độc dưới tay của trẫm". Bà ta nói :"Tốt ! Tôi chịu uống thuốc độc, dù tôi có chết cũng phải nghiêm trị ông ta". Do đó, bèn bưng bát thuốc độc uống một hơi cạn sạch. Nhưng uống xong rồi vẫn không chết, chỉ cảm thấy bụng chua chua. Nguyên do, chẳng phải là thuốc độc mà là một chén dấm. Hoàng

đế cố ý nói dấm là thuốc độc để thử bà ta có dám uống chăng, không ngờ bà ta có chí khí sắt đá, dù bà ta có thể uống thuốc độc chết, cũng phải nghiêm trị chồng, cho nên từ đó về sau, Trung Quốc lưu truyền về chuyện "uống dấm" này, nghĩa là vợ rất là nghiêm nghị đối với chồng.

Vậy người rất nóng giận sao lại phải đánh mình ? Vì y chẳng có định lực, do đó thấy người, thấy việc, thấy mình, đều cảm thấy chẳng vừa mắt. Cho nên, phải tu định, khi có định lực thì không nổi tâm sân hận, mà hàng phục được con ma sân hận.

Huệ : Vì sao ngu si ? vì chẳng có trí huệ, suốt ngày đến tối khởi vọng tưởng, làm chi phối tâm không được nghỉ ngơi, đều vì chẳng có trí huệ, cho nên đối với bất cứ việc gì, đều nhận thức không rõ ràng, hồ đồ điên đảo. Người có trí huệ thì : "việc đến thì ứng, việc đi thì lặng". Việc gì đến thì ứng phó nó, đều đón nhận mà giải quyết ; việc đi rồi thì để tâm nghỉ ngơi, không bắt tâm phải làm nô lệ cho thân thể. Bây giờ tôi nói với bạn một câu sự thật :"Ngu si là gì ? tức là trí huệ". Bạn sẽ nói :"Thầy lại nói hồ đồ rồi, nếu như ngu si là trí huệ, trí huệ là ngu si, thì sao lại còn phải học trí huệ mà vứt bỏ ngu si ?"

Bạn đừng cho rằng tôi nói pháp lộn xộn, tôi nói ngu si này, bổn thể của nó, có thể biến thành trí huệ, chẳng phải nói lìa khỏi ngu si mà đi tìm trí huệ riêng ngoài. Trí huệ vốn ở trong ngu si, song, bạn không biết dùng nó, nếu bạn dùng nó được thì nó tức là trí huệ, không dùng được nó tức là ngu si. Ví như định tức cũng là sân, sân cũng tức là định. Bạn

muốn đắc được định lực, thì hãy biến cái sân hận thành định lực. Bạn thật muốn trì giới thì trong sự tham biến thành giới, chứ chẳng phải đi tìm bên ngoài. Tất cả những thứ này đều nằm ở trong tự tánh của bạn. Bạn dùng được nó tức là giới định huệ, không dùng được tức là tham sân si. Diệu lý là tại chỗ này, bạn không minh bạch cũng tại chỗ này.

Những vị A La Hán này vì các lậu đã sạch, chẳng còn phiền não, cho nên những gì cần làm đã làm xong. Tại sao chúng ta tự mình không đắc được lợi ích ? Vì lúc được, lúc mất, lúc có, lúc không. Thế nào mới gọi là chân chánh đắc được lợi ích cho chính mình ? Tức là hiểu biết thật sự, đắc được trí huệ chân thật, chứng được quả A La Hán, mình giác ngộ rồi lại lợi ích chính mình.

"Dứt sự ràng buộc trong các cõi". Gì gọi là sự ràng buộc trong các cõi ? Tức là nghiệp và chướng, tức là dục giới, sắc giới và vô sắc giới, còn gọi là tam hữu (ba cõi). Tam hữu phân ra thì có hai mươi lăm cõi. Dục giới có mười bốn cõi : Tức là :

▣ Bốn đại châu (Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu Lưu châu),

▣ Bốn đường ác (A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục),

▣ Sáu cõi trời dục giới (Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Xuất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại).

Sắc giới có bảy cõi : Tức là :

⊡ Trời Tứ Thiền (Trời Sơ Thiền, Trời Nhị Thiền, Trời Tam Thiền, Trời Tứ Thiền),
⊡ Trời Đại Phạm,
⊡ Trời Vô Tưởng,
⊡ Trời Ngũ Bất Hoàn.

Vô sắc giới có bốn cõi : Tức là :

▣ Trời Tứ Không Xứ (Trời Không Vô Biên Xứ, Trời Thức Vô Biên Xứ, Trời Vô Sở Hữu Xứ, Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ).

Dứt sự ràng buộc trong các cõi, tức là vượt ra khỏi ba cõi, không còn ở trong cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Do đó : "Vượt ra khỏi ba cõi, không ở trong ngũ hành", như thế mới thật sự chấm dứt sinh tử.

Có những người chẳng minh bạch về Phật pháp, cho rằng tu đến Trời Tứ Thiền là cao siêu nhất rồi. Kỳ thật, đó vẫn còn ở trong tam giới hai mươi lăm cõi, căn bản họ chẳng biết gì là tốt, trong sự tu hành có thể nói là xa lại càng xa, song, những người đó hồ đồ, nói với mọi người rằng đã đạt tới cảnh giới cao nhất. Giống như Tỳ Kheo Vô Văn, lấy tứ thiền làm tứ quả, đến được cảnh giới tứ thiền, cho rằng đã chứng tứ quả, khi ông ta bị đọa lạc thì phỉ báng Phật rằng :"Phật nói chứng được tứ quả thì dứt sinh tử, sao tôi bây giờ còn đọa lạc ?" Phỉ báng Phật

thì càng đọa lạc vào ba đường ác, vĩnh viễn không ra khỏi, không những chỉ một mình Tỳ Kheo Vô Văn đọa vào địa ngục, mà bao nhiêu đồ đệ theo ông ta cũng đi theo vào địa ngục. Do đó có câu :

"U mê truyền cho u mê,
Một truyền hai chẳng hiểu,
Ông thầy đọa địa ngục,
Đệ tử cũng theo vào".

"Tâm được tự tại". Những vị A La Hán này, trong tâm khoái lạc vô biên, tiêu giao tự tại, giống như Bồ Tát Quán Tự Tại, suốt ngày đến tối ngồi tham thiền, rất khoái lạc vô ngần, chẳng có tơ hào phiền não, tâm thật sự đắc được tự tại, trí huệ. Sự khoái lạc ở đây, bên trong thật sự tự tại, chứ chẳng phải bên ngoài cố ý tạo tác la lên om sòm. Bạn đừng cho rằng suốt ngày đến tối la lối, tức là khoái lạc, ngược lại, đó là phiền não điên đảo ! Tại sao ? Bạn thấy được việc của bạn thích thì bị nó chuyển, chính mình còn chẳng có định lực, mà còn la lối cười điên lên, đó thật sự có gì khoái lạc ? Chẳng có gì cả !

Tên của các Ngài là : A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lâu Đà,

Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lăng Già Bà Tha, Bạt Câu La, Ma Ha Câu Hi La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La.

Những tên vừa cử ra ở trên là đại chúng, hai mươi mốt vị đại Thanh Văn đệ tử của đức Phật, ở trong một vạn hai ngàn người của đại hội Pháp Hoa.

1. "A Nhã Kiều Trần Như".

Ngài là một trong năm vị đầu tiên, được đức Phật độ trước nhất. Đức Phật ở dưới cội bồ đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, do đó Phật thốt lên ba lần lành thay :"Hết thảy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật". Đức Phật chỉ nói hết thảy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, chứ chẳng phải nói tất cả chúng sinh tức là Phật, song, có những đệ tử của Phật sau này hoặc là Phật giáo đồ nói :"Ai ai cũng đều là Phật, người và Phật chẳng có khác biệt ". Đó tức là kẻ đui dẫn người mù, muốn lòa mắt thiên hạ.

Đức Phật thốt lên ba lần lành thay, rồi dùng Diệu quán sát trí quán sát, biết trước hết phải đến vườn Lộc Uyển độ năm anh em Kiều Trần Như. Vì sao ? Vì trong quá khứ năm vị này chuyên môn phá hoại và phỉ báng

Đức Phật. Trong vô lượng kiếp về trước, tuy nhiên sáu người cùng phát tâm tu đạo, nhưng năm người họ liên kết với nhau khinh khi Phật, có khi đánh Ngài, mắng Ngài, ăn thịt Ngài hoặc uống máu của Ngài, song, đức Phật không những không khởi tâm oán giận họ, mà ngược lại Ngài phát nguyện nói :"Các vị thật trợ giúp cho ta tu hành ! Nếu ta tương lai có thể thành Phật, thì nhất định phải độ các vị trước hết. Hiện tại các vị đối với ta không tốt, nhưng ta chẳng phiền não oán giận chút nào, ngược lại ta càng đối xử tốt với các vị ". Đức Phật nhẫn nhục được như thế thật là quá vĩ đại, chúng ta mỗi người tu đạo hãy học theo gương tốt ấy.

Lại có câu chuyện về vua Ca Lợi và Tiên Ông nhẫn nhục. Thuở xưa, Đức Phật tu hành thì chuyên tu pháp môn nhẫn nhục, cho nên gọi là Tiên Ông nhẫn nhục. Một ngày nọ, vua Ca Lợi (tiền thân của Kiều Trần Như) đem một số cung phi mỹ nữ vào rừng săn bắn, trong sự vô ý các cung phi mỹ nữ thấy Tiên Ông nhẫn nhục đang ngồi thiền, do đó bèn quây quần ông ta để hỏi đạo. Vua Ca Lợi cho rằng Tiên Ông nhẫn nhục dụ dỗ phi tần của vua, bèn sinh tâm đố kị, do đó bèn chặt tay chân tứ chi của Tiên Ông nhẫn nhục. Mỗi khi vua chặt một chi thì hỏi :"Trong tâm ông có oán giận tôi chăng ?" Tiên Ông nhẫn nhục đáp :"Tôi chẳng giận ông, nếu tôi không sân hận thì tứ chi của tôi hoàn lại như cũ, nếu có tâm sân hận thì tứ chi của tôi không thể hoàn lại như cũ". Vừa nói xong thì quả nhiên

tay chân tứ chi hoàn lại như cũ, lúc đó tất cả Hộ Pháp thiện thần phẫn nộ vua Ca Lợi, bèn mưa đá xuống chỗ của vua Ca Lợi để trừng phạt vua Ca Lợi. Nhưng Đức Phật cầu thỉnh với các vị thiện thần :"Đừng trách ông ta, ông ta đến khảo nghiệm tôi, để tôi thành tựu đạo nghiệp. Tương lai khi tôi thành Phật, thì trước hết tôi sẽ độ ông ta". Tuy nhiên Ngài A Nhã Kiều Trần Như đối xử rất thậm tệ với Phật, nhưng Đức Phật thành Phật rồi thì độ ông ta trước nhất. "A Nhã" nghĩa là "giải bổn tế" cũng gọi là khai ngộ đầu tiên.

2. "Ma Ha Ca Diếp".

Ma Ha nghĩa là "lớn" (đại), do đó Ma Ha Ca Diếp tức là Đại Ca Diếp. Ca Diếp dịch là "ẩm quang", còn gọi là "Đại quy thị". Đại Quy Thị là họ của Ngài, vì khi tổ tiên của Ngài tu đạo, thì thấy một con rùa lớn cõng trên lưng một họa đồ, cho nên lấy đó mà làm họ.

Tên của Ngài Đại Ca Diếp là Tí Bát La. Tí Bát La là tên cây, vì cha mẹ của Ngài cầu nguyện với cây này mà sinh ra Ngài, cho nên lấy Tí Bát La làm tên, và trên thân của Ngài có quang minh, che lấp hết các quang minh khác, giống như uống (ẩm) hết tất cả quang minh khác. Sao Ngài lại có quang minh ? Có câu chuyện như vầy : Vợ của Ngài (Tỳ Kheo Ni Tử Kim Quang) trong quá khứ là một người nữ rất nghèo nàn. Sau khi Đức Phật Tì Bà Thi diệt độ, có người làm tháp thờ Phật và tạo tượng Phật, trải qua thời gian lâu thì tháp cũng hư hoại mà tượng cũng

hư. Do đó, người nữ này thấy vậy bèn phát bồ đề tâm muốn sơn sửa lại tượng Phật ở trong Chùa, cho nên cô ta đi các nơi xin tiền, mỗi ngày tiền xin được thì mua vàng, khổ nhọc trải qua mười chín năm, số vàng tích tụ cũng không ít, cô ta mời một thợ đúc vàng đến để thếp vàng tượng Phật. Khi thợ đúc vàng biết cô ta cực khổ như thế, khiến cho ông ta rất cảm động, ông ta bèn đi quyên mọi người thêm để tu bổ tượng Phật, cho nên ông ta cũng phát tâm muốn giúp đỡ cô ta làm. Hai người cùng nhau trùng tu Chùa và tượng Phật lại đẹp đẽ rồi, ông thợ vàng xin cầu hôn với người nữ nghèo đó, người nữ nghèo cũng vui vẻ đáp ứng. Hai người kết hôn rồi thì phát nguyện : đời đời kiếp kiếp đều muốn làm vợ chồng. Vì thếp vàng tượng Phật, cho nên hai người thân thể đều phóng kim quang, do đó khi Ngài Ca Diếp ra đời thì trên thân có kim quang (áng sáng vàng). Sau khi Ngài lớn lên, cha mẹ của Ngài muốn Ngài cưới vợ, Ngài nói :"Thân của con phóng kim quang, thì phải tìm người nữ trên thân cũng có kim quang, thì con mới cưới cô ta, nếu không thì con sẽ sống độc thân". Thời gian sau tìm được một người nữ trên thân cũng phóng kim quang, cho nên hai người kết hôn với nhau. Hai người kết hôn rồi đều cùng xuất gia tu đạo, chứng được quả vị A La Hán rồi, mới biết trong quá khứ đã từng phát nguyện, đời đời kiếp kiếp đều muốn làm vợ chồng.

Bạn đừng lầm rằng họ phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng mà nói rằng :"Tương lai tôi gặp người

nam (người nữ), tôi cũng muốn y phát nguyện như thế, đời đời kiếp kiếp đều làm vợ chồng". Tuyệt đối đừng như thế, họ phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng là muốn tu đạo, đều phải quy y Tam Bảo, xuất gia tu đạo, bạn đừng phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng, vì càng làm càng đọa vào địa ngục, phải xuất gia tu đạo mới có thể, cho nên Ngài Ca Diếp và vợ của Ngài xuất gia đều chứng quả.

Ngài Ma Ha Ca Diếp là vị Tổ thứ nhất. Bạn có muốn gặp vị Tôn Giả này chăng ! Bây giờ Ngài vẫn còn ở trong thế giới này, Ngài đang ngồi thiền nhập định trong núi Kê Túc ở Tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Ngài đợi đến khi Bồ Tát Di Lặc ra đời thành Phật, thì đem y bát của Phật Thích Ca giao cho Đức Phật Di Lặc. Bây giờ Ngài vẫn chưa viên tịch. Nếu các bạn ai thành tâm đến núi Kê Túc lạy Ngài Ma Ha Ca Diếp, thì có thể sẽ thấy được Ngài. Tại núi Kê Túc thường có ba thứ quang minh : Quang minh của Phật, quang minh màu vàng và quang minh màu bạc. Nếu ai có thành tâm, không những có thể thấy quang minh, mà còn có thể nghe tiếng chuông. Tiếng chuông đó dù ở ngoài mấy trăm dặm cũng có thể nghe được.

Ngài Ca Diếp là người lớn tuổi nhất trong số đệ tử của Đức Phật, cũng là người tu khổ hạnh bậc nhất. Nhưng Ngài càng già thì càng có tinh thần sức lực. Cha mẹ của Ngài, người ở nước Ma Kiệt Đà, giàu có vô cùng, có thể

nói "Phú khả địch quốc", mà vua nước Ma Kiệt Đà cũng từng lạy Ngài làm thầy, nhưng từ khi Ngài theo Phật xuất gia tu đạo, thì không những đem tài sản ra bố thí mà còn chuyên môn hành đầu đà khổ hạnh, chịu khổ chịu cực. Một ngày nọ, khi Đức Phật thuyết pháp thì đức Phật chia cho Ngài nửa tòa ngồi, kêu Ngài Ca Diếp cùng ngồi. Lúc đó Ngài Ca Diếp đã già lắm, khoảng một trăm bốn mươi lăm tuổi. Đức Phật nói với Ngài Ca Diếp :"Ông tuổi đã quá lớn rồi, tinh thần chắc chắn không được sung túc, ông hành đầu đà khổ hạnh sợ chịu không được. Ông đừng hành khổ hạnh nữa, thay đổi ăn uống ngon một chút, mặc tốt hơn một chút, ở chỗ thích hợp hơn một chút !" Nhưng Ngài cũng nghe lời của Đức Phật, Ngài vẫn cứ hành khổ hạnh. Do đó, Ngài được Đức Phật khen ngợi :"Phật pháp của ta trụ thế lâu dài, là có quan hệ rất lớn với sự tu hành đầu đà khổ hạnh của Đại Ca Diếp. Nếu cứ tu hành đầu đà khổ hạnh như thế, thì Phật pháp của ta nhất định trụ thế lâu dài". Cho nên, Tổ Sư Ma Ha Ca Diếp là người tu hành đầu đà khổ hạnh bậc nhất.

Một lần nọ, đức Phật đang muốn thuyết pháp, thì có một vị trời Đại Phạm Thiên, lấy cành hoa Kim Ba La đến cúng dường Đức Phật. Vị trời đó nằm dưới đất thỉnh Đức Phật ngồi lên thân của ông để thuyết pháp. Đức Phật ngồi lên trên thân vị trời đó, tay cầm cành hoa dơ lên trước đại chúng trời người trăm vạn người và mở nụ cười, khi Đức Phật cười thì Ngài Ca Diếp cũng cười. Cho nên đó gọi là :"Niêm hoa vi tiếu, truyền Phật tâm ấn". Đức

Phật bèn nói :"Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, giáo ngoại biệt truyền, lấy tâm ấn tâm, đã phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp". Do đó, Ngài Ma Ha Ca Diếp trở thành vị Tổ thứ nhất. Đức Phật chỉ truyền cho Ngài Ca Diếp, Ngài Ca Diếp lại truyền cho Tổ thứ hai Ngài A Nan, Ngài A Nan lại truyền cho Tổ thứ ba Thương Na Hòa Tu, Ngài Thương Na Hòa Tu lại truyền cho Tổ thứ tư Ưu Ba Cúc Đa .v.v., một đời truyền xuống một đời đều dùng tâm ấn tâm. Từ sơ Tổ truyền đến Tổ thứ hai mươi tám Bồ Đề Đạt Ma. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem tâm ấn của Phật mang đến Trung Quốc, truyền cho Tổ thứ hai là Huệ Khả. Ngài Huệ Khả lại truyền cho Tổ thứ ba là Tăng Xán .v.v., cho đến Lục Tổ Huệ Năng. Về sau thì một hoa nở năm cánh, phân ra : Tông Lâm Tế, Tông Pháp Nhãn, Tông Tào Động, Tông Quy Ngưỡng và Tông Vân Môn. Cho đến hiện tại Phật pháp lại truyền đến tây phương, đó là sơ lược về Tổ sư tương truyền.

"Mười hai hạnh đầu đà khổ hạnh". Nay giảng sơ lược về hạnh đầu đà khổ hạnh vừa mới đề cập đến ở trên. "Đầu đà" là tiếng Phạn, dịch là "phấn chấn", nghĩa là phấn chấn tinh thần ; như khi đả thiền thất thì thường nói phấn chấn tinh thần, không sợ khổ, càng khổ thì càng nỗ lực. Giống như Ngài Ca Diếp già như thế, mà cũng hành hạnh đầu đà, phấn chấn tinh thần hành mười hai hạnh đầu đà.

1. **Mặc y bá nạp**. Y bá nạp còn gọi là y phấn tảo, tức là tấm y vốn có trăm ngàn lỗ rách, nhưng mỗi khi rách thì vá lại, chẳng biết vá bao nhiêu lần mà nói. Tấm y này người khác chẳng ai muốn mặc. Người xuất gia nhặt vải vụn ở trong đống rác, rồi giặt sạch mà may vá thành y để mặc. Mặc y này tốt ở chỗ nào ? Nếu nói ra thì nhiều lắm. Ví như bạn mặc y này lên, thì chẳng còn tâm tham, cũng diệt trừ tâm tham của người khác. Những Tỳ Kheo khác thấy bạn mặc y lam lũ mà không mặc y tốt, họ cũng phát khởi đạo tâm để tu đạo. Hơn nữa, bạn mặc y rách nát lam lũ, thì trộm cướp nhất định không trộm cướp của bạn. Vào năm 1948, tôi ở tại chùa Nam Hoa thì có bọn cướp đến cướp Chùa. Chúng phá cửa xông vào, lập tức kêu tôi đưa tiền ra, tôi bèn nói :"Các anh xem, tôi mặc y như thế này, có giống người có tiền chăng ?" (Lúc đó tôi mặc y như lúc tôi mặc y thủ hiếu bên cạnh mộ của mẹ tôi, thủ hiếu xong rồi, tôi vẫn luôn luôn mặc nó để làm kỷ niệm mẹ của tôi. Vì tấm y đó đã rách nát, cho nên khi ở tại Đông Bắc (Trung Quốc), ai quy y với tôi thì vá cho tôi một miếng vào cái y đó, do đó tấm y đó có rất nhiều lỗ vá). Tuy nhiên, tôi nói với bọn cướp trong phòng có báu vật, kêu chúng có thể đi vào mà lấy, song, những tên cướp thấy tôi mặc y như thế, cũng chẳng vào phòng cướp lấy gì cả, bèn bỏ đi hết. (Thật tế, trong phòng thật có hai báu vật sống, đó là hai chú Sa Di sợ hãi nằm dưới gầm giường).

Hơn nữa, bạn mặc y phấn tảo thì người giàu cũng xa lìa bạn, như thế thì ít bị quấy nhiễu, còn có điểm tốt

quan trọng nhất là người nữ cũng xa lìa bạn. Tu đạo, nếu mặc y như thế thì lâu dần sẽ có một hương vị rất kỳ đặc, nhưng hương vị này đối với người nữ mà nói thì đó là mùi thối, cho nên mặc y phấn tảo có rất nhiều chỗ tốt nói không hết được.

2. **Chỉ có ba cái y**. Tỳ Kheo hành hạnh đầu đà chỉ có ba tấm y, do đó :"Ngoài thân chẳng vật gì khác, cũng chẳng có phiền não gì phát sinh". Ba y tức là :

Thứ nhất là Tổ y, còn gọi là đại y, tiếng Phạn gọi là y Tăng già lê, dịch là "y hai mươi lăm điều". Y hai mươi lăm điều, bốn dài một ngắn, cộng thành một trăm hai mươi lăm ô, đó là biểu thị hình tướng của ruộng phước, cho nên còn gọi là y phước điền. Y này nếu vào cung vua, tụ lạc khất thực, thuyết pháp thì mới mặc.

Thứ hai là y bảy điều, y bảy điều hai dài một ngắn, cộng thành hai mươi mốt ô, tiếng Phạn gọi là y Uất Đa La Tăng, dịch là "y nhập chúng". Khi lễ bái, tụng Kinh, nghe pháp, hội họp với đại chúng .v.v., thì mặc y này.

Thứ ba là y năm điều, y năm điều một dài một ngắn, cộng thành mười ô, tiếng Phạn gọi là y An Đà Hội dịch là "y chấp tác", khi làm việc chấp tác mọi nơi đều mặc y này. Nếu Tỳ Kheo hành hạnh đầu đà, thì chỉ có ba y này và bình bát với tọa cụ. Bình bát là cái bát của Tỳ Kheo dùng để ăn cơm, tọa cụ dùng để trải lễ Phật ở trong chánh điện.

3. **Khất thực** : Mỗi ngày khi đến giờ ăn thì vào thành, vào làng khất thực, chứ mình chẳng nấu nướng gì cả.

4. **Khất thực có thứ tự** : Nghĩa là khi đi khất thực, thì không lựa nhà giàu hoặc nhà nghèo, mục đích là tiêu diệt tâm phân biệt mà hành bình đẳng, đó là hành vi đại công vô tư.

5. **Ngày ăn một bữa**, tức là sáng cũng không ăn, chỉ ăn một bữa trưa. Ăn một bữa trưa rất tốt nhưng đáng tiếc không dễ gì làm được. Tại sao ? Vì đói một chút thì muốn ăn, cho nên đa số nhiều người chịu không được sự khổ hạnh ngày ăn một bữa. Song, công đức ngày ăn một bữa nói không hết được. Tóm lại, bạn bớt ăn một chút thì bớt một chút phiền não, ăn nhiều một chút thì phiền não cũng nhiều một chút. Ngoài ra, khi Tỳ Kheo ăn cơm thì phải có ba quán niệm và năm điều quán tưởng.

Ba quán niệm : Thứ nhất : Nguyện dứt tất cả điều ác. Thứ hai : Nguyện tu tất cả điều lành. Thứ ba : Thệ độ tất cả chúng sinh.

Năm điều quán tưởng :

Thứ nhất : "Kế công đa thiểu, lượng bỉ lai xứ". Nghĩa là : hãy tính xem vật ăn phải tốn bao nhiêu công nhân mới làm thành. Ví như sự hình thành một hạt gạo, phải trải qua gieo giống, tưới nước, bón phân, nhổ cỏ .v.v., bao nhiêu là sự khổ cực, cho nên làm được hạt gạo

rất khó khăn vô cùng, đến nơi cũng không dễ. Cho nên có câu :

"Giữa nắng trưa gay gắt,
Nông dân nhọc nhằn cuốc,
Mồ hôi đổ trên lúa,
Bưng bát cơm ai biết,
Mỗi hạt bao đắng cay".

Do đó, chúng ta mỗi người nên thương tiếc vật chất, tiết kiệm, đừng tùy tiện lãng phí, mà hãy nghĩ đến nó, đến nơi không dễ dàng. Tại sao trên thế giới này có những nước thiếu lương thực, nhân dân chẳng có cơm ăn ? Vì lãng phí vật chất quá nhiều, cho nên chẳng có cơm ăn. Chúng ta là người tin Phật, nhất là đối với nhân quả phải cẩn thận, vật chất, ẩm thực, tài vật, bạn dùng được thì dùng, không dùng được thì cho người khác dùng, nhưng đừng có tùy tiện vứt đi, do đó :

"Trong bếp có cơm dư,
Ngoài đường có kẻ đói".

Cho nên trong nhà nếu còn cơm dư, thì hãy bố thí cho người không có cơm ăn, đừng vứt đi.

Thứ hai : "Thổn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng". Nghĩa là : hãy nghĩ xem mình có công đức gì, đáng thọ thập phương cúng dường, độ lượng đức hạnh của mình có đủ chăng ? là đủ hay thiếu ? đáng thọ lãnh của

thí chủ cúng dường chăng ? nếu đức hạnh không đủ thì hãy mau dụng công tu đạo.

Thứ ba : "Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông. Nghĩa là : phòng ngừa tâm của mình, lìa khỏi mọi lỗi lầm. Lìa khỏi lỗi lầm gì ? Tức là lìa khỏi tham sân si ba độc. Ăn vật ăn thì đừng phân biệt vật ngon hay dở, đừng nên vật ngon thì ăn nhiều, vật dở thì không ăn, như thế thì không đúng.

Thứ tư : "Chánh sự lương dược, vi liệu hình khô". Khi Tỳ Kheo ăn cơm thì nghĩ rằng vật ăn vào dùng làm thuốc, để cho thân thể khỏi khô héo, nếu không ăn thì không thể sinh tồn.

Thứ năm : "Vi thành đạo nghiệp, ưng thọ thử thực". "Tại sao tôi phải ăn cơm ? Vì muốn dụng công tu đạo, nếu tôi không ăn cơm thì đứng không vững, ngồi không yên. Vì tôi muốn tu đạo, cho nên không thể không ăn".

6. **Ăn có tiết lượng**. Tức là phải có sự tiết chế đối với thức ăn uống, ăn có số lượng. Không thể cảm thấy vật ăn ngon, ăn xong rồi lại muốn ăn nữa, luôn luôn nghĩ nhớ không quên, như thế thì chẳng có tiết lượng. Bất cứ thấy vật gì ngon, nếu mỗi bữa ăn hai bát, thì nhất định ăn hai bát. Không thể nói vật này không ngon thì tôi ăn một bát, khi vật ăn ngon thì ăn ba bát, mà chẳng tiết chế chút nào. Người hành hạnh đầu đà thì vốn ăn hai bát mới no, nhưng

chỉ ăn một bát rưỡi, tiết lượng bát ăn một chút, đó là ăn có tiết lượng.

7. **Quá giờ ngọ không uống nước có chất bổ**. Không uống sữa, nước trái cây, cà phê, trà hoặc mật ong, mà chỉ uống nước lạnh. Song, điều này rất khó hành, vì ngay cả trà cũng liệt vào chất bổ, không được uống, cho nên không dễ gì hành được. Đó là năm điều khổ hạnh về ăn uống, dưới đây nói về khổ hạnh chỗ ở.

8. **Ở nỏi A Lan Nhã**. A Lan Nhã là tiếng Phạn, dịch là "nơi vắng lặng". Vắng lặng tức là nơi không ồn ào, chẳng có bất cứ âm thanh gì. Nơi đây là ở trong rừng núi, trong thâm cốc, hoặc là nơi xa thành thị, là nơi tu hành tốt nhất cho người tu hành.

9. **Ở dưới gốc cây**. Người hành hạnh đầu đà thì ở dưới gốc cây. Tại sao? Vì người tu đạo lấy trời đất làm nhà, đi khắp nơi đều ở được, nhưng không ở quá mỗi gốc cây ba đêm, vì người tu đạo chân chánh thì rất thanh cao, vì tránh cho người biết họ để đến cúng dường, cho nên ở dưới gốc cây chừng hai đêm thì bỏ đi, để tránh có người muốn đến cúng dường, đó là không cầu bất cứ ai cúng dường.

10. **Ở ngoài trời**. Người tu đạo ở ngoài trời, thật là lấy trời đất làm phòng, tức có ánh sáng của trăng sao, đời sống như thế, sao mà quá tự tại tiêu dao, do đó có câu :

"Nguyệt đáo thiên tâm xứ,
Phong lai thủy bất thức,

Nhất cổ thanh dị vị,
Lược đắc thiểu nhân tri".

Đời sống thiên nhiên như thế, rất ít người lãnh hội được những chỗ áo diệu của nó.

11. **Ở ngoài nghĩa địa**, tức là ở với người chết, làm bạn với ma quỷ. Tại sao ? Vì ngồi ở trong mồ mả thì mình có thể tu quán về vô thường, thấy rõ đời người là vô thường, bất cứ sớm tối trước sau gì cũng sẽ chết, chết rồi thì chôn cất vào mộ, hóa thành đống xương trắng. Ngồi trong mộ tu đạo, thì có thể giác ngộ tất cả đều là vô thường, do đó sẽ không sinh ra đủ thứ tâm tham sân si, mà cũng chẳng có chấp trước.

12. **Lưng không chạm đất**. Ở Ấn Độ, có vị Hiếp Tôn Giả, suốt đời không bao giờ nằm, mà luôn luôn ngồi không nằm. Nếu ngủ nằm thì càng ngủ càng muốn ngủ mà chẳng muốn dậy. Song, nếu thường ngồi không nằm thì ngủ một giấc sẽ tỉnh dậy, tỉnh dậy rất dễ dàng dụng công tu hành tham thiền. Cho nên thường ngồi không nằm về phương diện tu hành giúp ích không ít.

Nếu hành được một hoặc hai hạnh đầu đà vẫn tốt như thường, tùy theo khả năng của mình. Ngài Ca Diếp tuy rất già nua, nhưng Ngài vẫn hành mười hai hạnh đầu đà, cho nên Ngài là người hành đầu đà đệ nhất.

3. Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp
4. Già Gia Ca Diếp
5. Na Đề Ca Diếp

Ba anh em này trước khi quy y với đức Phật, thì đều thờ thần lửa ngoại đạo. Các vị này cho rằng lửa là thần thánh cao nhất, là mẹ của vạn vật, cho nên chuyên môn cung kính lửa, lạy lửa. Bạn nói họ có ngu si chăng ? Lạy lửa lại có ích gì ?

"Ưu Lầu Tần Loa" là tiếng Phạn dịch là "rừng mộc qua", Ngài hoan hỉ nhất là tu đạo trong rừng mộc qua. Ngài và năm trăm đệ tử của Ngài ở bên bờ sông Ni Lạc Ca. Hai người em cùng ở chung với Ngài. "Già Gia" dịch là "thành", hoặc là "núi đầu voi", vị này có ba trăm vị đệ tử. "Na Đề" dịch là "sông", vị này có hai trăm vị đệ tử, cho nên anh em Ca Diếp cộng lại được một ngàn vị đệ tử.

Đức Phật ngộ đạo rồi, bèn đi đến Vườn Nai độ năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như. Độ xong rồi, Ngài quán sát người kế tiếp phải độ là ba anh em Ca Diếp, do đó đức Phật tìm đến Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp, Phật biết nếu độ được vị này, thì hai người em kia và tất cả các đệ tử cũng đều độ được, song, Phật không thể nói toạc ra ý nghĩ đó, cho nên dùng phương tiện khéo léo nói :"Trời đã tối rồi ! Tôi không thể tiếp tục đi nữa, có thể nào cho tôi tá túc trong động của ông một đêm được chăng ?" Ưu Lầu Tần Loa nói :"Có một con rồng lửa hung ác ở trong động đó, nó nhất định thiêu chết ông". Nhưng Đức Phật nói :"Chẳng có vấn đề gì, nó không thể làm thương hại đến tôi". Do đó, Ưu Lầu Tần Loa mời Đức Phật vào trong sơn

động đó ở. Quả nhiên nửa đêm, con rồng lửa thật lớn, miệng phun ra lửa muốn thiêu chết Đức Phật. Song, Đức Phật đã nhập định hỏa quang tam muội, chẳng bị tổn thương chút nào. Lúc đó, Đức Phật dùng thần lực nhiếp rồng bỏ vào trong bình bát, sau đó nói pháp cho nó nghe, rồng chịu quy y với Phật.

Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp quá đỗi kinh ngạc. Tuy nhiên, Ngài cho rằng mình là người tu hành có công phu, nhưng không thể bì được cảnh giới và thần lực của đức Phật, cho nên đem năm trăm đệ tử cùng quy y với đức Phật. Khi hai người em nghe tin Ngài đã xuất gia theo Phật, cũng phát tâm muốn xuất gia và đem hết các đệ tử gia nhập vào trong Tăng đoàn. Xuất gia chẳng bao lâu, ba anh em đều chứng quả A La Hán.

6. Xá Lợi Phất

Khi Xá Lợi Phất chưa ra đời, thì mẹ của Ngài thường biện luận với cậu của Ngài (Ma Ha Câu Hi La), nhưng đều bị thua. Song, từ khi mang thai Ngài Xá Lợi Phất thì rất là kỳ lạ, tức là mẹ của Ngài biện luận với cậu của Ngài thì ngược lại cậu của Ngài đều bị thua. Cho nên, Ma Ha Câu Hi La biết được cậu bé ở trong thai của chị mình, nhất định là người có đại trí huệ. Tại sao ? Vì ông ta biết trước kia chị của mình đâu có thông minh như thế, mà bây giờ lại thông minh lanh lợi, chắc chắn đứa bé trí huệ đó giúp cho bà ta. Ma Ha Câu Hi La cảm thấy bản

lãnh của mình không đủ, nếu tương lai biện luận với cháu của mình mà thua thì mất mặt, do đó ông ta đi về phía nam Ấn Độ tìm thầy học pháp. Ngày đêm chỉ lo chuyên tâm học, chẳng có thời gian để cắt tóc, cạo râu, cắt móng tay, mà để móng tay dài ra, cho nên đa số đều gọi Ngài là "Trường Trảo Phạm Chí" (Ông Phạm Chí móng tay dài).

Khi Ngài học y, bói, xem tướng, chiêm tinh, biện luận .v.v. , xong hết rồi, thì trở về nhà gặp chị của Ngài, tìm Xá Lợi Phất. Song, chị ông ta nói Xá Lợi Phất đã theo Phật xuất gia rồi, ông ta tức khắc sinh tâm kiêu ngạo nói :"Cháu ngoại của ta mới tám tuổi đã đăng tòa thuyết pháp, danh đồn khắp nơi, mấy trăm luận sư đều bị cậu ta luận bại, là cậu bé thông minh như thế, sao lại có thể theo vị Sa Môn xuất gia ? thật là đáng tiếc ! Tôi phải đi gặp vị Sa Môn đó, xem thử ông ta có bản lãnh gì ?" Do đó, Ma Ha Câu Hi La đi gặp Đức Phật, ông ta gặp Đức Phật đem hết phương pháp sở học ra, cũng chẳng cách chi biện luận thắng được Đức Phật, cuối cùng ông ta lập tông với Phật. Phật hỏi ông ta :"Ông lấy gì làm tông ?" Ông ta đáp :"Tôi lấy không thọ làm tông, bất cứ Ngài giảng đạo lý gì, tôi cũng chẳng lý tới, cũng chẳng tiếp thọ, xem thử Ngài có biện pháp gì ?" Phật nói :"Tốt ! Ông lấy không thọ làm tông, vậy ông đã thọ chấp kiến không thọ của ông hay chưa ?" Phật hỏi như vậy, đúng là hỏi ngược lại ông ta ! Nếu nói thọ thì vốn chẳng có tông này, càng trái ngược với mình. Trước khi biện luận, ông ta đánh cá với Phật

:"Nếu tôi biện luận thua thì hãy cắt đầu của tôi xuống, nếu Ngài thua thì phải trả lại đứa cháu của tôi". Nhưng khi luận thua thì ông ta bỏ chạy, không muốn cắt đầu, chạy chẳng bao xa thì nghĩ lại :"Mình là nam tử hán đại trượng phu, nói ra thì phải giữ lời, sao lại nuốt lời ? Thôi hãy trở lại chịu cắt đầu !" Do đó chạy lại chỗ đức Phật muốn lấy đao cắt đầu, nhưng Phật nói :"Ở trong Phật pháp của ta chẳng có phương pháp này, ông biện luận thua là người thua cuộc, hà tất phải cắt đầu". Sau đó Phật thuyết pháp cho ông ta nghe, ông ta lập tức khai mở pháp nhãn, đắc được pháp nhãn thanh tịnh, biết Phật pháp áo diệu vô cùng, mà pháp của mình học là pháp ngoại đạo, chẳng bằng một trong vạn phần của Phật pháp. Cho nên, ông ta không những không đòi cháu về, ngược lại cũng theo Phật xuất gia, đó là một đoạn nhân duyên của Ngài Xá Lợi Phất và cậu của Ngài Ma Ha Câu Hi La.

Xá Lợi Phất là tiếng Phạn, dịch là "phu tử", lại gọi là "châu tử" hoặc "phân tử". Vì mẹ của Ngài gọi là "Thu", có cặp mắt rất xinh đẹp như chim Thu, cho nên gọi là Thu. Và mắt mẹ của Ngài cũng giống như hạt châu, cho nên gọi là châu. "Phất" nghĩa là con.

Xá Lợi Phất trí huệ đệ nhất, đồng thời thần thông cũng lớn vô cùng. Có một lần, Ngài Mục Kiền Liên và Ngài so sánh thần thông. Khi Đức Phật đi đến đâu thuyết pháp, thì tất cả các đệ tử đều theo đi nghe pháp. Chỉ có lần đó Ngài Xá Lợi Phất đang vá y, Ngài Mục Kiền Liên

bèn giục hối Ngài đi, nhưng giục hối cách nào Ngài cũng khẳng định vá tấm y xong rồi mới đi, do đó Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông khiến cho tấm y xếp lại, Ngài Xá Lợi Phất để tấm y bên phải nói :"Nếu bạn giở nổi tấm y lên, thì tôi sẽ đi với bạn". Ai biết, dùng hết tất cả thần thông, không những không thể giở tấm y lên được, mà tấm y cũng chẳng nhúc nhích tí nào. Bạn thấy trí huệ của Ngài Xá Lợi Phất lớn hơn so với thần thông ! Bổn lai Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất, nhưng so sánh với trí huệ của Ngài Xá Lợi Phất thì đấu không qua Ngài được, đủ thấy trí huệ quan trọng hơn hết, thần thông là thứ yếu.

7. Đại Mục Kiền Liên.

Mục Kiền Liên là tiếng Phạn, dịch là "lai bặc căn" hoặc là "thái thúc thị", tên của Ngài là Tí Lợi Bát (tên một thứ cây), vì cha mẹ của Ngài cầu nguyện với cây Tí Lợi Bát mà sinh ra Ngài, cho nên lấy tên này làm tên, nhân duyên giống như Ngài Ca Diếp.

Tuy nhiên mẹ của Ngài Mục Kiền Liên cầu thần, nhưng không tin Phật, Pháp, Tăng, cũng chẳng cung kính Tam Bảo, mà phỉ báng phá hoại Tam Bảo. Do đó, bà ta chết rồi bị đọa vào địa ngục. Khi Ngài Mục Kiền Liên chứng đắc ngũ nhãn lục thông rồi, bèn quán sát khắp thế giới tìm mẹ của Ngài, thì thấy mẹ của Ngài ở trong địa ngục làm ngạ quỷ, chịu vô lượng thống khổ. Ngài Mục Kiền Liên thương xót buồn rầu, mới mang một bát cơm

đến cho mẹ ăn, nhưng cơm vừa tới miệng thì hóa thành lửa than. Tại sao ? Vì mẹ của Ngài tội lỗi sâu nặng, cho nên bất cứ ăn vật gì vào đến miệng của bà ta đều hóa thành lửa, mà ăn chẳng được.

Mục Kiền Liên tuy là thần thông đệ nhất, mà cũng chẳng cách chi cứu được mẹ của Ngài, do đó mới đi tìm đức Phật, khóc lóc nói :"Mẹ của con đọa vào địa ngục làm ngạ quỷ, con mang cơm đến cho bà ăn, nhưng khi cơm đến miệng thì biến thành lửa than, nay con cầu Đức Thế Tôn từ bi thương xót, cứu mẹ của con". Đức Phật nói :"Vì mẹ của con phỉ báng Tam Bảo, tội nghiệp quá nặng, sức của một mình con chẳng thể cứu đặng, nếu muốn cứu mẹ của con thì vào ngày rằm tháng bảy, cũng là ngày Phật hoan hỉ, lúc chư Tăng tự tứ, thiết lễ Vu Lan Bồn để cúng dường mười phương Phật Pháp Tăng, ngày đó, nếu con cúng dường Tam Bảo, thì mẹ của con sẽ lìa khổ được vui". Ngài Mục Kiền Liên nghe rồi, y theo phương pháp của Phật, thiết lễ Vu Lan Bồn để cúng dường Tam Bảo, khiến cho mẹ của Ngài lìa khỏi cảnh khổ trong địa ngục, mà sinh về cõi trời hưởng sự sung sướng.

Cho nên mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy, mỗi Chùa đều làm lễ Vu Lan, siêu độ cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tiền. Có người hỏi :"Nhưng cha mẹ của tôi chưa chết ? Vậy tôi làm thế nào ?" Cha mẹ của bạn chưa chết thì bạn siêu độ cha mẹ bảy đời quá khứ, cha mẹ còn sống cũng được lợi ích thêm phước sống lâu.

Thần thông của Ngài Mục Kiền Liên rộng lớn, là đệ tử Phật có thần thông đệ nhất. Một lần nọ, Đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp, đi ngang qua núi Tu Di, gặp một con rồng độc. Con rồng độc này rất đố kị Đức Phật, muốn cản trở đức Phật lên trời thuyết pháp, do đó miệng phun ra cát độc muốn hại chết đức Phật. Nhưng Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông, biến cát độc thành bông tơ mềm mại, làm cho rồng độc tức mình, do đó rồng độc lại hiện thân to lớn, cuộn tròn ba vòng núi Tu Di, Ngài Mục Kiền Liên cũng hiện thân lớn hơn rồng độc, quấn núi Tu Di chín vòng. Rồng độc thấy Ngài Mục Kiền Liên lợi hại hơn nó, nhưng nó vẫn chưa chịu thua. Do đó, Ngài Mục Kiền Liên bèn biến thành con trùng nhỏ, chui vào trong bụng rồng độc cắn ruột dạ dầy của nó đau đớn vô cùng, chịu hết nổi, rồng độc cũng chẳng còn thần thông gì khác để chống chọi, cho nên chịu thuần phục quy y Phật, do đó, đủ thấy thần thông của Ngài Mục Kiền Liên rộng lớn vô cùng.

Ngài Mục Kiền Liên tức cũng là Bồ Tát Địa Tạng Vương, vì thấy mẹ của Ngài thọ khổ, mà không nỡ thấy tất cả chúng sinh thọ khổ, do đó Ngài phát nguyện muốn làm Bồ Tát Địa Tạng Vương, vào địa ngục cứu giúp chúng sinh thọ khổ, lìa khổ được vui, Ngài phát nguyện rằng :

"Địa ngục chưa trống không,
Thề không thành Phật.
Chúng sinh độ hết, mới chứng bồ đề".

8. Ma Ha Ca Chiên Diên.

Ma Ha nghĩa là "lớn". Ca Chiên Diên dịch là "văn sức". Văn chương của Ngài rất sinh động, xuất sắc vô cùng. Ngài còn có tên là Phiến Thằng (sợi dây), vì khi Ngài được sinh ra chẳng bao lâu, thì cha của Ngài qua đời, do đó mẹ của Ngài muốn cải giá, nhưng có cậu bé Ca Chiên Diên này giống như sợi dây trói buộc bà ta, nên không thể tùy ý cải giá. Ngài còn gọi là Hảo Kiên, vì hai bắp vai của Ngài nhìn trông rất đẹp. Lại có cái tên nữa là Tư Thắng vì tư tưởng của Ngài nhạy bén hơn người.

Ngài Ca Chiên Diên khéo về thuyết pháp, bất cứ giảng về đạo lý gì, Ngài cũng đều đưa ra rất nhiều đạo lý, khiến cho người nghe tâm vui mừng kính phục, cho nên trong mười đệ tử lớn của đức Phật, Ngài là người luận nghị đệ nhất.

Một lần nọ, có một vị ngoại đạo chuyên nói về đoạn kiến, gặp được Tôn Giả hỏi rằng :"Phật giáo các Ngài nói : người chết rồi còn có đời sau, nhưng đạo của tôi nói : người chết rồi chẳng có đời sau, tôi có lý do để bác Ngài. Ngài nói người chết rồi lại có đời sau, còn đi thọ khổ, nhưng theo chỗ tôi biết thì những người chết rồi, vốn chẳng có ai về nói họ thọ khổ gì, như vậy làm sao có đời sau ? Cho nên tôi nói người chết như đèn tắt, nhất định chẳng có đời sau".

Ngài Ca Chiên Diên đáp :"Người không trở về, giống như người phạm tội bị người ta bắt đi nhốt vào

ngục tù, họ còn có thể về nhà chăng ? Những người đọa vào địa ngục cũng như thế !"

Vị ngoại đạo lại nói :"Nhưng những người sinh lên cõi trời, tôi cũng chẳng thấy có người nào trở lại, ở trong địa ngục không được tự do, thì không thể trở về, đó còn có lý do để nói, chứ đằng này sinh lên cõi trời là tự do, sao cũng chẳng thấy họ trở về ?"

Ngài Ca Chiên Diên nói :"Người được sinh lên cõi trời, giống như người từ hầm phân bò lên, dùng nước tắm rửa sạch sẽ rồi, họ còn muốn bò xuống hầm phân nữa chăng ?"

Vị ngoại đạo lúc đó bí lối câm mồm chẳng nói được gì. Ngài Ca Chiên Diên lại nói tiếp :"Một ngày một đêm trên trời Đao Lợi, là một trăm năm ở nhân gian của chúng ta. Ông hãy nghĩ xem, những người sinh về cõi trời ít nhất họ cũng phải nghỉ ngơi, dọn dẹp đâu đó cho gọn gàng mọi việc, cũng phải mất vài ba ngày, tức là nhân gian khoảng hai ba trăm năm. Lúc đó, thì ông đã chết mất, xương cốt chẳng còn, thì ông còn biết họ trở lại chăng ?" Đến đây vị ngoại đạo chẳng còn gì để nói. Cho nên, Ngài Ca Chiên Diên là người luận nghị đệ nhất. Bất cứ đạo lý gì đều có thể giảng, đầu đầu thì đạo, thao thao bất tuyệt, khiến cho người nghe thấm nhuần vị đạo.

9. A Nậu Lâu Đà.

Vị Tôn Giả này tức là Tôn Giả Không Nghèo, còn gọi là A Na Luật. Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài

từng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật, nhưng lúc cúng dường Ngài không biết vị đó là Bích Chi Phật. Nguyện lực của vị Bích Chi Phật đó là : bảy ngày mới xuống núi một lần, hóa duyên bảy nhà, nếu bảy nhà không có ai cúng dường, thì Ngài chẳng hóa duyên nữa mà trở về núi. Vốn bảy ngày vừa qua, Ngài chẳng khất thực được gì, mà lần này cũng như thế, do đó vị Bích Chi Phật lại phải ôm bát không trở về núi, vì đời sống của người dân lúc đó rất khó khăn khổ sở, đâu có thức ăn dư mà bố thí cho người xuất gia. Ngài A Nậu Lâu Đà lúc đó là người nông dân nghèo, mỗi ngày làm ngoài đồng rất vất vả mà ăn cơm rất đạm bạc. Buổi trưa hôm ấy, Ngài thấy vị Tỳ Kheo già chẳng khất thực được gì, bèn sinh tâm cảm động nói : "Ngài là người xuất gia tu đạo gặp lúc thất mùa đói khát, chẳng có cơm ăn, thật là đáng thương. Ngài không hiềm cơm canh đạm bạc thì con dâng cúng cho Ngài".

Vị Bích Chi Phật nói :"Ông chịu bố thí cho tôi thật là tốt, tôi sẵn sàng nhận sự cúng dường của ông, nhưng ông lấy gì để ăn ?" A Nậu Lâu Đà nói :"Hôm nay con không ăn cũng không sao". Do đó, vị Bích Chi Phật thọ trai xong rồi, bèn hiển thần thông hiện mười tám thứ biến hoá, nói :"Ta đã thọ sự cúng dường của ông, sau này đời đời kiếp kiếp ông sẽ chẳng còn nghèo khổ nữa". Vị Tỳ Kheo hồi hướng cho ông rồi, Ngài A Nậu Lâu Đà tiếp tục làm việc, chẳng bao lâu trong rẫy chạy ra một con thỏ. Con thỏ rất kỳ lạ, nhảy nhót đùa giỡn chung quanh rồi

chạy lên vai Ngài A Nậu Lâu Đà không chịu xuống. Ngài A Nậu Lâu Đà lấy xuống mà không cách chi gỡ xuống được, mới trở về nhà, kêu vợ của ông ta cầm con thỏ xuống. Cầm xuống thì con thỏ sống đã biến thành con thỏ bằng vàng óng ánh sáng chói, do đó ông ta bèn chặt cái chân trước để đi bán lấy tiền, nhưng cái chân bị chặt chẳng bao lâu lại mọc ra như cũ. Cho nên, từ đó về sau Ngài A Nậu Lâu Đà không những đời này trở thành phú ông giàu có, mà cho đến chín mươi kiếp cũng đều vinh hoa phú quý.

Đó là A Nậu Lâu Đà cúng dường cho vị Bích Chi Phật mà đắc được quả báo không nghèo.

A Nậu Lâu Đà thích nhất là ngủ, có một lần đức Phật đang giảng Kinh thuyết pháp mà Ngài ngủ gục, bị Phật quở trách, Ngài A Nậu Lâu Đà hổ thẹn vô cùng, mới phát tâm tinh tấn dũng mãnh không ngủ. Bảy ngày bảy đêm không ngủ, mắt bị lòa. Đức Phật thương xót mới dạy Ngài tu Tam muội Kim Cang Chiếu Minh. Không lâu, Ngài đắc được thiên nhãn thông, thấy rõ ba ngàn đại thiên thế giới, như thấy trái Am Ma La trong lòng bàn tay. Trong số đệ tử của đức Phật Ngài A Nậu Lâu Đà là người có thiên nhãn đệ nhất.

10. Kiếp Tân Na.

Cha mẹ của Ngài Kiếp Tân Na đã bốn năm mươi tuổi mà chưa có con, do đó mới đến miếu thờ vì sao thứ tư trong Nhị Thập Bát Tú để cầu con. Tâm thành sở chí, cảm

ứng linh nghiệm, chẳng bao lâu hạ sinh một đứa con, do nhân duyên đó cho nên đặt tên là "Phòng Tú". Tôn giả Kiếp Tân Na tức là vì sao thứ tư đó. Trong số đệ tử của Phật, Ngài là người tinh thuật học (giỏi về chiêm tinh) đệ nhất.

11. Kiều Phạm Ba Đề.

Vị Tôn giả này có động tác rất là kỳ quái, tức là mỗi khi ăn cơm xong, thì giống như bò gặm cỏ, trong mồm cứ nhai nuốt không ngừng, cho nên gọi là Ngưu Từ Tôn Giả, lại gọi là Ngưu Vương. Vì Ngài có tập khí này, cho nên Đức Phật sợ người đời thấy Ngài mà sinh hủy báng, sẽ bị đọa lạc, do đó mới kêu Ngài lên sống ở trên cõi trời, thọ nhận chư thiên cúng dường. Tại sao Ngài có tập khí này ? Vì quả báo ác khẩu (chửi mắng). Vô lượng kiếp về trước, khi Ngài còn là chú tiểu Sa Di, đã từng khinh mạn chửi mắng một vị Bích Chi Phật già, ăn cơm như bò gặm cỏ, tuy vị Bích Chi Phật khuyên Ngài lập tức sám hối, song, Ngài chẳng hổ thẹn chút nào, ngược lại còn bôi bác nói :"Sám hối cái gì ? Tôi đâu có giống ông như thế !" Do chửi mắng khinh khi như thế, cho nên chết rồi đọa làm bò năm trăm đời, về sau được chuyển làm thân người, nhưng không tránh khỏi hình tướng tập khí làm bò, ăn rồi vẫn giống như bò gặm cỏ. Đó là vì quá khứ đã phỉ báng vị Bích Chi Phật. Do đó, cử chỉ hành động gì chúng ta đều phải cẩn thận, kiểm thảo phản tỉnh chính

mình, đừng tùy tiện phỉ báng khinh khi phá hoại người khác.

12. Ly Bà Đa.

Ly Bà Đa là tiếng Phạn, là vì sao thứ bảy trong Nhị Thập Bát Tú, cha mẹ của Ngài cũng cầu sao mà được con. Ngài còn có tên là "Giả Hòa Hợp", trước khi chưa xuất gia, Ngài nghèo khổ vô cùng, có lần đến ngủ ở trong miếu hoang. Ban đêm có hai con quỷ, một lớn một nhỏ đến kéo theo một thây người chết. Hai con quỷ gặp Ngài hỏi rằng :"Ê ! Ngươi muốn chúng ta ăn thây chết này, hay là ăn ngươi !" Ngài Ly Bà Đa chẳng đếm xỉa gì đến bọn chúng, do đó hai con quỷ thương lượng, con quỷ lớn thì ăn thây chết, con quỷ nhỏ thì xé từng bộ phận của Ngài Ly Bà Đa đắp vào thây chết. Chẳng bao lâu, con quỷ lớn ăn hết thây chết, đầu mắt tay chân đều bị con quỷ nhỏ đem ráp vào thây chết. Lúc đó, Ngài kinh hãi vạn phần :"Toàn thân của tôi đã bị quỷ xé rách ra, bây giờ tôi chẳng còn thân thể nữa, làm sao đây ?"

Ngài lập tức chạy về xóm làng, thấy người bèn hỏi :"Tôi có thân thể chăng ? Xin nói cho tôi biết !" Nhưng ai cũng đều cho rằng Ngài bị điên. Lát sau, Ngài gặp một nhóm hoà thượng lại hỏi rằng :"Các vị có thấy tôi có thân hay không ?" Trong số hoà thượng đó có vị đã chứng quả A La Hán, biết có thể độ Ngài xuất gia mới nói :"Thân người vốn là giả mà chẳng tự có, nếu ông tu hành chứng quả, đắc được tự tính quang minh, thì đó mới là chân thật

không giả, ông có hay không có nhục thân này lại có quan hệ gì ?" Ngài nghe như vậy rồi bèn theo vị Hoà Thượng đó xuất gia, chẳng bao lâu thì Ngài khai ngộ. Vì Ngài bị quỷ xé thân ăn, ngộ được lý thân người giả hợp, cho nên có tên là "Giả Hoà Hợp".

13. Tất Lăng Già Bà Tha.

Tất Lăng Già Bà Tha dịch là "Dư Tập", vì Ngài chưa trừ khử sạch hết tập khí nhiễm ô nhiều đời nhiều kiếp. Có một lần, Ngài đi qua sông thì kêu thần sông ngưng nước lại đừng chảy, vị thần sông nầy là người nữ, do đó Ngài nói :"Tiểu tì, ngưng chảy." Vì Ngài đã chứng quả A La Hán có thần thông. Tuy nhiên nói như thế, nhưng thần sông cũng không dám không nghe chỉ thị của Ngài, song, trong tâm rất bực bội, nhưng chẳng dám nói ra. Tình hình như thế xảy ra nhiều lần, nữ thần sông không còn nhẫn nhịn được nữa bèn đi lên gặp Đức Phật nói :"Đức Thế Tôn ! Ngài có vị đệ tử hiệu là Tất Lăng Già Bà Tha, vị đó chẳng tôn trọng con chút nào, mỗi lần đến bờ sông của con thì nói :"Tiểu tì, ngưng chảy. " Nói lời như thế thật là vô lễ, thật chẳng có lễ độ đối với người." Đức Phật nói đợi vị ấy về thì sẽ bảo vị ấy xin lỗi với thần sông. Chẳng bao lâu, Tôn Giả trở về, đức Phật nói với Tôn Giả :"Con qua sông Hằng thì tại sao gọi thần sông : "Tiểu tì, ngưng chảy." Đó thật là vô lễ, phải mau xuống xin lỗi với vị thần ấy." Do đó, Ngài Tất Lăng Già Bà Tha đến bờ sông, chắp tay lại cười hì hì

nói :"Ê ! Tiểu tì, đừng giận !" Nói như vậy càng làm cho thần sông bực mình. Thần sông bèn nói với Đức Phật :"Ngài thấy đó ! Đang ở trước mặt Ngài mà Tôn Giả nầy vẫn còn kêu con như thế." Đức Phật nói :"Con không biết đâu ! Năm trăm đời về trước, con là tôi tớ của Tôn Giả Tất Lăng Già Bà Tha, Tôn Giả kêu con "tiểu tì" đã quen rồi, bây giờ tuy con làm thần sông, nhưng tập khí của Tôn Giả vẫn chưa thay đổi. Vì các con có quan hệ chủ tớ như thế, cho nên Tôn Giả bây giờ vẫn cứ gọi con là tiểu tì." Thần sông nghe Đức Phật nói như thế thì mới vỡ lẽ. Cho nên Tôn Giả Tất Lăng Già Bà Tha tập khí nhiều đời nhiều kiếp vẫn còn, cho nên gọi là "dư tập".

14. Bạc Câu La.

Tên của Tôn Giả nầy dịch là "Thiện Dung", đó là vì tướng mạo của Tôn Giả đoan nghiêm trang trọng. Tôn Giả trong vô lượng kiếp về trước, chuyên tu giới không sát sinh. Ngài chuyên môn tu giới nầy, không những biểu hiện bên ngoài chẳng phạm giới, mà nội tâm bên trong cũng thanh tịnh trong sạch, chẳng khởi ý niệm giết hại. Vì giữ gìn cẩn thận, cho nên cảm ứng được năm thứ quả báo hại không chết.

Khi Ngài vừa mới sinh ra thì đã biết nói, vui vẻ tươi cười nói :"Cha mẹ, cha mẹ." Rất kháu khỉnh dễ thương, nhưng cha mẹ sợ hãi hoảng hốt, cho rằng Ngài là yêu ma quỷ quái chuyển thế. Do đó, mẹ của Ngài sinh tâm độc ác đem bỏ Ngài vào lò nấu muốn nấu chín Ngài. Nhưng nấu

mãi mà không chết, mà còn cười cho rằng là trò chơi. Mẹ của Ngài nói :"Thằng nầy là yêu quái chẳng sợ lửa, nhưng chắc chắn sẽ sợ nước." Do đó, đem bỏ Ngài xuống sông cũng không chết.

15. Ma Ha Câu Hi La.

Tên của Tôn Giả nầy dịch là "Đại tất" (đầu gối to), vì đầu gối của Ngài rất lớn. Ngài là cậu của Ngài Xá Lợi Phất, trước khi xuất gia Ngài biện luận với Đức Phật, đánh cuộc rằng :"Nếu ta thua thì hãy chém đầu ta, nếu ta thắng thì ta sẽ dẫn cháu về." Cuối cùng Ngài biện luận thua, nhưng Phật không cần chém đầu Ngài mà thuyết pháp độ cho Ngài xuất gia. Ngài Ma Ha Câu Hi La biện tài vô ngại, là người biện tài đệ nhất. Ngài với Tôn Giả Bạc Câu La đều là thường tùy chúng của Đức Phật (Chúng luôn luôn đi theo Đức Phật).

16. Nan Đà.

Đức Phật có ba đệ tử đều gọi là Nan Đà : Nan Đà, A Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà. Vị Nan Đà nầy là chỉ vị Phóng Ngưu Nan Đà (Nan Đà chăn bò), dịch là "Thiện Hoan Hỉ". Vì Ngài hỏi đức Phật mười một việc chăn bò, biết đức Phật đầy đủ Nhất Thiết Trí mới theo Phật xuất gia, chứng được quả A La Hán. Ngài rất thông minh, có âm thanh tuyệt vời.

17. Tôn Đà La Nan Đà.

Tên của Tôn Giả nầy lấy theo tên vợ của Ngài (Tôn Đà La) mà làm tên, vì Ngài thương mến lưu luyến vợ của Ngài. Tôn Đà La dịch là "hảo ái" hoặc là "đoan chánh", tướng mạo của vợ Ngài là tuyệt thế giai nhân, là người đẹp nhất trong xứ Ấn Độ. Do đó, Ngài Tôn Đà La Nan Đà rất thương yêu vợ vô cùng. Khi đức Phật thấy Ngài nhân duyên đã chín mùi, muốn độ Ngài xuất gia (Ngài là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật). Nhưng Ngài chẳng bỏ được người vợ xinh đẹp, cho nên chẳng muốn xuất gia. Do đó, đức Phật dùng phương tiện pháp môn. Một ngày nọ, đức Phật vào vương cung khất thực, muốn Ngài ôm bình bát của đức Phật về Tinh Xá Kỳ Hoàn, nhưng Ngài bước từng bước mà không muốn rời xa vợ, song chẳng dám từ chối mệnh lệnh của anh mình (đức Phật), do đó giải thích với vợ nguyên nhân phải ra đi. Tôn Đà La nhổ nước bọt trong lòng bàn tay nàng, hạn định Tôn Giả Nan Đà phải trở về trước khi nước bọt khô, nếu không thì cô ta sẽ không mở cửa cho Tôn Giả Nan Đà vào.

Tôn Giả hứa sẽ trở về liền, không ngờ đến Tinh Xá Kỳ Hoàn rồi, Phật không cho Tôn Giả về mà muốn Tôn Giả xuất gia, do đó xuống tóc cho Tôn Giả. Tuy nhiên đã xuất gia nhưng hằng ngày Tôn Giả đều muốn tìm cơ hội trốn về nhà, vì Tôn Giả chưa xả bỏ đặng nàng Tôn Đà La !

Đức Phật thấy Tôn Giả luôn luôn buồn rầu không vui, mới đưa Tôn Giả lên núi đi du ngoạn. Đến trên núi thấy bầy khỉ đùa giỡn, đức Phật bèn hỏi :"Con hãy so

sánh bầy khỉ nầy với nàng Tôn Đà La ai đẹp hơn ? " Tôn Giả nói :"Đương nhiên nàng Tôn Đà La đẹp hơn, bầy khỉ xấu xí làm sao sánh với nàng Tôn Đà La." Đức Phật nói :"Con thật là thông minh, biết phân biệt đẹp xấu, được rồi, chúng ta trở về." Trở về, Tôn Giả nhớ vợ không nguôi, tuy nhiên luôn luôn muốn trốn đi nhưng chẳng có cơ hội.

Phật thấy Tôn Giả buồn bã không vui, lần nầy Phật đưa Tôn Giả lên các cõi trời du ngoạn, thấy thiên cung thật đẹp đẽ trang nghiêm, lại có một thiên cung, bên trong có rất nhiều tiên nữ xinh đẹp tuyệt trần. Đức Phật hỏi Tôn Giả :"Con thấy những vị tiên nữ nầy đẹp hay là nàng Tôn Đà La đẹp hơn ?" Tôn Giả nói :"Đương nhiên là tiên nữ đẹp hơn, nàng Tôn Đà La sánh với tiên nữ cũng giống như khỉ sánh với nàng Tôn Đà La, nàng Tôn Đà La sao có thể sánh với tiên nữ được !" Tôn Giả thấy những tiên nữ đẹp mà chẳng thấy chủ nhân, do đó mới hỏi tiên nữ :"Ai là chủ nhân của các vị ?" Tiên nữ đáp :"Chủ nhân của chúng tôi là em của đức Phật, là Tôn Giả Tôn Đà La Nan Đà. Bây giờ anh ấy đang theo đức Phật tu đạo, đời sau anh ấy sẽ sinh về cung trời nầy, chúng tôi sẽ hầu hạ anh ấy." Tôn Giả nghe như vậy tâm mừng rỡ vô cùng, nghĩ rằng :"Có những tiên nữ xinh đẹp như thế sẽ hầu hạ mình, mình nhất định phải dụng công tu hành."

Lần nầy trở về, Tôn Giả đã hoàn toàn quên nàng Tôn Đà La, mà chỉ nhớ đến các tiên nữ. Cho nên Tôn Giả thay đổi thái độ trước kia, ngược lại rất tinh tấn dụng công

tu hành, nhưng đức Phật biết Tôn Giả chỉ muốn tu để sinh về cõi trời làm chủ nhân của các tiên nữ. Do đó, một ngày nọ, đức Phật đưa Tôn Giả đi xuống địa ngục xem cho biết. Đến địa ngục thấy cảnh trạng thật thê thảm hãi hùng, nào là : núi đao, chảo dầu sôi, hầm lửa, đủ các thứ địa ngục, khiến cho người thấy toát mồ hôi, toàn thân run sợ ! Cuối cùng đến địa ngục nọ, thấy có hai con quỷ giữ chảo dầu sôi mà chẳng thấy có ai ở trong đó, bèn hỏi quỷ rằng : "Sao trong chảo dầu sôi nầy chẳng thấy có ai ?" Quỷ đáp :"Anh không biết đâu, chảo dầu sôi này để dành cho em của đức Phật tức là Tôn Giả Tôn Đà La Nan Đà, bây giờ đã theo Phật xuất gia tu đạo, nhưng chỉ muốn tu để hưởng phước cõi trời, sau khi hưởng thụ hết phước cõi trời thì Tôn Giả sẽ đọa vào địa ngục, đợi Tôn Giả sẽ vào chảo dầu sôi nầy." Tôn Giả nghe rồi thì toàn thân toát ra mồ hôi run lập cập nghĩ :"Không xong rồi, nguyên lai chảo dầu nầy chuẩn bị dành riêng cho ta, biết làm sao ?" Sau đó, Phật đưa Tôn Giả trở về nhân gian, vì Tôn Giả mà nói về pháp môn : Khổ, không, vô thường, vô ngã. Lúc đó Tôn Giả tinh tấn dụng công tu hành chẳng bao lâu chứng được quả A La Hán.

Tuy nhiên ban đầu Tôn Giả rất thương nhớ vợ, nhưng từ khi thấy các vị tiên nữ quá xinh đẹp hơn vợ, thì Tôn Giả chẳng còn nhớ vợ nữa. Một khi biết được khổ ở địa ngục thì mới chân chánh phát tâm tu hành. Nếu không

biết khổ ở địa ngục, thì Tôn Giả chưa chịu phát tâm tu hành.

18. Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử.

Phú Lâu Na dịch là "Mãn", là tên cha của Ngài. Di Đa La Ni dịch là "Từ", là tên mẹ của Ngài. Nghĩa của tên là Mãn Từ Tử. Khi Ngài vừa ra đời, thì chư thiên cõi trời mưa châu báu xuống nhà của Ngài đó là điềm cát tường. Ngài là vị A La Hán thuyết pháp đệ nhất trong số đệ tử của đức Phật.

19. Tu Bồ Đề.

Khi Ngài sinh ra thì châu báu trong nhà đều không (biến mất hết), cho nên gọi là Không Sinh. Cha mẹ của Ngài tìm thầy bói tướng xem thử, thì đoán rằng đó là cát tường trong sự cát tường, do đó lại có tên là Thiện Cát, qua bảy ngày sau, châu báu trong nhà đều xuất hiện trở lại, cho nên Ngài lại có tên nữa là Thiện Hiện. Trong số đệ tử của Phật, Ngài là người giải không đệ nhất.

20. A Nan.

A Nan là vị Tôn Giả kết tập Kinh điển, là thị giả của Đức Phật. A Nan dịch là "Khánh Hỉ", vì ngày Đức Phật thành đạo là ngày Ngài ra đời, cho nên cha mẹ của Ngài quá đỗi vui mừng, do đó đặt tên là Khánh Hỉ.

21. La Hầu La.

Là con của đức Phật. Khi La Hầu La chào đời thì xảy ra việc thị phi phiền não rất nghiêm trọng. Đức Phật đã xuất gia sáu năm, mà Da Du Đà La vợ của Ngài mới sinh ra một đứa con, cho nên quyến thuộc của đức Phật giận dữ vô cùng, cho rằng công chúa không giữ đạo làm vợ, do đó có người muốn trừng phạt công chúa, nhục mạ công chúa, tiếng xấu đồn lan tràn khắp nơi :"Đức Phật đã xuất gia sáu năm mà vợ của Phật mới mang bầu !" Tuy nhiên người trong cung nói với phụ vương của đức Phật là bảo đảm công chúa chẳng làm chuyện đó, đứa con nầy chắc chắn là con của đức Phật, nhưng chẳng có ai tin. Thật tế thì La Hầu La ở trong thai mẹ sáu năm. Nhưng duyên bên ngoài bức bách quá, do đó nàng Gia Du Đà La mới phát nguyện rằng :"Nếu tôi không giữ đạo làm vợ thì nhảy vào hầm lửa, lửa sẽ thiêu chết mẹ con tôi, nêu tôi trong sạch thì thiên thần hãy bảo hộ tôi khiến cho mẹ con tôi không bị lửa thiêu chết", mới làm một hầm lửa. Công chúa Gia Du Đà La bồng Ngài La Hầu La nhảy vào hầm lửa, nhưng lạ thay hầm lửa biến thành hồ sen, có đóa hoa sen lớn đỡ mẹ con hai người. Từ đó về sau mọi người đều biết là Công Chúa Gia Du Đà La bị oan, ai ai cũng hiểu rõ sự việc nầy chẳng phải là việc tầm thường, cũng chẳng còn ai phỉ báng công chúa nữa.

Tên của Ngài La Hầu La dịch là "Phú Chướng" (chướng che đậy), vì trong quá khứ Ngài La Hầu La từng bít miệng hang chuột trong vòng sáu ngày, cho nên đời

nầy Ngài phải ở trong thai mẹ sáu năm, đó là quả báo. Cho nên quả báo tuần hoàn thật là đáng sợ ! La Hầu La là con của đức Phật cũng không tránh khỏi ác nghiệp mình đã tạo ra trong quá khứ, mà phải ở trong thai mẹ sáu năm, cho nên gọi là Phú Chướng, vì mang thai La Hầu La mà sinh rất nhiều phiền não chướng ngại.

Cứu kính con của đức Phật ra sao. Có phải con của Phật chăng ? Phải. Vậy có phải Phật quan hệ hành vi vợ chồng như người bình thường chăng ? Không phải. Vì công chúa Gia Du Đà La muốn có con, do đó Đức Phật dùng tay chỉ vào bụng thì nàng mang thai, đó là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, nếu bạn muốn khảo chứng thì hiện tại tôi chẳng có chi làm cho bạn hiểu đặng, chỉ có cách bạn dụng công tu hành, tu đến cảnh giới đó thì sẽ thấy rõ cảnh giới của Phật vi diệu khó nghĩ bàn.

Đó là những vị đại A La Hán, hàng tri thức trong chúng.

Tức là chỉ hai mươi mốt vị đại A La Hán ở trên. Trong tâm của đại chúng minh bạch là tri, mắt thấy là thức ; tâm, mắt đều minh bạch tức là tri thức. Tri thức là đối với người ngu si mà nói. Người ngu si thì bất tri bất thức (chẳng hiểu biết), người trí huệ là tri thức. Nhưng đạo lý phải nói hai bên, nếu bạn thật bất tri bất thức, đó mới là chân chính trí huệ. Chân chính bất tri bất thức mới chân chính trí huệ. Chân chính bất tri bất thức mới chân

chính vô tư vô lự (không suy nghĩ). Được vô tư vô lự thì trí huệ của mình mới hiển hiện được, đó mới là chân chính tri thức trí huệ.

Đại A La Hán thì thọ nhận sự cúng dường của trời người. Nghĩa của A La Hán là : Ứng cúng, sát tặc, vô sinh. A La Hán không những sát tặc (giết kẻ tặc), mà cho đến bất tặc (chẳng phải tặc) cũng giết. Vì cảnh giới của A La Hán thì cho rằng chẳng phải tặc, nhưng cảnh giới của Bồ Tát thì đó là tặc. Cho nên, nếu hồi tiểu hướng đại thì chẳng phải tặc cũng phải giết.

Lại có hai nghìn ngưởi hữu học và vô học.

Trong bốn quả Thánh, thì ba quả trước là bậc hữu học, chứng được tứ quả A La Hán mới là bậc vô học. Trong hội Pháp Hoa, bậc hữu học và vô học cộng lại có hai ngàn người. Hai ngàn người nầy lại biểu thị "thập như thị". Mười pháp giới, từ pháp giới địa ngục cho đến pháp giới của Phật, mỗi pháp giới đều có đủ pháp nhân quả thập như thị. Đó là : Như thị tướng (tướng như vầy), như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bổn mạt (gốc ngọn) cứu kính. Mỗi như thị, lại biến thành mười, mười lại biến thành trăm, trăm lại biến thành ngàn, đó là biểu thị hữu học vô học hai ngàn người.

Tỳ Kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cùng với quyến thuộc sáu ngàn người tụ hội. Mẹ của La Hầu La là Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La, cũng cùng với quyến thuộc tụ hội.

Ma Ha là lớn. Ba Xà Ba Đề dịch là "Ái Đạo". Vị Đại Ái Đạo Ty Kheo Ni nầy, không những chỉ là dì của Đức Phật mà mỗi vị Phật ra đời, bà ta đều làm dì của Đức Phật, nuôi dưỡng chăm sóc các Ngài trưởng thành. Quyến thuộc kể cả lục thân, bạn bè. Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni với quyến thuộc sáu ngàn người, thân nhân bạn bè đều ở trong hội Pháp Hoa.

Mẹ của La Hầu La là Gia Du Đà La cũng xuất gia theo Phật, làm đệ tử của Phật, trở thành Tỳ Kheo Ni. Tỳ Kheo Ni cũng có ba nghĩa như Tỳ Kheo là khất sĩ, bố ma, phá ác. Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La cũng cùng với quyến thuộc ở trong hội Pháp Hoa.

Bậc đại Bồ Tát gồm tám vạn người, đều không thối chuyển nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài, chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển, đã từng cúng dường

vô lượng trăm ngàn các Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật gieo trồng các gốc công đức. Thuởng đuợc chư Phật ngợi khen, dùng tử để tu thân, khéo vào huệ của Phật, thông đạt đại trí huệ, đến nởi bỏ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giởi, có thể độ đuợc vô số trăm ngàn chúng sinh.

Bồ Tát là tiếng Phạn, nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề là giác, Tát Đỏa là hữu tình. Một vị Bồ Tát giác ngộ hữu tình, tức cũng là trong hữu tình Bồ Tát là một vị giác ngộ. Ngài dùng phương pháp đạo lý giác ngộ, đi giác ngộ những hữu tình khác. Ngoài ra, còn có hai tên gọi khác là chúng sinh đại đạo tâm, hoặc là Khai Sĩ. Bậc đại Bồ Tát có đầy đủ bảy đại.

1. **Đủ đại căn cỏ** : Căn cơ của Bồ Tát sâu rộng vô cùng. Ngài gieo trồng gốc công đức, từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, đã trồng xuống căn lành sâu rộng quảng đại, căn lành nầy gọi là gốc công đức. Căn lành Ngài trồng xuống nhiều vô lượng vô biên, cho nên nói là gieo trồng các gốc công đức. Hơn nữa chẳng phải chỉ trồng căn lành ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật, mà là giống như trong Kinh Kim Cang có nói : "Ở nơi vô lượng bô biên trăm ngàn vạn ức vị Phật, nhiều như số cát sông Hằng, đều đã từng gieo trồng các căn lành." Ở

trước vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức vị Phật, nhiều như số cát sông Hằng, đều đã từng gieo trồng các căn lành.

2. **Đủ đại trí huệ** : Ngài phát đại bồ đề tâm rộng độ tất cả chúng sinh, tuy độ khắp tất cả chúng sinh, nhưng chẳng chấp tướng độ chúng sinh, đó tức là đại trí huệ. Trong Kinh Kim Cang có nói :"Loài sinh bằng trứng, bằng thai, bằng ẩm ướt, bằng biến hóa, loài có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng có tưởng, chẳng không tưởng, ta đều khiến cho vào Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ. Diệt độ như vậy vô lượng vô số vô biên chúng sinh, mà thật chẳng có chúng sinh nào được diệt độ." Chẳng có một chúng sinh nào là Phật độ, mà chúng sinh đều tự độ vậy. Nghĩa là : tuy nhiên độ chúng sinh mà chẳng chấp tướng độ sinh. Chẳng giống như chúng ta làm được một việc gì tốt thì tuyên dương :"Tôi độ được bao nhiêu người xuất gia, tôi độ được bao nhiêu người phát tâm tin Phật, hoặc là người nào đó là do tôi độ, người nào đó là do tôi giới thiệu để tin Phật." Đó là chấp trước tướng. Vì sao chấp tướng ? Vì ngu si. Người có đại trí huệ thì chẳng chấp tướng. Bồ Tát thì lìa tất cả tướng, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu không lìa tướng thì chẳng phải là Bồ Tát.

3. **Tin đại pháp** : Đại pháp tức là pháp đại thừa. Bạn phải tin sâu pháp môn đại thừa thật tướng, tin sâu nhân quả, tin sâu trí huệ Bát Nhã. Phật pháp như biển cả, chỉ có niềm tin mới vào được. Nếu bạn thiếu niềm tin, thì

dù Phật pháp rộng lớn, cũng không thể độ bạn được. Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói :

"Tin là nguồn gốc mẹ công đức,
Nuôi lớn tất cả các căn lành."

Căn lành từ đâu đến ? Từ niềm tin đến, từ niềm tin sinh ra, cho nên tin là mẹ của tất cả công đức. Đại Bồ Tát tin sâu tất cả đại pháp, diệu pháp vô thượng, nhất là đối với bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy, Ngài đặc biệt tin sâu coi trọng.

Chúng ta có đại tín tâm chân chánh đối với Phật pháp, thì chúng ta cũng là đại Bồ Tát. Trong Kinh Kim Cang có nói :"*Cho đến trong một niệm sinh niềm tin thanh tịnh, thì phước đức ấy thắng hơn dùng bảy báu bố thí ba ngàn đại thiên thế giới*." Công đức của một niềm tin thanh tịnh của bạn, đồng như dùng bảy báu để bố thí cho tất cả thế giới, mà Đức Như Lai hoàn toàn biết tâm niệm nầy của bạn, không thể khiến cho luống qua. Cho nên chúng ta là người học Phật pháp, đều phải đem niềm tin chân chánh ra, mới có thể đắc được sự tương ưng.

4. **Hiểu đại lý** : Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói : Tin, hiểu, hành, chứng. Do đó, hiểu đại lý thì phải y chiếu tín tâm, trước hết phải tin, sau mới hiểu, rồi thực hành, cuối cùng sẽ chứng đắc. Đại lý là gì ? Tức là minh bạch tất cả chúng sinh vốn là Phật, tức cũng là :"lý tức Phật" ở trong "sáu tức Phật". Nói theo lý, thì mỗi chúng sinh đều là Phật, nhưng phải tu hành mới thành Phật

được. Nếu không tu hành mà cứ nói mình là Phật thì chẳng ích gì. Ví như bạn tự phong làm vua, suốt ngày tự hô : Ta là hoàng đế ! Ta là hoàng đế ! Nhưng chẳng có văn võ bá quan đến bảo hộ bạn, chẳng có nhân dân để chi trì, nếu chẳng có, bạn chỉ là hoàng đế trống rỗng, có ích gì ? Cho nên, theo lý mà nói thì tất cả chúng sinh vốn là Phật, nhưng phải tu hành mới trở về nguồn cội được, nhận thức bộ mặt thật vốn có của mình. Tại sao phải minh bạch chúng sinh vốn là Phật ? Vì trí huệ thật tướng không lìa tâm chúng sinh, đều đầy đủ trong mỗi tự tính của chúng sinh, cho nên phải hiểu đại lý.

5. **Tu đại hạnh** : Đại Bồ Tát siêng tu lục độ vạn hạnh : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

A. Bố thí : Gồm bố thí tài, bố thí pháp, bố thí không sợ hãi.

a. Bố thí tài, lại có : nội tài (đầu, mắt, tủy, não), và ngoại tài (ngai vàng, vợ con). Hành Bồ Tát đạo là chẳng có tướng ta, chẳng có tướng người, cho nên Bồ Tát xả bỏ tất cả, bố thí cho mọi người.

b. Bố thí pháp, tức là thuyết pháp lợi sinh, vì Chúng sinh mà thuyết giảng Phật pháp. Cho nên người học Phật pháp, đều phải học tập giảng Kinh thuyết pháp, để thuyết giảng cho mọi người nghe. Nếu biết chút ít thì nói chút ít, biết nhiều thì nói nhiều, tùy theo sự hiểu biết của mình, mà giảng giải cho người nghe, đó tức là bố thí pháp, dùng pháp để bố thí giáo hóa chúng sinh.

c. Bố thí không sợ hãi, tức là nếu có người gặp hoàn cảnh bất như ý hoặc tai nạn, trong tâm sợ hại âu lo, mà lúc đó bạn an ủi họ, khiến cho họ tiêu trừ hết tất cả sợ hãi lo âu, tâm được yên ổn.

B. ***Trì giới*** : Giới có : năm giới, tám giới, mười giới, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, giới Tỳ Kheo, giới Tỳ Kheo Ni.

C. ***Nhẫn nhục*** : Là phương pháp hữu dụng nhất, nếu bạn nhẫn nhục được, thì giống như lượm được báu vật vậy. Có câu chuyện nầy tôi đã từng nói qua : Có vị tu hành, tu hạnh nhẫn nhục ghi câu "Tính của tôi như tro", dáng lên ở trước cửa. Ý nghĩa câu đó là : tính của vị đó chẳng còn lửa, chưa bao giờ nóng giận. Vị tu hành nầy, ngày đêm tinh tấn dụng công, tính tình tu rất nhu hòa.

Lúc đó, có vị Bồ Tát đến khảo nghiệm đạo hạnh của vị đó. Bồ Tát đến trước cửa của vị đó hỏi :"Mấy chữ nầy là chữ gì ?" Đáp :"Tính như tro." Lát sau, Bồ Tát trở lại hỏi nữa :"Tấm đó biên cái gì vậy ? vì tôi chẳng nhớ rõ." Đáp : "Tính như tro." Cứ như thế trở lại hỏi mấy lần, cuối cùng vị tu hành nổi lửa sân lên, lớn tiếng la lớn :"Tính như tro ! Tính như tro ! Ông có nghe không ! Ông có nghe không ! Cứ đến nhiễu loạn sự tu hành của tôi." Bồ Tát cười nói :"Té ra tro vẫn còn lửa." Nói xong vọt thân lên hư không biến mất. Bạn biết vị Bồ Tát nầy là ai chăng ? Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm đến khảo nghiệm ông ta, kết quả tu mấy chục năm tính như tro nhưng vẫn còn lửa. Trước khi Bồ Tát Quán Âm đi có

nói :"Ngươi hãy tiếp tục tu hành, hai mươi năm sau ta sẽ đến nữa." Do đó, đủ thấy nhẫn nhục là việc cực đoan chẳng dễ dàng, quan trọng nhất là chẳng còn nóng giận.

D. ***Tinh tấn*** : Gồm thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Thân tinh tấn là : Lạy Phật, tụng Kinh, trì Chú .v.v., ngày đêm sáu thời đều tinh tấn dụng công, một phút một giây cũng không giải đãi phóng dật. Chân chánh dụng công chẳng phải cứ giả bề mặt bên ngoài, mà là tự mình chân thật dụng công, đừng ở trước mặt đại chúng tạo tác, giả vờ. Tâm tinh tấn là luôn luôn siêng tu giới, định, huệ, diệt trừ tham, sân, si.

E. ***Thiền định*** : Tham thiền đả tọa thì phải cần tinh tấn để trợ giúp, có tinh tấn thì tất có nhẫn nại ; có nhẫn nại tất tu được công đức, tham thiền đả tọa nhập định. Nếu chẳng tinh tấn, một nóng mười lạnh, tu một ngày, nghỉ mười ngày, thì vĩnh viễn cũng chẳng đắc được thiền định.

F. ***Bát Nhã*** : Bát Nhã là quan trọng nhất, người tu hành phải có trí huệ, thiếu trí huệ thì rất khó tu hành. Người có trí huệ thì bất cứ lúc nào cũng đều dụng công, thấy gì cũng đều là trí huệ, do đó : "Thuý trúc hoàng hoa vô phi Bát Nhã". Nghĩa là : Trúc xanh hoa vàng đâu chẳng phải là Bát Nhã trí huệ. Giống như tôi có một đệ tử nói với tôi : "Sư huynh nào đó khi nói chuyện với con thì mắng con". Mắng ai ? Đó chẳng phải là ngu si chăng ! Nếu bạn có trí huệ thì y mắng bạn mà bạn không nhận sự mắng nầy, thì sự mắng nầy trở về y ! Ví

như có người ngửa mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng bao lâu lại trở về mặt mình, hoặc là bạn có thể xem như người đó, vì mình mà ca hát, hoặc là nói tiếng ngoại quốc, như thế thì việc lớn sẽ hóa nhỏ, việc nhỏ chẳng còn nữa, đó mới là thật sự có trí huệ. Đừng trách cứ rằng : Y mắng chửi tôi. Cứu kính : Tôi lại là ai ? Bồ Tát chẳng có tướng tôi, chẳng có tướng người, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ mạng, như vậy còn cái tôi chăng. Người xuất gia phải sớm trừ khử cái tướng tôi, đừng để nó tồn tại sẽ có chướng ngại.

Bồ Tát còn phải quét sạch ba tâm : Tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai. Tâm quá khứ : quá khứ đã qua rồi, cho nên tâm quá khứ không thể đắc được. Tâm hiện tại : nếu bạn nói bây giờ là hiện tại, nhưng từng sát na trôi qua không ngừng, cho nên tâm hiện tại cũng không thể đắc được. Tâm vị lai : vị lai thì chưa đến, do đó tâm vị lai cũng không thể đắc được. Nếu bạn đã thấu rõ ba tâm không thể đắc được, thì còn có gì để chấp trước, không chấp trước tất cả, tức là đắc được giải thoát, được tự tại thật sự.

Bồ Tát lại có bốn pháp nhiếp : Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

◎ ***Bố thí*** : Bồ Tát phải luôn luôn có tâm bố thí, bố thí khắp cho tất cả chúng sinh.

◎ ***Ái ngữ*** : Bồ Tát chẳng có tướng ta, cho nên đối với tất cả chúng sinh thường sinh tâm thương xót, xem

chúng sinh như chính mình, chẳng có chút phân biệt ta người. Bồ Tát tự độ độ tha, đối với bất cứ chúng sinh nào, cũng đều dùng lời dịu dàng ôn hòa để đối xử.

◎ ***Lợi hành*** : Tất cả chúng sinh đều thích sự lợi ích, cho nên Bồ Tát thường làm việc lợi ích cho chúng sinh.

◎ ***Đồng sự*** : Bồ Tát hóa thân trăm ngàn ức, thấy thân gì độ được họ, thì hiện ra thân đó để độ họ. Khi Đức Phật hành Bồ Tát đạo, thì vì muốn độ một bầy nai mà hóa thành thân nai để giáo hóa chúng, đó là một trong những đồng sự.

Hành Bồ Tát đạo thì khó hành mà hành được, khó xả mà xả được, khó nhẫn mà nhẫn được, khó nhường mà nhường được. Đó là những điều kiện tu hạnh Bồ Tát phải có.

6. **Trải qua đại kiếp**. Một kiếp tức là mười ba vạn chín ngàn sáu trăm năm. Một ngàn kiếp hợp lại làm một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp. Vậy Bồ Tát phải tu bao nhiêu kiếp ? Ba đại A Tăng Kỳ kiếp. A Tăng Kỳ là tiếng Phạn dịch là "vô lượng số". Cho nên làm Bồ Tát chẳng phải là việc dễ dàng, phải trải qua ba vô lượng số đại kiếp thời gian mới thành đại Bồ Tát.

7. **Cầu đại quả** : Bồ Tát cầu đại quả gì ? Ngài cầu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là thành Phật.

Cho nên đại (Ma ha tát) đầy đủ bảy đại ý nghĩa nầy. Trong hội Pháp Hoa nầy có bao nhiêu vị đại Bồ Tát ? Có tám vạn người. Tám vạn người nầy đều đắc đại đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, do đó con đường nầy chỉ tiến về trước, cho nên nói : Đều không thối chuyển nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Có ba bất thối chuyển.

1. **Vị bất thối** : Bồ Tát đại thừa không thối lùi về quả vị nhị thừa.

2. **Niệm bất thối** : Đại Bồ Tát luôn luôn nghĩ nhớ hành Bồ Tát đạo, tu lục độ vạn hạnh, niệm niệm hướng về trước mà chẳng lui về sau, chưa từng nghĩ : Tôi không hành Bồ Tát đạo, mà làm tự liễu hán ! Bồ Tát không bao giờ khởi ý niệm như thế.

3. **Hành bất thối** : Bồ Tát tinh tấn không giải đãi, chỉ có tiến chứ chẳng có lùi.

"Đều đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài". Đà La Ni là tiếng Phạn, dịch là "tổng trì". Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Còn gọi là "giá trì", hoặc là Chú. Đà La Ni là sinh thiện diệt ác, che (giá) ác, giữ (trì) thiện, nghĩa là : không làm các điều ác, làm các điều lành, và nghĩa là giới, đại đồng tiểu dị, bất quá giữ giới luật thì bạn tự mình giữ gìn, Đà La Ni thì trì tụng Chú, sức lực của Chú trợ giúp cho bạn dứt các điều ác, sinh các điều lành. Đà La Ni có rất nhiều thứ, Bồ Tát đều đắc được, và còn

đắc được nhạo thuyết biện tài, cũng có thể nói là đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài.

"Chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển". Chuyển bánh xe pháp là gì ? Bồ Tát thường chuyển bánh xe pháp, tức là chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển. Ví như hiện tại chúng ta giảng Kinh thuyết pháp, hoặc phiên dịch Kinh ra tiếng Anh, tiếng ngoại ngữ khác, hoặc giới thiệu Phật pháp cho mọi người đều biết, đó đều là chuyển bánh xe pháp. Tất cả những công việc hoằng pháp, đều gọi là chuyển bánh xe pháp. Cho nên, chúng ta là Phật giáo đồ, đều phải coi công việc chuyển bánh xe pháp là trách nhiệm của mình, đem hết khả năng ra làm. Hơn nữa, hiện tại là thời đại khoa học, có máy in, máy đánh chữ, chúng ta lợi dụng những công cụ nầy, lưu truyền rộng rãi những bản Kinh đã dịch ra tiếng ngoại quốc, khiến cho mỗi người đều có phần, đó tức là chuyển bánh xe pháp, khiến cho Phật pháp chảy mãi không ngừng, vĩnh viễn không dứt. Khi tôi còn thiếu thời tại Đông Bắc Trung Quốc, học Phật pháp chẳng bao lâu thì thích nhất là in Kinh Phật, in ra mấy trăm mấy ngàn bộ. Mỗi khi vào dịp lễ hoặc ngày sinh nhật của thân nhân bạn bè, thì tôi đều biếu cho họ làm quà, khiến cho họ sinh ra cảm hứng đối với Phật pháp, đó là tôi chuyển bánh xe pháp bất thối trước kia. Hy vọng mỗi người đều tận hết khả năng lưu truyền Phật pháp, khiến cho bánh xe pháp chuyển mãi không ngừng.

Đại Bồ Tát cúng dường vô lượng chư Phật, ở nơi các đạo tràng của chư Phật trải qua vô lượng kiếp, vun bồi

các gốc công đức lành. Bạn thường cúng dường Tam Bảo, tức là vun bồi gốc rễ đức hạnh của chính mình. Cho nên, tám vạn vị đại Bồ Tát nầy, thời khắc luôn luôn đều được chư Phật tán thán ca ngợi :"Thiện nam tử ! Ông hành Bồ Tát đạo bất thối chuyển, thật tốt thật không sai !"

Đại Bồ Tát dùng tâm từ bi giáo hóa chúng sinh, tu dưỡng thân mình. Các Ngài khéo đắc được trí huệ của Phật, thông đạt đắc được đại trí huệ, cho nên đến được bờ kia. Nếu đắc được đại trí huệ thì đến được bờ kia (Ba La Mật). Danh hiệu của tám vạn đại Bồ Tát nầy, vang khắp trong vô lượng thế giới, tất cả chúng sinh thường nghe thường niệm thường biết. Trong tất cả vô lượng vô biên thế giới, Bồ Tát độ giáo hóa vô số trăm ngàn chúng sinh.

Tên của các Ngài là : Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Tức, Bồ Tát Bảo Chưởng, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dũng Thí, Bồ Tát Bảo Nguyệt, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Mãn Nguyệt, Bồ Tát Đại Lực, Bồ Tát Vô Lượng Lực, Bồ Tát Việt Tam Giới, Bồ Tát Bạt Đà Bà La. Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Bảo Tích, Bồ Tát Đạo Sư .v.v., các vị đại

Bồ Tát như vậy, gồm tám vạn người tụ hội.

Tám vạn vị đại Bồ Tát có tám vạn danh hiệu, nếu kể ra hết thì bộ Kinh Pháp Hoa nầy sẽ quá dài, cho nên chỉ đề ra mấy vị đại Bồ Tát đứng đầu trong số đó làm đại biểu.

Bồ Tát đại biểu đứng đầu có **Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi**. Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn, dịch là "Diệu Đức", "Diệu Cát Tường". Vị Bồ Tát nầy trí huệ rộng lớn vô cùng, tư cách cũng già nhất. Trong quá khứ, Ngài sớm đã thành Phật, hiệu là Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật, thành Phật rồi Ngài ẩn lớn hiện nhỏ, hành Bồ Tát đạo giáo hóa chúng sinh, trợ giúp Phật hoằng dương giáo hóa. Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Địa Tạng là bốn vị Đại Bồ Tát. Bồ Tát Văn Thù ở tại núi Ngũ Đài, là đạo tràng Ngài thường hiển hiện. Thần thông diệu dụng của Ngài thật không thể nghĩ bàn.

Lão Hoà Thượng Hư Vân đã từng phát nguyện đi ba bước lạy một lạy, từ Nam Hải núi Phổ Đà lạy đến núi Ngũ Đài cầu sự cảm ứng của Bồ Tát Văn Thù, khiến cho Ngài cũng đắc được đại trí. Lộ trình ba bước một lạy dài khoảng năm sáu ngàn dặm, bạn nói phải lạy bao lâu mới xong ? Là một đoạn thời gian rất dài, nếu muốn biết tỉ mỉ thì hãy xem quyển Hư Vân Lão Hoà Thượng Niên Phổ, hoặc là Họa Truyện. Trong đó có một đoạn như thế

nầy : Tức là Ngài Hư Vân lạy đến sông Hoàng Hà, thì vào lúc mùa đông tuyết xuống quá nhiều, mới tá túc cạnh bờ sông trong một cái sạp để tránh tuyết rơi, trải qua mấy ngày tuyết từ từ bớt dần, Ngài cũng đói rã rượi, gần như sắp chết. Lúc đó có một vị ăn mày đến, lấy cỏ che chung quanh cái sạp, nổi lửa nấu cháo gạo vàng, dâng cho Hoà Thượng dùng. Ăn xong thì hồi phục sức lại, Ngài Hư Vân mới hỏi vị ăn mày tên họ và từ đâu đến. Vị ăn mày nói :"Họ Văn tên Cát, đến từ Ngũ Đài, ai cũng đều biết tôi." Sau đó vị ăn mày này mang hành lý cho Ngài Hư Vân, Ngài Hư Vân thì ba bước một lạy rất là thuận tiện.

Trên đường đi, có khi vào chùa tá túc, nhưng Hoà Thượng trong chùa chuyên môn khinh khi vị ăn mày nầy, lại mắng Ngài Hư Vân :"Ông lễ lạy thì lễ lạy, sao còn dẫn kẻ ăn mày đi theo !" Ngài Hư Vân bị người mắng chửi, còn vị ăn mày lại càng bị người mắng chửi, thậm chí không cho vị ăn mày ngủ ở trong chùa, bị đuổi ra khỏi chùa. Vị ăn mày nói với Ngài Hư Vân :"Từ đây còn cách núi Ngũ Đài chẳng bao xa, tôi đi về trước, ông từ từ đến, hành lý của ông chẳng bao lâu sẽ có người mang lên núi cho ông." Quả nhiên giữa đường, Ngài Hư Vân gặp một vị quan đánh xe ngựa, giúp Ngài mang hành lý đến núi Ngũ Đài, còn Ngài Hư Vân thì ba bước một lạy. Khi đến núi Ngũ Đài, mới hỏi các vị Hoà Thượng của núi Ngũ Đài, có biết một vị ăn mày tên là Văn Cát chăng ! Nhưng chẳng có ai biết, sau đó mới kể cho một vị Tăng nghe, thì vị Tăng chắp tay lại nói : "Đó là hóa thân của

Bồ Tát Văn Thù !" (Văn là Văn Thù, Cát là Diệu Cát Tường).

Ngài Hư Vân lạy Bồ Tát Văn Thù, được sự cảm ứng của Bồ Tát Văn Thù đến giúp đỡ Ngài. Ngài với Bồ Tát ở chung khá lâu nhưng cũng chẳng biết, kết quả sau nầy mới biết là Bồ Tát Văn Thù hiển thánh, thế mà chẳng nhận ra. Cho nên, chỗ diệu của Bồ Tát Văn Thù thật không thể nghĩ bàn. Vì chỗ diệu của Ngài, nên hóa thành một kẻ ăn mày. Nếu Ngài biến thành một ông trưởng giả giàu hoặc đánh xe ngựa đến giúp đỡ Hoà Thượng cũng có thể. Nhưng Ngài không làm như thế ! Ngài cũng nguyện theo Hoà Thượng chịu khổ. Cho nên, đó là đại trí đại huệ của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là vị Bồ Tát rất đặc thù, khi Ngài ra đời thì có mười điều cát tường phát sinh, chẳng giống các vị Bồ Tát khác. Bồ Tát Văn Thù là bậc đại trí huệ, có bạn sẽ hỏi :"Vậy Tôn Giả Xá Lợi Phất cũng là bậc đại trí huệ, giữa Bồ Tát Văn Thù và Ngài Xá Lợi Phất có gì khác biệt ?" Trí huệ của Bồ Tát Văn Thù là thật trí, trí huệ đại thừa, còn trí huệ của Tôn Giả Xá Lợi Phất là quyền trí, trí huệ tiểu thừa. Sau đây là mười điều cát tường phát sinh khi Bồ Tát Văn Thù ra đời.

1. **Quang minh đầy phòng**. Quang minh nầy sáng hơn bất cứ ánh sáng đèn gì, đại biểu đại trí huệ của Bồ Tát.

2. **Cam lồ đầy sân**. Cam lồ là một thứ nước bất khả tư nghì, có thể trị lành đủ thứ bệnh, nếu ai uống được thì chẳng bị uy hiếp về khổ sinh, già, bệnh, chết.

3. **Đất vọt lên bảy báu**. Bảy báu là : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não. Tại sao bảy báu vọt lên ? Vì Bồ Tát Văn Thù đã tu lục độ vạn hạnh hết sức cứu kính viên mãn, cho nên Ngài đến đâu cũng đều cảm ứng châu báu từ dưới đất xuất hiện.

4. **Thần thông khai mở bảo tàng**. Sức đại thần thông của Bồ Tát Văn Thù, khiến cho đất nứt ra mà lộ ra bảo tàng ẩn náu ở dưới đất, đây chẳng giống đất vọt lên bảy báu, như điều thứ ba ở trên, ở đây đất nứt xé ra mà hiển lộ ra bảo tàng.

5. **Gà sinh phụng hoàng**. Điềm nầy càng chẳng tầm thường so với điềm vừa rồi ở trên. Kì thật, gà chỉ sinh gà, nhưng vì Bồ Tát Văn Thù ra đời là việc phi thường đặc thù, cho nên trứng gà nở ra phụng hoàng (phụng hoàng là thần của loài chim).

6. **Heo sinh rồng con**. Điềm cát tường nầy, càng hi kỳ ít thấy hơn gà sinh phụng hoàng. Nếu bạn đã cảm thấy quá bất khả tư nghì, thì hãy xem mấy điềm dưới đây nữa.

7. **Ngựa sinh kì lân**. Kì lân, thân nai đuôi bò, một sừng. Ngựa mà sinh kì lân là điều hiếm có trên đời.

8. **Bò sinh bạch trạch**. Bạch trạch là tên của loài thần thú, biết nói. Là mội loài thần thú hiếm có vô cùng mà cát tường, chẳng giống bò cũng chẳng giống ngựa.

9. **Thóc biến thành vàng**. Các bạn nghĩ có kì dị chăng ? Có những người cho rằng thật là quá kì dị, cho nên không tin. Nếu bạn không tin là vì bạn chẳng minh bạch. Nếu bạn minh bạch thì chẳng có nghi vấn gì, trước kia chắc chắn bạn chưa nghe qua những việc nầy, cho nên làm sao bạn tin được. Bất quá, thế giới nầy quá rộng lớn, mà những gì chúng ta thấy nghe đều có hạn, vì chúng ta chưa nghe qua những hiện tượng kì dị nầy, khi thóc chuyển biến thành thóc bằng vàng rồi, thì không thể làm vật ăn nữa, nhưng đó chỉ là số ít.

10. **Voi đủ sáu ngà**. Thông thường chúng ta chỉ biết voi có hai ngà. Nhưng khi Bồ Tát Văn Thù ra đời, thì voi đều mọc ra sáu cái ngà, bạn nói đó có kì dị chăng ?

Có vị cư sĩ hỏi :"Tại sao voi đủ sáu ngà ?" Sáu ngà là tượng trưng cho sáu độ (lục độ), voi là đại biểu cho vạn hạnh.

Đó là mười điềm cát tường hiển hiện khi Bồ Tát Văn Thù ra đời, đó cũng là biểu hiện Ngài thuyết pháp biện tài vô ngại. Bồ Tát Văn Thù trí huệ đệ nhất trong chúng Bồ Tát, đầy đủ dũng mãnh thật trí, thuyết pháp viên dung vô ngại. Nếu như các bạn nghe được Bồ Tát Văn Thù thuyết pháp, thì các bạn sẽ thấy sự giảng pháp của tôi còn thua Ngài xa lắm, vì chẳng cách chi so sánh được. Hoặc có bạn sẽ nói :"Chúng con rất thích Hoà Thượng giảng pháp, chúng con cảm thấy Hoà Thượng giảng rất là hay." Nhưng nếu quý vị nghe được sự giảng

pháp của Bồ Tát Văn Thù, thì sẽ biết không thể sánh với Ngài được.

Bồ Tát Quán Thế Âm. Danh hiệu của Ngài là Quán Tự Tại. Quán Thế Âm là quán sát âm thanh của thế gian. Chúng ta đều biết Ngài, vì Ngài từ bi nhất, như tình thương của người mẹ ban cho chúng sinh tất cả sự mong cầu. Do đó, tại Trung Quốc có câu liễu rằng : Nhà nhà Quán Âm, cửa cửa Di Đà Phật. Bồ Tát Quán Thế Âm là đệ tử lớn của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là giáo chủ cõi Tây phương thế giới Cực Lạc. Bên trái của Ngài là Bồ Tát Quán Thế Âm, bên phải của Ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí. Đó là Tây phương Tam Thánh. Khi Phật A Di Đà hết làm giáo chủ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm lên thay thế làm giáo chủ, sau đó khi Bồ Tát Quán Thế Âm hết làm giáo chủ, thì Bồ Tát Đại Thế Chí lên thay thế làm giáo chủ.

Vì Bồ Tát Quán Thế Âm, thường hóa hiện vô lượng số thân hình để cứu độ khổ nạn của chúng sinh, cho nên Ngài có danh hiệu là Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài dùng ngàn con mắt chiếu soi chúng sinh trôi nổi trong biển khổ, cho nên dùng ngàn tay để cứu vớt chúng sinh lìa khỏi biển khổ, khiến cho họ đến nơi yên ổn an vui.

Phẩm thứ hai mươi lăm trong Kinh Pháp Hoa là Phẩm Phổ Môn Quán Thế Âm Bồ Tát, chuyên nói về thần lực không thể nghĩ bàn của vị Bồ Tát nầy, chúng ta sẽ nghiên cứu về phẩm nầy sau.

Bồ Tát Đắc Đại Thế, tức là Bồ Tát Đại Thế Chí. Mỗi khi vị Bồ Tát nầy cất bước đi, thì ba ngàn đại thiên thế giới đều phát sinh sáu thứ chấn động, đó là nguyên nhân Ngài được danh hiệu là Đắc Đại Thế Bồ Tát. Sáu thứ chấn động là gì. Tức là : Động, dũng, khởi, chấn, hống, thanh. Sức mạnh của những sự chấn động nầy phát khởi, thì dù bom đạn mạnh hết sức của thời đại hiện nay, cũng không thể sánh bằng, bất quá những thứ chấn động ấy, chẳng phải như vũ khí tân thời sẽ phá hủy tiêu diệt tất cả vạn vật. Sáu thứ chấn động nầy chẳng tổn hại tơ hào đến bất cứ vật gì.

Bồ Tát Đắc Đại Thế, còn gọi là Bồ Tát Vô Biên Quang Sí Thân, vì ai thấy được quang minh một lỗ chân lông của vị Bồ Tát nầy, thì giống như thấy được quang minh thanh tịnh vi diệu của chư Phật Như Lai trong mười phương.

Bồ Tát Thường Tinh Tấn. Thường nghĩa là chưa từng thối lui. Tinh tấn gồm có thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Vị Bồ Tát nầy tu hành tinh tấn chưa từng ngừng nghỉ. Ngài siêng tu vạn hạnh để giáo hóa chúng sinh, dũng mãnh tinh tấn phi thường. Ngài chẳng giống như chúng ta, vừa mới tiến hành một kế hoạch gì, nếu gặp khó khăn thì thối thất bỏ qua. Bồ Tát Thường Tinh Tấn chưa từng ngủ nghỉ, luôn luôn nỗ lực công việc. Ngài có thể trải qua thời gian dài vô lượng kiếp, thử đi giáo hóa một chúng sinh, trợ giúp cho họ phát đại bồ đề tâm. Ngài giáo hóa chúng sinh nầy, có thể dùng vô số pháp môn, đem hết khả

năng và thời gian, hoặc có khi cũng chẳng cách chi cứu độ họ. Tuy nhiên như thế, nhưng Bồ Tát Thường Tinh Tấn chưa từng mệt mỏi hoặc thối thất nghị lực. Cho nên chúng ta muốn cứu độ chúng sinh, nên học theo vị Bồ Tát nầy. Nếu một đời nầy độ không được người nào đó, thì chúng ta hãy phát tâm đời sau nhất định phải độ họ, hoặc là đời sau nữa, đời sau sau nữa cũng phát tâm như thế, cho đến khi thành công mới thôi.

Nói về phương diện khác, nếu bạn chú ý đến có người nào đó thường theo bạn, thử đến giáo hóa hướng dẫn bạn, thì bạn hãy lập tức nghe lời sự dạy dỗ hướng dẫn của họ và sinh đại tín tâm. Người đó có khả năng tức là Bồ Tát Thường Tinh Tấn, không sợ phiền não nguyện lực mà trải qua đời đời kiếp kiếp thử giáo hóa cứu độ bạn ! Bạn không nên không nghe lời sự khuyên dạy của họ !

Tâm tinh tấn nghĩa là tâm chưa từng sợ thối lùi, chưa bao giờ nghĩ : Khó quá ! Bạn cũng chẳng cảm thấy giáo hóa người khác là khốn khổ. Thường tinh tấn tức là siêng năng chuyên cần không thối tâm.

Bồ Tát Bất Hưu Tức. Bạn sẽ nghĩ : "Thường tinh tấn và bất hưu tức có gì khác biệt ? Hai danh từ nầy chẳng phải là tương tợ chăng ? Tại sao chúng ta cần tên khác nhau của hai vị Bồ Tát ?"

Trên thật tế thì chẳng biết có bao nhiêu vị Bồ Tát Thường Tinh Tấn, cũng chẳng cách chi đếm được có bao nhiêu vị Bồ Tát Bất Hưu Tức, các Ngài nhiều vô lượng vô

biên. Nói tóm lại, nếu bạn tu tập luôn luôn (dụng công không ngừng), thường tinh tấn thì chính bạn là Bồ Tát Thường Tinh Tấn. Nếu bạn truy cầu nghiên cứu Phật pháp chưa từng nghỉ ngơi, thì bạn cũng là Bồ Tát Bất Hưu Tức.

Vậy các Ngài cứu kính có gì khác nhau ? Tuy nhiên, trên căn bản thì các Ngài giống nhau, nếu như bạn muốn nói về sự khác nhau của các Ngài, thì vị Bồ Tát Thường Tinh Tấn vào dòng sinh tử tiếp tục không ngừng, để cứu độ Chúng sinh. Còn Bồ Tát Bất Hưu Tức, thì trải qua thời gian lâu dài rộng lớn, ở trong dòng sinh tử chưa từng mệt mỏi.

Không mệt mỏi, nghĩa là : Ngài không sợ gian lao khổ nhọc. Nếu lạy Phật hoặc tụng Kinh thì Ngài không vì một chút mệt nhọc mà đi nằm nghỉ. Bất cứ làm gì, Ngài cũng chưa từng nghỉ ngơi. Bồ Tát Bất Hưu Tức bận rộn vô cùng, nhưng Ngài tuyệt đối không than thở, hoặc chẳng có ai thấy Ngài làm việc thiện, Ngài cũng tinh tấn tiếp tục công việc không nghỉ ngơi. Ngài chưa từng rao bán công đức của mình.

Có một số cư sĩ thường đến đây quảng cáo công đức của họ, tuyên dương mình làm được bao nhiêu công đức, hoặc bỏ ra bao nhiêu tiền, những người nầy hoàn toàn trái ngược với Bồ Tát Bất Hưu Tức. Bồ Tát Bất Hưu Tùc, trải qua nhiều đại kiếp như số cát sông Hằng, chưa từng nghỉ ngơi, giải đải, nhiều ngày đầy tháng, nhiều

tháng đầy năm, nhiều năm thành trăm ngàn vạn ức kiếp mà Ngài không nghỉ ngơi.

Bồ Tát Bảo Chưởng. Bảo là bảo bối, cũng là pháp bảo. Chưởng là bàn tay. Bồ Tát có khi lấy hạnh môn của Ngài tu mà làm tên, có khi lấy đức hạnh để làm tên, có khi dùng nguyện lực để làm tên. Bàn tay của vị Bồ Tát Bảo Chưởng nầy có đủ thứ pháp bảo. Pháp bảo thứ nhất trên tay của Ngài là Châu như ý, châu như ý nầy là toại tâm như ý, chẳng có sự mong cầu gì mà chẳng được. Tay thứ hai là Quyên tố thủ, tay thứ ba là Bảo bát thủ, thứ tư là Bảo kiếm thủ, thứ năm là Bạt triết thủ, thứ sáu là Kim cang xử thủ, thứ bảy là Thí vô úy thủ, thí vô úy thủ nầy của Ngài, chẳng sợ hãi bất cứ những gì. Vị Bồ Tát Bảo Chưởng nầy, khi tại nhân địa thì tu ngàn tay ngàn mắt của Quán Thế Âm Bồ Tát và bốn mươi hai tay và mắt, cho nên đắc được bảo chưởng. Vì trong bàn tay của Ngài đầy đủ tất cả pháp bảo cho nên gọi là Bồ Tát Bảo Chưởng.

Bồ Tát Dược Vương. Trong Kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Thánh thuật lại sư chứng đắc của mình, trong đó có Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng. Vị Bồ Tát nầy có một đoạn nhân duyên như vầy : Trong quá khứ có vị Chuyển luân thánh vương, có một ngàn vị vương tử. Một ngàn vị vương tử cùng phát tâm xuất gia, tức là một ngàn vị Phật của Hiền kiếp nầy. Đức Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền kiếp. Vị Chuyển luân thánh vương có riêng một bà thiếp phi, sinh được hai

người con, người con lớn phát nguyện muốn hộ trì pháp của một ngàn người anh, khi mỗi một vị Phật ra đời, Ngài đều hộ pháp. Người con thứ hai thấy người anh phát nguyện làm hộ pháp, thì Ngài phát nguyện khi một ngàn người anh thành Phật, thì bất cứ vị nào thành Phật, Ngài đều muốn đến cúng dường Phật trước nhất. Khi Phật trụ thế thì Ngài luôn luôn đến cúng dường. Chẳng phải chỉ cúng dường một người anh, mà là một ngàn người anh thành Phật, thì Ngài đều đến cúng dường. Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đến thời kỳ mạt pháp thì Ngài lại phát nguyện cứu độ chúng sinh, dùng đủ thứ thuốc để chữa bệnh cho chúng sinh. Bất cứ nạn lửa, đao binh, nạn nước, nạn ôn dịch, Bồ Tát Dược Vương đều phát nguyện, đến cứu độ tất cả chúng sinh có những bệnh khổ tai nạn nầy. Đó là nhân duyên quá khứ của Bồ Tát Dược Vương.

Bồ Tát Dược Vương chuyên môn chữa bệnh cho chúng sinh, Ngài không những chữa thân bệnh, mà cũng chữa tâm bệnh cho chúng sinh. Thân tâm của chúng sinh bệnh đều chữa khỏi mới có thể tu hành.

Bồ Tát Dũng Thí. Dũng là dũng mãnh. Thí là bố thí. Bố thí phải có tâm dũng mãnh mới bố thí được, nếu chẳng có tâm dũng mãnh, thì chẳng bố thí được. Trong lục độ vạn hạnh, bố thí là hàng đầu, trong vạn hạnh, lấy lục độ làm chủ thể, lục độ lấy bố thí làm chủ thể. Cho nên, chúng ta hành bố thí, tức là bao quát lục độ vạn hạnh.

Bố thí phải có tâm dũng mãnh, công đức bố thí thật không thể ngĩ bàn. Vì khi bạn bố thí, thì dùng tinh thần không thể nghĩ bàn để bố thí, cho nên quả báo đắc được cũng không thể nghĩ bàn. Chúng ta hành bố thí thì tốt lắm, song, nếu nghĩ đến chính mình rằng :"Nếu mình đem tiền bố thí cho người khác thì còn đâu mà mua sắm ? Nếu đem quần áo ra bố thí thì mình lấy gì mặc ? Nếu đem nhà cửa bố thí thì mình lại ở đâu ?" Đó tức là chẳng có tâm dũng mãnh. Một khi mà nghĩ đến cái ta, thì chẳng bố thí đặng. "Nếu đem đồ ăn uống bố thí cho người ta thì mình lại ăn cái gì ?" Nếu nghĩ đến chính mình, thì tâm dũng mãnh tiêu tan mất, hơn nữa cũng chẳng còn tinh thần bố thí. Nhưng Bồ Tát Dũng Thí, khi Ngài bố thí thì chẳng suy nghĩ đắn đo gì cả. Ngài thấy người nào đó gặp khó khăn thì giúp đỡ họ, đem quần áo, đem thức ăn của mình bố thí được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, nghĩa là làm hết khả năng. Vì Bồ Tát Dũng Thí dũng mãnh nhất về bố thí, dũng mãnh về bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, cho nên gọi là Bồ Tát Dũng Thí.

Bồ Tát Bảo Nguyệt. Bồ Tát nầy dùng bảo nguyệt làm danh hiệu.

Bồ Tát Nguyệt Quang. Vị Bồ Tát nầy dùng ánh sáng của mặt trăng làm danh hiệu. Ánh sáng của mặt trăng diệt trừ tất cả đen tối ban đêm.

Bồ Tát Mãn Nguyệt. Vị Bồ Tát nầy công đức như trăng rằm. Các vị Bồ Tát trên đây rất nghiêm trì giới luật,

do đó : "Nghiêm trì Tỳ ni, hoành phạm tam giới, năng ư quốc độ, thành tựu oai nghi". Tỳ ni tức là giới luật. Các Ngài nghiêm trì giới luật quang minh như bảo nguyệt, viên mãn, làm đại mô phạm cho tam giới, làm khuôn mẫu. Cho nên Bồ Tát Bảo Nguyệt, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Mãn Nguyệt, trì giới tinh tấn như trăng rằm, thân miệng thanh tịnh không tì vết.

Bồ Tát Đại Lực. Vị Bồ Tát nầy sức lực mạnh vô cùng, không kém sứ lực của Bồ Tát Đắc Đại Thế.

Bồ Tát Vô Lượng Lực. **Bồ Tát Việt Tam Giới**. Hai vị Bồ Tát nầy, siêu việt khỏi dục giới, sắc giới, vô sắc giới (tam giới). Làm thế nào siêu việt ? Vì có đại lực, có vô lượng lực. Ba vị Bồ Tát Đại Lực, Vô Lượng Lực, Việt Tam Giới, đều tu cùng một hạnh môn, đó là hạnh môn tinh tấn Ba La Mật, dũng mãnh tinh tấn tiến về trước, cho nên ba danh hiệu đều như nhau. Đại Lực tức là Vô Lượng Lực, Vô Lượng Lực cũng tức là Việt Tam Giới. Nếu các Ngài chẳng có đại lực, vô lượng lực thì cũng không thể siêu việt khỏi tam giới. Tại sao tu tinh tấn Ba La Mật ? Vì đều đắc được đại lực, vô lượng lực, đắc được dũng mãnh siêu việt tam giới. Cho nên các Ngài luôn luôn tinh tấn chẳng giải đãi, đều tiến về trước, đó là nguyên do danh hiệu của ba vị Bồ Tát nầy.

Bồ Tát Bạt Đà Bà La. Bạt Đà Bà La dịch là "Hiền thủ", "Hiền hộ". Hiền Thủ : Vị Bồ Tát nầy đứng đầu trong hiền chúng, làm thượng tọa ở trong chúng Bồ Tát.

Ngài là đại Bồ Tát trong chúng Bồ Tát. Hiền Hộ : Ngài là một vị Bồ Tát hộ trì chúng sinh trong Thánh hiền.

Bồ Tát Di Lặc. Ngài còn gọi là Bồ Tát A Dật Đa. Di Lặc dịch là "Từ Thị". A Dật Đa dịch là "Vô Năng Thắng", chẳng có thiên ma ngoại đạo nào thắng qua Ngài được. Ngài hiện nay ở nội viện cung trời Đâu Suất. Ngài tu từ tâm tam muội, tức cũng là tu nhẫn nhục tam muội, đối với tất cả chúng sinh đều có tâm từ bi, cho nên mỗi chúng sinh nào thấy Ngài đều phát sinh tâm từ bi.

Tương lai Bồ Tát Di Lặc sẽ thay thế Đức Phật, làm giáo chủ cõi Ta Bà nầy. Tương lai khi nào sẽ thay thế ? Có một số ngoại đạo nói : Bồ Tát Di Lặc đã ra đời. Đó là nói lời mộng mị ! Đức Phật Thích Ca nói rất rõ ràng, tại thế giới nầy (Hiền kiếp), mỗi một trăm năm thì thân người giảm xuống một tất, tuổi thọ cũng giảm xuống một tuổi, giảm đến tuổi thọ của con người chỉ còn mười tuổi thì ngừng. Lúc đó lại bắt đầu tăng lên, cũng trải qua một trăm năm thì thân người cao thêm một tất, tuổi thọ cũng tăng thêm một tuổi, đến khi tuổi thọ của con người tám vạn bốn ngàn tuổi thì lại bắt đầu giảm xuống, giảm đến tuổi thọ còn tám vạn tuổi thì Bồ Tát Di Lặc mới xuất hiện ra đời, giáo hóa chúng sinh. Lúc đó, tức cũng là Long Hoa tam hội. Cho nên, hiện tại ngoại đạo chẳng hiểu Phật pháp nói cuồng nói bậy.

Hiện tại tuổi thọ của con người khoảng sáu, bảy mươi tuổi, vậy khi tuổi thọ con người giảm xuống còn

mười tuổi, thì bạn tính xem thời gian còn dài bao lâu ? Sau đó mới tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi, lại dài bao lâu ? Sau đó giảm xuống còn tám vạn tuổi thì Bồ Tát Di Lặc mới ra đời. Cho nên những tà môn ngoại đạo cứ nói lời mộng mị.

Bồ Tát Bảo Tích. Vị Bồ Tát nầy tích lũy rất nhiều bảo vật, tích lũy vô lượng vô biên công đức. Công đức cũng như bảo vật, như pháp bảo.

Bồ Tát Đạo Sư. Đạo Sư là gì ? Là thầy dẫn đường. Ngài làm đạo sư dẫn đường chúng sinh, tiếp dẫn chúng sinh, tức là hướng dẫn người trở về con đường chánh, trở về Phật đạo. Hướng dẫn ai ? hướng dẫn người bị đọa địa ngục. Người đọa địa ngục chịu vô lượng sự khổ, chẳng biết phát bồ đề tâm, cũng chẳng biết sám hối. Cho nên, Bồ Tát Đạo Sư dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, để dẫn đường chỉ lối cho họ, dạy họ phát bồ đề tâm, đi trên đường giác ngộ.

"Các vị đại Bồ Tát như vậy tám vạn người tụ hội". Những vị đại Bồ Tát như ở trên đã nói có tám vạn người tụ hội.

Lúc đó, Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc hai vạn Thiên Tử đều tụ hội. Lại có Thiên Tử Minh Nguyệt, Thiên Tử Phổ Hưởng, Thiên Tử Bảo Quang. Bốn vị Đại Thiên Vương và quyến thuộc một vạn

Thiên Tử đều tụ hội. Thiên Tử Tự Tại, Thiên Tử Đại Tự Tại và quyến thuộc ba vạn Thiên Tử đều tụ hội.

Lúc đó là lúc đương thời, tức là lúc Đức Phật nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Đương lúc đó, có tám vạn Bồ Tát cùng đến pháp hội đạo tràng. Tám vạn vị Bồ Tát nầy đều là đại Bồ Tát, đều là con của Phật. Đức Phật là Đấng Pháp Vương, Bồ Tát là Pháp Vương tử nghĩa là con của đấng Pháp Vương. Cho nên trong Kinh A Di Đà có nói : Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử .v.v. Những vị đại Bồ Tát ở trong Kinh Pháp Hoa nầy đều là Pháp Vương Tử.

Đức Phật có ba hạng con :

1. ***Chân tử*** : Tức là Bồ Tát Pháp Vương Tử. Các Ngài là quyến thuộc bên ngoài của Phật, hộ trì Phật ở bên ngoài.

2. ***Nội tử*** : Tất cả Tỳ Kheo và A La Hán đều là nội tử của đức Phật.

3. **Ngoại tử** : Tất cả phàm phu chúng sinh, cũng đều là con của Phật, bất quá là ngoại tử của Phật, ở bên ngoài Phật pháp, chưa học tập Phật pháp ; tuy nhiên họ học tập Phật pháp, nhưng chưa chứng quả, vẫn ở địa vị phàm phu, chưa đạt đến địa vị Thánh Hiền, cho nên gọi là ngoại tử. Ba hạng con của Phật bao quát : Bồ Tát, A La Hán và lục đạo chúng sinh. Ba cõi Thánh và sáu cõi phàm hợp lại là chín pháp giới chúng sinh.

Thích Đề Hoàn Nhân : Là tiếng Phạn, dịch là "Năng tác". Năng là cái gì ? được làm Chúa trời. Thích Đề Hoàn Nhân tức là Chúa trời mà một số người sùng bái. Thích Đề Hoàn Nhân ở trong Chú Lăng Nghiêm tức là Nhân Đà La Gia, Nam mô Nhân Đà La Gia. Nhân Đà La Gia tức cũng là Thích Đề Hoàn Nhân, làm chủ chư thiên cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi), tức cũng là Ngọc Hoàng Đại Đế, mà một số người cung kính. Tuy nhiên ông ta làm Hoàng Đế trên cõi trời, nhưng còn ở trong pháp giới của sáu cõi phàm, chẳng phải là Thánh Hiền. Cho nên, Thích Đề Hoàn Nhân là hộ pháp ở trong Phật giáo.

Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc hai vạn người đều cùng đến hội Pháp Hoa. Còn có Thiên Tử Minh Nguyệt, vị Thiên Tử nầy như trăng sáng, khiến cho người thấy được thì tâm rất thanh lương. Lại có Thiên Tử Phổ Hương, Thiên Tử nầy thích mùi hương, trên thân thường thường tỏa ra hương thơm, huân khắp pháp giới. Lại có Thiên Tử Bảo Quang, vị Thiên Tử nầy thích bảo vật, trên thân có quang minh báu. Thiên Tử Phổ Hương biết tất cả chúng sinh cũng đều thích hương thơm, do đó phóng ra một mùi hương khắp thế giới để trừ khử mùi hôi thối. Nếu chẳng phải vị Thiên Tử nầy phóng ra hương thơm, thì chúng ta ở thế giới nầy hôi thối không thể tả. Thiên Tử Bảo Quang cũng biết tất cả chúng sinh đều có tâm tham, thích bảo vật quý giá, cho nên vị nầy phóng ra bảo quang,

làm thỏa mãn nguyện vọng của chúng sinh. Thỏa mãn nguyện vọng thì phát bồ đề tâm. Hai vị Thiên Tử nầy, chẳng phải chỉ có mình thích hương thơm và bảo vật, mà là vì tất cả chúng sinh cũng đều thích hương thơm và bảo vật, cho nên hai vị nầy phóng ra hương thơm và bảo quang, làm mãn nguyện tâm nguyện của chúng sinh, cũng khiến cho chúng sinh trên thế gian đều thức tỉnh, gặp cảnh giới không thể nghĩ bàn nầy, mà phát tâm bồ đề vô thượng. Hương là trì giới thanh tịnh, bảo là bố thí vô tướng.

Lại có Tứ Đại Thiên Vương. Phương đông Trì Quốc Thiên Vương, phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương, phương tây Đa Văn Thiên Vương, phương bắc Quảng Mục Thiên Vương. Tứ đại Thiên Vương ở giữa núi Tu Di, các vị Thiên Vương nầy đều bảo hộ tất cả chúng sinh ở thế giới nầy, cho nên gọi là hộ thế Tứ Vương, bốn ông vua giúp đời. Bốn vị Thiên Vương nầy cùng với quyến thuộc một vạn người đều đến hội Pháp Hoa.

Lại có Thiên Tử Tự Tại, vị Thiên Tử nầy tự tại vô cùng, ở trên cõi trời Hóa Lạc. Sự khoái lạc ở cõi trời Hóa Lạc do biến hóa mà có, sự khoái lạc ở cõi trời khác, họ có thể biến hóa ra ở cõi trời của họ để hưởng thụ. Thiên Tử Đại Tự Tại, tức là Thiên Tử Tha Hóa Tự Tại. Sự khoái lạc của họ chẳng phải ở cõi trời của họ, mà là do các cõi trời khác rồi họ biến hóa ra. Vị Thiên Tử nầy, cùng với quyến thuộc ba vạn Thiên Tử đều cùng nhau đến pháp hội Pháp Hoa.

Chủ Thế giới Ta Bà : Phạm Thiên Vưởng, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm và quyến thuộc một vạn hai ngàn Thiên Tử đều tụ hội.

"Thế giới Ta Bà" : Ta Bà là tiếng Phạn. Thế giới Ta Bà là thế giới như thế nào ? Là thế giới vui sướng, thế giới vui nhất. Có người nói : "Hoà Thượng ! Con nghe Hoà Thượng giảng Kinh đã lâu rồi, cũng chưa nghe Hoà Thượng giảng sai, nhưng chỗ nầy lại giảng sai ! Con thấy chữ Ta Bà dịch là khổ nhất, sao Hoà Thượng nói là vui ?"

Vậy bạn biết là khổ thì đừng lưu luyến ! Tại sao bạn không buông xả đặng thế giới nầy ? Tại sao tôi nói thế giới nầy là vui ? Vì tôi thấy bạn xả chẳng đặng thế giới nầy, do đó chắc chắn là vui ! Nếu khổ thì bạn sớm đã bỏ nó rồi !

Hoà Thượng giảng như thế thì con cũng chẳng có gì để nói.

Bạn chẳng có gì để nói, còn ta thì có lời để nói. Lời gì ? Thế giới nầy chẳng khổ cũng chẳng vui, mà là một thế giới chẳng có vị đạo. Tuy nhiên chẳng có vị đạo gì, nhưng phiền não thì quá nhiều, rất nhiều sự thống khổ. Cho nên Ta Bà dịch là "kham nhẫn", kham nhẫn chịu

đựng mọi hoàn cảnh khổ. Hoàn cảnh khổ có ba sự khổ, tám sự khổ, vô lượng sự khổ.

Ba sự khổ :

1. **Khổ khổ** : Khổ trong sự khổ, là khổ của người nghèo, chẳng có cơm ăn, chẳng có áo mặc, lại không nhà để ở, bạn nói đó có khổ chăng ?

2. **Hoại khổ** : Hoặc có người giàu, không những có nhà ở, còn ở nhà cao cửa rộng. Không những có áo mặc, mà còn mặc tơ lụa áo gấm tân thời. Không những có cơm ăn, mà còn ăn những thức ăn sơn trân hải vị, hưởng tận vị ngon của thiên hạ. Nhưng bất hạnh thay đột nhiên bị tai nạn cháy nhà, hoặc bị trộm cướp, bị đụng xe .v.v. Tất cả tài sản, sự sung sướng đều bị phá sạch, đó tức là hoại khổ.

3. **Hành khổ** : Chẳng phải khổ khổ của người nghèo, cũng chẳng phải hoại khổ của người giàu, đó là từ bé lớn lên, trưởng thành rồi già nua, mắc bệnh ngặt nghèo rồi chết đi. Niệm niệm biến đổi không ngừng, sinh diệt liên tục không gián đoạn, đó là hành khổ.

Tám sự khổ :

1. Sinh khổ.
2. Già khổ.
3. Bệnh khổ.
4. Chết khổ.
5. Thương mà xa lìa là khổ : bạn thương yêu người nào đó, nhưng hoàn cảnh bắt buộc phải xa lìa, bạn nói có đau khổ chăng ?

6. Ghét mà gặp nhau là khổ : Bạn ghét người nào đó không muốn gặp họ, nhưng thình lình gặp người đó ở một nơi nào đó, bạn nói có khổ chăng ?

7. Cầu không được là khổ : Bạn mong cầu điều gì đó mà không được, có khổ chăng ?

8. Năm ấm thiêu đốt là khổ : Khổ nầy rất lợi hại. Năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) thường theo bạn, không rời nửa bước, đi đứng nằm ngồi đều cùng với bạn, như lửa thiêu đốt, đó cũng là khổ.

Có nhiều sự khổ như thế mà đều kham chịu được. Một số người đều cho rằng thế giới nầy như trái Tần-bà, ngon ngọt. Kỳ thật, ăn rồi mới biết còn đắng hơn trái huỳnh liên. Vậy biết được thế giới nầy là khổ, nếu tu đạo chịu đựng nhiều sự khổ thì nhất định sẽ thành Phật.

Trước kia tôi có vị đệ tử Quả Thuấn, thời kỳ kháng chiến bị Nhật bắt đi làm lao công, ăn chẳng no, mặc chẳng ấm, ngủ chẳng đủ. Nếu người tu đạo chịu khổ được một nửa của người lao công, thì nhất định sẽ thành Phật. Cho nên khi y xuất gia rồi, ngày ăn một bữa, ngủ ngồi không nằm, tu hạnh đầu đà. Trong số đệ tử của tôi, y là người tu đầu đà đệ nhất.

Về sau, y không muốn lưu lại thế giới nầy nữa, cho nên dùng lửa tự thiêu. Thiêu xong rồi thân thể vẫn ngồi yên. Khi có người đến xem dùng tay rờ thân thể của y, thì ngã xuống thành tro. Đó là chứng minh y có định lực. Nếu chẳng có công phu nhập đỉnh, thì người bình thường

như chúng ta, dùng lửa thiêu thân thể sẽ nhảy lên. Cho nên, bất cứ người nào nói mình có định lực, thường nhập đỉnh, thì bạn có thể thử nghiệm họ, dùng lửa thiêu họ, nếu họ không nhảy lên thì thật có định lực. Như Quả Thuấn tự thiêu thành tro, vẫn ngồi yên tại đó, đó mới là thật có định lực. Chẳng có định lực như vậy, thì đừng khoe khoang rằng có định lực. Cho nên tôi chẳng dám nói tôi có định lực, bằng không thì phải chịu thử nghiệm.

"Chủ Phạm Thiên Vương". Chủ là làm chủ. Phạm là Đại Phạm Thiên Vương.

"Thi Khí Đại Phạm". Thi Khí là tiếng Phạn, dịch là "nhục kế".

"Quang Minh Đại Phạm". Lại có vị Thiên Vương Quang Minh Đại Phạm và các Thiên Vương khác một vạn hai ngàn Thiên Tử đều đến đại hội Pháp Hoa.

Có tám vị Long Vưởng. Đó là : Long Vưởng Nan Đà. Long Vưởng Bạt Nan Đà. Long Vưởng Sa Già La. Long Vưởng Hòa Tu Cát. Long Vưởng Đức Xoa Ca. Long Vưởng A Na Bà Đạt Đa. Long Vưởng Ma Na Tư. Long Vưởng Ưu Bát La. Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

Trước kia rồng rất nhiều, ai ai cũng đều có thể thấy. Ngày nay thì rồng chẳng xuất hiện. Tại sao bây giờ rồng chẳng xuất hiện ? Vì hiện tại người quá nhiều, khiến cho rồng chẳng dám xuất hiện.

Rồng thuộc về loài súc sinh, nhưng chẳng giống với các loài khác ; rồng có thần thông biến hóa, có thể biến lớn biến nhỏ, lúc ẩn lúc hiện. Rồng tại sao phải làm rồng ? Kiếp trước của rồng là người tu đạo. Vì khi tu đạo thì "thừa cấp giới hoãn", cho nên đọa làm thân rồng. Bây giờ giải thích thừa cấp giới hoãn.

Thừa cấp giới hoãn : Thừa là đại thừa tiểu thừa, giới là giới luật. Người nầy tu đạo tuy rất cấp tấn, nhưng chẳng giữ giới luật, dục niệm không đoạn trừ, nhất là dâm dục chưa dứt được, đối với giới luật cẩu thả lơ là, cho nên đọa làm thân rồng. Vì tu pháp đại thừa rất tinh tấn dũng mãnh, cho nên có thần thông.

Giới cấp thừa hoãn : Tuy giữ gìn giới luật, nhưng chẳng tinh tấn về pháp đại thừa. Người tu đạo kiểu nầy kiếp sau cũng làm người, được làm người giàu sang, nhưng chẳng thông minh lắm. Vì tu giữ giới luật rất cẩn thận, cho nên làm người giàu sang, nhưng chẳng đọc tụng Kinh điển đại thừa, chẳng nghiên cứu Phật pháp, cho nên chẳng có trí huệ, chẳng được thông minh lắm.

Thừa giới câu cấp : Không những đối với pháp đại thừa rất tinh tấn tu hành tiến về trước, mà giới luật cũng giữ gìn rất tinh nghiêm. Người tu đạo như thế nầy có thể

sớm khai ngộ chứng quả. Nếu không thể chứng quả cũng sẽ sinh về cõi trời hưởng thọ phước báu.

Thừa giới câu hoãn : Loại người nầy không tu pháp đại thừa cũng chẳng giữ giới luật, suốt ngày đến tối giải đãi, sáng ngủ đến mười giờ mới dậy, tối thì đi nghỉ sớm, do đó :

"Nhật cao tam can thân vị khởi,
Toán lai danh lợi bất như hàn."

Nghĩa là : Mặt trời mọc cao hơn mười trượng, nhưng người tu hành nầy vẫn chưa dậy, những người cầu danh cầu lợi chẳng thanh nhàn như ta, gì cũng chẳng làm. Người thừa giới câu hoãn, chẳng giữ giới luật cũng chẳng nghiên cứu Phật pháp. Tuy nhiên, mang danh là xuất gia, nhưng thật tế thì chẳng tu hành, chẳng dụng công, thích ăn không ngồi rồi, việc gì cũng chẳng làm, cứ thối lui về sau. Nhưng có vật gì ngon thì lén ăn trước. Thường thì thích ăn mà lười biếng làm, tương lai sẽ đọa địa ngục, suốt ngày đến tối phải ăn toàn sắt nóng. Bạn thích ăn thì mời bạn xơi cái đó, thích không làm việc, không thích nghiên cứu Phật pháp, thì đến nơi đó chẳng cần bạn làm chi cả, chỉ kêu bạn thọ tội, trên thì núi đao, dưới thì chảo dầu sôi .v.v., khiến cho bạn thưởng thức mùi vị, xem bạn còn lười nữa chăng ?

Trong hội Pháp Hoa nầy có tám vị Long Vương, ngoài ra còn có vô số quyến thuộc của loài rồng. Giảng đến đây, tôi nhớ lại lúc còn ở Đông Bắc (Trung Quốc), thì

Quả Thuấn dùng cỏ tranh làm một cái am, thỉnh tôi đến khai quang. Tôi dẫn theo Quả Năng, Quả Thị, Quả Hữu, một số đệ tử tôi đi. Đêm đó, tá túc lại lều tranh của y. Do đó, có mười con rồng đến muốn quy y Tam Bảo. Lúc đó, thời tiết hạn hán chẳng mưa, tôi bèn hỏi mười con rồng : "Rồng thì lo về mưa, tại sao các vị không mưa xuống ?" Rồng đáp : "Mưa xuống phải có lệnh của Trời Đế Thích, có lệnh của Trời Đế Thích mới có thể mưa xuống, nếu không chúng tôi không dám tùy tiện mưa xuống." Tôi nói : "Các vị hãy thế tôi, đến thỉnh cầu Trời Đế Thích mưa xuống chung quanh chỗ tôi khoảng bốn mươi dặm. Nếu ngày mai các vị thỉnh Trời Đế Thích mưa xuống, thì ngày mốt ta sẽ quy y cho các vị, thu các vị làm đệ tử vào cửa Phật." Quả nhiên, ngày thứ hai trời mưa xuống, mà chỉ mưa chung quanh bốn mươi dặm, cho nên sang ngày sau tôi quy y cho mười con rồng đó. Quy y rồi mấy con rồng đều phát tâm tu hành.

Tôi cho mười vị Long Vương nầy cùng một pháp danh gọi là "Cấp Tu Khoái Độ", nghĩa là tu mau lên để sớm cứu độ tất cả loài rồng. Cho nên, nhiệm vụ của chúng hiện tại là giáo hóa rồng ! Nói ra chuyện nầy có vẻ là thần thoại, nhưng thật tế thì chẳng phải thần thoại, đó là sự thật hiện đời của tôi.

Rồng có thần thông biến hóa, tuy nhiên người nhìn chẳng thấy, nhưng rồng vẫn tồn tại. Hiện tại có tám vị Long Vương trong hội Pháp Hoa :

1. Long Vương Nan Đà.

2. Long Vương Bạt Nan Đà : Nan Đà là tiếng Phạn, dịch là "hoan hỉ". Bạt Nan Đà dịch là "thiện hoan hỉ". Hai vị Long Vương nầy là hai anh em. Trước kia chúng chẳng giữ quy cụ, nhưng từ khi Ngài Mục Kiên Liên hàng phục được chúng, thì họ trở thành hộ pháp trong Phật giáo, cho nên đến tham dự hội Pháp Hoa. Hai anh em Long Vương nầy, ủng hộ nước Ma Kiệt Đà, khiến cho phong điều vũ thuận, mưa gió điều hòa thì ngũ cốc dồi dào. Do đó hai vị Long Vương nầy rất có ích lợi cho con người.

3. Long Vương Sa Già La : Sa Già La dịch là "biển mặn". Vị Long Vương nầy ở trong biển mặn.

4. Long Vương Hòa Tu Cát : Hòa Tu Cát dịch là "nhiều đầu". Vị Long Vương nầy có bảy đầu, hoặc chín đầu, hoặc mười hai đầu, hoặc mười lăm đầu. Vị Long Vương nầy là vị Long Vương nhiều đầu.

5. Long Vương Đức Xoa Ca : Đức Xoa Ca dịch là "hiện độc". Vị Long Vương nầy hiện ra nhiều chất độc, ai bị chất độc nầy thì sẽ chết.

6. Long Vương A Na Bà Đạt Đa : A Na Bà Đạt Đa dịch là "không nhiệt não", chẳng có nhiệt phiền não.

7. Long Vương Ma Na Tư : Ma Na Tư dịch là "thân lớn". Vị Long Vương nầy thân thể to lớn, gọi là đại thân Long Vương.

8. Long Vương Ưu Bát La : Ưu Bát La dịch là "thanh liên hoa". Vị Long Vương nầy gọi là Long Vương Thanh Liên Hoa.

Các vị Long Vương nầy, mỗi vị đều mang quyến thuộc, trăm ngàn rồng con rồng cháu, đến hội Pháp Hoa để nghe Phật giảng Kinh.

Có bốn vị Khẩn Na La Vưởng. Đó là : Pháp Khẩn Na La Vưởng, Diệu Pháp Khẩn Na La Vưởng, Đại Pháp Khẩn Na La Vưởng, Trì Pháp Khẩn Na La Vưởng. Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

Không những có rồng mà cũng có Khẩn na la, cũng là một trong Thiên Long bát bộ. Khẩn na la dịch là "nghi thần", vì Khẩn na la giống như người, nhưng trên đầu có một cái sừng. Khẩn na la là thần tấu nhạc cho Trời Đế Thích.

1. Pháp Khẩn Na La Vương : Vị nầy có nhiều phương pháp để tấu âm nhạc.

2. Diệu Pháp Khẩn Na La Vương : Vị nầy không những có pháp mà còn diệu phi thường. Âm nhạc tấu lên hay vô cùng, khiến cho người nghe đều hoan hỉ.

3. Đại Pháp Khẩn Na La Vương : Âm nhạc của vị nầy tấu lớn phi thường, pháp cũng lớn, tiếng cũng lớn.

4. Trì Pháp Khẩn Na La Vương : Âm nhạc của vị nầy tấu lên, khiến cho người sinh tâm hoan hỉ, y pháp tu hành.

Có bốn vị Càn Thát Bà Vưởng. Đó là : Nhạc Càn Thát Bà Vưởng, Nhạc Âm Càn Thát Bà Vưởng, Mỹ Càn Thát Bà Vưởng, Mỹ Âm Càn Thát Bà Vưởng. Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

Càn Thát Bà Vương cũng là thần tấu âm nhạc cho Trời Đế Thích.

1. Nhạc Càn Thác Bà Vương : Âm nhạc của vị nầy tấu rất hay vô cùng.

2. Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị nầy tấu lên, còn hay hơn so với vị Nhạc Càn Thát Bà Vương.

3. Mỹ Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị nầy tấu lên mỹ diệu êm tai vô cùng.

4. Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị nầy tấu lên hay không thể tả, vi diệu nhất, êm tai nhất.

Các vị nầy thích nhất là ngửi mùi hương, dùng hương làm thức ăn. Cho nên, khi Đế Thích muốn nghe âm nhạc, thì chỉ cần đốt lên hương chiên đàn, thì họ sẽ đến tấu âm nhạc.

Trong bộ Kinh nầy, có nói về các chúng Thần tấu nhiều loại âm nhạc hay vô cùng, song, họ vốn chẳng phải sở hữu của Phật giáo, mà là thuộc về sự quản lý của Trời Đế Thích. Trời Đế Thích quy y với Phật rồi, thì Trời Đế Thích và quyến thuộc bộ hạ đều trở thành Thiên Long hộ pháp.

Có bốn vị A Tu La Vưởng. Đó là : Bà Trĩ A Tu La Vưởng, Khư La Khiên Đà A Tu La Vưởng, Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La Vưởng, La Hầu A Tu La Vưởng. Mỗi vị vởi bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

A Tu La Vương lại gọi là vô đoan chánh, cũng gọi là vô tửu, vì chúng có phước trời, mà chẳng có quyền lực trời. Diện mạo của người nam rất xấu xí, nhưng người nữ rất đẹp. Chúng thích nhất là đấu tranh.

1. Bà Trĩ A Tu La Vương : Bà Trĩ nghĩa là "bị trói", bị ai trói ? Bị binh trời tướng trời trói, hoặc dịch là "tối thắng", thắng hết tất cả mọi cảnh tình dục.

2. Khư La Khiên Đà A Tu La Vương : Dịch là "bắp vai lớn", dùng để gánh vác pháp.

3. Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La Vương : Tỳ Ma Chất Đa La, nghĩa là "âm thanh sóng biển", hoặc dịch là "tịnh tâm", vị nầy là nhạc phụ của Trời Đế Thích.

4. La Hầu A Tu La Vương : Nghĩa là "chướng trì", thân của vị nầy cao và to lớn, tay có thể rờ mặt trời mặt trăng, che lấp ánh sáng. Tóm lại, vị nầy luôn luôn vì phiền não làm chướng ngại, do đó suốt ngày bực bội nóng giận.

Bốn vị A tu la nầy, với quyến thuộc của họ đều đến nghe Phật pháp.

Có bốn vị Ca Lâu La Vưởng. Đó là : Đại Oai Đức Ca Lâu La Vưởng, Đại Thân Ca Lâu La Vưởng, Đại Mãn Ca Lâu La Vưởng, Như Ý Ca Lâu La Vưởng. Mỗi vị với bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

Ca Lâu La Vương là đại bàng kim sí điểu, là chim lông cánh sắc vàng.

1. Đại Oai Đức Ca Lâu La Vương : Oai đức của vị nầy lớn vô cùng, hơn các Ca Lâu La Vương khác, có thể che trời phủ đất.

2. Đại Thân Ca Lâu La Vương : Vị nầy ở trên núi Kim cang đại thụ, hai cánh dãn ra rộng dài khoảng ba trăm ba mươi sáu do tuần.

3. Đại Mãn Ca Lâu La Vương : Chim nầy chỉ cần quạt cánh một cái, thì nước biển rẽ làm đôi, bắt rồng ăn mà lấy làm thỏa mãn.

4. Như Ý Ca Lâu La Vương : Chim nầy trên cổ có hạt châu như ý. Chỉ cần nghĩ đến ăn rồng, thì rồng tự động vào trong miệng. Vì loài chim cánh vàng nầy có bản lãnh ăn rồng, gần như muốn tuyện nòi, vì muốn bảo hộ rồng tồn tại, cho nên Long Vương đến cầu cứu với Đức Phật. Đức Phật đem tấm y Cà sa cũ cho Long Vương, kêu Long Vương phân ra từng sợi chỉ, và cột vào mỗi con rồng, thì chim đại bàng cánh vàng không dám ăn nữa. Quả nhiên, chim đại bàng cánh vàng chẳng có gì để ăn, mới đến khiếu nại Đức Phật. Phật thuyết pháp khuyên nói đừng ăn rồng nữa. Từ đó về sau mỗi khi chư Tăng dùng cơm trưa, thì thí cho nó ít cơm. Đó là nguyên nhân chim đại bàng cánh vàng quy y với Đức Phật. Hiện tại chúng mang tất cả quyến thuộc đến pháp hội để nghe pháp.

Vua A Xà Thế con của bà Vi Đề Hi, và bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội. Hết thảy đều lễ dưới chân Đức Phật, rồi lui về ngồi một bên.

Vua A Xà Thế là con của Bà Vi Đề Hi và Vua Tần Bà Sa La, cũng là ông vua hung ác nhất trong các ông vua. Vì ông phạm tội ngũ nghịch : Giết cha, giết mẹ,

giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, và phá hòa hợp Tăng chúng. Ông ta đại nghịch bất đạo như thế đều do Đề Bà Đạt Đa (em chú bác với Đức Phật) xúi giục. Vì Đề Bà Đạt Đa sớm đã muốn chiếm đoạt thay thế Đức Phật, cho nên xúi A Xà Thế giết cha, giết mẹ để đối phó với Đức Phật. Vua A Xà Thế chẳng còn tính người, bắt Vua cha giam vào ngục bảy lớp tường, để bỏ đói cho đến chết, chẳng cho ai vào thăm. Bà mẹ là Vi Đề Hi chỉ có cách lén lấy nước nho, đổ vào trong hột chuỗi mang vào cho vua Tần Bà Sa La dùng. Hai người khóc lóc với nhau, nỗi đau đớn chẳng còn muốn sống nữa, trong hoàn cảnh đau thương như thế, mới nghĩ nhớ đến Đức Phật, cầu Đức Phật giúp đỡ. Tâm vừa nghĩ như thế thì Đức Phật biết ngay, do đó đức Phật phái Ngài Mục Kiền Liên vào trong ngục, vì họ nói Kinh Thập Lục Quán, khiến cho họ y pháp tu hành, sau đó họ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Vi Đề Hi nghĩa là "suy nghĩ". A Xà Thế nghĩa là "sinh oán" (chưa sinh ra đã chẳng cát tường), hoặc nghĩa là "đoạn chỉ" (đứt ngón tay), khi ông ta sinh ra rồi, mẹ của ông ta rất chán ghét, mới cắn đứt ngón tay của ông ta, do đó mới gọi là "đứt ngón tay".

Tội của Vua A Xà Thế không thể tha thứ, đáng đọa vào địa ngục vô gián, nhưng về sau ông ta thật sự ăn năn hối cải, phát lồ sám hối, cải ác hướng thiện, quy y với Đức Phật, mang tất cả quyến thuộc đến pháp hội nghe

Phật pháp, đảnh lễ Đức Phật rồi lui về một phía ngồi xuống.

Bấy giờ, tất cả bốn chúng đều vây quanh đức Thế Tôn, cung kính cúng dưỡng tôn trọng tán thán ca ngợi.

Lúc nầy, tất cả Thiên Long bát bộ đều hướng về Đức Phật đảnh lễ, mỗi người đều ngồi theo vị trí của mình. Bốn chúng là : Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ. Ngoài ra, bốn chúng còn có ý nghĩa là : Phát khởi chúng, đương cơ chúng, ảnh hưởng chúng và kết duyên chúng.

Phát khởi chúng : Biết cơ duyên của chúng sinh thành thục mà hướng về Đức Phật phát ra vấn đề, có trí huệ phương tiện thiện xảo.

Đương cơ chúng : Là nghe pháp từ Đức Phật, đắc đạo được thọ ký, như Kinh Kim Cang đương cơ chúng là Ngài Tu Bồ Đề. Trong Kinh Lăng Nghiêm đương cơ chúng là Ngài A Na và hai mươi lăm vị Thánh. Đương cơ chúng trong Kinh A Di Đà là Ngài Xá Lợi Phất và các đại A La Hán, Bồ Tát, .v.v..

Ảnh hưởng chúng : Là các đại Bồ Tát, từ trước đã từng nghe nhiều Đức Phật thuyết pháp, đã hiểu rõ, nhưng vì muốn làm ảnh hưởng đến người khác, sinh tín tâm và

tâm thành đối với pháp, cho nên cũng đến ủng hộ đạo tràng, khiến cho họ im lặng chú ý cung kính nghe pháp.

Kết duyên chúng : Số còn lại tuy là dự nghe, tâm chưa thấu hiểu, nhưng kết nhân lâu xa, đó là kết duyên chúng, hoặc họ cũng dùng phẩm vật hoặc thức ăn đến cúng dường Tam Bảo và kết duyên với đại chúng ở trong pháp hội.

Lúc đó, bốn chúng đệ tử vây quanh đi nhiễu đức Phật ba vòng, từ bên phải nhiễu vòng bên trái. Sau khi nhiễu xong thì cung kính đảnh lễ đức Phật, cúng dường đức Phật, tán thán ca ngợi đức Phật. Trong bài xướng của chúng ta có câu :

"A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân."

Hoặc là :

"Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỉ,
Thế gian sở hữu ngã tận kiến,
Nhất thiết vô hữu như Phật giả."

Đó đều là kệ tán khi lễ Phật.

Bây giờ nói về tầm quan trọng của sự kết duyên. Nếu chẳng có duyên, thì dù bạn đối với họ tốt thế nào, họ đối với bạn cũng chẳng vừa ý. Trước kia, có một vị pháp sư biện tài vô ngại, người trời đều đến nghe vị nầy thuyết pháp, chỉ là chẳng có duyên với ai, cho nên không có ai

đến nghe vị nầy thuyết pháp. Vị nầy hiểu rõ về nhân quả, cho nên đi mua rất nhiều gạo, đem vào rừng bố thí cho chim, lại niệm chú Đại Bi và chú Lăng Nghiêm gia trì vào gạo không ngừng, quán tưởng tất cả bầy chim ăn gạo rồi, sẽ có thể thoát khỏi thân phi cầm, mà chuyển làm thân người. Hai chục năm sau, vị pháp sư nầy vẫn còn là người xuất gia, diễn nói pháp thì tự nhiên có rất nhiều người, mà đều là người trẻ đến nghe pháp, đều cung kính năm thể sát đất. Những người trẻ nầy, quá khứ đều là chim, đắc được pháp thí cho nên mới sinh làm người. Vì bái ân đức mà đến ủng hộ đạo tràng. Cho nên, phải thường kết duyên lành với người, đừng lấy tâm sân đối đãi với người, nếu không thì chẳng có duyên với người, ai ai cũng đều lánh xa.

Cúng dường thì phải dùng tâm thành khẩn và chân thật để cúng dường. Tâm chân thật tức là tâm xả đặng, xả bỏ những gì tâm còn ái chấp. Tâm thành khẩn tức là chẳng có tâm tạp loạn, làm việc phải thật lòng, chuyên tâm nhất chí.

Trước kia có vị ăn mày, vì thấy người cúng dường Tam Bảo tu công đức, mà khiến cho ông ta cũng phát tâm cúng dường, nhưng vì tiền chỉ đủ mua bình dầu đến cúng dường Tam Bảo. Lúc đó, vị Hòa Thượng trụ trì trong chùa (có thiên nhãn thông) ra nghinh tiếp ông ta, và mời ông ta dùng cơm. Trong lúc ấy, lại có một người nhà giàu, cũng mang đến một phi dầu để cúng dường Tam Bảo, nhưng Hòa Thượng trụ trì không đích thân ra tiếp, chỉ kêu

vị Tăng tri khách ra tiếp. Nhiều vị Tăng trong chùa không hiểu tại sao Hòa Thượng trụ trì hậu đãi người nghèo đó, dù chỉ cúng Tam Bảo có một bình dầu, còn người giàu kia cúng một phi dầu, mà Hòa Thượng lại lạnh nhạt. Khi mọi người bàn tán thì Hòa Thượng đến giải thích nói : "Một người giàu có mua hai ba trăm lít dầu chẳng khó khăn gì, song một người ăn mày nghèo sơ, chỉ có mấy đồng tiền mà đem hết ra để mua dầu cúng Tam Bảo, dù chỉ một bình nhỏ, nhưng công đức thật vô lượng hơn người giàu kia. Đó gọi là khó xả mà xả được, ông ta mới là người dùng chân tâm để cúng dường Tam Bảo, ông ta là một vị đại hộ pháp ! Người trong hoàn cảnh khốn khó mà còn nghĩ đến cúng dường Tam Bảo, công đức đó thật là vĩ đại ! Một người đời nầy giàu có cũng vì trong quá khứ, họ tu tích tập phước báu khó xả mà xả được, khó hành mà hành được."

Nghe những lời nầy rồi đồ chúng mới minh bạch, cúng dường Tam Bảo cần có chân tâm và thành tâm.

Vì các Bồ Tát nói Kinh đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa, pháp giáo hóa Bồ Tát, đượ̣c Phật hộ niệm.

Khi Đức Phật thuyết pháp thí có sáu điềm lành :

1. Điềm lành về thuyết pháp.
2. Điềm lành về nhập định.

3. Điềm lành về mưa hoa.
4. Điềm lành về đất chấn động.
5. Điềm lành về chúng hoan hỉ.
6. Điềm lành về phóng quang.

Lần nầy, Đức Phất thuyết pháp chẳng giống trước kia, vì lần nầy thì thuyết pháp trước, sau mới nhập định. Đức Phật vì tất cả Bồ Tát ở trong đại hội Pháp Hoa nói Kinh điển đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa. Kinh đại thừa có bảy nghĩa :

1. **Pháp đại** : Tức là bao quát tất cả Tam Tạng mười hai bộ Kinh, cũng bao quát tất cả pháp tiểu thừa.

2. **Phát đại bồ đề tâm** : Từ phàm phu, tu cho đến khi thành Phật, tâm nầy vĩnh viễn không thối chuyển.

3. **Hiểu đại Tạng** : Minh bạch giáo pháp đại tạng, y giáo phụng hành.

4. **Tịnh đại** : Thấy được đạo thì tịnh tâm đại.

5. **Trang nghiêm đại** : Tức là phước trí đại.

6. **Thời đại** : Đức Phật trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp để tu trì, là thời gian lâu dài, cũng có thể gọi là nhân đại.

7. **Cụ túc đại** : Là lục độ vạn hạnh đều viên mãn, dùng tướng tốt tự trang nghiêm, mà đắc được quả Bồ Tát, cũng có thể gọi là quả đại.

Vì có bảy ý nghĩa nầy cho nên gọi là đại tạng, Ma Ha Tát có bảy thứ đại nhưng chẳng giống như ở trên vừa nói.

"Nói Kinh đại thừa", trên thì khế với Kinh của Phật, dưới thì hợp với căn cơ của chúng sinh, cho nên gọi là khế Kinh. Trước khi nói Kinh Pháp Hoa, thì Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa. Vô Lượng Nghĩa tức là nghĩa vô số lượng. Vô lượng là từ hữu lượng mà ra, hữu lượng là từ một mà ra, một từ vô tướng mà ra, vô tướng từ thật tướng mà ra, cho nên vô lượng nghĩa cũng là Kinh thật tướng nghĩa. Do đó, thật tướng vô tướng, tướng vô sinh tử, vô vô tướng, vô Niết Bàn tướng, mà vô sở bất tướng. Vô lượng làm một, một làm vô lượng, tức cũng là thật tướng. Thậm chí, một cũng chẳng có, chỉ là người đầu lại thêm đầu, bày vẽ ra một, đó là tự tìm phiền não mà thôi.

"Kinh Vô Lượng Nghĩa" là phương pháp giáo hóa Bồ Tát đại thừa, được Phật hộ niệm, Kinh Vô Lượng Nghĩa là chỗ Phật tự chứng đắc, đoạn văn dưới đây nói rằng : Phật tự trụ đại thừa vậy, tuy muốn khai thị mà căn tính của chúng sinh chậm chạp, yên lặng lâu là cốt yếu đó, chẳng cần nói mau, cho nên gọi là hộ niệm.

Đức Phật nói Kinh nầy rồi, bèn ngồi kiết già, nhập Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm đều bất động.

Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa xong rồi, thì ngồi kiết già, cũng gọi là ngồi theo tư thế hoa sen, tư thế kim cang. Ngồi kiết già trợ giúp rất nhiều cho việc tu đạo,

không khiến cho người hôn trầm ngủ gục, mà dễ sinh ra định lực, có định thì tự nhiên sẽ phát huệ. Ai ngồi thẳng ngay ngắn được, thì giới thể vốn có sẽ hiện tiền, tất cả Thiên Long bát bộ đều đến ủng hộ, còn yêu ma quỷ quái tự nhiên sẽ xa lánh, cho nên ngồi kiết già là một pháp ngồi tu đạo viên mãn nhất. Bây giờ, lấy một công án để chứng minh tầm quan trọng của sự ngồi kiết già.

Quan Trung Hỉ là bạn của tôi. Vị nầy là người tu đạo có ba ngàn người đồ chúng, nhưng vị nầy hiểu rõ chính mình chẳng có đạo nghiệp, chưa được liễu sinh thoát tử, do đó vị nầy cấp tốc cầu chánh đạo, đi khắp nơi tìm minh nhãn thiện tri thức, nhưng ba năm trôi qua cũng chưa tìm được.

Một đêm nọ, cháu của vị nầy là Quan Chiêm Hải, chưa từng gặp tôi, mà ở trong mộng thấy tôi và còn cầu đạo nơi tôi, mà tôi dùng tay từ trên đầu của y lột xuống một tấm da heo, và nói tấm da nghiệt nầy khử sạch rồi thì có thể tu đạo. Ngày thứ hai, tôi đi thăm chú của y thì Quan Chiêm Hải ngó một cái thì nhận ra tôi, chú của y nhắc lại việc tôi thủ hiếu ba năm ở mộ phần mẹ của tôi, hai người mừng rỡ vạn phần, cho rằng đưa đạo vào cửa, lập tức hai chú cháu cùng quỳ xuống hướng tôi cầu đạo. Nhưng tôi nói tôi chẳng có đạo hạnh, không thể thu nhận họ làm đệ tử, song tôi sẽ mang họ đi tìm danh sư. Cuối cùng, vì Quan Trung Hỉ chẳng tìm được vị thầy vừa ý, do đó Quan Trung Hỉ trở lại cầu đạo với tôi. Tôi nói tôi

chẳng có đạo, bất quá có thể dạy cho ông ta một phương pháp tu hành, nhưng ông ta trước hết phải học ngồi tư thế kiết già. Quả nhiên, ông ta y pháp tu hành, nhưng hai đầu gối của ông ta quá lớn kì lạ, muốn học ngồi kiết già thật là khó khăn vô cùng, bất cứ ngồi thế nào cũng chẳng được, song ông ta cũng chẳng sợ đau đớn khó khăn, vẫn kiên quyết tập ngồi cho bằng được, tập lên tập xuống thì hai đầu gối của ông ta sưng đỏ lên. Bảy mươi ngày trôi qua, tôi thấy ông ta vẫn đi chưa được ! Tôi khuyên ông ta đừng tập nữa, phương pháp ngồi kiết già rất khó khăn với ông ta, nhưng ông ta kiên quyết nói trừ khi tôi chết, bằng không tôi nhất định phải tập cho tốt. Nếu tập ngồi kiết già mà tập không xong thì còn nói gì về việc tu đạo ?

Qua một trăm ngày sau, tôi lại đến thăm ông ta thì đầu gồi của ông ta hết sưng cũng hết đau, chẳng những thế mà ông ta ngồi rất là đoan nghiêm, thật là có chí thì việc tất thành. Ông ta ngồi kiết già thành công rồi, tôi bèn chỉ ông ta phương pháp ngồi thiền.

Cháu của ông ta là Quan Chiêm Hải, cũng như người chú, tìm thầy năm năm trời, cũng chẳng tìm được thầy vừa ý. Cuối cùng cũng phải trở về tìm tôi quỳ xuống. Tôi hỏi y : "Anh làm gì thế ?" Y nói : "Con đi tìm minh sư đã nhiều năm, nay mới phát giác thầy mới là vị thầy chân thật nhất, mong thầy nhận con làm đệ tử !" Thấy y cầm tay áo của tôi giựt giựt, tôi giả dạng nóng giận, phất tay áo bỏ đi khoảng hơn nửa dặm đường thì

quay lại xem, thấy y vẫn còn quỳ ở đó ! Tôi nói : "Anh còn làm gì ở đây ?" Y nói : "Nếu Ngài không nhận con làm đệ tử, thì con sẽ quỳ cho đến chết ở tại đây !" Vì muốn thử tâm thành của y, tôi lại phất tay áo bỏ đi, lần nầy đi hơn một dặm đường, quay đầu lại nhìn vẫn thấy y quỳ bất động ở đó, đủ thấy y thành tâm, do đó tôi thu nhận y làm đệ tử. Y là đệ tử đầu tiên của tôi tại Đông Bắc Trung Quốc.

Quan Trung Hỉ y theo pháp tu hành được năm năm, thì có sở thành tựu, nghĩ muốn gặp tôi để nói lời cảm kích, vì ông ta biết trước ngày vãng sinh. Song, việc nầy ông ta chẳng được mãn nguyện, vì từ đầu đến cuối, tôi với anh ta mất liên lạc. Quả nhiên, như chính ông ta đã dự liệu ngày đó, ông ta ngồi ngay ngắn mà vãng sinh, ngày đó có rất nhiều người hành xóm, đều mộng thấy có hai vị đồng tử mặc y màu xanh, dẫn ông ta về Tây phương ! Cho nên ngồi kiết già trợ giúp không ít cho việc tu đạo.

Đức Phật nói xong Kinh Vô Lượng Nghĩa rồi, bèn ngồi kiết già, nhập Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, tức cũng là nhập thật tướng định. Thân tâm đều bất động. Thân không động thì tâm chẳng động, tâm chẳng động thì thân không động, đó là chân tâm vốn không động. Đây là điềm lành sự nhập định của Đức Phật.

Lúc đó, trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa

Ma ha mạn thù sa, rải ở trên Đức Phật và các đại chúng.

Đoạn văn nầy nói về mưa hoa. Khi đức Phật nhập định, thân tâm đều chẳng động, thì hoa trời từ trên trời mưa xuống. Hoa Mạn đà la là hoa trắng nhỏ. Hoa Ma ha mạn đà la là hoa trắng lớn. Hoa Mạn thù sa là hoa đỏ nhỏ. Hoa Ma ha mạn thù sa là hoa đỏ lớn. Bốn thứ hoa nầy đều rải cúng dường ở trên thân của Đức Phật, và tất cả đại chúng trong pháp hội. Bốn thứ hoa nầy đại biểu cho bốn vị trí là : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng và thập địa, tức cũng là bốn tấn độ của Bồ Tát đạo, là giai đoạn tu hành phải trải qua.

Khắp hết thảy thế giới của chư Phật, đều có sáu thứ chấn động.

Đây là điềm lành về chấn động. Đức Phật vì biểu thị sư quan trọng của Kinh Pháp Hoa, mà hiện ra đủ thứ điềm tốt lành. Khắp hết thảy cõi Phật trong mười phương ba đời, đều có sáu thứ chấn động : Chấn, hống, kích (về âm thanh), động, dũng, khởi (về hình tượng). Sáu thứ chấn động nầy dụ cho sáu căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nếu nói rộng ra, thì trong sự chấn động, mỗi thứ lại phân ra ba thứ, cộng thành mười tám thứ, tức cũng dụ cho mười tám giới. Thế nào là một thứ phân ra làm ba thứ ?

Ví như : Động, biến động, đẳng biến động. Chấn, biến chấn, đẳng biến chấn. Hống, biến hống, đẳng biến hống. Kích, biến kích, đẳng biến kích. Dũng, biến dũng, đẳng biến dũng. Khởi, biến khởi, đẳng biến khởi.

Động, chỉ là một nơi chấn động. Biến động, là một bốn thiên hạ (Nam Thiệm Bộ Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Câu Lưu Châu), đều chấn động. Đẳng biến động, tức ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động.

Sáu thứ chấn động đại biểu cho : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác và diệu giác. Tức cũng biểu thị muốn phá vô minh, thì trước hết phải trải qua sáu giai đoạn biến động. Người tu tập thiền định, đều thân tự thể nghiệm qua những giai đoạn nầy. Đối với người chẳng tu thiền mà nói, đó chỉ là chấn động của sáu căn mà thôi.

Dũng, từ bên đông vọt ra thì bên tây lặng. Đông vọt thì tây chìm. Phương đông là mộc tức cũng là màu xanh ; màu xanh dụ cho gan thuộc về nhãn căn (mắt). Phương nam là màu đỏ cũng là lửa, dụ cho tim, thuộc về thiệt căn (lưỡi). Phương tây là màu trắng, thuộc về kim, chỉ cho phổi, thuộc tĩ căn (mũi). Đây là biểu thị công đức của mắt sinh, thì phiền não của mũi diệt. Phiền não của mắt diệt, thì công đức của mũi sinh. Sáu căn nầy đều có công đức của nó, công đức sinh thì phiền não diệt ; phiền não sinh thì công đức diệt, tức cũng là sáu thứ chấn động. Phương bắc là màu đen, thuộc thủy, dụ cho thận,

thuộc về nhĩ căn (tai), cũng hỗ tương giao lưu công đức và phiền não với năm căn kia. Thân thuộc về bốn phương (mắt, tai, mũi, lưỡi đều ở trong đó). Ý có công năng phan duyên với bốn phương nầy. Cho nên, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác là chấn động bên ngoài, còn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là chấn động bên trong.

Sáu thứ chấn động nầy, là điềm lành về chấn động, biểu thị sáu căn chấn động. Sáu căn nầy hỗ tương trợ giúp, kết thành một đảng, dựa nhau làm bậy, có thể làm thiện, cũng có thể làm ác. Tạo điều ác thì sẽ khiến cho pháp thân đọa lạc vào ba đường ác. Song, người thành Phật cũng nương vào sự trợ giúp lẫn nhau của sáu căn nầy. Như công đức của lỗ mũi sinh ra, thì phiền não của con mắt diệt đi. Phiền não của con mắt là gì ? Công đức của con mắt là gì ? Khi mắt thấy sắc (vật chất) cái mà mình yêu thích, nhưng không đắc được thì sẽ sinh phiền não, theo đó mà khởi tâm tham, tức cũng là nguồn gốc của phiền não. Sau đó, mắt cũng sẽ mang lại công đức không ít, nó giúp người xem Kinh điển, nghiên cứu Phật pháp, thâm nhập Kinh tạng. Hoặc thấy tượng Phật thì sinh tâm cung kính lễ bái. Do đó, sáu căn nầy đều có công năng trợ giúp hoặc phá hoại, hãy xem chúng ta vận dụng nó như thế nào ! Dùng làm thiện thì có công đức, dùng làm ác thì đọa lạc, chẳng nghi ngờ gì hết. Cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói rằng : "Thành Phật hoặc đọa địa ngục, đều do sáu căn nầy." Cho nên nói ngu si tức là trí huệ, đó

là đạo lý sáu căn vận dụng một dạng với nhau. Nếu chúng ta khéo vận dụng nhĩ căn (căn tai) để nghe pháp, nghe Phật pháp nhiều rồi mà thông được một, thì tất cả đều thông, hiểu một thì tất cả đều hiểu, biết một thì tất cả đều biết, giác một thì tất cả đều giác.

"Tự tánh như hư không,
Chân vọng đều ở trong,
Ngộ triệt bổn lai thể,
Một thông tất cả thông."

Đồng đạo lý nầy, có thể đưa ra ví dụ về ăn, mặc, ở và hành động. Tại sao con người phải ăn cơm ? Vì để nuôi thân thể, mặc áo là để che lạnh. Cho nên ăn cơm, mặc áo, ngủ nghỉ, là những thứ cần thiết cho sinh mạng không thể thiếu, mà tự tánh của chúng ta rất cần Phật pháp để nuôi dưỡng, nếu không thì xảy ra vấn đề. Do đó, lợi dụng sáu căn để thành vô thượng đạo, đây là sáu căn chấn động vậy. Người đã từng tập ngồi thiền, thì sẽ có kinh nghiệm sự chấn động nầy, hoặc tay, hoặc mắt, hoặc tai, mũi, lưỡi, thân, tình huống chấn động của sáu căn. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rằng : Tĩnh cực quang thông đạt, đó là công phu tu thiền đạt đến cực điểm, thì hiện ra một thứ cảnh giới, nếu không khởi tâm chấp trước, tức là cảnh giới tốt.

Trong pháp hội Lăng Nghiêm mùa hè đó, có người ngồi thiền thì tay hay tự động, đó là sự biến hóa của thân

thể, động tắc biến, biến tắc hóa. Tự động của thân thể là người tu thiền đã từng trải qua một phen hạ thủ công phu, mới phát sinh hiện tượng nầy, nhưng phải qua sự chỉ điểm của minh nhãn thiện tri thức, mới không lầm đi vào đường tà, hoặc sinh tâm kinh hãi, hoặc do đó mà bỏ tu thiền. Thật ra, sự kinh hãi nầy là dư nhiều, tự động nầy không ngoài một trong sáu thứ chấn động. Đạo lý nói ở trong Kinh Phật tất định với tự tánh thân thể của chúng ta đều tương hợp, chẳng phải vì chúng ta tìm một con đường tương ưng, mà con đường nầy là tự tánh của chúng ta vốn đầy đủ. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là dùng để đối trị tám vạn bốn ngàn tập khí xấu, bệnh tật của chúng ta. Rõ là người có đủ thứ tập khí mao bệnh mà chẳng tự biết được, cho nên suốt ngày đều bị trần lao lay chuyển, lấy khổ làm vui, càng ngày càng đọa đi xuống, mà vẫn không tỉnh. Do đó, trong Kinh nầy, Phật dùng sáu thứ chấn động làm dụ, để đối trị sáu căn, làm phương pháp tiêu trừ tập khí ác. Chấn động tức là phá trừ vô minh : Phá vô minh sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả ; sau đó lại phá vô minh Thập địa và Đẳng giác, đây là sáu giai đoạn thành Phật, tức cũng là sáu quả vị lần lượt thành Phật.

Bấy giờ, trong pháp hội các chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người,

chẳng phải người, và các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương, các đại chúng, được chưa từng có, vui mừng chắp tay một lòng nhìn Đức phật.

Đây là điềm lành chúng vui mừng.

Lúc đó, tức cũng là lúc sáu thứ chấn động, trong pháp hội có các chúng đại Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni .v.v. Tỳ Kheo có ba nghĩa :

1. Khất thực.
2. Bố ma.
3. Phá ác.

Tỳ Kheo ni, cũng giống như ở trên, đều có ba nghĩa, là nữ chúng xuất gia. Trước kia, có vị tu hành, vì xác định khai ngộ thật sự của mình mới đi gặp một vị cao Tăng đã khai ngũ nhãn lục thông. Khi vị cao Tăng biết được ý của vị tu hành, thì bắt đầu khảo vị tu hành rằng : "Ông có sở đắc gì ?" Vị tu hành đáp : "Tôi chẳng có sở đắc gì." Cao Tăng lại hỏi : "Ông khai ngộ gì ?" Vị tu hành đáp : "Tôi biết Tỳ Kheo Ni là người nữ !" Vị cao Tăng nghe rồi, lập tức ấn chứng cho vị tu hành, nói vị tu hành đã thật sự khai ngộ. Tại sao nói vị đó đã khai ngộ ? Vì vị cao Tăng biết vị đó đến, chẳng có tơ hào nói dối, vị đó rất khẳng định trả lời. Vậy nếu chúng ta cũng trả lời như thế, có phải cũng đã khai ngộ ? Chẳng phải vậy !

Khai ngộ chẳng phải lượm lặt những gì của người khác. Phàm là học theo người đã nói qua, đều chẳng phải thật khai ngộ, trừ khi tự mình ngộ ra, riêng có một lần gặp, mà câu nầy lại chưa có người nói qua.

Cư sĩ nam, cư sĩ nữ có hai nghĩa : 1. Cận sự nam hoặc cận sự nữ. 2. Cận trụ nam, cận trụ nữ. Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ là bốn chúng đệ tử. Ngoài ra có trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương .v.v. Dạ xoa là tốc tật quỷ, lại gọi là dũng kiện. Sức mạnh của quỷ thần nầy, có thể dời núi lấp biển, một tay đẩy quả núi ra ngoài một trăm dặm, một tay lại kéo quả núi trở về. Ma hầu la già là đại mãng xà. Chẳng phải người, là một trong tám bộ quỷ thần. Chuyển luân thánh vương có phước báu rất lớn, có ngàn vị vương tử, lại có bảy báu, trong đó có một báu là bảo châu như ý. Bảo châu nầy khiến cho chủ nhân tùy thời tùy lúc muốn gì có nấy, muốn bao nhiêu có bấy nhiêu, tùy tâm mãn nguyện. Ngoài ra, còn có xe kim luân, có thể trong nháy mắt thì đưa Chuyển luân thánh vương đi chu du tứ thiên hạ, lộ trình so với lên mặt trăng còn xa nhiều lắm. Có người sẽ thắc mắc : "Thời đại Đức Phật chẳng có Chuyển luân thánh vương, vậy Chuyển luân thánh vương đáo để từ đâu đến ?" Chuyển luân thánh vương từ phương khác đến, chẳng phải chúng ta có thể thấy hoặc nghe được. Người biết thì biết, không biết thì không biết. Đừng cho rằng những gì mình không thấy, thì

nói là chẳng có việc đó. Ngoài chỗ ở của mình, còn có lân cư, có thành thị, thị trấn .v.v., do đó phải nhìn xa hiểu rộng, đừng dùng tầm mắt một làng nhỏ bé để nhìn thành thị. Là các đại chúng, được chưa từng có. Vì chưa từng nghe qua pháp nầy, cho nên vui mừng chắp tay, một lòng nhìn Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Phật phóng ra luồng hào quang trắng ở giữa chân mày, chiếu soi hết thảy một vạn tám ngàn thế giới ở phưởng đông.

Lúc đó, chúng sinh đều hoan hỉ chuyên tâm nhìn Đức Phật, đức Phật cũng hoan hỉ, cho nên giữa chân mày phóng ra luồng hào quang trắng. Đây là điềm lành về phóng quang. Bây giờ, người tạo tượng Phật đều gắn ở giữa chân mày của Đức Phật một hạt châu hoặc đá quý để đại biểu luồng hào quang trắng. "Chiếu soi hết thảy một vạn tám ngàn thế giới ở phương đông." Phương đông thuộc mộc, tượng trưng cho mùa xuân, vạn vật đều sinh trưởng. Đây dụ cho chúng sinh huệ mạng của một vạn tám ngàn thế giới, đều đắc được quang minh của Phật chiếu mà tăng trưởng.

Dưới thì chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên thì chiếu đến cõi trời Sắc Cứu Kính.

Ở thế giới nầy, đều thấy hết thảy chúng sinh trong sáu nẻo của các cõi kia.

Hiện tại điềm lành hiện ra là phương khác được độ. Đức Phật phóng quang minh, chẳng những điềm lành chiếu thấy thế giới nầy, mà thậm chí chiếu xuống đến địa ngục A Tỳ (địa ngục Vô Gián), địa ngục nầy một người rớt xuống thì chật, nhiều người rớt xuống cũng chật đầy, thời gian chịu khổ chẳng gián đoạn. Chỉ cần tội nghiệp sâu nặng, thì đọa vào đó, vạn kiếp khó mà ra khỏi. Trời Sắc cứu kính tức là từng trời cao nhất của sắc giới. Từ phương đông của thế giới Ta Bà nhìn qua một vạn tám ngàn thế giới, đều thấy hết chúng sinh trong sáu đường của các cõi đó, đều thấy rõ quả báo của mỗi loài.

Sáu nẻo luân hồi là : Trời, A tu la, loài người, ba đường lành ; địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường ác. A tu la có khi liệt vào trong ba đường ác, thành bốn đường ác. Trời là do tu năm giới mười điều lành, mà được sinh về cõi trời. Làm người căn bản nhất là giữ gìn năm giới :

1. **Không sát sinh** : Người giữ được giới nầy thì đắc được tuổi thọ sống lâu, được quả báo trường thọ. Ngược lại, kẻ sát sinh sẽ bị quả báo tuổi thọ ngắn ngủi hoặc chết yểu. Đó cũng nói rõ, tại sao có người sống lâu có người chết yểu.

2. **Không trộm cắp** : Trộm là làm tổn hại đến tài vật và phước mạng của kẻ khác, cắp là chưa được sự chấp

thuận của người ta, mà mình tự lấy đồ vật hoặc tiền tài. Quả báo là trong đời nầy hoặc đời sau, tài sản của mình cũng sẽ bị người trộm cắp hoặc bị cướp đi. Nếu giữ được giới không trộm cắp, thì được giàu sang phú quý.

3. **Không tà dâm** : Ai dâm vợ con của người ta, thì tương lai quả báo bị người chơi lại, hoặc vợ mình chẳng trinh tiết, hôn nhân gặp nhiều sự trở ngại, gia đình ly tán, .v.v., đủ thứ chướng ngại phiền não.

4. **Không nói dối** : Tức là không nói láo gạt người. Có những người nói : tôi một đời đều thật thà, chưa từng lường gạt người, cũng chẳng hại người, tại sao tôi lại bị người gạt, bị người hại. Nên biết, quả báo nầy chẳng phải một đời tạo ra, mà là thông cả ba đời, quá khứ hiện tại và vị lai. Xưa kia đã tạo ra nghiệp nói dối, khi nhân duyên thành thục thì nghiệp báo sẽ hiện tiền, phải thọ quả báu bị gạt, bị hại. Trong Kinh có câu rằng :

Trải qua trăm ngàn kiếp,
Nghiệp tạo ra chẳng mất,
Khi nhân duyên chín mùi,
Phải thọ lấy quả báo.

5. **Không uống rượu** : Cũng kể cả hút thuốc, hút cần sa, hút á phiện, ma tuý, khiến cho người mất đi lý tính. Uống rượu sẽ khiến cho người càng uống càng uống nhiều, uống càng nhiều thì càng hồ đồ, làm cho nhiễu loạn tính tình, mà làm ra đủ thứ tội lỗi thất thường, hồi đầu trở lại thì đã trăm năm. Hiện tại giới y học rất lạm

dụng đối với thuốc men, cho nên cũng liệt vào trong giới nầy. Vì xử dụng ma túy, hoặc thuốc kích thích quá độ khiến cho bệnh tình của bệnh nhân bỏ mạng, hoặc khiến cho tinh thần càng thêm hỗn loạn chẳng được yên.

Năm giới là gốc căn bản làm người, quan trọng là sửa đổi tập khí ác của : thân, khẩu, ý, ba nghiệp, tiến thêm một bước nữa thì chẳng khởi ý niệm : giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Phàm là chưa được sự hứa khả của người khác, mà tự trộm lấy đi xử dụng, là phạm giới trộm cắp. Ví như thấy người mua một bình rượu, trong tâm nghĩ : Ồ ! Rượu ngon, thôi thì uống trước một ly thử ! Khởi ý niệm như thế tức thì đã phạm giới trộm cắp và giới uống rượu. Có phải uống rượu của người thì không phạm giới uống rượu chăng ? Chẳng phải, tuy chẳng uống rượu của người, nhưng cũng uống sữa hoặc thức uống khác, nếu khởi ý niệm tham ái chấp trước cũng là phạm giới nầy. Ví như, thấy trong tủ lạnh có một chai sữa, bèn khởi lên một niệm tham cũng chẳng biết ba bảy hai mươi mốt, cầm lên uống, uống xong thì chẳng biết của ai mua. Sữa là việc nhỏ, nhưng chưa được sự đồng ý của người mà uống, tức cũng phạm giới ăn cắp. Nói đi cũng phải nói lại, người bị mất sữa cũng phải phản tỉnh, tại sao người ta lại ăn cắp đồ của tôi ? Ồ ! Đó là kiếp trước tôi đã từng ăn cắp tài vật của người, đó là nhân quả báo ứng. Lấy đó mà hồi quang phản chiếu, luôn luôn cảnh tỉnh mình, về sau đừng tái phạm nữa.

Song, người ăn cắp sữa cũng đừng nói : hiện tại tôi ăn cắp của anh, đợi kiếp sau tôi sẽ hoàn lại. Nên biết kiếp sau có thể chẳng có vật để hoàn trả lại cho người. Tóm lại, một cây kim, sợi chỉ, cộng cỏ, khúc gỗ, chẳng phải sở hữu của mình, nếu chưa được chủ nhân đồng ý mà lấy đi, tức phạm giới ăn cắp. Đạo lý những giới căn bản khác cũng như thế.

Phước báo của trời vô cùng vô tận, nhưng cao tột đỉnh cũng có ngày sẽ đọa lạc. Hưởng hết phước báo thì năm tướng suy hiện ra vẫn phải đọa lạc. Do đó, chỉ tu phước báu cõi trời mà không tu trí huệ, thì vĩnh viễn lưu chuyển ở trong sáu nẻo luân hồi. A tu la cũng tu năm giới mười điều lành, nhưng dở ở chỗ dùng tâm đấu tranh để làm công đức. Khi hành thiện bố thí thì đều thích nổi danh, tranh đệ nhất, ở trước mọi người thì tỏ thái độ nhà đại từ thiện xuất hiện, bỏ ra nhất định phải nhiều hơn bất cứ ai. Dùng phương thức huyền diệu tự ngã để làm bố thí, nói thẳng đó chẳng qua là dùng tiền bạc để mua danh, vốn chẳng phải thật tâm hành thiện, cho nên công đức đắc được cũng là hữu lậu. Còn có những kẻ hư ngụy, mặt ngoài hành thiện một cách yên lặng, nhưng trong bóng tối lại cố ý để cho mọi người biết họ đang bố thí, hành động như thế tự mình tuyên truyền ngụy quân tử, so với công đức của những người ở trên tuyên truyền tự ngã càng âm hiểm dối trá, thuộc về âm tính A tu la. Nhân mà không thẳng thì quả cong vạy. Tại nhân địa mà tâm không

thẳng, thì tương lai quả báo đắc được cũng sẽ biến thành quả ác. Nếu tâm của họ bất chánh, thích đấu tranh, tâm sân quá nặng, thì đời sau sẽ thành A tu la. Do đó, khi bố thí thì đừng sai nhân quả, nên dùng tâm chân thật và tâm vui thích để hành sự, mới được quả lành. Người cũng tu năm giới mười điều lành mà ra, thuộc về năm giới mười điều lành bậc hạ. A tu la là năm giới mười điều lành bậc trung, còn chư thiên thì năm giới mười điều lành bậc thượng, đó là ba đường lành.

Quả báo của ba đường ác, đều do khởi tâm tham, sân, si. Tham quá nhiều thì sẽ thành ngạ quỷ. Người còn sống quá tham ăn, thì kết quả chết rồi, vật gì cũng ăn chẳng được, chẳng có sở hữu gì hết. Người tâm sân quá nặng, thì khi chết rồi sẽ đọa vào địa ngục, chịu đủ thứ khổ hình, như vào trong chảo dầu sôi, lên núi đao, hoặc kiếm thụ .v.v. Do đó, người có tập khí sân hận phải sửa đổi, người chẳng có sự nóng giận, thì đừng làm cho phát sinh. Học Phật có thể khiến cho con người rõ thị phi, thấu rõ sự lý, minh bạch nhân quả rồi, thì chẳng có hành vi ngu si, mà đắc được Bát nhã trí huệ. Người quá nhiều ngu si, thì tùy theo quả báo và nghiệp lực của họ, mà đọa làm súc sinh. Lời nói hành vi của kẻ ngu si, là phỉ báng Tam Bảo, bác vô nhân quả, chính mình không những không tin Phật, mà còn xúi giục người khác cũng đừng tin Phật, tự cho rằng mình rất thông minh, ương ngạnh nói học Phật là việc rất ngu rất mê tín, kết quả bị quả báo làm súc sinh.

Cho nên trong sáu nẻo luân hồi, trồng nhân lành thì được quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Trồng nhân thành Phật thì sẽ thành Phật, nhưng nếu trồng xuống nhân địa ngục, thì sẽ rơi vào địa ngục. Do đó, muốn thăng đi lên hoặc muốn đọa đi xuống, đều do mình lựa chọn. Đủ thứ tướng mạo của chúng sinh trong sáu nẻo, đều hiện ra ở trong luồng hào quang trắng của Đức Phật. Đoạn nầy là sáu điềm lành của thế giới khác :

1. Điềm lành sáu nẻo.
2. Điềm lành thấy chư Phật.
3. Điềm lành nghe thuyết pháp.
4. Điềm lành thấy chúng đắc đạo (điềm chứng quả).
5. Điềm lành thấy Bồ Tát hạnh.
6. Điềm lành thấy chư Phật vào Niết Bàn.

Hào quang trắng, là biểu thị trung đạo liễu nghĩa, chẳng lệch bên trái, chẳng lệch bên phải, mà ở chính giữa chân mày, cũng biểu thị đạo lý pháp môn viên đốn, trung đạo thật tướng của Kinh Pháp Hoa.

Luồng hào quang trắng có thể co dãn, gần có thể chiếu xa giống như lưu ly, quang minh chiếu khắp. Tình hình nầy, cũng giống như trong bóng tối đột nhiên bật đèn pin hoặc đèn pha, thì một luồng ánh sáng chiếu thẳng về trước phá tan bóng tối, có thể chiếu được xa. Mà luồng hào quang trắng nầy, chiếu khắp vũ trụ hư không, tùy ý chiếu phương nào cũng được, sở chiếu hiện tại là phương

đông một vạn tám ngàn cõi. Trước kia, Đức Phật chẳng thị hiện phóng luồng hào quang trắng ở giữa chân mày, chỉ có trong hội Pháp Hoa mới hiện tướng điềm lành nầy. Trong pháp hội Kinh Lăng Nghiêm, khi Đức Phật thuyết pháp, thì từ trong nhục kế vọt ra trăm luồng quang minh báu, trong quang minh vọt ra hoa sen báu ngàn cánh. Ý nghĩa của hai thứ quang minh nầy đều khác nhau. Người chỉ cần nghe được một câu, một bài kệ trong Kinh Pháp Hoa, thì đã trồng xuống nhân thành Phật. Song, phải bao lâu ? không nhất định. Người nghe được Kinh Pháp Hoa thì đều có căn lành nhân duyên. Cho nên Phật pháp và chúng ta có quan hệ trọng đại. Có những người nghi ngờ, còn nói tôi không tin tôi có thể sẽ thành Phật. Thật tế, Phật pháp là tận hư không khắp pháp giới, chẳng có gì mà không dung nạp. Chúng sinh khắp pháp giời đều bao hàm ở trong Phật giáo. Dù hiện tại họ không tin nhưng tương lai họ sẽ tin, cũng có thể thành Phật, đó là chỗ vi diệu của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Lại thấy chư Phật đang ở các cõi đó.

Đây là điềm lành thấy chư Phật, là Thánh và phàm tương đối. Thánh là Phật, phàm là người. Trong luồng hào quang trắng hiện ra cõi nước của chư Phật, và các Đức Phật đang giáo hóa chúng sinh. Dùng luồng hào quang trắng là có hai nghĩa :

1. Ứng cơ đầu giáo (theo căn cơ mà thuyết pháp).

2. Đoạn hoặc trừ nghi.

Giống như đức Phật A Di Đà, cũng có tướng luồng hào quang trắng, như bài kệ tán Phật A Di Đà rằng : "A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân." Biểu thị ba mươi hai tướng tốt, tám mươi hai vẻ đẹp, quang minh không thể sánh được. "Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di." Giữa chân mày phóng ra luồng hào quang trắng, chuyển động như rồng múa không ngừng, luồng quang minh rộng cỡ năm hòn núi Tu Di. "Hám mục trừng thanh tứ đại hải." Mắt trong suốt sáng ngời như nước bốn biển. "Quang trung hóa Phật vô số ức." Trong luồng quang minh trắng của Phật A Di Đà lại có hóa Phật vô số ức. "Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên." Có hóa Bồ Tát vô lượng vô biên. "Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh." Mỗi lời nguyện đều khiến cho chúng sinh thành Phật. "Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn." Người có thể phân làm : thượng, trung và hạ phẩm, trong ba phẩm lại phân làm chín phẩm. Do đó, chín phẩm hoa sen tức là thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm ; trung thượng phẩm, trung trung phẩm, trung hạ phẩm ; hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm và hạ hạ phẩm. Chín phẩm chúng sinh nầy, khi Đức Phật A Di Đà gia bị đều lên bờ Niết Bàn bên kia.

Luồng hào quang trắng của Phật Thích Ca, cũng lớn như năm hòn núi Tu Di. Ở trong Kinh Quán Phật Tam Muội Hải có nói rằng : Khi Đức Phật Thích Ca ra đời,

thì luồng hào quang trắng là năm thước, tu khổ hạnh thì mười bốn thước, thành Phật thì mười lăm thước. Ở trong không gian tướng luồng hào quang trắng, sắc trắng như lưu ly, biểu thị : thường, lạc, ngã, tịnh, tức là Niết Bàn bốn đức, trong không gian đại biểu trung đạo, cũng có nghĩa là thường, tướng nhu nhuyến là biểu thị lạc, thư thái tự tại, tùy ý có thể dài hoặc ngắn là đại biểu chân ngã, màu trắng là thanh tịnh, cũng dụ cho Niết Bàn bốn đức : Thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức, là trung đạo bảo ấn thật tướng, ở trong luồng hào quang trắng lại thấy chư Phật ở các cõi đó, mà Đức Phật Thích Ca từ khi đản sinh cho đến nhập Niết Bàn, tu tất cả khổ hạnh, đủ thứ tướng mạo và công đức cũng hiển ở trong đó.

Và nghe chư Phật giảng Kinh thuyết pháp, cũng thấy các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, các vị tu hành đắc đạo. Lại thấy các vị đại Bồ Tát, đủ thứ nhân duyên, đủ thứ tin hiểu, đủ thứ tướng mạo, hành Bồ Tát đạo. Lại thấy chư Phật vào Niết Bàn, sau khi chư Phật vào Niết Nàn, đều đem xá lợi của Phật, đựng thỏ trong tháp bằng bảy báu.

Đây là điềm lành nghe thuyết pháp. Chư Phật đều ở tại mỗi cõi thuyết pháp giáo hóa bốn chúng đệ tử (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ), khiến cho họ y pháp tu hành mà chứng đắc A La Hán, hoặc thành Bồ Tát, hoặc đắc quả vị Phật. Đây là điềm lành về chứng quả, là người và pháp tương đối, tức cũng là điềm lành nghe pháp và chứng quả. "Lại thấy các vị đại Bồ Tát" : Lại thấy các vị Bố Tát và đại Bồ Tát. "Đủ thứ nhân duyên" : Dùng đủ thứ nhân duyên để tu đủ thứ pháp môn và giáo hóa đủ thứ chúng sinh. "Đủ thứ tin hiểu" : Là chỉ pháp bốn Diệu Đế, mười hai Nhân Duyên, lục độ Vạn Hạnh .v.v., đủ thứ sự tin hiểu. "Đủ thứ tướng mạo" : Dùng đủ thứ hạnh môn tu đủ thứ pháp. "Hành Bồ Tát đạo" : Luồng hào quang trắng của Đức Phật từ cõi nầy phóng đến cõi kia, là biểu thị tự giác, giác tha, tự lợi, lợi tha, tức hành Bồ Tát đạo.

"Lại thấy chư Phật nhập Niết Bàn", "sau khi chư Phật nhập Niết Bàn" : Niết Bàn là không sinh không diệt, nghĩa là viên tịch. Công viên đức tịnh, công đức viên mãn. Đó là thị hiện việc chư Phật giáo hóa chúng sinh đã hoàn mãn, thu vô lượng pháp trở về một pháp, thị hiện chấm dứt việc giáo hóa. Sau đó xây tháp mà làm Phật sự, là biểu thị ban đầu ra đời, cuối cùng là tượng pháp. "Đều đem Phật xá lợi mà dựng thờ trong tháp bằng bảy báu." Xá lợi là linh cốt, sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, dùng lửa thiêu, nhặt được xá lợi rất nhiều, cho nên xây tháp mà cúng dường. Tháp có hai nghĩa : 1. Phương mộ. 2. Cao

hiển. Tháp bảy báu cúng dường xá lợi, là biểu thị pháp thân của Phật sở tại, đó là điềm Phật thị hiện Niết Bàn. Những gì ở trên vừa giảng đều là điềm cõi nước phương khác.

Niết Bàn có bốn :

1. Tự tính thanh tịnh Niết Bàn.
2. Hữu dư Niết Bàn.
3. Vô dư Niết Bàn.
4. Vô trụ xứ Niết Bàn.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc khởi ý nghĩ như vầy : Nay Đức Thế Tôn hiện tướng thần thông biến hóa, vì nhân duyên gì mà hiện điềm lành nầy ? Nay Đức Phật Thế Tôn đang nhập tam muội, là việc ít có không thể nghĩ bàn. Bây giờ nên hỏi ai, ai là người đáp được ? Lại nghĩ thế nầy : Ngài Văn Thù Sư Lợi là con của đấng Pháp Vương, đã từng gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, chắc đã thấy tướng ít có nầy, nay tôi nên hỏi Ngài.

Bồ Tát Di Lặc là Phật sẽ hạ sinh trong tương lai, là Bồ Tát bổ xứ. Di Lặc dịch là "Từ Thị", lại có tên là A Dật

Đa, nghĩa là Vô Năng Thắng. Ngài dùng mắt từ bi bình đẳng trông tất cả chúng sinh, mà chẳng khởi tâm phân biệt. Hiện tại Ngài không minh bạch Đức Phật vì sao phải dùng tướng luồng hào quang trắng hiện tướng thần biến, do đó khiến cho Ngài khởi ba ý niệm. Tại sao Đức Phật phải hiện tướng sáu điềm lành ? Nay Đức Thế Tôn đang nhập tam muội, là việc ít có không thể nghĩ bàn, nên hỏi ai ? Có thể hỏi Bồ Tát Văn Thù, Ngài là con của Đấng Pháp Vương, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, tự nhiên sẽ biết rõ việc ít có điềm lành nầy, ta nên đi hỏi Ngài. Văn Thù Sư Lợi nghĩa là diệu cực hoặc diệu lạc. Vì sao Bồ Tát Di Lặc khởi nghi vấn ? Vì Bồ Tát sơ địa chẳng biết Bồ Tát nhị địa, Bồ Tát cửu địa chẳng biết Bồ Tát thập địa, thập địa Bồ Tát chẳng biết cảnh giới của đẳng giác Bồ Tát, hà huống là cảnh giới của Phật ? Do đó, người ngu chẳng biết người trí, người ngu si chẳng biết cảnh giới của người có trí huệ, chẳng phải quá thì bất cập ; người phóng tâm chẳng biết người định tâm. Tóm lại, tâm thần không yên, lo trước lo sau, tâm căn tán loạn, chẳng hiểu rõ cảnh giới nhập định, cho nên phàm phu chẳng biết Thánh nhân, tiểu thừa chẳng biết đại thừa. Xá Lợi Phất là bậc đại trí huệ ở trong tiểu thừa A La Hán, nhưng Xá Lợi Phất không hiểu rõ cảnh giới của Bồ Tát. Một số Bồ Tát cũng không hiểu cảnh giới của Bồ Tát bổ xứ. Bổ xứ là tương lai thay thế Phật vị của Đức Phật Thích Ca. Bồ Tát Di Lặc là Bồ Tát nhất sinh bổ xứ, mà

Bồ Tát bổ xứ lại không biết Phật quả , Bồ Tát tôn kính cùng cực, cho nên Ngài mới khởi ý niệm nghi vấn.

Khi đó, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ và các vị trời, rồng, quỷ thần .v.v., đều khởi nghĩ như thế nầy : Tưởng quang minh thần thông của Đức Phật, nay nên hỏi ai ?

Không những Bồ Tát Di Lặc, mà cho đến bốn chúng và trời, rồng, quỷ thần .v.v., cũng khởi ý niệm hoài nghi, tại sao Đức Phật phải hiện tướng thần thông quang minh ? Kỳ thật, Bồ Tát Di Lặc chẳng phải không biết nhân duyên Đức Phật hiện điềm lành. Ngài cũng đã từng cúng dường vô số chư Phật trong quá khứ. Ngài chỉ là vì thỉnh pháp, vì thế đại chúng giải mối nghi, mới hiện tướng hoài nghi mà hỏi Bồ Tát Văn Thù.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc muốn giải quyết tâm nghi của mình, lại quán sát tâm của bốn chúng : Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ và các chúng hội trời, rồng, quỷ thần .v.v., mà hỏi Bồ Tát Văn Thù, vì nhân duyên gì mà có điềm lành nầy ?

Tưởng thần thông phóng đại quang minh, chiếu phưởng đông một vạn tám ngàn cõi, đều thấy cõi nước của chư Phật đó trang nghiêm. Do đó, Bồ Tát Di Lặc muốn tuyên lại nghĩa nầy bèn dùng kệ để hỏi.

Lúc đó, Bồ Tát Di Lặc muốn cầu khai thị nghi vấn, lại thấy bốn chúng đệ tử và trời, rồng, quỷ thần .v.v., sinh tâm nghi ngờ, do đó mới hỏi Bồ Tát Văn Thù.

Quỷ phân ra : ngạ quỷ (quỷ đói) và bảo quỷ (quỷ no). Quỷ nghĩa là "quy", là trở về. Ai ai cũng có Phật tánh, đều có thể trở về cội nguồn cứu kính thành Phật, nhưng vì vô minh phiền não mà tạo nghiệp, chết rồi do nghiệp lực dẫn vào địa ngục, đưa đẩy vào đường ngạ quỷ. Vì lúc sống, chẳng biết lợi dụng thân người nầy để tu thiện, sau khi chết rồi mới biết dụng tâm sai lầm, đi sai đường, cho đến bỏ giác hợp trần, mà trôi nổi ở trong biển khổ, khổ không thể tả. Song, nếu kịp thời hồi đầu, biết mê trở về giác, thì Đức Phật cũng khiến cho lên bờ bên kia, cuối cùng sẽ thành Phật.

Thần nghĩa là "thiên tâm", có thần thông và cảm ứng tự nhiên. Bồ Tát Di Lặc nói với Bồ Tát Văn Thù : "Xin Ngài từ bi nói cho chúng tôi biết, vì nhân duyên gì mà đức Phật phải hiện tướng thần thông ít có nầy, phóng đại quang minh chiếu phương đông một vạn tám ngàn thế giới ? Đồng thời lại thấy vô số ức cõi nước chư Phật và

điềm lành Phật diễn thuyết pháp." Hiện tại trước mắt giới khoa học phát triển tiến bộ nhất, cho rằng lên cung trăng hoặc phóng vệ tinh nhân tạo, đến tinh cầu khác là việc giỏi nhất, song, hai ngàn năm về trước, Đức Phật dùng tướng luồng hào quang trắng, sớm đã biết đã thấy tất cả bí mật ở trong vũ trụ không gian, hiển hiện ở trong tướng luồng hào quang trắng một vạn tám ngàn thế giới, thấy tất cả chúng sinh và chư Phật đều rõ ràng mỹ lệ lại trang nghiêm. Vì muốn cho chúng sinh minh bạch ý của Phật, cho nên Bồ Tát Di Lặc lại dùng kệ để hỏi.

Ngài Văn Thù Sư Lợi !
Đấng Đạo Sư cớ chi ?
Phóng quang trắng giữa mày
Quang minh chiếu hết thảy.
Trời mưa hoa Mạn đà
Và hoa Mạn thù sa
Gió thổm hưởng chiên đàn
Khiến vừa lòng đại chúng.
Do nhân duyên như vậy
Cõi nước đều nghiêm tịnh
Mà ở thế giới nầy
Có sáu thứ chấn động.

Lúc nầy bốn bộ chúng
Thảy đều rất vui mừng
Thân tâm đều an lạc
Đắc đượ̣c chưa từng có.

Bồ Tát Văn Thù ! Đấng Đạo Sư của chúng ta, vì cớ gì phóng luồng hào quang trắng giữa chặng mày, chiếu khắp hết thảy ?

Đạo Sư tức là Đức Phật Thích Ca. Ngài dẫn đường chúng ta từ con đường đen tối đến con đường sáng, trở về ngôi nhà xưa, là ngôi nhà nào ? Là cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Lúc đó, trời mưa xuống hoa Mạn đà la và hoa Mạn thù sa màu trắng và màu đỏ, không những xinh đẹp mềm mại, mà còn tỏa ra mùi hương chiên đàn, chu vi khoảng bốn mươi dặm. Cho nên chúng sinh đều hoan hỉ vui mừng, mặt đất đều trang nghiêm thanh tịnh. Ở thế giới nầy, lại phát sinh sáu thứ chấn động, bốn chúng đều vì thấy điềm lành, mà thân tâm đều sung sướng vui thích, đó là việc ít có từ trước chưa từng có.

Quang minh giữa chân mày
Chiếu thẳng về phưởng đông
Một vạn tám ngàn cõi
Thảy đều như sắc vàng.
Dưới chiếu ngục A tỳ

Trên chiếu trời Hữu đỉnh
Trong tất cả thế giới
Các chúng sinh sáu đường.
Sinh tử chỗ họ đến
Nghiệp duyên thiện và ác
Thọ báo tốt và xấu
Thảy đều thấy rõ hết.

Luồng hào quang trắng trung đạo của Đức Phật, trước hết chiếu phương đông, chiếu khắp một vạn tám ngàn cõi, cho đến khắp cả hư không đều thành màu hoàng kim. Dưới chiếu đến ngục A Tỳ, trên chiếu đến cõi trời Hữu Đỉnh, trong tất cả thế giới. Hữu là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Hữu đỉnh tức là trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cao nhất trong tam giới. Cõi trời nầy thuộc về vô sắc giới, chẳng có hình sắc cho nên không thể thấy, nhưng ở trong luồng hào quang trắng, nương hào quang mà thấy được. Chúng sinh ở trong sáu nẻo luân hồi, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, chuyển đi chuyển lại, khó thoát ra được. Sinh tử, tức là sự trở lại của năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng là chỉ tinh thần và thân thể). "Nghiệp duyên thiện và ác" : Là nhân đến, tốt xấu là quả đến. Chính là hai con đường thiện và ác, tu thì tu, tạo thì tạo, xem bạn đi con đường nào mà thôi. Tu là tu nghiệp thiện, tạo là tạo nghiệp ác, muốn thăng đi lên hoặc

đọa lạc, hoàn toàn do mình nắm trong tay. Thân người khó được, nếu không sớm tu năm giới mười điều lành, mà làm điều ác, thì kiếp sau không dễ gì được làm người nữa.

"Thọ báo tốt và xấu, thảy đều thấy rõ hết." Đây là nói ở tại nhân địa, người tu thiện thì được quả báo tốt, nếu tạo ác thì được quả báo xấu. Tất cả đều thuận tâm tính, thuận nghiệp lực mà đến. Cho nên chúng sinh ở trong sáu nẻo hỗ tương tạo nghiệp, hỗ tương thọ báo, lưu chuyển trong luân hồi, chẳng có thời kỳ chấm dứt. Tất cả nghiệp duyên quả báo nầy, đều thấy hết ở trong luồng hào quang trắng.

Lại thấy các đức Phật
Đấng Thánh chúa sư tử
Đang diễn nói Kinh điển
Tối vi diệu bậc nhất.
Âm thanh rất thanh tịnh
Thốt ra lời êm diệu
Giáo hóa các Bồ Tát
Vô số ngàn ức vạn.
Tiếng phạm âm thâm diệu
Khiến người ưa thích nghe
Đức Phật ở mỗi cõi
Đều diễn nói chánh pháp.

Lại thấy chư Phật. Phật là chúa trong bậc Thánh, như sư tử. Âm thanh của Phật rất thanh tịnh vô cùng, lời nói rất lưu loát viên mãn, giọng điệu rất êm diệu, ai cũng đều ưa thích nghe. Phật dùng âm thanh nầy để thuyết pháp, giáo hóa vô số ức vạn Bồ Tát. "Tiếng phạm âm thâm diệu." Thứ âm thanh thanh tịnh nầy thâm diệu vô cùng, khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỉ tin thọ, mà tin sâu thắng trí của Phật. Đồng thời, mỗi vị Phật ở thế giới kia cũng đều đang diễn nói chánh pháp.

Dùng đủ thứ nhân duyên
Và vô lượng thí dụ
Chiếu rõ các Phật pháp
Để khai ngộ chúng sinh.
Nếu ngưởi gặp sự khổ
Chán sinh già bệnh chết
Vì họ nói Niết bàn
Dứt hết thảy các khổ.
Nếu ngưởi có phưởc báo
Từng cúng dưởng chư Phật
Chí cầu pháp thù thắng
Vì họ nói Duyên Giác.

Nếu có những Phật tử
Tu đủ thứ hạnh môn
Để cầu huệ vô thượng
Vì họ nói tịnh đạo.
Nầy Bồ Tát Văn Thù !
Tôi ở tại nơi đây
Thấy nghe như vậy đó
Và ngàn ức thứ việc.
Như thế nhiều vô số
Nay sẽ lược nói ra
Tôi thấy cõi nước kia
Có Hằng sa Bồ Tát.
Tu đủ thứ nhân duyên
Để cầu chứng Phật đạo
Hoặc có vị bố thí
Vàng bạc và san hô.
Chân châu ngọc ma ni
Sa cừ và mã não
Kim cưởng đồ quý báu
Tôi tớ và xe cộ.
Trang sức và xe kiệu

Đều hoan hỉ bố thí
Hồi hướng quả vị Phật
Nguyện đắc được thửa ấy
Bậc nhất trong ba cõi
Chư Phật thưởng khen ngợi.

"Dùng đủ thứ nhân duyên." : Vì người có đủ loại căn cơ và đủ thứ tập khí mao bệnh, cho nên phải dùng vô lượng thí dụ, để vì chúng sinh thuyết pháp, khiến cho họ hiểu thấu được Phật pháp chân chánh, y theo đó mà hành trì. "Chiếu rõ các Phật pháp." : Dùng trí huệ quang minh để thấu hiểu tất cả Phật pháp. "Để khai ngộ chúng sinh." : Khiến cho trí huệ và bồ đề của chúng sinh tăng trưởng, y như mỏ vàng, nếu không khai quật, thì chẳng bao giờ được vàng thật, đây cũng là ví dụ. Con người vốn đầy đủ Phật tánh, nhưng đáng tiếc chẳng nhận thức mặt thật của mình. Song, nếu gặp bậc thiện tri thức chỉ điểm cho họ, theo đó mà làm theo thì được trở về cội nguồn. Do đó :

Phá vỡ tâm niệm một chút nghi,
Mười phương nơi đâu chẳng gia trì,
Phật nhãn tròn sáng thường chiếu nhau,
Chỉ tại mỗi người không tự biết.

"Nếu người gặp sự khổ." : Phàm phu tuy thân tâm đều thọ khổ mà chẳng biết, ngược lại còn cho khổ là vui,

do đó khổ lại thêm khổ, càng thọ khổ thì càng muốn tạo khổ. Vô minh phiền não vốn là khổ, nhưng con người cứ chấp trước mà chẳng muốn xả bỏ, cho nên không thể thoát khỏi biển khổ, ngược lại đọa vào địa ngục, vĩnh viễn trầm luân thọ khổ mà không thể tự cứu. Ngoại đạo cũng vì muốn dứt khổ, mà tìm cầu lối thoát, song chẳng tìm được, cuối cùng quay lưng với đạo mà theo đuổi đọa vào trong đường ngạ quỷ.

Con người có thế trí biện thông, tuy nhiên có chút thông minh, cũng thông đạt pháp thế gian mà chẳng minh bạch pháp xuất thế gian. Do đó, khi khổ nạn xảy đến thì chẳng biết ứng phó như thế nào, muốn dứt khổ nhưng ngược lại tạo khổ. Khi người rơi vào nghịch cảnh nghèo cùng bệnh hoạn bức bách, nếu hiểu được thọ khổ tức hết khổ, biết được đây là những nghiệp đã tạo ra trong quá khứ nên chiêu lại quả báo, đời nầy phải an phận làm người. Nhưng nếu kháng cự nhân gây ra trong quá khứ chẳng chịu trả, tự tạo nghiệp mà mình chẳng thừa nhận, ngược lại còn oán trời trách người, thậm chí còn lợi dụng sự thông minh đi trộm cướp lường gạt. Thật là lên được tới núi lại gặp cọp. Mánh khoé gạt người cuối cùng sẽ bị người bắt được. Khi mưu kế bại lộ thì bị cảnh sát bắt, đưa đến quả báo ngồi tù, hoặc lâu hoặc mau do tội nặng hay nhẹ mà quyết định. Thứ quả báo nầy, chỉ thân thể thọ khổ mà thôi, quan trọng nhất là chẳng tránh khỏi ác nghiệp nầy, đưa đến tương lai sẽ đắc được quả báo súc sinh. Sở dĩ con người gặp sự khổ, đều vì chính mình đã tạo ra đủ thứ

nghiệp ác. Nếu còn không tỉnh ngộ thì sẽ không được làm người nữa mà đọa vào ba đường ác.

"Chán sinh, già, bệnh, chết." Khổ có ba thứ :

1. **Khổ khổ** : Khổ trong sự khổ.

2. **Hoại khổ** : Vốn chẳng có khổ, nhưng vì sung sướng rất ngắn ngủi, sự vui chẳng bao lâu, nên gọi là hoại khổ.

3. **Hành khổ** : Con người từ nhỏ lớn dần lên, trưởng thành rồi già, già rồi chết đi, niệm niệm sinh diệt không ngừng ; như sóng biển, sóng trước diệt, sóng sau lại sinh, sóng sau diệt, sóng sau nữa lại sinh, liên tục không ngừng. Do đó, hành khổ chẳng có ai tránh khỏi được.

Ngoài ra còn có tám thứ khổ :

1. **Sinh khổ** : Khi đứa bé mới lọt lòng mẹ thì khóc : Khổ a ! Khổ a ! Có thể thấy thế gian có lắm sự khổ, nhưng ở tại thế giới kham nhẫn nầy (thế giới Ta Bà) lâu rồi, lại lấy khổ làm vui, quên mất đường về. Ở trong thai mẹ, nếu người mẹ ăn đồ nóng, thì thai nhi cảm thấy như ở trong núi lửa. Nếu người mẹ ăn đồ ăn lạnh, thì thai nhi có cảm giác lạnh như ở trong địa ngục hàn băng. Trách sao được, khi thân ở trong thai mẹ chỉ phải chịu khổ mà không thể mở lời than oán. Lúc lọt lòng mẹ thì giống như hai quả núi đè ép, sinh ra rồi gặp gió thổi thì thân thể lại giống như bị dao cắt, đau thấu tim gan. Song, đối với sự khổ nầy, hầu hết mọi người quá ba tuổi thì cũng từ từ quên mất.

2. **Già khổ** : Lớn tuổi thì sức khoẻ cũng suy giảm, mắt mờ tai điếc, răng rụng, ngũ quan chẳng còn linh hoạt ; tóm lại chẳng có ai tránh khỏi sự già nua, đó chẳng phải là khổ chăng ?

3. **Bệnh khổ** : Sự khổ nầy càng chẳng ai tránh khỏi, dù bạn là ông vua, tổng thống, hoặc đại thần, .v.v., đều khuất phục dưới con ma bệnh, già, chết. Bệnh có nhiều thứ, bệnh hoạn mang đến sự khổ đau cũng đếm không xuể.

4. **Chết khổ** : Khổ nhất là khổ về chết và khổ về sinh. Khi sinh ra thì như rùa lột mu, chết thì như bò sống lột da. Vậy mục đích học Phật là gì ? Tức là chấm dứt sinh tử, thoát khỏi luân hồi.

5. **Thương lìa nhau khổ** : Thế tục tham nhiều về tình ái, khó phân ly khó xả bỏ. Nhưng càng thương yêu bao nhiêu, đến lúc sinh ly tử biệt, thì càng đau khổ bấy nhiêu. Ái tình là nhân trầm luân trong biển khổ. Nếu khử trừ sạch tâm dâm dục, thì đoạn sạch mầm mống sinh tử, cũng chẳng còn thọ luân hồi, bằng không vẫn lưu chuyển ở trong biển khổ, không khi nào dứt được.

6. **Ghét gặp nhau khổ** : Người nầy tôi ghét nhất ! Tôi chẳng muốn thấy y ! Nhưng nếu đối với vợ của mình, cũng khởi tâm chán ghét, mà y thị luôn luôn quấn quít không lìa, đó thật là ghét thấy nhau như chẳng thấy, hoặc là mình ghét người nào đó mà phải tránh né y, nhưng đôi khi lại gặp y ! Đó đều là khổ về ghét gặp nhau. Nếu tâm tự tại thì tất cả đều tự tại, tâm như ý thì tất

cả đều như ý. Nếu trong tâm có quá nhiều chán ghét oán hận, thì tất cả những gì thấy nghe cũng khiến cho mình chẳng được như ý. Đó là tự mình làm khổ mình.

7. **Cầu không được khổ** : Mong cầu chẳng được cũng khổ. Nếu muốn thăng quan phát tài, hoặc bạn trai muốn có người vợ đẹp, còn bạn gái muốn được người chồng tốt, nhưng đều chẳng thành công, thì phiền não sẽ phát sinh, đêm ngủ chẳng yên, ăn chẳng biết ngon, tinh thần hoảng hốt, tinh thần bất định, đó đều là khổ !

8. **Năm ấm thiêu đốt khổ** : Thân thể vốn là khổ, là vô thường. Cho nên, tám thứ khổ nầy luôn luôn bức bách chúng ta, chi phối chúng ta, cho nên Đức Phật mới nói pháp Niết Bàn. Niết là không sinh, Bàn là không diệt. Nếu chẳng chấp trước thân giả tạm nầy, mà cầu đạo vô thượng, thì sẽ được Niết Bàn, cũng là : thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức Niết Bàn. Do đó, dứt hết các sự khổ, tất cả mọi sự khổ đều dứt sạch.

Ai muốn chấm dứt đau khổ, thì phải rộng trồng ruộng phước, cung kính lễ bái và cúng dường Tam Bảo, đừng làm điều ác, hãy làm các điều lành, đủ thứ công đức. Nhưng đừng chấp trước mình từng bỏ ra bao nhiêu tiền, hãy dùng tâm chân thật để làm bố thí, tu phước đức và huệ đức, tức là phước huệ song tu. Làm công đức là tu phước, nghe Kinh và nghiên cứu Phật pháp thì sẽ khai mở trí huệ, đó gọi là tu huệ. Do đó, nếu người có phước báo, từng cúng dường chư Phật. "Chí cầu pháp thù thắng". Lập

chí muốn cầu pháp thù thắng. "Vì họ nói Duyên Giác". Pháp mười hai Nhân Duyên, khiến cho họ quán thế duyên, giác ngộ pháp tính. Mười hai Nhân Duyên là : Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Đây là pháp của người nhị thừa tu. "Nếu có những Phật tử, tu đủ thứ hạnh môn, cầu chứng huệ vô thượng, vì họ nói tịnh đạo." Nếu có đệ tử của Phật muốn cầu đạo vô thượng, tu tập lục độ vạn hạnh, thì Đức Phật vì họ mà nói Phật đạo thanh tịnh, tức là lục độ Ba la mật. "Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Tôi ở tại thế giới Ta Bà nầy. Thấy nghe như vậy đó", mắt thấy cảnh Phật, tai nghe tiếng của Phật, đều như vậy đó. "Và ngàn ức thứ việc" : Còn có rất nhiều thứ việc khác. "Như thế nhiều vô số" : Là chỉ sự thấy và nghe quá nhiều. Nay sẽ lược nói ra : Bây giờ tôi phải lược nói với Bồ Tát Văn Thù. "Tôi thấy cõi nước kia, có Hằng sa Bồ Tát, tu đủ thứ nhân duyên, mà cầu chứng Phật đạo" : Tôi thấy được cõi nước kia, Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng, dùng đủ thứ nhân duyên tu hành. Nếu ai muốn cầu Phật đạo thì phải làm công đức, tất sẽ đắc được trí huệ, còn phải hạ thủ một phen khổ công phu ! Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng còn phải dùng đủ thứ nhân duyên để tu phước huệ, để cầu quả vị Phật, hà huống là phàm phu ! "Hoặc có người bố thí." : Có người dùng bảy báu để bố thí, vì muốn cầu Phật đạo. Bảy báu là : vàng bạc và san hô, trong biển có báu do tụ khí kết thành, màu sắc nhuận đỏ, hình như cây gọi là san hô. "Chân châu ngọc ma ni" : Châu ma ni gọi

là châu như ý. "Xà cừ và mã não" : Con sò lớn ở trong biển, tức là ốc biển lớn. Mã não là tụ khí trong đá, màu sắc nhuận đỏ như não ngựa. "Kim cương đồ quý báu" : Kim cương tức là toàn thạch, là một thứ đá rất quý, rất cứng dùng để chạm ngọc và thủy tinh. "Tôi tớ và xe cộ" : Người nầy thậm chí đem tôi tớ, xe cộ ra bố thí. "Trang sức và xe kiệu" : Xe kiệu là một thứ xe nạm châu báu, thời xưa hoàng đế thường dùng xe kiệu nầy đi lại. Quân lính khiêng đi cho nên gọi là xe kiệu. "Đều hoan hỉ bố thí, hồi hướng quả vị Phật" : Đây là người rất vui thích dùng bảy báu làm bố thí. Ngược lại, nhân sĩ người thời nay chỉ bỏ ra vỏn vẹn năm đồng, mười đồng thì cho rằng đã nhiều lắm rồi, mà còn ghi nhớ trong tâm, chẳng biết công đức chánh bố thí, ngoại trừ đem bảy báu ra bố thí nhưng tâm chẳng có tơ hào hối tiếc và cũng đừng khởi tâm chấp trước mới khế hợp Phật đạo. "Nguyện đắc được thừa ấy" : Nguyện đắc được Phật thừa. "Bậc nhất trong tam giới" : Thành Phật ở trong dục giới, sắc giới và vô sắc giới, cho nên là bậc nhất trong tam giới. "Chư Phật thường khen ngợi" : Thành Phật rồi, được chư Phật trong mười phương tán thán ca ngợi.

Hoặc có những Bồ Tát
Dùng xe báu bốn ngựa
Lan can và lọng hoa
Trang sức đem bố thí.

Lại thấy các Bồ Tát
Đem thân thịt tay chân
Và vợ con bố thí
Để cầu vô thượng đạo.
Lại thấy có Bồ Tát
Dùng đầu mắt thân thể
Vui thích đem bố thí
Để cầu Phật trí huệ.
Ngài Văn Thù Sư Lợi !
Tôi thấy các ông vua
Đều đi đến chốn Phật
Hỏi pháp vô thượng đạo.
Bèn vui vẻ bỏ nước
Và cung điện thần thiếp
Cạo bỏ râu và tóc
Mà mặc y pháp phục.
Hoặc thấy có Bồ Tát
Xuất gia làm Tỳ kheo
Một mình ở chỗ vắng
Thích đọc tụng Kinh điển.
Lại thấy có Bồ Tát

Rất tinh tấn dũng mãnh
Vào ở trong rừng sâu
Suy gẫm cầu Phật đạo.

Bồ Tát Di Lặc nói với Ngài Văn Thù : Tôi thấy ở trong luồng hào quang trắng của Đức Thế Tôn có những vị Bồ Tát hành bố thí. "Ngài dùng xe báu tứ mã" : Xe ngựa bốn con, dùng các báu trang sức. "Lan can và lọng hoa" : Ngang gọi là lan, dọc gọi là can, là một loại xe báu trên đỉnh có trang trí lọng hoa. "Trang sức đem bố thí" : Dùng đồ trang nghiêm tối thắng nầy đem đi bố thí. "Lại thấy các Bồ Tát, đem thân thịt tay chân" : Lại thấy có những vị Bồ Tát, không những đem tất cả châu báu tài vật, mà còn đem thân thịt, tay chân, vợ con của họ ra bố thí. Đó chẳng phải là khó làm mà làm được chăng ? Đáng cười phàm phu chúng ta, làm được một chút việc thiện hoặc bố thí được chút ít thì đắc chí lắm, hí hửng mừng rỡ, cho rằng nhiều quá lắm rồi đó ! Một vị Bồ Tát vốn ôm ấp từ bi tinh thần cứu đời, không những xả bỏ tất cả vật ngoài thân, mà thậm chí thân thịt cho đến tay chân của mình hoặc vợ con, khi chúng sinh cần thì đều vui vẻ bố thí cho người. Bồ Tát bố thí thân thể như thế nào ? Ví như, có người gặp tai nạn xe cộ mất đi cánh tay, thì Bồ Tát chẳng do dự, đem cánh tay của mình bố thí, cho đến tim gan phổi thận, bố thí cho bệnh nhân cần, cứu bệnh khổ của tất cả chúng sinh, mà khiến cho họ thoát khỏi

kinh sợ và tai nạn, đó là bố thí nội tài. "Và vợ con bố thí" : Đây là bố thí ngoại tài. Nhân gian cũng có Bồ Tát, chỉ cần người nào đó phát được tâm đại từ bi, vì chúng sinh mà hành bố thí, khó xả bỏ mà xả bỏ được thì gọi là Bồ Tát. Vì trong thế gian, việc khó xả bỏ nhất là tình cảm vợ chồng, các Ngài buông xả được mọi tình cảm khó xả bỏ được, đủ thấy tâm của các Ngài kiên định và tự tại cho nên xưng là Bồ Tát.

Ở trong Thủy Kính Hồi Thiên Lục có một đoạn ghi về Ngài Hòa Thượng Thường Nhân, trước khi chưa xuất gia, từng vì tu đạo mà bố thí vợ của mình cho người khác. Sau khi cha mẹ của Ngài qua đời, Ngài vì muốn báo hiếu cho cha mẹ mà thủ hiếu ở mộ ba năm. Do đó, vợ của Ngài chẳng khác nào là "thủ hoạt quả", vì không thể chịu đựng cảnh vắng vẻ, cho nên đôi ba phen khuyên Ngài trở về nhà sống với nhau, nhưng tâm tu đạo của Ngài đã kiên quyết. Rõ là người càng muốn hướng thượng thì càng gặp ma thử thách. Do đó :

"Đạo cao một thước, ma cao một trượng,
Đạo cao một trượng, ma ở trên đầu".

Đại Sư Thường Nhân càng muốn chuyên tâm tu đạo, thì càng bị vợ quấy nhiễu, cuối cùng dẫn lại một người đàn ông đến mộ để uy hiếp chồng, nếu Đại Sư không chịu trở về nhà, thì y thị sẽ kết hôn với người đàn ông nầy. Song, Đại Sư Thường Nhân chẳng có chút nóng

giận gì, ngược lại còn khoan hồng đại lượng tán thán sự sống chung của hai người, đủ thấy công phu tu hành của Ngài rất thâm sâu. Đó là :

Khó làm mà làm được,
Khó xả bỏ mà xả bỏ đặng.

Tâm chẳng còn tham trước, thì không bị cảnh trần ô nhiễm lay chuyển ; đoạn được tâm dâm dục thì không còn tiếp tục sinh tử, mà ra khỏi được tam giới, cho nên chỉ có Bồ Tát mới đem vợ con bố thí, để cầu vô thượng đạo.

"Lại thấy các Bồ Tát, dùng đầu mắt thân thể." Những vị Bồ Tát nầy, không những xả bỏ được nội tài và ngoại tài, thậm chí đầu, mắt, thân thể, cũng đều vui vẻ bố thí. Đây là vô úy thí, Ngài dùng thân tâm tính mạng bố thí cho người, vì cầu vô thượng đạo, cho nên được liễu sinh thoát tử. Nếu người xan tham không xả bỏ, cũng chẳng bố thí, thì vĩnh viễn không thể chấm dứt sinh tử. Mà bố thí ở đây phải vui vẻ thí xả, hoàn toàn chẳng có ý đấu tranh. Có những người chẳng phải dùng chân tâm để bố thí, nếu thấy người bỏ ra một trăm ngàn, thì họ phải bỏ ra hai trăm ngàn, nếu người bỏ ra hai trăm ngàn, thì họ chẳng bỏ ra ba trăm ngàn thì không được, nhất định phải hơn người mới được, đó chẳng phải là bố thí như pháp, cũng chẳng hoàn toàn thành tâm hành thiện. Đoạn nầy nói về bố thí độ ở trong lục độ.

"Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Tôi lại thấy các quốc vương, đều đi đến chốn Phật, hỏi pháp vô thượng đạo". Đến trước chư Phật thỉnh hỏi pháp vô thượng đạo, thì Phật khai thị đạo lý : khổ, không, vô thường, vô ngã, bốn niệm xứ .v.v. Có bài thơ Tây Giang Nguyệt, đồn rằng do Trang Tử sáng tác, cũng nói lên đạo lý : khổ, không, vô thường, vô ngã. Thơ rằng :

"Phú quý năm canh xuân mộng,
Công danh một đám mây trôi,
Trước mắt cốt nhục đã chẳng thật,
Ân ái trở thành cừu hận,
Đừng mang gông vàng vào cổ,
Chớ đeo vòng ngọc trói thân,
Thanh tâm quả dục thoát hồng trần,
Khoái lạc tiêu dao tự tại."

Các vị quốc vương nghe nói về bốn Niệm Xứ, bèn vui vẻ bỏ nước, chẳng có tơ hào do dự, xả bỏ hết sự hưởng thụ năm dục, cũng đem cung điện thần thiếp xả bỏ, để cạo bỏ râu và tóc, mà mặc y pháp phục, mặc lên y Cà sa của người xuất gia. Đoạn văn nầy nói về giới độ ở trong lục độ.

"Hoặc thấy có Bồ Tát, xuất gia làm Tỳ Kheo, một mình ở chỗ vắng, thích tụng đọc Kinh điển." Đoạn nầy dụ cho nhẫn nhục Ba la mật.

Một vị Tỳ Kheo một mình ở trong động núi khó tránh khỏi người ác đánh chửi hoặc rắn độc thú dữ xâm

hại, nhưng họ đều nhẫn thọ mà chẳng sinh tâm kinh sợ, đó là sinh nhẫn, tự tiết thủ chí là khổ hạnh nhẫn, tụng Kinh cầu Phật là nhẫn đệ nhất nghĩa.

"Lại thấy có Bồ Tát, rất tinh tấn dũng mãnh, vào ở trong rừng sâu, tư duy cầu Phật đạo." Đây là độ thứ tư trong lục độ Ba la mật. Đây là biểu hiện tinh thần quên ăn bỏ ngủ để cầu Phật đạo. Các vị ấy vào trong rừng sâu núi thẳm, tư duy cầu Phật đạo, chánh niệm tư duy sở hành của Phật tức là quán chiếu thiền.

Lại thấy người lìa dục
Thường ở chỗ thanh nhàn
Chuyên tu tập thiền định
Đắc được năm thần thông.
Lại thấy có Bồ Tát
Chắp tay trụ thiền định
Dùng ngàn vạn bài kệ
Khen ngợi các Pháp Vương.

Bồ Tát Di Lặc lại nói : Tôi lại thấy người tu hành lìa dục, chẳng tham : tài, sắc, danh, ăn và ngủ. Ở chỗ thanh nhàn ngày đêm tu thiền, chẳng có gián đoạn. Nếu ai chân chánh tu hành thì phải nỗ lực, ngày ngày tu tập thiền định, chẳng có ngày giờ nào nghỉ. Nếu lười biếng giải đãi,

thì vĩnh viễn chẳng thành tựu. Tu thiền sẽ đắc được năm thần thông : Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và thần túc thông, nhưng chưa đắc được lậu tận thông. Chỉ có tứ quả A La Hán và bậc Bồ Tát trở lên mới có thần thông nầy. Ngoài tu thiền ra, nếu chuyên tâm niệm Phật hoặc tụng Kinh trì Chú, cũng sẽ đắc được năm thần thông. Như Ngài Trí Giả Đại Sư chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ. Khi Ngài tụng đến phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự : "Đốt thân cúng Phật là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai", thì nhập vào cảnh giới tam muội. Ở trong định thấy pháp hội Linh Sơn vẫn còn chưa tan, thấy Đức Phật vẫn còn đang thuyết pháp. Cho nên trì tụnh Kinh điển cũng có thể khai ngộ, nhưng phải chuyên tâm nhất chí, chứ chẳng phải khi thì niệm Phật, khi thì khởi vọng tưởng. Nếu đang niệm Phật, mà còn bàn tính chuyện làm sao để kiếm tiền, thì nhất định chẳng thể khai ngộ, vì đó là niệm tiền chứ chẳng phải niệm Phật.

Lại thấy có Bồ Tát, chắp tay an trụ trong thiền định, dùng ngàn vạn bài kệ để tán thán chư Phật.

Lại thấy có Bồ Tát
Trí sâu chí kiên cố
Tham vấn các đức Phật
Nghe rồi đều thọ trì.
Lại thấy có Phật tử

Định huệ đều đầy đủ
Dùng vô lượng thí dụ
Vì chúng diễn nói pháp.
Vui thích nói các pháp
Giáo hóa các Bồ Tát
Phá trừ chúng binh ma
Mà đánh vang trống pháp.
Lại thấy có Bồ Tát
Yên lặng ngồi bất động
Trời rồng đều cung kính
Chẳng vì thế vui mừng.
Lại thấy có Bồ Tát
Tại rừng phóng quang minh
Cứu khổ dưới địa ngục
Khiến họ vào Phật đạo.
Lại thấy có Phật tử
Chưa từng có ngủ nghỉ
Kinh hành ở trong rừng
Siêng cầu chứng Phật đạo.
Lại thấy bậc giới đức
Oai nghi chẳng thiếu khuyết

Thanh tịnh như châu báu
Để cầu chứng Phật đạo.

Lại thấy có những vị Bồ Tát, có trí huệ thâm sâu và chí khí kiên cố. "Tham vấn các Đức Phật." : Khéo hỏi pháp. "Nghe rồi đều thọ trì." : Nghe pháp thì y theo pháp mà tu hành. "Lại thấy có Phật tử, định huệ đều đầy đủ". Định dùng để nhiếp giáo, huệ dùng để phá mê. Định huệ đều trì thì gọi là đầy đủ. Bồ Tát nầy dùng vô lượng phương tiện khéo léo, để ví dụ vì chúng sinh mà thuyết pháp. "Phá trừ chúng binh ma" : Chúng đều giả danh làm Phật tử, nhưng chẳng hành chánh đạo, mà còn dùng kẻ mù dẫn người đui, nên gọi là binh ma. Cho nên dùng chánh pháp nhãn phá trừ quân tà, nên gọi là phá ma vậy. Đoạn nầy là Bát nhã độ.

"Lại thấy có Bồ Tát, lặng yên ngồi bất động." Lại thấy có những Bồ Tát ngồi kiết già. Vì có công phu thiền định, cho nên trời rồng đều cung kính lễ bái, nhưng các Ngài chẳng vì thế mà sinh tâm vui mừng. Do định mà sinh huệ, cho nên tâm chẳng bị cảnh chuyển, cũng chẳng động niệm. Nếu chẳng có vọng niệm thì không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, cho nên chẳng trái chẳng phải, chẳng thiện chẳng ác, tức là tự tính thanh tịnh, đắc được chân như diệu tính. Nhưng chẳng thế nói tôi đã vô niệm (chẳng còn niệm gì nữa), vì nói vô niệm thì đã có niệm. Người biết vô niệm, thì hàng phục được tâm của họ, người biết mình vô niệm,

khi phá trừ chúng binh ma, thì dùng vô niệm là diệu nhất ! Nó bao hàm cả nhẫn nhục và sinh nhẫn, tức chẳng bị lời hay tiếng ngọt làm động, cũng không vì nghịch cảnh mà khởi tâm kinh sợ hoặc sân hận.

Trước khi Tổ Đạt Ma đến Trung Quốc, thì phái hai vị đệ tử Di Phật Đà và Già Xá đến Trung Quốc hoằng pháp trước. Sư đồ họ đều là người Ấn Độ. Hai vị khoái chí giảng về thiền, bất lập văn tự, kiến tánh thành Phật. Lúc đó, ở Trung Quốc cũng có một vị sư tiểu thừa từ Ấn Độ đến là Bồ Đề Lưu Chi, thấy hai vị thiền sư đại thừa mới đến, bèn liên hợp với tất cả những người xuất gia bôi nhọ họ, khiến cho họ từ Trường An phải chạy đến Lư Sơn. Hai vị sư Di Phật Đà và Già Xá thấy đại sư Viễn Công, mới thuật lại tình hình trên cho đại sư nghe. Lúc đó, đại sư hỏi họ truyền pháp gì ? Hai vị duỗi cánh tay ra, sau đó lại co vào, bèn hỏi duỗi ra co vào có nhanh chăng ? Đại sư đáp : "Phải." Hai vị thiền sư giải thích phiền não và bồ đề và sự biến hoá rất nhanh của nó cũng lại như thế. Ví như duỗi ra co vào đều cùng một cánh tay, mà có sự khác biệt về lòng bàn tay và mu bàn tay. Cũng thế ấy, phiền não tức bồ đề, bồ đề tức phiền não, cả hai thật chẳng lìa nhau, là hai mà chẳng hai, tức tâm tức Phật, minh tâm kiến tánh, cho nên sinh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sinh tử. Vô niệm tức Niết Bàn, có niệm tức có sinh tử. Duy có một niệm không sinh toàn thể hiện, Phật tính vốn có hiện tiền, thì dù ma quỷ cũng phải cung kính.

Nếu vô niệm thì sẽ trở về nguồn cội, đây là bổn địa phong quang vậy. "Trời rồng đều cung kính, chẳng vì thế vui mừng." Cho nên trời rồng cung kính cũng là bổn hữu, chẳng vì thế mà vui mừng, liền xả thiền.

"Lại thấy có Bồ Tát, tại rừng phóng quang minh, cứu khổ dưới địa ngục, khiến họ vào Phật đạo." Lại thấy có những vị Bồ Tát tu thiền ở trong rừng tức là tự lợi, đồng thời phóng ra quang minh thanh tịnh chiếu chúng sinh trong địa ngục, tức là lợi tha. Dùng tâm đại bi cứu vớt chúng sinh thọ khổ trong địa ngục, đây là bi thiền.

"Lại thấy có Bồ Tát, chưa từng có ngủ nghỉ, kinh hành ở trong rừng, siêng cầu chứng Phật đạo." Những vị nầy, ở trong rừng, hoặc ở trong nhà, tu khổ hạnh thường đi không ngồi, không nằm. Pháp môn nầy gọi là "bát chu tam muội", cũng là Phật lực tam muội, trong chín mươi ngày thường đi, không ngồi, không nằm, vì muốn trừ con ma ngủ mà siêng cầu Phật đạo.

"Thấy bậc đủ giới đức, oai nghi chẳng thiếu khuyết, thanh tịnh như châu báu, để cầu chứng Phật đạo." Lại thấy có những vị Bồ Tát thọ trì mười đại giới thanh tịnh như châu báu. Giới cấm thân, miệng gọi là oai nghi, tự tịnh tâm ý tức chẳng khuyết phạm.

1. **Giới chẳng khuyết** : Nghĩa là chẳng phạm trọng tội, nếu phạm thập ác, ngũ nghịch trọng tội, thì như túi nổi khuyết thất.

2. **Chẳng phá giới** : Nghĩa là chẳng phạm trọng tội, nếu phạm trọng tội thì như túi nổi tàn phá.

3. **Giới chẳng thủng** : Nghĩa là chẳng phạm tiểu tội, nếu phạm tiểu tội, thì như túi nổi thủng lỗ. Đó là nhiếp luật nghi.

4. **Giới chẳng tạp nhạp** : Nghĩa là chẳng khởi niệm ác, nếu khởi niệm ác, thì tuy thân miệng thanh tịnh, nhưng ý tạp nhạp phiền não, đây gọi là định cộng giới.

5. **Giới tùy đạo** : Như bậc sơ quả đi trên đất, thì cách côn trùng bốn tấc.

6. **Chẳng chấp trước giới** : Như A La Hán nơi tam quả lục trần, vĩnh viễn chẳng tham trước.

7. **Giới được bậc trí ca ngợi** : Nghĩa là dùng pháp quyền xảo phương tiện để hoằng pháp lợi sinh, cho nên được bậc trí tán thán.

8. **Giới tự tại** : Nghĩa là, du hí thần thông thị hiện nghịch thuận, nhưng chẳng phạm giới tính (nếu sinh một niệm tà tức phạm giới, đây là vô hình) và giá giới (thân miệng chẳng được phạm đây là hữu hình). Vì có tự tại thần thông, giả thị hiện dùng tạo tội và sát sinh để giáo hóa người, đó thì chẳng phạm tính và giá hai giới.

Ví như trong Kinh Lăng Nghiêm, Hộ Pháp đập nát đầu quỷ vương. Và nữa, khi Vua Lương Võ Đế còn làm vua, thì có một vị thiền sư Bảo Chí, mỗi bữa ăn đều ăn hai con chim bồ câu, ăn hết cả xương cả đầu cũng chẳng chừa. Một ngày nọ, người nấu bếp ăn lén cái cánh của một con bồ câu, cho rằng đã chặt vụn ra tưởng đâu có thể nói gạt đặng, không ngờ Ngài Chí Công nhìn qua rồi

nói : "Ông ăn lén bồ câu." Người nấu bếp tuy kinh sợ, nhưng vẫn chối không nhận. Lúc đó, Ngài Chí Công cũng chẳng tranh biện làm chi, bèn ăn hết hai con bồ câu. Chuyện kỳ lạ cũng phát sinh ! Ngài Chí Công ăn hết thịt chim bồ câu rồi, thì lại phun ra hai con bồ câu sống, trong đó có một con bồ câu thiếu mất cái cánh. Cho nên Ngài Chí Công là một người không tầm thường. Nếu ai ăn bồ câu chín mà phun ra bồ câu sống, hoặc ăn thịt bò mà phun ra bò sống, thì mới tính là chẳng phạm giới sát sinh. Nếu chẳng có bản lãnh như thế, mà cứ tùy tiện ăn thịt chúng sinh, thì tương lai phải trả quả báo và đọa địa ngục. Giới nầy gọi là giới tục đế.

9. **Giới tùy định** : Đi, đứng, nằm, ngồi, cử chỉ, hành động, nói năng, đều ở trong định, đều có oai nghi.

10. **Giới cụ túc** : Nghĩa là giới Ba la mật tất kính viên mãn, lại gọi là đế giới trung đạo đệ nhất nghĩa.

Lại thấy có Phật tử
Trụ vào sức nhẫn nhục
Bị kẻ tăng thượng mạn
Mắng chưởi và đánh đập.
Thảy đều nhẫn thọ được
Để cầu chứng Phật đạo !
Lại thấy có Bồ Tát
Lìa bỏ sự giỡn cưởi.

Và quyến thuộc ngu si
Gần gũi bậc trí huệ
Nhất tâm trừ tạp loạn
Nhiếp niệm ở núi rừng.
Trải ức ngàn vạn năm
Để cầu chứng Phật đạo !
Hoặc thấy có Bồ Tát
Đồ ăn uống thượng hạng.
Và trăm thứ thuốc thang
Đem cúng Phật và Tăng
Y tốt quần áo đẹp
Trị giá ngàn vạn tiền.
Hoặc là y vô giá
Đem cúng Phật và Tăng.
Dùng ngàn vạn ức thứ
Nhà báu bằng chiên đàn
Các giường nệm tốt đẹp
Dâng cúng Phật và Tăng.
Vườn rừng rất thanh tịnh
Hoa quả đều sum sê
Có suối chảy ao tắm

Cúng dưỡng Phật và Tăng.
Như thế đều bố thí
Đủ thứ đồ tốt đẹp
Vui vẻ chẳng nhàm chán
Để cầu vô thượng đạo.

Lại thấy có đệ tử của Phật, chuyên tâm nhất chí tu pháp môn nhẫn nhục. Nhẫn nhục đối trị được sân hận, cho nên nhẫn thọ được tất cả chửi mắng đánh đập, cho đến quán tất cả cảnh thuận nghịch cũng đều an nhiên tự tại. Nhưng người tu hành đừng tìm tòi sự nhẫn nhục của người khác sâu hay cạn, mà phóng túng sự tu hành của mình.

"Bị kẻ tăng thượng mạn." Là chỉ những người kiêu ngạo trong tầm mắt chẳng thấy có ai. Kẻ kiêu ngạo không những sẽ bị bại, mà cũng là hành vi ngu si nhất. Vì sao ? Đức Phật là bậc Đại giác, Ngài dùng hiếu thuận, bình đẳng và từ bi, để đối đãi với tất cả chúng sinh, vì Ngài đều thấy đều biết tất cả chúng sinh, đều có thể thành Phật, đều làm cha mẹ của mình trong quá khứ.

Bậc đại giác ngộ còn chẳng kiêu ngạo, hà huống là phàm phu chúng ta ! Cho nên chỉ có người ngu mới khởi tâm kiêu mạn mà khinh khi người khác.

Lại thấy người chẳng cười nói cẩu thả, và xa lìa quyến thuộc ngu si : Tâm sân là vô minh chẳng hiểu nhân quả. Sự nóng giận có hại cho thần nhất, cũng khiến

cho người mất đi lý trí, mà phạm đủ thứ lỗi lầm, và rất nhiều tội ác phát sinh, cho đến giết người, đều do một niệm sân khởi lên, cho nên sân là đáng sợ nhất, khiến cho người tạo ra những hành vi ngu si, và mười điều ác, năm tội ngũ nghịch, đủ thứ tội mà gieo xuống nhân địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. "Gần gũi bậc trí huệ." : Nếu cải ác hướng thiện, gần gũi thiện tri thức, thì từ từ sẽ thay đổi trong sự ẩn tàng, trừ khử tập khí ác, bỏ tà theo chánh, đó là gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Như hiện nay tại Vạn Phật Thành, mỗi ngày đều có pháp hội, đó tức là gần gũi bậc trí huệ, vì nghe nhiều Phật pháp, thì khiến cho trí huệ của con người tăng trưởng.

Nếu nhất tâm trừ loạn, thì trừ khử được tham cái. Không tham thì tự nhiên chẳng phạm ngũ giới thập thiện. Tham sẽ khiến cho người đụng việc thì hôn mê, ràng buộc tâm mà chướng ngại đạo nghiệp. Rõ là người thế gian nhiều tham dục, vì lợi mà quên mình, suốt ngày vì kiếm tiền mà bất chấp thủ đoạn, chẳng nhận lục thân quyến thuộc, tổn người lợi mình. Những nghiệp ác nầy chẳng những hại người, cũng thương hại đến tự tánh của chính mình, làm cho trí huệ vốn có bị che lấp, mà gây tạo ra biết bao tội lỗi. Cho nên, chỉ có đoạn trừ tâm tham dục, thì mới khiến cho tự tính quang minh hiển hiện.

"Nhiếp niệm ở núi rừng." : Mười pháp giới không lìa một tâm niệm. Thiên đường, địa ngục hoặc nhân gian, chẳng lìa niệm hiện tại nầy. Cho nên muốn thành Phật, Bồ Tát, A La Hán, đều do một niệm nầy sinh ra. Một

niệm của con người, tuy đạt được một vạn tám ngàn dặm, nhưng hoàn toàn chẳng có quang minh, chỉ có tướng luồng hào quang trắng của đức Phật, thông đạt được một vạn tám ngàn dặm, và còn thấy biết hết vạn sự vạn vật tận hư không viên dung vô ngại. Nhiếp niệm tức là thu hồi tâm tán loạn lại, mà an trụ tại một niệm, đó là pháp môn lấy độc trị độc. Buông xả vạn duyên, chỉ tồn tại một niệm, tốt nhất là đạt được cảnh giới vô niệm, thì đại giác Phật tính viên minh tự nhiên sẽ hiện tiền. Cho nên, nhiếp niệm ở núi rừng, là trừ khử thùy cái (ngủ). Thùy cái là chướng ngại cho người tu hành, vì ở trong mộng chẳng dễ gì trì giới, tự nhiên sẽ bị cảnh mộng lay chuyển, mà ma vương thích nhất là nhiễu loạn định lực của người tu hành ở trong mộng, khiến cho họ phạm giới mà khởi tâm niệm tham, sân, si, mà che lấp tự tánh. Do đó, Bồ Tát nầy xả bỏ được ba độc, và ngũ dục vô minh phiền não, mà yên tâm tu đạo, vĩnh viễn không thối chuyển.

Lại thấy Bồ Tát dùng thức ăn thượng hạng, y áo, giường nệm và thuốc thang, hoặc nhà báu bằng gỗ chiên đàn, vườn rừng thanh tịnh, hoa quả sum sê, suối chảy ao tắm .v.v., hàng ngàn vạn thứ, đem bố thí cúng dường Phật Pháp Tăng.

Lại thấy có Bồ Tát
Đang nói pháp tịch diệt
Đủ thứ sự giáo hóa

Độ vô số chúng sinh.
Hoặc thấy có Bồ Tát
Quán sát các pháp tánh
Đều chẳng có hai tướng
Giống như là hư không.
Lại thấy có Phật tử
Tâm chẳng có chấp trước
Lấy đó làm diệu huệ
Cầu chứng vô thượng đạo.

Hoặc thấy Bồ Tát đang nói pháp tịch diệt. Pháp tịch diệt vốn không thể nói ra, nhưng vì lòng từ bi, dùng đủ thứ pháp phương tiện để giáo hóa vô số chúng sinh. Hoặc thấy có Bồ Tát, dùng trí huệ quán sát, thể tính của các pháp, không hình không tướng, chẳng dài ngắn vuông tròn, cũng chẳng xanh vàng đỏ trắng đen .v.v., giống như hư không, gì cũng chẳng có, nhưng tất cả hình tướng lại chẳng lìa khỏi hư không mà có. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Nếu đào đất ra một thước, thì có một thước hư không, nếu đào một trượng thì có một trượng hư không. Nhưng trước khi chưa đào cũng có một thước hư không như thế, chưa từng có tăng giảm. Do đó, tuy có hình tướng nhưng hình tướng chẳng thể bao hàm

hư không, mà hư không bao hàm hết tất cả hình tướng. Do đó có câu :

"Tự tánh như hư không,
Chân vọng đều trong đó."

Chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không. Trong Chứng Đạo Ca của Đại sư Vĩnh Gia có nói :

"Chân bất lập, vọng bổn không,
Hữu vô câu di bất không không."

Các pháp vốn chẳng phân biệt thật giả, sự phân biệt nầy dựa trên danh tướng, chỉ bất quá tâm chúng sinh phân biệt đang tác quái. Cho nên tự tánh vốn không, tức cũng là thật tướng của các pháp. Song, nếu nói như thế thì có những người chẳng minh bạch ! Gì cũng đều chẳng có, vậy tôi chẳng phải là không chăng ? Gì cũng đều chẳng có mới là thật có. Nếu chẳng có quái ngại, chẳng chấp trước thì tất cả sơn hà đại địa, cho đến sâm la vạn tượng, chẳng có một vật nào mà chẳng bao hàm ở trong tự tánh của bạn. Nhưng nếu còn tồn tại một tơ hào chấp trước quái ngại, thì không thể thừa thọ pháp vi diệu thù thắng nầy, bằng không bạn sẽ là một pháp tài vĩ sĩ, tận hư không khắp pháp giới, đều bao hàm ở trong tự tánh. Cho nên, ngộ triệt bổn lai thể, một thông tất cả đều thông, ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, đều là của báu trong nhà vốn có, hà tất tìm cầu bên ngoài ? Do đó, hiện tại tôi

nói pháp mà chẳng có một pháp để nói, mà bạn cũng chẳng có một pháp để nghe, đó mới là Bát nhã diệu huệ chân chánh !

Lại thấy có Phật tử, con của đấng Pháp Vương, tâm nơi các duyên mà chẳng chấp trước, cho nên trí huệ và tự tính quang minh hiển hiện. Nếu chẳng buông xả được bất cứ vật gì, xả bỏ chẳng sạch, thì đừng nói đến thành Phật, dù diệu huệ cũng chẳng có. Do đó, người tu hành chân chính, nhất là đệ tử xuất gia, nên đừng chấp trước vào bất cứ vật gì, tức là :

"Lạnh chết chẳng van xin,
Đói chết chẳng cầu xin,
Nghèo chết chẳng cầu cạnh,
Tùy duyên chẳng thay đổi,
Chẳng thay đổi mà tùy duyên,
Xả thân làm Phật sự,
Tạo mạng là việc chánh,
Nuôi mạng chân chánh, làm việc Tăng,
Thấu việc rõ lý, rõ lý thấu việc.

Dùng Bát nhã diệu huệ nầy, hoằng pháp lợi sinh, thắp nối đèn sáng Phật pháp, đừng để cho mạt pháp tồn tại, chỉ để cho chánh pháp tồn tại lâu dài, bằng không thì người xuất gia chỉ làm những chuyện viển vông mà chẳng tu hành, chẳng làm việc Tăng, hoặc thân tâm nhiễm trước công danh lợi dưỡng. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói

rằng : "Thế nào là kẻ tặc, là kẻ giả y phục của ta, làm bại hoại Như Lai, tạo ra đủ thứ nghiệp, đều nói lời Phật pháp, mà chẳng phải xuất gia, đầy đủ giới Tỳ Kheo, mà vì đạo tiểu thừa, là do nghi ngờ lầm lẫn, vô lượng chúng sinh, đọa vào ngục vô gián." Người xuất gia, nếu chẳng tinh tấn tu tập thiền định, tụng Kinh trì Chú, giữ gìn giới luật, mà nương vào Phật ăn cơm mặc áo, tất sẽ đọa vào tam đồ. Người xưa nói rằng :

"Hột gạo thí chủ cho,
Nặng như núi Tu Di,
Ăn xong chẳng tu đạo,
Mang sừng đội lông trả."

Những người tu hành, phải quý trọng giới luật. Trong Kinh Phạm Võng nói rằng : "Nếu Phật tử tín tâm xuất gia, thọ chánh giới của Phật, nếu khởi tâm phạm giới, thì không được thọ tất cả sự cúng dường của tín thí, cũng chẳng được đi trên đất của quốc vương, chẳng được uống nước của quốc vương, năm ngàn đại quỷ thường che ở trước họ nói là đại tặc. Nếu vào trong phòng xá thành ấp, thì quỷ lại quét dấu chân của họ, tất cả người thế tục đều mắng rằng : 'Tặc ở trong Phật pháp' ! Tất cả chúng sinh đều chẳng muốn nhìn. Người phạm giới giống như súc sinh chẳng khác, như khúc gỗ chẳng khác. Nếu người cố ý phạm giới, thì phạm khinh cấu tội." Đoạn văn nầy nói về giới nầy, đủ mượn làm gương cho chúng ta.

Tông chỉ của tôi lập ra là :

Dù rét chết chẳng van xin,
Dù đói chết chẳng cầu xin,
Dù nghèo chết chẳng cầu cạnh.

Cho nên năm đầu tiên tôi đến Hương Cảng, do Quách Khoang Bồ giới thiệu ở trong động Quan Âm núi Phù Dung. Ở trong đó, ngoài bốn vách tường ra, chẳng có cái gì hết, mà còn rất ẩm ướt, tôi ngồi thiền ở trên mặt tấm đá bằng trơn. Ba ngày sau đôi chân bắt đầu tê dại, khó chịu đựng vô cùng, tưởng đâu sẽ thối tâm, nhưng nghĩ lại, thà tu hành mà chết, chứ chẳng trộm đồ của họ mà sống, huống gì họ có ý tốt giới thiệu, sao lại bỏ dở giữa chừng ? Do đó, nán ở lại nửa tháng nữa, đôi chân đã khôi phục lại bình thường. Mỗi ngày đều xuống núi, đến Trúc Lâm Thiền Tự khất thực. Vì trong động đá quá ẩm ướt, trở ngại cho sự tu hành. Một năm sau tôi làm túp lều tranh nhỏ ở ngoài động, khiến cho vị sư ở gần đó đố kị. Ông ta cứ bóp méo sự thật, nói tôi có khả năng làm lều tranh, thì cũng có khả năng lo việc ăn uống. Do đó, ông ta xúi giục vị trụ trì Trúc Lâm Thiền Tự đừng cho tôi thức ăn nữa. Chẳng có cơm ăn càng tốt ! Tôi bế quan dụng công ngồi thiền cả mấy ngày chưa cảm thấy đói, thì có nữ cư sĩ Quỳnh Khoang Thắng, vì chân của bà ta bị chó dữ cắn bị thương, đã lâu mà chẳng lành, thuốc men đã hết cách, cầu đảo cũng chẳng linh. Trong lúc bàng hoàng lo lắng cả mấy ngày, thì một đêm nọ bà nằm mộng thấy Bồ

Tát Vi Đà nói với bà rằng : "Nếu muốn hết bệnh thì hãy cúng dường vị pháp sư An Từ ở tại động Quan Âm, và hiện tướng mạo ra cho ba ta thấy". Bà ta hoan hỉ vô cùng, bèn chuẩn bị đồ cúng dường mang đến động Quan Âm. Ai biết vị sư ở gần đó, thấy trai chủ họ đến thì đi trước ra nghinh tiếp, và tự xưng là trụ trì, muốn những đồ vật của thí chủ. Nhưng bà Quỳnh Khoan Thắng nói : "Chẳng phải là người mà bà ta gặp ở trong mộng, kiên quyết không cho". Do đó, hai người khởi sự tranh chấp ồn ào. Tôi bèn ra khỏi động, bà ta liền thấy tôi, thì lập tức nhận ra và nói vị nầy mới là pháp sư An Từ, rồi đem toàn bộ thực phẩm đưa cho tôi. Tôi bèn chia ra một nửa đưa cho vị sư kia, song ông ta chẳng vừa lòng, phẫn nộ nói với bà ta rằng : "Lần sau bà đến đây, thì phải đưa hết thực phẩm cúng dường cho tôi !" Bà Quỳnh Khoan Thắng chân bỗng nhiên hết bệnh, thì tin tức truyền đi, có rất nhiều trai chủ đến, mỗi lần tôi cũng đều chia một nửa cho vị sư kia, nhưng vẫn chẳng giảm bớt việc ông ta coi tôi như kẻ thù, và đủ thứ phá hoại phỉ báng tôi.

Chẳng bao lâu, tôi dọn đến vùng đất hoang ở hòn đảo Lan Tao, thành lập chùa Tây Lạc Viên rồi, thì bỗng nhiên có mạch nước tự đến, còn tụ thành ao nước, chẳng bao giờ khô cạn. Và nghe nói mạch nước ở động Quan Âm mà tôi đã từng ở qua, đột nhiên khô cạn. Cho nên rất nhiều người cho rằng đó là chuyện lạ và còn cho rằng tôi dời mạch nước đó đi.

Người xuất gia nếu chẳng cầu danh văn lợi dưỡng, tùy duyên chẳng đổi, chẳng thay đổi mà tùy duyên, thọ trì giới Phật, thành tựu oai nghi, nghiêm tịnh Tỳ ni, hoằng phạm tam giới, thì tự nhiên trời, rồng, loài người đều cung kính cúng dường, mười phương chư Phật Bồ Tát đều hộ trì, hoan hỉ tán thán, đó mới là hành vi đại trượng phu đầu đội trời chân đạp đất, chẳng mất bổn sắc của Tăng Bảo vậy.

Ngài Văn Thù Sư Lợi !
Lại thấy có Bồ Tát
Khi Phật diệt độ rồi
Cúng dưỡng Phật xá lợi.
Lại thấy có Phật tử
Tạo dựng các chùa tháp
Nhiều vô số Hằng sa
Nghiêm sức khắp cõi nước.
Bảo tháp rất cao đẹp
Đến năm ngàn do tuần
Bề ngang rộng đồng nhau
Dài hai ngàn do tuần.
Tại mỗi mỗi chùa tháp
Đều có ngàn tràng phan

Màn châu xen thòng xuống
Linh báu đều hòa reo.
Hết thảy trời rồng thần
Ngưởi và chẳng phải ngưởi
Hưởng hoa và âm nhạc
Thưởng mang đến cúng dưởng.

Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tôi lại thấy những vị Bồ Tát, sau khi Phật diệt độ rồi, cúng dường xá lợi của Phật. Cúng dường xá lợi cũng đồng như cúng dường Tam Bảo, đồng như cúng dường Phật không khác. Nhưng phải dùng chân tâm, chứ chẳng phải dùng tâm ô nhiễm để cúng dường. Tâm mà có sở cầu, có sự mong muốn thì tâm chẳng được thanh tịnh. Hãy coi sự cúng dường bố thí là trọng trách của mình, đó gọi là báo ân Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Nếu chẳng có Tam Bảo thành trì chánh pháp tồn tại, thì ma vương sẽ hiện ra đời, tức cũng là ngày thế giới hủy diệt. Do đó, mỗi ngày trước khi ăn cơm hãy quán như thế nầy, nếu chẳng cúng dường Tam Bảo thì cơm ăn khó tiêu. Nói là pháp, tu là đạo, nên phước huệ song tu. Bây giờ chẳng cúng dường Tam Bảo, tương lai thành A La Hán rồi, cũng ôm bát không, chẳng có ai cúng dường. Cúng dường Tam Bảo là tu phước, ấn tống Kinh điển, tuyên dương Phật pháp là tu huệ.

Lại thấy có Phật tử tạo vô số chùa tháp nhiều như số cát sông Hằng nghiêm sức khắp cõi nước. Tháp để cúng dường xá lợi, chùa cúng dường tượng Phật.

Có câu chuyện nầy quan hệ tới bảo tháp : Khi Đức Phật còn tại thế, thì có một người tướng rất quái dị. Một số người cao khoảng hơn năm thước, vai thì rộng hai thước, nhưng ông ta thì ngược lại, thân cao hai thước rưỡi, mà vai rộng năm thước. Tuy ông ta thân hình quái dị như cái nồi đen, nhưng lại có giọng ca tiếng trong trẻo như tiếng khánh, tiếng đại hồng chung. Do người nầy quả báo đặc thù, đưa đến đồ chúng nghi hoặc mà thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bèn cười nói : người nầy trong quá khứ vô lượng kiếp về trước, đã từng làm đệ tử của Phật, thấy người muốn tạo bảo tháp cao đẹp, nên tâm có ý ghen mà phê bình nói : "Hà tất phải làm cao như thế ! Cao quá thì đỉnh tháp đâu có thấy được ! Bất quá, tôi có cái chuông nhỏ (cái linh) treo ở đỉnh tháp, thì tôi bố thí cái đó !" Chỉ vì tâm có ác ý nói một câu : "Đừng làm cao quá..." Do đó, ông ta đời đời kiếp kiếp đều cao chẳng quá ba thước. Nhưng vì ông ta có tâm thiện bố thí cái linh, cho nên được quả báo âm thanh như đại hồng chung. Do đó phiền não chỉ vì nói nhiều những lời vô ích.

Muốn biết đời trước mình làm gì, hãy xem đời nầy mình có được những gì, muốn biết đời sau ra sao, hãy xem đời nầy mình làm những gì. Trồng nhân gì thì kết quả đó. Nếu phát được đại bồ đề tâm, tu bố thí công đức, thì tương lai phước đức cũng vô lượng vô biên.

Tạo dựng bảo tháp cao đẹp trang nghiêm cõi nước, mỗi bảo tháp treo ngàn tràng báu phan báu, dùng châu làm màng lưới bảo tháp. Gió thổi động linh báu vang ra âm thanh hoà nhã vi diệu, đều là đồ trang nghiêm cúng Phật tối thắng. Các vị trời, rồng, thần, người, chẳng phải người, thường mang hương hoa âm nhạc đến cúng dường.

Ngài Văn Thù Sư Lợi !
Các vị Phật tử kia
Vì cúng dưỡng xá lợi
Trang nghiêm đẹp chùa tháp.
Khắp cõi nước tự nhiên
Đẹp đẽ tốt lạ thường
Như cây Thiên thụ vương
Hoa nở khắp hết thảy.
Phật phóng luồng hào quang
Tôi và cả chúng hội
Thấy khắp cõi nước đó
Đủ thứ sự thù diệu.
Sức thần thông chư Phật
Trí huệ rất hi hữu
Phóng một luồng tịnh quang

Chiếu khắp vô lượng cõi.
Chúng ta thấy như vậy
Thật là chưa từng có
Mong Phật tử Văn Thù
Giải quyết nghi của chúng.
Bốn chúng đều trông mong
Nhìn Ngài và nhìn tôi
Thế Tôn vì cớ gì ?
Phóng luồng quang minh nầy !
Phật tử hãy giải đáp
Dứt nghi cho chúng mừng
Có những lợi ích gì ?
Về việc quang minh đó !
Phật ngồi tại đạo tràng
Đắc được pháp thâm diệu
Vì muốn nói pháp đó
Hay là sẽ thọ ký !
Hiện bày các cõi Phật
Các báu đều nghiêm tịnh
Và thấy các đức Phật
Đây chẳng phải duyên nhỏ.

Ngài Văn Thù nên biết !
Bốn chúng trời, rồng, thần
Thảy đều nhìn trông Ngài
Vì sẽ nói những gì ?

Ngài Bồ Tát Văn Thù, các vị Phật tử kia tạo chùa tháp để cúng dường xá lợi và tượng Phật, trang nghiêm xứ sở, khiến cho cảnh giới đẹp của nước nầy, tự nhiên trở thành thù thắng tốt đẹp. Cây Thiên thụ vương tức là cây Ba Lợi Chất Đa, mọc ở trong vườn của trời Đế Thích, nhánh lá che khắp năm mươi do tuần. Đây là dụ cho sự nghiêm sức tháp chùa, như hoa của cây nầy nở.

Đức Phật phóng ra luồng hào quang trắng, khiến cho chúng ta thấy được trí huệ và thần thông hi hữu của chư Phật, trong một vạn tám ngàn cõi. Cảnh giới thù thắng nầy, thật là ít thấy, do đó chắc có nhân duyên lớn, cho nên Đức Phật thị hiện tướng điềm tốt nầy, là muốn vì đại chúng nói diệu pháp vô thượng, hay là vì đại chúng thọ ký bồ đề ? Tôi và bốn chúng : Thiên Long bát bộ .v.v., đều mong cầu Bồ Tát Văn Thù vì chúng tôi mà giải trừ lòng nghi ngờ. Đại chúng đều nhìn Ngài và nhìn tôi đều muốn biết Phật sẽ nói những gì ?

Bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với đại Bồ Tát Di Lặc và các Đại sĩ. Các thiện

nam tử ! Theo sự nghĩ của tôi, nay Đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, đánh trống pháp lớn, diễn nói pháp nghĩa lớn.

Các thiện nam tử ! Tôi ở chỗ chư Phật trong quá khứ, đã từng thấy điềm lành nầy, sau khi đức Phật phóng quang minh rồi sẽ nói pháp lớn.

Đương lúc đó, Bồ Tát Văn Thù nghe lời nầy xong, thì vì Bồ Tát Di Lặc và các đại chúng nói : Theo Kinh nghiệm của tôi trong quá khứ, phàm là Phật phóng thứ quang minh nầy, tức sẽ nói pháp đại thừa, như mưa lớn thấm nhuần chúng sinh, thổi pháp loa lớn, để hiệu triệu tất cả chúng sinh, đánh trống pháp lớn, để thức tỉnh mê mộng.

Do đó, sẽ biết chắc hôm nay Đức Phật, hiện quang minh cũng lại như thế, muốn khiến cho chúng sinh đều đượ̣c nghe biết pháp, mà tất cả thế gian rất khó tin, cho nên thị hiện tưởng điềm lành.

Các thiện nam tử ! Vào thuở quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghì A tăng

kỳ kiếp, lúc đó có đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri, minh hạnh túc, thiện thệ thế gian giải, vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Cho nên, hiện nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện ra quang minh cũng lại như thế. Đức Phật trước nói tam tạng giáo lý, Kinh điển tiểu thừa, nông cạn dễ hiểu, sau thị hiện tướng quang minh điềm lành, khiến cho chúng sinh thật hiểu biết pháp môn viên đốn mà tất cả thế gian, tam giới đều khó tin, sau đó mà vì đại chúng giải nói diệu nghĩa, khiến cho nhập vào trí huệ của Phật.

Các thiện nam tử ! ví như : Trong quá khứ bất khả tư nghì vô lượng kiếp, có một vị cổ Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Nhật là biểu thị huệ quang phá đêm dài của trời, người, chiếu sáng sự tối tăm của vũ trụ. Nguyệt là biểu thị định lực. Đăng là biểu thị giới trí. Cho nên giới, định, huệ viên mãn đầy đủ.

Tất cả chư Phật đều có tên chung và tên riêng. Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên riêng. Như Lai cho đến Thế Tôn mười danh hiệu nầy, là tên chung của chư Phật. Danh hiệu của mỗi một vị Phật vốn có một vạn, biểu thị vạn đức trang nghiêm, nhưng sức trí nhớ của con người hạn hẹp, căn cơ ám độn, cho nên bớt đi còn năm ngàn, rồi còn

một ngàn, một trăm, cuối cùng thì cố định mười danh hiệu, làm thông hiệu cho chư Phật, nay lược giải như sau.

Như Lai : Tức là Phật. Như là bất biến, tĩnh. Lai là tùy duyên, động. Động tĩnh nhất như, hổ tương vô ngại. Kinh Bát Nhã nói rằng : Chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, đây tức là pháp thân Như Lai không sinh không diệt. Trong Thành Thật Luận nói rằng : Thừa như thật đạo, lai thành chánh giác, đây tức có sinh có diệt, ứng thân Như Lai vậy.

Ứng Cúng : Như Lai Thế Tôn đầy đủ vạn đức, đáng thọ nhận trời, người cúng dường.

Chánh Biến Tri : Biết một niệm hiện tiền, sinh ra vạn pháp, gọi là chánh tri. Biết vạn pháp chẳng lìa một tâm niệm là biến tri. Cho nên gọi là Chánh biến tri.

Minh Hạnh Túc : Phước đức, trí huệ cả hai đều đầy đủ.

Thiện Thệ : Đi đến chỗ tốt nhất, tức từ chỗ mê mà đến nơi trí địa.

Thế Gian Giải : Khéo hiểu pháp thế gian và xuất thế gian.

Vô Thượng Sĩ : Chư Bồ Tát chưa sạch vô minh thì còn có Phật ở trên, gọi là hữu thượng sĩ, chứng tột Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ.

Điều Ngự Trượng Phu : Điều là có uy đức cho nên chúng sinh cung kính mà điều phục được. Ngự là dùng pháp thiện xảo phương tiện nhiếp thọ tất cả chúng

sinh. Phật là đại trượng phu điều ngự được tất cả chúng sinh.

Thiên Nhân Sư : Đạo Sư của trời và người.

Phật : Nói đủ là Phật Đà Gia, nghĩa là tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Phàm phu bị vây hãm ở trong lò lửa tam giới, kham nhẫn biển khổ, chẳng muốn lìa khỏi, nên gọi là không giác. A La Hán biết được sự nóng bức, mà muốn thoát khỏi tam giới tự giác được, còn Bồ Tát không những tự giác mà cũng giác tha, độ thoát chúng sinh tội khổ nhưng chưa giác ngộ viên mãn, chỉ có Đức Phật đã tự giác, giác tha và giác hạnh cũng viên mãn. Cho nên Phật là bậc đại giác viên mãn nhất.

Thế Tôn : Là bậc được trời, người, Thánh Hiền của thế gian và xuất thế gian tôn kính.

Diễn nói chánh pháp, ban đầu, giữa, sau cùng đều lành, nghĩa lý rất thâm sâu, lời lẽ khéo léo vi diệu, thuần nhất chẳng hỗn tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh thanh tịnh.

"Diễn nói chánh pháp" : Pháp quyền xảo phương tiện, vì người thí giáo, cho nên chẳng nhất định. Với người căn tính sâu dày, thì nói pháp tự tính bổn thể ; vì người căn cơ bậc trung, thì nói pháp luân lý cho đến khoa học luân hồi ; còn đối với người chẳng hiểu biết, thì nói

pháp nghiệp lực luật nhân quả. Diễn nói Phật pháp ngoài sự khế cơ khế lý, cũng phải dung khai và hợp. Khai được mà chẳng hợp thì có bắt đầu chẳng có kết thúc ; hợp được mà chẳng khai được, thì có kết thúc chẳng có bắt đầu, cũng phải tùy cơ ứng biến.

Từ khi Đức Phật bắt đầu phát tâm, xuất gia tu đạo bồ đề gọi là sơ thiện (ban đầu lành), tu khổ hạnh, bố thí nội tài, bố thí ngoại tài ; ngoại tài là : ngôi vua, vợ con ; nội tài là : đầu, mắt, tủy, não, thậm chí vì chúng sinh mà xả bỏ tính mạng, tức gọi là trung thiện (giữ lành). Đức Phật thuyết pháp giáo hóa chúng sinh bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, cho đến nhập Niết Bàn, là hậu thiện (sau cùng lành). Đức Phật ở trong ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu hành. Kiếp thứ nhất tu công đức là sơ thiện, kiếp thứ hai tu công đức là trung thiện, kiếp thứ ba tu công đức là hậu thiện. Sơ, trung, hậu, là quá trình tu hành, có bổn có tế. Bổn (gốc) tức là lúc ban đầu phát bồ đề tâm ; tế là thị hiện đủ thứ pháp môn sở tu. Nghĩa lý của pháp từ đầu đến cuối rất sâu xa, lời lẽ khéo léo vi diệu, thuần một pháp môn viên đốn, khiến cho người thích nghe, đầy đủ tướng thanh tịnh. Đầy đủ nghĩa là chẳng thiếu chẳng thừa. Thuần nhất chẳng hỗn tạp, là nhất thừa thuần tịnh, chẳng hai, chẳng ba.

Vì người cầu Thanh Văn thì nói pháp bốn Diệu Đế, độ : sinh, già, bệnh, chết,

đắc đuợc cứu kính Niết Bàn. Vì ngưởi cầu Bích Chi Phật, thì nói pháp mưởi hai Nhân Duyên.

Thanh Văn, Duyên Giác là pháp tiểu thừa, tức là bậc sơ học của Phật giáo. Thanh Văn tức là nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo. Sau khi Phật thành đạo rồi, đầu tiên độ năm vị Tỳ Kheo, nói về pháp bốn Thánh Đế thì có thể độ : sinh, già, bệnh, chết, đắc được cứu kính Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, cứu kính thoát khỏi khổ quả trong tam giới. Đức Phật vì hàng Thanh Văn đệ tử nói pháp bốn Diệu Đế, Phương Đẳng cho đến Kinh Niết Bàn, từ cạn vào sâu, từ nhỏ đến lớn, thứ tự nhập vào pháp môn đại thừa diệu nghĩa.

Mười hai Nhân Duyên lại gọi là mười hai chi, tức cũng bao hàm nghĩa lý bốn Thánh Đế.

◈ Vô minh, hành là chi năng dẫn ;

◈ Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là chi sơ dẫn ;

◈ Ái, thủ, hữu là chi năng sinh ;

◈ Sinh, lão tử là chi sở sinh.

◈ Sở dẫn, sở sinh tức khổ đế,

◈ Năng dẫn, năng sinh tức tập đế,

◈ Vô minh diệt rồi, đến lão tử diệt là diệt đế,

◈ Quán nhân duyên trí thức là đạo đế.

Thanh Văn căn cơ chậm lụt, cho nên tổng tướng nói pháp bốn Đế, còn Bích Chi Phật căn cơ lanh lợi hơn, cho nên nói pháp Nhân Duyên. Người tu Bích Chi Phật sinh vào lúc có Đức Phật tại thế, thì gọi là Duyên Giác. Nếu người tu hành vào lúc chẳng có Phật tại thế, quán mười hai Nhân Duyên mà ngộ đạo gọi là Độc Giác. Do đó :

Vạn vật tĩnh quán giai tự đắc,
Tứ thời giai khánh dữ nhân đồng.

Những người nầy tu hành ở trong thâm sơn cùng cốc, tĩnh tâm quán sát, thấy mùa xuân vạn vật đều tươi tốt, biết thế sự vô thường, một ngày trôi qua mạng cũng giảm dần, cho nên càng tinh tấn, như cứu đầu lửa cháy. Do khéo tư duy pháp mười hai Nhân Duyên, khoát nhiên khai ngộ, biết thân thể nầy là chín lỗ thường chảy ra vật nhơ nhớp, cuối cùng quy về lão hủ, lúc đó ngộ :

Các hành vô thường,
Là pháp sinh diệt,
Sinh diệt rồi,
Tịch diệt là vui !

Vì các Bồ Tát thì nói sáu Ba la mật, khiến cho đắc đuợc Vô thuợng chánh đẳng chánh giác, thành Nhất thiết chủng trí.

Hành Bồ Tát đạo tức tự lợi lợi tha, xả mình vì người. Vì cứu độ giáo hóa chúng sinh, mà nguyện vào địa ngục, khiến cho chúng sinh tội khổ, phát bồ đề tâm mà thoát khỏi tam đồ. Chúng sinh khó độ, cho nên Bồ Tát luôn luôn lặn lội bôn ba, không từ khổ nhọc ứng thân vô lượng, cứu độ tất cả chúng sinh khó điều khó phục, từ biển khổ sinh tử đến bờ bồ đề Niết Bàn. Hành lục độ hạnh môn nầy, lập công lập đức, như cứu tự tánh chúng sinh, do đó :"Chúng sinh độ tận mới chứng bồ đề". "Thành nhất thiết chủng trí" : Nói về trí có ba : Nhất thiết trí, là không trí vậy ; Đạo chủng trí, là giả trí vậy ; Nhất thiết chủng trí, là không giả chẳng hai, trung đạo liễu nghĩa, ba trí viên dung. Sáu Ba La Mật nghĩa là đến bờ kia, tức là tu : bố thí, trí giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, sáu phạm hạnh.

Lại có vị Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Lại có vị Phật nữa cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế gồm có hai vạn vị Phật đều đồng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh và đồng một họ là Phả La Đọa.

Vị Phật đầu tiên cho đến hai vạn vị Phật đều đồng danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, họ là Phả

La Đọa, nghĩa là "tiệp tập", "lợi căn" hoặc "mãn ngữ" ba nghĩa. 1. Tiệp tập : rất mau thành Phật. 2. Lợi căn : có đại trí huệ vì tu đủ thứ hạnh môn, học tập Kinh điển, đọc tụng pháp đại thừa. 3. Mãn ngữ : pháp nói ra đều viên mãn vô ngại.

Ngài Di Lặc nên biết ! Đức Phật đầu tiên, Đức Phật sau cùng đều đồng danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu, pháp nói ra trước giữa sau đều lành. Vị Phật cuối cùng khi chưa xuất gia, có tám vị vương tử. Vị thứ nhất tên là Hữu Ý, vị thứ hai tên là Thiện Ý, vị thứ ba tên là Vô Lượng Ý, vị thứ tư tên là Bảo Ý, vị thứ năm tên là Tăng Ý, vị thứ sáu tên là Trừ Nghi Ý, vị thứ bảy tên là Tưởng Ý, vị thứ tám tên là Pháp Ý. Tám vị vương tử nầy đều có oai đức tự tại, mỗi vị đều thống lãnh bốn thiên hạ. Khi nghe vua cha xuất gia đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thảy đều xả bỏ ngôi vua cũng theo xuất gia, phát tâm đại thừa, thường

tu phạm hạnh, đều làm pháp sư, đều đã trồng gốc căn lành nơi ngàn vạn vị Phật.

Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Vô Năng Thắng, hai vạn vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nầy, diễn nói pháp trước giữa sau đều lành. Vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cuối cùng khi chưa xuất gia đã từng làm vua, có tám vị vương tử. 1. Tên Hữu Ý : nghĩa là có tư tưởng đại thừa. 2. Tên Thiện Ý : khéo phát tâm bồ đề đại đạo. 3. Tên Vô Lượng Ý : có đại trí huệ, hiểu vô lượng nghĩa. 4. Tên Bảo Ý : thật phát tính minh, cầu của báu bên trong vốn có. 5. Tên Tăng Ý : tăng tu vô thượng bồ đề đại đạo. 6. Tên Trừ Nghi Ý : người tu đạo chớ nghi ngờ, nếu khởi tâm nghi ngờ thì sẽ mê đồ, do đó trừ nghi hoặc thì khiến cho trí huệ tăng thắng. 7. Tên Tưởng Ý : tu pháp đại thừa biết pháp tính không, như không cốc dùng truyền thanh. 8. Tên Pháp Ý : hiểu pháp vi diệu thâm sâu vô thượng.

Tám vị vương tử nầy đều có oai nghi đức hạnh, mỗi vị thống lãnh bốn thiên hạ, khi nghe tin vua cha bỏ ngôi đi xuất gia, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì cũng bỏ nước, bỏ vợ con xuất gia làm pháp sư đại thừa, phát bồ đề tâm, tu tập đủ thứ hạnh môn. Đây là nhân duyên căn lành đã từng cúng dường ngàn vạn vị Phật trong quá khứ. Phật thuở xưa có tám người con, hiện tại Phật Thích Ca có một người con, số tuy khác, nhưng đều

có con, một người con là biểu thị một đạo thanh tịnh, tám người con là biểu thị Bát Chánh Đạo vậy.

Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nói Kinh đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa, pháp giáo hóa Bồ Tát, đước Phật hộ niệm. Nói Kinh nầy rồi, liền ngồi kiết già, ở trong đại chúng nhập vào Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm đều bất động.

Lúc đó, trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha mạn thù sa, rải khắp ở trên đức Phật và các đại chúng. Khắp các thế giới của chư Phật đều có sáu thứ chấn động.

Lúc đó, ở trong chúng hội, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thác bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, ngưởi, chẳng phải ngưởi, và các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vưởng .v.v., các đại

chúng đều đượC chưa từng có, vui mừng chắp tay một lòng nhìn Phật.

Bấy giờ, đức Như Lai phóng tướng luồng hào quang trắng, giữa chặn mày chiếu khắp phưởng đông, một vạn tám ngàn cõi Phật, như những gì nay thấy là các cõi nước của chư Phật.

Thuở xưa Phật cũng có bốn chúng, trời, rồng, tám bộ chúng, người, chẳng phải người, các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương .v.v., nói pháp đại thừa Bồ Tát vô lượng nghĩa. Nói Kinh xong rồi bèn ngồi kiết già, nhập vào Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, hiện sáu tướng điềm lành nói pháp :

1. Điềm lành nói pháp.
2. Điềm lành nhập định.
3. Điềm lành mưa hoa.
4. Điềm lành chấn động.
5. Điềm lành chúng vui mừng.
6. Điềm lành phóng quang.

Đại Chúng thấy tướng điềm lành nầy đều đắc được chưa từng có, cho nên đều vui mừng, chắp tay lại một lòng chiêm ngưỡng Đức Phật.

Ngài Di Lặc nên biết ! Lúc đó, trong chúng hội có hai mươi ức vị Bồ Tát thích muốn nghe pháp. Các vị Bồ Tát đó, thấy luồng quang minh chiếu khắp các cõi Phật, được chưa từng có, đều muốn biết quang minh đó, do nhân duyên gì, thì có vị Bồ Tát tên là Diệu Quang, có tám trăm vị đệ tử.

Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ tam muội dậy, vì Bồ Tát Diệu Quang mà nói Kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.

Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Di Lặc : Vào thời Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, trong hội vô lượng nghĩa có hai mươi ức vị Bồ Tát, thấy luồng hào quang trắng của Phật cũng khởi nghi vấn, muốn biết nguyên nhân luồng quang minh nầy, cho nên cũng có vấn đáp, thì có Bồ Tát Diệu Quang, tức là tiền thân của Bồ Tát Văn Thù, có tám trăm vị đệ tử. Thuở xưa, Đức Phật xuất định rồi vì Bồ Tát Diệu Quang mà nói Kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, được Phật hộ niệm. Nay Đức Phật

xuất định rồi, pháp bất cô khởi. Khởi tất sẽ vì người, cho nên cũng vì Xá Lợi Phất mà nói Kinh nầy.

Trải qua sáu mươi tiểu kiếp, không rời khỏi chỗ ngồi, những người ở trong hội nghe pháp cũng ngồi một chỗ, trải qua sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm đều chẳng động, nghe đức Phật nói pháp như bữa ăn trong chốc lát. Lúc đó, trong đại chúng chẳng có một người nào hoặc là thân hoặc là tâm sinh lười mỏi.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua sáu mươi tiểu kiếp. Thuở xưa Phật nói pháp ở trong định, cho nên khiến cho người nghe cũng nhập định chuyên tâm, vì pháp mà chẳng cảm thấy thời gian dài, lúc đó sáu mươi tiểu kiếp tựa như thời gian khoảng một bữa ăn mà thôi. Sáu mươi tiểu kiếp dài bao lâu ? Nói dài mà chẳng dài, nói ngắn mà chẳng ngắn. Một kiếp là mười ba vạn chín ngàn sáu trăm năm. Một ngàn kiếp cộng lại làm một tiểu kiếp. Rõ là một niệm làm vạn kiếp, vạn kiếp tức là một niệm ; vạn kiếp không lìa một niệm tâm, thời gian dài ngắn đều phân biệt tại tâm. Ở cõi trời Tứ Thiên Vương chỉ một ngày một đêm mà tại nhân gian là năm mươi năm ! Ở cõi trời Đao Lợi một

ngày một đêm thì ở nhân gian là một trăm năm. Đồng lý ấy ! Nếu người tu tập thiền định, chẳng khởi vọng tưởng, thì dù ngồi một ngày cũng chỉ cảm giác khoảng vài giây đồng hồ. Song, nếu người ngồi thiền mà cứ khởi vọng tưởng lăn xăn, thì dù ngồi mấy giây cũng cảm giác là đã lâu lắm, ở đó cứ khởi vọng tưởng. Cũng như người nghe Kinh, nếu chuyên tâm thì sẽ thâm nhập hiểu rõ nghĩa Kinh, được pháp hỷ sung mãn, còn có quan niệm về thời gian chăng ? Ngược lại, nếu người không thể tạm thời buông xả công việc hoặc gia đình, để chuyên tâm nghe Kinh nghe pháp, thì chẳng đắc được pháp ích, do đó chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trải qua hai mươi tiểu kiếp nói Kinh xong rồi, bèn ở trong đại chúng : Phạm, ma, Sa môn, Bà la môn và trời, ngưởi, A tu la, mà tuyên bố rằng : Vào nửa đêm nay Như Lai sẽ vào Vô Dư Niết Bàn.

Lúc đó, có vị Bồ Tát tên là Đức Tạng, đưởc đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thọ ký cho Ngài, nói với các Tỳ kheo rằng : Bồ Tát Đức Tạng kế tiếp sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng

cúng, Chánh biến tri. Đức Phật thọ ký xong, vào lúc nửa đêm, bèn vào Vô dư niết bàn. Đức Phật diệt độ rồi, Bồ Tát Diệu Quang trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua hai mươi tiểu kiếp, mới vì mọi người mà diễn nói. Tám người con của đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, đều là đệ tử của Ngài Diệu Quang. Ngài Diệu Quang đều giáo hóa, khiến cho các vị đó kiên cố nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dùng sáu mươi tiểu kiếp để nói Kinh Pháp Hoa, cả đại chúng đều yên lặng ngồi nghe. Nói Kinh xong rồi, thì ở trong đại chúng : Phạm (Phạm thiên vương), ma (ma vương), Sa Môn (người xuất gia) và trời, người, A tu la .v.v., mà tuyên bố rằng : Như Lai sẽ vào Vô Dư Niết Bàn. Ngoài bốn thứ Niết Bàn nói ở trong Duy Thức Luận, còn có ba thứ Niết Bàn, đó là :

1. **Tính Tịnh Niết Bàn** : Phàm Thánh bình đẳng, tức pháp thân đức, không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm.

2. **Viên Tịnh Niết Bàn** : Xuất chướng viên minh, tức Bát nhã đức, đây là ba đức bí tàng của Như Lai.

3. **Phưởng Tiện Tịnh Niết Bàn** : Vì chúng sinh, từ không ra giả, chẳng sinh mà thị hiện sinh, chẳng diệt mà thị hiện diệt, tức là giải thoát đức.

Ở trong sáu nẻo chẳng nhiễm chút trần, xuất Niết Bàn mà thường lạc, chỗ làm đều là phương tiện Niết Bàn. Chư Phật đều sinh ra ban ngày (dương), nhập Niết Bàn ban đêm (âm). Ban ngày, là biểu thị quang minh, ban đêm là biểu thị đen tối. Ở trong Duy Thức Kinh có bốn Niết Bàn :

1. **Tự Tính Thanh Tịnh Niết Bàn** : Phật và chúng sinh bình đẳng đều có.

2. **Hữu Dư Y Niết Bàn** : Vì có sắc thân, dùng giả làm thật, nhận tặc làm con, hướng ngoại truy cầu, khởi tham, sân, si, tâm ô nhiễm mà vướng mắc các phiền não nghiệp chướng, cho nên gọi là dư y khổ chưa diệt, chỉ khi nào đạt được ngã không pháp không, phá ngã pháp hai chấp thì mới được nhập vào Vô dư.

3. **Vô Dư Y Niết Bàn** : Nghĩa là phiền não đã hết sạch, khổ y cũng diệt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa.

4. **Vô Trụ Xứ Niết Bàn** : Vào nơi tịch diệt, trong Kinh Đại Bi Bát Nhã có nói : chẳng trụ sinh tử, chẳng trụ Niết Bàn, suốt thuở vị lai, tịch mà thường chiếu, lợi ích chúng sinh.

Hợp ba thứ Niết Bàn ở trước và bốn Niết Bàn ở sau lại, có thể hiểu là tự tính thanh tịnh tức là tính tịnh, hữu dư

vô dư, xuất phiền não chướng. Vô trụ, xuất sở tri chướng tức là viên tịnh. Từ thể khởi dụng, thị hiện sinh, thị hiện diệt mà thật chẳng sinh chẳng diệt, tức phương tiện tịnh (phương tiện Niết Bàn). Tất cả chúng sinh vốn tính tịnh (Phật tính), nhị thừa vô học có đủ ba thứ Niết Bàn ở trước, duy chỉ có Đức Phật đã viên nhập bốn thứ Niết Bàn.

Lúc đó, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ở trong đại chúng Ty Kheo, và các đại chúng thọ ký cho Bồ Tát Đức Tạng, kế đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Phật vốn có đủ mười hiệu, đây chỉ lược nói ba. Phật thọ ký xong, lúc nửa đêm bèn nhập diệt. Bồ Tát Diệu Quang bèn thừa kế Phật vị, diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua tám mươi tiểu kiếp. Ngài cũng là thầy của tám vị vương tử, giáo hoá các vị vương tử kiên cố ở đạo Vô thượng chánh đánh chánh giác.

Các vị vưởng tử đó, cúng dưởng vô lượng trăm ngàn vạn ức đức Phật rồi, đều thành Phật đạo. Vị thành Phật cuối cùng hiệu là Nhiên Đăng.

Trong tám trăm vị đệ tử, có một ngưởi tên là Cầu Danh, tham trưởc danh lợi, tuy cũng đọc tụng Kinh điển, mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất,

cho nên gọi là Cầu Danh. Do người nầy cũng có gieo trồng các căn lành, nên được gặp vô lượng trăm ngàn ức các đức Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán.

Ngài Di Lặc nên biết ! Lúc đó Bồ Tát Diệu Quang đâu phải là người nào khác, chính là ta đây, còn Bồ Tát Cầu Danh chính là Ngài đấy. Nay thấy tướng điềm lành nầy, cùng với xưa kia không khác. Cho nên xét nghĩ, hôm nay đức Như Lai sẽ nói Kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.

Lúc đó, Ngài Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, muốn tuyên lại nghĩa nầy, bèn dùng kệ để nói.

Tám vị vương tử, từ vô lượng kiếp đến nay, đã từng cung kính cúng dường trăm ngàn vạn ức vị Phật, xuất gia rồi tu nhân Phật, cho nên đều thành Phật, vương tử Pháp Ý là vị vương tử thành Phật cuối cùng, trong số tám vị vương tử, hiệu là Nhiên Đăng. Phật Nhiên Đăng là thầy

của Phật Thích Ca Mâu Ni, mà Bồ Tát Văn Thù là thầy của Phật Nhiên Đăng. Nếu nói về vai vế thì Bồ Tát Văn Thù là sư tổ của Phật Thích Ca, nhưng Phật pháp bình đẳng, chẳng phân cao thấp, viên dung vô ngại. Chư Phật Bồ Tát vì cứu độ chúng sinh mà thị hiện sinh, thị hiện diệt, giống như hiện ra đủ thứ màn cảnh trên sân khấu, khi biểu diễn xong thì cũng trở về bổn vị, mà nhập diệt.

Trong số tám trăm vị đệ tử của Bồ Tát Diệu Quang (Văn Thù), thì có một người tham trước danh văn lợi dưỡng, cho nên gọi là Cầu Danh. Vì thâm tâm của người nầy nhiễm trước trên danh lợi, cho nên không thể chuyên nhất đọc tụng Kinh điển, mà phần nhiều quyên mất, trí huệ quang minh lâu mà chưa hiển hiện. Tuy nhiên huệ nghiệp chưa tu được viên mãn, nhưng phước đức đã trồng được vô lượng, vì Bồ Tát Cầu Danh đã từng ở trong trăm kiếp cúng dường cung kính tôn trọng tán thán trăm ngàn vạn ức các Đức Phật. Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Di Lặc : "Ngài có biết vị Bồ Tát Diệu Quang đó là ai chăng ? Vị đó chính là tiền thân của tôi, còn Bồ Tát Cầu Danh là ai ? Chính là Ngài đấy !" Bồ Tát Văn Thù lại nói :"Bây giờ lại thấy tướng điềm lành nầy, tôi nghĩ chắc Đức Phật muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa."

Nếu người nào thành tâm đọc tụng Kinh điển, thì thường có trời người rải hoa, có hương thơm khác lạ tỏa khắp, quỷ thần cung kính cúng dường. Nếu vì tham cầu danh văn lợi dưỡng mà xuất gia thì quá ư sai lầm. Người tu đạo, không nên cầu cúng dường nhiều, càng không nên

vì cúng dường ít mà bực bội nơi tâm. Người chân chính tu đạo thì nhiều cũng ít, ít cũng nhiều, đều xem bình đẳng. Tôi có một đệ tử tại gia người ngoại quốc, thấy người dâng bì thơ cúng cho tôi, y cũng làm theo, tôi mở ra xem thì chỉ một xu, tôi rất cao hứng vì đó là tâm chân thành nhất của y, ngày thứ hai y lại cúng dường nữa và y giải thích hôm qua y chẳng mang theo tiền. Cho nên, người có tâm thành thì ít cũng nhiều, nếu chẳng có tâm thành thì nhiều cũng ít.

Tôi nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô số kiếp
Có Phật Nhân trung tôn
Hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh.
Thế Tôn diễn nói pháp
Độ vô lượng chúng sinh
Vô số ức Bồ Tát
Khiến vào trí của Phật.
Trước khi Phật xuất gia
Cũng theo tu phạm hạnh.
Phật nói Kinh đại thừa
Tên là Vô Lượng Nghĩa
Ở trong các đại chúng

Mà rộng vì phân biệt.
Phật nói Kinh nầy rồi
Bèn ở trên pháp tòa
Ngồi kiết già nhập định
Tên Vô lượng nghĩa xứ.

Hiện sáu thứ điềm lành để nói pháp, trống trời trong hư không tự vang lên, Thiên Long bát bộ đều cung kính cúng dường đấng Nhân Trung Tôn, tức là Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ở trong quang minh của Phật, thấy có sinh tử nghiệp báo và dùng lưu ly pha lê và các thứ báu để trang nghiêm cõi nước chư Phật.

Và thấy các trời người
Chúng rồng, thần, Dạ xoa
Càn thát, Khẩn na la
Đều cúng dường đức Phật.
Lại thấy các Như Lai
Tự nhiên thành Phật đạo
Sắc thân như núi vàng
Đoan nghiêm rất đẹp đẽ.
Như trong lưu ly sạch
Hiện ra tựa vàng thật

Thế Tôn trong đại chúng
Diễn nói pháp thâm sâu.
Mỗi mỗi các cõi Phật
Vô số chúng Thanh Văn
Vì Phật quang chiếu đến
Nên thấy đại chúng kia.
Hoặc thấy các Tỳ kheo
Ở trong nởi rừng núi
Tinh tấn giữ tịnh giới
Như giữ gìn minh châu.
Trời mưa hoa Mạn đà
Trống trời tự nhiên kêu
Các trời, rồng, quỷ, thần
Cúng dưởng Nhân trung tôn.
Tất cả các cõi Phật
Tức thởi đều chấn động
Phật phóng quang giữa mày
Hiện nhiều việc hiếm có.
Quang nầy chiếu phưởng đông
Một vạn tám ngàn cõi
Hiện sinh tử nghiệp báo

Của tất cả chúng sinh.
Lại thấy các cõi Phật
Dùng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly pha lê
Đều do Phật quang chiếu.

Trong quá khứ vô lượng kiếp, có một vị cổ Phật, hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Thế Tôn, từng độ thoát vô lượng chúng sinh, thành tựu đạo nghiệp vô số các Bồ Tát. Trước khi Phật chưa xuất gia, có tám vị vương tử cũng theo cha tu phạm hạnh. Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, vì các đại chúng rộng phân biệt diễn nói vô lượng nghĩa rồi bèn ngồi kiết già nhập định vô lượng nghĩa. Lúc đó, ở trong quang minh của Phật thấy có trời rồng tám bộ chúng, đều cúng dường Đức Phật ở nước của mình. Lại thấy các Như Lai diễn nói pháp, nghĩa lý rất sâu xa, trước, giữa, sau đều lành. Tự nhiên thành Phật đạo, pháp là như thế, vốn chẳng tạo tác, Phật đạo thanh tịnh, khế lý ngộ chân tức chứng chánh giác, cho nên gọi tự nhiên thành. Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật, tử kim quang tụ thân, thắng diệu tịnh minh, màu sắc như lưu ly trong sạch, trong ngoài đều trong suốt. Hiện ra tựa vàng thật : thân giống như vàng, tính như lưu ly. Sắc thân vi diệu, hiện ở trong tính.

Lại thấy chư Phật ở cõi nước kia, ở trong chúng hội vô số Thanh Văn diễn nói pháp vi diệu thâm sâu. Lại thấy

chúng Tỳ Kheo nhị thừa ở nơi thâm sơn cùng cốc, tinh tấn giữ giới thanh tịnh, như giữ gìn hạt minh châu. Họ ngày đêm sáu thời đều tự nghiêm giữ giới luật. Ban ngày, trước, giữa, sau, phân ra ba thời ; đêm, trước, giữa, sau phân ra ba thời. Giữ được một phần giới luật, thì có một phần quang minh, hà huống là giữ gìn giới luật thanh tịnh như thế, thì tự tính quang minh tự nhiên sẽ hiển hiện, cho đến sẽ thành Phật. Cho nên, trong giáo nghĩa của chư Phật lấy giới luật làm thầy, nhất là người xuất gia tâm phải ngay thẳng, chân thật, giữ giới thanh tịnh thì sẽ có định, huệ mới có thể thành tựu vô thượng bồ đề.

Năm giới mười điều lành là điều kiện căn bản làm người, giữ gìn luôn luôn thì sẽ tịnh hóa thân tâm. Làm bậc Sa Môn mỗi ngày nên niệm câu kệ nầy :

Giữ miệng, nhiếp thân, tâm chớ phạm,
Đừng hại tất cả hữu tình,
Khổ hạnh vô ích hãy xa lìa,
Như vậy hành giả đáng nhập thế.

Nghĩa là, người xuất gia cần phải tự giữ gìn giới luật, thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh, muốn thành tựu tất cả chúng sinh, thì đừng chướng ngại kẻ khác, cho đến một con vật cũng đừng gây phiền não cho họ. Không những thân đừng phạm lỗi lầm, gây hại kẻ khác, dù ý niệm hại người cũng đừng khởi lên. Đã sinh khởi niệm ác

thì hãy diệt trừ, niệm thiện chưa sinh, thì khiến cho sinh ra, niệm thiện đã sinh thì khiến cho tăng trưởng.

Lại thấy các Bồ Tát
Bố thí và nhẫn nhục
Số lượng như Hằng sa
Đều do Phật quang chiếu.
Lại thấy các Bồ Tát
Vào sâu các thiền định
Thân tâm lặng chẳng động
Để cầu vô thượng đạo.
Lại thấy các Bồ Tát
Biết pháp tướng tịch diệt
Đều ở cõi nước kia
Nói pháp cầu Phật đạo.
Lúc đó bốn bộ chúng
Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng
Hiện sức đại thần thông
Tâm họ đều vui mừng.
Thảy đều tự hỏi nhau :
Việc nầy nhân duyên gì ?

Thế Tôn của trời người
Vừa mới ra khỏi định
Khen Bồ Tát Diệu Quang
Ông là mắt thế gian
Nỏi tin của tất cả
Phụng trì được pháp tạng.
Như pháp của ta nói
Chỉ ông chứng biết được
Đức Thế Tôn khen ngợi
Khiến Diệu Quang vui mừng.
Bèn nói Kinh Pháp Hoa
Trọn sáu mươi tiểu kiếp
Chẳng rời khỏi toà ngồi
Pháp nói ra thâm diệu.
Ngài pháp sư Diệu Quang
Thảy đều thọ trì được.

Lại thấy Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng tu sáu độ, tức là : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Bố thí có ba là : Tài thí, pháp thí và vô úy thí. Nhẫn nhục cũng có ba là : Sinh nhẫn, pháp nhẫn và vô sinh pháp nhẫn.

Lại thấy các Bồ Tát vào sâu các thiền định, ngày đêm sáu thời đều an trụ ở trong thiền định. Thân tâm lặng chẳng động, trong ngoài tĩnh lặng, thân tâm chẳng động vào sâu trong định để cầu vô thượng đạo.

Lại thấy các Bồ Tát, đã biết tướng tịch diệt của các pháp, mà ở tại nước của mình nói pháp cầu Phật đạo. Những gì thấy ở trong quang minh của Phật, đều khiến cho bốn chúng vui mừng mà háo kỳ, cùng nhau tự hỏi vì sao Phật hiện sức đại thần thông nầy ? Phật là đấng tôn kính nhất của trời người, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ tam muội dậy, bèn tán thán Bồ Tát Diệu Quang là một vị minh nhãn thiện tri thức, phụng trì được và chứng biết tạng pháp của Như Lai, là đạo sư nơi nương tựa tin cậy của tất cả trời người. Đức Thế Tôn khen ngợi, khiến cho Bồ Tát Diệu Quang vui mừng, sau đó bèn diễn nói Kinh Pháp Hoa, trải qua sáu mươi tiểu kiếp, chẳng lìa khỏi toà ngồi. Nói pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, khiến cho pháp sư Diệu Quang tin hiểu thọ trì.

Phật nói Kinh Pháp Hoa
Khiến chúng vui mừng rồi.
Tức cũng trong ngày đó
Nói với chúng trời người
Nghĩa thật tướng các pháp
Đã vì các ông nói.

Ta nay trong đêm nay
Sẽ vào cõi Niết bàn
Các ông hãy tinh tấn
Nên xa lìa phóng dật.
Chư Phật rất khó gặp
Ức kiếp gặp một lần
Hết thảy con của Phật
Nghe Phật vào Niết bàn.
Ai nấy đều buồn khổ
Sao Phật diệt sớm thế ?
Đấng Pháp Vương Thánh Chúa
An ủi vô lượng chúng.
Nếu lúc ta diệt độ
Các ông chớ lo sợ
Vị Bồ Tát Đức Tạng
Nơi vô lậu thật tướng.
Tâm đã đượt thông đạt
Kế đây sẽ thành Phật
Hiệu là Phật Tịnh Thân
Cũng độ vô lượng chúng.
Đêm nay Phật diệt độ

Như củi hết lửa tắt
Phân chia các xá lợi
Mà xây vô lượng tháp.
Tỳ kheo Tỳ kheo ni
Số đông như Hằng sa
Lại càng thêm tinh tấn
Để cầu vô thượng đạo.

Phật nói Kinh Pháp Hoa nầy, khiến cho đại chúng hoan hỉ tin mà thọ trì, trong ngày đó vì trời, rồng, tám bộ quỷ thần khai thị diệu nghĩa thật tướng của các pháp. Các pháp tức tất cả pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn tuy nhiều, chỉ cần hiểu biết một pháp môn, tức là biết một biết tất cả, rõ một rõ tất cả, nghe một biết mười, một tức vô lượng. Có người hỏi tôi, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào là đệ nhất ? Đây là vấn đề nhưng cũng chẳng phải vấn đề, vì sao. Chẳng thấu rõ thì là vấn đề, minh bạch rồi thì chẳng thành vấn đề. Tôi đáp rằng : Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là đệ nhất. Những pháp môn nầy đâu chẳng phải là dùng để đối trị tập khí mao bệnh của chúng ta, chỉ cần theo bệnh cho thuốc, khế hợp với căn cơ của chúng ta, tức là pháp môn vô thượng. Thật tướng, vô tướng, cũng vô sở bất tướng, nếu có tướng thì chẳng phải là thật tướng. Tất cả tướng đều do thật tướng sinh ra, nhưng bổn thể của nó là vô

tướng, vì bổn thể là vô tướng, mới sinh ra tất cả tướng. Kinh Kim Cang nói rằng :

Phàm tất cả tướng đều không thật,
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai.

Cho nên các pháp là một pháp, Kinh Pháp Hoa tức là pháp thật tướng.

Đức Phật nói, ta đã vì các ông diễn nói các pháp thật tướng, vì thế trong đêm nay ta sẽ nhập diệt, từ nay về sau các ông hãy tự nỗ lực, nhất tâm tinh tấn, xa lìa giải đãi phóng dật. Phật thị hiện nhập Niết Bàn, cũng là phương pháp giáo hóa chúng sinh, ví nếu Phật sống mãi ở đời, thì chúng sinh sẽ sinh tâm ỷ lại và phóng dật. Người xuất gia chẳng tu hành, giống như suốt ngày đếm tiền bạc cho họ, mà mình chẳng có đồng xu nào, nơi pháp chẳng tu hành, lỗi mình cũng như thế. Nên biết Phật pháp khó nghe, Thánh Tăng khó cầu, Phật Bảo trải qua trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được ! Như hiện tại tôi ngày ngày thuyết pháp, nhưng các bạn vì ỷ lại có thầy mà chẳng phát tâm nỗ lực, một khi ngày nào tôi lìa các bạn, thì ngược lại khiến cho các bạn sinh ra sức tự lập mà hăng hái vươn lên. Nên nhớ, người tu hành phải nương sức của mình, phấn chấn tinh thần, dũng mãnh tinh tấn.

Khi tám vị vương tử và các đại chúng nghe tin Phật muốn vào Niết Bàn, thì ai nấy cũng đều buồn rầu khổ

não. Sư đồ tình như cha con, chẳng có ai mà không nói : sao đức Phật nhập diệt quá sớm ! Lúc đó, đấng Thánh Chúa, vua của các pháp, thấy đại chúng bi ai, thì thương xót an ủi đại chúng nói : "Các con đừng quá bi thương lo sợ, tuy ta bỏ các con mà đi, còn có Bồ Tát Đức Tạng, kế đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Vị đó đã thông đạt pháp vô lậu thật tướng, sẽ thay thế ta tiếp tục giáo hóa chúng sinh." Phật thọ ký truyền pháp rồi, trong đêm ấy vào Niết Bàn, như củi hết lửa tắt.

Di thể của Phật hỏa thiêu rồi, phân chia xá lợi, xây vô lượng bảo tháp để cúng dường. Phật nhập diệt rồi, thì hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đông như số cát sông Hằng đều tôn kính di chúc của Phật mà càng tinh tấn tu đạo. Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni có ba nghĩa :

1. Khất thực.
2. Bố ma.
3. Phá ác.

Phá vô minh phiền não thì trí huệ sẽ tăng trưởng. Khi một vị Sa Di thụ giới Cụ túc, thì có tam sư thất chứng, hợp lại là mười vị Tỳ Kheo, đại biểu chư Phật cho thọ giới. Khi đăng đàn truyền giới, thì đắc giới Hòa Thượng hỏi y :"Ông có phải đại trượng phu chăng ?" Đáp :"Phải". Lại hỏi :"Ông đã phát bồ đề tâm chưa ?" Đáp :"Đã phát bồ đề tâm !" Lời nầy vừa nói ra thì thiên ma ngoại đạo kinh hãi dựng lông, vì quyến

thuộc của ma vương bớt đi một người, còn đệ tử của Phật lại thêm một người.

Vị pháp sư Diệu Quang
Phụng trì tạng Phật pháp
Trong tám mươi tiểu kiếp
Rộng nói Kinh Pháp Hoa.
Tám vị Vương tử đó
Được Diệu Quang giáo hoá
Kiên cố đạo vô thượng
Thấy được vô số Phật.
Cúng dường chư Phật rồi
Cũng theo tu đại đạo
Liên tiếp đều thành Phật
Thứ tự mà thọ ký.
Thiên Trung Thiên cuối cùng
Hiệu là Phật Nhiên Đăng
Là đạo sư trời người
Độ thoát vô lượng chúng.
Vị pháp sư Diệu Quang
Có một vị đệ tử

Tâm thường hay giải đãi
Tham trước về danh lợi.
Cầu danh lợi không chán
Thường đến nhà giàu sang
Bỏ bê đọc tụng Kinh
Quên mất chẳng thông thuộc.
Vì bởi nhân duyên đó
Nên gọi là Cầu Danh
Cũng tu các nghiệp thiện
Được thấy vô số Phật.
Cúng dường các đức Phật
Theo tu hành đại đạo
Đủ sáu Ba la mật
Nay gặp Phật Thích Ca.
Sau nầy sẽ thành Phật
Hiệu là Phật Di Lặc
Rộng độ các chúng sinh
Số đông nhiều vô lượng.

Pháp sư Diệu Quang là đệ tử hộ pháp của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, trải qua tám mươi tiểu kiếp để diễn nói Kinh Pháp Hoa, phụng trì Pháp của Phật Nhật Nguyệt

Đăng Minh, và giáo hóa các vị vương tử kiên cố hành trì pháp đại thừa viên đốn, tức vô thượng đạo. Vì thấy được vô lượng chư Phật và cúng dường chư Phật, thuận theo chư Phật tu hành vô thượng đạo. Lại thứ tự tiếp tục thành Phật đạo, thứ lớp thọ ký nhau, trong tám vị vương tử, vị thành Phật cuối cùng hiệu là Phật Nhiên Đăng, là bậc đạo sư của trời người, độ thoát vô lượng chúng sinh. Phật là Thiên Trung Thiên, Thánh Trung Thánh.

Pháp sư Diệu Quang có một vị đệ tử, tham cầu danh lợi chẳng giữ giới luật, ít dụng công tu hành, thường đi đến nhà người tại gia giàu có, để mong cầu lợi dưỡng. Tuy Ngài tham cầu danh lợi, bỏ bê đạo nghiệp, nhưng bên cạnh đó Ngài tu căn lành rộng lớn, có cơ hội được gặp Phật và cúng dường chư Phật. Nối tiếp mà thuận theo chư Phật, trừ khử các các tập khí mao bệnh xấu mà tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và bát-nhã, sáu độ vạn hạnh. Do sự nghiêm tịnh tu trì trải qua vô lượng kiếp, tích tụ công đức đã thành tựu và phước huệ đều tròn đầy, cho nên hôm nay được gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, mà được thọ ký tương lai sẽ thành Phật, thay thế Đức Phật Thích Ca hiệu là Phật Di Lặc. Phật Di Lặc sẽ ở dưới cội Long Hoa, thuyết pháp ba hội, độ vô lượng vô biên chúng sinh.

Kỳ thật, Bồ Tát Cầu Danh chẳng phải thật tham cầu danh lợi, chỉ vì chúng sinh điên đảo ngu si, mà Ngài dùng tâm đại từ bi, lợi dụng pháp quyền xảo phương tiện, giả bộ ở trong đời thế tục, tùy loại mà hóa độ tất cả chúng

sinh điên đảo mê các trần lao. Bồ Tát hiện tướng thuận nghịch để khai thị chúng sinh, đâu chẳng phải là phá sự tham trước và giải đãi của chúng sinh. Song, chúng sinh chẳng hiểu sự khổ tâm của Ngài, không ngại gian khổ để cứu độ chúng sinh, ngược lại vì hình tướng bề ngoài của Ngài, như kẻ ăn mày mà khinh khi Ngài, thậm chí còn mắng chửi và đánh đập Ngài. Nhưng đối với sự thành bại vinh nhục, Ngài đã hoàn toàn chẳng còn bận lòng. Trong Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia có nói :

"Bao lần sinh, bao lần chết,
Sinh tử đăng đẳng chẳng định ngừng,
Từ khi đốn ngộ liễu vô sinh,
Đối với vinh nhục hà tất buồn vui."

Nghĩa là, thân tâm của Ngài như hư không, rộng khắp pháp giới, những gì Ngài làm đều như ánh sáng mặt trời mặt trăng tỏa muôn phương, khen chê Ngài đều chẳng bận lòng.

Dưới đây là bài kệ của Bồ Tát Di Lặc ý vị và nghĩa lý thâm trường :

"Lão quê mặc áo vá,
Cơm hẩm no đầy bụng,
Áo rách che rét lạnh,
Vạn sự hãy tùy duyên.
Có ai mắng lão quê,
Lão quê chỉ nói tốt,

Có ai đánh lão quê,
Lão quê nằm lăn ra,
Khạc nhổ vào mặt lão,
Để nó tự khô lấy,
Ta cũng chẳng tốn sức,
Người cũng chẳng phiền não,
Đó là Ba La Mật,
Cũng là báu vô giá,
Nếu làm được như thế,
Lo gì đạo không thành."

Lão quê không những mặc áo vá, mà uống trà cũng đơn giản, ăn cơm đạm bạc, chẳng ăn muối, chẳng ăn dầu, càng chẳng tham cầu thức ăn ngon. Ngài chẳng sợ lạnh đói khát, vạn sự đều tùy duyên, tức tùy duyên không đổi, không đổi mà tùy duyên. Đến đi tự như, do đó tiêu giao thế giới mặc đông tây. Cho nên các sự vinh nhục hà tất phải buồn vui, đối với sự nhục mạ đánh đập của người khác, không những chẳng sân hận mà ngược lại càng sinh tâm cảm kích công đức. Vì những lới ác đánh đập đó, đâu chẳng phải là thiện tri thức thành tựu nhẫn nhục Ba La Mật của Bồ Tát. Nếu chẳng có đại hùng, đại lực, đại từ, đại nguyện, đại hạnh của Bồ Tát, thì không thể có định lực nhẫn nhục tinh tấn vô thượng nầy. Nhẫn nhục Ba La Mật biết dễ mà hành khó. Người ban đầu phát tâm tu đạo phải dùng : kiên, thành, hằng ba tâm trợ đạo. Đời người ngắn ngủi, các hành vô thường, sinh tử là việc lớn, nếu

không kịp thời tu hành, thì tương lai hối hận đã quá muộn. Bồ Tát khéo biết :"Thời gian giảm dần, thì mạng sống cũng giảm", cho nên dùng thân người nầy, mà thanh tịnh trang nghiêm lũy kiếp tu. Tu đạo chẳng việc gì khó, chỉ cần cước đạp thật địa, đừng sợ gian nan khốn khổ, dũng mãnh tinh tấn, tất sẽ thành tựu.

Phật kia diệt độ rồi
Ngưởi giải đãi là Ngài
Còn pháp sư Diệu Quang
Nay chính là thân ta.
Tôi thấy Phật Đăng Minh
Điềm lành xưa như vậy
Cho nên biết Phật nay
Muốn nói Kinh Pháp Hoa.
Tưởng nay như điềm xưa
Là phưởng tiện chư Phật
Nay Phật phóng quang minh
Giúp bày nghĩa thật tưởng.
Các ngưởi nay nên biết
Chắp tay một lòng chỏ
Phật sẽ rưởi mưa pháp

Đầy đủ người cầu đạo.
Những người cầu ba thừa
Nếu có chỗ nghi hối
Phật sẽ dứt trừ cho
Khiến hết chẳng còn thừa.

Đức Phật Đăng Minh nhập diệt rồi, người giải đãi đó là Ngài, còn tôi tức là Pháp sư Diệu Quang.

Kinh nghiệm quá khứ của tôi biết Phật Thích Ca Mâu Ni, trước hết hiện sáu điềm lành, chắc chắn là muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Chư Phật hiện tướng điềm lành để nói pháp, là pháp thiện xảo phương tiện. Hiện nay Phật Thích Ca Mâu Ni phóng đại quang minh, là trợ giúp hiển bày nghĩa thật tướng, cho nên đại chúng ở trong hội nên cung kính chắp tay yên lặng chờ Phật nói pháp yếu. Chúng sinh nghĩ đến pháp như khát nghĩ đến nước. Cho nên Như Lai mưa pháp vũ, thấm nhuần khắp tất cả tâm chúng sinh. Đây dụ cho tất cả chúng sinh như : hoa cỏ thụ mộc tùng lâm, trận mưa lớn tưới xuống khắp, tùy theo sự thu hút của cây lớn nhỏ mà được sinh trưởng. Phật khéo léo quán căn cơ để thí giáo, cho nên phổ độ hết thảy ba căn (thượng, trung, hạ) và thu nhiếp hết chúng sinh lợi, độn căn, mà phân biệt diễn nói pháp đại thừa, tiểu thừa và nhân thiên thừa. Ba thừa ở đây tức là : Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác và

nhân thiên thừa. Phật nói pháp yếu độ hết tất cả người ba thừa, khiến chẳng còn xót thừa nào.

Người xưa nói rằng :

"Đạo thì phải hành,
Chẳng hành sao có đạo.
Đức là do tu,
Không tu sao có đức ?"

Quy về cuối cùng nhất của nhân loại là : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, cứu kính Niết Bàn. Do đó, trước hết phải y pháp tu hành, cung hành thực tiễn. Thế mà, có những người trước khi chưa tin Phật, trước khi chưa phát nguyện, còn bình an vô sự, nhưng khi tin Phật rồi, phát nguyện rồi thì đủ thứ chướng ngại phát sinh. Đó là nguyên nhân gì ? Vì từ vô lượng kiếp đến nay, do vô minh mà cứ tạo nghiệp : giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối .v.v., đủ thứ ác nghiệp, chẳng ra khỏi trần lao, mà theo sinh tử không ngừng. Vô số ác nghiệp đã gây ra, đều là nghiệp đời quá khứ tích tụ lần lược trổ ra, nếu giác ngộ được hôm nay đúng, hôm qua sai, tinh tấn tu hành, thì những nghiệp chướng phiền não, đã tạo ra trong quá khứ sẽ hiện tiền. Những ma khảo nầy đâu chẳng là một thứ ma luyện đối với người tu hành, do đó :"Ma là ma chân đạo, chân đạo tức có ma." Nếu tùy duyên tiêu nghiệp cũ, dùng tâm nhẫn nại để ứng đối, đừng tạo thêm nghiệp mới, giữ gìn giới luật thanh tịnh, thì sẽ trả nợ cũ ra khỏi tam giới.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ tam muội an tưởng mà dậy, nói với Ngài Xá Lợi Phất : Trí huệ của chư Phật thâm sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật không thể biết được. Vì sao ? Phật đã từng gần gũi trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, thực hành hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng đồn khắp, thành tựu pháp thâm sâu chưa từng có, tùy nghi mà nói, ý nghĩa khó hiểu.

Kinh trường hàng và kệ ở trên là phẩm tự của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tự tức là tự thuật nhân duyên của bộ Kinh nầy. Nhân duyên của bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

nầy đã tự thuật rõ ràng, tiếp theo dưới đây giảng về phẩm thứ hai, phẩm Phương Tiện. Phương tức là phương pháp, tiện tức là tiện lợi. Đây là quyền pháp chẳng phải là thật pháp, cho nên gọi là phương tiện, do đó quyền xảo phương tiện. Quyền, chẳng phải pháp của Kinh bình thường, chỉ là tạm thời chọn dùng mà thôi. Thật, là vĩnh viễn không biến đỗi, vĩnh viễn tồn tại. Song, một số người mới bắt đầu học Phật, chẳng dễ gì hiểu rõ thật pháp, vì quán cơ thí giáo, mười phương chư Phật khéo bày pháp môn quyền xảo phương tiện, sau đó mới khai quyền hiển thật, vì thật thí quyền. Cho nên tuyên nói thứ lớp nào là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa, mà cứu kính chỉ quy về Phật thừa. Phật thừa tức là thật, Thanh Văn, Duyên Giác là quyền, trước hết nói pháp tiểu thừa, sau đó mới dẫn đường chúng sinh quy vào đại thừa Phật quả, đây gọi là vì thật thí quyền, khai quyền hiển thật. Khai tức là khai mở. Đức Phật ban đầu nói tam tạng giáo lý, là vì khích lệ tâm tu đạo của người tiểu thừa, cho nên nói đây là pháp tối thắng. Song, người tiểu thừa được ít cho là đủ, cho rằng chứng được : sơ, nhị, tam, tứ quả tức là cứu kính mà chẳng cầu tiến thêm nữa, do đó mà dừng lại ở hóa thành.Vì độ bậc Thanh Văn, Duyên Giác căn cơ thiển cạn, cho nên đùc Phật dẫn dụ hóa thành ở phẩm thứ bảy, lại vì năm trăm đệ tử thọ ký.

Người nhị thừa tuy nhiên phí hết công phu khổ hạnh và tu trì đủ thứ khổ hạnh để đạt đến quả vị A La Hán, nhưng chưa "trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh,"

chỉ làm tự liễu hán, chỉ lợi mình mà chẳng lợi người. Do đó, Đức Phật mới khai quyền pháp, nói rõ đạo lý nói : trước kia chẳng phải là pháp môn triệt để nhất, chứng đắc những quả Thánh, càng chẳng phải là cứu kính viên mãn nhất. Nên hồi tiểu hướng đại, từ tiểu thừa vào đại thừa, tức là phải hành Bồ Tát đạo, tu lục độ vạn hạnh, pháp môn đại thừa độ người của Bồ Tát. Trước hết phá phương tiện quyền pháp nầy, mới hiển ra được đạo lý chân thật, đây gọi là phẩm Phương Tiện.

"Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ tam muội an tường mà dậy." Đương lúc đó, bậc tôn kính của trời người từ tam muội vô lượng nghĩa xứ, an tường tự tại mà dậy. Nghĩa là Đức Phật tự tại xuất định, ngược lại quán sát chúng sinh mới ngồi chẳng bao lâu, thì cảm thấy lưng ê chân đau, do đó dũi chân ra, thẳng lưng lên, đó đều là biểu hiện chẳng tự tại.

Con người tất phải tu đạo, không tu thì chẳng có đạo, phải tu mới có đạo. Song, bạn không tu đạo thì vấn đề gì cũng chẳng có. Một khi bạn bắt đầu tu đạo, thì vấn đề sẽ xảy đến. Tại sao có vấn đề ? Đó đều do tiền kiếp đã tạo ra, có đủ thứ nhân duyên khác nhau, trong đó những nợ nần đầy dẫy hỗn tạp chẳng rõ ràng. Vì những nhân duyên ràng buộc, cho nên đời nay mới phát tâm tu đạo, thì ma vương đến đòi nợ, tạo các nghịch cảnh khiến cho bạn sinh phiền não mà thối bồ đề tâm. Người vào thời đại mạt pháp, tâm sân rất nặng cho nên thường sinh tâm phiền não đối với người chẳng có phiền não, đối với vật

dễ khởi phiền não, không những đối với súc sinh, quỷ thần sinh phiền não, mà thậm chí đối với Bồ Tát với Phật cũng nóng giận, cuối cùng đối với chính mình cũng nóng giận ! Đó là vì quá khứ tại nhân địa vô minh quá nhiều, phiền não quá nặng, tạo những nghiệp chướng hồ đồ, đời nay mới có đủ thứ phiền não chướng ngại hiện tiền.

Có những người lúc tu hành thì phát nguyện nói chẳng sinh tâm phiền não, không ngờ không nói nguyện nầy thì còn tốt, một khi phát nguyện rồi thì phiền não lập tức xảy đến. Tại sao ? Ví như ở trường học thì học sinh phải trải qua kỳ thi mới được lên lớp. Tu đạo cũng như thế, phải trải qua sự thử thách mới làm được, khó nhẫn mà nhẫn được, khó thọ mà thọ được, khó hành mà hành được, ăn được những gì người không thể ăn, cho đến làm được những gì người không làm được, đó mới là bổn phận của người tu đạo.

Nói với Ngài Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất trong hàng Thanh Văn. Chỉ trong tám ngày Ngài thông đạt hết tất cả pháp tạng. Ngài Xá Lợi Phất khi còn ở trong bụng mẹ, đã là biện tài vô ngại, luận bại cậu của Ngài, vì Ngài có đại trí huệ, hay tin sâu tất cả các pháp, cho nên trong phẩm nầy đức Phật dùng Ngài làm người đương cơ. Bồ Tát Văn Thù là trí huệ đệ nhất trong chúng Bồ Tát. Ngài Xá Lợi Phất chỉ là trí huệ đệ nhất về quyền giáo, tóm lại là người trí huệ đệ nhất ở trong hàng tiểu thừa.

"Trí huệ của chư Phật thâm sâu vô lượng". Trí huệ của Phật cao sâu không thể dò được, thâm áo khó hiểu, cho nên nói môn trí huệ đó, người nhị thừa khó hiểu khó vào, không dễ thấy được. Người nhị thừa tức là Thanh Văn, Duyên Giác. Bậc Duyên Giác khi sinh vào lúc Phật ra đời, thì tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, cho nên gọi là Duyên Giác. Nếu sinh vào thời chẳng có Phật ra đời thì tự mình tu hành, mùa xuân quán hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi, hiểu rõ đạo lý sinh diệt vô thường của vạn vật mà ngộ đạo, cho nên gọi là Độc Giác, chứng quả rồi còn gọi là Bích Chi Phật.

Thanh Văn thì tu pháp bốn Diệu Đế mà chứng quả. Bốn Diệu Đế là : Khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Tu bốn Diệu Đế mà chứng quả thì gọi là Thanh Văn. Tu mười hai Nhân Duyên mà chứng quả thì gọi là Duyên Giác. Các Ngài tuy là Thánh nhân ở trong pháp tiểu thừa, song đối với đại trí huệ của Phật, các Ngài chưa thâm nhập được. Tại sao ? Tại sao các Ngài chẳng biết ?

Sở dĩ mà đức Phật thành Phật, là vì Phật đã từng gần gũi trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, cung kính cúng dường, khéo gặp trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, là một pháp môn vô lượng công đức, mà ở trong Phật giáo có vô lượng vô biên pháp môn. Đáng cười cho chúng ta, học được một chút công phu ngoài da, thì tự cho rằng đã được hết toàn bộ Phật pháp, đó chẳng khác nào ngồi đáy giếng mà nhìn trời ! Hoặc chỉ xem mấy quyển sách Phật giáo thì nói : Tôi đã hiểu Phật pháp. Đó thật là chẳng tự

lượng sức mình ! Xem thường Phật giáo quá đơn giản, quá bình thường. Nhất là những người nầy vốn chẳng cung hành thực tiễn, mà dám lên đài giảng Kinh, đó chẳng khác nào chửi người, tức chẳng lợi mình cũng chẳng lợi người, cứ nói đạo lý hồ đồ, chỉ nai là ngựa, lấy quỷ làm người, người làm quỷ, lấy đen làm trắng, chẳng biết thị phi. Nếu có người hoài nghi hỏi thì họ tránh né nói : Tôi cũng chưa xem qua sách nầy, cũng chẳng hiểu đạo lý của nó, bạn hãy tự khảo lấy !

"Thực hành hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn". Dũng, tức là chẳng sợ sinh tử, chẳng sợ bất cứ mọi sự gian khổ. Mãnh, là mãnh lợi. Tinh tấn nghĩa là chẳng giải đãi. "Danh xưng đồn khắp". Khi chư Phật tu đạo, thì dũng mãnh tinh tấn, vang danh khắp hết thảy, cho nên không cầu danh mà danh tự đến. Thành tựu pháp thâm sâu chưa từng có. Pháp vi diệu thâm sâu nầy trước kia chưa từng có. "Tùy nghi mà nói, ý nghĩa khó hiểu". Tuy Đức Phật khéo về pháp quyền xảo phương tiện, vì người mà thí giáo, theo bệnh cho thuốc, song người căn cơ quá ám độn vẫn chẳng hiểu được nghĩa lý.

Xá Lợi Phất ! Từ khi ta thành Phật đến nay, dùng đủ thứ nhân duyên, đủ thứ thí dụ để rộng nói, dùng vô số phưởng tiện để dìu dắt giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh lìa các sự chấp trưởc. Vì sao ?

Vì phưởng tiện tri kiến Ba la mật của Như Lai đều đã đầy đủ.

Xá Lợi Phất ! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, vô lượng vô ngại, lực vô sở úy, thiền định giải thoát tam muội vào sâu chẳng có bờ mé, thành tựu tất cả các pháp chưa từng có.

Đoạn Kinh văn ở trước : Ý nghĩa khó hiểu, pháp của Phật nói thì : Người trí thì thấy trí, người nhân thì thấy nhân, người trí sâu thì thấy sâu, người trí cạn thì thấy cạn, do đó :

"Một âm diễn nói pháp,
Theo loài đều hiểu được".

Tuy đức Phật chỉ dùng một âm thanh diễn nói pháp, mà khiến cho hết thảy chúng sinh đều hiểu được. Bất cứ quỷ, thần, người, Bồ Tát, Duyên Giác .v.v., đều tùy theo căn cơ mà đắc được pháp ích. Song, vẫn chưa hoàn toàn hiểu hết ý nghĩa của Phật, vì cảnh giới của Phật quá thâm áo vi diệu khó tin khó thấy được. Mỗi đạo lý của Phật nói đều hàm chứa bao la vạn hữu, nhưng căn tính của chúng sinh rất cạn, không thể nghe một biết mười, không thể thấy biết triệt để.

"Xá Lợi Phất ! Từ khi ta thành Phật đến nay, dùng đủ thứ nhân duyên, vì người độn căn nói đủ thứ nhân duyên thiện ác trong quá khứ hiện tại và vị lai. Lại dùng đủ thứ ví dụ, vì người trung căn rộng nói diễn bày, dùng vô số phương pháp xảo diệu dạy bảo, dẫn dắt giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh xa lìa mọi sự chấp trước". Do đó : Thiện xảo phương tiện độ chúng sinh, ở nơi trần lao làm Phật sự. Tất cả pháp thế gian đều là trần lao. Bởi vậy, dùng đại nguyện lực của Phật, khiến cho chúng sinh sinh nơi trần lao mà xuất trần, tại thế gian mà ra khỏi thế gian. Đó tức là Phật lực tiếp dẫn.

Đức Phật dùng pháp quyền xảo phương tiện, trước hết dạy người tu bốn Diệu Đế mà chứng đắc quả Thánh, sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán. Người tu mười hai Nhân Duyên thì chứng đắc quả vị Duyên Giác, sau đó đức Phật từ bi diễn nói đủ thứ ví dụ nhân duyên, dùng nghĩa phương tiện, khiến cho họ hồi tiểu hướng đại, thực hành lục độ hạnh môn của Bồ Tát. Đức Phật biết rõ tâm lý của một số chúng sinh, cho nên trước hết dạy họ tu pháp tiểu thừa, đợi khi các vị ấy chứng được quả A La Hán, thì mới khai quyền hiển thật, mà tiến thêm một bước dạy các vị ấy tu pháp của Bồ Tát : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và Bát nhã, từ tiểu hướng đại, từ nhỏ lên lớn.

"Phương tiện, tri kiến Ba la mật của Như Lai đều đã đầy đủ". Như Lai nghĩa là thật trí. Từ trong chân như thật tướng mà được thành Phật, cho nên gọi là Như Lai.

Phương tiện là quyền trí vậy. Từ phương tiện thiện xảo, mà dùng đủ thứ nhân duyên ví dụ rộng nói ngôn giáo. Tri kiến Ba la mật tức hay dùng quyền thật, sự lý viên dung, thấu triệt đáy nguồn của pháp, rõ pháp vốn không, gọi là Phật tri kiến, đến được bờ kia gọi là Ba la mật. Đều đã đầy đủ. Tất cả tri giải hạnh môn đều đã đầy đủ, quyền thật đều cứu kính.

"Xá Lợi Phất ! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, chẳng có số lượng, tánh vốn không tịch, cho nên vô quái ngại". Do đó, lớn mà chẳng ở ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong. "Lực vô sở úy", tức là mười lực và bốn vô sở úy của Như Lai. Định tức là tam muội. Thiền là tiếng Phạn, nói đủ là thiền na, dịch là "tư duy tu", hoặc là "tĩnh lự". Nếu vọng niệm mà ngưng bặc tức có định lực. Tu định chẳng phải chỉ có ngồi kiết già, mà bất cứ nhặt củi gánh nước tiếp khách, những việc tầm thường hằng ngày đều tu định lực được.

Vị thiền sư Nhất Như Vĩnh Minh Thọ, mỗi ngày niệm mười vạn hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Phải chăng ngoài sự niệm Phật Ngài chẳng làm gì hết ? Chẳng phải. Ngài vừa làm vừa niệm, trong sự sinh hoạt hằng ngày đều ở trong niệm Phật tam muội, cho nên mỗi một câu niệm danh hiệu Phật của Ngài, thì có một vị Phật từ trong miệng của Ngài hiện ra. Song, tướng điềm lành nầy chỉ có người khai ngũ nhãn mới thấy được, chẳng phải mắt thịt của phàm phu thấy được. Do đó, thiền sư Vĩnh Minh Thọ được mọi người coi như là hóa thân của

Phật A Di Đà. Cho nên bất cứ chúng ta làm gì, nếu giữ gìn tâm : kiên, thành, hằng thì sẽ đắc được định lực.

Xá Lợi Phất ! Như Lai dùng đủ thứ sự khác biệt, khéo léo nói các pháp, lời lẽ êm diệu, khiến cho vừa lòng đại chúng. Xá Lợi Phất ! Nói tóm lại những pháp chính yếu có vô lượng vô biên chưa từng có, Phật đều đã thành tựu.

Xá Lợi Phất ! Phật dùng đủ thứ trí, rộng phân biệt diễn nói, những gì nói ra hợp cơ gọi là khéo, pháp nghĩa chẳng phải một nên gọi là khác, lời lẽ êm diệu cho nên lợi lạc tất cả các chúng sinh. Khéo nói các pháp đối với các pháp, khéo phân biệt, khéo nói thật tướng của các pháp. Pháp là phương pháp, nếu khéo léo nói pháp, thì khiến cho mọi người hoan hỉ tin thọ, đó là khéo nói các pháp.

Lục Tổ Huệ Năng tuy chẳng biết chữ, nhưng khéo nói các pháp. Một lần nọ, có hai vị Tăng tranh chấp về việc gió thổi lá phướn động. Một ông nói : "Tôi nói đó là gió động." Ông kia nói : "Chẳng phải, đó là phướn động." Hai người tranh luận không ngừng, đều chẳng chịu thua, lúc đó Ngài Huệ Năng vừa đến đó, bèn giải thích cho họ nghe :"Chẳng phải gió động, cũng chẳng phải phướn động, chính là tâm của hai vị động !" Trong tâm của bạn cảm thấy động thì nó động, nếu tâm không động

thì tất cả chẳng động. Đó cũng là khéo nói các pháp. Nếu ai hiểu được sự tu đạo, thì làm gì cũng đều là tu đạo, đều ở trong định.

Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ như thế nào ? Khi Ngài chưa xuất gia làm nghề đốn củi, tuy nhiên đời sống vất vả nhưng Ngài không quên việc hiếu thảo với mẹ già. Sau đó, Ngài đến chỗ Ngũ Tổ, Ngũ Tổ bảo làm công việc giã gạo. Ngài sớm tối giã gạo chẳng ngừng nghỉ, tức chẳng có dịp ngồi thiền, cũng chẳng có thời giờ nghiên cứu Kinh điển, càng chẳng niệm câu Chú nào. Song, Ngài cánh nhiên khai ngộ ! Đó là nguyên nhân gì ? Vì bất cứ Ngài làm gì, cũng chuyên tâm nhất chí, thanh tịnh vọng niệm. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rằng :

"Cuồng tâm hết sạch, tức là bồ đề."

Tức cũng là thiền định giải thoát tam muội. Do đó, nếu ngộ được ý bên trong, thì suốt ngày làm việc bình thường sẽ có thể lãnh hội.

"Khéo nói các pháp, lời lẽ êm diệu". Pháp của Phật nói, đều khiến cho tâm của chúng sinh an lạc vui vẻ.

Đức Phật lại nói : Xá Lợi Phất ! Nói tóm lại những pháp vi diệu chính yếu có vô lượng vô biên chưa từng có, ta đã hoàn toàn thành tựu chứng hết.

Thôi, Xá Lợi Phất ! Đừng nói nữa. Vì sao ? Vì pháp của Phật thành tựu ít có,

khó hiểu bậc nhất. Chỉ có Phật với Phật, mới thấu triệt được thật tướng của các pháp. Đó là : tướng của các pháp như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, làm như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn cứu kính như vậy .v.v.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa nầy, mà nói ra bài kệ.

Thôi là ngừng lại chẳng nói nữa. Tại sao Đức Phật không muốn nói nữa ? Vì Kinh nầy vi diệu thâm áo, chẳng phải một số người hiểu được, nói ra sợ làm cho chúng sinh sinh ra tâm nghi ngờ phỉ báng mà tạo các nghiệp ác. Cho nên đức Phật yên lặng lâu, chẳng nói pháp ít có, khó tin bậc nhất nầy.

Pháp đệ nhất nghĩa, tức là pháp môn không hai, cho nên gọi là đệ nhất. Pháp môn không hai, tức là không có hai không có ba, là tuyệt đối đãi, độc nhất vô nhị. Ít có là chưa từng nghe. Khó hiểu tức là lý sâu pháp diệu, ý nghĩa thâm sâu, cho nên khó hiểu. Pháp ít có nầy, khó thấy khó tin, chỉ có Phật với chư Phật, mới thấu triệt được thật tướng của các pháp là vô tướng mà vô sở bất tướng.

Các pháp tức là tất cả pháp, quy nạp lại không ra ngoài mười như vậy. Tóm lại, tức là mười pháp giới :

1. Pháp giới của Phật.
2. Pháp giới của Bồ Tát.
3. Pháp giới của Duyên Giác.
4. Pháp giới của Thanh Văn.
5. Pháp giới của chư Thiên.
6. Pháp giới của loài người.
7. Pháp giới của A Tu La.
8. Pháp giới của súc sinh.
9. Pháp giới của ngạ quỷ.
10. Pháp giới của địa ngục.

Bốn pháp giới trước là pháp giới của bậc Thánh, sáu pháp giới sau là pháp giới của phàm phu, cộng lại là mười pháp giới. Trong mười pháp giới, mỗi một giới lại có mười như vậy, cộng lại thành trăm giới. Mà trong trăm giới, mỗi một giới lại có mười như vậy, do đó gọi là ngàn như vậy.

Bây giờ, lược giảng về mười như vậy.

1. **Tướng như vậy** : Tướng tức là tướng mạo. Tướng mạo nầy có chân có vọng. Chân, thì thường trụ chẳng biến đổi, không sinh không diệt, chân như thật tướng. Do đó, diện mạo chân thật, bổn địa phong quang, là chỉ thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể của chúng ta. Thường trụ nầy chẳng biến đổi mà tùy duyên, tùy duyên mà chẳng biến đổi, như như bất động. Thường trụ

là không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Nói tóm lại, thường trụ tức là chân như thật tướng. Song, chân như thật tướng nầy, chẳng phải ai ai cũng thấu rõ, cho nên nói chỉ có Phật với Phật mới thấu triệt được thật tướng của các pháp. Như Lai thấy rõ, chẳng có lầm lẫn, như lý chân thật gọi là tướng như vậy.

Tướng hư vọng ra sao ? Tức là tướng chẳng chân thật, tức là vô minh, có sinh diệt, có tăng giảm, có dơ sạch. Vô minh nầy chẳng có thật thể, chỉ là một giả danh mà thôi. Như trong Kinh nầy có nói : Thấy các chúng sinh vì sinh, già, bệnh, chết ưu bi khổ não, giống như ở trong nước sâu lửa nóng, chịu đựng mọi sự thiêu đốt bức bách khó chịu.

2. **Tánh như vậy** : Nghiệp chẳng tự sinh, thật là do tánh khởi. Tâm vốn có đủ tánh thiện và ác, tùy theo nhân duyên mà có đủ thứ khác nhau. Trung Quốc có bộ Tam Tự Kinh, mỗi em bé đầu tiên vào nhập học thì phải học qua. Sách nầy trước hết nói : "Nhân chi sơ tánh bổn thiện." Nghĩa là : Tánh của con người từ lúc sơ khai vốn là thiện. Thiện tức là Phật tánh. Song, tánh tương cận tập tương viễn, tâm vốn gần gủi với Phật, nhưng từ vô thủy đến nay đã nhiễm các tập ác, do đó từ từ xa lìa Phật tánh, chẳng biết bổn lai diện mục (mặt mũi thật của mình), cho nên có phân ra tánh thiện và tánh ác. Tánh thiện và tánh ác biểu hiện ra như thế nào ?

Tánh như vậy, ở đây có một ví dụ, giống như gỗ, bên trong đều có tánh lửa, nhưng nếu bỏ tánh lửa nầy

không dùng, thì vĩnh viễn không thể sinh ra lửa, phải mượn một nhân duyên khác thì nó mới sinh ra lửa. Ví như xưa kia loài người chưa phát hiện được lửa, thì vật gì cũng đều ăn sống, khi phát hiện lấy lửa được ở cây, thì sau nầy mới dùng lửa để nấu chín đồ ăn. Từ đó về sau con người mới hiểu cách thức dùng gỗ để dẫn ra tánh lửa.

Đây cũng giống như chúng ta tạo ra nghiệp thiện ác, phải mượn cái tánh nầy hiển ra. Tánh nầy nếu làm thiện mà phát thì gọi là trí huệ quang ; nếu làm ác mà phát lửa vô minh thì biến thành lửa độc. Thứ lửa độc nầy hay thành tựu vọng duyên, mà tánh của chúng ta giống như đạo lý gỗ vừa nói ở trên, bổn tánh là không. Bên trong tuy có thiện có ác, nhưng phải mượn nhân duyên mới hiển ra được. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói về bốn đại : đất, nước, gió, lửa, khi tả về hỏa đại thì nói : Hoả đại không tánh, gởi nơi các duyên. Hỏa tánh chẳng có ngã, đủ nhân duyên hòa hợp mới sinh ra lửa, đó là đạo lý tánh như vậy.

3. **Thể như vậy** : Thể nầy tức là thân thể của chúng ta, cũng là hình thể của tất cả. Thể nầy phân tích ra thì có ba. Thứ nhất : Là phàm phu và Thánh nhân vốn bình đẳng, thể nầy vốn chẳng có phàm cũng chẳng có Thánh, là một dạng, đây gọi là dùng lý làm thể. Thể nầy là Phật tánh vốn có, lại gọi là lý (đạo lý). Thứ hai : Nếu có người từ phàm phu tu thành đạo nghiệp, đây gọi là thể vô lậu, là chứng quả Thánh nhân. Thứ ba : Một số phàm phu có đủ thân huyễn năm uẩn, tức là năm ấm : sắc, thọ,

tưởng, hành, thức, tứ đại đất, nước, gió, lửa hòa hợp mà thành thân thể nầy, tức là thể hữu lậu.

4. **Lực như vậy** : Lực nầy tức là xuất lực. Lúc trước tôi đã từng nói với các vị, tôi có vị sư huynh xuất gia. Ông ta vốn học qua đạo lý giảng Kinh thuyết pháp. Ông ta thường thường giảng Kinh, nhất là thích giảng về tám thức, tức là : Nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, và thức Mạt na thứ bảy, thức A lại da thứ tám. Người Trung Quốc gần đến Tết thì thích biên câu đối, dùng giấy đỏ biên dán lên tường, cho rằng là cát tường, cũng có ý nghĩa là tị tà, ở trong chùa cũng có phong khí nầy.

Vào năm đó, tôi biên mấy chữ như thế nầy. "Tự quy y pháp, đương nguyện chúng sinh thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải." Vị sư huynh của tôi thấy mấy chữ nầy rất lấy làm hoan hỉ, do đó đọc không ngừng "Trí huệ như hải, trí huệ như hải..." Tôi thấy ông ta đọc chẳng biết bao nhiêu lần, mới cười ông ta và nói :"Tôi thấy sư huynh là nghiệp lực như hải !" Ông ta vừa nghe được thì nổi giận mắng :"Ông nương tựa vào đâu mà nói tôi là nghiệp lực như hải ?" Tôi mới cười nói với ông ta :"Tôi bảo đảm sư huynh sẽ hoan hỉ. Nghiệp lực có thiện có ác, tôi nói sư huynh nghiệp thiện như hải, sư huynh nhận thấy thế nào ?" Lần nầy ông ta chẳng có lời gì để nói, tức khắc chuyển giận thành vui. Bạn thấy đó ! Con người thật là kì quái, chỉ sai có một chữ thì họ đã nổi giận. Bạn dịch chữ nghiệp là nghiệp thiện, thì sự nóng giận của họ chẳng biết chạy đi đâu mất. Bạn nói có diệu chăng ? Cho nên

lực nầy tức là nghiệp lực. Nghiệp cũng là một thể, là một sức lực ở trong nghiệp thể. Tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc, sâm la vạn tượng ở trong mười pháp giới, đâu chẳng phải từ nghiệp lực của chúng sinh thị hiện. Thân của chúng sinh gọi là chánh báo, tất cả sâm la vạn tượng gọi là y báo. Y, chánh hai báo đều từ nghiệp lực sinh ra, cho nên gọi là lực như vậy.

5. **Làm như vậy** : Làm tức là tạo tác, làm nên. Tạo ra tất cả nghiệp thiện ác khác nhau. Trồng nhân thiện thì kết quả thiện, trồng nhân ác thì kết quả ác. Tạo nầy tức là hãy xem bạn tạo cái gì, cho nên nói : Thiện ác là hai con đường, tu thì tu, tạo thì tạo. Ai tu thiện thì có phước đức, ai tạo ác thì chịu hoạn nạn.

6. **Nhân như vậy** : Nhân nầy là chỉ tâm của chúng ta chúng sinh, tâm nầy lại gọi là tâm địa, giống như một miếng đất, bất cứ bạn trồng hạt giống thiện hoặc ác, thì tương lai sẽ kết quả. Tất cả đều do tâm tạo, thiện ác báo ứng đều từ trong tâm của bạn tạo thành. Nhân nầy tức là hạt giống, trồng ở trong đất tâm của bạn, mà thiện ác cũng tùy theo nhân nầy mà hiển hiện.

7. **Duyên như vậy** : Duyên nầy có hai nhân tố hợp thành. Một là thời, hai là việc. Duyên nầy vốn chẳng phân ra thiện và ác, song việc gì cũng phải gặp duyên kết hợp mà thành mới hiện ra tướng mạo. Ví như, một vật khô, nếu gặp lửa đốt thì cháy, lửa là trợ duyên. Lại ví như băng, nếu gặp ánh nắng mặt trời thì tan ra mau, nếu gặp lạnh thì kết thành băng cứng rắn, đó đều là trợ duyên khác

nhau. Lại ví như, đem hạt giống trồng xuống đất thì cần phải có ánh sáng mặt trời, phân, nước, .v.v., đủ thứ trợ duyên, như thế thì hạt giống mới nảy mầm lớn lên. Do đó, do ngoại duyên hòa hợp mà thành, gọi là nhân duyên.

8. **Quả như vậy** : Bắt đầu hành vi ra sao, gọi là tạo nhân, đợi khi việc đã làm xong rồi tức là quả. Quả cũng căn cứ trên thiện ác mà nói, trồng nhân thiện thì được quả thiện, trồng nhân ác thì được quả ác, cho nên gọi là trồng nhân được quả.

9. **Báo như vậy** : Báo tức là quả báo. Bạn làm gì thì phải chịu quả báo đó. Vậy, quả và báo có gì khác nhau ? Nói về quả thì vẫn chưa thọ báo, chỉ là sự việc đã trưởng thành mà đắc được quả của nó, đợi đến khi thọ báo thì quả cũng tan rã mà thọ báo ứng. Ví như, bạn trồng nhân ác, lúc kết quả thì vẫn chưa chính thức thọ báo, đợi đến khi giai đoạn của quả nầy cũng đi qua rồi thì sau đó mới thọ báo ứng. Lại có thể giải thích sâu hơn nữa, ví như bạn tạo đủ thứ nghiệp ác mà chiêu quả đọa vào địa ngục, nhưng trong địa ngục lại chia ra rất nhiều thứ hình phạt khác nhau. Nếu như bạn phải thọ báo ứng địa ngục chảo dầu sôi, nhưng bạn vẫn chưa đi đến địa ngục chảo dầu sôi, đó là quả. Một khi vào chảo dầu sôi thì đó là thọ báo.

Nếu như giác ngộ đạo lý nhân duyên quả báo là tơ hào chẳng sai, mà dũng mãnh tu đạo xuất ly, thì có cơ hội chứng bốn quả Thánh, tức bốn quả vị A La Hán. Nếu không thì vẫn luân hồi sinh tử ở trong cảnh giới của lục phàm.

10. **Gốc ngọn cứu kính như vậy** : Đây là một như vậy trong mười như vậy. Mười như vậy đều có mê, ngộ hai đường. Bất cứ là mê, là giác, từ con đường đó bắt đầu đi (gốc), đến điểm cuối cùng (ngọn), luận về nhân quả thì đều là bình đẳng không hai, cứu kíng bình đẳng. Trong mỗi pháp giới đều có mười như vậy. Ví như trong pháp giới của Phật có "mười như vậy" nầy, trong pháp giới của địa ngục cũng có "mười như vậy" nầy. Song, cảnh giới của Phật và cảnh giới của địa ngục khác nhau một trời một vực. Trong mười pháp giới, mỗi một giới có mười như vậy, hợp lại thì thành một trăm như vậy. Ở trong một trăm nầy, mỗi cái lại có mười như vậy, thành ra một ngàn, đạo lý nầy gọi là bách giới thiên như (trăm giới ngàn như). Mà bách giới thiên như nầy, bao quát tất cả đủ thứ sự tướng tình hình trong mười pháp giới. Đây là một giải pháp rất hạn hẹp vô cùng đối với mười như vậy. Muốn thấu hiểu thêm bước nữa, thì phải bỏ ra một phen công phu để nghiên cứu Phật pháp, thì càng minh bạch đạo lý nầy.

Lúc đó Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa lý đã nói, mới dùng kệ để nói :

Đấng Thế Hùng khó lường
Chư thiên và nhân loại
Tất cả loài chúng sinh
Chẳng ai hiểu biết Phật.

Phật lực vô sở úy
Giải thoát các tam muội
Các pháp khác của Phật
Chẳng ai đo lường được.
Vốn từ vô số Phật
Đầy đủ hạnh các đạo
Pháp thâm sâu nhiệm mầu
Khó thấy khó biết được.
Trong vô lượng ức kiếp
Hành các đạo đó rồi
Đạo tràng được chứng quả
Ta đều đã thấy biết.
Quả báo lớn như vậy
Đủ thứ tánh tưởng nghĩa
Ta và mười phương Phật
Mới biết rõ việc đó.

Đấng Thế Hùng là Đấng đại anh hùng, tức cũng là một vị Thánh nhân duy nhất của thế gian và xuất thế gian của thế giới chúng ta, là đại hùng đại lực đại từ bi, cho nên nói : Đấng Thế Hùng khó lường.

"Chư thiên và nhân loại" : Tất cả chư thiên ở trên trời và tất cả loài người trên thế gian. "Tất cả loài chúng sinh. Chẳng ai hiểu biết Phật" : Chẳng có một Chúng sinh nào hiểu biết được cảnh giới của Phật. "Phật lực vô sở úy" : Phật có mười lực, bốn vô sở úy. Mười lực là mười trí lực :

1. Trí lực biết xứ phi xứ.
2. Trí lực biết nghiệp báo ba đời.
3. Trí lực biết các thiền giải thoát tam muội.
4. Trí lực biết các căn thắng liệt.
5. Trí lực biết đủ thứ giải.
6. Trí lực biết đủ thứ giới.
7. Trí lực biết tất cả chí xứ đạo.
8. Trí lực biết thiên nhãn vô ngại.
9. Trí lực biết túc mạng vô lậu.
10. Trí lực biết vĩnh đoạn tập khí.

Phật lại có bốn vô sở úy :

1. Nhất thiết trí vô sở úy.
2. Lậu tận vô sở úy.
3. Nói chướng đạo vô sở úy.
4. Nói đạo dứt khổ vô sở úy.

"Giải thoát các tam muội" : là chỉ người giải thoát và các thiền tam muội. "Các pháp khác của Phật" : những diệu hạnh diệu pháp khác, đức Phật thực hành đều chẳng cách chi đo lường được. "Vốn từ vô số Phật, đầy đủ hạnh các đạo". Từ vô lượng vô biên ở nhiều nơi các Đức

Phật các Ngài đều đầy đủ hạnh môn. "Pháp thâm sâu vi diệu nầy khó thấy khó hiểu được". Chẳng dễ gì thấy được cũng chẳng dễ gì minh bạch được. "Trong vô lượng ức kiếp" : Đức Phật Thích Ca và mười phương các Đức Phật khác, đều ở trong vô lượng ức kiếp về trước hành các đại hoằng nguyện, viên mãn Bảy bồ đề phần, Tám chánh đạo, Năm căn, Năm lực, Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, cộng thành ba mươi bảy đạo phẩm. "Hành các đạo đó rồi" : Đã tu hành ba mươi bảy đạo phẩm, bốn Diệu Đế, mười hai Nhân Duyên, lục độ vạn hạnh .v.v. "Đạo tràng được chứng quả". Vì tu rất nhiều pháp môn, cho nên đạo tràng thành tựu, Phật quả cũng thành tựu. "Ta đều đã thấy biết". Quả báo lớn như thế. Quả báo lớn giống như mười như vậy. "Đủ thứ tánh tướng nghĩa". Mười như vậy là đạo lý tướng và đủ thứ pháp môn, đủ thứ tu hành, ta đều hoàn toàn minh bạch. "Ta và mười phương Phật, mới biết rõ việc đó". Ta và mười phương chư Phật, mới minh bạch đủ thứ sự việc đó, còn những chúng sinh khác chẳng dễ gì minh bạch được.

Pháp đó chẳng thể bày
Lời lẽ tưởng tịch diệt
Những loài chúng sinh khác
Chẳng ai hiểu biết được.
Trừ các chúng Bồ Tát

Bậc sức tin kiên cố
Chúng đệ tử chư Phật
Từng cúng dưỡng chư Phật.
Tất cả bậc sạch lậu
Trụ ở thân cuối cùng
Những hạng người như vậy
Sức họ chẳng kham đượ̣c.
Nếu như đầy thế gian
Đều như Xá Lợi Phất
Suy nghĩ và độ lượng
Chẳng dò đượ̣c Phật trí.

"Pháp đó chẳng thể bày". Diệu pháp nầy không thể tùy tiện nói cho người nghe. Tại sao ? Vì lời lẽ tướng tịch diệt. Đây là pháp môn cứu kính thật tướng, đường ngôn ngữ đã dứt, dùng lời lẽ cũng chẳng cách chi giải thích được ; chỗ tâm hành đã diệt, dùng tâm suy nghĩ tưởng tượng cũng chẳng cách chi nghĩ ra. Do đó :

"Khẩu dục ngôn nhi từ tán,
Tâm dục duyên nhi lự vong".

Nghĩa là : miệng muốn nói mà lời tan mất, tâm nghĩ muốn phan duyên mà niệm lự tư tưởng đều chẳng còn. Lời lẽ tướng tịch diệt tức là chẳng có gì để nói. Diệu

pháp chân chánh thì không thể nói, không thể nói là nói chẳng ra, nó phát huy ở trong tự tánh chứ chẳng phải từ bên ngoài đến được. "Những loài Chúng sinh khác chẳng ai hiểu biết được". Chẳng có bất cứ chúng sinh nào có thể minh bạch được diệu pháp nầy. "Trừ các chúng Bồ Tát". Trừ những bậc đại Bồ Tát mới minh bạch đạo lý thật tướng nầy. "Bậc sức tin kiên cố". Vì tâm của các vị ấy kiên cố, giống như Bồ Tát Văn Thù mới minh bạch được pháp nầy, tin được pháp nầy, ngoài ra những chúng sinh khác hoàn toàn chẳng minh bạch. "Chúng đệ tử chư Phật, từng cúng dường chư Phật". Tất cả chúng đệ tử của hết thảy chư Phật, ở trong ba đời quá khứ đã từng cúng dường tất cả chư Phật. "Tất cả bậc sạch lậu" : Các bậc đã đắc được vô lậu, chứng được quả vô lậu Bích Chi Phật. "Trụ ở thân cuối cùng". Hiện tại là báo thân cuối cùng, chẳng còn thọ thân sau, đã vĩnh viễn dứt sinh tử. "Những hạng người như vậy", giống như những Bồ Tát và Bích Chi Phật. "Sức họ chẳng kham được". Các vị ấy cũng đều không thể minh bạch được diệu pháp nầy. "Nếu như đầy thế gian, đều như Xá Lợi Phất". Giả sử người đầy khắp thế giới đều có trí huệ như Ngài Xá Lợi Phất. "Suy nghĩ và độ lượng". Dùng hết sự suy nghĩ và trí thức để dò trí huệ của Phật. "Không dò được Phật trí". Cũng chẳng cách chi đo lường được trí huệ của Phật.

Giả sử đầy mười phương
Đều như Xá Lợi Phất

Và các đệ tử khác
Cũng đầy mười phương cõi.
Cùng nghĩ và độ lượng
Cũng chẳng hiểu biết được
Bích Chi Phật lợi trí
Vô lậu thân cuối cùng.
Cũng đầy khắp mười phương
Số đông như rừng tre
Thảy đều chung một lòng
Trong vô lượng ức kiếp.
Muốn lường Phật thật trí
Chẳng biết được ít phần
Bồ Tát mới phát tâm
Cúng dường vô số Phật.
Thấu rõ các nghĩa thú
Lại hay khéo nói pháp
Như lúa mè tre lau
Đầy khắp mười phương cõi.
Nhất tâm dùng diệu trí
Trải Hằng sa số kiếp
Cùng chung nhau suy lường

Chẳng biết đuợc Phật trí.

Phật đầy đủ viên mãn quyền thật hai trí. Quyền trí là tùy cơ thuyết pháp, phương tiện độ sinh ; thật trí là chuyên giảng về trí huệ thật tướng, trí huệ chân thật. Cho nên Ngài nói : "Giả sử đầy mười phương, đều như Xá Lợi Phất". Ở trước chỉ nói đầy một thế giới, bây giờ nói mười phương thế giới, tức cũng là ba ngàn đại thiên thế giới, vô lượng vô biên chúng sinh trong cõi nước mười phương thế giới, đều có trí huệ như Ngài Xá Lợi Phất, song, Xá Lợi Phất tuy có trí huệ, nhưng chỉ là quyền trí mà chẳng phải thật trí của Phật. "Và các đệ tử khác". Và các đệ tử khác của chư Phật. "Cũng đầy mười phương cõi". Cũng đầy khắp mười phương thế giới. "Cũng nghĩ và độ lượng". Cùng nhau suy nghĩ và độ lượng, dò trí huệ của Phật. "Cũng chẳng hiểu biết được". Cũng không thể nào hiểu biết được trí huệ chân thật của Phật, đó là chỉ đệ tử Thanh Văn tiểu thừa.

"Bích Chi Phật lợi trí". Bích Chi Phật là trung thừa, trí huệ của các Ngài cao sâu hơn Thanh Văn. "Vô lậu thân cuối cùng". Các bậc ấy đã đắc được vô lậu, tức là lậu tận thông. Chứng quả Bích Chi Phật rồi cũng chẳng còn thọ báo thân nữa, cho nên đây là báo thân cuối cùng. "Cũng đầy khắp mười phương". Bích Chi Phật cũng đầy khắp mười phương thế giới. "Số đông như rừng tre". Hết thảy đều nhất tâm. Nếu như Bích Chi Phật nhiều như thế cùng nhất tâm. "Trải vô lượng ức kiếp". Trải qua vô lượng vô

số đại kiếp. "Muốn lường Phật thật trí" : Muốn đo lường thật trí của Phật. "Chẳng thể biết ít phần". Đừng nói biết hết toàn bộ, dù một phần nhỏ chút ít cũng chẳng cách chi biết được.

"Bồ Tát mới phát tâm, cúng dường vô số Phật". Bồ Tát mới phát tâm đã từng cúng dường vô số các đức Phật. "Thấu rõ các nghĩa thú". Đối với đạo lý tông thú của Phật pháp, đều thông đạt vô ngại. "Lại hay khéo nói pháp". Các Ngài không những thông đạt tất cả nghĩa thú của các pháp, mà còn khéo thuyết pháp biện tài vô ngại. "Như lúa mè tre lau". Các vị Bồ Tát mới phát tâm nhiều như lúa, mè, tre, cỏ lau. "Đầy khắp mười phương cõi". Đầy khắp cõi nước trong mười phương thế giới. "Nhất tâm dùng diệu trí". Mọi người đều nhất tâm dùng diệu trí huệ. "Trải Hằng sa số kiếp". Trải qua đại kiếp nhiều như số cát sông Hằng. "Cùng chung nhau suy lường". Cùng nhau suy lường trí huệ của Phật. "Chẳng biết được Phật trí". Cũng chẳng thể biết được trí huệ của Phật.

Các Bồ Tát bất thối
Số đông như Hằng sa
Đều nhất tâm suy cầu
Cũng chẳng thể biết đượ̣c.
Lại nữa Xá Lợi Phất !
Vô lậu chẳng nghĩ bàn

Pháp thâm sâu nhiệm mầu
Ta nay đã được đủ
Chỉ ta biết tướng đó
Mười phương Phật cũng thế.
Xá Lợi Phất nên biết !
Lời chư Phật không khác
Pháp của Phật nói ra
Nên sinh sức tin lớn
Pháp Thế Tôn lâu sau
Cần phải nói chân thật.
Nầy các chúng Thanh Văn !
Và người cầu Duyên Giác
Ta khiến cho thoát khổ
Sớm đắc được Niết bàn.
Phật dùng sức phương tiện
Mở bày ba thừa giáo
Chúng sinh nới nới chấp
Dẫn dắt họ ra khỏi.

Các Bồ Tát bất thối, số đông như Hằng sa : Có khi Bồ Tát mới phát tâm cũng thối thất bồ đề tâm, vì chưa

có định lực chân chánh. Những vị Bồ Tát nầy đã chứng được ba bất thối :

1. **Vị bất thối** : Quả vị của những Bồ Tát nầy, ở đại thừa khổng thể thối về nhị thừa.

2. **Hạnh bất thối** : Các Ngài tu hành tinh tấn, chẳng giải đãi.

3. **Niệm bất thối** : Các Ngài chẳng bao giờ khởi tâm niệm thối chuyển.

Những Bồ Tát nầy nhiều như số cát sông Hằng. "Đều nhất tâm suy cầu". Đều chuyên tâm nhất chí cùng nghiên cứu trí huệ chân thật của Phật. "Cũng chẳng thể biết được" : Bồ Tát bất thối vị tuy là bất thối, nhưng vẫn chẳng đắc được trí huệ chân thật. Các Ngài chỉ có quyền trí, còn trí huệ chân thật của Phật thì các Ngài không thể biết được.

Phật Thích Ca nói : "Lại nữa Xá Lợi Phất ! Vô lậu chẳng nghĩ bàn, pháp thâm sâu vi diệu, ta nay đã được đủ". Đây là các pháp thật tướng, trí huệ chân thật, ta Phật Thích Ca Mâu Ni đã hoàn toàn đắc được, đầy đủ chẳng thiếu chẳng thừa. Chỉ ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng thế.

"Xá Lợi Phất nên biết" ! Đức Phật lại gọi Xá Lợi Phất phải biết. "Lời chư Phật không khác" : Lời của chư Phật nói đều là dị khẩu đồng âm nói lời chân thật. Lời của Như Lai là chân, là thật, là như, chẳng hư vọng, chẳng khác. Cho nên pháp của mỗi vị Phật nói đều như nhau.

Trí huệ chân thật của Phật, chẳng có ai biết được, chỉ có Phật với Phật minh bạch được pháp nầy. "Pháp của Phật nói ra, nên sinh sức tin lớn". Bạn nên sinh đại tín tâm. Niềm tin lớn tức là chẳng có tâm nghi hoặc, chỉ có tín tâm, sức tin nầy lớn vô cùng. Tại sao gọi là sức tin ? Vì Phật pháp như biển cả, bạn muốn vào được chỉ có niềm tin. Nếu bạn chẳng có sức tin, thì không thể minh bạch đạo lý Phật pháp, cho nên nói : "Tin là nguồn đạo mẹ công đức". Tin là nguồn gốc của đạo lý, là mẹ của tất cả công đức. "Nuôi lớn tất cả mầm căn lành", bạn có niềm tin mới nuôi lớn căn lành được, nếu chẳng có niềm tin, thì căn lành không thể lớn lên được. Cho nên niềm tin là quan trọng nhất. "Pháp Thế Tôn lâu sau" : Ta Thế Tôn, lúc ban đầu thành Phật, thì nói Tam Tạng giáo, đây là bán tự giáo, dùng để giáo hóa Thanh Văn chúng sinh, thế nhưng khi ta nói pháp, nói đến lúc cuối cùng, thì cần phải nói chân thật. Ta phải nói ra hết tất cả pháp chân thật giáo hóa Bồ Tát thật trí, chẳng giống như lúc trước nói pháp phương tiện, bây giờ nói pháp chân thật. Ví như lúc trước bạn có chút mao bệnh, có thể từ từ trừ, chẳng quan trọng. Bây giờ thì thề nào ? Phải chân thật mà tu hành, một chút mao bệnh cũng không thể tồn tại. Bạn phải thật thà mà dụng công tu hành, phát tâm Bồ Tát đại thừa, đừng giống như lúc trước kéo dài ngày giờ. Kéo dài là gì ? Hôm nay thì đợi ngày mai mới tu hành, ngày mai lại chẳng tu hành, đợi đến ngày mốt mới tu. Giống như Tôn Giả A Nan, tự cho rằng mình là em chú bác với Đức Phật,

thì Phật sẽ ban cho tam muội, đó là tư tưởng sai lầm. Tu đạo thì sinh tử của mình tự mình lo, ai ăn người đó no. Sinh tử của bạn chắc chắn phải tự mìng dụng công tu hành, người khác chẳng cách chi trợ giúp bạn. Phật nói trợ giúp bạn, đó chỉ là pháp phương tiện, khiến cho chính bạn phát tâm tu hành. Nếu chính bạn chẳng tu hành, thì cũng giống như người khác ăn cơm bạn không thể no được. Cho nên phải tự mình cung hành thực tiễn.

"Nầy các chúng Thanh Văn và người cầu Duyên Giác" : Ta nói pháp môn bốn Diệu Đế, bảo tất cả chúng Thanh Văn. Lại nói pháp mười hai Nhân Duyên, để giáo hóa đệ tử Duyên Giác thừa. "Ta khiến cho thoát khổ". Tâm từ bi của Phật, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều lìa khổ được vui, liễu sinh thoát tử. Vì vô thường mau chóng, nếu bạn chẳng tu hành thì quỷ vô thường chẳng nể vì, đợi đến khi nó đến mời bạn đi chầu vua Diêm Vương, thì nó sẽ chẳng nể nang chút nào. Dù bạn dùng bao nhiêu tiền để mua chuộc quỷ vô thường, kêu nó hoãn lại một thời gian, để cho bạn sống thêm mấy năm cũng không thể nào được. Quỷ vô thường chẳng ăn hối lộ, chẳng giống như người nhân gian chúng ta tham quan ô sử, thấy tiền thì sáng mắt ra, việc gì cũng có thể làm được. Do đó, tiền là thần thông, bạn có tiền thì việc làm không được cũng làm được ; bạn phạm pháp, cầm tiền đến thì pháp cũng chẳng phạm. Song, quỷ vô thường chẳng có tâm tham như thế, chúng chẳng tham tiền. "Sớm đắc được Niết Bàn". Phật dùng sức phương tiện, mở bày ba thừa giáo : Phật

vì một Phật thừa mà mở bày ba thừa. Ba thừa là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa ; mục đích cuối cùng của ba thừa là Phật thừa. Mà hiện tại đến lúc cuối cùng ta phải nói Phật thừa pháp chân thật nầy. "Chúng sinh nơi nơi chấp, dẫn dắt họ ra khỏi" : Một số chúng sinh bất cứ đến hoàn cảnh nào, thì họ chấp trước vào địa vị đó, mà chẳng di động ; thậm chí ở trong địa ngục, thì có sự chấp trước về địa ngục ; ở trong súc sinh, thì có sự chấp trước về súc sinh ; ở trong nhân loại, thì có sự chấp trước về nhân loại ; ở trong ngạ quỷ, thì có sự chấp trước về ngạ quỷ. Cho nên nói nơi nơi đều chấp. Nơi nơi tức là bất cứ ở hoàn cảnh nào. Ngũ luân ở gia đình : Anh, em, cha, mẹ, tổ, ai cũng đều có sự chấp trước ; trong cơ quan chính phủ quốc gia, mỗi bộ môn, mỗi cấp bậc cũng có chấp trước của họ. Pháp của Phật nói là vì phá chấp trước của chúng sinh. Tại sao có Phật pháp ? Vì Chúng ta có chấp trước. Nếu chẳng có chấp trước thì đâu có dùng pháp phá chấp trước.

Bấy giờ, ở trong đại chúng có các vị Thanh Văn A La Hán đã sạch các lậu, Ngài A Nhã Kiều Trần Như .v.v. , một ngàn hai trăm ngưởi và các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, phát tâm cầu Thanh Văn và Bích Chi Phật, ai nấy đều

nghĩ rằng : Hôm nay Đức Thế Tôn vì cớ gì, mà ân cần khen ngợi pháp phưởng tiện mà nói như vầy : Pháp của Phật đắc đượ̣c thâm sâu khó hiểu, lời lẽ nói ra ý thú khó biết, tất cả Thanh Văn Bích Chi Phật, không thể hiểu biết đượ̣c. Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng đượ̣c pháp nầy, đến nởi Niết bàn, mà nay chẳng biết nghĩa đó như thế nào ?

"Lúc bấy giờ, ở trong đại chúng" : Sau khi Đức Phật nói kệ xong. Đây là đoạn văn do Ngài A Nan nói khi kết tập Kinh điển, ở trong đại chúng có các vị Thanh Văn, là những vị tu pháp bốn Diệu đế mà ngộ đạo, thuộc về Thanh Văn thừa, và vì nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo, cho nên gọi là Thanh Văn thừa. A La Hán đã sạch các lậu, các lậu đã sạch, tức đắc được lậu tận thông, chẳng còn ở trong sinh tử nữa, chẳng còn vô minh, phiền não, cũng chẳng còn tất cả tập khí mao bệnh, tức cũng là vô lậu. Vậy hữu lậu thì thế nào ? Giống như cái bình lủng lỗ, khi rót nước vào thì chảy ra hết, cũng giống như thân thể chúng ta, cũng có rất nhiều lỗ, cho nên thân phàm phu gọi là hữu lậu. A La Hán là tiếng Phạn, dịch là "Ứng cúng", "sát tặc", "vô sinh". Trong các vị A La Hán, có vị

trưởng lão Kiều Trần Như, cũng là tiếng Phạn, dịch là "Tối sơ giải". Vì sau khi Đức Phật thành đạo, thì trước hết đi đến vườn Lộc Uyển độ Kiều Trần Như, tiền thân của vị nầy là Vua Ca Lợi ở trong Kinh Kim Cang. Vì Đức Phật tại nhân địa phát nguyện rằng : "Thành Phật rồi, thì trước hết độ vua Ca Lợi đã chặt thân thể của Ngài". Cho nên, Ngài thành Phật rồi, trước hết đi đến vườn Lộc Uyển độ năm vị Tỳ Kheo mà A Nhã Kiều Trần Như là vị chứng quả A La Hán đầu tiên, cho nên gọi là Tối sơ giải ; và vì Ngài minh bạch căn tánh bổn lai của Ngài, do đó lại gọi là Giải bổn tế. Một ngàn hai trăm người. Chúng A La Hán gồm có một ngàn hai trăm người.

"Và các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cận sự nam, cận sự nữ phát tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật". Tỳ Kheo có ba nghĩa : Khất sĩ, bố ma, phá ác. Tỳ Kheo Ni tức là nữ chúng xuất gia. Cư sĩ nam, cư sĩ nữ tức là những vị ưu bà tắc, ưu bà di, tại gia gần gũi Tam Bảo, đều phát tâm cầu Thanh Văn và Duyên Giác. Ai nấy đều nghĩ thế nầy : Bây giờ Đức Thế Tôn vì cớ gì mà khen ngợi pháp phương tiện ? Ân cần tức là rất hoan hỉ, nói đi rồi nói lại. Ở trước, Phật dùng trường hàng để tán thán, tiếp theo lại dùng kệ để tán thán, cho nên gọi là ân cần, tức cũng rất trịnh trọng đại đạo lý sẽ được nói ra, tơ hào chẳng cẩu thả, dùng mỗi phương thức để nói lại. Mà nói như vầy : "Pháp của Phật đắc được thâm sâu khó hiểu, lời lẽ nói ra, ý thú khó biết". Lúc đó, các chúng đệ tử vừa nói ở trên đều nói như vầy : Pháp của Phật đắc được vi diệu không

thể nghĩ bàn, pháp của Phật diễn nói ý nghĩa, lý thể cũng rất khó hiểu. "Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật không thể hiểu biết được". Tất cả hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đều không thể minh bạch đạo lý nầy. "Phật nói một nghĩa giải thoát" : Trước kia Phật nói giáo nghĩa giải thoát bậc nhất. "Chúng ta cũng được pháp đó" : Chúng ta hàng Thanh Văn cũng hoàn toàn đắc được đạo lý nghĩa giải thoát nầy. "Đến nơi Niết Bàn" : Nếu y pháp tu hành thì tương lai sẽ đắc được quả vị Niết Bàn. "Mà chẳng biết nghĩa đó như thế nào ?" Thế nhưng hiện tại Phật lại nói, lúc trước pháp nói ra chẳng cứu kính, chẳng triệt để, pháp nói lúc trước là quyền pháp, chẳng phải là thật pháp ; pháp nói lúc trước là quyền trí mà chẳng phải là thật trí. Bây giờ Phật nói như thế, khiến cho chúng ta chẳng biết nghĩa lý đó cứu kính đáo để là gì ? Bây giờ chúng ta đều sinh ra nghi hoặc. Lẽ nào pháp của Phật nói trước kia là sai chăng ? Pháp nói bây giờ là đúng chăng ? Dù là sai, chúng ta cũng đều đã đắc được sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả. Bây giờ lại nói pháp của Phật nói trước kia không đúng, vậy quả vị đã chứng lẽ nào cũng đều là giả chăng ? Bốn chúng đều có nghi vấn lớn như thế !

Bấy giỏ, Ngài Xá Lợi Phất biết tâm nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, mới bạch Đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì, mà ân cần

khen ngợi pháp phưởng tiện bậc nhất của chư Phật, thâm sâu nhiệm mầu khó hiểu ? Con từ xưa đến nay, chưa từng nghe Đức Phật nói như thế. Nay bốn chúng thảy đều có tâm nghi, ngưỡng mong đức Thế Tôn diễn nói việc đó. Vì sao đức Thế Tôn ân cần ngợi khen, pháp thâm sâu nhiệm mầu khó hiểu ?

Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa nầy mà nói ra bài kệ.

Ở trong hàng Thanh Văn, người có trí huệ bậc nhất là Ngài Xá Lợi Phất. Ngài biết bốn chúng có tâm nghi, khi đức Phật hiển hiện những cảnh giới nầy, chính Ngài cũng chưa rõ. Mới bạch Phật rằng : "Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện bậc nhất của chư Phật thâm sâu vi diệu khó hiểu" ? Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà Ngài nay lại tán thán pháp thâm sâu vi diệu của chư Phật ba đời ? Ba đời chư Phật là quá khứ, hiện tại và vị lai. "Con từ xưa đến nay" : Con Xá Lợi Phất đã theo Phật hơn bốn mươi năm.

Từ chữ xưa nầy, có thể biết Ngài Xá Lợi Phất thường theo Đức Phật nghe pháp nghe Kinh thời khắc chẳng lìa. "Chưa từng nghe Đức Phật nói như thế" : Con

chưa từng nghe Đức Phật nói thận trọng như thế, khen ngợi lại khen ngợi, tán thán lại tán thán, trân trọng ân cần nói pháp như thế. "Nay bốn chúng thảy đều có tâm nghi" : Bây giờ bốn chúng đệ tử đều có tâm nghi hoặc, chẳng biết y vào pháp môn nào mà tu trì. "Ngưỡng mong Đức Thế Tôn diễn nói việc đó". Mong Đức Thế Tôn phân tích nói tỉ mỉ, khiến cho chúng con đừng đi vào con đường rẽ. Vì sao Đức Thế Tôn ân cần ngợi khen pháp thâm sâu vi diệu khó hiểu. "Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa nầy mà nói bài kệ". Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất lại dùng kệ để thưa hỏi Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni.

Đấng Huệ Nhật Đại Thánh
Lâu mới nói pháp nầy
Tự nói được như thế
Lực vô úy tam muội.
Thiền định giải thoát thảy
Pháp không thể nghĩ bàn
Pháp chứng nơi đạo tràng
Chẳng ai có thể hỏi.
Tâm con khó dò được
Cũng chẳng ai hỏi được
Chẳng hỏi mà tự nói

Khen ngợi đạo mình hành.
Trí huệ sâu vi diệu
Chỗ đắc của chư Phật
Các La Hán vô lậu
Và người cầu Niết bàn.
Nay đều sa lưới nghi
Vì sao Phật nói thế ?
Những người cầu Duyên Giác
Tỳ kheo Tỳ kheo ni.
Các trời rồng quỷ thần
Và Càn thát bà thảy
Nhìn nhau ôm lòng nghi
Chiêm ngưỡng Đấng Lưỡng Túc.
Việc đó như thế nào ?
Xin Phật hãy giải nói.

"Đấng Huệ Nhật Đại Thánh, lâu mới nói pháp nầy". Huệ là trí huệ, nhật là mặt trời, ví dụ trí huệ của đức Phật như ánh sáng mặt trời. Là Thiên Trung Thiên, Thánh Trung Thánh, cho nên gọi là Đấng Đại Thánh. Trước kia khi Phật chưa ra đời, thì thế giới chẳng có Phật pháp, giống như chẳng có ánh sáng mặt trời, Chúng sinh đều ở trong đen tối. Khi Phật ra đời, thì giống như mặt trời mọc

cao ở trong hư không, chiếu phá tất cả đen tối. Vì khi Phật chưa ra đời, thì người thế gian chẳng rõ chân lý. Chẳng phải chẳng có chân lý, mà là chẳng có ai minh bạch chân lý. Chân lý vốn chẳng đến cũng chẳng đi, chỉ vì chúng sinh đã trầm mê quá lâu, lại chẳng có bậc trí đến chỉ bày, cho nên chẳng biết chân lý sở tại. Thế thì chúng sinh trầm mê vào đâu ? Tức là trầm mê ở trong năm dục : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, gọi là năm trần, còn gọi là năm dục.

Sắc trần : Phàm là vật có hình tướng đều gọi là sắc. Như một số người tham trước sắc đẹp, nhìn chẳng thủng sắc trần, cho nên say đắm ở trong sắc trần.

Thanh trần : Thích nghe âm nhạc, thích nghe ca hát, hoặc thích nghe tiếng chim hót, hoặc thích nghe lời mềm mại dịu dàng ngon ngọt, đó đều là đắm say ở trong thanh trần.

Hưởng trần : Cũng là một thứ dục vọng của con người, ăn vật nầy thì cảm thấy chẳng có hương thơm của vật kia, ăn đồ béo xong thì muốn thay đổi khẩu vị khác, ăn xong khẩu vị nầy, lại muốn đổi khẩu vị khác, thay đổi không ngừng, chẳng khi nào ngừng sự tham trước. Tóm lại, chúng sinh cũng say đắm trong hương trần chẳng tỉnh, giống như uống rượu say không khác.

Vị trần : Tức là mùi vị. Hôm nay muốn ăn cá, mai muốn ăn gà, mốt muốn ăn vịt, ăn xong thịt bò, thì cảm thấy thèm ăn thịt dê, ăn xong thịt dê, thì thèm ăn thịt heo, ăn thứ gì lâu ngày thì sẽ sinh chán, không thể đầy đủ.

Đó đều là do tham dục mà sinh ra thực dục, khiến cho chúng sinh trầm mê ở trong vị trần, mà chẳng cách chi tự cứu.

Xúc trần : Tức là thích tiếp xúc vật trơn nhẵn lán mịn, thậm chí giữa nam nữ đều hổ tương tham trước xúc trần, như hãm vào bùn lầy sâu thẳm, càng hãm càng sâu, chẳng cách chi tự cứu.

Năm dục chẳng dễ gì phá được, cho nên kẻ ngoại đạo thuận theo năm dục để thuyết pháp, chẳng thể khiến cho chúng sinh tỉnh ngộ. Chúng sinh chẳng khác nào đi vào con đường chết đen tối, chẳng cách chi ra khỏi, cũng chẳng biết lối ra. Đến khi Phật ra đời, thì mới giống như mặt trời chiếu phá đen tối, cho nên Ngài Xá Lợi Phất nói : "Đấng Huệ Nhật Đại Thánh". "Lâu mới nói pháp nầy". Phật từ lâu xa chẳng nói pháp nầy. Trước kia nói pháp đều là quyền pháp, quyền trí, mà chẳng nói thật trí. Bây giờ mới nói trí huệ chân thật cho mọi người nghe.

"Tự nói được như thế, lực vô úy tam muội, thiền định giải thoán thảy, pháp không thể nghĩ bàn". Đức Phật diễn nói thật trí nầy, thì trước hết nói chính Ngài đã chứng được pháp như vậy, tức mười trí lực, bốn vô sở úy và đủ thứ thần thông tam muội, còn có bốn thiền, tám định, tám giải thoát .v.v., pháp không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn. "Pháp chứng nơi đạo tràng, chẳng ai có thể hỏi". Phật tu đạo đắc được pháp vi diệu đó là thật trí, chẳng phải là quyền trí, cho nên Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát quyền thừa, đều chẳng minh bạch

thật trí, cũng chẳng có ai có thể hỏi được. "Tâm con khó dò được" : Pháp nầy chỉ có Đức Phật mới minh bạch được, thâm sâu không thể dò lường được, cho nên cũng chẳng ai hỏi được. "Chẳng hỏi mà tự nói" : Chẳng có ai hỏi, mà Đức Thế Tôn tự nói pháp nầy. "Khen ngợi đạo mình hành" : Tán thán khen ngợi đạo của Phật thực hành. "Trí huệ sâu vi diệu" : Trí huệ chân thật của Phật thâm sâu vi diệu. "Chỗ đắc của chư Phật" : Chỉ có mười phương chư Phật và Phật Thích Ca mới minh bạch được trí huệ nầy. "Các La Hán vô lậu" : Tuy nhiên các bậc Thanh Văn La Hán đắc được vô lậu, và người cầu Niết Bàn, và quyền thừa Bồ Tát cầu được Niết Bàn, hoặc Bích Chi Phật .v.v. "Nay đều sa lưới nghi". Bây giờ mọi người đều sinh nghi hoặc, thì có chướng ngại cho sự tu đạo, do đó người tu đạo chớ có nghi, nếu khởi tâm nghi tức rơi vào đường mê. "Vì sao Phật nói thế, những người cầu Duyên Giác, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, các trời, rồng, quỷ thần và Càn Thát Bà thảy, nhìn nhau ôm lòng nghi. Tại sao Phật nói pháp nầy" ? Chẳng những một số người hồ nghi không tin, mà thậm chí các bậc Duyên Giác, hai chúng xuất gia, tất cả trời, rồng hộ pháp, tám bộ quỷ thần .v.v., đều nhìn nhau ôm lòng nghi. Bạn nhìn tôi, tôi nhìn bạn, ai nấy đều chẳng minh bạch.

"Chiêm ngưỡng Đấng Lưỡng Túc" : Bây giờ mọi người đều chiêm ngưỡng Đức Phật mắt chẳng tạm rời. Đấng Lưỡng Túc, Lưỡng Túc là gì ? Lưỡng là hai, là chỉ phước và huệ. Túc là đầy đủ, tức là phước huệ đầy đủ viên

mãn, cho nên gọi là Lưỡng Túc Tôn. Đức Phật Thích Ca tam kỳ tu phước huệ. Trải qua thời gian ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu phước tu huệ. Bách kiếp chủng tướng hảo. Trong một trăm đại kiếp về trước tu ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. A Tăng Kỳ là gì ? Tức là vô lượng số, không thể tính ra được số mục. Đoạn thời gian dài nầy Phật tu phước tu huệ. Tu phước thì cúng dường Tam Bảo, gần gũi chư Phật, cúng dường Phật, Pháp, Tăng, cúng dường Bồ Tát, cúng dường Bích Chi Phật, cúng dường A La Hán. Chẳng những cúng dường một vị, mà là cúng dường vô lượng vô số Phật, Pháp, Tăng .v.v. Tu huệ thì trước phải giữ giới. Tại sao ? Vì trước hết giữ giới, mới do giới mà sinh định, do định mà phát huệ. Định lực tức là chẳng bị cảnh giới chuyển, đối với cảnh thiện, ác đều chẳng động tâm. Cảnh thiện tức là thuận cảnh, cảnh ác tức là nghịch cảnh. Thuận nghịch, khen chê, đều chẳng động tâm, đó tức là có định lực, có định lực mới có huệ lực, cho nên Đức Phật vừa tu phước vừa tu huệ.

Tu huệ thì phải học Kinh điển, nếu chẳng học Kinh điển thì trí huệ không thể tăng trưởng. Học Kinh, Luật, Luận ba tạng thì sẽ sinh huệ. Nếu chỉ tu phước mà chẳng tu huệ, thì tương lai được kết quả gì ? Tu phước chẳng tu huệ, thân voi mang chuỗi anh lạc. Tương lai làm voi vừa cao vừa to lớn, lại có sức mạnh, thân mang châu báu, chẳng có trí huệ. Tu huệ chẳng tu phước, La Hán ôm bát không. Cứ học Kinh điển nhưng chẳng làm việc thiện, chẳng trồng căn lành. Làm việc thiện tức là không làm

các điều ác, hãy làm các việc lành. Nếu bạn nói : Tôi nghiên cứu Kinh điển là tốt rồi, tại sao phải làm việc thiện, phải giúp đỡ người ? Thế thì tương lai bạn chứng quả A La Hán, đi hóa duyên chẳng có ai cúng dường. Tại sao ? Vì tại nhân địa chẳng tu phước, thì tại quả địa chẳng có phước. Tôi thường nói :

"Chịu khổ thì hết khổ,
Hưởng phước thì hết phước.

Tại sao bạn phải chịu khổ ? Vì quá khứ bạn chẳng tu phước, cho nên phải chịu khổ. Khổ nầy nếu bạn chịu được nó thì mới dứt được. Nếu bạn chẳng chịu khổ, thì khổ nầy vẫn tồn tại. Nếu bạn có một chút phước báo, nhưng suốt ngày đến tối cứ nói việc hưởng thụ, ở nhà tốt, ăn vật ngon, mua quần áo đẹp, chạy xe mới, thậm chí đi du lịch bằng máy bay, đó đều là đang tiêu mòn phước báo, bạn hưởng hết phước thì chẳng còn phước, thì phải chịu khổ. Vậy Đức Phật thì sao ? Ngài vừa tu phước vừ tu huệ, phước huệ đều tròn đầy, cho nên gọi là phước huệ Lưỡng Túc Tôn. "Việc đó như thế nào ? Xin Phật hãy giải nói" : Mọi người đều khẩn cầu đức Phật nói ra ý nghĩa đó.

Trong hàng chúng Thanh Văn
Phật nói con hạng nhất.
Nay con nưởng trí mình

Nghi hoặc chẳng hiểu được
Đâu là pháp cứu kính
Đâu là đạo Phật hành ?
Con từ miệng Phật sinh !
Chắp tay chiêm ngưỡng chờ
Xin nói pháp vi diệu
Liền vì nói như thật.
Các trời rồng thần thảy
Số đông như Hằng sa
Các Bồ Tát cầu Phật
Số nhiều đến tám vạn.
Và vạn ức cõi nước
Chuyển luân thánh vương đến
Chắp tay lòng cung kính
Muốn nghe đạo đầy đủ.

"Trong hàng chúng Thanh Văn, Phật nói con hạng nhất" : Ở trong hàng chúng Thanh Văn, Phật nói con Xá Lợi Phất, là người có trí huệ đệ nhất. "Nay con nương trí mình, nghi hoặc chẳng hiểu được". Tuy con là trí huệ đệ nhất, nhưng cũng nghi hoặc chẳng hiểu ? "Đâu là pháp cứu kính" : Cứu kính thì pháp nào là pháp cứu kính ?

Là vì pháp cứu kính vi diệu thâm sâu. "Đâu là đạo Phật hành" : Và đâu mới là đạo bồ đề viên mãn của Như Lai tu ? "Con từ miệng Phật sinh" : Tất cả Bồ Tát là chân tử của Phật, từ miệng Phật sinh ra. "Chắp tay chiêm ngưỡng chờ" : Đều chắp tay lại, chiêm ngưỡng đức Phật mắt chẳng tạm rời, đợi Phật nói pháp thâm sâu vi diệu, trí huệ chân thật. "Xin nói pháp vi diệu, liền vì nói như thật". Bây giờ mọi người đều mong đợi Đức Thế Tôn ban pháp âm vi diệu, đạo lý chân thật. "Các trời, rồng, thần thảy, số đông như Hằng sa, các Bồ Tát cầu Phật, số nhiều đến tám vạn" : Thiên, Long bát bộ số đông như số cát sông Hằng, còn có các vị Bồ Tát cầu Phật đạo, đông nhiều đến tám vạn. "Và vạn ức cõi nước, Chuyển luân thánh vương đến" : Và tất cả hàng vạn ức cõi nước khác, có các vị Chuyển luân thánh vương đều đến. Chuyển luân thánh vương lại phân ra Kim luân vương, Ngân luân vương, Đồng luân vương, Thiết luân vương. "Chắp tay lòng cung kính, muốn nghe đạo đầy đủ". Mọi người đều chắp tay lại, cung kính muốn nghe Đức Thế Tôn diễn nói nghĩa lý chân thật đầy đủ viên mãn vô thượng bồ đề đại đạo của đức Phật tu.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Thôi đi ! Đừng nói nữa. Nếu nói việc đó, thì tất cả trời, người thế gian đều sẽ kinh sợ nghi ngờ.

Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho ! Vì sao ? Vì vô số trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ chúng sinh, đã từng gặp các đức Phật, các căn đều lanh lợi, trí huệ sáng suốt, nghe đức Phật nói chắc sẽ cung kính tin nhận.

"Lúc bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Thôi đi ! Đừng nói nữa" : Đây là pháp không thể nói, không cần nói. "Vì sao ? Nếu nói việc đó, thì tất cả trời, người thế gian, đều sẽ kinh sợ nghi ngờ" : Người ở trên trời và người ở nhân gian đều sẽ kinh sợ hoài nghi. Tại sao ? Nếu bạn nói pháp phương tiện quyền xảo, thì họ tin sâu chẳng nghi hoặc, nếu bạn nói pháp chân thật thì họ chẳng tin. Ví như bạn kêu họ đừng có tâm dâm dục thì họ nói : chẳng có tâm dâm dục thì còn có ý nghĩa gì ? Mọi người đều sinh ra tâm nghi hoặc, vì họ cho rằng thứ hành vi đó là khoái lạc nhất. "Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng" : Đức Phật vốn chẳng muốn nói pháp nầy, chẳng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, nhưng Ngài Xá Lợi Phất nài nỉ khẩn cầu Đức Phật nhất định phải nói, đây gọi là thỉnh pháp. Giảng Kinh vốn phải có người thỉnh pháp mới giảng, bất quá ở những nơi chẳng hiểu Phật pháp, nếu

phải đợi người thỉnh, thì dù đợi đến năm sáu năm, cũng chẳng có người thỉnh.

"Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho" : Ngài Xá Lợi Phất lại gọi Đức Thế Tôn hãy nói cho. "Xin vì đại chúng mà diễn nói diệu pháp ! Xin vì đại Chúng mà nói diệu pháp" ! Do đó, thỉnh pháp tổng cộng có ba lần, đó là biểu thị khẩn thiết chí thành, nhất tâm cầu pháp. Vì sao ? Tại sao phải ba lần thỉnh Phật nói pháp nầy ? Vì vô số trăm ngàn vạn ức A Tăng Kỳ chúng sinh. "Trong pháp hội nầy có vô lượng vô số chúng sinh. Đã từng gặp các Đức Phật" : Trong quá khứ họ đã từng gặp các Đức Phật, bây giờ cũng gặp được Đức Thế Tôn. "Các căn lanh lợi" : Căn tính của họ đều lanh lẹ thông minh phi thường. "Trí huệ sáng suốt" : cũng đều có trí huệ. Nghe pháp của Phật nói, chắc sẽ cung kính tin nhận. Nếu Phật nói ra chắc chắn họ đều sinh tín tâm, thỉnh Phật từ bi diễn nói pháp thâm sâu vi diệu nầy.

Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa nầy, mà nói ra bài kệ :

Đấng Pháp Vưởng vô thượng
Xin nói chở do dự
Vô lượng chúng trong hội
Có ngưởi sẽ kính tin.

Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất vì biểu thị sự khẩn thiết chí thành thỉnh pháp của Ngài, mới dùng kệ thuật lại ý nghĩa trường hàng ở trên. "Đấng Pháp Vương Vô Thượng" : Chỉ có Phật là bậc tôn kính nhất của thế gian và xuất thế gian. "Xin nói chớ do dự" : Hy vọng Đức Thế Tôn nói pháp nầy, đừng do dự. "Vô lượng chúng trong hội, có người sẽ kính tin". Vì ở trong đại hội nầy, tất có người có thể tiếp nhận cung kính thọ trì.

Đức Phật lại bảo Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Nếu nói việc đó, thì tất cả thế gian trời, ngưởi, A tu la đều sẽ kinh sợ nghi hoặc, Tỳ kheo tăng thượng mạn sẽ sa vào hầm lớn.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ rằng :

Thôi thôi đừng nên nói
Pháp ta diệu khó nghĩ
Những kẻ tăng thượng mạn
Nghe tất chẳng kính tin.

Ở trước Phật đã hai phen bảo Ngài Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Lần nầy là lần thứ ba. Tại sao nói thôi đi ? "Nếu nói việc đó thì tất cả thế gian trời, người, A Tu La đều sẽ kinh sợ nghi hoặc ; không những trời, người .v.v.,

đều sẽ kinh sợ nghi hoặc, Tỳ Kheo tăng thượng mạn sẽ sa vào hầm lớn" : Ở trong hội có những Tỳ Kheo cống cao ngã mạn, tự cho rằng họ đệ nhất, họ sẽ đọa vào hầm lớn. Đó là bệnh thông thường của con người, ỷ có chút thông minh, chẳng phải là trí huệ cứu kính, khua môi múa mỏ đi khắp nơi khoe khoang mình là đệ nhất. Người thật có trí huệ thì họ giữ kín chẳng để cho người biết. Thế thì đó chẳng phải là tâm tham chăng ? Chẳng phải, sáng lạng mà chẳng lộ ra bên ngoài, là vì phòng ngừa tâm cống cao ngã mạn. Cống cao tức là tự xem mình hơn người, cảm thấy ưu tú hơn bất cứ ai. Ví như : Người da vàng thì cho người da vàng ưu tú, người da trắng thì cho rằng người da trắng ưu tú, người da đen thì cho rằng người da đen ưu tú, đó là một thứ biểu hiện cống cao ngã mạn. Lời xưa có nói : "Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích". Một khi mình khởi tâm kiêu ngạo, thì sẽ có chướng ngại trên đường học vấn, vì không thể nào tiếp thọ học được những gì hay của người khác, người chưa học Phật pháp, thì chẳng thông đạt Phật lý, càng không nên không nên có tâm cống cao.

Có những người thiên tài xuất chúng, thông minh hơn người, bất cứ xem Kinh, tụng Kinh đều nhanh chóng hơn người khác, nhưng y rất dễ sinh ra tâm tự mãn, cho rằng mình thành Phật cũng sẽ nhanh hơn người. Loại người nầy nên nhớ đừng có tâm kiêu ngạo.

Hiện tại Đức Phật nói : "Tỳ Kheo tăng thượng mạn". Họ cho rằng pháp gì họ cũng đều hiểu hết, song hậu quả của họ không thể tưởng tượng được. "Sẽ xa vào

hầm lớn" : Hầm lớn tức là ba đường ác : súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục.

"Lúc đó, Đức Phật lại dùng kệ để trả lời Ngài Xá Lợi Phất" : Thôi thôi đừng nên nói, pháp ta diệu khó lường, những người tăng thượng mạn nghe tất chẳng kính tin. Pháp thâm sâu vi diệu nầy của ta nói ra, rất khó có người tin nhận, nhất là những người tăng thượng mạn càng chẳng cung kính tin nhận.

Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho, nay trong hội nầy, những ngưởi như con, có hàng trăm ngàn vạn ức, các vị đó đời đời kiếp kiếp, đã từng tiếp thọ sự giáo hóa của Phật. Những ngưởi nầy tất sẽ cung kính tin nhận, lâu dài sẽ an ổn, sẽ đắc đưộc nhiều lợi ích.

Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói ra bài kệ :

Đấng Vô Thượng Lưỡng Túc
Xin nói pháp bậc nhất
Con là trưởng tử Phật

Cúi xin phân biệt nói.
Vô lượng chúng hội nầy
Sẽ kính tin pháp nầy
Phật đời đời đã từng
Giáo hóa chúng như thế.
Đều một lòng chấp tay
Muốn nghe lời Phật nói
Chúng con ngàn hai trăm
Và người cầu Phật kia.
Xin vì đại chúng nầy
Cúi xin phân biệt nói
Chúng con nghe pháp nầy
Chắc sinh vui mừng lớn.

Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất lại ba lần hai lượt khẩn cầu Đức Phật nói :"Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho. Nay trong hội nầy người như con có hàng trăm ngàn vạn ức, các vị đó đời đời kiếp kiếp đã từng tiếp thọ sự giáo hóa của Phật. Những người nầy tất sẽ kính tin." Trong pháp hội nầy, những người như con, tức là những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ .v.v., đã từng trải qua trăm vạn kiếp, đời đời kiếp kiếp, đều tiếp thọ sự giáo hóa của Phật. Nhiều đời nhiều kiếp, Phật đã độ

các hữu tình, họ cũng phát nguyện, đời đời kiếp kiếp thường theo học Phật. Phật làm Tỳ Kheo thì những người nầy đã quy y Phật, làm đệ tử của Phật. Khi Phật chứng đắc sơ quả A La Hán, thì họ đều nương theo Phật xuất gia, khi Phật chứng nhị quả thì họ phát nguyện theo Phật tu hành, Phật dùng tâm từ bi để nhiếp hóa họ. Đến khi Phật thành Phật rồi thì những đệ tử nầy đều chứng đắc quả vị A La Hán, đời đời kiếp kiếp theo bên trái bên phải của Phật. "Những đệ tử nầy chắc chắn sẽ kính tin pháp vi diệu của Phật nói. Lâu dài sẽ an ổn, sẽ được nhiều lợi ích". Nếu nghe được Phật nói pháp nầy, thì lâu dần sẽ chẳng sợ sệt, thâm tâm yên ổn đắc được rất nhiều lợi ích.

Khi tôi ở tại Đông Bắc Trung Quốc, và Hương Cảng, có những đệ tử đối với tôi niềm tin rất thâm sâu, bất cứ tôi nói gì họ cũng đều tin sâu chẳng nghi ngờ, khiến cho những người đời nầy quy y lần đầu tiên, hoặc đã quy y hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, thì tín tâm càng vững vàng. Nếu người nào đã quy y nhiều đời thì tín tâm của họ kiên cố kiền thành, đối với Phật pháp tin sâu chẳng nghi ngờ.

Tuy Ngài Xá Lợi Phất nói trong hội có người tất sẽ kính tin, nhưng khi Phật đang muốn nói diệu pháp nầy thì trong đại chúng có năm ngàn người bỏ đi, đó giống như đãi gạo, bỏ hết trấu chỉ còn lại gạo. "Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa nầy mà nói kệ : Đấng Vô Thượng Lưỡng Túc, xin nói pháp bậc nhất." Muốn thỉnh

Đức Thế Tôn đấng phước huệ đều viên mãn diễn nói diệu pháp độc nhất không hai nầy. "Con là trưởng tử của Phật, cúi xin phân biệt nói". Con Xá Lợi Phất là đại đệ tử ThanhVăn của Phật, nay cung thỉnh Đức Thế Tôn phân biệt giải nói tỉ mỉ. "Vô lượng Chúng hội nầy, sẽ kính tin pháp nầy, Phật đời đời đã từng, giáo hóa chúng như thế". Các vị ấy đã nhiều đời nhiều kiếp, đã chịu ơn của Phật pháp, cho nên nhất định sẽ tin nhận. "Đều một lòng chắp tay, muốn nghe lời Phật nói, chúng con ngàn hai trăm, và người cầu Phật pháp, xin vì đại chúng nầy, cúi xin phân biệt nói". Một ngàn hai trăm vị Thanh Văn ở trong đại hội nầy, và Bích Chi Phật, Bồ Tát quyền thừa đều khát ngưỡng Đức Thế Tôn diễn nói diệu pháp nầy. "Chúng con nghe pháp nầy, chắc sinh vui mừng lớn". Nếu Chúng con nghe diệu pháp nầy, thì chắc chắn vui mừng nhảy nhót.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất: Ông đã ân cần ba phen thỉnh cầu, lẽ nào không nói, ông hãy lóng nghe và khéo suy xét. Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.

Đức Phật vừa nói lời nầy xong, thì trong hội có các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cả thảy năm ngàn

ngưởi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi đi. Vì sao ? Vì những ngưởi nầy tội căn sâu nặng, và những ngưởi tăng thượng mạn, chưa đượ̣c mà nói đã đượ̣c, chưa chứng mà nói đã chứng, có lỗi như thế, cho nên chẳng ở lại. Đức Thế Tôn yên lặng chẳng ngăn cản họ.

Lúc đó, Đức Phật nói với Ngài Xá Lợi Phất : Nay chúng của ta đây chẳng còn cành lá, chỉ thuần có chân thật. Xá Lợi Phất ! Những ngưởi tăng thượng mạn như thế, đi về cũng tốt. Nay ông hãy khéo lóng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Ngài Xá Lợi Phất nói : Thưa vâng, Đức Thế Tôn, con thích muốn đượ̣c nghe.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bị Ngài Xá Lợi Phất thành tâm khẩn thiết thỉnh cầu mà cảm động, cho nên nói :"Con đã ân cần ba phen thỉnh cầu, lẽ nào chẳng nói." Ta làm sao mà chẳng nói ? Con hãy lắng nghe và khéo suy xét. Ta sẽ vì con mà phân biệt giải nói. Con phải chuyên tâm nhất chí, lắng nghe, bây giờ ta sẽ vì các con mà giải nói cặn kẽ.

"Nói lời nầy xong, thì trong hội có các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cả thảy năm ngàn người, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật mà lui đi". Lúc đó có năm ngàn người lui về. "Vì sao ? Vì những người đó tội căn sâu nặng và những kẻ tăng thượng mạn chưa được mà nói đã được, chưa chứng mà nói đã chứng, có lỗi như thế, cho nên chẳng ở lại". Tại sao họ phải lui đi ? Vì tội chướng của họ quá nặng, phước mỏng huệ cạn, cho nên không thể ở lại trong hội nầy, để nghe diệu pháp vô thượng. Mao bệnh của những người nầy là tăng thượng mạn, tự mình chưa đắc pháp mà nói đã đắc được pháp, tự mình chưa chứng quả vị A La Hán mà nói đã chứng được, tự mình chưa chứng được trí huệ chân thật, mà nói đã chứng được, do đó những người nầy chẳng có duyên nghe được Kinh Pháp Hoa.

"Đức Thế Tôn yên lặng mà chẳng ngăn cản họ" : Phật cũng chẳng ngăn cản họ, kêu họ đừng đi. "Lúc đó, Đức Phật nói với Ngài Xá Lợi Phất : Nay Chúng của ta đây chẳng còn cành lá, chỉ thuần có chân thật". Phật nói những người vừa mới lui đi, là cành lá tạp nhạp, cũng là vỏ bẹ bên ngoài. Bây giờ những người còn lại toàn là những người có căn lành, có phước huệ, có thuần chân tín tâm thanh tịnh. Năm ngàn người lui đi là vì tâm của họ chẳng thành. Ví như, tôi có hai vị đệ tử, sau lần thọ giới thì chạy đi mất, tình hình cũng giống như năm ngàn người lui đi. Sau đó, anh em hai người đó đi khắp nơi nói dối

người đời, nói chúng đã khai ngộ. Đó thật là tự lừa dối người.

"Xá Lợi Phất ! Những kẻ tăng thượng mạn tự bỏ đi cũng là tốt." Họ bỏ đi cũng tốt, tránh sự ảnh hưởng đến người khác, khiến cho người khác xấu theo. "Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói" : Bây giờ ông hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói pháp. Xá Lợi Phất nói : "Thưa vâng, Đức Thế Tôn ! Con rất thích muốn nghe". Ngài Xá Lợi Phất và đại chúng đều vui mừng chờ đợi Phật nói pháp.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất ! Diệu pháp như thế, khi đúng thời thì chư Phật Như Lai mới nói. Như hoa Ưu đàm bát, đúng thời mới hiện. Xá Lợi Phất ! Các ông nên tin lời của Phật nói, chẳng có hư vọng. Xá Lợi Phất ! Chư Phật tùy nghi nói pháp ý thú khó hiểu. Vì sao ? Ta dùng vô số phưởng tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, để diễn nói các pháp, pháp đó chẳng phải suy lưởng phân biệt mà hiểu đượ̣c, chỉ có chư Phật mới biết đượ̣c. Vì sao ?

Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời.

Phật bảo Xá Lợi Phất ! Diệu pháp như thế, khi đúng thời thì chư Phật Như Lai mới nói : Diệu pháp nầy chẳng phải bất cứ lúc nào cũng nghe được, phải đợi đến khi nhân duyên chín mùi thì mới nói. Diệu pháp nầy có một ví dụ. Ví dụ gì ? Ví dụ hoa Ưu Đàm Bát đúng thời mới hiện. Thứ hoa nầy chỉ nở trong thời gian rất ngắn thì tàn, cho nên rất trân quý ít có. Hiện tại thứ hoa nầy và diệu pháp nầy đều ít có như nhau. "Xá Lợi Phất ! Các ông nên tin lời của chư Phật nói chẳng có hư vọng." Lời lẽ của Phật nói đều chân thật chẳng hư. "Xá Lợi Phất ! Chư Phật tuỳ nghi nói pháp." Tuy nhiên là diệu pháp khai quyền hiển thật, song, Phật vì pháp chân thật mà thí quyền xảo phương tiện tùy nghi nói pháp, quán căn cơ mà nói pháp, vì người mà mưa pháp vũ. "Ý thú khó hiểu" : Đạo lý bên trong chẳng dễ gì minh bạch được. "Vì sao" ? Vì sao mà chẳng dễ gì minh bạch ? "Ta dùng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên" : Phật dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, và nhân duyên để giáo hóa chúng sinh. "Ví dụ lời lẽ" : Lại đưa ra lời lẽ ví dụ để diễn nói các pháp. "Pháp đó chẳng phải suy lường phân biệt mà hiểu được". Pháp nầy chẳng phải dùng tâm thức để phân biệt suy lường mà minh bạch được, đừng dùng thức thứ sáu và thức thứ bảy, để dò pháp của Phật nói. "Chỉ có chư Phật mới biết được" : Chỉ có Phật với Phật mới biết

được pháp nầy. "Vì sao" ? Đây là đạo lý gì ? "Chư Phật Thế Tôn, chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời". Đại sự nhân duyên gì ? Chúng ta mỗi người hãy nghĩ xem, đó là đại sự gì ? Đức Phật vì một đại sư nhân duyên, đại sự nầy cứu kính là đại sự gì ? Đại sự nầy chẳng phải việc nhỏ, nếu việc nhỏ thì chẳng nói là đại sự. Câu trả lời rất là đơn giản, và còn có một câu trả lời rất thâm sâu, các bạn hãy tự nghĩ lại. Đó thật là diệu vô cùng, diệu đến cỡ nào ? Diệu đến mức chẳng thể tưởng tượng được, tức cũng là không thể nghĩ bàn. Ở trên đã giảng qua, nói là không thể suy lường phân biệt mà hiểu được. Chẳng phân biệt, chẳng suy lường, đó tức là diệu pháp. Tôi kêu các bạn trả lời vấn đề nầy, kỳ thật vấn đề nầy chẳng cần phải trả lời, vì nó chẳng có trả lời. Chỗ nầy giảng quá lạ lùng, vốn phải có trả lời, sao lại nói chẳng có trả lời ? Vì hiện tại Đức Phật sắp muốn vào Niết Bàn, câu trả lời nầy chỉ có Đức Phật mới phán đoán được. Hiện tại tôi chưa đủ tư cách phán đoán vấn đề nầy, cho nên chúng ta mọi người tốt nhất là hãy quên đi vấn đề nầy, đừng tưởng đến nó. Song, tuy nói tốt nhất là hãy quên đi, nhưng tôi tin rằng các bạn nhất định chẳng quên được, tại sao ? Vì là đại sự nhân duyên, chẳng phải là nhân duyên nhỏ, là đại sự nhân duyên, làm sao mà có thể quên được chăng ? Quên chẳng được. Quên chẳng được vậy biết làm sao ? Chỉ có cách minh bạch nó, nói đi nói lại, đại sự nhân duyên nầy tôi vẫn chưa nói ra, bây giờ tôi phải nói ra. Đại sự nhân duyên nầy, giống như hiện tại trong

bàn tay của tôi cầm vật gì. Bạn nhìn thấy vật gì ? Đó là đại sự nhân duyên, bạn biết được tức là đại sự nhân duyên. Bạn nói có vật gì ? Bạn chẳng biết ? Đó cũng là đại sự nhân duyên. Bạn hãy xem có gì ? Gì cũng chẳng có ! Đại sự nhân duyên nầy cũng như thế. Đại sự nhân duyên tức là chẳng có việc, Đức Phật muốn tìm chút việc để làm, tức cũng muốn nói Kinh Pháp Hoa. Nói Kinh Pháp Hoa tức là đại sự nhân duyên. Vậy Kinh Pháp Hoa nói gì ? Là nói diệu pháp của Kinh Pháp Hoa. Thứ diệu pháp nầy là gì ? Là không thể nghĩ, khi bạn nghĩ thì chẳng phải là diệu pháp, một khi bạn hỏi thì chẳng còn diệu. Vậy, chúng ta nghe Kinh để làm gì ? Chúng ta chẳng nghe Kinh càng chẳng diệu sao. Ai kêu bạn đến ? Bạn có thể không nghe !

Còn có một đại sự, chúng ta cũng chẳng nên quên, tức là sinh tử đại sự của mỗi chúng ta. Chúng ta mỗi người đều có sinh có tử, phải minh bạch việc sinh tử cho rõ ràng, thì đại sự nầy mới chấm dứt được. Vấn đề sinh tử của bạn chẳng rõ ràng, thì đại sự của bạn không thể hoàn thành. Nếu chúng ta nghĩ muốn biết đại sự nhân duyên nầy, thì trước hết phải biết tiểu sự nhân duyên. Bạn chẳng biết tiểu sự nhân duyên, thì chẳng biết đại sự nhân duyên. Con người từ đâu đến ? Từ vô minh mà đến. Vô minh tức là tiểu sự nhân duyên, sinh tử tức là đại sự nhân duyên. Tại sao có sinh tử ? Vì bạn có vô minh. Một khi bạn có vô minh thì tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm ngã mạn, tâm nghi ngờ đều xuất hiện. Nếu chẳng có vô minh,

thì những vấn đề nầy đều chẳng có. Có vô minh rồi thì có vấn đề ; có vấn đề thì có sinh tử. Cho nên chúng ta trước phải minh bạch rõ ràng tiểu sự nhân duyên, thì sẽ minh bạch rõ ràng đại sự nhân duyên. Tại sao ? Vì đại sự thì do nhỏ mà biến thành lớn, đứa trẻ con do từ nhỏ mà lớn thành người lớn, từ lớn mà thành già, từ già mà chết đi. Nếu bạn chẳng biết gốc rễ của tiểu sự nhân duyên, thì cũng chẳng giải quyết được đại sự nhân duyên, cho nên hiện tại trước phải phá vô minh, phá được vô minh rồi, thì hằng ngày chẳng còn tích tập nghiệp nhỏ mà gây thành họa lớn, do đó đại sự nhân duyên cũng tự nhiên chấm dứt.

Xá Lợi Phất ! Vì sao lại nói chư Phật Thế Tôn, chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời ? Vì chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh, khai mở tri kiến của Phật, để được thanh tịnh mà hiện ra nởi đời, muốn mở bày cho chúng sinh tri kiến của Phật mà hiện ra nởi đời, muốn khiến cho chúng sinh ngộ tri kiến của Phật mà hiện ra nởi đời, muốn cho chúng sinh vào được tri kiến của Phật mà hiện ra nởi đời.

Đức Phật gọi Ngài Xá Lợi Phất, nói : Gì là chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra nơi đời ? Chư Phật vì việc sinh tử của chúng sinh, đủ thứ nghiệp báo nhân duyên mới xuất hiện ra đời. Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh khai mở tri kiến của chư Phật. Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh đắc được tri kiến của Phật, khai mở tri kiến của Phật. Khai mở tri kiến của Phật, tức là đối với chúng sinh khép kín tri kiến của Phật mà nói. Chúng sinh đã khép kín tri kiến của Phật khi nào ? Là vì vô minh sinh ra, cho nên khép kín tri kiến của Phật lại, bây giờ lại khai mở nó ra. Trí của Phật là gì ? Tức là tâm mà chúng ta tất cả chúng sinh đều có. Tâm nầy đầy đủ trí huệ của Phật, cho nên còn gọi là tâm Phật. Phật kiến là gì ? Tức là Phật nhãn. Bạn khai mở Phật nhãn, thì sau đó bạn sẽ thấy rõ thật tướng của tất cả các pháp, chứng được quả vị thanh tịnh. Chúng ta chẳng khai mở Phật nhãn, là vì chẳng thanh tịnh sở chí, tức cũng là vô minh, phiền não, thô hoặc, tế hoặc, khiến cho tánh chẳng thanh tịnh. Tự tánh vốn thanh tịnh, tại sao bây giờ chẳng thanh tịnh ? Vì chẳng khai mở tri kiến của Phật, cho nên Đức Phật vì khiến cho tất cả chúng sinh trở về nguồn cội, khai mở tri kiến của Phật, cho nên xuất hiện ra đời, hiện tám tướng thành đạo giáo hóa chúng sinh.

"Mở bày cho chúng sinh tri kiến của Phật" : Mục đích duy nhất của đức Phật, là mở bày cho tất cả chúng sinh tri kiến của Phật, tức khiến cho chúng sinh minh

bạch tri kiến của Phật vốn tự có, chứ chẳng phải đắc được từ bên ngoài. Chỗ khác nhau của Phật giáo và các tôn giáo khác là : "Tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật", đây là chỗ bình đẳng nhất của giáo nghĩa. Bất cứ ai tu hành đều có thể thành Phật, chẳng phải nói tôi là Phật, bạn chẳng phải là Phật, cũng chẳng phải nói bạn là Phật, tôi chẳng phải là Phật. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Một số ngoại đạo nói : Chỉ có Thiên Chúa là độc nhất vô nhị. Vậy chứ Thiên Chúa từ đâu đến ? Có khi nói vốn có, có khi nói chẳng được hỏi. Nếu hỏi Thiên Chúa từ đâu đến thì phạm tội, nhưng đó tuyệt đối chẳng phạm tội, trừ khi chẳng có Thiên Chúa, nếu như có Thiên Chúa thì chẳng phạm tội. Bạn hỏi họ thì đáng lý họ phải nói cho bạn biết, không thể nói : Tôi chẳng biết, một khi hỏi thì có tội. Chẳng có đạo lý nầy ! Kỳ thật, Thiên Chúa tức là trời Đế Thích ở cõi trời Đao Lợi, còn gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, có người nói chẳng phải : Chúa trời đó chẳng phải là Chúa trời nầy, là Chúa trời khác. Vậy bạn muốn đem Chúa trời cõi trời Đao Lợi để ở đâu ? Đem ông đi làm Chúa Trời ở đâu ? Trừ khi, tựa như bạn soán ngôi vua, đuổi ông ta đi để cho bạn làm Chúa trời. Kỳ thật, Chúa trời chỉ là một vị hộ pháp ở trong Phật giáo. Một số giáo đồ Thiên Chúa chẳng biết giáo lý nầy, cũng chẳng minh bạch đạo lý vô thủy vô chung, chỉ biết hữu thủy vô chung, nói Chúa trời vốn có, là ý trời khai thủy, Chúa trời sẽ vĩnh viễn tồn tại, vĩnh viễn sống mãi, vĩnh viễn chẳng chết, cho nên là vô chung.

Kỳ thật, đây là lý luận của chúng sinh ước lượng, chứ chẳng phải là hiểu biết chân chánh. Tuy nhiên, Đức Phật nói : "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Nhưng ai ai cũng có thể thành Phật, chẳng riêng gì mình Đức Phật Thích Ca là Phật, còn những chúng sinh khác thì chẳng cho thành Phật. Mười phương chư Phật, Phật Phật đồng nhau, một luật bình đẳng, chẳng phải nói ta là độc nhất vô nhị, cũng chẳng chuyên chế độc đoán. Hiện tại chẳng phải chỉ có Phật mới có tri kiến của Phật, mà tất cả chúng sinh đều có tri kiến của Phật, chỉ tạm thời chúng sinh chẳng minh bạch đạo lý nầy, chẳng đắc được sức lực nầy, cho nên Phật vì chỉ thị cho tất cả chúng sinh tri kiến của Phật mà xuất hiện ra thế giới Ta Bà nầy.

"Muốn khiến cho chúng sinh ngộ tri kiến của Phật" : Nói về lý thì tức nhiên minh bạch, nhưng chính mình cũng phải giác ngộ. Mình chẳng giác ngộ, chỉ cầu nghe thì trong tâm chẳng lãnh thọ chân chánh. Phật muốn khiến cho tất cả chúng sinh giác ngộ tri kiến Phật mà mình vốn có, cho nên hiện ra nơi đời.

"Muốn khiến cho chúng sinh vào tri kiến của Phật" : Tất nhiên có người chỉ thị rõ ràng, mình cũng chân chánh giác ngộ, nhưng chưa chứng đắc cho nên hiện tại Phật khiến cho tất cả chúng sinh vào tri kiến của Phật. Vào tức là chứng quả, chứng được cảnh giới của Phật, do đó đại sự nhân duyên của Phật, tức là muốn khiến cho chúng sinh : khai, thị, ngộ, nhập, tri kiến của Phật, liễu

sinh thoát tử, một khi liễu sinh tử, thì đại sự sẽ hoàn tất. Đại sự hoàn tất, thì chẳng còn việc làm, cho nên Phật nói đạo lý nầy xong rồi thì muốn vào Niết Bàn.

Xá Lợi Phất ! Đó là chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đức Phật bảo Xá Lợi Phất ! Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, làm tất cả những gì, thuởng vì một việc, đó là : mở bày cho chúng sinh ngộ đuợc tri kiến của Phật.

Xá Lợi Phất ! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp, chẳng có hai hoặc ba thừa nào khác. Xá Lợi Phất ! Hết thảy mười phuởng chư Phật cũng lại như thế.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ dùng vô lượng vô số phuởng tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp, pháp đó đều vì một Phật thừa, các chúng sinh đó theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc đuợc Nhất thiết chủng trí.

Xá Lợi Phất ! Khai, thị, ngộ, nhập, Phật tri kiến mà ta nói ở trước, khiến cho chúng sinh liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui. Đó tức là chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đức Phật nói với Xá Lợi Phất : "Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa các Bồ Tát, làm tốt cả những gì thường vì một việc" : Thường thường chỉ vì một đại sự nhân duyên, tức là mở bày cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật. "Xá Lợi Phất ! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, mà vì chúng sinh thuyết pháp, chẳng có hai hoặc ba thừa nào khác" : Mười phương chư Phật Như Lai chỉ dùng một Phật thừa duy nhất, để giáo hóa chúng sinh, vì chúng sinh mà nói pháp, chẳng có đại thừa hoặc tiểu thừa. Hai hoặc ba tức là đại thừa, tiểu thừa ; Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa, chẳng có các thừa ấy, cũng chẳng có thừa nào khác. Chẳng có đại thừa, chẳng có tiểu thừa, cũng chẳng có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa vậy. Vậy đó là thừa nào ? Tức là duy nhất một Phật thừa. "Xá Lợi Phất, pháp của tất cả mười phương chư Phật cũng như thế" : Tất cả hết thảy mười phương chư Phật thuyết pháp, thì cũng chỉ nói duy nhất một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. "Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên". Những nhân duyên gì ? Tức là bạn trồng nhân lành thì được quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, đủ thứ nhân duyên quả báo. "Lời lẽ ví dụ" : Lại dùng đủ thứ ví

dụ, đủ thứ lời lẽ tốt đẹp để giáo hóa chúng sinh. "Mà vì chúng sinh diễn nói các pháp, pháp đó đều vì một Phật thừa" : Tuy nhiên nói là có tiểu thừa, đại thừa ; hoặc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa, song, bổn hoài cứu kính của Phật chỉ vì nói Phật thừa để tiếp dẫn chúng sinh sớm thành Phật đạo. "Các chúng sinh đó, theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí". Tất cả chúng sinh bắt đầu theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí. Trí gồm có :

1. Nhất thiết trí.
2. Đạo chủng trí.
3. Nhất thiết chủng trí.

Nhất thiết trí là thuộc về không, là sở chứng đắc về lý không của hàng nhị thừa. Đạo chủng trí là lý chứng đắc của quyền thừa Bồ Tát, cũng gọi là có (hữu), còn gọi là giả. Có nầy là giả có, chẳng phải thật. Cho nên Nhất thiết chủng trí tức là trung đạo, chẳng rơi về có cũng chẳng rơi về không, đó là trí huệ trung đạo của chư Phật chứng đắc.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật vị lai sẽ xuất hiện ra đời, cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa, các chúng

sinh đó theo Phật nghe pháp, cửu kính đều đắc đuợc Nhất thiết chủng trí.

Xá Lợi Phất ! Hiện tại chư Phật Thế Tôn, trong mười phưởng vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật, làm lợi ích an lạc chúng sinh, chư Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phưởng tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Các chúng sinh đó theo Phật nghe pháp, cửu kính đều đắc đuợc Nhất thiết chủng trí.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật đó chỉ giáo hóa Bồ Tát, vì muốn chỉ bày cho chúng sinh tri kiến của Phật, muốn cho chúng sinh ngộ đuợc tri kiến của Phật, muốn cho chúng sinh vào đuợc tri kiến của Phật.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ vì chúng sinh thuyết pháp như thế. Còn chư Phật vị lai ? cũng như thế. Khi chư Phật xuất hiện ra đời, thì cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ mà vì

chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Pháp của chư Phật nói đều vì duy nhất một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. Các chúng sinh đó, theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí. Phật nói các pháp mục đích cuối cùng là khiến cho tất cả chúng sinh đắc được Nhất thiết chủng trí. "Xá Lợi Phất ! Hiện tại chư Phật Thế Tôn trong mười phương vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật, làm lợi ích an lạc chúng sinh" : Hiện tại hết thảy cõi nước trong mười phương, cũng đều thấm nhuần lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều được yên ổn và khoái lạc. Chư Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Các chúng sinh đó theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được nhất thiết chủng trí. Phật nói các pháp, mục đích duy nhất là khiến cho chúng sinh đắc được nhất thiết chủng trí, viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc. "Xá Lợi Phất ! Chư Phật đó, tất cả chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, chỉ giáo hóa Bồ Tát" : Mục đích của các Ngài là giáo hóa khiến cho phát tâm Bồ Tát, thành Phật đạo.

"Vì muốn chỉ bày cho chúng sinh tri kiến của Phật, vì muốn cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật, vì muốn cho chúng sinh vào được tri kiến của Phật" : Hết thảy chư Phật trong mười phương ba đời, đều vì duy nhất một Phật thừa, mà trước hết nói pháp môn thiện xảo phương tiện, mục đích cuối cùng là khiến cho tất cả

chúng sinh đắc được tri kiến của Phật, đắc được trí huệ của Phật, đắc được quả vị Phật.

Xá Lợi Phất ! Ta nay cũng lại như thế, biết các chúng sinh có đủ thứ dục niệm, chấp trước nởi thâm tâm, tuỳ theo bản tánh của họ, ta dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ thí dụ sức phưởng tiện, để vì họ nói pháp.

"Xá Lợi Phất ! Ta nay cũng lại như thế" : Ta hiện tại giáo hóa chúng sinh, cũng dùng đủ thứ nhân duyên lời lẽ ví dụ mà vì chúng sinh nói pháp. "Biết các chúng sinh có đủ thứ dục niệm" : Ta biết hết thảy chúng sinh, mỗi chúng sinh đều có vô lượng vô biên dục niệm. "Chấp trước nơi thâm tâm" : Những dục niệm nầy chẳng phải một đời một kiếp, hoặc mấy kiếp tích tập nên, mà là từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp tập nhiễm mà ra. Những dục niệm nầy, tích tập thâm sâu ở trong tám thức của chúng sinh, do đó chẳng thể nào xả bỏ được, sức tập nhiễm nầy lớn vô cùng, do tâm chấp trước nên chẳng dễ gì đắc được giải thoát. Vì nhân duyên đó, cho nên ta tùy theo bổn tính của họ, dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ, sức phương tiện mà vì họ nói pháp.

Xá Lợi Phất ! Như thế đều vì đắc được một Phật thừa Nhất thiết chủng trí. Xá Lợi Phất ! Ở trong mười phưởng thế giới còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba. Xá Lợi Phất ! Chư phật xuất hiện ra đời ác năm trược : Kiếp trược, phiền não trược, chúng sinh trược, kiến trược, mạng trược. Như thế Xá Lợi Phất ! Vào thởi kiếp trược loạn thì chúng sinh cấu nặng, xan tham, đố kị, thành tựu các căn chẳng lành. Chư Phật dùng sức phưởng tiện nởi một Phật thừa mà phân biệt nói ba.

Xá Lợi Phất ! Nếu đệ tử của ta, tự cho mình là bậc A La Hán, Bích Chi Phật, mà chẳng nghe chẳng biết việc chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, những người đó chẳng phải đệ tử của Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Bích Chi Phật.

"Xá Lợi Phất ! Như thế đều vì đắc được một Phật thừa Nhất thiết chủng trí" : Như ở trước có nói, chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai nói pháp đều giống nhau, đều vì

đắc được một Phật thừa, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí. "Xá Lợi Phất ! Ở trong mười phương thế giới còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba" : Ở trong mười phương thế giới của chư Phật, còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba ? Hai thừa có thể nói là đại thừa và tiểu thừa ; lại có thể nói là tạng giáo và thông giáo. Ba thừa tức là chỉ biệt giáo. Kinh Hoa Nghiêm là đốn giáo, là pháp giáo hóa Bồ Tát, song cũng bao quát bất định giáo. Tạng giáo và thông giáo là pháp giáo hóa A La Hán và Duyên Giác. Biệt giáo là đối với Thanh Văn và Duyên Giác, sẽ phải hồi tiểu hướng đại, phải hồi hướng đến viên giáo. "Hà huống có ba" : Ba ở đây cũng có thể nói là tạng, thông và biệt giáo. Vì Kinh Pháp Hoa là thuần viên độc diệu. Thuần viên, tức là chỉ nói về viên giáo ; độc diệu tức là chỉ có Kinh Pháp Hoa mới là diệu nhất, ngoài ra tạng, thông, biệt giáo đều chẳng sánh bằng. Do đó, duy chỉ một Phật thừa, tức cũng là nói viên giáo. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa đều là quyền giáo.

"Xá Lợi Phất ! Chư Phật xuất hiện ra đời ác năm trược.

Kiếp trược : Kiếp tức là thời gian. Bổn lai thời gian chẳng tồn tại, nhưng vì ở tại phần của chúng sinh, sinh ra tâm phân biệt mới có quá khứ, hiện tại và vị lai ba đời, cho nên gọi là kiếp. Kiếp là tiếng Phạn, nếu nói đủ là Kiếp ba, dịch là "thời phần". Vào thời đại tội ác đầy dẫy nầy, cho đến thời gian cũng ô nhiễm.

Phiền não trược, tức là có năm độn sử : Tham, sân, si, mạn, nghi. Đó là gốc rễ của phiền não.

Kiến trược, tức là năm lợi sử : Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, tà kiến. Độn, là vì nó đến chậm ; lợi là vì nó đến nhanh.

Chúng sinh trược : Chúng sinh có đủ thứ nhân duyên thiện ác xen tạp, mỗi chúng sinh đều có nghiệp ác đặc biệt của họ, cho nên chúng sinh cũng ô trược.

Mạng trược, mạng tức là một đoạn thời gian của báo thân chúng sinh, tức là mạng sống. Mạng sống cũng ô trược. Trược là gì ? Trược cũng giống như bùn ở dưới nước, dùng tay khuấy thì đục ngầu, nhìn chẳng rõ. Thế giới nầy do năm thứ trược đục nầy tạo thành, cho nên thế giới cũng chẳng sạch sẽ, cho nên gọi là đời ác năm trược. "Như thế, Xá Lợi Phất ! Vào thời kiếp trược loạn thì chúng sinh cấu nặng" : Tội cấu của chúng sinh nặng vô cùng. "Xan, tham, đố kị" : Xan tức là keo kiệt, không thể xả bỏ một đồng xu. Tham tức là chẳng những không xả bỏ, mà còn tham lam tài vật của người khác, tham chẳng biết chán. Người xan tham thì tương lai phải chịu quả báo nghèo cùng.

Bây giờ kể về chuyện tham cho mọi người nghe. Có một người nọ, sau khi chết rồi thì đến chỗ Vua Diêm Vương, Vua Diêm Vương hỏi y :"Ông là người thông minh, khi ông còn sống thì cũng chẳng thiệt thòi gì. Ông kiếp sau làm người, thì muốn ăn của người khác hay ăn

của chính mình ?" Ông ta nghĩ :"Ăn đồ của mình thì hao tốn, còn ăn đồ của người thì chẳng tốn hao gì của mình." Bèn nói với Vua Diêm Vương :"Tôi thích ăn của người, chẳng thích ăn của mình." Vua Diêm Vương nói :"Tốt, vậy ông đi làm heo, heo thì chuyên môn ăn của người, chẳng ăn của mình." Do đó, người tâm tham nầy mới biết ăn của người khác là sai lầm, nhưng đã yêu cầu với Vua Diêm Vương, chẳng thể nào thay đổi được nữa, do đó bèn đi làm heo. Heo thì suốt ngày đến tối ăn đồ của người, tức là vì tâm tham mà phải gánh chịu. Đố kị, đố tức là đố hiền, nghĩa là thấy bất cứ người nào, nếu tốt hơn mình thì chẳng vui ; kị, là kị năng, nếu người nào mà giỏi hơn mình, thì sinh tâm ganh tị, cho nên hợp lại gọi là đố kị, tức là ghen ghét người hay, người giỏi hơn mình. Người có tâm ghen ghét thì tương lai sẽ đọa lạc, kiếp sau hoặc làm súc sinh vì tâm sân hận quá nặng !

"Các căn chẳng lành" : Vì chúng sinh tham, xan, đố kị, cho nên làm được những gì, cũng đều chẳng phải việc tốt, mà trở thành căn chẳng lành. Căn chẳng lành tức là căn ác. "Chư Phật dùng sức phương tiện" : Chư Phật dùng sức phương tiện quyền xảo. "Nơi một Phật thừa mà phân biệt nói ba" : Vốn chỉ là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác, nếu lúc khởi đầu kêu chúng sinh thành Phật, thì tất cả chúng sinh đều chẳng tin, cho nên mười phương chư Phật, trước hết đều nói pháp tiểu thừa, dẫn dắt tất cả chúng sinh, từ nhỏ đến lớn. "Xá Lợi Phất ! Nếu đệ tử của ta, tự cho mình là bậc A La Hán" : Nếu

như họ tự nói đã chứng được quả A La Hán. "Bích Chi Phật" : Đã đắc được quả vị Bích Chi Phật. "Mà chẳng nghe chẳng biết" : Cũng chẳng từng nghe đến một Phật thừa duy nhất chân thật diệu pháp nầy. "Cũng chẳng biết việc chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát" : Họ cũng chẳng biết chư Phật Như Lai vì giáo hóa Bồ Tát để thành Phật quả. "Những người đó chẳng phải đệ tử của Phật. Những người đó chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là A La Hán, chẳng phải là Thanh Văn Thừa, chẳng phải Bích Chi Phật, cũng chẳng phải là Duyên Giác". Tại sao họ chẳng phải là Bồ Tát ? chẳng phải là A La Hán ? chẳng phải là Bích Chi Phật ? Vì nếu như họ thật sự đắc được quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, thì nhất định sẽ tin diệu pháp của Phật nói, căn tánh của họ nhất định rất sâu dày. Nếu họ không tin thì họ chẳng thật sự chứng được quả A La Hán, chẳng chứng được quả Bích Chi Phật, cũng chẳng chứng được quả Bồ Tát quyền thừa, họ chỉ là kẻ tăng thượng mạn.

Lại nữa, Xá Lợi Phất ! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni đó, tự cho mình đã chứng A la hán, là thân cuối cùng, cửu kính Niết bàn, chẳng còn có chí cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nên biết, những ngưởi đó đều là những kẻ tăng thượng

mạn. Vì sao ? Nếu có Tỳ kheo thật chứng được A la hán, nếu không tin pháp nầy, thì chẳng có lý vậy, trừ khi Phật diệt độ rồi, hiện tiền chẳng có Phật. Vì sao ? Sau khi Phật diệt độ rồi, người thọ trì đọc tụng, hiểu nghĩa những Kinh như vầy, thật là khó có được. Nếu gặp đức Phật khác, ở trong pháp nầy thì sẽ hiểu rõ.

Xá Lợi Phất ! Các ông nên một lòng tin hiểu, thọ trì lời của Phật nói. Lời của chư Phật Như Lai chẳng có hư vọng, chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa.

Đức Phật lại nói : "Xá Lợi Phất ! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đó, tự cho mình đã chứng A La Hán" : Những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đó, nói họ đã chứng được quả vị A La Hán. "Là thân cuối cùng" : Báo thân nầy là báo thân cuối cùng, sau nầy chẳng còn thọ thân khác nữa. "Cứu kính Niết Bàn" : Họ nói đã đắc được cứu kính Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh. "Chẳng còn có chí cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác" : Chẳng còn hướng thượng phát nguyện cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng

chánh giác. "Nên biết những người đó, đều là những kẻ tăng thượng mạn" : Những loại người nầy đều thông minh, ngược lại bị thông minh lầm lẫn, cống cao ngã mạn, là những kẻ tăng thượng mạn. "Vì sao ? Nếu có Tỳ Kheo thật chứng được A La Hán, nếu không tin pháp nầy thì chẳng có lý vậy" : Là nguyên nhân gì ? Nếu như họ đã chứng quả A La Hán, mà họ chẳng tin Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy, thì chẳng có lý. "Trừ khi Phật diệt độ rồi" : Trừ khi Phật đã nhập diệt rồi. "Hiện tiền chẳng có Phật" : Hiện tại chẳng có Phật. "Vì sao" ? Là nguyên nhân gì ? "Khi Phật diệt độ rồi" : Sau khi Đức Phật diệt độ. "Những Kinh như vầy" : Giống như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. "Người thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa" : Người hay thọ trì, hay đọc tụng minh bạch đạo lý nầy. "Thật là khó có được" : Chẳng dễ gì tìm được người giảng giải Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, vì chẳng có người minh bạch cho nên chúng sinh chẳng tin. "Nếu gặp Đức Phật khác" : Hoặc là gặp Phật ở thế giới khác. "Ở trong pháp nầy thì sẽ hiểu rõ" : Đối với đạo lý khai quyền hiển thật trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, họ có thể minh bạch hiểu rõ. "Xá Lợi Phất ! Các ông nên nhất tâm tin hiểu, thọ trì lời của Phật nói" : Các ông tất cả chúng Thanh Văn và chúng Bồ Tát, nên chuyên tâm nhất chí tin hiểu thọ trì pháp của Phật nói. "Lời của chư Phật Như Lai chẳng có hư vọng" : Pháp của chư Phật nói chẳng giả, đều là chân thật không hư. "Chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa" : Chẳng có ba thừa pháp nào

khác, chỉ duy nhất một Phật thừa, cho nên đừng sinh tâm hoài nghi.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, mà nói ra bài kệ.

"Lúc đó, Đức Thế Tôn" : Khi đó, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni. "Muốn thuật lại nghĩa trên" : Muốn tuyên lại nghĩa vừa nói ở trên. "Mà nói ra bài kệ" : Bèn nói kệ rằng.

Tỳ kheo Tỳ kheo ni
Ôm lòng tăng thượng mạn
Cư sĩ nam ngã mạn
Cư sĩ nữ chẳng tin.
Hàng bốn chúng như thế
Số đông năm ngàn ngươi.

Đức Phật đang muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì trong đại hội có năm ngàn Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng đệ tử đều lui về. Tại sao ? Vì họ có tăng thượng mạn, hoặc là hoài nghi chẳng tin.

Chẳng thấy rõ lỗi mình
Nơi giới có thiếu lủng.

Tiếc giữ lầm lỗi mình
Ngưởi trí nhỏ đã ra
Bọn tấm cám trong chúng
Đi vì oai đức Phật.

Họ cũng chẳng biết lỗi lầm mao bệnh của mình, bởi vì giới đức chẳng đầy đủ, có sự thiếu khuyết mà còn khư khư giữ mao bệnh của mình. Lỗi lầm tức là mao bệnh. Phàm là người đã thọ giới thì phải giữ giới. Bất cứ là giới Bồ Tát, giới Bát quan trai, giới Sa Di đều phải giữ gìn giới luật cho tinh nghiêm, nếu không thì cũng như đáy bình có lỗ lủng, chẳng đựng được nước, đó là hữu lậu. "Tiếc giữ lầm lỗi mình" : Lầm lỗi cũng như ngọc có tì vết, chẳng được tốt đẹp, chẳng được viên mãn, đây là chỉ phẩm đức của người có mao bệnh, giới đức có khuyết lủng. "Bọn tấm cám trong chúng" : Họ giống như tấm cám, sau khi xay lúa xong lấy gạo ra, thì còn lại tấm cám, cũng có thể nói là, người làm rượu xong, thì còn lại cặn rượu, chẳng còn dùng nữa. Tại sao họ phải bỏ đi ? Bởi vì oai đức của Phật. Vì đức hạnh của mình chẳng đủ, đợi chẳng được, cho nên lui về.

Những ngưởi đó phước mỏng
Chẳng kham thọ pháp nầy
Chúng nay không cành lá

Chỉ toàn là chân thật.
Xá Lợi Phất khéo nghe !
Pháp của chư Phật đưởc
Vô lượng sức phưởng tiện
Mà vì chúng sinh nói.
Tâm chúng sinh nghĩ gì
Làm đủ thứ các việc
Bao nhiêu các tính dục
Nghiệp thiện ác đời trưởc.
Phật đều biết vậy rồi
Dùng các duyên thí dụ
Lời lẽ sức phưởng tiện
Khiến tất cả vui mừng.
Hoặc nói những khế Kinh
Cô khởi và Bổn sự
Bổn sinh Vị tằng hữu
Cũng nói các Nhân duyên.
Thí dụ và Trùng tụng
Và Kinh luận nghị thảy
Độn căn thích pháp nhỏ
Tham trưởc trong sinh tử.

Vô lượng chỗ chư Phật
Chẳng hành sâu diệu đạo
Bị khổ làm não loạn
Vì họ nói Niết bàn.
Ta bày phưởng tiện đó
Khiến vào đượ̀c Phật huệ
Chưa từng nói các ông
Sẽ đắc đượ̀c Phật đạo.
Sở dĩ chưa từng nói
Vì thờìi nói chưa đến
Nay chính là phải thờìi
Quyết định nói đại thừa.
Chín bộ pháp ta đây
Thuận theo chúng sinh nói
Vào đại thừa làm gốc
Vì vậy nói Kinh nầy.
Có Phật tử tâm tịnh
Êm diệu cũng lợi căn
Vô lượng chỗ chư Phật
Mà hành sâu diệu đạo.
Vì các Phật tử đó

Nói Kinh đại thừa nầy
Ta thọ ký người đó
Tưởng lai sẽ thành Phật.
Vì giữ gìn tịnh giới
Người nầy nghe thành Phật
Mừng rỡ khắp toàn thân
Phật biết tâm người đó.
Cho nên nói đại thừa
Nếu Thanh Văn Bồ Tát
Nghe pháp của ta nói.
Cho đến một bài kệ
Đều thành Phật chẳng nghi.

"Những người đó phước mỏng, chẳng kham thọ pháp nầy" : Những người nầy phước thì mỏng, căn tính thì hạ liệt, chẳng đủ tư cách thọ trì diệu pháp nầy. "Chúng nay không cành lá, chỉ toàn là chân thật" : Hiện tại, người còn ở lại ở trong pháp hội đều là Bồ Tát và A La Hán, chẳng có cành lá hỗn tạp, chẳng có cặn bã, chỉ còn lại chân thật người căn khí đại thừa. "Xá Lợi Phất khéo nghe, pháp của chư Phật được, vô lượng sức phương tiện, mà vì chúng sinh nói" : Phật dùng vô số pháp môn thiện xảo phương tiện để dẫn dắt chúng sinh hồi tiểu hướng đại, phát tâm bồ đề thành Phật đạo. "Chúng sinh tâm nghĩ gì,

làm đủ thứ các việc, bao nhiêu các tính dục, nghiệp thiện ác đời trước, Phật đều biết vậy rồi" : Trong tâm của mỗi chúng sinh nghĩ gì, làm gì, đủ thứ căn tính đều chẳng giống nhau. Người nhiều nghiệp thiện thì dục niệm nhẹ, người nhiều nghiệp ác thì dục niệm nặng. Từ chỗ nầy các bạn có thể tự suy ra, tự hỏi mình : Dục niệm của mình nhẹ hay nặng ? Nếu nhẹ thì căn lành của mình sâu dày. Nếu nặng thì căn lành của mình mỏng manh. Thật ra, dục niệm tức là một tên khác của phiền não, tức cũng là vô minh. Phàm là bạn nhìn chẳng xuyên thủng, buông chẳng đặng đều là dục niệm, phiền não. Tất cả hết thảy những thứ nầy Phật đều biết vậy rồi. Bao nhiêu thứ tính của chúng sinh, Như Lai đều biết. "Dùng các duyên ví dụ, lời lẽ sức phương tiện, khiến tất cả vui mừng, hoặc nói những khế Kinh" : Do đó, Phật dùng đủ thứ ví dụ, lời lẽ tốt đẹp khéo léo nói Phật pháp, để khiến cho tất cả chúng sinh pháp hỉ sung mãn. Khế Kinh tức là trên thì khế với lý thể của chư Phật, dưới thì khế với căn cơ của chúng sinh. Cũng có thể nói trên thì đồng nhất với Phật tính, dưới thì hợp với nhân duyên của chúng sinh.

"Cô khởi và Bổn sự" : Cô khởi, là nghĩa của Già Đà (tiếng Phạn) dịch là "tụng", tức chẳng có quan hệ gì với Kinh trường hàng ở trước hoặc sau. Ví như trong Kinh Kim Cang có một bài Già Đà (cô khởi) :

"Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng huyễn bọt bóng,

Như sương cũng như điện,
Hãy quán sát như vậy."

Thông thường, Già Đà là dùng để biểu thị ý chính trong Kinh, như Kinh Kim Cang còn có một bài kệ rằng :

"Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Người đó hành tà đạo,
Không thấy được Như Lai."

Bổn sự, là tường thuật lại chuyện quá khứ của chư Phật. "Bổn sinh Vị tằng hữu" : Bổn sinh là một bộ trong mười bộ Kinh, chuyên thuật lại chuyện của các đại đệ tử và các đại Bồ Tát trong quá khứ. Vị tằng hữu là trước kia chưa từng nói qua, nghe những gì chưa nghe, thấy những gì chưa thấy.

"Cũng nói các nhân duyên, thí dụ và trùng tụng" : Nhân duyên tức là nói đủ thứ việc nhân duyên quả báo. Thí dụ là Phật dùng đủ thứ thí dụ để xiển minh đạo lý thâm áo ở trong Kinh. Trùng tụng là nghĩa của chữ Kì Dạ (tiếng Phạn), tường thuật lại những gì nói ở trường hàng phía trên, như đoạn văn đang giảng nầy là Kì Dạ (trùng tụng).

"Và Kinh luận nghị thảy" : Luận nghị là nghĩa của Ưu Ba Đề Xá (tiếng Phạn). Chỗ nầy Đức Phật đề ra tên của chín bộ Kinh trong mười hai bộ Kinh. Tại sao ?

Dưới đây Phật có giải thích nói. "Độn căn thích pháp nhỏ, tham trước trong sinh tử" : Người độn căn thì thích pháp tiểu thừa, chẳng thích pháp đại thừa, cũng tham luyến sinh tử luân hồi. "Vô lượng chỗ chư Phật, chẳng hành sâu diệu đạo" : Ở trước vô lượng chư Phật trong quá khứ, họ chưa từng tu hành Phật đạo thâm sâu vô thượng. "Bị khổ làm não loạn" : Suốt ngày chịu đựng ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ bức bách. "Vì họ nói Niết Bàn, ta bày phương tiện đó, khiến vào được Phật huệ" : Vì những người căn tính nông cạn mà Phật nói Niết Bàn, pháp môn : thường, lạc, ngã, tịnh, khéo bày đủ thứ pháp môn phương tiện để dẫn dắt họ nhập vào trí huệ của Phật.

Song, chưa từng nói các ông sẽ đắc được Phật đạo. "Sở dĩ chưa từng nói, vì thời nói chưa đến" : Phật chưa nói với người tiểu thừa rằng : các ông tương lai đều sẽ thành Phật. Tại sao không nói ? Vì thời cơ chưa đến, vì nhân duyên chưa thành thục. "Nay chính là phải thời, quyết định nói đại thừa" : Phật nói pháp thì trước hết quán sát căn cơ vì người thuyết pháp, nay chính là phải thời, nên nói diệu pháp đại thừa nầy. "Chín bộ pháp ta đây" : Chín bộ Kinh nói ở trên, đều thuận theo chúng sinh mà nói. "Vào đại thừa làm gốc" : Mục đích cuối cùng, là khiến cho người tiểu thừa vào gốc rễ đại thừa. "Vì vậy nói Kinh nầy" :Vì nhân duyên đó, cho nên nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

"Có Phật tử tâm tịnh, êm dịu cũng lợi căn" : Có đệ tử của Phật, tâm của họ thanh tịn, tâm ý êm dịu cũng thông minh có trí huệ, đó là căn cơ đại thừa. "Vô lượng chỗ chư Phật, mà hành sâu diệu đạo" : Vì những vị đệ tử của Phật đó, đã ở chỗ vô lượng chư Phật thực hành sâu diệu đạo. "Vì các Phật tử đó, nói Kinh đại thừa nầy" : Phật vì tất cả đệ tử của Phật, mà nói Kinh đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. "Ta thọ ký người đó, tương lai sẽ thành Phật" : Hiện tại Phật thọ ký cho những đệ tử đó, tương lai họ nhất định sẽ thành Phật. "Dùng thâm tâm niệm Phật, vì giữ gìn tịnh giới" : Vì họ dùng thâm tâm, tức là tâm đại thừa để tu Phật pháp, giữ gìn giới thanh tịnh. "Người nầy nghe thành Phật, mừng rỡ khắp toàn thân" : Những người nầy mà nghe được mình sẽ thành Phật, thì toàn thân của họ mừng rỡ vô cùng. "Phật biết tâm người đó, cho nên nói đại thừa" : Phật biết tư tưởng và sự tu hành của họ, cho nên vì họ mà nói pháp đại thừa. "Nếu Thanh Văn, Bồ Tát" : Hoặc là Thanh Văn thừa, hoặc là Bồ Tát thừa. "Nghe pháp của ta nói, cho đến một bài kệ" : Nghe được diệu pháp của Phật nói, dù chỉ một bài kệ. "Đều thành Phật chẳng nghi" : Tương lai đều có thể thành Phật, chẳng có tơ hào hoài nghi.

Trong mười phương cõi Phật
Chỉ có một thừa pháp.
Chẳng hai cũng chẳng ba

Trừ Phật phưởng tiện nói
Chỉ dùng tên giả danh
Dẫn dắt các chúng sinh.
Nói trí huệ của Phật
Chư Phật hiện ra đời
Chỉ thật một việc nầy
Nếu hai chẳng phải chân.
Quyết chẳng dùng tiểu thừa
Tế độ các chúng sinh
Phật tự trụ đại thừa
Như pháp của mình đượ̣c.
Định huệ lực trang nghiêm
Dùng để độ chúng sinh
Tự chứng đạo vô thượng
Pháp đại thừa bình đẳng.
Nếu giáo hóa tiểu thừa
Cho đến chỉ một ngưởi
Thì ta đọa xan tham
Việc nầy không thể có.

"Trong mười phương cõi Phật, chỉ có một thừa pháp, chẳng hai cũng chẳng ba, trừ Phật phương tiện nói" : Trong mười tất cả các cõi Phật, Phật vì giáo hóa chúng sinh, mà nói đủ thứ pháp môn phương tiện, cho nên vừa nói tiểu thừa, đại thừa, lại nói Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. "Chỉ dùng tên giả danh, dẫn dắt các chúng sinh, nói trí huệ của Phật" : Chẳng qua là dùng những tên giả danh nầy, để khiến cho chúng sinh cũng đắc được trí huệ của Phật.

"Chư Phật hiện ra đời, chỉ thật một việc nầy" : Chỉ có một việc nầy là chân thật nhất. "Nếu hai chẳng phải chân" : Nếu như hai hoặc ba thừa nào khác, thì chẳng phải chân, đều là pháp môn quyền xảo phượng thiện. "Quyết chẳng dùng tiểu thừa, tế độ các chúng sinh" : Song, chư Phật tuyệt đối chẳng dùng giáo lý tiểu thừa để giáo hóa, cứu độ chúng sinh. "Phật tự trụ đại thừa, như pháp của mình được" : Phật trụ ở trong pháp đại thừa và pháp Ngài đắc được ở tại Đạo tràng là chân thật. "Định huệ lực trang nghiêm" : Phật dùng sức định huệ, huệ lực để tự trang nghiêm cho mình. Lực là mười thứ trí lực, ở trước đã giải thích rõ. Phật có mười thứ trí huệ, cho nên gọi là định huệ lực trang nghiêm. "Dùng để độ chúng sinh" : Dùng những lực nầy để giáo hóa chúng sinh, độ thoát chúng sinh. "Tự chứng đạo vô thượng" : Mình đã chứng được đại đạo vô thượng, tức là "pháp đại thừa bình đẳng". "Nếu giáo hóa tiểu thừa, cho dù chỉ một người, thì ta đọa xan tham, việc nầy chẳng thể có" : Phật nói :

Nếu ta không dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, chỉ nói pháp tiểu thừa dù đối với một người, giấu pháp lớn mà nói pháp nhỏ, tức là rơi vào tâm tham, keo kiệt pháp, việc nầy tuyệt đối không thể có.

Nếu người tin quy Phật
Như Lai chẳng dối gạt.
Cũng không tham ghen ghét
Dứt ác trong các pháp
Nên Phật trong mười phương
Chẳng có gì sợ hãi.
Ta dùng tướng nghiêm thân
Quang minh chiếu thế gian
Vô lượng chúng tôn kính
Vì nói ấn thật tướng .
Xá Lợi Phất nên biết !
Ta vốn lập thệ nguyện
Muốn khiến tất cả chúng
Đồng như ta không khác.
Nguyện xưa kia của ta
Nay đã đầy đủ rồi
Độ tất cả chúng sinh

Đều khiến vào Phật đạo.

Nếu như có người tin Phật pháp, quy y Phật đạo, thì Như Lai quyết chẳng dối gạt, cũng chẳng có ý tham lam đố kị. "Dứt ác trong ác pháp" : Mục đích học Phật pháp, là muốn thấu sự rõ lý, minh bạch nhân quả, thực hành những gì Phật thực hành, giác ngộ những gì Phật giác ngộ. Đối với pháp lành, thì phải nghe theo hành theo, mới có thể trừ khử bớt, tập khí xấu tham sân si từng chút từng chút, tức là dứt ác trong các pháp. Tại sao có người ngu si ? Vì thấy người có trí huệ thì sinh tâm đố kị, cho nên đời nầy ngu si. Đồng lý ấy, đời nầy thông minh có trí huệ, là vì đời trước không những chẳng đố kị với người khác, ngược lại sinh ra tâm tùy hỉ ca ngợi người khác. Người chân chánh tu đạo, thì không sợ người khác giỏi hơn mình, mà mong muốn mọi người đều hơn mình, mọi người đều thành Phật, sau đó mình mới thành Phật. Bạn hãy xem, ôm ấp chí khí nầy ở trong lòng thật là vĩ đại. Bồ Tát Địa Tạng Vương phát nguyện :

"Địa ngục chưa trống không,
Thệ không thành Phật.
Chúng sinh độ hết
Mới chứng bồ đề".

Chúng sinh ở trong địa ngục, ác tập khí quá nặng, khó điều khó phục, luân hồi ở trong sáu nẻo, nhưng Bồ

Tát chẳng than mệt nhọc, luôn luôn cứu độ, khiến cho họ sớm được giải thoát.

Có người hỏi, có thể nào cùng năm tháng ngày giờ, đều độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thành Phật chăng ? Không, không thể được, chỉ có thân người mới có thể thành Phật đặng, nguyện lực nầy mới viên mãn. Còn năm nẻo kia là trời, A Tu La, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, nếu muốn thành Phật thì trước hết phải làm thân người, chứ không thể ở trong năm nẻo kia mà thành Phật đặng. Trong lời nguyện của Bồ Tát Địa Tạng phát ra là trước hết độ tất cả chúng sinh ác liệt nhất, cho nên đời ác năm trược, thệ vào trước để cứu độ tất cả chúng sinh tội khổ đọa lạc trong ba đường ác.

Đức Phật chánh đại quang minh, cho nên được người thế gian trong mười phương tôn kính, mà chẳng có gì sợ hãi. Con người vì hoặc nghiệp chưa hết, suốt ngày điên đảo mộng tưởng, tâm nhiều quái ngại, thậm chí đêm ngủ cũng chẳng yên. Phật đắc được trí huệ cứu kính, đủ đại dũng mãnh, tinh thần đại vô úy, chẳng sợ cứu độ những chúng sinh cang cường, thường làm thuyền độ người trong biển khổ. Vì chẳng có gì sợ hãi, nên đắc được quang minh chánh trực. Chánh cũng có nghĩa là trung đạo, chẳng lệch bên phải, chẳng lệch bên trái, chẳng nhiều cũng chẳng ít. Trung đạo thì chẳng có hình tướng, luôn luôn xử sự hợp với trung đạo, đó tức là diệu đạo, cho nên Phật hay dùng vô sở úy, để khiến chúng sinh thích nghe Phật pháp.

Phật nói pháp thiện xảo phương tiện, làm hài lòng tâm của đại chúng. Song, tại sao ở trong hội Pháp Hoa, còn có năm ngàn người lui về ? Thật ra chẳng phải họ không muốn nghe, mà vì nghiệp chướng của họ quá sâu nặng, đức hạnh chẳng đủ, cho nên chiêu lại ma lực ở trong thân, khiến cho họ lui khỏi pháp hội.

Phật dùng tướng tốt trang nghiêm thân, trí huệ quang minh chiếu khắp thế gian, là bậc tôn kính ngưỡng mộ của vô lượng chúng sinh, hiện tại là nói pháp thật tướng. "Ấn thật tướng" là chánh pháp ấn thật tướng, tức cũng là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

"Xá Lợi Phất nên biết, ta vốn lập đại thệ nguyện, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đồng như Phật, Thế Tôn không khác". Như ta đã phát thệ nguyện xưa kia, nay đã mãn nguyện được thành Phật đạo và khéo dẫn dụ tất cả chúng sinh si mê, đều khiến cho họ nhập vào trong chánh đạo của Phật.

Nếu ta gặp chúng sinh
Dùng Phật đạo dạy hết
Kẻ vô trí lầm lẫn
Mê hoặc chẳng nghe lời.

"Ta" ở đây là chỉ bản thân của Phật. Phật có tám đại tự tại ngã (ta). **Tự tại ngã thứ nhất là** : Dùng một thân mà ứng vô lượng thân để độ thoát chúng sinh. **Thứ**

hai là : Dùng một thân đầy khắp đại thiên thế giới, sao lại có thể dùng một thân mà đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới ? Vì tự tại. **Thứ ba là** : Thân Phật có thể khinh cử viễn đạo. "Khinh cử" tức là nhẹ như khí cầu, một chút trọng lượng cũng chẳng có, có thể tùy ý bay nổi, đó gọi là khinh cử. "Khinh cử viễn đạo", nghĩa là thần thông của Phật tự tại diệu dụng.

Thứ tư là : Phật có thể ở trong cùng một cõi nước, mà hiện đủ thứ thân hình.

Thứ năm là : Sáu căn dụng với nhau, như mắt có thể ăn được vật ăn, tai có thể nói ; tóm lại, mỗi một căn đầy đủ năng lực của năm căn kia.

Thứ sáu là : Đắc các pháp tướng vào vô pháp tướng. Tuy chứng đắc các pháp tướng vào vô pháp. Tuy chứng đắc tất cả các pháp, mà chẳng có các pháp tướng, pháp cũng không.

Thứ bảy là : Diễn nói kệ tụng, vĩnh viễn chẳng dừng cảnh.

Thứ tám là : Thân đầy các nơi, khắp mười phương cõi, chẳng có nơi nào mà không có. Pháp giới làm thể, hư không làm dụng. Hư không vô tướng mà vô sở bất tướng. Chúng ta đều sống ở trong pháp thân của Phật. Chúng sinh sống ở trong pháp thân, cũng giống như sống ở trong gió, nhưng bản thân người chẳng biết gió ra làm sao. Đồng lý ấy, chúng ta tuy sống ở trong pháp thân của Phật mà chẳng biết Phật là thế nào. Do đó :

"Chẳng biết mặt mũi thật núi Lư Sơn,
Chỉ nương thân ở trên núi ấy."

Núi Lư Sơn là danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc, nếu ở tại núi Lư Sơn thì tự nhiên chẳng thấy được mặt mũi thật của núi Lư Sơn, chỉ ở ngoài núi mới trông thấy được. Thế thì làm sao thấy được pháp thân của Phật ? Chẳng có cách nào khác, chỉ cần siêng tu Phật đạo, thành tựu quả vị Phật, với Phật không hai không khác, thì tự nhiên ngộ được ý bên trong.

Phật dùng tám đại tự tại ngã nầy, toại tâm như ý giáo hóa chúng sinh, giáo hóa hết Phật đạo. Song, người chẳng rõ thị phi, chẳng phân trắng đen, vô trí lầm lẫn, cho nên hoặc chẳng nghe lời. Nếu người luôn luôn tự mình kiểm thảo, hồi quang phản chiếu, thì giống như ở trước gương soi, sẽ chiếu rõ ràng mặt mũi của mình. Nếu tâm thường từ bi, đồng thể đại bi, thì kiếp trước đã từng tu thiện dứt làm ác, chẳng tạo nghiệp giết hại. Nếu người tâm sân hận quá nặng, giết hại nhiều sinh linh, thì đời nầy nóng giận bạo phát, hỏa khí rất lớn. Do đó, có thể suy ra :

"Muốn biết nhân trồng trong quá khứ,
Hãy xem mình đang hưởng thụ đời nầy ;
Muốn biết quả sẽ thọ trong tương lai,
Hãy xem mình đang làm gì trong đời nầy."

Xưa kia, có người từng hỏi tôi : "Người sẽ đọa làm súc sinh chăng ?" Tôi đáp : "Bạn làm việc súc

sinh tức là súc sinh, làm việc người tức là người, làm việc quỷ tức là quỷ. Nếu thọ Bồ Tát giới hành Bồ Tát đạo, tức là Bồ Tát sơ phát tâm, làm việc Phật tức là Phật. Tóm lại, mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm, vạn pháp do tâm tạo ra." Hiện tại đại chúng thường đến pháp hội nầy nghe Kinh, đều do kiếp trước đã từng gieo trồng căn lành, niềm tin chẳng thối lùi, cho nên đời nầy mới gặp được pháp duyên nầy.

Ta biết chúng sinh đó
Chưa từng tu gốc lành
Chấp cứng nởi năm dục
Vì si ái sinh phiền.
Do nhân duyên ác dục
Đọa vào ba đường ác
Luân hồi trong sáu nẻo
Chịu đủ các khổ độc.
Thọ thai hình hài nhỏ
Đời đời thường lớn dần
Ngưởi đức mỏng phước ít
Bị các khổ bức bách.
Vào rừng rậm tà kiến
Chấp có hoặc chấp không

Nưởng tựa các kiến này
Đầy đủ sáu mươi hai.
Chấp sâu pháp hư vọng
Giữ chặt chẳng bỏ đượ̣c
Ngã mạn tự khoe cao
Dua nịnh tâm chẳng thật.
Trong ngàn vạn ức kiếp
Chẳng nghe danh hiệu Phật
Cũng chẳng nghe chánh pháp
Ngưởi như thế khó độ.

Ta biết những chúng sinh mê hoặc nầy, chưa từng tu học gốc lành đại thừa, lại tham chấp vào cảnh : sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm dục, tức : tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn và ngủ. Do đó, đọa địa ngục. Ví như :

1. Người tham tiền tài : Bất chấp mọi thủ đoạn để kiếm tiền bạc, chẳng cứ nhân nghĩa đạo đức, cũng chẳng màng nguồn gốc tiền bạc có chánh đáng chăng, suốt ngày tâm vì tiền bạc sai khiến, trồng xuống hạt giống địa ngục.

2. Sắc : Sắc đẹp là nhân luân hồi của chúng sinh, bất cứ nam nữ, một khi gặp nhau thì ý niệm đầu tiên là, muốn nhìn xem thử đối phương có xinh đẹp chăng ? Cứ khởi vọng tưởng, sự suy nghĩ nầy chẳng chân thật, cho nên có luân chuyển.

3. Danh lợi : Con người thường bị danh lợi trói buộc, do đó thích tự mình tuyên truyền, ở trên tấm thiếp nhỏ in đầy ra, nào là giám đóc công ty nào đó, chủ tịch gì đó..., đó phải chăng là vì háo danh.

4. Ăn : Có người chẳng thích tiền tài, chẳng háo sắc, cũng chẳng tham danh lợi mà thích ăn !

5. Ngủ : Có những người chẳng tham mấy thứ ở trên mà chỉ thích ngủ ! Ngủ nhiều thì đầu não hôn mê.

Ở tại Hương Cảng, Đài Loan thường nghe bệnh ngủ chết phát sinh, vì người quá tham ngủ, ngủ chết rồi cảm thấy sung sướng, cho rằng đó là sự ra đi an nhàn, chẳng chịu đựng cảnh chết đau đớn. Tóm lại, năm thứ dục lạc nầy là địa ngục năm căn, khiến cho chúng sinh trầm luân sâu thẳm ở trong sáu nẻo luân hồi. Do đó, học Phật tu đạo là khiến cho con người dứt làm ác mà làm điều lành, bỏ tà quy chánh, chấm dứt sinh tử, chẳng còn luân hồi.

"Vì si ái sinh phiền" : Vì quá chấp trước năm dục, ngu si luyến ái, chẳng xả bỏ được, cho nên sinh đủ thứ phiền não. Tham những ái dục nghiệp ác nầy đều là nhân duyên của ba đường ác, nghiệp quả vay trả, như bánh xe lăn, lưu chuyển trong sáu nẻo, đó gọi là sáu nẻo luân hồi. Chúng sinh luân hồi trong sáu cõi, chịu đủ các khổ độc, thọ bào thai hình hài nhỏ, ra thai bò vào bụng ngựa, khi thì họ Trương, khi thì họ Lý, luân chuyển trong lục đạo. Người hạ liệt đức mỏng phước ít, thường bị các khổ bức

bách. Khổ có ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ.

"Vào rừng rậm tà kiến" : Tức là kiến trược. "Hoặc chấp có chấp không" : Chấp có tức là chấp thường, chấp không tức là chấp đoạn, đủ các thứ tà kiến. "Nương tựa các kiến nầy" : Nương vào có, không, hai thứ kiến (thấy) bất chánh, thành sáu mươi hai kiến. Năm kiến là : thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến.

"Đầy đủ sáu mươi hai" : Phàm phu và các ngoại đạo, nơi cảnh năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) khởi bốn thứ kiến ; hoặc là sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc ; hoặc là sắc nhỏ ngã lớn, sắc ở trong ngã ; hoặc là sắc tức là ngã ; hoặc là lìa sắc là ngã. Đó là về sắc ấm, còn bốn ấm kia, thọ tưởng hành thức, mỗi ấm cũng khởi bốn thứ kiến, cộng thành hai mươi thứ kiến. Quá khứ, hiện tại và vị lai, mỗi thứ có hai mươi thứ kiến, cộng thành sáu mươi thứ kiến và kể cả thường kiến và đoạn kiến (chấp không chấp có) cộng thành sáu mươi hai thứ tà kiến.

"Ngã mạn tự khoe cao" : Khoe khoang kiêu ngạo, trọng mình khinh người. "Dua nịnh tâm chẳng thật" : Dua nịnh tức là a dua theo người có quyền có thế, chẳng ngay thẳng, chẳng thật thà. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói :

"Nhân mà không thật thì quả quanh co".

Nếu tại nhân địa mà chấp chặt vào pháp hư vọng, ngã mạn tự khoe cao, dua nịnh chẳng thật, nhân địa chẳng thật, cho nên ngàn vạn ức kiếp, chẳng nghe được danh hiệu của Phật, cũng chẳng đắc được chánh pháp của Phật, người như thế chẳng có duyên, khó mà độ thoát được.

Tại San Francisco, mỗi buổi tối người đến tham gia pháp hội nầy, thật là lông phụng sừng lân, tình hình nầy giống như có một lần Đức Phật cầm lên một ít đất hỏi Ngài A Nan :"Con xem đất trong tay của ta nhiều, hay đất ngoài đại địa nhiều ?" Ngài A Nan đáp :"Đương nhiên đất ngoài đại địa nhiều, đất trong bàn tay của Như Lai ít." Phật lại nói : "Được thân người như đất trong lòng bàn tay, mất đi thân người như đất ngoài đại địa." Nếu thân người mất đi thì vạn kiếp khó được lại, đời sau chẳng làm ngạ quỷ thì làm súc sinh hoặc đọa vào địa ngục. Do đó, có thể thấy, vào thời mạt pháp, người đến đây học Phật nghe Kinh, hiếm có như vàng thật, còn những người chẳng nghe danh hiệu Phật, chẳng học Phật như đất, khắp nơi đều có.

Trung Quốc có một vị Phật sống Chùa Kim Sơn, bất cứ vị pháp sư nào giảng Kinh thuyết pháp, Ngài cũng đều đảnh lễ trước rồi quỳ xuống nghe, chắp tay im lặng, cung kính phi thường, thật là có tâm thành. Vì sao Ngài được xưng là Phật sống ? Nguyên nhân là Ngài từ đỉnh tháp Kim Sơn nhảy xuống mà vẫn an nhiên chẳng hề gì, và Ngài hay dùng "thuốc Ba La Mật" chữa trị các chứng bịnh nan y. "Thuốc Ba La Mật" là vật gì ? Tức là nước

rửa chân của Phật sống Kim Sơn ! Nếu ai cầu chữa bệnh, thì Ngài lầy nước rửa chân rồi thêm vào một chút tro, cho bệnh nhân uống. Nói ra cũng lạ thật, nước rửa chân lại có thể công hiệu, phát sinh ra chất thuốc chữa lành các chứng bệnh. Cho nên ai ai cũng gọi Ngài là Phật sống Kim Sơn.

Người như Phật sống Chùa Kim Sơn căn lành sâu dày, vào thời đại mạt pháp thật là hiếm có. Tương lai khi Phật pháp phải diệt, thì tất cả Kinh điển sẽ biến thành giấy trắng. Trong các Kinh điển thì Kinh Lăng Nghiêm mất trước nhất, cho nên tôi đến nước tây phương hoằng dương Phật pháp, thì trước hết đề xướng Kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm là bộ Kinh khai mở trí huệ, đạo lý thâm áo vi diệu, siêu hơn khoa học và triết học hiện nay. Kinh Lăng Nghiêm có thể sánh là Đồng Luân Vương. Ngân Luân Vương là Kinh Pháp Hoa, Vua trong các Kinh. Kinh Hoa Nghiêm có thể ví là Kim Luân Vương. Đức Phật sau khi thành đạo dưới cội bồ đề, hai mươi mốt ngày đầu tiên giảng Kinh Hoa Nghiêm, nhưng Phật dùng pháp thân diễn nói tại bảy nơi chín hội, ngoài Bồ Tát ra, người nhị thừa chẳng nghe được, cũng chẳng thấy được, do đó :

"Có mắt chẳng thấy Lô Xá Na,
Có tai chẳng nghe pháp viên đốn."

Bộ Kinh Hoa Nghiêm nầy, sau đó bị Long Vương thỉnh vào Long cung, nhân gian từ đó mất đi bộ Kinh nầy,

cho đến đời tổ thứ mười bốn Bồ Tát Long Thọ, cảm thấy trên thế gian chẳng có gì để học, mới dùng thần thông đi xuống Long cung. Ngài xem thấy ba bộ Kinh Hoa Nghiêm là : thượng, trung, và hạ. Quyển thượng số phẩm nhiều như hạt bụi trong bốn thiên hạ, quyển trung có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm. Quyển hạ có mười ngàn bài kệ, bốn mươi tám phẩm. Vì quyển thượng và quyển trung quá dài, người thế gian chẳng lãnh thọ được, cho nên Bố Tát Long Thọ chỉ dùng trí nhớ thuộc lòng quyển hạ, trở về nhân gian rồi dùng bút chép ra hết toàn quyển Kinh. Cho nên, hiện nay có được bộ Kinh Hoa Nghiêm là nhờ ân đức của Bồ Tát Long Thọ để lại cho đời sau. Nếu Chúng ta hiểu rõ ba bộ Kinh nầy (Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm và Pháp Hoa) thì tất cả các Kinh khác càng dễ minh bạch hơn.

Cho nên Xá Lợi Phất !
Ta vì bày phưởng tiện
Nói hết các khổ đạo
Mỏ bày đạo Niết bàn.
Tuy ta nói Niết bàn
Đó cũng chẳng thật diệt
Các pháp từ bổn lai
Tướng thường tự tịch diệt.

Phật tử hành đạo rồi
Đời sau được thành Phật
Ta có sức phưởng tiện
Mở bày pháp ba thừa.
Nay các đại chúng đây
Đều nên trừ nghi hoặc
Lời chư Phật không khác
Một chẳng có hai thừa.

Xá Lợi Phất ! Ta dùng pháp quyền xảo phương tiện, nói ba tạng giáo lý, muốn giải thoát mọi sự khổ, cho nên nói : biết khổ, dứt tập, mộ diệt, tu đạo, tức là pháp bốn Diệu đế. Ta đối với những người căn tính tiểu thừa, thì vì họ mà nói Niết Bàn : Thường lạc ngã tịnh bốn đức. Tuy ta vì họ mà nói pháp tịch diệt, nhưng đó là pháp quyền xảo phương tiện, chẳng phải là pháp cứu kính tịch diệt. Tất cả pháp từ xưa đến nay, pháp tính vốn tự thanh tịnh tịch diệt, gọi là thật tướng. Bổn thể của nó là tịch diệt, là như như ; như như là tịch diệt ; tịch diệt tức cũng là như như. "Phật tử hành đạo rồi" : Đệ tử của Phật nghe theo lời Phật dạy, trước hết tu tiểu thừa, sau đó rồi hồi tiểu hướng đại, hành Bồ Tát đạo. Tu Bồ Tát đạo viên mãn, thì tương lai sẽ thành Phật. Ban đầu người nhị thừa chẳng hiểu pháp đại thừa viên đốn, cho nên Phật dùng đủ

thứ pháp quyền xảo phương tiện, mở bày pháp ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa).

Tất cả các Thế Tôn đều nói một thừa đạo. Chư Phật trước nói ba thừa, sau đó đem ba quy về một, khai quyền hiển thật. Nay các đại chúng Bồ Tát, La Hán, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quỷ, thần, trời, rồng, tám bộ chúng đây đều nên tin sâu giáo lý viên đốn, trừ nghi hoặc, đừng nên đa nghi không tin như hồ ly. Mùa đông, nước trên mặt sông đóng băng, hồ ly đi qua sông thì mỗi bước đều dùng tai lóng nghe, để biết chắt chắn là mặt sông đã đóng băng, nhưng nó vẫn chẳng tin, do đó lắng nghe rồi lắng nghe nữa, cho nên gọi là hồ nghi.

Người chẳng có căn lành, thì nửa tin nửa ngờ đối với Phật pháp, tức cũng tồn tâm hồ nghi. Tin chẳng chân thật tức là chẳng trừ lòng nghi, tức cũng là ngu si vô minh. Nếu người có trí huệ Bát nhã, thì chẳng hoài nghi. Vì chẳng có trí huệ Bát nhã, cho nên giảng pháp chân thật cho họ nghe, thì họ cho rằng là pháp giả, đó tức là chẳng có trạch pháp nhãn (mắt chọn pháp). Mười phương chư Phật nói pháp đều giống nhau, tức là chỉ có một thừa Phật đạo, trí huệ chân thật, ngoài pháp môn thật tướng chẳng có hai thừa, chẳng có đại thừa, tiểu thừa hoặc Bồ Tát thừa.

Quá khứ vô số kiếp
Vô lượng Phật diệt độ
Trăm ngàn vạn ức Phật

Số đông không thể lường.
Các Thế Tôn như thế
Đủ thứ duyên thí dụ
Vô số sức phưởng tiện
Diễn nói tưởng các pháp.
Các Thế Tôn đó thảy
Đều nói pháp một thừa
Độ vô lượng chúng sinh
Khiến vào đượ̣c Phật đạo.

Kiếp, dịch ra nghĩa là "thời phần". Thời phần vốn chẳng có định nghĩa, chỉ vì tâm niệm của chúng sinh phân biệt mới có quá khứ, hiện tại và vị lai.

"Các Thế Tôn đó thảy, đều nói pháp một thừa" : Thuở xưa chư Phật nói ba tạng giáo lý, đều là vì thật thí quyền, mục đích cứu kính là khai quyền hiển thật, tức cũng là nói pháp một thừa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Độ vô lượng chúng sinh, khiến vào được Phật đạo" : Khiến cho tất cả chúng sinh đều được khoái lạc : thường lạc ngã tịnh, bốn đức Niết Bàn.

Các Đấng Đại Thánh Chúa
Biết tất cả thế gian
Trời người loại quần sinh

Trong thâm tâm ưa muốn.
Bèn dùng phưởng tiện khác
Giúp bày nghĩa đệ nhất
Nếu có loại chúng sinh
Gặp chư Phật quá khứ.
Nếu nghe pháp bố thí
Hoặc trì giới nhẫn nhục
Tinh tấn thiền trí thảy
Tu đủ thứ phước huệ.
Tất cả những ngưởi đó
Đều đã thành Phật đạo.

"Các Đấng Đại Thánh Chúa" : Tức là các Đức Phật. Đại Thánh Chúa là tên khác của Phật. "Biết tất cả thế gian" : Thế gian phân ra gồm có hữu tình thế gian và khí thế gian. Hữu tình thế gian còn gọi là chánh báo, khí thế gian còn gọi là y báo. Chánh, y hai báo Phật đều biết đều thấy. "Trời người loại quần sinh" : Người trên trời và người nhân gian cùng tất cả loại chúng sinh. "Trong thâm tâm ưa muốn" : Đủ thứ sự ưa muốn trong thâm tâm của họ, chư Phật đều thấy biết rõ ràng. Do đó, "bèn dùng phương tiện khác, giúp bày nghĩa đệ nhất" : Vì chư Phật biết sự ưa muốn của chúng sinh, cho nên bày đủ thứ pháp môn quyền xảo phương tiện, để độ thoát chúng sinh.

Phương tiện ở đây tức là đại thừa, tiểu thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát Thừa, đó gọi là phương tiện khác, đều vì hiển lộ Phật thừa nghĩa đệ nhất mà bày ra. "Nếu nghe pháp bố thí" : Bố thí gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí. "Hoặc trì giới nhẫn nhục" : Hoặc tu trì giới độ, hoặc nhẫn nhục độ. Hành bố thí độ xan tham, trì giới độ hủy phạm, nhẫn nhục độ sân hận. "Tinh tấn thiền trí thảy" : Tinh tấn độ giải đãi, thiền định độ tán loạn, tán loạn tức là chẳng có định lực, trí huệ độ ngu si. "Tu đủ thứ phước huệ" : Tu sáu độ vạn hạnh, tức cũng là tu phước huệ. "Tất cả những người đó" : Hết thảy những người nầy. "Đều đã thành Phật đạo" : Họ đều đã thành Phật đạo. Vì những người nầy ban đầu tu chút chút việc thiện, ngày tháng tích lũy, từ chút chút mà biến thành nhiều, từ một việc phước mà trở thành nhiều việc phước ; từ một việc huệ mà trở thành nhiều việc huệ ; khi nào phước huệ tròn đầy thì Phật đạo cũng thành tựu. Bây giờ chúng ta bắt đầu tu hành, không biết trong quá khứ bạn đã gieo trồng phước huệ chưa, thì đời nầy chúng ta gặp được Phật pháp vô thượng, nhất định phải bắt đầu dũng mãnh tinh tấn tu hành cho đến khi thành Phật.

Sau chư Phật diệt độ
Nếu người tâm tốt lành.
Những chúng sinh như thế
Đều đã thành Phật đạo

Chư Phật diệt độ rồi
Ngưởi cúng dưởng xá lợi.
Tạo vạn ức bảo tháp
Vàng bạc và pha lê
Xa cừ cùng mã não
Châu mai khôi lưu ly.
Thanh tịnh rộng nghiêm sức
Trang trí nởi các tháp
Hoặc dùng đá làm chùa
Chiên đàn và trầm thủy.
Gỗ mật và gỗ khác
Gạch ngói bùn đất thảy
Nếu ở nởi đồng hoang
Chứa đất thành chùa Phật.
Cho đến trẻ con chởi
Vun cát làm tháp Phật
Tất cả những ngưởi đó
Đều đã thành Phật đạo.

"Sau chư Phật diệt độ" : Sau khi chư Phật vào Niết Bàn. "Nếu người tâm tốt lành" : Nếu người có tâm tốt lành hòa diệu, ban đầu xem ra tuy chỉ có chút chút căn

lành, nhưng lâu dần tích lũy được rất nhiều công đức. "Các chúng sinh như thế, đều đã thành Phật đạo" : Như những chúng sinh đó cũng đều đã thành Phật. "Chư Phật diệt độ rồi" : Sau khi chư Phật diệt độ. "Người cúng dường xá lợi" : Tạo tháp cúng dường tất cả xá lợi của Phật. Tạo tháp thí có từng cấp khác nhau, chỉ có tháp xá lợi của Phật là mười ba từng, Bích Chi Phật thì năm từng, tứ quả A La Hán thì bốn từng, tam quả A Na Hàm là ba từng, nhị quả Tư Đà Hàm là hai từng, sơ quả Tu Đà Hoàn là một từng. "Tạo vạn ức bảo tháp" : Tạo dựng trăm ngàn vạn ức bảo tháp, dùng gì để tạo ? "Vàng bạc và pha lê" : Hoặc dùng vàng, bạc hoặc pha lê để tạo tháp. "Xa cừ cùng mã não" : Hoặc dùng đá xa cừ để tạo, hoặc dùng đá mã não để tạo. "Châu mai khôi lưu ly" : Hoặc dùng đá mai khôi, hoặc dùng đá lưu ly, hoặc dùng chân châu để tạo tháp. "Thanh tịnh rộng nghiêm sức" : Dùng đồ thanh tịnh trang nghiêm, để nghiêm sức tháp xá lợi của Phật. "Trang trí nơi các tháp" : Lại dùng các thứ đồ vật để trang trí các tháp. "Hoặc dùng đá làm chùa, chiên đàn và trầm thủy" : Hoặc có người dùng đá làm chùa, hoặc dùng gỗ chiên đàn và gỗ thơm trầm thủy để làm chùa, làm tượng Phật. "Gỗ mật và gỗ khác, gạch ngói bùn đất thảy" : Gỗ mật tức là gỗ thơm, hoặc dùng gạch ngói hoặc dùng bùn đất làm chùa. "Nếu ở nơi đồng hoang, chứa đất thành chùa Phật" : Hoặc ở nơi hoang dã, tích chứa đất thành ngôi chùa."Cho đến trẻ con chơi, vun cát làm tháp Phật" : Nhẫn đến trẻ con chơi giỡn, vun một

đống cát làm tháp Phật. "Tất cả những người đó, đều đã thành Phật đạo" : Tất cả những người như thế, tích lũy công đức cũng đều đã thành Phật.

Nếu như người vì Phật
Kiến tạo các hình tượng
Điêu khắc thành các tướng
Đều đã thành Phật đạo.

"Nếu như người vì Phật, kiến tạo các hình tượng, điêu khắc thành các tướng" : Dùng đủ thứ vật chất khác nhau để làm tượng Phật, những người nầy "đều đã thành Phật đạo".

Hoặc làm bằng bảy báu
Vàng thau đồng trắng đỏ
Nhôm chì và chất kẽm
Sắt gỗ cùng với bùn.
Hoặc dùng keo sơn vải
Nghiêm sức làm tượng Phật
Hết thảy những người đó
Đều đã thành Phật đạo.

"Hoặc làm bằng bảy báu" : Hoặc dùng bảy báu : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não, để tạo tượng Phật. "Vàng thau đồng trắng đỏ" : Vàng thau giống như vàng thật, nhưng chẳng phải vàng thật, hoặc là đồng trắng, đồng đỏ. "Nhôm chì và chất kẽm" : Hoặc dùng chất nhôm, chì, kẽm để tạo tượng Phật. "Sắt gỗ cùng với bùn" : Hoặc dùng sắt, hoặc dùng gỗ, hoặc dùng bùn để tạo tượng Phật. "Hoặc dùng keo sơn vải" : Hoặc dùng keo, sơn, vải để tạo tượng Phật. "Nghiêm sức làm tượng Phật" : Dùng để trang sức những tượng Phật, trông rất đẹp vô cùng.

Tạo tượng Phật có mười một thứ công đức :

1. Đời đời kiếp kiếp mắt sáng suốt thấy rõ. Tại sao có quả báo như thế ? Vì trong đời quá khứ đã tạo tượng Phật cho nên mắt thấy rõ sáng suốt.

2. Sinh vào nơi chẳng có người ác, bất cứ chung quanh phải trái trước sau chỗ của mình ở, họ hàng bạn bè đều là người tốt, chẳng gặp người ác, thú dữ hoặc các hiểm nạn.

3. Sinh trưởng trong nhà giàu : sinh vào nhà giàu có, vừa có tiền vừa có địa vị.

4. Thân thể màu hoàng kim. Tại sao thân thể của chúng ta chẳng phải màu hoàng kim ? Vì trong quá khứ chẳng tạo tượng Phật.

5. Châu báu dồi dào. Nơi nào cũng đầy đủ châu báu.

6. Sinh vào nhà hiền lành. Sinh vào nhà người hiền lành.

7. Được sinh làm vua. Công đức tạo tượng Phật, đời sau được sinh làm vua. Bây giờ có những nước chẳng có vua, nhưng làm tổng thống và vua đều giống nhau.

8. Được làm Chuyển luân vương. Làm chuyển luân vương càng trân quý hơn, Chuyển luân vương một khi mà tu thì thành Phật.

9. Không những làm vua ở nhân gian mà còn có thể sinh về cõi trời, sinh về Phạm thiên, thọ mạng lâu dài.

10. Chẳng đoạ vào đường ác. Người đã từng làm tượng Phật thì sẽ không đọa vào ba đường ác.

11. Đời đời kiếp kiếp kính trọng Tam Bảo, quy y Tam Bảo, chẳng đọa lạc. Đó là mười một thứ công đức tạo tượng Phật.

Người tạo tượng Phật tướng mạo rất viên mãn. Tại sao tướng mạo của Phật viên mãn như thế ? Vì trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp, chẳng biết Ngài đã tạo bao nhiêu tượng Phật. Bạn thử tính xem, Ngài gặp bao nhiêu vị Phật ra đời ? A Tăng Kỳ kiếp thứ nhất gặp hơn bảy vạn năm ngàn vị Phật, A Tăng Kỳ kiếp thứ hai gặp hơn bảy vạn sáu ngàn vị Phật, A Tăng Kỳ kiếp thứ ba gặp hơn bảy vạn bảy ngàn vị Phật. Gặp nhiều vị Phật như vậy thì tất nhiên Ngài tạo tượng Phật càng nhiều hơn, nếu tính thì chẳng biết được số lượng, cho nên tướng mạo của Ngài viên mãn phi thường. Tạo tượng Phật không những tướng mạo viên

mãn, mà còn khiến cho người sinh tâm ái kính tu phước tu huệ. "Hết thảy những người đó, đều đã thành Phật đạo" : Những người tạo tượng Phật cũng đều đã thành Phật.

Vẽ hoạ làm tượng Phật
Trăm tướng phước trang nghiêm
Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo.
Cho đến trẻ con chơi
Dùng cỏ cây và bút
Hoặc là dùng móng tay
Mà vẽ họa tượng Phật.
Hết thảy những người đó
Từ từ tích công đức
Đầy đủ tâm đại bi
Đều đã thành Phật đạo.
Giáo hóa các Bồ Tát
Độ thoát vô lượng chúng.

Đoạn Kinh văn ở trên, tuy nói dùng keo sơn vải để tạo tượng Phật, nhưng ở trong giới luật chẳng đề xướng dùng keo sơn vải để tạo tượng Phật. Vì keo sơn có một thứ mùi hôi. Và giới luật cũng nói, nếu tượng Phật đứng

thì chúng ta người học Phật không thể ngồi ở trước tượng Phật. Nếu tượng Phật ngồi, thì chúng ta không thể nằm ở trước tượng Phật, các vị nên biết những điều nhỏ nầy.

"Vẽ họa làm tượng Phật" : Vẽ họa thành tượng Phật. "Trăm tướng phước trang nghiêm" : Vẽ họa tượng Phật rất trang nghiêm viên mãn. "Tự làm hoặc bảo người" : Tự mình làm tượng hoặc bỏ tiền ra nhờ người khác làm tượng Phật. "Đều đã thành Phật đạo" : Những hạng người nầy đều đã thành Phật. "Cho đến trẻ con chơi" : Nhẫn đến trẻ con đùa giỡn. "Dùng cỏ cây và bút" : Hoặc dùng cỏ, hoặc dùng cây tạo tượng Phật, hoặc dùng bút vẽ tượng Phật. "Hoặc dùng đến móng tay" : Hoặc dùng móng tay chấm mực. "Mà vẽ hoạ tượng Phật."

Thuở xưa, tại Tứ Xuyên có một người chuyên đọc Kinh Kim Cang và dùng tay biên Kinh Kim Cang ở trong hư không. Mỗi ngày đều đứng tại chỗ đó biên. Về sau mỗi khi trời mưa thì chung quanh chỗ ông ta biên Kinh Kim Cang mưa chẳng rớt xuống đất, người đã khai mở ngũ nhãn mới thấy được. Tuy ông ta dùng tay biên Kinh Kim Cang ở trong hư không, song, thiên long bát bộ cũng đều bảo hộ bộ Kinh Kim Cang nầy, khiến cho nước mưa chẳng rớt vào chỗ nầy. Cho nên về sau cũng tại chỗ nầy tạo dựng một ngôi chùa. Do đó, có thế thấy chỉ dùng tay biên ở trong hư không, mà có cảm ứng lớn như thế. chuyện nầy ghi ở trong linh dị lục của Kinh Kim Cang, là chuyện có thật.

"Hết thảy những người đó" : Những người nói ở trên là những người tạo tượng Phật. "Từ từ tích công đức" : Tích lũy công đức dần dần. "Đầy đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo" : Hiện tại đều đã thành Phật đạo. "Giáo hóa các Bồ Tát" : Phật giáo hóa các Bồ Tát, khiến cho bậc Duyên Giác, Thanh Văn đều hồi tiểu hướng đại tu pháp Bồ Tát, sau đó hồi hướng Phật thừa. "Độ thoát vô lượng chúng" : Độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh, cũng đều cùng thành Phật đạo.

Nếu người nơi chùa tháp
Tượng báu và tượng vẽ.
Dùng hương hoa, phan, lọng
Cúng kính mà cúng dường
Hoặc khiến người tấu nhạc
Đánh trống thổi sừng ốc.
Tiêu, sáo, cầm, đờn sắt
Tì bà chụp chã đồng
Các tiếng hay như thế
Đem hết để cúng dường.

"Nếu người nơi chùa tháp" : Nếu có người ở nơi chùa hoặc tháp. "Tượng báu và tượng vẽ" : Bất cứ đối với tượng báu hoặc tượng vẽ. "Dùng hương hoa phan

lọng". Dùng hương hoa, phan báu và lọng báu, tức cũng bao gồm những dụng cụ khác như tràng chuỗi, y phục, thực phẩm, âm nhạc .v.v. "Cung kính mà cúng dường" : Dùng tâm cung kính để cúng dường tượng Phật. "Hoặc khiến người tấu nhạc" : Hoặc mời người hòa tấu âm nhạc. "Đánh trống thổi sừng ốc" : Đánh trống hoặc thổi kèn sứng hoặc kèn ốc. "Tiêu, sáo, cầm, đờn sắt" : Hoặc thổi ống tiêu, ống sáo, hoặc gảy đàn cầm, đàn sắt. "Tì bà chập chã đồng" : Hoặc gảy đàn tì bà, hoặc đánh chập chã. Dùng những thứ âm nhạc nầy để tán thán Phật, Pháp, Tăng. Ví như đánh mõ, đánh chuông cũng là âm nhạc ; tụng Kinh, đọc Chú, ngâm nga kệ tán, đó cũng đều là dùng âm nhạc để tán thán cúng dường Phật. "Các diệu âm như thế" : Những âm thanh vi diệu như thế. "Đem hết để cúng dường" : Dùng những âm thanh vi diệu trang nghiêm nầy để cúng dường Phật.

Hoặc dùng tâm vui mừng
Ca tụng công đức Phật.
Dù chỉ một vài lời
Họ đều đã thành Phật
Hoặc ngưởi tâm tán loạn
Cho đến dùng cành hoa.
Cúng dưởng trước tượng vẽ
Lần thấy vô số Phật

Hoặc có người lễ lạy
Hoặc là chỉ chắp tay.
Cho đến giỏ một tay
Hoặc là hởi cúi đầu
Dùng để cúng dưỡng tượng
Lần thấy vô lượng Phật.
Tự thành vô thượng đạo
Rộng độ vô số chúng
Vào Vô dư Niết bàn
Như củi hết lửa tắt.

"Hoặc dùng tâm vui mừng" : Hoặc có người dùng tâm vui mừng khen ngợi Phật. "Ca tụng công đức Phật" : Tán khen ngợi đức hạnh của Phật. "Cho đến một vài tiếng" : Dù chỉ ca ngợi tán thán đức hạnh của Phật một vài tiếng. "Đều đã thành Phật đạo" : Những người đó cũng đều đã thành Phật đạo, hà huống là người tán thán Phật rất nhiều, thì càng sớm thành Phật đạo. "Nếu người tâm tán loạn" : Nếu có người tâm tán loạn chẳng có định lực. "Cho đến dùng cành hoa" : Cho đến dùng một cành hoa để cúng tượng Phật vẽ. "Lần thấy vô số Phật" : Vì họ tích lũy công đức cúng dường tượng Phật vẽ, cho nên họ từ từ thấy được vô số Đức Phật. "Hoặc có người lễ lạy" : Hoặc có người đảnh lễ Phật. "Hoặc chỉ là

chấp tay" : Hoặc có người chắp tay ở trước Phật. "Cho đến giơ một tay" : Hoặc là giơ một tay lên trán (đây là chỉ hành động ít cung kính). Hoặc là hơi cúi đầu xuống. "Dùng để cúng dường tượng" : Dùng tâm ít cung kính nầy để cúng dường tượng vẽ, tượng báu. "Lần thấy vô lượng Phật" : Do ý niệm phát tâm ban đầu nầy, sẽ lần lần gặp được vô lượng Đức Phật. "Tự thành vô thượng đạo" : Vì mình tích công lũy đức mà được thành tựu Phật đạo. "Rộng độ vô số chúng" : Chẳng những mình thành Phật đạo, mà còn rộng độ vô lượng vô số chúng sinh. "Vào Vô dư Niết Bàn" : Vào cõi Vô dư Niết Bàn. "Như củi hết lửa tắt" : Giống như củi cháy hết thì lửa tắt. Cơ duyên của chúng sinh như củi, ứng hiện của Phật như lửa, cơ củi của chúng sinh đã độ tận thì lửa cũng phải tắt.

Hoặc người tâm tán loạn
Vào đến trong chùa tháp
Miệng niệm Nam Mô Phật
Họ đều đã thành Phật.

"Nếu người tâm tán loạn" : Tâm tán loạn tức là tâm chẳng chuyên nhất, chẳng có định lực, cũng giống như khách đến đây tham quan chùa, tham quan tượng Phật, chứ chẳng vì lễ Phật, chỉ là đến tham quan, đó đều gọi là tâm tán loạn, họ đều chẳng có tâm thành, tuy là đến chùa tham quan, nhưng vốn chẳng biết có Phật, cho nên

có thể nói là, tán loạn trong sự tán loạn. "Vào đến trong chùa tháp" : Đến chùa hoặc vào tháp Phật. "Miệng niệm Nam Mô Phật, họ đều đã thành Phật" : Ít nhất họ niệm được một tiếng Nam Mô Phật, do một niệm ban đầu nầy, mà cứu kính họ đều có thể thành Phật. Tại sao ? Vì đi ngàn dặm do khởi đầu bước thứ nhất ; vạn đức viên dung , nhờ một niệm ban đầu. Nhờ trồng nhân Phật một tiếng niệm Phật ban đàu, mà tương lai đắc được quả vị Phật.

Chúng ta niệm Nam Mô Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật. Bạn thấy rất dễ niệm, nhưng cơ hội nầy chẳng dễ gì gặp được. Bây giờ các bạn đều biết niệm danh hiệu Phật, nhưng mọi người hãy nghĩ xem, trên thế giới nầy người không biết niệm Phật nhiều hay là người biết niệm Phật nhiều ? Cũng có thể nói người chẳng biết niệm Phật thì nhiều như sao trên bầu trời. Cho nên nói người biết niệm Phật, đều nhờ căn lành của kiếp trước chín mùi, nên đời nầy mới gặp được pháp môn niệm Phật. Do đó, các vị phải trân tiếc căn lành của mình, đừng có bỏ lỡ.

Khi Đức Phật còn tại thế, thì Đề Bà Đạt Đà (anh em chú bác với Đức Phật) luôn luôn làm trái ngược với Đức Phật. Đức Phật dạy đệ tử ăn chay không ăn thịt, thì Đề Bà Đạt Đa nói với Phật và đệ tử của Phật không những không ăn thịt mà muối cũng không ăn, đó là muốn biểu thị ông ta cao hơn Đức Phật một bậc. Song, ông ta chẳng

chịu niệm Phật. Ông ta một đời tạo tội nghiệp, khi ông ta sắp hãm vào địa ngục (tức là nhục thân sống nầy rơi vào địa ngục) thì ông ta đột nhiên nghĩ muốn niệm Phật. Song, ông ta muốn niệm Phật mà niệm chẳng ra, chỉ niệm được hai chữ "Nam Mô...", còn chữ Phật thì niệm chẳng ra, đó là vì nghiệp chướng che đậy ông ta, cho nên niệm chẳng ra được chữ Phật. Đức Phật nói :"Người nầy cũng rất đáng thương ! Các con đừng khinh thường ông ta, khi ông ta chịu hết khổ dưới địa ngục, được ra khỏi địa ngục lại tu hành, lúc đó có thể sẽ chứng Bích Chi Phật, danh hiệu của vị Bích Chi Phật đó là Nam Mô, vì ông ta lúc đó niệm được hai chữ Nam Mô. Cho nên các bạn đừng coi thường niệm Phật quá dễ dàng như thế, cho rằng lúc nào cũng có thể niệm Phật được. Hiện tại các bạn chẳng bị nghiệp chướng che đậy, cho nên mới niệm được dễ dàng, một khi bị nghiệp chướng che đậy thì bạn muốn niệm cũng niệm chẳng ra.

Và có câu chuyện nầy, cũng vào lúc Đức Phật còn tại thế, thì có một ông già rất nghèo. Ông ta thấy Đức Phật mỗi ngày dẫn một ngàn hai trăm vị đệ tử ôm bát đi khất thực, chẳng bận việc đời, rất thanh tịnh tự tại, do đó ông ta cũng muốn xuất gia. Ông ta đến vườn Cấp Cô Độc để xin xuất gia, nhưng ngày đó Đức Phật đi vắng. Đệ tử của Phật có những người khai mở ngũ nhãn, khai mở pháp nhãn, khai mở huệ nhãn hoặc đã hoàn toàn chứng được ngũ nhãn lục thông, cũng có những người chứng sơ quả,

nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán. Khai mở Phật nhãn chẳng phải là chứng quả, đó gọi là báo đắc thông. Vì rất nhiều người đời đã từng tu 42 tay và mắt và Chú Lăng Nghiêm, đủ thứ pháp môn, cho nên đắc được quả báo nầy. Bậc Thánh chứng được sơ quả đến tứ quả, thì có thể biết được nhân duyên ở trong tám vạn đại kiếp. Ông già nầy muốn xuất gia, nên những vị đệ tử đại A La Hán của Phật, bèn quán sát xem căn cơ của ông già nầy thế nào, có thể xuất gia được chăng ? Sau khi quán sát thì thấy ông già nầy trong tám vạn đại kiếp chẳng cúng dường Phật, cũng chẳng từng lễ Phật, cũng chẳng niệm Phật ; căn bản chẳng có gieo trồng tơ hào căn lành nào, do đó cho rằng ông ta chẳng thể xuất gia. Cho nên có câu : "Đừng cho rằng việc xuất gia là dễ". "Đều nhiều kiếp trồng bồ đề" : Người xuất gia phải đời đời kiếp kiếp, gieo trồng nhiều căn lành, phát bồ đề tâm, sau đó mới có thể xuất gia, chứ chẳng phải nói tôi muốn xuất gia, thì có thể xuất gia. Nếu bạn chẳng có căn lành, thì dù muốn xuất gia cũng có rất nhiều chướng ngại, tức là xuất gia rồi, qua một ngày, hai ngày hoặc một tháng, hai tháng thì hoàn tục ; hoặc là xuất gia được một năm, hai năm lại hoàn tục, thậm chí ba năm, năm năm, mười năm sau đều có thể hoàn tục. Cho nên bạn đừng xem việc xuất gia quá dễ dàng.

Đệ tử của Đức Phật xem thấy ông già nầy, trong tám vạn đại kiếp chẳng có gieo trồng căn lành, do đó bèn nói với ông ta : "Ông không thể xuất gia được, vì ông đã lớn tuổi, không thể tu hành được, ông nên trở về." Ông

già nghe nói rất buồn rầu, vừa đi vừa khóc tự nhủ :"Ta cho rằng xuất gia quá dễ dàng, không ngờ đệ tử của Phật chẳng nhận ta, đại khái hiềm ta vừa già vừa nghèo, ta một đời làm người cũng chẳng có ý nghĩa gì, chết đi cho xong !" Cho nên ông ta vừa khóc vừa đi đến bờ biển. Lúc đó Đức Phật đến bên ông ta, hỏi ông ta :"Nầy ông lão, tại sao ông muốn tự tử ?" Ông ta nói : "Tôi muốn xuất gia, đến vườn Cấp Cô Độc, đức Phật đi vắng, đệ tử của Đức Phật chẳng nhận tôi. Tôi nghĩ tôi chẳng còn muốn sống nữa, muốn chết đi cho rồi ! " Đức Phật nói :"Ông muốn xuất gia phải chăng ? Chẳng có vấn đề gì hết ! Ông hãy theo ta trở về, ta hứa cho ông xuất gia." Ông già theo đức Phật xuất gia tu hành, chẳng bao lâu thì chứng được quả A La Hán.

Đệ tử của Phật chẳng minh bạch việc nầy, đều cảm thấy kì lạ : "Ông già nầy chẳng có căn lành, sao lại chứng được quả A La Hán ? Trong tám vạn đại kiếp ông ta cũng chẳng làm việc tốt, tại sao Phật cho ông xuất gia ?" Do đó, bèn hỏi Đức Phật.

Đức Phật bèn giải thích : "Các con chỉ có thể thấy biết được nhân quả trong tám vạn đại kiếp, còn việc ngoài tám vạn đại kiếp, các con chẳng biết được. Ông già nầy trước tám vạn đại kiếp cũng rất nghèo, một ngày nọ, ông ta vào rừng đốn củi, thì gặp con cọp muốn ăn thịt ông ta, ông ta leo lên cây trốn, nhưng vẫn quá sợ hãi bèn niệm "Nam Mô Phật", vì niệm một tiếng "Nam Mô Phật" thì cọp bỏ đi. Cho nên, đến bây giờ căn lành hạt giống ông ta

niệm "Nam Mô Phật" đã chín mùi, cho nên ông ta đến xuất gia và còn chứng được quả A La Hán. Từ câu chuyện nầy xem ra, đủ thấy xuất gia chẳng phải là việc dễ dàng.

Còn có câu chuyện nầy, tại Ấn Độ có một thứ ngoại đạo, họ chuyên cúng dường một tượng thiên thần. Thân thể của tượng thiên thần nầy dùng bùn hoặc gỗ tạo thành, còn cái đầu thì làm bằng vàng. Tin nầy bị kẻ trộm biết được, y muốn đi trộm cắp đầu của thiên thần. Y đến nơi, vì oai đức của vị thiên thần bèn sinh tâm sợ hãi, lúc đó y bèn khởi niệm "Nam Mô Phật", thì tâm sợ hãi chẳng còn nữa. Do niệm một tiếng "Nam Mô Phật", mà khiến cho oai đức của thiên thần chẳng còn linh hiển nữa, cho nên y bèn trộm cắp đầu vị thiên thần. Trộm cắp đi rồi thì một số người nói : "Ê ! Bạn hãy xem kìa, vị thiên thần mà các vị đều tin là vị thiên thần chẳng còn linh nữa, nếu Ngài linh thì sao lại bị mất đầu ? Các vị tin vị thần nầy chẳng có ích gì." Vừa nói như vậy thì linh tính của vị thiên thần lập tức hiển hiện. (Thần có khi có linh khí, linh khí mà nhập vào ai, thì người đó bất tỉnh nhân sự.) Lúc đó, thiên thần nhập vào thân người vừa nói bèn nói rằng : "Ta chẳng phải là không linh ! Kẻ trộm đó vốn chẳng dám ăn cắp cái đầu của ta, nhưng y niệm Phật một tiếng "Nam mô Phật", thì quang minh cuả Phật chiếu sáng, khiến cho mắt của ta nhắm lại chẳng còn mở được, cho nên chẳng có cách chi giữ được đầu của ta, mà bị y ăn cắp mất, chứ chẳng phải ta chẳng linh, mà là oai đức của

Phật quá lớn so với ta, cho nên ta chẳng cách chi giữ được đầu của ta."

Nói đến đây, có phải nói Phật giúp tên trộm ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần, kêu y đi tạo nghiệp chăng ? Chẳng phải, mà là công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn. Bất cứ người thiện niệm Phật hoặc người ác niệm Phật, đều có công lực đồng nhau. Cho nên, tuy nhiên là tên trộm, nhưng y biết niệm "Nam Mô Phật", cho nên y ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần đi, đó chẳng phải Phật giúp y trộm cắp, mà là Phật thành tựu căn lành của y. Tại sao nói y ăn cắp đồ, mà còn có căn lành ? Trong Kinh Pháp Hoa nói : "Xưng được Nam Mô Phật, đều cùng thành Phật đạo." Tuy lúc đó, y là tên trộm, nhưng y có căn lành niệm Phật, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Đây gọi là : "Thuận nghịch đều tinh tấn". Do đó, mới nói chẳng phải Phật giúp y ăn cắp đầu vị Thiên thần, mà là Phật đối đãi với chúng sinh đều bình đẳng. Bất cứ người thiện kẻ ác niệm Phật đều có cảm ứng như nhau.

Nói đến đây, mọi người đừng hiểu lầm, niệm Phật thì có thể ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần, vậy tôi cũng niệm Phật đi ăn cắp đầu bằng bạc của vị Thiên thần, như thế thì không được. Tên trộm nầy chẳng hiểu Phật pháp, chẳng qua nghe họ nói niệm "Nam Mô Phật" là tốt, y bèn ghi nhớ. Đến lúc sợ sệt, thì y niệm "Nam Mô Phật", song, y vốn chẳng học qua Phật pháp. Chúng ta là người học Phật pháp, nên nhớ đừng ỷ vào oai đức niệm Phật,

nương quang minh của Phật mà đi trộm đồ, như thế thì chẳng được ! Vì bạn đã hiểu biết Phật pháp, biết ăn cắp là phạm giới, bạn đã biết rõ mà cố phạm, thì tội lại thêm tội, về điểm nầy, mỗi người đều phải nhận thức rõ ràng.

Tại sao phải nói về điểm nầy ? Vì xưa kia có vị Hòa Thượng, trước khi ông ta xuất gia là một quân nhân, về sau học Phật pháp thì ông ta rất tin pháp môn niệm Phật và còn luôn luôn hướng dẫn, một số người niệm Phật. Sau khi xuất gia thọ giới cũng có tôi ở đó, khoảng năm, sáu năm sau thì ông ta đến Hương Cảng.

Hương Cảng tân giới, có một cơ sở của cơ đốc giáo gọi là "đạo phong sơn", chuyên môn phá hoại Phật giáo, phá hoại người xuất gia. Dùng tiền và nữ sắc để dụ hoặc khiến cho họ hoàn tục. Có những người xuất gia chẳng có tiền dùng, hoặc muốn tìm nữ sắc thì đều đi đến đó. Vị Hòa Thượng nầy cũng đến đó và làm việc nấu ăn. Người xuất gia đến đó đều ăn mặn, chẳng ăn chay, lại còn sát sinh, giết gà, giết vịt. Vị Hòa Thượng nầy làm bếp, cho rằng niệm Phật thì có thể siêu độ chúng sinh, cho nên khi ông ta giết gà giết vịt, thì vừa cầm dao giết thì vừa niệm "Nam Mô A Di Đà Phật ! Nam Mô A Di Đà Phật !" Ông ta cho rằng khi sát sinh niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", thì có thể siêu độ những con gà con vịt đó. Kết quả, ở chưa quá nửa năm, thì phát sinh bệnh thần Kinh, chẳng bao lâu thì chết.

Do đó nên biết, biết rõ mà cố phạm thì tội tăng gấp ba. Không sai ! Niệm Phật có thể siêu độ, nhưng đừng

có cho rằng ta giết con vật, thì nó lập tức được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, khi bạn chưa có công phu, thì không thể tùy tiện sát sinh, không thể nói ta giết nó, thì muốn nó vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Do đó, chúng ta đừng hiểu lầm niệm Phật, thì có thể tùy tiện tạo nghiệp. Tình hình vị Hòa Thượng đó chính tôi thấy được. Khi ông ta bệnh thần Kinh thì muốn đến gặp tôi, nhưng chẳng gặp được tôi. Tên của ông ta là Hoành Huy, là đồ tôn của Lão Hòa Thượng Hư Vân.

Nởi chư Phật quá khứ
Tại thế hoặc diệt độ
Ngưởi nghe đưởc pháp nầy
Đều đã thành Phật đạo.
Các Thế Tôn vị lai
Số đông không thể lưởng
Các vị Như Lai đó
Cũng phưởng tiện nói pháp.
Tất cả các Như Lai
Dùng vô lượng phưởng tiện
Độ thoát các chúng sinh
Vào trí Phật vô lậu.
Nếu có ngưởi nghe pháp

Không ai chẳng thành Phật.

"Nơi chư Phật quá khứ" : Ở nơi tất cả chư Phật trong quá khứ. "Tại thế hoặc diệt độ" : Bất cứ tại thế gian hoặc vào Niết Bàn rồi. "Nếu nghe được pháp nầy" : Nếu ai nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Đều đã thành Phật đạo" : Tất cả những người trong quá khứ nghe được Kinh Pháp Hoa, họ đều đã thành Phật. "Các Thế Tôn vị lai" : Tất cả chư Phật vị lai. "Số đông không thể lường" : Số đông vô lượng vô biên không thể lường. "Các đức Như Lai đó" : Tất cả các Như Lai Thế Tôn. "Cũng phương tiện nói pháp" : Cũng dùng pháp môn phương tiện, trước hết nói quyền giáo, sau mới nói thật giáo. "Tất cả các Như Lai, dùng vô lượng phương tiện" : Mười phương tất cả chư Phật, dùng vô lượng vô biên pháp môn phương tiện. "Độ thoát các chúng sinh, vào trí Phật vô lậu" : Khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được trí huệ vô lậu của Phật. "Nếu có người nghe Pháp, không ai chẳng thành Phật" : Tất cả những người đã nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng có một người nào mà tương lai không thành Phật.

Cho nên hiện tại chúng ta nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tương lai mỗi người đều có cơ hội thành Phật, đừng xem thường chính mình, vì ba ngàn năm về trước Đức Phật sớm đã vì người thọ ký.

Bạn đừng cho rằng niệm Phật là việc quá dễ dàng, hiện tại chúng ta niệm một câu danh hiệu Phật, cảm thấy chẳng khó khăn gì, tại sao ? Vì chúng ta chẳng có nghiệp chướng sâu nặng, nếu người có nghiệp chướng, nghĩ muốn niệm Phật cũng niệm chẳng được. Như Đề Bà Đạt Đa đã nói ở trước, ông ta chỉ niệm được hai chữ "Nam Mô ..." Tại sao ? Vì nghiệp chướng của ông ta quá nặng cho nên chữ Phật niệm chẳng ra.

Tại Trung Quốc, có câu chuyện nầy cũng chứng minh người nghiệp chướng quá nặng thì không thể niệm Phật được. Vào thời Nam Tống, có một vị thừa tướng tên là Tần Cối. Ông ta vốn cũng có chút căn lành, cho nên đời nầy rất thông minh, thi đỗ trạng nguyên. Song, sau khi ông ta làm quan, thì đố kị ghen ghét người tài giỏi, nhất là đối với Nhạc Phi như cái đinh trong con mắt, do đó bày kế cho kẻ khác giết chết, và còn tạo đủ thứ tội nghiệp rất nặng. Vì Bồ Tát Địa Tạng và ông ta có duyên mới tìm cách để độ ông ta bèn nói : "Ta đến chỗ ông ta, sẽ tha thứ tất cả tội nghiệp của ông ta." Do đó, Bồ Tát Địa Tạng bèn hóa thân hiện làm Tỳ Kheo đến gặp Tần Cối. Lúc đó, Tần Cối là tể tướng, gặp Hòa Thượng đến cũng tiếp đón. Hòa Thượng nói với ông ta : "Ông hãy nên niệm Phật, bây giờ địa vị của ông đã cao..." Nhưng Tần Cối chẳng niệm, ông ta nói : "Hà tất phải niệm ?" Ông ta vốn một chữ Phật cũng chẳng nói. Lúc đó, Bồ Tát hiển thần thông dùng cây phất trần của Ngài, phất một cái thì thân của Tần Cối quỳ xuống đất, muốn đứng dậy cũng chẳng đứng

được. Do đó, Bồ Tát Địa Tạng dũi tay ra nói : "Ông hãy xem đây ! Trong tay ta là chữ gì ?" Trong tay Bồ Tát Địa Tạng vẽ chữ Phật, nhưng Tần Cối nhìn rồi bèn lớn tiến nói : "Ta đi học từ nhỏ, đậu tú tài, đậu cử nhân, đậu tiến sĩ, đậu trạng nguyên. Hiện tại văn thư của các nước, đều phải qua sự xét duyệt của ta trước, rồi mới quyết định xử lý như thế nào. Nếu chữ nầy mà ta chẳng biết, thì làm sao mà làm thừa tướng ? Chữ nầy chẳng phải ta chẳng biết, nhưng chỉ vì ta không niệm !" Bồ Tát Địa Tạng thấy người nầy, thật là nghiệp chướng quá sâu nặng, chẳng cách chi độ được ông ta, bèn bỏ đi, sau đó Tần Cối chết thì đọa vào địa ngục.

Do đó có thể thấy, niệm Phật chẳng phải là việc dễ dàng. Tại sao bình thường chúng ta phải niệm Phật ? Bình thường niệm Phật là chuẩn bị cho lúc lâm chung. Tại sao không đợi đến lúc lâm chung mới niệm ? Vì tập quán là do sự tích lũy hằng ngày hằng tháng mà thành. Bình thường bạn chẳng có thói quen niệm Phật, thì khi đến lúc lâm chung chẳng nghĩ đến niệm Phật, hoặc chẳng biết niệm Phật. Do đó, bình thường phải học niệm Phật, tu pháp môn tịnh độ, đến lúc lâm chung thì chẳng sợ hãi bối rối, mà được bình an vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Tại sao phải vãng sinh về thế giới Cực Lạc ? Vì khi Phật A Di Đà tại nhân địa làm Tỳ Kheo Pháp Tạng, thì đã từng phát 48 đại nguyện. Trong đó có nói : "Sau khi ta thành Phật, thì tất cả chúng sinh trong mười phương, nếu ai niệm danh hiệu của ta, thì ta nhất định tiếp

dẫn về thế giới của ta, tương lai sẽ thành Phật. Ở trong thế giới của ta, chúng sinh đều từ hoa sen hóa sinh, nên thân thể thanh tịnh không nhiễm". Vì Phật A Di Đà phát đại nguyện nầy, nên tất cả chúng sinh đều nên tu pháp môn niệm Phật, đây là pháp môn tu rất dễ, rất hợp căn cơ. Trong Kinh nói : "Thời mạt pháp, một ức người tu thì ít có người đắc đạo, chỉ có pháp môn niệm Phật thì được độ." Nhất là thời đại mạt pháp hiện nay, pháp môn niệm Phật rất hợp với nhiều người.

Nhưng tại tây phương, hiện tại chẳng phải là thời đại mạt pháp, có thể nói là thời đại chánh pháp. Tại sao nói là thời đại chánh pháp ? Vì Phật pháp mới truyền vào nước phương tây, đang thịnh vượng. Cho nên hiện nay tại nước Mỹ, có rất nhiều người thích tham thiền đả tọa, đó là biểu hiện chánh pháp. Thời kỳ chánh pháp cũng có thể tu pháp môn niệm Phật ; thời kỳ mạt pháp cũng có thể tu pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật thời đại nào cũng có thể tu. Nếu ai chẳng hợp với pháp môn khác, thì có thể tu pháp môn niệm Phật.

Đại sư Vĩnh Minh Thọ nói : "Có thiền có tịnh độ như cọp có thêm cánh." Vừa tu thiền vừa niệm Phật giống như cọp có thêm cánh. "Đời nầy làm nhân sư", đời hiện tại có thể làm sư biểu của người. "Tương lai làm Phật tổ", tương lai có thể làm Phật làm tổ.

Cho nên người chân chánh tham thiền, tức là chân chánh niệm Phật ; người chân chánh niệm Phật, tức là chân chánh tham thiền. Nói cao hơn một bậc là người

chân chánh trì giới, tức cũng chân chánh tham thiền, người chân chánh tham thiền, tức cũng chân chánh trì giới. Người chân chánh giảng Kinh thuyết pháp, thì họ vì giảng Kinh mà giảng Kinh, tức cũng là chân chánh tham thiền. Trong Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có nói :

"Tông cũng thông, lời cũng thông,
Định huệ viên minh chẳng trệ không."

Vừa biết tham thiền, vừa biết giảng Kinh, đó là tông và lời đều thông, tiến thêm một bước nữa, người chân chánh trì Chú, người chân chánh tu mật tông, tức cũng chân chánh tham thiền.

Thiền, giáo, luật, mật, tịnh, tuy nói là năm, nhưng quy về gốc chỉ là một, chẳng có hai. Kỳ thật, nếu nói sâu thêm bước nữa, thì cho đến một cũng chẳng có, thì làm gì mà có tới năm ? Người chân chánh học Phật pháp, thì tại điểm nầy nên minh bạch. Cho nên, có người cho rằng pháp môn niệm Phật là tối cao, tham thiền thì chẳng đúng ; hoặc có người nói tham thiền là tối cao, niệm Phật là sai lầm, đó đều là những người chẳng hiểu Phật pháp. Người hiểu Phật pháp chân chính, thì biết rõ tất cả đều là Phật pháp, đều bất khả đắc, tức vô pháp bất khả đắc, hà tất đầu lại thêm đầu ? Hà tất chẳng có việc tìm việc làm ? Nếu bạn thật hiểu pháp thì vô pháp khả đắc. Song, đối với những người chẳng hiểu pháp, dù bạn nói với họ pháp căn bản gì cũng vô ích, sẽ thất vọng. Cho nên

Phật thí quyền pháp, là vì nói thật pháp ; nói quyền trí là vì thật trí. Thật trí là gì ? Thật trí là "quy vô sở đắc". Thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng, đó mới là trí huệ chân thật.

Chư Phật vốn thệ nguyện
Ta tu hành Phật đạo
Muốn hết thảy chúng sinh
Cũng đều đượ̣c đạo nầy.
Chư Phật đời vị lai
Tuy nói trăm ngàn ức
Vô số các pháp môn
Thật tế vì một thừa.
Chư Phật Lưỡng Túc Tôn
Biết pháp thưởng vô tánh
Giống Phật từ duyên sinh
Vì thế nói một thừa.
Pháp đó trụ pháp vị
Tưởng thế gian thường trụ
Biết rồi nơi đạo tràng
Đạo sư phưởng tiện nói.

Đoạn Kinh văn ở trước có nói : "Tất cả các Như Lai, dùng vô lượng phương tiện, độ thoát các chúng sinh, vào trí Phật vô lậu, nếu có ai nghe pháp, chẳng ai không thành Phật" : Đây là nhân dụ. Kinh Pháp Hoa vốn có "bổn môn thập diệu, chi môn thập diệu". Song, sợ người không hiểu, cho nên cũng chẳng nói tỉ mỉ. Bây giờ chỉ nói "nhân (người), hành, giáo, lý", đều một dạng. Sáu câu vừa nói ở trên là nhân dụ, tất cả mọi người đều thành Phật đạo. Tiếp theo là : "Chư Phật vốn thệ nguyện, ta tu hành Phật đạo, muốn hết thảy chúng sinh, cũng đều được đạo nầy". Đây là hành dụ, chỉ sự tu hành đều như nhau. Cho nên nói : "Chư Phật vốn thệ nguyện" : Mười phương chư Phật vốn thệ nguyện. "Ta tu hành Phật đạo" : Pháp môn Phật đạo của ta tu hành. "Muốn hết thảy chúng sinh" : Muốn khiến cho hết thảy chúng sinh. "Cũng đều được đạo nầy" : Cũng tu hành đạo nầy, chứng được đạo nầy.

Rõ là vô pháp không chỗ đắc được, sao lại nói được đạo nầy ? Đạo nầy chẳng phải được từ bên ngoài, như "Vô thượng chánh đẳng cháng giác". Trong Kinh Kim Cang nói : "Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thật chẳng được pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác". Vô thượng chánh đẳng chánh giác nầy, là tự tính của chúng ta vốn đầy đủ, chẳng phải được từ bên ngoài. Cho nên nói là "vô sở đắc", nhưng chúng ta chẳng biết. Ví như trong túi áo có hạt minh châu, nhưng chúng ta chẳng biết có hạt minh châu. Hạt minh châu nầy như Phật tánh vốn có của chúng

ta, chẳng khác gì với Phật. Vậy tại sao chúng ta chẳng thành Phật ? Vì chúng ta chẳng phát hiện được Phật tánh vốn có của chính mình. Cho nên chẳng thành Phật. Thành Phật chỉ bất quá khôi phục lại của báu vốn có của chúng ta mà thôi. "Cũng đều được đạo nầy" : Khiến cho tất cả chúng sinh, cũng đều tu hành pháp môn nầy. Đây gọi là hành dụ, tu hành là như nhau. "Chư Phật đời vị lai". Tất cả chư Phật đời vị lai. "Tuy nói trăm ngàn ức" : Tuy diễn nói trăm ngàn vạn ức thứ. "Vô số các pháp môn" : Vô số phương tiện pháp môn. "Thật tế vì một thừa" : Kỳ thật đều vì nói một thừa pháp.

"Chư Phật Lưỡng Túc Tôn" : Mười phương chư Phật là đấng Lưỡng Túc Tôn đầy đủ phước và huệ. "Biết pháp thường vô tánh" : Chư Phật biết các pháp vốn chẳng có tự tánh. "Giống Phật từ duyên sinh" : Chẳng qua các pháp môn của Phật, đều do duyên mà sinh ra. "Vì thế nói một thừa" : Vì một thừa Phật giáo mới hiển nói tạng giáo, thông giáo và biệt giáo. Trên thực tế thì, vì một Phật thừa, đây gọi là giáo dụ, giáo hóa là như nhau. "Pháp đó trụ pháp vị" : Pháp đó tức là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Trụ pháp vị", pháp vị nầy, pháp đó tức là pháp vị. Pháp vị cũng tức là pháp đó. "Pháp đó trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ" : Pháp đó trụ pháp vị, trụ ở đâu ? Tức trụ vào tướng thế gian. Tướng thế gian thường trụ, pháp thế gian tức là pháp xuất thế, pháp xuất thế tức là pháp thế gian. Do đó, Lục Tổ nói :

"Phật pháp tại thế gian,
Chẳng lìa thế gian giác,
Lìa thế gian cầu bồ đề,
Ví như tìm sừng thỏ."

Giác ở tại thế gian, nếu lìa khỏi pháp thế gian, lại đi tìm sự giác của giác ngộ nầy, ví như tìm sừng trên đầu con thỏ. "Nơi đạo tràng biết rồi" : Đức Phật nói, ta ngồi tại Bồ Đề đạo tràng, thành Phật rồi thì biết rõ đạo lý bên trong. "Đạo Sư phương tiện nói" : Cho nên Đạo Sư của trời người, dùng đủ thứ phương tiện, để xiển minh diệu pháp nầy, mà lý tánh đắc được đều là một.

Chỗ trời người cúng dường
Hiện tại mười phương Phật
Số đông như Hằng sa
Xuất hiện nơi thế gian.
Vì yên ổn chúng sinh
Cũng nói pháp như thế
Biết tịch diệt bậc nhất
Vì dùng sức phương tiện.
Tuy bày nhiều thừa pháp
Thật tế vì Phật thừa
Biết các hạnh chúng sinh

Nghĩ tưởng trong thâm tâm.
Nghiệp nhiễm trong quá khứ
Tánh dục sức tinh tấn
Và các căn lợi độn
Dùng đủ thứ nhân duyên.
Thí dụ và lời lẽ
Tùy theo phưởng tiện nói.

"Chỗ trời người cúng dường" : Chỗ đáng cúng dường của trời người. "Hiện tại mười phương Phật, số đông như Hằng sa". "Xuất hiện nơi thế gian, vì yên ổn Chúng sinh" : Vì muốn khiến cho chúng sinh đều đắc được an lạc. "Cũng nói pháp như thế" : Cũng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. "Biết tịch diệt bậc nhất" : Phật biết pháp thật tướng, là tịch diệt bậc nhất. "Vì dùng sức phương tiện" : Nếu ban đầu mà Phật nói diệu lý thật tướng, thì chẳng có ai hiểu, cho nên trước hết dùng đủ thứ sức phương tiện khéo léo, vì thật thí quyền. "Tuy bày nhiều thừa pháp" : Tuy khai thị đủ thứ pháp môn, đủ thứ đạo lý. "Thật tế vì Phật thừa" : Mục đích cứu kính là vì nói Phật thừa, khiến cho chúng sinh đều đặng thành Phật. "Biết các hạnh chúng sinh" : Phật cũng biết tất cả hạnh nghiệp của chúng sinh. "Nghĩ tưởng trong thâm tâm" : Cũng minh bạch trong tâm chúng sinh, nghĩ những gì tưởng những gì. "Nghiệp nhiễm trong quá

khứ" : Tất cả đều là nghiệp quả tập nhiễm của chúng sinh trong quá khứ. "Tánh dục sức tinh tấn" : Sức dục niệm tinh tấn của họ. "Và các căn lợi độn" : Còn có sự khác biệt về căn tánh của chúng sinh, có người lợi căn có người độn căn, Phật đều biết đều thấy. "Dùng đủ thứ nhân duyên" : Phật dùng đủ thứ nhân duyên. "Ví dụ và lời lẽ" : Ví dụ và lời lẽ. "Tùy theo phương tiện nói" : Tùy thuận căn tánh của chúng sinh mà ứng cơ thuyết pháp. Ví như : đối với chúng sinh cang cường khó điều phục, thì Phật dùng pháp môn từ bi, để cảm hóa họ, đối với chúng sinh ngu si, thì nói Bát Nhã khiến cho họ khai mở trí huệ, đối với chúng sinh tán loạn, thì dạy họ tu thiền định, đối với chúng sinh giải đãi, thì kêu họ tu tinh tấn, đối với chúng sinh phạm giới, thì bảo họ phải giữ giới, đối với chúng sinh tham lam, thì dạy họ tu bố thí. Tóm lại, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, để giáo hóa chúng sinh.

Nay ta cũng như thế
Vì yên ổn chúng sinh.
Dùng đủ thứ pháp môn
Mở bày nơi Phật đạo
Ta dùng sức trí huệ
Biết tính chúng sinh muốn.
Phưởng tiện nói các pháp
Đều khiến đượ̣c vui mừng

Xá Lợi Phất nên biết !
Ta dùng mắt Phật xem.
Thấy sáu đường chúng sinh
Bần cùng chẳng phước huệ
Vào đường hiểm sinh tử
Khổ liên tục chẳng dứt.
Chấp sâu nơi năm dục
Như trâu mao mến đuôi
Bởi tham ái tự che
Đuôi mù chẳng thấy được.
Chẳng cầu thế của Phật
Và pháp diệt trừ khổ
Vào sâu các tà kiến
Lấy khổ muốn bỏ khổ.
Phật vì chúng sinh nầy
Mà sinh tâm đại bi.

"Nay ta cũng như thế" : Ta Thích Ca Mâu Ni nói pháp, cũng như chư Phật ba đời quá khứ hiện tại và vị lai. "Vì yên ổn chúng sinh" : Muốn khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được yên ổn khoái lạc. "Dùng đủ thứ pháp môn, mở bày nơi Phật đạo". "Ta dùng sức trí huệ" : Ta

dùng sức trí huệ chân thật của Phật. "Biết tánh dục chúng sinh" : Đối với tánh dục của tất cả chúng sinh rõ như chỉ bàn tay. "Phương tiện nói các pháp" : Hay dùng đủ thứ phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh. "Đều khiến được vui mừng" : Khiến cho họ pháp hỷ sung mãn, đắc được chân chánh khoái lạc.

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Ta dùng mắt Phật xem, thấy sáu đường chúng sinh" : Thấy tất cả chúng sinh trong sáu nẻo. "Bần cùng chẳng phước huệ" : Chúng sinh trong sáu nẻo, đều mê hoặc chẳng giác ngộ, vì chẳng có trí huệ, chẳng có phước báu. Tại sao chẳng có phước báu, chẳng có trí huệ ? Vì chẳng hiểu Phật pháp, cho nên bần cùng. Vậy phước huệ từ đâu mà có ? Do tu đạo mà có. Sáu đường chúng sinh chẳng hiểu Phật pháp, thật là đáng thương xót. "Vào đường hiểm sinh tử" : Một khi mà vào trong đường hiểm ác sinh tử, tuần hoàn không ngừng, thì thật là nguy hiểm vô cùng. Dó đó :

"Một khi mất thân người,
Vạn kiếp khó được lại".

Một lần nọ, Đức Phật bốc một ít đất bỏ vào trong lòng bàn tay, hỏi Ngài A Nan : "Đất ở trong tay của ta nhiều, hay đất ngoài đại địa nhiều ?" Ngài A Nan đáp : "Đất ngoài đại địa nhiều, đất ở trong tay của Phật ít." Đức Phật nói : "Được thân người như đất trong lòng bàn tay,

mất thân người như đất ngoài đại địa." Có thể thấy, vào đường hiểm sinh tử thật là nguy hiểm !

"Khổ liên tục không ngừng" : Liên tục tức là đời nầy nối tiếp đời sau, thay đổi liên tiếp nhân khổ, quả khổ, báo khổ, chẳng gián đoạn. "Chấp sâu nơi năm dục" : Vì sao khổ nầy chẳng gián đoạn ? Vì chúng sinh chấp trước thâm sâu nơi năm dục : Tài, sắc, danh, ăn, ngủ, tức cũng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm thứ dục trần. "Như trâu mao mến đuôi, bởi tham ái tự che" : Trâu mao là một giống trâu, bản tánh của nó rất thích cái đuôi của nó, cho nên nó luôn luôn bảo vệ đuôi của nó, bởi thế nên có nhiều người sinh tâm tham muốn được nó, cuối cùng trâu mao vì bảo vệ đuôi của nó mà mất mạng. "Đuôi mù chẳng thấy được" : Đuôi mù đen tối chẳng thấy được gì. "Chẳng cầu thế của Phật" : Người chẳng có trí huệ, giống như kẻ mù. Nếu chẳng có thiện trí thức dẫn dắt, thì giống như ở trong bóng tối, chẳng thấy được ánh sáng, chẳng biết gì cả, họ cũng chẳng cầu Phật trợ giúp họ. Phật có thế lực rất lớn, hay cứu tất cả khổ nạn của chúng sinh. "Và pháp diệt trừ khổ" : Hoặc là cầu Phật chỉ bày phương pháp dứt khổ. "Vào sâu các tà kiến" : Vì họ chẳng cầu trí huệ, tự cho rằng đúng, cho nên đui mù dẫn dắt bọn tùy tùng, lâu dần thì vào sâu các tà kiến. Con người, có lúc rất kì lạ, bạn dạy họ chánh pháp, dạy đi dạy lại họ học cũng chẳng vào. Nếu dạy họ tà pháp, thì chỉ dạy một lần thì họ lãnh hội. Đó là nguyên nhân gì ? Vì đời đời kiếp kiếp đã chấp chặt vào tà kiến, cho nên học

pháp tà rất dễ dàng, còn chánh pháp thì chúng ta đã lìa nó quá xa, do đó dù có học cũng chẳng dễ gì nhớ được. "Lấy khổ muốn bỏ khổ" : Muốn bỏ hết các thứ khổ của mình đi, thật là việc chẳng dễ dàng. Trước hết, phải minh bạch gì là gốc khổ của sự khổ ? Vô minh là gốc rễ của khổ. Do đó, "đủ thứ vô minh là gốc khổ, gốc khổ trừ sạch tồn căn lành, bằng sức oai thần kiếm trí huệ, vượt khỏi luân hồi trong sáu đường". Vô minh là gốc khổ, nếu bạn đoạn trừ sạch vô minh, thì gốc khổ cũng dứt. Làm cách nào mới đoạn được vô minh ? Chỉ dùng thanh kiếm trí huệ của chính bạn, nếu bạn biết dùng kiếm trí huệ, thì có thể chặt đứt gốc rễ vô minh, chặt đứt gốc rễ vô minh, mới có thể vượt ra khỏi luân hồi. "Phật vì chúng sinh nầy" : Phật vì những người đang trôi nổi ở trong biển khổ, chúng sinh khổ nạn chẳng có ngày ra. "Mà sinh tâm đại bi" : Phật sinh ra nguyện lực đại từ đại bi để cứu độ tất cả chúng sinh.

Xưa ta ngồi đạo tràng
Xem cây cũng kinh hành.
Trong hai mươi mốt ngày
Suy nghĩ việc như vầy :
Trí huệ mà ta đượ̣c
Rất nhiệm mầu bậc nhất.
Các chúng sinh độn căn

Tham vui si làm mù
Những loại người như thế
Làm sao mà độ đượ̣c !
Lúc đó, có Phạm Vưởng
Và các trời Đế Thích
Bốn Thiên Vưởng hộ đời
Cùng trời Đại Tự Tại.
Và các chúng trời khác
Quyến thuộc trăm ngàn vạn
Cung kính chắp tay lễ
Thỉnh ta chuyển pháp luân.
Ta liền tự suy nghĩ :
Nếu chỉ khen Phật thừa
Chúng sinh đắm nởi khổ
Không thể tin pháp nầy.
Vì phá pháp chẳng tin
Đọa trong ba đưởng ác
Ta thà không nói pháp
Mau vào cõi Niết bàn.

"Xưa ta ngồi đạo tràng" : Đức Phật nói : Ta ban đầu ngồi bốn mươi chín ngày, dưới cội Bồ Đề đạo tràng thành Phật thì, "Xem cây cũng kinh hành" : Ta thành Phật rồi, ngồi dưới cội bồ đề quán sát nhân duyên trong quá khứ và trong tương lai, có lúc cũng đi kinh hành. Đi kinh hành là gì ? đi kinh hành tức là đi chung quanh cây, để vận động và nhiếp tâm, khiến cho tâm chẳng tán loạn. Tâm của Phật vốn chẳng tán loạn, cần gì phải đi kinh hành ? Sở dĩ Phật làm như thế, là vì chúng sinh sau nầy cũng tu hành theo như thế. "Trong hai mươi mốt ngày, tư duy việc như vầy" : Trong ba tuần lễ suy nghĩ việc giáo hóa chúng sinh như thế nào. "Trí huệ mà ta được" : Trí huệ mà ta đắc được. "Rất nhiệm mầu bậc nhất" : Là nhiệm mầu bậc nhất trong thiên hạ. "Các chúng sinh độn căn" : Căn cơ của chúng sinh rất ngu si ám độn. "Tham vui si làm mù" : Họ đam mê dục lạc mà biến thành ngu si. "Những loại người như thế" : Loại chúng sinh chẳng có trí huệ giống như người mù nầy. "Làm sao mà độ được" : Ta làm sao mà độ chúng được !

"Lúc đó, các Phạm Vương" : Lúc đó, Đại Phạm Thiên Vương của cõi trời sắc giới. "Và các trời Đế Thích" : Và Thiên Chúa trời Đao Lợi (Đế Thích Thiên Vương). "Tứ Thiên Vương hộ đời" : Và Tự Đại Thiên Vương bảo hộ thế giới. "Và Đại Tự Tại Thiên" : Và Thiên Chúa Ma Hê Thủ La (Đại Tự Tại Thiên Vương). "Và các Thiên chúng khác" : Và Thiên chúng các cõi

trời khác. "Quyến thuộc trăm ngàn vạn" : Mỗi vị Thiên Vương suất lãnh trăm ngàn vạn quyến thuộc. "Cung kính chắp tay lễ" : Đều cung kính chắp tay làm lễ ở trước Đức Phật. "Thỉnh ta chuyển pháp luân" : Họ đều thỉnh cầu ta chuyển bánh xe pháp. "Ta liền tự suy nghĩ" : Vì nhiều chúng sinh chư Thiên thỉnh cầu Đức Phật thuyết pháp, do đó Ngài lại phải một phen suy nghĩ. "Nếu chỉ khen Phật thừa" : Nếu ta chỉ nói một Phật thừa, không nói các pháp tiểu thừa khác. "Chúng sinh đắm nơi khổ" : Nếu chúng sinh khổ biết Phật đạo lâu xa, khó khăn, phải trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp mới thành Phật, đều nhìn biển mà thở dài, sợ pháp quá cao sâu mà chẳng muốn học. Ví như : Có người chưa nghe Kinh, thì chẳng sinh tâm hoan hỉ đối với Kinh, một khi thấy bộ Kinh Pháp Hoa quá dày, biết khi nào nghe cho hết ? Làm sao có nhiều thời gian để nghe ? Do đó, cũng chẳng nghe. Nếu bạn đắc được từ vị của Phật pháp, thì sẽ thấy rằng Phật pháp, chiếm địa vị quan trọng thiết yếu trong cuộc sống, thậm chí không ăn, không ngủ, cũng nhất định phải học Phật pháp. Chiếu theo quy cụ Phật giáo, nếu trong khoảng bốn mươi dặm có người tụng Kinh thuyết pháp, thì cư sĩ học Phật đều nên đi nghe Kinh. "Chúng sinh đắm nơi khổ, không thể tin pháp nầy" : Vì chúng sinh căn cơ ngu độn, nếu Phật nói ra một thừa pháp thì họ chẳng tin. "Vì phá pháp chẳng tin" : Chúng sinh chẳng những không tin, mà còn có hành vi hủy báng pháp. Đối với diệu pháp nầy, một khi sinh tâm hủy báng, thì tạo vô lượng vô biên tội

lỗi. "Đọa trong ba đường ác" : Tương lai sẽ đọa vào ba đường ác : địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. "Ta thà chẳng nói pháp" : Phật sợ chúng sinh hủy báng pháp chẳng tin, mà đọa vào ba đường ác, cho nên thà chẳng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Mau vào cõi Niết Bàn" : Phải mau vào cõi Niết Bàn, không nên ở tại thế gian chuyển pháp luân.

Liền nhớ Phật quá khứ
Thực hành sức phưởng tiện
Nay ta đắc đưởc đạo
Cũng nên nói ba thừa.
Suy nghĩ như thế thì :
Mưởi phưởng Phật đều hiện
Tiếng Phạm an ủi ta
Lành thay Đức Thích Ca !
Đấng Đạo sư bậc nhất
Đưởc pháp vô thưởng nầy
Thuận theo tất cả Phật
Mà dùng sức phưởng tiện.
Chúng ta cũng đều đưởc
Pháp tối diệu bậc nhất
Vì các loại chúng sinh

Phân biệt nói ba thừa.
Trí kém ưa pháp nhỏ
Chẳng tự tin thành Phật
Cho nên dùng phưởng tiện
Phân biệt nói các quả.
Tuy là nói các quả
Chỉ vì dạy Bồ Tát.

"Liền nhớ Phật quá khứ" : Tuy nghĩ như thế, nhưng Phật lại nghĩ nhớ sâu xa, tất cả pháp của Phật quá khứ. "Thực hành sức phương tiện" : Và sức phương tiện của chư Phật thực hành trong quá khứ. "Nay ta đắc được đạo" : Hiện nay ta đắc được Phật đạo. "Cũng nên nói ba thừa" : Cũng nên vì thật thí quyền, nói giáo lý ba thừa. "Suy nghĩ như thế thì" : Ta vừa suy nghĩ như thế thì. "Mười phương Phật đều hiện" : Mười phương chư Phật đều hiển hiện ở trước mắt của ta. "Tiếng Phạm an ủi ta" : Các Ngài dùng tiếng phạm âm thanh tịnh của Phật, để an ủi ta và còn nói với ta :"Lành thay Đức Thích Ca ! Đức Thích Ca Ngài tốt lắm". "Đấng Đạo Sư bậc nhất" : Ngài thật là đấng Đạo Sư bậc nhất của thế gian. "Được pháp vô thượng nầy" : Ngài đắc được diệu pháp vô thượng nầy. "Thuận theo tất cả Phật" : Ngài tùy thuận tất cả chư Phật trong mười phương. "Mà dùng sức phương tiện" : Cũng vận dụng sức quyền xảo phương

tiện. "Chúng ta cũng đều được" : Chúng ta mười phương chư Phật, cũng đều đắc được diệu pháp như nhau. "Pháp tối diệu bậc nhất" : Đây là pháp tối vi diệu bậc nhất. "Vì các loại chúng sinh" : Chúng ta vì quan hệ với chúng sinh. "Phân biệt nói ba thừa" : Cho nên phân biệt nói Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát ba thừa. "Trí kém ưa pháp nhỏ" : Người độn căn kém trí huệ chỉ ưa thích pháp nhỏ, họ chẳng có căn tánh đối với pháp lớn, như trẻ nhỏ chỉ biết chơi vật nhỏ, nếu bạn cho chúng vật lớn, thì chúng chẳng biết chơi. Cho nên đối với người tiểu thừa, chỉ nói pháp tiểu thừa đối với họ, nếu nói pháp đại thừa, thì họ hồ đồ chẳng hiểu được. "Chẳng tự tin thành Phật" : Sao họ muốn nghe pháp mà chẳng nói pháp lớn cho họ nghe ? Vì họ chẳng tin mình sẽ thành Phật. "Cho nên dùng phương tiện" : Do đó, trước hết dùng pháp môn quyền xảo phương tiện. "Phân biệt nói các quả" : Phân biệt nói : sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả. "Tuy là nói ba thừa" : Tuy nhiên phân biệt nói ba thừa. "Nhưng chỉ dạy Bồ Tát" : Song, thật tế thì chỉ vì giáo hóa Bồ Tát, tu hành pháp môn Phật thừa.

Xá Lợi Phất nên biết !
Ta nghe tiếng của Phật.
Rất thanh tịnh nhiệm mầu
Xưng Nam Mô chư Phật !
Ta lại nghĩ như vầy :

Ta ra đời ác trược.
Như chư Phật đã nói
Ta cũng thuận làm theo
Suy nghĩ việc nầy rồi
Bèn đến vườn Lộc Uyển.
Các pháp tướng tịch diệt
Không thể dùng lời nói
Bèn dùng sức phương tiện
Vì năm Tỳ Kheo nói.

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Ta nghe tiếng của Phật" : Ta nghe mười phương chư Phật khen ngợi ta, nói ta là đại Đạo Sư bậc nhất. "Rất thanh tịnh nhiệm mầu" : Âm thanh của chư Phật rất nhiệm mầu thanh tịnh. "Xưng Nam Mô chư Phật" : Mười phương chư Phật cũng xưng Nam Mô chư Phật, ta cũng xưng Nam Mô chư Phật, Phật với Phật khen ngợi với nhau. "Ta lại nghĩ như vầy" : Ta lại suy nghĩ như thế nầy. "Ta ra đời ác trược" : Ta hiện ra thế giới Ta Bà đời ác năm trược. "Như chư Phật đã nói, ta cũng thuận làm theo" : Ta cũng tùy thuận theo phương thức giáo hóa, của mười phương chư Phật mà hành sự. "Suy nghĩ việc nầy rồi" : Ta nghĩ sự việc đã qua rồi. "Bèn đến vườn Lộc

Uyển" : Vườn Lộc Uyển ở thành Ba La Nại, đức Phật lập tức đi đến vườn Lộc Uyển.

Vì sao mà có tên là "vườn Lộc Uyển" ? Thuở xưa, có hai con nai chúa, một con là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, nhiều đời nhiều kiếp về trước, là một con nai chúa rất từ bi. Và một con là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa. Lúc đó, có một vị vua rất thích đi săn, thường thường mang quân lính vào vườn nai săn bắn, mỗi lần đi đều săn được rất nhiều nai. Do đó, hai con nai chúa mới hội nghị, nai chúa Thích Ca Mâu Ni nói : "Chúng ta hãy đi đến thỉnh nguyện với Đức Vua !" Nai chúa Đề Bà Đạt Đa nói : "Chúng ta thỉnh nguyện như thế nào ?" Nai chúa Thích Ca Mâu Ni nói : "Chúng ta yêu cầu Đức Vua mỗi ngày mình mang đến cho vua một con nai, để vua dùng, như thế thì lũ nai chúng ta mới không tuyệt chủng, mà hằng ngày vua cũng có thịt nai mới dùng. Nếu vua mà đi săn thì sẽ săn hết lũ nai chúng ta, mà mỗi ngày vua chẳng ăn bao nhiêu, còn lại cũng bỏ đi. Tôi tin rằng vua sẽ đồng ý với chúng ta." Nai chúa Đề Bà Đạt Đa nghe rồi nói : "Tốt lắm ! Vậy chúng ta hãy đi thỉnh cầu !"

Do đó, hai con nai chúa bèn đi đến thỉnh cầu với Đức Vua, vừa đến cửa cung điện, thì quân lính thấy hai con nai to lớn, bèn cầm thương giáo muốn giết. Hai con nai chúa nói : "Các ông đừng giết, hôm nay chúng tôi đến cầu kiến Đức Vua." Quân lính thấy nai biết nói, rất lấy làm lạ, lập tức đi báo cho vua biết, nói có hai con nai biết nói. Đức Vua rất ngạc nhiên, bàn truyền cho chúng

vào. Hai con nai chúa đem lời thỉnh cầu nói ra cho vua nghe. Vua thấy nai biết nói, đã lấy làm lạ, lại nghe lời thỉnh cầu của họ rất hợp lý, do đó đồng ý nói : "Được lắm ! Mỗi ngày các vị hãy mang một con nai đến !" Từ đó về sau, mỗi ngày đều mang đến cho vua một con nai, vua mỗi ngày đều thưởng thức thịt nai tươi.

Một ngày nọ, nai chúa Thích Ca Mâu Ni đột nhiên thân tự đến hiến cúng. Vua ngạc nhiên hỏi : "Ngươi là nai chúa, sao lại có thể đến hiến thân, trừ khi quyến thuộc của ngươi chẳng còn nữa ?" Nai chúa Thích Ca Mâu Ni nói : "Quyến thuộc của ta chẳng những còn, mà càng ngày sinh sản càng nhiều. Chúng tôi mỗi một nai chúa quản lý năm trăm con nai, mà mỗi ngày chỉ dâng một con cho vua, nai mẹ còn lại lại sinh ra rất nhiều nai con, cho nên hiện tại lũ nai của chúng tôi đã sinh sản phồn thịnh thêm nhiều, chẳng qua bây giờ có một nguyên nhân, cho nên chính tôi tự đến đây hiến cúng. Đức Vua nói : "Nguyên nhân gì ?" Nai chúa nói : "Hôm nay đến phiên của một con nai mẹ hiến cúng, nhưng con nai mẹ đó đang mang thai một con nai con, chỉ còn ít hôm nữa thì sẽ sinh ra nai con, do đó nai mẹ đi yêu cầu các con nai khác đổi phiên, đợi khi nào sinh ra nai con thì sẽ đến để hiến cúng, nhưng chẳng có con nai nào chịu, cho nên con nai mẹ đó đến thương lượng với tôi, chẳng còn cách nào khác, nên hôm nay chính tôi tự đến để thế nai mẹ đó."

Đức Vua nghe xong, cảm thấy việc nầy rất kỳ lạ, vua minh bạch : "Nai cũng đều là chúng sinh ! Tại sao

ta hằng ngày phải ăn thịt nai ? Lúc đó, Đức Vua nói bài kệ :

"Ngài làm nai đầu người,
Ta làm người đầu nai,
Từ nay trở về sau,
Chẳng ăn thịt chúng sinh."

Nghĩa là : Tuy ngươi làm thân nai, nhưng tâm của ngươi nhân từ phi thường, còn tốt hơn so với con người. Tuy nhiên ta là người, nhưng tâm ta chẳng bằng tâm loài nai. Từ nay về sau, bất cứ thịt gì, ta cũng không ăn nữa. Nai chúa làm cho Đức Vua cảm động, từ đó vua bắt đầu ăn chay. Do quan hệ về câu chuyện nầy, cho nên nơi đó có tên là vườn Lộc Uyển (vườn Nai).

Vườn Lộc Uyển là nơi non xanh nước biếc, có luồng linh khí, cho nên có rất nhiều người tu hành đang tu hành tại đó.

Ban đàu, Đức Phật xuất gia tu đạo, thì có năm người hầu hạ cho Ngài. Trong năm người nầy, bà con phía cha ba người, và hai người bà con phía mẹ. Sau nầy, họ đều lìa bỏ Ngài. Vì sao ? Đức Phật tu tại núi tuyết, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, trong đó có ba người chịu chẳng đặng bỏ đi trước, đến Vườn Lộc Uyển tu đạo. Còn lại hai người tu với Đức Phật. Một lần nọ, thấy thiếu nữ chăn dê dâng cúng cho Đức Phật bát sữa bò, lúc đó Đức Phật ốm gầy như cây củi. Phật thấy sữa bò cũng vui mừng

tiếp nhận sự cúng dường. Hai người thấy Phật uống sữa bò, thì cho rằng Đức Phật hết chịu nổi sự khổ hạnh, chẳng thể tu thành đạo mới nói : "Tu hành phải tu khổ hạnh, bây giờ Ngài chẳng chịu được sự khổ hạnh, chúng tôi chẳng muốn ở đây, hầu hạ một người chẳng thành tựu." Do đó, hai người nầy cũng bỏ đi luôn, chỉ còn lại một mình Đức Phật tu ở đó, sau đó Đức Phật đến dưới cội bồ đề, tĩnh tọa bốn mươi chín ngày, thấy sao mai mọc mà ngộ đạo.

Đức Phật ban đầu tu đạo rất gian nan khốn khổ, bây giờ chúng ta tu đạo, chịu một chút khổ mà chịu chẳng được.

"Các pháp tướng tịch diệt" : Đức Phật biết tướng tịch diệt của tất cả các pháp, nó chẳng có tướng mạo. "Không thể dùng lời nói" : Chỉ có thể lý hội mà không thể nói ra, tức cũng là "ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt". "Bèn dùng sức phương tiện" : Cho nên Phật phải dùng phương tiện khéo léo. "Vì năm Tỳ Kheo nói" : Đó là vì năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như nói pháp. Năm vị Tỳ Kheo là : Kiều Trần Như, Ngạch Tiên, Bạt Đề, Thập Lực Ca Diếp, Ma Nam Câu Lợi, tức cũng là năm người hầu nói ở đoạn trên. Đức Phật thành Phật rồi, biết năm vị Tỳ Kheo đó, đang tu tại Vườn Lộc Uyển. Vừa quán nhân duyên thì biết, trước hết độ năm Tỳ Kheo nầy, do đó Phật đến Vườn Lộc Uyển, vì năm vị Tỳ Kheo ba lần nói diệu pháp bốn Đế.

Gọi là chuyển pháp luân
Bèn có tiếng Niết bàn
Cùng với A la hán
Tên Pháp, Tăng khác biệt.
Từ kiếp xưa đến nay
Khen ngợi pháp Niết bàn
Dứt hẳn khổ sinh tử
Ta thường nói như thế.
Xá Lợi Phất nên biết !
Ta thấy các Phật tử
Người chí cầu Phật đạo
Vô lượng ngàn vạn ức.
Đều dùng tâm cung kính
Đồng đến chỗ chư Phật
Từng theo nghe chư Phật
Dùng phương tiện nói pháp.
Ta liền nghĩ thế nầy :
Sở dĩ Phật ra đời
Đều vì nói Phật huệ
Nay đúng là phải thời.
Xá Lợi Phất nên biết !

Người độn căn trí nhỏ
Kẻ chấp tướng kiêu mạn
Chẳng thể tin pháp nầy.
Nay ta vui chẳng sợ
Ở trong chúng Bồ Tát
Ta bỏ ngay phưởng tiện
Chỉ nói đạo vô thượng.
Bồ Tát nghe pháp nầy
Lưới nghi đều đã trừ
Ngàn hai trăm La Hán
Thảy đều sẽ thành Phật.

"Gọi là chuyển pháp luân" : Phật vì năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như, chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế. Chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế là gì ? Ban đàu, Phật độ năm vị Tỳ Kheo nói :

"Đây là khổ, tính bức bách.
Đây là tập, tính chiêu cảm.
Đây là diệt, tính có thể chứng.
Đây là đạo, tính có thể tu."

Đây gọi là chuyển lần thứ nhất. Sự khổ đối với con người có tính chất bức bách. Tập, là chỉ phiền não kết tập, phiền não có tính chiêu cảm, do chiêu cảm mà đến. Diệt,

là tịch diệt Niết Bàn, thường lạc ngã tịnh, bốn đức Niết Bàn. Đạo, đạo nầy nên tu hành, đây là chuyển lần thứ nhất.

Kế tiếp lại chuyển lần thứ hai :

"Đây là khổ, các ông nên biết".

"Đây là tập, các ông nên đoạn", phiền não chỉ là khách trần mà thôi, chẳng phải là chủ nhân, do bên ngoài chiêu cảm mà đến, do đó các ông phải đoạn trừ. Lại nói :

"Đây là diệt, các ông nên chứng". Niết Bàn thường lạc ngã tịnh khoái lạc, các ông nên chứng đắc.

"Đây là đạo, các ông nên tu."

Sau đó, chuyển lần thứ ba nói :

"Đây là khổ, ta đã biết."

"Đây là tập, ta đã đoạn."

"Đây là diệt, ta đã chứng."

"Đây là đạo, ta đã tu."

Ta cũng đã tu ba mươi bảy đạo phẩm. Đây là chuyển lần thứ ba. Đức Phật vừa nói pháp lần thứ ba xong, thì Kiều Trần Như một trong năm vị minh bạch được nguyên do của khách trần mà chứng quả. Đây gọi là chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế.

"Bèn có tiếng Niết Bàn" : Đức Phật chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, có nói đến tịch diệt Niết Bàn khoái lạc, cho nên phát ra diệu âm Niết Bàn. "Cùng với A La

Hán" : Cùng với danh từ A La Hán, sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán. "Tên Pháp, Tăng khác biệt" : Pháp là bốn Diệu Đế : Khổ, tập, diệt, đạo. Tăng là A La Hán. Vì có Pháp, có Tăng nhiều danh từ khác biệt. "Từ kiếp xưa đến nay" : Ta từ kiếp lâu xa, tu Phật đạo đến nay. "Khen ngợi pháp Niết Bàn." "Dứt hẳn khổ sinh tử" : Nếu ông chứng được diệu lý Niết Bàn, thì sẽ vĩnh viễn dứt khổ sinh tử. "Ta thường nói như thế" : Từ kiếp lâu xa đến nay, ta vì các ông luôn luôn nói pháp nầy.

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Ta thấy các Phật tử" : Ta thấy tất cả Phật tử. "Người chí cầu Phật đạo" : Người lập chí trên cầu Phật đạo. "Vô lượng ngàn vạn ức" : Số đông vô lượng ngàn vạn ức. "Đều dùng tâm cung kính" : Hết thảy đều dùng tâm cung kính. "Đồng đến chỗ chư Phật" : Thảy đều đến chỗ chư Phật. "Từng theo nghe chư Phật" : Trong quá khứ, họ từng theo chư Phật để nghe Phật pháp. "Dùng phương tiện nói pháp" : Chư Phật dùng phương tiện pháp môn mà nói pháp. "Ta liền nghĩ thế nầy" : Ta lại suy nghĩ thế nầy. "Sở dĩ Phật ra đời" : Sở dĩ mà Phật xuất hiện ra đời. "Đều vì nói Phật huệ" : Đều vì nói trí huệ chân thật của Phật. "Nay đúng là phải thời" : Bây giờ là lúc nên nói trí huệ chân thật của Phật. "Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Người độn căn trí nhỏ" : Người độn căn chỉ có chút chút trí huệ. "Kẻ chấp trướng kiêu mạn" : Chẳng những họ chấp trước tất cả hình tướng, mà còn tự cho rằng đúng, cho nên sinh ra tâm

cống cao ngã mạn. "Không thể tin pháp nầy" : Họ chẳng tin pháp đại thừa, cũng chẳng tin nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên mới có năm ngàn người lui về. "Nay ta vui chẳng sợ" : Bây giờ những người chẳng có căn lành và những kẻ kiêu mạn đều đã lui về, cho nên ta chẳng còn lo chẳng còn sợ. "Ở trong chúng Bồ Tát" : Ở trong các hàng Bồ Tát. "Ta bỏ ngay phương tiện" : Ta bỏ ngay phương tiện nầy, chẳng dùng pháp quyền xảo nữa. Bây giờ ta phải mở cửa để thấy núi, nói thẳng Phật huệ chân thật. "Chỉ nói đạo vô thượng" : Chỉ nói pháp môn thành Phật. "Bồ Tát nghe pháp nầy" : Tất cả Bồ Tát đều nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. "Lưới nghi đều đã trừ" : Lưới nghi của các Ngài đều tiêu trừ. "Ngàn hai trăm La Hán" : Lúc đó, có một ngàn hai trăm năm mươi vị A La Hán. "Thảy đều sẽ thành Phật" : Tương lai họ cũng đều sẽ thành Phật. Đây là Phật thọ ký cho tất cả đệ tử sẽ thành Phật, phàm là người nghe pháp ở trong hội Pháp Hoa, chẳng ai mà không thành Phật.

Như chư Phật ba đời
Nghi thức nói các pháp
Ta nay cũng như thế
Nói pháp không phân biệt.
Chư Phật hiện ra đời
Lâu xa khó gặp được

Gặp lúc Phật ra đời
Nói pháp nầy khó hỏn.
Vô lượng vô số kiếp
Nghe pháp nầy cũng khó
Ngưởi nghe đưởc pháp nầy
Ngưởi đó càng khó hỏn.
Ví như hoa Ưu Đàm
Tất cả đều ưa thích
Ít có trong trởi ngưởi
Đúng thởi mới xuất hiện.
Nghe pháp vui mừng khen
Cho đến nói một lởi
Tức là đã cúng dưởng
Tất cả Phật ba đởi.
Ngưởi đó rất ít có
Hỏn cả hoa Ưu Đàm.

"Như chư Phật ba đời, nghi thức nói các pháp" : Đức Phật nói, hiện tại ta nói đạo lý Phật thừa thật trí, cũng như nghi thức thuyết pháp, của chư Phật ba đời : quá khứ, hiện tại và vị lai. "Nay ta cũng như thế, nói pháp không phân biệt" : Ta nay cũng chỉ nói một Phật thừa như

nhau, chẳng có thừa pháp vi diệu nào khác. Pháp không phân biệt nầy, chẳng phải một số người minh bạch được. "Chư Phật hiện ra đời" : Mười phương chư Phật xuất hiện ra đời. "Lâu xa khó gặp được" : Nếu gặp được chư Phật mười phương xuất hiện ra đời, phải trải qua thời gian lâu dài. "Gặp lúc Phật ra đời, nói pháp nầy khó hơn" : Tức gặp lúc bạn gặp Phật xuất hiện ra đời, mà nghe được Phật nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng phải là việc dễ dàng. Đức Phật nói pháp bốn mươi chín năm, ban đầu nói Tam Tạng giáo, Kinh A Hàm, sau đó nói Phương Đẳng và Bát Nhã, cuối cùng mới nói Kinh Pháp Hoa, nhưng gặp được nói bộ Kinh nầy, cũng chẳng dễ. "Vô lượng vô số kiếp" : Trải qua thời gian lâu dài vô lượng vô số kiếp. "Nghe pháp nầy cũng khó" : Nghe được pháp nầy cũng chẳng dể dàng. "Người nghe được pháp nầy" : Người đã nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. "Người đó càng khó hơn" : Người nầy chẳng dể gì tìm được. "Ví như hoa Ưu Đàm" : Như hoa Ưu Đàm ít có. Hoa Ưu Đàm dịch là "tường đoan". Hoa nầy ba ngàn năm mới nở một lần, mà một khi nở thì tàn, cho nên đặc biệt ít có. "Tất cả đều ưa thích, ít có trong trời người" : Vì hoa Ưu Đàm ít có, cho nên người trên trời, dưới nhân gian đều ưa thích hoa nầy. "Đúng thời mới xuất hiện" : Nếu chưa đến thời, thì chẳng bao giời xuất hiện ra đời. "Nghe pháp vui mừng khen" : Nếu nghe thấy Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà người đó sinh tâm vui mừng khen ngợi. "Cho đến nói một lời" : Hoặc chỉ nói một câu để khen ngợi

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Tức là đã cúng dường, tất cả Phật ba đời" : Tức là đã cúng dường tất cả chư Phật trong mười phương ba đời. "Người đó rất ít có, hơn cả hoa Ưu Đàm" : Người nầy so với hoa Ưu Đàm càng ít có hơn, do đó có thể thấy, nghe pháp thật là không dễ dàng, trứ khi đến thời cơ mới nghe được.

Các ông chớ có nghi
Ta là vua các pháp.
Nói khắp các đại chúng
Chỉ dùng đạo một thừa
Giáo hóa các Bồ Tát
Không Thanh Văn đệ tử.
Xá Lợi Phất các ông !
Thanh Văn và Bồ Tát
Nên biết diệu pháp nầy
Bí yếu của chư Phật.

Đức Phật lại nói : Pháp nầy so với hoa Ưu Đàm càng khó gặp hơn. Pháp của ta nói, các ông chớ có hoài nghi. Vì sao ? "Ta là vua các pháp" : Vì ta là vua của tất cả các pháp, đã đắc được trí huệ chân thật. "Nói khắp các đại chúng" : Bây giờ, ta nói khắp tất cả đại chúng trong pháp hội, và hết thảy chúng sinh vị lai. "Chỉ dùng

đạo một thừa" : Ta chỉ dùng một thừa Phật đạo. "Giáo hóa các Bồ Tát" : Để giáo hóa tất cả Bồ Tát. "Không Thanh Văn đệ tử" : Pháp nầy chẳng giáo hóa đệ tử Thanh Văn tiểu thừa. "Xá Lợi Phất các ông" : Xá Lợi Phất ! Các ông những bậc Thanh Văn. "Thanh Văn và Bồ Tát" : Bây giờ đều nên hồi tiểu hướng đại, đừng được ít mà cho là đủ, phải từ Thanh Văn thừa mà chuyển qua Bồ Tát thừa. "Nên biết diệu pháp nầy" : Các ông nên biết diệu pháp của Kinh Pháp Hoa nầy. "Bí yếu của chư Phật" : Là diệu pháp vô thượng bí yếu nhất của chư Phật, nên nhớ đừng sinh tâm nghi hoặc.

Bởi đời ác năm trược
Chỉ ưa chấp các dục
Những chúng sinh như thế
Quyết chẳng cầu Phật đạo.
Ngưởi ác đời vị lai
Nghe Phật nói một thừa
Mê hoặc chẳng tin nhận
Phá pháp đọa đưởng ác.
Ngưởi hổ thẹn thanh tịnh
Quyết chí cầu Phật đạo
Ta sẽ vì ngưởi đó
Rộng khen đạo một thừa.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là bí yếu của chư Phật, cho nên Đức Phật thành Phật rồi, rất lâu mà chẳng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Tại sao ? Vì rất là quan trọng, một khi nói ra, mà chúng sinh không tin, thì sẽ đọa vào ba đường ác, cho nên đức Phật thà không nói. "Bởi đời ác năm trược" : Năm trược tức là : Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược, đây là năm thứ trược hiện tại của thế giới nầy. "Chỉ ưa chấp các dục" : Chúng sinh trong đời ác năm trược, tánh của họ ưa thích các dục. Năm dục là : Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ. "Những Chúng sinh như thế, quyết chẳng cầu Phật đạo" : Họ chấp vào các dục, tham trước nhất thời, chẳng phải là khoái lạc cứu kính. Ai ai cũng đều bị tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ vây hãm, không thể tự cứu. Phật sớm đã biết có loại chúng sinh mê muội nầy, cho nên nói : "Những chúng sinh như thế" : Những chúng sinh mê muội đó. "Quyết chẳng cầu Phật đạo" : Họ chẳng muốn cầu Phật đạo, nay mình đã khai mở trí huệ chân thật, phá tan mê muội. "Người ác đời vị lai" : Người ác trược đời vị lai. "Nghe Phật nói một thừa" : Họ nghe Phật nói một thừa pháp. "Mê hoặc chẳng tin nhận" : Trong tâm mê hoặc, không thể tin nhận. "Phá pháp đọa đường ác" : Họ chẳng tin mà còn phá hoại, nói là : "Các vị đó giảng Phật pháp, vốn chẳng có đạo lý !" Vì phá pháp nên đọa vào ba đường ác. "Người chí cầu Phật đạo, biết hổ thẹn thanh

tịnh" : Người lập chí nhất định thành Phật, biết sinh tâm hổ thẹn, sửa đổi lỗi lầm muốn cầu thanh tịnh. "Ta sẽ vì người đó" : Phật nói, ta sẽ vì những chúng sinh đó. "Rộng khen đạo một thừa" : Rộng khen pháp một thừa vô thượng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Xá Lợi Phất nên biết !
Pháp chư Phật như thế
Dùng vạn ức phưởng tiện
Tùy nghi mà nói pháp.
Ngưởi nào chẳng tu học
Không thể hiểu pháp nầy
Các ông tức đã biết
Chư Phật thầy trong đởi.
Tùy nghi dùng phưởng tiện
Không nên sinh nghi hoặc
Sinh tâm vui mừng lớn
Biết mình sẽ thành phật.

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất và tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, Bồ Tát, trời, rồng, tám bộ chúng hết thảy đều nên biết. "Pháp chư Phật như thế" : Mười phương chư Phật, Phật Phật đạo đồng, do đó có câu :

"Ba đời mười phương Phật,
Đều cùng một pháp thân".

Pháp của mười phương chư Phật đều như nhau, pháp chỉ có một, vì quán căn cơ mà thí giáo, do đó, "Dùng vạn ức phương tiện" : Dùng vô lượng vô biên phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh. "Tùy nghi mà nói pháp" : Tùy thuận căn cơ của chúng sinh mà nói pháp. Do đó, vì người thí giáo, theo bệnh cho thuốc. "Người nào chẳng tu học" : Phật nói ra pháp nầy, nếu chúng sinh nào chẳng tu hành, "Không thể hiểu pháp nầy" : Không thể nào hiểu được nghĩa của pháp nầy. "Các ông đều đã biết" : Xá Lợi Phất ! Các ông những bậc đại A La Hán, đại Bồ Tát, đại Tỳ Kheo, hiện tại đều đã biết diệu pháp chân thật nầy. "Chư Phật thầy trong đời" : Mười phương chư Phật và Thích Ca Mâu Ni, đều là Đạo Sư của thế gian. "Tùy nghi dùng phương tiện" : Đều tuỳ nghi nói pháp, dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh. "Không nên sinh nghi hoặc" : Các ông đừng sinh tâm nghi hoặc. "Sinh tâm vui mừng lớn" : Bây giờ các ông nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên sinh tâm vui mừng lớn. "Biết mình sẽ thành Phật" : Bây giờ, các ông cũng nên biết, tương lai mình nhất định cũng sẽ thành Phật. Do đó, tất cả chúng sinh ở trong hội Pháp Hoa, nhất định đều sẽ thành Phật, vì đức Phật đều đã thọ ký cho các Ngài, đều nghe pháp Phật thừa tối thượng.

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Trong sự bố thí, mà đạt đến cảnh giới "Tam luân thể không": không thấy người bố thí, không thấy kẻ nhận, và không thấy vật thí, thì công đức không thể nghĩ bàn được. Do vậy, để công đức được hoàn toàn thanh tịnh, vô lượng vô biên, cho nên chùa không ghi tên các vị bố thí, mà chỉ hồi hướng công đức của các vị lên thập phương thường trụ Tam Bảo chứng minh. Nguyện cầu sở nguyện của các vị thành tựu, nhất là tương lai quý vị sẽ đắc được trí huệ Bát nhã, viên mãn quả bồ đề, do công đức ấn tống Kinh điển, cao thượng trên hết các sự Bố thí.

Xin hồi hướng công đức Pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị, còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sanh, thảy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sanh tử luân hồi, đến được bờ bên kia.

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời: Vì muốn khiến cho chúng sanh khai mở tri kiến của Phật, muốn chỉ bày cho chúng sanh tri kiến của Phật, muốn khiến cho chúng sanh ngộ tri kiến của Phật, muốn cho chúng sanh vào được tri kiến của Phật, mà hiện ra nơi đời.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG GIẢI

Tập 2

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

TẬP 2

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail: kimquangtu@hotmail.com

Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ
Nguyễn Văn Tuyến, pd Tâm Mãn
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền

Như Lai xuất hiện ra đời :

Người chưa được độ, thì khiến cho được độ.
Người chưa hiểu, thì khiến cho được hiểu.
Người chưa an, thì khiến cho được an.
Người chưa được Niết bàn, thì khiến cho được Niết bàn.

ĐỨC PHẬT CHUYỂN PHÁP LUÂN LẦN ĐẦU TIÊN

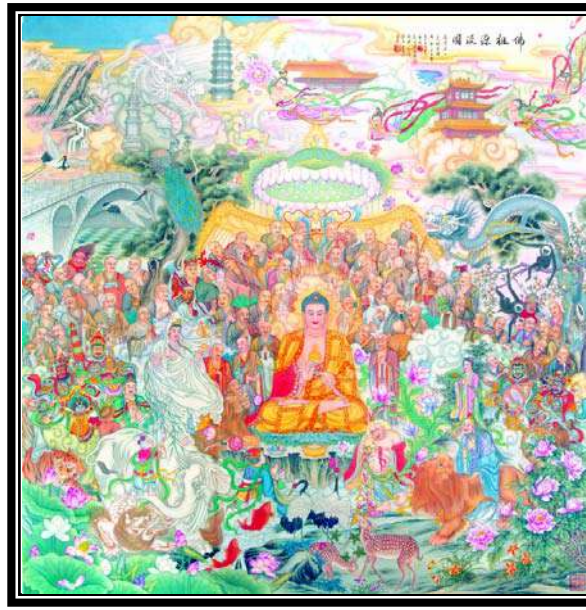

NAM MÔ PHÁP HOA HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT

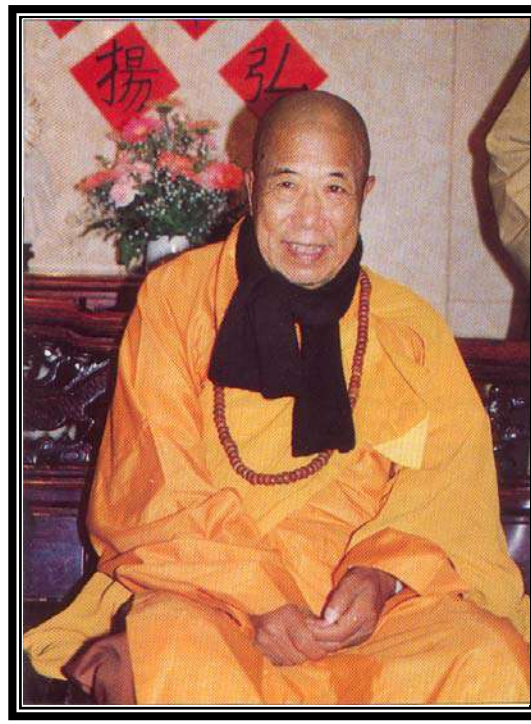

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển hai

Phẩm thí dụ thứ ba.....8

Phẩm tin hiểu thứ tư.....212

Quyển ba

Phẩm dược thảo dụ thứ năm.....301
Phẩm thọ ký thứ sáu.....341
Phẩm hoá thành dụ thứ bảy.....375

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN THỨ HAI

PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất hớn hở vui mừng, bèn đứng dậy chắp tay chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, mà bạch Phật rằng : Hôm nay nghe đức Thế Tôn nói pháp nầy, tâm con rất hớn hở được chưa từng có. Tại sao ? Vì xưa kia con theo Phật nghe pháp như vầy : Thấy các vị Bồ Tát được thọ ký sẽ thành Phật, mà chúng con chẳng được dự vào việc đó, rất tự cảm thương, mất đi vô lượng tri kiến của Như Lai.

Đức Thế Tôn ! Con thường một mình ở dưới gốc cây nơi rừng núi, hoặc ngồi hoặc đi

kinh hành, bèn nghĩ thế nầy : Chúng con đồng vào pháp tánh, tại sao đức Như Lai dùng pháp tiểu thừa mà tế độ ? Đó là lỗi của chúng con, chứ chẳng phải đức Thế Tôn vậy.

Đây là phẩm thứ ba, Phẩm Thí Dụ. Thí dụ tức trong kinh thi nói là thể so sánh. Trong kinh thi có thể phú (giải bày), thể so sánh và thể hứng (thấy cảnh nảy ra lời thơ). Thí dụ tức thể so sánh. Vì đạo lý thâm áo, người khó hiểu, cho nên đưa ra một ví dụ khiến cho người hiểu dễ dàng.

Lúc bấy giờ, tất cả đại chúng đều trông mong đức Phật thọ ký. Ngài Xá Lợi Phất thân miệng ý ba nghiệp đều thanh tịnh, sinh tâm vui mừng lớn, mới đứng dậy chắp tay chiêm ngưỡng tôn nhan của đức Phật, mà nói với Phật rằng: "Con ở trước đức Thế Tôn, thân miệng ý đều thanh tịnh. Trước kia con ở trong hội Phương Đẳng và hội Bát Nhã, cũng chưa từng nghe qua diệu pháp như vầy. Bây giờ, con nghe đức Phật nói diệu pháp nầy, thấy tất cả đại Bồ Tát được Phật thọ ký sẽ thành Phật, bèn có cảm xúc, tâm rất bi thương chưa được Như Lai thọ ký, mất đi vô lượng từ bi trí huệ tri kiến của Phật. Đức Thế Tôn ! Con thường một mình ở dưới gốc cây nơi núi rừng, dụng công tham thiền. Vì núi rừng vắng lặng, cho nên một lần ngồi xuống thì cả mấy ngày, ngồi đến mỏi mệt thì đứng dậy đi kinh hành. Mỗi lần tự nhủ: Chúng con Thanh Văn Bồ Tát đều được pháp tính, vì sao đức Như Lai chẳng dạy

chúng con pháp đại thừa, mà dùng pháp tiểu thừa để giáo hóa ? Phải chăng đức Như Lai đối với chúng con người tiểu thừa chẳng từ bi ? Chúng con thường khởi vọng tưởng như thế. Song, hồi quang phản chiếu rồi mới biết, đây là lỗi của chúng con. Chúng con người tiểu thừa căn mỏng huệ cạn, khó phát tâm nguyện độ sinh, cho nên Phật nói pháp đại thừa mà chúng con không thể tiếp thọ. Đây là lỗi căn cơ hạn hẹp của chính chúng con."

Vì sao ? nếu chúng con chờ Phật nói nhân duyên thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tất dùng pháp đại thừa mà được độ thoát. Nhưng chúng con chẳng hiểu Phật dùng phương tiện tùy nghi nói pháp. Mới nghe Phật pháp, gặp được liền tin nhận, suy gẫm chứng lấy. Đức Thế Tôn ! Con từ xưa đến nay, suốt ngày trọn đêm tự khắc chế trách mình, mà nay được nghe Phật nói pháp chưa từng có, dứt các nghi hoặc, thân tâm thơ thới, rất an vui tự tại. Hôm nay mới biết thật là Phật tử, từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh, được pháp tính của Phật.

Sở dĩ chúng con là hàng Thanh Văn, nghe Phật nói nhân duyên thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tất dùng pháp đại thừa tu hành, mới được độ thoát. Vô thượng chánh đẳng chánh giác tức là Phật vị. Chánh giác, chẳng giống phàm phu, những gì phàm phu làm, đều là hồ đồ chẳng tự giác. Chánh giác chưa đến được trình độ giác tha. Giác tha khác với nhị thừa. Người nhị thừa chỉ đắc được Chánh giác mà chưa đắc được Chánh đẳng. Chánh đẳng là bậc đại Bồ Tát, bậc Đẳng giác Bồ Tát.

Diệu giác là Phật. Đẳng giác Bồ Tát còn một phần sinh tướng vô minh chưa phá, cho nên chưa đắc được Diệu giác vị. Nếu phá sạch một phần sinh tướng vô minh, thì sẽ đắc được Diệu giác. Đẳng giác là hữu tình Thượng sĩ, Phật là Vô Thượng Sĩ.

"Muốn chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác", quả vị Phật, phải dùng pháp Bồ Tát đại thừa mới được độ thoát. Chúng con hàng Thanh Văn, chẳng biết Phật dùng pháp phương tiện giáo hóa chúng sinh, quán căn cơ thí giáo, vì người thuyết pháp, theo bệnh cho thuốc. Chúng con vừa nghe Phật nói pháp bốn Diệu Đế và mười hai Nhân Duyên bèn tin nhận, dụng công tu hành được chứng quả. Đức Thế Tôn ! Con từ khi ở trong pháp hội Phương Đẳng cho đến hiện tại, từ sáng đến tối, tự khắc chế trách mình. Ngày đêm là gì ? Đêm tức là lúc trước chưa khai ngộ, giống như ban đêm; khai ngộ rồi thì như ánh sáng mặt trời chiếu ban ngày. Nếu so sánh tiểu thừa với đại thừa Bồ Tát, thì tiểu thừa như ban đêm, đại thừa Bồ Tát như ban ngày, cho nên nói "suốt ngày trọn đêm".

"Đều khắc chế trách mình" : Khắc chế là chính mình đối trị với chính mình, tức là trong Nho giáo có nói về công phu "khắc kỷ". Nhan Hồi hỏi Đức Khổng Tử làm thể nào đắc được "nhân". Khổng Tử đáp : "Khắc kỷ phục lễ là nhân". Nghĩa là khắc chế chính mình, khôi phục thiên lý là nhân. Nhan Hồi lại hỏi làm thế nào khắc kỷ phục lễ ? Khổng Tử đáp :

"Phi lễ vật thị,
Phi lễ vật thính,
Phi lễ vật ngôn,
Phi lễ vật động."

Nghĩa là : Việc gì chẳng hợp với lý đạo thì đừng xem, chẳng những không xem mà cũng đừng nghe, như có ai nói thị phi thì đừng nghe. Lời chẳng hợp với đạo lý thì đứng nói, việc chẳng hợp với đạo lý thì đừng làm. Xem, nghe, nói, làm, đều hợp lễ, thì tức là khắc kỷ phục lễ. Ngài Xá Lợi Phất thường khắc chế mình mà không phóng dật. Muốn học Phật pháp phải phát tâm dũng mãnh, không sợ gian lao khốn khổ, phàm ai thành công cũng đều có sự khắc chế công phu. Tại Hương Cảng có vị pháp sư Thọ Dã (bây giờ trụ trì chùa Quang Minh ở Nữu Ước), lúc trước ông ta bế quan trên núi Ngũ Đài, dùng máu để biên Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm có tám mươi quyển, có hơn mấy chục vạn chữ. Thầy đó dùng máu biên bộ Kinh nầy, đủ thấy Thầy đó có công phu "khắc kỷ".

Tôn giả Xá Lợi Phất tiếp tục nói : Nay học tập Phật pháp, nghe diệu pháp của Kinh Pháp Hoa, dứt tất cả nghi hoặc, thân tâm đều thơ thới rất an vui tự tại. Hôm nay mới biết con thật là Phật tử (con của Phật), từ miệng Phật sinh ra, từ Phật pháp hóa sinh, đắc được Phật pháp tính.

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng:

Con nghe tiếng pháp nầy
Đắc được chưa từng có
Tâm sinh vui mừng lớn
Lưới nghi đều đã trừ.
Xưa nay nhờ Phật dạy
Chẳng mất nơi đại thừa
Tiếng Phật rất ít có
Hay trừ khổ chúng sinh.
Con đã được sạch lậu
Nghe cũng trừ khổ não.

Lúc đó, tôn giả Xá Lợi Phất muốn tường thuật lại ý nghĩa Kinh văn vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói: Con nay nghe được tiếng diệu pháp nầy, đắc được diệu pháp chưa từng có, tâm sinh vui mừng lớn, lưới hoài nghi đã trừ sạch. Thuở xưa, đời đời kiếp kiếp nhờ Phật giáo hóa, tài bồi hạt giống đại thừa, đời nầy đã chín mùi. Tiếng của Phật vi diệu thanh tịnh sâu xa, rất ít có trong đời, hay dứt trừ phiền não của chúng sinh. Con đã chứng tứ quả A La Hán, đắc được lậu tận thông. Con vốn căn tính tiểu thừa, chưa thật sự minh bạch đạo lý Bồ Tát. Hiện tại con nghe

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khiến cho khổ não của con đều trừ sạch.

Con ở nơi hang núi
Hoặc dưới cây trong rừng.
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Thường suy gẫm như vầy:
Than ôi ! Tự trách mình
Sao lại khi dối mình.
Chúng ta cũng Phật tử
Đồng vào pháp vô lậu
Đời vị lai chẳng được
Diễn nói đạo vô thượng.

Con ở nơi hang núi, hoặc trong rừng cây, hoặc ngồi hoặc đi, thường nghĩ việc nầy, mà than thở sao lại tự trách mình ? Chúng con đều là Phật tử, đồng vào pháp vô lậu, nhưng ở đời vị lai chẳng được diễn nói diệu pháp vô lậu.

Sắc vàng ba mươi hai
Mười lực các giải thoát
Đồng trong một pháp tánh
Mà chẳng được việc nầy.
Tám mươi tướng tốt đẹp

Mười tám pháp bất cộng
Những công đức như thế
Mà con đều đã mất.
Lúc con kinh hành riêng
Thấy Phật trong đại chúng
Danh đồn khắp mười phương
Rộng lớn ích chúng sinh.
Nghĩ mình mất lợi nầy
Vì con tự khi dối
Con thường nơi ngày đêm
Đều suy nghĩ việc nầy.
Muốn hỏi đức Thế Tôn
Là mất hay chẳng mất ?
Con thường thấy Thế Tôn
Khen ngợi các Bồ Tát.
Vì thế nên ngày đêm
Con nghĩ về việc nầy
Nay nghe tiếng Phật nói
Tùy nghi mà nói pháp.
Vô lậu khó nghĩ bàn
Khiến chúng đến đạo tràng

Con vốn chấp tà kiến
Làm thầy các Phạm chí.
Thế Tôn biết tâm con
Trừ tà nói Niết Bàn
Khiến con dứt tà kiến
Chứng đắc được pháp không.
Bấy giờ tâm tự bảo :
Đến được nơi diệt độ.

Thân Phật là thân sắc vàng, có ba mươi hai tướng. Mười lực tức là mười thứ trí huệ lực của Phật. Ba mươi hai tướng là :

1. Dưới chân bằng như đáy hộp.
2. Dưới chân có tướng bánh xe ngàn căm.
3. Gót chân như đảnh Phạm vương.
4. Ngón tay nhỏ dài.
5. Thân vuông thẳng.
6. Tay chân có màng lưới.
7. Tay chân mềm mại.
8. Mắt cá mập đầy.
9. Lông mình mượt.
10. Cánh tay như nai chúa.
11. Thân tròn đầy.
12. Tay thòng quá gối.
13. Đảnh có nhục kế.

14. Vô kiến đảnh.
15. Mã âm tàng.
16. Da mịn trơn.
17. Lông mình vòng bên phải.
18. Thân tía màu hoàng kim.
19. Bảy chỗ bằng đầy.
20. Tiếng Phạm âm.
21. Xương vai sung mãn.
22. Thân trên như sư tử.
23. Khuỷu tay mập nhỏ.
24. Răng trắng đều nhau.
25. Bốn mươi cái răng.
26. Răng trắng như ngà.
27. Má như sư tử.
28. Trong miệng có thượng vị.
29. Lưỡi rộng dài.
30. Tướng bậc trượng phu.
31. Lông mi xanh biếc.
32. Tướng hào quang trắng giữa mày.

Mười lực :
1. Trí lực biết xứ phi xứ.
2. Trí lực biết nghiệp báo ba đời.
3. Trí lực biết các thiền giải thoát tam muội.
4. Trí lực biết các căn thắng liệt.
5. Trí lực biết chủng chủng giải.
6. Trí lực biết chủng chủng giới.

7. Trí lực biết nhất thiết chí xứ đạo.
8. Trí lực biết thiên nhãn vô ngại.
9. Trí lực biết túc mạng vô lậu.
10. Trí lực biết vĩnh đoạn tập khí.

Các giải thoát bao quát tám giải thoát :
1. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát.
2. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát.
3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
4. Không vô biên xứ giải thoát.
5. Thức vô biên xứ giải thoát.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
8. Diệt thọ tưởng định thân tác chứng cụ túc trụ.
Đó là tám giải thoát, người tu thiền tông phải biết.

Đồng trong một pháp tính, mà hàng tiểu thừa chưa được thọ ký thành Phật. Thân của Phật có tám mươi vẻ đẹp, mười tám pháp bất cộng. Pháp bất cộng là chẳng chung với ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát, chỉ có Phật mới đầy đủ pháp nầy.

Mười tám pháp bất cộng :
1. Thân vô thất.
2. Khẩu vô thất.
3. Niệm vô thất.
4. Vô dị tưởng.
5. Vô bất định tâm.

6. Vô bất tri kỷ xả.
7. Dục vô diệt.
8. Tinh tấn vô diệt.
9. Niệm vô diệt.
10. Huệ vô diệt.
11. Giải thoát vô diệt.
12. Giải thoát tri kiến vô diệt.
13. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành.
14. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành.
15. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành.
16. Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại.
17. Trí huệ tri vị lai thế vô ngại.
18. Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại.

"Những công đức như thế" : Như vừa nói ở trên ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lực, các giải thoát, mười tám pháp bất cộng, đủ thứ công đức, mà con Xá Lợi Phất hành tiểu thừa đã mất các công đức. Xá Lợi Phất khi một mình tham thiền hoặc đi kinh hành, thì thấy Đức Phật ở trong đại chúng, danh đồn khắp mười phương. Phật vì lợi ích tất cả chúng sinh mà chẳng xa lìa. Xá Lợi Phất nói : Con cảm thấy mình đã mất đi tất cả những lợi ích mà mình tự khi dối mình, cho rằng mình đã mất đi lợi ích nầy. Con thường ngày đêm sáu thời, suy gẫm về việc nầy của con cứu kính mất đi hay chẳng mất ? Con thường thấy đức Thế Tôn tán thán ngợi khen các đại Bồ Tát. Do đó, nên ngày đêm con đều nghĩ về việc nầy. Bây giờ, con

nghe tiếng của Phật nói, tùy cơ nghi của chúng sinh mà nói diệu pháp. Pháp nầy là vô lậu, không thể nghĩ bàn, khiến cho chúng sinh đắc đạo bồ đề.

Tôn giả Xá Lợi Phất, trước kia từng có sự chấp trước, có tà tri tà kiến, muốn làm thầy của tất cả Bà La Môn (Phạm chí) ngoại đạo. Đức Thế Tôn hiểu rõ căn cơ của con, mới trừ dứt tà kiến của con, còn vì con nói pháp Niết Bàn quả Thánh. Cho nên, tất cả tà tri tà kiến của con đều đã dứt sạch, chứng được pháp chân không. Lúc đó, tâm con cho rằng, chứng quả A La Hán, tức là đã đạt được cứu kính tịch diệt.

Nay mới thật biết rõ
Chẳng phải thật diệt độ.
Nếu sẽ được thành Phật
Đủ ba mươi hai tướng
Chúng trời người Dạ Xoa
Rồng Thần đều cung kính.
Lúc đó mới bảo rằng :
Vĩnh viễn vào Vô Dư
Phật ở trong đại chúng
Nói con sẽ thành Phật.
Nghe tiếng pháp như thế
Nghi hoặc đều đã trừ

Vừa nghe Phật nói ra
Trong tâm rất sợ nghi.
Phải chăng ma giả Phật
Nhiễu loạn tâm con chăng !

Tôn giả Xá Lợi Phất lại nói : Con lúc trước cho rằng mình đã được diệt độ, té ra chưa đến được chốn Bảo sở, nay đã giác ngộ, trước kia con chỉ chứng được lý không, chứ chẳng phải Niết Bàn chân chánh. Nếu như tương lai được thành Phật, đủ ba mươi hai tướng, được chư Thiên, nhân loại, Dạ xoa, Thiên long bát bộ, rồng và thần .v.v., đều đến cung kính, lúc đó mới có thể cho rằng: Chân chánh diệt độ, được Vô Dư Niết Bàn. Phật ở trước đại chúng nói, con tương lai sẽ thành Phật, con nghe được pháp âm như thế, thì tất cả tâm nghi hoặc đều dứt sạch. Nhưng ban đầu vừa nghe Phật nói pháp, thì trong tâm con sinh tâm rất sợ nghi, hoài nghi đây có phải là ma biến làm Phật chăng ? Sao lại nói được diệu pháp nầy ? Có phải nó đến để nhiễu loạn tâm tu định của con ?

Phật dùng đủ thứ duyên
Thí dụ khéo nói pháp.
Tâm Phật an như biển
Con nghe lưới nghi dứt
Phật nói đời quá khứ

Vô lượng Phật diệt độ.
An trụ trong phương tiện
Cũng đều nói pháp nầy
Phật hiện tại vị lai
Số đông không thể lường.
Cũng dùng các phương tiện
Diễn nói pháp như thế
Như Thế Tôn hôm nay
Từ sinh đến xuất gia.
Đắc đạo chuyển pháp luân
Cũng dùng phương tiện nói
Thế Tôn nói thật đạo
Ba Tuần làm chẳng được.
Thế nên con biết chắc
Chẳng phải ma giả Phật
Vì con sa lưới nghi
Bảo là ma vương nói.
Nghe tiếng Phật êm diệu
Xâu xa rất vi diệu
Diễn xướng pháp thanh tịnh
Tâm con rất vui mừng.

Nghi hoặc đã dứt hẳn
An trụ trong thật trí
Con chắc sẽ thành Phật
Được trời người cung kính.
Chuyển pháp luân vô thượng
Giáo hóa các Bồ Tát.

Phật lại dùng đủ thứ phương tiện nhân duyên, thí dụ, dùng biện tài khéo léo, vì con nói pháp nầy, tâm của Phật an định như biển cả, khiến cho tâm của con cũng an định như biển. Phật nói đủ thứ pháp môn thiện xảo phương tiện, cho nên đoạn trừ được tất cả nghi hoặc của con. Phật nói tất cả vô lượng chư Phật diệt độ đời quá khứ, đều chiếu theo pháp môn phương tiện nầy, vì tất cả Chúng sinh nói, tức là diệu pháp Kinh Pháp Hoa. Tất cả chư Phật hiện tại và vị lai nhiều vô cùng vô tận, cũng dùng đủ thứ phương tiện nói diệu pháp nầy. Hiện tại, Thích Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn, từ cung trời Đâu Suất hạ sinh nhân gian, hiện tám tướng thành đạo.

Tám tướng :

1. Từ nội viện cung trời Đâu Suất hạ sinh vào vương cung Vua Tịnh Phạn, tại nước Ca Tì La Vệ xứ Ấn Độ.

2. Nhập thai : Phật ở trong thai mẹ ngày đêm đều vì trời người quỷ thần thuyết pháp.

3. Trụ thai mười tháng.

4. Ra khỏi thai thì Phật dùng một tay chỉ trời một tay chỉ đất nói : "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn."

5. Xuất gia tu khổ hạnh sáu năm.

6. Dưới cội Bồ Đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo.

7. Thành đạo rồi chuyển bánh xe pháp, vì tất cả chúng sinh thuyết pháp.

8. Cuối cùng vào Niết Bàn.

Đó là tám tướng thành đạo, nhưng Tông Thiên Thai sửa tướng thứ ba trụ thai làm tướng thứ năm là hàng ma tức là :

1. Đâu Suất hạ sinh.
2. Nhập thai.
3. Xuất thai.
4. Xuất gia.
5. Hàng ma.
6. Thành đạo.
7. Chuyển pháp luân.
8. Vào Niết Bàn.

Tám tướng nầy Tông Thiên Thai nói.

Trong đại thừa, tướng hàng ma bao quát ở trong tướng thành đạo. Mà nay đức Phật, từ lúc hàng sinh nhân gian đến xuất gia, thành đạo rồi chuyển pháp luân, tức cũng là dùng phương tiện pháp môn thuyết pháp. Hiện tại đức Thế Tôn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là trí huệ chân thật, cũng là đạo lý thật tướng. "Ba Tuần" tức là ma

vương, y không thể nào nói được chân lý nầy. Do đó, con biết chắc chắn chẳng phải ma giả Phật. Vì con sa vào lưới nghi, cho rằng Phật nói pháp là ma vương nói. Bây giờ, nghe được tiếng êm diệu từ bi hỷ xả của Phật. Tiếng của Phật sâu xa vi diệu (một trong tám mươi vẻ đẹp), diễn xướng diệu pháp thanh tịnh. Tâm con rất vui mừng nghi hoặc vĩnh viễn đoạn tuyệt, an trụ vào trong thật trí huệ. Trong tương lai con nhất định sẽ thành Phật, được trời người rồng thần tôn kính, chuyển đại pháp luân vô thượng, giáo hóa tất cả đại Bồ Tát.

Bấy giờ, đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất : Nay ta ở trong đại chúng trời người Sa môn, Bà la môn mà nói, xưa kia ta đã từng ở chỗ hai vạn ức vị Phật, vì đạo vô thượng, nên thường giáo hóa ông. Ông cũng theo ta tu học lâu dài, ta dùng phương tiện dẫn dắt ông, khiến cho sinh vào trong pháp của ta.

Lúc đó, Phật nói với Ngài Xá Lợi Phất: Nay ta vì trời, người, Sa môn, Bà La Môn, đại chúng mà nói, ta đã từng ở chỗ hai vạn ức vị Phật, ta vì cầu đạo vô thượng (có bảy vô thượng đạo : Thân vô thượng, thọ trì vô thượng, cụ túc vô thượng, trí huệ vô thượng, bố thí vô thượng, giải thoát vô thượng, hành vô thượng). Ta thường giáo hóa ông. Ông trước kia chưa khai ngộ, luôn luôn theo ta tu

học Phật pháp. Ta dùng đủ thứ phương tiện pháp môn dẫn dắt ông, mới khiến cho sinh vào trong Phật pháp của ta Phật Thích Ca Mâu Ni.

Xá Lợi Phất ! Xưa ta dạy ông chí nguyện Phật đạo, nay ông đã quên, mà bèn tự bảo đã được diệt độ. Nay ta muốn khiến cho ông nhớ lại nguyện xưa đã hành đạo, vì các Thanh Văn nói Kinh đại thừa nầy, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.

Xá Lợi Phất ! Ông ở đời vị lai, trải qua vô lượng vô biên số kiếp không thể nghĩ bàn, cúng dường hàng ngàn vạn ức vị Phật, phụng trì chánh pháp, đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, sẽ được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước đó tên là Ly Cấu, cõi đó bằng phẳng thanh tịnh trang nghiêm, an ổn, giàu có, sung sướng, trời

người đông đảo. Dùng lưu ly làm đất, có tám đường giao thông, dây bằng vàng dùng giăng bên đường, cạnh lề đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có hoa quả. Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sinh.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật đó ra đời, tuy chẳng phải đời ác, nhưng vì nguyện xưa cho nên nói pháp ba thừa.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: Thuở xưa, ta giáo hóa ông chí nguyện thành Phật đạo, mà nay ông đã quên mất, tự nói đã được diệt độ. Ta muốn ông nhớ lại nguyện lực đã phát ra xưa kia, nay vì hàng Thanh Văn nói Kinh điển đại thừa tên là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dạy ông pháp Bồ Tát. Học pháp nầy, thì được mười phương chư Phật hộ niệm. Xá Lợi Phất, ta vì ông thọ ký, ông ở trong vô lượng kiếp vị lai cúng dường vô số chư Phật, phụng trì chánh pháp, đầy đủ lục độ vạn hạnh, sẽ được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước của ông tên là Ly Cấu. Ở trên là mười danh hiệu chung của mỗi vị Phật. Cõi nước của ông thanh tịnh bằng phẳng, an ổn giàu có sung sướng, trời người đông đảo. Dùng lưu

ly làm đất, có tám đường giao thông, dùng vàng làm dây giăng bên đường, lề đường có những hàng cây bằng bảy báu, luôn luôn có hoa quả. Đức Hoa Quang Như Lai dùng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát ba thừa giáo hoá chúng sinh. Khi Xá Lợi Phất thành Phật, tuy chẳng phải đời ác, nhưng bởi vì nguyện lực xưa cho nên nói pháp ba thừa.

Kiếp đó tên là Đại Bảo Trang Nghiêm. Vì sao tên là Đại Bảo Trang Nghiêm ? Vì trong nước đó dùng Bồ Tát làm đại bảo. Các Bồ Tát nhiều vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Toán số ví dụ cũng không thể tính được, ngoài trí lực của Phật ra, không ai biết được. Nếu muốn đi thì có hoa báu đỡ chân. Các vị Bồ Tát đó, chẳng phải mới phát tâm, các Ngài đều đã trồng gốc công đức lâu xa, tu phạm hạnh thanh tịnh, nơi vô lượng trăm ngàn vạn ức chỗ các đức Phật. Thường được chư Phật khen ngợi, thường tu trí huệ của Phật, đủ đại thần thông, khéo biết tất cả các pháp môn, chân thật không hư dối, chí niệm kiên cố, các Bồ Tát như thế đầy khắp nước đó.

Đức Hoa Quang Như Lai thành đạo, vào kiếp đó tên là Đại Bảo Trang Nghiêm. Vì sao gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm ? Vì trong cõi nước đó, dùng Bồ Tát làm đại bảo. Có nhiều Bồ Tát số đông không thể nghĩ bàn, đếm chẳng hết được. Chỉ có Phật đầy đủ mười trí lực mới biết được số lượng. Phật đi thì có hoa sen báu đỡ dưới chân. Các Bồ Tát cõi đó, chẳng phải mới phát tâm tu hành, đều đã trồng căn lành lâu xa, nơi chỗ của vô lượng các đức Phật, từng tu phạm hạnh thanh tịnh, thường được chư Phật tán thán. Các Ngài thường tu trí huệ chân thật của Phật, đầy đủ đại thần thông, thông đạt các pháp thật tướng, tất cả hành vi đều chân thật chẳng hư dối, chí niệm kiên cố chẳng thối lui, các đại Bồ Tát như thế đầy khắp nước đó.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ làm vương tử chưa thành Phật, thì nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai, trải qua mười hai tiểu kiếp, thì thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bảo các Tỳ Kheo rằng : Bồ Tát Kiên Mãn kế đây sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng cúng, Chánh

biến tri. Cõi nước của Đức Phật đó cũng lại như thế.

Xá Lợi Phất ! Phật Hoa Quang đó diệt độ rồi, chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp trụ thế cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

Phật bảo Xá Lợi Phất ! Đức Hoa Quang Như Lai thọ mạng mười hai tiểu kiếp. Thọ mạng của con người bắt đầu từ tám vạn bốn ngàn tuổi, mỗi một trăm năm thì giảm xuống một tuổi, thân cao mỗi một trăm năm cũng giảm xuống một tất, giảm đến thọ mạng của con người chỉ còn mười tuổi, đây gọi là kiếp giảm. Tuổi thọ của con người lại từ từ tăng lên, đến tám vạn bốn ngàn tuổi, mỗi một trăm năm cũng tăng một tuổi, thân cao tăng thêm một tất, một tăng một giảm như thế gọi là một kiếp. Một ngàn kiếp làm một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp. Trừ lúc Ngài làm vương tử chưa thành Phật, thì nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai trải qua mười hai tiểu kiếp, thì sẽ thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước đó cũng lại như thế. Phật Hoa Quang diệt độ rồi, chánh pháp trụ ở đời trải qua ba mươi hai tiểu kiếp (thời đại chánh pháp thì

thiền định kiên cố), tượng pháp cũng trải qua ba mươi hai tiểu kiếp (thời đại tượng pháp thì chùa chiền kiên cố).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Xá Lợi Phất tương lai
Thành Phật đấng đại trí
Hiệu là Phật Hoa Quang
Sẽ độ vô lượng chúng.
Cúng dường vô số Phật
Đầy đủ hạnh Bồ Tát
Mười lực các công đức
Chứng được vô thượng đạo.
Qua vô lượng kiếp sau
Kiếp tên Đại Bảo Nghiêm
Thế giới tên Ly Cấu
Thanh tịnh chẳng dơ bẩn.
Dùng lưu ly làm đất
Dây vàng giăng bên đường
Hàng cây xen bảy báu
Thường có hoa quả thật.

Lúc đó, Phật dùng kệ để tường thuật lại ý nghĩa trường hàng vừa nói ở trên.

Xá Lợi Phất ! Trong tương lai ông sẽ thành Phật đấng đại trí, phổ độ chúng sinh, hiệu là Hoa Quang Như Lai, độ vô lượng chúng sinh. Bởi ông từng cúng dường vô số chư Phật, đầy đủ lục độ vạn hạnh Bồ Tát đạo, có mười lực của Như Lai, tám giải thoát, thiền định công đức .v.v...

Đức Phật đó chứng được quả vị đạo vô thượng, trải qua vô lượng kiếp sau, kiếp tên Đại Bảo Trang Nghiêm, thế giới tên Ly Cấu, thanh tịnh chẳng dơ bẩn, dùng lưu ly làm đất, dây vàng giăng bên đường, hàng cây xen tạp bảy báu, thường có hoa quả thật đầy khắp, khiến cho người thấy mà phát bồ đề tâm.

Các Bồ Tát nước đó
Chí niệm thường kiên cố
Thần thông Ba la mật
Thảy đều đã đầy đủ.
Nơi vô số chư Phật
Khéo học Bồ Tát đạo
Các Đại Sĩ như thế
Do Phật Hoa Quang độ.
Khi Phật làm vương tử
Bỏ nước xả vinh hoa

Ở nơi thân cuối cùng
Xuất gia thành Phật đạo.
Phật Hoa Quang trụ thế
Thọ mười hai tiểu kiếp
Chúng nhân dân nước đó
Thọ mạng tám tiểu kiếp.
Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp trụ ở đời
Ba mươi hai tiểu kiếp
Rộng độ các chúng sinh.
Chánh pháp diệt hết rồi
Tượng pháp ba mươi hai
Xá lợi rộng truyền khắp
Trời người đều cúng dường.
Sự việc Phật Hoa Quang
Đại khái là như thế
Đấng Lưỡng Túc Tôn kia
Tối thắng chẳng ai bằng.
Phật đó tức thân ông
Nên phải tự vui mừng.

Các đại Bồ Tát trong nước Đại Bảo Trang Nghiêm nầy, chí niệm đã được ba bất thối (vị bất thối, niệm bất thối, hạnh bất thối) và được đại thần thông, sáu Ba la mật, thảy đều đầy đủ. Ở chỗ vô số chư Phật thường hành Bồ Tát đạo, lục độ vạn hạnh. Tất cả các đại Bồ Tát đều do Phật Hoa Quang giáo hóa. Đức Hoa Quang Như Lai làm vương tử, thì xả bỏ tất cả vinh hoa phú quý, một đời cuối cùng xuất gia làm Tỳ Kheo, tu hành mà thành Phật đạo. Đức Hoa Quang Như Lai trụ thế sống lâu đến mười hai tiểu kiếp, nhân dân nước đó sống lâu đến tám tiểu kiếp. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ ở đời đến ba mươi hai tiểu kiếp, rộng độ vô lượng chúng sinh. Sau khi thời đại chánh pháp diệt, thì đến thời đại tượng pháp cũng ba mươi hai tiểu kiếp. Xá lợi rộng truyền cho đời, trời người đều cúng dường bảo tháp xá lợi. Sự việc của Phật Hoa Quang đại khái là như thế. Đức Phật đầy đủ phước huệ chẳng ai sánh bằng, là Đức Hoa Quang Như Lai thân ông trong tương lai, nên mừng được thành Phật rộng độ chúng sinh.

Bấy giờ, bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, đại chúng, thấy Đức Phật thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất, sẽ thành Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tâm rất vui

mừng hớn hở vô cùng, ai nấy đều cởi y trên thân, để cúng dường Đức Phật. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm Thiên Vương, và vô số Thiên tử cũng đem y trời đẹp, hoa trời mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, cúng dường đức Phật, y trời tung lên bèn trụ ở trong hư không mà tự xoay vòng. Âm nhạc của chư thiên trăm ngàn vạn thứ, cùng một lúc đều tấu lên ở trong hư không, mưa xuống các hoa trời mà nói như vầy : Xưa kia đức Phật ban đầu chuyển pháp luân ở thành Ba La Nại, cho đến hôm nay mới chuyển pháp luân lớn nhất vô thượng.

Khi Đức Phật thọ ký cho tôn giả Xá Lợi Phất rồi, thì bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, A Tu La (vô đoan chánh), Ca Lâu La (đại bành kim sí điểu), Khẩn Na La (thần nhạc), Ma Hầu La Già (đại mãng xà), tám bộ quỷ thần đều tụ tập nghe Phật thuyết pháp. Thấy Xá Lợi Phất ở trước Phật, được thọ ký vô thượng chánh đẳng chánh giác, tương lai sẽ thành Phật Hoa Quang, mọi người đều sinh tâm vui mừng. Ai nấy đều cởi y trên thân của mình đem cúng dường cho Đức Phật. Người xuất gia thì đem tổ y cúng dường (người xuất gia có ba y : Đại y

còn gọi là tổ y, là y hai mươi lăm điều có 108 ô; thất y là y bảy điều; ngũ y là y năm điều; người xuất gia phải có ba vật thường bên mình tức là y, bình bát, tọa cụ).

Người tại gia cư sĩ thì cởi y phục tốt đẹp nhất trên thân đem cúng dường. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm Thiên Vương và vô số Thiên tử cũng đem y phục trời tốt đẹp, hoa trời mạn đà la (hoa nhỏ màu trắng), hoa ma ha mạn đà la (hoa lớn màu trắng) để cúng dường. Y của chư thiên cúng dường cho đức Phật, lơ lửng xoay vòng ở trong hư không, và có trăm ngàn vạn thứ nhạc trời đồng tấu lên ở trong hư không, đều cùng nhau nói: Xưa kia đức Phật ở thành Ba La Nại, ban đầu chuyển bánh xe pháp, cho đến hôm nay, mới diễn nói diệu pháp lớn nhất vô thượng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khai quyền hiển thật.

Lúc đó, các Thiên tử muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Xưa tại Ba La Nại
Chuyển pháp luân bốn đế
Phân biệt nói các pháp
Sinh diệt của năm uẩn.
Nay lại chuyển pháp luân
Vô thượng diệu bậc nhất
Pháp đó rất thâm áo

Ít có người tin được.
Chúng con từ xưa nay
Thường nghe Thế Tôn nói
Chưa từng nghe diệu pháp
Thâm diệu như thế nầy.
Thế Tôn nói pháp nầy
Chúng con đều tùy hỉ
Đại trí Xá Lợi Phất
Nay được Phật thọ ký.
Chúng con cũng như thế
Tất sẽ được thành Phật
Trong tất cả thế gian
Tôn quý vô thượng nhất.
Phật đạo không nghĩ bàn
Phương tiện tùy nghi nói
Những phước đức con có
Đời nầy hoặc quá khứ.
Và công đức gặp Phật
Hồi hướng đến Phật đạo.

Các vị thiên tử vì muốn làm rõ nghĩa ở trên, nên dùng kệ để tường thuật lại.

Lúc trước, đức Phật ở tại vườn Lộc Uyển ba lần chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, độ năm vị Tỳ Kheo mà phân biệt nói pháp: Khổ, tập, diệt, đạo, mười hai Nhân Duyên và sinh diệt của năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Năm uẩn là: Khổ đế, khổ đế thì có sinh, có sinh thì có diệt, diệt được khổ đế, tập đế, thì đến đạo đế. Cho nên, pháp bốn Diệu Đế khổ tập diệt đạo, và năm uẩn có quan hệ mật thiết. Nay lại nói diệu pháp tối thượng Kinh Pháp Hoa, là vua của tất cả các pháp, Phật nói Kinh nầy, là bỏ quyền trí mà nói thật trí. Pháp thâm áo nầy, nếu căn tính của một số người có hạn, thì chẳng đạt được cảnh giới của nó, cho nên chẳng tin. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói, ai ai cũng đều có thể thành Phật, nhưng vẫn có người chẳng tin đạo lý nầy ! Đức Phật và chúng ta đều là người. Ngài khuyên tu thiện đạo thì thành Phật, song, một số người chấp trước tướng ta, đầy dẫy tham sân si, chẳng tu hành, cho nên chưa thành Phật.

Chúng con các vị Thiên tử, từ vô lượng kiếp đến nay, tuy nhiều lần nghe Đức Phật thuyết pháp, nhưng chưa từng nghe qua diệu pháp chí cao vô thượng nầy. Bây giờ Phật nói diệu pháp nầy, các chư Thiên nghe nói đều vui mừng. Nhất là Ngài Xá Lợi Phất là người có trí huệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn. Tôn giả được thọ ký sẽ thành Phật, mà chúng con các Thiên tử, cũng có hy vọng tương lai sẽ thành Phật. Trong tất cả thế gian, Phật là tôn quý bậc nhất. Phật đạo thật là không thể nghĩ bàn. Phật vì phương tiện mà quán cơ thí giáo, theo căn cơ của chúng

sinh mà nói pháp. Chư Thiên chúng con, có những phước đức nghiệp lành gì, trong đời hiện tại hoặc đời vị lai, công đức gặp được Phật nầy, thảy đều hồi hướng hết Phật đạo trong tương lai của chúng con.

Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Nay con chẳng còn nghi hoặc, ở trước Đức Phật được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Một ngàn hai trăm vị tâm được tự tại nầy, lúc xưa ở bậc hữu học, Phật thường giáo hóa rằng : Pháp của ta hay khỏi sinh già bệnh chết, được cứu kính Niết Bàn. Các vị hữu học vô học nầy, ai nấy cũng đã lìa ngã kiến, thường kiến và đoạn kiến, cho rằng được Niết Bàn, mà nay ở trước Đức Thế Tôn, nghe những điều chưa nghe, đều sa vào nghi hoặc. Lành thay Đức Thế Tôn ! Xin vì bốn chúng mà nói nhân duyên đó, khiến cho họ lìa nghi hoặc.

Lúc đó, tôn giả Xá Lợi Phất nói với Đức Phật : Con nghe Phật nói diệu pháp, chẳng còn sinh nghi hoặc nữa, con ở trước Đức Phật được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiệu Phật của con là Hoa Quang Như Lai.

Nhưng một ngàn hai trăm vị đệ tử tâm được tự tại nầy, lúc trước đầy đủ hữu học vị (trước chưa chứng được tứ quả A La Hán gọi là hữu học vị). Phật thường giáo hoá họ, ở trong Phật pháp hay thoát khỏi khổ sinh già bệnh chết, được cứu kính Niết Bàn khoái lạc. Những vị hữu học vô học nầy, tự cho rằng đã lìa ngã kiến, thường kiến (hữu kiến) và đoạn kiến (vô kiến), tự nói rằng đã được Niết Bàn. Mà nay ở trước Phật nghe diệu pháp chưa từng nghe, tức là họ nghi hoặc chẳng hiểu, mong cầu Phật từ bi vì Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng nói tất cả nhân duyên, khiến cho họ được lìa nghi hoặc.

Bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Phất, trước kia ta đâu chẳng nói, chư Phật Thế Tôn dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ, phương tiện nói pháp, đều vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư ? Nói những điều đó, đều vì giáo hóa các Bồ Tát. Nhưng Xá Lợi Phất, nay ta sẽ dùng thí dụ để làm rõ nghĩa nầy, những người có trí do thí dụ mà được hiểu.

Phật nghe Ngài Xá Lợi Phất, vì bốn chúng mà thỉnh pháp, khiến cho họ lìa tất cả nghi hoặc, mới vì Xá Lợi Phất nói : Trước kia, chẳng phải ta đã nói rõ, mười phương chư Phật dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ thí dụ phương tiện pháp môn, đâu chẳng vì Vô thượng chánh

đẳng chánh giác mà nói pháp chăng ? Chỉ vì giáo hoá chúng Bồ Tát, mà nói nhân duyên của các pháp. Bây giờ ta dùng ví dụ để giải thích đạo lý nầy, người có trí huệ thì nhờ ví dụ mà lãnh hội được.

Xá Lợi Phất ! Như quốc ấp tụ lạc, có vị đại trưởng giả tuổi đã già nua, của cải giàu có vô lượng, có nhiều ruộng vườn nhà cửa và các tôi tớ.

Phật bảo Xá Lợi Phất, bây giờ ta đưa ra một ví dụ. "Quốc gia" dụ cho cõi Thật báo trang nghiêm. "Ấp" dụ cho cõi Phương tiện hữu dư, là nơi ở của hàng nhị thừa. "Tụ lạc" dụ cho cõi phàm Thánh đồng ở. Cõi Thường Tịch Quang tịnh độ là gốc, còn ba cõi kia là tích, cuối cùng đều quy về gốc, cõi Thường Tịch Quang tịnh độ.

"Có vị đại trưởng giả" là dụ cho đức Phật, dùng pháp thế gian mà nói vị đại trưởng giả. Trưởng giả đầy đủ có mười đức hạnh:

1. Dòng dõi tôn quý.
2. Địa vị cao.
3. Giàu có.
4. Uy đức.
5. Trí sâu rộng.
6. Tuổi cao.
7. Hạnh thanh tịnh.
8. Đầy đủ oai nghi.

9. Được khen ngợi.

10. Tất cả đều nương tựa.

Nay ví dụ Phật là vị trưởng giả xuất thế, cũng đầy đủ mười đức.

1. Phật ba đời đều sinh vào trong chân như thật tế, cho nên gọi là dòng dõi tôn quý.

2. Phật chứng được mười danh hiệu, đây mới là địa vị cao.

3. Phật pháp tài vạn đức viên dung, có thể nói rằng là giàu có.

4. Phật đủ mười trí lực, hàng phục được thiên ma ngoại đạo, cho nên gọi là uy đức.

5. Phật có một tâm ba trí (tu quán không đắc Nhất thiết trí, tu quán giả đắc Đạo chủng trí, tu quán trung đạo đắc Nhất thiết chủng trí) hổ tương thông đạt, đây gọi là trí sâu rộng.

6. Phật trong vô lượng kiếp về trước, sớm đã thành chánh giác, đây là lớn tuổi.

7. Phật ba nghiệp (thân, khẩu, ý) tùy trí huệ hành, đây là hạnh thanh tịnh.

8. Phật đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tức là đầy đủ oai nghi.

9. Mười phương chư Phật đều khen ngợi Phật.

10. Bảy phương tiện (chiếu theo Tông Thiên Thai:

a. Nhân thừa.

b. Thiên thừa.

c. Thanh Văn thừa.

d. Duyên Giác thừa.

e. Tạng giáo Bồ Tát thừa.

f. Thông giáo Bồ Tát thừa.

g. Biệt giáo Bồ Tát thừa.

Chúng sinh đều đến quy y với Phật, đó là tất cả đều nương tựa.

Mười đức của Phật chẳng ra ngoài một niệm tâm, trí nương quán tâm từ thật tướng mà ra:

1. Sinh vào chủng tính chân chánh nhà Phật, tức là dòng dõi tôn quý.

2. Phật chẳng khởi hoặc (kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc), đã mặc y Như Lai, xưng tịch diệt nhẫn, tức địa vị cao.

3. Ba đế (không đế, giả đế, trung đế) đầy đủ pháp tài, tức là giàu có.

4. Dùng trí huệ hàng phục ái kiến, tức uy đức.

5. Hợp với trung đạo, thấy suốt hai pháp quyền và thật, tức là trí huệ sâu rộng.

6. Hay tu quán nầy thì vượt lên trên bảy phương tiện, tức là lớn tuổi.

7. Quán tâm tính gọi là thượng định, hay khiến thân khẩu ý ba nghiệp đều thanh tịnh, tức là hạnh tịnh.

8. Gặp duyên đối cảnh, hợp với pháp chẳng mất oai nghi, tức là đầy đủ oai nghi.

9. Tu quán nầy hay tin hiểu sâu các pháp thật tướng, được mười phương chư Phật khen ngợi.

10. Tuy có trời rồng tám bộ chúng và bốn chúng, đều đến cúng dường cũng chẳng lay động, tức là tất cả nương tựa.

Lại dùng "vị trưởng giả" lớn tuổi, tức là bác đạt cổ kim, ví dụ trí huệ của Phật.

1. Phật có trí đức mà hay đương cơ lập đoạn.

2. "Già nua" tức là căn chí thuần thục, dụ cho đoạn đức của Phật, lại dùng "của cải giàu có" dụ cho Phật vạn đức trang nghiêm. "Có nhiều ruộng vườn nhà cửa": Ruộng tốt nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng, người tu hành tham thiền, phải nhờ sức trí huệ làm tăng trưởng pháp thân huệ mạng. Nhà cửa dụ cho cảnh thật trí chân. Nếu luận về phước đức, thì Phật rộng tu sáu độ vạn hạnh, nếu luận về trí huệ, thì Phật chẳng có cảnh nào mà không chiếu đến. Cho nên nói rằng Phật "có nhiều ruộng vườn nhà cửa". "Tôi tớ" là ví dụ nhiều môn phương tiện tri kiến viên mãn, chúng sinh trong sáu nẻo hòa quang đồng trần, là tứ thuận quần cơ mà thật trí như tôi tớ vậy.

Nhà đó rộng lớn, chỉ có một cửa, có rất nhiều người, một trăm, hai trăm, cho đến năm trăm người, đều ở trong đó.

Nhà mà trưởng giả dùng nầy, là dụ cho tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) luân hồi rộng lớn. "Một cửa" là dụ cho một thừa Phật đạo, chỉ một thừa Phật đạo lìa khỏi tam giới.

Bao quát năm nẻo chúng sinh đều ở trong đó, dùng "một trăm" là dụ cho nẻo cõi trời, dùng "hai trăm" là dụ cho nẻo nhân loại, dùng "ba trăm" là dụ cho đường súc sinh, dùng "bốn trăm" là dụ cho đường ngạ quỷ, dùng "năm trăm" là dụ cho đường địa ngục. Trong đường cõi trời đều có A Tu La, có phước trời mà chẳng có đức trời, rất thích đấu tranh.

Đoạn Kinh văn nầy nói, tam giới năm đường chúng sinh, cùng ở trong một nhà.

Vì sao trên thế gian có người thông minh, có người ngu si ? Những người thông minh có trí huệ vì thích tụng Kinh, học Phật và ấn tống Kinh điển, còn những người ngu si vì ganh ghét tài giỏi của người.

Lầu gác hư mục, tường vách sụp đổ, cột kèo xiêu vẹo, nóc mái nghiêng ngã.

"Lầu" dụ cho dục giới, "gác" dụ cho sắc giới, vô sắc giới, "hư mục" dụ cho tam giới vô thường, chúng sinh luân hồi ở trong tam giới không ngừng. "Tường vách" dụ cho bốn đại (đất, nước, gió, lửa), tửu, sắc, tài, khí, như gông cùm con người, do đó có bài kệ :

"Tửu sắc tài khí bốn vách tường,

Rất nhiều chúng sinh ẩn trong đó,
Có người vượt ra khỏi ngoài tường,
Tức là trường sinh bất lão ông."

Tường dụ cho thân thể của con người, tam giới dễ hư mục. "Cột kèo xiêu vẹo" dụ cho mạng người chẳng lâu dài. "Nóc mái" dụ cho ý thức. "Nóc mái nghiêng ngã", dụ cho ý thức thay đổi không ngừng, con người sắp mạng chung.

Nên biết mạng người vô thường, người trên thế gian chuyên tranh danh đoạt lợi, tất cả tướng hữu vi đều có sinh diệt, Chúng ta hãy trở về nguồn cội, minh tâm kiến tánh. Tính của con người vốn không dơ không sạch, không sinh không diệt, không tăng không giảm. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng :

"Thường trụ chân tâm,
Tính tịnh minh thể."

Nếu nhận thức được bổn lai diện mục (bộ mặt thật), thì phiền não sẽ biến thành bồ đề, nếu không thì bồ đề cũng biến thành phiền não, do đó :

"Thiên hạ vốn vô sự,
Kẻ ngu tự quấy nhiễu."

Người thế tục phần nhiều làm việc hồ đồ, nhưng lại chấp trước là chánh đạo, họ cho trái là phải. Người tu đạo nên :

"Mắt thấy hình sắc chẳng dính mắc,
Tai nghe âm thanh tâm chẳng hay".

Thông thường người thấy sắc là sắc, thấy hình là hình; nhưng nếu ngộ triệt bổn thể, thì thấy sắc vô sắc, thấy hình vô hình, liền trở về bổn lai Phật tánh. Đạo lý ở trên, có thể bạn đã từng nghe nhiều lần, nhưng biết mà chẳng thực hành cũng như không. Các bạn nên áp dụng thực hành, cung hành thực tiễn, hành Bồ Tát đạo, lợi mình lợi người, tự giác giác tha, tự độ độ tha, làm trách nhiệm của mình, lấy Bồ Tát Địa Tạng làm mô phạm, nguyện độ tất cả chúng sinh tội khổ, do đó :

"Địa ngục chưa trống,
Thề không thành Phật".

Chúng sinh có: Tửu, sắc, tài, khí. Bồ Tát cũng có. Bồ Tát lấy sự độ sinh làm tửu, lấy Tam Tạng mười hai bộ Kinh điển làm sắc, lấy diệu pháp làm tài, lấy sáu độ vạn hạnh làm khí. Tuy sở hữu của Bồ Tát và chúng sinh giống nhau, song nghĩa thì khác biệt một trời một vực.

Chung quanh cùng một lúc, lửa bỗng nổi lên thiêu đốt nhà cửa.

"Chung quanh cùng một lúc lửa bỗng nổi lên" : Tám khổ (sinh, già, bệnh, chết, cầu chẳng được, thương mà xa lìa, ghét mà gặp nhau, năm uẩn thiêu đốt) khắp cùng nơi bốn đại (đất, nước, gió, lửa), bốn sự sinh (sinh

bằng thai, bằng trứng, ẩm thấp và biến hóa), cho nên nói "chunh quanh". Bốn sự sinh, bốn đại, tám khổ, đều vô thường, cho nên nói "cùng một lúc". Dùng "thiêu đốt nhà cửa", dụ cho bốn đại của thân con người, bị đủ thứ sự khổ ràng buộc vây hãm khắp chung quanh, vì có lửa phiền não, tùy thời tùy lúc sẽ nổi lên thiêu đốt, mà sinh ra vô tận thống khổ, vì do năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) sinh ra lửa thiêu đốt rừng công đức trong tâm con người.

Các người con của ông trưởng giả, hoặc mười, hai mươi, cho đến ba mươi người, đều ở trong nhà đó.

"Các người con của ông trưởng giả" dụ cho Bồ Tát thừa, Duyên Giác thừa, Thanh Văn thừa, ba thừa đệ tử ở trong tam giới. Nếu chẳng có người ba thừa nầy, tức là "năm trăm người". Người ba thừa nầy xưa kia đã nghe Phật pháp, có mật cảm thân thiết với Phật, cho nên làm bậc pháp vương tử (con của đấng Pháp Vương). Pháp vương tử gồm có đại, trung và tiểu thừa. Đại thừa là Bồ Tát, trung thừa là Duyên Giác, Bích Chi Phật, tiểu thừa là Thanh Văn. Con của ba thừa nầy là quyến thuộc của Phật, đều cùng ở trong nhà lửa.

Ông trưởng giả thấy lửa lớn từ bốn phía nổi lên, bèn rất sợ hãi, mà nghĩ như vầy : Tuy ta ở nơi cửa nhà cháy ra ngoài được an

ổn, mà các người con của ta đang ở trong nhà lửa, đùa giỡn chẳng hay biết gì, chẳng kinh sợ lửa sẽ đốt thân, rất đau khổ lắm, mà chúng chẳng lo lắng, chẳng có ý cầu ra ngoài.

Dùng Phật nhãn xem, thì thấy sáu nẻo chúng sinh, bị lửa năm uẩn vây hãm, từ bốn phía nổi lên (tức bốn sự thấy điên đảo : Chẳng phải thường cho là thường, chẳng vui cho là vui, chẳng phải ngã cho là ngã, chẳng phải tịnh cho là tịnh).

Trong bài Quy Khứ Lai của người xưa có nói rằng :

"Quy khứ lai hề !
Điền viên tương vu, hồ tất quy ?
Tức tự dĩ tâm vi hình dịch,
Hề chù trướng nhi độc bi.
Ngộ dĩ vãng chi bất luyện,
Tri lai giả chi khả truy,
Thật mê đồ kỳ vị viễn,
Giác kim thị nhi tạc phi."

Nghĩa là : Con người thường vì thân giả chẳng sạch sẽ nầy, mà làm tôi tớ cho nó, tức biết ruộng vườn tự tánh của chúng ta bỏ hoang vu, mà nay bừng dậy tỉnh ngộ, trở về nẻo chánh Phật đạo, mới biết hôm nay đúng mà hôm qua sai lầm vậy !

Trong Kinh dùng "mười, hai mươi, hoặc ba mươi người" dụ cho ba thừa, mười, hai mươi và ba mươi, cộng thành sáu mươi, sáu mươi dụ cho sáu đường. Từ bậc Bồ Tát, Duyên Giác và Thanh Văn thừa đều có mười trí :

1. Trí thế gian (cũng bao quát trí xuất thế gian, giác ngộ tất cả pháp thế gian, sau cầu pháp xuất thế gian).

2. Tha tâm trí (từ trong định sinh, trong định của Thanh Văn thừa có tha tâm trí, Duyên Giác thừa chỉ cần nghĩ đến thì có tha tâm trí, còn Bồ Tát thì lúc nào cũng có tha tâm trí).

3. Khổ trí (biết khổ dứt khổ).

4. Tập trí.

5. Diệt trí (diệt phiền não được bồ đề, chứng được thường lạc ngã tịnh).

6. Đạo trí.

7. Pháp trí (có mắt chọn pháp, trừ khử mười điều ác).

8. Tỉ trí (lựa thiện mà theo).

9. Tận trí.

10. Vô sinh trí (đắc vô sinh pháp nhẫn).

Bốn niệm xứ :

1. Quán thân bất tịnh : Thân thể của chúng ta có chín lỗ thường chảy ra vật bất tịnh, hai con mắt chảy ra nước mắt, hai lỗ tai có cức ráy, hai lỗ mũi chảy mũi, miệng chảy nước dãi, đàm, nơi đại tiểu tiện bài tiết nước tiểu và phân, máu thịt cũng bất tịnh.

2. Quán thọ là khổ : Tất cả mọi sự hưởng thọ đều vô nghĩa, cho nên không nên chấp trước.

3. Quán tâm vô thường : Ý niệm của con người thay đổi luôn luôn. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Tâm quá khứ không thể được,
Tâm hiện tại không thể được,
Tâm vị lai không thể được."

4. Quán pháp vô ngã : Cho đến người và pháp đều không. Phật có tâm đại từ bi, sợ chúng sinh thối thất bồ đề tâm mà nghĩ như vầy : Ta ở trong nhà lửa, tu trung đạo được thành Phật, được lìa khỏi nhà lửa nầy. "An" dụ cho Phật chẳng bị năm uẩn, tám sự khổ bức bách. "Ổn" dụ cho Phật chẳng bị bốn điên đảo (chẳng thường cho là thường, chẳng vui cho là vui, chẳng phải ngã cho là ngã, chẳng tịnh cho là tịnh) làm điên đảo, ra khỏi tam giới. Các người con của ta (ba thừa và năm trăm chúng sinh) đang ở trong nhà lửa, bị ái kiến vây khốn, trong đại bi sám nói rằng : "Ái kiến là gốc, thân miệng là duyên." Do có bốn điên đảo, tham trước năm trần (sắc, thinh, hương, vị, xúc) hoặc năm độc (tài, sắc, danh, ăn, ngủ), kiến (thấy) làm vui chơi, chấp trước ái làm đùa giỡn. Bị kiến ái chuyển, phải lìa khỏi sinh tử mà "chẳng hay biết gì". Tuy lửa sẽ hại thân mà chẳng biết "sợ hãi". Người chẳng biết tập, chẳng sợ hãi đạo, chẳng sợ mất diệt. Dùng không nghe pháp bốn đế, tức chẳng nghe (văn), suy nghĩ (tư) hai huệ làm chẳng hay. Chẳng tu huệ là chẳng biết. Không

kiến giải là chẳng sợ, không tư duy giải là chẳng hãi. Nhưng chúng sinh chẳng biết khổ hiện tại, cũng chẳng biết khổ trong tương lai. Các người con bị lửa thiêu đốt thân, thì đức Phật cảm thấy như chính mình chịu đựng rất là thống khổ. Chúng sinh thì mê chẳng giác, mê nơi tham sân si chẳng biết lìa khỏi.

"Vui chơi đùa giỡn" dụ cho kiến trược và phiền não trược. "Chẳng hay biết, chẳng sợ hãi" dụ cho chúng sinh trược. "Lửa đến thiêu đốt thân, rất là thống khổ" dụ cho mạng trược.

"Chúng chẳng lo lắng, chẳng có ý cầu ra ngoài" dụ cho kiếp trược. Chúng sinh trôi nổi ở trong năm trược quên về, suốt ngày bồi hồi mà chẳng tỉnh giác, mới lầm nhận thế giới nầy là cõi an vui. Con người thường tạo nghiệp mà đọa địa ngục, nếu tỉnh giác thì sẽ dứt sinh tử.

Gần đây ở San Francisco chẳng phát sinh động đất, đó là do tâm lành của chúng ta tụng Chú Lăng Nghiêm, chế phục được thiên ma, cho nên San Francisco mới được bình an vô sự, khỏi tai ương động đất.

Xá Lợi Phất ! Ông trưởng giả đó, bèn nghĩ như vầy : Thân và tay của ta, có sức sẽ dùng vạt áo, hoặc bàn ghế từ trong nhà mà ra ngoài. Ông lại nghĩ : Nhà đó chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ, các người con còn thơ

ấu, chưa có hiểu biết, ham mê chơi đùa, sẽ bị đọa lạc, hoặc bị lửa thiêu đốt.

Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất ! Ông trưởng giả đó, tức Đức Phật ở trong hai mươi mốt ngày, suy gẫm như vầy: Ban đầu ta dùng pháp gì để hợp cơ với chúng sinh, để khiến cho chúng sinh giác ngộ ? "Thân" dụ cho thần thông, "tay" dụ cho trí huệ cắt nhắc. Phật y vào tam muội đoạn đức, phân biệt thật tướng của tất cả các pháp, có trí đức thì hay thuyết pháp. Có đoạn, trí hai đức mà thành pháp thân, do khuyên, dạy bảo hai cửa mà vào. Khuyên tức là vị nhân tất đàn, là cửa từ bi, dạy bảo tức là đối trị tất đàn, là cửa chế phục.

Tất đàn có bốn :
1. Vị nhân tất đàn.
2. Đối trị tất đàn.
3. Thế gian tất đàn.
4. Đệ nhất nghĩa tất đàn.

Cho nên nói rằng :

"Bất nhị pháp môn hưu khai khẩu,
Đệ nhất nghĩa đế bổn vô ngôn."

Nghĩa là:

Pháp môn không hai chẳng mở miệng,
Pháp đệ nhất nghĩa vốn không lời.

Phật cứ vào bốn tất đàn để thuyết pháp, bố thí khắp hết thảy. Vị nhân tất đàn và đối trị tất đàn, cùng thế gian tất đàn, đều vì đệ nhất nghĩa tất đàn mà nói. Phật dùng pháp phương tiện, trước nói cửa khuyên (khuyên môn), khiến cho tất cả chúng sinh, làm các việc thiện, sẽ thành tựu mười lực của Như Lai.

Phật có bốn vô sở úy :
1. Nhất thiết trí vô sở úy.
2. Thuyết pháp vô sở úy.
3. Thuyết chướng đạo vô sở úy.
4. Thuyết tận khổ đạo pháp vô sở úy.

Vì khai mở nhất thiết chủng trí, mà nói cửa khuyên, tiếp đó dùng cửa dạy bảo (giới môn), khiến cho chúng sinh đừng làm các điều ác, có thể chứng đại Niết Bàn, được thường lạc ngã tịnh bốn đức. Chúng sinh chẳng giác ngộ sự giáo hoá, Phật biết không nên dùng pháp đại thừa, bèn dùng thần thông trí huệ, sức định huệ trang nghiêm để độ chúng sinh.

"Thân và tay của ta có sức" dụ cho trí, đoạn hai đức tác dụng. "Vạt áo" dụ cho tri kiến của Phật, bao hàm hết tất cả tri kiến của chúng sinh. Phật chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy. Dùng "bàn" dụ cho mười trí của Phật, giáo hóa sáu nẻo chúng sinh, lìa khổ được vui. Dùng "ghế" dụ cho bốn vô sở úy. Phật dùng bốn vô

sở úy giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ thoát khỏi khổ trong tam giới, chấm dứt luân hồi trong sáu đường.

Chúng ta học Phật pháp, không nên có tâm phân biệt, bất cứ thầy nào nói pháp đều nên lắng nghe. Phật pháp, nên nghe rồi, lại nghe nữa, thì tự nhiên sẽ có sự bổ ích. Nghe pháp là gieo xuống hạt giống kim cang, ở trong thức thứ tám của chúng ta. Các bạn nên rộng trồng hạt giống nầy, khiến cho tăng trưởng, lấy việc ủng hộ đạo tràng làm trách nhiệm của mình.

Phật trong hai mươi mốt ngày suy nghĩ, nên dùng pháp gì để giáo hóa chúng sinh. Cửa "khuyên" thuộc về nhiếp thọ, vị nhân tất đàn là cửa từ bi. "Dạy bảo" là cửa triết phục, dùng phương thứ rất nghiêm để khiến cho họ triết phục, là cửa oai phục. Phật dùng khuyên dạy hai cửa, bốn vô sở úy, mười lực và Như Lai trí, khiến cho chúng sinh lìa khỏi nhà lửa nầy. Sau đó, Phật lại nghĩ, nhà nầy chỉ có một cửa, là xe trâu trắng lớn, pháp đại thừa mà lại hẹp nhỏ. Pháp đại thừa là viên dung vô ngại, nghĩa tuy rộng lớn, mà chỉ có đại thừa viên giác Bồ Tát mới có thể vào, ngoài ra ngoại đạo và người bảy phương tiện thừa kia chẳng thể vào được. Người tu Bồ Tát đạo, cửa cõi Phật, diệu hạnh nầy, pháp đại thừa khó hành, song mới bỏ tất cả pháp phương tiện, do đó gọi là hẹp nhỏ. Diệu lý của một Phật thừa là thuần nhất không tạp. Đạo lý nầy thật là vi diệu không thể nghĩ bàn, chẳng dễ gì minh bạch, do đó gọi là "hẹp nhỏ". Giáo nầy thuộc về viên giáo, giáo lý

quyền thật không hai, phàm phu chẳng biết cửa ra, là vì chẳng biết quyền, lại chẳng biết vào cửa nầy, là vì chẳng biết thật. Hàng nhị thừa tuy biết ra, nhưng chẳng biết vào, cũng chẳng rõ giáo lý nầy. Hàng Bồ Tát tuy tự biết ra, cũng chẳng biết vào, Bồ Tát nầy tức là biệt giáo Bồ Tát, tức cũng là bảy phương tiện Bồ Tát. Bảy phương tiện người chẳng rõ giáo lý nầy, do nơi người tiểu thừa không thể vào đại thừa, cho nên giáo nghĩa tuy rộng mà nói là "hẹp nhỏ". Người tu hành lấy viên giáo tu hành, tu Bồ Tát đạo, đi thẳng đến quả vị Phật, thông suốt vô ngại, cho nên gọi là "một cửa". Diệu hạnh khó hành, bỏ pháp phương tiện, cho nên gọi là "nhỏ hẹp".

"Các người con thơ ấu, chưa có hiểu biết": Nói hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, người ba thừa chẳng hiểu, chẳng biết, chẳng sợ, chẳng hãi, tuy ở nơi hai vạn vị Phật, được giáo hoá tu vô thượng đạo, nhưng căn lành của họ mỏng manh, nghe pháp đại thừa thì tâm chẳng tin nhận, càng sinh tâm thối lùi. "Ham mê chơi đùa": Người tiểu thừa chấp trước nơi kiến ái, thối thất bồ đề, chịu tám thứ khổ hoành hành. Chấp trước nơi y, chánh hai báo : Y báo tức là báo thân của chúng ta, đây là hữu tình thế giới. Trong tam giới, chúng sinh dục giới chấp trước nơi năm dục (tài, sắc, danh, ăn, ngủ), hoặc chấp trước vào năm trần (sắc, thanh, hương, vị, súc). Chúng sinh sắc giới thì chấp trước vào vị thiền. Chúng sinh trời Tứ Thiền thì chấp trước vào thiền duyệt vi thực, pháp hỉ sung mãn, cho nên trời Sơ Thiền gọi là ly sinh hỷ lạc địa,

trời Nhị Thiền gọi là định sinh hỷ lạc địa, trời Tam Thiền gọi là ly hỷ diệu lạc địa, trời Tứ Thiền gọi là xả niệm thanh tịnh địa. Hỉ lạc, diệu lạc, thanh tịnh, đều là một thứ từ vị trong sự ngồi thiền, họ tham luyến thứ từ vị nầy. Cõi vô sắc thì chấp trước nơi định, tuy rằng nói : "Siêng tu giới định huệ", cũng đừng chấp trước nơi định. Con người do có các thứ chấp trước, có sự tham luyến, cho nên không thể thoát khỏi tam giới, buông chẳng đặng, bỏ chẳng được tri kiến ngu si, cho nên ở trong nhà nầy, mà quên mất đường về.

"Hoặc sẽ bị đọa lạc": Nói chúng sinh hoặc sẽ bị đọa lạc, nghĩa là có thể cải lỗi làm mới, biết được giác ngộ, thì sẽ chấm dứt luân hồi. Nhưng vì ngu si, chấp trước nơi năm dục, mà bị đọa lạc trong ba đường ác. Hơn nữa, vì chúng sinh chẳng biết, nhiễm khổ cho là vui, bỏ giác hợp trần, cho nên đọa lạc vào ba đường ác. Đọa lạc thì bị tám khổ, năm uẩn thiêu đốt, vì chẳng giác ngộ, chẳng biết lửa dữ sẽ thiêu hủy pháp thân, căn lành.

Ta sẽ vì chúng nói việc đáng sợ. Nhà nầy đã cháy, phải đi ra mau, đừng để bị lửa thiêu hại. Nghĩ như thế rồi, bèn y theo sự suy nghĩ đó, mà bảo các con : Các con hãy mau ra ! Người cha tuy thương xót, khéo nói lời dẫn dụ, mà các người con ham vui chơi

đùa chẳng chịu tin nhận, chẳng sợ hãi, chẳng có tâm muốn ra, cũng chẳng biết gì là lửa, gì là nhà, thế nào là mất, cứ chạy đông chạy tây, đùa giỡn nhìn cha mà thôi.

Chúng sinh chẳng biết bị tám khổ, năm uẩn thiêu đốt, mười tám giới là khí huyết mang đầy dẫy các sự khổ, chẳng biết tìm đường thoát ly, chẳng biết đây là nguyên nhân tán mất pháp thân. "Cứ chạy đông chạy tây đùa giỡn" : Chạy khắp bốn phương chẳng có mục đích, bỏ sáng về tối, trôi nổi trong sinh tử, lúc lên trời, lúc ở dưới đất, đều thoát chẳng khỏi ba cõi. "Nhìn cha mà thôi" là dụ cho chẳng tôn theo Phật pháp đại thừa, như trẻ con chẳng biết trời cao đất rộng, chẳng cứ tới lời của người cha dạy bảo. Tuy nhiên chúng sinh chẳng nghe lời dạy bảo, chẳng thọ sự giáo hóa, vì Phật vốn có tâm đại từ bi, cho nên không nỡ bỏ chúng sinh, xem chúng sinh như chính con của mình, tâm rất thương xót vô cùng.

Bấy giờ, ông trưởng giả bèn nghĩ : Nhà nầy lửa đã cháy lớn, nếu ta và các con không ra, thì sẽ bị lửa thiêu. Nay ta phải bày phương tiện, khiến cho các con khỏi bị lửa hại.

Lúc đó, ông trưởng giả tức là Phật, nghĩ như vầy: Nhà lớn nầy đã bị lửa tám khổ, năm uẩn thiêu đốt, nếu ta với người ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát) và năm trăm người (năm đường chúng sinh) không ra khỏi nhà lửa nầy, thì sẽ bị lửa lớn thiêu đốt. Ở trước từng nói, Phật đã ra khỏi nhà lửa, sao bây giờ lại nói ở nhà lửa bị lửa thiêu ? Kì thật, pháp thân của Phật đã được an ổn lìa khỏi ba cõi, bây giờ bị lửa thiêu, là ứng thân của Phật. Nay ta phải bày pháp quyền xảo phương tiện, khiến cho tất cả chúng sinh không bị lửa nghiệp tám khổ, năm uẩn thiêu hại.

Cha biết các con, trước kia tâm đều thích đủ thứ đồ chơi quý giá kỳ lạ, ai nấy đều ưa thích, mà bảo rằng : Ở đây có những đồ chơi, ít có khó được, nếu các con không mau ra lấy, chắc sau nầy sẽ buồn ăn năn. Nào là xe dê, xe hươu, xe trâu, đủ thứ, nay đều ở ngoài cửa, có thể dùng đi dạo chơi. Các con đang ở trong nhà lửa, hãy mau ra đây, tùy ý muốn của các con, cha đều cho các con.

"Cha" tức là Phật, tức cũng là ông trưởng giả, do đó "biết con chẳng ai bằng cha", bậc làm cha biết ý của con

cái nhất. Biết chúng sinh chẳng ai bằng Phật, Phật thấy suốt căn tính của tất cả chúng sinh. "Trước kia tâm đều thích": Trước kia chúng sinh thích tu học pháp tiểu thừa. "Đủ thứ đồ chơi quý giá kì lạ, ai nấy đều ưa thích." Pháp tu của mỗi người chẳng giống nhau, có người tu bố thí, pháp bốn đế, pháp mười hai nhân duyên, đều là sở thích của mỗi người.

Phật lại bảo chúng rằng: Đồ mà các con thích chơi chẳng đặc biệt quý giá, mà hiện nay ta có đồ chơi quý giá mới lạ ít có, nếu các con không mau ra lấy, thì sau nầy chắt sẽ buồn ăn năn. Có đủ thứ nào là: "Xe dê, xe hươu, xe trâu". Xe dê dụ cho Thanh Văn, là vì tiểu thừa. Xe hươu dụ cho Duyên Giác, sức hươu lớn hơn sức dê, là trung thừa. Xe trâu dụ cho Bồ Tát, sức trâu càng mạnh hơn, có thể chuyên chở nhiều đồ, cho nên dụ cho đại thừa. Những thứ xe nầy, đều để ở ngoài cửa, các con hãy mau ra đây lấy ! Các con thích gì, thì cha đều thưởng cho các con.

Khi đó, các người con nghe cha nói đồ chơi quý giá, vừa hợp ý mình, nên tâm ai nấy đều dũng mãnh, xô đẩy lẫn nhau, cùng đua đuổi chạy tranh nhau ra khỏi nhà lửa.

Lúc đó, người ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa) và năm đường chúng sinh, nghe Phật nói pháp ba thừa vi diệu như thế, thì khiến cho họ khởi dậy tâm háo kì, vừa hợp ý của họ. Phật nói pháp ba thừa

quyền xảo phương tiện nầy, dùng để độ năm đường chúng sinh. Cuối cùng Phật mới nói một Phật thừa nầy. Cho nên những gì nói ở trong Kinh Pháp Hoa, là thật trí diệu pháp, chẳng phải pháp quyền xảo, do đó đại sư Trí Giả nói Kinh Pháp Hoa là ''Thuần viên độc diệu'' (chỉ có Kinh Pháp Hoa là viên mãn diệu nhất).

''Nên tâm ai nấy đều dũng mãnh''. Trong tâm của mỗi người đều có sở thích đồ chơi của họ. Tâm của chúng sinh dũng mãnh là biểu thị tư huệ. Tư huệ nầy dùng Bát Nhã để quán chiếu, cũng là tĩnh lự tư huệ tham thiền, tức phải dùng trí huệ lanh lợi mà tu hành, thì sẽ thấy rõ thị phi, chẳng rơi vào đường tà, không thể biết rõ mà cố phạm. Những người chưa vào cửa Phật pháp, thì chẳng hiểu chân lý, do đó mà lầm vào đường tà. Quy y Tam Bảo rồi, thì phải y theo giáo pháp mà tu hành, bằng không, biết rõ mà cố phạm thì sẽ đọa địa ngục.

''Xô đẩy lẫn nhau'': Truy cầu khổ, tập, diệt, đạo bốn chân lý, chế phục kiến hoặc và tư hoặc, nên gọi là xô đẩy lẫn nhau. Ở trong pháp khổ, tu khổ pháp trí, khổ pháp nhẫn; ở trong pháp tập, tu tập pháp trí, tập pháp nhẫn; ở trong pháp diệt, tu diệt pháp trí, diệt pháp nhẫn; ở trong pháp đạo, tu đạo pháp trí, đạo pháp nhẫn. Dùng bốn đế quán sát lẫn nhau, xô đẩy lẫn nhau, tức là hàng phục được kiến hoặc. Đoạn Kinh văn nầy, cũng dụ cho bốn gia hạnh (Noãn, đỉnh, nhẫn, thế đệ nhất), là noãn và đỉnh vị. ''Ruổi chạy'' là nhẫn vị, chữ ''cùng'' là dụ cho thế đệ nhất. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói về bốn gia hạnh.

''Cùng đua ruổi chạy'': ''Cùng đua'' là tranh thủ vô sinh pháp nhẫn, diệu lý thù thắng, thuộc về nhẫn huệ. ''Cùng'', tức thế đệ nhất, ''ruổi chạy'' thuộc kiến đạo vị, chứng sơ quả A La Hán. Kiến hoặc là đối cảnh khởi tham ái, hiện tại đoạn tuyệt niệm nầy, thì chẳng mê hoặc kiến ái, mà chứng sơ quả A La Hán, nhưng chưa dứt được phân đoạn sinh tử. Phân đoạn sinh tử là, từ khi sinh ra cho đến chết, gọi là một đoạn. Chúng sinh từ khi sinh ra đến chết, tạo ra tất cả những gì, đều do nghiệp lực chiêu cảm.

''Tranh nhau ra khỏi nhà lửa'': Là thuộc về tư hoặc. Đoạn được tư hoặc, thì chứng bậc vô học, tức chứng tứ quả A La Hán, dứt hẳn kiến hoặc, tư hoặc mà ra khỏi được tam giới. Lúc nầy ''Vượt ra ngoài ba cõi, chẳng còn trong ngũ hành.'' Chẳng bị tập khí che đậy, chẳng vì vật dục che lấp. Con người bị tập khí trói buộc, tùy ý phóng dật, tham cầu vật dục, khiến cho che lấp trí huệ vốn có, do đó không thể vượt ra khỏi ba cõi, hãy mau ra khỏi nhà lửa nầy; dụ cho người học Phật pháp, phải có chánh tri chánh kiến, cầu mong ra khỏi ba cõi.

Mấy ngày trước, có người nói với tôi, y tỉnh ngộ trước kia y dùng tâm phan duyên là không dúng, y biết được sai lầm, thì có thể thấy y dụng công đã có tiến bộ, nên tiếp tục nỗ lực đừng giải đãi.

Người tây phương tu đạo thì ít, người hỗn đạo thì nhiều, bây giờ hằng ngày biết ngồi thiền dụng công tu hành, tức có sự tiến triển. Người đồng môn tu hành, nên

cố gắng khuyên bảo với nhau, chẳng những người xuất gia phải dụng công, mà đệ tử tại gia cũng phải dụng công, thường tùy hỉ nghe Kinh niệm Phật.

Khi đó, ông trưởng giả thấy các con ra ngoài được an ổn, đều ở nơi ngã tư đường, ngồi ở nơi đất trống, chẳng còn gì chướng ngại, tâm ông rất thơ thới vui mừng hớn hở.

Lúc đó, đức Phật thấy chúng sinh ra khỏi nhà lửa, ngồi ở nơi đất trống. ''Ngả tư đường'' dụ cho quán pháp bốn đế (khổ, tập, diệt, đạo), đắc được trí huệ khổ, tập, diệt, đạo, vượt ra khỏi năm đường luân hồi, ở trong ngã tư đường tu hành, tức tu quán pháp bốn đế, mà được chứng quả, dứt sạch tư kiến hoặc ba cõi. ''Ngồi ở nơi đất trống'', ''ngồi'' là dụ cho chứng được quả vị, thì chẳng cầu tiến bộ, ngừng lại ở hóa thành.

Người ở trong ba cõi, nếu bị vây hãm ở trong sáu nẻo luân hồi, thì chẳng được giải thoát. Vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi, thì chẳng còn gì chướng ngại, thân được yên ổn, mà tâm cũng an lạc, chẳng còn gì lo lắng. Chúng sinh đều ''vui mừng hớn hở'', vì đều ra khỏi được nhà lửa.

Bấy giờ, các người con đều thưa với cha rằng : Lúc nãy, cha có hứa cho chúng con

các đồ chơi quý giá, nào là xe dê, xe hươu, xe trâu, xin cha hãy ban cho.

''Xe dê, xe hươu, xe trâu'', dụ cho quả vị ba thừa. Muốn được quả vị ba thừa, thì trước hết phải vượt ra ba cõi. Quả vị ba thừa thuộc về pháp quyền xảo, do đó, vượt ra ba cõi rồi, thì quả vị ba thừa nầy bất khả đắc. Tại thời Phương Đẳng, có đàm luận về ba thừa, bốn giáo (Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo); Phật trách người Tạng giáo độc thiện kỳ thân, người Thông giáo thì chưa nghe sự dạy bảo của Phật; đồng thời khen ngợi người Biệt giáo, người Viên giáo, hành đúng ý chỉ của Phật, hồi tiểu hướng đại. Tại thời Bát Nhã, thì lại chỉnh đốn đãi gạn (đãi bỏ cặn bã). Trong Kinh Pháp Hoa ở trước đã nói rõ, bởi vì căn cơ khác nhau, cho nên nói pháp quyền xảo, pháp nói ở trong hội Pháp Hoa, mới là thật pháp đại thừa. Các người con ba thừa nầy, bạch Phật xin đòi, xe dê, xe hươu, xe trâu, bây giờ hãy cho chúng con.

Xá Lợi Phất ! Lúc đó, ông trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn.

''Các con'' dụ cho tất cả chúng sinh, Phật xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng như một, chẳng khác biệt. Pháp ba thừa tuy là quyền pháp, nhưng tính của nó đồng nhau, chẳng mất đi pháp vi diệu. Xưa kia tập khí của chúng sinh khác nhau, như tu pháp bốn đế, pháp mười hai

nhân duyên, đều là pháp tu tập trước kia. Và còn tu sáu độ Ba la mật. Ngoài ra còn tu từ bi hỉ xả, sắc pháp, tâm pháp, nghịch pháp, thuận pháp, y báo pháp, chánh báo pháp, thật pháp, lý pháp, nhân quả pháp, tự pháp, tha pháp, minh bạch pháp, và bồ đề pháp. Minh tức là giác, bất minh tức là mê. Và cón tu phước huệ pháp, thường lấy lợi người làm gốc, chẳng những trợ giúp người, mà còn không làm hại, chướng ngại người khác làm nguyên tắc.

Phận làm đệ tử, thì phải hộ trì pháp của thầy nói, ủng hộ đạo tràng tức là tu phước lập đức. Thâm nhập Kinh điển, cung kính lễ bái Kinh điển, y theo trong Kinh mà thiết thật tu hành. Nếu chỉ biết mà không thực hành, biết rõ mà cố phạm, thì chưa đi sâu vào Kinh điển. Ngài đại sư Trí Giả tông Thiên Thai, do đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, Ngài nghe Kinh Lăng Nghiêm mà khởi tâm cung kính, hướng về phương tây lễ lạy mười tám năm, vẫn chưa được đọc qua Kinh nầy. Tại Trung Quốc có rất nhiều vị xuất gia lạy từng chữ trong Kinh điển, như lạy Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm .v.v. Cho nên nói :

‘’Thâm nhập kinh tạng,
Trí huệ như hải‘’.

Người tu đạo, phải thường tự mình hạn chế, trừ khử tất cả tập khí mao bệnh, do đó :

‘’Có lỗi chớ nãn sửa đổi‘’.

Ta đối đãi với mỗi đệ tử đều bình đẳng như nhau, hy vọng các vị mỗi người đều sẽ giỏi hơn thầy. Tất cả các pháp đều là Phật pháp, các vị minh bạch Phật pháp chân nghĩa, thì phải thiết thật tu hành. Những vị Thanh Văn nầy, ai nấy đều có pháp môn tu hành của mình, nhưng tất cả đều là quyền giáo, mà chẳng phải thật giáo.

Như những gì nay khai thị đều là pháp chân thật. Vì xưa kia tu tập pháp chẳng giống nhau, nên trong Kinh nói ‘’mỗi người‘’. Tuy mỗi người tu tập pháp khác nhau, nhưng bây giờ Phật đều ban cho pháp đại thừa, nhiếp thọ tất cả các pháp, tất cả chúng sinh đều vào được, nên gọi là ‘’xe lớn‘’.

Xe đó cao rộng, trang trí các thứ báu đẹp, lan can bao quanh, bốn phía treo linh, lại dùng màn lọng giăng che phía trên, cũng dùng các trân báu tốt đẹp để nghiêm sức. Dây báu kết thắt các dải hoa rũ xuống. Nệm chiếu mềm mại trải chồng chất, gối đỏ để trên, dùng trâu trắng kéo, màu da rất sạch, thân hình rất đẹp, có sức lực rất mạnh, bước đi ngay thẳng, mau lẹ như gió, lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ.

''Xe đó cao rộng'': Dụ cho Phật chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy, thấy biết xâu xa chẳng có bờ bến, chẳng cách chi lường được. Pháp giới tam đế (không đế, giả đế, trung đế) bao quát tất cả các pháp. Cho nên nói tri kiến của Như Lai đầy đủ tất cả Phật pháp.

''Trang trí các thứ báu đẹp'': Dụ cho dùng lục độ vạn hạnh để trang nghiêm pháp thân, chúng ta phải cung hành thực tiễn lục độ vạn hạnh, mới có thể trang nghiêm pháp thân.

Phẩm Ví Dụ nầy, là phẩm tinh yếu nhất trong Kinh Pháp Hoa, thật khó mà minh bạch. Nhưng nếu muốn vào sâu nghĩa lý của Kinh Pháp Hoa, thì trước hết phải nghiên cứu tường tận phẩm nầy. Liễu giải được diệu lý của nó, thì sẽ khế hợp với Kinh nầy, còn các phẩm kia cũng chẳng có gì khó minh bạch.

''Lan can bao quanh'': Dụ cho Đà La Ni,dịch là "tổng trì". Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Tổng thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh, trì giới định huệ ba học viên minh. Đà La Ni hay trì vạn điều thiện, che đậy các điều ác, khiến cho tiêu diệt ở trong vô hình, tức là :

''Không làm các điều ác,
Siêng làm các điều lành ''.

''Bốn bên treo linh'': Dụ cho bốn biện vô ngại tức là : Từ vô ngại biện, pháp vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện và lạc thuyết vô ngại biện.

1. Từ vô ngại biện : Lời lẽ sinh động, khiến cho chúng sinh do lời lẽ mà sinh tín tâm.

2. Pháp vô ngại biện : Dùng một pháp, mà phát huy thành vạn pháp, dùng vạn pháp mà quy về một pháp. Do đó :

''Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù quy về một gốc''.

Cho nên nói : Một tức tất cả, tất cả tức một, pháp chẳng có cố định.

3. Nghĩa vô ngại biện: Tuyên dương nghĩa lý pháp thế gian, viên dung vô ngại, sự lý chẳng trở ngại.

4. Lạc thuyết vô ngại biện: Người thuyết pháp, thì vui về thuyết pháp, khi thuyết pháp thì thao thao bất tuyệt, diễn xướng đạo lý vô cùng vô tận.

''Lại dùng màn lọng che giăng phía trên'': Tức dùng màn lọng dệt bằng tơ lụa, che ở trên mui xe. Dụ cho Phật có từ, bi, hỉ, xả, bốn tâm vô lượng. Từ là ban vui cho chúng sinh, bi là cứu khổ chúng sinh, xả là xả bỏ tất cả cho chúng sinh, hỷ là hoan hỉ giáo hóa tất cả chúng sinh. Đức hạnh lớn nhất của Phật, là từ bi vô lượng, hỉ xả vô lượng, trong tất cả các đức hạnh, từ bi cao nhất, do đó hay che khắp hết tất cả chúng sinh. Cho nên kinh có nói : ''Nếu từ bi đầy đủ bốn vô sở úy, gọi là Như Lai từ''. Phật tu bốn tâm vô lượng, thành tựu phạm hạnh tanh tịnh, cho nên nói là ''màn lọng giăng che''.

''Cũng dùng các trân báu tốt đẹp để nghiêm sức'': Dụ cho bốn tâm vô lượng, phải dùng vạn hạnh trang nghiêm, tức là pháp đại thừa đầy đủ lục độ vạn hạnh. Tất cả các môn trang nghiêm pháp đại thừa.

''Dây báu kết thắt'': Dụ cho bốn hoằng thệ nguyện. Bốn hoằng thệ nguyện này, phải thân thể lực hành, hồi quang phản chiếu, phản cùng tự tỉnh.

■ Nguyện thứ nhất: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ : Ta có độ chúng sinh chăng ? Độ chúng sinh tức hành Bồ Tát đạo, nhưng độ chúng sinh cũng đừng chấp tướng chúng sinh, do đó :

''Lìa tất cả tướng, quét tất cả pháp''.

■ Nguyện thứ hai: Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn: Đã đoạn phiền não chưa ? Phiền não tức bồ đề, băng tức nước, nước tức băng, biến phiền não thành nước trí huệ, tức là bồ đề. Vì sao nói chúng sinh tức là Phật; Phật tức chúng sinh ? Bạn độ tận chúng sinh tức thành Phật, nếu chưa độ chúng sinh thì bạn vẫn là chúng sinh. Giác ngộ tức Phật, mê muội là chúng sinh. Do đó, đừng truy cầu bên ngoài.

Trong Kinh Bảo Đàn nói rằng: ''Tự tính chúng sinh thệ nguyện độ''. Tất cả chúng sinh như một, chẳng phân biệt ta người, trước phải độ tự tính chúng sinh. Giác là Phật vậy, mê là chúng sinh vậy. Giác và mê không khác, không mê tức là giác, không giác tức là mê, như băng và

nước chẳng khác biệt. Cho nên nói phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

■ Nguyện thứ ba: Pháp môn vô lượng thệ nguyện học: Pháp môn vô lượng vô biên, ta đã học chưa ?

■ Nguyện thứ tư: Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành : Đừng do dự không quyết định, nên thệ nguyện tu hành cho đến khi thành Phật, nếu không thì chẳng đạt được quả vị Phật.

''Dải hoa rũ xuống'': Trên xe có hoa thòng rũ xuống, dụ cho bốn pháp nhiếp thọ chúng sinh, tức là bốn pháp nhiếp: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

1. Bố thí: ''Trước dùng câu dục móc, sau khiến vào Phật đạo.'' Nếu muốn chúng sinh vào trí huệ của Phật, thì trước hết dùng pháp phương tiện dẫn dắt. Chúng sinh thích tiền tài, thì bố thí tiền tài, khiến cho họ vui mừng, sau đó dạy Phật pháp cho họ, thì họ vui vẻ tiếp thọ. Bố thí thì đầu tiên nên bố thí pháp, tiếp đó bố thí tiền tài. Nhưng dùng pháp phương tiện, khiến cho họ tiếp thọ, cho nên trước phải bố thí tiền tài, sau đó bố thí pháp, và bố thí vô úy, khiến cho chúng sinh nghe Phật pháp, thì lìa tất cả sợ hãi.

2. Ái ngữ : Dùng lời lẽ ôn hòa khéo léo để hóa đạo, như lòng cha mẹ thương con cái, thì chẳng gì mà không thành, dùng từ ái đối đãi với chúng sinh.

3. Lợi hành : Chuyên làm việc thiện để lợi ích chúng sinh.

4. Đồng sự : Làm cùng việc cùng nghề với chúng sinh, thì có thể giáo hóa họ tin Phật, khiến cho họ bỏ mê về giác. Cho nên, Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, dùng bốn pháp nhiếp nầy để độ chúng sinh, từ chúng sinh có tội lỗi cũng sẽ từ từ cải ác hướng thiện. Bồ Tát đối với những chúng sinh cang cường không biết hối cải, vẫn luôn luôn hy vọng, có ngày họ sẽ cải ác hướng thiện. Cho nên bốn pháp nhiếp nầy diệu không thể tả.

''Nệm chiếu mềm mại trải chồng chất'': Dụ cho tu tất cả thiền định, y quán chiếu Bát Nhã để huân tu, lâu ngày sẽ thành tựu. ''Chồng chất'' dụ cho khi ngồi thiền thì được cảm giác khinh an, cảm giác nầy liên tục không ngừng, cho đến đi chẳng biết đi, đứng chẳng biết đứng, ngồi chẳng biết ngồi, nằm chẳng biết nằm, đạt đến cảnh giới không có tướng ta, tướng người. Cảnh giới nầy, phải dụng công tu hành, thì mới có thể đạt được, từ vị của nó cũng phải chính quý vị thể hội thì mới biết được, do đó :

''Như người uống nước, nóng lạnh tự biết.''

''Gối đỏ để trên'': Cái gối màu đỏ để ở trong xe, dùng quang màu đỏ, dụ cho vô phân biệt pháp. Gối gồm có gối ở trong và ở ngoài, gối ở ngoài dùng để dựa khi xe chạy, dụ cho dụng công tu đạo, động chẳng ngại tĩnh, tĩnh chẳng ngại động, động tức tĩnh, tĩnh tức động, động tĩnh nhất như. Xe chạy tức động, xe ngừng tức tĩnh, động tĩnh đều là xe nầy. Chúng ta tu đạo cũng như thế, động tĩnh đều ở tại thân của chúng ta. Trong xe cũng có gối,

dùng để gối đầu nghỉ ngơi, dụ cho nhất hạnh tam muội, hay sinh Bát Nhã trí huệ chân chánh.

''Dùng trâu trắng kéo'': Dụ cho Bát Nhã vô lậu. Tất cả tập khí mao bệnh của chúng ta đều là lậu, tất cả dục niệm đều là lậu. Tại sao chúng ta không thành Phật, không khai ngộ ? Là vì có lậu, nếu chẳng có lậu thì được giải thoát. Muốn được trí huệ vô lậu, thì tu bốn đế sẽ thành tựu. Bảo trì trí huệ vô lậu, thì tu mười hai nhân duyên, sẽ thành tựu mà được khai ngộ. Tu sáu độ cũng được đến bờ kia. Tục ngữ có câu :

''Ban ngày ngừa lửa,
Ban đêm ngừa trộm''.

Hằng ngày, chúng ta phải phòng ngừa lửa vô minh nổi dậy, tháng nầy tháng khác phải phòng ngừa sáu tên tặc (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) phá rối. Sáu tên tặc nầy thường chi phối bạn, khiến cho bạn điên đảo sẽ trộm đi pháp bảo tự tính của bạn. Nếu ai bảo trì được vô lậu, thì chắc chắn sẽ thành Phật. Vô lậu tức là trâu trắng kéo xe.

''Dùng trâu trắng kéo'': Trắng là màu bổn thể thanh tịnh không nhiễm. Nghĩa là bổn thể của pháp thanh tịnh không nhiễm, tương ứng với trí vô lậu. Xe trâu trắng lớn, biểu thị bốn Niệm Xứ viên mãn thành tựu, sẽ được khai ngộ. Lại biểu thị cho bốn Chánh Cần.

''Màu da rất sạch'': Dụ cho nhị thế thiện viên mãn, nhị thế ác tiêu diệt. Bốn Như Ý Túc (dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, tư duy như ý túc). Nếu

các bạn chẳng có tâm dâm dục, thì đó là gốc trí huệ vô lậu, bạn muốn tu đạo thì sẽ đầy thiện dục tu đạo, bạn muốn tinh tấn, thì có thể phát đạt khai quật Phật giáo ở phương tây. Niệm như ý túc tức là toại tâm viên mãn nguyện. Tư duy như ý túc là những gì suy nghĩ sẽ đạt được lý tưởng. Cho nên muốn được trí huệ vô lậu, thì trước hết trừ khử đi tất cả nhiễm ô, lấy sự trong sạch làm gốc.

''Thân hình rất đẹp'': Tức là xe trâu trắng lớn thân hình rất đẹp, dụ cho phát tâm đại thừa, như thân hình tốt đẹp, chỉ một tâm nầy mà bao quát tất cả các pháp.

''Có sức lực rất mạnh'': Tức là trâu trắng lớn có sức lực khỏe mạnh, ''sức'' dụ cho năm căn (tín, tấn, niệm, định, huệ). Năm căn lành nầy sao gọi là ''căn'' ? Bởi do rễ (căn) mà sinh trưởng, do đó có câu :

''Rễ sâu thì gốc vững,
Gốc vững thì cành lá xum xê''.

Tôi từng nói, Phật pháp như biển cả, chỉ có niềm tin thì mới vào được, do đó học Phật pháp, trước hết phải có tín tâm, sau đó tiếp tục tinh tấn tiến về trước, dần dần sẽ không bao giờ mất đi. Có niệm căn rồi, thì không bị người làm giao động, còn phải có định căn, để giữ vững lập trường, mới đủ để độ người, mà không bị người làm lay chuyển. Có định căn thì sẽ sinh huệ căn. ''Lực'' dụ cho năm lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực). Do

năm căn mà sinh ra năm lực, có năm lực thì có thể chứng trí huệ vô lậu, thành tựu tất cả hạt giống bồ đề.

''Bước đi ngay thẳng'': Tức là con trâu nầy, có sức lực rất mạnh, cho nên đi rất mau. Dụ cho định huệ quân bình, phải định huệ đều tiến. Nếu chỉ có định, mà thiếu huệ, thì thành người tu hành ngu si, còn nếu chỉ có huệ mà chẳng có định, thì thành người tu hành chạy nhảy lăn xăn. Cho nên, phải đầy đủ định huệ để trợ giúp lẫn nhau. Lại dụ cho bảy Giác Chi, còn gọi là bảy Giác Phần, tức cũng là bảy Bồ Đề Phần, là bảy pháp môn giác đạo. Phật vì người nhị thừa nói ba mươi bảy Đạo Phẩm (năm căn, năm lực, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, bảy bồ đề phần, tám thánh đạo phần). Trong Phật pháp đại thừa, cũng bao quát ba mươi bảy Đạo Phẩm nầy.

Bảy bồ đề phần :

1. Trạch pháp giác phần : Còn gọi là trạch pháp giác tri, dùng mắt chọn pháp trí huệ vô lậu, để lựa chọn pháp đúng pháp sai, pháp chánh pháp tà, pháp thật pháp giả, pháp chân pháp hư, để theo chánh bỏ tà.

2. Tinh tấn giác phần : Y theo pháp môn chân chánh, tu hành tiến về trước.

3. Hỉ giác phần : Có chánh và tà, có người y theo chánh đạo tu hành mà hoan hỉ, cũng có người y theo tà đạo tu hành, rơi vào cuồn hỉ điên đảo. Phàm là y theo dục niệm mà hành là điên đảo, nên dùng thiền định Phật pháp làm hỉ, do đó có câu :

''Thiền duyệt vi thực,
Pháp hỉ sung mãn''.

Nghe được Phật pháp, biết ý nghĩa cao sâu áo diệu, nên sinh tâm hoan hỉ.

4. Trừ giác phần : Biện rõ phải trái, lấy chánh trừ tà.

5. Xả giác phần : Xả bỏ tất cả những gì không đáng, như ngồi thiền không nên chấp vào chỗ tốt, không nên tham luyến cảnh giới, hãy xả bỏ.

6. Định giác phần : Đừng chấp trước bất cứ những gì, có trí huệ thì sinh định. Nếu bạn hôn trầm, thì hãy dùng trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần để đối trị. Nếu có tâm nóng nảy, thì dùng trừ giác phần, xả giác phần, định giác phần để đối trị.

7. Niệm giác phần : Tâm có hôn trầm hoặc nóng nảy đều là niệm. Người phát bồ đề tâm, thì phải y chiếu bảy bồ đề phần mà tu hành. Nếu y theo bảy bồ đề phần mà hành, thì thân tâm an ổn, do đó gọi là ''Bước đi ngay thẳng'', là biểu hiện dụng công đắc lực.

''Mau lẹ như gió'', xe nầy được con trâu trắng lớn kéo, nghĩa là biểu thị tiến về trước không lùi. ''Gió'' có gió mát và gió bão, gió nầy có thể là gió mát, cũng có thể là gió bão. Tại sao ? Bạn được gió nầy thổi, cảm thấy mát mẻ dễ chịu, thì gọi là gió mát. Song, cũng có thể gọi là gió bão, vì gió nầy hay thổi tan tất cả thiên ma ngoại đạo, trừ tất cả tà kiến. ''Mau lẹ như gió'' dụ cho tám Chánh Đạo, người tu đạo nên y theo tám Chánh Đạo mà tu hành.

1. Chánh kiến : Phải đầy đủ chánh tri chánh kiến, dùng trí huệ vô lậu, phá trừ tất cả tà tri tà kiến. Phi lễ vật thị (không hợp lễ giáo thì đừng xem) là chánh kiến.

2. Chánh tư duy : Phi lễ vật thính (không hợp lễ giáo thì đừng nghe), do sự nghe mà khởi suy nghĩ.

3. Chánh ngữ : Phi lễ vật ngôn (không hợp lễ giáo thì đừng nói) tức chánh ngữ. Người chưa phải là bậc Thánh hiền, tránh sao khỏi có lỗi của người, nên rộng lượng bao dung. Mọi người có duyên nên mới tụ lại một chỗ tu đạo, cho nên hãy giấu kín việc ác, biểu dương việc thiện, đừng bươi móc lỗi lầm, khiến cho người sinh thối tâm.

4. Chánh nghiệp : Phi lễ vật động (không hợp lễ giáo thì đừng làm) tức là chánh nghiệp. Đừng kinh doanh tà nghiệp, như mở sòng bạc, mua bán á phiện, mua bán súc sinh, gái mãi dâm .v.v., chánh nghiệp tức là tham thiền, tu học Phật pháp.

5. Chánh mạng : Làm tất cả những gì, đều phải quang minh lỗi lạc, gọi là chánh mạng. Có năm tà mạng:

a. Phô trương lạ lùng.

b. Nói đức của mình.

c. Bói tướng tốt xấu.

d. Lớn tiếng hiện oai.

e. Kêu người cúng dường.

6. Chánh tinh tấn : Có kẻ tu tà tinh tấn, ngày đêm sáu thời tu tập bàng môn tả đạo, cũng có kẻ hành khổ

hạnh vô ích, đều là tà tinh tấn. Chánh tinh tấn là y theo pháp môn bốn Niệm Xứ, bốn Chánh Cần, bốn Như Ý Túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ Đề Phần, tám Đường Chân Chánh, bốn Đế, mười hai Nhân Duyên, sáu Độ Ba la mật .v.v., đều là chánh tinh tấn, y theo sự chỉ bảo của Phật mà tu hành, y giáo phụng hành, tức là chánh tinh tấn. Chánh tinh tấn gồm thân tinh tấn, và tâm tinh tấn; tâm tinh tấn là siêng niệm Tam Bảo, niệm niệm không quên, suy gẫm chánh pháp; thân tinh tấn là thân thể lực hành như lạy Kinh, niệm Phật, lễ sám, niệm danh hiệu Phật .v.v., đều thuộc về thân tinh tấn.

7. Chánh niệm : Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tức là chánh niệm. Tà niệm tức là niệm kiến, niệm ái, niệm tư, niệm biên kiến, niệm niệm không ngừng đối với ái tình, mỗi ý niệm đều ích kỷ lợi mình, tức là tà tâm. Niệm Phật : Niệm ‘’Nam mô A Di Đà Phật‘’, ‘’Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật‘’, đều là niệm Phật. Niệm Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm đều là niệm pháp; đọc Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa .v.v., đều là niệm Pháp. Niệm Tăng : Niệm mười phương hiền Thánh Tăng. Bạn muốn niệm Tăng thì cúng dường Tăng, niệm Pháp thì cúng dường Pháp, niệm Phật thì cúng dường Phật. Nếu bạn muốn tu phước báu thì phải cúng dường Tam Bảo, do đó có câu :

"Phàm Tăng tuy bất năng chủng phước,
Kì phước tất giả phàm Tăng.

Ni long tuy bất năng hàng vũ,
Kì vũ tất giả ni long".

Nghĩa là : Phàm Tăng là Tăng chưa chứng quả, tuy không thể trồng phước cho bạn, nhưng nếu bạn thành tâm cầu phước nơi vị phàm Tăng, thì mười phương hiền Thánh Tăng sẽ ban phước cho bạn.

Ở Trung Quốc, mỗi khi trời hạn hán thì một số người đến miếu Long Vương để cầu mưa, trong miếu có tạo tượng rồng bằng bùn, cho nên nói muốn cầu mưa thì phải cầu trước tượng rồng bằng bùn. Long thần trên trời trông coi việc mưa, chẳng phải nhục nhãn của phàm phu mà thấy được.

Trước kia, khi tôi còn ở Đông Bắc bên Trung Quốc, có vị đệ tử pháp danh Quả Thuấn, có làm một cái lều tranh, mời tôi đến làm lễ khai quang. Vào ngày lễ khai quang, thì có mười con rồng đến xin quy y Tam Bảo. Lúc đó, có bốn vị đệ tử ở đó, trong số đó có hai vị có thiên nhãn thông, ngồi thiền thì có thể quán sát được mọi việc. Tôi bảo mười con rồng đó, tâu với Ngọc Hoàng, ngày mai vì tôi mà mưa xuống, thì ngày mốt tôi sẽ làm lễ quy y cho các vị. Quả nhiên, ngày mai trời mưa xuống chung quanh chỗ tôi khoảng bốn mươi dặm, tôi bèn làm lễ quy y cho họ. Chuyện này tuy là khó tin nhưng là sự thật.

Lại nữa, lúc tôi ở Hương Cảng, một năm nọ trời hạn hán, Đạo Tràng Phật giáo các nơi đều cầu mưa, nhưng chẳng có hiệu quả gì. Sau đó, tôi kêu một vị đệ tử niệm

‘’Nam Mô A Di Đà Phật‘’ trong ba ngày, phải cầu cho được mưa xuống. Y chí thành niệm Phật, quả nhiên hai ngày sau trời mưa xuống. Mười con rồng đã quy y biết tâm của tôi, tất tôn kính thầy mà ra lệnh mưa xuống, những việc nầy thường ứng nghiệm chẳng sai trật, thật là diệu không thể tả, người đã trải qua những cảnh giới nầy, thì tin sâu chẳng nghi ngờ.

8. Chánh Định : Tà định thì chấp trước cảnh giới, còn chánh định thì tu Tứ Thiền (trời sơ thiền, trời nhị thiền, trời tam thiền, trời tứ thiền), bát định (trời Tứ Thiền thêm vào Trời Không Vô Biên Xứ, Trời Thức Vô Biên Xứ, Trời Vô Sở Hữu Xứ, Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ). Tu pháp nầy, trước hết phải trừ khử ngã tướng, chẳng chấp trước bất cứ những gì tức là chánh định.

‘’Lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ‘’: Tức là có nhiều tùy tùng đi theo để hộ vệ. ‘’Tôi tớ‘’ dụ cho pháp môn phương tiện. Người tu hành dùng pháp phương tiện để đạt đến bờ kia. Thiên ma ngoại đạo và hàng nhị thừa đều tùy trí tu đạo.

Trong kinh Duy Ma Cật có nói :

‘’Giai ngã thị giả‘’.

Nghĩa là :

Những gì có ngã đều là giả.

Quả địa Bồ Tát đều có thần thông, đều toại tâm như ý, như có rất nhiều tùy tùng để bảo vệ họ. Cho nên nói : ‘’Lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ bảo vệ‘’, pháp đại thừa

phải cần nhiều pháp phương tiện, để trợ giúp cho thành tựu.

Niệm niệm quán tâm, một niệm tâm hiện tiền, chẳng trước chẳng sau, chẳng đầu chẳng cúi, chẳng bờ chẳng bến, tâm nầy đầy đủ không, giả, trung, ba đế, cho nên dùng ‘’cao‘’ dụ cho ‘’xe đó cao lớn‘’. Một niệm tâm hiện tiền đầy đủ mười pháp giới. Cho nên nói là ‘’rộng‘’. Dùng ‘’các thứ báu đẹp trang trí‘’, dụ cho tính đức của tất cả chúng sinh vượt qua Hằng hà sa số.

‘’Phật nói tất cả các pháp,
Vì độ tất cả tâm,
Nếu chẳng có tất cả tâm,
Đâu có dùng tất cả các pháp ‘’.

Cho nên ngoài tâm chẳng có pháp, pháp tức là tâm. Tâm bao quát pháp thế gian và pháp xuất thế gian, tức là ‘’lan can bao quanh‘’. ‘’Bốn phía treo linh’’: Vì tâm hay thọ ứng khắp hết thảy, diễn các âm thanh giáo lý, đều không ngoài một tâm niệm, cho nên nói ‘’bốn phía treo linh‘’.

‘’Lại dùng màn lọng che giăng phía trên‘’ : Dụ cho tâm thượng diệu ở trong tất cả các pháp, chẳng có pháp nào mà chẳng bao dung. ‘’Cũng dùng các trân báu tốt đẹp để nghiên sức‘’: Dụ cho tâm có tâm vương, tức là tám thức tâm vương, còn lại là tâm sở. Tâm vương thường hay quán tưởng, quán tưởng này khởi nơi tất cả tâm sở, hổ tương chiếu ứng. Tâm sở với tâm thiện tâm sở, hổ tương

trói buộc với nhau, tức tức tương quan, cho nên nói : ''Dây báu kết thắt''. Tâm sở của tâm thiện hay sinh vô lượng trí huệ, cũng hay thành tựu vô lượng phước đức, cho nên nói ''các dãi hoa rũ xuống''. Một tâm niệm đầy đủ pháp mềm diệu khinh an, càng đầy đủ tất cả các pháp, trùng trùng vô tận, cho nên gọi là ''Nệm chiếu mềm mại trải chồng chất''.

Tâm tính hay động cũng hay tĩnh, động chẳng ngại tĩnh, tĩnh chẳng ngại động, động tĩnh nhất như, đó là ''gối đỏ để ở trên''.

''Dùng trâu trắng kéo'': Lý của tâm tính là do Diệu quán sát trí hiển hiện ra. ''Màu da rất sạch'': Tức là công đức của sự thành tâm vi diệu không thể nghĩ bàn, nếu không xen tạp vô minh phiền não tức là ''rất sạch''. Tâm viên dung vô ngại, cho nên nói ''Thân hình rất đẹp''. Trí huệ quán sát viên dung vô ngại, hay sinh trưởng tất cả căn lành, viên quán lại hay phá tan được kiến ái trong ba cõi, lại hay phá tan điên đảo tưởng ở ngoài ba cõi, do đó nói: ''Có sức lực rất mạnh''. Viên quán và định huệ không hai, tức định tức huệ, định huệ viên dung, cho nên nói: ''Bước đi ngay thẳng''. Viên quán hay khiến cho hành giả đạt đến bờ kia, cho nên nói ''mau lẹ như gió''. Viên quán hay chi phối tất cả tâm sở, cho nên nói ''lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ bảo vệ''.

Vì sao ? Ông trưởng giả đó, của cải giàu có vô lượng, đủ thứ kho tàng thảy đều tràn đầy.

‘’Vì sao‘’? ‘’Đây là nguyên nhân gì‘’? Ông trưởng giả đó của cải giàu có vô lượng‘’: Tức là Phật nói đủ thứ các tạng pháp, bao quát tất cả các pháp. Tóm lại, tức lục độ vạn hạnh. Lục độ tức:

- Bố thí,
- Trì giới,
- Tinh tấn,
- Nhẫn nhục,
- Thiền định,
- Trí huệ.

Nếu biết lục độ mà không hành, thì không thể đến được bờ kia. Phải thiết thật tu hành, mới có thể đến được Niết Bàn bờ bên kia. Bố thí gồm :

- Tài thí,
- Pháp thí và
- Vô úy thí.

Trì giới tức là:

"Đừng làm các điều ác,
Hãy làm các điều lành".

Nhẫn nhục thì nghịch cảnh đến đều thọ nhận, chẳng có tướng ta, chấp ta, thấy ta, thường quán tưởng: *''Khi chưa sinh ra ai là ta ? Khi sinh rồi ta là ai ? Lớn lên thành người giả danh là ta, chuyển nháy mắt ta lại là ai''?* Trừ được ''tướng ta'' thì nghịch cảnh đến đều tiếp nhận. Học Phật pháp, thì phải cung hành thật tiễn, nếu gặp nghịch cảnh mà như như chẳng động, thì mới thật sự lãnh ngộ được chỗ diệu của Kinh Pháp Hoa. Không nên chấp vào ''tướng ta'', ''cái ta'' nầy, cuối cùng cũng sẽ chết đi, hà tất vì ''cái ta'' nầy mà tranh đua danh lợi ? Nếu có người đánh bạn, đó là quả báo bạn đã tạo ở kiếp trước. Đời này bạn mắng chưởi người, thì kiếp sau sẽ bị người mắng chưởi lại; đời này bạn cho họ phiền não, thì kiếp sau người cũng sẽ cho bạn phiền não, cho nên nhân quả tơ hào không sai. *Nếu có người đánh bạn thì hãy quán tưởng ''chẳng có cái ta''*, nếu bạn khó lòng buông xả được ''tướng ta'', thì có một diệu pháp có thể giúp bạn buông xả được ''tướng ta''. Có người đánh bạn thì bạn hãy bỏ chạy đừng để ý tới; *nếu có người mắng bạn, thì bạn hãy xem như họ đang ca hát, hoặc họ nói tiếng ngoại quốc mà bạn chẳng hiểu.*

Nếu bạn áp dụng những phương pháp nầy để đối trị, thì phiền não sẽ tự tiêu trừ. Người có nghiệp chướng, mới có phiền não, tức có nghiệp chướng thì hãy tiêu trừ nghiệp chướng bằng cách tu hạnh nhẫn nhục. Như bài kệ của Bồ Tát Di Lạc:

‘’Lão quê mặc áo vá
Cơm hẩm no đầy bụng
Áo vá che rét lạnh
Vạn sự hãy tùy duyên.
Có người mắng lão quê
Lão quê chỉ nói tốt
Có người đánh lão quê
Lão quê nằm lăn ra.
Khạc nhổ vào mặt lão
Để nó tự nhiên khô
Ta cũng chẳng nhọc sức
Họ cũng không phiền não.
Đó là Ba La Mật,
Cũng là báu vô giá,
Nếu hành được như thế,
Lo gì đạo chẳng thành.’’

Cho nên trừ khử đi ‘’tướng ta‘’ tu nhẫn nhục Ba La Mật, mới thật sự minh bạch Phật pháp. Do đó có câu:

‘’ Ngàn ngày nhặc củi,
Chỉ một đốm lửa thì cháy sạch‘’.

Một khi lửa vô minh nổi dậy, thì thiêu sạch công đức đã dày công tích lũy. Do đó, người học tập Phật pháp, thì phải tu nhẫn nhục Ba La Mật, đừng vì ngoại cảnh mà sinh phiền não.

Tinh tấn thì ngày đêm sáu thời đều tinh tấn. Thiền định là tĩnh lự. Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, năm độ nầy là phước đức tạng, độ thứ sáu là Bát Nhã (trí huệ) Ba La Mật, là Bát Nhã tạng, cũng gọi là trí huệ tạng, cho nên nói là ''Đủ thứ kho tàng''. ''Thảy đều tràn đầy'': Dụ cho quyền, thật hai trí. Quyền trí sung mãn là ''tràn'', thật trí hoàn mãn là ''đầy''. Quyền, thật hai trí đều viên mãn, cho nên nói ''thảy đều tràn đầy''.

Mà nghĩ rằng : Của cải của ta nhiều vô số, không nên dùng xe nhỏ xấu xí, mà cho các con. Nay những đứa trẻ nầy, đều là con của ta, ta thương chúng nó chẳng có thiên lệch. Ta có xe lớn bằng bảy báu như thế, số nhiều vô lượng, nên dùng tâm bình đẳng mà cho chúng nó, không nên có sự phân biệt. Tại sao ? Vì ta dùng của cải nầy, cho khắp tất cả mọi người trong nước, hãy còn không hết, huống gì các người con.

''Mà nghĩ rằng: Của cải của ta vô số, không nên dùng xe nhỏ xấu xí mà cho các con'': Ông trưởng giả nghĩ như vầy : Pháp tài của ta chí cao vô thượng, không nên dùng pháp tiểu thừa giáo hóa tất cả chúng sinh. ''Các con'': Tức là hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát.

‘’Nay những đứa trẻ nầy‘’: Dụ cho các con ba thừa ở trên mới phát tâm, đều không hay biết gì như trẻ con. ‘’Đều là con của ta, ta thương chúng chẳng có thiên lệch‘’: Chúng nó đều là con của ta, ta đối với chúng đều bình đẳng, chẳng khinh người nầy, trọng người kia. ‘’Ta có xe lớn bằng bảy báu như thế, số nhiều vô lượng‘’: Dụ cho bảy Bồ đề phần, bát Chánh đạo, năm Căn, năm Lực, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, tổng cộng là ba mươi bảy Đạo phẩm, dùng để trang nghiêm chiếc xe lớn nầy, số nhiều vô lượng. ‘’Nên dùng tâm bình đẳng mà cho chúng nó, không nên có sự khác biệt‘’. Ta nên đối đãi bình đẳng, đều cho xe lớn, không nên có tâm thiên lệch sai khác. ‘’Vì sao? : Bởi nguyên nhân gì ? ‘’Ta dùng của cải nầy, cho khắp tất cả mọi người trong nước, hãy còn không hết‘’: ‘’Trong nước‘’: Dụ cho cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, ‘’không hết‘’ : Dụ cho Phật pháp vĩnh viễn không thiếu. ‘’Huống gì các con‘’, Pháp bảo của ta bố thí cho tất cả nhân dân trong nước còn không thiếu, huống gì các con của ta ?

Chúng ta phải nhận chân hồi quang phản chiếu, phản tỉnh chính mình có phiền não chăng ? Nếu không có phiền não, tức đã được chỗ tốt của Phật pháp, nếu không thì thiết thực tu hành, đến được cảnh giới tám gió thổi không lay, thì mới thật sự được chỗ diệu của Phật pháp.

Lúc đó, các người con ai nấy đều ngồi xe lớn, được chưa từng có, chẳng phải chỗ trước kia mong đợi.

Xá Lợi Phất ! Ý của ông thế nào ? Ông trưởng giả đó, đồng cho các người con xe trâu báu lớn, có hư vọng chăng ?

''Lúc đó, các người con ai nấy đều ngồi xe lớn'': Lúc đó, ông trưởng giả ban tặng cho các người con xe lớn, trưởng giả tức là người có của cải giàu vô lượng. Nếu các người con chẳng phải con của ông trưởng giả, thì không thể cho xe lớn. Nếu là con của trưởng giả, mà trưởng giả chẳng có của cải, thì cũng chẳng có gì để cho. Ông trưởng giả đó, có đủ thứ kho tàng, các người con cũng thật là Phật tử, cho nên Phật đồng cho xe lớn. Các người con vốn chỉ cầu được xe dê, hoặc xe hươu, thì tâm đã mãn nguyện, vì ông trưởng giả của cải giàu vô lượng, mới ban tặng xe lớn cho các con, tức là Phật dùng pháp đại thừa cứu độ chúng sinh. ''Được chưa từng có, chẳng phải chỗ trước kia mong đợi'': Các người con đó, chưa từng thấy qua pháp thượng thừa như thế, chẳng phải ý của họ nghĩ đến. Ví như người tiểu thừa, vốn tu pháp tiểu thừa, đã dứt phần đoạn sinh tử, nay họ mượn nhờ pháp môn tiểu thừa, mà họ vốn tu tập, để hồi tiểu hướng đại, thành tựu pháp đại thừa, dứt biến dịch sinh tử, đó mới là vượt ngoài hy vọng của họ vốn có.'' Xá Lợi Phất ! Ý của ông như thế nào ?

Ông trưởng giả đó, đồng cho các con xe trâu báu lớn, có hư vọng chăng ?'' Xá Lợi Phất ! Ý ông thế nào ? Ông trưởng giả đó, bình đẳng ban tặng cho các người con, xe trâu báu lớn có thích đáng chăng ?

Xá Lợi Phất nói : Không vậy ! Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả đó, chỉ khiến cho các con khỏi nạn lửa, an toàn tính mạng, chẳng phải là hư vọng. Tại sao ? Vì nếu được an toàn tính mạng, thì đã được đồ chơi tốt đẹp, huống chi dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Đức Thế Tôn ! Cho dù ông trưởng giả đó, không cho một thứ xe nhỏ nhất nào, cũng chẳng hư vọng. Tại sao ? Vì ông trưởng giả đó, trước hết nghĩ rằng : Ta dùng phương tiện, khiến cho các con được ra khỏi, vì nhân duyên đó, mà chẳng hư vọng vậy. Hà huống ông trưởng giả biết mình của giàu vô lượng, muốn lợi ích cho các con, mà đồng cho xe lớn.

Tôn giả Xá Lợi Phật trả lời Đức Phật: ''Không vậy, Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả đó chẳng nói dối, Ngài muốn khiến cho các con khỏi bị nạn lửa thiêu đốt, được an toàn tánh mạng, cho nên chẳng nói dối vậy. Vì sao ? Mạng người quý giá, nếu đã giữ được tính mạng, thì đã coi như được đồ chơi tốt đẹp, hà huống ông trưởng giả rộng bày phương tiện, cứu vớt tất cả chúng sinh ra khỏi nhà lửa tam giới.

Đức Thế Tôn ! Cho dù ông trưởng giả chẳng cho các con một thứ xe nhỏ nào, cũng chẳng hư vọng. Vì sao ? Vì ông trưởng giả đó, trước khi cứu vớt các người con ra, đã nghĩ như vầy : Ta phải dùng pháp phương tiện khéo léo, khiến cho các con chạy ra khỏi nhà lửa. Vì nhân duyên đó, nên chẳng có lỗi nói dối. Huống gì ông trưởng giả đó, biết mình có của cải giàu vô lượng, khiến cho các người con được lợi ích, đều được xe lớn.'' Kinh văn ở trên, là đức Phật dùng pháp đại thừa, cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên chẳng vọng ngữ.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất ! Lành thay, lành thay ! Như lời ông nói, Xá Lợi Phất ! Như Lai cũng lại như thế, là cha lành của tất cả thế gian, ở nơi sợ hãi suy não lo buồn, vô minh đen tối che đậy, vĩnh viễn hết sạch chẳng còn sót, thảy đều thành tựu vô lượng

tri kiến, lực vô sở úy, có sức đại thần thông, và sức trí huệ, đầy đủ phương tiện trí huệ Ba la mật, đại từ bi, thường chẳng lười mỏi, luôn luôn cầu việc thiện, lợi ích tất cả chúng sinh, mà sinh vào nhà lửa tam giới hư mục nầy.

Phật bảo Xá Lợi Phất: Lành thay, lành thay, như lời ông nói, Phật cứu chúng sinh như ông trưởng giả cứu các con. Như Lai là cha lành của tất cả chúng sinh thế gian. Chúng sinh bị tất cả sự sợ hãi, suy não, lo buồn, vô minh che đậy, như nay quét một cái, thì sạch tất cả phiền não, thành tựu tất cả tri kiến của Phật. Như tôn giả Xá Lợi Phất, từ cửa trí huệ của Phật, mà khai mở tri kiến của Phật, đắc được trí huệ bậc nhất. Tôn giả Mục Kiền Liên, từ cửa thần thông mà khai mở tri kiến của Phật, đắc được thần thông đệ nhất, thành tựu mười lực, bốn vô sở úy. Phật có sức đại thần thông, cứu vớt tất cả chúng sinh lìa khổ được vui. Phật có bốn trí: Thành sở tác trí, Diệu quán sát trí, Bình đẳng tánh trí, Đại viên cảnh trí, đầy đủ pháp môn phương tiện khéo léo, trí huệ Ba La Mật, ngồi thuyền Bát Nhã đến bờ kia. Đại từ là ban vui cho chúng sinh, đại bi là cứu khổ chúng sinh, vĩnh viễn chẳng lười mỏi. Phật lấy sự giáo hóa chúng sinh làm bổn hoài, cũng như tôn giả A Nan phát nguyện: *''Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, thì quyết không thủ ngôi Chánh giác.''* Phật thương xót

chúng sinh ở trong sự điên đảo, suốt ngày chạy đông chạy tây, nhận giả làm thật, chẳng biết ra khỏi nhà lửa tam giới, cho nên Phật dùng sức đại thần thông, sức đại trí huệ, để lợi ích tất cả chúng sinh, mà sinh vào nhà lửa tam giới, vì cứu vớt chúng sinh khiến cho họ tỉnh ngộ, để họ sớm ra khỏi nhà lửa.

Vì độ chúng sinh ra khỏi nạn lửa sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não, ngu si tối tăm ba độc, mà giáo hóa, khiến cho chúng sinh được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật sinh vào nhà lửa vì cứu độ chúng sinh, chúng sinh chẳng sợ hãi, chịu đủ thứ khổ hành hạ mà chẳng biết. Sinh thì như rùa lột mai, già thì các căn suy yếu, bịnh hoạn nằm trên giường, khổ không thể tả, muốn chết cũng chẳng được, đi cũng chẳng được, chết thì như bò sống lột da. Đầy dẫy lo buồn khổ não, ngu si, tối tăm, và lửa tham sân si ba độc. Phật giáo hóa chúng sinh, khiến cho được vô thượng chánh đẳng chánh giác, được quả vị Phật. Phật luôn luôn đều đợi chúng sinh thành Phật, chúng ta nên sớm lìa khỏi tam giới nầy, đừng để Phật đợi lâu.

Thấy các chúng sinh vì sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não thiêu đốt, cũng vì năm dục tài lợi, mà chịu đủ thứ khổ, lại vì tham

trước truy cầu, hiện phải chịu đựng các sự khổ, sau đó thì chịu khổ ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh về cõi trời, hoặc ở nhân gian, thì bần cùng khốn khổ, khổ về thương yêu phải xa lìa, khổ về oán ghét mà gặp nhau, đủ thứ các sự khổ như thế. Chúng sinh đắm chìm ở trong đó, vui mừng dạo chơi chẳng hay chẳng biết, chẳng sợ hãi, cũng chẳng nhàm chán, chẳng cầu giải thoát. Ở trong nhà lửa tam giới nầy, chạy đông chạy tây, dầu gặp khổ lớn mà chẳng lo lắng.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật thấy vậy rồi, bèn nghĩ rằng : Ta là cha lành của chúng sinh, nên cứu họ khỏi khổ nạn, ban cho họ vô lượng vô biên trí huệ an vui của Phật, để họ dạo chơi.

Đức Phật thấy các chúng sinh, vì sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não, các thứ khổ hành hạ, đều vì tham cầu năm dục. Năm dục là: Tài, sắc, danh, ăn và ngủ, hoặc là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Con người thường bị năm dục lay chuyển, mà điên đảo thị phi, nhưng nếu nhìn thấu

năm dục, thì sẽ buông bỏ tham trước, làm các thứ công đức. Nếu con người minh bạch: Tài, sắc, danh, ăn và ngủ, đều là vật ngoài thân, đại hạn lai thời thì sẽ buông bỏ tất cả, chẳng còn tham trước năm dục.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: *Sáu căn khiến cho con người tạo tội, cũng khiến cho con người thành Phật*. Năm dục cũng như thế, mê luyến thì tham trước, nhìn thấu thì buông bỏ. Con người vì do tham cầu, cầu chẳng được thì sinh ra đủ thứ khổ nảo, trên thế gian do tham cầu mà tạo nghiệp, sau khi chết rồi thì đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ để chịu khổ. Nếu sinh về cõi trời, hoặc sinh vào nhân gian, thì sẽ chịu khốn khổ bần cùng. Hoàn toàn bần cùng khốn khổ, dù muốn làm công đức, cũng chẳng cách chi bố thí, còn có khổ về thương yêu mà phải xa lìa, với sự thương yêu người mà phải chia ly, khó bỏ khó lìa, và khổ về oán ghét mà gặp nhau, đủ thứ các sự khổ như thế.

Đắm chìm ở trong tam giới mà vui mừng dạo chơi, chẳng biết phiền não tập, cho nên chẳng sợ chẳng hãi, chẳng sinh nhàm chán, chẳng cầu giải thoát, chạy đông chạy tây ở trong tam giới, gặp đủ thứ việc khổ não mà chẳng lấy làm lo lắng. Phật bảo Xá Lợi Phất ! Phật thấy tình hình như vậy bèn bảo rằng: Tức cũng như ông trưởng giả ở trong thí dụ, nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sinh, nên cứu vớt họ khỏi khổ nạn và ban cho họ vô lượng vô biên trí huệ vui của Phật, khiến cho họ vui vẻ dạo chơi ở trong Phật pháp đại thừa.

Người bần cùng đương nhiên là khốn khổ, nhưng giàu có cũng có vui có khổ, vui đến cực điểm thì sinh buồn, cho nên nói:

''Bần cùng bố thí là khó,
Giàu sang học đạo là khó.''

Đức Phật là thái tử cũng học đạo được.

Xá Lợi Phất ! Như Lai lại nghĩ rằng : Nếu ta chỉ dùng sức thần thông, và sức trí huệ, bỏ đi phương tiện, vì chúng sinh khen ngợi tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai, thì chúng sinh không thể do đó mà được độ. Tại sao ? Vì các chúng sinh đó, chưa khỏi sinh già bệnh chết lo buồn khổ não, mà bị thiêu đốt ở trong nhà lửa tam giới, làm sao hiểu được trí huệ của Phật.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật lại nghĩ : Nếu ta chỉ dùng sức thần thông và hết thảy Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, mà bỏ đi pháp môn phương tiện, vì chúng sinh khen ngợi tất cả tri kiến, mười lực và bốn vô sở úy của Phật, thì chúng sinh không thể nhờ nhân duyên nầy, mà được giải thoát. Vì sao ? Vì tất cả chúng sinh chưa khỏi khổ sinh già bệnh chết và ưu sầu khổ não,

giống như trẻ con vô tri, bị thiêu đốt ở trong nhà lửa tam giới, làm sao biết được trí huệ của Như Lai.

Nếu người chưa gặp được Phật pháp, thì làm sao hiểu được Phật pháp ? Như người Tây phương chưa nghe qua Phật pháp, một khi nghe được Phật pháp, thì sinh tâm sợ hãi, ai cũng đều có tâm lý bịt tai ăn cắp chuông, biết rõ mình phạm lỗi, mà chẳng muốn đối diện với hiện thật, cải lỗi hướng thiện. Chưa gặp Phật pháp mà phạm lỗi, còn có thể tha thứ, chứ gặp Phật pháp rồi, biết rõ mà cố phạm thì tội tăng gấp ba. Người có lỗi hãy nên sửa đổi, người không lỗi thì nên tránh. Người có tội mà phạm nhiều lần không thay đổi, thì sẽ đọa lạc. Biển khổ mênh mông quay đầu là bờ, nên biết sửa đổi lỗi lầm trước kia. Khổng Tử có nói : ''Có lỗi thì chớ nãn sửa đổi.'' Biết lỗi mà sửa đổi, thật là việc lành rất lớn vậy !

Xá Lợi Phất ! Như ông trưởng giả kia, tuy thân và tay có sức mạnh, mà chẳng dùng đến, chỉ ân cần dùng phương tiện, cố gắng cứu các con ra khỏi nhà lửa, sau đó đều cho xe trân báu lớn. Như Lai cũng lại như thế, tuy có trí lực vô sở úy, mà chẳng dùng đến.

Tôn giả Xá Lợi Phất trí huệ cao siêu, làm thượng thủ hàng Thanh Văn, còn Bồ Tát Văn Thù làm thượng thủ hàng Bồ Tát. Phật bảo Xá Lợi Phất ! Như ở trước có đề

cập đến ông trưởng giả, tuy thân và tay có sức, dụ cho Phật có đại thần thông và chân thật trí, mà chẳng dùng đến, chỉ dùng pháp phương tiện khéo léo, nói pháp ba thừa để cứu độ các con, tức ba mươi đứa con (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, người ba thừa là chân tử của Phật) và năm trăm người (năm đường chúng sinh), khỏi bị ba độc (tham sân si) thiêu đốt ở trong nhà lửa. Ông trưởng giả dùng xe dê, xe hươu, xe trâu, để ở ngoài cửa, dụ con trẻ ra ngoài cửa, cuối cùng đều tặng cho xe trâu trắng lớn. Xe lớn có lục độ vạn hạnh nghiêm sức, tức chỉ có một Phật thừa. Phật quán căn cơ mà thí giáo, thấy con trẻ căn cơ có hạn, cho nên trước hết cho xe dê, xe hươu, xe trâu, tức pháp tiểu thừa. Phật trước hết nói pháp tiểu thừa, cho đến hội Pháp Hoa mới khai quyền hiển thuật, mở bày cho chúng sinh pháp đại thừa, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Như Lai cũng như thế, tuy có mười trí lực và bốn vô sở úy mà chẳng dùng đến.

Chỉ dùng trí huệ phương tiện, nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sinh, vì chúng sinh mà nói ba thừa : Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật thừa.

Sở dĩ Đức Phật dùng trí huệ chi phối pháp phương tiện, quán căn cơ thí giáo, vì người nói pháp, theo bệnh cho thuốc. Chúng sinh bị: Tham, sân, si, che đậy, pháp thân huệ mạng đều bị che lấp. Kẻ tham thì tham chẳng

biết chán, chẳng biết đủ. Kẻ sân gặp nghịch cảnh, thì nổi trận lôi đình, lửa vô minh nổi dậy, hiện tướng A Tu La. Tâm si che lấp lương tri lương năng của chúng sinh, khiến cho họ mê muội nhân quả, làm việc điên đảo. Con người thường bị lửa tham sân si thiêu đốt. Phật dùng một âm thanh diễn nói pháp, chúng sinh theo loại đều hiểu được, khiến cho Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, cho đến chín pháp giới chúng sinh, nghe pháp của Phật nói, đều phát bồ đề tâm. Phật ở trong tam giới cứu vớt tất cả chúng sinh.

Phật chẳng sợ bị lửa thiêu đốt, mà phát tâm đại bi vào nhà lửa, cứu vớt tất cả chúng sinh. Từ hay ban vui, bi hay cứu khổ, Phật cứu chúng sinh từ trong nhà lửa ra ngoài, chúng ta nên phát tâm bồ đề, sinh tâm sám hối đừng nóng giận nữa, phải biết Phật đang đợi chúng ta ! Tuy nhiên Phật đã dứt sinh tử, sao lại nói: ‘’Chẳng sợ chết‘’? Phật thật sự đã dứt sinh tử, Phật cảm thấy đau đớn như chính mình chịu. Chúng ta phải mau tỉnh giác, sửa đổi lỗi lầm quá khứ, tinh tấn tu hành, đừng để Phật phải đợi lâu ! Phật vì cứu vớt chúng sinh mà phân biệt nói ba thừa : Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Phật thừa. Phật ban cho xe hươu, xe dê, xe trâu trắng lớn, để chúng ta tùy ý lựa chọn.

Mà nói rằng : Các ông không nên ưa thích ở trong nhà lửa tam giới, chớ tham sắc thanh hương vị xúc thô hèn. Nếu tham trước,

thì sinh luyến ái sẽ bị thiêu đốt, các ông hãy mau ra khỏi tam giới, sẽ chứng được ba thừa: Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.

Phật bảo rằng: ‘’Các ông‘’, tức ba mươi người con và năm trăm người, cũng bao quát bạn, tôi và tất cả chúng sinh. Phật bảo tất cả chúng sinh, chớ nhận lầm ở trong tam giới nầy là vui sướng. Tam giới nầy là khổ. Chúng sinh điên đảo thị phi, lấy khổ làm vui, mê chẳng biết về. ‘’Chớ tham sắc thinh hương vị xúc thô hèn‘’: Phật bảo chớ tham năm trần, cũng gọi là năm dục. Mọi vật có hình tướng đều là sắc trần, sắc thanh hương vị xúc trần. Chúng sinh bị năm trần thô hèn mê hoặc che đậy nhiễu loạn tâm tính. Nhưng người tu hành phải đối cảnh vô tâm. Do đó, có câu :

‘’Thấy việc tỉnh việc lìa thế gian,
Thấy việc mê việc đọa trầm luân‘’.

Thấy cảnh giới mà giác ngộ được, thì vượt ra được tam giới, nếu bị cảnh giới mê hoặc, thì sẽ đọa lạc. Do đó, có câu :

‘’ Mắt thấy hình sắc chẳng dính mắc,
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay ‘’.

Mắt đối với cảnh mà chẳng bị cảnh chuyển, phải tự mình giữ vững tông chỉ, đừng để bị: Sắc thinh hương vị xúc năm trần, làm giao động tâm chí. ‘’Nếu tham trước thì sinh ái‘’: Đa số mọi người không dứt được sinh tử, nguyên nhân chính là có ‘’ái‘’, do ái mà sinh dục, ái dục là gốc rễ của sinh tử. ‘’Sẽ bị thiêu đốt‘’: Tức là bị lửa ái thiêu đốt, đây là ‘’tập‘’ đế, có tình ái thì sinh phiền não. Vì sao có tình ái ? Vì quá coi trọng thân thể nầy, muốn khiến cho thân thể được hưởng thụ. Hãy nghĩ xem tại sao Đức Phật vào núi Tuyết tu hành ? Tại sao thành đạo dưới cội bồ đề ? Tức là Ngài trừ khử tình ái, đoạn phiền não mà chứng quả thành Phật. Ban đầu chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế nói :

‘’Đây là khổ, tính bức bách
Đây là tập, tính chiêu cảm
Đây là diệt, tính có thể chứng
Đây là đạo, tính có thể tu‘’.

Phiền não là do bên trong có phiền não, mới chiêu đến phiền não bên ngoài.

‘’Các ông hãy mau ra khỏi tam giới, sẽ chứng được ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật và Phật Thừa‘’: Phật bảo các ông hãy mau mau ra khỏi nhà lửa tam giới, không nên trôi nổi ở trong đó mà quên về. Thanh Văn thừa do nghe âm thanh mà ngộ đạo, Bích Chi Phật tức là Duyên Giác :

‘’Mùa xuân quán trăm hoa nở,
Mùa thu ngắm lá vàng rơi‘’.

Quán vạn vật trời đất thịnh suy, tu pháp mười hai Nhân Duyên, mà chứng quả Bích Chi Phật. Sinh vào thời có Phật tại thế, thì gọi là Duyên Giác, sinh vào thời chẳng có Phật, thì gọi là Độc Giác. Phần nhiều Bích Chi Phật ở trong thâm sơn cùng cốc, chẳng tiếp xúc với bên ngoài, tu hành chứng quả thành Bích Chi Phật. Phật thừa, Phật là tiếng Phạn, dịch là "giác". Giác gồm có:

⦿ Tự giác,
⦿ Giác tha,
⦿ Giác hạnh viên mãn.

Phật khác với phàm phu, phàm phu thì chẳng giác, còn Phật thì tự giác và còn giác tha tức là vừa lợi mình lợi người. Hạnh tự giác giác tha đều viên mãn, do đó gọi là: ‘’Ba giác tròn vạn đức đầy‘’, gọi là Phật. Phật thừa khác với Bồ Tát thừa, Duyên Giác Thừa và Thanh Văn thừa. Kinh Pháp Hoa nói: ‘’Chỉ một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác‘’. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đều là pháp phương tiện khéo léo, khai quyền hiển thật.

Lần thứ hai chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, Phật nói :

‘’Đây là khổ, ông nên biết
Đây là tập, ông nên đoạn
Đây là diệt, ông nên chứng

Đây là đạo, ông nên tu‘’.

Lần thứ ba chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, Phật lại nói :

‘’Đây là khổ, ta đã biết
Đây là tập, ta đã đoạn
Đây là diệt, ta đã chứng
Đây là đạo, ta đã tu‘’.

Ban đầu Phật chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế với năm vị Tỳ kheo Kiều Trần Như, Kinh văn Pháp Hoa nầy cũng mở bày đạo lý: Khổ tập diệt đạo.

Nay ta bảo nhiệm việc nầy, tuyệt đối chẳng hư vọng. Các ông hãy siêng tu tinh tấn, Như Lai dùng phương tiện đó, để dẫn dụ chúng sinh ra khỏi nhà lửa.

Phật bảo chứng: Nếu các ông y theo pháp đại thừa mà tu hành, thì chắc chắn sẽ thành Phật, tuyệt đối chẳng hư vọng, các ông tất cả chúng sinh hãy siêng tu tinh tấn, nếu không siêng tu tinh tấn, thì cũng như nói ăn, đếm tiền, do đó có câu :

‘’ Suốt ngày đếm tiền mướn,
Mình chẳng có xu nào,
Nơi pháp chẳng tu hành,

Tội lỗi cũng như thế. ‘’

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng nói : Ví như nói ăn, tuyệt đối không thể no. Phải siêng tu tinh tấn, tinh tấn gồm có: Thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Lạy Kinh, niệm Phật, tham thiền, trì Chú, đều là thân tinh tấn, nếu không thì tâm như con ngựa con khỉ, vọng tưởng lung tung, cho nên phải tinh tấn. Phật pháp thì phải thân thể lực hành, *‘’Nói hay, nói giỏi, mà chẳng thực hành, thì chẳng phải đạo‘’*. Chỉ biết mà không hành, thì chẳng đắc được chỗ diệu, phải tinh tấn tu hành mới có lợi ích.

‘’Như Lai dùng phương tiện đó, để dẫn dụ chúng sinh ra khỏi nhà lửa‘’: Phật nói pháp phương tiện, để dẫn dụ chúng sinh ra khỏi nhà lửa, bảo rằng có xe hươu, xe dê, xe trâu, ở ngoài cửa, đợi họ ra khỏi nhà lửa rồi thì cho xe lớn.

‘’Dẫn dụ‘’ chúng sinh, như Phật tay không dụ em bé. Phật thấy em bé bò gần đến miệng giếng, tình thế cấp bách, mới bảo với em bé trong tay của Ngài có kẹo, em bé nghe nói đến kẹo thì quay đầu lại, bò qua chỗ Đức Phật. Em bé khỏi bị rớt xuống giếng, mà trong tay của Phật thật chẳng có kẹo. Chúng sinh muốn ra khỏi tam giới, thì nhờ Phật dụ mà ra khỏi nhà lửa vậy !

Lại bảo : Các ông nên biết ! Pháp ba thừa nầy, đều được các bậc Thánh khen ngợi, tự tại chẳng ràng buộc, chẳng còn

nương tựa tìm cầu, ngồi ba thừa đó, dùng vô lậu căn lực giác đạo, thiền định giải thoát tam muội .v.v... mà tự vui sướng, bèn được vô lượng an ổn khoái lạc.

Phật lại bảo, các ông chúng sinh nên biết pháp ba thừa: Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa, ba thừa pháp nầy đều được chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai khen ngợi. Pháp ba thừa nầy, là pháp môn tiếp dẫn chúng sinh, của tất cả chư Phật ba đời trong mười phương. ''Tự tại chẳng ràng buộc, chẳng nương tựa tìm cầu'': Đắc được tự nhiên trí tức tự tại, tức được tha tâm trí, minh bạch tất cả tâm ý của chúng sinh. ''Chẳng ràng buộc'', tức được giải thoát, chẳng quái ngại, xa lìa điên đảo mộng tưởng, được trí huệ tối cao, buông bỏ hết tất cả. ''Chẳng còn nương tựa tìm cầu'': Những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa, tức đã dứt sinh tử. Tự tánh của chúng ta là ''năng y'', sinh tử là ''sở y'', đã dứt sinh tử tức vô sở y (chẳng còn nương tựa). Sao gọi là vô sở cầu ? Các lậu đã sạch, phạm hạnh đã vững, tức vô sở cầu (chẳng còn gì mong cầu). Nếu được vô sở y, vô sở cầu, thì chứng quả liễu sinh thoát tử.

''Ngồi ba thừa đó'': Ngồi ở trong xe ba thừa, dùng năm căn vô lậu: Tín, tấn, niệm, định, huệ, siêng năng tinh tấn, thì năm căn sẽ tăng thêm căn lành, mà sinh ra năm

lực (Tín, tấn, niệm, định, huệ lực). ‘’Giác‘’ là bảy giác chi :

1. Trạch pháp giác chi, chọn thiện mà theo.
2. Tinh tấn giác chi.
3. Hỉ giác chi.
4. Khinh an giác chi.
5. Xả giác chi.
6. Định giác chi.
7. Niệm giác chi, lại gọi là bảy bồ đề phần.

‘’ Đạo‘’ là bát Chánh đạo :

1. Chánh kiến.
2. Chánh ngữ.
3. Chánh tư duy.
4. Cháng nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh niệm.
7. Chánh tinh tấn.
8. Chánh định.

‘’Thiền‘’ là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Sơ thiền có ba cõi trời, nhị thiền có ba cõi trời, tam thiền có ba cõi trời, tứ thiền có ba cõi trời. Đó là cảnh giới thiền định của phàm phu. Trời Vô Tưởng là cảnh giới thiền định của ngoại đạo, Trời Ngũ Bất Hoàn là cảnh giới thiền định của bậc Thánh nhân. Người nhân gian tham thiền đả tọa, cũng có thể đạt đến cảnh giới của chư Thiên cõi Tứ Thiền tu thiền định. Người tu thiền định, nhập định

được cảnh giới sơ thiền, gọi là Ly Sinh Hỷ Lạc Địa, được sự khoái lạc thiền duyệt vi thực, chỉ cảm thấy thân tâm thơ thới khoái lạc, mà chẳng biết ngày giờ đã qua, giống như hòa thượng Hư Vân tại núi Chung Nam, nhập định mười tám ngày, cũng là đắc được cảnh giới nầy. Thành tâm dụng công tu hành, tham thiền đả tọa, thì sẽ được cảnh giới nầy. Cảnh giới sơ thiền nầy, chẳng phải chỉ riêng cảnh giới của chư Thiên, mà là người tu đạo dùng thân phàm phu tu hành, thì có thể chứng nhập, đây chỉ là giai đoạn ban đầu nhập môn của sự tu hành. Mấy ngày trước có người chứng được cảnh nầy, chứng được bậc nầy, bất quá chỉ là bước thứ nhất của sự tu hành mà thôi ! Muốn chứng Thánh quả, cần phải tiếp tục nỗ lực không ngừng tinh tấn tiến về trước.

Nhị Thiền là Định sinh hỷ lạc địa, đừng tham trước khoái lạc, phải tu định, do đó có câu : ‘’Na già thường tại định, vô hữu bất định thời.’’ Đi đứng nằm ngồi đều như nhập định, chẳng vướng duyên bên ngoài, tâm như nước chảy, trong suốt thấu triệt, ngồi thiền thì chẳng những mạch máu ngừng lại, mà hô hấp hơi thở cũng ngừng lại, chỉ có niệm chưa ngừng lại, còn khởi vọng tưởng, một niệm sinh ra thì sẽ xuất định.

Tam Thiền là Ly hỷ diệu lạc địa, lìa tất cả sự vui sướng, chẳng còn tham trước ‘’thiền duyệt vi thực, pháp hỉ sung mãn‘’, được sự khoái lạc ở cõi trời. Nếu các bạn muốn thưởng thức từ vị đó, thì phải dụng công tham thiền đả tọa.

Tứ Thiền là Xả niệm thanh tịnh địa, cho dù một niệm cũng xả bỏ, vô sinh vô niệm, lúc nầy đã trừ tất cả khách trần phiền não, chỉ chưa chứng quả. Ở trên là cảnh giới khinh an đắc được cửa sự tu đạo.

''Định'' là bốn vô sắc định :
1. Không vô biên xứ định,
2. Thức vô biên xứ định.
3. Vô sở hữu xứ định.
4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

Bốn trời định gọi là Trời Vô Sắc Giới, ''định'' tức gọi là vô sắc định. Chư Thiên bốn cõi trời nầy, chỉ có thức mà chẳng có hình sắc, cho nên gọi là Vô sắc định, còn Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cũng gọi là bốn Không Xứ.

''Thiền định'' là bốn thiền tám định, bốn thiền thêm bốn vô sắc định, hợp lại thành tám định.

''Giải thoát'': Có tám thứ giải thoát :
1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
2. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
4. Không vô biên xứ giải thoát.
5. Thức vô biên xứ giải thoát.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
8. Diệt thọ tưởng thân tác chứng cụ túc trụ.

Đó là tám giải thoát. Người mới tu đạo, thì trong tâm vẫn tồn tại dục niệm, nên dùng chín pháp quán tưởng (quán bất tịnh) để đối trị sắc bên ngoài, biết được nó bất tịnh thì sẽ không chấp trước vào ‘’sắc‘’, tức được giải thoát, buông xả đặng thì tự tại, nhìn thấu thì buông đặng. Cho nên trước hết phải tu được quán nầy.

Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát, tu hành dụng công thì lâu dần trong sự bất tri bất giác, lìa được niệm sắc dục, bên trong chẳng có niệm sắc dục, vẫn phải quán sắc bên ngoài, quán tưởng gái đẹp tương lai cũng khó tránh cái chết, già chết thì thân của họ cũng biến hoại, quán thây sình thối có ấu trùng rúc rỉa, còn lại xương trắng, xương biến thành đất, bốn đại trả về cho bốn đại, gió trả về cho gió, đất trả về cho đất, nước trả về cho nước, lửa trả về cho lửa, cứu kính chẳng còn gì hết. Thường hay quán tưởng như thế, thì chẳng sinh tâm tham ái, trừ khử được tâm ái dục thì được giải thoát.

Được tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ, cụ túc trụ, tức là trụ ở trong bổn thể thanh tịnh, không, thức, hữu, tưởng, đều giải thoát, được diệt, thọ, tưởng, thân tu diệt, thọ, tưởng định, thức cũng sẽ diệt. Nhưng thức vẫn chưa diệt, thì tám vạn bốn ngàn kiếp sau cũng sẽ tái sinh, cho nên tuy nhiên có cảnh giới bốn Không Xứ mà sinh tử vẫn chưa dứt. Tứ thiền thêm bốn Không Xứ và thêm thọ diệt tưởng định, gọi là chín thứ đệ định. ‘’Tam muội‘’ là không tam muội, vô tướng tam muội, vô nguyện tam

muội. Thành tựu ba thứ tam muội nầy, thì thành không vô tướng nguyện.

''Mà tự vui sướng'': Tu hành được thiền duyệt vi thực, pháp hỉ sung mãn. ''Bèn được vô lượng an ổn khoái lạc'': Nhất là trong thiền định được vô lượng an ổn khoái lạc, được chân không Niết Bàn, vĩnh viễn lìa tất cả tai nạn lo âu.

Xá Lợi Phất ! Nếu có chúng sinh bên trong có trí tánh, theo Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận thọ trì, ân cần tinh tấn, muốn mau ra khỏi tam giới, tự cầu chứng Niết Bàn, đó gọi là Thanh Văn thừa. Như các người con đó, vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Phật bảo Xá Lợi Phất: ''Nếu có chúng sinh, bên trong có trí tánh, theo Phật Thế Tôn nghe pháp tin nhận'': Chúng sinh kiếp trước từng theo Phật nghe pháp và hay tin nhận, chẳng sinh nghi hoặc; tin nhận là văn huệ. ''Ân cần'' là tư huệ, thường suy gẫm. ''Tinh tấn'' là tu huệ. ''Muốn mau ra khỏi tam giới, tự cầu chứng Niết Bàn, đó gọi là Thanh Văn thừa, như các người con đó, vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.''

Nếu có chúng sinh theo Phật Thế Tôn, nghe pháp tin nhận thọ trì, ân cần tinh tấn,

cầu tự nhiên huệ, thích sống một mình ở chỗ vắng vẻ, biết rõ nhân duyên của các pháp, đó gọi là Bích Chi Phật thừa, như các người con kia, vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sinh nghe pháp tin nhận thọ trì chẳng nghi, tín tâm phát xuất từ nội tâm, do đó:

''Mình ăn thì mình no,
Sinh tử của mình tự mình dứt''.

Người khác không thể thay thế bạn sinh tín tâm, phải tự mình sinh tín tâm. ''Ân cần tinh tấn, cầu tự nhiên huệ, thích sống một mình chỗ vắng vẻ'': Thích tu hành một mình. ''Biết rõ nhân duyên của pháp'': Biết rõ mười hai nhân duyên thành Bích Chi Phật thừa. ''Như các người con kia, vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa'': Dùng xe hươu dụ cho Bích Chi Phật thừa, có Phật ra đời thì gọi là Duyên Giác, chẳng có Phật ra đời thì gọi là Độc Giác. Bích Chi Phật là tự chứng tự liễu.

Nếu có chúng sinh, theo Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận thọ trì, ân cần tinh tấn, cầu Nhất thiết trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, tri kiến lực, vô sở úy của Như Lai, thương xót vì sự an vui của vô lượng chúng

sinh, làm lợi ích cho trời người, độ thoát tất cả chúng sinh, đó gọi là đại thừa. Bồ Tát cầu thừa nầy, nên gọi là Ma ha tát, như các người con kia, vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sinh theo Phật nghe pháp, tâm sinh niềm tin thọ trì, ân cần tinh tấn, cầu ''nhất thiết trí'': Cầu trí biết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, ''Phật trí'' là trí huệ mà một số chúng sinh không thể có, ''tự nhiên trí'', ''vô sư trí'' đều là trí huệ đại viên mãn giác của Phật, ''tri kiến lực, vô vô sở úy của Như Lai'': Sự biết của Như Lai là Nhất thiết chủng trí, sự thấy của Như Lai là mắt Phật, ''lực'' là mười lực, ''vô sở úy'' là bốn vô sở úy, Phật phát tâm đại từ bi, thương sót sự an vui của chúng sinh, lợi ích trời người, độ thoát tất cả chúng sinh, đó gọi là Bồ Tát đại thừa, nên gọi là Ma Ha Tát (đại). Như các người con kia vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

Xá Lợi Phất ! Như ông trưởng giả kia, thấy các người con ra khỏi nhà lửa được an ổn, đến nơi chẳng sợ hãi, tự nghĩ của cải giàu vô lượng, đều đem xe lớn mà cho các con. Như Lai cũng như thế, là cha của tất cả chúng sinh. Nếu thấy vô lượng ức ngàn

chúng sinh, do cửa Phật giáo mà ra khỏi đường hiểm khổ sợ hãi của tam giới, thì Phật khiến cho họ được sự an vui của Niết Bàn.

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất, đức Như Lai như ông trưởng giả giàu có, thấy các người con ra khỏi nhà lửa được yên ổn, ông trưởng giả tức nhiên có của cải vô lượng, bèn bình đẳng ban tặng cho các con xe trâu trắng lớn. Giống như Phật thấy vô lượng chúng sinh, vì nghe Phật pháp mà tin nhận hộ trì, được lìa khỏi khổ, đường hiểm trong tam giới, thì Phật khiến cho chúng sinh đắc được sự vui của thường lạc ngã tịnh.

Bấy giờ, đức Như Lai bèn nghĩ : Ta có vô lượng vô biên trí huệ lực vô sở úy .v.v... các kho tàng Phật pháp. Các chúng sinh đó đều là con của ta, đều bình đẳng ban cho đại thừa, chẳng khiến có người được diệt độ riêng, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ. Những chúng sinh đó thoát khỏi tam giới, Phật đều ban cho sự vui sướng thiền định giải thoát của chư Phật.

Đức Thích Ca Như Lai lúc đó nghĩ như vầy : Ta có vô lượng vô biên trí huệ, mười lực, bốn vô sở úy, mười

tám pháp bất cộng. ‘’Các kho tàng Phật pháp‘’: Như bốn đế, sáu độ, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy đạo phẩm. .v.v. Các chúng sinh đó đều là con của ta, đều bình đẳng ban cho xe lớn. ‘’Dùng sự diệt độ của Như Lai, mà diệt độ‘’: Chẳng thiên lệch về lý không, khiến cho các chúng sinh thoát khỏi tam giới, Phật đều ban cho thiền định giải thoát tam muội Phật thừa, dùng giải thoát thiền định khoái lạc làm vui sướng, ở trong đó có thể được lạc thú vô cùng.

Đều là một tướng một thứ mà các bậc Thánh khen ngợi, hay sinh vui tịnh diệu bậc nhất.

‘’Một tướng‘’ là thật tướng. Thật tướng đại biểu pháp thân đức, một trong ba đức. Ở trên đã nói rõ ba mươi bảy đạo phẩm, sáu độ, bốn đế, mười hai nhân duyên, bây giờ dùng ba đức để kết thúc phẩm ví dụ, cho nên nói đều là một tướng, tức cũng là thật tướng. Thật tướng là vô tướng, vô sở bất tướng, tất cả vạn vật có hình tướng, đều từ thật tướng mà ra, chân không tức diệu hữu, diệu hữu tức chân không, thật tướng là pháp thân đức của Phật. ‘’Một thứ‘’ (nhất chủng) tức là Nhất thiết chủng trí, là Bát Nhã đức. ‘’Mà các bậc Thánh khen ngợi, hay sinh vui tịnh diệu bậc nhất‘’: Là giải thoát đức, pháp nầy mới được chư Phật khen ngợi, hay sinh vui thanh tịnh vi diệu, lìa cả khổ tức được giải thoát.

Xá Lợi Phất ! Như ông trưởng giả kia, ban đầu dùng ba xe, để dẫn dụ các người con, sau đó chỉ cho một thứ xe lớn, có các báu vật trang nghiêm, an ổn bật nhất, nhưng ông trưởng giả đó chẳng có lỗi hư dối.

Phật bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất ! Phật giống như ông trưởng giả kia, ban đầu dùng pháp môn phương tiện, nói ngoài cửa có xe dê, xe hươu, xe trâu, để ở ngoài cửa, gạt dụ các con ra khỏi nhà lửa, đến được nơi yên ổn, thì ông trưởng giả giàu có của cải vô lượng, mới ban cho các con mỗi người một chiếc xe trâu trắng lớn, xe có báu vật trang trí nghiêm sức, an ổn bậc nhất, ai nấy đều được xe lớn, do đó ông trưởng giả chẳng có lỗi nói dối.

Như Lai cũng như thế, chẳng có nói dối, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sinh, sau đó chỉ dùng đại thừa mà độ thoát. Tại sao ? Vì Như Lai có vô lượng trí huệ lực vô sở úy, các kho tàng Phật pháp, hay ban cho tất cả chúng sinh pháp đại thừa, nhưng thọ dụng chẳng hết được.

Xá Lợi Phất ! Do nhân duyên đó, nên biết chư Phật vì sức phương tiện, nơi một Phật thừa, mà phân biệt nói ba thừa.

Như Lai Thế Tôn cũng như ông trưởng giả kia, dùng pháp quyền xảo phương tiện dẫn dắt chúng sinh, ban đầu nói Thanh Văn thừa, kế nói Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa, ba thừa, để dẫn dắt chúng sinh. Ba tạng giáo thuộc Thanh Văn thừa, biệt giáo thuộc Duyên Giác thừa, Viên Giáo thuộc Bồ Tát thừa. Cuối cùng mới nói thật tướng diệu lý Kinh Pháp Hoa, pháp môn viên đốn là diệu pháp đại thừa, độ thoát chúng sinh. Vì sao ? Đức Phật vốn có vô lượng vô biên trí huệ, có Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, lại có mười lực, bốn vô sở úy, tất cả pháp môn, ban đầu đã có thể ban cho chúng sinh pháp môn đại thừa, song chẳng phải tất cả chúng sinh đều tiếp thọ được. Như ban đầu nói Kinh Hoa Nghiêm, mà người nhị thừa có mắt chẳng thấy Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo lý viên đốn, thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, như điết như mù, chẳng những không tiếp thọ được, mà đối với đạo lý bên trong họ cũng chẳng thông đạt được.

Có một số người nghĩ, người nhị thừa còn chẳng hiểu Kinh Hoa Nghiêm, huống gì chúng ta căn tánh đâu có bằng người nhị thừa, làm sao mà lãnh hội được Kinh Hoa Nghiêm ? Ban đầu đức Phật thành Phật, thì trên thế gian vốn chẳng có Phật, cho nên con người không thể tiếp

thọ đạo lý quá thâm áo. Bây giờ ai cũng biết có Phật pháp, biết rõ có đại thừa tiểu thừa, tự tính của chúng ta vốn đã trồng xuống hạt giống đại thừa, cho nên bây giờ nghe được Phật pháp đại thừa.

Phật lại bảo Xá Lợi Phất, vì chúng sinh không thể hoàn toàn tiếp thọ diệu lý đại thừa, ông nên biết, mười phương chư Phật và Phật Thích Ca đều dùng pháp môn quyền xảo phương tiện nầy, chỉ một Phật thừa nầy mà nói thành ba thừa. Kỳ thật, chẳng có ba thừa, vì căn tánh chúng sinh mà nói ba thừa, mục đích cuối cùng là : Hy vọng chúng sinh sớm thành Phật đạo.

Đức Phật muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói bài kệ rằng :

Ví như ông trưởng giả
Có một ngôi nhà lớn
Nhà đó đã lâu đời
Mà lại cũ hư nát.
Phòng nhà cao nguy hiểm
Trụ cột lại gãy mục
Nóc nhà đều nghiêng ngã
Nền móng đã hư nát.
Tường vách đều sụp đổ
Bùn đất rơi rớt xuống

Tranh lợp rơi tả tơi
Kèo đòn tay trật khớp.
Bốn phía đều cong vạy
Đầy dẫy những dơ uế
Có đến năm trăm người
Thảy đều ở trong đó.
Chim si, hưu, điêu, thứu
Quạ, chim thước, cưu, cáp
Ngô công và du diên
Loài thủ cung, bá túc.
Dứu ly cùng hề thử
Các loài độc trùng dữ
Đuổi nhau chạy ngang dọc
Đại tiểu tiện hôi thối.
Chảy đầy đồ bất tịnh
Các độc trùng bọ hung
Bu đậu ở trên đó
Cáo sói và dã can.
Liếm nhai dày đạp lên
Cắn xé những thây chết
Xương thịt bừa bãi ra

Do đó các bầy chó.
Tranh nhau đến giành ăn
Ốm đói rất sợ sệt
Khắp nơi tìm món ăn
Giành giựt cấu xé nhau.
Gầm gừ gào sủa rên
Nhà đó rất đáng sợ
Những cảnh trạng như thế
Khắp nơi thảy đều có.
Quỷ lị mị, vọng lượng
Dạ Xoa các ác quỷ
Ăn nuốt cả thịt người
Các loài trùng dữ độc.
Những cầm thú hung ác
Ấp cho bú sản sinh
Đều tự giấu gìn giữ.

Phật từ bi thương xót, sợ chúng sinh chẳng minh bạch đạo lý bên trong, cho nên dùng kệ để thuật lại nghĩa trường hàng ở trên.

Kệ có bốn chữ, sáu chữ, hoặc bảy chữ, đủ loại. Dùng kệ để thuật lại đạo lý ở trên, hoặc chưa nói rõ, lại phải dùng kệ để nói: ‘’Ví như ông trưởng giả, có một ngôi

nhà lớn‘’: Bao quát dục giới, sắc giới, và vô sắc giới ba cõi, là một ngôi nhà lớn. Ba cõi không yên, giống như nhà lửa. Như thân thể của chúng ta có bài kệ rằng :

‘’Thân người như một căn nhà,
Miệng làm cửa lớn mắt làm cửa sổ,
Tứ chi như bốn cột trụ,
Đầu tóc ví như tranh lợp nhà,
Tùy thời siêng tu bổ,
Đừng để ngã sập nguy nan.’’

Thân con người như một căn nhà, phải thừa lúc thân thể còn khoẻ mạnh, thì nên siêng năng tham thiền đả tọa, lạy Phật, tụng Kinh, trì Chú. Một đời chỉ được lúc siêng năng, một năm chỉ được vào mùa xuân, một ngày chỉ được vào lúc sáng sớm. Sáng sớm nên thức dậy vào khoảng bốn giờ, rửa mặt rồi thì nên ngồi thiền, vì sáng sớm trời đất vạn vật đều yên tĩnh, lúc nầy ngồi thiền rất dễ tương ưng với đạo.

Ngồi thiền xong rồi, lễ Phật là vận động tốt nhất, khiến cho máu huyết lưu thông, lạy Phật rồi thì tụng Kinh, khiến cho hô hấp hơi thở điều hòa, sau đó thì trì Chú, trong tâm tĩnh lặng là kim cang trì Chú, làm hết tất cả rồi, thì bắt đầu làm việc.

‘’Nhà đó đã lâu đời‘’: Tam giới từ vô thủy đến nay, vẫn tồn tại nên gọi là lâu đời. ‘’Mà lại cũ hư nát‘’: Dụ cho thân người sẽ suy già, các bộ phận làm việc cũng suy yếu.

‘’Phòng nhà cao nguy hiểm‘’: ‘’Phòng‘’ dụ cho sắc giới, ‘’nhà‘’ dụ cho dục giới, ở trong tam giới dễ mất đi thân người. Trong tam giới sẽ đọa lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, bất cứ lúc nào nên gọi là ‘’nguy hiểm‘’. ‘’Trụ cột lại gãy mục‘’: ‘’Trụ cột‘’ dụ cho hai chân người, như trụ cột chống đỡ thân thể. ‘’Gãy mục‘’ tức sinh già bệnh chết bốn tướng biến đổi, từ nhỏ đến lớn, lớn rồi thành già, già rồi chết. ‘’Nóc nhà đều nghiêng ngã‘’: Dụ cho lưng của chúng ta đã cong. ‘’Nền móng đã hư nát‘’ ý nói thân thể này tạo nghiệp cuối cùng sẽ tan rã. ‘’Tường vách đều sụp đổ, bùn đất rơi rớt xuống‘’: Dụ cho da của con người đã nhăn nheo, da như bùn đất biến hoại. ‘’Tranh lợp rơi tả tơi‘’: ‘’Tranh lợp‘’ là cỏ tranh dùng để lợp mái nhà, dụ cho tóc, tóc đều đã rụng tả tơi. ‘’Kèo đòn tay trật khớp‘’: ‘’Kèo đòn tay‘’ dụ cho gân cốt, gân cốt đã trật khớp. ‘’Bốn phía đều cong vạy, đầy dẫy những nhơ uế‘’: Tức ruột non ruột già trong thân thể cong vạy, đầy dẫy phân đồ vật phế thải nhơ uế.

Thân thể con người do bốn đại hòa hợp mà thành, thân thể tan rã thì bốn đại phân tán, đất, nước, gió, lửa đều trả về. Mỗi người nên nhận rõ đời người, đừng vì thân nầy mà làm nô lệ, chẳng biết giác ngộ. Tôi từng nói:

‘’Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm,
Trước trừ thiếu niên sau trừ già,
Thời gian khoảng giữa chẳng là bao,
Lại có một nửa thời gian ngủ‘’.

Con người mới sinh ra, đến mười tuổi thì quá nhỏ, chẳng làm được gì, quá sáu mươi tuổi thì đã già, cũng chẳng còn hữu dụng, thời gian khoảng giữa còn có một nửa ngủ nghỉ, thật tế đời người thời gian làm chẳng bao nhiêu, ở trên là chân lý đời người, thấy được chân lý đời người, thì thân tâm có chỗ ký thác.

''Có đến năm trăm người, thảy đều trong đó'': Tức là năm đường chúng sinh (cõi trời, cõi người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), ở trong nhà lửa tam giới nầy.

''Chim si hưu, điêu, thứu'': Chim si hưu là chim bất hiếu, mới sinh ra thì ăn thịt mẹ của chúng. Chim mẹ bị con ăn, đó là vì quả báo, vì nó đời trước bất hiếu với cha mẹ, cho nên đời nầy bị con ăn thịt. ''Chim si'' dùng chuộc làm thức ăn. Người Tàu cho rằng thấy được loài chim nầy, là điềm chẳng cát tường, chim nầy cũng gọi là mèo đầu ưng, do đó có câu: ''Mèo hoang vào nhà, thì chẳng việc gì mà không xảy đến''. Cho nên ai ai cũng đều ghét loài chim nầy. Con người nếu tự tôn tự đại, ở nhà bất hiếu với cha mẹ, thì quả báu sẽ đầu thai làm chim si hưu. ''Điêu thứu'' : Đều dùng động vật chết làm thức ăn, những loài chim nầy lúc sinh tiền làm người, thì háo cao vụ viễn, chẳng có việc gì thành tựu, chẳng cống hiến gì cho đời, vì họ háo cao vụ viễn nên đầu thai làm phi cầm.

''Chim si, hưu, điêu, thứu, quạ, thước, cưu, cáp'': Hết thảy tám loài chim nầy, dụ cho mạn trong năm độn sử : Tham, sân, si, mạn, nghi, những loài chim nầy, kiếp trước làm người thì cậy thế hiếp người, hoặc cậy tiền của,

hoặc cậy tài cán, hoặc cậy trí huệ, coi mình cao siêu mà khinh khi người khác. ''Điêu'' là một thứ chim thân hình to, hay bay rất cao, mỏ màu đỏ, dùng động vật nhỏ như thỏ, gà, làm thức ăn. ''Thứu'' thân màu vàng, thường ăn vật hũ nát như động vật đã chết sình. ''Quạ'' là quạ đen là chim hiếu nhưng tính kiêu ngạo. ''Thước'' là chim khách, thân nửa trắng nửa đen. Người Tàu cho rằng chim khách là chim cát tường, gặp chim khách bay đến, tức là có điềm cát tường, có tin vui, cho nên ai ai cũng đều thích chim nầy. ''Cưu'' loài chim nầy chẳng ăn trùng mà ăn lương thực. ''Cáp'' tự cho mình là đẹp nhất, tính đa tình. Tám loài chim ở trên là dụ cho cống cao ngã mạn. Có tám thứ kiêu ngạo :

1. ''Si'' dụ cho ỷ mạnh kiêu ngạo.

2. ''Hưu'' dụ cho tính kiêu ngạo, lúc làm người thì cậy mình sinh vào gia đình sang trọng.

3. ''Điêu'' dụ cho giàu kiêu ngạo, tự cho rằng mình giàu hơn người khác.

4. ''Thước'' dụ cho tự tại kiêu ngạo, cảm thấy mình vô câu vô thúc, vô quái vô ngại, cứ ăn vật hư hoại, mà tự cho rằng đó là tu khổ hạnh, cảm thấy rất tự tại, kì thật chỉ là khổ hạnh vô ích mà thôi.

5. ''Quạ'' dụ cho thọ mạng kiêu ngạo, tuy thọ mạng chẳng dài lắm, song tự cảm thấy thọ lâu dài, cho nên có thọ mạng kiêu ngạo.

6. ''Thước'' dụ cho thông minh kiêu ngạo.

7. ‘’Cưu‘’ dụ cho làm thiện kiêu ngạo, lấy sự ăn chay mà tự kiêu ngạo.

8. ‘’Cáp‘’ dụ cho sắc đẹp kiêu ngạo.

Tám thứ kiêu ngạo ở trên, dụ cho mạn sử trong năm độn sử, tức là thường có tâm ngã mạn, tự cho mình hơn bất cứ ai.

‘’Ngoan, xà, phúc, hiết, ngô công, du diên‘’: ‘’Ngoan’’ là rắn đen rất độc. ‘’Xà‘’ độc khí rất lợi hại. ‘’Phúc‘’ thân rộng ba tấc, dài từ ba đến bốn tất, hình như con nhện, đầu như ngón tay cái của người, cũng là một thứ rắn độc. ‘’Hiết‘’ cũng là một loài trùng có nọc độc. ‘’Ngô công‘’ đầu màu đỏ, đầu chẳng phải màu đỏ tức là ‘’du diên ‘’ là loài trùng rất độc. ‘’Ngoan, xà, phúc, hiết, ngô công, du diên‘’ đều dụ cho ‘’sân‘’ ở trong năm độn sử, sân rất độc, cho nên không nên có tâm sân hận.

‘’Thủ cung, bá túc‘’: ‘’Thủ cung’’ tức là ‘’hà diên’’, ở trong tường vách gọi là ‘’thủ cung’’, ở dưới biển gọi là ‘’hà diên’’. Truyền thuyết thời xưa của Tàu, hoàng đế nhốt phi tần vì bất trung với vua, có hành vi chẳng tốt, thì dùng máu của loài ‘’thủ cung’’ bôi lên cánh tay của phi tần, nếu phi tần hạnh trong sạch, thì máu chẳng mất đi, cho nên thứ trùng nầy gọi là ‘’thủ cung’’. ‘’Bá túc’’ là loài rếp, có rất nhiều chân dài đến ba bốn tất, màu đen rất độc.

‘’Dứu, ly, hề thử‘’: ‘’Dứu’’ là một thứ động vật thân dài ba thước, nếu gặp chó hoang tập kích, thì thân

phóng ra mùi thối để thoát thân, khỏi bị chó cắn. Thứ động vật nầy có cái đuôi lớn, người thường dùng lông đuôi của nó để làm bút lông. Trung Quốc có hồ tiên và huỳnh tiên, ''dứu'' là huỳnh tiên, thân màu vàng, sống lâu khoảng một ngàn năm, thân biến thành màu đen là đã sống đến một vạn năm, thân mà biến thành màu trắng thì thành tiên. Sống khoảng một trăm năm thì sẽ có thần thông. ''Ly'' là một thứ mèo hoang, chuyên bắt gà vịt để ăn. ''Hề thử'' còn gọi là cam khẩu hề, là một loài chuột. Mấy loài động vật ở trên là dụ cho ''si'' ở trong năm độn sử. ''Thủ cung, bá túc'' là loài chẳng có trí tuệ, dụ cho độc đầu vô minh. ''Dứu, ly, hề thử'' dụ cho tương ưng vô minh.

''Các loài độc trùng dữ, đuổi nhau chạy ngang dọc'': Mấy loài độc trùng vừa nói ở trên, là dụ cho độc đầu vô minh và tương ưng vô minh, là ác tướng ở trong tam giới, đó đây đuổi nhau chạy ngang chạy dọc.

''Đại tiểu tiện hôi thối, chảy đầy đồ bất tịnh'': Dụ cho con người bề ngoài trang điểm đẹp đẽ, nhưng thân thể bên trong rất bẩn thỉu hôi thối, nhưng con người vẫn ngu si chấp trước túi da hôi thối nầy, xem là của báu. Độc trùng ở trên là dụ cho sự ngu si của con người. Con người ở chỗ bất tịnh, tham trước đồ bất tịnh mà chẳng biết, mà những vật bất tịnh nầy chảy đầy dẫy khắp nơi.

''Các độc trùng khương lương, bu đậu ở trên đó'': ''Khương lương'' là loại bọ hung sống ở trong phân bò, nó vẫn vui vẻ tự đắc, thậm chí dùng phân để cúng Phật,

nhưng vì thành tâm, nên Phật cũng từ bi nạp thọ. Vì nó hay cúng Phật, nên đời sau được chuyển làm thân người, nhưng đời trước nghiệp chướng quá nặng, dù được sinh làm người, nhưng bị điếc, câm, ngu si, hạ liệt. Loài bọ hung sống ở trong đống phân, nếu bạn muốn nó di chuyển đến hũ dầu thơm, thì nó chẳng thể thích ứng mà chết. Chúng ta là người học Phật pháp, phải học đạo lý chân chánh, đừng giống như loài bọ hung, sống ở trong đống phân, vẫn chẳng biết tỉnh giác.

''Cáo sói và dã can'': ''Cáo'' tức là hồ ly, hồ ly tinh khiến cho con người ý loạn tình mê. Người Tàu thường dùng hồ ly tinh, dụ cho phụ nữ bại hoại, thường dụ hoặc đàn ông. Thiên tính của hồ ly đa nghi. Trời mùa đông nước đóng thành băng, hồ ly đi trên băng, mỗi bước đều lóng nghe, nếu chẳng có tiếng động gì, thì băng đóng dày chắt, có thể đi được, cho nên nói hồ ly đa nghi. ''Sói'' tính hung ác, tướng mạo như chó. Khi tôi ở núi Không Thanh tại Nam Kinh, thì một đêm nọ, từ Long đầm trên đường về gặp một bầy sói, chúng đi cạnh bên tôi, nhưng chẳng tập kích tôi, tôi bèn vì chúng mà thọ quy y, cho nên trong số đệ tử của tôi, cũng có hơn hai mươi con sói làm đệ tử. ''Dã can'' là tạp giống của hồ ly, hồ ly đã thông minh, mà dã can còn thông minh hơn hồ ly, chúng ở vùng ven núi, hoặc khu rừng cây cao, chúng thường phát ra tiếng rất đặc biệt quái lạ, khiến cho người nghe phải khiếp vía, và những thú khác chẳng dám đến gần.

‘’Liếm nhai dày đạp lên‘’: Có thức ăn ít, thì từ từ liếm nhai, còn nếu có thức ăn nhiều, thì chẳng biết tiếc mà dày đạp lên.

‘’Cắn xé những thây chết, xương thịt bừa bãi ra‘’: Dùng tay xé xác chết ra ăn, vứt bỏ bừa bãi. ‘’Do đó các bầy chó, tranh nhau đến giành ăn‘’: Bầy chó cũng đến tranh ăn xương thịt, chẳng nhường nhịn nhau.

‘’Ốm đói rất sợ sệt‘’: Chẳng hiểu Phật pháp là đói, pháp thân chẳng viên mãn là ốm, một số người chưa nghe Phật pháp, đều có thể gọi là ốm đói.

‘’Khắp nơi tìm thức ăn‘’: Bầy chó cùng nhau tranh giành xương thịt, dụ cho tham trong năm độn sử.

‘’Giành giựt cấu sé nhau’’: Phát ra lời lẽ tranh cãi thị phi.

‘’Gầm gừ gào sủa rên‘’: Trợn mắt mà nhìn là gừ, há mồm nhe răng ra để thị uy là gầm, kêu lớn tiếng là gào sủa, những thứ nầy dụ cho nghi trong năm độn sử .

‘’Nhà đó rất đáng sợ, những cảnh trạng như thế‘’: Trong nhà năm uẩn cảnh trạng rất đáng sợ.

Từ khi bắt đầu bài kệ đến đây, là nói về năm độn sử : Tham, sân, si, mạn, nghi, những thứ nầy chi phối, khiến cho con người điên đảo thị phi, khó mà tự cứu. Cho nên tu đạo phải trừ khử năm độn sử nầy.

‘’Khắp nơi thảy đều có, quỷ lị mị vọng lượng, Dạ xoa các ác quỷ, ăn nuốt cả thịt người‘’: ‘’Khắp nơi’’ là nói tam giới : Dục giới, sắc giới và vô sắc giới, cũng có thể nói là thân của con người. Ba cõi đều đầy dẫy Dạ xoa, ác

quỷ, lị, mị, vọng lượng, hoặc trong năm dục đầy dẫy sắc thọ tưởng hành thức, hoặc bốn đế đều đầy dẫy lị mị vọng lượng. ''Lị'' là sơn tinh, là quỷ quái ở trong núi. ''Mị'' là yêu quái cứ làm việc quái đảng ở trong nhà, tức quỷ mị. ''Vọng lượng'' là tinh quái do cây, hoặc đá hóa thành, ngón tay của con người chảy máu nhỏ lên đá, thì đá mượn tinh khí của con người mà biến thành tinh quái. ''Vọng lượng'' là to lớn như núi cao, ban đêm mới xuất hiện, đến khi gà gáy quấy nhiễu mới ẩn mất. Lị mị là quỷ nhỏ bé cao khoảng ba thước, rất nhỏ so với vọng lượng, quỷ Vọng lượng cao ba bốn trượng cho đến ba bốn mươi trượng. ''Lị, Mị, Vọng lượng, Dạ xoa, ác quỷ'' đều dụ cho năm lợi sử, năm lợi sử khiến cho con người điên đảo, chấp trước làm việc hồ đồ :

1. Thân kiến: Chấp trước thân thể của mình, chú trọng trang điểm túi da hôi thúi nầy, nhận lầm thân giả nầy làm ''chân ngã''. Kì thật, thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể mới là ''chân ngã'', tức tánh Như Lai tạng, cũng đều là chân ngã. Chân ngã thì chẳng sinh chẳng diệt, chẳng sạch chẳng dơ, chẳng tăng chẳng giảm. Người tu hành nên nhớ đừng nhận giả làm chân, phải trừ khử ''thân kiến'', nhìn thấu buông xả.

2. Biên kiến : Chấp đoạn, chấp thường, đây là tri kiến của ngoại đạo, hoặc cho rằng người chết như đèn tắt, bác vô nhân quả, hoặc cho rằng người như cây cỏ, sinh thì tự sinh, chết thì tự chết, tức là đoạn kiến. Thường kiến là sinh thì làm người, đời đời kiếp kiếp đều làm người, sinh

rồi chết, chết rồi lại sinh làm người. ''Biên'' tức chẳng hợp với trung đạo, cường từ đoạt lý.

3. Giới cấm thủ kiến : Là một thứ giới luật của ngoại đạo tu, chẳng phải nhân cho là nhân, chẳng phải quả cho là quả, họ dối gạt tu khổ hạnh vô ích, thì có thể được Niết Bàn. Kì thật, là có những bàng môn tả đạo, vì khổ hạnh mà được thiên nhãn thông, thấy súc sinh được sinh về cõi trời, bèn học theo sinh sống tập quán của loài súc sinh, tu hành những pháp môn, ví như : Giới bò, họ cho rằng : Sở dĩ bò được sinh về cõi trời, đều vì dùng cỏ làm thức ăn, cho rằng ăn cỏ là trai giới trong sạch nhất, cho nên giữ giới bò, cũng dùng cỏ làm thức ăn. Kẻ giữ giới chó, thì cho rằng chó vì người trông giữ cửa, thì có công lao, cho nên hành động và làm theo như chó. Đó là những giới bò, giới chó, của ngoại đạo. Vì tu những khổ hạnh vô ích như vậy, cũng có thể sinh về cõi trời, tức trong Kinh Pháp Hoa có nói : ''Ly địa nhất xích nhị xích''. Ly địa nhất xích, tức sinh về cõi dục giới, ly địa nhị xích, thì sinh về cõi sắc giới. Đó là giới tu của ngoại đạo, song có sự chấp trước, chẳng phải tịnh giới vô lậu của nhà Phật. Còn có một thứ ngoại đạo, lấy heo làm mô phạm, nằm trên đất, dùng tro bôi khắp thân thể, dạy người chẳng nhận ra mặt mũi của họ. Còn có một thứ ngoại đạo, ngủ ở trên giường đinh, cho rằng bị đinh đâm lủng da cũng chẳng sợ, là sự khổ hành khó hành. Còn có một thứ khổ hạnh, dùng dây thừng treo ngược thân thể mà ngủ. Còn có một thứ khổ hạnh, dùng bùn đất làm thức ăn, cho

rằng đó mới là sinh sống thiên nhiên. Đó đều là giới cấm thủ, thực hành những khổ hạnh vô ích.

4. Tà kiến : Là tri kiến ngược lại với chánh đạo. Ví như người tu đạo, nên hiếu thuận với cha mẹ, nhưng người tà kiến cho rằng : Sinh dưỡng con cái là bổn phận của cha mẹ, cho nên chẳng hiếu thuận với cha mẹ. Chánh đạo chủ trương chẳng sát sinh, còn họ thì cổ lệ sát sinh. Trộm cắp thì chẳng hợp pháp, nhưng họ dạy người đi trộm cắp. Tà dâm là hành vi bất chánh, nhưng họ dạy người tà dâm. Người không nên nói láo, nhưng họ dạy người nói dối. Người tà kiến thì phản đối việc ăn chay, cho rằng ngựa, bò, dê, các loài súc sinh là trời sinh ra cho con người ăn thịt, hà tất làm hại vật của trời ! Nói tóm lại, kẻ tà kiến thì tất cả tri kiến đều ngược lại với chánh đạo.

5. Kiến thủ kiến : Thấy vật bên ngoài thì sinh tâm ích kỉ, muốn chiếm làm của riêng mình. Năm lợi sử ở trên che lấp trí huệ chân chánh của con người.

Cho nên người học Phật, phải dùng kiếm trí huệ chặt đứt năm lợi sử, mới có thể vượt ra ba cõi. Đó là nói sơ lược về năm lợi sử, nếu nói tỉ mỉ thì nói chẳng hết được.

Vì sao bò, chó, heo, gà, các loài súc sinh có thể sinh về cõi trời ? Vì bò cày ruộng, làm việc cho chủ, nên có công, cho nên có thể sinh về cõi trời. Chó trung thành với chủ, cứu chủ lập công, cho nên có thể sinh về cõi trời, mà chẳng biết rõ nhân duyên chúng được sinh về trời, hiểu lầm sự sinh về trời, nên học hành vi tập quán hằng

ngày của chúng. Người tu đạo phải có mắt chọn pháp, biết rõ thị phi, lựa thiện mà theo.

''Dạ xoa các ác quỷ'': Dụ cho tà kiến của năm lợi sử, như Dạ xoa ác quỷ hành sự ở trong bóng tối. ''Thịt người'' dụ cho thiện báo, người làm lành thì được thiện báo.

''Nuốt cả thịt người'' dụ cho kẻ tà kiến bác nhân quả, dẫn dắt kẻ khác làm những việc bại hoại.

''Các loài trùng dữ độc, các cầm thú hung ác''. Tức ở trên đã nói những loài trùng độc và cầm thú.

''Ấp cho bú sản sinh'': ''Ấp'' trứng do ấp mà sinh, ''bú'' là thai sinh, ''đều tự giấu gìn giữ'': Dụ cho nhân quả thế gian chẳng mất đi.

Quỷ Dạ xoa đua đến
Tranh giành lấy món ăn
Ăn xong no nê rồi
Tâm ác nổi hăng lên.
Tiếng chúng đánh cãi nhau
Thật rất là hãi hùng
Loài quỷ Cưu bàn trà
Ngồi xổm trên đống đất.
Hoặc có lúc hỏng đất
Một thước hoặc hai thước

Dạo đi qua đi lại
Buông lung chơi đùa giỡn.
Cầm nắm hai chân chó
Đánh cho la thất thanh
Lấy chân đạp trên cổ
Khủng bố chó để vui.

‘’Quỷ Dạ xoa đua đến, tranh giành lấy món ăn‘’: Dạ xoa là một loài quỷ hành động rất nhanh nhẹn, cùng nhau tranh giành lấy thức ăn, vì thức ăn thì ít, mà quỷ Dạ xoa thì nhiều, chẳng đủ phân chia, cho nên chúng tranh giành lấy thức ăn. Dụ cho bác vô nhân quả.

‘’Ăn xong no nê rồi‘’: Dụ cho tà kiến thành tựu.

‘’Tâm ác nổi hăng lên‘’: Dụ cho tà kiến tăng trưởng.

‘’Tiếng chúng đánh cãi nhau, thật rất là hãi hùng‘’: Do đó có câu :

‘’Tranh là tâm hơn thua,
Trái ngược lại với đạo,
Tâm sinh ra bốn tướng,
Sao đắc được tam muội‘’.

Tranh là tâm hơn thua, trái ngược với đạo, khởi tâm tranh thì sinh ra : Tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh và tướng thọ mạng. Sinh ra bốn tướng nầy, làm sao được tam muội ? Dụ cho tà luận bác vô nhân quả, thật là

đáng sợ. Lại dụ cho một số người nghe tà luận, bị mê hoặc mà tạo nghiệp, đọa vào ba đường ác, rất khó ra được.

''Loài quỷ Cưu bàn trà'': Hình như quả dưa, chẳng có tay, chẳng có chân, gọi là quỷ yểm mị, thường đè trên người khi họ ngủ, khiến cho họ nghẹt thở, thậm chí có thể làm cho người chết. Dụ cho giới cấm thủ kiến trong năm lợi sử.

''Ngồi xổm trên đống đất'': Dụ cho sáu cõi trời dục giới. Ngoại đạo giữ giới bò, chó, gà, heo, y theo giới tu mười điều thiện, thì được sinh về sáu cõi trời dục giới (Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Xuất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại).

''Hoặc có lúc hỏng đất, một thước hoặc hai thước'': ''Hoặc'' nghĩa là chẳng quyết định. Ngoại đạo y theo giới tu hành đắc được tứ thiền, sinh về cõi trời sắc giới tức ''hỏng đất một thước'', y theo giới tu tứ không định, được sinh về cõi trời vô sắc giới, tức ''hỏng đất hai thước''.

''Dạo đi qua đi lại'': ''Đi'' dụ cho sinh về cõi sắc giới, vô sắc giới. ''Qua lại'' dụ cho sinh về cõi dục giới. Dụ cho con người như hạt bụi, lúc cao lúc thấp, lúc lên lúc xuống, ở trong nhà lửa tam giới, tạo nghiệp thiện thì được sinh về cõi trời; tạo nghiệp ác thì đọa địa ngục, làm ngạ quỷ, hoặc súc sinh. Con người do nghiệp dẫn dắt.

''Buông lung chơi đùa giỡn'': Dụ cho người chẳng minh bạch chân lý, thì chẳng đắc được sự vui cứu kính, những gì có được, đều là khoái lạc giả, chẳng thật.

‘’Cầm nắm hai chân chó, đánh cho la thất thanh‘’: Quỷ Dạ xoa cầm hai chân chó, đánh và ném đi nơi xa. Dụ cho ngoại đạo vọng tưởng, tu khổ hạnh để mong thành tựu đạo nghiệp. Thật ra, giữ giới bò, giới chó, giới heo, đều là khổ hạnh vô ích, khổ hạnh ngoại đạo chẳng phải nhân cho là nhân.

‘’Lấy chân đạp trên cổ‘’: Dụ cho ngoại đạo chẳng phải quả cho là quả. Cho rằng hành khổ hạnh, thì có thể được khoái lạc Niết Bàn.

‘’Khủng bố chó để vui‘’: Quỷ Dạ xoa làm cho chó kinh hãi sủa bậy để làm vui thích. Dụ cho được vị thiền, chứng đắc Ly hỉ diệu lạc địa (sơ thiền).

Lại có các loài quỷ
Thân chúng dài to lớn
Trần truồng rất xấu đen
Thường ở luôn trong đó.
Phát ra tiếng hung ác
Kêu la tìm thức ăn
Lại có các loài quỷ
Cổ chúng nhỏ như kim.
Lại có các loài quỷ
Đầu chúng như đầu trâu
Hoặc là ăn thịt người

Hoặc lại ăn thịt chó.
Đầu tóc rối tung lên
Tàn ác rất hung hiểm
Bị đói khát bức bách
Kêu la chạy đuổi theo.

''Lại có các loài quỷ'': Ngoại trừ quỷ Dạ xoa ra, còn có các loài quỷ khác. ''Thân chúng dài to lớn, trần truồng rất đen xấu, thường ở luôn trong đó'': Dụ cho thân kiến trong năm lợi sử. Thân của chúng đầy dẫy trong tam giới, cho nên nói là ''dài'', khắp đầy năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) cho nên nói là ''to lớn''.

Tự giác mãn túc, chẳng hổ thẹn, chẳng tu pháp lành, cho nên gọi là ''trần truồng''. Vì tội ác khắp mình, cho nên gọi là ''đen''. Chẳng có đức hạnh nên gọi là ''xấu''. ''Thường ở luôn trong đó'': Thường ở trong ba cõi chẳng cầu thoát ra. ''Phát ra tiếng hung ác'': Dụ cho kẻ ngoại đạo tu chấp nặng tướng ta, tu đủ thứ khổ hạnh. ''Kêu la tìm thức ăn'': Dụ cho ngoại đạo vọng tưởng chấp trước cái ta mà được Niết Bàn.

''Lại có các loài quỷ, cổ chúng nhỏ như kim'': Có loài quỷ bụng to như trống, cổ nhỏ như kim, dụ cho ''kiến thủ '' trong năm lợi sử, nhận lầm rằng cảnh giới Trời Phi Phi Tưởng Xứ là Niết Bàn. Trời Phi Phi Tưởng Xứ sống lâu đến tám vạn đại kiếp, hết tuổi thọ thì sẽ đọa lạc.

''Lại có các loài quỷ, đầu chúng như đầu trâu'': Dụ cho biên kiến.

''Hoặc là ăn thịt người'': ''Thịt người'' dụ cho căn lành, dụ cho đoạn kiến, thường kiến, dứt căn lành xuất thế.

''Hoặc lại ăn thịt chó'': Dụ cho dứt căn lành thế gian.

Căn lành xuất thế là gì ? Là siêng tu giới định huệ, tức diệt tham sân si, đầy đủ bốn đế, mười hai nhân duyên, lục độ vạn hạnh, hết thảy các công đức, đó là căn lành xuất thế. Căn lành thế gian là giữ năm giới. Thực hành mười điều lành : Không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, đó là năm giới; chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, không tham, không sân, không si, không nói lời thêu dệt, không nói dối, không chưởi mắng, không nói hai chiều, đó là mười điều lành. Người có đoạn kiến, thường kiến, thì sẽ dứt mất căn lành thế gian và xuất thế gian.

''Đầu tóc rối tung lên'': Dụ cho ngoại đạo. ''Chẳng thường mà nói thường'' : Cho rằng sinh làm thần thì vĩnh viễn là thần; sinh làm người thì vĩnh viễn là người; sinh làm súc sinh thì vĩnh viễn chẳng thay đổi. Ngoại đạo cũng có lý luận sai lầm, một khi chết thì vĩnh viễn diệt hẳn. Những lý luận nầy hoàn toàn sai lầm, chẳng hợp với trung đạo, mâu thuẫn lẫn nhau cho nên nói ''đầu tóc rối tung lên''.

‘’Tàn ác rất hung hiểm‘’: Dụ cho thường kiến, phá chân lý vô thường, còn đoạn kiến thì phá chân lý nhân duyên.

‘’Bị đói khác bức bách, kêu la chạy đuổi theo‘’: ‘’Đói khác’’ là đói khác trí huệ, người tu đạo phải có thức ăn trí huệ và uống thiền định; chẳng nghe Kinh thì chẳng có thức ăn trí huệ; chẳng ngồi thiền thì chẳng uống thiền định, cho nên nói ‘’bị đói khác bức bách’’. ‘’Kêu la’’ dụ cho diễn xướng tà luận đoạn kiến, ‘’chạy đuổi theo’’ dụ cho sinh tử không ngừng, ở trong sáu nẻo luân hồi.

Dạ xoa cùng quỷ đói
Các chim muôn ác độc
Đói quá chạy bốn bề
Rình xem các cửa sổ.
Các nạn như vậy đó !
Vô lượng việc ghê sợ
Vì nhà hư mục đó
Thuộc về nơi một người.
Người đó vừa ra khỏi
Thời gian chưa bao lâu
Về sau ngôi nhà đó
Lửa bổng nhiên nổi lên.

‘’Dạ xoa cùng quỷ đói, các chim muôn ác độc‘’: Dụ cho phiền não năm lợi sử và năm độc sử trong dục giới. Chúng sanh dục giới đều là hữu lậu, nên chẳng biết tu đạo, càng không thể được từ vị thiền duyệt.

‘’Đói quá chạy bốn bề‘’: Dụ cho ngoại đạo tu tà quán, chẳng biết lĩnh ngộ được chân lý, mà họ ngưỡng mộ đạo quả và thiền vị.

‘’Rình xem các cửa sổ, các nạn như vậy đó, vô lượng việc ghê sợ’’: Các nạn như thế, thật là đáng hãi hùng.

‘’Vì nhà hư mục đó‘’: Dụ cho ba cõi vô thủy cố hữu chẳng an ổn.

‘’Thuộc về nơi một người’’: Phật dùng ứng thân vào ba cõi giáo hóa chúng sinh. Từ khi Phật phát tâm cho đến khi thành Phật, trải qua ba đại A Tăng kỳ kiếp, Ngài phát vô lượng vô biên thệ nguyện: Nguyện độ tất cả chúng sinh liễu sinh thoát tử. Cho nên, chúng ta là Phật giáo đồ, nên phát vô lượng vô biên đại thệ nguyện, độ tất cả chúng sinh. Phật giáo đồ nên độ cha mẹ tin Phật, nếu độ được cha mẹ tin chân lý, thì mới là hiếu thuận chân chánh, sau đó độ anh chị em hiểu rõ chân lý, xa lìa tà tri kiến. Đức Phật thành Phật rồi, còn phải đến cung trời Đao Lợi vì mẹ mà nói Kinh Địa Tạng, đủ thấy đức Phật thành Phật rồi, vẫn không quên độ mẹ của Ngài.

‘’Người đó vừa ra khỏi, thời gian chưa bao lâu, sau đó ngôi nhà đó, lửa bỗng nhiên nổi lên’’: Đức Phật giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh hàng

phục được năm trược, hoàn thành tất cả nghiệp hoặc, Phật mới vào Niết Bàn. Phật vào Niết Bàn rồi, thì tất cả chúng sinh năm trược lại hiện. Cũng có thể dụ cho chúng sinh được Phật giáo hóa, đã được vô minh pháp nhẫn, do đó có câu:

''Các lậu đã sạch,
Phạm hạnh đã vững,
Việc làm đã xong,
Chẳng còn sinh tử ''.

Chẳng còn sinh vào ba cõi nữa, nên nói là ''ra khỏi''. Tuy Phật đã thành Phật, ra khỏi ba cõi nhưng Phật vẫn nương thuyền từ bi trở lại thế giới nầy, để giáo hóa chúng sinh. ''Về sau ngôi nhà đó, lửa bỗng nhiên nổi lên'': ''Nhà'' dụ cho năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, lửa năm uẩn thiêu hủy ba cõi.

Bốn phía cùng một lúc
Lửa ngọn cháy hừng hực
Mái nóc và cột kèo
Tiếng nổ vang lách tách.
Đổ gãy rơi rớt xuống
Tường vách đều sụp đổ.

''Bốn phía'' dụ cho bốn niệm xứ. Sau khi Phật vào Niết Bàn, thì tất cả người tu đạo, Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni,

đều y theo bốn niệm xứ mà trụ. Bốn niệm xứ: Thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, và pháp niệm xứ.

1. Quán thân bất tịnh : Quán thân, thọ, tâm, pháp, đều bất tịnh.

2. Quán thọ là khổ : Quán thân, thọ, tâm, pháp, đều khổ.

3. Quán tâm vô thường : Tâm niệm luôn thay đổi, nên gọi là vô thường, quán thân, thọ, tâm, pháp, đều vô thường.

4. Quán pháp vô ngã : Quán thân, thọ, tâm, pháp, đều chẳng có cái ta. Tu bốn niệm xứ trước hết tu :

1. Quán bất tịnh, để phá trừ chấp cái ta, mượn cái giả tu cái thật.

2. Quán thọ là khổ, có ba sự khổ, tám sự khổ và vô lượng sự khổ.

3. Quán tâm vô thường.

4. Quán pháp chẳng có ngã. ‘’Cùng một lúc’’ dụ cho năm trược, tám sự khổ, bốn điên đảo, cùng một lúc sinh ra. Bốn điên đảo là bốn sự thấy điên đảo của ngoại đạo : Chẳng thường nói là thường, chẳng vui nói là vui, chẳng phải ngã nói là ngã (cái ta), chẳng tịnh nói là tịnh (thường, lạc, ngã, tịnh bốn đức Niết Bàn).

‘’Lửa ngọn cháy hừng hực‘’: Bốn điên đảo, năm trược, tám khổ cùng nhau tương trợ, cho nên nói là lửa ngọn cháy hừng hực.

‘’Nóc mài và cột kèo‘’: Dụ cho xương cốt chi trì thân thể.

‘’Tiếng nổ vang lách tách‘’: Mạng sống mà hết là ‘’nổ’’, dụ cho mạng sống chấm dứt.

‘’Đổ gãy rơi rớt xuống, tường vách đều sụp đổ‘’: Hơi thở chấm dứt là ‘’đổ gãy’’, dụ cho lúc lâm chung thì bốn đại giải tán, đất, nước, gió, lửa đều trở về bổn thể của nó.

Các loài quỷ thần thảy
Đều lớn tiếng kêu to.
Các loài chim điêu thứu
Cùng quỷ Cưu bàn trà
Hoảng sợ chạy tán loạn
Vẫn chẳng chạy ra được.
Thú dữ và trùng độc
Ẩn núp trong hang lỗ
Loài quỷ Tỳ xá xà
Cũng đều ở trong đó.
Vì phước mỏng đức ít
Nên bị lửa bức bách
Lại tàn hại lẫn nhau
Uống máu và ăn thịt.

‘’Các loài quỷ thần thảy‘’: Dụ cho năm độn sử và năm lợi sử.

‘’Đều lớn tiếng kêu to‘’: Các loài quỷ thần thấy căn nhà bỗng nhiên nổi lửa, tường ngã nhà sập, nên hoảng hốt kêu to.

‘’Các loài chim điêu, thứu, cùng quỷ Cưu bàn trà, hoảng sợ chạy tán loạn, vẫn chẳng tự ra được‘’: Dụ cho ba cõi chẳng dễ gì thoát ra, phải nhờ sự giúp đỡ của Phật Pháp Tăng mới ra được.

‘’Thú dữ và trùng độc, ẩn núp trong hang lỗ‘’: ‘’Hang lỗ’’ dụ cho sắc giới.

‘’Loài quỷ Tỳ Xá Xà, cũng đều ở trong đó‘’: Quỷ ăn tinh khí cũng ở trong cõi sắc giới.

‘’Vì phước mỏng đức ít, nên bị lửa bức bách‘’: Vì phước đức mỏng cạn, cho nên thường nóng giận. Người thường nóng giận là do đức hạnh chẳng đủ, nóng giận như bị lửa thiêu. Dụ cho ba cõi chẳng yên, bị bốn điên đảo, tám sự khổ bức bách.

‘’Lại tàn hại lẫn nhau‘’: Trong cõi sắc giới nhàm chán cõi thấp, thích cõi cao hơn, ví như ở cõi sắc giới thì nhàm chán cõi dục giới, thích sinh về cõi vô sắc; người ở cõi trên thì chẳng thích cõi dưới, cho nên ‘’Lại tàn hại lẫn nhau’’.

‘’Uống máu và ăn thịt‘’: ‘’Uống máu’’ dụ cho chúng sinh cõi sắc, và cõi vô sắc mặc nhiên chấp trước, chẳng nói năng với nhau. ‘’Ăn thịt’’ dụ cho chúng sinh cõi sắc, và cõi vô sắc chấp trước công đức.

Những loài thú dã can
Thảy đều đã chết trước
Các loài thú dữ lớn
Giành nhau đến ăn nuốt.
Mùi tanh loan khắp nơi
Đầy dẫy cả bốn bề
Loài ngô công do diên
Cùng với loài rắn độc.
Đều bị lửa thiêu đốt
Tranh nhau ra khỏi hang
Loài quỷ Cưu bàn trà
Bèn bắt lấy mà ăn.

''Những loài thú dã can, thảy đều đã chết trước'': ''Dã can'' dụ cho lòng tham của dục giới. Đã sinh về cõi sắc giới, nên đã lìa khỏi lòng tham của dục giới.

''Các loài thú dữ lớn, tranh nhau đến ăn nuốt, mùi tanh loan khắp nơi, đầy dẫy cả bốn bề'': Các loài thú dữ lớn'' dụ cho lòng tham ở cõi sắc giới, có thể nuốt trựng sự tham ở cõi dục giới, có cảnh giới thiền vị, nên dụ cho mùi tanh. Cũng cùng chung: Thân, thọ, tâm, pháp, và bốn đại, nên nói ''đầy cả bốn bề''.

‘’Loài ngô công, do diên, cùng với loài rắn độc, đều bị lửa thiêu đốt, tranh nhau ra khỏi hang‘’: Dụ cho cõi vô sác. Cõi vô sắc cao hơn cõi sắc một tầng, người tu đạo sinh về cõi vô sắc, thì nhàm chán cõi sắc, vì cõi sắc còn có hình tướng có thể thấy, chúng sinh cõi sắc bị hình tướng giới hạn, vẫn còn tướng thô về sự khổ, ở cõi sắc bị tám sự khổ, năm uẩn thiêu đốt, cho nên muốn thoát khỏi cõi sắc, để sinh về cõi vô sắc.

‘’Đều bị lửa thiêu đốt, tranh nhau ra khỏi hang‘’: ‘’Hang’’ dụ cho trời sắc giới, ‘’ra khỏi hang’’ dụ cho trời cõi vô sắc, đến cõi vô sắc, thì định lực càng tiến thêm một bước. Đến cõi trời vô sắc, thì trời cõi sắc diệt, cho nên dùng ‘’loài quỷ Cưu Bàn Trà, bèn bắt lấy mà ăn’’ làm dụ.

‘’Loài quỷ Cưu bàn trà‘’ dụ cho gốc năm độn sử, và năm lợi sử, đều có thể được vô sắc định, nhưng trong văn nói chấp trước năm độn sử, nhàm chán trời cõi sắc, mà muốn lên cõi vô sắc, năm lợi sử đã chứng được vô sắc giới, cho nên nhàm chán trời cõi sắc, cho nên nói rằng : ‘’Loài quỷ Cưu Bàn Trà, bèn bắt lấy mà ăn’’.

Lại có các ngạ quỷ
Trên đầu bị lửa thiêu
Đói khát nhiệt não hành
Hoảng hốt chạy tán loạn.

Ngạ quỷ bụng to như trống, cổ nhỏ như kim, cho nên khó mà no nê được. Trên đầu bị lửa thiêu đốt, đói

khát nóng bức hành hạ, nên chạy tán loạn khắp nơi chẳng có mục đích. ''Ngạ quỷ'' dụ cho Trời Tứ Không Xứ (Trời Không Vô Biên Xứ, trời Thức Vô Biên Xứ, trời Vô Sở Hữu Xứ, trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ).

Trời Tứ Không tuy đã không, nhưng vẫn có thức, chưa dứt sinh tử, chưa được vô lậu ẩm thực, như là loại ngạ quỷ chưa được vô lậu ẩm thực, tuy ở trên đỉnh ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc), nhưng vẫn chưa dứt sinh tử, bị vô thường thiêu đốt, cho nên nói ''trên đầu bị lửa thiêu''. Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng sống lâu đến tám vạn đại kiếp, hưởng hết phước trời thì vẫn phải đọa lạc, bị lửa vô thường thiêu đốt, chẳng ăn được thức ăn chánh đạo, nên nói là ''đói'', chẳng uống được nước từ nhuận trợ đạo, nên nói là ''khát''. Chúng sinh ở cõi trời Tứ Không Xứ, tuy là cao nhất trong ba cõi, vẫn có tám sự khổ vi tế bức bách, tám sự khổ vẫn tồn tại ở trong ruộng bát thức, cho nên nói là ''nhiệt'', vẫn có các hoặc vi tế : Kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc. Kiến hoặc là thấy cảnh sinh tham ái. Tư hoặc là mê lý khởi phân biệt. Trần sa hoặc là Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, phải thông đạt các pháp môn nhiều như hạt cát, hạt bụi, bằng không tự tại giáo hóa tức là trần sa hoặc. Vô minh hoặc là chẳng rõ thị phi, nhận giả làm thật, vì có các hoặc nên nói là ''não''. Chúng sinh ở cõi Tứ Không Xứ vẫn còn sinh tử, chẳng muốn thoát ra, nên nói là ''Hoảng hốt chạy tán loạn''.

Nhà đó là như thế
Thật là rất hãi hùng
Độc hại và nạn lửa
Nhiều nạn chẳng phải một.
Lúc đó ông chủ nhà
Đang đứng ở ngoài cửa
Nghe có người nói rằng :
Các người con của ông.
Trước kia vì dạo chơi
Đến vào trong nhà nầy
Thơ bé chẳng biết gì
Ham chơi vui đùa giỡn.
Ông trưởng giả nghe rồi
Hoảng sợ vào nhà lửa.

''Chủ nhà'' tức là đức Phật, Phật đang đứng ở ngoài cửa, nghe có người nói, các người con của ông, trước kia vì dạo chơi, đến vào trong nhà đó, thơ bé chẳng biết gì, ham vui chơi đùa giỡn. Ông trưởng giả nghe rồi, hoảng sợ vào nhà lửa. Phật đã chứng được pháp thân, cho nên nói ''đang ở ngoài cửa''. ''Đứng'' tức là Phật thường tồn tâm đại bi, muốn cứu chúng sinh, cho nên chẳng trụ tòa đệ nhất nghĩa không.

‘’Nghe có người nói rằng‘’: Dụ cho tam muội, Phật được pháp tam muội, quán căn cơ mà bố thí pháp.

‘’Các người con của ông‘’: Tất cả chúng sinh trong năm đường. ‘’Trước kia vì dạo chơi, đến vào trong nhà đó‘’: Tất cả những chúng sinh nầy, mới phát tâm thì cầu ra khỏi nhà lửa, nhưng chưa được ba bất thối chuyển (vị, niệm và hạnh bất thối), vẫn còn kiến hoặc và tư hoặc. Tất cả chúng sinh tánh vốn thanh tịnh, vì vô minh vọng tưởng chấp trước mà tiếp nối sinh tử, cho nên dụ cho ‘’trước kia vì dạo chơi’’.

‘’Thơ bé chẳng biết gì‘’: Tức tu hành chưa viên mãn, bị kiến hoặc, tư hoặc, vô minh hoặc ràng buộc.

‘’Ham vui chơi đùa giỡn‘’: Sinh vào trong ba cõi chẳng biết ra khỏi, lầm cho rằng thế giới nầy vui vẻ khoái lạc.

‘’Ông trưởng giả nghe rồi, hoảng sợ vào nhà lửa‘’: Dụ cho Phật thương xót chúng sinh, phải vào trong nhà lửa để độ, giáo hoá chúng sinh.

Dùng phương tiện cứu tế
Khiến con khỏi thiêu hại.
Mà dụ bảo các con
Nói các thứ hoạn nạn
Các quỷ và độc trùng
Nạn lửa cháy lan tràn.

Các sự khổ thứ lớp
Liên tục mãi không dứt
Loài rắn độc ngoan phúc
Và các quỷ Dạ xoa.
Cùng quỷ Cưu bàn trà
Loài dã can, chồn chó
Chim điêu, thứu, xi, hưu
Và loài bá túc thảy.
Đều đói khát khổ sở
Thật rất là đáng sợ
Đây là chỗ khổ nạn
Lại còn có lửa lớn
Các người con chẳng biết
Tuy nghe cha dạy bảo.
Vì còn ham vui chơi
Đùa giỡn mãi không thôi.

''Dùng phương tiện cứu tế'': Lúc bấy giờ, đức Phật muốn dùng pháp đại thừa cứu độ hết thảy chúng sinh.

''Khiến con khỏi thiêu hại'': Muốn cho chúng sinh khỏi bị lửa năm uẩn thiêu đốt.

''Mà dụ bảo các con, nói các thứ hoạn nạn'': Trong nhà lửa đầy dẫy hoạn nạn, cho nên trong Kinh có

nói: ''Ba cõi không an, giống như nhà lửa''. ''Ác quỷ, độc trùng'' dụ cho năm độn sử.

''Nạn lửa cháy lan tràn'': Lửa năm uẩn cháy lan tràn khắp nơi, thiêu hủy ba cõi.

''Các sự khổ thứ lớp'': Các sự khổ liên tục không dứt.

''Loài rắn độc ngoan phúc, và các quỷ dạ xoa, cùng quỷ cưu bàn trà, loài dã can chồn chó, chim điêu, si, hưu, và loài bá túc thảy'': Dụ cho năm độn sử và năm lợi sử.

''Đều đói khát khổ sở, thật rất là đáng sợ, đây là chỗ khổ nạn, lại còn có lửa lớn'': Vì chẳng ăn được thức ăn chánh đạo, chẳng uống được nước trợ đạo, cho nên bị đói khát, hoành hành khổ sở, thật rất là đáng sợ. Ba cõi có đủ thứ quái vật, và còn có lửa lớn thiêu đốt.

''Các người con chẳng biết'': Tất cả chúng sinh chẳng có căn tính đại thừa.

''Tuy nghe cha dạy bảo'': Tuy thường nghe lời ông trưởng giả dạy bảo.

''Vì còn ham vui chơi, đùa giỡn mãi không thôi'': Vẫn lưu lại ở trong đó đùa giỡn vui chơi.

Khi đó ông trưởng giả
Bèn nghĩ như thế nầy:
Các con ta như thế
Làm ta thêm sầu não
Nay trong nhà lửa nầy

Chẳng có điều gì vui.
Mà tất cả các con
Vẫn đam mê chơi đùa
Chẳng nghe lời ta dạy
Sắp bị lửa thiêu hại.
Ông trưởng giả lại nghĩ
Bày ra các phương tiện.

Lúc đó, Phật lại nghĩ thế nầy, các con ta như thế, càng làm cho ta thêm phiền não. Nguyện lực của Phật là độ chúng sinh, mà chúng sinh chẳng biết tỉnh ngộ, nên làm cho Phật thêm sầu não. Trong ba cõi, Phật chẳng có gì đáng lưu luyến, mà tất cả các người con say đắm lưu luyến ba cõi nầy.

Người đó ở trong ba cõi bị vô minh trói buộc, chẳng phát bồ đề tâm, chẳng tu bồ đề đạo, thậm chí cũng chẳng tin Phật. Tôi có một đệ tử, cha mẹ của y gần đây đến San Francisco, thấy con của họ từng đốt hương trên cánh tay, thì bất mãn. Hiện nay nhiều người điên đảo thị phi, vốn đốt hương cúng Phật, là một sự cúng dường đối với Phật, mà họ thấy con của họ đốt hương cúng Phật mà bất mãn. Người làm việc điên đảo, thì một số người hoan nghênh, song người muốn tu đạo học cho tốt thì thân thuộc phản đối, đó chẳng phải là điên đảo chăng. Gần đây có một đệ tử, y thấy tất cả sự vật đều đang di động. Khi

ánh sáng mặt trời chiếu xuống, thì có thể thấy hạt bụi chuyển động, y khai mở ngũ nhãn trước cảnh giới hiện tượng nầy, có lúc lại như mù, thậm chí cũng nhìn chẳng thấy, đó là hiện tượng ngũ nhãn muốn khai mở mà chưa khai mở. Nếu ai chấp trước về cảnh giới nầy, hoặc muốn được ngũ nhãn, hoặc chẳng muốn có cảnh giới nầy, nếu có phạm lỗi sai lầm, hoặc lo về việc vô ích, thì ngũ nhãn sẽ khép kín. Cho nên khai mỡ ngũ nhãn rồi, phải đầy đủ định lực, có định lực thì mới sinh trí huệ chân chánh.

''Chẳng nghe lời ta dạy, sắp bị lửa thiêu hại, ông trưởng giả lại nghĩ, bày ra các phương tiện'': Chúng sinh chẳng nghe lời Phật dạy bảo, e rằng sắp bị lửa thiêu đốt, thì Phật bèn suy nghĩ, tức chúng sinh chẳng thọ pháp đại thừa giáo hóa, thì cũng dùng pháp phương tiện quyền xảo để giáo hóa chúng sinh.

Mà bảo các con thảy
Ta có đủ các thứ.
Đồ chơi rất quý giá
Xe báu rất tốt đẹp
Nào xe dê xe hươu
Và xe trâu to lớn.
Nay để ở ngoài cửa
Các con mau ra đây
Ta chính vì các con

Tạo ra những xe nầy.
Tùy ý các con thích
Có thể đi dạo chơi
Các người con nghe nói
Các loại xe như thế.
Bèn lập tức dành nhau
Đua chạy ra khỏi nhà
Đến nơi chỗ đất không
Lìa khỏi các khổ nạn.

''Mà bảo các con thảy, ta có đủ các thứ, đồ chơi rất quý giá, xe báu rất tốt đẹp'': Bốn câu ở trên là khuyến chuyển.

''Nào xe dê xe hươu, và xe trâu to lớn, nay để ở ngoài cửa'': Là thị chuyển.

''Các con mau ra đây'': Là thị chuyển.

''Ta chính vì các con, tạo ra những xe nầy'': Tức là Phật đã chứng được Phật quả.

''Tùy ý các con thích, có thể đi dạo chơi'': Là chứng chuyển. Khuyến chuyển, thị chuyển và chứng chuyển, là ba lần chuyển bánh xe pháp bốn Diệu đế. Phật bảo các người con rằng : Ta có những đồ chơi thú vị, hơn những đồ các con đang chơi, nào là xe thượng thừa, xe dê, xe hươu, xe trâu trắng lớn, đang để ở ngoài cửa, các con

hãy mau ra ngoài cửa, ta vì các con mà dự bị những xe nầy, các con có thể tùy ý ngồi để đi dạo chơi khắp nơi.

''Các người con nghe nói'': Dụ cho văn huệ (huệ do nghe).

''Các loại xe như thế'': Dụ cho diệu pháp thượng thừa.

''Bèn lập tức giành nhau'': Dụ cho tư huệ và tu huệ (huệ do suy gẫm và huệ do sự tu hành).

''Đua chạy ra khỏi nhà'': Dụ cho kiến địa (đã chứng quả).

''Đến nơi chỗ đất trống'': Dụ cho đã chứng được tứ quả A La Hán, tức bậc vô học.

''Lìa khỏi các khổ nạn'': Đến bậc vô học thì đã dứt được phần đoạn sinh tử, nhưng biến dịch sinh tử chưa dứt được.

Ông trưởng giả thấy con
Được ra khỏi nhà lửa
Ở nơi ngã tư đường
Ngồi trên tòa sư tử.
Mà tự mừng nói rằng :
Nay ta rất vui mừng
Những người con nầy đây
Đẻ nuôi dưỡng rất khó.
Chúng nhỏ dại chẳng biết

Mà đi vào nhà hiểm
Nhiều các thứ độc trùng
Quỷ lị mị đáng sợ.
Lửa lớn cháy mãnh liệt
Bốn phía đều nổi dậy
Mà các người con nầy
Tham trước chơi đùa giỡn.
Ta đã cứu chúng nó
Khiến cho được thoát khỏi
Vì thế các người ơi !
Ta nay rất vui mừng.

''Ông trưởng giả thấy con, được thoát khỏi nhà lửa'': Dụ cho Phật thấy các con được ra khỏi nhà lửa tam giới.

''Ở nơi ngã tư đường'': Dụ cho bốn Diệu đế.

''Ngồi trên tòa sư tử'' Lúc đức Phật ngồi trên tòa sư tử.

''Mà tự mừng nói rằng, ta nay rất vui mừng'': Phật thấy các con thoát nạn nên rất vui mừng.

''Những người con nầy đây, đẻ nuôi dưỡng rất khó'': Dưỡng nuôi những đứa con nầy chẳng phải dễ.

''Chúng nhỏ dại chẳng biết, mà đi vào nhà hiểm'': Chúng nhỏ bé vô tri, nên đi vào nhà lửa.

‘’Nhiều các thứ độc trùng, quỷ lị mị đáng sợ, lửa lớn cháy mãnh liệt, bốn phía đều nổi lên‘’. Trong nhà lửa có trùng độc, quỷ lị mị, và bốn phía đều nổi lửa lên.

‘’Mà các người con nầy, tham trước chơi đùa giỡn, ta đã cứu chúng nó, khiến cho được thoát khỏi‘’: Các con tham luyến chơi đùa, mà ta đã cứu vớt chúng ra khỏi nhà lửa.

‘’Vì thế các người ơi, nay ta rất vui mừng‘’: Cho nên ta ở trong tất cả mọi người, ta là người khoái lạc nhất.

Nói tỉ mỉ về đoạn kinh văn ở trên: Ông trưởng giả tức là Đức Phật, trưởng giả có mười đức. ‘’Ngã tư’’ dụ cho bốn Diệu đế. Ba mươi người con, và năm trăm người, tức đã ra khỏi nhà lửa, đạt được bậc vô học, đã thấy rõ pháp bốn đế : Khổ, tập, diệt, đạo. Chúng sinh chưa được độ, thì Phật đứng ở ngoài cửa mà lo lắng cho chúng sinh đang ở trong nhà lửa. Vì Phật đủ tâm đại bi, nên chẳng nỡ bỏ chúng sinh, chỉ sợ chúng sinh đọa lạc ở trong tam giới. Nay chúng sinh đã thoát khỏi tai nạn, nên Phật chẳng còn gì lo lắng, mà yên tâm ngồi trên tòa sư tử. Lúc đó, đức Phật rất đỗi vui mừng. Trước kia Phật chưa gặp chúng sinh có đủ căn tính đại thừa, bây giờ giáo hóa chúng sinh tiểu thừa đã viên mãn, sẽ phải độ chúng sinh đại thừa, cho nên ngồi trên tòa sư tử. Chúng sinh đáng được độ, hết thảy chúng sinh nầy đều đã được độ, chúng sinh đại thừa đã thành Phật, cho nên :‘’Mà tự mừng nói rằng, ta nay rất vui mừng‘’.

''Những đứa con nầy đây, đẻ nuôi dưỡng rất khó'' : Dụ cho Phật giáo hóa chúng sinh chẳng dễ dàng. Chúng ta hằng ngày giảng Kinh thuyết pháp, hoằng dương Phật pháp, cũng chẳng dễ dàng. Các bạn ban đầu gặp Phật pháp, thì chẳng biết gì về Phật, bây giờ đã học Phật pháp được một năm, thì nửa tin nửa ngờ đối với Phật pháp, có thể thấy giáo hóa chúng sinh thật chẳng dễ dàng. Đức Phật ở chỗ ba vạn ức vị Phật, dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là ''đẻ'', căn bồ đề của những chúng sinh nầy, ở nơi hai vạn ức vị Phật đã sinh trưởng lớn lên.

Giảng Kinh thuyết pháp là trách nhiệm trọng đại, chẳng thể khinh xuất giảng bậy, nếu nói sai nghĩa Kinh, thì khiến cho người nghe lạc vào đường tà, quả báo của bạn sẽ đọa vào địa ngục. Thuở xưa, Đức Phật ở nơi ba vạn ức vị Phật, đã dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, trong đó có số ít chúng sinh thành thục, cho nên nói là ''nuôi dưỡng''. Đức Phật trải qua hết mọi sự gian khổ, trải qua kiếp số lâu xa, mới được tài bồi hạt giống đại thừa, căn cơ đại thừa, cho nên nói là ''rất khó''. ''Chúng nhỏ dại vô tri'' : Dụ cho căn lành của chúng sinh cạn mỏng, thường bị vọng tưởng che đậy.

Người thiếu trí huệ, mới sinh vào đời năm trược thọ quả báo, nên nói ''mà đi vào nhà hiểm''.

''Nhiều các thứ độc trùng, quỷ lị mị đáng sợ'': Dụ cho lợi sử và độn sử ở trong ba cõi.

''Lửa lớn cháy mãnh liệt, bốn phía đều nổi lên'': Dụ cho trong nhà lửa tam giới có tám sự khổ, bốn điên đảo (chẳng thường cho là thường, chẳng vui cho là vui, chẳng phải ngã cho là ngã, chẳng tịnh cho là tịnh.)

''Mà các người con nầy, tham trước chơi đùa giỡn'': Chúng sinh khởi kiến ái hoặc, chấp trước kiến ái, chẳng thể buông xả.

''Ta đã cứu chúng nó, khiến cho được thoát khỏi'': Phật đã cứu vớt chúng sinh lìa khỏi các khổ nạn.

''Vì thế các người ơi, nay ta rất vui mừng'': Cho nên ở trong tất cả mọi người, ta là người vui mừng nhất.

Khi đó các người con
Biết cha đã an tòa
Đều đến bên chỗ cha
Mà thưa với cha nói :
Xin ban cho chúng con
Ba thứ xe báu tốt
Như trước cha đã hứa
Các con mau ra đây.
Sẽ cho ba xe báu
Tùy ý muốn các con
Nay chính là phải thời
Xin cha hãy ba cho.

''Khi đó các người con, biết cha đã an tòa'': Lúc đó, các người con đã ra khỏi nhà lửa, thấy người cha đoan nhiên an tọa trên tòa sư tử, thừa lúc đó, đòi cha ban cho ba thứ xe báu, dụ cho Phật đang diễn nói đại thừa diệu pháp Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì:

''Đều đến bên chỗ cha, mà thưa với cha nói'': Các người con cung kính, đến trước chỗ người cha mà thưa rằng: ''Xin cha cho chúng con, ba thứ xe báu tốt, như trước cha đã hứa'': Dụ cho các người con còn chấp trước nơi pháp tiểu thừa, pháp trung thừa, là tâm còn hoài nghi đối với pháp đại thừa.

Với oai đức của Phật trụ thế thuyết pháp lâu như vậy, mà một số chúng sinh vẫn còn nghi hoặc, e rằng người thời nay, đối với đạo lý Kinh Pháp Hoa nửa tin nửa ngờ, chẳng đắc được tương ưng với lý của Phật, đều vì chẳng thâm nhập thấu hiểu chân chính, chẳng sinh niềm tin chân chính.

Hãy trừ khử tất cả tà tri tà kiến xưa kia, thì sẽ sinh niềm tin chân chánh.

''Các con mau ra đây, sẽ cho ba xe báu'': Các người con từ nhà lửa đi ra, sẽ dùng pháp ba thừa độ chúng sinh.

''Tùy ý các con muốn'': Phật từng nói pháp ba thừa, tùy sở thích của mỗi người mà được chứng quả.

Trong Kinh Pháp Hoa nói pháp ba thừa, là phương tiện pháp môn, tất định có pháp đại thừa để giáo hóa

chúng sinh, cho nên nói: ‘’Nay chính là phải thời, xin cha hãy ban cho‘’.

Ông trưởng giả giàu có
Có rất nhiều kho tàng
Nào vàng bạc lưu ly
Xa cừ và mã não.
Dùng các thứ báu vật
Tạo các cỗ xe lớn
Tu sửa nghiêm sức đẹp
Chung quanh có lan can.
Bốn phía đều treo linh
Dây vàng thắt với nhau.

‘’Ông trưởng giả giàu có’’: Dụ cho Phật là ông trưởng giả giàu có, chí tôn chí quý trong ba cõi, Phật là vị thái tử tại xứ Ấn Độ, có đức làm Chuyển Luân Thánh Vương mà xuất gia tu hành, đã tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, do đó có câu :‘’Tam giác viên, vạn đức bị‘’.

‘’Có rất nhiều kho tàng’’: ‘’Kho’’ là nơi dùng để chứa lương thực. ‘’Tàng’’ là bảo tàng, ẩn tàng ở dưới đất. Dùng ‘’kho’’ dụ cho sáu căn của con người, bên trong chứa tánh Như Lai tạng, cửa sáu căn hiển hiện tánh giác quý báu. ‘’Tàng’’ dụ cho tất cả vạn hạnh.

Dùng pháp lục độ trang nghiêm vạn hạnh, trong mỗi độ đều đầy đủ vạn hạnh, trong một hạnh cũng đầy đủ lục độ, cho nên lục độ vạn hạnh tức tương quan. Tất cả pháp đầy đủ tất cả hạnh, trong tất cả hạnh cũng đầy đủ tất cả pháp. Dùng vô lượng hạnh tu vô lượng pháp, dùng vô lượng pháp thành tựu vô lượng hạnh, cho nên nói: ''Có rất nhiều kho tàng''.

''Nào vàng, bạc, lưu ly, xa cừ và mã não'': Dụ cho bốn trí của Phật, như trân bảo vô giá. Bốn trí tức là:

- Đại viên cảnh trí,
- Bình đẳng tánh trí,
- Diệu quán sát trí,
- Thành sở tác trí.

''Dùng các thứ báu vật, tạo các cỗ xe lớn'': Trên thế gian có các báu vật màu sắc khác nhau, pháp của Phật cũng chẳng giới bạn nơi bốn trí, cũng có các thứ pháp khác nhau, như bảy Bồ đề phần, tám Chánh đạo, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc .v.v. Dùng đủ loại pháp môn thành đại thừa Phật pháp; pháp đại thừa là do tất cả các pháp thành tựu.

''Tu sửa nghiêm sức đẹp, chung quanh có lan can'': Dụ cho Đà La Ni. Đà la ni là tiếng Phạn, nghĩa là "tổng trì", tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Tổng quát pháp đại thừa tiểu thừa, vô lượng nghĩa trong tất cả các pháp đều ở hết trong đó. Đà la ni hay trừ khử tất cả các việc ác, làm tất cả việc lành.

‘’Bốn phía đều treo linh’’: Dụ cho bốn vô ngại biện.

‘’Dây vàng thắt với nhau’’: Dụ cho bốn hoằng thệ nguyện. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Bốn hoằng thệ nguyện đều bao quát tất cả chư Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác ở trong đó.

Hoằng thệ nguyện thứ nhất là: ‘’Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ’’: Phải thường suy nghĩ đã độ tất cả chúng sinh chưa ? Còn phải đạt tới cảnh giới độ như không độ. Đức Như Lai độ tất cả chúng sinh, mà chẳng có một chúng sinh diệt độ, nghĩa là đã độ chúng sinh như chưa độ, tức là độ chúng sinh mà chẳng chấp trước tướng độ chúng sinh; nhưng nếu chưa độ chúng sinh thì không thể tự nói đã độ.

Chúng sinh nhờ chúng duyên hòa hợp mà sinh, từ mười hai nhân duyên diễn biến mà thành người, con kiến cho đến vi khuẩn đều là chúng sinh. Chúng ta không nên tìm chúng sinh bên ngoài, trong tự tánh của con người đã có vô lượng chúng sinh. Hiện nay khoa học đã tiến bộ, có thể chứng minh trong thân thể con người có rất nhiều vi khuẩn và vi sinh vật, trong ngũ tạng lục phủ có vô lượng chúng sinh. Người ăn động vật cũng là chúng sinh, như : Thịt heo, thịt bò, thịt dê, thịt cá .v.v., trong những loại thịt đó, có rất nhiều vi khuẩn. Con người ăn những thứ thịt đó vào trong bụng, thì sẽ có những chủng tử vi khuẩn đó. Ăn

loại chúng sinh nào nhiều, thì thành quyến thuộc của loài đó, nhân duyên càng sâu dày, trói buộc chẳng thể phân ly. Người ăn thịt heo nhiều, thì có cơ hội sinh làm heo, người ăn thịt bò nhiều, thì có cơ hội sinh làm bò. Vậy ăn nhiều gạo có phải cũng biến thành gạo ? Gạo là vô tình, mà chúng sinh là hữu tình. Nếu ăn nuốt hữu tình chúng sinh, thì sẽ sinh làm hữu tình chúng sinh. Ăn vô tình chúng sinh, thì sẽ trợ giúp tăng trưởng pháp thân huệ mạng. Nếu ai chẳng ăn loài chúng sinh nào, tức là độ loài chúng sinh đó. ''Độ'' tức là độ qua biển khổ, lên bờ Niết Bàn bên kia. Nếu chúng ta minh bạch đạo lý bên trong của nó, thì không nên ăn thịt chúng sinh.

Trước kia có người ăn thịt, sau khi chết đến chỗ vua Diêm Vương, tất cả loại thịt chúng sinh mà anh ta đã ăn qua trước kia, đều đến đòi nợ với anh ta, Song, anh ta còn tự biện hộ cho mình nói: ''Tuy nhiên tôi ăn thịt, nhưng tội chẳng riêng mình tôi, tội do người bán thịt''. Do đó, vua Diêm Vương truyền kêu người bán thịt đến, thì người bán thịt cũng tự biện hộ: ''Sở dĩ tôi bán thịt là có người mua, nếu chẳng có người mua, thì tôi đâu có bán thịt ?'' Người bán thịt với người ăn thịt tranh luận với nhau, sau đó hai người đổ hết trách nhiệm lên ông đồ tể. Vua Diêm Vương lại kêu ông đồ tể đến, thì ông đồ tể cũng biện hộ nói: ''Tôi là đồ tể nhưng có người mua thịt, có người ăn thịt, nên tôi mới sát sinh. Nếu chẳng có ai mua, chẳng có người ăn, thì tôi đâu có sát sinh''. Do đó, ai cũng nói lý

của mình. Kết quả vua Diêm Vương mới phán quyết, người ăn thịt phải trả nợ máu. Có thể thấy ăn loài chúng sinh nào, thì kết duyên với loài chúng sinh đó, do đó có câu :

''Trong chữ thịt có hai người,
Người ở trong che đậy người ở ngoài,
Chúng sinh vẫn ăn thịt chúng sinh,
Suy gẫm kỹ thì người ăn người.''

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: Dê chết làm người, dê có thể làm người, thì heo bò cũng có thể làm người. Nếu chưa khai mở thiên nhãn thông, thì không thể quán sát được nhân duyên của nó, tức cho rằng heo là heo, dê là dê. Con người mà ăn thịt chúng sinh nhiều rồi, thì tánh giác vốn có sẽ mai một đi, biến thành ngu si.

Cho nên chúng ta muốn độ chúng sinh, trước hết phải giữ giới sát sinh, không ăn thịt chúng sinh. Nếu muốn độ chúng sinh, thì trước hết độ tự tánh chúng sinh. Độ sinh còn phải lìa tướng, chẳng chấp trước những gì có hình tướng.

Hoằng nguyện thứ hai là: ''Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn'': Phiền não của con người trong sự bất tri bất giác, sinh ra thì vô minh hiện tiền. Sinh phiền não thì sẽ thiêu sạch công đức pháp tài.

Hoằng nguyện thứ ba là: ''Pháp môn vô lượng thệ nguyện học''. Kinh Phật nhiều vô lượng, năm qua bạn học Kinh Lăng Nghiêm, năm nay học Kinh Pháp Hoa, Tâm

Kinh, Kinh Kim Cang, Kinh Địa Tạng, mỗi bộ Kinh đều có đạo lý khác nhau, nhiều như số cát sông Hằng, vô cùng vô tận. Trong Phật giáo có pháp đại thừa, pháp tiểu thừa, pháp bốn Diệu đế, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy đạo phẩm, có tám vạn bốn ngàn pháp môn, học một pháp môn, thì cần đến tám vạn bốn ngàn kiếp, hà huống tuổi thọ của một số người chỉ có ba vạn sáu ngàn ngày. Pháp môn chưa học hết thì đã chết mất. Song, tuy là học không hết cũng phải học. Trên thế gian có nhiều ngôn ngữ khác nhau, chẳng có ai biết hết các ngôn ngữ. Ngôn ngữ còn phức tạp nhiều như thế, huống chi là văn tự ? Văn tự thiên biến vạn hóa, thật chẳng dễ gì học. Trang tử có nói :

''Đời tôi thì có hạn, mà sự biết thì vô hạn''.

Dùng năm tuổi có hạn, học sự hiểu biết vô cùng tận, học chẳng hết được.

Học Phật pháp sao lại phải ngồi thiền ? Tức là học vô lượng Kinh điển trong tự tánh của chúng ta. Trong tự tánh của con người vốn có vô lượng pháp môn, mà con người bỏ gốc tìm ngọn, truy cầu bên ngoài, chẳng biết hồi quang phản chiếu. Trong Tâm Kinh có nói rằng : Hồi quang phản chiếu quán tự tại, tự tại tức sinh Bát Nhã, chiếu thấy năm uẩn đều không. Năm uẩn đều không, thì các pháp khác cũng không. Hằng ngày tĩnh tọa tức là hồi quang phản chiếu, phải siêng tu các pháp môn, không thể một ngày nóng mười ngày lạnh.

Hoằng thệ nguyện thứ tư là : ''Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành'': Phật đạo cao quý nhất trên thế gian. Thế Tôn là bậc chí tôn của thế gian và xuất thế gian. Thành Phật mới là chỗ về cứu kính của hết thảy chúng sinh, cho nên phải phát thệ nguyện thành Phật, cũng phải độ chúng sinh cùng thành Phật đạo. Tự tính chúng sinh thệ nguyện độ, tự tính phiền não thệ nguyện đoạn, tự tính pháp môn thệ nguyện học, tự tính Phật đạo thệ nguyện thành. Đừng cứ lo chuyện của thiên hạ, nào là: ''Họ không tốt, họ chẳng đúng'', đừng xem lỗi lầm của người khác, nên trừ khử sạch vọng tưởng ở trong tâm của chính mình, nên nhìn thấu buông xả đặng, chứng được trung đạo liễu nghĩa. Mỗi ngày đều bình thường yên ổn giữ trung đạo, thì sẽ có ngày khai ngộ, khai ngộ tức thành Phật. Bốn hoàng thệ nguyện rất quan trọng, cho nên trong kinh văn nói: ''Dây vàng kết thắt nhau''.

Mành lưới bằng chân châu
Giăng bày ở phía trên
Hoa vàng các chuỗi ngọc
Khắp nơi thòng rũ xuống.
Xen tạp lụa nhiều màu
Giăng khắp chung quanh xe
Dùng bông tơ mềm mại
Để làm nệm nằm ngồi.

Vải mịn tốt thượng hạng
Giá trị đến nghìn muôn
Tốt đẹp trắng sạch sẽ
Dùng trải ở trên nệm.
Có trâu trắng to lớn
Mập khỏe nhiều sức mạnh
Thân hình rất đẹp đẽ
Dùng để kéo xe báu.
Rất nhiều kẻ tôi tớ
Đi theo hầu bảo vệ
Đem xe báu đẹp đó
Đồng ban cho các con.

''Mành lưới bằng chân châu'': Dụ cho từ bi của Phật.

''Giăng bày ở phía trên'': Dụ cho Phật có đại từ bi, phổ độ tất cả chúng sinh.

''Hoa vàng các anh lạc'': Dụ cho bốn pháp nhiếp:

1. Bố thí, nên thành tâm bố thí, chẳng phải bố thí một cách miễn cưỡng. Vì tất cả chúng sinh đều có tham cầu, do đó:

''Muốn khiến vào Phật trí,
Trước dùng câu dục móc''.

Hành Bồ Tát đạo phải bố thí.

2. Ái ngữ, bất cứ nói lời gì, cũng đều khiến cho người vui vẻ, khiến cho ai ai cũng đều thích nghe.

3. Lợi hành, làm tất cả những gì, cũng đều có lợi cho người khác.

4. Đồng sự, muốn độ người nào đó, thì trước hết phải kết giao với họ.

''Khắp nơi thông rũ xuống'': Biểu thị chẳng có nơi nào mà chẳng độ, khắp nơi đều hành bốn pháp nhiếp.

''Xen tạp lụa nhiều màu'': Lụa nhiều màu dùng để trang sức xe báu nầy.

''Giăng khắp chung quanh xe'': Trên xe trang nghiêm rất tốt đẹp.

''Dùng bông tơ mềm mại, để làm nệm nằm ngồi. Vải mịn tốt thượng hạng, giá trị đến ngàn muôn'': Dụ cho quán chiếu trí huệ.

''Tốt đẹp trắng sạch sẽ, dùng trải ở trên nệm'': Chẳng làm tất cả điều ác tức là ''tốt đẹp trắng'', nghĩa là tu thân thì trước hết phải giữ gìn giới luật.

''Có trâu trắng to lớn'': Dụ cho trí huệ vô lậu.

''Mập khỏe nhiều sức lực, thân hình rất tốt đẹp'': Dụ cho đầy đủ tất cả vạn pháp.

''Dùng để kéo xe báu'': Tức là dùng trí huệ vô lậu tu Phật pháp đại thừa.

''Rất nhiều kẻ tôi tớ, theo đi hầu bảo vệ'': Dụ cho phương tiện Ba la mật. Pháp phương tiện chính là trợ giúp

pháp đại thừa; tu hành trí huệ vô lậu phải cần có các pháp môn khác trợ giúp. Tu trí huệ vô lậu, mà có tâm niệm tham, tức là hữu lậu, có tâm sân tức hữu lậu, có tâm si tức hữu lậu, có tâm kiêu mạn, tâm nghi ngờ, tà kiến cũng đều là hữu lậu. Trước hết phải trừ khử tham, sân, si, mạn nghi, lìa tất cả tập khí mao bệnh, mới có thể được trí huệ vô lậu. Ngoại đạo và hàng nhị thừa, đều dùng pháp phương tiện nầy. ''Tôi tớ'' cũng có thể dụ cho thần thông, có thể tùy ý mà dùng.

''Đem xe báu đẹp đó'': Y theo pháp đại thừa tu hành, thì tương lai sẽ chứng quả vị Phật.

Các người con lúc đó
Rất vui mừng hớn hở
Ngồi lên xe báu đó
Vui chơi rất khoái lạc
Rất tự tại vô ngại.

Chúng sinh nghe pháp đại thừa, đắc được cảnh giới đại thừa, diệu pháp không thể nghĩ bàn, diệu không thể tả, mà vui mừng hớn hở. Y chiếu theo pháp đại thừa tu hành, thì sẽ thông đạt tất cả Phật pháp, như pháp: Bốn Diệu đế, pháp Lục độ, mười hai Nhân duyên, bốn Vô lượng tâm, bốn Vô ngại biện, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, đầy đủ các pháp, lấy pháp làm món ăn tinh thần, rất tự tại vô ngại.

Phật bảo Xá Lợi Phất !
Ta cũng lại như thế
Chí tôn trong bậc Thánh
Là cha của thế gian.
Tất cả các chúng sinh
Đều là con của ta
Say đắm vui thế gian
Chẳng có tâm trí huệ.
Ba cõi chẳng yên ổn
Giống như là nhà lửa
Đầy dẫy sự thống khổ
Thật là đáng sợ hãi.
Thường có khổ sinh già
Bệnh chết và sầu lo
Các thứ lửa như thế
Cháy hừng hực chẳng tắt.

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất ! Ta cũng giống như ông trưởng giả, là bậc chí tôn trong hàng Thánh, là cha của tất cả chúng sinh thế gian. Tất cả chúng sinh đều là con của ta. Song, chúng sinh đều chấp trước vào sự vui của thế gian, lấy khổ làm vui, mất đi trí huệ. Thật ra, ba cõi không an như nhà lửa cháy, ba sự khổ, tám sự khổ,

các thứ khổ đầy dẫy, rất dễ đọa lạc vào ba đường ác, cho nên rất là đáng sợ.

Trẻ con mới sinh ra thì khóc oa oa, trẻ con vừa chào đời như rùa sống lột mai, khi chết đi thì như bò sống lột da, về già thì tất cả cơ năng trong thân thể đều suy yếu, đến khi chết thì bác sĩ cũng bó tay. Khổ sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh, các thứ khổ thiêu đốt. Nghiệp lực của chúng sinh ngày càng sâu nặng, cho nên lửa càng cháy mạnh, chẳng ngừng nghỉ.

Như Lai đã lìa khỏi
Ngôi nhà lửa ba cõi
Ở chỗ yên vắng vẻ
Nơi núi rừng hoang dã.
Hiện nay ba cõi nầy
Đều là của ta cả
Chúng sinh ở trong đó
Thảy đều là con ta.
Mà nay chơi chỗ nầy
Rất nhiều các hoạn nạn
Chỉ có một mình ta
Có thể cứu hộ được.

Phật đã lìa khỏi nhà lửa ba cõi, tiêu dao tự tại, ở nơi chỗ vắng vẻ yên ổn, nơi rừng núi hoang dã. Song, ba cõi nầy đều là sở hữu của Phật, tất cả chúng sinh đều là con của Phật, mà trong ba cõi nầy, rất nhiều các thứ hoạn nạn, đầy dẫy độc trùng mãnh thú, chỉ có mình đức Phật mới cứu hộ được. Cha của người thế gian là do tạo nghiệp mà sinh, còn Phật là cha xuất thế gian, là cha pháp thân huệ mạng của chúng ta, là cha thanh tịnh chẳng nhiễm. Nếu nhận Phật làm cha, thì tương lai có thể được thanh tịnh chẳng nhiễm.

Tuy Phật đã dạy bảo
Mà cũng chẳng tin nhận
Vì nơi các dục nhiễm
Tâm tham trước sâu dày.
Do đó dùng phương tiện
Vì chúng nói ba thừa
Khiến cho các chúng sinh
Biết ba cõi là khổ.
Bèn khai thị diễn nói
Đạo ra khỏi thế gian
Các người con đó thảy
Nếu tâm mà quyết định.
Thì đầy đủ ba minh

Và sáu thứ thần thông
Hoặc chứng được Duyên Giác
Và Bồ Tát bất thối.

Tuy Phật dùng đủ thứ phương pháp giáo hóa tất cả chúng sinh, song, chúng sinh chẳng sinh tín tâm. Vì tất cả chúng sinh do dục niệm làm ô nhiễm, tham trước tài, sắc, danh, ăn và ngủ, nên che lấp trí huệ.

Vì chúng sinh chấp trước dục nhiễm quá sâu, cho nên Phật chỉ tạm thời dùng pháp phương tiện khéo léo để giáo hóa. Dùng Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa, để giáo hóa chúng sinh, đó là xả thật dụng quyền.

Thời nay, có những thanh niên tự cho rằng uống thuốc mê huyễn, thì có thể đi ở trong hư không, mà còn có thầy làm chứng, thật là bậy truyền bậy, do đó có câu:

''U mê truyền cho kẻ u mê,
Một truyền hai chẳng hiểu,
Ông thầy đọa địa ngục,
Đồ đệ cũng theo vào''.

Đi ở trong hư không, vốn chẳng cần dùng thuốc mê huyễn, đó là tự dối gạt người, mất đi chân chánh trí huệ, Phật chỉ dùng quyền xảo để độ. Phật biết ba cõi đầy dẫy thống khổ, cho nên khai thị chúng sinh, vì họ nói pháp xuất thế gian.

Thế gian gồm có xuất thế gian, hữu tình thế gian, và chánh giác thế gian. Khí thế gian còn gọi là y báo thế gian; hữu tình thế gian là thế giới của tất cả chúng sinh, tức là chánh báo thế gian. Chánh giác thế gian là thế giới của Phật. ''Ba minh'' tức là quá khứ minh, hiện tại minh và vị lai minh.

Quá khứ minh tức túc thế minh, biết nhân duyên đời quá khứ. Hiện tại minh tức lậu tận minh, bỏ mê về giác đã được vô lậu. Nếu bỏ đặng tất cả lòng tham lam chấp trước, tu hành thì sẽ chứng được vô lậu. Vị lai minh tứ thiên nhãn minh, bất cứ là chướng ngại vật bên trong, hoặc chướng ngại vật bên ngoài, nhìn xem đều thấu suốt.

''Và sáu thứ thần thông'': Tức là:

- Thiên nhãn thông,
- Thiên nhĩ thông,
- Tha tâm thông,
- Túc mạng thông,
- Thần túc thông và
- Lậu tận thông.

- Thiên nhãn thông, nhìn xuyên qua trong thân thể của mình, nhìn thấu được trong thân thể của chúng sinh.

- Thiên nhĩ thông, chẳng những nghe được âm thanh trên trời, mà còn nghe được tiếng côn trùng trong thân thể của mình kêu, thậm chí còn nghe được tiếng của hoa cỏ cây cối.

- Tha tâm thông, biết được tất cả tư tưởng ở trong tâm của người khác, niệm niệm khởi lên cũng có thể biết rõ. Trước kia có vị A La Hán có lục thông, Ngài mang theo vị đệ tử đi du hành. Vị đệ tử đi sau quảy hành lý, giữa đường bèn khởi lên một tâm niệm: *"Tương lai mình phải hành pháp đại thừa, phổ độ tất cả chúng sinh"*. Vị La Hán có tha tâm thông, nên biết được vị đệ tử có nguyện lực đại thừa, còn mình bất quá là A La Hán, nguyện lực của đồ đệ cao siêu hơn. Ngài bèn quảy hành lý thế cho đệ tử. Đi được một đoạn đường khá dài, thì vị đệ tử sinh tâm thối lùi, nghĩ: "*Bồ Tát đạo chẳng dễ gì thực hành*", vị thầy biết đệ tử sinh tâm thối chuyển, bèn đưa hành lý lại cho đệ tử quảy, cứ như thế xảy ra mấy lần, vị đệ tử chẳng rõ nguyên nhân, bèn hỏi vị thầy. Vị thầy đáp: ‘’ *Vì con phát tâm hành Bồ Tát đạo, tu lục độ vạn hạnh, ta chỉ là bậc tiểu thừa, còn nguyện lực của con cao hơn ta, cho nên ta thế con quảy hành lý*. Song, con lại nghĩ Ngài Xá Lợi Phất còn không thể hành Bồ Tát đạo, hà huống mình : Bèn sinh tâm thối chuyển. Lúc đó, con lại trở về địa vị đệ tử, cho nên con phải mang hành lý‘’.

Xá Lợi Phất cũng là hàng Thanh Văn, phát tâm muốn hành Bồ Tát đạo. Nếu ai chân chánh phát bồ đề tâm, thì Thiên Long bát bộ sẽ đến khảo nghiệm họ. Phát bồ đề tâm muốn hành Bồ Tát đạo, phải ưa thích bố thí. Người khác mong cầu gì, thì Bồ Tát sẵn sàng bố thí chẳng có tơ hào bỏn xẻn. Ngài Xá Lợi Phất tức đã phát tâm hành

Bồ Tát đạo, một ngày nọ, trên đường đi, Ngài thấy một người khác khóc lóc rơi lệ, Ngài Xá Lợi Phất thấy vậy, bèn phát bồ đề tâm muốn giúp họ, mới hỏi người đó vì sao mà khóc. Người đó nói: ''Mẹ của tôi bị bệnh, chỉ có con mắt của người sống mới có thể trị được, nhưng đi khắp nơi mua mà chẳng có, cho nên tôi buồn quá mà khóc''. Ngài Xá Lợi Phất nghe rồi, rất cảm động người con có hiếu, bèn suy nghĩ: ''Mình có một cặp mắt, thôi thì bố thí một con cho anh ta, mình chừa lại một con''. Do đó, chịu đau đớn, móc ra một con mắt để bố thí, người đó cầm lấy rồi bỏ xuống đất ! Ngài Xá Lợi Phất chẳng hiểu vì sao ? Người đó nói: ''Chẳng phải con mắt nầy, tôi muốn con mắt trái mà ông chưa nghe rõ, thì đã móc con mắt phải ra. Nếu ông thật muốn bố thí, thì xin ông cho tôi con mắt trái kia đi vậy''. Ngài Xá Lợi Phất đã móc con mắt phải ra, đau đớn vô cùng, nếu mà móc mắt trái nữa, thì chẳng phải trở thành mù chăng ? Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất thối lùi tâm bố thí. Người đó nghe rồi đằng vân mà đi, nguyên lai đó là người trời đến thử thách Ngài Xá Lợi Phất.

- Túc mạng thông, biết được nhân duyên quá khứ, biết rõ kiếp trước của mình là người thiện hoặc người ác ? Người Tàu hoặc người ngoại quốc ? Hoặc kiếp trước là người Tàu, kiếp nầy sinh ra tại nước Mỹ, phát nguyện đến nước Mỹ hoằng dương Phật pháp. Có những người học Phật pháp tiến bộ rất mau, có những người tiến bộ rất chậm. Có những người học Phật pháp, biết mà chẳng

hành, chưa cung hành thực tiễn, chưa hợp với Phật pháp làm một thể. Có những người học Phật pháp thân thể lực hành, có tinh thần bất khuất, đều do nhân duyên kiếp trước đã tích lũy. Hoặc có những người trước kia là người Ấn Độ, nguyện đến tây phương hoằng dương Phật pháp, do đó đời nầy đầu thai vào nước Mỹ. Nếu có túc mạng thông thì sẽ biết được việc quá khứ.

- Thần túc thông, còn gọi là thần cảnh thông, hoặc là như ý thông, được toại ý tự tại. Thần túc thông diệu không thể tả, chẳng thể nào dùng lời nói để hình dung được, có thể biến hóa trên thân ra lửa, dưới thân ra nước; hoặc trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, lại có thể đằng vân ở trong hư không hiện mười tám biến.

- Lậu tận thông, là chẳng rơi rớt vào ba cõi. Quỷ thần đều có ngũ thông, chỉ thiếu lậu tận thông. Chứng quả A La Hán mới có lậu tận thông. Nếu người có ngũ nhãn lục thong, cũng không thể tùy ý loạn dụng. Ví như, dùng thần thông để quán sát thế giới có tai nạn gì, hoặc dùng thần thông cứu người mới có ý nghĩa, nếu giúp đỡ người khác cũng không thể để cho người biết.

‘’Thiện dục nhân tri,
Bất thị chân thiện,
Ác khủng nhân tri,
Tiện thị đại ác‘’.

Nghĩa là:

‘’Làm thiện muốn người biết,

Chẳng phải là thật thiện,
Làm ác sợ người biết,
Đó mới là đại ác.''

Đắc được ngũ nhãn lục thông phải trân tiết, không nên lo việc vô ích, đừng tùy ý loạn dụng, bằng không tiết lậu thiên cơ, cũng sẽ mất đi thần thông.

''Duyên Giác'': Là bậc tu mười hai Nhân duyên mà ngộ đạo; do : Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử. Chúng sinh do vô minh mà phát sinh hành vi, từ hành vi sinh ra ý thức, từ ý thức sinh ra danh sắc, từ danh sắc mà sinh ra lục nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), có lục nhập tức có sự tiếp xúc, có xúc thì có thọ, có thọ thì sinh ái, có ái thì sinh tâm ích kỷ muốn chiếm hữu, tức có đời sau, có đời sau thì có lão tử. Đó là mười hai Nhân duyên của bậc Duyên Giác tu.

Vô minh thường chi phối con người, khiến cho điên đảo, cho nên phá được vô minh thì sẽ hiển hiện pháp tính, sẽ được khai ngộ.

''Bồ Tát bất thối'': ''Bất thối''có ba:

- Hạnh bất thối,
- Vị bất thối,
- Niệm bất thối.

- Hạnh bất thối, là tu Phật pháp phải có tâm nhẫn nhục, tâm kiên cố, tâm thường hằng, tâm thành, để tiến bước về trước mà chẳng thối chuyển.

- Vị bất thối, là Bồ Tát phát tâm nguyện lớn, muốn bố thí đầu mắt tủy não cho chúng sinh, mà chẳng sinh tâm thối lùi về hàng nhị thừa.

- Niệm bất thối, là Bồ Tát lợi ích tất cả chúng sinh, hay xả mình vì người, trợ giúp người khác mà chẳng chấp trước tướng bố thí. Hành Bồ Tát đạo đừng làm cho chúng sinh sinh phiền não, luôn luôn hồi quang phản chiếu, trở về cầu nơi chính mình.

Này ông Xá Lợi Phất !
Ta vì các chúng sinh
Mà dùng ví dụ nầy
Nói một thừa Phật đạo.
Nếu các ông có thể
Tin nhận lời nói đây
Thì tất cả đều sẽ
Được thành tựu Phật đạo.
Thừa nầy tối vi diệu
Rất thanh tịnh bậc nhất
Ở trong các thế gian
Chẳng có pháp nào hơn.
Chỗ chư Phật hoan hỉ
Tất cả các chúng sinh

Nên tán thán khen ngợi
Cúng dường và lễ bái.
Vô lượng trăm ngàn muôn
Các lực và giải thoát
Thiền định cùng trí huệ
Các pháp khác của Phật.
Chứng được thừa như thế.

Đức Phật nói với tôn giả Xá Lợi Phất: Trước kia, ta vì chúng sinh nói đủ thứ ví dụ, để xiển minh sở tu trước kia là quyền pháp, nay khiến cho họ biết đại thừa Phật pháp, nên tin rằng tất cả mọi người đều có thể sẽ thành Phật. Đây là sự vi diệu của Phật pháp, phải có tín tâm thì mới có thể thành tựu, chỉ có một Phật thừa là pháp môn vô lượng trong thế gian, đây là pháp môn Phật hoan hỉ nhất, nên tán thán pháp môn nầy, cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lễ lạy đại thừa Phật pháp. Có lượng công đức, mười trí lực của Phật, tám giải thoát, các thiền định và trí huệ và các pháp môn khác của Phật, quá khứ chắc chắn đã tu vô lượng công đức, mới đắc được nhân duyên thù thắng nầy, gặp được đại thừa Phật pháp.

Khiến cho các người con
Ngày đêm cùng số kiếp
Thường được đi dạo chơi.

Với các vị Bồ Tát
Cùng với chúng Thanh Văn
Ngồi nơi thừa báu nầy
Mà thẳng đến đạo tràng.
Nhân duyên như vậy đó.
Tìm cầu khắp mười phương
Chẳng có thừa nào khác
Trừ Phật dùng phương tiện.

Dùng ''ngày'' ví dụ khiến cho tất cả chúng sinh đắc được trí huệ chân thật của Phật, ''đêm'' dụ cho chúng sinh vẫn còn phiền não chưa trừ vô minh. Tất cả chúng sinh tại chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng, đã được Đức Phật giáo hóa, thường tu tập pháp đại thừa.

Với tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, đều y chiếu Phật pháp đại thừa tu hành. Thừa nầy là thừa báu, đạt đến bồ đề giác đạo mà thành Phật. Nhân duyên như vậy đó, tìm cầu khắp mười phương chẳng có một pháp nào cao hơn so với pháp nầy, ngoại trừ Phật dùng pháp phương tiện.

Phật bảo Xá Lợi Phất !
Hết thảy lũ các ông
Đều là con của ta

Còn ta tức là cha.
Các ông trong nhiều kiếp
Bị các khổ thiêu đốt
Ta đều đã cứu vớt
Khiến ra khỏi ba cõi.
Tuy trước kia ta nói
Các ông được diệt độ
Chỉ dứt hết sinh tử
Mà thật chẳng diệt độ.
Nay việc cần phải làm
Chỉ có trí huệ Phật
Nếu có Bồ Tát nào
Ở trong chúng hội nầy.
Mà một lòng lắng nghe
Thật pháp của chư Phật
Các đức Phật Thế Tôn
Tuy dùng các phương tiện.
Giáo hóa các chúng sinh
Đó đều là Bồ Tát.

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất : Các ông tất cả chúng sinh, tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Tỳ

Kheo, Tỳ Kheo ni, phát tâm bồ đề, đều là con của ta, ta là cha của các ông. Các ông đã đời đời kiếp kiếp, vô lượng vô biên đại kiếp vì ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng thứ khổ thiêu đốt. Ta đều luôn luôn cứu vớt, khiến cho chúng sinh vượt ra khỏi cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

Tuy ta trước kia, dùng quyền xảo phương tiện, nói các ông đều đã được diệt độ, song chỉ dứt được phần đoạn sinh tử, chưa dứt được biến dịch sinh tử. Theo thật pháp mà nói, các ông vẫn chưa chân chánh đắc được diệt độ. Như nay các ông nên học trí huệ của Phật, tu pháp chân thật. Nếu có Bồ Tát nào ở trong đại chúng chuyên tâm nhất chí, nghe pháp môn chân thật của ta nói, đó mới là pháp do thật trí của chư Phật nói. Kì thật, pháp môn phương tiện vì pháp môn chân thật mà nói, cho nên các ông nên hồi tiểu hướng đại, tu hành hạnh Bồ Tát.

Nếu có người trí nhỏ
Chấp sâu nơi ái dục
Thì vì những người đó
Nói đạo lý khổ đế.
Chúng sinh tâm vui mừng
Đắc được chưa từng có
Chân thật chẳng sai khác
Nếu có chúng sinh nào.
Chẳng biết gốc các khổ

Chấp sâu vào nhân khổ
Chẳng tạm rời bỏ được
Bèn vì chúng sinh đó.
Dùng phương tiện dạy bảo
Nguyên nhân mọi sự khổ
Tham dục là gốc rễ
Nếu diệt được tham dục.
Chẳng còn chỗ nương tựa
Dứt sạch hết các khổ
Gọi là đế thứ ba
Vì chứng được diệt đế.
Mà tu hành đạo đế
Lìa các khổ ràng buộc
Gọi là được giải thoát
Người đó nơi pháp gì.
Mà đắc được giải thoát
Chỉ xa lìa hư vọng
Gọi đó là giải thoát
Kỳ thật chưa đắc được.
Tất cả các giải thoát
Phật nói rằng người đó

Chưa thật được diệt độ
Vì người đó chưa được.
Đạo quả vô thượng vậy
Ý của ta không muốn
Khiến cho được diệt độ
Ta là đấng Pháp vương.
Tự tại nơi các pháp
An ổn các chúng sinh
Cho nên hiện ra đời.

Nếu người thiếu trí huệ, chấp sâu nơi ái dục. Có kiến hoặc và tư hoặc, thấy cảnh bèn chấp trước mê hoặc tức là kiến hoặc. Tâm chẳng biện rõ thị phi, còn phản phú tư lường tức là tư hoặc.

Phật vì những chúng sinh nầy, nói pháp sinh diệt bốn Diệu đế.

1. Khổ đế : Chúng sinh lấy khổ làm vui, nghe được Phật nói khổ đế, thì tâm sinh vui mừng, cảm thấy diệu pháp nầy chưa từng có, là diệu pháp ngàn chân vạn thật.

2. Tập đế : Nếu có chúng sinh chẳng biết gốc khổ, tức tập đế. Tập là nhân của khổ, khổ là quả của tập. Tập tức là hai mươi sáu thứ phiền não. Gốc rễ phiền não có sáu thứ, tùy phiền não có mười thứ, trung phiền não có hai thứ, đại phiền não có tám thứ, cộng thành hai mươi sáu thứ phiền não. Hai mươi sáu thứ phiền não nầy là

nhân của khổ, vì chúng sinh không thể tạm xả bỏ những phiền não nầy, cho nên Phật vì họ trước hết nói pháp môn phương tiện. Chủ nhân của tập là tham dục, chẳng biết đủ, luôn luôn tham mà chẳng biết chán. Ví như người chẳng có đồng xu nào, thì mong có được một trăm đồng, được một trăm đồng rồi, lại mong có một ngàn đồng, một vạn đồng, cho rằng được một vạn đồng thì có thể ngừng lại. Song, đến lúc ấy cảm thấy một vạn đồng vẫn còn ít, lại muốn mười vạn đồng. Song, chưa được một vạn đồng thì than ôi mạng sống chẳng còn bao lâu ! Đến chết thì vẫn chưa đạt được lý tưởng. Cho nên, con người có tham dục thì sinh phiền não.

3. Diệt đế : Muốn diệt khổ, thì trước hết phải trừ tham dục. Chẳng còn tham dục, thì trừ khử được gốc của khổ, khổ cũng chẳng còn chỗ nương tựa, các khổ diệt sạch thì gọi là đế thứ ba.

4. Đạo đế : Muốn được diệt đế, thì trước phải tu đạo, tức là đế thứ tư. Giải trừ tất cả sự trói buộc của khổ, tức được thế gian giải thoát. Ai nhìn thấu buông xả đặng, thì mới được giải thoát. Tuy nhiên vẫn còn sống, nếu thấy được tất cả đều đã chết, chẳng vì túi da hôi thúi nầy mà làm nô lệ, thấy tất cả đều hư vọng, chẳng chấp trước bất cứ những gì, thì đắc được sự giải thoát.

Tôi thường nói "Everything's OK" ! Tức tất cả đều được, tức nhiên tất cả chẳng có vấn đề gì, vậy phải chăng đã được giải thoát ? Chẳng còn chấp trước, giống như hư

không, chẳng bị gì ràng buộc, chẳng tham danh, tức là giải thoát danh, chẳng cầu lợi tức là giải thoát lợi. Danh lợi đều giải thoát, còn có gì ràng buộc nữa ?

Tuy nói pháp: Khổ, tập, diệt, đạo, có thể được giải thoát, kì thật, giống như chưa được chân chánh giải thoát, vì mới được phần đoạn sinh tử, chứ chưa được biến dịch sinh tử. Còn biến dịch sinh tử vẫn chưa được giải thoát. Cho nên, Phật nói những hạng người nầy, chưa thật sự diệt độ. Phật nói rõ, vì chẳng muốn họ chưa được thọ dụng chân thật mới khiến cho họ được diệt độ.

Phật lại nói: Ta là vua của các pháp, toại ý tự tại ở trong các pháp, muốn khiến cho chúng sinh được an ổn, được giải thoát cứu kính, cho nên mới xuất hiện ra đời.

Này ông Xá Lợi Phất !
Pháp ấn của ta đây
Vì muốn làm lợi ích
Cho thế gian nên nói.
Nơi chỗ ông đi qua
Chớ có vọng tuyên truyền.

Đức Phật nói với tôn giả Xá Lợi Phất, đồng thời nói với tất cả chúng sinh đương thời, cũng bao quát chúng ta tất cả chúng sinh hiện tại, và tất cả pháp sư hoằng dương Phật pháp : Ta dùng pháp ấn thật tướng tôn quý nầy, chứng minh tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật đạo,

vì lợi ích tất cả chúng sinh, lợi ích thế gian, cho nên nói Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là pháp chí tôn chí quý, cho nên không thể tùy tiện nói, phải đối cơ mới nói pháp nầy. Một số người căn tánh thiển cạn, không thể tiếp thọ diệu pháp thượng thừa.

Nếu đối với họ nói Kinh Pháp Hoa, chẳng những không thể tiếp thọ, mà còn sinh hủy báng. Để tránh khỏi sự hủy báng diệu pháp thượng thừa mà đọa địa ngục, cho nên chỉ đối với người có căn tánh đại thừa, mới có thể nói diệu pháp thượng thừa Kinh Pháp Hoa.

Nếu có ai nghe được
Tùy hỷ kính thọ trì
Nên biết rằng người đó.
Là bậc bất thối chuyển
Nếu có người tin nhận
Kinh pháp vô thượng nầy
Thì người đó đã từng.
Gặp chư Phật quá khứ
Cung kính và cúng dường
Cũng nghe được pháp nầy
Nếu người nào có thể.
Tin nhận lời ông nói
Tức như là thấy ta

Và cũng như thấy ông
Cùng các Tỳ Kheo Tăng.
Và các bậc Bồ Tát
Phật vì người trí sâu
Nói Kinh Pháp Hoa nầy
Người thức cạn nghe được.
Mê hoặc chẳng hiểu đặng
Tất cả hàng Thanh Văn
Cùng với Bích Chi Phật
Ở trong Kinh pháp nầy.
Sức họ chẳng hiểu đặng
Như ông Xá Lợi Phất
Còn ở nơi Kinh nầy
Dùng lòng tin vào được.
Huống là Thanh Văn khác
Bao nhiêu Thanh Văn khác
Vì tin lời Phật nói
Mà tùy thuận Kinh nầy.
Chẳng phải trí của mình.

Đức Phật nói: ‘’Nếu có người nghe được Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỉ cung kính thọ trì, nên biết người đó là bậc

bất thối chuyển, phải biết người đó đã phát tâm Bồ Tát, đã được ba bất thối chuyển. Nếu có ai tin nhận thọ trì Kinh Pháp Hoa đại thừa nầy, thì người đó trong quá khứ đã từng thấy vô lượng chư Phật, và hay cung kính cúng dường, trồng xuống hạt giống căn lành. Nếu có người tin đạo lý Kinh Pháp Hoa, thì giống như thấy Phật.'' Vào đời Đường, đại sư Trí Giả tông Thiên Thai đọc tụng Kinh Pháp Hoa ''Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự'' đến chỗ Bồ Tát Dược Vương đốt thân cúng Phật, ''*Là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai*.'' Lúc đó, đại sư Trí Giả bèn nhập định, nhìn thấy hội Pháp Hoa ở núi Linh Thứu vẫn chưa tan, từ đó đắc được Đà La Ni Pháp Hoa tam muội, khai mở vô lượng vô biên trí huệ, cho nên Phật nói tin nhận thọ trì được Kinh Pháp Hoa, tức là thấy được Phật, cũng thấy được tôn giả Xá Lợi Phất, và tất cả Tỳ Kheo Tăng, và còn thấy tất cả các đại Bồ Tát trong hội Pháp Hoa.

Do đó, Kinh nầy chỉ có thể nói với những người có trí huệ Bát Nhã. Nếu những người kiến thức nông cạn, người ngu si, người tánh tình nóng nảy, mà nghe được Kinh Pháp Hoa, thì sẽ nổi trận lôi đình, mê hoặc chẳng hiểu. Tất cả hàng Thanh Văn nghe bốn Diệu đế mà khai ngộ, và Bích Chi Phật, tu mười hai nhân duyên mà khai ngộ, chẳng đủ sức hoằng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ông là đại trí Xá Lợi Phất, mà đối với Kinh Pháp Hoa còn phải suy gẫm mới tin nhận, huống gì những vị Thanh Văn khác ? Bao nhiêu vị Thanh Văn khác, do nghe

Phật nói Kinh Pháp Hoa, chẳng minh bạch đạo lý bên trong, cũng tin nhận. Tuy họ tin nhận, nhưng chẳng phải trí huệ vốn có của họ sinh ra, mà vì tùy thuận Phật nói, cho nên tin nhận diệu lý Kinh nầy, từ từ trí huệ tự nhiên cũng sẽ sinh ra.

Lại nữa Xá Lợi Phất !
Kẻ kiêu mạn giải đãi
Chấp trước vào bản ngã
Chớ nên nói Kinh nầy.
Kẻ phàm phu thức cạn
Chấp sâu nơi năm dục
Nghe chẳng thể hiểu đặng
Cũng chớ vì họ nói.
Nếu người chẳng tin nhận
Mà hủy báng Kinh nầy
Tức là dứt tất cả
Hạt giống Phật thế gian.

Phật lại bảo Ngài Xá Lợi Phất ! "Kiêu" là kiêu ngạo, "mạn" là khinh mạn, tự cho mình cao hơn, giỏi hơn bất cứ ai. "Giải đãi" là lười biếng, chẳng có tâm dũng mãnh tinh tấn. Nếu ai chấp trước vào tướng "ta" thì mới "kiêu mạn giãi đãi", đối với những người nầy, chớ nói Kinh Diệu

Pháp Liên Hoa. Vì những người nầy, nghe được đạo lý Kinh Pháp Hoa, cũng chẳng cung hành thực tiễn, cho nên đừng giảng nói Kinh nầy cho họ nghe. Kẻ phàm phu kiến thức nông cạn, thiếu trí huệ, tham trước: Tài, sắc, danh, ăn, và ngủ, năm dục, năm dục nầy thông đạt đường vào địa ngục năm căn. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, cũng là năm dục, cũng không thể tham trước năm dục nầy, vì tham trước vào năm dục, cho nên nghe Kinh Pháp Hoa cũng chẳng minh bạch.

Người thế gian đều thích nghe âm thanh hay, ăn đồ ngon, ngủ nhiều. Trong Kinh Pháp Hoa nói: "Chớ tham năm dục nầy", chắc chắn họ sẽ không tin. Nếu người không tin thì sẽ hủy báng Kinh nầy, dứt mất tất cả hạt giống Phật thế gian. Dứt hạt giống Phật tức là sinh hạt giống địa ngục, tương lai sẽ đọa vào địa ngục. Cho nên chúng ta trước hết giảng Kinh Lăng Nghiêm, sau giảng Kinh Pháp Hoa. Vì người chẳng có căn tánh đại thừa, thì chẳng tin diệu lý thượng thừa trong Kinh Pháp Hoa.

Hoặc có người nhăn nhó
Mà ôm lòng nghi hoặc
Ông nên lóng nghe nói
Tội báo của người nầy.
Nếu Phật còn tại thế
Hoặc sau khi diệt độ

Nếu có người phỉ báng
Kinh điển như thế nầy.
Thấy có người đọc tụng
Biên chép và thọ trì
Bèn khinh khi ghét ghen
Mà ôm lòng kết hận.
Tội báo của người nầy
Nay ông nên lóng nghe
Khi người đó mạng chung
Đọa vào ngục A-tỳ.
Đầy đủ chẵn một kiếp
Hết kiếp rồi lại sinh
Cứ chuyển sinh như thế
Cho đến vô số kiếp.

"Hoặc có người nhăn nhó, mà ôm lòng nghi hoặc": Người tham trước năm dục, mà Kinh Pháp Hoa khuyên phải lìa năm dục, cho nên họ nghe pháp nầy mà chẳng vui, càng sinh nghi hoặc. Phật nói họ tương lai phải đọa vào địa ngục, thọ khổ vô lượng vô biên. Bất cứ Phật tại thế, hoặc sau khi diệt độ, nếu có kẻ phỉ báng Kinh Pháp Hoa, thấy người đọc tụng hoặc biên chép Kinh Pháp Hoa, bèn sinh tâm khinh khi ghen ghét đố kị, ôm ấp oán hận

trong tâm. Tội báo của người nầy, nay ông hãy lóng nghe: Sau khi người đó mạng chung, phải đọa vào địa ngục vô gián một đại kiếp, trải qua vô số kiếp mới ra khỏi địa ngục.

Từ trong địa ngục ra
Sẽ đọa làm súc sinh
Hoặc làm chó, dã can
Thân hình chúng gầy ốm.
Đen thui lại ghẻ lát
Bị người thường chọc ghẹo
Lại còn phải bị người
Nhờm gớm và khinh khi.
Thường bị khổ đói khát
Xương thịt đều khô héo
Lúc sống chịu khốn khổ
Chết bị ném ngói đá.
Vì dứt mất giống Phật
Nên chịu tội báo đó
Hoặc sinh làm lạc đà
Hoặc sinh vào loài lừa.
Thân thường mang chở nặng

Còn thêm bị đánh đập
Chỉ nhớ nước và cỏ
Ngoài ra chẳng biết gì.
Vì phỉ báng Kinh điển
Mà mắc tội như thế.

Từ địa ngục ra, lại chuyển làm súc sinh, làm thân chó hoặc dã can. Dã can thuộc về loài chồn, ở nơi ven núi hoặc ở trên cây cao, ban ngày thì ẩn núp, ban đêm thì đi, đi thì kết thành bầy mà đi, dã can chỉ có một con mắt để nhìn, còn con mắt kia thì chẳng thấy, vì khinh miệt người khác đọc tụng hoặc biên chép Kinh Pháp Hoa, cho nên chỉ có một con mắt để nhìn. Thân hình ốm gầy như cây củi, thân lại mang bệnh ghẻ lát, phát ra mùi hôi thối, người mà thấy thì phải lánh xa. Dã can vì phỉ báng Phật, Pháp, Tăng, Kinh Pháp Hoa, cho nên trên thân có mùi thôi thối, trải qua nhiều đời mới sinh làm người, làm người cũng bị người chán nghét, thường bị đói khác, xương thịt khô héo, lúc sống thì chịu khổ như thế, khi chết đi thì bị người ném gạch ngói đá, vì họ phỉ báng Kinh Pháp Hoa, dứt mất hạt giống Phật mà sinh hạt giống địa ngục, cho nên chịu quả báo nầy. Hoặc sinh làm lạc đà hoặc lừa, thân thường mang chở nặng, bị người đánh đập, suốt ngày chỉ nhớ tưởng uống nước hoặc ăn cỏ, ngoài ra chẳng biết gì nữa, đều do phỉ báng Kinh, cho nên mắc tội như thế.

Có khi làm dã can
Đi vào trong xóm làng.
Thân thể bị ghẻ lát
Lại thiếu mất một mắt
Bị những đứa trẻ con
Đánh đập và liệng ném.
Chịu các sự thống khổ
Hoặc có khi phải chết
Sau khi bỏ thân nầy
Bèn thọ làm thân rắn.
Thân hình dài to lớn
Đến năm trăm do tuần
Ngây điếc chẳng có chân
Lăn lóc đi bằng bụng.
Bị các loài trùng nhỏ
Rúc rỉa ăn máu thịt
Ngày đêm chịu khổ sở
Chẳng có khi nào ngừng.
Bởi phỉ báng Kinh nầy
Mắc tội như vậy đó.

Dã can thuộc loài chồn, nhưng đa nghi hơn chồn, vì kiếp trước miệt thị người tụng đọc, lễ lạy và giảng giải Kinh Pháp Hoa, cho nên sinh làm dã can. Dã can bị nghiệp chướng che đậy, nên thân thể nhiều bệnh tật và ghẻ lát, vào trong xóm làng tìm vật ăn, vì thiếu một mắt, nên bị trẻ con trong xóm liệng, ném đá. Hơn nữa, vì thân thể có ghẻ lát bị đánh thì càng đau đớn, thậm chí bị ném đá đến chết. Chết rồi lại đầu thai làm mãng xà, thân dài năm trăm do tuần. Mãng xà tuy có tai nhưng chẳng nghe được, lại còn ngu si, chẳng có chân, lăn lóc đi bằng bụng, có côn trùng nhỏ rúc rỉa bên trong, ăn uống máu thịt, ngày đêm chịu khổ, bởi vì phỉ báng Kinh nầy, nên mắc tội báo đó.

Nếu được sinh làm người
Các căn đều ám độn.
Lùn xấu lại lệch què
Đui điếc thêm lưng gù
Có nói ra lời gì
Chẳng có ai tin nhận.
Hơi miệng thường hôi thối
Bị quỷ mị dựa nhập
Bần cùng rất hạ tiện
Thường bị người sai khiến.

Nhiều bệnh thân ốm gầy
Chẳng có chỗ nương nhờ.

Nếu thoát khỏi thân mãng xà, sinh làm thân người thì: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn của họ đều ám độn. Khả năng nhìn chẳng tốt, thính giác chẳng linh mẫn, lỗ mũi chẳng biết thơm thối, vị giác chẳng linh, thân thể xúc giác chẳng rõ ràng, ý niệm thì ngu si, thiếu trí huệ, hoặc tay chân thiếu khuyết, đó gọi là các căn ám độn. "Lùn" là thân thể thấp nhỏ, như quỷ Cưu bàn trà, bề dọc cũng bằng bề ngang, thân thể tướng mạo xấu xí, chân bị lệch què, chẳng duỗi ra đặng, hoặc là lưng khòm, hoặc mắt mù, tai điết, lưng cong. Loại người nầy, nếu nói ra điều gì đều chẳng ai tin, hơi miệng hôi thối, vì quá khứ phỉ báng Kinh Pháp Hoa, hoặc dạ dày có bệnh, nên miệng hôi thối. Có những người có luồng cương khí, hàng phục được thiên ma ngoại đạo, cũng có mùi vị nầy. Nếu thường tụng Kinh Pháp Hoa, thì trong miệng thường toả ra mùi thơm của hoa sen. Ai phỉ báng Kinh Pháp Hoa, thì bị quỷ mị dựa nhập, bần cùng hạ tiện, bị người sai khiến, nhiều bệnh tật gầy ốm, chẳng có chỗ để nương tựa.

Dù nương tựa gần người
Mà người chẳng để ý
Nếu học được điều gì
Thì bèn quên mất hết.

Nếu học làm nghề thuốc
Theo đúng pháp trị bệnh
Mà bệnh người nặng thêm
Hoặc có khi mất mạng.
Nếu mình có bệnh gì
Chẳng ai cứu chữa khỏi
Dù có uống thuốc hay
Mà bệnh lại thêm nặng.
Hoặc có người phản nghịch
Cướp giật trộm lấy của
Các tội lỗi như thế
Hoặc tự mang vạ lây.
Những người tội như thế
Vĩnh viễn chẳng thấy Phật
Là vua trong hàng Thánh
Thường nói pháp giáo hoá.
Những người tội như vậy
Thường sinh chỗ hoạn nạn
Tâm cuồng loạn tai điết
Vĩnh viễn chẳng nghe pháp.

Mặc dù xiểm nịnh đối với người, người cũng chẳng để ý đến. Nếu học Phật pháp, hoặc học thuộc lòng Kinh, thì hay quên mất. Nếu học về nghề thuốc, ngành y Trung Quốc có phân ra : Hàn, nhiệt, ôn, bình, và dùng : Vọng, văn, vấn, thiết, bốn thứ phương pháp để đoạn chứng. Vọng nhìn mà biết gọi là "thần", văn (nghe) mà biết gọi là "thánh", vấn (hỏi) mà biết gọi là "công", thiết (bắt) mạch mà biết gọi là "khéo". Mạch phân ra gồm có : Phù, trầm, thỉ, tốc, hoạt, tức, hư.

Có một câu chuyện, một ngày nọ, vua Diêm Vương bị bệnh, mới sai quỷ đi mời thầy thuốc đến để chữa bệnh. Quỷ hỏi : Mời thầy thuốc nào ? Vua Diêm Vương nói : Mời thầy thuốc mà ở trước cửa bệnh viện ít quỷ nhất. Quỷ đi tìm, thấy rất nhiều oan hồn quỷ ở trước cửa bệnh viện, nhưng có một bệnh viện trước cửa chỉ có hai con quỷ, bèn mời thầy thuốc ở trong bệnh viện đó, đến để trị bệnh cho vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương hỏi ông ta làm thầy thuốc đã được bao lâu ? Ông ta đáp: Vừa mới bắt đầu làm nghề thầy thuốc. Bệnh viện nầy vừa bắt đầu chữa bệnh, thì đã chết hai người ! Vua Diêm Vương bèn từ chối, chẳng cho ông thầy thuốc nầy chữa bệnh, không cần ông ta khám bệnh, có thể thấy, nếu thầy thuốc dùng lầm thuốc, thì người sẽ mất mạng.

"Theo đúng pháp trị bệnh, mà bệnh càng thêm nặng, hoặc có khi mất mạng, nếu mình có bệnh gì, chẳng có ai chữa khỏi, dù có uống thuốc hay, mà bệnh lại càng

thêm nặng". Hoặc gặp thời buổi nhiễu loạn. "Cướp giật trộm lấy của". Hoặc bị chính phủ tịch thu cướp giật hoặc bị trộm cướp, những tội lỗi như thế, hoặc bị mang vạ lây. Những người tội như thế, vĩnh viễn chẳng thấy được Phật. Phật là vua trong hàng Thánh, thường nói pháp giáo hóa, những người tội như vậy, thường sinh nơi hoạn nạn, tâm cuồng loạn tai điết, vĩnh viễn chẳng nghe pháp.

Ở trong vô số kiếp
Nhiều như cát sông Hằng
Sinh ra luôn câm điết
Các căn chẳng đầy đủ.
Thường ở nơi địa ngục
Như dạo xem công viên
Ở trong các đường ác
Như nhà cửa của mình.
Lạc đà, lừa, heo, chó
Thường đến những chỗ đó
Vì khinh chê kinh nầy
Mắc tội nặng như thế.
Nếu được sinh làm người
Thường đui điết câm ngọng
Bần cùng các tướng suy

Dùng để tự trang nghiêm.
Bệnh phù thủng khô khát
Ghẻ lát và ung thư
Các chứng bệnh như thế
Dùng làm y phục mặc.
Thân thể thường hôi thối
Dơ bẩn chẳng sạch sẽ
Chấp sâu nơi tướng ta
Tăng thêm tánh nóng giận.
Và dâm dục hẫy hừng
Chẳng chừa loài cầm thú
Vì khinh chê kinh nầy
Mà mắc tội như thế.

Có những người căn lành chẳng đủ, bị nghiệp chướng làm chướng ngại, nghe Kinh giây lát thì bỏ đi. Tôi thường nói:

"Khuyên bạn làm điều lành,
Bạn bảo chẳng có tiền, có cũng không.
Hoạn nạn xảy đến dùng ngàn vạn, không cũng có.
Nếu nghe Kinh nghe pháp, đi cũng bận,
Khi hơi thở chấm dứt xuống âm ti, bận cũng đi".

Nếu ai trong vô lượng kiếp đến nay, trồng xuống căn lành sâu dày, mới có thể nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ngài đại sư Huệ Tư với đại sư Trí Giả, từng cùng nghe Kinh Pháp Hoa ở tại núi Linh Sơn, cho nên có duyên gặp nhau ở tại Trung Quốc. Các vị đang ngồi nghe Kinh, đều đã từng nghe Kinh Pháp Hoa ở trên hội Linh Sơn, chỉ vì lâu quá rồi quên đi, mà nay tôi vì các vị nói lại Kinh Pháp Hoa mà thôi.

Ở trong vô số kiếp, nhiều như số cát sông Hằng, sinh ra luôn câm điết, các căn chẳng đầy đủ, thường ở nơi địa ngục, như ở trong nhà cửa của mình, hoặc sinh làm : Lạc đà, lừa, heo, chó, tất cả cử chỉ hành động đều như các loài đó. Cho nên, ở Ấn Độ có những ngoại đạo giữ giới chó, giới bò, tức là kiếp trước đã từng khinh chê Kinh Pháp Hoa, cho nên dù sinh làm người, mà tựa như súc sinh. Ra khỏi địa ngục, súc sinh, mà được sinh làm người thì: Đui, điết, câm, ngọng, hoặc bị bần cùng, vì kiếp trước giàu có mà chẳng cúng dường Tam Bảo, cho nên đời nầy nghèo khổ, hoặc thường gặp nghịch cảnh.

Như có câu chuyện Khương Thái Công bán bột: Khương Thái Công là thừa tướng của Chu Văn Vương, là sư phụ của Chu Võ Vương. Khương Thái Công tức là Khương Tử Nha, vận khí chẳng tốt, vào triều đại nhà Ân thì làm quan, sau từ quan trở về làm thường dân bán bột và muối. Bán muối cũng chẳng có người mua, về sau bán bột, suốt ngày cũng chẳng có ai mua bột, đến tối mới có

người đến mua, vừa lúc ông ta đang đong bột, thì tướng quân Hoàng Phi Hổ cởi ngựa đi qua đá đổ cái thúng bột, bột đổ xuống đường lộn lạo với cát bùn, bột càng bán chẳng được, bèn đi về nhà. Về đến nhà gõ cửa, chẳng ai đáp bèn dùng tay đập cửa thì bị ong chích. Thời vận của ông ta xui xẻo như thế ! Kiếp trước ông ta vốn là một con gấu, thấy một vị tu đạo tên là Ngọc Hư Công, vì biết vị nầy là bậc cao Tăng, cho nên quỳ ở trước cửa động suốt năm trăm năm để cầu đạo, xương cốt cũng thành cát bụi, chỉ vì cầu đạo, cho nên sau được sinh làm người, ông ta cũng từng hủy báng Tam Bảo. Ông Khương Thái Công có người thiếp chẳng hiền, nên thời vận chẳng tốt, vận mạng Khương Thái Công có thể nói là "các tướng đều suy".

"Dùng để tự trang nghiêm". Những chúng sinh nầy dùng bần cùng và các tướng suy để trang nghiêm chính mình. Thân thể bệnh phù thủng, khô mòn hoặc có ghẻ lát rất khó chịu vô cùng. "Ung thư" là chứng bệnh thuộc về ngoại chứng. Các chứng bệnh như thế, như y phục thường mặc trên thân. Thân thường tỏa ra mùi hôi thối, dơ bẩn chẳng sạch sẽ, chấp sâu nơi tướng ta, tánh nóng giận càng bạo phát, dâm dục hẫy hừng. Như danh tướng Niên Canh Nhiêu đời nhà Thanh, mỗi đêm phải có mười hai cô gái ngủ với ông ta, thậm chí cũng làm hạnh bất tịnh với ngựa, bò. Vì phỉ báng Kinh nầy, nên thọ quả báo như vậy.

Phật bảo Xá Lợi Phất
Người phỉ báng Kinh nầy

Nếu nói tội lỗi họ
Cùng kiếp chẳng hết được.
Do bởi nhân duyên dó
Ta thường bảo các ông
Đối với người vô trí
Đừng nên nói Kinh nầy.

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất! Người phỉ báng Kinh Pháp Hoa, nếu muốn nói tỉ mỉ tội lỗi của họ, thì cùng kiếp nói chẳng hết được. Do bởi nhân duyên đó, cho nên bảo các ông, trước mặt những người chẳng có trí huệ, thì chớ nói Kinh nầy. Vì sao ? Nếu những người chẳng có trí huệ, nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì sẽ sinh tâm phỉ báng mà tạo tội, vì muốn cho họ tránh khỏi tạo tội thọ quả báo, cho nên đối với người chẳng có trí huệ đừng nói Kinh Pháp Hoa.

Tôi giảng Kinh Pháp Hoa tại Phật Giáo Giảng Đường, vì các vị có trí huệ. Nếu các vị chẳng có trí huệ, mà tôi giảng Kinh nầy cho quý vị, thì các vị sẽ chạy mất, đâu có ở lại chỗ nầy nghe Kinh. Thiện tri thức giảng Kinh thuyết pháp đối với bạn, trước hết nhận thức am tường về Kinh điển, kế tiếp tham thiền đả toạ. Tham thiền đả toạ cần phải có các sự trợ duyên, nếu không thì gặp cảnh giới mà chẳng nhận thức được, dễ sa vào cảnh giới ma, chưa đắc nói đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, đó là nói dối,

quả báu phải đọa địa ngục. Có người oán trách Phật nói Kinh Pháp Hoa, cho rằng nếu Phật không nói Kinh nầy, thì chẳng có ai vì phỉ báng Kinh nầy, mà đoạ địa ngục. Cho nên đổ lỗi vì Phật nói Kinh nầy, nên người mới vì Kinh nầy phỉ báng mà đoạ địa ngục. Song, đức Phật chẳng nói Kinh Pháp Hoa, thì cũng chẳng có ai thành Phật. Phật đã nói rất rõ ràng, ai phỉ báng Kinh nầy thì có tội, biết rõ có tội thì đừng phỉ báng Kinh nầy, đừng biết rõ mà cố phạm, không phỉ báng Kinh nầy, thì sẽ không đoạ địa ngục. Những người phỉ báng Kinh đoạ vào ba đường ác, may có Bồ Tát Địa Tạng vì họ thuyết pháp, cứu vớt ra khỏi đường ác, được sinh về cõi trời, hoặc cõi người, còn người căn lành sâu dày, do nghe Kinh Pháp Hoa mà sớm thành Phật.

Nếu có người lợi căn
Có trí huệ sáng suốt
Học rộng trí nhớ tốt
Tâm mong cầu Phật đạo.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Nếu người đã từng thấy
Trăm nghìn ức vị Phật.
Trồng các gốc căn lành
Thâm tâm rất bền vững

Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói.
Nếu có người tinh tấn
Thường tu tâm từ bi
Chẳng hề tiếc thân mạng
Mới nên vì họ nói.

Phật nói những người phỉ báng Kinh Pháp Hoa, sẽ bị quả báo đọa địa ngục, là một cửa đại bi. Cho nên, không những không nên mở miệng phỉ báng Kinh Pháp Hoa, mà trong tâm dù một ý niệm phỉ báng Kinh cũng không thể sinh ra.

Nếu có người lợi căn, tức là tin sâu sắc chẳng nghi, những người đó đều là những người học rộng trí nhớ tốt, có tâm cầu Phật đạo, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói Kinh Pháp Hoa, nếu có người ở trong quá khứ, đã từng gặp trăm ngàn ức vị Phật, trồng các căn lành, những người đó trong quá khứ, đã từng cúng dường Tam Bảo.

Người cúng dường Tam Bảo, nên một lòng cúng dường Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, đừng sinh tâm phân biệt. Trồng căn lành sẽ phát sinh trí huệ Bát Nhã, có tâm kiên cố, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói, nếu có người tinh tấn, thường tu tâm từ bi. Tâm từ bi mới không thấy lỗi chúng sinh, dù thấy họ có lỗi, cũng dùng từ bi đối đãi, chẳng tiếc thân mạng, mới nên vì họ nói.

Nếu có người cung kính
Chẳng sinh lòng khác biệt
Lìa xa các phàm ngu
Ở riêng trong núi đầm.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Lại nữa, Xá Lợi Phất !
Nếu thấy có người nào.
Rời bỏ ác tri thức
Gần gũi những bạn hiền
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói.
Nếu thấy có Phật tử
Giữ gìn giới trong sạch
Như hạt châu sáng sạch
Ham cầu Kinh đại thừa.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Nếu người chẳng nóng giận
Chất trực và diệu hòa.

Thường thương xót hết thảy
Cung kính các đức Phật
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói.

"Nếu có người cung kính, chẳng sinh lòng khác biệt": Có những người nghe Kinh rồi, bên ngoài biểu hiện cung kính tiếp thọ, nhưng bên trong khởi tâm nghi ngờ đối với vị pháp sư, nghĩ: "Những gì pháp sư này nói có đáng tin chăng ? Ta có bị lừa chăng" ? Người có trí huệ chân chánh, sẽ không bị lừa gạt, còn người chẳng có trí huệ, thì thường sợ người lừa gạt họ, song cuối cùng cũng vẫn bị lừa. Nếu gặp người cung kính mà chẳng sinh lòng khác biệt, xa lìa các phàm ngu, ở riêng trong núi đầm, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói Kinh nầy.

Đức Phật lại bảo tôn giả Xá Lợi Phất ! Nếu thấy có người lìa bỏ ác tri thức, mà gần gũi bạn hiền, những hạng người như thế, mới nên vì họ nói Kinh nầy. Nếu thấy có người giữ gìn giới thanh tịnh trong sáng như hạt châu, ham cầu Kinh đại thừa, những người như thế, nên vì họ nói Kinh nầy. Những hạng người ở trên biết hối cải, cho nên có thể vì họ mà nói Kinh nầy.

Nếu gặp người chẳng có tâm sân hận, ai hay lìa bỏ tâm nóng giận, cũng sẽ lìa được tâm tham và tâm si, những người nầy bản tánh chất trực dịu hòa, thường có lòng thương tất cả, cung kính các Đức Phật, những hạng

người như thế, mới nên vì họ nói Kinh nầy. Có những người chẳng biết cung kính lễ bái đối với Phật, Phật là cha lành của tất cả chúng sinh, cho nên chúng ta nên cung kính, không những lễ lạy đối với Phật, mà cũng phải đảnh lễ đối vớ các vị Tăng tu trì Phật pháp, cung kính Tam Bảo, cho nên nói "Cung kính các đức Phật".

Lại có các Phật tử
Ở trong các đại chúng
Thuần dùng tâm thanh tịnh
Đủ thứ các nhân duyên.
Ví dụ và lời lẽ
Nói pháp không chướng ngại
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói.

Năm giới là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, nếu giữ được năm giới nầy, thì sẽ được sinh làm người. Nếu tu mười điều lành, thì được sinh về cõi trời. Trồng nhân lành thì được quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác. Trồng nhân thế nào, thì được qủa thế ấy, cho nên phải cẩn thận nhân quả.

Nếu có vị Tỳ Kheo

Vì cầu Nhất thiết trí
Cầu pháp khắp bốn phương
Chắp tay đảnh lễ thọ.
Chỉ vui thích thọ trì
Các Kinh điển đại thừa
Cho đến chẳng thọ trì
Một bài kệ Kinh khác.
Những hạng người như thế
Mới nên vì họ nói
Như có người chí tâm
Cầu xá lợi của Phật.
Cầu Kinh cũng như thế
Được rồi đảnh lễ thọ
Người đó lại chẳng có
Chí cầu các Kinh khác.
Cũng chưa từng nghĩ nhớ
Kinh điển của ngoại đạo
Những hạng người như thế
Nên vì họ mà nói.

Tỳ kheo là tiếng Phạn, có ba ý nghĩa:
1. Khất sĩ.

2. Bố ma.

3. Sát tặc.

Tỳ kheo đi cầu pháp khắp bốn phương, được Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Kim Cang, các Kinh điển đại thừa, chuyên tu những Kinh nầy, chí tâm đảnh lễ thọ trì, mà bỏ những Kinh khác, những hạng người như thế, mới có thể vì họ nói Kinh nầy.

Phật bảo Xá Lợi Phất !
Ta nói các sự tướng
Của người cầu Phật đạo
Cùng kiếp chẳng hết được.
Hết thảy những người đó
Tức có thể tin hiểu
Ông nên vì họ nói
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Phật bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất! Mười hạng người cầu Phật đạo ở trên, cùng kiếp nói cũng chẳng hết được, cho nên phải vì những người đó, nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Có những người lại sinh ra nghi hoặc: Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói: Chấp vào một Kinh cho là chánh quyết, mà chỉ các Kinh khác là hư cấu, đó là lối đi của ma, mà nay Kinh Pháp Hoa khiến cho người thọ trì một Kinh,

đó chẳng phải là mâu thuẫn chăng ? Ý của Kinh Pháp Hoa nói là : Nếu sức của bạn thọ trì được một Kinh, thì thọ trì một Kinh, còn nếu có thể thọ trì được nhiều Kinh điển thì càng tốt, cho nên đừng chấp trước, nên linh hoạt biến thông.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2

PHẨM TIN HIỂU THỨ TƯ

Phẩm Tựa thứ nhất của Kinh Pháp Hoa, là nghiên cứu nhân duyên của bổn kinh, Phẩm Phương Tiện thứ hai dùng quyền xảo phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Vì để cho chúng sinh tiến thêm một bước thấy rõ giáo nghĩa, nên đức Phật tiếp tục nói Phẩm Ví Dụ thứ ba.

Bây giờ nói đến Phẩm Tin Hiểu thứ tư, khiến cho chúng sinh tăng thêm niềm tin. Do đó, có câu:

"Tin là nguồn đạo mẹ công đức,
Nuôi lớn tất cả các pháp lành."

Lại có câu rằng:

"Phật Pháp như biển cả,
Chỉ cần tin thì vào được".

Do đó, có thể thấy niềm tin rất quan trọng, có thể nói là cửa đi vào Phật Pháp.

Chữ tin bằng tiếng tàu (信), chữ nhân đứng trước chữ ngôn, hợp lại thành chữ tín, biểu thị lời nói của người nào đó nói, nếu bạn không tin lời của họ nói, dù lời của họ vốn có lợi ích, thì bạn cũng chẳng có được ích lợi. Cũng thế, nếu ai hay tin hiểu nghĩa lý trong Kinh, sau đó cung hành thực tiễn, thì mới thật sự đắc được pháp ích. Ví như tính nóng giận của bạn quá lớn, nhưng đọc Kinh rồi, thì hiểu được tính nóng giận có thể tránh khỏi, do đó lập chí trừ khử ác tập này, trong sự tu hành bất tri bất giác, một ngày nào đó, bạn sẽ phát giác, tập khí xấu xưa kia đã tiêu đâu mất, đột xuất có người vô cớ nhiễu loạn bạn, nhưng bạn cũng xem như chẳng có gì, đó là công năng của niềm tin.

Ngược lại, nếu người nào đó sinh tâm nghi hoặc đối với Kinh điển, cho rằng tính nóng giận ai ai cũng đều có đủ, không nóng giận là việc không thể được, do đó không thể tương ưng với Phật Pháp, đừng nói đến đắc được pháp ích. Nói tóm lại, ai tin hiểu được pháp đại thừa không thể nghĩ bàn, thì mới có thể thực tiễn chứng được pháp vi diệu thậm thâm vô thượng. Cho nên phẩm nầy lấy "Tin Hiểu" làm tựa.

Lúc đó, Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Mục Kiền Liên, nghe Phật nói pháp chưa

từng có. Đức Thế Tôn thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sinh tâm hi hữu vui mừng hớn hở, bèn từ tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, hở bày vai phải, gối phải đụng đất, một lòng chắp tay, cúi mình cung kính, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Thế Tôn, mà bạch Phật rằng:

"Lúc đó": Tức là lúc đức Phật diễn nói Phẩm Ví Dụ. Phẩm nầy, đức Phật chỉ truyền thọ đối với người đương cơ, chẳng tuyên nói đối với đại chúng, vì muốn tránh chúng sinh khởi nghi hoặc. Ma Ha Tu Bồ Đề cũng gọi là "Huệ Mạng" Tu Bồ Đề, vì Ngài tiếp nối huệ mạng của Phật, cũng vì Ngài phụng mạng của Đức Phật, bậc đại giác trí huệ, nên gọi là "Huệ Mạng". Trong pháp hội Bát Nhã, Phật muốn Ngài Tu Bồ Đề giáo hóa tất cả chúng sinh và Bồ Tát, mà kế thừa gia nghiệp của Như Lai. Tu Bồ Đề có ba tên:

1. Thiện Cát,
2. Thiện Hiện,
3. Không Sinh.

Khi ngài Tu Bồ Đề ra đời, thì có những việc kỳ lạ phát sinh. Các báu vật trong nhà phụ thân của Ngài đột nhiên biến mất. Thầy bói tướng xem thì cho rằng: Ngài ra

đời rất là "Thiện cát" (tốt lành), các báu vật mất hết đó là biểu hiện giải không, cho nên lại được tên là "Không sinh". Bảy ngày sau, các báu vật mất đi đều xuất hiện trở lại, do đó lại được tên là "Thiện Hiện". Tôn giả là người giải không đệ nhất trong hàng đệ tử của Đức Phật.

Có người hỏi: "Không là gì ? Có cần giải không chăng"? Đương nhiên cần giải không, nếu không thì không thể thấu hiểu Phật pháp, nói chi đến thành Phật. Lại hỏi: "Không tức nhiên là gì cũng chẳng có, hà tất phải thấu hiểu ?" Tức bởi vì gì cũng chẳng có, nên bạn mới cần minh bạch nó, ai lĩnh ngộ được nghĩa nầy, thì được lợi ích vô cùng.

Hư không là gì? Nó chẳng có hình tướng, cũng vô sở đắc, nếu có sở đắc, thì chẳng gọi là hư không. Khi Ngài Tu Bồ Đề thấu rõ nghĩa lý chẳng có gì giữ lấy, chẳng có gì xả bỏ, chẳng có gì thọ nhận rồi, liền giác ngộ diệu nghĩa về "không". Tuy nói trong hư không chẳng có một vật, song vẫn "có vật" ở trong đó, có và không là tương đối, nếu ai có thể đập vụn hư không, thì sẽ rõ Phật tính, thấy nguồn gốc. Cho nên hòa thượng Hư Vân có nói rằng:

"Bôi tử phác lạc địa,
Hưởng thanh minh lịch lịch,
Hư không phấn toái dã,
Cuồng tâm đương hạ hiết".

Nghĩa là:

Cái ly rớt xuống đất
Âm thanh chợt phát ra

Hư không bị đập vụn
Tâm cuồng tiêu tan mất.

Hòa thượng Hư Vân ở trong thiền đường Chùa Cao Mân tại Dương Châu, lúc cây hương thứ sáu khai tĩnh (xả thiền), thì vị hộ thất (Người giúp việc trong thiền thất) rót trà cho từng thiền sinh. Chỉ sơ ý một chút, làm rớt ly trà của ngài Hư Vân xuống mặt đất, phát ra tiếng trong trẻo, tức thời làm cho mê mộng trong vô lượng kiếp của Ngài Hư Vân kình tỉnh dậy. Ly trà rớt xuống đất, một âm thanh chợt phát ra, đập vụn hư không, cuồng tâm tiêu tan chấm dứt. (Cuồng tâm tức là tâm phan duyên, phiền não, chấp trước). Cho nên Đức Phật nói:

"Hết thảy chúng sinh,
Đều có Phật tánh,
Đều có thể thành Phật,
Chỉ vì vọng tưởng chấp trước,
Mà không thể chứng đắc".

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có nói:

"Cuồng tâm đốn hiết, hiết tức Bồ Đề".

Nghiã là cuồng tâm tức bồ đề, khi cuồng tâm chẳng còn nữa, thì bồ đề (giác ngộ) sẽ hiển hiện.

Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên. Ma ha nghĩa là "đại" (lớn), Ca Chiên Diên dịch là "Văn sức". Tôn giả cũng có những tên khác như "Hảo Kiên", "Phiến Thừng" và "Thắng Tư". Trong chúng đệ tử của Đức Phật, Ngài là

người luận nghị đệ nhất, biện tài vô ngại. Ngài dùng thiện xảo phương tiện, biện tài thao thao bất tuyệt, triết phục được rất nhiều ngoại đạo đoạn kiến.

Ma Ha Ca Diếp là vị Tổ thứ nhất, được truyền từ Đức Phật. Ngài hiện nay vẫn còn nhập định ở núi Kê Túc tỉnh Vân Nam Trung Quốc, tức chưa vãng sinh, cũng chưa vào Niết Bàn, Ngài đợi Bồ Tát Di Lặc thành Phật, thì trao y bát cho Phật Di Lặc.

"Ca Diếp" dịch là "Ẩm quang", vì trên thân của Ngài phóng ra ánh sáng vàng tía, che lấp các ánh sáng khác, như ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng, ánh sáng ngôi sao, giống như uống ánh sáng. Thân của Ngài hiện ánh sáng vàng, là vì trong quá khứ Ngài và vợ của Ngài (Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni), cùng nhau tu sửa sơn son thếp vàng tượng Phật Tỳ Bà Thi. Ca Diếp còn dịch là "Đại quy thị", vì khi tổ tông của Ngài tu đạo, thì thấy con rùa lớn cõng ở trên lưng một bức họa đồ, do đó mà được tên. Tên của Ngài Ca Diếp còn gọi là "Tì Bát La", là tên của một thứ cây, vì cha mẹ của Ngài cầu nguyện với cây nầy mà sinh ra Ngài, cho nên lấy tên cây làm tên.

Ngài Ma Ha Ca Diếp đã từng là một vị ngoại đạo lạy thần lửa, cho rằng thần lửa là thần minh cao thượng nhất. Khi Đức Phật độ xong năm vị Tỳ Kheo rồi, thì biết cơ duyên đã chín mùi, mới đến độ Ngài Ma Ha Ca Diếp, lúc đó Ngài đã 102 tuổi. Khi Ngài hiểu rõ công phu tu hành của mình, chẳng thể sánh được cảnh giới và thần lực của Đức Phật, tu khổ hạnh, trở thành đầu đà đệ nhất.

Hạnh đầu đà có mười hai hạnh, Phật thấy Ngài tuổi đã cao, nên khuyên tôn giả hà tất phải tu khổ như thế, song tôn giả vẫn tiếp tục duy trì tu khổ hạnh. Cho nên Đức Phật khen ngợi Ngài: *"Phật pháp của ta trụ lâu đời, có quan hệ rất lớn với sự thực hành hạnh đầu đà của Ca Diếp, ai hay tu khổ hạnh như thế, thì Phật pháp nhất định sẽ trụ lâu nơi đời".*

Tôn giả Ma Ha Mục Kiền Liên. Mục Kiền Liên là tiếng Phạn, dịch là "Lai bặc căn", hoặc "Thải thúc thị". Tôn giả có đại thần thông, một lần nọ, Ngài vận dụng thần thông đi về hướng đông, qua vô lượng vô biên thế giới, song dù đi xa bao nhiêu cũng chẳng cách chi lường được âm thanh của Phật vang xa bao nhiêu, vì pháp thân của Phật khắp tận cùng hư không, biến pháp giới.

Tôn giả Mục Kiền Liên là một vị đại hiếu tử, khi Ngài chứng được ngũ nhãn lục thông, quả vị A La Hán rồi, bèn quán khắp pháp giới tìm mẹ của Ngài, thấy mẹ ở trong địa ngục làm ngạ quỷ, chịu nhiều thống khổ. Ngài đau đớn muôn phần, lập tức đem một bát cơm đến dâng cho mẹ dùng, mẹ của Ngài dùng một tay che, một tay bốc ăn, vì sợ ngạ quỷ khác thấy đến cướp giựt, ai biết cơm vừa đến miệng, thì hóa thành lửa than, ăn chẳng được, vì nghiệp chướng của bà ta quá nặng. Tôn giả Mục Kiền Liên tuy có đại thần thông, nhưng không thể cứu được mẹ của Ngài, do đó lập tức đi tìm Đức Phật, để nhờ Phật cứu giúp. Phật nói vì mẹ của Ngài, lúc còn sinh tiền phỉ báng

Tam Bảo, khinh khi chư Tăng, lại thích ăn cá, trứng, cho nên đọa làm ngạ quỷ ở trong địa ngục. Nếu muốn cứu vớt mẹ của Ngài, thì phải vào ngày rằm tháng bảy, ngày Phật hoan hỉ, chư Tăng Tự Tứ, thiết lễ Vu Lan Bồn để cúng. Trước khi cúng mười phương chư Phật, Pháp, Tăng, mười phương Tăng chưa dùng trai, thì người khác không được dùng trước, nhờ công đức thanh tịnh của mười phương Tăng, khiến cho mẹ của Ngài thoát khỏi biển khổ.

Phật chế hàng Tỳ Kheo, từ ngày rằm tháng tư đến ngày rằm tháng bảy, kiết hạ an cư ba tháng. Trong mấy tháng nầy mùa hè nóng nực, trời mưa, trên đường đi có nhiều côn trùng, vì dưỡng tâm từ bi thương xót tất cả chúng sinh, nên chư Tăng chẳng đi đâu xa, để tránh khỏi đạp chết những sinh linh nhỏ bé. Ngày mười lăm tháng bảy, là ngày chư Tăng kiết hạ viên mãn, là ngày Tự tứ, cũng là ngày Phật hoan hỉ. Ngày đó chư Tăng cùng nhau xem xét lỗi lầm với nhau, tự nhận lỗi lầm của mình, hoặc thỉnh chư Tăng nói ra lỗi lầm của mình, để sám hối, mọi người cùng nhau sửa đổi làm mới.

Cho nên, Đức Phật dạy tôn giả Mục Kiền Liên cúng dường chúng Tăng vào ngày nầy. Do đó, mỗi năm vào ngày rằm tháng bảy, mỗi chùa đều thiết lễ pháp hội Vu Lan Bồn, siêu độ cha mẹ bảy đời trong quá khứ, và cha mẹ đời nay đã qua đời. Vu Lan Bồn dịch là "Giải đảo huyền". Chúng sinh trong địa ngục chịu thống khổ, như bị dây thừng trói treo ngược xuống. Ngày nầy nhờ công đức cúng dường mười phương chư Phật Bồ Tát và hiền Thánh

Tăng, các Ngài có thể giải trừ thống khổ trong các đường ác.

Tên của tôn giả Mục Kiền Liên gọi là "Tì Lợi Bát", là tên cây, vì cha mẹ của tôn giả cầu nguyện nơi cây nầy, mà sinh ra tôn giả, tình hình cũng giống như Ngài Ca Diếp.

Khi Ngài Tu Bồ Đề và các vị tôn giả khác, nghe Đức Phật thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì hoan hỉ vui mừng hớn hở, nghe được pháp chưa từng nghe qua, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đây là biểu thị thân nghiệp thanh tịnh. "Sinh tâm hi hữu", biểu thị ý nghiệp thanh tịnh. "Hở bày vai phải", là biểu thị các Ngài buông bỏ pháp tiểu thừa, mà hướng về pháp đại thừa. Nghĩa là khai quyền hiển thật, ngày xưa chưa khai quyền, như vai mặt bị che lấp; nay đã khai quyền, cho nên hở vai phải. "Gối phải đụng đất", đất biểu thị thật pháp, thật trí. "Một lòng chắp tay", quyền thật không hai, quyền pháp tức thật pháp, thật pháp tức quyền pháp, khai quyền hiển thật, vì thật thí quyền. Chắp tay là biểu thị quyền thật không hai, không hai tức là một lòng chẳng phải quyền chẳng phải thật. "Cúi mình cung kính", thân mình chẳng thẳng cũng chẳng cúi, hay thẳng cũng hay cúi. Thẳng là biểu thị thật pháp, cúi là biểu thị quyền pháp. Nay cúi mình cung kính, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Thế Tôn, biểu thị các Ngài dùng "quyền" hướng về thật pháp của Phật. "Mà bạch Phật rằng", tức khẩu nghiệp thanh tịnh.

Chúng con đứng đầu trong hàng Tăng chúng, tuổi đã già nua, tự cho mình đã được Niết Bàn, chẳng kham nhiệm gì nữa, chẳng còn cầu mong quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

"Chúng con" là chỉ Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên, Ngài Ma Ha Ca Diếp và Ngài Ma Ha Mục Kiền Liên. Các Ngài đứng đầu trong hàng Tăng chúng, song tại sao các Ngài không tu tập pháp đại thừa để cầu Phật đạo? Vì các ngài xuất gia đã lâu, tuổi hạ cao, những người hậu bối đều lấy các Ngài làm mô phạm, nếu sửa đổi bỏ pháp tiểu thừa để cầu đại thừa, thì sợ người sau quở trách, vì muốn giữ sự tín nhiệm của người khác đối với các Ngài, cho nên chấp trước tiểu thừa mà chẳng cầu pháp đại thừa, chẳng muốn xả bỏ tiểu thừa, đều vì chưa biết khai ba quyền thừa để hiển thật thừa pháp. Ba quyền thừa tức : Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa. Vì chấp nơi tiểu thừa chưa bỏ đi, giữ gìn kiến giải của mình, cho nên không thể khai quyền hiển thật, bỏ quyền về thật, mà gây nên lỗi lầm thứ nhất. Lỗi lầm thứ hai là tự cho rằng tuổi tác đã già nua, có thể tránh trách nhiệm nặng nề hành Bồ Tát đạo rộng độ tất cả chúng sinh. Các Ngài quá xem thường chính mình, chấp trước việc tuổi tác đã cao, chẳng còn làm gì được nữa, cho nên lười tinh tấn, cầu Phật đạo.

Lỗi lầm thứ ba là các Ngài tự cho rằng mình đã chứng được Niết Bàn, đây là chưa chứng mà nói chứng. Theo sự trắc lượng của các Ngài cho rằng, hoa sen chẳng sinh nơi đất cao, chỉ lớn lên ở dưới nước, cho nên nói mình đã vào chánh vị vô vị, được Niết Bàn, chẳng còn kham phát tâm bồ đề, cho rằng những gì làm trước kia đều là Bồ Tát đạo, song vì mê thật pháp mà chẳng hiểu nghĩa của nó, chẳng còn mong cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Thế Tôn trước kia nói pháp đã lâu, con ngồi tại tòa thân thể cảm thấy mệt mỏi, chỉ nhớ pháp không, vô tướng, vô tác. Nơi pháp Bồ Tát du hí thần thông, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, thì tâm chúng con chẳng vui thích. Tại sao ? Vì đức Thế Tôn khiến cho chúng con ra khỏi ba cõi, chứng được Niết Bàn. Hơn nữa, nay chúng con tuổi đã già nua, chẳng sinh tâm niệm ưa thích nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà đức Phật giáo hóa Bồ Tát.

Bốn vị tôn giả bạch Phật: "Đức Thế Tôn ! Trước kia Phật nói pháp thời gian lâu dài, chúng con ngồi lâu, dần dần cảm thấy mỏi mệt giải đãi, vì chỉ nghĩ nhớ pháp tiểu thừa : Không, vô tướng, vô tác. Tức là không vô sở hữu,

tức không cần hành Bồ Tát đạo, hoặc tu công đức, cho nên chẳng vui thích pháp Bồ Tát du hí thần thông, giáo hóa thành tựu tất cả chúng sinh, cho đến nghiêm tịnh cõi Phật, cũng chẳng sinh một niệm tâm vui mừng, Đó là được ít cho là đủ, lỗi giải đãi chẳng tinh tấn. "Vì sao" ? Vì sao chúng con chẳng cầu pháp đại thừa ? Vì Phật từng nói khiến cho chúng con ra khỏi ba cõi, chứng được Niết Bàn, hơn nữa, nay tuổi chúng con đã già sức yếu, cho nên nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Phật mở bày cho Bồ Tát đại thừa, chúng con chẳng sinh tâm ưa thích.

Hôm nay chúng con ở trước đức Phật, nghe thọ ký cho hàng Thanh Văn, sẽ thành Vô hượng chánh đẳng chánh giác, tâm chúng con rất vui mừng được chưa từng có, không ngờ hôm nay hốt nhiên được nghe pháp chưa từng có, rất tự mừng may được lợi lành lớn, vô lượng châu báu, chẳng cầu mà tự được.

Hôm nay chúng con ở trước Phật, được nghe Phật thọ ký cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát sẽ thành Phật, thấy Ngài Xá Lợi Phất được thọ ký, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong tâm chúng con rất vui mừng, vì đây là biểu thị chúng con cũng sẽ được Phật thọ ký. Nay nghe pháp hi hữu Kinh Diệu Pháp Liên

Hoa nầy, rất tự mừng may được lợi lành lớn, như hốt nhiên được vô lượng châu báu, chẳng cầu mà tự được.

Đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay xin nói ví dụ để làm rõ nghiã đó. Ví như có người tuổi còn nhỏ, bỏ cha trốn đi sang nước khác, ở lâu hoặc mười, hai mươi, cho đến năm mươi năm.

Đức Thế Tôn ! Hôm nay chúng con xin dùng một ví dụ để làm sáng tỏ nghiã nầy. “Ví như có người“, dụ cho người nhị thừa. "Tuổi còn nhỏ" dụ cho người căn lành còn yếu kém, vì không thể thọ pháp đại thừa mà bỏ cha đi xa. “Cha” dụ cho ứng thân của Phật. Trong thời gian lâu dài nơi hai vạn ức vị Phật xuất hiện ra đời, Phật Thích Ca vẫn giáo hóa chúng sinh thành vô thượng đạo, như cha lành đối với tất cả chúng sinh. Song, khi ứng thân của Phật vào Niết Bàn rồi, thì chúng sinh thối tâm bồ đề, cho nên gọi là “trốn đi”. “Sang nước khác ở lâu” : Tức chỉ ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc) và năm dục : Tài, sắc, danh, ăn, ngủ, nghĩa là chúng sinh nhiễm sâu trần lao năm dục, chẳng biết bỏ mê về giác. Đường cõi trời, là "mười", đường cõi người là "hai mươi", "năm mươi năm" dụ cho năm đường chúng sinh: Trời, người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. A tu la chẳng lập riêng một đường, vì trong năm đường đều có A tu la. Chúng sinh trong ba cõi đều quay lưng với giác

ngộ, mà hợp với trần lao, chẳng biết pháp môn tìm cầu giải thoát.

Người đó tuổi tác đã lớn, lại thêm bần cùng khốn khổ, lang thang khắp bốn phương, để tìm cầu cơm ăn áo mặc, lần lần du hành tình cờ trở về bổn quốc.

"Người đó tuổi tác đã lớn", dụ cho hạt giống đại thừa còn tồn tại, song vì bỏ đại thừa mà tu tập tiểu thừa, thối lùi đã lâu, phước đức từ từ tiêu mất, cho nên gọi là nghèo khổ. "Lại thêm bần cùng khốn khổ": Tức tám thứ khổ: Sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh. Chúng sinh trong ba cõi chịu đủ tám thứ khổ, chẳng ra khỏi đặng, cho nên nói là "bần cùng", tám thứ khổ trói buộc như lửa thiêu đốt, nên gọi là "khốn khổ".

"Lang thang khắp bốn phương ": Tức thiên về thân thọ, tâm, pháp. "Tìm cầu cơm ăn áo mặc": Chẳng thiên về phải trái, ở giữa cầu chánh đạo cơm ăn và chánh đạo áo mặc. "Lần lần du hành, tình cờ trở về bổn quốc": Tức chẳng phải như ý muốn, chỉ là sự tình cờ. Ngoại đạo chán khổ cầu đạo, tu các khổ hạnh, tuy là chẳng chánh đáng, cũng được nhân duyên có thể giáo hóa họ. Như Phật mới thành đạo, thì các ngoại đạo đều được độ trước, tức cũng là ý nầy.

Người cha từ trước đến nay, tìm con chẳng được, bèn dừng lại tại một thành trong nước đó. Nhà ông đó rất giàu có, của cải báu vật vô lượng, nào là : Vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, trân châu .v.v... các kho tàng của cải, thảy đều tràn đầy. Có nhiều tôi tớ, thần tá sử dân, voi ngựa xe cộ, bò dê, nhiều vô số, cho vay thâu vào lời lãi khắp đến nước khác, khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều.

"Người cha từ trước đến nay, tìm con chẳng được": Dụ cho Phật dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, song chúng sinh bỏ trốn đến nước khác. Phật tìm "con" chẳng được, nhưng không thể vì một đứa con mà bỏ gia nghiệp, cho nên dừng lại ở tại một thành trong nước đó. "Trong" tức là giữa cõi thật báo và cõi phương tiện. Phật lúc ban đầu dừng nơi hữu dư Niết Bàn Hóa Thành, tức dừng nơi quyền lý, chẳng muốn nói pháp yếu mà muốn vào Niết Bàn, nhưng vì "nhà ông rất giàu có", pháp tài vô lượng (Chỉ Tam tạng mươi hai bộ Kinh các pháp bảo), muốn có người sau nấy kế thừa gia nghiệp của Như Lai, cho nên chẳng vào Niết Bàn. Quyền lý nầy là thật tướng, nên gọi là "nhà ông". Đầy đủ vạn đức, cho nên gọi là rất giàu có.

Vàng bạc bảy báu, và "bảo châu như ý", đại đồng tiểu dị, chỉ cần được một hạt châu như ý, thì đồng như được các báu vật khác, đây là biểu thị tiểu thừa ba mươi bảy đạo phẩm, bốn thánh đế, mười hai nhân duyên, và đại thừa lục độ vạn hạnh, các pháp bảo.

"Các kho tàng của cải": Tức là vô lượng pháp bảo sở tại. "Có nhiều tôi tớ, thần tá sử dân": Dụ cho pháp thiện xảo phương tiện của Phật.

"Voi" dụ cho nhất tâm tam quán, pháp viên giáo đại thừa. Tam quán nầy đồng tại một lúc, chẳng lìa một mà có, không tức giả, giả tức không, cũng không, cũng giả. Đây là pháp môn viên giáo sở tu của Bồ Tát, là đốn ngộ mà chẳng phải tiệm tu.

"Ngựa", đại biểu thứ đệ tu hành từ từ vào tam quán của đại thừa:

1. Quán không,
2. Quán giả,
3. Quán trung.

Đây là biệt giáo đại thừa.

"Bò" dụ cho không, tích, hai quán, là thông giáo các pháp đại thừa.

"Dê" Dụ cho tích pháp tự hành quán, từ Thanh văn thừa tu, thì có thể vào đại thừa. Khi có Phật tại thế, thì Duyên Giác và Thanh Văn thành một thể.

"Vô số" tức là chúng sanh tiểu thừa nhiều vô số lượng. "Cho vay thâu vào lời lãi": "Cho vay" là chỉ tâm

sinh vạn pháp, "thâu vào" tức vạn pháp quy về tâm. "Lời lãi" là giáo hóa chúng sinh được pháp đại thừa, tự thân được lợi ích. Như lợi tức ở ngân hàng, nếu độ được nhiều chúng sinh, thì được nhiều lợi, do đó mà "khắp đến nước khác", khắp tam giới. "Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều": Biểu thị quả vị bậc đại, tiểu thừa rất đông nhiều. Nghĩa là các Bồ Tát vào tam giới để cầu pháp lợi, giáo hóa chúng sinh, hoặc Bồ Tát cõi nầy đến cõi khác nghe pháp, hoặc Bồ Tát cõi khác đến cõi nầy nghe kinh, hoặc vì khế cơ mà ứng hoá làm Thanh văn, gọi là ứng và hoá thân. Ví như buôn bán đem thật pháp vào khắp tam giới, giáo hoá lợi ích chúng sinh, sau khi hoàn thành thì trở về pháp thân tức nhập diệt, cho nên cũng gọi là rất đông nhiều.

Bấy giờ, gã cùng tử đi dạo đến các tụ lạc, trải qua các xóm làng, lần hồi đến thành của người cha ở.

"Gã cùng tử": Tức là hàng nhị thừa. "Đi dạo đến các tụ lạc": Tức đi dạo trong nhà lửa tam giới, chịu các sự khổ, rất nhàm chán mõi mệt, muốn cầu thoát khỏi. "Trải qua xóm làng": Tức là lặn lội đường dài, trải qua vô số nước khác, nghiã là quán sát tụ lạc năm uẩn, và cõi nước mười tám giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức), từ đây mà vào xóm, tức quán mười hai nhân duyên, nơi nơi cầu chánh trợ cơm áo, do khốn cảnh nầy, mà cảm lòng đại bi

của Phật, có được nghĩa tịch diệt, cho nên nói lần hồi đến thành của người cha ở.

Người cha nhớ con, cách biệt con đã hơn năm mươi năm, mà chưa từng nói với ai về việc nầy, chỉ tự suy nghĩ, lòng rất hối tiếc, tự nghĩ mình đã già nua. Có nhiều của cải, vàng bạc châu báu, kho tàng tràn đầy, mà chẳng có con cái. Một khi chết mất, thì của cải sẽ mất đi, chẳng có người giao phó, cho nên rất ân cần luôn nhớ đến con. Lại nghĩ rằng, nếu ta gặp lại con để giao phó của cải, thì sung sướng biết mấy, chẳng còn sầu lo.

"Người cha nhớ con": Phật luôn luôn nhớ các Phật tử căn cơ đại thừa, cách biệt con đã "hơn năm mươi năm": Đại biểu trời, người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục, các chúng sinh. Song, ông ta chưa từng nói với ai. Phật thì chẳng nói, vậy các vị Bồ Tát biết việc nầy chăng ? Biết. Song, Phật chẳng nói, mà các Bồ Tát cũng im luôn, vì biết chúng sinh căn cơ đại thừa chưa chín mùi. Tâm Như Lai rất hối tiếc, ban đầu chẳng ân cần giáo hóa pháp lớn, e rằng họ sẽ thối thất bổn tâm, hơn nữa con ngu si đã trốn đi, bỏ giác hợp trần mà trong lòng rất lo lắng.

"Tự nghĩ mình đã già nua": Dụ cho Phật ra đời, giáo hóa chúng sinh hoàn mãn rồi, tất cả pháp đại thừa, giàu có đủ pháp tài, thiền định Bát nhã trí đức, mà chẳng có con cái để kế thừa. Một khi báo thân mất đi, thì công đức pháp tài chẳng có ai tiếp nối, cho nên ân cần luôn luôn nhớ đến đứa con thất lạc, nếu có người để giao phó lại của cải pháp tài, thì trong tâm sung sướng biết mấy, chẳng còn sầu lo nữa gì nữa.

Đức Thế Tôn ! Lúc bấy giờ, gã cùng tử làm thuê làm mướn, lần hồi đến nhà người cha, bèn đứng bên cửa, xa trông thấy người cha ngồi trên giường sư tử, ghế báu đỡ chân. Các vị Bà la môn, Sát đế lợi, cư sĩ thảy, đều cung kính vây quanh. Dùng chuỗi trân châu giá trị ngàn vạn, để trang nghiêm thân, các sử dân tôi tớ tay cầm phất trần trắng đứng hầu hai bên. Màn báu che phía trên, các hoa phan thòng xuống, nước thơm rưới đất, rải các thứ hoa quý, các báu vật la liệt, phát ra thâu vào, lấy, cho, có đủ thứ sự, nghiêm sức như thế, uy đức rất tôn kính quý trọng. Gã cùng tử thấy cha có thế lực rất lớn, bèn sinh

tâm kinh sợ, hối hận về việc đến chỗ nầy, bèn nghĩ thầm rằng : Ông nầy chắc là vua, hoặc là bậc đồng vua, chẳng phải chỗ của ta làm thuê mướn được tiền vật, chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo, có chỗ cho ta ra sức chăm làm, để kiếm được đồ mặc vật ăn. Nếu ở đây lâu, họ sẽ cưỡng ép sai ta làm, nghĩ như thế rồi, bèn mau bỏ chạy đi.

Đức Thế Tôn ! Khi người cha già nghĩ nhớ gã cùng tử, thì gã cùng tử làm thuê làm mướn lưu lạc khắp đó đây. Ý nói họ đã bỏ đại thừa, ở trong tam giới chịu các sự thống khổ, cho nên tâm sinh nhàm lìa, mà đi tứ xứ tìm cầu đường thoát ly, từ đó dần dần tích tập căn lành xuất thế, do căn lành nầy mà cảm ứng lòng từ bi của Phật, cho nên cuối cùng về đến nhà người cha : "Đứng ở bên cửa": Gã cùng tử thấy người cha và sự trang nghiêm đẹp đẽ, cho nên chẳng dám ngang nhiên đứng giữa cửa. Đây là biểu thị người tiểu thừa thiên về không, thiên về giả, mà chẳng đứng nơi trung đạo. "Xa trông thấy người cha": Tuy nhiên hiện nay lìa đạo đã xa, còn có thể ở xa trông thấy người cha, ý nói người tiểu thừa còn có căn cơ đại thừa. "Ngồi ở trên giường sư tử": Tòa cao rộng lớn nầy, chạm hình con sư tử, dụ cho Phật ngồi toà pháp vương, hiển hiện vạn đức

đầy đủ, trang nghiêm viên mãn báo thân pháp thân và hoá thân. "Ghế báu gát chân": Biểu thị Phật đầy đủ định huệ.

"Các vị Bà La Môn": Là giai cấp cao nhất trong bốn giai cấp của Ấn Độ thời xưa, tu hành phạm hạnh, đức hạnh thanh cao, đây dụ cho Đẳng Giác vị và Bồ Tát Pháp Vân Địa trong hội Hoa Nghiêm. "Sát đế lợi": Là dòng dõi vua chúa, dụ cho các đại Bồ Tát từ sơ địa đến cửu địa trong hội Hoa Nghiêm. "Cư sĩ": Đại biểu ba mươi tâm Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Những vị Bồ Tát nầy, đều cung kính nhiễu quanh Đức Phật.

"Chuỗi trân châu": Dụ cho cứu kính giới, định thủ Lăng Nghiêm, Nhất thiết chủng trí, pháp âm Đà la ni bốn trí. "Giá trị ngàn vạn để trang nghiêm thân": Dụ cho Phật Pháp vi diệu thâm áo, không thể luận bàn dò lường. "Các sử dân tôi tớ": "Sử dân" là Bồ Tát đã chứng quả, "tôi tớ": Bậc tu hành phương tiện Ba la mật, đồng với thật trí.

"Tay cầm phất trần trắng": Dụ cho dùng quyền trí. "Đứng hầu hai bên": "Bên trái" biểu thị nhập vào không khí và quét đi bốn trụ trần :

1. Ái kiến trần.
2. Ái dục trần.
3. Ái sắc trần.
4. Ái vô sắc trần.

"Bên phải" biểu thị nhập vào giả trí, quét sạch vô tri trần. "Hai bên", biểu thị quét không trần và giả trần, đây là trung đạo phương tiện, cho nên nói là hai bên.

"Màn báu che phía trên": Dụ cho từ bi chân thật. "Các hoa phan thòng xuống": Hoa dụ cho bốn pháp nhiếp:

- Bố thí,
- Ái ngữ,
- Lợi hành và
- Đồng sự.

Bố thí có ba :

- Tài thí,
- Pháp thí và
- Vô úy thí.

Ái ngữ là nói lời hòa nhã, êm diệu. Lợi hành là hành vi lợi ích kẻ khác. Đồng sự là thị hiện thân phận đồng với chúng sinh. "Phan" dụ cho thần thông:

1. Thiên nhãn thông.
2. Thiên nhĩ thông.
3. Tha tâm thông.
4. Túc mạng thông.
5. Thần túc thông.
6. Lậu tận thông.

"Nước thơm rưới đất": Dụ cho nước pháp (pháp thuỷ) rưới vào tâm địa của các Bồ Tát rửa sạch hoặc trần. Cũng dụ cho nước "định" rưới "tâm tán loạn". "Rải các thứ hoa quý" : Phong ích, tính bình đẳng và tôn qúy, ý nói Bồ Tát đại thừa như thất tịnh hoa. Hoa biểu hiện cho bốn trí :

- Thành sở tác trí.

- Diệu quán sát trí.
- Bình đẳng tính trí.
- Đại viên cảnh trí.

Thất tịnh hoa:

1- Tam tụ tịnh giới.
2- Thủ Lăng nghiêm đại định.
3- Thật huệ.
4- Đoạn nhị đế nghi.
5- Hành ư phi đạo thông đạt Phật đạo.
6- Trí đức viên mãn.
7- Đoạn đức thành tựu.

Người nào muốn đắc được định, thì trước phải giữ giới mới có định và huệ. Cho nên trong sự tu đạo, giới là quan trọng nhất. Giới có năm:

1- Không sát sinh.
2- Không trộm cắp.
3- Không tà dâm.
4- Không nói dối.
5- Không uống rượu.

Có người nói : Sát sinh, trộm cắp có thể giữ được, giới không tà dâm tuy không dễ, song cũng phải giữ, giới nói dối là ác tập nên trừ khử. Song, uống một vài ly rượu thì đâu có vấn đề gì ! Hà tất phải giữ giới rượu ? Bạn nói họ nói như vậy có lý chăng ? Hoàn toàn sai ! Rượu khiến cho con người loạn tâm tính mà gây ra việc sát sinh, trộm

cắp, tà dâm và nói dối. Trong trường hợp nào đó, bạn nói dối mà chẳng biết, còn cho rằng mình chẳng có phạm lỗi.

Tôi nhớ đến một câu chuyện, có một người nọ giữ gìn năm giới, giới rượu đã giữ được hai ba năm. Một ngày nọ, hốt nhiên khởi ý niệm uống rượu, cho rằng uống một vài ly rượu đâu có vấn đề gì. Bắt đầu anh ta chỉ uống một chút, từ từ càng uống càng nhiều, say lúc nào chẳng hay. Hốt nhiên thấy con gà nhà kế bên chạy qua nhà anh ta, cho rằng trời ban cho, bèn bắt gà làm thịt ăn, lát sau có cô gái nhà kế bên chạy qua tìm gà, thì anh ta nói chẳng thấy gà. Thấy cô gái bèn nổi tâm dâm dục, làm ô nhục cô ta. Vì anh ta phạm giới rượu, mà gây ra tội sát sinh, trộm cắp, tà dâm và vọng ngữ. Đủ thấy giới rượu rất là quan trọng.

Tịnh Hoa thứ hai : Thủ Lăng Nghiêm đại định là đại định tất cả sự cứu kính kiên cố. Chúng ta làm bất cứ việc gì, đều phải triệt để kiên cố, có tâm kiên, thành, hằng, thì mới có đại định, tu đại định thì sau sẽ thành tựu định lực tất cả sự cứu kính kiên cố, tức là đại quả.

Tịnh Hoa thứ ba: Thật huệ, thật huệ nầy ai ai cũng có đủ, chẳng có ai mà không có trí huệ. Song, bây giờ chúng ta chẳng những không hiểu được sự vận dụng mà còn quên đi mất, ngược lại cứ dụng công phu trên trí quyền xảo phương tiện, đó là trí thế gian mà thôi, là hư vọng chẳng thật. Thật trí mới là trí huệ siêu thế gian, hay khiến cho thấy được thật tướng của các pháp.

Tịnh Hoa thứ tư: Đoạn hai đế nghi:

a. Không đế: Quán tự tính vốn không của các pháp, phá trừ pháp chấp.

b. Giả đế: Đây là tác dụng của nhân duyên, hiện tượng y chánh, đồng nơi huyễn hoá, cho nên giả đế là lập pháp. Hai đế nầy thiên về không, hoặc thiên về có, chẳng vào trung đạo, cho nên chẳng phải cứu kính, mà phải đoạn trừ.

Tịnh Hoa thứ năm: Hành ư phi đạo thông đạt Phật đạo. Sở hành phi đạo như là pháp tiểu thừa hoặc như khổ hạnh của ngoại đạo, song cuối cùng vẫn phải trở về với đại thừa, tu pháp đại thừa mới thành tựu Phật đạo.

Tịnh Hoa thứ sáu: Trí đức viên mãn tức là minh tâm kiến tánh.

Tịnh Hoa thứ bảy: Đoạn đức thành tựu, biểu thị phá sạch vô minh.

"Các báu vật la liệt, phát ra thâu vào lấy cho, có đủ thứ sự nghiêm sức như thế": Biểu thị đại thừa diệu pháp. "Phát ra" tức giáo hóa chúng sinh pháp đại thừa. "Thâu vào" biểu thị nhiếp thọ người nhị thừa. "Uy đức rất tôn kính quý trọng" biểu thị vô biên đại uy đức thần lực, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

"Gã cùng tử thấy cha có thế lực lớn": Tức người nhị thừa trí nhỏ đức mỏng, thấy Phật có sức đại trí huệ thần thông, và uy đức thân tướng tốt trang nghiêm, mới khởi tâm kinh sợ hoài nghi: "Tướng trang nghiêm vi diệu nầy, trước kia con chưa từng thấy, phải chăng là ma vương ?"

Bèn tỉnh ngộ ăn năn về việc đến chỗ nầy, muốn đi đến xóm nghèo, tu pháp nhị thừa, lấy sự cầu chánh đạo làm "vật ăn", ngộ đạo làm "đồ mặc". Với trí huệ của ngài Xá Lợi Phất, còn sinh tâm nghi hoặc đối với Phật: "Phải chăng đây là ma giả Phật, nhiễu loạn tâm ta ư ?" Huống gì là người mới vào đạo? Gã cùng tử chẳng dám ở lại lâu nơi đây, sợ bị ép tu tập pháp đại thừa, mà cất bước chạy nhanh. Chẳng phải là chỗ người tiểu thừa được lợi ích, cho nên nói "Chẳng phải chỗ của ta làm thuê mướn được tiền vật", ý nói căn cơ nhỏ không thể tiếp thọ giáo hóa pháp đại thừa,

Tu pháp đại thừa Bồ Tát chẳng dễ gì thực hành, nhậm vận vào sinh tử, du hí nhân gian, tịnh cõi nước Phật, giáo hóa chúng sinh. Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, vào sinh tử mà chẳng sinh tử; tại phàm trần mà xuất phàm trần. Người nhị thừa thì nhàm sợ sinh tử, và sợ rộng học vạn hạnh, bỏ lớn giữ nhỏ, cho nên nơi cửa đại thừa mà bỏ đi mau.

Lúc đó, ông trưởng giả giàu có ngồi trên tòa sư tử, nhìn thấy biết là con mình, trong tâm rất vui mừng, bèn nghĩ : Của cải kho tàng của ta, nay đã có người giao phó. Ta thường nhớ đến đứa con nầy mà chẳng

thấy, nay nó bỗng nhiên đến đây, rất vừa ý của ta, ta tuy tuổi già, do vì tham tiếc.

Lúc đó, Phật ngồi trên tòa sư tử, "nhìn thấy biết là con mình": Tức là biết những người tiểu thừa, vì quá khứ Phật đã từng giáo hóa chúng sinh pháp đại thừa, cho nên tâm rất vui mừng, kho tàng trí huệ đức hạnh đã có người giao phó, nguyện lực của Phật sẽ viên mãn. "Của cải kho tàng": Tức là pháp tài, thiền định và vô lượng pháp môn giải thoát, như : Ba mươi bảy đạo phẩm, sáu độ vạn hạnh, mười hai nhân duyên, bốn diệu đế, các pháp tạng, nay đã có chỗ giao phó.

Tuy nhiên ta thường nghĩ nhớ chúng sinh lưu chuyển trong biển khổ sinh tử, muốn cứu vớt, nhưng vì chúng sinh bỏ Phật trốn đi quá xa, cho nên chẳng thể thấy. "Nay nó bỗng nhiên đến đây": Biểu hiện nay họ đã hồi tiểu hướng đại, phát đại bồ đề tâm, rất là vừa ý của ta. Tuy ta tuổi tác đã già nua, sẽ vào Niết Bàn, do vì tham ái thương tiếc. Tức tương lai độ được người nào, thì người đó có căn cơ đại thừa, có thể giao phó pháp lớn cho người đó.

Ông liền sai người hầu cận đuổi gấp theo bắt lại. Lúc đó, kẻ sứ giả chạy mau đến bắt lại, gã cùng tử kinh ngạc lớn tiếng kêu oan: Tôi không phạm lỗi gì, sao lại bắt tôi ?

Người sứ giả càng nhanh qua bắt, cưỡng dắt đem về. Lúc đó, gã cùng tử tự nghĩ, mình chẳng có tội gì mà bị bắt, chắc chắn phải chết, lại càng sợ hãi, ngất xỉu ngã xuống đất.

Phật liền sai khiến Bồ Tát "đuổi gấp theo bắt lại": Dùng đốn giáo pháp đại thừa để giáo hóa người tiểu thừa, muốn khiến cho họ đốn ngộ vô thượng đạo. "Chạy mau bắt lại", đơn đao vào thẳng, kiến tánh thành Phật. Nhiếp hóa chúng sinh, khiến cho họ vào trí huệ của Phật. Người nhị thừa tu tập pháp nhỏ (pháp tiểu thừa), đột nhiên nghe được pháp lớn (pháp đại thừa) nầy, bèn sinh tâm kinh ngạc. Tiểu thừa lấy phiền não làm oán, sinh tử làm khổ. Nếu thường nói với họ phiền não tức bồ đề, thì họ lớn tiếng kêu oan, nếu họ nghe sinh tử tức Niết Bàn, thì họ lớn tiếng kêu thống khổ, tôi vô ý cầu pháp đại thừa, sao lại bức bách tôi. Kẻ sứ giả, càng nhanh qua muốn cho họ tự thức bản tính, người nhị thừa "tự nghĩ mình chẳng có tội": Tự bảo chẳng có đại từ bi tu pháp lớn nầy, cho nên chẳng muốn bị pháp lớn ràng buộc. Chúng sinh nghiệp nặng cho nên ở trong ngục sinh tử, Bồ Tát dùng tâm đại từ bi vào ngục cứu vớt. Người tiểu thừa tự bảo chẳng có đại phương tiện mà vào sinh tử, tất sẽ mất đi tam thừa huệ mạng, cho nên nói "chắt chắn phải chết": Suy lường như thế lại càng sợ hãi. Người trí nhỏ chẳng hiểu pháp lớn, cho nên nói

"ngất xỉu". "Ngã xuống đất" : Tức là đắm chìm ở trong vô minh.

Người cha ở xa trông thấy vậy, bèn nói với sứ giả: Không cần người đó, chớ cưỡng đem đến, hãy lấy nước lạnh rưới lên mặt cho nó tỉnh lại, đừng nói chi với nó. Tại sao ? Vì người cha biết con mình ý chí hạ liệt, tự biết mình giàu sang, làm cho con khiếp sợ. Biết rõ là con, bèn dùng phương tiện, chẳng nói với người khác đó là con mình. Người sứ giả nói : Nay ta thả ngươi muốn đi đâu tùy ý. Gã cùng tử vui mừng được chưa từng có, từ đất đứng dậy, đi đến xóm nghèo, để tìm cầu sự ăn mặc.

Phật thấy người nhị thừa chẳng thọ Bồ Tát giáo hóa, tức chẳng có đại căn cơ, sợ thương hại căn lành của họ, cho nên tùy thuận căn tính của họ mà dạy Bồ Tát dùng pháp phương tiện giáo hóa. ''Lấy nước lạnh rưới lên mặt'': Nếu ai ngất xỉu ngã xuống đất, thì lấy nước lạnh rưới lên mặt của họ, thì sẽ khiến cho họ tỉnh lại. Đây là biểu thị dùng pháp thủy bốn diệu đế của hàng Thanh Văn, khiến cho họ tu hành, từ từ sẽ chứng quả. Phật biết người

nhị thừa ý chí hạ liệt cầu pháp nhỏ. ''Tự biết mình giàu sang'': Vì Phật có đại oai đức, ''pháp thân'': Biến khắp pháp giới, ''báo thân'' và ''ứng thân'': Rất thù đặc tôn quý, mà người tiểu thừa chẳng dễ gì tin thọ. Phật quán nhân duyên nầy rồi, biết rõ họ nơi hai vạn ức vị Phật, đã từng phát đạo tâm, thật là con của Phật. ''Chẳng nói với người khác'': Tức trước kia vì thật mà thí pháp phương tiện quyền xảo, nơi vườn lộc uyển vì năm vị Tỳ Kheo nói pháp bốn diệu đế, cho đến mười hai nhân duyên. Trong các pháp hội A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Phật chưa từng đề cập đến hàng Thanh Văn Duyên Giác là con của Phật, chỉ có trong hội Pháp Hoa, cơ duyên đã thành thục, vì Xá Lợi Phất thọ ký sẽ thành Phật, mới nói các Ngài là con của Phật.

''Nay ta thả ngươi'': Tức là biết căn cơ mỏng cạn, tùy ý thích của họ, gã cùng tử vui mừng, chẳng vì pháp lớn ép buộc, cho nên vui mừng. Tạm lưu lại nơi pháp nhỏ có thể được tỉnh ngộ, cho nên nói "từ đất đứng dậy", lại tu chánh đạo và trợ đạo, như "tìm cầu sự ăn mặc".

Bấy giờ, ông trưởng giả muốn dẫn dụ con mình, bèn bày phương tiện, bí mật sai hai người hình sắc tiều tụy, chẳng có uy đức, bảo họ đi tìm, và nói với gã cùng tử, ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội. Nếu gã cùng tử chịu, thì dẫn về cho gã làm. Nếu nó có hỏi

sai làm gì, thì nói là thuê hốt phân, chúng ta hai người cũng làm chung với ngươi.

"Muốn dẫn dụ con mình": Phật quán căn cơ của họ, mà bày phương tiện pháp môn. "Bí mật sai hai người": Phái Bồ Tát hóa làm người Thanh văn thừa để độ hóa, nơi "giáo pháp" mà nói, tức pháp bốn diệu đế, mười hai nhân duyên. Nếu nơi "người" mà nói, tức người nhị thừa, tức Thanh Văn và Duyên Giác; nơi "lý", tức có làm chân tục hai đế. "Bí mật sai": Chiếu theo giáo lý tức ẩn thật là "bí mật", khai quyền là "sai khiến". Mật giáo tức viên giáo, mãn tự giáo, như Kinh Pháp Hoa vậy. Bán tự giáo tức di giáo, như tam tạng và thông giáo. Nơi người mà nói thì bên trong bí ẩn hạnh Bồ Tát là mật, bên ngoài hiện thân Thanh Văn là sai khiến.

Người tiểu thừa chẳng tu tướng tốt, song nói : Khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh quán, thiên về không chẳng phải là trung đạo, cho nên nói "hình sắc tiều tụy". ''Chẳng có uy đức'' : Tức chẳng đủ mười lực, bốn vô sở úy. Ý nói Bồ Tát đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì hiện thân Thanh Văn, mà vì họ nói pháp để giáo hóa họ. ''Ở đây có chỗ làm'': Thấy, tu hai lối, tức nhị quả, tam quả La Hán vị. Khổ hạnh của ngoại đạo chỉ phục được hoặc, mà không thể đoạn sạch được hoặc. Hoặc có thể phân ra thô hoặc và tế hoặc. Kiến (thấy), tư (suy nghĩ) hoặc là thô hoặc, trần sa hoặc là tế hoặc, vô minh hoặc có thể đạt đến sắc giới, vô sắc giới, tức tự cho rằng đến được

cõi trời, cho rằng là cứu kính. Thật tế thì chưa ra khỏi tam giới, như ở trong nhà lửa. ‘’Trả giá gấp bội‘’: Nếu tu pháp bốn diệu đế và mười hai nhân duyên, thì có thể đoạn vô minh, dứt sinh thoát tử, vượt ra tam giới. ‘’Nếu gã cùng tử chịu‘’: Tức người có căn cơ thì được giáo hóa, nếu chẳng đối cơ thì không thể giáo hóa. ‘’Thuê người hốt phân‘’: Biểu thị khổ, tập, hai đế trong bốn diệu đế, trừ kiến, tư hai hoặc. ‘’Chúng ta hai người, cũng làm chung với ngươi‘’: Biểu thị Bồ Tát thị hiện thân nhị thừa, cũng cùng nhau tu hành tiểu thừa.

Khi đó, hai kẻ sứ giả tìm được gã cùng tử rồi, bèn thuật lại đủ mọi việc như trên. Bấy giờ, gã cùng tử trước hết hỏi lấy giá cả, liền đến hốt phân. Người cha thấy con, thương xót mà trách.

Lúc đó, Bồ Tát hóa thành người nhị thừa, đến chỗ gã cùng tử (chỗ chúng sinh), quán cơ thí giáo, biết rõ có căn cơ, cho nên nói đã tìm được. Hai người vì họ mà nói việc tiểu thừa, tức hốt phân: Khổ, tập, diệt, đạo. Song, gã cùng tử sợ bị lừa, cho nên trước hết lãnh lấy tiền làm công, sau mới chịu làm thuê, ý nói trước hết phải mộ diệt, sau mới chịu tu đạo. Người cha thấy con, thương sót họ thủ quả tiểu thừa, mà trách họ chẳng cầu Phật đạo.

‘’Trước hết hỏi lấy giá cả‘’: ‘’Giá cả‘’ nầy cũng có thể dụ cho sự giá trị vi diệu của Kinh Pháp Hoa.

Giảng đến đây, hốt nhiên tôi nhớ lại một câu chuyện : Tại Trung Quốc vào đời nhà Tấn, có một vị pháp sư tên là Vân Dực, kiếp trước là một con gà rừng, đời nầy được đầu thai làm người, mà tu hành chánh quả. Tại sao gà rừng được đầu thai làm người ? Vì mỗi lần đại sư Pháp Trí giảng Kinh Pháp Hoa, thì đều thấy có một con gà rừng đến nghe kinh, bảy năm như một ngày. Sau đó, con gà rừng nầy chết đi, thì đêm đó đại sư Pháp Trí mộng thấy một vị đồng tử nói: ‘’Ta là con gà rừng mà hằng ngày đến nghe Ngài thuyết pháp, do sự nghe pháp mà tôi đã đầu thai vào nhà cư sĩ Hoàng, tương lai sẽ xuất gia với đại sư‘’.

Mấy năm sau, cư sĩ họ Hoàng thiết trai cung thỉnh đại sư Pháp Trí, khi đứa bé vừa thấy đại sư đến, thì vui mừng chạy đến nói rằng: ‘’Sư phụ của con đến rồi‘’!

- Đại sư Pháp Trí nói: ‘’Thì ra ngươi là con gà rừng đó‘’! Họ cởi áo của đứa bé xuống, thì thấy trên thân của đứa bé có ba cái lông chim. Cha của đứa bé thấy vậy, thì cho phép đứa bé lạy đại sư Pháp Trí làm thầy, và xuất gia tu đạo.

Pháp sư Vân Dực chuyên tâm trì tụng Kinh Pháp Hoa và kiến lập một tịnh xá Pháp Hoa, siêng năng tu hành mười năm như một ngày. Một ngày nọ, chợt có một thiếu nữ cầm cành hoa vẫy, và nâng lên một cái giỏ, trong

đó có một cái đầu heo trắng và hai củ tỏi, cô ta xin ở lại một đêm. Pháp sư Vân Dực kiên quyết cự tuyệt ở ngoài cửa, nhưng cô ta nhất quyết không đi, pháp sư Vân Dực phải cho cô ta ở trong phòng trên đống cỏ một đêm, vào lúc nửa đêm, cô ta hốt nhiên vừa khóc vừa la, rên rỉ kêu đau bụng, yêu cầu pháp sư vì cô ta mà bắt ma. Pháp sư thấy tình trạng nghiêm trọng, cho nên dùng tích trượng bắt ma ở bụng của cô ta, khiến cho cô ta bình phục.

Sau khi trời sáng, thì thấy cô ta mặc xiêm y màu hoa lục, đằng vân mà đi, hóa thành mây ngũ sắc, đầu heo trắng nhỏ đó đã biến thành con voi trắng, hai củ tỏi thì biến thành hai đóa hoa sen. Một đóa hoa sen con voi ngự lên, còn đóa hoa sen kia thì thấy Bồ Tát Phổ Hiền ngự lên và còn nói: ‘’Mấy ngày nữa, thì ngươi có thể đến pháp hội của ta, cho nên trước hết ta phải đến thử trình độ tu hành của ngươi, quả nhiên không sai, ngươi có thể làm quyến thuộc của ta. ‘’Lúc đó, trong hư không phóng ra luồng quang minh rất cát tường, hoàng đế thấy được luồng quang minh nầy, trong tâm rất hoan hỉ, bèn kiến tạo một ngôi chùa Pháp Hoa rất lớn. Gà rừng nghe Kinh còn có cảm ứng như thế, chúng ta là thân người đừng bỏ qua cơ hội tu học pháp vi diệu thâm sâu nầy.

Vào thời vua Lương Võ Đế, có một vị Tỳ kheo Ni, tên là Đạo Ký, biệt hiệu là Tổng Trì, là đệ tử lớn của Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma, ở một mình trong túp lều tranh chuyên tâm trì tụng Kinh Pháp Hoa. Sau khi qua đời, thì tín đồ

mai táng ở ngoài túp lều tranh. Bảy tám năm sau, dưới mộ tự nhiên mọc lên một đóa hoa sen xanh. Hoàng đế nghe được tin nầy, bèn sai người đào mộ lên xem thử hoa sen từ đâu mọc lên, thì phát hiện hoa sen nầy mọc ra từ miệng của vị Tỳ kheo Ni đó, thật là chuyện kì lạ ! Do đó, chứng minh tụng trì Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn.

Lại có một vị Tỳ Kheo ni tên là Hoa Thủ, mỗi khi vị sư cô nầy tụng một biến Kinh Pháp Hoa, thì trên tay hiện ra một đóa hoa sen. Do đó, hai tay đều mọc đầy hoa sen. Hoàng đế nghe được tin nầy, bèn truyền gọi đến phong cho pháp hiệu là Hoa Thủ.

Nếu có cơ hội nghe được Kinh Pháp Hoa, cho đến một câu kinh một bài kệ, hoặc danh hiệu người trong Kinh Pháp Hoa, thì đều có căn lành lớn, bằng không thì chẳng vào được pháp môn nầy.

Có một vị pháp sư tên là Pháp Vân, khéo diễn giảng Kinh Pháp Hoa, biện tài vô ngại, theo lời phát nguyện mà đến độ hóa tất cả chúng sinh. Lúc đó, có một vị hòa thượng rất kính ngưỡng đức hạnh của vị pháp sư nầy, bèn phát nguyện như vầy : Tôi muốn đời đời kiếp kiếp đều có tướng tốt như vị pháp sư nầy, biện tài vô ngại và sức đại nguyện. Đêm đó, sau khi vị nầy phát nguyện rồi, thì mộng thấy có người nói với ông ta, đại sư Pháp Vân vào thời Phật Nhiên Đăng, đã bắt đầu diễn giảng Kinh Pháp Hoa, chẳng phải một sớm một chiều mà thành tựu như thế. Nếu bạn muốn được biện tài vô ngại như ông ta, thì

phải hạ thủ công phu một phen. Do đó, có thể biết Kinh Pháp Hoa trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, khó thấy, khó có thể nói pháp môn vi diệu nầy.

Lại một ngày khác, ông ở trong cửa sổ, xa trông thấy con, thân thể ốm gầy tiều tụy, phân đất bụi bặm dơ dáy chẳng sạch. Ông bèn cởi chuỗi ngọc áo tốt mịn màng, và đồ trang sức, lại mặc đồ thô rách trỉn dơ, bụi bặm lấm thân, tay phải cầm đồ hốt phân, bộ dạng đáng nể sợ.

''Lại'' nghĩa là trịnh trọng. ''Ngày'' là thời gian hoặc trí huệ. ''Khác'' người nhị thừa dùng quyền giáo làm giáo lý của mình, còn thật giáo thì cho rằng giáo lý của kẻ khác. ''Ông ở trong cửa sổ'': Ý nói Phật chẳng đứng ở cửa giữa mà đứng ở kế bên, nói tóm lại, Phật vì giáo hóa người nhị thừa, mà tạm thời chẳng đứng ở trung đạo, xa trông thấy con bỏ pháp lớn.

''Ốm'': Chẳng có đại trí huệ. ''Gầy'': Phước lực chẳng đủ, họ chẳng hiểu rõ đức Phật ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp gieo trồng tướng tốt, cho nên thân thể ốm gầy. ''Tiều tụy'': Bên trong sợ vô thường, còn bên ngoài gặp năm ấm tám thứ khổ. Bốn trụ trần là phân đất, vô minh phiền não là bụi bặm, có bụi bặm vô tri nầy, và bốn trụ trần ràng buộc, kiến tư hai hoặc chưa dứt, tâm

phan duyên không ngừng, cho nên nói dơ dáy chẳng sạch. Người xuất gia tu đạo cẩn thận, không nên mượn tiền người khác, hoặc nghĩ muốn được người khác cúng dường, đó là tâm niệm chẳng trong sạch, là điều dơ dáy chẳng sạch. Nên lấy tông chỉ:

Dù chết lạnh chẳng phan duyên,
Dù đói chết chẳng hóa duyên,
Dù nghèo chết chẳng van nài
Làm bổn phận của người xuất gia.

Bồ Tát Vi Đà từng phát nguyện rằng: Nếu có ai tu được ba phần đức hạnh, thì có bảy phần cảm ứng. Khi tôi còn trẻ, thì từng gặp người vu khống phỉ báng và hết lương thực mấy ngày, song chưa vì gặp hoàn cảnh khó khăn nầy mà giải đãi tu hành, cho nên được cảm ứng Bồ Tát Vi Đà, vì tôi giải trừ đủ thứ chướng ngại.

''Ông bèn cởi chuỗi ngọc các thứ'': Dụ cho báo thân và ứng thân vô lượng công đức của Phật. Phật chẳng muốn gã cùng tử sợ hãi, cho nên ẩn ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, mà hiện thân tướng Tỳ Kheo già cao một trượng sáu, cho nên nói "cởi chuỗi ngọc, áo tốt mịn màng và đồ trang sức mà mặc đồ thô rách trỉn dơ". ''Thô'', ẩn tàng thân Lô Xá Na ngàn trượng, mà hiện thân cao một trượng sáu. ''Rách'', tức sinh nhẫn và pháp nhẫn. Người hữu lậu có phiền não, hữu vi nên nói là ''bụi bặm lấm thân''. Tay phải dụ cho dùng pháp quyền xảo phương tiện giáo hóa hàng nhị thừa. ''Đồ hốt phân'': Dụ cho

pháp môn đối trị kiến hoặc và tư hoặc, tự dùng pháp nầy đoạn sạch các hoặc, mà được thành Phật đạo, hơn nữa, lại dùng pháp nầy để giáo hóa người, cho nên gọi là cầm.

''Bộ dạng đáng nể sợ'': Phật vì giáo hóa chúng sinh, nên có khi thị hiện tướng sợ hãi sinh tử.

Hôm nay kể lại chuyện vua Lưu Ly giết dòng họ Thích. Một ngày nọ vua Lưu Ly khởi tâm sân hận muốn giết dòng họ Thích, song chẳng có binh quyền, có một ông quan tên là Hảo Khổ, khuyên vua giết cha đoạt binh quyền, hưng binh đến nước Ca Tì La Vệ, giết hết dòng họ Thích trong bảy ngày đêm. Lúc đó, các vị đệ tử lớn thỉnh Phật cứu, nhưng Phật im lặng chẳng nói, mà đầu của Phật cũng đau ba ngày. Tôn giả Mục Kiền Liên không đành làm ngơ, mới cứu năm trăm người bỏ vào bình bát, mang đến hư không, bảy ngày sau lui binh thì năm trăm người đều biến thành máu. Các vị đệ tử lớn hỏi Phật, vì nguyên nhân gì ? Phật nói: ''Trong quá khứ, có một nước nọ tên là Bổ Ngư. Nước đó vì hạn hán đói khác, trong nước đó có một cái hồ lớn, trong hồ có rất nhiều cá. Dân trong nước đói gần chết, mới đến bắt cá trong hồ để ăn. Nước trong hồ cạn dần, trong đó có Ngư vương tên là Bật Ngư, bị bắt lên bờ, cá nhảy vùng vẫy. Có một đứa bé thấy vậy, vì thích chơi nên lấy cây gõ lên đầu cá ba cái. Hiện tại binh mã nước Xá Vệ đến giết dân nước Ca Tì La Vệ, tức là cá ở trong hồ xưa kia vậy, ông quan Hảo Khổ là thuộc hạ của Ngư vương. Nay nhân dân của nước Ca Tì La Vệ bị

giết, là nhân dân của nước Bổ Ngư xưa kia. Đứa bé gõ lên đầu cá ba cái là thân ta vậy. Lúc đó, tuy ta chẳng ăn cá, nay tuy đã thành Phật, vẫn bị quả báo đau đầu, cho nên nói nhân quả chẳng mất vậy''. Phật lại nói kệ rằng:

''Cho dù trăm ngàn kiếp
Nghiệp tạo ra chẳng mất
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo mình phải chịu''.

Bảo những người làm: Các ngươi phải siêng làm, chớ nên lười nghỉ ! Vì dùng phương tiện nên được đến gần người con. Lúc sau lại bảo : Này gã nam tử ! Ngươi thường làm ở đây, chớ đi nơi khác nữa, ta sẽ trả thêm giá cho ngươi. Những đồ cần dùng như : Bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm, ngươi chớ tự nghi nan, cũng có kẻ tớ già để sai khiến, nếu cần ta cấp cho. Ngươi nên an lòng, ta như cha của ngươi, chớ có sầu lo. Tại sao ? Vì ta tuổi tác đã già nua, mà ngươi thì trẻ mạnh. Ngươi thường trong lúc làm việc, chẳng có lòng khi dối, lười biếng, nóng giận, than oán, đều không thấy ngươi có các

điều xấu đó, như các người làm công khác. Từ nay về sau, ngươi như con đẻ của ta. Tức thời, ông trưởng giả bèn đặt tên cho gã cùng tử gọi là con.

Bấy giờ, gã cùng tử tuy mừng gặp được việc như thế, song vẫn còn tự cho mình là khách làm công hèn. Vì vậy nên trong suốt hai mươi năm thường sai hốt phân.

''Bảo các người làm công'': Tức Phật vì những người tu hành diễn nói pháp bốn niệm xứ :

1. Quán thân bất tịnh.
2. Quán thọ thị khổ.
3. Quán tâm vô thường.
4. Quán pháp vô ngã.

Có rất nhiều người coi thân thể mình rất quan trọng, cuối cùng của báu trong nhà vốn có bị mất sạch, không thể thức tỉnh bổn tính của mình. Thân thể nầy vốn chẳng phải là chân ngã, chỉ có thể nói đây là thân thể của ta, song quyết không thể nói thân thể nầy tức là ta. Nếu ai quá luyến ái tham trước thân thể của mình, thì ngày càng trầm luân đọa lạc, càng thêm ngu si. Nên biết thân như cái phòng, chỉ tạm thời tá túc, chẳng phải chân tính thường trụ, hà tất quá luyến ái không xả bỏ nó đặng !

Tứ niệm xứ.

1. Quán thân bất tịnh : Thân thể là vật dơ dáy nhất, khi còn sống thì chín lỗ thường chảy ra đồ dơ bẩn: Mắt, tai, mũi, đều có ghèn, cứt váy, cức mũi các vật nhơ nhớp, trong miệng thì có nước bọt và đàm, lại thêm tiểu tiện đại tiện, đó là chín lỗ bất tịnh. Thế mà người chẳng những chẳng thấy là bất tịnh, ngược lại còn trang điểm bên ngoài, khiến cho nó hưởng thụ thức ăn ngon, mặc đồ đẹp, mà chẳng biết con người càng tham trước hưởng thụ, thì tự tính càng ô nhiễm. Khi con người phải chết thì chẳng mang theo được thứ gì, chỉ có nghiệp tùy thân. Ai Làm nghiệp thiện nhiều, thì sẽ tái sinh về ba đường lành; còn ai làm ác, thì đọa vào ba đường ác.

Bất cứ người nam người nữ nào đẹp nhất trần gian, sau khi chết thì thân hình đều ghê sợ như nhau, thân thể sình thối rữa nát sinh dòi, cuối cùng thành một đống xương trắng, hoặc thiêu rồi thì thành tro, bạn lại ở đâu ?

Ai là cha con chồng vợ !
Trước mắt cốt nhục đã chẳng thật,
Ân ái trở thành cừu hận.
Phú quý như xuân mộng,
Công danh tợ mây trôi,
Hãy nhớ vô thường,
Chớ đừng chấp trước túi da hôi thối nầy !

2. Quán thọ thị khổ: Đối trị duyên thọ chấp lạc điên đảo vọng kiến.

3. Quán tâm vô thường: Do huệ lực quán chiếu nầy, khiến cho tâm xa lìa lỗi lầm chấp thường vọng kiến.

4. Quán pháp vô ngã: Vũ trụ vạn pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Thân thể của chúng ta do năm uẩn, bốn đại hợp lại mà thành, một khi bốn đại chẳng điều hòa, năm uẩn ly tán thì thân thể chết mất. Các pháp vốn không, cho nên nói quán pháp vô ngã. Tu bốn niệm xứ, thì có thể đoạn trừ ái mhiễm chấp trước, mà được giới định huệ .

"Các người phải siêng làm, chớ nên lười nghỉ": Dụ cho tu bốn chánh cần, hay phát sinh noãn vị. Đã sinh điều ác thì khiến cho đoạn diệt, chưa sinh điều ác thì khiến cho đừng sinh. Chưa sinh điều lành thì khiến cho sinh ra, đã sinh điều lành thì khiến cho tăng trưởng, phải luôn luôn thời khắc tu bốn chánh cần, như người dùi cây lấy lửa, phải tiếp tục nỗ lực. Một khi giải đãi thì sự lấy lửa không thành. Cho nên nói bốn chánh cần là noãn vị trong bốn gia hạnh. Bốn gia hạnh tức: Noãn, đỉnh, nhẫn, thế đệ nhất. Tu bốn chánh cần, thì từ từ tiếp cận được với chân như, cho nên nói "được đến gần người con". "Lúc sau lại bảo": Dụ cho bốn như ý túc. "Này" là từ kinh tỉnh giác, khiến cho kẻ mê mộng tỉnh giác.

"Chánh cần": Thuộc về trí huệ, như người nam là dương tính. Bốn như ý túc thuộc về định, như người nữ là âm tính, đây biểu thị định huệ tương trợ mới có thể sinh trí huệ vô lậu. Người tu đạo vốn không, nên có sự phân biệt nam nữ, đều nên có chí khí đầu đội trời chân đạp đất,

siêng tu Phật đạo mới có thể phát dương Phật giáo. "Ngươi thường làm ở đây": Biểu thị đã đạt được đỉnh vị, chớ hướng ngoại truy cầu nữa. Song, phải nhẫn thọ tất cả cảnh giới nghịch, do đó có câu:

"Không trải một phen lạnh thấu xương,
Sao được hoa mai thơm ngát mũi".

"Chớ đi nơi khác nữa": Tức bảo gã cùng tử chớ theo tà, hoặc tu pháp ngoại đạo vô ích nữa, nên lấy sự chánh niệm tu thân, trừ khử hữu lậu. "Sẽ trả thêm giá cho ngươi": Biểu thị được pháp vô lậu, tu chánh đạo như mặc áo, trợ đạo như ăn cơm, phá huỷ kiến tư hai hoặc, sẽ được vô học vị, tức là thế đệ nhất vị.

"Những đồ cần dùng": Tức y áo chánh đạo, thức ăn trợ đạo. ''Bồn chậu'', dụ cho tứ thiền. ''Gạo'', biểu thị sinh không trí huệ, ''Sinh'' tức chúng sinh, cũng là người, cho nên cũng có thể gọi là nhân không trí. ''Bột'' biểu thị pháp không trí. Sinh không trí là thô, còn pháp không trí là tế. Gạo bột cũng có thể dụ cho chánh đạo. Người thế gian nhìn chẳng thấu, chấp người và chấp pháp, cho nên mọi thứ đều buông xả chẳng đặng, mà nơi nơi tự đi tìm phiền não.

Một lần nọ, đức Phật và các đại chúng đi thọ trai chủ cúng dường, đại chúng đều đi đến nhà trai chủ, chỉ để lại một chú tiểu Sa Di trông giữ tịnh xá Cấp Cô Độc. Lúc sau, lại có một vị cư sĩ đến chỉ thỉnh được một chú tiểu Sa

Si đó đi. Khi chú Sa Di dùng xong bữa cơm, thì trai chủ quỳ xuống thỉnh thuyết pháp. Ai biết vị Sa Di đó chẳng biết thuyết pháp, thấy tình hình như vậy bèn trốn bỏ chạy đi. Vì thời đó ở Ấn Độ, người thỉnh pháp biểu thị cung kính, đều phải năm thể sát đất, không thể tuỳ tiện ngước đầu lên nhìn, cho nên chú Sa Di lén trốn đi mất, mà vị trai chủ cứ chờ nghe pháp, rất lâu mà chẳng nghe tiếng nào, mới ngước đầu lên nhìn thì lạ thật ! Người cũng chẳng có, mà pháp cũng không, tức khắc ngộ được "người không, pháp không", chứng được sơ quả. Ông ta lập tức đến Tịnh Xá Kỳ Hoàn, để đảnh lễ chú tiểu Sa Di cảm tạ, còn chú Sa Di thì sớm đã vào phòng khóa cửa lại, nghe tiếng gõ cửa tâm càng bối rối; hốt nhiên cũng khai ngộ ! Song, thời đại mạc pháp nấy, muốn khai ngộ chẳng phải là việc dễ dàng.

''Muối dấm'': Muối dụ cho vô thường, tức tu quán vô thường. "Dấm", tức quán tất cả là khổ. Vì ăn chánh đạo : Gạo và bột, nếu chẳng có muối dấm các mùi vị, thì chẳng dễ gì nuốt vào; tóm lại, nếu ai muốn tu chánh đạo, cũng phải có nhân duyên tương trợ để trợ đạo. Trợ đạo tức là bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy bồ đề phần và tám chánh đạo. Bốn như ý túc còn gọi là bốn thần túc :

1. Dục như ý túc : Nghĩa là dục vọng gia tăng tu đạo chứng quả.

2. Niệm như ý túc: Niệm niệm nhất tâm, trụ vào chánh lý, tức dùng tư duy để tu thiền định, ví như tham

thoại đầu: ''Niệm Phật là ai'' ? Hoặc ''Bộ mặt thật trước khi cha mẹ sinh ra''.

3. Cần như ý túc.

4. Quán như ý túc.

''Cũng có kẻ tớ già để sai khiến'': Dụ cho như ý quán hay phát thần thông, dùng thay thế chân tay, nhưng thần thông liệt nhược, cho nên nói là già. ''Sai khiến'' trong như ý quán cũng có pháp nầy trợ giúp cho chánh đạo, tức thành câu giải thoát nhân, cho nên nói nếu cần sẽ cấp cho. ''Ngươi nên an lòng'': Dụ cho năm lực:

1. Tín lực: Niềm tin đủ thì chẳng khi dối.

2. Tinh tấn lực: Tinh tấn nên không giải đãi.

3. Niệm lực: Niệm niệm trụ nơi chánh lý, cho nên không sân hận.

4. Định lực: Có định lực thì không hận.

5. Huệ lực: Trí huệ đủ thì chẳng sinh oán. Nếu được năm căn thì sẽ bền vững khó hoại, đây là nhẫn vị vậy .

''Ta như cha của ngươi'': Phật vốn là cha lành của tất cả chúng sinh, song vì chúng sinh mê muội, chẳng biết mình tương lai cũng sẽ thành Phật, cho nên Phật nói chớ sầu lo nữa. ''Vì sao'': Tại sao''? Tuổi tác của ta đã già lớn'': Phật đã viên mãn đầy đủ trí đức và đoạn đức, còn hàng Thanh Văn chưa có trí đoạn hai đức, cho nên nói ''mà ngươi thì trẻ mạnh''. Ngươi thường tu năm lực, bốn chánh cần, bốn như ý túc, cho nên chẳng có khi dối giải đãi, sân hận, than oán các tật sấu, như người làm công

khác, tức chẳng tu ngoại đạo các khổ hạnh vô ích. từ nay về sau ngươi giống như con đẻ của ta. ''Bèn đặt cho cái tên'': Thế đệ nhất vị, tên là ''con'', tức chuyển phàm thành Thánh. Kinh A Hàm có nói về năm loại con, là tứ quả và Bích Chi Phật.

''Bấy giờ, gã cùng tử tuy mừng gặp được việc như thế, song vẫn còn tự cho mình là khách làm công hèn'': Lúc nầy, người nhị thừa tuy gặp được pháp duyên đại thừa, nhưng chẳng biết mình có thể sẽ thành Phật để tiếp nối dòng dõi Phật, cho nên nói tự cho mình là khách làm công hèn, song, tu pháp quyền giáo mà ''trong hai mươi năm thường sai hốt phân'': Hốt phân kiến, tư hai hoặc, đây có thể giải thích là vô ngại giải thoát, trong sự tư duy, vô ngại có chín loại, riêng giải thoát cũng có chín loại, lại thêm vào một kiến đế và một vô ngại, hợp lại thành hai mươi, cho nên nói trong hai mươi năm thường sai hốt phân.

Sau đó, tâm của gã cùng tử tin dần ra vào chẳng ngại sợ, nhưng chỗ gã ở vẫn nguyên chỗ cũ.

''Sau đó'': Khi người nhị thừa trừ kiến tư hai hoặc rồi; đã tạm tin pháp đại thừa, chẳng khởi nghi hoặc phỉ báng, cho nên nói tâm tin dần dần. Nghe pháp đại thừa gọi là "vào". Thấy thân Phật cao một trượng sáu nói pháp tiểu thừa gọi là "ra". Ra vào đại tiểu nầy tuy chẳng nghi

nan, song vẫn bảo đại thừa là việc Bồ Tát, chẳng phải trí huệ năng lực của mình sánh kịp, mà chẳng chịu hồi tiểu hướng đại, cho nên gọi là vẫn còn ở chỗ cũ. Tuy Phật có đại bi nguyện lực muốn cứu vớt tất cả tội khổ chúng sinh, chỉ vì chúng sinh tự cam chịu đọa lạc, không chịu thoát ly, cho nên Phật vừa bắt đầu diễn nói Kinh Pháp Hoa, thì có năm ngàn Tỳ kheo rút lui. Do đó, có thể thấy chúng sinh khó độ, mê các trần lao tính điên đảo, cho đến Phật Bồ Tát, cũng cảm thấy khó độ chúng ta chúng sinh đáng thương nầy, đó chẳng phải rất đáng thương xót chăng ?

Đức Thế Tôn ! Khi đó, ông trưởng giả bị bệnh, biết mình chẳng bao lâu nữa sẽ chết, bảo gã cùng tử nói : Nay ta có nhiều vàng bạc châu báu, kho tàng tràn đầy, trong đó bao nhiêu chỗ đáng lấy cho, ngươi phải biết, tâm ta như thế, ngươi nên thể theo ý ta. Vì sao ? Nay ta với ngươi chẳng khác biệt, nên gắng dụng tâm đừng để mất đi.

"Đức Thế Tôn ! Vị trưởng giả đó mắc bệnh, biết mình chẳng bao lâu nữa sẽ chết'': Có cơ duyên thì ứng, là sinh; cơ hết là tạ, là chết, nay cơ duyên giáo hóa chúng sinh sắp hết, nên vào Niết Bàn. ''Vàng'', biểu thị trung đạo. ''Bạc'', biểu thị chân lý, đủ thứ pháp môn đều là châu báu. ''Kho tàng tràn đầy'': Dụ cho tất cả thiền định

trí huệ, chẳng có thiếu khuyết, trong đầy ngoài tràn. ‘’Trong đó bao nhiêu‘’: Tức Bát nhã quảng, lược hai môn, Bồ Tát hành Bát Nhã, nên biết tướng quảng lược, lược tức là ít, quảng tức là nhiều. ‘’Chỗ đáng lý cho‘’: Tự mình tu hành là ‘’lấy‘’, còn giáo hóa kẻ khác là ‘’cho‘’. Chỗ đáng lý lấy và đáng cho ngươi đều phải biết. ‘’Tâm ta như thế‘’: Phật lấy Bát Nhã làm tâm. Tâm, Phật, chúng sinh cả ba chẳng khác biệt. ‘’Ngươi nên thể theo ý ta‘’: Khiến cho đồng ngã thể pháp không vậy. ‘’Nay ta với ngươi, chẳng có khác biệt‘’: Nay những gì ta có, đều phó thác cho ngươi. Hiện tại ngươi và ta đã không khác, nên gắng dụng tâm chiếu cứ, chớ quên lời nói của cha, đừng làm cho mất đi pháp Bồ Tát đạo.

Khi ấy, gã cùng tử liền thọ nhận lời dạy bảo, biết các của cải vàng bạc châu báu, và các kho tàng, mà chẳng có ý muốn lấy chừng bữa ăn, song chỗ của gã ở vẫn tại chỗ cũ, tâm hạ liệt vẫn chưa bỏ được.

Lúc đó, hàng nhị thừa lãnh thọ giáo lý đại thừa và trí huệ công đức của Phật, tâm lượng tạm rộng lớn, song vẫn ở tại cảnh giới nhị thừa, chưa bỏ được tâm hạ liệt.

Lại trải qua ít lâu sau, cha biết con ý chí tạm thông thái, thành tựu chí lớn, tự chê tâm

ngày trước. Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến, và hội cả thân tộc, quốc vương đại thần, Sát đế lợi cư sĩ, khi đã hội đến đông đủ, ông bèn tuyên bố rằng : Các vị nên biết, người nầy là con ta, do ta sinh ra trong thành nọ, bỏ ta trốn đi lang thang, khốn khổ hơn năm mươi năm. Nó vốn tên ấy, còn ta tên ấy. Xưa ta ở tại thành nầy, ôm lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây gặp được nó. Nó thật là con ta, ta thật là cha của nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải, đều là con của ta có, trước đây của cải cho ra thâu vào, con ta đây coi biết.

‘’Lại trải qua ít lâu sau‘’: Từ thời A Hàm đến thời Pháp Hoa. Sau khi Phật thành đạo, trước hết nói Kinh Hoa Nghiêm, như mặt trời mọc chiếu vùng cao nguyên, kế đó nói Kinh A Hàm, như mặt trời sau đó chiếu thung lũng, song lúc ấy cũng đều chiếu vùng núi cao. Cho nên Phật ở trong pháp hội Hoa Nghiêm, vì pháp thân Đại sĩ nói pháp, độ đại Bồ Tát, còn ở thời A Hàm, Phương Đẳng, thì Bồ Tát cũng đến pháp hội để làm ảnh hưởng chúng. Thời Bát Nhã thì phải hồi tiểu hướng đại, hàng nhị thừa chuyển làm đại thừa, thời nầy Phật muốn đem gia nghiệp phó thác cho

đệ tử, song vẫn chưa thật hành, đến hội Pháp Hoa mới chánh thức phó thác cho đệ tử.

''Cha biết ý của con tạm thông thái'': Dụ cho Phật sau thời Bát Nhã vừa nói Kinh Vô Lượng Nghĩa, thì hàng nhị thừa bèn nghe vốn từ một pháp sinh vô lượng pháp, đều suy tư vô lượng các pháp, lý nên trở về một pháp. Tư duy như thế dần dần thông thái, cho nên được cơ duyên đại thừa phát sinh, do đó nói tự chê tâm ngày trước.

''Đến lúc sắp chết'': Đức Như Lai chẳng còn bao lâu sẽ vào Niết Bàn, hóa duyên đã hết, những người đáng độ đều đã độ xong, cho nên vào Niết Bàn, chính là chỉ thời Pháp Hoa vậy. ''Ông gọi người con đến'': Tức là hai vạn ức người được Phật giáo hóa, đều vân tập đến. ''Thân tộc'': Biểu thị pháp thân của Bồ Tát trong mười phương đến pháp hội nầy làm ảnh hưởng chúng. ''Quốc vương'': tất cả tiệm đốn, Tam Tạng mười hai bộ Kinh, đương cơ đều được lợi ích, mỗi bộ đều khác nhau, đều là đệ nhất. Đẳng Giác Bồ Tát là ''Đại thần'', Thập địa Bồ Tát là ''Sát Đế Lợi'', ba mươi tâm Bồ Tát là ''cư sĩ ''.

Ông trưởng giả ở trong pháp hội nầy, tuyên nói rõ hàng nhị thừa thật là con đẻ của ông, do ông sinh ra, biểu thị gã cùng tử đã được Phật giáo hóa, tạm phát bồ đề tâm. Gã cùng tử nầy xưa kia ở trong thành nọ, bỏ pháp đại thừa mà trốn vào sinh tử, trôi nổi lang thang trải qua sáu nẻo luân hồi khốn khổ, tức một mình nghèo khổ, cho nên nói hơn năm mươi năm. Do đó, Phật ôm lòng lo lắng tìm kiếm, thường tìm cơ duyên để hóa độ. Bỗng ở nơi căn nhà

nầy được cảm ứng đạo giao, toại tâm mãn nguyện, dùng pháp quyền xảo phương tiện để độ, truyền trao pháp lớn, phó thác gia nghiệp, cho nên nói: ‘’Nay ta có hết thảy tất cả của cải, đều là con ta có‘’. Của cải tức là đại thừa vạn đức vạn hạnh. ‘’Trước đây của cải cho ra thâu vào con ta đây coi biết‘’: Xưa kia Phật nói pháp tiểu thừa, nay đã quy vào pháp đại thừa, hồi tiểu hướng đại. Tóm lại, hàng nhị thừa đã biết Kinh Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, cho đến Pháp Hoa Niết Bàn...

Đức Thế Tôn ! Khi ấy gã cùng tử nghe cha nói như thế, bèn rất vui mừng, được điều chưa từng có, mà nghĩ rằng : Ta vốn chẳng có lòng mong cầu, nay kho tàng châu báu nầy, tự nhiên mà đến.

Đức Thế Tôn ! Khi gã cùng tử được Phật thọ ký vui mừng tin nhận, được điều chưa từng có. Ta vốn chẳng có tâm hành Bồ Tát đạo làm Phật tử, nay sao lại gặp được nhân duyên thù thắng nầy, nghe Phật khai quyền hiển thật, pháp bảo diệu thừa nầy, như kho tàng châu báu tự nhiên mà đến.

Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả giàu có tức là đức Như Lai, chúng con giống như

con của Phật. Đức Như Lai thường nói chúng con là con.

Đức Thế Tôn ! Chúng con vì ba sự khổ, nên ở trong sinh tử chịu các sự nhiệt não, mê hoặc vô tri, ưa thích các pháp nhỏ.

Đức Thế Tôn ! Ông trưởng giả giàu có tức là Đức Như Lai. Bồ tát là chân tử của Phật, còn hàng nhị thừa tuy đã hành Bồ Tát đạo mà chẳng tự biết, cho nên nói: ''Giống như con''. Đức Như Lai xem chúng sinh như con một, chỉ vì chúng sinh xả bỏ pháp lớn thành Phật mà ưa thích pháp nhỏ, mê hoặc vô tri, cho nên ở trong biển khổ sinh tử, ở trong nhà lửa tam giới, chịu sự bức bách nhiệt não của lửa năm uẩn, nhận giặc làm con, bỏ giác hợp trần. Ba khổ:

1. Thân thể vốn có đủ thứ khổ, gọi là khổ khổ.
2. Thân thể từ từ suy nhược, gọi là hoại khổ.
3. Nghiệp vận thiên lưu gọi là hành khổ .

Ngày nay đức Thế Tôn khiến cho chúng con, suy nghĩ dọn trừ phân dơ các pháp hí luận. Chúng con ở trong sự siêng gắng tinh tấn, được đến Niết Bàn giá một ngày, đã được đây rồi, tâm rất hoan hỉ, tự cho đã đủ, bèn tự bảo rằng : Ở trong Phật pháp, do

siêng năng tinh tấn nên được rộng nhiều, song đức Thế Tôn trước biết chúng con tâm hèn tệ, ưa thích pháp nhỏ, liền khiến cho chúng con buông bỏ, Phật chẳng phân biệt nói chúng con sẽ có phần bảo tàng tri kiến của Như Lai.

Hôm nay ở trong hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn khiến cho chúng con ngộ, biết sở tu tập pháp nhỏ trước kia, đều là các pháp hí luận, cho nên nay muốn trừ khử. Chúng con vì sợ sinh tử vô thường các thứ khổ, mà siêng tinh tấn tu đạo, chỉ vì được giá Niết Bàn một ngày, được chút ít quả vị, thiên chân Niết Bàn bèn tự cho là đủ. Song đức Thế Tôn sớm đã biết chúng con tham trước năm dục thô tệ, ưa thích pháp nhỏ, cho nên chẳng phân biệt diễn nói pháp đại thừa, khiến cho buông bỏ tu tập pháp nhỏ, xả nơi đại thừa giáo hóa, còn tuyên nói chúng con đều có trí huệ công đức bảo tàng tri kiến của Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện nói trí huệ của Như Lai. Chúng con theo Phật được giá Niết Bàn một ngày, cho đã được nhiều rồi, đối với pháp đại thừa nầy chẳng có chí cầu. Chúng con lại vì trí huệ của Như

Lai, vì các Bồ Tát mở bày diễn nói, mà tự mình chẳng có chí muốn nơi pháp đó. Tại sao ? Vì đức Phật biết chúng con tâm ưa thích pháp nhỏ, nên dùng sức phương tiện thuận theo chúng con để nói, mà chúng con chẳng biết thật là con của Phật.

Đức Thế Tôn từ bi dùng pháp quyền xảo phương tiện, diễn nói pháp thâm sâu trí huệ của Như Lai. Chúng con theo Phật nghe pháp tu hành, được tiểu Niết Bàn, bèn cho đã được đại Niết Bàn, chẳng muốn tấn tu Pháp Hoa viên đốn đại thừa. Ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề cho rằng: Các Ngài hay vì các đại Bồ Tát nói pháp đại Bát nhã, hoàn toàn là trí huệ thần lực của Phật gia bị, mà chẳng biết mình vốn có hạt giống Bồ Tát cũng diễn nói được pháp lớn, cho nên nói chúng con chẳng biết thật là con của Phật.

Nay chúng con mới biết, đức Thế Tôn ở nơi trí huệ của Phật, chẳng có lận tiếc. Tại sao ? Vì thuở xưa thật là con của Phật, nhưng lại ưa thích pháp nhỏ. Nếu chúng con có tâm thích pháp lớn, thì Phật sẽ vì chúng con nói pháp đại thừa. Ở trong Kinh nầy chỉ

nói nhất thừa, mà xưa kia ở trước các Bồ Tát, Phật chê trách hàng Thanh Văn ưa thích pháp nhỏ, song đức Phật thật dùng đại thừa giáo hóa, cho nên chúng con nói : Vốn chẳng có tâm mong cầu, mà nay châu báu lớn của đấng Pháp Vương tự nhiên đến, như chỗ con của Phật đáng được, đều đã được vậy.

Hôm nay, chúng con mới biết Phật dùng đại từ bi, vốn muốn giáo hóa chúng sinh pháp đại thừa, chỉ vì chúng sinh căn tính hạ liệt ưa thích pháp nhỏ, cho nên Phật thuận theo căn cơ mà diễn nói quyền pháp. Hiện nay, chúng con đã biết, xưa kia từng thọ Phật giáo hóa, vốn đầy đủ hạt giống đại thừa, cho nên phát tâm ưa thích đại thừa, mà Phật lại vì chúng con khai quyền hiển thật, diễn bày duy nhất một Phật thừa, mà chẳng có thừa nào khác. Thuở xưa, ở trong hội Phương Đẳng, Bát Nhã, Phật ở trước các vị Bồ Tát, chê trách hàng tiểu thừa là tiêu nhạ bại chủng. Chúng con vốn chẳng có tâm mong cầu Phật pháp, nay ở trong hội nầy, châu báu lớn vô thượng (tất cả Phật pháp) của đấng Pháp Vương (Như Lai) chẳng cầu mà tự đến, như sở đắc pháp của các Bồ Tát, chúng con hôm nay đều đã được. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, ba

thừa, hiện nay ở trong pháp hội nầy, đều quy về một Phật thừa, tự nhiên mà được.

Bấy giờ, Ngài Ma Ha Ca Diếp muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Chúng con hôm nay
Nghe tiếng Phật dạy
Vui mừng hớn hở
Được chưa từng có.
Phật nói Thanh Văn
Sẽ được thành Phật
Kho báu vô thượng
Chẳng cầu tự được.
Ví như đồng tử
Thơ bé chẳng hiểu
Bỏ cha trốn đi
Xa đến xóm khác.
Lang thang các nước
Hơn năm mươi năm
Người cha buồn nhớ
Tìm khắp bốn phương.
Tìm kiếm mỏi mệt

Ở lại một thành
Tạo lập nhà cửa
Năm dục tự vui.
Nhà đó giàu lớn
Nhiều các vàng bạc
Xa cừ mã não
Trân châu lưu ly.
Voi ngựa trâu dê
Kiệu cán xe cộ
Ruộng vườn tôi tớ
Nhân dân rất đông.
Lợi tức xuất nhập
Khắp đến nước khác
Khách thương buôn bán
Không đâu chẳng có.
Ngàn vạn ức chúng
Vây quanh cung kính
Được bậc vua chúa
Thương yêu nhớ tưởng.
Quần thần hào tộc
Cũng đều tôn trọng

Vì bởi duyên ấy
Nhiều người lui tới.
Giàu sang như thế
Có thế lực lớn.

Chúng ta hàng Thanh Văn, hôm nay được Đức Phật thọ ký, cho nên hoan hỉ hớn hở, được chưa từng có, diệu pháp vô thượng không câu mà tự được. Vì như đồng tử vô tri chẳng hiểu, bỏ cha trốn đi. ''Lang thang các nước'': Dụ cho luân hồi ở trong nhà lửa tam giới. ''Hơn năm mươi năm'': Biểu thị năm đường: Trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, và địa ngục. A Tu La tức ở trong năm đường nầy.

Người cha buồn nhớ, ''tìm khắp bốn phương'': Tức quán bốn loài sinh (thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh). ''Ở lại một thành'': Dụ cho đức Phật ở tại thế giới nầy cứu độ chúng sinh, lại qua nước khác mà thị hiện nhập Niết Bàn. ''Tạo lập nhà cửa'': Tạo nhà từ bi, lập phòng tính không. ''Năm dục tự vui'': Thọ dụng thắng diệu năm trần, gọi là tính pháp lạc, lương do Phật cư phương tiện, là thật báo, cũng là tịch quang. Thường tịch quang mới thường hành biến chiếu tất cả các hữu tình, tìm cơ mà độ. ''Vua'' dụ cho pháp thân của Phật và thân tự thọ dụng. Phật là đấng Pháp Vương cho nên thường được chư Phật hộ niệm. ''Quần thần hào tộc'': Biểu thị pháp thân Đại sĩ. ''Nhiều người lui tới'': Dụ cho mười phương Bồ Tát tới lui nghe pháp.

Mà tuổi già nua
Lại buồn nhớ con.
Sớm tối nghĩ ngợi
Giờ chết sắp đến
Con dại bỏ ta
Hơn năm mươi năm.
Kho tàng của cải
Phải làm sao đây ?

''Mà tuổi già nua'': Dụ cho Đức Phật tuổi đã cao, sẽ chấm dứt việc giáo hóa chúng sinh, càng thêm buồn nhớ gã cùng tử, ngày đêm suy nghĩ nhớ đến con, mà con dại tức là hàng nhị thừa, xa cách Phật địa hơn năm mươi bậc, ở trong năm đường, tất cả pháp tài bảo tàng, làm sao để giao phó ?

Ai ai cũng đều có sinh tử, lại sợ nơi sinh tử, song chẳng biết tu tập Phật pháp để ra khỏi sinh tử, thật là đáng thương xót !

Xưa có ba ông già rất tâm đầu ý hợp, nên thường tụ lại với nhau.

Ông già lớn tuổi nhất đã tám mươi tuổi, kế đến là ông già bảy mươi tuổi, còn ông già kia là sáu mươi tuổi. Vào dịp cuối năm thì ba vị nầy tụ lại, khó tránh khỏi cảnh bùi ngùi than thở, thời gian trôi qua chẳng bao giờ trở lại, mà tuổi đã già nua. Vị sáu mươi tuổi nói: ''Năm nay

chúng ta cùng nhau ăn cơm uống trà, nhưng chẳng biết năm tới ai sẽ ra đi'' ! Ông bảy mươi tuổi nghe rồi nói : ''Nầy ông bạn ! Bạn nói xa quá ! Tối nay lên giường, chúng ta cởi giày cởi vớ ra, sáng mai không biết có còn mang trở lại hay chăng'' ? Ông già tám mươi tuổi nói: ''Bạn nói cũng quá xa ! Khi chúng ta thở vào, không biết có thở ra nữa hay không'' ! Trong ba người nầy, người già nhất là người thông minh nhất, hiểu rõ đời người vô thường mỏng manh nơi hơi thở. Song, người lanh lợi nhất chẳng bằng người tu đạo tức thời niệm Phật, hoặc là bạn hoài nghi ''làm như thế thì không chết sao''? Không nhất định là không chết. ''Vậy niệm Phật có ích gì''? Tuy nhiên người tu đạo niệm Phật, không thể tránh khỏi sự chết chóc, nhưng diệu ở chỗ, làm thế nào để chấm dứt sự chết. Lúc chưa tu đạo, thì sinh mạng ở nơi hơi thở, ở trong sự tu đạo chuyên cần dụng công có thành quả rồi, thì hơi thở tự như, đến đi tự do, tuy có sinh tử mà chẳng có sinh tử. Nếu muốn sinh về thế giới Cực Lạc, cho đến tất cả mười phương thế giới đều được toại tâm như ý.

Khi ấy cùng tử
Tìm cầu cơm áo.
Xóm nầy xóm khác
Nước nầy nước nọ
Hoặc có chỗ được
Hoặc có chỗ không.

Đói khát ốm gầy
Thân sinh ghẻ lát
Lần lược trải qua
Đến thành cha ở.

Lúc đó, gã cùng tử vì cầu cơm trợ đạo, áo chánh đạo, mà trôi nổi lang thang từ xóm nầy qua xóm khác, từ nước nầy qua nước nọ. Đây là biểu thị mười hai xứ (mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu căn, nhiễm trước sắc thanh hương vị xúc pháp sáu trần) và mười tám giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức). Mắt thấy sắc, thì nhãn thức bèn khởi phân biệt tốt sấu; tai nghe âm thanh, thì nhĩ thức cũng khởi phân biệt tác dụng, cho đến tĩ thức, thiệt thức, thân thức, và ý thức cũng lại như thế, gặp việc thì phân biệt, đối cảnh thì tâm mê muội.

''Hoặc có chỗ được'': Biểu thị căn lành hữu lậu. ''Hoặc có chỗ không'': Biểu thị căn lành vô lậu, tức đã đoạn trừ sinh tử mà vào Niết Bàn. Chân như Niết Bàn vốn vô sở đắc, sinh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sinh tử, cho nên gọi là có chỗ không, chẳng có pháp hỉ đại thừa là ''đói khác'', chẳng có lực dụng là ''gầy'', chẳng có công đức lớn là ''ốm''. Mê hoặc về chân lý mà khởi kiến hoặc là ''thân sinh ghẻ lát''. Kiến hoặc là gì ? Tức là ''đối cảnh khởi tham ái'', đối cảnh chẳng nhận thức, thường bị cảnh giới lay chuyển. Kiến hoặc là do vô minh khởi lên, nếu không phá trừ vô minh, thì không thể trừ được tham ái

chấp trước, khiến cho chúng sinh lưu chuyển, do mắt thấy mà tâm khởi phân biệt tốt, sấu, phải, trái, dài, ngắn, cứ dùng các vọng tưởng, tư tưởng chẳng thật, cho nên có điên đảo, thế mà một số người đều lấy đó làm tâm tính, do đó mà bỏ gốc tìm ngọn, mê nơi bổn tính.

Lần lược làm thuê
Bèn đến nhà cha
Lúc đó trưởng giả
Đang ở trong nhà.
Giăng màn báu lớn
Ngồi tòa sư tử
Quyến thuộc vây quanh
Nhiều người hầu hạ.
Có người tính toán
Vàng bạc châu báu
Tài sản xuất nhập
Ghi vào sổ sách.
Cùng tử thấy cha
Giàu sang quý trọng
Bảo rằng là vua
Hoặc bằng ông vua.
Kinh hãi tự trách

Sao lại đến đây ?
Lại tự nghĩ rằng :
Nếu ta ở lâu.
Sẽ bị ép buộc
Cưỡng sai ta làm
Suy nghĩ vậy rồi
Bèn bỏ chạy đi.
Hỏi thăm xóm nghèo
Muốn đến làm thuê.

Khi gã cùng tử đi khắp nơi làm thuê làm mướn để nuôi thân, lần hồi đến nhà cha của gã. Kinh văn ở trước nói, người cha đứng bên cửa sổ, chẳng đứng ở cửa giữa, còn đây thì nói ông trưởng giả ở trong nhà, biểu thị được cả hai nơi đại thừa và nhị thừa. Lúc đó, gã cùng tử thấy người cha ở trong màng báu, ngồi ở trên tòa Pháp vương, pháp thân Đại sĩ và các Bồ Tát đều vây quanh.

''Có người tính toán, vàng bạc châu báu'': Bồ Tát hạnh nguyện đếm tính nhiều việc rõ ràng, cho nên gọi là tính toán. ''Tài sản xuất nhập, ghi chép sổ sách'': Dùng quảng, hiển, lược, làm ''ghi'', thọ quyết là ''chép''. Bốn hoằng thệ nguyện là ''sổ'', tu hành là ''sách''. Bốn hoằng thệ nguyện :

1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.
2. Phiền não vô tân thệ nguyện đoạn.

3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Nếu ai phát được bốn hoằng thệ nguyện nầy, thì đã ghi thành Phật đạo.

Gã cùng tử thấy cha giàu sang cao quý, tôn nghiêm chẳng gì sánh bằng, cho nên bèn nghĩ rằng, đây là vua chăng ? Hoặc là bậc đồng với vua ? Do đó, kinh hãi nghi hoặc tự trách, không nên đến chỗ nầy. Lại nghĩ rằng : Nếu ở đây lâu, thì sợ bị ép tu pháp đại thừa, cho nên không dám ở lại lâu, bèn chạy bỏ đi đến xóm nghèo tu pháp tiểu thừa.

Lúc đó trưởng giả
Tại tòa sư tử.
Xa thấy con mình
Yên lặng nhớ biết
Bèn sai sứ giả
Đuổi theo bắt lại.
Cùng tử sợ la
Xỉu ngã xuống đất
Người nầy bắt tôi
Chắt sẽ phải chết.
Cũng vì cơm áo

Khiến tôi đến đây
Trưởng giả biết con
Ngu si hèn hạ.
Chẳng tin lời ta
Chẳng tin là cha.

Lúc đó, đức Phật ngự trên tòa sư tử, nhìn xem thì nhận ra gã cùng tử đứng ở xa, song chưa từng nói với ai về việc nầy, bèn ra lệnh cho Bồ Tát theo đuổi bắt lại, mang đến trước Đức Phật. Nhưng gã cùng tử căn tính hạ liệt, nghe được pháp đại thừa bèn sinh lòng sợ hãi, lại sợ sinh tử, như là trí nhỏ chẳng hiểu giáo lý đại thừa, cho nên nói là "xỉu ngã xuống đất".

Ông trưởng giả biết con mình ngu độn, kiến thức hẹp nhỏ, tất không tin lời thật nói thẳng, cho nên vì thật thí quyền, khai diễn pháp nhị thừa. Có người nói, đứa con bỏ trốn lúc đó còn nhỏ, mà thời gian xa cách mấy mươi năm, cho đến ngày hôm nay cha con mới gặp lại, lẽ ra thấy mà chẳng biết, thế mà cha lại nhận ra được người con, đó là lý đương nhiên. Đây là lời chẳng hư, song những gì nói ở trong Kinh Pháp Hoa, chẳng phải cha với con ở thế tục, đây là pháp xuất thế gian. Nói về thế gian, bậc làm cha, tuy rất thương yêu đối với con cái, song vẫn còn có quan niệm nuôi con để nhờ về tuổi già, đó là tâm ích kỷ dù ít hay nhiều. Đức Phật mới là cha lành chân chánh, chẳng có chút quan niệm nào ích kỷ, thương xót

tất cả chúng sinh, đem hết sức lực để giáo hóa tất cả chúng sinh, mong muốn cho họ sớm thành Phật đạo.

''Gã cùng tử là ai" ? Tức là tất cả chúng sinh, cũng là hàng nhị thừa. Các Ngài tuy có mắt mà chẳng biết Đức Phật, ngược lại bỏ Phật ma đi, cuối cùng chìm đắm ở trong biển khổ, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh. Đến chẳng rõ, mà đi cũng chẳng biết, cầu danh cầu lợi, khổ cầu được bằng tiến sĩ, thạc sĩ, song sau khi chết đi, học vấn cũng chẳng mang theo được, sau khi đầu thai kiếp khác làm người, thì tất cả đều học lại từ đầu, cứ như thế cầu rồi lại mất, mất rồi lại cầu, đời đời kiếp kiếp, bị dính mắc ở trong sự được mất.

Phật giáo chúng ta phải làm thế nào để liễu sinh thoát tử, biết từ đâu đến và đi về đâu ? Đức Phật còn dùng đủ thứ pháp phương tiện, khiến cho chúng ta ngộ biết nhân duyên đời quá khứ, mà hiểu rõ được vì sao con người có giàu có nghèo, hoặc đẹp hoặc xấu, và thấy được tất cả vạn sự vạn vật.

Vô minh duyên hành,
Hành duyên thức,
Thức duyên sắc,
Danh sắc duyên lục nhập,
Lục nhập duyên xúc,
Xúc duyên thọ,
Thọ duyên ái,
Ái duyên thủ,

Thủ duyên hữu,
Hữu duyên sinh,
Sinh duyên lão tử.

Như vòng tròn mười hai khoen, là nhân duyên sinh tử của chúng sinh, song đáng thương xót cho chúng sinh, đều bỏ cha đi, đều bỏ giác hợp trần, không muốn trở về nhà đó, là cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Bèn dùng phương tiện
Sai khiến người khác.
Mắt chột lùn xấu
Chẳng có uy đức
Các ngươi bảo nó
Rằng thuê làm mướn.
Hốt các phân dơ
Trả giá gấp bội
Cùng tử nghe rồi
Vui mừng theo về.
Hốt dọn phân dơ
Làm sạch phòng nhà.

Ông trưởng giả biết gã cùng tử rất hèn hạ, cho nên mới mở bày pháp phương tiện, sai khiến Bồ Tát ngụy trang làm người một mắt, chẳng có uy đức, đi đến để

khuyên nói. ‘’Chột mắt‘’ dụ cho tiểu trí thiên về không. ‘’Lùn‘’ dụ cho nguồn bất cùng thật tướng, ‘’sấu‘’ dụ cho chẳng đủ đức hạnh, chẳng có bốn vô sở úy, nên gọi là ‘’chẳng có uy‘’, chẳng có thường lạc ngã tịnh, nên chẳng có đức. ‘’Làm sạch phòng nhà‘’, tức là tịnh nhà lục căn và phòng năm uẩn. Lục căn tức nhãn nhĩ tĩ thiệt thân ý. Lục căn vì lục thức mà tạp nhiễm với sáu trần : Sắc thinh hương vị xúc pháp, bỏ giác hợp trần, nhiễm trước sáu trần, không thể liễu ngộ tự tâm, mà nơi nơi bị trần cảnh sở chuyển. Tịnh sáu căn tức chuyển được thức thành trí, tịnh hóa sáu căn thì trở về nguồn cội, thấy cảnh rõ tâm, chẳng còn bị sáu trần sở chuyển, đồng thời cũng tịnh hóa năm uẩn độ tất cả khổ ách.

Trưởng giả trong cửa
Thường thấy con mình.
Nghĩ con ngu dại
Thích làm việc hèn
Do đó trưởng giả
Mặc đồ cũ rách.
Cầm đồ hốt phân
Đi đến chỗ con
Phương tiện gần gũi
Khuyên nhủ siêng làm.

Trả giá gấp bội
Cho dầu thoa chân
Ăn uống đầy đủ
Nệm chiếu dày ấm.
Khuyên răng như vầy:
Ngươi gắng siêng làm
Lại dùng lời dụ
Ngươi như con ta.

Ông trưởng giả biết con bỏ pháp lớn tu pháp nhỏ, ví như Đức Phật đầu tiên, vì các đại Bồ Tát diễn nói Kinh Hoa Nghiêm, mà người nhị thừa đều ''có mắt chẳng thấy pháp thân Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo pháp viên đốn''. Cho nên, Phật dùng sức phương tiện, ẩn lớn hiện nhỏ, chẳng hiện thân tướng tốt ngàn trượng, nhưng hiện tướng là Tỳ kheo một trượng sáu, mặc đồ cũ rách, cầm đồ hốt phân, người đáng dùng thân nhị thừa được độ, thì hiện thân nhị thừa mà vì họ thuyết pháp.

''Phương tiện gần gũi'': Dùng pháp phương tiện để được gần gũi giáo hóa hàng nhị thừa. ''Khuyên nhủ siêng làm'': ''Khuyên'' là biểu thị bốn niệm xứ, ''nhủ'' là biểu thị bốn chánh cần. ''Trả giá gấp bội'': Dụ cho bốn như ý túc. Dầu thoa chân, đầu trừ gió, biểu thị thiền định; lại hay đi nước, dụ cho thần thông. ''Ăn uống đầy đủ'': ''Ăn uống'' tức là gạo, bột, dấm, muối. ''Gạo'' biểu thị nhân

không, ‘’bột‘’ biểu thị pháp không. Gạo bột hợp lại biểu thị cho chánh đạo. ‘’Dấm‘’ biểu thị cho vô thường, ‘’muối‘’ biểu thị cho khổ không. Ví như người ăn gạo bột, thì phải dùng muối dấm và các vị khác, mới có thể ăn được, con đường tu hành cũng lại như thế. ‘’Nệm chiếu dày ấm‘’: Dụ cho quán luyện huân tu các thiền định. ‘’Khuyên răn như vầy, ngươi gắng siêng làm‘’: Khuyên nhủ siêng tu bốn chánh cần, bốn niệm xứ và bốn như ý túc các pháp, lại dùng lời êm dịu khuyên nhủ, xem gã cùng tử như con đẻ.

Trưởng giả có trí
Lần cho ra vào
Suốt hai mươi năm
Trông coi việc nhà.
Chỉ chỗ vàng bạc
Trân châu lưu ly
Các đồ xuất nhập
Đều khiến cho biết.
Vẫn ở ngoài cửa
Trong một am tranh
Tự nghĩ phận nghèo
Ta chẳng có gì.

Đức Phật dùng đại trí huệ, dần dần khiến cho ra vào, tức là giáo hóa tất cả chúng sinh, hồi tiểu hướng đại khiến cho vào trí huệ của Phật. ''Suốt hai mươi năm, trông coi việc nhà'': Phật dạy Bồ Tát đoạn trừ kiến tư hai hoặc, với kinh văn ở trước nói hai mươi năm hốt phân, đều chẳng giống nhau.

Gã cùng tử tuy trông coi gia nghiệp của Như Lai, được Phật truyền cho pháp tạng, mà tự giữ căn cơ nhỏ nhoi, chẳng có phương tiện giáo hóa chúng sinh, và tịnh hóa quốc độ con đường của Bồ Tát thực hành, ở trong am tranh hàng nhị thừa.

Cha biết tâm con
Lần đã rộng lớn
Muốn giao của cải
Bèn nhóm thân tộc.
Quốc vương đại thần
Sát lợi cư sĩ
Trong đại chúng nầy
Nói là con ta.
Bỏ ta ra đi
Suốt năm mươi năm
Từ khi gặp con
Đã hai mươi năm.

Xưa nơi thành nọ
Mất đứa con nầy
Tìm kiếm khắp nơi
Mới đến nơi đây.
Của cải ta có
Nhà cửa nhân dân
Đều giao cho nó
Để nó sử dụng.

Đức Phật biết gã cùng tử dần dần trừ ngã mạn, tâm lượng rộng lớn, cho nên muốn truyền cho pháp tạng của Như Lai, bèn nhóm họp thân tộc, quốc vương đại thần, biểu thị chúng đại Bồ Tát, Sát đế lợi cư sĩ, ở trong các chúng hội, tuyên bố đây là con của ta, từng bỏ ta trốn đi. ''Suốt năm mươi năm'': Biểu thị trầm luân biển khổ sinh tử ở trong tam giới, ở trong năm đường chúng sinh. ''Từ khi gặp con, đã hai mươi năm'': Biểu thị người nhị thừa bỏ tiểu hướng đại, tự làm hốt phân rồi mới gọi là con, tức là chuyển sang pháp Bồ Tát mà chấp tác gia nghiệp của Như Lai, gọi là hai mươi năm.

Xưa kia, ở tại thành nọ mất đứa con nầy, tìm kiếm đứa con nầy khắp trong năm đường, mới đến ở nơi nầy, mà bày ra hóa thành, phàm những gì ta có, gia nghiệp pháp tạng của Như Lai, đều giao phó cho nó, để cho nó tiếp tục thắp lên ngọn đèn sáng của Phật.

Con nhớ xưa nghèo
Ý chí kém hèn
Nay ở chỗ cha
Được nhiều của báu.
Cùng với nhà cửa
Tất cả của cải
Rất đỗi vui mừng
Được chưa từng có.
Phật cũng như thế
Biết con thích nhỏ
Chưa từng nói ra
Các ngươi thành Phật.
Chỉ nói chúng con
Được pháp vô lậu
Thành tựu tiểu thừa
Thanh Văn đệ tử.

Hàng tiểu thừa ý chí hạ liệt, thủ lợi tứ quả, nay nghe được diệu pháp thâm sâu vô thượng, thọ ký sẽ thành Phật, được chưa từng có, vui mừng hớn hở. Phật biết tâm ý của chúng con, ưa thích pháp nhỏ, chưa từng nói các ngươi sẽ thành Phật, mà nói được các pháp trí giải thoát

vô lậu, thành tựu hữu dư Niết Bàn, quả vị Thanh Văn La Hán.

Phật bảo chúng con
Nói đạo tối thượng
Ai tu pháp nầy
Sẽ được thành Phật.
Con nghe Phật dạy
Vì đại Bồ Tát
Dùng các nhân duyên
Đủ thứ ví dụ.
Bao nhiêu lời lẽ
Nói đạo vô thượng
Hết thảy Phật tử
Theo ta nghe pháp.
Ngày đêm suy gẫm
Tinh tấn tu tập
Khi đó chư Phật
Thọ ký cho họ.
Ông ở đời sau
Sẽ được thành Phật
Các pháp bí tàng

Của tất cả Phật.
Chỉ vì Bồ Tát
Diễn nói việc thật
Mà chẳng vì con
Nói đạo chân yếu.

Phật vì đại chúng nói pháp vô thượng, ai tu tập pháp nầy đều sẽ thành tựu Phật quả. Con nghe Phật dạy Bồ Tát, Phật dùng đủ thứ phương tiện ví dụ để giáo hóa, khiến cho chúng con tu chứng, và trong thời gian đó, chư Phật đồng âm ấn chứng thọ ký bồ đề nói rằng: Các ngươi vô lượng kiếp đời vị lai sẽ được thành Phật. Tàng bí mật của tất cả mười chư Phật Như Lai, chỉ vì căn cơ của đại Bồ Tát, diễn nói việc vi diệu như thật, mà chẳng phải vì hàng nhị thừa nói đạo chân thật chí yếu nầy.

Như cùng tử kia
Được gần người cha
Tuy biết mọi thứ
Tâm chẳng mong cầu.
Chúng con tuy nói
Bảo tàng Phật pháp
Tự chẳng chí nguyện
Cũng lại như thế.

Gã cùng tử được gần gũi Đức Phật, nghe pháp đại thừa, song nơi pháp chẳng tu hành, dừng nơi nhị thừa, dù có bảo tàng Phật pháp trước mắt, cũng không đắc được tơ hào pháp ích. Như nay gã cùng tử dần dần hiểu rõ pháp đại thừa, thâm nhập tạng pháp của Phật.

Chúng con nội diệt
Tự cho là đủ
Chỉ rõ việc nầy
Chẳng biết việc khác.
Nếu chúng con nghe
Tịnh cõi nước Phật
Giáo hóa chúng sinh
Đều chẳng vui thích.
Đó là tại sao ?
Vì tất cả pháp
Thảy đều không tịch
Không sinh không diệt.
Không lớn không nhỏ
Vô lậu vô vi
Suy gẫm như thế
Chẳng sinh vui thích.
Chúng con từ lâu

Nơi trí huệ Phật
Không tham không chấp
Chẳng có chí nguyện.
Nơi pháp của mình
Cho là cứu kính
Chúng con từ lâu
Tu tập pháp không.
Thoát được hoạn nạn
Khổ não ba cõi
Ở thân cuối cùng
Hữu dư Niết Bàn.
Pháp Phật giáo hóa
Đắc đạo chẳng sai
Tức đã báo đáp
Ân đức của Phật.

Đại Ca Diếp bạch Phật rằng: ''Chúng con nội diệt'': Đã diệt tư hoặc, tự cho đã đủ. Thường ở trong định diệt trừ phiền não, phá trừ vô minh. Ngừng nơi trí nhỏ mà chẳng ưa thích trí lớn, tịnh cõi nước Phật, hồi tiểu hướng đại và việc giáo hóa chúng sinh. Vì sao hàng nhị thừa chẳng tu tập pháp lớn ? Vì họ chấp nơi pháp không, tự cho rằng mình đắc được các pháp không tịch, thì không

cần giáo hóa chúng sinh, đây là hành vi ích kỷ, chỉ biết lợi mình mà chẳng biết lợi kẻ khác. Tất cả các pháp, tính tuy là không tịch, vẫn cứu độ chúng sinh. Sự thật thì chư Phật và chúng sinh hợp hai làm một, Phật tức chúng sinh, chúng sinh tức Phật. Hàng nhị thừa ngừng ở nơi hóa thành, ví như những người nầy, trước khi chưa xuất gia thì tinh tấn tu đạo; sau khi xuất gia rồi, dần dần thối bồ đề tâm, và còn thường biện hộ cho mình: ‘’Tôi đã thọ giới cụ túc, chẳng tu hành cũng chẳng quan hệ gì, mao bệnh chẳng cần lo, giải đãi lại có ngại gì’’ ? Đây là hành vi của hàng nhị thừa, được ít cho là đủ, tức chẳng lợi mình cũng chẳng lợi kẻ khác.

Chúng con ở trong mê mờ, đêm dài tối tăm, chỉ biết vui nhỏ, sợ khổ cầu không, phá trừ vô minh phiền não, thoát khỏi ba cõi, trụ nơi hữu dư Niết Bàn, cho là cứu kính, vì báo ân Phật, song nơi trí huệ của Phật, chẳng biết trên cầu Phật quả, dưới độ chúng sinh, chỉ cầu sự vui thích của riêng mình, các vị phải thấy rõ, vì sao Đức Phật thường trách hành nhị thừa tiêu nhạ bại chủng, chẳng hành Phật đạo.

Chúng con tuy là
Các hàng Phật tử
Nói pháp Bồ Tát
Để cầu Phật đạo.
Mà nơi pháp đó

Tâm chẳng ưa thích
Đạo sư thấy bỏ
Vì thấy tâm con.
Ban đầu chẳng siêng
Nói có lợi thật
Như trưởng giả giàu
Biết con chí hèn.
Dùng sức phương tiện
Hòa phục tâm con
Sau đó mới giao
Tất cả của cải.
Phật cũng như thế
Hiện việc ít có
Biết thích tiểu thừa
Dùng sức phương tiện.
Điều phục tâm con
Mới dạy trí lớn.

Chúng con tuy là đệ tử của Phật, ở trong hội Bát Nhã, mong Phật gia bị, vì Bồ Tát nói kinh đại thừa, song đối với pháp lớn, chẳng có một tâm niệm ưa thích, Đức Như Lai thấy vậy, bèn tạm bỏ pháp lớn, chỉ nói tu tứ diệu đế, mười hai nhân duyên, thì có thể chứng tứ quả La Hán,

chẳng cổ lệ chúng con tu lục độ vạn hạnh, đạo Bồ Tát, mới có thể thành quả vị Phật, vì Phật thấy tâm của chúng con chẳng mong cầu pháp lớn vậy.

Phật dùng sức phương tiện, thị hiện làm một vị Tỳ Kheo bình thường để độ hàng nhị thừa, bày pháp quyền xảo phương tiện, để điều phục tâm của họ, rồi sau mới khiến cho họ vào trí huệ của Phật.

Chúng con hôm nay
Được chưa từng có.
Chẳng phải trước mong
Mà nay tự được
Như gã cùng tử
Được vô lượng báu.
Thế Tôn con nay
Đắc đạo chứng quả
Nơi pháp vô lậu
Được mắt thanh tịnh.
Chúng con từ lâu
Giữ giới trong sạch
Mới ngày hôm nay
Được quả báo đó.
Pháp của Pháp Vương

Lâu tu phạm hạnh
Nay được vô lậu
Đại quả vô thượng.
Chúng con hôm nay
Thật là Thanh Văn
Dùng tiếng Phật đạo
Khiến thảy đều nghe.
Chúng con hôm nay
Thật là La Hán
Nơi các thế gian
Trời người ma Phạm.
Khắp trong chúng đó
Đáng thọ cúng dường.

Chúng con may mắn được truyền thọ mật ý, chỗ xưa kia chưa có, chẳng phải bổn tâm trước kia mong muốn, mà ngày hôm nay được Phật khai thị, tự nhiên mà được, thanh tịnh Phật nhãn mà khai tri kiến của Phật. ''Đắc đạo'' tức là được đạo thật tướng. Đắc quả tức là đắc Vô thượng bồ đề đại thừa Thánh quả. Pháp vô lậu trung đạo bất lậu hai bên .

Chúng con xưa kia lâu dài ở nơi vô minh, tu trì giới hạnh thanh tịnh của Như Lai, hôm nay mới được nghe Đức Phật khai quyền hiển thật, chúng con nghe pháp của

Phật như vầy, ngộ biết quả báo thành Phật chân thật. Tóm lại, giữ gìn giới thanh tịnh mới thành chân thật nhân duyên, cho nên được diệu báo. Phạm hạnh là thành chân thật liễu nhân, cho nên được diệu quả. Sở tri sở kiến tức là chánh nhân lý tính pháp thân đức vậy.

Thật là Thanh Văn, thật là A La Hán, xưa kia chúng con nghe tiếng nhập đạo, tên tiểu thừa Thanh Văn, nay là đại thừa Thanh Văn A La Hán. Viên mãn sơ trụ vị, một phần chân, tất cả phần chân, tức là phân chứng thập giới tam đức, song đó là khai quyền hiển thật, cho nên gọi là Thanh Văn A La Hán. Ở trong tam giới, chư thiên loài người ma vương Phạm vương, ở trong khắp đại chúng trời người, vì tu trí huệ của Như Lai, đều đáng thọ nhận sự cung kính cúng dường.

Thân làm người xuất gia, không được vì lợi dưỡng, mà tùy tiện tiếp thọ sự cúng dường của thí chủ, phải biết nếu như ba tâm chưa đoạn, thì một giọt nước cũng khó tiêu. Trong kinh có nói: ‘’Tam tâm bất khả đắc‘’. Tam tâm là tâm quá khứ bất kả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc. Quá khứ, đã thành quá khứ, cho nên bất khả đắc. Tâm hiện tại, trong sát na thành ra quá khứ, vô thường. Vị lai thì chưa đến, cho nên nói là bất khả đắc.

Người xuất gia nếu ba tâm chưa thấu rõ, mà thiếp thọ sự cúng dường của thí chủ, đừng nói đến cơm ăn khó tiêu, dù chỉ một ly nước sạch cũng khó tiêu. Khi ăn thì

quán tưởng ngũ quán. Người chân tu thì dù thép cũng tiêu hóa được. Ngũ quán là:

1. Kế công đa thiểu, lượng bỉ lai xứ: Nghĩa là tính xem công đức của mình nhiều hay ít, thức ăn đó từ đâu đến.

2. Thổn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng: Nghĩa là xem đức hạnh của mình đủ hay thiếu, có đáng thọ lãnh sự cúng dường chăng !

3. Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông: Nghĩa là phòng ngừa tâm tạo tội lỗi, tham lam là gốc.

4. Chánh sự lương dược, vi liệu hình khô: Nghĩa là thức ăn như thuốc hay, chữa trị sự khô héo.

5. Vi thành đạo nghiệp, ưng thọ thử thực: Vì thành đạo nghiệp mới thọ thức ăn nầy.

‘’Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông‘’: Biểu thị bất cứ là thức ăn ngon dở, chẳng phân biệt, không tham trước, một luật bình đẳng đều thọ dụng. ‘’Chánh sự lương dược, vi liệu hình khô‘’: Vì trừ tham dục cho nên quán tưởng thức ăn như uống thuốc để thân thể nầy khỏi khô gầy.

Ân lớn Thế Tôn
Là việc ít có.
Thương xót giáo hóa
Lợi ích chúng sinh

Vô lượng ức kiếp
Ai báo đáp được.
Tay chân cung cấp
Cuối đầu đảnh lễ
Cúng dường tất cả
Đều chẳng báo được.
Nếu dùng đầu đội
Hai vai mang vác
Trải Hằng sa kiếp
Hết lòng cung kính.
Lại dùng vật ngon
Vô lượng y báu
Và các ngọa cụ
Đủ thứ thuốc thang.
Ngưu đầu chiên đàn
Và các châu báu
Tạo lập chùa tháp
Y báu trải đất.
Những việc như thế
Đem cúng dường Phật
Trải Hằng sa kiếp

Cũng chẳng báo được.
Chư Phật ít có
Vô lượng vô biên
Không thể nghĩ bàn
Sức đại thần thông.
Vô lậu vô vi
Vua của các pháp
Hay vì hạ liệt
Nhẫn nơi việc đó.
Hiện tướng phàm phu
Tùy họ mà nói
Phật nơi các pháp
Được tự tại nhất.
Biết các chúng sinh
Đủ thứ ưa muốn
Và những chí lực
Tùy sự kham thọ.
Dùng vô lượng dụ
Vì họ nói pháp
Tùy các chúng sinh
Căn lành đời trước.

Biết đã thành thục
Hoặc chưa thành thục
Đủ thứ suy lường
Phân biệt biết rõ.
Nơi đạo nhất thừa
Tùy nghi nói ra.

Phật dùng đại từ bi, thí đại ân đức, cứu vớt sáu nẻo tội khổ chúng sinh, khiến cho các Ngài, trước hết tu tứ Diệu đế, được quả vui lìa biển khổ, kế tiếp phổ độ mười pháp giới chúng sinh, khiến cho họ phát bồ đề tâm, nhập vào tứ hoằng thệ nguyện, đó là ân lớn của Như Lai.

Vô lượng kiếp đến nay, Phật đều hành Bồ Tát đạo, từng giáo hóa chúng con pháp đại thừa, tuy tạm thời không thể tự cứu tự độ, song chí nguyện chưa mất. Nay được nghe lục đô vạn hạnh pháp Bồ Tát, đức hạnh tự lợi lợi tha, mới là chánh nhân thành Phật. Như việc ít có nầy, chúng con làm sao báo được ân đức lớn của Phật ?

Nhà lửa ba cõi, đủ thứ khổ thiêu đốt bức bách, Phật hiện ra đời phổ độ chúng sinh, lợi ích quần sinh, khiến cho chúng con có chỗ về nương tựa.

Sau khi Phật thành đạo, đáng thọ sự vui tịch diệt vô vi, song vì thương xót chúng sinh, chẳng sợ sinh tử, vào đời ác năm trược nầy để cứu độ, dùng pháp quyền xảo phương tiện dạy năm giới, mười điều lành, rưới nước lạnh vào mặt, khiến cho tỉnh ngộ, trừ khử đi tham dục.

Phật dùng tâm đại bi, muốn cho chúng sinh sớm thành Phật đạo, mà diễn nói Kinh Hoa Nghiêm, song chúng sinh căn cơ còn nông cạn, cơ duyên chưa chín mùi, chưa hiểu pháp lớn, vì lẽ đó cho nên Phật ẩn lớn hiện nhỏ, hiện tướng Tỳ Kheo cao một trượng sáu, mới được gần gũi chúng sinh, xem căn cơ của họ mà tuỳ nghi hoá độ. Phương tiện gần gũi, với giá một ngày, đây là Phật trợ giúp chúng sinh đoạn trừ kiến hoặc.

Hàng nhị thừa trừ kiến, tư, hai hoặc rồi, thì dần dần tâm thể tương ưng với Phật, cho nên Phật quở trách, khiến cho họ hổ thẹn pháp nhỏ mà hâm mộ pháp lớn, đây là Phật khiến cho họ trông coi gia nhiệp của Như Lai, vàng bạc kho tàng đều phải biết hết, đây là ân trang nghiêm do Phật ban tặng. Như vậy rồi, Phật thấy cơ duyên thành thục, bèn nhóm họp thân tộc, ở trong chúng hội, tuyên nói họ là con của Phật, và giao phó cho gia nghiệp, chẳng cầu mà tự được, nghĩa là hàng nhị thừa tương lai cũng sẽ thành Phật, ngồi ở trên tòa báu Pháp vương, đây là Như Lai ban tặng tòa ân vậy.

Ngồi trên Phật tòa, thân ý thơ thới, khoái lạc yên ổn, dùng tiếng Phật đạo khiến cho tất cả chúng sinh được nghe, rộng khắp trong trời người, đáng thọ nhận sự cúng dường, khiến cho chúng con đầy đủ ân đức tự lợi lợi tha, đó là thâm ân do Phật ban tặng cho, dù chúng con dùng chân tay cung cấp, cuối đầu đảnh lễ cung kính, cho đến đầu đội hoặc hai vai mang vác, cũng không thể báo đáp được ân đức của Phật.

Ngưu đầu chiên đàn, trong Kinh Hoa Nghiêm nói, lìa khỏi núi cấu, nếu dùng để đốt thân, lửa không thể cháy.

Vô lượng thần thông việc không thể nghĩ bàn của Phật, vô lậu vô vi, vua của các pháp, vì dùng từ bi, hay vì kẻ căn cơ hạ liệt hèn kém, nhẫn nại điều hoà, tùy theo loài đáng giáo hóa mà hiện tướng phàm phu. Phẩm tính của chúng sinh hèn kém, song Phật dùng đại trí huệ biết được căn tính của họ thành thục, lại dùng đại bi trải qua ngàn kiếp, chẳng từ khổ nhọc cứu vớt tất cả tội khổ chúng sinh.

Đời người như một tuồng hí kịch, đời nầy đóng vai cha, đời sau đóng vai con. Cha con, con cha, quan hệ như thế, nên đời đời tiếp nối không ngừng, hoặc chẳng làm con với cha, mà làm thân tộc bạn bè .v.v. Tóm lại, đời người ở trên sân khấu, ai ai cũng đều đóng vai của mình, vỡ kịch chấm dứt thì người lìa tan, lại đi diễn vỡ tuồng khác, cứ như thế mà trải qua vô lượng kiếp đến nay chúng sinh đều diễn kịch, luân hồi trong sáu nẻo. Chúng ta hãy sớm tỉnh giác, biết đường mê mà quay về !

Phật khéo dùng pháp môn đốn tiệm, nhậm vận tự tại, giáo hóa chúng sinh, tùy theo các căn cơ hạnh nghiệp của mỗi loài đáng giáo hóa, thì hiển thị phân biệt nói pháp tối hy hữu nhất, nơi một Phật thừa đạo vô thượng, mà phương tiện tùy nghi nói làm ba thừa.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ NĂM

Dược là thuốc trị bệnh, thảo là thảo mộc (cỏ), cũng dụ cho chúng sinh thế tục. Nếu có bệnh thì giáo pháp của Như Lai là thuốc, quán sát căn cơ nói pháp, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Cần phải có căn cơ và giáo pháp tương ưng, thì thuốc chữa trị mới hay. Cho nên phẩm nầy, Đức Phật dùng cỏ thuốc làm ví dụ, chữa trị bệnh thân và tâm của chúng sinh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Ngài Ma Ha Ca Diếp, và các vị đại đệ tử : Lành thay, lành thay ! Ca Diếp khéo nói công đức chân thật của Như Lai, đúng như lời các ông vừa nói. Như Lai còn có vô lượng vô biên A tăng kỳ công đức, dù các ông trải qua vô lượng ức kiếp, nói cũng không hết được.

Lúc đó, Đức Phật bảo Ngài Ca Diếp và các vị đệ tử trong pháp hội : Lành thay, lành thay ! Ca Diếp nói thật là hay, ông thật lãnh hội được tâm ý của Như Lai, pháp của Như Lai nói, đạo lý của ông nói, tơ hào chẳng sai. Như Lai chẳng có bờ mé, A tăng kỳ, vô lượng số mà công đức của Phật cũng vô lương vô biên. Dù các ông có trải qua vô lượng ức kiếp, nói cũng chẳng bao giờ hết được, các ông hằng ngày giảng nói, cũng không nói hết được công đức nầy.

Ca Diếp nên biết ! Như Lai là vua của các pháp, nếu có nói ra lời gì, đều không hư vọng, trong tất cả các pháp, Phật đều dùng trí huệ phương tiện mà diễn nói, pháp của Phật nói ra, thảy đều đến nơi Nhất thiết trí.

Ca Diếp ông nên biết, Như Lai là vua của tất cả các pháp, pháp của Như Lai nói, đều là pháp chân thật không hư. Tất cả pháp bao quát đại thừa, nhị thừa, và tam thừa. Đại thừa là Phật thừa, nhị thừa là Thanh Văn Duyên Giác thừa, tam thừa là Bồ Tát thừa. Như Lai đều khéo léo, dùng phương tiện diễn nói diệu pháp, đều dùng (trí huệ) Bát nhã ba la mật đa, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí để nói pháp.

Như Lai quán sát, biết được chỗ quy về của tất cả các pháp, cũng biết được tâm lý trong thâm tâm của tất cả chúng sinh, thông đạt vô ngại, và thấu rõ rốt ráo hết các pháp, mở bày Nhất thiết trí huệ cho chúng sinh.

Phật có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông. Ba thân là :

* Pháp thân,
* Hóa thân
* Báo thân.

Bốn trí là :

* Đại viên cảnh trí
* Diệu quán sát trí
* Bình đẳng tính trí
* Thành sở tác trí.

Năm nhãn là :

* Phật nhãn
* Pháp nhãn
* Huệ nhãn
* Thiên nhãn
* Nhục nhãn.

Sáu thông là :

* Thiên nhãn thông

✱ Thiên nhĩ thông
✱ Tha tâm thông
✱ Túc mạng thông
✱ Thần túc thông
✱ Lậu tận thông.

Như Lai dùng trí huệ quán sát, mà biết được tất cả các pháp. Pháp có tám muôn bốn ngàn thứ, nếu dùng mỗi một pháp để nói, thì phí thời gian lâu dài, cho nên nói tất cả các pháp. Các pháp quy về đâu ? Phật nói tất cả các pháp chẳng lìa tất cả tâm, tất cả pháp sinh ra, cũng vì sở hiện của tâm vậy, do đó, Phật mới biết được tâm lý của tất cả chúng sinh. Như trong Kinh Kim Cang có nói:

''Chúng sinh có bao nhiêu thứ tâm,
Như Lai đều biết đều thấy''.

Chúng sinh khởi tâm động niệm, Phật đều thấy rõ như chỉ bàn tay, chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy, thông đạt vô ngại, mới có thể mở bày Nhất thiết trí huệ cho tất cả chúng sinh.

Ca Diếp ! Ví như núi sông, khe suối, đất đai, trong ba ngàn đại thiên thế giới, sinh ra cây cối lùm rừng, và các cỏ thuốc, bao nhiêu thứ, loại, tên gọi, màu sắc, đều khác nhau. Mây dày phủ khắp ba ngàn đại thiên

thế giới, đồng thời đều mưa xuống như nhau, thấm nhuần hết thảy cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc. Cây nhỏ rễ nhỏ, nhánh nhỏ lá nhỏ; cây vừa rễ vừa, nhánh vừa lá vừa; cây lớn rễ lớn, nhánh lớn lá lớn. Các cây lớn nhỏ, tùy theo sự lớn, vừa, nhỏ, mà hấp thụ khác nhau. Một đám mây mưa xuống, mà tùy theo giống loại cây cỏ, mà được sinh trưởng, đơm hoa kết trái, tuy là một mảnh đất sinh ra, một trận mưa thấm nhuần, mà các cây cỏ mỗi thứ, đều có sự khác nhau.

Ca Diếp ! Ví như ba ngàn đại thiên thế giới, một mặt trời mặt trăng, một núi Tu Di, một bốn châu thiên hạ, cộng lại làm một thế giới. Một ngàn mặt trời mặt trăng, một ngàn núi Tu Di, và một ngàn bốn thiên hạ làm một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới, làm một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới, làm một đại thiên thế giới, vì ba lần một ngàn, cho nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới.

Ở trong sơn, hà, đại địa, khe suối, sinh ra các thứ cây cối, hoa, cỏ, lùm rừng, đều có tên gọi và màu sắc khác nhau. Trên bầu trời phủ đầy mây dày đặc, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều như nhau, mưa xuống cũng

đều như nhau. Tất cả thân, rễ, cành, lá, của cây cối hoa cỏ, đều tùy theo giống loại lớn, vừa, nhỏ, mà hấp thụ lượng nước khác nhau. Thân rễ cành lá lớn, thì hấp thụ nhiều, thân rễ cành lá vừa, thì hấp thụ ít hơn, thân rễ cành lá nhỏ, thì hấp thụ càng ít hơn. Đây cũng là phẩm ví dụ phân biệt lớn, vừa, nhỏ. Tất cả cây cỏ vốn từ một mảnh đất sinh ra lớn lên, mà mưa xuống cũng một lượng nước giống nhau, song vì thân rễ cây lớn, cây vừa, cây nhỏ, nên sức hấp thụ lượng nước đều khác nhau. Song, vẫn lớn lên đơm hoa kết quả như nhau. Đó là Phật ví dụ căn cơ của chúng sinh, tất cả cây cối hoa cỏ lùm rừng, có phân ra lớn, vừa và nhỏ.

Ca Diếp nên biết ! Như Lai cũng lại như thế, xuất hiện ra đời như vầng mây lớn, dùng âm thanh lớn, vang khắp thế giới trời, người, A tu la. Như vầng mây lớn kia, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, ở trong đại chúng mà xướng lời nầy : Ta là Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Người chưa được độ, thì khiến cho được độ, người chưa hiểu, thì khiến cho được hiểu, người

chưa an, thì khiến cho được an, người chưa được Niết bàn, thì khiến cho được Niết bàn. Đời nầy đời sau, Phật đều biết đúng như thật. Ta là bậc Nhất thiết trí, bậc thấy tất cả, bậc biết đạo, bậc khai mở đạo, bậc thuyết đạo. Các ông : Trời, người, A tu la, đều nên đến đây để nghe pháp.

Ca Diếp ! Ông nên biết, Như Lai cũng như thế. Ta xuất hiện ra đời giống như vầng mây lớn hiện ra đời, vì đại sự nhân duyên giáo hóa chúng sinh, mới xuất hiện ra đời. Do đó, dùng tiếng pháp âm lớn nhất vang khắp, nói với thế gian trời, người, A tu la, pháp của ta nói như vầng mây lớn, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, ở trước mọi người nói : Ta là Như Lai.

Tại sao Phật vẫn còn có cái ‘’Ta‘’? Kỳ thật, nếu minh bạch được ‘’Như Lai‘’ thì chẳng có cái ‘’ta‘’; Như Lai tức là ngồi đạo như thật, lai thành chánh giác. Ví như lúc giảng Kinh, người thông minh thì nhớ nhiều nhất, người trung bình thì nhớ ít hơn một chút, người ngu si thì nhớ rất ít. Cũng như trời mưa xuống, tùy theo cây cối hoa cỏ lớn nhỏ khác nhau, nên hấp thụ lượng nước cũng khác nhau. Đồng lý ấy, bậc trí huệ cao thì được huệ nhiều một chút, kẻ trí huệ ít thì được ít huệ. Mọi người đều đang nghe Kinh, song trình độ hiểu biết đạo lý chẳng giống

nhau. Có người nghe rồi, thì biết những cây cối hoa cỏ nầy là ví dụ cho người, hoặc có người biết mưa xuống hoặc mây dày phủ giăng, là chỉ Phật đang nói pháp. Nếu chẳng hiểu thì sẽ nói : ''Tôi chẳng hiểu chút nào, sao cứ nói nào là cây cối hoa cỏ'' ! Nếu biết mình một chút cũng chẳng minh bạch, tức là có một sự biết mình chẳng minh bạch, tức cũng là đang bắt đầu đi trên con đường minh bạch. Nhất là người chưa nghe qua Phật pháp, khi nghe lần đầu tiên, thì chắt chắn chẳng hiểu. Song, nếu biết mình không minh bạch, đó là đã minh bạch một chút. Hôm nay một chút, ngày mai một chút, từng chút từng chút tích lũy dần dần, sẽ tụ ít thành nhiều.

''Như Lai'' còn có mười ý nghĩa khác :

1. Ứng Cúng: Đáng tiếp nhận sự cúng dường.

2. Chánh Biến Tri: Biết vạn pháp duy tâm là chánh tri, biết tâm sinh vạn pháp là biến tri.

3. Minh Hạnh Túc: Có trí huệ quang minh, tu hành đến quả vị viên mãn.

4. Thiện Thệ: Đã đi đến nơi tốt lành.

5. Thế Gian Giải: Trên thế gian chẳng có ai hiểu biết hơn Ngài.

6. Vô Thượng Sĩ: Chẳng có ai cao hơn Ngài.

7. Điều Ngự Trượng Phu: Bậc đại trượng phu điều phục và chế ngự được tất cả chúng sinh.

8. Thiên nhân sư: Thầy của chư thiên và loài người.

9. Phật.

10. Thế Tôn: Là bậc tôn kính ở thế gian và xuất thế gian.

Cho nên, Phật có đủ thứ nhân duyên công đức, hay khiến cho người chưa được độ thì được độ, độ họ đến chỗ chẳng còn thị phi tốt xấu, thiện ác sinh tử. Đồng thời cũng khiến cho người không an lạc thì được an lạc, khiến cho người chưa được Niết Bàn thì được: Thường, lạc, ngã, tịnh, vui tịch diệt. Đối với đời này, đời sau và tất cả, ta đều thấu rõ biết được chân thật, thấy được, mà còn biết khai ngộ tu đạo, giảng kinh thuyết pháp, khai diễn đủ thứ pháp môn tu hành. Các ông trời, người, A tu la đều nên đến đây để nghe kinh nghe pháp.

Đồng lý ấy, tại pháp hội nghe kinh nầy, ngoài các vị ra, còn có thiên long bát bộ. Nếu bạn đã khai mở ngũ nhãn lục thông thì sẽ nhìn thấy rất rõ ràng.

Bấy giờ, có vô số ngàn vạn ức loại chúng sinh, đều đến chỗ đức Phật để nghe pháp. Lúc đó, đức Như Lai quán sát các căn lợi độn, tinh tấn, hay giải đãi, của các chúng sinh đó. Tùy theo sự kham nhận của họ, mà vì họ nói pháp, đủ thứ vô lượng, đều khiến cho họ vui mừng, mau được lợi lành. Các chúng sinh đó, nghe pháp đó rồi, hiện đời

được yên ổn, đời sau sinh vào chỗ tốt lành, được thọ hưởng niềm vui trong đạo, cũng được nghe pháp. Nghe pháp rồi, lìa được các chướng ngại, ở trong các pháp, tùy theo sức của mình kham được, dần dần được vào đạo.

Lúc đó, có vô số ngàn vạn ức loài chúng sinh, đến pháp hội nầy, nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đức Như Lai quán sát tỉ mỉ nhân duyên của chúng sinh, biết họ có rất nhiều căn cơ, có người lợi căn rất thông minh, cũng có những người ngu si ám độn, có những người dũng mãnh tinh tấn, cũng có người lười biếng giải đãi. Do đó, Phật vì người tinh tấn nói pháp tinh tấn, vì người giải đãi nói pháp giải đãi, khiến cho họ nỗ lực tiến tới, tùy thuận căn tính của họ, đáng tiếp thọ pháp gì thì nói pháp đó, nếu không thể tiếp thọ thì chẳng vì họ nói pháp nầy. Cho nên, ban đầu Phật chẳng nói thật pháp, chỉ nói quyền pháp, dùng đủ thứ vô lượng pháp môn, vì vô lượng loài chúng sinh mà nói, mục đích khiến cho chúng sinh vui mừng tin nhận thọ trì. Do sự thích nghe pháp, mà dần dần sẽ đi trên con đường của Phật tu học, sẽ nhanh chóng đắc được lợi ích. Chúng sinh nghe pháp rồi, hiện đời được yên ổn, đời sau được sinh về cõi trời, hoặc sinh vào chỗ giàu sang ở nhân gian, đời đời kiếp kiếp có thể nghe pháp. Tu Phật đạo đắc được đủ thứ khoái lạc, cũng chỉ có nghe Phật pháp mới thấu rõ lý, mới lìa được đủ thứ phiền não

chướng ngại. Như vậy, rất dễ dàng tùy sức của mỗi người mà vào đạo. ‘’Đạo‘’ là giai đoạn khai ngộ, dần dần đạt đến được quả vị liễu sinh thoát tử.

Như vầng mây lớn đó, mưa xuống khắp tất cả cây cối lùm rừng, và các cỏ thuốc, tùy theo giống loài mà thấm nhuần đầy đủ, đều được lớn lên. Như Lai nói pháp, một tướng một vị, đó là tướng giải thoát, tướng lìa khổ, tướng sinh diệt, rốt ráo đến nơi Nhất thiết chủng trí. Nếu có chúng sinh nào, nghe được pháp của Như Lai nói, hoặc thọ trì đọc tụng, theo lời nói mà tu hành, thì sẽ được công đức, tự mình chẳng hay biết. Tại sao ? Vì chỉ có Như Lai mới biết được, chủng tử sắc tướng thể tính của chúng sinh đó, nghĩ việc gì, niệm việc gì, tu việc gì, nghĩ thế nào, nhớ thế nào, tu thế nào ? Dùng pháp gì để nghĩ, dùng pháp gì để nhớ, dùng pháp gì để tu ? Dùng pháp gì được pháp gì ? Chúng sinh trụ đủ thứ các bậc, chỉ có Như Lai thấy được như thật, thấu rõ chẳng có chướng ngại.

Phật nói pháp giống như vầng mây mưa xuống, cây cối hoa cỏ lùm rừng, là chỉ tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh gồm có: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Tùy theo chủng tính khác nhau của họ mà thuyết pháp, khiến cho họ được sinh trưởng. Giống như trời mưa xuống thấm nhuần đầy đủ, cây cối cỏ thuốc đều được lớn lên. Phật nói pháp là một tướng một vị: Một tướng là chân như thật tướng của tất cả chúng sinh. Chân tướng tức là nhất địa. Đã chứng được chân lý nhất thừa gọi là nhất vị. Tất cả chúng sinh chưa giải thoát, đều khiến cho họ được giải thoát; chúng sinh chưa sinh trưởng thì khiến cho họ sinh trưởng; chúng sinh đã được sinh trưởng thì khiến cho được giải thoát, lìa khỏi tướng khổ não, tướng sinh diệt. Đắc được trí huệ của Phật, tức cũng là Nhất thiết chủng trí. Giả như, có loại chúng sinh nghe Phật pháp rồi, bèn y theo pháp tu hành, thì Phật dạy họ tu như thế nào. Phật pháp là đại đồng tiểu dị, giống như chúng ta hiện nay nghe pháp, công đức và quả báo đắc được không thể nghĩ bàn, song chính mình chẳng biết ! Tại sao ? Chỉ có Đức Như Lai mới biết bốn pháp của loại chúng sinh nầy: Chủng tướng thể tính. ‘’Chủng‘’ là chủng tử bổn thân của chúng sinh, chủng tử nầy có thể gieo trồng vào một trong mười pháp giới nào bất cứ, hoặc hạt giống Phật, hạt giống bồ đề, hạt giống Duyên Giác, hạt giống Thanh Văn, hạt giống chư thiên, hạt giống loài người, hạt giống địa ngục, hạt giống ngạ quỷ, hạt giống súc sinh. ‘’Tướng‘’ là pháp

bên ngoài, cũng là sắc. ''Thể'' là chủ thể, trong thân thể có chủ tể. ''Tính'' là đối bên trong mà nói, tức là bốn pháp nầy.

Ba pháp là pháp nghe, pháp suy nghĩ, pháp tu (văn, tư, tu). Văn huệ tức là nghe kinh nghe pháp nhiều lần, thì sau đó trong sự bất tri bất giác sinh ra trí huệ. Nếu chẳng nghe pháp, thì dù người thông minh thế nào cũng chẳng hiểu, đừng nói đến khai mở trí huệ. Tư huệ tức là đả tọa tham thiền, dùng tư duy huệ tu tập. ''Thiền na'' dịch là tĩnh lự, tẩy sạch niệm lự cho thanh tịnh thì sẽ phát huệ. Con người trước hết phải có văn huệ, sau đó mới phát tư huệ; phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi. Tư tưởng sáng suốt thì phải dụng công tu hành, sớm cũng suy gẫm, tối cũng suy gẫm, sớm tối đều phải dũng mãnh tinh tấn tu hành, song phải dùng trí huệ để tu, đừng có tu đuôi luyện mù, mọi người tiến tới con đường Phật đạo, còn bạn thì ngược lại chạy hướng khác.

Hai pháp là nhân quả. Một pháp là pháp Nhất thiết đạo chủng trí, là chân thật trí, tức cũng là một thật tướng. ''Niệm việc gì'' ? Dùng tâm niệm, niệm việc Phật. ''Nghĩ việc gì'' ? Nghĩ việc pháp. ''Tu việc gì'' ? Tu việc Tăng. Thế thì làm thế nào để nhớ nghĩ tu Phật, pháp, Tăng ? Tức là từ từ, mỗi phút mỗi giây cũng không sao quên được Phật pháp tăng. Trên phương diện tư tưởng phải bình tâm tĩnh khí, không khởi vọng tưởng, suy gẫm đạo lý Phật pháp tăng, tinh tấn tu hành. ''Dùng pháp gì niệm'' ? Dùng chánh pháp niệm. ''Dùng pháp gì nghĩ'' ? Dùng

chánh pháp nghĩ. Ai dùng pháp gì tu thì được pháp đó. Dùng Phật pháp thì được pháp của Phật, dùng ma pháp thì được pháp của ma. Trồng nhân gì thì được quả đó, nhân như vầy, quả như vầy. Thế mà chúng sinh gặp đủ thứ cảnh giới mà không tự biết được, chỉ có Phật thấy như thật, triệt để thấu hiểu chúng sinh bậc thượng trung hạ, thấu suốt thủy chung trong ngoài tất cả sinh tử. Thế mà, chúng ta chúng sinh minh bạch sinh, mà chẳng hiểu rõ tử; minh bạch tử, mà chẳng minh bạch sinh. Chẳng biết bắt đầu cũng chẳng biết điểm cuối, vì chẳng thấu suốt mới có chướng ngại. Chỉ có Phật mới chân chánh thấu suốt chẳng có gì chướng ngại. Do đó, có bài kệ rằng:

‘’Nguyện tiêu ba chướng dứt phiền não
Nguyện được trí huệ hiểu chơn thật
Nguyện khắp tai chướng đều tiêu trừ
Đời đời thường hành Bồ Tát đạo‘’.

Ba chướng là: Nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng. Ý của bài kệ nầy là nguyện tất cả tai chướng khắp thế giới như động đất, nạn gió, nạn nước, nạn hạn hán, nạn lửa .v.v., đều tiêu trừ, lại nguyện đời đời kiếp kiếp đều tu Bồ Tát đạo.

Như các cây cối lùm rừng cỏ thuốc kia, chẳng tự biết tính thượng trung hạ. Như Lai biết pháp một tướng, một vị, đó là tướng giải

thoát, tướng lìa khổ, tướng sinh diệt, tướng rốt ráo Niết bàn thường tịch diệt. Cuối cùng trở về không. Phật biết vậy rồi, bèn quán tâm mong muốn của chúng sinh, mà dìu dắt họ, cho nên chẳng vì họ vội nói Nhất thiết chủng trí.

Ca Diếp ! Các ông rất là hi hữu, biết Như Lai tùy nghi nói pháp, hay tin nhận thọ trì. Tại sao ? Vì chư Phật Thế Tôn tùy nghi nói pháp, khó hiểu khó biết. Lúc đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói bài kệ rằng:

Tất cả chúng sinh, đắc được sự thấm nhuần mưa pháp của Phật mà chẳng tự biết, đây cũng giống như cây cối lùm rừng, hoa, cỏ, cỏ thuốc, chẳng biết tính chất của mình có phân ra thượng trung hạ. Đức Như Lai biết tâm tính của chúng sinh vốn đầy đủ tướng chân như. Pháp một vị, cùng tu hành chứng được diệu lý, gọi là pháp một vị.

''Tướng giải thoát'', bổn lai cũng chẳng có tướng giải thoát, chẳng lìa tướng, chẳng diệt tướng, chỉ vì chúng sinh có chấp trước, mới nói có tướng giải thoát. Tức nhiên ''lìa tướng'' sao còn có ''tướng''? Tóm lại, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, một pháp cũng chẳng tồn tại, mới

được rốt ráo Niết Bàn thường lạc ngã tịnh, tức là tướng thường tịch diệt, cho đến một cái diệt cũng chẳng có; cũng là tướng không, cho đến không cũng chẳng có. Phật biết tất cả tướng nầy, vốn chẳng có pháp có thể nói, vô tướng khả đắc, song trong tâm chúng sinh còn có tham dục, nếu ban đầu đối với họ nói gì cũng chẳng có, ‘’một pháp chẳng lập, vạn pháp đều không‘’, thì chúng sinh sẽ không tin, mà còn phỉ báng Phật pháp. Phật quán sát tâm của chúng sinh, họ có rất nhiều tập khí mao bệnh, muốn cho họ từ từ trừ khử tập khí thì họ mới tin; nếu muốn họ một phen trừ khử đi nhiều mao bệnh tập khí, để trở về không, thì không thể nào được. Cho nên, một mặt vì hộ trì Phật pháp, mặt kia cũng không để cho họ sinh tâm phỉ báng, do đó Phật chẳng vội vàng nói liền pháp Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí là thật tướng Bát Nhã, Phật thấy căn tính của chúng sinh chưa thành thục, nên chẳng nói thật tướng Bát Nhã.

Phật nói: ‘’Ca Diếp ! Các ông hàng Thanh Văn rất là hi hữu. Tại sao ? Vì các ông hiểu được Phật tùy theo cơ nghi, căn tính, nhân quả của chúng sinh, mà vì họ nói pháp, khiến cho tất cả chúng sinh tin nhận lãnh thọ, vì pháp của Phật nói là diệu pháp thù thắng vô thượng, song chẳng dễ gì minh bạch, cũng chẳng dễ gì hiểu được, cho nên Phật dùng tâm đại từ bi thuật lại nghĩa lý ở trên, bèn dùng kệ để nói.

Pháp Vương phá các cõi

Xuất hiện ra nơi đời
Tùy sở thích chúng sinh
Nói đủ thứ diệu pháp.

Phá các cõi (hữu), ‘’hữu‘’ là gì ? Nhân quả chẳng mất là hữu. Phật có thể phá được nhân quả, trước kia nhân quả của bạn trồng, lúc bạn học Phật rồi, thì có thể dừng lại. Trồng nhân lành được quả lành, trồng nhân ác được quả ác. Tại cảnh giới của chúng sinh mà nói, thì nhân quả đều là hữu. Thành Phật quả rồi, thì siêu việt được nhân quả, song đây tuyệt đối chẳng phải bát vô nhân quả. Phật đã vượt ra ‘’phá các cõi‘’.

‘’Pháp vương‘’ là vua của các pháp, cũng là vua thuyết pháp. Tương lai các bạn xuất gia thuyết pháp, cũng phải giống như vua của các pháp. Học âm thanh "bát âm tứ biết" của Phật. Bây giờ, giảng kinh thuyết pháp, cũng là thay thế vua của các pháp thuyết pháp. Phật là vì phá ‘’ngã‘’ mà xuất hiện ra đời, song vẫn phải tùy sở thích của chúng sinh, trước hết phải khiến cho họ hoan hỉ, sau mới nói đủ thứ pháp. Pháp của Phật nói được phân ra năm thời tám giáo. Năm thời là:

- Thời Hoa Nghiêm.
- Thời A Hàm.
- Thời Phương Đẳng.
- Thời Bát Nhã.
- Thời Pháp Hoa, Niết Bàn.

Tám giáo là: Tạng, thông, biệt, viên, đốn, tiệm, mật, bất định giáo.

Đức Như Lai tôn trọng
Trí huệ rất sâu xa
Lâu chẳng nói pháp nầy
Không vội vàng nói ra.

Đức Như Lai tôn trọng thật tướng Bát Nhã, tức cũng là cung kính hộ trì Bát nhã. Bát nhã là Bát nhã của chúng sinh, vì Bát nhã thật tướng nầy quá cao sâu, rộng lớn, chẳng đối cơ với một số hạng người tiểu thừa, cho nên không thể vì họ nói pháp đại thừa. Cho nên, từ thời Hoa Nghiêm đến thời Pháp Hoa Niết Bàn, trải qua hơn ba mươi năm, mà Phật chẳng nói thật giáo, chỉ nói quyền giáo. Thật giáo là thật tướng Bát nhã, chỉ một Phật thừa, chứ chẳng có thừa nào khác. Đạo lý nầy rất lâu cũng không nói, vì sao không nói ? Vì chúng sinh chẳng những không tin mà còn phỉ báng. Vì đây là pháp môn thù thắng tạm thời chẳng nói, đủ thấy Phật đầy đủ sức nhẫn nại.

Người trí nếu nghe được
Bèn sinh tâm tin hiểu
Kẻ vô trí nghi hoặc
Vĩnh viễn mất giống Phật.

Chúng sinh nào có trí huệ nghe được diệu pháp nầy rồi, thì sinh tâm tin nhận, biết đây là pháp đại thừa thì họ sẽ khai ngộ. Song, đối với kẻ vô trí mà nói thật pháp, thì họ sẽ sinh nghi hoặc, họ bảo pháp thật là pháp giả. Trong Phật giáo đại thừa, người vốn vô vật, cũng chẳng cần giải nói, vốn chẳng có tướng hợp, tự nhiên cũng chẳng có tướng lìa; vốn chẳng có tướng sinh cũng chẳng có tướng diệt. Nếu đối với kẻ vô trí mà nói các pháp đều là không, không, có phải gì cũng là không chăng ? Chẳng có gì để học chăng ?

Một khi họ sinh ra tâm nghi hoặc, thì đoạn trừ hạt giống đại thừa, tức cũng là đoạn hạt giống Phật, cũng là đoạn hạt giống chúng sinh, cho nên nói là ''Vĩnh viễn mất giống Phật''.

Do đó, nầy Ca Diếp !
Tùy sức họ nói pháp
Dùng đủ thứ nhân duyên
Khiến họ được chánh kiến.

Vì cớ đó, nầy Ca Diếp ! Ông phải minh bạch Phật tùy theo phương tiện thiện xảo nói pháp, dùng đủ thứ pháp, đủ thứ duyên, khiến cho chúng sinh được chánh tri chánh kiến, chẳng sinh tà kiến.

Ca Diếp ông nên biết !
Ví như vầng mây lớn

Nổi lên trong thế gian
Che phủ khắp tất cả.

Ca Diếp ! Các ông đều phải biết, Như Lai nói pháp giống như vầng mây lớn, xuất hiện nơi thế gian, ở trong hư không che khắp tất cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Mây trí huệ đượm nhuần
Ánh chớp sáng chói lòa
Tiếng sấm vang động xa
Khiến chúng sinh vui đẹp.

Vầng mây lớn nầy là vầng mây trí huệ, lượng mưa đượm nhuần tất cả tâm chúng sinh. Quang minh Phật giáo như ánh chớp chiếu sáng. Âm thanh Phật thuyết pháp như tiếng sấm chấn động, khiến cho trong tâm của chúng sinh vui đẹp.

Nhật quang bị che lấp
Trên mặt đất mát mẻ
Mây giăng phủ mù mịt
Như có thể nắm lấy.

Trí huệ quang minh của Phật, che lấp chín mươi lăm thứ tà quang của ngoại đạo. Phật lại dùng trí huệ mát mẻ, phá chín mươi sáu thứ phiền não trên thế gian. Mây

che giăng mù mịt, đám mây rất dày, tựa như có thể dùng tay nắm bắt được.

Trận mưa lớn nhuận khắp
Đều xối xuống bốn phương
Nước chảy tuôn vô lượng
Thấm ngầm vào lòng đất.

Trận mưa nầy đượm nhuần tất cả, bốn phương đều mưa xuống vô số lượng nước mưa, khắp lòng đất đều có nước mưa, hết thảy chúng sinh đều đượm nhuần được mưa pháp.

Nơi núi sông hang hiểm
Chỗ thâm u sinh ra
Các cây cối cỏ thuốc
Đủ thứ cây lớn nhỏ.

''Nơi núi sông hang hiểm'': Núi dụ cho đại Bồ Tát. Sông chỉ cho đại địa, hang hiểm chỉ nơi nguy hiểm.

''Chỗ thâm u sinh ra'': Dụ cho chỗ đen tối sinh ra tất cả thực vật. Tam thảo nhị mộc nầy, tam thảo chỉ là người, trời, Thanh Văn Duyên Giác thừa. Nhị mộc dụ cho thông giáo và biệt giáo Bồ Tát, cây nhỏ là chỉ thông giáo Bồ Tát, cây lớn là chỉ biệt giáo Bồ Tát.

Trăm giống lúa mộng mạ

Các thứ mía và nho
Nhờ nước mưa đượm nhuần
Thảy đều tốt tươi cả.

Lúa mộng mạ là chỉ tất cả chúng sinh, mía là dụ cho thiền định thần thông. Nho dụ cho Bát Nhã, có thể đoạn trừ các hoặc. Mưa đượm nhuần khiến cho cây cối đều tươi tốt.

Đất khô khắp thấm nhuần
Thuốc cây đều sum sê
Vầng mây kia mưa xuống
Nước mưa thuần một vị.

''Đất khô khắp thấm nhuần'': Chỉ cho chúng sinh chẳng nghe pháp, chẳng có căn lành, cũng được đượm nhuần. Thuốc cỏ và cây cối đều sum sê, vầng mây kia mưa xuống thuần một vị, là chỉ cho một thừa Phật pháp, khiến cho hết thảy chúng sinh đều được đượm nhuần.

Các cây cối lùm rừng
Tùy theo sự đượm nhuần
Tất cả các cây cối
Bậc thượng trung và hạ.

Cây cối và cỏ thuốc tùy theo thân cây lớn nhỏ, tức cũng phân ra bậc thượng thì hấp thụ nước mưa bậc thượng, bậc trung thì hấp thụ nước mưa bậc trung, bậc hạ thì hấp thụ nước mưa bậc hạ.

Tùy theo tính lớn nhỏ
Thảy đều được lớn lên
Thân gốc rễ cành lá
Hoa quả đơm đủ màu.

Mỗi thứ cây cối cỏ thuốc, đều được sinh trưởng đượm nhuần, thân gốc rễ cành lá, nhất là hoa quả, mỗi thứ đều hiển màu sắc của nó, trông rất xinh đẹp tốt tươi.

Một trận mưa rưới xuống
Thảy đều được tươi thấm
Theo thể tướng của nó
Tính phân ra lớn nhỏ
Nước đượm nhuần vẫn một.

Tùy thể tướng và căn tính của cây cỏ, hoặc lớn hoặc nhỏ, nước mưa rưới xuống vẫn như nhau, song cây cối mỗi thứ đượm nhuần, tùy theo sức hấp thụ của nó.

Đức Phật cũng như thế
Xuất hiện ra nơi đời

Ví như vầng mây lớn
Che trùm khắp hết thảy.
Đã xuất hiện ra đời
Vì tất cả chúng sinh
Phân biệt và diễn nói
Thật tướng của các pháp.

Đức Phật cũng như thế, xuất hiện ra nơi đời, giống như vầng mây lớn, che trùm khắp hết thảy, vì chúng sinh diễn nói Phật pháp. Chúng sinh nghe minh bạch, thì trừ khử được mao bệnh tập khí, pháp thân trí huệ khai sáng, quang minh hiện ra mà chẳng tự biết. Đức Phật vì người thế gian nói pháp thế gian, vì chư thiên nói pháp chư thiên, vì Thanh Văn nói pháp Thanh Văn, vì Duyên giác nói pháp Duyên giác, vì đại thừa nói pháp đại thừa. Phân biệt diễn nói, là quán căn cơ mà thí giáo, vì người thuyết pháp, tùy theo đủ thứ căn tính khác nhau, mà nói đủ thứ Phật pháp, tức là vì thật thí quyền. Trước kia dùng pháp quyền xảo phương tiện, đều vì muốn nói giáo nghĩa chân thật cuối cùng.

Đấng đại Thánh Thế Tôn
Nơi chư thiên loài người
Trong tất cả chúng hội
Mà tuyên nói lời nầy:

Ta là bậc Như Lai
Là đấng Lưỡng Túc Tôn
Xuất hiện ra nơi đời
Dường như vầng mây lớn
Thấm nhuần khắp tất cả
Những chúng sinh khô khan
Đều khiến cho lìa khổ
Được yên ổn vui sướng
Hưởng sự vui thế gian
Và sự vui Niết Bàn.

Đấng đại Thánh Thế Tôn, nơi chư thiên loài người, trong tất cả chúng sinh, tuyên nói: ''Ta là bậc Như Lai Đấng Lưỡng Túc Tôn''. Lưỡng Túc là :

1. Phước đầy đủ: Tu đủ thứ công đức lành.

2. Huệ đầy đủ: Có phước cũng phải tu huệ, tu sáu độ, bốn pháp nhiếp .v.v. Do đó, có câu:

''Tu phước chẳng tu huệ,
Thân voi mang chuỗi ngọc.
Tu huệ chẳng tu phước,
La Hán ôm bát không''.

Nếu chỉ tu phước mà chẳng tu huệ, tích tụ rất nhiều phước báu, thành con voi lớn, trên thân thể đeo mang

chuỗi ngọc quý giá, lại ích gì ? Còn ngược lại, chỉ nghe kinh nói pháp, chẳng làm công đức, chẳng làm việc lành, thì tương lai chứng được quả A La Hán, ôm bình bát đi khất thực chẳng có ai cúng dường. Hôm nay có cơm ăn, ngày mai chẳng có cơm ăn, thường bị đói khác, đó là quả báo tu huệ chẳng tu phước. Cho nên, đức Phật phước huệ đều tu, phước đầy đủ, huệ đầy đủ, nên gọi là Lưỡng Túc Tôn, chứ chẳng phải là hai chân, vì tiếng tàu lưỡng là hai, túc là chân. Phật xuất hiện ra đời như vầng mây lớn, thấm nhuần tất cả chúng sinh. Chúng sinh đắc được nước pháp đượm nhuần, thì sẽ không khô khan.

Pháp vũ hay khiến cho chúng sinh, hưởng được sự vui thế gian và xuất thế gian.

Hết thảy chúng trời người
Một lòng khéo lóng nghe
Đều nên đến chỗ nầy
Hầu đấng Vô thượng tôn.
Ta là bậc Thế Tôn
Chẳng có ai bằng được
Vì an ổn chúng sinh
Nên xuất hiện ra đời.
Vì các đại chúng nói
Pháp cam lồ trong sạch

Pháp đó thuần một vị
Vị giải thoát Niết bàn.
Dùng một tiếng diệu âm
Diễn xướng nghĩa nhiệm mầu
Thường vì pháp đại thừa
Mà kết làm nhân duyên.

Trời người đều nên đến đây, một lòng khéo nghe Phật pháp, lễ bái cung kính Phật. Ta là bậc tôn kính trong thế gian và xuất thế gian, cho nên chẳng có ai sánh bằng. Có bài kệ lễ Phật rằng :

''Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỉ,
Thế gian sở hữu ngã tận kiến,
Nhất thiết vô hữu như Phật giả.''

Nghĩa là :

''Chư thiên loài người chẳng ai bằng Phật
Mười phương thế giới cũng chẳng sánh bằng
Hết thảy thế gian ta thấy hết
Tất cả chẳng có ai như Phật''.

Phật vì an ổn chúng sinh mà xuất hiện ra đời, vì đại chúng nói pháp cam lồ thanh tịnh. Pháp nầy là một thừa pháp, dùng một tiếng diệu âm diễn xướng nghĩa pháp đại thừa, dùng đủ thứ nhân duyên để nói nghĩa Phật pháp nầy.

Ta xem tất cả chúng
Hết thảy đều bình đẳng
Chẳng phân biệt đó đây
Cùng với tâm thương ghét.

Ta xem tất cả thảy đều bình đẳng, đủ thấy Phật rất từ bi. Phật chẳng nói: ''Ta chí cao vô thượng, chúa tể sáng tạo vạn vật.'' Phật chỉ nói Ngài chuyển hóa vạn vật, khiến cho chúng sinh bỏ tà về chánh, bỏ tối về sáng. Phật chẳng nói: ''Ta là chánh, các vị đều là tà, các vị là do ta một tay sáng tạo''! Nếu tất cả là do chúa tể nào đó sáng tạo, thì sao lại cứ tạo những điều xấu ? Nói thẳng ra là chẳng có tơ hào năng lực thuyết phục, hóa được người. Cho nên Đức Phật chẳng nói Ngài tạo tất cả, mà là cứu độ tất cả. Ai chẳng minh bạch Phật pháp, thì khiến cho họ minh bạch Phật pháp, ai chẳng giác ngộ thì khiến cho họ giác ngộ. Tuy Phật độ chúng sinh, song chẳng có một chúng sinh có thể độ, đó mới là chân chánh bình đẳng.

Chẳng phân biệt đó đây, vì có đó thì có đây, có thương có ghét, khởi tâm niệm vui mừng, khởi sân hận chẳng vui mừng. Song, nếu chẳng vui cũng chẳng giận tất cả, chẳng có đó đây, thì chẳng có thương ghét. Nếu Thượng đế Ngài một mình làm được, còn ta không thể, thì học Ngài để làm gì ?

Ta chẳng có tham trước

Cũng chẳng có hạn ngại
Luôn luôn vì tất cả
Bình đẳng mà nói pháp.
Dù chỉ vì một người
Trong chúng đông cũng thế
Thường diễn nói các pháp
Từng không việc gì khác.

Phật nói ta chẳng có tham trước, tức chẳng có tâm thương ghét. Vì có thương thì có chấp, không thương thì ghét. Chẳng có tham trước, thì cũng chẳng có chướng ngại. Phật luôn luôn vì tất cả chúng sinh bình đẳng nói pháp, cũng giống như nói với một người. Cho nên, các bạn luyện tập thuyết pháp, đừng nói: ''Ngài thuyết pháp thì có nhiều người đến nghe, còn tôi thuyết pháp thì chẳng có ai đến nghe''! Đó là chướng ngại, luôn luôn vì tất cả, một là tất cả, một người tức là nhiều người, nhiều người tức là nhiều người.

''Bình đẳng mà nói pháp'': Nhiều chẳng biết nhiều, ít chẳng biết ít; không nhiều không ít, không xa không gần. Giống như tôi tại Hương cảng thuyết pháp, cũng là vì nước Mỹ thuyết pháp; tại nước Mỹ thuyết pháp, cũng là vì Hương Cảng thuyết pháp, đó là không gần không xa. Đây là chân lý thật, chẳng có cười đùa, cũng chẳng có không cười đùa, đối với nhiều người cũng nói như thế, trừ

khi hết hơi tôi mới không nói, bằng không còn sống, thì còn diễn thuyết pháp.

''Từng không việc gì khác''. Thấm nhuần Phật pháp rồi, thì phải thuyết pháp, như các vị thọ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải cung hành thực tiễn, làm mô phạm cho tốt. Khi mọi người nhìn vào thì thấy, Ồ ! Làm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni vốn là tốt như thế, khoái lạc như thế ! Đói chết cũng chẳng sợ, suốt ngày đến tối đều chẳng nóng giận, thường sinh tâm vui vẻ, trì giới tinh nghiêm. Do đó, xuất gia ở đây, xuất gia ở kia, mà vô lượng vô biên người đều đến đây xuất gia. Song, nếu bạn suốt ngày đến tối ngủ nghỉ li bì, ăn ngon mặc đẹp, thì Phật giáo ở nước Mỹ chẳng có ai tin. Cho nên, Phật giáo ở nước Mỹ mới bắt đầu, các bạn là người tiên phong, nên dũng mãnh tinh tấn vô úy khai thác. Tại nước Mỹ, đây là lần đầu tiên tiếp thọ Phật pháp đại thừa. Nếu họ hỏi các bạn thầy của các bạn là ai ? Thì bạn nói là Phật Thích Ca Mâu Ni, đừng nói riêng một vị thầy nào khác, người khác hỏi bạn học Phật với ai ? Thì bạn cũng nói học Phật với Ba La Đề Mộc Xoa, bạn nói lấy Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy, đây chẳng phải là nói dối, vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng nói hãy lấy giới làm thầy.

Ngồi đứng hoặc đến đi
Thảy đều chẳng mỏi nhàm
Đầy đủ cho thế gian

Như mưa thấm nhuần khắp.

''Ngồi đứng hoặc đến đi'': Phật đi đứng nằm ngồi, bốn oai nghi đều nói pháp, chưa từng phóng dật. Ngài ngồi cũng nói pháp, đứng cũng nói pháp, cho đến ngủ cũng độ hóa chúng sinh, giáo hóa chúng sinh ngủ mộng.

''Đầy đủ cho thế gian, như mưa thấm nhuần khắp''. Tại sao phải nói pháp ? Vì chúng sinh đang sắp chết khô, trước khi họ chưa chết, thì ban cho họ mưa pháp khiến cho họ sống lại.

Kẻ sang hèn trên dưới
Người trì giới, phạm giới
Oai nghi đều đầy đủ
Và chẳng được đầy đủ
Kẻ chánh kiến, tà kiến.

''Kẻ sang, hèn, trên, dưới'': Chỉ người bậc trên là hạng sang làm quan chức, bậc dưới là thường dân. Trì giới hoặc phạm giới là chỉ người xuất gia. Oai nghi có ba ngàn, ''có uy đáng sợ, có nghi đáng kính'': Đi đứng nằm ngồi bốn đại oai nghi, đều giữ được viên mãn, song nếu chẳng giữ giới, thì chẳng có bốn đại oai nghi.

''Chánh kiến và tà kiến'': Nói lời chẳng chánh đáng là tà kiến. Chánh kiến là chẳng hợp lễ giáo thì đừng xem (phi lễ vật thị), chẳng hợp lễ giáo thì đừng nói (phi lễ

vật ngôn). Nếu như chẳng hợp với lễ giáo, mà đi xem đi nghe là tà kiến.

Lợi căn hoặc độn căn
Thảy đều mưa pháp vũ
Mà chẳng biết mệt mỏi
Hết thảy các chúng sinh.
Ai nghe pháp của ta
Tùy sức mà lãnh thọ
Trụ ở nơi các địa
Hoặc ở trong trời người.

''Lợi căn'': Là người thông minh, nghe pháp thì sẽ khai ngộ. ''Độn căn'': Là kẻ ngu si, nghe rất nhiều về Phật pháp, nhưng vẫn chẳng biết Phật pháp là gì. Họ chẳng giữ giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tinh tấn, cũng chẳng thiền định, chẳng lãnh thọ được Phật pháp, còn Phật thì chẳng có tơ hào phân biệt, Phật chỉ mưa pháp vũ xuống khắp, để đượm nhuần chúng sinh. Phật nói pháp chẳng tiếc thân mạng, cũng chẳng mệt mỏi. Tất cả chúng sinh phi tiềm động thực, thai noãn thấp hóa, tùy theo thân của họ mà tiếp thọ lợi ích.

''Hoặc ở trong trời người'': Hoặc trụ ở nhân gian hoặc trên trời.

Làm Chuyển luân thánh vương

Và các vua Thích Phạm
Đó là cỏ thuốc nhỏ
Biết được pháp vô lậu.
Sẽ chứng được Niết bàn
Khởi sáu phép thần thông
Và đắc được ba minh.

''Làm Chuyển Luân Thánh Vương'': Có kim, đồng, thiết, ngân, bốn vua chuyển luân. Kim luân vương cai trị bốn thiên hạ : Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hoá Châu và Bắc Câu Lưu Châu.

Kim Luân Vương có bảy báu, toại tâm như ý, biến hóa vô cùng, các nước của Kim Luân vương cai trị, nhân dân đều giữ năm giới và làm mười điều lành.

Ngân Luân Vương cai trị ba thiên hạ, tức là Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Tây Ngưu Hóa Châu. Đồng Luân Vương quản lý Đông, Nam, hai thiên hạ. Thiết Luân Vương quản lý một thiên hạ. Hiện tại chúng ta là Nam Thiệm Bộ Châu, nếu tất cả các nước hợp lại với nhau chọn ra một vị lãnh tụ, có thể nói là Thiết Luân Vương. Nếu như Thiết Luân Vương có thể tu hành thì có thể thành Phật. Đức Phật lúc ban đầu nếu không tu hành, thì sẽ thành Kim Luân Vương.

Chuyển Luân Thánh Vương và các vua Thích, Phạm (vua Đế Thích, vua Đại Phạm Thiên), thuộc về cỏ thuốc nhỏ, có thể được pháp vô lậu và được Niết Bàn. Các

Ngài hay khởi sáu thứ thần thông. Ba minh là Thiên nhãn minh, túc mạng minh và lậu tận minh.

Ở riêng nơi núi rừng
Thường tu hành thiền định
Chứng được quả Duyên Giác
Là cỏ thuốc bậc trung.

Một mình ở trong thâm sơn cùng cốc tu hành, thường tu tập thiền định, đây là quả vị Thanh Văn Duyên Giác, là cỏ thuốc bậc trung.

Cầu pháp nơi Thế Tôn
Ta sẽ được thành Phật
Tinh tấn tu thiền định
Là cỏ thuốc bậc thượng.

Nếu có người đến chỗ đức Thế Tôn cầu Phật pháp, Biết mình nhất tâm tu hành thì tương lai sẽ thành Phật, tinh tấn tu thiền định, đó là cỏ thuốc bậc thượng.

Lại có các Phật tử
Chuyên tâm cầu Phật đạo
Thường tu hạnh từ bi
Biết mình sẽ thành Phật

Quyết định chẳng còn nghi.

Lại có các Phật tử chuyên tâm học Phật, thường tu hạnh từ bi, biết mình tương lai cũng sẽ thành Phật, chẳng có tơ hào hoài nghi, đây là cây nhỏ, tức là thông giáo Bồ Tát.

An trụ sức thần thông
Chuyển pháp luân bất thối
Độ hóa vô lượng ức
Trăm ngàn loài chúng sinh
Hạng Bồ Tát như thế
Đó gọi là cây lớn.

An trụ sức đại thần thông, chuyển pháp luân bất thối, giảng Kinh thuyết pháp, lợi khắp trời người, vĩnh viễn chẳng thối tâm, giáo hoá vô lượng ức chúng sinh, chẳng sợ hạnh khổ gian nan, đây là đại Bồ Tát, dụ cho cây lớn.

Phật bình đẳng nói pháp
Như nước mưa một vị
Tùy căn tánh chúng sinh
Tiếp thọ đều khác nhau.
Như các cỏ cây kia

Được đượm nhuần khác nhau
Phật dùng ví dụ nầy
Phương tiện mà khai thị.
Đủ thứ những lời lẽ
Để diễn nói một pháp
Nơi trí huệ của Phật
Như giọt nước trong biển.
Ta rưới mưa pháp vũ
Đầy khắp trong thế gian
Nói pháp thuần một vị
Tùy sức mà tu hành.
Như lùm rừng cây kia
Cỏ thuốc các cây cối
Tùy theo thân lớn nhỏ
Dần dần lớn sum sê.

Pháp của Phật nói là bình đẳng, như một vầng mây mưa xuống thuần một vị, song tùy theo căn cơ của chúng sinh khác nhau, như cỏ thuốc nhỏ, lùm rừng, cây lớn và cây nhỏ, đều đắc được lợi ích. Cho nên Phật dùng pháp phương tiện để khai thị, dùng đủ thứ lời lẽ nói diệu pháp nhất thừa. Nơi trí huệ của Phật, đây chỉ là một giọt nước trong biển mà thôi. Trí huệ của Phật vô lượng vô biên,

pháp được nói ra, cũng giống như một giọt trong biển cả, mà nước thì vô lượng vô biên, cho nên nói pháp vũ của Phật nói, đầy khắp chúng sinh thế gian. Diệu pháp nhất thừa, tùy theo sức tu hành của chúng sinh, cũng giống như cỏ thuốc các cây cối lùm rừng, tùy theo thân lớn nhỏ và hấp thụ lượng nước, mà lớn lên sum sê tươi tốt.

Pháp của các đức Phật
Thường chỉ thuần một vị
Khiến cho các thế gian
Thảy đều được đầy đủ.
Thứ tự mà tu hành
Đều đắc được đạo quả
Hàng Thanh Văn Duyên Giác
Thường ở nơi núi rừng.
Trụ thân cuối cùng nầy
Nghe pháp được chứng quả
Đó gọi là cỏ thuốc
Thảy đều được lớn lên.
Nếu các bậc Bồ Tát
Trí huệ rất kiên cố
Thấu suốt được ba cõi
Cầu chứng tối thượng thừa.

Đó gọi là cây nhỏ
Mà được tăng trưởng lên
Lại có vị trụ thiền
Đắc được sức thần thông.
Nghe các pháp không tướng
Trong tâm rất vui mừng
Phóng vô số quang minh
Độ tất cả chúng sinh.
Đó gọi là cây lớn
Mà được tăng trưởng lên.

Diệu pháp của chư Phật thường chỉ thuần một vị, khiến cho các thế gian cũng đắc được đầy đủ, từng chút từng chút dần dần tu hành đều sẽ thành đạo chứng quả. Còn có hàng Thanh Văn Duyên Giác, chứng tứ quả A La Hán ở trong núi rừng chẳng thọ sinh tử, tức là thân cuối cùng, các ngài nghe pháp mà chứng quả, dụ cho cỏ thuốc được lượng nước mưa mà sinh trưởng lớn lên. Các vị Bồ Tát trí huệ kiên cố, thấu suốt ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc), cầu chứng tối thượng thừa, dụ cho cây nhỏ, cũng đắc được lượng nước mà lớn lên. Còn có những vị trụ ở trong thiền định, có sức thần thông, khi nghe được các pháp không tướng, thì trong tâm rất vui mừng, phóng vô số quang minh cứu độ tất cả chúng sinh, dụ cho cây lớn, cũng hấp thụ được lượng nước mưa mà lớn lên.

Như thế nầy Ca Diếp !
Pháp của Phật nói ra.
Ví như vầng mây lớn
Dùng nước mưa một vị
Đượm nhuần nơi hoa người
Thảy đều được thành Phật.
Ca Diếp ông nên biết !
Dùng các thứ nhân duyên
Và đủ thứ ví dụ
Để mở bày Phật đạo.
Là phương tiện của ta
Các đức Phật cũng thế
Nay ta vì các ông
Nói pháp chân thật nhất.
Các chúng hàng Thanh Văn
Đều chưa thật diệt độ
Sở hành của các ông
Đều là Bồ Tát đạo
Nếu từ từ tu học
Tất sẽ được thành Phật.

Ca Diếp ! Pháp của Phật nói giống như vầng mây lớn, dùng một thừa mưa pháp, đượm nhuần nơi hoa người, tất cả mọi người thảy đều sẽ thành Phật.

Ca Diếp ! Ông nên biết, dùng tất cả nhân duyên và đủ thứ ví dụ, để mở bày con đường cho chúng sinh thành Phật, là phương tiện của ta, mười phương chư Phật cũng như thế. Hiện tại, ta vì các ông nói pháp chân thật nhất. Hàng nhị thừa chưa được pháp chân chính, chỉ chứng được hữu dư Niết Bàn, chẳng phải là vô dư Niết Bàn, chưa thật sự diệt độ.

Song, các ông thực hành đều là Bồ Tát đạo, nếu hằng ngày từ từ tu hành, thì tương lai chắc chắn sẽ thành Phật. Đây là Phật vì Ngài Ca Diếp và các đệ tử lớn, đưa ra ví dụ tam thảo nhị mộc, tán dương pháp đại thừa, như vầng mây lớn mưa xuống, thảy đều bình đẳng, đượm nhuần các loài chúng sinh, tùy theo căn tính khác nhau, khiến cho họ đều được lợi ích đượm nhuần tăng trưởng.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẨM THỌ KÝ THỨ SÁU

Phẩm thứ sáu là Phẩm Thọ Ký. Thọ ký còn gọi là thọ quyết. Phật dự ghi nói bạn tương lai vào lúc nào, tại nước gì thành Phật, danh hiệu gì, cõi nước của bạn có gì đặc sắc, thọ mạng của Phật dài bao lâu .v.v. Bạn được dự ghi như vậy, thì gọi là ''thọ ký''. Thọ quyết là gì ? Quyết là quyết sở chân lý, bạn tự mình sở quyết định một Phật hiệu. Danh hiệu của bạn và danh hiệu các đức Phật khác nhau chẳng giống, vì mỗi vị Phật đều có một danh hiệu đặc biệt, giống như mỗi người đều có tên của mình. Thọ quyết là nói bạn tương lai quyết định có thể thành Phật, do chính Đức Phật thọ ký, người khác chẳng có tư cách.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ đó rồi, bảo các đại chúng, xướng lời như vầy : Đệ tử Ma Ha Ca Diếp của ta đây, ở đời vị lai, sẽ phụng thờ ba trăm vạn ức các đức Phật Thế Tôn, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, rộng tuyên nói vô lượng đại pháp của các đức Phật.

Lúc đó, tức là lúc Đức Phật nói xong bài kệ Phẩm Dược Thảo Dụ, bèn nói với tất cả đại chúng : ''Đệ tử Đại Ca Diếp của ta đây, các ông mọi người nên biết''. Lúc Phật còn tại thế, thì tôn giả Ca Diếp đã là một trăm sáu mươi tuổi, đến nay Ngài vẫn chưa nhập diệt ! Hiện nay Ngài đang ngồi thiền nhập định ở trong núi Kê Túc tại Vân Nam Trung Quốc. Có thể nhìn thấy Ngài chăng ? Có thể, nếu bạn có tâm thành thì có thể thấy được Ngài, Phật giáo tức là nói một chữ ''thành''. Bất cứ làm gì, nếu có tâm thành, thì nhất định có biện pháp. Ví như người tu hành, nếu có tâm thành chân chánh, thì chẳng sợ không có người đến cúng dường. Tại sao chẳng có ai đến cúng dường ? Vì kiếp trước bạn tu huệ chẳng tu phước. Do đó, có câu :

''Tu huệ chẳng tu phước,
La Hán ôm bát không''.

Nếu biết đạo lý nầy, thì nên mau tu phước huệ, làm nhiều việc thiện, khiến cho phước huệ đều tròn đầy.

Ngài Ma Ha Ca Diếp ở đời vị lai, sẽ cúng dường cung kính, và phụng thờ ba trăm vạn ức các Đức Phật Thế Tôn, Ngài cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, tất cả chư Phật, rộng tuyên nói vô lượng đại pháp của chư Phật.

Ở nơi thân cuối cùng, được thành Phật, hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng cúng,

Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự, Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Thân cuối cùng của Ngài, được thành Phật đạo, hiệu là Quang Minh Như Lai, vì thân của Ngài phóng ra kim quang, cho nên Ngài được tên là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đây là mười hiệu của mỗi vị Phật đều có.

Nước tên là Quang Đức, kiếp tên là Đại Trang Nghiêm.

Cõi nước của Ngài thành Phật tên là Quang Đức, vì nhân dân trong cõi nước đó, đều có quang minh và đức hạnh, cho nên gọi là Quang Đức. Kiếp tên là Đại Trang Nghiêm, kiếp Trang Nghiêm đó, có vô lượng vô biên đại Bồ Tát.

Phật sống lâu hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại ở đời cũng hai mươi tiểu kiếp.

Vị Phật Quang Minh đó, sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp của Phật lưu lại thế gian hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng thế.

Cõi nước trang nghiêm tốt đẹp, chẳng có các thứ dơ xấu, ngói sỏi gai góc, và đồ tiện lợi chẳng sạch.

Cõi nước đó rất trang nghiêm đẹp đẽ, chẳng có một chút nào không sạch sẽ, cũng chẳng có những thứ dơ xấu, càng chẳng có ngói sỏi hoặc gai góc. Người dân cõi nước đó, cũng chẳng có đại tiểu tiện dơ bẩn, vì họ đều là thiền định tướng, lìa đời thanh tịnh.

Cõi đó bằng phẳng, chẳng có cao thấp, hầm hố gò đống, dùng lưu ly làm đất, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây, dùng để giăng bên đường, rải các hoa báu khắp nơi đều trong sạch. Bồ tát ở nước đó, có vô lượng ngàn ức, các chúng hàng Thanh Văn cũng vô số, chẳng có việc ma, tuy có ma và dân ma, nhưng chúng đều hộ trì Phật pháp.

Đất đai ở nước đó bằng phẳng, chẳng có sự cao thấp, cũng chẳng có hầm hố, gò đất, núi hang. Nước đó dùng lưu ly làm đất, có bảy hàng cây báu thẳng hàng.

Dùng vàng ròng làm dây, dùng để giăng ở bên đường, thường rải đủ thứ hoa báu, khắp nơi ba bên bốn phía đều sạch sẽ, có vô lượng ngàn ức đại Bồ Tát để trang nghiêm cõi nước đó. Còn có tất cả chúng hàng Thanh Văn số lượng cũng vô cùng vô tận. Cõi đó chẳng có ma chướng, chẳng có ma chướng tức cũng chẳng có phiền não. Tại sao chẳng có phiền não ? Vì tất cả nhân dân đều tu thiền định, cho nên tuy có ma vương và dân ma, song chúng đều hộ trì Phật pháp, chẳng phá hoại Phật pháp. Sao lại có cảnh giới thù thắng như thế ? Vì khi tôn giả Ca Diếp tu hành tại nhân địa, thì bắt đầu tu đủ thứ hạnh đầu đà thanh tịnh, chiến thắng tất cả ma quân, cho nên hàng phục được tất cả ma vương, khiến cho chúng đều biến thành hộ pháp trong Phật giáo.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên, bèn dùng kệ để nói với đại chúng.

Bảo các Tỳ Kheo
Ta dùng mắt Phật
Thấy Ca Diếp nầy
Ở đời vị lai.
Trải vô số kiếp

Sẽ được thành Phật
Ở đời mai sau
Cúng dường phụng thờ.
Ba trăm vạn ức
Chư Phật Thế Tôn
Vì trí huệ Phật
Tịnh tu phạm hạnh.
Cúng dường tối thượng
Lưỡng Túc Tôn rồi
Tu tập tất cả
Trí huệ vô thượng.
Nơi thân cuối cùng
Sẽ được thành Phật.

Đức Phật nói với tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cũng bao quát tất cả cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tất cả Bồ Tát, Thanh Văn La Hán, Thiên Long bát bộ, ở trong đại hội. Phật nói: Ta dùng mắt Phật quán sát, thấy Ca Diếp ở đời vị lai, trải qua vô lượng số đại kiếp sẽ thành Phật.

Ngài Ca Diếp trước khi chưa thành Phật, ở trong đời vị lai, sẽ cúng dường cung kính gần gũi ba trăm vạn ức các đức Phật Thế Tôn. Ngài đều dùng tâm kiên thành khẩn thiết cung kính, cúng dường, lễ bái, khen ngợi tất cả chư Phật Thế Tôn. Vì muốn đắc được trí huệ của Phật,

cho nên Ngài tu đủ thứ khổ hạnh thanh tịnh, do sự cúng dường đấng Lưỡng Túc Tôn phước huệ tối thượng, tu tập tất cả trí huệ tối cao, nên thân cuối cùng của Ngài tất sẽ được thành Phật.

Cõi đó thanh tịnh
Lưu ly làm đất.
Nhiều các cây báu
Thẳng hàng bên đường
Dây vàng giăng đường
Người thấy vui mừng.
Thường tỏa hương thơm
Rải các hoa quý
Đủ loại kỳ diệu
Dùng để trang nghiêm.
Mặt đất bằng phẳng
Chẳng có hầm hố
Các chúng Bồ Tát
Không thể tính kể.
Tâm đều nhu hòa
Có đại thần thông
Phụng trì kinh điển

Của các đức Phật.
Các chúng Thanh Văn
Thân cuối vô lậu
Làm Pháp vương tử
Cũng không thể đếm.
Dù dùng thiên nhãn
Cũng chẳng biết được.

Cõi nước của Ngài Ca Diếp rất thanh tịnh, vì khi Ngài ở tại nhân địa tu hạnh đầu đà thanh tịnh, cho nên đắc được quả báo nầy, đất trong nước của Ngài bằng chất lưu ly, có đủ các thứ cây báu, những cây báu đó thẳng hàng ở bên đường, ai thấy sự trang nghiêm của cõi nước đó đều rất vui mừng.

Cõi nước đó và tất cả nhân dân đều phóng ra hương thơm, tiên nữ thường ở trong hư không rải hoa quý, dùng đủ thứ hoa, đủ thứ hương kỳ diệu trang nghiêm cõi nước đó. Mặt đất cõi đó đều bằng phẳng, chẳng có hầm hố gò núi.

Đây là do Ngài Ca Diếp, khi ở tại nhân địa tu hạnh từ bi bình đẳng, nên được quả báu như thế. Tất cả chúng Bồ Tát nhiều không thể tính kể. Tâm của các Ngài đều điều thuận nhu hòa, cũng đều đắc được ngũ nhãn lục thông, tu trì kinh điển đại thừa. Tất cả Thanh Văn đệ tử đều đắc được thân vô lậu, làm pháp vương tử, số đông

không thể nào tính kể, dù dùng thiên nhãn cũng đếm chẳng hết được.

Phật đó sống lâu
Hai mươi tiểu kiếp.
Chánh pháp ở đời
Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng trụ
Hai mươi tiểu kiếp.
Thế Tôn Quang Minh
Việc Ngài như thế.

Vị Phật đó, sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại ở đời cũng hai mươi tiểu kiếp. Nước đó tên là Quang Đức. ''Quang'' là chỉ trí huệ quang minh, ''Đức'' là chỉ Bát nhã đức. Vì làm các hạnh lành, cho nên cõi nước đó và nhân dân, đều đầy đủ trí huệ quang minh và Bát nhã đức hạnh, một chút si mê cũng chẳng có, cho nên được hiệu là Quang Minh Thế Tôn, nước tên là Quang Đức.

Khi đó, Ngài Đại Mục Kiền Liên, Ngài Tu Bồ Đề, Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên, thảy đều run sợ, một lòng chắp tay, chiêm ngưỡng tôn nhan của đức Phật, mắt chẳng

tạm rời, bèn cùng nhau đồng thanh nói bài kệ rằng.

Đức Phật thọ ký cho Ngài Ca Diếp xong rồi, thì Ngài Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, các đại đệ tử của Phật cũng cấp tốc đứng lên. Trong thâm tâm các Ngài đều nghĩ : ''Phật đã thọ ký cho Ngài Ca Diếp rồi, mà chúng ta không biết lúc nào mới được Phật thọ ký''?

Do đó, trong tâm của các Ngài đều lo lắng, sau đó các Ngài đều bình tâm cung kính chắp tay, mắt nhìn Phật chẳng nhấp nháy, lập tức mọi người dị khẩu đồng âm nói kệ rằng:

Thế Tôn rất hùng mãnh
Pháp Vương của dòng Thích
Vì thương xót chúng con
Mà ban giọng tiếng Phật.

Phật là bậc đại anh minh thánh hùng, đầy đủ oai đức trong thế gian, là đấng Pháp Vương sinh ra trong dòng dõi Thích Ca. Xin Phật từ bi hỷ xả, thương xót chúng con tất cả chúng sinh, mà ban tặng giọng tiếng của Phật cho chúng con.

Nếu biết thâm tâm con

Được Phật thọ ký cho
Như dùng cam lồ rưới
Trừ nóng được mát mẻ.
Như từ nước đói đến
Bỗng gặp cỗ tiệc vua
Còn ôm lòng nghi sợ
Chưa dám tự ăn liền.
Nếu được lệnh vua bảo
Sau đó mới dám ăn.

Hiện tại, Phật nên biết trong tâm của chúng con nghĩ những gì, chúng con nhìn thấy Ngài Ca Diếp được Phật thọ ký, giống như được Phật dùng nước cam lồ rưới lên thân của chúng con, khiến cho được mát mẻ, tiêu trừ đi mọi sự nóng bức. Chúng con giống như vừa mới từ nước đói đến, bỗng gặp cỗ tiệc của vua, trong tâm còn hoài nghi và sợ chẳng dám ăn liền. Nếu được lệnh của vua bảo, thì mới dám ăn những món ăn nầy.

Chúng con cũng như thế
Thường nghĩ lỗi tiểu thừa.
Chẳng biết làm thế nào
Được Phật huệ vô thượng
Tuy nghe tiếng của Phật

Nói chúng con thành Phật.
Tâm còn hoài nghi sợ
Như chưa dám ăn liền
Nếu được Phật thọ ký
Lúc đó mới an vui.

Chúng con và tất cả chúng sinh đều như thế, chúng con là người căn tính tiểu thừa, chẳng biết nên làm sao mới được trí huệ vô thượng của Phật. Tuy nghe được tiếng của Phật nói chúng con đều sẽ thành Phật, trong tâm còn có chút không tin và hoài nghi. Chúng con người nhị thừa cũng có thể thành Phật chăng ? Cũng giống như gặp cỗ tiệc của vua chẳng dám ăn liền, nếu như chúng con được Phật thọ ký, thì lúc đó mới thật sự an vui.

Thế Tôn rất hùng mãnh
Thường muốn an thế gian
Xin thọ ký chúng con
Như đói cần bảo ăn.

Thế Tôn rất oai mãnh đại anh hùng, Ngài luôn luôn muốn khiến cho tất cả chúng sinh an vui, hiện nay hy vọng Phật cũng vì chúng con mà thọ ký. Ngài Ca Diếp đã thọ ký rồi, có phải chúng con cũng có phần ? Hiện nay chúng con như người đói khát, cần Phật bảo chúng con ăn.

Khi đó, đức Thế Tôn biết tâm niệm của các đại đệ tử, bèn bảo các Tỳ Kheo rằng : Ông Tu Bồ Đề nầy, ở đời vị lai, sẽ phụng thờ ba trăm vạn ức Na do tha vị Phật, cúng dường cung kính tôn trọng, khen ngợi, thường tu phạm hạnh, đầy đủ đạo bồ đề.

Kinh văn ở trước, ba vị đệ tử của Phật dùng kệ thỉnh Phật ban cho thọ ký. Phật đã biết trong tâm của các vị đại đệ tử nghĩ gì. Trong Kinh Kim cang có nói :

''Hết thảy bao nhiêu tâm của chúng sinh,
Như Lai đều biết đều thấy''.

Tất cả chúng sinh có đủ thứ tâm niệm, Phật đều hoàn toàn biết hết. Do đó, Phật bảo tất cả hàng Tỳ Kheo ở trong pháp hội : Ông Tu Bồ Đề ở đời vị lai, gặp ba trăm vạn ức Na do tha vị Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi tất cả các vị Phật, luôn luôn đều tu hành phạm hạnh thanh tịnh, đầy đủ lục độ vạn hạnh của Bồ Tát.

Nơi thân cuối cùng, sẽ được thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ

thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Ngài Tu Bồ Đề thân cuối cùng, hành Bồ Tát đạo sẽ được thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai. Ngài Tu Bồ Đề là giải không đệ nhất, Ngài biết các pháp không tướng. Tất cả các pháp không cũng là danh tướng, do đó Ngài thành Phật rồi hiệu gọi là ''Danh Tướng''. Danh tướng cũng là thật danh, có một tướng, hoặc gọi là hư không.

Như Lai : Tức là hành đạo của chư Phật, Lai thành chánh giác.

Ứng Cúng : Xứng đáng thọ lãnh trời người cúng dường.

Chánh Biến Tri : Biết tâm sinh vạn pháp gọi là chánh tri, biết vạn pháp duy tâm gọi là biến tri.

Minh Hạnh Túc : Vì tu hành cho nên trí huệ quang minh thanh tịnh đều hiện ra.

Thiện Thệ Thế Gian Giải : Một bậc giải thoát viên mãn, đã đạt đến chỗ tốt cùng cực.

Vô Thượng Sĩ : Trên thế gian chẳng có ai cao hơn Ngài.

Điều Ngự Thượng Phu : Bậc đại trượng phu điều ngự chúng sinh ba cõi.

Thiên Nhơn Sư : Đại đạo sư của dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Phật : Phật là gì ? Phật tức là người, người tức là Phật. Phật là người tu thành. Song, chúng ta phải tu hành mới có thể thành Phật, không thể nói hiện tại mình là Phật. Phải tu hành như thế nào ? Trước hết phải giác ngộ chính mình, do đó :

''Giác là Phật, mê là chúng sinh''.

Khi bạn giác ngộ, tức là một vị Phật tương lai trong chúng sinh, khi bạn mê thì biến thành Phật tính chẳng giác ngộ trong chúng sinh. Giác ngộ tức là chân chánh minh bạch tất cả đạo lý trong vũ trụ. Tại sao chúng ta không giác ngộ ? Vì có nhiều tập khí mao bệnh, vô minh phiền não, thân khẩu ý đều không thanh tịnh, đủ thứ nghiệp lực chướng ngại, nên không thể giác ngộ. Nếu chúng ta muốn giác ngộ, thì phải đừng làm ác, làm điều lành, đoạn dục khử ái, siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si, đó gọi là tự giác.

Nếu chỉ là tự giác, mà không giác tha, thì vẫn không đủ ! Phải dùng phương pháp mình giác ngộ, đi giác ngộ tất cả chúng sinh, đó cũng là phát đại bồ đề tâm, hành Bồ Tát đạo, với tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo, đây gọi là ''tự giác giác tha''. Tuy nhiên tự giác giác tha, song hạnh nguyện vẫn chưa viên mãn, nếu viên mãn thì xưng là Phật.

Thế Tôn : Bậc tôn kính của người thế gian và xuất thế gian.

Kiếp tên là Hữu Bảo, nước tên là Bảo Sinh, cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, chẳng có hầm hố, cát sỏi gai góc, đồ tiện lợi do bẩn. Hoa báu rải đất khắp nơi đều sạch sẽ. Nhân dân cõi đó, đều ở đài báu lầu các trân quý. Hàng đệ tử Thanh Văn đông vô lượng vô biên, dùng toán số ví dụ cũng không thể biết được. Các chúng Bồ Tát đông vô số ngàn vạn ức Na do tha. Phật sống lâu hai mươi tiểu kiếp. Chánh pháp lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp. Đức Phật đó, thường ở trong hư không vì đại chúng nói pháp, độ thoát vô lượng Bồ Tát và chúng hàng Thanh Văn.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng.

Danh Tướng Như Lai sẽ ra đời tại một thế giới, kiếp đó gọi là Hữu Bảo. Vì trong kiếp đó, có đủ Phật Pháp Tăng Tam Bảo, cho nên gọi là Hữu Bảo. Vì có Phật Pháp Tăng Tam Bảo sinh vào nước của Ngài, cho nên nước của Ngài gọi là Bảo Sinh. Cõi nước đó bằng phẳng, vì Ngài

Tu Bồ Đề tu tâm địa bình đẳng. Đất làm bằng chất lưu ly, cũng do Ngài Tu Bồ Đề có đầy đủ trí huệ quang minh chiếu sáng. Lại có bảy hàng cây báu trang nghiêm, chẳng có núi đồi, hầm hố, cát sỏi, ngói đá, gai góc. Nhân dân chẳng có đại tiểu tiện dơ dáy. Mặt đất rải hoa bảy báu, khắp nơi đều rất trang nghiêm sạch sẽ. Nhân dân ở trong đài bằng bảy báu, tất cả lầu các cũng bằng bảy báu làm thành.

Tại cõi nước đó, hàng Thanh Văn nhị thừa đông vô lượng vô biên, dù dùng toán số tính đếm cũng chẳng biết được số lượng. Tất cả các chúng Bồ Tát cũng đông vô số ngàn vạn ức Na do tha. Đức Phật đó sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp. Chánh pháp và tượng pháp lưu lại đời đều hai mươi tiểu kiếp. Đức Như Lai Danh Tướng thường ở trong hư không vì đại chúng nói vi diệu pháp, độ thoát vô lượng chúng Bồ Tát và chúng hành nhị thừa.

Khi ấy, Phật muốn đem ý nghĩa trường hàng ở trên nói rõ hơn để đại chúng nghe, do đó dùng kệ để nói.

Đại chúng Tỳ Kheo !
Nay bảo các ông
Đều nên một lòng
Lóng nghe ta nói.
Đại đệ tử ta
Ông Tu Bồ Đề

Sẽ được thành Phật
Hiệu là Danh Tướng.
Sẽ cúng vô số
Vạn ức đức Phật
Tu hành theo Phật
Dần đủ đại đạo.
Thân cuối cùng được
Ba mươi hai tướng
Tốt đẹp trang nghiêm
Dường như núi báu.

Phật bảo các đại chúng Tỳ Kheo, các ông đều nên một lòng lóng nghe ta nói pháp. Đệ tử lớn của ta ông Tu Bồ Đề, tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Danh Tướng. Khi Ngài chưa thành Phật, sẽ cúng dường vô lượng số vạn ức các Đức Phật. Ngài theo Phật tu hành, thường hành những gì Phật hành, tu những gì Phật tu, nhận chân tu đạo, từng bước từng bước mà đạt được đại đạo thành Phật.

Người chân chánh tu đạo, thì phải tu từng bước từng bước, ngày ngày dụng công biện đạo, lâu ngày thì đạo hạnh tự nhiên sẽ viên mãn. Do đó :

''Căng thì đứt, chậm thì chùng,
Không căng không chậm mới thành công''.

Ngài Tu Bồ Đề hành Bồ Tát đạo, nơi thân cuối cùng đắc được ba mươi hai tướng. Tướng mạo trang nghiêm tốt đẹp, giống như tòa núi báu. Ai thấy được Ngài, đều sinh tâm vui mừng cung kính.

Cõi nước Phật đó
Nghiêm sạch bậc nhất
Chúng sinh thấy được
Thảy đều ưa thích.
Phật ở nơi đó
Độ vô lượng chúng
Trong pháp hội đó
Đông các Bồ Tát.
Thảy đều lợi căn
Chuyển bánh xe pháp
Nước đó thường dùng
Bồ Tát trang nghiêm.
Các chúng Thanh Văn
Không thể tính kể
Đều được ba minh
Đủ sáu thần thông.
Trụ tám giải thoát

Có oai đức lớn
Phật đó thuyết pháp
Hiển hiện vô lượng.
Thần thông biến hóa
Không thể nghĩ bàn
Trời người nhân dân
Đông như Hằng sa.
Đều cùng chắp tay
Nghe Phật nói pháp
Phật đó sống lâu
Hai mươi tiểu kiếp.
Chánh pháp ở đời
Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng trụ
Hai mươi tiểu kiếp.

Cõi nước của đức Danh Tướng Như Lai, trang nghiêm sạch sẽ bậc nhất, tất cả chúng sinh trong cõi nước đó thảy đều hoan hỉ. Đức Danh Tướng Như Lai ở trong cõi nước đó, độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh. Có rất đông các chúng Bồ Tát đều là lợi căn, chuyển bánh xe pháp bất thoái, giáo hóa chúng sinh. Cõi nước đó thường dùng chúng Bồ Tát để trang nghiêm đạo tràng, hết thảy

chúng Thanh Văn đông cũng nói chẳng hết được. Các Ngài đều đắc được ba minh : Thiên nhãn minh, Thiên nhĩ minh, lậu tận minh, cũng đầy đủ lục thông : Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông, và trụ ở tám giải thoát.

Tất cả Bồ Tát, Thanh Văn chúng đệ tử đều đầy đủ tướng đại oai đức. Khi Phật thuyết pháp, thì hiện đủ thứ vô lượng thần thông biến hóa, ở trong hư không thuyết pháp có đông trời người, nhiều như số cát sông Hằng, đều chắp tay lại, một lòng nghe Phật nói pháp.

Phật đó sống lâu đến hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại ở đời cũng hai mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo các chúng Tỳ Kheo : Nay ta nói với các ông, ông Ca Chiên Diên nầy, ở đời vị lai, dùng các đồ cúng dường, để cúng dường phụng thờ tám ngàn ức đức Phật, cung kính tôn trọng. Chư Phật diệt độ rồi, xây dựng các tháp miếu cao một nghìn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, xích châu, bảy báu tạo thành. Dùng các thứ chuỗi hoa, hương đốt, hương

thoa, hương bột, lọng thêu, tràng phan, để cúng đường tháp miếu. Cúng dường như vậy xong rồi, lại cúng dường hai vạn ức đức Phật, cũng lại như thế. Cúng dường các đức Phật đó rồi, đầy đủ đạo Bồ Tát, sẽ được thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Phật thụ ký cho Ngài Tu Bồ Đề rồi, lại bảo các đại Tỳ Kheo ở trong pháp hội : Hôm nay ta đối với các ông nói pháp, các ông đều phải bình tâm một lòng lóng nghe. Ông Ca Chiên Diên ở đời vị lai, cũng dùng đủ thứ đồ cúng dường, để cúng dường cung kính tám ngàn ức Đức Phật. Ngài dùng chánh pháp cung kính khen ngợi, tôn trọng tất cả các Đức Phật Thế Tôn đó.

Sau khi các Đức Phật đó vào Niết Bàn rồi, Ngài lại dựng tháp làm chùa để cúng dường. Tất cả tháp cao khoảng một ngàn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Đều dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, xích châu, bảy báu tạo thành. Ngài lại dùng đủ thứ chuỗi hoa, hương thoa, hương bột, hương đốt, lọng thêu, tràng phan, để cúng dường tháp miếu.

Cúng dường xong rồi, Ngài lại cung kính cúng dường hai vạn ức vị Phật. Cúng dường hai vạn ức vị Phật rồi, Ngài đầy đủ đạo Bồ Tát, sẽ được thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai, ng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để giăng bên đường, hoa quý rải trên mặt đất, khắp nơi sạch sẽ, ai thấy cũng hoan hỉ. Chẳng có bốn đường ác : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la.

Trời người rất đông, các chúng hàng Thanh Văn và Bồ Tát, đông vô lượng vạn ức trang ngiêm cõi nước đó.

Vì Ngài Ca Chiên Diên tại nhân địa tu hành pháp môn bình đẳng, cho nên mặt đất cõi nước tương lai của Ngài bằng phẳng. Mặt đất dùng pha lê tạo thành, đủ thứ cây quý bằng bảy báu trang nghiêm, dây làm bằng vàng ròng giăng bên vệ đường, tiên nữ từ trên trời rải xuống hoa báu tốt đẹp thơm tho, phủ đầy mặt đất, khắp nơi đều sạch sẽ.

Tại sao cõi nước đó trang nghiêm sạch sẽ như thế ? Vì khi tại nhân địa, thì Ngài tu hành thanh tịnh, làm tất cả các điều lành. Ai thấy được cõi nước đó, đều sinh tâm hoan hỉ. Trong cõi nước đó chẳng có bốn đường ác : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A tu la. Tại sao mà có địa ngục ? Vì con người có tâm sân hận, nên đọa vào địa ngục. Người có tâm tham thì đọa làm ngạ quỷ, chuyên môn đố kị người khác, thì tương lai sẽ đọa làm súc sinh. Nếu người nào tranh cường háo thắng, thì tương lai sẽ đọa vào loài A tu la.

Nhân dân trong cõi nước đó, tâm địa đều lương thiện, làm các điều lành, thanh tịnh tâm mình, chẳng chịu quả báo ác, nên cõi nước đó chẳng có bốn đường ác.

Trời người đông vô lượng vạn ức, còn có hàng nhị thừa A La Hán, Thanh Văn, Duyên Giác, và chúng đại Bồ Tát, đều đến cõi nước đó để trang nghiêm cõi nước đó.

Phật sống lâu hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại hai mươi tiểu kiếp.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói bài kệ rằng.

Đức Phật đó, sống lâu hai mươi tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp lưu lại đời

cũng hai mươi tiểu kiếp. Phật muốn nói rõ ràng hơn pháp vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để thuật lại.

Các chúng Tỳ Kheo !
Đều một lòng nghe
Pháp của ta nói
Chân thật không khác.

Này các Tỳ Kheo ! Các ông nên một lòng lắng nghe, pháp ta nói với các ông là chân thật hằng thường bất biến.

Ca Chiên Diên nầy
Sẽ dùng đủ thứ
Đồ cúng tốt đẹp
Cúng dường chư Phật.
Chư Phật diệt rồi
Dựng tháp bảy báu
Cũng dùng hoa hương
Cúng dường xá lợi.
Nơi thân cuối cùng
Được trí huệ Phật
Thành Đẳng chánh giác.

Ngài Ca Chiên Diên biện tài vô ngại, luận nghị bậc nhất, sẽ ở đời vị lai, dùng đủ thứ đồ cúng dường trang nghiêm tốt đẹp nhất, để cung kính cúng dường tất cả chư Phật. Các Đức Phật đó diệt độ rồi, Ngài dùng bảy báu để dựng tháp làm chùa, lại dùng hoa và hương để cúng dường xá lợi của Phật. Thân cuối cùng của Ngài Ca Chiên Diên sẽ được trí huệ của Phật, thành Chánh đẳng chánh giác.

Cõi nước sạch sẽ
Độ thoát vô lượng
Vạn ức chúng sinh
Đều từ mười phương.
Đến để cúng dường
Quang minh Phật đó
Không ai sánh bằng
Phật đó hiệu là.
Diêm Phù Kim Quang
Bồ Tát Thanh Văn
Dứt tất cả cõi
Vô lượng vô số
Trang nghiêm nước đó.

Cõi nước của Ngài rất thanh tịnh sạch sẽ, độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh, có hàng vạn ức chúng sinh đều từ mười phương đến cúng dường Ngài.

Quang minh và trí huệ của Phật đó hơn hết tất cả, cho nên hiệu là Diêm Phù Kim Quang. Các chúng đại Bồ Tát, hàng Thanh Văn, đều đã đoạn trừ cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, số đông vô lượng vô biên, đều đến trang nghiêm cõi nước của Phật đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng : Nay ta nói với các ông, Đại Mục Kiền Liên nầy, sẽ dùng đủ thứ đồ cúng dường, để cúng dường tám ngàn các đức Phật, cung kính tôn trọng. Các đức Phật đó diệt độ rồi, đều xây dựng tháp miếu, cao một ngàn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, xích châu, bảy báu tạo thành.

Dùng các thứ chuỗi hoa, hương thoa, hương bột, hương đốt, lọng báu, tràng phan, để cúng dường. Việc làm đó xong rồi, lại cúng dường hai trăm vạn ức các đức Phật, cũng lại như thế.

Khi đó, Phật lại bảo đại chúng nói : Hôm nay ta muốn nói với các ông rằng, tôn giả Đại Mục Kiền Liên ở đời vị lai, sẽ dùng đủ thứ đồ cúng dường để cúng dường tám ngàn vị Phật. Ngài dùng tâm cung kính tôn trọng như là cúng dường. Sau khi các Đức Phật đó diệt độ rồi, Ngài lại dựng tháp làm chùa, cao một ngàn do tuần, bề ngang rộng năm trăm do tuần. Đều dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, xích châu, để tạo thành.

Ngài lại dùng đủ thứ hoa, chuỗi, hương thoa, hương bột, hương đốt, lọng thêu, tràng phan, để cúng dường tháp chùa. Cúng dường những tháp chùa đó rồi, Ngài lại tiếp tục như ở trên, cúng dường hai trăm vạn ức các Đức Phật.

Sẽ được thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Sau khi Ngài cúng dường hai trăm vạn ức các Đức Phật rồi, sẽ được thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai. Đa Ma La là tiếng Phạn, nghĩa là "tự tính thanh tịnh, bụi trần chẳng nhiễm". Chiên Đàn Hương là một thứ gỗ thơm tối thượng nhất.

Kiếp tên là Hỉ Mãn. Nước tên là Ý Lạc. Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, rải các thứ hoa trân châu, khắp nơi đều sạch sẽ, ai thấy cũng đều hoan hỉ. Rất đông trời người, các chúng Bồ Tát và Thanh Văn số đông vô lượng.

Kiếp tên là Hỉ Mãn. Vì trong kiếp đó đầy dẫy sự vui thích, cho nên cõi nước cũng có tên là Ý Lạc. Mặt đất cõi nước đó, dùng pha lê tạo thành, bảy hàng cây báu trang nghiêm. Từ trên trời rải xuống các thứ hoa bằng trân châu, khắp nơi đều sạch sẽ, ai thấy được nước đó, cũng đều sinh tâm hoan hỉ vui thích. Có rất đông trời người, Thanh Văn và Bồ Tát không thể nào tính kể hết được.

Phật sống lâu hai mươi bốn tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói bài kệ rằng.

Đức Phật đó sống lâu đến hai mươi bốn tiểu kiếp, chánh pháp lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng lưu lại đời bốn mươi tiểu kiếp. Khi Phật nói đoạn

kinh trên đây xong rồi, lại muốn dùng kệ thuật lại khiến cho đại chúng hiểu rõ hơn.

Đệ tử ta đây
Đại Mục Kiền Liên
Bỏ thân nầy rồi
Được thấy tám ngàn.
Hai trăm vạn ức
Chư Phật Thế Tôn
Vì thành Phật đạo
Cung kính cúng dường.
Ở chỗ chư Phật
Thường tu phạm hạnh
Trong vô lượng kiếp
Phụng trì Phật pháp.
Chư Phật diệt rồi
Dựng tháp bảy báu
Cao rộng tốt đẹp
Dùng các hương hoa.
Kỹ nhạc cúng dường
Tháp chùa chư Phật.

Vị đại đệ tử Mục Kiền Liên của ta đây, khi bỏ thân nầy rồi, sẽ được gặp tám nghìn hai trăm vạn ức các Đức Phật Thế Tôn. Vì tu thành Phật đạo, Ngài rất cung kính cúng dường tất cả các vị Phật. Ngài ở trước các Đức Phật, thường học theo các Đức Phật, tu phạm hạnh thanh tịnh, ở trong vô lượng kiếp, Ngài nhất tâm phụng trì Phật pháp. Khi các Đức Phật diệt độ rồi, Ngài lại xây tháp chùa bằng bảy báu, cao rộng tốt đẹp trang nghiêm. Dùng các thứ hoa, hương, kỹ nhạc, để cúng dường những tháp chùa đó.

Dần dần đầy đủ
Bồ Tát đạo rồi
Ở nước Ý Lạc
Mà được thành Phật
Hiệu Đa Ma La
Bạt Chiên Đàn Hương
Phật đó sống lâu
Hai mươi bốn kiếp.

Ngài dần dần đầy đủ viên mãn lục độ vạn hạnh, hàng sinh ở nước Ý Lạc mà thành Phật đạo, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật. Vì Ngài tại nhân địa tu hành thanh tịnh, cho nên được thanh tịnh trang nghiêm không nhiễm, trên thân thoảng ra mùi hương chiên đàn, Phật đó sống lâu hai mươi bốn tiểu kiếp.

Thường vì trời người
Diễn nói Phật đạo
Thanh Văn vô lượng
Như cát sông Hằng.
Có oai đức lớn
Ba minh sáu thông
Bồ Tát vô số
Chí bền tinh tấn.
Đều chẳng thối chuyển
Nơi trí huệ Phật.

Ngài thường vì trời người diễn nói Phật pháp, trong cõi nước của Ngài có vô lượng chúng hàng Thanh Văn, đông nhiều như cát sông Hằng, các Ngài đều đầy đủ tam minh, lục thông và có đủ tướng oai đức, lại có vô lượng số đại Bồ Tát, các Ngài chí nguyện đều bền vững, dũng mãnh tinh tấn, đắc được trí huệ vô lượng của Phật, đều được bất thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật diệt độ rồi
Chánh pháp trụ thế.
Bốn mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng thế

Các đệ tử ta
Oai đức đầy đủ.
Số đông năm trăm
Đều được thọ ký
Ở đời vị lai
Đều được thành Phật.
Ta và các ông
Đời trước có duyên
Nay ta sẽ nói
Các ông khéo nghe.

Phật đó diệt độ rồi, chánh pháp lưu lại thế gian bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng như thế.

Trong các vị đệ tử của ta, có năm trăm vị đầy đủ tướng oai đức, đều được thụ ký, ở đời vị lai sẽ được thành Phật. Ta với các ông đều có nhân duyên trong quá khứ, cho nên nay ta phải nói với các ông pháp nầy. Các ông phải khéo lắng nghe cho kỹ.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẨM HÓA THÀNH DỤ THỨ BẢY

''Hóa'' là từ huyễn hóa mà ra, chứ chẳng phải thật có. Nó từ tinh thần giác ngộ triệt để của Phật hiển hiện ra. Nghĩa là gì ? Tức là muốn hàng nhị thừa phát đại tâm, xa lìa hiện chứng tất cả tướng, Phật hiện ra cảnh giới vi diệu không thể nghĩ bàn. Kì thật, Phật vốn nói ''hóa thành'' chẳng tồn tại, như nay hóa hiện ra, cho nên tên phẩm nầy là ''Phẩm Hóa Thành Dụ''.

Trước hết, chúng ta phải hiểu hóa thành nầy, vốn một vật cũng chẳng có, nó là hư vọng không thật, nên gọi là hóa thành, do Phật biến hóa ra. Phật mở bày môn phương tiện nầy, để cứu độ chúng sinh, đều chẳng phải là chân thật. Một thật pháp môn đại thừa mới là mục đích cứu kính.

Có người hỏi : ''Nếu tất cả đều không chân thật, vậy ích lợi của nó ở chỗ nào'' ? Nếu bạn chẳng hiểu rõ gì là không chân thật, thì bạn cũng chẳng cách chi tìm ra

được chân thật. Hóa thành nầy là ví dụ pháp môn nhị thừa : Pháp của hành Thanh Văn thừa và Duyên Giác thừa. Vì pháp nhị thừa nầy đều là pháp của Phật phương tiện dẫn dắt, cho nên nói hóa thành nầy là vì hàng nhị thừa nói hữu dư Niết bàn chẳng cứu kính. Ý nghĩa Niết Bàn là không sinh không diệt.

Phật dùng phương tiện trí huệ mở bày ra pháp nhị thừa. Tại sao ? Ví như chúng ta đi học phải từ tiểu học đến trung học, từ trung học đến đại học. Hàng nhị thừa giống như trình độ tiểu học, Bồ Tát thừa thuộc về trình độ trung học, Phật thừa thì trình độ cao nhất, tức dũng là đại học. Thật chẳng phải đại học có thể so sánh. Phật pháp vốn chẳng có gì cao thấp, song Phật dùng pháp môn phương tiện để dẫn dắt tất cả chúng sinh, giống như trẻ con, trước hết phải để cho chúng học tiểu học, hấp thụ được kiến thức tiểu học.

Trong Phật pháp, mục tiêu và điểm chủ yếu nhất là thấy, thấy cả chúng sinh đều có Phật tính, đều sẽ thành Phật. Song, nếu Phật ban đầu nói pháp nầy cho chúng sinh nghe, thì chúng sinh chắt chắn sẽ sợ khổ chẳng muốn tin nhận, tâm sinh sợ hãi, cho nên Phật mở bày pháp môn quyền xảo phương tiện, để giáo hóa dẫn dụ chúng sinh.

Có bốn phương pháp để giải thích ý nghĩa Phật nói phẩm nầy :

1. Căn cứ nhân duyên.
2. Căn cứ về chính yếu của giáo pháp.

3. Căn cứ về căn tính của chúng sinh.

4. Căn cứ quán sát tâm hạnh của tất cả chúng sinh.

1- Căn cứ về nhân duyên : Chúng sinh dừng lại ở trên con đường tu hành, chẳng muốn tiến bước về trước, trụ nơi pháp không, cho rằng đã đạt được chỗ cứu kính, đây là một quan niệm của hàng nhị thừa, các Ngài đạt được hữu dư Niết Bàn, làm cảnh giới cao nhất vô thượng, cho nên Phật khai quyền hiển thật, phá chấp trước của các Ngài, khiến cho các Ngài thâm nhập đại trí huệ tạng của Phật, liễu ngộ pháp chân thật chẳng có thể tính, vì hàng nhị thừa trên đường tu đạo chẳng tiến bước nữa, mà bỏ giữa đường, do đó Phật dùng pháp môn phương tiện, dùng ''hóa thành'' làm ''thành tạm nghỉ'' cho hàng nhị thừa, để họ khỏi đọa lạc vào đường ác, do đó tạm thị hiện ''hoá thành''.

2- Căn cứ về chính yếu của giáo pháp : Hàng nhị thừa coi giáo pháp của tiểu thừa, là giáo pháp viên mãn nhất, cho rằng hữu dư Niết Bàn là vô dư Niết Bàn, cứu kính không sinh không diệt, cho nên họ chỉ nguyện tự cầu giải thoát, mà chẳng muốn độ thoát chúng sinh, Phật thấy họ là tiêu nha bại chủng của Phật giáo, nên Phật chê trách hàng nhị thừa, chẳng giống như Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự giác giác tha. Bồ Tát rất sợ tất cả sáu nẻo chúng sinh đọa lạc vào đường ác, cho nên luôn luôn cứu độ chúng sinh, thoát khỏi biển khổ, Bồ Tát có tâm từ bi bình đẳng, có tinh thần vô úy đảo giá từ thuyền, phát nguyện ''độ hết tất

cả chúng sinh, mới chứng Bồ đề‘’, mà Phật muốn hàng nhị thừa cũng hồi tiểu hướng đại, phát tâm đại Bồ đề, học hạnh Bồ Tát, cho nên phải vì họ nói ra giáo pháp đại thừa.

3- Căn cứ vào căn tính chúng sinh : Phật là đấng Thế Tôn đại từ đại bi, khi Phật thành đạo rồi, trong hai mươi mốt ngày, vì Bồ Tát đại thừa mà nói Kinh Hoa Nghiêm.

Lúc đó hàng nhị thừa có mắt chẳng thấy được Lô Xá Na, có tai chẳng nghe được giáo lý viên đốn, đủ thấy căn tính của hàng nhị thừa cạn hẹp. Song, Phật chẳng muốn bỏ không cứu độ một chúng sinh nào, cho nên vì hàng nhị thừa nói pháp tứ diệu đế và mười hai nhân duyên, để cho các Ngài tinh tấn tu hành, tăng trưởng căn lành, siêu phàm nhập thánh, cuối cùng mới hiển bày một thừa giáo pháp chân thật.

4- Căn cứ quán sát tâm hạnh của tất cả chúng sinh: Phật quán sát tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể sẽ thành Phật, nên mới khai quyền hiển thật, nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, để phá trừ chấp trước và tâm ích kỷ tự lợi của chúng sinh, chẳng chướng ngại cơ hội các Ngài thành Phật.

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo rằng : Về thuở quá khứ, vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, bấy giờ có đức Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai,

Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Nước đó tên là Hảo Thành, kiếp đó tên là Đại Tướng.

Các Tỳ Kheo ! Đức Phật đó diệt độ đến nay, rất là lâu xa.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo các chúng Tỳ Kheo rằng : Trong quá khứ vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp không thể nghĩ bàn.

Lúc đó, có một vị Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ngài có thần thông quảng đại và đại trí huệ, đầy đủ mười hiệu của Phật, tức là :

Như Lai : Như như bất động, tịch chiếu thường minh, biểu thị thể tính đức.

Ứng Cúng : Những gì cần làm đã làm xong, biểu thị từ bi nguyện đức.

Chánh Biến Tri : Lý trí vô ngại, viên dung khắp hết thảy, đầy đủ chánh tri chánh kiến, chẳng có gì mà không biết, biểu hiện lý trí đức.

Minh Hạnh Túc : Minh tức là được quả bồ đề vô thượng, hạnh túc là giới huệ đầy đủ, biểu thị tu nhân đắc quả đức, cũng gọi là biểu thị thần thông đức.

Thiện Thệ Thế Gian Giải : Vào vô dư Niết Bàn, biết rõ tất cả việc hữu tình và phi hữu tình, biểu thị đoạn chứng trí đức.

Vô Thượng Sĩ : Trong tất cả chúng, Phật là vô thượng, biểu thị trụ vị đức.

Điều Ngự Trượng Phu : Dùng lời diệu hòa, lời khổ thiết, khiến cho họ vào đường lành, biểu thị giáo chủ đức.

Thiên Nhân Sư : Như mặt trời chiếu khắp, hết thảy đều được lợi ích, đạo sư của trời người, biểu thị phổ lợi đức.

Phật : Ba giác cứu kính viên mãn, biểu thị giác quả đức.

Thế Tôn : Vạn đức tròn, phước đức đầy, bậc tôn kính của thế gian và xuất thế gian, biểu thị viên mãn đức.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng có một cõi nước tên là Hảo Thành, vì nhân dân trong cõi nước của Ngài đều rất thiện lương, kiếp đó tên là Đại Tướng.

Các Tỳ Kheo ! Vị Phật đó, ở trong kiếp quá khứ lâu xa không thể nói, đã vào cảnh giới Niết Bàn không sinh không diệt, thời gian bao lâu ? Phật nói ra ví dụ ở dưới đây.

Ví như tất cả đất đai của ba ngàn đại thiên thế giới. Giả sử có người đem mài ra thành mực, rồi đi qua phương đông, cách một ngàn cõi nước, mới chấm xuống một

chút, lớn như hạt bụi. Rồi đi qua một ngàn cõi nước nữa, lại chấm xuống một chút. Như thế, lần lược chấm hết mực mài bằng đất đai, ý của các ông nghĩ sao ? Các cõi nước đó, hoặc thầy toán, hoặc đệ tử của thầy toán, có thể biết được bờ mé của số đó chăng ?

Không vậy, đức Thế Tôn.

Các Tỳ Kheo ! Cõi nước của người đó đi qua, hoặc chấm mực, hoặc không chấm mực, đều nghiền hết ra làm bụi, cứ một hạt bụi là một kiếp. Từ khi đức Phật đó diệt độ đến nay, lại lâu hơn số đó, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp.

Ví như, có người dùng cõi nước ba ngàn đại thiên thế giới mài ra thành mực, rồi đi qua phương đông cách một ngàn cõi nước, thì chấm xuống một chấm mực nhỏ như hạt bụi, lại trải qua một ngàn cõi nước, lại chấm xuống một chấm mực, cứ như thế chấm hết số mực đã mài ra, có tính đếm được số cõi nước chấm mực chăng ? Bạn thấy như thế nào ? Giả sử, nhà toán thuật, hoặc đệ tử của họ cùng nhau tính đếm số mực nầy, họ có tính được số mực nầy chăng ? Tất cả các vị Tỳ Kheo đều thưa : ‘’Không thể được, đức Thế Tôn‘’.

Các chúng Tỳ Kheo ! Cõi nước của người đó đi qua, có chấm mực hoặc không chấm mực, đều nghiền ra làm bụi, dùng một hạt bụi làm một kiếp, mà Phật Đại Thông Trí Thắng đã vào Niết Bàn, trải qua số kiếp lâu hơn số đó, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A Tăng kỳ kiếp.

Ta dùng sức tri kiến của Như Lai, xem thuở lâu xa đó, như ngày hôm nay.

Phật là bậc Nhất thiết trí, dùng thiền định tam muội, nên đức Phật thấy kiếp lâu xa như thế, như ngày hôm nay, chẳng lâu dài.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói bài kệ rằng.

Ta nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô biên kiếp
Có Phật Lưỡng Túc Tôn
Hiệu Đại Thông Trí Thắng.

Khi đó, đức Phật muốn thuật lại ý nghĩa kinh trường hàng ở trên, nên dùng kệ để nói.

Ta nhớ thuở trong đời quá khứ vô lượng vô biên kiếp số, có một vị Phật, đầy đủ phước huệ viên mãn, Phật đó hiệu là Đại Thông Trí Thắng Phật.

Như người dùng sức mài

Ba ngàn cõi đại thiên
Hết tất cả đất đai
Thảy đều làm thành mực.
Qua khỏi ngàn cõi nước
Mới chấm xuống chút mực
Lần lược chấm như thế
Hết sạch số mực đó.
Các cõi nước như thế
Chấm mực hoặc chẳng chấm
Lại nghiền ra làm bụi
Một bụi là một kiếp.
Kiếp số lâu xa kia
Lại nhiều hơn số bụi
Phật đó diệt đến nay
Vô lượng kiếp như thế.

Ví như có người đem cõi nước ba ngàn đại thiên thế giới, đều mài ra làm mực, sau đó đi qua một ngàn cõi nước, chấm xuống một chấm nhỏ, rồi lại đi qua một ngàn cõi nước, cũng chấm xuống một chấm mực, cho đến lần lược chấm hết số mực đó. Các cõi nước người đó đi qua, chấm mực hoặc chẳng chấm mực, đều nghiền ra làm bụi,

mỗi hạt bụi là một kiếp, Phật Đại Thông Trí Thắng diệt độ đến nay, nhiều hơn số bụi đó vô lượng kiếp.

Trí vô ngại của Phật
Biết Phật đó diệt độ
Và Thanh Văn Bồ Tát
Như thấy nay diệt độ.
Các Tỳ Kheo nên biết!
Trí Phật tịnh vi diệu
Vô lậu chẳng gì ngại
Thông đạt vô lượng kiếp.

Phật đầy đủ trí huệ viên dung vô ngại, đều biết Phật Đại Thông Trí Thắng và hàng Thanh Văn Bồ Tát đã diệt độ, như thấy được các Ngài hiện tại vừa diệt độ. Các Tỳ Kheo ! Các ông phải biết trí huệ của Phật rất thanh tịnh, vi tế và áo diệu, chẳng có lậu, cũng chẳng có gì quái ngại, thông đạt vô lượng số kiếp.

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo ! Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, sống lâu năm trăm bốn mươi vạn ức Na do tha kiếp. Khi đức Phật đó, ngồi đạo tràng phá ma quân rồi, sắp được đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác,

mà các Phật pháp chẳng hiện ra ở trước, đức Phật ngồi kiết già như thế một tiểu kiếp, cho đến mười tiểu kiếp, thân và tâm đều bất động, mà các Phật pháp cũng chẳng hiện ra.

Bấy giờ, chư thiên cõi trời Đao Lợi, trước đã vì đức Phật đó, làm tòa sư tử ở dưới cội bồ đề cao một do tuần. Đức Phật ngự lên tòa đó, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Khi Phật ngồi lên tòa đó, thì các vị Phạm Thiên Vương mưa xuống các hoa trời, khắp một trăm do tuần. Gió thơm lại đến thổi đi các hoa héo, rồi mưa xuống hoa tươi, cứ như thế không ngừng, trọn mười tiểu kiếp, để cúng dường đức Phật. Cho đến sau khi đức Phật diệt độ, vẫn luôn luôn mưa xuống các hoa trời.

Bốn vị Tứ Thiên Vương vì cúng dường đức Phật, mà thường đánh trống trời, còn các vị trời khác, thì tấu nhạc trời, trọn mười tiểu kiếp, đến khi đức Phật diệt độ cũng lại như thế.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo các Tỳ Kheo ở trong hội rằng : Phật Đại Thông Trí Thắng sống lâu đến năm trăm bốn mươi vạn ức Na do tha kiếp. Khi Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi dưới Bồ Đề đạo tràng, phá tất cả ma quân rồi. Phàm là người tu đạo chứng quả, đều phải trải qua cửa ải ma khảo nghiệm. Phật Thích Ca Mâu Ni, trước khi thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng phải trải qua sự khảo nghiệm. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội Bồ đề nhập định, thì ma vương phái một đám biến thành thiếu nữ xinh đẹp, để nhiễu loạn thiền định của Phật.

Lúc đó, Phật đã đoạn sạch tất cả mọi dục niệm và vọng tưởng, xa lìa sự ràng buộc. Quán vạn sự vạn vật trong vũ trụ như mộng như huyễn, hà huống là đối với một đám mỹ nữ ở trước mặt, càng như như bất động, liễu liễu thường minh, Phật bèn nói với chúng rằng: ‘’Tuy bây giờ các người còn trẻ đẹp đẽ, song khi về già thì tóc bạc mặt nhăn xấu xí như bà lão, các ngươi bất quá chỉ là túi da hôi thối chứa đầy đồ dơ bẩn mà thôi’’ ! Khi đám mỹ nữ nghe Phật nói như thế, thì chúng biết mỹ nhân kế của chúng chẳng thành công, do đó chúng nhìn xem diện mạo của chúng, thì quả nhiên biến thành những bà già xấu xí, bỏ nhau chạy đi hết.

Trước khi tất cả các vị thành Phật đạo, đều phải trải qua sự khảo nghiệm, cho nên hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo, mới đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác. Lúc đó, Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi kiết già, thân tâm bất động, nhập định, song vẫn chưa thành Phật đạo, cho nên Phật pháp chưa xuất hiện ra trước, như thế trải qua một tiểu kiếp, cho đến mười tiểu kiếp, Phật pháp vẫn chưa hiện tiền.

Bấy giờ, chư thiên cõi trời Đao Lợi, vì Đức Phật đó, chuẩn bị thiết lập tòa sư tử dưới cội bồ đề, cao một do tuần (bốn mươi dặm). Đức Phật bèn ngồi trên tòa đó, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc đó, chư thiên Phạm Thiên Vương mưa xuống các hoa trời, rải khắp nơi một trăm do tuần, một trận gió thơm thổi đến, thổi các hoa héo đi, lại mưa xuống các hoa tươi, tiếp tục như thế không ngừng, trọn mười tiểu kiếp để cúng dường Phật.

Sau khi Phật diệt độ rồi, chư thiên vẫn mưa hoa trời xuống như thường lệ. Khi đó, Tứ Thiên Vương thường đánh trống trời, tấu nhạc trời để cúng dường Phật, còn chư thiên các cõi trời khác, thì thường tấu đủ thứ nhạc trời, tiếp tục như thế trọn mười tiểu kiếp, cho đến khi Phật diệt độ rồi cũng lại như thế.

Các Tỳ Kheo ! Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười tiểu kiếp, các Phật pháp mới hiện ra ở trước, thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật Thích Ca lại bảo các Tỳ Kheo nói rằng : Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười tiểu kiếp, Phật pháp mới xuất hiện ở trước, Ngài mới thật sự thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì chúng sinh, chuyển đại pháp luân.

Khi đức Phật đó chưa xuất gia, thì có mười sáu người con. Người con thứ nhất tên là Trí Tích. Các người con đều có đồ chơi tốt đẹp, quý báu lạ thường, nghe cha đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều bỏ đồ chơi báu lạ, đi đến chốn Phật. Các bà mẹ khóc rơi lệ, đi theo tiễn đưa. Ông nội của các vị đó, là chuyển luân thánh vương, với một trăm vị đại thần, và trăm ngàn vạn ức nhân dân khác, đều cùng nhau vây quanh theo đến đạo tràng. Đều muốn gần gũi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi.

Đến rồi, thảy đều cuối đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu Phật xong rồi, một lòng chắp tay chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, dùng kệ nói rằng.

Trước khi vị Phật đó chưa xuất gia, thì Ngài có mười sáu người con. Người con cả thứ nhất tên là Trí Tích. Ngài đầy đủ đại trí huệ, mỗi người con đều có công đức báu phước đức quý khác nhau, đầy đủ đồ chơi quý báu đẹp lạ.

Song, khi các vị đó nghe người cha đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều lập tức bỏ hết các đồ chơi quý báu đẹp lạ, đi đến chỗ Phật thành đạo. Bà mẹ của các Ngài khóc lóc rơi lệ, cùng đi với các Ngài đến gặp Phật. Tại sao bà mẹ đau buồn như thế ? Vì mười sáu người con của bà ta, đều muốn bỏ mẹ đi theo Phật tu đạo.

Lúc đó, ông nội của các Ngài là Chuyển Luân Thánh Vương, dẫn một trăm vị đại thần và trăm ngàn vạn ức nhân dân, đều cùng vây quanh để đi đến đạo tràng nơi Phật thành đạo, để gần gũi Phật Đại Thông Trí Thắng, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Phật. Đến chốn Phật rồi, tất cả đều năm thể sát đất, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Sau đó, dùng bài kệ để tán thán Phật.

Thế Tôn oai đức lớn
Vì cứu độ chúng sinh
Trong vô lượng ức kiếp
Nay mới được thành Phật.

Các nguyện đã đầy đủ
Hay thay lành vô thượng
Thế Tôn rất ít có
Một phen ngồi mười kiếp.
Thân thể và tay chân
Vắng lặng yên chẳng động
Tâm Phật thường lặng lẽ
Chưa từng có tán loạn.
Rốt ráo hằng tịch diệt
An trụ pháp vô lậu
Ngày nay thấy Thế Tôn
An ổn thành Phật đạo.
Chúng con được lợi lành
Rất hớn hở vui mừng
Chúng sinh thường khổ não
Đui mù không đạo sư.
Chẳng biết đạo dứt khổ
Không biết cầu giải thoát
Ngày đêm thêm nẻo ác
Tổn giảm chúng chư thiên.
Từ tối vào nơi tối

Trọn chẳng nghe tên Phật
Nay Phật được vô thượng
Đạo an ổn vô lậu.
Chúng con và trời người
Vì được lợi lành lớn
Cho nên đều cuối đầu
Quy mạng đấng Vô Thượng.

Đức Thế Tôn là bậc có đại oai đức nhất trong thế gian, vì cứu độ tất cả sáu nẻo chúng sinh chịu khổ trong mười phương, mà trải qua vô lượng ức kiếp trang nghiêm vạn hạnh, mới được thành Phật đạo, đầy đủ viên mãn thệ nguyện đã phát ra từ trước. Cho nên, nói: Nếu ai chân chánh muốn phát tâm tu đạo, thì phải phát đại thệ nguyện. Mười phương chư Phật thành tựu Phật quả, đều phát thệ nguyện vô thượng và tâm bồ đề rộng lớn, tại sao chúng ta ở trong sự tu đạo chịu khổ chẳng được ? Hoặc sinh tâm thối chuyển ? Vì chúng ta chẳng thật sự đem chân tâm ra để tu đạo, chưa từng phát tâm thệ nguyện kim cang kiên cố Ba la mật.

Phật là bậc cát tường thù thắng nhất, vô thượng nhất, rất hiếm có trên thế gian. Phật hay nhập vào thiền định thâm sâu, như thế trải qua mười tiểu kiếp thời gian lâu dài, song thân thể tay chân của Phật vẫn vắng lặng an nhiên chẳng động, tâm của Ngài xa lìa tất cả điên đảo

mộng tưởng, chẳng có ô nhiễm một chút bụi, cho nên chẳng tán loạn.

Phật rốt ráo đắc được viên giác vĩnh hằng, an trụ ở trong thường tịch quang, lấy pháp vô lậu, mở bày hàng nhị thừa. Như hôm nay chúng con được thấy Đức Thế Tôn an ổn thành tựu Phật đạo, vì đắc được lợi ích tốt lành, cho nên chúng con biểu lộ vui mừng hớn hở.

Tất cả sáu nẻo chúng sinh thường chịu các sự thống khổ bức bách, như người mù, mất đi đạo sư dẫn dắt, chẳng biết con đường lìa khổ, chẳng biết làm thế nào để ra khỏi sinh tử luân hồi, cứ tạo tội nghiệp chồng chất. Chúng sinh điên đảo trầm luân ở trong đường ác, bị vô minh che lấp đi trí huệ Phật tính, tội nghiệp chướng ngại, cho nên chẳng nghe được hồng danh của Đức Phật.

Như nay Phật đắc được vô thượng, Phật đạo an ổn, chúng con và tất cả trời người như tối có đèn, đều được lợi ích rất lớn, cho nên chúng con năm thể sát đất, cuối đầu đảnh lể, một lòng quy mạng đấng Thế Tôn Vô Thượng.

Khi chúng ta một lòng quy y Phật Pháp Tăng Tam Bảo, tức là bắt đầu học tập Phật pháp, trước hết phải khử trừ ‘’ngã tướng‘’. Ví như phải xả mình vì người, chẳng tồn tâm tổn người lợi mình .v.v. Tất cả phiền não đều do chấp trước vào ngã tướng (tướng ta) tham dục mà khởi, song phải làm cho được chẳng còn có tướng ta, thật không dễ dàng. Cho nên, chúng ta phải đem thân tâm tính mạng quy y Tam Bảo, nương theo pháp của Phật nói mà tu

hành, thì nhất định phải xả bỏ ngã chap, và ba độc tham sân si phiền não, được vô vi khoái lạc tự tại hằng thường, chẳng còn thọ thân sau nữa.

Bấy giờ, mười sáu vị vương tử nói kệ khen đức Phật rồi, bèn thỉnh cầu đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, đều thưa rằng : Đức Thế Tôn thuyết pháp được nhiều sự an ổn, thương xót lợi ích các trời người, lại nói kệ rằng.

Khi mười sáu vị vương tử khen ngợi Đức Phật rồi, các Ngài lại thỉnh Phật chuyển bánh xe diệu pháp. Chuyển bánh xe pháp như thế nào ? Diễn nói bốn diệu đế, mười hai nhân duyên, cho đến sáu độ Ba la mật kinh điển giáo nghĩa, giải nói nghĩa lý Phật pháp, đều là chuyển bánh xe pháp; còn có nhiều phương tiện lìa khổ được vui, tứ thiền bát định .v.v. Chuyển bánh xe pháp như hộ trì Tam bảo, khen ngợi Tam Bảo, tuyên dương Phật pháp, khuyên người khác tín ngưỡng Phật giáo .v.v., đó đều là chuyển bánh xe pháp lợi ích chúng sinh.

Mười sáu vị đồng tử lại dị khẩu đồng âm nói: ‘’Đức Thế Tôn ! Thỉnh Ngài vì chúng con nói Phật pháp vô thượng, khiến cho chúng con tất cả chúng sinh được an ổn, xin Ngài thương xót và lợi ích tất cả trời người.’’ Lại nói kệ khen ngợi Phật.

Thế Tôn chẳng ai bằng
Trăm phước tự trang nghiêm
Được trí huệ vô thượng
Xin vì thế gian nói.
Độ thoát cho chúng con
Và các loài chúng sinh
Vì phân biệt hiển bày
Khiến được trí huệ Phật.
Nếu chúng con thành Phật
Chúng sinh cũng như thế
Thế Tôn biết chúng sinh
Nghĩ gì trong thâm tâm.
Cũng biết họ nguyện gì
Lại biết sức trí huệ
Ưa muốn và tu phước
Nghiệp tạo ra đời trước.
Thế Tôn biết cả rồi
Nên chuyển pháp vô thượng.

Phật là đấng Thánh hùng xuất thế gian. Chúa Đại hùng thế gian không thể sánh với đại Thánh Tôn ! Ba A Tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp trồng ruộng phước, vạn

đức trang nghiêm tướng tốt, đầy đủ oai nghi. Phật là đại Thánh hùng vô thượng của thế gian, cho nên xưng là ''Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn''. Vì Phật trong ba A tăng kỳ kiếp tu phước huệ, trong trăm kiếp vun bồi tướng tốt trang nghiêm viên mãn, Phật đắc được trí huệ vô thượng, cho nên Phật vì tất cả chúng sinh thế gian nói ra pháp vi diệu, khiến cho chúng con xa lìa biển khổ, sớm lên bờ giác ngộ. Vì nhân duyên của mười hai loài chúng sinh, đều hiển bày khác nhau, khiến cho chúng con đắc được trí huệ vô thượng, Phật quả bồ đề.

Nếu chúng con đều thành Phật đạo, thì tất cả sáu nẻo chúng sinh thảy đều như thế. Đức Thế Tôn biết rõ tâm của tất cả chúng sinh, nghĩ gì và nguyện gì, Phật biết hết sức trí huệ của họ có bao nhiêu, nghĩ muốn được bao nhiêu thiện lạc, tích tập bao nhiêu phước đức, tạo bao nhiêu tội nghiệp, cho nên Phật đều biết đều thấy, nên Phật chuyển bánh xe pháp.

Phật bảo các Tỳ Kheo ! Khi đức Phật Đại Thông Trí Thắng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì trong mười phương, mỗi phương đều có năm vạn ức thế giới của chư Phật, có sáu thứ chấn động. Trong các cõi nước đó, chỗ tối tăm ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể chiếu đến, mà nay đều

sáng rực rỡ. Chúng sinh ở trong đó đều thấy nhau, đều nói rằng : Trong đây tại sao bỗng sinh ra chúng sinh ? Và cung điện của chư Thiên, cho đến cung điện của Phạm thiên, trong các cõi đó, đều có sáu thứ chấn động. Quang minh chiếu khắp đầy các thế giới, sáng hơn ánh sáng của chư Thiên.

Phật Thích Ca lại bảo các Tỳ Kheo rằng: ''Khi Phật Đại Thông Trí Thắng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Cháng Giác, thì trong mười phương, mỗi phương đều có năm trăm vạn ức thế giới của chư Phật, đều hiện sáu thứ chấn động.

Lúc đó, trong tất cả cõi nước đó, phàm là chỗ nào tối tăm, ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể chiếu đến được, thì nay đều xuất hiện ánh sáng. Chúng sinh ở đây thấy rõ được tất cả, họ bèn nói rằng: ''Chúng sinh từ đâu đến''? (kì thật trước kia họ sống trong bóng tối, có cũng chẳng thấy, cho nên nói chẳng có chúng sinh tồn tại. Bây giờ, bỗng có ánh sáng, mới thấy có chúng sinh khác).

Lại nữa, ở trong phạm vi những cõi nước đó, tất cả Thiên cung cho đến cung điện của Phạm thiên, đều hiện sáu thứ chấn động, được quang minh chiếu khắp, đầy các thế giới. Quang minh đó sáng hơn tất cả quang minh của

chư Thiên, hơn ánh sáng của mặt trời mặt trăng mấy ngàn vạn lần.

Bấy giờ, ở phương đông năm trăm vạn ức cõi nước, các cung điện của cõi trời Phạm thiên, có ánh sáng chiếu sáng gấp bội hơn ánh sáng thường. Các vị Phạm Thiên Vương đều nghĩ : Hôm nay ánh sáng chiếu đến cung điện, từ xưa chưa từng có, bởi nhân duyên gì mà hiện tướng nầy ? Lúc đó, các Phạm Thiên Vương đều đi đến với nhau cùng bàn về việc nầy. Khi đó, trong chúng có một vị Phạm Thiên Vương, tên là Cứu Nhất Thiết, vì các chúng Phạm Thiên mà nói kệ rằng.

Khi đó, ở phương đông các cung điện của trời Phạm Thiên, trong năm trăm vạn ức cõi nước, đều được ánh sáng chiếu sáng, ánh sáng đó hơn ánh sáng thường gấp ngàn vạn lần.

Lúc đó, tất cả các vị Phạm Thiên Vương đều sinh ra hoài nghi : ‘’Như hôm nay cung điện của chúng ta có ánh sáng nầy, từ xưa chưa từng có, bởi nhân duyên gì mà nay hiện ra tướng điềm lành nầy’’?

Do đó, tất cả các vị Phạm Thiên Vương, đều tự tìm đến cùng nhau, thảo luận về việc ánh sáng chiếu đến cung điện. Lúc đó, trong chúng trời Phạm Thiên Vương, có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Cứu Nhất Thiết, vì tất cả chúng Phạm Thiên mà nói ra bài kệ.

Các cung điện chúng ta
Ánh sánh xưa chưa có
Đây là nhân duyên gì ?
Thảy đều cùng nhau tìm.
Là trời đại đức sinh
Hay Phật hiện ra đời ?
Mà ánh sáng lớn nầy
Chiếu khắp trong mười phương.

Các cung điện của chúng ta được ánh sáng chiếu đến, đây là ánh sáng không thể nghĩ bàn chưa từng có. Đây là nhân duyên gì ? Chúng ta đều cùng nhau đi tìm ánh sáng nầy từ đâu đến ? Theo ý của tôi thì, đây có thể là một vị đại đức Thánh nhân ra đời, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời, nên mới có ánh sáng như thế, chiếu khắp mười phương thế giới.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức các cõi nước, cùng với

cung điện, ai nấy đều dùng túi y đựng đầy các hoa trời, đồng đi đến hướng tây để tìm tướng ánh sáng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, tại đạo tràng dưới cội bồ đề. Chư Thiên, Long vương, Càn thác bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân .v.v... đều cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử, thỉnh đức Phật chuyển bánh xe pháp.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương đông, đều mang theo cung điện của họ cùng bay đi. Phàm là người trời đều có thể bay đi tự tại, chẳng những như thế, mà họ còn có thể mang theo cung điện của họ cùng đi, rất thuận tiên tự tại, và họ còn dùng túi đựng đầy các hoa trời, đồng đi đến phương tây, để tìm nguồn gốc tướng ánh sáng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử tại đạo tràng dưới cội Bồ đề.

Lúc đó, tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn Thác Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và chẳng phải người .v.v... đều cùng nhau đến cung kính vây quanh Đức Phật. Họ lại thấy mười sáu vị vương tử, đang thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp.

Tức thời, các vị Phạm Thiên Vương cuối đầu đảnh lễ đức Phật, nhiễu trăm ngàn vòng, liền lấy hoa trời rải trên đức Phật, hoa rải xuống nhiều như núi Tu Di, cùng để cúng dường cây bồ đề của Phật. Cây bồ đề đó cao mười do tuần, cúng dường hoa xong, ai nấy đều đem cung điện dâng lên đức Phật đó, mà bạch rằng : Xin đức Phật thương xót lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây, xin đức Phật hãy nhận để ở.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Thế tôn rất ít có
Khó có thể gặp được
Đủ vô lượng công đức
Hay cứu hộ tất cả.
Đại sư của trời người
Thương xót nơi thế gian
Các chúng sinh mười phương

Khắp đều được lợi ích.
Chúng con đều đến từ
Năm trăm vạn ức cõi
Xả bỏ vui thiền định
Vì cúng dường đức Phật.
Chúng con phước đời trước
Cung điện rất tốt đẹp
Nay dâng lên Thế Tôn
Cúi xin thương nhận ở.

Khi đó, tất cả các vị Phạm Thiên Vương, đều đảnh lễ dưới chân đức Phật, cung kính đi nhiễu chung quanh Đức Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời của họ rải ở trên thân Đức Phật, hoa rải ra nhiều như núi Tu Di, lại dùng hoa trời để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cây Bồ đề đó cao mười do tuần, cúng dường như thế rồi, các vị Đại Phạm Thiên Vương, ai nấy đều đem cung điện mà họ ưa thích nhất, để dâng cúng Đức Phật.

Sau đó nói: ''Chư Phật từ bi thương xót chúng con, lợi ích cho chúng con mà nhận cung điện của chúng con dâng cúng.'' Nói xong rồi, tất cả vị Phạm Thiên Vương đều quỳ xuống ở trước Phật, một lòng đồng tiếng, nói kệ.

Đức Thế Tôn ! Ngài là đấng Thánh Tôn ít có nhất trên đời, rất khó gặp nhất, Phật đầy đủ vô lượng công đức nên thành Phật. Chúng ta tất cả chúng sinh, cũng phải đầy

đủ vô lượng công đức, mới có cơ hội gặp được Phật. Phật hay cứu hộ tất cả chúng sinh, Ngài là đạo sư của trời người, Phật hay từ bi thương xót tất cả chúng sinh thế gian, hay lợi ích khắp tất cả chúng sinh.

Chúng con tất cả các Phạm Thiên Vương, từ năm vạn ức cõi nước đến đây, vì muốn tìm ánh sáng nầy, cho nên bỏ sự vui thiền định thâm sâu. Nếu người tu đạo, một ngày chẳng chứng được cảnh giới vui thiền định, thì thái độ đều cẩu thả, người chân chánh đắc được vui thiền định, thì rất hoan hỉ tham thiền đả tọa. Thấy tất cả thế gian vạn sự vật đều rất an lạc, mà các chư Thiên nầy, tuy chứng được thiền định, song chưa dứt sinh tử thoát khỏi tam giới, do đó, khi họ thấy được ánh sáng nầy, ai nấy cũng đều muốn bỏ vui thiền định, để đi tìm nguyên do của ánh sáng nầy, cũng vì muốn cúng dường Phật mà đến, lại nói với Phật : Chúng con thuở xưa tại nhân địa, tu các phước báu, mới có được cung điện tốt đẹp trang nghiêm nầy, hiện nay gặp được Phật, chúng con dâng cúng cung điện nầy lên Đức Phật, cúi xin Phật thương xót tiếp nhận sự cúng dường của chúng con.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều nói : Cúi xin đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, độ thoát cúng sinh, mở đường Niết Bàn. Lúc đó,

các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng thanh nói kệ rằng.

Thế hùng Lưỡng Túc Tôn
Cúi xin diễn nói pháp
Dùng sức đại từ bi
Độ chúng sinh khổ não.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương nói bài kệ khen Đức Phật rồi, họ cùng nhau bạch rằng: ‘’Cúi xin Đức Thế Tôn hãy vì chúng con chuyển bánh xe diệu pháp, độ thoát tất cả chúng sinh chịu khổ, xin Phật từ bi mở con đường Niết bàn‘’. Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương lại một lòng đồng thanh nói ra bài kệ.

Đức Thế Tôn ! Ngài là đấng Đại Thánh Hùng vô thượng trong thế gian, vạn đức viên mãn, phước huệ đều đủ. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con chúng sinh diễn nói diệu pháp, hy vọng nhờ sức đại từ bi của Đức Thế Tôn, để độ thoát sự khổ ràng buộc của chúng con và chúng sinh, đều ra khỏi biển khổ sinh tử, sớm lên bờ giác ngộ.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời.

Lại nữa, các Tỳ Kheo ! Phương đông nam, có năm trăm vạn ức cõi nước, các vị Đại Phạm Vương, đều thấy ánh sáng chiếu sáng cung điện của mình, từ xưa chưa từng có, thảy đều hớn hở vui mừng, sinh tâm hy hữu, bèn cùng nhau đi đến bàn về việc nầy.

Lúc đó, trong chúng đó có một vị Đại Phạm Thiên Vương, tên là Đại Bi, vì các chúng Phạm Thiên mà nói kệ rằng.

Việc nầy nhân duyên gì ?
Mà hiện tướng như thế
Các cung điện chúng ta
Ánh sáng chưa từng có.
Là trời đại đức sinh
Hay là Phật ra đời ?
Chưa từng có tướng nầy
Nên cùng một lòng tìm.
Qua ngàn vạn ức cõi
Theo luồng sáng tìm đến
Phần nhiều Phật ra đời
Độ thoát chúng sinh khổ.

Lúc đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời, sự thỉnh cầu của các vị Phạm Thiên Vương.

Phật nói : Ở phương đông nam, có năm trăm vạn ức cõi nước, tất cả các vị Đại Phạm Thiên Vương, đều thấy các cung điện của họ, đều hiện ánh sáng chiếu sáng, từ xưa chưa từng có, do đó họ đều hớn hở vui mừng, sinh tâm hy hữu. Họ tụ lại với nhau cùng thảo luận vấn đề nầy.

Lúc đó, ở trong chúng hội đó, có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Đại Bi, vì tất cả các Phạm Thiên Vương, mà nói ra bài kệ.

Việc nầy rất là thù thắng, cho nên hiện tướng điềm tốt nầy, chiếu đến cung điện của chúng ta. Ánh sáng nầy từ xưa chưa từng có, chắc chắn là có vị đại đức từ trên trời hàng sinh xuống, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời. Đây là cảnh giới chúng ta chưa từng thấy qua, nên cùng nhau đi tìm nguyên do.

Do đó, trải qua ngàn vạn ức cõi nước, để đi tìm nguyên nhân của ánh sáng đó. Theo sự suy đoán của tôi, phần nhiều chắc chắn là có vị Phật xuất hiện ra đời, để độ thoát tất cả chúng sinh khổ não.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước, đều mang theo cung điện đi với, ai nấy cũng đều dùng túi đựng đầy hoa trời, cùng đi đến phương tây

bắc, để tìm tướng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề. Chư thiên, Long vương, Càn thác bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân .v.v... thảy đều cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử, đang thỉnh đức Phật chuyển pháp luân.

Lúc đó, ở phương đông nam, năm trăm vạn ức các Phạm Thiên Vương đều mang theo cung điện của họ, cùng nhau đi tìm ánh sáng nầy. Mỗi vị Đại Phạm Thiên Vương, đều dùng túi đựng đầy hoa trời, chuẩn bị dùng để rải hoa cúng dường mười phương chư Phật, họ đều đi về hướng tây bắc để tìm tướng ánh sáng đó.

Lại thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề. Tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người .v.v., đều cung kính vây quanh Đức Phật, lại thấy mười sáu người con của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, đang thỉnh Phật chuyển bánh xe diệu pháp.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương cuối đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh đức Phật trăm ngàn vòng, bèn dùng

hoa trời rải lên trên đức Phật. Hoa rải nhiều như núi Tu Di, cùng cúng dường cây bồ đề của Phật, cúng dường hoa rồi, ai nấy đều đem cung điện dâng lên cúng dường đức Phật đó, mà bạch rằng : Cúi xin đức Phật thương xót lợi ích chúng con, cung điện dâng cúng đây, xin đức Phật hãy nhận.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Lúc đó, hết thảy các vị Đại Phạm Thiên Vương đảnh lễ dưới chân của Đức Phật, và nhiễu trăm ngàn vòng. Nhiễu Phật xong rồi, thì dùng hoa trời của họ mang đến rải lên thân Phật, hoa rải lên cúng Phật nhiều như núi Tu Di, chẳng những cúng dường Đức Phật, mà còn cúng dường cây Bồ đề của Phật.

Cúng dường rồi, mỗi vị Đại Phạm Thiên Vương đều đem cung điện của họ mang đến, dâng lên cúng dường Phật Đại Thông Trí Thắng, và nói : ‘’Cúi xin đức Phật từ bi thương xót chúng con, lợi ích chúng con, hiện nay cung điện dâng cúng là cung điện báu đẹp của chúng con, xin Phật hãy nhận lãnh‘’. Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước, ở trước đức Phật một lòng

đồng cất tiếng, dùng kệ để khen ngợi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng.

Thánh chúa Thiên trung vương
Tiếng ca lăng tần già
Thương xót các chúng sinh
Chúng con nay kính lễ.
Thế Tôn rất ít có
Lâu xa hiện một lần
Một trăm tám mươi kiếp
Trải qua chẳng có Phật.
Đầy dẫy ba đường ác
Chúng chư thiên giảm bớt
Nay Phật hiện ra đời
Mắt sáng của chúng sinh.
Chỗ thế gian nương tựa
Cứu hộ thảy mọi loài
Cha lành của chúng sinh
Thương xót làm lợi ích.
Chúng con nhờ phước xưa
Nay được gặp Thế Tôn.

Phật cũng gọi là Thánh Chúa, tức là Thánh Trung Thánh, Thiên Trung Thiên, cho nên còn gọi là Thiên Trung Vương. Ca lăng tần già là tiếng Phạn, dịch là "tiếng chim hay". Ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà có loài chim nầy, thường dùng tiếng hay của nó, để tuyên dương pháp âm, tiếng của Phật thuyết pháp khiến cho người thích nghe, ai nghe được thì tâm tĩnh lặng, cũng giống như nghe được tiếng hay tốt của loài chim nầy, mà âm thanh đại từ bi của Phật thương xót tất cả chúng sinh.

Chúng con năm trăm vạn ức các Phạm Thiên Vương, nay hướng về đức Thế Tôn kính lễ. Đức Thế Tôn ! Ngài rất là ít có, rất khó được gặp ! Vì Phật trải qua số kiếp lâu xa, mới xuất hiện ra đời. Theo chỗ chúng con biết, thì trong một trăm tám mươi kiếp đã qua, đều chẳng có Phật xuất hiện ra đời. Do đó, chúng sinh đọa lạc trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ngày càng nhiều, song chư thiên chúng con ngày càng ít. Bây giờ, Phật xuất hiện ra đời, mà trước kia chúng sinh đọa lạc trong ba đường ác đều vì họ chẳng nghe được pháp âm, chẳng phân biệt được thị phi trắng đen, tạo các nghiệp ác, vì chẳng có ai dẫn dắt họ, cho nên họ mê hoặc ở trong đen tối, Phật là thiện tri thức mắt sáng của tất cả chúng sinh, cho nên khi Phật xuất hiện ra đời, thì tất cả chúng sinh, đều được Phật chỉ dẫn con đường thoát khỏi đen tối nguy hiểm. Chúng sinh trong ba đường ác sẽ giảm bớt, còn chúng sinh ba đường lành sẽ thêm nhiều.

Tất cả chúng sinh thế gian đều về nương tựa với Phật, hướng về bồ đề giác đạo, Phật cứu hộ tất cả chúng sinh, cho nên Phật là cha đại từ bi của chúng con, còn chúng con đều là con bất hiếu của Phật.

Song, Phật rất thương xót lợi ích chúng con, nguyện độ chúng con sớm lên bờ giác. Chúng con các chư Thiên, đều vì đời trước đã từng làm công đức và việc lành, cho nên đời nầy mới may mắn được gặp Phật. Hiện nay chúng con nghe được pháp của Phật nói, đều do nhân duyên căn lành đời trước.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều bạch rằng : Cúi xin đức Thế Tôn thương xót tất cả, chuyển bánh xe pháp, độ thoát chúng sinh.

Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Đại Thánh chuyển pháp luân
Hiển bày các pháp tướng
Độ chúng sinh khổ não
Khiến được vui mừng lớn.
Chúng sinh nghe pháp nầy
Đắc đạo hoặc sinh thiên
Các đường ác giảm dần

Người khéo nhẫn thêm nhiều.

Lúc đó, hết thảy các vị Đại Phạm Thiên Vương, của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương đông nam, dùng kệ khen ngợi đức Phật rồi, bèn bạch Phật rằng : ''Hiện nay chúng con chỉ mong cầu Phật thương xót tất cả chúng sinh, vì chúng con chuyển bánh xe diệu pháp, dạy chúng con như thế nào để liễu sinh thoát tử, ly khổ đắc lạc.'' Khi đó, tất cả Đại Phạm Thiên Vương một lòng đồng cất tiếng nói ra bài kệ.

Hiện tại, chúng con thỉnh Đức Phật chuyển bánh xe pháp, để giáo hóa chúng sinh. Chỉ rõ cho chúng con thật tướng của tất cả pháp, để độ thoát chúng sinh khổ não, khiến cho họ đều được vui mừng lớn. Chúng sinh nghe được pháp của Phật nói, thì sẽ lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử, nếu hay tu đạo, thì có thể sinh về ba đường lành, còn chúng sinh đọa lạc trong ba đường ác sẽ giảm bớt, người hay tu nhẫn nhục, giữ năm giới tu thập thiện, thì ngày càng thêm nhiều.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời.

Lại nữa, các Tỳ Kheo ! Ở phương nam, có năm trăm vạn ức cõi nước, các vị Đại Phạm Vương, đều thấy ánh sáng chiếu sáng cung điện của mình, từ xưa chưa từng có

tướng điềm lành nầy, ai nấy đều vui mừng hớn hở, sinh tâm hy hữu, bèn cùng nhau tụ lại luận bàn việc nầy. Vì nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng nầy ?

Lúc đó, trong chúng có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Diệu Pháp, vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng.

Các cung điện chúng ta
Ánh sáng chiếu sáng rực
Đây là nhân duyên gì ?
Tướng nầy phải tìm cầu.
Trải qua trăm ngàn kiếp
Chưa từng thấy tướng nầy
Là trời đại đức sinh
Hay là Phật ra đời?

Lúc bấy giờ, Phật Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời. Phật bèn nói: ‘’Nầy các Tỳ Kheo ! Các Đại Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương nam, ai nấy đều nhìn thấy cung điện của mình ánh sáng chiếu soi, từ trước chưa từng thấy qua tướng điềm lành nầy, do đó họ đều vui mừng hớn hở, sinh tâm ít có, đều tụ tập lại cùng nhau thảo luận về việc nầy : Vì

nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng nầy ? Lúc đó, ở trong hội có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Diệu Pháp, vì chúng hội Đại Phạm Thiên Vương mà nói ra bài kệ.

Hiện nay cung điện của chúng ta ở, phát ra ánh sáng rất sáng rực, ánh sáng nầy chưa từng thấy qua, chắt chắn là có nhân duyên lớn, cho nên chúng ta phải đi tìm nhân duyên của tướng điềm lành nầy. Vì trong trăm ngàn kiếp quá khứ, chưa từng thấy qua tướng điềm lành nầy, đại khái là có bậc đức hạnh lớn, từ trên trời sinh xuống nhân gian, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời.

Bấy giờ, năm trăm vạn ức các vị Phạm Thiên Vương, đều mang theo cung điện của họ, và dùng túi y đựng đầy hoa trời, cùng nhau đi về phương bắc, tìm tướng ánh sáng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề. Chư thiên, Long vương, Càn thát bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân .v.v... thảy đều vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử đang thỉnh đức Phật chuyển bánh xe pháp.

Lúc bấy giờ, các vị Đại Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương nam, đều mang theo cung điện của họ, và y trời của họ, thảy đều đầy ắp hoa trời, thân thể đều phát ra đủ thứ hương thơm, đây là phước báu của họ, lần nầy họ cũng dùng túi y mang đầy đủ thứ hoa trời, cùng nhau đi về phương bắc, để tìm tướng ánh sáng đó, thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề, thành đạo mà phát ra vô lượng ánh sáng không thể nghĩ bàn nầy.

Lúc đó, tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn Thát Bà, (thần nhạc trời), Khẩn Na La (chim đại bàng cánh vàng), Ma Hầu La Già (đại mãng xà), người, chẳng phải người, hết thảy đều cung kính vây quanh Đức Phật.

Lại thấy mười sáu vị vương tử của Phật. Mười sáu vị vương tử nầy, đều đời đời kiếp kiếp phát nguyện làm con của Phật, hộ trì đạo tràng. Khi Phật thành đạo rồi, lại vì tất cả chúng sinh, thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp, đó đều là một thứ nhân duyên thù thắng.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương đảnh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, bèn dùng hoa trời rải lên trên đức Phật. Hoa rải nhiều như núi Tu Di, cùng để cúng dường cây bồ đề của Phật. Cúng dường hoa rồi, ai nấy đều đem cung điện

dâng lên cúng dường đức Phật đó, mà bạch Phật rằng : Cúi xin Phật thương xót, lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây, xin Phật hãy nhận ở. Khi đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương của năm trăm vạn ức cõi nước ở phương nam, thảy đều năm thể (đầu, hai tay, hai chân) sát đất, cung kính đảnh lễ Đức Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, lại dùng hoa trời mà họ mang đến rải lên Đức Phật, hoa rải nhiều như núi Tu Di, và họ còn cúng dường cây bồ đề của Phật. Cúng dường hoa rồi, họ lại dâng cung điện quý báu nhất của họ, để cúng dường đức Phật Đại Thông Trí Thắng, sau đó nói : ''Cúi xin đức Thế Tôn đại từ bi thương xót chúng con, tất cả chúng sinh, lợi ích cho chúng con, cung điện của chúng con dâng cúng đây, xin Đức Phật từ bi nhận lấy, thỉnh Đức Phật vào ở trong cung điện nầy.''

Lúc đó, tất cả Đại Phạm Thiên Vương đều ở trước Phật, một lòng đồng thanh dùng kệ, để khen ngợi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Thế Tôn rất khó gặp
Bậc phá các phiền não

Qua trăm ba mươi kiếp
Nay mới gặp một lần.
Các chúng sinh đói khác
Đều thấm nhuần mưa pháp
Xưa chưa từng gặp Phật
Bậc vô lượng trí huệ.
Như hoa ưu đàm bát
Hôm nay mới gặp được
Các cung điện chúng con
Nhờ ánh sáng nghiêm sức.
Thế Tôn đại từ mẫn
Cúi xin hãy nhận ở.

Trăm ngàn vạn kiếp rất khó gặp được Phật. Phật là bậc đại giác ngộ, đã phá trừ tất cả vô minh phiền não, tức cũng là bậc đại từ bi, hay phá tất cả phiền não của chúng sinh. Chúng con trải qua một trăm ba mươi đại kiếp đến nay, mới được gặp Phật, tất cả chúng sinh đói khác ở trong ba đường ác, đều được đượm nhuần mưa pháp của Phật, thuở xưa chưa từng gặp được Phật Pháp Tăng. Đức Thế Tôn là bậc vô lượng vô biên đại trí huệ, như hoa Ưu Đàm Bát chẳng dễ gì gặp được, mà chúng con nay gặp được Phật. Cung điện mà chúng con ưa thích đây, nay gặp được Phật, đều nguyện xả bỏ cung điện, nhờ quang minh

của Phật trang nghiêm cung điện chúng con, thỉnh cầu đức Thế Tôn phát tâm đại từ bi thương xót, xin hãy nhận cung điện nầy.

Bấy giờ, các vị Phạm Thiên Vương nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều bạch Phật rằng : Cúi xin đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, khiến cho tất cả thế gian chư Thiên, ma vương, Phạm Vương, Sa môn, Bà la môn, đều được an ổn mà được giải thoát.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương một lòng đồng thanh, nói bài kệ rằng.

Cúi xin Thiên Nhân Tôn
Chuyển pháp luân vô thượng
Đánh vang trống pháp lớn
Thổi lên ốc pháp lớn.
Rưới khắp mưa pháp lớn
Độ vô lượng chúng sinh
Chúng con đều thỉnh cầu
Nói tiếng pháp sâu xa.

Bấy giờ, tất cả các vị Đại Phạm Thiên Vương dùng kệ khen ngợi Phật rồi, họ khác miệng cùng tiếng nói:

‘’Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con, tất cả chúng sinh, chuyển bánh xe diệu pháp, khiến cho tất cả thế gian, các Thiên chúng, ma, Phạm vương, Sa môn, Bà La môn, đều được an ổn và khoái lạc, và được thoát khỏi khổ ba đường ác‘’.

Lúc đó, tất cả chúng Đại Phạm Thiên Vương, một lòng đồng thanh dùng kệ để khen ngợi Phật : Chúng con cúi xin Phật Thế Tôn, được trời người tôn kính, vì chúng con chuyển bánh xe diệu pháp vô thượng, đánh trống pháp lớn, thổi ốc pháp lớn. Như âm thanh nầy sẽ vang khắp tận hư không, thậm chí chư Thiên ở trên trời, đều nghe được pháp âm nầy rất rõ ràng. Mưa pháp vũ xuống khắp mọi nơi, chỉ có pháp vi diệu của Phật, mới độ thoát được vô lượng vô biên chúng sinh. Chúng con thảy đều một lòng quy y Phật, thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp, xin Phật hãy vì chúng con diễn nói pháp âm sâu xa nhất.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng nhận lời. Phương tây nam cho đến phương dưới, cũng lại như thế.

Bấy giờ, phương trên có năm trăm vạn ức cõi nước, các vị Đại Phạm Thiên Vương, đều tự thấy ánh sáng, chiếu sáng rực cung điện của mình, từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở, sinh tâm hy hữu, đều tụ lại

cùng nhau bàn về việc đó. Vì nhân duyên gì, mà cung điện của chúng ta có ánh sáng đó ?

Lúc đó, ở trong chúng có một vị Đại Phạm Thiên Vương, tên là Thi Khí, vì các chúng Đại Phạm Thiên, mà nói bài kệ rằng.

Nay bởi nhân duyên gì ?
Các cung điện chúng ta
Ánh sáng chiếu sáng rực
Trang nghiêm chưa từng có.
Diệu tướng lạ như thế
Xưa nay chưa nghe thấy
Là trời đại đức sinh
Hay là Phật ra đời ?

Bấy giờ, Phật Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời. Phương tây nam cho đến phương dưới cũng đều như thế. Lúc đó, phương trên có các vị Đại Phạm Thiên Vương, của năm trăm vạn ức cõi nước, đều thấy tướng ánh sáng chiếu sáng cung điện của họ, từ xưa chưa từng có, thấy rồi rất vui mừng hớn hở, sinh tâm ít có. Họ đều muốn biết nguyên do cảnh giới thù thắng nầy, do đó các vị Đại Phạm Thiên Vương cùng nhau tụ lại để thảo luận,

vì nhân duyên gì mà cung điện của họ đều có ánh sáng nầy ?

Lúc đó, ở trong hội đó có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Thi Khí, vì tất cả chúng Đại Phạm Thiên mà nói ra bài kệ.

Hiện nay, vì nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta, được ánh sáng chiếu rực rỡ trang nghiêm từ xưa chưa từng có. Tướng tốt vi diệu nầy, xưa nay chúng ta chưa từng thấy qua, đại khái chắt là vị đại đức ở trên trời sinh xuống nhân gian, hoặc là có vị Phật xuất hiện ra đời.

Khi đó, năm trăm vạn ức các vị Đại Phạm Thiên Vương, ai nấy đều mang theo cung điện của họ, và dùng túi y đựng đầy các hoa trời, cùng nhau đi về phương dưới, để tìm tướng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề. Chư thiên, Long vương, Càn thát bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân, thảy đều cung kính vây quanh đức Phật, và thấy mười sáu vị vương tử đang thỉnh đức Phật chuyển bánh xe pháp.

Bấy giờ, ở phương trên có năm trăm vạn ức Đại Phạm Thiên Vương, dùng kệ khen Đức Phật rồi, họ bèn

mang theo cung điện và dùng túi y đựng đầy đủ thứ hoa trời, cùng nhau đi về phương dưới để tìm nguyên nhân tướng nầy. Kết quả, họ thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai đang ngồi trên tòa sư tử, nơi Đạo tràng dưới cội bồ đề.

Hết thảy tất cả chư Thiên, Long Vương, Càn thát bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân, phi nhân, thảy đều cung kính vây quanh đức Phật. Lại thấy mười sáu người con của đức Phật Đại Thông Trí Thắng, đang thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh đức Phật trăm ngàn vòng, bèn dùng hoa trời rải lên trên đức Phật. Hoa rải nhiều như núi Tu Di, cũng dùng để cúng dường cây bồ đề của Phật, cúng dường hoa rồi, ai nấy đều đem cung điện dâng cúng dường đức Phật đó, mà bạch rằng : Cúi xin đức Phật thương xót lợi ích chúng con, cung điện dâng cúng đây xin đức Phật hãy nhận ở.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương ở trước đức Phật, một lòng đồng thanh nói bài kệ rằng.

Bấy giờ, tất cả các vị Đại Phạm Thiên Vương đều đảnh lễ Đức Phật, lại nhiễu quanh Đức Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời rải lên trên Đức Phật, hoa rải cúng Phật vô lượng vô biên nhiều như núi Tu Di, chẳng những họ dùng hoa để cúng dường Phật, mà họ còn cúng dường cây Bồ đề của Phật.

Dùng hoa cúng dường xong rồi, ai nấy đều đem cung điện quý báu nhất của họ, dâng lên cúng dường đức Phật Đại Thông Trí Thắng mà bạch rằng: ''Chúng con một lòng xin Phật thương xót chúng con, lợi ích chúng con, chúng con nguyện làm công đức trồng phước ở trước Tam Bảo, xin Đức Phật hãy nhận cung điện nầy để ở.''

Lúc đó, các vị Đại Phạm Thiên Vương ở trước Phật một lòng đồng thanh dùng kệ, để khen ngợi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Lành thay gặp được Phật
Đấng Thánh Tôn cứu đời
Thường ở ngục tam giới
Độ thoát các chúng sinh.
Thiên Nhân Tôn trí khắp
Thương xót loài quần mê
Khai mở cửa cam lồ
Rộng độ hết tất cả.

Thuở xưa vô lượng kiếp
Trải qua chẳng có Phật
Khi Phật chưa ra đời
Mười phương thường đen tối.
Ba đường ác thêm nhiều
A tu la cũng thịnh
Chúng chư thiên bớt đi
Chết nhiều đọa đường ác.
Chẳng theo Phật nghe pháp
Thường làm những việc ác.

Chúng con cảm thấy may mắn muôn phần, được gặp Phật. Phật là đấng Thánh Tôn cứu vớt chúng sinh khổ ở thế gian, hay khiến tất cả chúng sinh thoát ra khởi dục giới, sắc giới, và vô sắc giới, ba cõi ngục tù liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui. Phật cũng là bậc Đạo Sư đầy đủ đại trí huệ, từ bi, khắp hết thảy trời người, thương xót tất cả chúng sinh hữu tình vô tình, phát tâm đại từ bi, khai mở pháp môn cam lồ, khiến cho tất cả chúng sinh được nghe pháp yếu mà bỏ mê về giác.

Phật là từ bi bình đẳng, cho nên rộng độ vô lượng Hằng hà sa số tất cả chúng sinh. Thuở xưa trải qua vô lượng vô biên đại kiếp, chưa từng có Phật xuất hiện ra đời.

Lúc đó, mười phương thế giới đều một màng tối u ám chẳng có ánh sáng, chúng sinh đọa lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh càng ngày càng nhiều, và đường A tu la cũng rất hưng thịnh, vì chúng sinh chỉ biết tạo nghiệp, chẳng làm mười điều lành, chỉ làm mười điều ác, cho nên chúng chư thiên càng ngày càng giảm bớt. Do đó, đủ thấy đa số chúng sinh chết rồi, đều đọa vào ba đường ác.

Vì tất cả chúng sinh chưa từng thấy Phật, chưa từng nghe pháp, cho nên cũng chẳng biết tu hành như thế nào, chẳng biết giữ giới luật, rộng tu pháp lành, chỉ biết nhận giặc làm con, nhận đen làm trắng, tạo ra nhiều nghiệp ác, thì tự nhiên trồng xuống nhiều nhân ác.

Sắc lực và trí huệ
Thảy đều giảm bớt dần
Vì tội nghiệp nhân duyên
Mất vui cùng tưởng vui.
Trụ trong pháp tà kiến
Chẳng biết nghi tắc lành
Chẳng nhờ Phật hóa độ
Thường đọa trong đường ác.
Phật là mắt thế gian
Lâu xa mới xuất hiện
Thương xót các chúng sinh

Nên mới hiện ra đời.
Vượt khỏi thành chánh giác
Chúng con rất sung sướng
Và các chúng sinh khác
Vui mừng chưa từng có.
Các cung điện chúng con
Nhờ ánh sáng trang nghiêm
Nay đem dâng Thế Tôn
Xin hãy thương nhận ở.
Nguyện đem công đức nầy
Hồi hướng khắp tất cả
Chúng con và chúng sinh
Đều cùng thành Phật đạo.

Do đó, chúng con thể suy lực yếu, trí huệ cũng ngày càng giảm bớt, đó đều do nhân duyên tạo ra quá nhiều tội ác. Tự tính vốn an lạc cũng mất đi, lạc vào tà tri tà kiến, chẳng biết thiện tri thức, chẳng được Phật giáo hóa, đời đời kiếp kiếp đều luân hồi ở trong ba đường ác. Phật là thiện tri thức mắt sáng của chúng ta, lâu xa nhiều kiếp mới xuất hiện ra đời. Phật vì thương xót tất cả chúng sinh mà xuất hiện ra đời, tu đạo được thành chánh giác. Chúng con và tất cả chúng sinh đều rất sung sướng, từ xưa chưa từng vui mừng và khen ngợi như thế. Cung điện của

chúng con, nhờ ánh sáng của Phật chiếu sáng trang nghiêm hơn so với lúc trước, cho nên hiện nay chúng con xin dâng lên cúng dường Đức Phật, xin Phật từ bi nhận sự cúng dường nầy của chúng con, và phát nguyện đem công đức nầy, hồi hướng khắp tất cả pháp giới chúng sinh, nguyện chúng con và tất cả chúng sinh, đều cùng thành Phật đạo.

Khi đó, năm trăm vạn ức các vị Phạm Thiên nói kệ khen đức Phật rồi, ai nấy đều bạch Phật rằng : Cúi xin đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, được nhiều sự an ổn, được nhiều sự độ thoát.

Lúc đó, các vị Phạm Thiên Vương bèn nói bài kệ rằng.

Thế Tôn chuyển pháp luân
Đánh trống pháp cam lồ
Độ chúng sinh khổ não
Mở bày đường Niết Bàn.
Cúi xin nhận con thỉnh
Dùng âm thanh vi diệu
Thương xót mà diễn nói
Pháp tu vô lượng kiếp.

Lúc đó, năm trăm vạn ức các vị Phạm Thiên Vương, dùng kệ khen ngợi Phật rồi, cùng nhau bạch Phật rằng : ''Cúi xin đức Thế Tôn, hãy vì chúng con chuyển bánh xe pháp, khiến cho chúng con được an ổn và giải thoát''.

Lúc ấy, tất cả Đại Phạm Thiên Vương dùng kệ để khen ngợi Đức Phật.

Chúng con và tất cả chúng sinh, đều thỉnh cầu Đức Phật chuyển bánh xe diệu pháp, như đánh lên trống pháp cam lồ, để độ thoát tất cả chúng sinh trong ba đường ác, mở bày cho chúng con con đường tu thành Phật không sinh không diệt. Cúi xin đức Thế Tôn hãy nhận lời thỉnh cầu của chúng con, dùng âm thanh vi diệu không thể nghĩ bàn của Ngài, vì chúng con thuyết pháp, và thỉnh cầu đức Thế Tôn thương xót chúng con, mà diễn nói pháp môn tu thành Phật đạo của Phật, tích tập trí huệ tư lương từ vô lượng kiếp đến nay.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, nhận lời thỉnh cầu của các vị Phạm Thiên Vương trong mười phương, và mười sáu vị vương tử, lập tức ba lần chuyển bánh xe pháp mười hai hành. Dù Sa môn, Bà la môn, hoặc chư Thiên, ma vương, Phạm vương, và các thế gian khác, không thể chuyển được.

Đây là khổ, là khổ tập, là khổ diệt, là khổ diệt đạo, và pháp độ thoát mười hai nhân duyên : Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ưu bi khổ não. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tữ ưu bi khổ não diệt.

Lúc đó, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, nhận lời thỉnh cầu của mười phương năm trăm vạn ức các vị Đại Phạm Thiên Vương, và mười sáu vị vương tử, lập tức trước hết nói về pháp Tứ Diệu Đế, vì Tứ Diệu Đế mỗi đế chuyển ba lần, cộng lại thành mười hai lần, nên gọi là ba lần chuyển bánh xe pháp tứ đế mười hai hành.

Chuyển làn thứ nhất gọi là thị chuyển, tức là nói với chúng ta :

- Đây là khổ, tính bức bách.
- Đây là tập, tính chiêu cảm.
- Đây là diệt, tính khả chứng.
- Đây là đạo, tính khả tu.

Chuyển lần thứ hai gọi là khuyến chuyển, tức là khuyên chúng ta :

- Đây là khổ, ông nên biết.
- Đây là tập, ông nên đoạn.
- Đây là diệt, ông nên chứng.
- Đây là đạo, ông nên tu.

Chuyển lần thứ ba gọi là chứng chuyển :

- Đây là khổ, ta đã biết.
- Đây là tập, ta đã đoạn.
- Đây là diệt, ta đã chứng.
- Đây là đạo, ta đã tu.

Bất cứ là Sa Môn, Bà la môn, chư Thiên, ma vương, Đại Phạm Thiên Vương, thậm chí tất cả thiên ma ngoại đạo, đều không thể chuyển được bánh xe pháp Tứ Diệu Đế, chỉ có Phật mới có phương tiện nầy, pháp được nói ra tức là : Khổ, tập, diệt, đạo. Bốn pháp nầy lại có khổ pháp nhẫn, khổ pháp tập, tập pháp nhẫn, tập pháp tập, diệt pháp nhẫn, diệt pháp tập, đạo pháp nhẫn, đạo pháp diệt, cho nên gọi là bát nhẫn pháp tập.

Phật lại rộng nói mười hai nhân duyên, tức là:

■ Vô minh duyên hành

- Hành duyên thức
- Thức duyên danh sắc
- Danh sắc duyên lục nhập
- Lục nhập duyên xúc
- Xúc duyên thọ
- Thọ duyên ái
- Ái duyên thủ
- Thủ duyên hữu
- Hữu duyên sinh
- Sinh duyên lão tử ưu bi khổ não.

Chúng sinh đều thuận theo dòng nầy mà sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh. Vẫn có cửa diệt:

- Vô minh diệt thì hành diệt
- Hành diệt thì thức diệt
- Thức diệt thì danh sắc diệt
- Danh sắc diệt thì lục nhập diệt
- Lục nhập diệt thì xúc diệt
- Xúc diệt thì thọ diệt
- Thọ diệt thì ái diệt
- Ái diệt thì thủ diệt
- Thủ diệt thì hữu diệt
- Hữu diệt thì sinh diệt
- Sinh diệt thì chẳng có già chết, lo sầu khổ đau cũng diệt.

Pháp của hàng Thanh Văn tu, là pháp Tứ Diệu Đế, pháp của hàng Duyên Giác tu, là pháp mười hai nhân duyên.

Khi đức Phật ở trong đại chúng trời người nói pháp đó, thì có sáu trăm vạn ức Na do tha người, vì chẳng thọ tất cả các pháp, nên ở nơi các lậu, tâm được giải thoát, đều được thiền định thâm sâu vi diệu, ba minh sáu thông, đủ tám giải thoát.

Khi nói pháp lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, thì có ngàn vạn ức Hằng hà sa Na do tha chúng sinh, cũng vì chẳng thọ tất cả các pháp, nên ở nơi các lậu, tâm được giải thoát. Từ đó về sau, các chúng Thanh Văn vô lượng vô biên không thể tính đếm.

Đức Phật vì năm trăm vạn ức chư thiên, các vị Đại Phạm Thiên Vương, và trăm ngàn vạn ức bất khả tư nghì Hằng hà sa số chúng sinh nói pháp Tứ Diệu Đế, và pháp mười hai nhân duyên, thì có sáu trăm vạn ức Na do tha người, đều đã xả bỏ tất cả pháp ác, nên đắc được tất cả pháp lành vô lậu.

Lậu là gì ? Chín lỗ trong thân thể chúng ta, thường thải ra vật dơ dáy cũng thuộc về lậu, như dưới đáy ly có lủng lỗ thì không thể chứa đầy nước được. Tất cả chúng sinh đều có tám vạn bốn ngàn các lậu, lậu lớn nhất là tham sân si mạn nghi. Có đủ thứ lậu nầy, thì sinh ra phiền não, có phiền não thì sinh ra vô minh, có vô minh thì chẳng có trí huệ. Nếu ai trừ khử sạch vô minh thì trí huệ Bát nhã sẽ hiện tiền, nếu ai đoạn sạch phiền não, thì biến phiền não thành Bồ đề.

Lúc đó, thân tâm đều được giải thoát, gọi là được lậu tận (sạch lậu). Do sạch hết lậu mà chứng được thiền định nầy, chẳng phải do từ bên ngoài đến, phải do tự tính tự nhập, tự tính tự độ, tự tu tự liễu, cho nên chẳng cần truy cầu bên ngoài. Bổn địa phong quang của chúng ta, trí huệ vốn có, đều ở trong tự tính của mỗi người, do đó thiền định tức là đắc được sự tĩnh lự, tiếng Phạn gọi là thiền na, dịch là "tư duy tu", ai đắc được thiền định, thì sẽ đắc được ba minh : Thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh (tất cả tập khí mao bệnh đều chẳng còn nữa, cho nên đoạn tận ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh).

Bấy giờ, mười sáu vị vương tử, đều là đồng tử xuất gia làm Sa di, các căn lanh lợi, trí huệ sáng suốt, đã từng cúng dường trăm ngàn vạn ức các đức Phật, tu phạm hạnh

thanh tịnh, cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc đó, mười sáu vị vương tử, đều còn là đồng tử mà xuất gia làm Sa di. Sáu căn của các Ngài đều lanh lợi, trí huệ rất sáng suốt, ở trong quá khứ đã từng cúng dường trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, đều tu phạm hạnh thanh tịnh, một lòng cầu quả vị vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đều bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vô lượng ngàn vạn ức các đại đức Thanh Văn đó, đều đã thành tựu, đức Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chúng con nghe rồi đều cùng tu học.

Đức Thế Tôn ! Chúng con chí nguyện đắc được tri kiến của Như Lai, trong thâm tâm nghĩ gì, đức Phật tự chứng biết. Lúc đó, tám vạn ức người trong chúng của vua Chuyển luân thánh vương dẫn đến, thấy mười sáu vị vương tử xuất gia, cũng xin xuất gia, vua bèn chấp nhận.

Mười sáu vị Sa di đó, tức là mười sáu người con của đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đều cùng nhau theo Phật xuất gia tu đạo. Các Ngài và năm trăm vạn ức Đại Phạm Thiên Vương và trăm ngàn vạn ức trời người hết thảy đại chúng đồng thanh nói : ''Đức Thế Tôn ! Hiện tại, có vô lượng ngàn vạn ức chúng đại Thanh Văn ở trong đạo tràng nầy, ở trong quá khứ các Ngài đều đã từng làm rất nhiều công đức và việc lành, cho nên đầy đủ vô lượng phước đức. Song, hiện tại còn sinh tâm hoài nghi, mình đã chứng được quả vị Niết Bàn chưa ? Đức Thế Tôn ! Ngài hãy vì chúng con, tất cả hàng Thanh Văn nói pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật, để chúng con cũng cùng nhau hướng về đại đạo Niết bàn. Chúng con nghe pháp của Phật nói rồi, sẽ cùng nhau y theo pháp tu hành.

Đức Thế Tôn ! Hết thảy hàng Thanh Văn chúng con, có một chí nguyện là nguyện được chánh tri chánh kiến của Phật. Phật sớm đã biết, cho nên mong rằng Phật phát tâm đại từ bi thương xót chúng con, tất cả chúng sinh, mà nói pháp vi diệu vô thượng nầy.''

Lúc đó, tám vạn ức người do vua Chuyển Luân Thánh Vương (cha của Phật Đại Thông Trí Thắng) thống lãnh đến chỗ Đức Phật, thấy mười sáu vị vương tử phát tâm xả bỏ đất nước của cải, để xuất gia tu đạo cũng phát tâm muốn xuất gia tu đạo.

Lúc đó, vua Chuyển Luân Thánh Vương cũng rất vui mừng đáp ứng yêu cầu của họ. Vua Chuyển Luân

Thánh Vương thấy họ thành tâm tu đạo, cũng phát tâm làm hộ pháp cho họ, cúng dường cho họ, nào là các đồ ăn uống, quần áo, thuốc thang, mền chiếu .v.v.

Bấy giờ ! Đức Phật đó nhận lời thỉnh cầu của các vị Sa di, trải qua hai vạn kiếp sau, mới ở trong bốn chúng nói Kinh Đại Thừa nầy, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm. nói kinh nầy rồi, mười sáu vị Sa di đều vì quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà cùng nhau thọ trì đọc tụng thông thuộc.

Lúc đó, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, thọ nhận lời thỉnh pháp của mười sáu vị Sa di, trải qua hai vạn kiếp sau, Ngài mới ở trước bốn chúng : Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni, nói bộ kinh đại thừa nầy tên là Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp nầy giáo hoá Bồ Tát tu học pháp đại thừa, được Phật hộ niệm. Khi Phật nói ra bộ kinh nầy rồi, thì mười sáu vị Sa di lập tức tu đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các Ngài đều một lòng thọ trì Kinh Pháp Hoa, và còn đọc tụng thuộc làu thông suốt, vì người giảng nói.

Lúc nói kinh đó, thì mười sáu vị Bồ Tát Sa di đều tin nhận thọ trì, trong chúng hàng Thanh Văn cũng có người tin hiểu. Ngoài ra, ngàn vạn ức loại chúng sinh đều sinh tâm nghi hoặc.

Đức Phật nói kinh đó, suốt tám ngàn kiếp chưa từng ngừng nghỉ, nói kinh đó rồi, bèn vào tịnh thất, trụ trong thiền định tám vạn bốn ngàn kiếp.

Lúc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì mười sáu vị Sa di đều vui mừng tin nhận thọ trì. Ở trong chúng hàng Thanh Văn, có những người nghe được pháp của Phật nói, đều khoát nhiên đại ngộ, song cũng có ngàn vạn ức loại chúng sinh tâm còn nghi hoặc.

Phật Đại Thông Trí Thắng nói bộ kinh nầy, trải qua tám ngàn đại kiếp thời gian lâu dài như thế, mà chưa từng ngừng nghỉ. Chắc chắn một số người sẽ nghĩ : Tại sao Phật Đại Thông Trí Thắng, phải trải qua tám ngàn kiếp mới nói xong Kinh Pháp Hoa nầy, mà Phật Thích Ca Mâu Ni bất quá chỉ tốn tám năm, thì nói xong bộ Kinh Pháp Hoa nầy ? Đây bất quá chỉ là tri kiến của chúng sinh, phân biệt ra thời gian dài ngắn. Trên thật tế, thì Bồ Tát vì hay dùng sức trí huệ, cho nên nhỏ làm lớn được, lớn làm

nhỏ được, dùng ngàn vạn kiếp làm một ngày, và dùng một ngày làm vô lượng kiếp, hà huống là Phật ? Vốn chẳng có dài cũng chẳng có ngắn, hay dài cũng hay ngắn, mà là chúng sinh dùng tâm thức để phân biệt tất cả các pháp. Cho nên nói, Phật Đại Thông Trí Thắng và Phật Thích Ca Mâu Ni đồng nói một bộ Kinh Pháp Hoa.

Khi Phật Đại Thông Trí Thắng nói xong bộ kinh nầy, thì Ngài vào thiền định, trụ ở trong thiền định tám vạn bốn ngàn đại kiếp.

Lúc đó, mười sáu vị Bồ Tát Sa di, biết đức Phật nhập thất vắng lặng ở trong thiền định, ai nấy đều lên pháp tòa, cũng trải qua tám vạn bốn ngàn kiếp, vì bốn chúng rộng nói phân biệt Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Mỗi vị đều độ sáu trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa chúng sinh, mở bày giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ được lợi ích và vui mừng phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc đó, mười sáu vị Bồ Tát Sa Di biết Phật đã nhập cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh, mới phát tâm vì Phật hoằng dương bộ Kinh Pháp Hoa nầy, bắt đầu đăng lên pháp tòa diễn nói kinh nầy. Các Ngài trải

qua tám vạn bốn ngàn kiếp, vì hết thảy hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, phân biệt rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, độ thoát sáu trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa chúng sinh, mở bày giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ được lợi ích vui mừng, phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua tám vạn bốn ngàn kiếp, rồi từ tam muội dậy, đi đến pháp tòa, ngồi ngay thẳng bảo khắp đại chúng : Mười sáu vị Bồ Tát Sa di nầy, rất là hy hữu, các căn lanh lợi, trí huệ sáng suốt, đã từng cúng dường vô lượng ngàn vạn ức các đức Phật. Ở chỗ chư Phật thường tu phạm hạnh, thọ trí huệ của Phật, mở bày cho chúng sinh, cũng khiến cho họ được như thế.

Trải qua tám vạn bốn ngàn kiếp sau, Phật Đại Thông Trí Thắng từ tam muội xuất định, đi đến pháp tòa của Ngài ngồi ngay thẳng, bảo các đại chúng: ‘’Mười sáu vị Bồ Tát Sa di nầy, rất là hy hữu, sáu căn đều dụng với nhau, sáng suốt thông đạt tất cả các pháp, ở trong quá khứ, đã từng cúng dường vô lượng ngàn vạn ức các Đức Phật, trồng gốc công đức. Ở tại đạo tràng của mỗi vị Phật, thường tu tập phạm hạnh thanh tịnh, thường thọ trì trí huệ

của chư Phật, nguyện mở bày giáo hóa tất cả chúng sinh, cùng đắc được trí huệ quang minh viên dung vô ngại.''

Các ông đều phải gần gũi cúng dường các vị ấy. Tại sao ? Vì nếu hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, và các Bồ Tát đó, tin kinh pháp của mười sáu vị Bồ Tát nầy nói, thọ trì chẳng sinh tâm hủy báng, thì người đó, sẽ được trí huệ Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai.

Phật bảo đại chúng: ''Sở dĩ các ông nên thường gần gũi cúng dường mười sáu vị Bồ Tát Sa Di, là vì, nếu như có hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, hoặc các đại Bồ Tát, tin thọ pháp của mười sáu vị Bồ Tát Sa di nầy nói, y theo pháp tu hành, chẳng sinh tâm hủy báng, thì những người như thế, đều sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khai mở đại trí huệ của Phật.''

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo : Mười sáu vị Bồ Tát nầy, thường ưa thích diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. Mỗi vị Bồ Tát, giáo hóa sáu trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa chúng sinh. Đời đời sinh ra đều gặp các vị Bồ Tát nầy, theo các Ngài nghe pháp, thảy

đều tin hiểu. Nhờ nhân duyên đó, được gặp bốn vạn ức các đức Phật Thế Tôn, đến nay vẫn chưa hết.

Phật lại bảo các chúng Tỳ Kheo: ''Mười sáu vị Bồ Tát Sa Di nầy, rất thích nói Kinh Pháp Hoa nầy, các Ngài mỗi vị đều giáo hóa sáu trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều phát hoằng nguyện, đời đời kiếp kiếp muốn theo các Ngài tu đạo, và đích thân nghe Phật vì họ giải nói bộ kinh nầy, nhờ nhân duyên đó, mà được gặp bốn vạn ức các Đức Phật Thế Tôn đồng tu một chỗ.

Như hôm nay các Ngài còn dùng diệu pháp đại thừa lợi ích chúng sinh, viên mãn thệ nguyện của các Ngài.''

Các Tỳ Kheo ! Nay ta nói với các ông : Mười sáu vị Sa di đệ tử của đức Phật đó, đều đã được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiện đang nói pháp ở trong cõi nước mười phương. Có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng Bồ Tát, và Thanh Văn làm quyến thuộc.

Hai vị làm Phật ở phương đông, vị thứ nhất hiệu là A Súc, ở nước Hoan Hỉ. Vị thứ hai hiệu là Tu Di Đỉnh. Hai vị Phật ở phương đông nam, một vị hiệu là Sư Tử Âm, vị thứ hai hiệu là Sư Tử Tướng.

Này các Tỳ Kheo ! Nay tôi phải nói với các vị, mười sáu vị Sa di của Phật Đại Thông Trí Thắng, sớm đã chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện nay đều đang thuyết pháp ở trong cõi nước mười phương, có vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ Tát và Thanh Văn làm quyến thuộc của các Ngài. Có hai vị Sa Di thành Phật, ở phương đông, vị thứ nhất hiệu là A Súc. A Súc là tiếng Phạn, dịch là "Bất động tôn", tức là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Đức Phật nầy thành tựu Phật đạo ở nước Hoan Hỉ. Vị Sa Di thứ hai hiệu là Tu Di Đỉnh. Lại có hai vị Sa Di thành Phật ở phương đông nam, vị thứ nhất hiệu là Sư Tử Âm Phật, vị thứ hai hiệu là Sư Tử Tướng Phật.

Hai vị Phật ở phương nam, vị thứ nhất hiệu là Hư Không Trụ, vị thứ hai hiệu là Thường Diệt. Hai vị Phật ở phương tây nam, vị thứ nhất hiệu là Đế Tướng, vị thứ hai hiệu là Phạm Tướng. Hai vị Phật ở phương tây, vị thứ nhất hiệu là A Di Đà, vị thứ hai hiệu là

Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não. Hai vị Phật ở phương tây bắc, vị thứ nhất hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông, vị thứ hai hiệu là Tu Di Tướng. Hai vị Phật ở phương bắc, vị thứ nhất hiệu là Vân Tự Tại, vị thứ hai hiệu là Vân Tự Tại Vương. Vị Phật ở phương đông bắc hiệu là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bố Úy, vị Phật thứ mười sáu chính là ta Thích Ca Mâu Ni Phật, ở cõi Ta Bà, thành quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hai vị Sa Di thành Phật ở phương nam, một vị hiệu là Hư Không Trụ, một vị hiệu là Thường Diệt. Hai vị thành Phật ở phương tây nam, một vị hiệu là Đế Tướng Phật, một vị hiệu là Phạm Tướng Phật. Phương tây cũng có hai vị Phật, một vị hiệu là A Di Đà Phật. A Di Đà là tiếng Phạn, dịch là "Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang", tức là trí huệ và phước đức của Ngài vô lượng vô biên, một vị hiệu là Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não Phật. Lại có hai vị Sa Di thành Phật ở phương tây bắc, một vị hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông. Đa Ma La Bạt là tiếng Phạn, dịch là "Tính vô cấu hiền", tức là ví dụ Ngài như một vị Thánh Hiền tự tính chẳng có trần cấu.

Chiên đàn hương là một thứ hương, một vị hiệu là Tu Di Tướng Phật. Hai vị Sa Di thành Phật ở phương bắc, một vị hiệu là Vân Tự Tại Phật, một vị hiệu là Vân Tự Tại Vương Phật. Vị Phật ở phương đông bắc hiệu là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bố Úy Phật. Vị Sa Da Di thứ mười sáu, tức là ta Thích Ca Mâu Ni Phật, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở cõi Ta Bà.

Các Tỳ Kheo ! Lúc chúng ta làm Sa di, thì mỗi người giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa chúng sinh, theo ta nghe pháp, vì đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Những chúng sinh đó, nay có người trụ ở bậc Thanh Văn. Ta thường giáo hóa đạo Vô thượng chánh giác, những người đó nhờ pháp nầy, mà dần dần vào Phật đạo. Tại sao ? Vì trí huệ của Như Lai khó tin khó hiểu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói với các Tỳ Kheo, khi chúng ta làm Sa Di, thì mỗi người đã giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa số chúng sinh. Những chúng sinh đó, theo chúng ta nghe pháp, bèn hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Theo

căn tính khác nhau của họ, hoặc chậm hoặc mau, song sẽ đều đạt đến đại giác viên mãn cứu kính.

Những chúng sinh đó, trong đó có những vị đã trụ ở bậc Thanh Văn, ta cũng thường giáo hóa họ hướng về quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khiến cho họ dần dần đều vào Phật đạo.

Tại sao ? Vì trí huệ của Như Lai khó tin khó hiểu. Khó tin nên chẳng dễ gì tu, khó hiểu nên chẳng dễ gì chứng quả.

Vô lượng Hằng hà sa chúng sinh được giáo hóa thuở đó, tức là hàng Tỳ Kheo các ông. Sau khi ta diệt độ rồi, ở đời vị lai hàng đệ tử Thanh Văn cũng vậy. Ta diệt độ rồi, lại có đệ tử chẳng nghe kinh nầy, chẳng biết chẳng hay sở hành của Bồ Tát, tự ở nơi công đức của mình được, tưởng là diệt độ sẽ vào Niết bàn.

Ta thành Phật ở nước khác, bèn có tên khác, người đó tuy tưởng là diệt độ vào Niết Bàn, mà ở cõi kia cầu trí huệ của Phật được nghe kinh nầy, chỉ dùng Phật thừa mà được

diệt độ, chẳng có thừa nào khác, trừ khi các đức Như Lai phương tiện thuyết pháp.

Chúng ta giáo hóa vô lượng chúng sinh như số cát sông Hằng thuở đó, tức là hàng Tỳ Kheo các ông, sau khi ta diệt độ rồi, hàng Tỳ Kheo Thanh Văn ở đời vị lai cũng sẽ chứng được quả A La Hán.

Phật pháp đều nói về nhân quả, nếu chẳng có nhân, thì chẳng có quả. Trước khi Đức Phật Thích Ca chưa thành Phật, đã giáo hóa vô lượng chúng sinh. Mỗi lần ra đời, thì hiện thân Tỳ Kheo đi khắp nơi hoàng dương Phật pháp, giảng kinh thuyết pháp, khiến cho những chúng sinh đó tín ngưỡng, họ cảm thấy Phật còn thân thiết hơn cha mẹ của họ, bèn phát nguyện thường theo vị ''pháp thân cha mẹ'' nầy.

Đức Phật Thích Ca dùng tâm đại từ bi bình đẳng, nhiếp thọ chúng sinh, pháp duyên của Ngài ngày càng tăng rộng, quả vị ngày càng cao lớn, cho nên cuối cùng hôm nay công thành đức tựu, thành Phật đạo, đệ tử của Ngài với Ngài túc duyên rất sâu. Họ đời đời kiếp kiếp đều theo Phật chuyển pháp luân, ủng hộ Phật pháp. Khi Phật thành Phật, thì đệ tử của Ngài đều đến ủng hộ.

Vạn sự vạn vật đều nhờ duyên mới sinh. Cho nên trong Phật giáo có câu rằng :

''Chư pháp tùng duyên khởi,
Chư pháp tùng duyên diệt,

Ngã Phật đại sa môn,
Thường tác như thị thuyết‘’.

Nghĩa là :

‘’Các pháp do duyên sinh,
Các pháp do duyên diệt,
Phật của ta là Sa môn,
Thường hay nói như thế‘’.

Đức Phật tiếp tục nói : Sau khi ta diệt độ, vẫn có đệ tử chẳng nghe bộ Kinh Pháp Hoa nầy, vì họ thích tiểu thừa, cho nên đối với pháp đại thừa Bồ Tát, họ chẳng biết chẳng hay. Song, do công đức của họ làm được, hoặc công đức do sự ngồi thiền họ tưởng là được diệt độ sẽ vào Niết Bàn, hoặc họ sẽ chứng được quả vị quyền xảo phương tiện, tức hữu dư Niết Bàn, mà cho rằng đây là giải thoát cứu kính.

Khi ta ở nước khác thành Phật, thì có danh hiệu khác. Những hàng Thanh Văn nầy, tuy nghĩ là diệt độ, cho rằng mình đã nhập Niết Bàn (cảnh giới không sinh không diệt), mà ở cõi kia cầu trí huệ của Phật, được nghe kinh nầy.

Song, nhờ họ ở cõi nước kia cầu trí huệ của Phật, cũng nghe được bộ kinh nầy. Chỉ dùng một Phật thừa mà được diệt độ, chứ chẳng có thừa nào khác, chỉ một Phật thừa mới là chân chánh Niết bàn, mà chẳng phải hàng Thanh Văn rơi vào một bên lý không, trừ khi các Đức Như Lai phương tiện thuyết pháp, có khi Phật cũng dùng

pháp môn phương tiện để giác ngộ chúng sinh, song quy về nguồn gốc vẫn chỉ là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác.

Các Tỳ Kheo ! Nếu đức Như Lai tự biết giờ Niết Bàn sắp đến, đại chúng lại thanh tịnh, tâm tin hiểu vững chắc, thông đạt pháp không, vào sâu thiền định, bèn tụ tập các chúng Bồ Tát, và Thanh Văn để nói kinh nầy, thế gian chẳng có hai thừa mà được diệt độ, chỉ một Phật thừa được diệt độ thôi.

Các vị Tỳ Kheo ! Giả sử Phật biết mình sắp vào Niết Bàn, hết thảy đại chúng đều được thanh tịnh, tâm tin hiểu vững chắc, thông đạt tất cả các pháp không tướng, vào thiền định thâm sâu, bèn chiêu tập tất cả Bồ Tát và hàng Thanh Văn, để Phật nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Vì trên thế gian hết thảy ai muốn tu Phật thừa, thì không thể dùng pháp nhị thừa tu mà được diệt độ.

Diệt độ của hàng nhị thừa chẳng phải chân chánh diệt độ, chỉ có tu Phật thừa mới thật sự được diệt độ của Phật và quả vị.

Các Tỳ Kheo nên biết ! Đức Như Lai phương tiện sâu vào tánh của chúng sanh,

biết chí của họ thích pháp nhỏ, chấp sâu năm dục, vì những người đó nói Niết Bàn, nếu họ nghe thì liền tin nhận thọ trì.

Phật lại nói : ''Hết thảy hàng Tỳ Kheo các ông hãy triệt để hiểu rõ, pháp của Như Lai nói là pháp quyền xảo phương tiện, vì căn tính của tất cả chúng sinh chẳng giống nhau, có kẻ lợi căn, có kẻ độn căn. Nếu một khi bắt đầu thuyết pháp chân thật đối với người độn căn, thì họ chẳng thể nào tiếp thọ và tin được, cho nên ta dùng pháp môn phương tiện để giáo hóa họ.

Vì pháp môn phương tiện của Phật, vốn hợp với tất cả chúng sinh mà làm một, cho nên tất cả chúng sinh có cơ duyên phương tiện nầy, tâm chí của họ chỉ biết phương pháp và đạo lý nhỏ nhỏ, nếu nói về đạo lý vũ trụ thâm áo cho họ nghe, thì họ chẳng hiểu.

Hàng nhị thừa thường đều chấp trước vào cảnh giới năm dục: Tài, sắc, danh, thực, thùy.

1. Tiền tài mua sắm được mọi vật, cho nên ai ai cũng đều buông xả chẳng đặng tiền tài. Nếu coi tiền tài như rắn độc, thì chẳng tham cầu nó, con người không nên vì tiền tài mà phát sinh đấu tranh. Có một bài kệ hình dung về tiền rất là hay :

''Nhị qua tranh kim sát khí cao,
Nhân nhân nhân tha phạm lao thao.
Nhược hội dụng giả xuất tam giới,

Bất hội dụng giả nghiệt nan đào‘’.

Chữ tiền (钱) có hai cái mác (戈), giống như hai người cầm mác giành giựt vàng, lại có thể nói hai người động thủ bằng mác tranh vàng. Tiền có thể đưa đến cho con người rất nhiều phiền não, thế mà một số người vẫn coi tiền như mạng sống, tham chẳng biết chán, nếu người biết dùng tiền, thì có thể vượt khỏi ba cõi, người chẳng biết dung, thì tạo ra rất nhiều tội nghiệp.

2. Sắc dục, tức là sắc đẹp.

3. Danh dục : Tức là tham danh, tham tiếng tốt, thích người khác ca tụng, nếu bị người hủy nhục, thì như trăm cây kim đâm vào tim, coi danh vọng trọng hơn bất cứ những gì.

4 Thực dục : Thích ăn vật ngon. Nhất là người tu đạo không coi trọng vật ăn, nên coi vật ăn như thuốc hay, để duy trì thân thể nầy khỏi bị khô gầy mà tu đạo nghiệp.

5 Thùy dục : Có người thích ngủ, cảm thấy ngủ càng nhiều càng tốt, song càng ngủ càng mê, biến thành ngu muội tối tăm, do đó :

"Tài sắc danh thực thùy,
Như địa ngục năm căn",

Một khi ngủ thì ngàn năm chẳng nghe danh hiệu Phật.

Hàng nhị thừa bị năm thứ dục niệm nầy chi phối, cho nên vẫn chưa đến bậc bất sinh bất diệt, ta vì họ nói

pháp nhị thừa (bốn diệu đế) và mười hai nhân duyên, chỉ bất quá khiến cho họ tâm tính vui mừng, mà tinh tấn tu hành. Thật tế thì chứng được quả vị nhị thừa, vẫn chưa đắc được cảnh giới chân chánh Niết Bàn, có khác nào ở xa trông quả mơ mà hết khác, phải biết bánh vẽ không thể no được.

Ví như đường dữ hiểm nạn, dài năm trăm do tuần, chốn ghê sợ hoang vắng không người. Nếu có đông người muốn đi qua đường hiểm đó, đến chỗ châu báu. Có một vị Đạo sư trí huệ sáng suốt, khéo biết rõ tướng thông bít của con đường, dắt mọi người muốn vượt qua hiểm nạn nầy. Mọi người được dắt đi giữa đường lười mỏi, bèn bạch với Đạo sư rằng : Chúng con rất mệt nhọc, lại thêm sợ sệt không thể đi thêm được nữa, đường ở trước còn dài, nay chúng con muốn lui về.

Ví như có một đoạn đường dài năm trăm do tuần (bốn vạn dặm), phàm ai muốn đi qua con đường nầy, sẽ gặp rất nhiều nguy hiểm hoạn nạn, như gặp trộm cướp, rắn sói hổ báo. Cho nên, ai muốn đi qua con đường nầy,

tâm đều sợ hãi, song chỉ có con đường nầy, mới đến được chỗ cất giữ châu báu.

Do đó, chỉ có cách mạo hiểm tiến về trước, thì lúc ấy, ở trong đó có một vị Đạo sư rất thông minh tài giỏi, đầy đủ trí huệ viên mãn, biết lối đi của đường hiểm đó như thế nào, mới không bị đủ thứ điều nguy hiểm, do đó bậc Đạo sư phát tâm, dẫn dắt tất cả mọi người vượt qua con đường nầy, song những người nầy đi được nữa đường, thì sinh tâm lười mỏi, chẳng muốn đi nữa. Do đó, họ nói với bậc đạo sư : ''Bây giờ chúng con đã mệt mỏi quá rồi, đường nầy rất nguy hiểm và sợ hãi, chúng con chẳng muốn đi nữa, đường ở trước rất dài, cho nên chúng con muốn lui về''.

Vị Đạo sư nhiều phương tiện bèn nghĩ thế nầy : Những người nầy rất đáng thương, sao lại bỏ châu báu mà muốn lui về. Nghĩ như thế rồi, dùng sức phương tiện, ở giữa đường hiểm hơn ba trăm do tuần, hóa làm một cái thành, bảo mọi người rằng : Các ngươi đừng sợ, đừng lui về, nay thành lớn nầy có thể ở trong đó, làm gì tùy ý. Nếu vào thành đó rất được an ổn, nếu có thể đi thẳng đến chỗ châu báu cũng được.

Vị Đạo sư nầy có rất nhiều phương tiện, bèn nghĩ rằng : ''Những người nầy thật đáng thương ! Sao lại bỏ chí nguyện muốn đi đến nước Phật bảo mà muốn lui về ? ''Nghĩ đến đây, Ngài chỉ có cách dùng thần lực quyền xảo phương tiện, ở giữa đường hiểm hơn ba trăm do tuần, hóa ra một cái thành; rồi bảo mọi người : ''Các người đừng sợ, đừng sinh tâm lười mỏi, bây giờ các vị hãy đi vào trong thành lớn nầy dừng nghỉ, ở trong thành nầy, làm gì tùy ý, nếu như vào trong thành nầy thì rất là an ổn, các người muốn tiếp tục đi đến chỗ châu báu, thì có thể đến bảo sở nước Phật''.

Lúc đó, chúng mỏi mệt tâm rất vui mừng, khen chưa từng có. Nay chúng ta khỏi đường hiểm đó, rất được an ổn. Do đó, mọi người đều vào hóa thành, sinh lòng tưởng rằng đã được độ rất an ổn.

Lúc đó, mọi người đều rất mệt mỏi vô cùng, hốt nhiên thấy một tòa hóa thành, có thể vào dừng nghỉ tạm thời, cho nên sinh tâm vui mừng chưa từng có, nói : ''Hôm nay chúng con khỏi lạc vào nẻo trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thoát khỏi nhà lửa tam giới, được an ổn sung sướng''. Do đó, cùng nhau đi vào hóa thành nầy, cho rằng họ đã được giải thoát và an ổn cứu kính.

Bấy giờ, vị Đạo sư biết những người đó đã nghỉ ngơi xong, chẳng còn mệt nhọc, bèn diệt hóa thành, bảo với mọi người rằng : Các ngươi hãy đi tới chỗ châu báu ở gần đây, thành lớn đó do ta hóa làm ra, để dùng nghỉ thôi.

Lúc đó, vị Đạo Sư Thích Ca Mâu Ni Phật biết họ đã nghỉ xong, lấy lại sức lực, hết mệt mỏi.

Do đó, Phật bèn hủy diệt hóa thành đó, nói với mọi người rằng : ''Các ngươi hãy đi tới, chỗ châu báu ở gần đây. Hóa thành đó là do ta biến hóa ra, để các ngươi nghỉ ngơi tạm thời.'' Tức cũng có thể nói, phàm là Thánh nhân chứng được tứ quả A La Hán, nên phải hồi tiểu hướng đại, tu pháp môn đại thừa, mới có thể đạt đến chỗ châu báu cứu kính.

Các Tỳ Kheo ! Đức Như Lai cũng lại như thế, nay vì các ông làm đại Đạo sư, biết các đường hiểm sinh tử phiền não dài xa, nên bỏ, nên vượt qua.

Các Tỳ Kheo ! Pháp của Phật Đại Thông Trí Thắng cũng như pháp của ta nói, như nay vì các ông làm bậc đại Đạo sư, biết rõ tất cả đường dữ sinh tử phiền não, nhiều

hiểm nạn và xa dài. Do đó, nên lìa tất cả phiền não, vượt qua biển khổ sinh tử, đến được nhà Như Lai.

Nếu chúng sinh chỉ nghe một Phật thừa, thì chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi, bèn nghĩ như vầy : Phật đạo dài xa, chịu khổ siêng cần lâu mới có thể thành tựu. Phật biết tâm của họ khiếp nhược hạ liệt, bèn dùng sức phương tiện nghỉ ngơi ở giữa đường, nên nói hai Niết Bàn.

Nếu chúng sinh trụ ở hai bậc, thì bấy giờ đức Như Lai bèn nói : Chỗ tu của các ông chưa xong, bậc của các ông gần với trí huệ của Phật. Nên quán sát suy lường Niết Bàn đã được đó, chẳng chân thật vậy, chỉ là sức phương tiện của Như Lai, nơi một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba.

Nếu có chúng sinh nghe được Phật nói pháp, chỉ có một Phật thừa, thì nhất định rất nhiều chúng sinh phất tay áo mà đi, chẳng nghĩ muốn gặp Phật, hoặc gần gũi Phật. Vì Phật pháp là pháp khó tin, cho nên chúng sinh đều chẳng chịu tiếp thọ. Vì họ nghĩ : ‘’Tu hành thành Phật thì phải mất thời gian rất lâu, ở trong ba đại A tăng kỳ kiếp,

siêng tu lục độ khổ hạnh, mới có cơ hội thành Phật''. Do đó, họ đều cố ý có tai chẳng nghe giáo lý viên đốn, có mắt chẳng nhận thức đại Đạo sư (Phật), càng vô dụng nói dạy họ xả bỏ thất tình lục dục, một lòng tu đạo.

Đức Phật Thích Ca và mười phương chư Phật, đều biết rõ tâm niệm của tất cả chúng sinh trong sáu nẻo, rất khiếp nhược và hạ liệt. Phật bèn dùng sức phương tiện mà nói hữu dư Niết Bàn pháp nhị thừa, để cho tâm tu đạo của chúng sinh, tạm thời không lười mỏi thối lui, cho nên nói riêng ra một trung đạo Niết Bàn.

Lúc đó, Phật lại nói với họ : Các ông chưa đạt đến Phật đạo cứu kính, bậc của các ông trụ, gần với trí huệ của Phật, các ông nên quán sát và suy lường, bất cứ các ông đắc được cảnh giới Niết Bàn hữu dư, hoặc vô dư, đều chẳng phải chân thật. Kỳ thật, là sức phương tiện của Như Lai, nơi một Phật thừa, mà phân biệt nói ra Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát ba thừa.''

Như vị Đạo sư kia, vì dừng lại nghỉ mà hóa làm thành lớn. Biết đã nghỉ rồi, bèn bảo họ rằng : Chỗ châu báu gần đây, thành nầy chẳng thật, do ta hóa làm ra thôi.

Phật giống như bậc Đạo sư, biết dùng pháp gì để vượt qua giữa con đường hiểm nầy, và còn bảo họ vào trong đó nghỉ ngơi, chỗ châu báu ở gần đây chẳng xa, song cái thành nầy chẳng phải thật, nó chỉ bất quá do Phật

biến hóa ra, để cho các ông nghỉ ngơi thôi, khi các ông khôi phục lại sức lực, thì nên bỏ thành mà đi tiến về trước. Ví như bạn muốn từ nhà của bạn đến nước khác, phải vượt qua lộ trình rất xa, mới đến được nơi đó, ở nơi giữa đường đó, chắc chắn cảm thấy thân thể mỏi mệt, lúc đó bạn muốn một quán trọ để nghỉ lại một đêm, sáng ngày thứ hai lại tiếp tục lên đường, như thế mới đạt được nơi bạn muốn đến.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng.

Phật Đại Thông Trí Thắng
Mười kiếp ngồi đạo tràng
Phật pháp chẳng hiện tiền
Không được thành Phật đạo.
Các trời thần Long vương
Chúng A tu la thảy
Thường mưa các hoa trời
Để cúng dường Phật đó.
Chư Thiên đánh trống trời
Và tấu các âm nhạc
Gió thơm thổi hoa héo
Lại mưa hoa tươi tốt.

Trải qua mười tiểu kiếp
Mới được thành Phật đạo
Chư thiên và người đời
Tâm đều mừng hớn hở.
Mười sáu người con Phật
Đều cùng với quyến thuộc
Ngàn vạn ức vây quanh
Đều đi đến chốn Phật.
Đầu mặt lễ chân Phật
Mà thỉnh chuyển pháp luân
Thánh sư tử mưa pháp
Lợi con và tất cả.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa kinh trường hàng ở trên, nên dùng kệ để nói. Phật Đại Thông Trí Thắng ở tại đạo tràng ngồi trên tòa hoa sen nhập định trải qua mười kiếp, song vẫn chưa thành chánh giác.

Lúc đó, Phật pháp chưa hiện ra đời, cho nên Ngài chưa thể thành Phật đạo. Tất cả trời, thần, Long vương, A tu la .v.v., thường mưa hoa trời để cúng dường vị Phật đó, các vị trời đánh trống trời, tấu lên đủ thứ âm nhạc, một trận gió thơm thổi đến, thổi các hoa héo đi, đồng thời lại mưa xuống hoa tươi tốt.

Trải qua mười tiểu kiếp, Phật mới thành đạo, tất cả chư Thiên và nhân loại, tâm đều vui mừng hớn hở vô cùng. Mười sáu vị vương tử của Phật, với trăm ngàn ức quyến thuộc cùng nhau đến chốn Phật, cung kính đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật, mà thỉnh cầu Phật chuyển đại pháp luân, hy vọng tiếng sư tử hống của Phật, đượm nhuần mưa pháp lợi lạc chúng con, và tất cả chúng sinh.

Thế Tôn rất khó gặp
Lâu xa hiện một lần
Vì giác ngộ quần sinh
Chấn động hết tất cả.
Các thế giới phương đông
Năm trăm vạn ức cõi
Ánh sáng chiếu Phạm cung
Từ xưa chưa từng có.
Phạm chúng thấy tướng nầy
Tìm đến chỗ đức Phật
Rải hoa để cúng dường
Và dâng cung điện lên.
Thỉnh Phật chuyển pháp luân
Dùng kệ khen ngợi Phật
Phật biết chưa đến thời

Nhận lời ngồi yên lặng.
Ba phương và bốn hướng
Trên dưới cũng như thế
Rải hoa dâng cung điện
Thỉnh Phật chuyển pháp luân.
Thế Tôn rất khó gặp
Xin vì gốc từ bi
Rộng mở cửa cam lồ
Chuyển pháp luân vô thượng.

Đức Thế Tôn trăm ngàn vạn kiếp rất khó gặp được, không biết phải trải qua thời gian bao lâu, mới có thể gặp được Đức Phật ra đời, Phật vì giác ngộ tất cả quần sinh, sức trí lực oai thần của Ngài không thể nghĩ bàn, có thể chấn động đến tất cả tâm tính chúng sinh.

Các thế giới ở phương đông, có năm trăm vạn ức cõi nước cung điện của Phạm Vương, được vô lượng ánh sáng chiếu sáng, đó là tướng quá khứ chưa từng có. Khi các vị Phạm Vương thấy tướng nầy, thì đều đến chỗ Đức Phật, để tìm nguồn gốc tướng ánh sáng đó, và còn rải hoa trời để cúng dường Đức Phật, sau đó lại dâng cung điện quý báu nhất lên cúng dường Đức Phật. Sau đó lại cung kính thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp, và dùng kệ để khen ngợi Phật.

Phật biết cơ duyên thuyết pháp chưa thành thục, cho nên nhận lời thỉnh cầu của họ, mà ngồi im lặng. Lúc đó, từ phương nam, tây, bắc, và bốn hướng trên dưới, các vị Phạm Thiên Vương, đều rải hoa trời và dâng cung điện lên, thỉnh Đức Phật chuyển bánh xe pháp. Trăm ngàn vạn ức kiếp khó gặp được Đức Phật, mà chúng ta nguyện đắc được tâm đại từ bi thương xót chúng sinh của Phật, có thể khai mở cửa cam lồ. Vì giáo hóa chúng ta lục đạo chúng sinh, mà chuyển bánh xe pháp thâm sâu vô thượng.

Thế Tôn tuệ vô thượng
Nhận những người kia thỉnh
Vì nói các thứ pháp
Bốn đế mười hai duyên.
Vô minh đến lão tử
Đều từ sinh duyên có
Những hoạ hoạn như thế
Các ông phải nên biết.
Lúc diễn nói pháp đó
Sáu trăm vạn ức chúng
Được hết sạch các khổ
Đều thành A la hán.
Nói pháp lần thứ hai

Ngàn vạn Hằng sa chúng
Chẳng thọ nơi các pháp
Cũng đắc A la hán.
Từ đó sau đắc đạo
Số đông không thể lường
Vạn ức kiếp tính đếm
Không biết được ngằn mé.

Đức Thế Tôn đầy đủ vô lượng trí huệ, thọ nhận tất cả chúng sinh thỉnh cầu thuyết pháp. Phật có thể diễn nói đủ thứ pháp, cho nên trước hết nói pháp bốn Diệu đế và mười hai nhân duyên, tức là từ vô minh đến lão tử, đều do mười hai nhân duyên sinh ra.

Do đó, mà chiêu lại rất nhiều hoạ hoạn, các ông nên biết pháp như thế. Khi Phật Đại Thông Trí Thắng diễn nói pháp nầy rồi, thì có sáu trăm vạn ức chúng Phạm Thiên Vương, lìa được tất cả khổ, đều chứng được quả vị A La Hán.

Khi Phật thuyết pháp lần thứ hai, thì có ngàn vạn Hằng hà sa chúng sinh, ngộ được tướng không của các pháp, đều đắc quả A La Hán Thanh Văn và quả vị Duyên Giác Bồ Tát, số đông vô lượng vô biên chẳng cùng tận, dù trải qua hàng vạn ức kiếp để đếm tính số mục, cũng không thể biết được số đó ngằn mé là bao nhiêu.

Lúc đó mười sáu vị

Xuất gia làm Sa di
Đều cùng thỉnh Phật đó
Diễn nói pháp đại thừa.
Chúng con và quyến thuộc
Đều sẽ thành Phật đạo
Nguyện được như Thế Tôn
Mắt huệ tịnh bậc nhất.

Lúc đó, mười sáu vị vương tử đều phát tâm xuất gia tu đạo, làm Sa Di. Các vị Sa Di đều cùng thỉnh Phật Đại Thông Trí Thắng, vì tất cả chúng sinh diễn nói pháp đại thừa, nên hỏi Phật : ''Chúng con và tất cả quyến thuộc, đều sẽ thành Phật đạo, vì chúng con nguyện được giống như đức Thế Tôn, đầy đủ mắt trí huệ thanh tịnh bậc nhất.

Phật biết tâm đồng tử
Tu hành trong đời trước
Dùng vô lượng nhân duyên
Đủ thứ các ví dụ.
Nói sáu Ba la mật
Và các việc thần thông
Phân biệt pháp chân thật
Đạo Bồ Tát tu hành.

Nói Kinh Pháp Hoa nầy
Kệ như cát sông Hằng.

Phật biết tâm của những vị đồng tử nầy nghĩ tưởng những gì, sự tu hành trong đời trước của những vị nầy đến đâu, từng dùng vô lượng nhân duyên, đã từng nghe Phật nói đủ thứ diệu lý thật tướng của các pháp, bổn sinh, nhân duyên, ví dụ, và sáu pháp Ba La Mật. Sáu pháp Ba La Mật là: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch là "đến bờ kia". Các vị Sa Di cũng đã từng nghe Phật nói đủ thứ việc tu chứng thần thông diệu dụng, cho nên có trí huệ lớn, để phân biệt được pháp một Phật thừa chân thật, Các Ngài tu sáu Ba la mật của Bồ Tát. Do đó, nay các Ngài thích nghe pháp đại thừa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đều ngộ biết trong Kinh Pháp Hoa có nhiều bài kệ như số cát sông Hằng.

Phật đó nói kinh rồi
Vào tịnh thất nhập định.
Nhất tâm ngồi một chỗ
Tám vạn bốn ngàn kiếp
Các vị Sa Di đó
Biết Phật chưa xuất định.
Vì vô lượng ức chúng

Nói Phật huệ vô thượng
Ai nấy lên pháp tòa
Nói kinh đại thừa nầy.
Lúc đức Phật tĩnh lặng
Giúp tuyên dương giáo hóa.

Khi Phật Đại Thông Trí Thắng nói xong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa rồi, thì Đức Phật vào tịnh thất nhập vào thiền định thâm sâu, ở trong cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh, trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp.

Lúc đó, mười sáu vị Sa Di biết Phật chưa xuất định, do đó, các Ngài phát tâm vì vô lượng ức chúng sinh, nói trí huệ vô thượng của Phật. Mỗi vị Sa Di đều lên pháp tòa diễn nói Kinh Pháp Hoa, lúc Phật tĩnh lặng không động, thì giúp Phật tuyên dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh.

Mỗi mỗi vị Sa Di
Độ được các chúng sinh.
Khoảng sáu trăm vạn ức
Hằng hà sa chúng sinh
Phật đó diệt độ rồi
Những người nghe pháp đó.
Ở tại các cõi Phật

Thường sinh chung với thầy.

Mười sáu vị Sa Di đó, mỗi vị giáo hóa chúng sinh khoảng sáu trăm vạn ức Hằng hà sa số chúng sinh.

Khi Phật Đại Thông Trí Thắng diệt độ rồi, những người nghe mười sáu vị Sa Di thuyết pháp, đều cùng sinh vào một nước với đấng Đạo Sư của họ.

Mười sáu Sa Di đó
Đầy đủ hạnh Phật đạo.
Nay hiện trong mười phương
Thảy đều thành Chánh giác
Người nghe pháp thuở đó
Đều ở chỗ chư Phật.
Có người trụ Thanh Văn
Dần dần vào Phật đạo.

Mười sáu vị Sa Di đó, vì tu hành đầy đủ Phật đạo, nên các Ngài xuất hiện ở trong cõi nước mười phương, ai nấy đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những chúng sinh nghe được Phật pháp vào thuở đó, đều là quá khứ đã từng nghe qua Phật pháp, của mười sáu vị Sa Di đó nói, cho nên hiện nay lại hiện ở trong mỗi cõi nước, để gần gũi nghe Phật thuyết pháp, trong đó có rất nhiều chúng hàng Thanh Văn, dần dần được Phật giáo hóa mà vào được Phật đạo.

Ta là thứ mười sáu
Cũng từng vì ông nói.
Cho nên dùng phương tiện
Dẫn ông đến Phật huệ
Do gốc nhân duyên đó
Nay nói Kinh Pháp Hoa.
Khiến ông vào Phật đạo
Cẩn thận chớ kinh sợ.

Ta, Phật Thích Ca Mâu Ni, tức là Sa Di thứ mười sáu. Ở trong quá khứ, các ông đã từng nghe pháp của ta nói, cho nên ta dùng pháp phương tiện, dẫn dắt các ông tu học trí huệ của Phật, đến được trí huệ của Phật. Do nhân duyên đó, mà nay ta diễn nói Kinh Pháp Hoa, khiến cho các ông đi vào tạng trí huệ của Phật, đều thành chánh giác. Các ông đừng bao giờ sinh tâm hoài nghi và sợ sệt, ta sẽ vì các ông giải thích phân biệt rõ ràng thật tướng chân lý Phật pháp.

Ví như đường hiểm dữ
Xa vắng nhiều thú độc.
Lại không có cỏ nước
Chỗ mọi người sợ hãi
Vô số ngàn vạn chúng

Muốn qua đường hiểm này.
Đường đó rất xa xôi
Dài năm trăm do tuần
Thời có một Đạo sư
Thông minh có trí tuệ.
Sáng suốt tâm quyết định
Cứu nguy các hoạn nạn.

Ví như một đoạn đường dài nguy hiểm, con đường nào nguy hiểm nhất ? Tức là đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ở trong con đường này, giống như hoang dã, có rất nhiều rắn độc ác thú, cho đến một giọt nước, cộng cỏ, cũng chẳng có, là nơi mọi người đều sợ. Lúc đó, có vô lượng trăm ngàn vạn chúng sinh, muốn đi qua con đường nguy hiểm nầy, vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi, được chân chánh giải thoát, song phải đi ngang qua năm trăm do tuần, mới đến nơi cứu kính, cho nên còn cách xa đạo tám vạn bốn ngàn dặm.

Lúc đó, có một vị thiện tri thức, đầy đủ sự học rộng hiểu nhiều, thông minh trí huệ, thấu suốt tất cả mọi việc thị phi trắng đen, và còn biết con đường nào là chánh, con đường nào là tà. Do đó, Ngài thường ở trong đường hiểm, cứu tất cả chúng sinh gặp nạn.

Mọi người đều mỏi mệt

Bèn bạch Đạo sư rằng:
Chúng con nay mệt mỏi
Nơi đây muốn trở về
Đạo sư nghĩ thế nầy:
Bọn nầy rất đáng thương.
Sao lại muốn lui về
Để mất châu báu lớn.

Đi trên con đường hiểm nầy thật chẳng dễ dàng, trợ duyên rất ít, nghịch duyên thì nhiều, ví như một người tu đạo, cần nhờ sự giúp đỡ của Bồ Tát và thần hộ pháp, khiến cho họ tu đạo được viên mãn, hoặc có người dùng phương pháp tu đạo sai lầm, có thiện tri thức dẫn dắt họ đi trên con đường chánh, đó đều là trợ duyên. Nghịch duyên là gì? Ví như bạn muốn phát tâm bồ đề chân chánh, song lại có người khiến cho bạn thối bồ đề tâm, sinh ra đủ thứ dục niệm, nên đạo tâm chẳng vững chắc, cho nên gọi là nghịch duyên. Trên con đường đạo chẳng dễ gì tu, rất dễ sinh mệt mỏi, cảm thấy thời gian tu rất là lâu, mà một chút thu hoạch cũng chẳng có, do đó bèn bạch với Đạo sư rằng: ''Hiện nay chúng con đều mỏi mệt, chúng con muốn trở về, chẳng muốn tu hành nữa''.

Lúc đó, vị Thiện tri thức nghĩ như vầy: Những chúng sinh nầy thật là đáng thương ! Sao lại muốn sinh

tâm thối chuyển, mà chẳng muốn tu đạo ? Vốn sẽ được trân bảo mà nay đều bỏ mất.

Bèn nghĩ tìm phương tiện
Nên bày sức thần thông.
Hóa làm thành quách lớn
Trang nghiêm các phòng nhà.
Chung quanh có vườn rừng
Suối chảy và ao tắm.
Cửa lớn lầu gác cao
Nam nữ đều đầy dẫy
Hóa làm thành đó rồi
An ủi họ chớ sợ.
Các ông vào thành nầy
Đều được tùy sở thích.

Tức thời, vị Thiện tri thức nghĩ ra pháp môn phương tiện, bèn dùng thần thông trí lực của Ngài, ở giữa đường hóa ra thành quách lớn, trong đó có rất nhiều phòng nhà rất trang nghiêm, xung quanh có vườn hoa và rừng cây, có suối nước trong sạch, ao tám bảy báu, lầu gác cao trùng trùng, nam nữ đều rất vui mừng hớn hở, những cảnh giới nầy đều biến hóa ra.

Lúc đó, vị Thiện tri thức nói với đại chúng rằng : ‘’Các ngươi đừng sinh tâm sợ sệt, bây giờ có thể vào trong thành nầy, mong cầu gì cũng được toại tâm như ý‘’. Kì thật, hóa thành nầy, tức là hữu dư Niết Bàn của hàng nhị thừa chứng được, mà Kinh Pháp Hoa là khai quyền hiển thật, dẫn dắt hàng nhị thừa, cho nên Phật không thể không nói với đại chúng : Hữu dư Niết Bàn mà các ngươi chứng được, bất quá chỉ giống như tòa hóa thành, chẳng phải chân chánh đắc được Niết Bàn cứu kính.

Mọi người đều vào thành
Tâm đều rất vui mừng.
Đều sinh tưởng an ổn
Tự cho đã được độ
Đạo sư biết nghỉ rồi
Nhóm chúng mà bảo rằng:
Các ngươi nên đi nữa
Đây là hóa thành thôi
Thấy các ngươi mỏi mệt
Giữa đường muốn lui về.
Nên dùng sức phương tiện
Ta hóa làm thành nầy
Các ngươi gắng tinh tấn

Nên cùng đến bảo sở.
Ta cũng lại như thế
Đạo sư của tất cả.

Tất cả hàng tiểu thừa, đều vui mừng lìa khổ được vui, chẳng phát tâm lớn, tu pháp tiểu thừa, cho nên các ngươi đến được hóa thành nầy, thì cảm thấy đã mãn nguyện, đều sinh tâm vui mừng, tự cho rằng đã được an ổn cứu kính thoát khỏi biển khổ sinh tử.

Phật sớm đã biết đại chúng sẽ sinh tư tưởng như thế, do đó lại triệu tập tất cả đại chúng mà bảo rằng : ''Các ngươi bây giờ đã hết mệt mỏi, nên cố gắng tiến về trước, vì chỗ các ông ở bây giờ, bất quá chỉ là một tòa hóa thành mà thôi, chẳng phải là chỗ trân bửu chân chánh. Vì ta thấy các ngươi quá mệt mỏi, sinh tâm thối chuyển, chẳng muốn tu đạo nữa, cho nên ta dùng pháp phương tiện, sức thần thông, biến hóa ra thành quách, tức là pháp của hàng nhị thừa. Bây giờ, các ngươi hãy dũng mãnh tinh tấn, thì sẽ đạt đến chỗ bảo tàng của Phật. Ta cũng như thế, là thiện tri thức của tất cả chúng sinh, giáo hóa họ sớm lên bờ giác, cùng thành Phật đạo.

Thấy những người cầu đạo
Giữa đường mà lười bỏ.
Không thể vượt sinh tử
Phiền não các đường hiểm

Nên ta dùng phương tiện
Vì nghỉ nói Niết Bàn.
Bảo các ông khổ diệt
Việc làm đều đã xong
Tức biết đến Niết Bàn
Đều được A la hán.
Nên mới nhóm đại chúng
Vì nói pháp chân thật.

Ta thấy một số người cầu đạo, tu hành đến nửa đường, thì cảm thấy quá khổ nhọc, mà sinh tâm lười bỏ, chẳng nghĩ tu đạo nữa. Do đó có câu:

''Tu đạo nhất niên,
Phật tại nhãn tiền,
Tu đạo tam niên,
Nhất vạn bát thiên,
Tu đạo thập niên,
Phật tại thiên biên.''

Nghĩa rằng:

Tu đạo một năm,
Phật ở trước mặt,
Tu đạo ba năm,
Xa Phật ngàn dặm,
Tu đạo mười năm,
Phật ở trên trời.

Cho nên nói, nếu chúng ta từ đầu đến cuối, giữ được tâm tinh tấn như lúc ban đầu, dũng mãnh tinh tấn thẳng một lèo, thì sớm sẽ thành Phật đạo. Nếu bỏ giữa đường thì chẳng thành tựu, không thể vượt qua biển khổ sinh tử, đường hiểm phiền não. Cho nên, Phật bày pháp môn phương tiện, chẳng phải thật pháp, mới nói với hàng nhị thừa : ''Các ngươi cũng có thể chứng được Niết Bàn, xa lìa các sự khổ, chẳng còn sinh tử, những việc làm của các ngươi đã xong, đắc được Niết Bàn chứng đắc A La Hán.'' Lúc đó, Phật lại triệu tập đại chúng, vì họ nói pháp chân thật.

Chư Phật dùng phương tiện
Phân biệt nói ba thừa.
Chỉ có một Phật thừa
Chỗ nghỉ nên nói hai
Nay vì ngươi nói thật
Chỗ ngươi được chẳng diệt.
Vì Phật Nhất thiết trí
Hãy phát đại tinh tấn.

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, dùng hết pháp phương tiện, để giáo hóa chúng sinh, mà Phật pháp vốn chỉ có Phật thừa, chẳng có Duyên Giác thừa, Thanh Văn thừa. Vì căn cơ của chúng sinh, không thể một khi bắt đầu

thì minh bạch, và tiếp thọ Phật pháp, cho nên Phật vì chúng sinh phương tiện nói ra Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa, đó đều là Phật dùng sức đại oai thần, hóa ra pháp môn nhị thừa, nên gọi là hóa thành. Cho nên nói, chỉ có Phật thừa mới là thật thừa, tất cả chúng sinh tu hành quá lâu, đều sinh ra tâm nhàm mỏi, do đó Phật dùng pháp môn phương tiện, để tạo ra hóa thành, vì chúng sinh nói hữu dư Niết Bàn và vô dư Niết Bàn.

Bây giờ, Phật muốn khai quyền hiển thật, nói ra chân thật Niết Bàn, vì trước khi Phật nói với hàng nhị thừa chỉ là hữu dư Niết Bàn, chưa đạt đến một Phật thừa viên dung vô ngại, cho nên chưa thể dứt sinh tử, đến bất sinh bất diệt. Vì chứng được tứ quả A La Hán, tuy nhiên dứt được phân đoạn sinh tử, song chưa đoạn sạch biến dịch sinh tử. Phật đầy đủ tất cả thật tướng Bát nhã trí huệ, các ngươi nên cầu đại trí huệ của Phật, dũng mãnh tinh tấn hướng về trước, cầu Phật đạo vô thượng, không thể lưu lại ở quả vị A La Hán, mà sinh tâm tự mãn, không cầu tiến về trước.

Ngươi chứng Nhất thiết trí
Mười lực các Phật pháp.
Đủ ba mươi hai tướng
Mới là chân thật diệt
Chư Phật là Đạo sư

Vì nghỉ nói Niết Bàn.
Đã biết nghỉ ngơi rồi
Dẫn vào nơi Phật huệ.

Khi nào các ngươi chứng được Nhất thiết trí, mười lực của Phật. Mười lực là gì ? Mười lực là mười thứ lực mà Phật có đủ.

1. Phật có trí lực biết xứ phi xứ. Biết xứ là tất cả đều hợp với Phật pháp, phi xứ là tất cả đều trái ngược với Phật pháp, mà Phật thì có trí huệ và lực nầy, phân rõ thị phi.

2. Trí lực biết nghiệp báo ba đời. Tất cả chúng sinh trong đời quá khứ tạo ra tội nghiệp gì, bây giờ trồng nhân gì, tương lai kết quả gì, đời sau thọ quả báo gì ? Phật có sức trí huệ nầy, biết nghiệp báo ba đời.

3. Trí lực biết các thiền giải thoát tam muội. Bao quát sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, gọi là ‘’Tứ không xứ’’, còn tất cả các thiền định và tám thứ giải thoát.

4. Trí lực biết các căn thắng liệt.

5. Trí lực biết chủng chủng giải.

6. Trí lực biết chủng chủng giới. Phật biết rõ đủ thứ cảnh giới của tất cả chúng sinh, cho nên mới có thể giáo hóa họ. Ví như mỗi người đều có tôn giáo tín ngưỡng của mình, có người tin Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo .v.v., kì thật, mỗi tôn giáo đều quy vào Phật giáo, mà mỗi căn tính của chúng sinh khác nhau, cho nên cũng tiếp thọ đủ thứ pháp khác nhau.

7. Trí lực biết tất cả chí xứ đạo. Giống như tu ngũ giới thập thiện, thì sẽ sinh về cõi trời, tu thiền định thì chứng quả, tu lục độ vạn hạnh thì thành Phật. Tạo nghiệp ác thì đọa vào địa ngục, làm ngạ quỷ, trồng nhân gì được quả đó.

8. Trí lực biết thiên nhãn vô ngại.

9. Trí lực biết túc mạng vô lậu.

10. Trí lực biết vĩnh đoạn tập khí.

Đây chỉ là nói tóm tắc, nếu nói tỉ mỉ thì trăm ngàn trí lực đều từ đây sinh ra, chẳng có tận cùng.

Nếu người tu đạo, chứng được ba mươi hai tướng, thì đắc được tịch diệt và khoái lạc chân thật. Chư Phật là Đạo sư của tất cả chúng sinh, thấy tất cả chúng sinh tu đạo giữa đường, sinh tâm lười mỏi mà nói ra Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và hữu dư Niết Bàn.

Tuy nhiên biết đây là hóa thành, là nơi nghỉ trọ của chúng sinh, chứ chẳng phải ngôi nhà thật sự, cho nên dẫn dắt mọi người nhập vào Phật đạo, được trí huệ viên mãn.

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng nầy, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thảy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KŒ hÒi hÜ§ng công ÇÙc

Nguyện đem công đức nầy
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân nầy
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5. (trọn bộ)

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lược in ra những tập kế tiếp.

Ta là bậc Như Lai
Là đấng Lưỡng Túc Tôn
Xuất hiện ra nơi đời
Dường như vầng mây lớn
Thấm nhuần khắp tất cả
Những chúng sinh khô khan
Đều khiến cho lìa khổ
Được yên ổn vui sướng
Hưởng sự vui thế gian
Và sự vui Niết Bàn.

Kinh
diŒu pháp liên hoa

GIẢNG GIẢI

Tập 3

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 3

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail : kimquangtu@hotmail.com

Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ
Nguyễn Văn Tuyến, pd Tâm Mãn
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền

Hoa sen mọc từ trong bùn,
mà chẳng hôi tanh mùi bùn
Đức Như Lai sống ở trong thế gian,
mà chẳng ô nhiễm bởi thế gian.

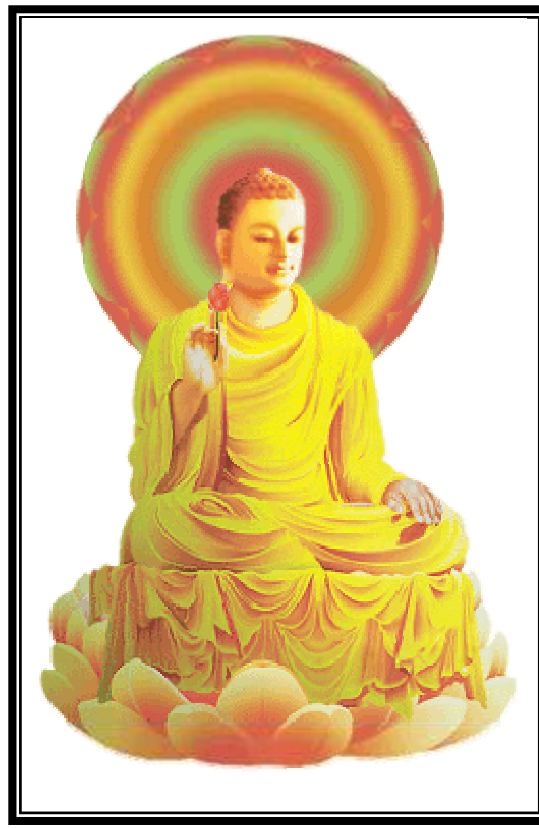

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

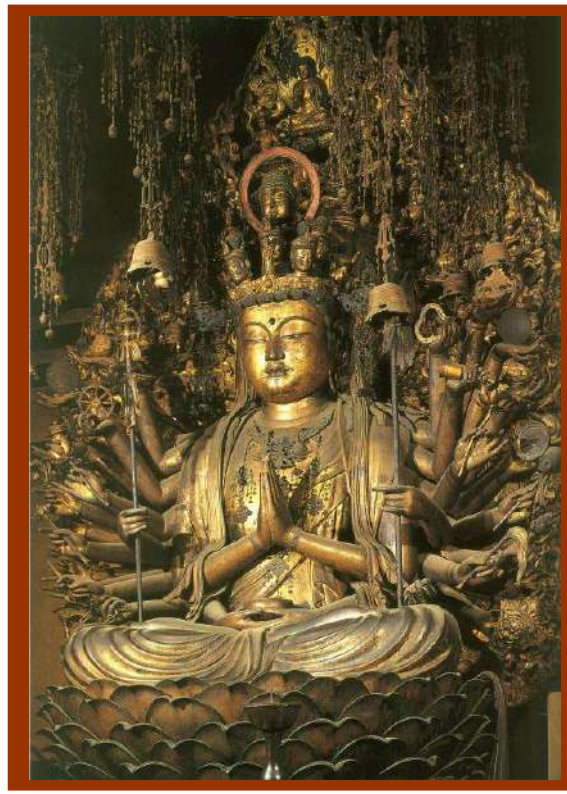

NAM MÔ THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

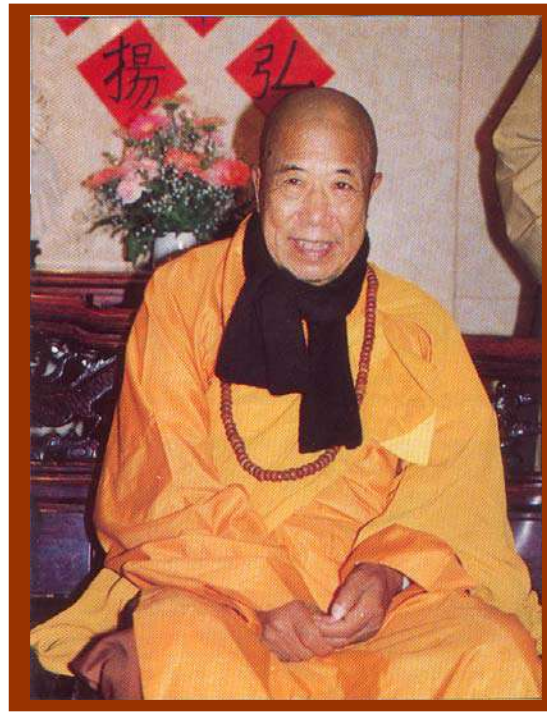

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển bốn

Phẩm thọ ký cho năm trăm vị đệ tử thứ tám.....8
Phẩm thọ ký bậc hữu học và vô học thứ chín.....56
Phẩm pháp sư thứ mười.....75
Phẩm thấy bảo tháp thứ mười một.....112
Phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ mười hai.....198
Phẩm khuyên trì thứ mười ba.....244

Quyển năm

Phẩm an lạc hạnh thứ mười bốn.....276

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

PHẨM THỌ KÝ CHO NĂM TRĂM VỊ ĐỆ TỬ THỨ TÁM

Phẩm nầy Đức Phật vì năm trăm vị đệ tử mà thọ ký, thật ra đã thọ ký bao quát ở trong một nghìn hai trăm năm mươi vị đệ tử. Lúc này, Phật khai quyền hiển thật, mở bày một Phật thừa, ngoài hai thừa thì chẳng chân thật. Vì A La Hán, Bích Chi Phật, hàng nhị thừa mà khai thị Bồ Tát đạo, đều thọ ký cho đời vị lai đều sẽ thành Phật. Phàm là người nào nghe được, thọ trì, đều phát tâm đại thừa, tu học theo Bồ Tát đạo, làm đệ tử dự ký trong hội Pháp Hoa ở đời vị lai.

Bấy giờ, Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, từ đức Phật nghe trí huệ phương tiện tùy nghi thuyết pháp, và nghe thọ ký quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho các vị đệ

tử lớn, lại nghe việc nhân duyên đời trước, và nghe chư Phật có sức thần thông đại tự tại, được chưa từng có, tâm thanh tịnh hớn hở, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân đức Phật, rồi đứng qua một bên, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật, mắt chẳng tạm rời mà nghĩ như vầy : Đức Thế Tôn rất kỳ đặc, làm những việc ít có, tùy thuận bao nhiêu thứ tánh thế gian, dùng phương tiện tri kiến mà vì họ thuyết pháp, cứu vớt chúng sinh ra khỏi những chỗ tham trước. Chúng con ở nơi công đức của Phật, không lời lẽ nào mà nói cho hết được, chỉ có đức Phật Thế Tôn, mới biết được nguyện xưa trong thâm tâm của chúng con.

Lúc đó, Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, tức là Mãn Từ Tử, nghe đức Phật nói, biết được hóa thành phương tiện trí huệ (phẩm thứ bảy), tùy căn cơ của chúng sinh mà vì họ nói pháp, lại nghe các vị đệ tử lớn, tức một nghìn hai trăm năm mươi người, được Phật thọ ký sẽ thành Phật, lại nghe việc nhân duyên đời trước, tức là

Phẩm Hoá Thành Dụ, nói về các vị vương tử thuở xưa, và nói về nhân duyên.

Lại nghe chư Phật có đại trí huệ, tùy duyên tự tại, thông đạt vô ngại, đây là những việc từ trước chưa từng nghe, cho nên trong tâm thanh tịnh hớn hở khác thường. Bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến ở trước đức Phật cuối đầu cung kính lễ dưới chân đức Phật.

Lễ Phật xong, lui về đứng một bên, chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật, mắt chẳng nhấp nháy. Trong tâm nghĩ như vầy : "Đức Thế Tôn rất ít có kỳ đặc, những gì Phật làm càng hy hữu, hay dùng trí huệ quyền xảo phương tiện, để tùy thuận chúng sinh, mà nói đủ thứ Phật pháp phương tiện, khiến cho chúng sinh tiêu trừ tham trước, chẳng còn nhiễm ô cảnh sáu trần. Chúng con trí huệ mỏng manh, căn cơ cạn cợt, cho nên không thể nói hết và tuyên dương công đức của chư Phật, chỉ có Phật, đại giác Thế Tôn, mới biết đại nguyện ở trong thâm tâm của con và chúng sinh".

Bấy giờ, đức Phật bảo các vị Tỳ Kheo rằng ! Các ông có thấy ông Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử đây chăng, ta thường khen ông ta là người thuyết pháp giỏi bậc nhất, cũng thường khen ngợi ông ta tu đủ thứ công đức, tinh tấn siêng năng hộ trì, trợ giúp tuyên

dương pháp của ta, hay ở trong bốn chúng khai thị giáo hóa, khiến cho mọi người được lợi ích vui mừng, giải thích đầy đủ chánh pháp của Phật, khiến cho bậc đồng phạm hạnh được lợi ích rất lớn. Ngoài đức Như Lai ra, chẳng có ai biện luận bằng ông Phú Lâu Na.

Lúc đó, Phật bảo các vị đại Tỳ Kheo: ‘’Các ông bây giờ có thấy vị Thanh Văn thừa Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử đây chăng ? Ông ta ở trong đời trước, đã từng phát nguyện lớn, muốn trợ giúp Phật hoằng dương Phật pháp. Ta thường khen ngợi ông ta, vì ông ta thuyết pháp giỏi bậc nhất‘’.

Ban đầu Phật chuyển bánh xe diệu pháp, ngoài đức Phật đích thân nói pháp ra, cũng nhờ đồ chúng luân phiên thuyết pháp. Vì khích lệ trí lực biện tài giảng kinh thuyết pháp của đồ chúng, nên đức Phật luôn luôn cho người thuyết pháp bình luận, khiến cho họ "đầu sào trăm trượng tiến thêm một bước". Tại Vạn Phật Thành cũng làm theo đức Phật chế, chuyển bánh xe pháp, thuyết pháp khiến cho người thuyết pháp tùy ý phát huy, thâm nhập sự áo diệu của Phật pháp, song phải hợp với đạo lý ở trong kinh.

Ngài Phú Lâu Na khéo nói pháp vi diệu, do đó trời người, cho đến loài quỷ, súc sinh, đều thích nghe, tức khiến cho loài A tu la háo chiến, cũng lập tức ngưng chiến, mà yên lặng nghe pháp, ngoài ra bậc A la hán và Bồ Tát, cũng thích nghe Ngài nói pháp. Phật thường khen ngợi Phú Lâu Na trong đời quá khứ, rộng tu cúng dường Tam Bảo, và làm đủ thứ công đức, tinh tấn siêng tu, khéo hộ trì tuyên dương Phật pháp, lại khéo vì bốn chúng khai thị, khiến cho họ được pháp ích lớn.

Ngoại trừ Phật ra, ở trong đại chúng chẳng có ai có biện tài vô ngại như Ngài Phú Lâu Na, ở trong hàng đệ tử của Phật, Ngài là người giỏi thuyết pháp bậc nhất.

Các ông chớ cho rằng, ông Phú Lâu Na chỉ hộ trì tuyên dương pháp của ta thôi, mà trong quá khứ, nơi chín mươi ức chư Phật, cũng hộ trì tuyên dương chánh pháp của chư Phật. Trong hàng người nói pháp, ông Phú Lâu Na cũng là bậc nhất, và nơi pháp không của các đức Phật nói, thấu rõ thông đạt, đắc được bốn trí vô ngại, thường hay suy xét kỹ lưỡng thanh tịnh, thuyết pháp chẳng có nghi hoặc, đầy đủ sức thần thông của Bồ Tát, tùy theo thọ mạng, thường tu phạm hạnh. Người

ở đời thuở các đức Phật kia, đều cho rằng ông thật là Thanh Văn, nhưng ông Phú Lâu Na dùng phương tiện đó, lợi ích vô lượng trăm nghìn chúng sinh, và hóa độ số người nhiều vô lượng A tăng kỳ, khiến cho họ trụ nơi quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì tịnh cõi Phật, mà thường làm Phật sự giáo hóa chúng sinh.

Đức Phật Thích Ca nói: ‘’Các ông đừng cho rằng ông Phú Lâu Na chỉ hộ trì trợ giúp tuyên dương pháp của ta nói, mà ông ta sớm ở trong quá khứ trong vô lượng kiếp, đã hộ trì pháp của vô lượng các đức Phật. Ở chỗ các đức Phật, cũng là người nói pháp giỏi bậc nhất‘’.

Ngài còn thông đạt pháp không của các đức Phật nói, đắc được bốn trí vô ngại tức là :

1. Pháp vô ngại biện.

2. Nghĩa vô ngại biện: Từ một nghĩa mà diễn nói thành vô lượng nghĩa, lại từ vô lượng nghĩa mà quy nạp làm một. Một làm vô lượng, vô lượng làm một. Một tức vô lượng, vô lượng tức một, viên dung vô ngại.

3. Từ vô ngại biện : Nguyện nói Phật pháp.

4. Lạc thuyết vô ngại biện : Thích nói pháp, chưa từng giải đãi. Khéo về quán cơ thí giáo, thậm chí thấy heo, chó .v.v., cũng vì chúng thuyết pháp. Nói với heo

rằng: ''Ngươi đừng quá tham ăn tham ngủ nữa, cũng đừng quá làm biến không tinh tấn, nếu không đời sau cũng sẽ bị đọa làm heo nữa, tức vĩnh viễn khó có ngày thoát khỏi ba đường ác''. Khuyên nói với chó rằng: ''Ngươi từ nay về sau, đừng có san tham nữa, nên sớm quay đầu, bỏ mê về với giác ngộ.''

''Thường hay suy xét kỹ lưỡng thanh tịnh thuyết pháp, chẳng có nghi hoặc'': Thường hay suy xét những pháp nói ra đều thanh tịnh, chẳng có tâm nghi hoặc. Nếu người khởi hoài nghi pháp của mình nói''. Pháp của mình vừa mới nói có đúng chăng? Mình khởi nghi thì cũng khiến cho người nghe khởi nghi. ''Ông nầy nói tầm bậy, đùng nghe ông ta nói''.

Tuy Ngài Phú Lâu Na là bậc A La Hán, song đã đầy đủ sức thần thông của Bồ Tát, đó là vì Ngài ở trong đời quá khứ, đã hành Bồ Tát đạo, tùy theo thọ mạng nơi chỗ các đức Phật tu đủ thứ tịnh hạnh. ''Người đời ở thuở các Đức Phật kia, đều cho rằng ông ta thật là Thanh Văn''. Ngài Phú Lâu Na vốn là Bồ Tát, song Ngài:

''Nội bí Bồ Tát hạnh,
Ngoại hiện Thanh Văn thân''.

Nghĩa là :

Bên trong bí mật tu hạnh Bồ Tát,
Bên ngoài hiện thân Thanh Văn.

Ẩn thật hiện quyền, thị hiện hình tướng Thanh Văn, nhờ vậy mà phá ‘’thấy dấu vết thì mê gốc‘’ của người thế tục.

Cho nên Ngài Phú Lâu Na dùng pháp quyền xảo phương tiện, ẩn lớn hiện nhỏ, lợi ích vô lượng trăm ngàn chúng sinh. ‘’Lại hóa độ số người nhiều vô lượng A tăng kỳ, khiến cho họ trụ nơi quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.’’: Lại giáo hóa vô lượng chúng sinh, khiến cho họ lập chí tu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngài Phú Lâu Na vì trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, cho nên phàm là có việc lợi ích cho Phật giáo, Ngài chưa từng phóng dật, dùng sở đắc của mình, giáo hóa chúng sinh làm trách nhiệm của mình.

Ngài Phú Lâu Na thích nói Phật pháp, Ngài có bốn trí vô ngại. Pháp sư thời nay cũng cần có bốn trí vô ngại, nên đầy đủ bốn trí nầy, bằng không chỉ có một trí ‘’thích nói‘’ Phật pháp, bị cảnh lay chuyển, ví như, vốn muốn độ người nào đó, song định lực chẳng đủ, kết quả ngược lại bị người đó lay chuyển. Lại ví như ‘’người độ chó‘’, nếu thương mến tham luyến, cũng sẽ bị chó độ lại. Xưa kia, có người diễn kịch, rất tinh thông về nghề kịch, diễn rất khéo léo, song anh ta thương một con chó, song con chó đó chẳng phải là ai xa lạ, mà chính là vợ của anh ta ! Vì vợ của anh ta suốt ngày thích mắng chửi người, bộ dạng như chó sủa, suốt ngày sủa gâu ! Gâu ! Gâu ! Đối với anh diễn kịch. Chẳng có ngày nào yên ổn, không được nghỉ,

cũng không thể tu hành. Khi anh ta bực bội đến cực điểm, thì tôi nói với anh ta : ‘’Nếu anh có định lực, thì phiền não tự nhiên sẽ bỏ anh mà đi. Bây giờ anh nên tu nhẫn nhục, nhẫn thọ tất cả sự chưởi mắng. Do đó có câu:

‘’Duyên tụ thì thành, duyên tan thì lìa‘’.

Anh ta nghe rồi, quả nhiên tu pháp môn nhẫn nhục. Ba năm sau, anh ta từ từ đã nhẫn thọ được nghịch cảnh, còn vợ của anh ta trường từ với đời, cuối cùng bỏ anh ta mà ra đi.

Các Tỳ Kheo ! Ông Phú Lâu Na ở nơi bảy đức Phật, cũng là người thuyết pháp bậc nhất. Nay trong hàng đệ tử của ta, cũng là người thuyết pháp bậc nhất. Nơi các đức Phật vị lai trong Hiền kiếp, cũng là người thuyết pháp bậc nhất, đều hộ trì tuyên dương Phật pháp. Đời vị lai, ông Phú Lâu Na cũng hộ trì tuyên dương, pháp của vô lượng vô biên các đức Phật, giáo hóa lợi ích vô lượng chúng sinh, khiến cho họ trụ nơi quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì tịnh cõi Phật, nên thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sinh.

Các Tỳ Kheo ! Vị Phú Lâu Na ẩn lớn hiện nhỏ nầy, ở nơi bảy đức Phật và Phật Thích Ca, cũng đều là người thuyết pháp bậc nhất trong hàng đệ tử của Phật. Bảy Đức Phật là :

1. Phật Tỳ Bà Thi.
2. Phật Thi Khí.
3. Phật Tỳ Xá Phù.
4. Phật Câu Lưu Tôn.
5. Phật Câu Na Hàm Mâu Ni.
6. Phật Ca Diếp.
7. Phật Thích Ca Mâu Ni.

Vì nhân duyên gì, mà Ngài Phú Lâu Na là người thuyết pháp bậc nhất trong bảy Đức Phật ? Ngài Phú Lâu Na ở trong quá khứ vô lượng ức kiếp, chẳng biết thuyết pháp, song đối với Phật pháp Ngài rất khao khát ngưỡng mộ, cho nên mỗi lần nghe có pháp hội giảng kinh, thì Ngài nhất định phải đến tham dự. Dù Ngài có thể không ăn không uống không ngủ, song không thể nào không đến nghe pháp, cho nên lấy pháp làm thức ăn, lấy pháp làm nước, chẳng những như thế, mà vì biểu thị lòng cung kính, chẳng màng là ai thuyết pháp, Ngài cũng đều cung kính, Ngài từng nguyện như vầy: ‘’Tương lai sau khi xuất gia, tôi nguyện sẽ là người thuyết pháp bậc nhất, tại mỗi vị Phật ra đời, đều phải dưới Phật tòa giảng kinh thuyết pháp vào hàng bậc nhất‘’.

Ngài đời đời kiếp kiếp đều phát nguyện nầy, quả nhiên toại tâm mãn nguyện, vì phát nguyện trồng xuống hạt giống bồ đề, thì sẽ nảy mầm lớn dần. Khi cơ duyên thành thục, thì trí huệ phát sinh biện tài vô ngại.

''Nơi các đức Phật vị lai trong Hiền kiếp, cũng là người thuyết pháp bậc nhất''. Hiền kiếp tức là thời Thánh hiền ra đời, Phật Câu Lưu Tôn là vị Phật thứ nhất của Hiền kiếp, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni là thứ hai, Phật Ca Diếp là thứ ba, Phật Thích Ca Mâu Ni là thứ tư của Hiền kiếp.

Vị lai, Ngài Phú Lâu Na cũng là người thuyết pháp bậc nhất. Ngài nghe pháp thì dẹp trừ hết mọi vọng tưởng, dùng tâm chân thành hằng thật, chuyên chú tu hành mới có thành tựu như thế. Do đó, chúng ta khi tu đạo, thì chớ tồn tại tơ hào tâm đố kị chướng ngại, đừng tham cầu danh văn lợi dưỡng, đừng ham đệ nhất, nên thường sinh tâm khen ngợi người khác mới tương ưng, chẳng trở ngại đối với pháp, đắc được pháp cảnh tương dung, lạc thuyết vô ngại, không đệ nhất mà tự nhiên đệ nhất.

Thuở xưa, có vị Phật sống chùa Kim Sơn, đầy đủ thần thông, lại chữa trị được bệnh, song bất cứ ai đang thuyết pháp, Ngài cũng đều cung kính chắp tay ngồi xuống. Phật sống còn trọng pháp như thế, hà huống là phàm phu chúng ta ? Ngài cũng nhiều kiếp khổ tu, mới cảm ứng và đầy đủ thần thông. Một số nhân sĩ ở Thượng Hải, chẳng ai mà không cung kính khâm phục Ngài. Nếu gặp trong chùa chẳng còn gạo ăn, thì Ngài chỉ niệm ''Gạo

đến, gạo đến'' ! Thì gạo quả nhiên sẽ đến. Kẻ thấy Ngài, chẳng ai mà không ngạc nhiên kính phục.

Ngài Phú Lâu Na thuyết pháp bậc nhất, song Ngài chẳng ''tranh giành'' mà tự nhiên có được. Chẳng những trong Hiền kiếp, mà suốt thuở vị lai vô biên chỗ các Đức Phật, Ngài cũng hộ trì diễn nói tuyên dương chánh pháp, giáo hóa lợi lạc quần sinh, khiến cho họ kiến lập thành tựu nhân duyên, quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nếu ai tinh tấn siêng năng giáo hoá chúng sinh, thì người đó thanh tịnh cõi Phật. Cho nên hiện tại ở Vạn Phật Thành ai tuyên dương Phật pháp, khổ tu hành, tức là nhân duyên thù thắng thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật.

Bây giờ, chúng ta trang nghiêm cõi Phật khác, thì ngày nào đó, khi mình thành Phật, thì cõi nước của mình cũng sẽ trang nghiêm. Do đó : ''Lấy sự trang nghiêm của Phật, trang nghiêm cho mình''. Thanh tịnh cõi Phật khác, tức là thanh tịnh cõi Phật tự tánh. Nếu ai biết mà không thực hành, thì tự tánh của người đó ô uế hơn đời ác năm trược. Các vị chớ thấy mà bỏ qua, hiện tại tôi giảng kinh thuyết pháp được, cũng có thể nói là đã từng thọ qua sự giáo hóa của Ngài Phú Lâu Na. Lúc còn trẻ, tôi ngu dốt hơn một số người, chẳng khéo ăn nói, cũng chẳng dám nói nhiều, nếu chưa từng thọ sự khai thị của Ngài Phú Lâu Na, thì dù chính mình khổ tu, cũng không được như vậy.

Dần dần đầy đủ đạo Bồ Tát, trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, sẽ ở cõi này đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiệu là Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó, dùng ba ngàn đại thiên thế giới, nhiều đồng như số các sông Hằng làm một cõi Phật. Bảy báu làm đất, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, chẳng có núi gò khe suối rạch ngòi. Đài quán bảy báu đầy dẫy trong đó. Cung điện của chư Thiên ở gần nơi hư không, trời người giao tiếp nhau, và thấy được nhau.

Ngài Phú Lâu Na dần dần sẽ đầy đủ đạo Bồ Tát, tu thành tựu viên mãn rồi sẽ thành Phật, giác hạnh viên mãn. Ngài tương lai sẽ thành Phật ở thế giới Ta Bà nầy, hiệu là Phật Pháp Minh. Đức Phật đó, dùng ba ngàn đại thiên thế giới, nhiều như số cát sông Hằng làm một cõi Phật, làm nơi giáo hóa của Phật. Có : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, pha lê, bảy thứ báu nghiêm sức. Mặt đất bằng phẳng như bàn tay của Phật, tâm của Phật bằng

phẳng, nên mặt đất cũng bằng. Mặt đất bằng chẳng có núi, gò, khe, suối, rạch, ngòi .v.v., dụ cho đất chẳng có âm hiểm, bất bình, tham dục. Lại có đài quán dùng bảy báu tạo thành, cung điện của chư Thiên gần nơi hư không. Trời và người nhìn thấy nhau, giao tiếp với nhau.

Chẳng có các đường ác, cũng chẳng có các người nữ. Tất cả chúng sinh đều hóa sinh ra, chẳng có dâm dục, được đại thần thông, thân phóng quang minh, bay đi tự tại, chí niệm vững chắc, tinh tấn trí huệ, thảy đều màu vàng thật, ba mươi hai tướng tự trang nghiêm. Chúng sinh trong nước đó, thường dùng hai thứ ăn uống, một là dùng niềm vui của pháp, thứ hai là dùng niềm vui của thiền định.

Vì ''chẳng có các đường ác'', cho nên cõi tịnh độ đó chẳng đói khác, chẳng có thống khổ phiền não, cũng chẳng có súc sinh. ''Cũng chẳng có người nữ'', tại sao chẳng có người nữ ? Con người lại từ đâu đến ? Chúng sinh đồng ở nơi thế giới Ta Bà ác trược ô uế nầy, có bốn đường ác và người nữ. Song trong cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, cho nên chẳng có đường ác và người nữ. Thế giới Lưu Ly ở phương đông và thế giới Cực Lạc phương

tây có người nữ, song chẳng có nhân sự, cũng chẳng có tâm dâm dục, tất cả chúng sinh đều là pháp tử, từ pháp hóa sinh, đoạn dục khử ái tu thành pháp thân, cho nên thế giới Lưu Ly cũng gọi là thế giới hoan hỉ.

Chúng sinh trong cõi nước của Phật Pháp Minh, đều là hóa sinh mà chẳng có thai sinh, tự có hóa không, tự không hóa có, biến hóa vô cùng. Có chúng sinh biến hóa ra từ trong hoa sen, biến hóa ra từ trong cây, biến hóa ra từ trong biển, cảnh giới trong nước đó, đều không thể nghĩ bàn.

''Chẳng có dâm dục'', nếu người muốn tu đạo, thì đừng nên có tơ hào về tham dục, hà huống là tự làm ? Ai đoạn được dâm dục thì có định lực, mới có thể chứng đại thần thông, trí huệ hiển hiện, thân phóng quang minh. Từ thế giới định huệ ba học vô lậu mà sinh ra, bay đi tự tại, tùy ý mà đến. Tâm bồ đề tu tập Phật pháp có tiến chẳng có lùi, vững chắc chẳng động lay, càng ngày càng tiến bộ, vì có chí nguyện tinh tấn nầy mới có đại trí huệ.

Người trong cõi nước đó, vì tu trung đạo thắng hạnh thanh tịnh, cho nên thân thể đều hiện sắc màu vàng thật, tự trang nghiêm cõi nước mà thành tựu ba mươi hai tướng.

Cõi nước đó, có hai thứ ăn uống: Một là dùng niềm vui của pháp làm thức ăn, tâm lìa tham trước. Từ xưa phàm phu đều dùng thực vật làm thức ăn, còn tham trước mùi vị. Nếu không tham ăn mà dùng pháp làm thức ăn,

thì pháp hỉ sung mãn (niềm vui tràn đầy), chẳng cảm thấy đói khát.

Hai là dùng niềm vui của thiền định làm thức ăn. Nếu ai ai cũng đều tu tập thiền định, thì hằng ngày chẳng đoạn thực, càng ngồi càng sinh hoan hỉ, chẳng muốn rời khỏi chỗ ngồi, diệu đến cực điểm.

''Ăn uống'' có nhiều thứ, phàm phu là phần đoạn thực (ăn uống từng phần từng đoạn), chư thiên là tư thực, (muốn ăn gì, nghĩ đến liền có), quỷ thần là xúc thực, chúng dùng mũi ngửi, cho nên cũng gọi là khứu thực.

Có vô lượng A tăng kỳ ngàn vạn ức Na do tha các chúng Bồ Tát, được đại thần thông, bốn trí vô ngại, khéo giáo hóa chúng sinh. Chúng hàng Thanh Văn dù tính toán cũng không biết được số lượng, đều được đầy đủ sáu thần thông, ba minh và tám giải thoát. Cõi nước đức Phật đó, có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế, kiếp tên là Bảo Minh, cõi nước đó tên là Thiện Tịnh, tuổi thọ của đức Phật đó, vô lượng A tăng kỳ kiếp, pháp lưu lại ở đời rất lâu. Sau khi đức Phật diệt độ, tạo dựng tháp bằng bảy báu, đầy khắp cõi nước đó.

Có vô lượng vô số chúng Bồ Tát đại thừa, được đại thần thông và bốn trí vô ngại (bốn biện tài vô ngại), khéo quán sát căn cơ rồi nói pháp. Chúng Thanh Văn cũng chẳng cách chi tính đếm được, đều đầy đủ sáu thông, ba minh (thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh) và bên trong có sắc tưởng quán ngoại sắc, bên trong chẳng có sắc tưởng quán ngoại sắc .v.v., tám pháp giải thoát.

Phật Pháp Minh ứng hóa ra cõi nước như đã nói ở trên, dùng vô lượng công đức để trang nghiêm. Trong kiếp Bảo Minh, Đức Phật Pháp Minh nơi cõi nước Thiện Tịnh thành Phật, Đức Phật đó sống lâu vô lượng A tăng kỳ kiếp, Phật pháp trụ ở đời rất lâu. Sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử dùng bảy báu tạo tháp cúng dường, đầy khắp cõi nước đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Các Tỳ Kheo lóng nghe
Đạo của Phật tử hành
Vì khéo học phương tiện
Không thể nghĩ bàn được.
Biết chúng ưa pháp nhỏ
Mà sợ nơi trí lớn
Cho nên các Bồ Tát

Làm Thanh Văn Duyên Giác.
Dùng vô số phương tiện
Độ các loài chúng sinh
Tự nói là Thanh Văn
Cách Phật đạo rất xa.
Độ thoát vô lượng chúng
Thảy đều được thành tựu
Tuy tiểu thừa giải đãi
Dần sẽ khiến thành Phật.
Trong ẩn hạnh Bồ Tát
Ngoài hiện là Thanh Văn
Ít muốn nhàm sinh tử
Thật tự tịnh cõi Phật.
Thị hiện có ba độc
Lại hiện tướng tà kiến
Đệ tử ta như thế
Phương tiện độ chúng sinh.
Nếu ta nói đầy đủ
Các thứ việc hóa hiện
Chúng sinh nghe như thế
Tâm bèn sinh nghi hoặc.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa ở trên, bèn dùng kệ để nói: Các chúng Tỳ Kheo hãy chú ý nghe, Phật tử Phú Lâu Na hành đạo, khéo học phương tiện huệ, cho nên dùng quyền xảo phương tiện, làm việc không thể nghĩ bàn. Biết chúng sinh ưa thích pháp tiểu thừa, mà sợ đại thừa, cho nên các vị Bồ Tát ẩn lớn hiện nhỏ, hiện thân Thanh Văn, Duyên Giác, dùng vô số phương tiện pháp môn, giáo hóa tất cả chúng sinh.

Tự nói là nhị thừa Thanh Văn, cách Phật đạo rất xa, nhờ phương tiện đó mà độ thoát vô lượng chúng sinh, khiến cho thành tựu đạo xuất thế. Tuy nhiên người tiểu thừa muốn giải đãi, trung đạo tự tận, cũng phải khiến cho họ từ từ hồi tiểu hướng đại, thành tựu Phật đạo.

Bên trong ẩn hạnh Bồ Tát, mà bên ngoài hiện thân Thanh Văn, làm Thanh Văn thực hành pháp thiểu dục, nhàm chán sinh tử, bên trong tâm thật tự du hí thần thông, tự trang nghiêm cõi Phật, song cố ý hiện có ba độc (tham, sân, si) và tướng tà kiến mà chẳng tham hiểm, dùng đủ thứ phương tiện nhân duyên, dẫn dắt kẻ mê hoặc thì dễ thành công. Như Ngài Ca Lưu Đà Di giả hiện tướng cô gái đẹp, song thật thì chẳng phải như thế. Người có trí thì đều biết được đó chẳng phải là sắc đẹp thật, bất quá đó là quyền xảo phương tiện thị hiện tướng đó.

Ngoài ra, đệ tử của Phật như Ngài Xá Lợi Phất thì hiện tướng sân, hoặc tướng tham, hoặc tướng si, cũng không ngoài dùng pháp phương tiện, tùy theo loài mà

giáo hoá, do đó mà hiện đủ thứ hình tướng, nay chỉ nói sơ lược, không dám nói hết, vì sợ người nghe tín tâm chưa vững chắc sinh ra nghi hoặc.

Nay Phú Lâu Na đây
Nơi ngàn ức Phật xưa
Siêng tu Bồ Tát đạo
Tuyên dương pháp chư Phật.
Vì cầu huệ vô thượng
Nên nơi chỗ chư Phật
Hiện ở trong đệ tử
Đa văn có trí huệ.
Thuyết pháp vô sở úy
Hay khiến chúng hoan hỉ
Chưa từng có mệt nhọc
Để trợ giúp Phật sự.
Đã được đại thần thông
Đủ bốn trí vô ngại
Biết các căn lợi độn
Thường nói pháp thanh tịnh.
Diễn xướng nghĩa như thế
Độ ngàn ức chúng sinh

Khiến trụ pháp đại thừa
Mà tự tịnh cõi Phật.
Vị lai cũng cúng dường
Vô lượng vô số Phật
Trợ giúp tuyên chánh pháp
Cũng tự tịnh cõi Phật.
Thường dùng các phương tiện
Thuyết pháp vô sở úy
Độ chúng không tính được
Thành tựu Nhất thiết trí.

Hiện tại Phú Lâu Na đây, nơi chỗ chư Phật trong quá khứ, siêng tu thanh tịnh Bồ Tát đạo, tuyên dương hộ trì pháp của chư Phật, vì cầu trí huệ vô thượng của Như Lai. Ở chỗ chư Phật bậc nhất về thuyết pháp, hiện ở trong tất cả đệ tử làm bác học đa văn, có đại trí huệ, thuyết pháp được vô sở úy, hay khiến cho người nghe sinh tâm hoan hỉ, chưa từng có tướng mỏi mệt. Trợ giúp làm Phật sự, đắc được đại thần thông.

Vì đủ bốn trí vô ngại, nên biết căn tính lợi hoặc độn của các chúng sinh. Thường nói thanh tịnh vô thượng diệu pháp, lưu thông diễn xướng nghĩa như thế. Giáo hóa vô số ức chúng sinh, khiến cho được an trụ nơi pháp đại thừa, thanh tịnh tự trang nghiêm cõi Phật. Ở vị lai cúng dường chư Phật.

Bên ngoài hiện tướng Thanh Văn, ứng các căn cơ, trợ giúp tuyên dương chánh pháp, bên trong ẩn chân tâm, tự tâm thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật. Thường dùng pháp phương tiện thiện xảo, thuyết pháp vi diệu vô thượng mà tâm vô sở úy, độ vô số chúng sinh, đều khiến cho thành tựu Nhất thiết trí huệ.

Cúng dường các Như Lai
Hộ trì tạng pháp bảo
Sau đó được thành Phật
Hiệu là Phật Pháp Minh.
Nước đó tên Thiện Tịnh
Đất đai bằng bảy báu
Kiếp tên là Bảo Minh
Chúng Bồ Tát rất nhiều.
Có đến vô lượng ức
Đều có đại thần thông
Sức oai đức đầy đủ
Đầy dẫy trong nước đó.
Thanh Văn cũng vô số
Ba minh tám giải thoát
Được bốn trí vô ngại
Dùng họ để làm Tăng.

Các chúng sinh nước đó
Đều đã đoạn dâm dục
Chỉ biến hóa sinh ra
Thân đủ tướng trang nghiêm.
Ăn pháp hỉ thiền duyệt
Càng chẳng có nghĩ ăn
Chẳng có những người nữ
Cũng chẳng có đường ác.
Tỳ Kheo Phú Lâu Na
Công đức đều viên mãn
Sẽ được tịnh độ đó
Chúng hiền Thánh rất đông.
Vô lượng việc như thế
Nay ta chỉ lược nói.

Cúng dường Phật là tu phước, nói pháp là tu huệ, phước huệ song tu, đến khi đầy đủ thì thành Phật, hiệu là Pháp Minh, cõi nước đó tên là Thiện Tịnh, đất đai đều do bảy báu hợp thành, kiếp tên là Bảo Minh, trong nước đó có vô số ức Bồ Tát, đều có đại thần thông, đầy đủ sức oai đức. Lại có vô lượng Thanh Văn, đã được ba minh, tám giải thoát và bốn trí vô ngại, dùng hàng tiểu thừa như thế tu công đức vô lậu. Chúng sinh nước đó chẳng có dâm

dục. Nếu ai ở thế giới Ta Bà nầy, tu đạo thanh tịnh, giữ gìn giới luật, tâm chẳng nghĩ về dâm dục, thì cũng như sống ở trong nước đó không khác.

Trong cõi nước Thiện Tịnh đã đoạn dâm dục, chúng sinh đều từ hoa sen hóa sinh ra, đủ tướng trang nghiêm, dùng sự nghe kinh, thiền duyệt, pháp hỉ sung mãn làm thức ăn, một khi vui mừng thì được an lạc vô hạng. Có người nói: ''Không có người nữ ở trong nước đó thì làm sao có người ?'' Bạn chỉ biết có người nữ mà không biết đoạn dục khử ái, tính tịnh thể sáng.

Nước đó chẳng có người nữ, chẳng có đường ác, càng chẳng nghĩ đến sự ăn uống. Ngài Phú Lâu Na viên mãn tất cả công đức, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, sẽ được đồng cư tịnh độ như thế. Bồ Tát Thanh Văn, trời người rất đông không thể biết được số lượng, chỉ lược nói thôi, tránh khiến cho chúng sinh sinh ra nghi hoặc.

Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A la hán, tâm tự tại nghĩ như vầy : Chúng ta vui mừng được chưa từng có. Nếu được đức Thế Tôn đều thọ ký, như các vị đệ tử lớn, thì sung sướng lắm. Đức Phật biết tâm suy nghĩ của các vị đó, bèn nói với ngài Ma Ha Ca Diếp rằng : Một nghìn hai trăm vị A la hán này, nay ta sẽ lần lược thọ ký quả vị Vô thượng

chánh đẳng chánh giác. Ở trong chúng đây, đệ tử lớn của ta, Tỳ Kheo Kiều Trần Như sẽ cúng dường sáu vạn hai nghìn ức đức Phật, sau đó sẽ được thành Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Lúc đó, một nghìn hai trăm vị A La Hán đều đã chứng vô học, tâm tự tại, đã sạch phiền não. Tại nhân địa tu hành thì làm Tỳ Kheo, đến quả địa là A La Hán.

A La Hán có ba nghĩa :

1. Ứng Cúng : Xứng đáng thọ trời người và thần cúng dường.

2. Sát tặc : Giết tặc phiền não. Bồ Tát là giết ''bất tặc'', A La Hán chẳng nhận thức cho là tặc, song Bồ Tát nhận thức cho là tặc mà trừ đi.

3. Vô sinh : Nghĩa là phiền não chẳng sinh. Vì ''sinh'' mới phải diệt, ''bất sinh'' thì chẳng cần diệt. Không sinh không diệt tức vô minh pháp nhẫn.

A La Hán tự do tự tại, vô câu vô thúc, chẳng quái ngại, chẳng có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Song các vị A La Hán thấy Đức Phật thọ ký cho Ngài Phú Lâu Na, bèn nghĩ như vầy : ''Việc Phật

thọ ký, trước kia chưa từng có. Nếu được Phật thọ ký riêng cho chúng ta thì sung sướng lắm‘’ ! Đức Phật đều biết, đều thấy tâm của mọi người, cho nên nói với Ngài Ma Ha Ca Diếp rằng : Nói với mọi người đừng hấp tấp, Phật sẽ vì các vị đó lần lược thọ ký.

Ở trong chúng đó, người ta độ trước nhất là Kiều Trần Như, ông ta là vị đệ tử lớn tinh tấn siêng năng tu đạo và chủ trì Phật pháp, sẽ cúng dường sáu vạn hai ngàn ức Đức Phật, sau đó sẽ thành Phật hiệu là Phổ Minh Như Lai. Ngài Kiều trần Như, tức "giải bổn tế", hiểu rõ bổn lai diện mục. Ngài là người thọ giới cụ túc đầu tiên, cũng là đệ tử ngộ trước nhất, cho nên làm trưởng lão của một nghìn hai trăm vị A La Hán.

Năm trăm vị A la hán đó, Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp, Già Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu Đà Di, A Nậu Lâu Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà, Sa Già Đà .v.v... đều sẽ được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều đồng một danh hiệu là Phổ Minh. Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Năm trăm vị A La Hán đó, Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp, Già Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, dịch ra là "giang" hoặc "hà" (sông). Đó là biểu thị tu hành bên bờ sông. Ca Lưu Đà Di, nghĩa là "hắc quang", vì tướng mạo đen thui, Ngài chẳng giữ giới luật, thích đi ban đêm. Một đêm nọ trời tối đen như mực, trong đêm tối càng thấy rõ bộ diện của Ngài phát quang. Ngài đi đến trước của một nhà nọ, thuận tay gõ mấy tiếng, bèn có một phụ nữ mang thai ra mở cửa, bất thình lình cô ta thấy một vật phát quang đứng ở trước cửa, cô ta ngất xỉu, sau một lúc bèn tỉnh dậy. Vì một niệm sợ hãi mà động bào thai, đưa đến đứa bé chào đời, cô ta quở trách vị Tỳ Kheo đó. Đức Phật nghe tin bèn họp đại chúng lại, chế ra luật Tỳ Kheo không được du hành ban đêm. Tuy vị Tỳ Kheo đó từng phạm lỗi lầm, nhưng rất nhân duyên, rất được đồ chúng tôn kính và tín nhiệm, và từng hóa độ rất đông người.

Ngài Ca Lưu Đà Di đó, vì giáo hóa chúng sinh mà giả hiện thái độ không giữ quy cụ, là một sự dạy đạo ‘’phản diện‘’.

Ưu Đà Di là học trò của Ngài A Nan, nghĩa là "xuất hiện", nghiêm thủ giới luật nhất. A Nậu Lâu Đà, đã từng bảy ngày không ngủ, khiến cho cặp mắt bị mù. Một lần nọ, Phật thuyết pháp, song Ngài A Nậu Lâu Đà ngủ gục bị Đức Phật quở. Sau khi Ngài tỉnh dậy, bèn phát nguyện từ đây về sau không giải đãi nữa, chẳng tham ngủ nữa. Kết quả vì Ngài không ngủ, dụng công quá độ, mà cặp mắt bị mù. Phật thương xót Ngài, bèn dạy Ngài tu tam muội kim

cang chiếu minh. Chẳng bao lâu, Ngài chứng được thiên nhãn thông, quán chiếu được ba ngàn thế giới, như thấy quả trái cây trong lòng bàn tay.

A Nậu Lâu Đà nghĩa là "không nghèo". Thuở xưa, Ngài từng cúng dường một vị Tỳ Kheo đã chứng quả Thánh. Vị Thánh nhân nầy, khi tu hành tại nhân địa thì chỉ tu huệ mà chẳng tu phước, cho nên đi khất thực luôn luôn ôm bát không về. Do đó, Ngài quyết định mỗi bảy ngày mới hóa duyên một lần, mỗi lần hóa duyên bảy nhà, nếu chẳng có ai cho gì thì không ăn.

Một ngày nọ, Ngài ôm bát không trở về, đi ngang qua đồng ruộng, thì có một nông phu mới làm xong, nghỉ việc chuẩn bị để ăn cơm trưa. Từ xa thấy vị tu hành ôm bát không đi ngang qua. Ngài A Nậu Lâu Đà phát tâm cúng dường phần cơm trưa của mình cho vị tu hành đó. Tuy Ngài A Nậu Lâu Đà rất đói, song vì tâm thành muốn cúng dường cho vị đó. Vị tu hành đó nhận sự cúng dường rồi bèn hồi hướng:

''Sở vị bố thí giả,
Tất hoạch kỳ lợi ích
Nhược vị lạc bố thí
Hậu tất đắc an lạc.''

Nghĩa là:

Những gì mình bố thí
Sẽ đắc được lợi ích
Nếu vui vẻ bố thí

Sau sẽ được an lạc.

Nói xong bỏ đi. Người nông dân lúc đó bất ngờ thấy con thỏ chạy lên vai, song dính ở trên vai, người nông dân kinh dị, bèn lập tức chạy về nhà, nói lại với vợ. Người vợ lấy tay cầm xuống, thì đột nhiên thấy con thỏ đã biến thành vàng. Do đó, bèn chặt hai cái chân đi đổi thành tiền để sinh sống, thì lạ thay chỗ chặt đi lại biến lại như cũ, lại chặt đi, lại biến lại như cũ, dùng không hết, càng ngày càng trở nên giàu có. Cho nên, Ngài đời đời kiếp kiếp không nghèo, trải qua chín mươi mốt kiếp được quả báo giàu có.

Ly Bà Đa dịch ra nghĩa là "Tinh tú". Kiếp Tân Na dịch ra nghĩa là "Phòng tú", vì sao thứ tư ở trong Nhị Thập Bát Tú. Ngài Kiếp Tân Na và Ngài Ly Bà Đa đều thuộc về tinh tú. Tại sao lại như thế ? Vì xưa kia, cha mẹ của các Ngài gần về tuổi già mà chẳng có con, cho nên bèn ở trước bàn thờ Nhị Thập Bát Tú mà cầu con, phát nguyện siêng tu làm việc lành, cúng sường Tam Bảo, kết quả được mãn nguyện, cho nên được tên là Phòng Tú (Kiếp Tân Na).

Bạc Câu La ở trong quá khứ từng giữ giới chẳng sát sinh, cho nên được năm thứ phước báo. Ngài vừa chào đời thì cười hà hà, mẹ của Ngài thấy vậy rất sợ hãi, nghi là yêu quái, mới đem Ngài bỏ vào chảo dầu sôi, muốn dùng dầu sôi thiêu chết Ngài, song chẳng thành công. Kế tiếp, lại đem Ngài bỏ vào nước sôi, muốn nấu chết Ngài, song

lại thất bại. Sau đó, đem Ngài bỏ xuống biển sâu, song bị cá nuốt vào bụng, con cá nầy bị người đánh cá câu được, mổ bụng ra, bỗng thấy đứa bé ở trong bụng cá còn sống. Ngài Bạc Câu La có năm điều không hại Ngài chết được, tức là :

1. Lửa đốt không chết.
2. Nước đun không chết.
3. Rớt xuống biển không chết.
4. Cá ăn không chết.
5. Dao mổ không chết.

Đó là năm thứ quả báo giữ giới không giết hại.

Châu Đà còn gọi là Châu Lợi Bàn Đà Gia là anh của Sa Già Đà, dịch là "Tiểu lộ". Cho nên anh em hai người gọi là "Đại lộ" và "Tiểu lộ". Người anh thông minh hơn người em. Thời xưa phong tục ở Ấn Độ, người nữ đều phải về nhà mẹ sinh sản. Cho nên, bà mẹ của Châu Đà cũng thế, song Châu Đà chẳng đợi bà mẹ trở về đến nhà, thì đã sinh ra giữa đường, cho nên gọi là "Đại lộ". Bà mẹ của Ngài đã trải qua một lần kinh nghiệm, khi mang thai lần thứ hai, thì sớm trở về nhà mẹ để sinh sản, song lần nầy vẫn sinh ra "Tiểu lộ" tại giữa đường. Do đó, hai anh em tên gọi là "Đạo sinh" và "Kế đạo".

Châu Đà căn cơ sâu dày, quán thông Phật lý, đối với kinh điển qua mắt chẳng quên. Song người em căn tánh rất ngu độn, đọc kinh sách chẳng nhớ câu nào, giải

đãi chẳng tinh tấn. Do đó, mọi người đều nghị luận về tính cách rất cực đoan của hai anh em.

Nghe vậy Ngài Châu Đà quở trách người em nói: ''Chú mày thật là vô dụng, năm trăm vị A La Hán dùng hết sức để dạy chú mày, mà chú mầy vẫn không hiểu, tốt nhất hãy hoàn tục cho rồi''. Người em chẳng muốn hoàn tục, song người anh rất kiên quyết, chẳng muốn người em xuất gia nữa. Người em thì chẳng muốn hoàn tục, song không thể không nghe lời anh, nên bèn bỏ đi vì xấu hổ quá. Phật biết câu chuyện nầy, bèn đến trước cản lại, an ủi Sa Già Đà và dạy Ngài niệm :

''Chổi quét đất tâm,
Tự tịnh ý mình,
Đất tâm quét sạch,
Tự nhiên sẽ ngộ''.

Song, Sa Già Đà trí nhớ rất kém, nhớ được chữ ''chổi'' thì quên chữ ''quét''. Song, Phật vẫn nhắc lại cho Ngài. Sa Già Đà đọc đi đọc lại nhiều lần, thời gian sau Ngài khai ngộ !

Tin rằng, những người đang nghe pháp ở đây, thông minh hơn Ngài nhiều, đừng nói chổi quét hai chữ, dù bốn chữ một khi nghe thì nhớ liền. Niệm ''A Di Đà Phật'' càng dễ hơn nữa, song sao chúng ta vẫn chưa khai ngộ ? Tôn giả tuy nhiên ''ngu'' hơn chúng ta, song ''khai ngộ'' mau hơn chúng ta. Đó là vì tôn giả ở trong đời quá khứ,

đã từng cúng dường ba đời tất cả chư Phật, nuôi lớn căn lành, cho nên căn cơ sâu dày.

Hiện tại, vì ứng cơ giáo hóa chúng sinh, nên cố ý hiện tướng ngu độn, vì chúng sinh làm mô dạng như thế. Chúng sinh thấy Ngài ngu si như thế, mà còn có thể khai ngộ, mình còn thông minh hơn Ngài nhiều, cơ hội khai ngộ chắc chắn rất nhiều, cho nên cố gắng tinh tấn tu hành.

Sa Già Đà trong đời quá khứ, tự cho rằng thông minh, tuy hiểu pháp lý vi diệu, song chẳng muốn vì chúng sinh thuyết pháp, đó là tham lam pháp, chảng bố thí pháp, cho nên đời nầy mắc quả báo ngu si. Chẳng muốn người khác thông minh, thì chính mình càng biến thành không thông minh. Do Ngài đã từng gieo trồng căn lành sâu dày, nên vẫn có một ngày khai mở trí huệ.

Chúng ta học Phật đã lâu, nhưng đã lâu mà vẫn chưa khai ngộ. Vì thuở xưa chưa từng cúng dường Tam Bảo và tất cả chư Phật ba đời. Đây cũng ví như đang vun bồi cây, nếu gốc rễ sâu dày, thì cây sẽ phát triển sum sê. Ngược lạ, nếu ban đầu gốc rễ chẳng vững chắc, thì dần dần cành lá nhất định sẽ khô rụng. Do đó, làm người phải trồng nhiều căn lành, làm nhiều việc thiện, công đức viên mãn, thì tự nhiên sẽ khai ngộ. Ai muốn phước huệ song tu thì một mặt tu hành, một mặt cũng phải làm việc thiện, nên nhớ đừng tham lam pháp, hiểu một câu thì phải nói một câu, phải cung hành thực tiễn, lấy thân làm phép tắc. Do đó, có câu :

‘’Ma Ha Tát bất quản tha,
Di Đà Phật các cố các‘’.

Bồ Tát chẳng để ý đến lỗi lầm mao bệnh của kẻ khác, bất cứ kẻ khác đúng hay sai. Chúng ta đừng cứ giặt quần áo cho kẻ khác, ngược lại quần áo của mình thì dơ bẩn. Cho nên hiểu và thực hành mới là chân tu hành, công đức mới viên mãn.

Tham lam pháp là chướng ngại lớn trong việc tu hành, quả báo chẳng những chỉ ngu si, mà còn bị quả báo câm ngọng, chẳng những chẳng nhớ hai chữ chổi quét, mà cho đến cơ hội nói cũng chẳng có, đó mới là nhiều khổ ! Cơ hội khai ngộ thật là mỏng manh.

Ở trên nói về các vị A La Hán, đều đại biểu cho một nghìn hai trăm vị A La Hán. Các Ngài đều được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều đồng một danh hiệu là Phổ Minh. Lúc đó, sợ chúng sinh không minh bạch, nên Đức Phật từ bi dùng kệ để thuật lại.

Tỳ Kheo Kiều Trần Như
Sẽ gặp vô lượng Phật
Qua A tăng kỳ kiếp
Mới thành Đẳng chánh giác.
Thường phóng đại quang minh
Đầy đủ các thần thông
Danh đồn khắp mười phương

Tất cả đều cung kính.
Thường nói đạo vô thượng
Nên hiệu là Phổ Minh
Cõi nước đó thanh tịnh
Bồ Tát đều dũng mãnh.
Đều lên lầu các đẹp
Đến các nước mười phương
Dùng đồ cúng vô thượng
Cúng dường các đức Phật.
Cúng dường như thế rồi
Trong tâm rất hoan hỉ
Chốc lát về bổn quốc
Có thần thông như thế.

Tỳ Kheo Kiều Trần Như ở đời vị lai, sẽ gặp vô lượng các Đức Phật, thừa sự cúng dường, trải qua vô lượng kiếp sau mới thành Phật đạo. Thường phóng quang minh trí huệ, viên mãn đầy đủ các thần thông, danh hiệu Phật vang khắp cõi nước mười phương, là chỗ quy kính của tất cả chúng sinh. Thường nói diệu pháp thâm sâu vô thượng, như trí huệ quang phóng ra, nên hiệu là Phổ Minh.

Ở trong cõi nước thanh tịnh đó, chúng Bồ Tát đều dũng mãnh tinh tấn, đều thăng lên lầu các đẹp đẽ, được

đạo phẩm vi diệu nhất, du hành đến cõi nước mười phương, để tu các công đức, dùng đồ cúng bằng bảy báu để cúng dường chư Phật. Làm các sự cúng dường như thế rồi, trong tâm rất vui mừng sung sướng, sinh đại hoan hỉ, trong chốc lát trở về bổn quốc, vì có đủ thứ thần thông nên được như thế.

Phật thọ sáu vạn kiếp
Chánh pháp trụ hơn thọ
Tượng pháp lại hơn chánh
Pháp diệt trời người lo.
Năm trăm Tỳ Kheo này
Lần lượt sẽ thành Phật
Đồng hiệu là Phổ Minh
Lần lượt thọ ký nhau.
Sau khi ta diệt độ
Vị đó sẽ thành Phật
Thế gian Phật đó độ
Cũng như ta ngày nay.
Cõi nước đó nghiêm tịnh
Và các sức thần thông
Chúng Bồ Tát Thanh Văn
Chánh pháp và tượng pháp.

Kiếp thọ mạng bao nhiêu
Đều đã nói ở trên
Ca Diếp ông đã biết
Năm trăm vị tự tại.
Ngoài các chúng Thanh Văn
Cũng sẽ lại như thế
Ai chẳng có ở đây
Ông nên vì họ nói.

Ứng thân của Phật thọ mạng sáu vạn kiếp. Chánh pháp trụ thế hai mươi vạn kiếp, còn tượng pháp trụ hai mươi bốn vạn kiếp. Nếu pháp diệt thì trời người đều lo âu. Năm trăm tôn giả thứ tự thọ ký, Phật diệt độ rồi, cùng nhau lần lược sẽ thành Phật, đều hiệu là Phổ Minh Như Lai. Thế gian của vị Phật đó độ, như thế giới Ta Bà hiện tại nầy, song trong cõi nước đó nghiêm tịnh, và đủ thứ sức thần thông biến hóa tự tại. Các chúng Bồ Tát, Thanh Văn, chánh pháp và tượng pháp, thọ mạng bao nhiêu kiếp, giống như Phổ Minh Như Lai không khác, đều như đã nói ở trên.

Ca Diếp ông đã biết, ta vì năm trăm vị A La Hán mà thọ ký, tức cũng vì các chúng hàng Thanh Văn khác, một nghìn hai trăm vị mà thọ ký, nếu hôm nay những người nào không có ở đây, ông nên vì họ mà nói.

Bấy giờ, năm trăm vị A La Hán ở trước đức Phật được thọ ký rồi, vui mừng hớn hở, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đảnh lễ dưới chân đức Phật, hối lỗi tư trách rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con thường nghĩ như vầy : Tự cho rằng đã được diệt độ rốt ráo, nay mới biết là người chẳng có trí huệ. Tại sao ? Vì chúng con đáng được trí huệ của đức Như Lai, mà tự cho rằng trí nhỏ là đủ.

Đức Thế Tôn ! Ví như có người nọ, đến nhà bạn thân say rượu mà nằm, lúc đó bạn thân bận việc quan phải đi, bèn lấy hạt châu vô giá, buộc vào trong áo của gã say rồi bỏ đi. Gã đó tỉnh dậy cũng chẳng biết, đi lang thang đến nước khác, vì ăn mặc nên gắng sức tìm cầu rất là khốn khổ, được chút ít bèn cho là đủ.

Năm trăm vị tôn giả, ở trước Phật được thọ ký rất vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Đức Phật đảnh lễ dưới chân Phật, sám hối tự trách. Ai có thể biết hối lỗi

tự trách, là hành vi của bậc Thánh Hiền, người chẳng biết hối lỗi là hành vi ngu si. Các vị A La Hán tự trách, được ít cho là đủ, chưa được cứu kính Niết Bàn, mà tự cho đã được. Trên thì chẳng biết có Phật đạo có thể thành, dưới thì chẳng biết có chúng sinh có thể độ. Chỉ biết tự tại an lạc, gì cũng chẳng lo. Bây giờ mới biết xưa kia đều là sai lầm, đều là sở làm của kẻ chẳng có trí huệ.

Nay mới biết chúng con tu hành, đáng chứng được hết thảy công đức trí huệ của Như Lai. Nếu ai tự cho tứ quả tiểu thừa là cứu kính Niết Bàn, thì ví như có người đến nhà bạn thân say rượu mà nằm. ''Người'' ví cho chính mình, ''nhà bạn thân'' ví cho Đức Phật. Say rượu mà nằm, ''say'' biểu thị cho rượu năm dục mê hoặc, cho nên hôn mê ngu si, được ít cho là đủ. Lúc đó, Phật độ xong chúng sinh ở thế giới nầy, thì đến nước khác. Bận ''việc quan phải đi''. Thấy gã nầy duyên đã hết, nên đến phương khác giáo hóa chúng sinh, dùng thật tướng diệu lý giáo hóa chúng sinh, dùng đại thừa để giáo hóa. Song người đó chẳng có trí huệ, chỉ trầm mê ở trong mộng say ngu si, nằm chẳng dậy, chẳng nghe pháp đại thừa. Khi tỉnh dậy thì biết muốn cầu pháp, do đó bèn đến nước khác, hành pháp tiểu thừa. Vì ăn mặc nên cầu học tiểu thừa, như lạnh đi tìm áo, như đói đi tìm cơm, rất là khốn khổ vô cùng, đi khắp nơi tìm cầu, không thể tự an, ở trong tiểu thừa được ít cảnh giới, thì tự cho là đủ, càng chẳng tinh tấn.

Thời gian sau, người bạn thân gặp lại gã kia bèn nói rằng : Lạ thay anh này ! Sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này. Trước kia, ta muốn khiến cho anh được an lạc, tha hồ thọ hưởng năm dục. Vào ngày tháng năm đó, ta lấy hạt châu vô giá buộc vào trong áo của anh, mà đến bây giờ anh vẫn không biết, để phải cực khổ lo buồn tìm cầu tự sống, rất là ngu si vậy. Nay ông có thể dùng hạt châu báu đó, đổi lấy những đồ cần dùng, thì sẽ được như ý, chẳng còn thiếu thốn. Phật cũng như thế, khi làm Bồ Tát thì giáo hóa chúng con, khiến cho phát tâm Nhất thiết trí, mà chúng con bỏ quên không hay không biết. Tức được quả A la hán, mà tự cho là đã diệt độ. Khổ nhọc sinh sống được ít cho là đủ. Nguyện Nhất thiết trí vẫn còn chẳng mất.

Hôm nay đức Thế Tôn giác ngộ chúng con, bèn bảo rằng : Này các Tỳ Kheo ! Chỗ các ông được chẳng phải rốt ráo diệt độ. Từ lâu, ta đã khiến cho các ông trồng căn lành

của Phật, dùng phương tiện nên thị hiện tướng Niết Bàn, mà các ông cho rằng thật được diệt độ.

Thời gian sau, ''Bạn thân'' lại gặp gã kia, dụ cho nay trên núi Linh Thứu, Thầy và đệ tử gặp lại, Phật ngạc nhiên bảo : Lạ thay ông này ! Tại sao vì cầu ăn mặc mà phải chịu khốn khổ ? Tại sao lại bần cùng như thế ? Vì các ông được ít cho là đủ, chẳng biết trên cầu quả vị Phật, dưới độ tất cả chúng sinh, chỉ biết làm tự liễu hán thôi. Xưa kia, ta muốn khiến cho các ông được an lạc, tha hồ hưởng thọ năm dục, tức sắc thanh hương vị xúc đều viên mãn, tức cũng là viên mãn năm căn lực, cho nên dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh. Chỉ vì các ông không biết ''Trong áo có buộc hạt châu báu'', chỉ biết cầu tiểu thừa, mà phải bị khổ cực lo buồn, giống như một số người, vì sinh sống mà phải bôn ba khổ sở để cầu sự sống, bèn cho là đủ, đó thật là quá ngu si. Nay ta tu pháp đại thừa, vì các ông ''trong áo có châu báu'' chưa từng mất đi. Nghĩa là Phật tánh vẫn tồn tại. Nếu tu pháp đại thừa, thì sẽ đắc quả vị, luôn được như ý, chẳng còn bần cùng nữa.

Đức Phật cũng như bạn thân của chúng con, thuở xưa làm Bồ Tát Diệu Quang giáo hóa chúng con, khiến cho chúng con phát tâm nhất thiết trí huệ, song chúng con từ lâu không gần gũi Bồ Tát, chẳng biết chẳng hay, quên mất pháp đại thừa, chỉ biết dụng công phu trên năm dục,

quay lưng với giác ngộ mà hợp với sáu trần, còn tự cho rằng đã được vô thượng đạo. Quả vị tiểu thừa A La Hán, như đời sống của gã cùng tử, được một chút thì mãn nguyện.

Thuở xưa, đã từng phát nguyện lớn, nhất thiết trí nguyện vẫn chẳng mất, hôm nay gặp đấng đại giác Thế Tôn, giác ngộ cho chúng con. Nếu ai trong thuở xưa đã từng phát đại nguyện, thì đời nầy nhân duyên được gặp cũng sẽ phát đại nguyện, trồng xuống hạt giống đại thừa. Như các vị A La Hán hiện tại, tuy thuở xưa đã từng phát đại nguyện, song vì thời gian quá lâu, tâm sinh mê hoặc, chẳng biết tiến lùi, tự khốn bên trong, lo rầu không ngui, may gặp lương sư Đại Giác Như Lai, khiến cho họ bỏ mê muội về với giác ngộ, tự biết châu báu của chính mình.

Này các Tỳ Kheo! Hiện tại các ông chứng được quả vô học, chỉ là tiểu thừa, chẳng phải thật diệt độ. Ta từ nhiều kiếp đến nay, khiến cho các ông gieo trồng căn lành của Phật, dùng phương tiện quyền xảo thị hiện tướng hữu dư Niết Bàn, song các ông lầm lẫn cho rằng là rốt ráo diệt độ.

Đức Thế Tôn ! Nay chúng con mới biết thật là Bồ Tát, được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhờ nhân duyên đó, nên chúng con rất vui mừng được chưa từng có.

Bấy giờ, Ngài A Nhã Kiều Trần Như muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Chúng con nghe vô thượng
Tiếng thọ ký an ổn
Vui mừng chưa từng có
Lễ vô lượng trí Phật.
Nay ở trước Thế Tôn
Tự sám hối lỗi lầm
Nơi vô lượng Phật bảo
Được chút phần Niết Bàn.
Như kẻ ngu vô trí
Bèn tự cho là đủ.

Đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay mới biết vốn là Bồ Tát, được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhờ nhân duyên được Phật thọ ký, nên chúng con vui mừng được chưa từng có. Lúc đó, Ngài Kiều Trần Như nói với Phật: ‘’Chúng con nghe Vô thượng bồ đề, tâm niệm an ổn, tiếng Phật thọ ký, vui mừng tin nhận, được chưa từng có. Nay ở trước Phật sinh tâm sám hối, tự hối lỗi chấp tiểu thừa, mê muội đại thừa. Được ít phần hữu dư Niết Bàn mà tự cho là đủ, giống như người ngu chẳng có trí huệ không khác‘’.

Ví như gã bần cùng
Đi đến nhà bạn thân
Nhà đó rất giàu có
Bày đủ cỗ tiệc ngon.
Lấy châu báu vô giá
Buộc chặc vào trong áo
Yên lặng mà bỏ đi
Gã nằm chẳng hay biết.
Sau gã đó thức dậy
Lang thang đến nước khác
Cầu ăn mặc tự sống
Sinh sống rất khốn khổ.
Được ít cho là đủ
Càng không muốn đồ tốt
Chẳng biết ở trong áo
Có châu báu vô giá.

‘’Ví như gã bần cùng, đi đến nhà bạn thân‘’ : Gã bần cùng ví như chúng sinh; bạn thân giàu có ví như Đức Phật. Chúng sinh quy y Phật, giống như gã bần cùng đến nhà bạn thân rất giàu có. Nhà đó bày cỗ tiệc rất ngon, ví như món ăn thiền duyệt và món ăn pháp hỉ. Sau đó, người

bạn thân vì có việc đi ra ngoài, nên lấy pháp đại thừa vô giá cho gã bần cùng, rồi bỏ đi giáo hoá chúng sinh khác. Song ''gã bần cùng'' chẳng biết tự cầu tiến tới, chẳng biết đại thừa là báu vô giá, mà ''nằm chẳng hay biết gì''. Sau khi tỉnh dậy, vì có tri giác bèn phát tâm tu hành nên gọi là ''dậy''. Song quên mất đại thừa mà tu tiểu thừa, như lang thang đến nước khác. Tiểu thừa quả A La Hán chẳng phải Niết Bàn rốt ráo, như gã bần cùng kia, xin ăn tự sống, đời sống rất là vất vả. Chẳng cầu Phật đạo, được ít cho là đủ, chẳng biết trong tự tánh vốn đã có hạt giống đại thừa.

Bạn thân cho hạt châu
Sau gặp lại gã nghèo
Khổ thiết trách gã rồi
Chỉ cho chỗ buộc châu.
Gã nghèo thấy châu rồi
Trong tâm rất vui mừng
Giàu có các của cải
Tha hồ hưởng năm dục.
Chúng con cũng như thế
Thế Tôn từ thuở xưa
Thường giáo hóa chúng con
Khiến trồng nguyện vô thượng.
Vì chúng con vô trí

Chẳng biết cũng chẳng hay
Được ít phần Niết Bàn
Cho đủ chẳng cầu nữa.
Nay Phật giác ngộ con
Nói chẳng thật diệt độ
Được Phật trí vô thượng
Đó mới là thật diệt.
Nay con nghe từ Phật
Thọ ký việc trang nghiêm
Và lần lược thọ ký
Khắp thân tâm vui mừng.

Phật vì chúng sinh nói pháp môn đại thừa thâm sâu vô thượng, song chúng sinh vì căn cơ ám độn mà chẳng hiểu. Ví như người nọ, vì khiến cho họ khai mở đại trí huệ, mà nói pháp môn thành Phật, song người đó chưa thể hoàn toàn tin, cũng chẳng thấu rõ nghĩa sâu xa, thời gian lâu từ từ quay lưng với đạo mà bỏ đi, bỏ đại thừa mà cầu pháp tiểu thừa, hoặc là đi Ấn độ, hoặc là đi Thái Lan, Miến điện, Tích Lan, tìm đến tìm lui lại càng khốn cùng. Đó là bỏ gốc tìm ngọn, bỏ gần cầu xa. May thay lại gặp thầy tốt, trách cứ gã bần cùng nầy. ‘’Trách‘’ đó là biểu hiện lòng từ bi của Phật Bồ Tát. Mục đích khiến cho họ phát tâm hồi tiểu hướng đại, vào một Phật thừa.

Sau khi Đức Phật ngộ đạo, vốn trước hết muốn nói Kinh Pháp Hoa đại thừa, chỉ vì chúng sinh ngu si ám độn, chẳng thể tiếp thọ, cho nên trước hết nói tam tạng, Kinh Phương Đẳng, tiếp theo nói Bát Nhã, dần dần vào viên đốn giáo, chê tiểu thừa khen đại thừa. Khai quyền hiển thật, vì thật thí quyền, đó tức là ''khổ thiết trách gã''. ''Chỉ cho nơi buộc châu'' : Chỉ cho vốn đã có đủ Phật tánh, khiến cho họ biết tu pháp môn đại thừa, như hàng Thanh Văn, thấy được Phật tánh, như nghèo được châu báu, vui mừng tin nhận. Nếu ai thấu rõ và thực hành tu pháp đại thừa, tức là người giàu có, có Phật pháp ở trong tâm. ''Giàu có các của cải, tha hồ hưởng năm dục'' : Sắc thanh hương vị xúc, đâu chẳng phải là tam muội, tùy duyên ứng dụng, rộng lớn tư tại, được thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Như người muốn sắc thì có sắc, muốn thanh thì có thanh, cho đến hương, vị, xúc, cũng lại như thế, đó chẳng phải là diệu chăng ? ''Tài sắc danh thực thùy'': Thảy đều đầy đủ viên mãn, giống như sơ tổ Ma Ha Ca Diếp nhập định ở trong núi Kê Túc, đó chẳng phải là ''ngủ lâu dài'' chăng ? Ngủ một ngàn năm cũng chẳng kể là lâu dài, mấy vạn năm cũng chỉ trôi qua nột nháy mắt. ''Thực'', trong pháp giới có thực vật là ngon hơn hết. ''Danh'', được danh mà người không thể được. Muốn ''tài'' thì chỉ cần tùy ý dũi tay một cái thì có được.

Chúng con cũng như gã bần cùng không khác, quay lưng với sự giác ngộ mà hợp với trần lao. Đức Thế Tôn thấy vậy thương xót, luôn giáo hóa khiến cho chúng

con gieo trồng nguyện vô thượng bồ đề rộng lớn. Song chúng con chẳng có trí huệ, chẳng biết thuở xưa đã từng phát nguyện, cũng chẳng biết vốn có Phật tánh, được chút ít sự vui không sinh không diệt mà tự cho là đủ, chẳng cầu pháp môn đại thừa. Bây giờ nghe Đức Phật nói, mới giác ngộ đây chẳng phải là cứu kính, chỉ là ''hoá thành'' ở giữa đường, chẳng phải thật diệt độ. Chỉ khi nào đắc được trí huệ của Phật, mới là rốt ráo diệt độ. Phật thọ ký cho chúng con sẽ thành Phật rồi, mới biết đại thừa là vô thượng chánh biến tri giác, cõi nước đó trang nghiêm thù thắng, và lần lược thọ ký, khiến cho khắp thân tâm của chúng con vui mừng vô kể.

Người cầu Phật pháp phải đầy đủ tâm nhẫn nhục, chẳng sợ gian nan khốn khổ mới có hy vọng thành tựu.

Có người nói ''tha hồ hưởng thọ năm dục'' thật là quá vi diệu, vậy chúng ta vì muốn được cảnh giới nầy mà phát tâm. Bạn sai lầm rồi ! Nếu ai vì năm dục mà phát tâm, thì không lâu về sau sẽ đọa vào địa ngục. Đó là dụng tâm sai lầm, ai cầu năm dục thì tâm người đó bất chánh, tất rơi vào đường ma, làm quyến thuộc của ma vương, pháp đại thừa mới là xả bỏ dục, đoạn dục, vô dục, mà phát bồ đề tâm.

Ở trên nói về ''tha hồ hưởng năm dục'', chỉ bất quá là ví dụ, hình dung biểu hiện sức thần thông tự tại của đại quyền Bồ Tát. Phàm là Bồ đề tát đỏa có căn tánh đại thừa, không thể nào ít có sự ''an lạc'', không chấp cảnh giới nầy, thì gọi là cảnh giới lành, nếu chấp cảnh giới nầy, thì

tức là cảnh giới ma. Bồ Tát chẳng trụ tâm vào bất cứ chỗ nào. Nếu ai muốn thành tựu Phật đạo, thì trước phải dứt trừ lòng dâm dục, dục là gốc của khổ, bằng không thì tướng chúng sinh điên đảo.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM THỌ KÝ CHO BẬC HỮU HỌC VÀ VÔ HỌC THỨ CHÍN

Bấy giờ, Ngài A nan, La Hầu La nghĩ như vầy : Chúng ta ai nấy đều tự nghĩ rằng : Nếu được đức Phật thọ ký cho, thì chẳng sung sướng lắm sao !

Lúc đó, Ngài A Nan và La Hầu La hai vị tôn giả sinh ra tâm niệm. Các Ngài ở trong đại chúng nói : ''Chúng con luôn luôn nghĩ rằng, nếu như chúng con cũng được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thọ ký cho, thì chẳng phải sung sướng lắm sao ? Tuy hai vị tôn giả đã chứng được quả vị A La Hán, song các Ngài ở trong định, vẫn sinh ra một ý niệm của phàm phu. Phàm phu thì sinh ra nhiều vọng niệm đều chẳng chân thật, còn ý niệm của các Ngài là niệm chân thật.

Bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến trước đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân đức Phật, đều bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con ở nơi đây cũng đáng có phần, chỉ có đức Như Lai là chỗ nương tựa của chúng con, và chúng con là chỗ thấy biết của hàng trời người A tu la. A Nan thường làm thị giả, hộ trì tạng pháp, La Hầu La là con của đức Phật. Nếu được thấy đức Phật thọ ký quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì nguyện cầu của chúng con đã đầy đủ, nguyện vọng của đại chúng cũng viên mãn.

Hai vị tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến trước đức Phật, năm thể sát đất cung kính lễ Phật, sau đó cùng nhau đồng thanh nói : ‘’Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng đáng có phần được thọ ký ! Chỉ có Đức Như Lai là nơi chúng con trở về nương tựa. Tất cả trời người A Tu La của thế gian, đều biết chúng con là thiện tri thức của họ. A Nan là đệ tử thường gần gũi hầu hạ đức Phật, cũng là người chuyên môn hộ trì tất cả tạng pháp của Phật, còn La Hầu La là con của Phật. Nếu như Phật từ bi vì chúng con thọ ký quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì

nguyên lực của chúng con đã viên mãn, và hai ngàn vị vô học trong pháp hội cũng đầy đủ nguyện vọng của họ.

Bấy giờ, hai ngàn vị đệ tử Thanh Văn hữu học và vô học, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, hở áo bên vai phải, đến trước đức Phật, một lòng chắp tay chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, cũng như chỗ nguyện cầu của A Nan và La Hầu La, rồi đứng qua một bên.

Sau khi hai vị tôn giả nói xong, thì có hai nghìn đệ tử Thanh Văn hữu học và vô học, cũng từ chỗ ngồi đứng dậy, hở áo bên vai phải, đến trước đức Phật, một lòng chắp tay, chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Trong tâm của các vị đó, cũng nguyện cầu và khát vọng như hai vị tôn giả A Nan và La Hầu La, tuy các vị đó đứng qua một bên, song chẳng nói gì.

Bấy giờ, đức Phật bảo A Nan rằng : ''Ông ở đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Lúc đó, Phật bảo Ngài A Nan: ''Ông ở đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai''. Vì trí tuệ của Ngài A Nan rộng lớn, cao như núi, rộng như biển, chân chánh đắc được tự tại, cho nên thành Phật, được hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai. Lúc đó, Ngài cũng đầy đủ mười hiệu, lược giải như sau: Xứng đáng thọ trời người cúng dường. Thấu rõ chân lý vạn pháp do tâm, tâm sinh vạn pháp. Trí huệ tu hành đều đầy đủ viên mãn. Giải thoát tất cả khổ não của thế gian, được sinh nơi an lạc. Đến được quả vị cao thượng nhất. Một vị đại trượng phu điều ngự được tất cả chúng sinh. Đạo sư của trời người. Viên mãn tự giác giác tha. Một vị tôn giả xuất thế gian.

Sẽ cúng dường sáu mươi hai ức các đức Phật, hộ trì tạng pháp, sau đó sẽ được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Giáo hóa hai mươi ngàn vạn ức các vị Bồ Tát, nhiều như số cát sông Hằng, khiến cho thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nước đó tên là Thường Lập Thắng Phan, cõi đó thanh tịnh, đất bằng lưu ly, kiếp tên là Diệu Âm Biến Mãn. Đức Phật đó, sống lâu vô lượng nghìn vạn ức A tăng kỳ kiếp. Nếu có người ở

trong nghìn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tính toán cũng chẳng biết được. Chánh pháp lưu lại ở đời gấp bội số thọ mạng. Tượng pháp lưu lại ở đời, lại gấp bội chánh pháp.

A Nan ! Đức Phật Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương đó, được vô lượng nghìn vạn ức các đức Phật Như Lai, nhiều như số cát sông Hằng, trong mười phương đều khen ngợi, tán thán công đức.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Ngài A Nan sẽ cúng dường sáu mươi hai ức chư Phật, dùng đủ thứ thiện xảo phương tiện, để hộ trì tất cả tạng pháp, của sáu mươi hai ức chư Phật. Cuối cùng Ngài sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Sau khi Ngài thành Phật, giáo hóa nghìn vạn ức chúng Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng. Tất cả chúng Bồ Tát đó, đều phát tâm đại từ bi hành Bồ Tát đạo, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cõi nước của Đức Phật đó, tên là Thường Lập Thắng Phan. Vì Ngài A Nan đa văn đệ nhất, mỗi lần biện luận chắc chắn đều thắng, cho nên nước của Ngài được tên là Thường Lập Thắng Phan. Đất đai ở trong cõi nước đó rất thanh tịnh,

mặt đất bằng chất lưu ly. Kiếp tên là Diệu Âm Biến Mãn, vì âm thanh của Ngài A Nan thuyết pháp rất hay đầy khắp hư không, ai nghe cũng đều sinh tâm vui mừng, chẳng cảm thấy mệt mỏi, do đó mà kiếp có tên là Diệu Âm Biến Mãn.

Tuổi thọ của Đức Phật đó, lâu dài vô lượng ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp. Nếu ai ở trong nghìn vạn ức vô lượng số kiếp A tăng kỳ, để tính đếm thời gian thọ mạng của đức Phật đó, cũng không thể biết được số lượng. Chánh pháp lưu lại ở đời, tăng gấp bội so với tuổi thọ của đức Phật đó, tượng pháp lưu lại ở đời, hơn gấp bội so với chánh pháp.

A Nan ! Đức Phật Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương, tức là danh hiệu Phật của ông sẽ thành ở vị lai. Ông sẽ được vô lượng nghìn vạn ức các đức Phật Như Lai, nhiều như số cát sông Hằng trong mười phương, đều tán thán khen ngợi công đức viên mãn của ông''. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại những gì vừa nói trường hàng ở trên, bèn nói ra bài kệ rằng :

Nay ta trong Tăng nói
A Nan người trì pháp
Sẽ cúng dường chư Phật
Sau sẽ thành Chánh giác.
Hiệu là Phật Sơn Hải
Tuệ Tự Tại Thông Vương

Cõi nước đó thanh tịnh
Tên Thường Lập Thắng Phan.
Giáo hóa các Bồ Tát
Nhiều như cát sông Hằng
Phật có oai đức lớn
Danh đồn khắp mười phương.
Sống lâu vô số kiếp
Thương xót độ chúng sinh
Chánh pháp bội tuổi thọ
Tượng pháp bội chánh pháp.
Vô số các chúng sinh
Nhiều như cát sông Hằng
Ở trong Phật pháp đó
Trồng nhân duyên Phật đạo.

Hôm nay đức Phật đối trước hàng Tỳ Kheo, nói nhân duyên thọ ký của Ngài A Nan. Ngài A Nan nhiều đời hộ trì tất cả tạng pháp của chư Phật. Ngài thường suốt đời cung kính cúng dường tất cả chư Phật, về sau trong tương lai cũng sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Phật. Cõi nước của Ngài rất thanh tịnh, tên là Thường Lập Thắng Phan. Giáo hoá các chúng Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng. Đức Phật đó, có oai đức thần

thông lớn và đức hạnh, cho nên danh đồn của Ngài đầy khắp mười phương thế giới. Tuổi thọ của Ngài nhiều vô lượng, vì thương xót giáo hóa độ thoát tất cả chúng sinh. Chánh pháp lưu lại ở đời tăng gấp bội so với tuổi thọ của đức Phật, tượng pháp lưu lại ở đời lại tăng gấp bội so với chánh pháp. Vô lượng vô số chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, đều ở trong Phật pháp của Ngài trồng xuống nhân duyên Phật đạo.

Bấy giờ, tám nghìn người mới phát tâm Bồ Tát ở trong chúng hội, đều nghĩ như vầy : Chúng ta còn chưa nghe các vị đại Bồ Tát được thọ ký như thế. Có nhân duyên gì, mà các hàng Thanh Văn được thọ ký như thế ?

Lúc đó, ở trong pháp hội có tám nghìn vị Bồ Tát, mới được du hí tam muội của Bồ Tát, đều sinh tâm hoài nghi mà nghĩ như vầy: ‘’Sao chúng ta chưa từng nghe Phật thọ ký cho các vị đại Bồ Tát, đây là nhân duyên gì, mà những bậc Thanh Văn được Phật thọ ký trước‘’?

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm của các vị Bồ Tát đó, bèn nói rằng : Các thiện nam tử ! Ta và A Nan ở chỗ đức Phật Không Vương, cùng nhau phát tâm Vô thượng

chánh đẳng chánh giác. A Nan thường thích đa văn, ta thường siêng năng tinh tấn, cho nên ta đã sớm thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, còn A Nan hộ trì pháp của ta, cũng sẽ hộ trì tạng pháp của các đức Phật ở đời vị lai, giáo hóa thành tựu các chúng Bồ Tát. Do bổn nguyện xưa như thế, nên hôm nay được thọ ký.

Lúc đó, Đức Phật biết hết thảy những vị Bồ Tát nầy sinh tâm hoài nghi, do đó bèn nói với các vị đó rằng : ‘’Tất cả các thiện nam tử ! Ta và tất cả hàng Thanh Văn ở trong pháp hội, đã từng ở trong quá khứ vô lượng kiếp, nơi đức Phật Không Vương cùng phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A Nan phát nguyện thường ưa thích thâm nhập kinh tạng, đa văn Phật pháp, còn ta thì phát nguyện luôn luôn dũng mãnh tinh tấn tu đạo. Cho nên, ta thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trước A Nan. A Nan thì hộ trì tạng pháp của ta, cũng phát nguyện hộ trì tất cả tạng pháp của vô lượng chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu chúng Bồ Tát, cho nên bây giờ A Nan được Phật thọ ký cho‘’.

A Nan ở trước đức Phật được nghe đức Phật thọ ký, và cõi nước trang nghiêm,

nguyện cầu đã đầy đủ, trong tâm rất vui mừng được chưa từng có, lập tức, nghĩ nhớ lại tạng pháp của vô lượng nghìn vạn ức các đức Phật trong quá khứ, thông đạt vô ngại, như hôm nay đã nghe, cũng nhớ biết nguyện xưa.

Bấy giờ, Ngài A Nan nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Ngài A Nan ở trước đức Phật, đích thân nghe được Phật thọ ký cho Ngài, và biết được cõi nước trang nghiêm vị lai của Ngài, tâm nguyện của Ngài đã đầy đủ viên mãn, cho nên tâm sinh vui mừng hớn hở, được chưa từng có. Lúc đó, Ngài lập tức nhớ lại tất cả tạng pháp, của vô lượng ngàn vạn ức các đức Phật trong quá khứ, và đều thông đạt vô ngại. Tất cả pháp đó và pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni đều giống nhau. Ngài cũng nhớ lại thệ nguyện xưa của Ngài đã phát ra, do đó Ngài A Nan dùng kệ nói rằng:

Thế Tôn rất hi hữu
Khiến con nhớ quá khứ
Vô lượng các Phật pháp
Như pháp nay đã nghe.
Nay con chẳng còn nghi

An trụ nơi Phật đạo
Phương tiện làm thị giả
Hộ trì các Phật pháp.

Phật là bậc hi hữu nhất trong thế gian, khiến cho con nhớ lại tất cả tạng pháp, của vô lượng các Đức Phật trong quá khứ, tất cả pháp đó, giống như pháp mà đời nay con đã nghe. Cho nên, bây giờ con chẳng còn sinh tâm hoài nghi nữa, con nguyện an trụ nơi Phật đạo, dùng đủ thứ thiện xảo pháp môn, để làm thị giả cho Đức Phật, thường ủng hộ thọ trì tất cả tạng pháp của các Đức Phật.

Bấy giờ, đức Phật bảo La Hầu La : Ông ở đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Sau khi Ngài A Nan nói bài kệ xong, thì đức Phật bảo tôn giả La Hầu La rằng: ''Ông ở đời vị lai, cũng sẽ thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, thọ trời người cúng dường, biết rõ khắp hết thảy, có đủ trí huệ đức hạnh, giải thoát khổ não thế gian, làm đại sĩ vô thượng, điều ngự giáo hóa tất cả chúng sinh, làm đạo sư của tất cả

trời người, một vị tôn giả xuất thế gian viên mãn tự giác giác tha.

Sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của mười thế giới. Thường làm trưởng tử của các đức Phật, giống như hôm nay vậy. Cõi nước của đức Phật Đạo Thất Bảo Hoa đó, rất trang nghiêm. Số kiếp tuổi thọ, giáo hóa đệ tử, chánh pháp, tượng pháp, cũng giống như Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác, cũng làm trưởng tử cho đức Phật đó, sau đó sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Trước khi Ngài La Hầu La chưa thành Phật, sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của mười thế giới. Vì Ngài trong đời quá khứ, đã phát nguyện làm trưởng tử cho mỗi vị Phật ra đời, cũng giống như hôm nay, Ngài La Hầu La làm trưởng tử của đức Phật. Cõi nước của Phật Đạo Thất Bảo Hoa rất trang nghiêm, kiếp số thọ mạng của Ngài, giáo hóa đệ tử, chánh pháp, tượng

pháp lưu lại ở đời, đều gống như Phật Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương. Ngài La Hầu La cũng sẽ làm trưởng tử cho Đức Phật đó. Sau khi Ngài làm trưởng tử cho các đức Phật rồi, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc ấy, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa kinh trường hàng ở trên, bèn nói kệ rằng :

Khi ta làm thái tử
La Hầu làm trưởng tử
Nay ta thành Phật đạo
Thọ pháp làm pháp tử.
Ở trong đời vị lai
Thấy vô lượng đức Phật
Làm trưởng tử chư Phật
Một lòng cầu Phật đạo.
Mật hạnh của La Hầu
Chỉ ta mới biết được
Nay làm trưởng tử ta
Thị hiện các chúng sinh.
Vô lượng ức nghìn vạn
Công đức không thể lường
An trụ nơi Phật pháp
Vì cầu đạo vô thượng.

Khi đức Phật làm thái tử, thì La Hầu La làm con của Đức Phật, hiện tại Phật đã thành Phật. Ngài La Hầu La tiếp thọ pháp của Phật, mà làm đệ tử của Phật. Ở trong đời vị lai, Ngài sẽ gặp vô lượng ức các đức Phật. Khi mỗi vị Phật ra đời, thì Ngài đều làm trưởng tử cho các đức Phật, một lòng cầu Phật đạo.

Tôn giả La Hầu La hành mật hạnh bậc nhất, tôn giả lúc nào nơi nào, cũng đều có thể nhập định, chỉ có Phật mới biết mật hạnh của Ngài tu. Ngài hiện thân làm trưởng tử cho đức Phật, là để thị hiện cho chúng sinh thấy, vì cầu vô thượng Phật đạo. Thệ nguyện công đức của Ngài vô số ức nghìn vạn, không thể lường được. Ngài nguyện an trụ trong Phật pháp, vì cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn thấy bậc hữu học và vô học hai nghìn người, tâm ý nhu hòa, thanh tịnh vắng lặng, một lòng nhìn đức Phật.

Đức Phật bảo Ngài A Nan : Ông có thấy bậc hữu học, và vô học hai nghìn người đây chăng ?

Dạ con đã thấy.

Lúc đó, Phật dùng Diệu quán sát trí, để quán sát hai nghìn vị Thanh Văn hữu học và vô học ở trong pháp hội, biết được tâm ý của họ đều rất nhu hòa. Các vị đó chẳng còn vọng tưởng dục niệm, được thanh tịnh tự tại. Các Ngài đều đồng một lòng cung kính nhìn Phật.

Phật bèn nói với Ngài A Nan : ''Ông có thấy tâm ý của hai nghìn vị Thanh Văn hữu học vô học nầy chăng ?

''Ngài A Nan đáp: ''Dạ, con đã nhìn thấy tâm ý của họ''.

A Nan ! Những người đó, sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của năm mươi thế giới, cung kính tôn trọng, hộ trì tạng pháp, sau đó đồng thời sẽ được thành Phật, trong cõi nước mười phương, đều đồng một danh hiệu là Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Hai nghìn vị Thanh Văn hữu học vô học nầy, đều sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của năm mươi thế giới. Các Ngài đều thân tâm cung kính, tôn trọng, ủng hộ giữ gìn tạng pháp bảo của chư Phật. Sau

đó, các vị đó đồng thời đều sẽ thành Phật đạo ở trong cõi nước mười phương. Vì các Ngài chí đồng đạo hợp, cùng nhau thành Phật đạo, đều đồng một danh hiệu Phật là Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Mười hiệu ở trên là tên khác của Phật.

Tuổi thọ một kiếp, cõi nước trang nghiêm, hàng Thanh Văn Bồ Tát, chánh pháp tượng pháp, thảy đều đồng nhau.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Tuổi thọ thành Phật của các Ngài dài một kiếp, cõi nước trang nghiêm như nhau, giáo hóa hàng Thanh Văn Bồ Tát cũng đông nhiều, chánh pháp và tượng pháp lưu lại ở đời thời gian đều đồng nhau. Lúc đó, Phật muốn thuật lại pháp vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói :

Hai nghìn Thanh Văn này
Nay ở trước mặt ta
Thảy đều được thọ ký
Vị lai sẽ thành Phật.
Cúng dường các đức Phật

Như đã nói ở trên
Hộ trì các tạng pháp
Sau sẽ thành chánh giác.
Trong cõi nước mười phương
Đều đồng một danh hiệu
Đều cùng ngồi đạo tràng
Chứng đắc quả Vô thượng.
Đồng hiệu là Bảo Tướng
Cõi nước và đệ tử
Chánh pháp với tượng pháp
Đều đồng chẳng khác biệt.
Đều dùng các thần thông
Độ chúng sinh mười phương
Danh đồn khắp hết thảy
Dần dần vào Niết Bàn.

Hai nghìn vị Thanh Văn đó, đồng tu phạm hạnh, đồng trồng căn lành, đồng phát tâm bồ đề, đồng kết quả bồ đề. Hiện tại các vị đó, đứng ở trước đức Phật, vì công đức tu hành của các vị đó đã thành tựu, cho nên được Phật thọ ký. Các vị đó, ở đời vị lai sẽ thành Phật. Các vị đó sẽ cúng dường chư Phật nhiều như số hạt bụi. Mỗi vị Phật ra đời, các vị đó đều cùng nhau đến hộ trì tạng pháp, cuối

cùng, cùng nhau thành Phật đạo. Các vị đó, mỗi vị đều thành Phật trong cõi nước mười phương. Vì các vị đó đã phát nguyện đồng tu đồng chứng, cho nên sau khi thành Phật, danh hiệu cũng đều giống nhau. Các vị đó cũng cùng một lúc ngồi đạo tràng, chuyển diệu pháp luân, thành tựu trí huệ vô thượng của Như Lai. Các vị đó đều đồng danh hiệu là Bảo Tướng Như Lai, cõi nước và đệ tử số lượng nhiều như nhau. Chánh pháp và tượng pháp, lưu lại ở đời cũng lâu dài như nhau, chẳng có gì khác nhau. Các vị đó đều cùng nhau dùng thần thông, để độ tất cả chúng sinh trong mười phương, danh đồn của các vị đó khắp cõi nước mười phương, dần dần vào cảnh giới Niết Bàn thường lạc ngã tịnh.

Bấy giờ, bậc hữu học và vô học hai nghìn người, nghe đức Phật thọ ký, đều vui mừng hớn hở, bèn nói bài kệ rằng :

Thế Tôn đèn huệ sáng
Chúng con nghe thọ ký
Tâm vui mừng tràn đầy
Như được rưới cam lồ.

Lúc đó, hai nghìn vị Thanh Văn hữu học và vô học, nghe tiếng Phật thọ ký rồi, trong tâm rất vui mừng hớn hở mà nói ra bài kệ. Trí huệ quang minh của Phật như đèn

sáng chiếu khắp. Hai nghìn vị Thanh Văn hữu học vô học, đều đã nghe Phật thọ ký rồi, tâm đều tràn đầy vui mừng, giống như được nước pháp cam lồ rưới lên đầu.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM PHÁP SƯ THỨ MƯỜI

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì Bồ Tát Dược Vương, mà bảo tám vạn Đại sĩ rằng : Dược Vương ! Ông thấy đó, trong đại chúng vô lượng chư Thiên, Long vương, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, và chẳng phải người, và hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, kẻ cầu Thanh Văn, kẻ cầu Bích Chi Phật, kẻ cầu Phật đạo, các loài như thế, đều ở trước Phật, nghe một câu, một bài kệ Kinh Pháp Hoa, cho đến một niệm tùy hỉ, ta đều

thọ ký cho họ, sẽ được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phẩm nầy gọi là Phẩm Pháp Sư. Pháp sư phân làm năm loại :

1. Thọ trì pháp sư: Tức là thọ nơi tâm, trì nơi thân, vĩnh viễn chẳng quên mất nghĩa kinh. Trong tâm hiểu rõ đạo lý Phật pháp, còn thân thể thì chiếu theo Phật lý thật hành, tu tất cả các pháp.
2. Pháp sư đọc tụng kinh văn.
3. Pháp sư tụng thuộc lòng kinh văn.
4. Pháp sư biên chép kinh văn.
5. Pháp sư vì người khác giảng giải kinh văn.

Hay thọ trì, đọc, tụng, biên chép, ấn tống, rất có ích lợi đối với chính mình. Nếu hay vì người khác giảng giải kinh văn, thì đó là lợi mình lợi người. Pháp sư diễn nói nghĩa lý, cũng có thể nói là lấy pháp làm thầy. Pháp sư thuyết pháp, tức là lấy Phật pháp bố thí cho kẻ khác.

Phẩm nầy, Phật thọ ký cho tất cả các pháp sư, như năm loại pháp sư đã nói ở trên, cho nên gọi là Phẩm Pháp Sư.

Lúc đó, Phật nói với Bồ Tát Dược Vương và tám vạn vị Đại sĩ : ‘’Dược Vương ! Ông có thấy chăng ? Đại chúng ở trong pháp hội nầy, có vô lượng chư Thiên, Long Vương, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và chẳng phải người. Còn có hàng

Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, sư sĩ nữ. Có chúng Thanh Văn tu pháp tiểu thừa, có chúng Bích Chi Phật tu trung thừa, có bậc tu đại thừa Phật đạo. Nhiều giống loài khác nhau này, đều ở trước Đức Phật, nghe Phật nói mỗi một câu pháp, mỗi một bài kệ của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho đến trong một niệm của các vị đó, mà sinh một niệm tùy hỉ khen ngợi bộ kinh nầy, thì ta đều thọ ký cho họ, khiến cho họ cũng được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật bảo Dược Vương ! Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nào, dù chỉ nghe được một câu, một bài kệ của Kinh Pháp Hoa, mà sinh một niệm tùy hỉ, thì ta cũng thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác cho người đó. Nếu lại có người : Thọ trì, đọc tụng, giải thích, diễn nói, biên chép, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, mà ở nơi kinh này, cung kính xem như Phật. Cúng dường các thứ hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, âm nhạc, cho đến chắp tay cung kính. Dược Vương nên biết ! Những

người đó, tức đã từng cúng dường mười vạn ức các đức Phật, ở chỗ các đức Phật thành tựu nguyện lớn, vì thương xót chúng sinh, nên sinh vào thế gian này.

Phật lại nói với Bồ Tát Dược Vương : ''Sau khi ta diệt độ, nếu như có người nghe được bộ Kinh Pháp Hoa nầy, cho đến nghe được một câu, hoặc một bài kệ của bộ kinh nầy, mà ở trong một niệm sinh tâm vui mừng khen ngợi, ta đều thọ ký thành Phật cho người đó. Giả sử, lại có người: Thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thích nói bộ kinh nầy, hoặc chỉ vì người giải thích nói một bài kệ của kinh văn, mà người đó lại cung kính lễ bái, xem Kinh Pháp Hoa giống như Phật không khác. Người đó cúng dường đủ thứ, nào dùng hoa, hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, âm nhạc, để cúng dường, cho đến chỉ chắp tay lại lễ bái.

Dược Vương ! Ông nên biết, họ đã từng cúng dường mười vạn ức các Đức Phật. Những người đó, ở tại cõi nước chư Phật thành tựu thệ nguyện của họ đã phát, chỉ vì họ từ bi thương xót tất cả chúng sinh, cho nên sinh vào thế giới nầy, mục đích chỉ muốn độ tất cả chúng sinh đồng đến bờ kia, cho nên nói, họ đều là hóa thân của đại Bồ Tát để đến giáo hóa chúng sinh.

Dược Vương ! Nếu có người hỏi : Những chúng sinh nào ở đời vị lai sẽ được thành Phật ? Thì nên chỉ những người đó ở đời vị lai, tất sẽ được thành Phật. Tại sao ? Vì nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì đọc tụng giải thích nói Kinh Pháp Hoa, dù chỉ một câu, hoặc dùng các thứ : Hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, âm nhạc, để cúng dường kinh quyển, chắp tay cung kính, thì người đó, là chỗ đáng chiêm ngưỡng tôn thờ của tất cả thế gian, nên đem đồ cúng dường Như Lai, mà cúng dường cho người đó.

Dược Vương ! Nếu có người hỏi ông, những chúng sinh nào ở đời vị lai sẽ được thành Phật ? Thì ông nên chỉ những người đó, chỉ có những người thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói bộ kinh Pháp Hoa nầy, ở đời vị lai chắc chắn sẽ được thành Phật. Vì sao ? Giả sử có người thiện nam, người thiện nữ, hay thọ trì, đọc tụng, giải nói biên chép bộ kinh Pháp Hoa nầy, cho đến một câu, hoặc dùng: Hoa, hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương

đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, âm nhạc, để cúng dường bộ kinh nầy. Tại sao chúng ta cần cúng dường kinh quyển ? Vì kinh quyển là pháp thân của chư Phật. Thậm chí, nếu ai chắp tay cung kính bộ kinh nầy, thì người đó là chỗ đáng chiêm ngưỡng và tôn thờ của tất cả người thế gian.

Chúng ta cũng nên cúng dường vị pháp sư nầy, như cúng dường Phật không khác.

Nên biết người đó là đại Bồ Tát, thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thương xót chúng sinh mà nguyện sinh vào thế gian này, để rộng nói phân biệt Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hà huống là người hay thọ trì, và dùng các thứ cúng dường.

Dược vương ! Nên biết người đó, tự xả bỏ nghiệp báo thanh tịnh, sau khi ta diệt độ, vì thương xót chúng sinh, mà sinh vào đời ác, để rộng nói kinh này.

Ông nên biết, sau khi Phật diệt độ, nếu có người hay giải thích nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, họ đều là hóa thân của đại Bồ Tát. Họ sớm đã thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chỉ bất quá vì thương xót chúng ta chúng sinh, ở trong đời ác năm trược nầy, mà phát đại thệ nguyện, tái sinh vào thế gian nầy, để rộng diễn nói và

phân biệt giải thích bộ Kinh Pháp Hoa. Hà huống là những người đó, hết lòng thọ trì và dùng đủ thứ để cúng dường bộ kinh nầy ?

Dược Vương ! Ông nên biết, những người đó đều đã thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, phát nguyện trở lại độ tất cả chúng sinh, mà xả bỏ đi nghiệp báo thanh tịnh của họ. Sau khi ta diệt độ, vì thương xót tất cả chúng sinh, mà sinh vào đời ác năm trược nầy, vì tất cả chúng sinh rộng diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy.

Sau khi ta diệt độ, nếu người thiện nam, người thiện nữ, hay riêng vì một người nói Kinh Pháp Hoa, cho dù một câu, nên biết người đó, là sứ giả của Như Lai, được Như Lai sai khiến, làm việc của Như Lai, hà huống ở trong đại chúng rộng vì người nói.

Giả sử, có người thiện nam thiện nữ, sau khi Phật diệt độ, hay riêng vì một người diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, cho dù chỉ một câu, hoặc chút phần, phải biết rằng người đó là sứ giả của Như Lai, như được Phật phái đến, để vì người thế gian giảng giải Kinh Pháp Hoa. Hà huống người đó ở trong đại chúng, vì người khác rộng nói bộ kinh nầy.

Dược Vương ! Nếu có kẻ ác dùng tâm bất thiện, ở trong một kiếp hiện thân ở trước Phật, thường hủy báng mắng chưởi Phật, tội của người đó còn nhẹ. Nếu có người, dùng lời ác hủy báng mắng chưởi người tại gia, hoặc xuất gia, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì tội đó nặng hơn.

Dược Vương ! Nếu như có kẻ tánh ác, dùng tâm bất thiện ở trong một kiếp, hiện thân ở trước Phật, luôn luôn hủy báng mắng chưởi Phật, thì tội báo của người đó còn nhẹ. Song, nều như có người, dùng một lời ác hủy báng mắng chưởi người tại gia, hoặc người xuất gia đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì người đó tội báo nặng hơn so với người hủy báng Phật. Tại sao ? Vì Phật từ bi bình đẳng. Nếu ai hủy báng hoặc khen ngợi Phật như thế nào ? Thì Phật cũng đều như như chẳng lay động. Song, nếu một người tụng Kinh Pháp Hoa, chưa chứng đắc vô sinh pháp nhẫn, mà có người hủy báng, khiến cho họ sinh tâm sân hận, hoặc tâm thối lùi, làm cho họ chẳng thành tựu đạo nghiệp, thì tội của người hủy báng đó, nặng hơn rất nhiều so với hủy báng Phật. Hơn nữa, kinh Phật là pháp thân của Phật, nếu ai hủy báng kinh Phật, tức cũng là hủy báng pháp thân Phật. Trong kinh Kim Cang có nói :

''Phàm chỗ nào có kinh điển, là chỗ đó có Phật.''

Dược Vương ! Nếu có người hay trì tụng Kinh Pháp Hoa, thì nên biết người đó, dùng sự trang nghiêm của Phật, mà tự trang nghiêm cho mình, tức được mang vác trên vai của Như Lai, người đó đến đâu, đều nên hướng về người đó làm lễ. Một lòng chắp tay, cung kính cúng dường tôn trọng khen ngợi, dùng hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, cỗ tiệc, tấu các âm nhạc, đem đồ tối thượng trong thế gian, để cúng dường người đó. Nên dùng hoa báu cõi trời rải lên thân người đó, vì người đó là báu tụ trên trời, nên cúng dường như thế.

Dược Vương ! Nếu có người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì ông nên biết người đó, được sự trang nghiêm giống như tượng Phật. Người đó như được mang vác trên vai của Phật, bất cứ người đó đến đâu, thì mọi người đều nên hướng về người đó cung kính đảnh lễ, một lòng chắp tay thưa hỏi cung kính, mà cúng dường tôn trọng khen ngợi người đó. Dùng hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, cỗ

tiệc, các thứ âm nhạc, để cúng dường người đó, lại có thể dùng đồ cúng dường tối thượng nhất trong thế gian, để cúng dường người đó.

Nên dùng hoa báu trên trời rải trên thân người đó, vì người đó là báu tụ trên trời, đáng thọ sự cúng dường như thế.

Vì sao ? Vì người đó ưa thích thuyết pháp, khiến cho người nghe trong chốc lát, liền được rốt ráo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Vì sao người đó được cúng dường như thế ? Vì người đó rất ưa thích thuyết pháp, khiến cho đại chúng trong thời gian chốc lát, có thể đắc được rốt ráo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lúc đó, Đức Phật muốn vì đại chúng trong pháp hội, thuật lại tỉ mỉ rõ ràng hơn, để cho đại chúng dễ hiểu, bèn nói ra bài kệ rằng :

Nếu muốn trụ Phật đạo
Thành tựu trí tự nhiên
Luôn siêng năng cúng dường
Người thọ trì Pháp Hoa.

Có người muốn mau được
Nhất thiết chủng trí huệ
Nên thọ trì kinh này
Và cúng dường người trì.

Nếu như có người muốn trụ ở trong Phật đạo. Thế nào mới gọi là trụ ở trong Phật đạo ? Tức là một lòng hướng về Phật đạo, bất luận là cảnh giới thuận hoặc nghịch đến, đều chẳng lay động, đó mới là chân chánh trụ ở trong Phật đạo.

Vậy muốn trụ ở trong Phật đạo, thì trước hết phải thành tựu trí tự nhiên. Trí tự nhiên cũng gọi là trí vô sư, tức là chẳng cần sư phụ chỉ đạo, vì đã giác ngộ tất cả các pháp.

Như Ngũ Tổ Đại Sư nói : ''Hợp thời ta độ ngươi''!

Lục Tổ Đại Sư nói :

''Khi mê thì thầy độ,
Khi ngộ thì tự độ.''

Đó là đắc được trí huệ tự nhiên, cũng như qua sông chẳng cần thuyền. Vậy chúng ta làm thế nào mới có thể đắc được trí huệ tự nhiên ? Phải luôn luôn siêng năng tinh tấn, cung kính cúng dường các vị pháp sư thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói Kinh Pháp Hoa.

Nếu như có người lại muốn mau chóng đắc được bao la vạn hữu, tất cả trí huệ viên mãn, thì hãy luôn luôn

tâm niệm bộ kinh vi diệu nầy, thân thật hành thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa nầy, và còn thường xuyên cúng dường những người khác thọ trì Kinh Pháp Hoa. Người đó chắc chắn sẽ đắc được nhất thiết trí huệ viên mãn của Phật. Có trí huệ viên mãn thì chẳng còn mê nữa, đó là chân chánh trụ ở trong Phật đạo.

Nếu có người thọ trì
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Đó là sứ của Phật
Thương xót các chúng sinh.
Những người hay thọ trì
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Xả bỏ cõi thanh tịnh
Thương chúng sinh vào đời.
Nên biết người như thế
Chỗ muốn sinh tự tại
Ở trong đời ác này
Rộng nói pháp vô thượng.
Nên dùng hương hoa trời
Và y báu cõi trời
Diệu báu tụ trên trời
Cúng dường người thuyết pháp.

Nếu như có người hay thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì bạn nên biết những người đó, đều là sứ giả của Phật đến. Vậy tại sao họ lại nguyện sinh vào đời ác năm trược nầy ? Vì họ thương xót tất cả chúng sinh, cho nên phát nguyện trở lại độ thoát tất cả chúng sinh. Hết thảy những người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, họ đều xả bỏ cõi Thật Báo Trang Nghiêm, mà nguyện sinh vào đời ác năm trược. Bạn nên biết, những người đó chẳng phải thọ nghiệp báo mà sinh vào nhân gian, mà là họ tự tại muốn vào thế gian nầy, và còn ở trong đời ác năm trược, rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp vô thượng nầy, để giáo hóa tất cả chúng sinh. Cho nên, khi chúng ta gặp người thọ trì diễn nói bộ kinh nầy, thì nên dùng các thứ hoa trời, hương trời, và đồ báu trên trời, y phục, báu vật tốt nhất trên trời, để cúng dường người thuyết pháp nầy. Chúng ta người tu đạo, đừng nên nghe thọ trì Kinh Pháp Hoa, đắc được nhiều thứ cúng dường, thì mau mau học tập thọ trì giải nói Kinh Pháp Hoa. Thứ vọng niệm như thế rất sai lầm. Chúng ta thọ trì tụng niệm kinh điển là vì tu hành, liễu sinh thoát tử, vì hoằng dương Kinh Pháp Hoa, chứ chẳng phải vì muốn tham đồ cúng dường.

Tổ Sư Đạt Ma có một vị đệ tử, cô ta chuyên môn trì tụng bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Sau khi cô ta chết đi, trong miệng sinh ra một đóa hoa sen màu xanh, đó cũng là công đức của cô ta tụng niệm Kinh Pháp Hoa. Cho nên chúng ta phải mau luôn luôn dụng công tu hành, ví như ngoài

việc dịch kinh điển, khóa lễ sớm tối, còn phải chuyên trì pháp môn mà mình thích tu, như thế thì trên đường tu mới kiên cố công phu tu hành của mình, đừng tùy ý để thời gian trôi qua lãng phí.

Do đó, bất luận là người tại gia hay xuất gia, đều nên quán không vô ngã, mới có thể xa lìa vọng niệm, đắc được tịch tĩnh. Muốn bớt đi tập khí mao bệnh của mình, thì hãy sửa đổi tập khí mao bệnh, được như thế thì mới có thể trụ nơi Phật đạo, mới có thể tương ưng với Phật pháp.

Đời ác sau ta diệt
Người hay trì kinh này
Nên chắp tay kính lễ
Như cúng dường Thế Tôn.
Bày tiệc ngon thượng hạng
Và các thứ y phục
Cúng dường Phật tử đó
Mong được chốc lát nghe.
Nếu người ở đời sau
Hay thọ trì kinh này
Ta phái họ trong đời
Làm việc của Như Lai.

Sau khi Đức Phật diệt độ, người hay thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa nầy, ở trong đời ác năm trược, thì chúng ta nên hướng về người đó, chắp tay lễ bái cung kính cúng dường người thọ trì kinh Pháp Hoa nầy, như cúng dường Phật. Đem đồ ngon vật lạ và các thứ y phục, để cúng dường vị pháp tử nầy. Hy vọng ở trong thời gian rất ngắn, nghe được bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Nếu ở trong đời vị lai, có người hay thọ trì và giải nói bộ kinh nầy, thì người đó giống như ta phái họ vào nhân gian, làm việc của Phật làm, tức là chuyên thọ trì, đọc tụng, biên chép, vì người giải nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy.

Nếu ở trong một kiếp
Thường ôm lòng bất thiện
Nổi giận mà mắng Phật
Mắc vô lượng tội nặng.
Nếu có người trì tụng
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Chốc lát dùng lời mắng
Tội này lại hơn kia.

Nếu như có người ở trong một kiếp, thường ôm lòng bất thiện, nổi giận mà mắng chưởi Phật, người nầy mắc vô lượng tội nặng như núi Tu Di, nói chẳng hết được. Song, nếu có người hay trụ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa,

lại có người mắng chửi trong thời gian rất ngắn, thì người nầy tội nặng hơn người mắng chửi Phật.

Có người cầu Phật đạo
Mà ở trong một kiếp
Chắp tay ở trước ta
Dùng vô số kệ khen.
Do vì khen ngợi Phật
Được vô lượng công đức
Khen tốt người trì kinh
Phước này lại hơn kia.

Nếu như có người một lòng cầu Phật đạo, mà ở trong một kiếp, ở trước Phật chắp tay kính lễ, còn dùng vô số bài kệ để khen ngợi Phật, cho nên được công đức như số cát sông Hằng. Nếu như có người hay khen ngợi người trì kinh Pháp Hoa, thì phước của người đó lớn hơn so với sự khen ngợi Phật.

Trong tám vạn ức kiếp
Dùng sắc thanh diệu nhất
Cùng với hương vị xúc
Cúng dường người trì kinh.
Cúng dường như thế rồi

Nếu chốc lát được nghe
Thì nên tự vui mừng
Nay ta được lợi lớn.
Dược Vương ! Nay bảo ông
Các kinh của ta nói
Mà ở trong các kinh
Pháp Hoa là bậc nhất.

Có thể ở trong tám mươi ức kiếp, dùng sắc thanh diệu tốt nhất, và hương, vị, xúc, diệu tốt nhất, để cúng dường người thọ trì Kinh Pháp Hoa. Cúng dường như thế rồi, nếu ở trong chốc lát, mà được nghe bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì tự vui mừng, vì hôm nay được nghe bộ Kinh Pháp Hoa nầy, được lợi ích rất lớn. Lợi ích gì ? Tức là được cơ hội thành Phật. Do đó có câu :

''Niệm câu Nam Mô Phật,
Đều cùng thành Phật đạo.''

Huống gì được nghe Kinh Pháp Hoa vi diệu nầy.

Tại sao tôi nói thọ trì Kinh Lăng Nghiêm, thì khai mở đại trí huệ ? Thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì có thể tu thành Phật đạo ? Vì bộ Kinh Pháp Hoa nầy, là Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, và Thiên Bách Ức Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng có đủ ba thân, bốn trí, năm mắt, sáu thông của Phật,

cho nên nói Kinh Pháp Hoa là vua trong các kinh. Do đó, Đức Phật lại nói với Bồ Tát Dược Vương và đại chúng trong pháp hội: ‘’Dược Vương ! Hôm nay ta nói với ông, tất cả kinh điển của ta nói, từ thời Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, đến thời Bát Nhã, mà trong các kinh điển đó, thì Kinh Pháp Hoa là bậc nhất, cho nên nói là vua trong các kinh‘’. Cho nên, chúng ta chỉ cần nghe được bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì đã kết nhân duyên thành Phật thù thắng với Kinh Pháp Hoa, tương lai chắc chắn ở trong khắp hội chúng hàng Thanh Văn, hữu học vô học hai nghìn năm trăm người, nếu ai dũng mãnh tinh tấn thọ trì bộ kinh Pháp Hoa nầy, thì chắc chắn sớm gần gũi tất cả chư Phật Bồ Tát trong mười phương, gặp nhau trong hội Long Hoa.

Bấy giờ, đức Phật lại bảo đại Bồ Tát Dược Vương rằng : Kinh điển của ta nói vô lượng ngàn vạn ức, đã nói nay nói và sẽ nói, mà ở trong các kinh đó, thì Kinh Pháp Hoa khó tin khó hiểu nhất.

Dược Vương ! Kinh này là tạng bí yếu của chư Phật, không thể phân chia vọng trao cho người, là kinh được các đức Phật giữ gìn bảo hộ. Từ xưa đến nay chưa từng bày nói, mà kinh này lúc Như Lai còn hiện tại, đã có

nhiều kẻ oán ghét, huống chi sau khi Như Lai diệt độ.

Sau khi Phật nói kệ ở trên rồi, vì không để cho tất cả chúng sinh, sinh tâm hoài nghi đối với bộ Kinh Pháp Hoa nầy, cho nên lần nữa lại nói với đại Bồ Tát Dược Vương: ‘’Tất cả Phật pháp kinh tạng của ta nói ra, có vô lượng vô biên nhiều trăm ngàn vạn ức bất khả thuyết. Pháp đã nói trong quá khứ, pháp hiện tại đang nói, pháp sẽ nói đời vị lai, thì bộ kinh Pháp Hoa nầy, khó tin khó giải nói. Vì bộ Kinh Pháp Hoa nầy quá áo diệu, nên phải có diệu nhân, mới có thể tiếp thọ và thọ trì kinh nầy. Bộ Kinh Pháp Hoa nầy, cũng là tạng pháp quan trọng và bí mật nhất của mười phương chư Phật, chưa bao giờ hướng ngoài bày nói. Mười phương chư Phật đều cùng hộ trì bộ kinh nầy, cho nên không bày nói ra bộ kinh nầy. Do đó, từ xưa đến nay, đều chẳng tỉ mỉ nói bày ra. Tại sao ? Vì một số người chẳng tin bộ kinh nầy, và khi ta nói ra bộ kinh nầy, thì có rất nhiều thiên ma ngoại đạo, bàng môn tả đạo đều sinh tâm oán hận và tâm đố kị, huống chi sau khi ta diệt độ ?

Dược Vương nên biết ! Sau khi Như Lai diệt độ, ai hay biên chép thọ trì đọc tụng cúng dường, vì người khác nói bộ kinh này, thì được đức Như Lai lấy y trùm cho, lại

được các đức Phật ở phương khác hộ niệm cho, người đó có sức tin lớn và sức chí nguyện, các sức căn lành. Nên biết người đó, cùng với đức Như Lai ở chung, được đức Như Lai lấy tay rờ đầu người đó.

Tuy nhiên như vậy, Phật cũng phải nói ra bộ kinh nầy. Do đó, Dược Vương ! Ông nên biết sau khi Phật vào Niết Bàn, nếu có ai hay biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, và vì người khác giải nói nghĩa lý bộ kinh nầy, thì có thể được Phật lấy y Cà sa trùm lên thân người đó, và còn được mười phương chư Phật, luôn luôn bảo hộ gia bị cho người đó, khiến cho họ khai mở đại trí huệ. Người đó đầy đủ sức tin lớn, do đó có câu :

''Phật pháp như biển cả,
Có niềm tin mới vào được.''

Nếu chẳng có niềm tin, thì không thể vào trong Phật pháp, phải có niền tin mới có công đức, mới có thể tu hành.

Do đó, nếu có ai hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì họ tất có niềm tin lớn, dù thế nào đi nữa, thì họ không thể nào sinh tâm hoài nghi đối với bộ kinh nầy, mà còn phát chí nguyện vững chắc để phụng trì bộ kinh nầy. Tại sao những người nầy có niềm tin và chí nguyện như thế ? Vì họ trong quá khứ đã trồng xuống các căn lành và hạt

giống bồ đề. Ông nên biết, họ với Phật thường ở chung với nhau, được Phật rờ đầu. Rờ đầu là biểu thị từ bi chẳng bỏ tất cả chúng sinh, tức là Phật dùng oai đức của Ngài, để gia bị cho tất cả chúng sinh, khiến tiêu trừ tất cả chướng ngại được khai mở trí huệ của Phật.

Dược Vương ! Bất cứ nơi chốn nào, hoặc có người nói, đọc tụng, biên chép, hoặc có quyển kinh này ở đó, thì nên xây dựng tháp bảy báu cho thật cao rộng trang nghiêm, không cần an trí xá lợi nữa. Tại sao ? Vì trong đó đã có toàn thân của Như Lai. Tháp đó nên dùng tất cả các hoa, hương, anh lạc, lọng lụa, tràng phan, âm nhạc, ca xướng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Nếu có ai thấy được tháp này, mà lễ bái cúng dường, thì nên biết những người đó, đều gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Bất cứ ở đâu, nếu có ai giải nói, đọc tụng, biên chép, và có bộ Kinh Pháp Hoa nầy ở đó, mà xây tháp bằng bảy báu, tháp đó cao rộng và trang nghiêm, chẳng cần an trí xá lợi vào trong tháp đó nữa. Vì sao ? Vì nếu an trí bộ Kinh Pháp Hoa vào trong tháp, thì đồng như

có pháp thân của Phật ở trong đó. Chúng ta nên dùng tất cả các thứ hoa hương, anh lạc, lọng lụa, tràng phan, âm nhạc, ca xướng, để cúng dường và cung kính tôn trọng khen ngợi bảo tháp nầy.

Nếu có người thấy được tháp bằng bảy báu nầy, mà hướng về tháp báu nầy đảnh lễ, cho đến cúng dường, thì nên biết những người đó, gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Có nhiều người tại gia, hoặc xuất gia, thực hành Bồ Tát đạo, nếu không thể thấy nghe được người đọc tụng biên chép thọ trì cúng dường Kinh Pháp Hoa này, thì nên biết người đó, chưa khéo hành Bồ Tát đạo. Nếu có người nghe kinh điển này, thì mới khéo thực hành Bồ Tát đạo. Nếu có chúng sinh cầu Phật đạo, nếu thấy hoặc nghe được Kinh Pháp Hoa này, người đó nghe rồi, tin hiểu thọ trì, nên biết người đó, gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Có rất nhiều người tại gia và xuất gia tu hành đạo Bồ Tát, nếu họ không thể thấy nghe được

người đọc tụng, biên chép, thọ trì, cúng dường Kinh Pháp Hoa, thì ông nên biết những người đó, chưa thực hành viên mãn Bồ Tát đạo, nếu người hay thực hành Bồ Tát đạo, lại hay thấy nghe được người thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì họ mới tu hành Bồ Tát đạo viên mãn. Ngoài ra, có những chúng sinh một lòng muốn cầu quả vị Phật, nếu thấy nghe được bộ Kinh Pháp Hoa nầy, nghe rồi thâm nhập hiểu rõ và tu trì bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì những người đó gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Ví như có người khát nước, ở nơi vùng cao nguyên đào khoét tìm nước, thấy đất còn khô, biết nước còn xa, cố gắng đào không ngừng, bèn thấy đất ướt, dần dần đến bùn, tâm người đó biết chắc sắp tới nước.

Dược Vương ! Ví như có người cảm thấy rất khô khát, cần nước để giải khát, do đó ở nơi vùng cao nguyên đào giếng muốn được có nước. Song vì chỗ nầy là nơi cao, cho nên đất rất khô. Đó cũng là ví dụ cho tập khí mao bệnh của chúng ta cao như núi Tu Di. Nếu trên đỉnh núi Tu Di mà muốn tìm chút nước, thật là việc rất khó khăn. Do đó, khi bạn nhìn thấy đất khô, thì đủ biết cách nước còn rất xa. Đó nghĩa là tu đạo tất phải từ từ, chẳng phải một ngày nóng mười ngày lạnh. Nếu như thế thì cách

xa đạo tám vạn bốn nghìn dặm. Nếu dụng công tu hành không ngừng, thì giống như mỗi ngày đều đang đào giếng, thời gian lâu thì dù nơi đất cao, cuối cùng sẽ thấy đất ước, dần dần lại thấy được bùn, đó cũng như tu đạo, dần dần sẽ chứng được sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả. Nếu tâm quyết định đào giếng không ngừng, thì biết chắt sẽ được nước, tức cũng ví dụ, một khi tu đạo dụng công khổ tu, thì tất định cách Phật đạo không xa.

Bồ Tát cũng lại như thế, nếu chưa nghe chưa hiểu, chưa thể tu tập Kinh Pháp Hoa này, thì cách quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác còn xa. Nếu được nghe hiểu suy nghĩ tu tập, thì biết được gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bồ Tát cũng như ở trên vừa nói, nếu có người chẳng nghe qua, hoặc chẳng hiểu rõ Kinh Pháp Hoa, thì cũng không thể y theo Kinh Pháp Hoa mà tu hành. Ông nên biết, người đó cách quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Phật còn xa. Nếu được nghe thấy, hiểu rõ suy gẫm, y chiếu Kinh Pháp Hoa mà tu hành, thì tất được vô lượng tam muội, chắc chắn cách quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng bao xa. Cho nên nói, bộ Kinh Pháp Hoa nầy, là pháp khai quyền hiển thật. Nếu ai hay nghe

được Kinh Pháp Hoa, thì đều là người có căn lành lớn, có trí huệ lớn.

Tại sao ? Vì tất cả Bồ Tát chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều thuộc nơi kinh này. Kinh này khai mở môn phương tiện, mở bày tướng chân thật. Tạng Kinh Pháp Hoa này, sâu xa vững chắc, chẳng ai đến được. Nay Phật vì giáo hóa thành tựu Bồ Tát, mà khai thị.

Tại sao ? Vì tất cả Bồ Tát chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều bao hàm ở trong bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Bộ kinh nầy đều đã khai mở hết thảy pháp môn phương tiện, chỉ bày ra diệu lý tướng chân thật, mà mỗi chúng ta chúng sinh, đều có đủ thật tướng lý thể nầy, chỉ bất quá một số người quay lưng với giác ngộ, mà hợp với trần lao, chẳng biết mình có tướng chân thật như thế. Pháp hàm tàng trong bộ Kinh Pháp Hoa nầy, có đủ vô lượng ức, sâu không thể dò như biển cả, thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được, cho nên gọi là pháp vững chắc, mà pháp trong bộ kinh nầy ẩn mà chẳng thấy.

Dùng quả vị Phật để luận, nếu muốn đến quả vị Phật, thì phải trải qua chín bậc, từ chín pháp giới đến pháp giới của Phật, là một đoạn đường rất dài. Vì quá dài, cho nên con người không dễ gì đạt đến trình độ Kinh Pháp

Hoa. Hiện tại Phật khai quyền hiển thật, mà vì bạn mở bày con đường thành tựu của Bồ Tát.

Dược Vương ! Nếu có Bồ Tát nghe Kinh Pháp Hoa này, mà kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết người đó là Bồ Tát mới phát tâm. Nếu hàng Thanh Văn nghe kinh này, mà kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết người đó là kẻ tăng thượng mạn.

Nếu như có Bồ Tát nghe được bộ Kinh Pháp Hoa nầy, mà tâm sinh kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết họ đều là bậc mới phát tâm Bồ Tát. Nếu hàng Thanh văn nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này, mà sinh tâm kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết họ chẳng đủ lòng cung kính và sự tín ngưỡng Phật Pháp Tăng, cho nên tăng trưởng tâm cống cao ngã mạn, như hội Pháp Hoa vừa mới bắt đầu, thì có năm nghìn đệ tử của Phật, một khi nghe Phật muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì ai nấy đều bỏ về .

Dược Vương ! Nếu có người thiện nam người nữ nào, sau khi Như Lai diệt độ, muốn vì bốn chúng nói Kinh Pháp Hoa này, thì người thiện nam, thiện nữ đó, phải vào nhà

Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng rộng nói kinh này.

Dược Vương ! Nếu như có người thiện nam người thiện nữ tại gia hoặc xuất gia, muốn nói kinh nầy, sau khi Đức Như Lai diệt độ, thì nên làm thế nào ? Những người thiện nam người thiện nữ đó, phải ở trong nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi trên pháp tòa của Như Lai, rồi mới có thể vì bốn chúng rộng nói bộ kinh nầy.

Nhà Như Lai là có tâm đại từ bi đối với tất cả chúng sinh. Y Như Lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục. Tòa Như Lai là tất cả các pháp không. An trụ ở trong đó, rồi sau đó dùng tâm không giải đãi, mà vì các Bồ Tát và bốn chúng, rộng nói Kinh Pháp Hoa này.

Nhà Như Lai là có đủ tâm đại từ bi. Nếu chịu đựng được người khác đánh chưởi mắng, mà chẳng sinh một chút tâm sân hận, thì tức là có tinh thần vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, xem sự đau khổ của tất cả chúng sinh, giống như sự đau khổ của mình, đó là vào nhà Như Lai. Mặc Y Như Lai là gì ? Tức là có tâm nhu hòa và tâm nhẫn nhục, chẳng có lửa vô minh nóng giận. Nếu muốn học tâm nhẫn nhục, thì chẳng phải suốt ngày đến tối, cứ niệm hai chữ nhẫn nhục, khi nghịch cảnh đến thì chẳng chịu

đựng được, vì đó chẳng qua là dụng công phu ở ngoài da, phải lão thật tu hành thì mới đạt được công phu nhẫn nhục thật sự. Nếu xem tất cả các pháp đều không, thì chẳng chấp trước người, chẳng chấp trước pháp. Đó là ngồi trên tòa Như Lai.

Nếu đầy đủ được ba điều kiện nầy, thì sau đó dùng tinh thần chẳng giải đãi, vì tất cả Bồ Tát và Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam cư sĩ nữ, rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Lúc đó, được tất cả chư Phật Bồ Tát trong mười phương, người chẳng phải người .v.v., đều đến hộ niệm và nghe người đó giảng bộ kinh nầy.

Dược Vương ! Ta ở nơi nước khác, sai người biến hóa đến để nghe pháp, và cũng sai Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đến nghe người đó nói pháp. Những người biến hóa đó, nghe pháp tin nhận, tùy thuận chẳng nghịch. Nếu người nói pháp ở chỗ vắng vẻ, thì ta rộng sai trời, rồng, quỷ thần, Càn thát bà, A tu la, đến để nghe nói pháp .

Tuy ta ở nước khác, nhưng luôn luôn khiến cho người nói pháp, được thấy thân ta. Nếu ở nơi kinh này, quên mất câu kinh văn,

thì ta sẽ vì người đó nói, khiến cho được đầy đủ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Dược Vương ! Tuy ta ở tại thế giới Ta Bà vào Niết Bàn, đến nước khác giáo hóa chúng sinh, song có người ở tại nhân gian vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, giảng giải bộ kinh nầy, thì ta phái tất cả người biến hóa của ta khắp nơi, đến khuyên mọi người đến nghe vị pháp sư đó, giảng bộ kinh nầy. Ta còn phái những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, biến hóa của ta đến để nghe pháp nầy. Họ còn y chiếu theo pháp của Kinh Pháp Hoa nầy mà tu hành, tùy thuận tiếp nhận nghĩa lý kinh văn. Nếu như vị pháp sư đó, nói pháp ở tại núi rừng, hoặc nơi vắng vẻ, thì ta phái tất cả trời, rồng, quỷ thần, Cán thát bà, A tu la, đến để nghe người đó nói pháp. Tuy ta ở tại nước khác, song ta vẫn luôn luôn khiến cho người nói pháp đó, thấy được thân của ta. Vì sao ? Nghĩa là hay vì diễn nói, nghe, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì như thấy được ba thân bốn trí của Phật. Vì chân thân của Như Lai tức là Kinh Pháp Hoa. Nếu như có người quên mất câu kinh văn của Kinh Pháp Hoa, thì ta sẽ nói cho người đó, khiến cho người đó nhớ lại kinh văn đã quên. Nghĩa là mong mỏi sự gia bị của Phật, được khai mở trí huệ, khiến cho người đó, nhìn qua kinh văn liền thấu rõ.

Lúc đó, Phật lộ ra tâm đại từ bi của Ngài, nguyện vì đại chúng thuật lại pháp vừa nói ở trên, bèn cùng kệ nói lại cho rõ ràng hơn.

Muốn lìa sự giải đãi
Hãy nên nghe kinh này
Kinh rất khó được nghe
Tin nhận được cũng khó.
Như người khát tìm nước
Đào khoét nơi cao nguyên
Do thấy đất còn khô
Biết rằng nước còn xa
Dần thấy đất bùn ướt
Biết chắc chắn gần nước.

Nếu ai muốn xa lìa sự giải đãi, thì nên nghe bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Bộ kinh Pháp Hoa nầy rất khó được gặp, tức là người có cơ hội được nghe bộ kinh nầy, cũng chẳng dễ gì tin diệu pháp trong bộ kinh nầy, cho nên cũng không thể đắc được tác dụng của diệu pháp nầy. Ví như có người rất khát nước, muốn uống nước, cho nên đến vùng cao nguyên đào giếng. Song, đất ở cao nguyên rất khô, phải mất thời gian rất lâu mới đào được hố sâu, song cách nước vẫn còn xa. Nếu người đó quyết tâm tiếp tục đào, thì cuối cùng chắc chắn sẽ được nước. Đạo lý nầy

ví dụ ở tại địa vị phàm phu chúng ta, nếu muốn tu thành Phật đạo, thì phải thâm nhập nghiên cứu tạng kinh, y theo pháp tu hành. Tuy chúng ta ở trong đời ác năm trược, từ vô thỉ đến nay, tự tánh đầy dẫy vô minh phiền não, cống cao ngã mạn, cho nên chẳng dễ gì tu đạo, cách quả vị Phật tám vạn bốn nghìn dặm, song nếu chí nguyện vững chắc, thì từ địa vị phàm phu, đến địa vị sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả, cách Phật không xa. Nếu có thể tiếp tục tiến về trước, thì có ngày sẽ đạt được quả vị Phật.

Dược Vương ông nên biết !
Tất cả những người đó
Không nghe Kinh Pháp Hoa
Cách trí Phật rất xa.
Nếu nghe sâu kinh này
Chắc rõ pháp Thanh Văn
Là vua trong các kinh
Nghe rồi suy gẫm kỹ.
Nên biết những người đó
Gần kề trí huệ Phật.

Dược Vương ! Ông nên biết, những người ta nói ở trước, nếu chẳng nghe được bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì những người đó, đều cách trí huệ của Phật rất xa. Nếu nghe được diệu pháp sâu xa của bộ Kinh Pháp Hoa nầy,

thì họ thật sự hiểu rõ pháp của hàng Thanh Văn, là Phật quyền xảo phương tiện, biết Kinh Pháp Hoa mới là vua trong các kinh. Nếu nghe rồi, tập trung tinh thần để suy gẫm tu tập chỗ diệu, và nghĩa lý của bộ kinh nầy, thì ông nên biết, người đó gần kề khai ngộ trí huệ của Phật.

Nếu người nói kinh này
Nên vào nhà Như Lai
Mặc y của Như Lai
Ngồi tòa của Như Lai.
Trong chúng chẳng sợ sệt
Rộng vì phân biệt nói
Đại từ bi làm nhà
Y nhu hòa nhẫn nhục.
Các pháp không làm tòa
Nơi đó vì nói pháp
Nếu khi nói kinh này
Có người ác khẩu mắng.
Như đao gậy gói đá
Vì nhớ Phật nên nhẫn.

Nếu như sau khi ta diệt độ, có người vì đại chúng, giải thích nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì người đó phải vào nhà Như Lai, mặc y của Như Lai, ngồi trên tòa của

Như Lai. Sau đó, ở trong đại chúng nghiêm trang, chẳng có sợ sệt rộng nói bộ kinh nầy. Nghĩa là, người đó phải có tâm đại từ bi của Phật, phát nguyện muốn cứu độ tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui, đối với mọi người đều nhu hòa nhẫn nhục, nhẫn những gì mà kẻ khác không nhẫn được, nhường những gì người khác không nhường được, vẫn phải phá mọi chấp trước người và pháp, thì mới ở trên pháp tòa vì đại chúng nói kinh nầy.

Nếu khi giảng giải bộ kinh nầy, mà có người dùng ác khẩu để mắng chưởi người đó, hoặc dùng đao gậy ngói đá để đánh người đó, thì người đó nên nhớ tâm từ bi của Phật, nhớ tâm nhẫn nhục tất cả các pháp, nhớ tất cả pháp đều không.

Ta ngàn vạn ức cõi
Hiện thân tịnh kiên cố
Nơi vô lượng ức kiếp
Vì chúng sinh nói pháp.
Nếu sau ta diệt độ
Người nói được kinh này
Ta sai hóa bốn chúng
Tỳ Kheo Tỳ Kheo ni.
Và cư sĩ nam nữ
Cúng dường pháp sư đó

Dẫn đạo các chúng sinh
Tập hợp khiến nghe pháp.
Nếu có kẻ ác hại
Dùng đao gậy ngói đá
Thì ta sai hóa nhân
Để bảo hộ người đó.

Đức Phật lại nói : ''Sau khi ta diệt độ, ta ở trong nghìn vạn ức cõi nước, hiện pháp thân thanh tịnh và kiên cố, ở trong vô lượng ức kiếp, vì hết thảy chúng sinh nói pháp. Nếu sau khi ta diệt độ, có vị pháp sư nào hay giải nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, thì ta phái hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, những người biến hóa của ta, đến cúng dường vị pháp sư giảng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Ta sẽ dẫn đạo tất cả chúng sinh, tập họp lại một chỗ, khiến cho họ nghe Kinh Pháp Hoa. Nếu có người dùng đao gậy và ngói đá, để hại vị pháp sư đó, thì ta sai những người biến hóa tự tại, đến bảo hộ vị pháp sư đó.

Nếu người đó nói pháp
Một mình nơi chỗ vắng
Vắng vẻ chẳng người nghe
Đọc tụng kinh điển này.
Bấy giờ ta sẽ hiện

Thân thanh tịnh quang minh
Nếu quên mất chương câu
Vì nói khiến thông lợi.
Nếu người đủ đức hạnh
Hoặc vì bốn chúng nói
Nơi vắng đọc tụng kinh
Đều được thấy thân ta.
Nếu người nơi chỗ vắng
Ta sai trời long vương
Dạ xoa quỷ thần thảy
Để làm chúng nghe pháp.
Người đó thích nói pháp
Phân biệt chẳng quái ngại
Vì chư Phật hộ niệm
Hay khiến đại chúng vui.
Nếu gần gũi pháp sư
Mau được Bồ Tát đạo
Tùy thuận thầy đó học
Được thấy Hằng sa Phật.

Nếu như sau khi ta diệt độ, có người muốn vì đại chúng nói bộ kinh Pháp Hoa nầy, song người đó một

mình ở chỗ hoang dã không có người, nơi đó thanh tịnh, mỗi ngày chẳng nghe tiếng người. Người đó ở tại nơi nầy đọc tụng Kinh Pháp Hoa nầy, lúc bấy giờ, ta sẽ vì một người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, mà hiện ra pháp thân thanh tịnh quang minh. Đó là Kinh Pháp Hoa hay khiến cho người đọc tụng khai mở đại trí huệ, có trí huệ thanh tịnh, thì sẽ có quang minh thanh tịnh, có quang minh thanh tịnh, thì tự nhiên sẽ hiện ra pháp thân thanh tịnh, cho nên gọi là pháp thân thanh tịnh quang minh. Nếu như người tụng trì Kinh Pháp Hoa, mà quên mất một bài kệ, hoặc một câu kinh, thì ta sẽ yên lặng nói cho người đó, như ở trong thiền định hoặc ở trong mộng, khiến cho người đó ký ức nhớ lại. Nghĩa là Phật thường ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, dùng sức oai thần của Ngài để gia bị cho người thọ trì giải nói, khiến cho trí huệ của người đó tăng trưởng. Nếu có người đầy đủ đức hạnh, vì bốn chúng nói Kinh Pháp Hoa, hoặc ở tại nơi vắng vẻ đọc tụng kinh nầy, thì ta sẽ khiến cho họ được thấy pháp thân của ta. Kỳ thật, bộ Kinh Pháp Hoa tức là pháp thân của Phật.

Nếu người nào hay đọc tụng, tất sẽ khai mở trí huệ của Phật, và được thấy pháp thân của Phật. Nếu như có người ở tại nơi hoang dã, rừng sâu núi thẳm, giải nói bộ kinh nầy, thì ta sẽ sai tất cả trời rồng tám bộ chúng, dạ xoa, quỷ thần .v.v., đến làm thính chúng trong pháp hội nầy. Người đó thích giảng Kinh Pháp Hoa, mà còn giải nói diệu lý của kinh nầy, được viên dung vô ngại, quang

quang chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, chẳng có quái ngại, vì Phật đều đang gia bị cho người đó, khiến cho pháp của người đó nói, làm cho đại chúng sinh vui mừng.

Nếu có người thường gần gũi vị pháp sư nầy, tất rất mau thông đạt Bồ Tát đạo. Nếu theo vị pháp sư đó học Phật pháp, thì tương lai chắc chắn sẽ thấy được các Đức Phật, nhiều như số cát sông Hằng, rờ đầu thọ ký cho người đó.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM THẤY BẢO THÁP THỨ MƯỜI MỘT

Phẩm thứ mười một gọi là Phẩm Thấy Bảo Tháp. Thấy là nhìn thấy, thấy bảo tháp. Một số người dùng mắt để thấy. Kỳ thật, những gì chúng ta thấy, chẳng riêng gì dùng mắt để thấy, mà còn phải dùng tâm để thấy; chẳng những tâm nhìn thấy đặng, mà bổn tánh cũng nhìn thấy đặng. Vì Đa Bảo Như Lai cũng ở trong bổn tánh của chúng sinh. Hiện là hiện bổn tánh Như Lai, thấy là thấy bổn tánh Như Lai, cũng đều là thấy bảo tháp.

Đạo lý tâm thấy và tánh thấy, có người sẽ không tin. Vì một số người chỉ biết dùng mắt mà chẳng biết con mắt vốn chẳng thấy được. Nếu con mắt thấy được, tại sao người chết rồi, con mắt vẫn còn mà sao không thấy ? Do đó, có thể chứng minh chẳng phải con mắt thấy, mà là tánh thấy. Có người nói: ‘’Hiện tại khoa học phát triển, có thể lấy con mắt của người nầy, gắn vào con mắt của người khác, vẫn có thể nhìn thấy mọi vật‘’. Đó chẳng phải là mắt thấy, mà là sự thấy của tánh thấy. Vì mắt có tánh

thấy, cho nên thấy được. Nếu chẳng có tánh thấy, thì sẽ không thấy được. Vậy tánh thấy là gì ? Bạn nhìn chẳng thấy được.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói:

''Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập''.

Nghĩa là :

Thấy do lìa thấy, không thể thấy được.

Thấy cũng phải lìa sự thấy nầy, tại sao bạn nhìn chẳng thấy ? Vì sự thấy là chẳng có. Nếu chiếu theo đạo lý nầy mà nói, thì bạn nhìn thấy mọi vật, cũng chẳng tồn tại. Có người nói: ''Đạo lý nầy tôi không tin'', vì bạn không tin, nên chẳng hiểu đạo lý Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là phá tất cả mọi sự chấp trước của bạn, sự thấy mọi vật chất của bạn, là từ phần tướng của tám thức hiện ra, kỳ thật cũng là giả, cái mà nhìn không thấy mới là thật. Cái đó là gì ? Tức là tự tánh của bạn, tròn trịa, sáng suốt, viên dung vô ngại. Nếu buông xả được cái giả, thì biết được cái thật .

Tóm lại, bạn nhìn không thấy, thì đó mới là thật thấy; bạn nhìn thấy được, đó là tướng phần của tám thức, chẳng phải phần thấy. Đạo lý nầy càng nghiên cứu thì càng diệu, hôm nay nói về sự thấy đến đây thì ngừng. Trong Kinh Kim Cang nói :

''Phàm tất cả các tướng,

Đều là hư vọng,
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai''.

Bảo là thất bảo (bảy báo): Tức là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, trân châu, mai khôi.

1. Vàng : Tính của vàng là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, đại biểu cho trí huệ kiên cố.

2. Màu của bạc sạch trắng, đại biểu cho hạnh môn thanh tịnh.

3. Lưu ly là thể sáng suốt thấu triệt, biểu thị cho trí huệ sáng suốt.

4. Xa cừ có tướng chuyển động, biểu thị cho tâm ủy khúc, người tu đạo phải có tâm nhẫn và nhường nhịn.

5. Mã não là tạp sắc, bên trong có màu đỏ, màu vàng, màu trắng, vì có nhiều màu, biểu thị cho trí huệ vạn hạnh, do đó có câu ''Vạn đức trang nghiêm''.

6. Trân châu là tròn sáng, biểu thị cho trí huệ viên dung vô ngại.

7. Mai khôi là ngọc thạch, có tính ôn nhuận, biểu thị cho trí huệ ôn nhuận. Dùng bảy báu nầy để tạo tháp, cho nên gọi là bảo tháp (tháp báu) .

Tháp là phương mộ, nơi cúng dường chân thân của Phật và Tổ Sư, tức cũng là nơi thờ Phật xá lợi. Tháp có hình bốn góc, hình sáu góc, hình tam giác, và hình tròn. Có tháp làm bằng gạch, bằng đá, bằng gỗ. Tháp cao nhất có mười ba từng, thấp nhất là hai từng. Tám từng trở lên là

tháp Phật, bảy từng là tháp Bồ Tát, sáu từng là tháp Bích Chi Phật, năm từng là tháp tứ quả A La Hán, bốn từng là tháp tam quả A La Hán, ba từng là tháp nhị quả A La Hán, hai từng là tháp sơ quả A La Hán. Tóm lại, phàm là nơi đáng kỷ niệm, người sau đều xây tháp để biểu thị tôn kính không quên. Giống như Đức Phật :

1. Nơi ra đời, ở ngoài thành Ca Tì La Vệ, lập tháp tại vườn Lâm Tì Ni.

2. Nơi thành đạo, xây tháp tại nước Ma Già Đà, phía nam dòng sông Ni Liên.

3. Nơi chuyển pháp luân, tạo tháp tại vườn nai ngoài thành Ba La Nại nước Ca Thi.

4. Nơi hiện thần thông, xây tháp tại vườn Kỳ Đà phía đông nam thành Xá Vệ.

5. Nơi từ trên trời xuống, xây tháp tại thành Khúc Nữ nước Tang Già Thi.

6. Nơi hóa độ phân biệt tăng, xây tháp tại thành Vương Xá.

7. Nơi suy niệm thọ lượng, xây tháp tại thành Tì Gia Ly.

8. Nơi vào Niết Bàn, xây tháp tại thành Câu Thi Na. Nay đều trở thành thánh địa lễ bái của Phật giáo đồ.

Phẩm là phẩm loại, tụ lại nghĩa lý tương đồng làm một đoạn. Kinh Pháp Hoa có bảy quyển phân làm hai mươi tám phẩm. Mỗi phẩm thành một đề mục, phẩm nầy là Phẩm Thấy Bảo Tháp.

Bảo tháp nầy được tất cả chúng sinh xây dựng, sau khi Đa Bảo Như Lai nhập diệt. Trước khi Đa Bảo Như Lai chưa thành Phật, đã từng phát nguyện: ‘’Ta ở đời vị lai, phàm là có Phật ra đời, khi muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì bảo tháp của ta từ dưới đất sẽ vọt lên, hiện ra ở trước, trụ trong hư không, khiến cho đại chúng đều nhìn thấy được, chứng minh nói cảnh giới của Kinh Pháp Hoa là không thể nghĩ bàn‘’. Cho nên, có thể biết bảo tháp hiện ra là có tác dụng chứng tín.

Do đó, khi Đức Phật muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì nguyện lực của đức Đa Bảo Như Lai xuất hiện ở trong hư không. Do đó, đủ thấy Kinh Pháp Hoa rất là quan trọng. Trong một đời của đức Phật, trước hết nói Kinh Hoa Nghiêm, cuối cùng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Song, khi nói Kinh Hoa Nghiêm thì hàng nhị thừa chẳng tiếp thọ được. Phật từ bi đổi nói Kinh A Hàm, kế tiếp nói Kinh Phương Đẳng, rồi nói Kinh Bát Nhã. Hàng đệ tử hồi tiểu hướng đại, cơ duyên thành thục, mới khai quyền hiển thật, nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy.

Mùa hè năm 1968, chúng ta thành lập ban giảng tập, trước khi khai giảng Kinh Lăng Nghiêm, năm sau ban giảng tập giảng Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Kim Cang .v.v. Năm nay giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, bây giờ giảng đến Phẩm Bảo Tháp. Đại chúng tại Giảng Đường Phật Giáo, cùng nhau nghiên cứu Phật pháp, đây chẳng phải là nhân duyên nhỏ, có thể nói

là cơ hội ngàn năm mới gặp, bất quá bạn chưa được túc mạng thông, nên chẳng thấu được nhân duyên nầy. Chưa chứng được thiên nhãn thông, nên nhìn chẳng thấy được cảnh giới nầy. Song, các bạn ở đây được nghe Phẩm Thấy Bảo Tháp, mới là cảnh giới hiện tiền không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, ở trước đức Phật, có tháp bảy báu cao năm trăm do tuần, bề ngang rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ dưới đất vọt lên, trụ ở trong hư không, đủ thứ các báu vật nghiêm sức rất trang nghiêm. Có năm ngàn lan can, ngàn vạn phòng ốc, vô số tràng phan, dùng để nghiêm sức, chuỗi báu rũ xuống, hàng vạn ức linh báu treo trên tháp, bốn mặt đều tỏa ra hương thơm đa ma la bạt chiên đàn, xông khắp thế giới.

Khi nói xong Phẩm Pháp Sư, thì ở trước đức Phật Thích Ca có tháp bảy báu hiện ra. Tháp bảy báu nầy cao năm trăm do tuần, bề ngang rộng hai trăm năm mươi do tuần (đại do tuần dài 80 dặm, trung do tuần dài 60 dặm, tiểu do tuần dài 40 dặm). Tháp bảy báu nầy từ dưới đất vọt lên từ từ thăng đi lên, cuối cùng ngừng lại ở trong hư không. Trên tháp báu có các thứ báu vật nghiêm sức, bốn mặt tháp báu có năm nghìn lan can, ngàn vạn phòng ốc và

vô số tràng phang trang nghiêm. Lại treo chuỗi báu rũ xuống, và linh báu tòng ten có đến hàng vạn ức. Bốn mặt tháp báu tỏa ra hương thơm đa ma la bạt (tính vô cấu) chiên đàn. Thứ hương thơm nầy xông khắp đại thiên thế giới.

Năm trăm do tuần, biểu thị chúng sinh thọ khổ ở trong năm đường luân hồi. Hiện tại làm cho năm đường luân hồi dừng lại, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui. Hai trăm năm mươi do tuần, biểu thị cho hai trăm năm mươi giới điều. Người tu hành phải chiếu theo giới luật mà tu hành, mới thành tựu đạo nghiệp. Đi đứng nằm ngồi bốn oai nghi, mỗi oai nghi có hai trăm năm mươi giới điều, hợp lại là một nghìn. Lại thêm quá khứ một nghìn, hiện tại một nghìn, vị lai một nghìn, hợp lại thành ba nghìn. Do đó, có câu: ‘’Ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh‘’.

Dùng các thứ báu vật nghiêm sức, là biểu thị đủ thứ hạnh môn, trang nghiêm đạo nghiệp. Năm nghìn lan can, nghìn vạn phòng khám, biểu thị một thứ công đức của vạn điều lành. Vô số tràng phan, biểu thị định huệ. Tràng biểu thị cho định, phan biểu thị cho huệ. Định tức là tĩnh, huệ tức là động. Định huệ đồng đều thì trí huệ hiện tiền, đây là một thứ biểu pháp mà thôi.

Chuỗi là dùng bảy báu tạo thành đồ trang sức, treo ở trước ngực, biểu thị trang nghiêm. Giảng đến chuỗi, tôi bèn nhớ đến một câu chuyện : Lúc Phật còn tại thế, vua

thành Vương Xá là Tần Bà Sa La, là đệ tử của Phật, cũng là đại hộ Pháp. Con trai của ông ta là vua A Xà Thế, nghe lời Đề Bà Đạt Đa xúi giục, nhốt vua cha vào ngục tù bảy lớp cửa, cấm không cho ai vào thăm, chỉ có mẹ của ông ta được vào. Tại sao xảy ra sự việc nầy ? Vì Đề Ba Đạt Đa muốn làm Phật mới, tuyên truyền bên ngoài rằng Phật Thích Ca là Phật cũ. Đề Bà Đạt Đa muốn khởi cách mạng trong Phật giáo, nếu chẳng có ai trợ giúp, thì sẽ không thành công. Cho nên liên hợp với vua A Xà Thế, xúi vua A Xà Thế giết vua cha đoạt ngôi, khẩu hiệu là ‘’Vua mới Phật mới, cùng trị thiên hạ‘’. Ý niệm xấu nầy, khiến cho vua A Xà Thế động tâm, muốn làm vua mới, thì phải phế trừ vua già. Do đó, bèn ra tay đoạt quyền lợi của vua cha, tự lên làm vua mới. Hai con lang bái làm bậy, đi khắp nơi tìm Phật nhiễu hại.

Mẹ của vua A Xà Thế là bà Vi Đề Hi, mỗi lần gặp vua già, thì lợi dụng xâu chuỗi (trống không ở giữa) đổ đầy nước nho, để cho vua già uống giữ gìn tánh mạng. Hai người ở trong ngục than thở nói : ‘’Vì sao lại sinh ra đứa con ngỗ nghịch nầy, chắc là nghiệp báo kiếp trước ? Đức Phật có thần thông, hãy đến cứu chúng con‘’! Bèn hướng về núi Linh Sơn cầu : ‘’Đức Thế Tôn ! Xin ngài phát lòng đại từ bi, cứu chúng con khỏi biển khổ‘’! Lúc đó, tôn giả Mục Kiền Liên và tôn giả A Nan từ hư không đến. Thân của Đức Phật phóng ra quang minh màu vàng tía, ngồi trên trăm hoa sen báu vì họ nói Kinh Thập Lục Quán .

Linh báu dùng để làm cho chim sợ, cho nên nơi góc chùa tháp đều treo các linh báu. Gió thổi vang ra tiếng linh, có thể làm cho chim bay khỏi chỗ nầy. Nếu có người phát tâm cúng dường linh báu treo ở góc tháp, thì âm thanh đời sau chắc chắn to hay, là có sự cảm ứng thù diệu nầy.

Các phan lọng đều làm bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, mai khôi, bảy báu, cao đến cung trời Tứ Thiên Vương. Trời Đao Lợi mưa xuống hoa trời mạn đà la, để cúng dường bảo tháp.

Hết thảy tất cả phan báu và lọng báu, đều dùng : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, mai khôi, bảy báu, hợp thành, cao đến cung trời Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương là từng trời thứ nhất của sáu cõi trời dục giới, nằm ở giữa núi Tu Di. Bốn hướng mỗi hướng đều có một Thiên Vương trấn thủ. Phương đông là Trì Quốc Thiên Vương, phương nam là Tăng Trưởng Thiên Vương, phương tây là Quảng Mục Thiên Vương, phương bắc là Đa Văn Thiên Vương. Mỗi vị Thiên Vương có tám vị đại tướng, trấn thủ bốn phía Trời Đao Lợi, chống giữ binh A Tu La xâm lược. Bồ Tát Vi Đà là một trong ba mươi hai vị đại tướng.

Trời Đao Lợi (Trời Tam Thập Tam) mưa hoa mạn đà la (màu trắng) cúng dường tháp báu. Trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Tu Di, vì bốn phương mỗi phương có tám trời, thêm một trời ở giữa, cộng thành Trời Ba Mươi Ba (Trời Tam Thập Tam). Đây là địa cư thiên, tại mỗi trời có một vị Thiên chủ quản lý, chúa trời ở giữa là trời Đế Thích. Ở trong đạo giáo gọi ông ta là Ngọc Hoàng đại đế, ngoại đạo gọi ông ta là Thiên Chúa, trong Phật giáo gọi ông ta là Thích Đề Hoàn Nhân.

Hôm nay (25/9/1970) nói về lai lịch của Thiên Chúa trời Tam Thập Tam cho mọi người nghe, khiến cho mọi người minh bạch chân tướng của Thiên Chúa.

Ngoại đạo cho rằng Thiên Chúa là chủ tể tối cao vô thượng, thật tế Chúa trên trời là hộ pháp của Phật giáo. Ở trong Phật đường, Thiên Chúa chẳng có tư cách ngồi, chỉ có thể đứng, thậm chí phải đứng ở ngoài cửa. Vì sao ? Vì ông ta là hộ pháp.

Trong vô lượng kiếp về trước, có ba mươi ba người nữ, cùng nhau phát tâm tu sửa lại ngôi chùa và tượng Phật. Trong đó có một vị lãnh tụ, lãnh đạo ba mươi hai người nữ kia làm việc thiện. Vị lãnh tụ nầy, vốn là người nữ rất nghèo, song có tâm từ thiện. Một ngày nọ, đi ngang qua ngôi chùa cổ, thấy tượng Phật bị gió thổi mưa rơi, vàng dán tượng Phật đã tróc ra, lại thấy nóc điện Phật đã lâu năm chẳng tu sửa lại, ngói bễ rơi rớt. Cô ta mới phát tâm trùng tu, song cô ta rất nghèo, do đó có câu : ‘’Tâm

thì dư mà sức không đủ‘’, bèn đi các nơi hóa duyên. Trời cao không phụ lòng người, tâm kiền thành của cô ta cảm động ba mươi hai người nữ, phát tâm tùy hỷ công đức, thành tựu tâm nguyện của cô ta. Mọi người cùng nhau làm, có tiền góp tiền, có sức góp sức. Do đó, có câu : ‘’Người có chí, việc tất thành‘’, chẳng lâu, điện Phật hư dột, vàng dán tượng Phật tróc ra đều làm mới lại hết. Công đức viên mãn rồi, đời người vô thường, ba mươi ba người nữ lần lược qua đời, được sinh lên Trời Đao Lợi, làm Thiên Chúa Trời Tam Thập Tam. Vì công đức sửa chùa mà được quả báu đó.

Tôi nhớ lại, khi làm Chùa Tam Duyên tại Hợp Nhĩ Tân, thì tôi đến hoá duyên ở nhà thí chủ nọ. Khi vào cửa tôi bèn nói : ‘’Hôm nay tôi đến nhà các vị, các vị nên sinh tâm hoan hỉ, tôi là người mang phước đức đến, các vị nên tạo cơ hội trồng phước đức. Hiện nay Chùa Tam Duyên đang xây đại hùng bảo điện, nếu bố thí vàng bạc, thì công đức không thể nghĩ bàn, các vị đừng bỏ qua cơ hội gieo trồng phước đức‘’. Tôi chẳng phải là người hay nói, song tôi nói như thế, thì những người đó đều phát tâm lạc quyên. Có người nói : ‘’Tôi để dành tiền được mười năm, đều đem ra hết để làm chùa‘’.

Tụ cát thành tháp, tôi vận động được rất nhiều tiền, đây là sự hóa duyên của tôi đã trải qua.

Ngoài ra các trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, cả thảy ngàn vạn ức chúng, đều đem tất cả hoa, hương, anh lạc, phan lọng, âm nhạc, cúng dường bảo tháp, cung kính tôn trọng khen ngợi.

Ngoài ra tất cả trời rồng tám bộ chúng và người chẳng phải người .v.v., có rất nhiều hàng ngàn ức chúng. Họ đều dùng tất cả hoa quý, hương quý, chuỗi, phan báu, lọng báu, và các thứ âm nhạc để cúng dường Bảo Tháp, còn cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bảo tháp.

Bây giờ giải thích về tám bộ chúng. Trời và rồng thuộc về tâm thiện, ngoài ra sáu bộ chúng kia thuộc về tâm ác. Song, vì được Phật cảm hóa, nên đều biến thành thiện thần hộ pháp. Phàm là nơi nào có giảng kinh thuyết pháp, họ đều đến hộ trì đạo tràng.

1. Trời : Tức Tứ Thiên Vương trời dục giới, họ chẳng những trấn giữ thiên cung, mà còn bảo vệ nhân gian. Bồ Tát Vi Đà là một vị đại tướng trong ba mươi hai đại tướng. Ngài được Phật ký thác hộ trì an toàn cho người tu đạo, khiến cho ma không thể nhiễu loạn thân tâm người tu đạo.

2. Rồng : Rồng có thần thông, biến hóa khó dò. Khi thuở xưa tu đạo, thì do ‘’Thừa cấp giới hoãn’’ nên đọa làm súc sinh, song có thần thông. Tóm lại, rồng tu pháp đại thừa, dũng mãnh tinh tấn, cho nên có thần thông. Song chẳng giữ giới luật, do đó bị đọa làm thân rồng.

3. Dạ Xoa : Dịch là "Tiệp tật quỷ". Có ba loại dạ xoa.

A. Địa hành Dạ xoa.

B. Không hành Dạ xoa.

C. Phi hành Dạ xoa.

Có loài Dạ xoa hút khí của người, uống máu người, hoặc ăn tinh người, tác quái khắp nơi, khiến cho người chẳng bình an.

4. Càn Thát Bà : Dịch là "Hương thần", dùng hương làm thức ăn, thân tỏa mùi thơm, là thần nhạc của thượng đế. Khi Thượng đế muốn nghe âm nhạc, đốt hương trầm thủy chiên đàn lên, thì chúng ngửi hương mà đến Thiện Pháp Đường của Thượng đế, để diễn tấu âm nhạc, khiến cho Thượng đế hoan hỉ.

5. A tu La : Dịch là "Vô đoan chánh". Ngũ quan của nam A tu la chẳng đoan chánh, song tướng mạo của nữ A tu la rất đẹp (Thượng đế cưới con gái của vua A tu la làm vợ). Lại dịch là "Vô tửu". A tu la ở trên trời có phước trời, mà chẳng có quyền lực trời, vì chẳng có rượu để uống, thường phát sinh chiến tranh, muốn đoạt địa vị Thiên Chúa.

6. Ca Lâu La : Dịch là "Kim sí điểu", cánh của nó triển khai ra dài ba trăm sáu mươi do tuần, có thể quạt nước biển rẽ làm hai, bắt rồng nuốt vào bụng, một ngày ăn rất nhiều rồng. Vua rồng thấy loài rồng gần như tuyệt giống, tâm nghĩ chỉ có Phật mới có biện pháp cứu rồng con rồng cháu. Do đó, bèn đến chỗ Đức Phật nhờ Phật trợ giúp. Phật ban cho một tấm y cà sa, bảo cứ lấy một sợi chỉ của tấm y nầy cột lên mỗi con rồng, thì tính mạng của rồng sẽ được an toàn, không còn bị kim sí điểu uy hiếp nữa.

Kim sí điểu ăn rồng chẳng được nữa, đói quá cũng đến chỗ Đức Phật nói : ''Đức Thế Tôn ! Chúng tôi lấy rồng làm thức ăn, chẳng có rồng để ăn, chắt phải chết đói, bây giờ Ngài tính sao đây''? Phật nói : ''Các ngươi sẽ không chết đói, ta sai đệ tử của ta, khi ăn cơm thì bố thí cho các ngươi một phần cơm''.

Từ đó về sau, chư Tăng trước khi dùng cơm, đều lấy bảy hạt cơm cúng cho Đại bàng kim sí điểu.

7. Khẩn Na La : Dịch là "Nghi Thần". Vì tựa như người, song có một cái sừng, khiến cho người thấy sinh nghi. Khéo về âm nhạc, cũng là Thần nhạc của Ngọc Đế, chuyên tấu trang nghiêm pháp nhạc, khi Ngọc Đế cử hành yến tiệc, hoặc pháp hội, thì dưới nách của chúng ra mồ hôi, bay thẳng lên trên trời biểu diễn ca khúc trang nghiêm và nhảy múa, khiến cho người thưởng thức sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

8. Ma Hầu La Già : Dịch là "Đại phục hành", tức là đại mãng xà. Chúng có tâm sân hận, thường phun khí độc hại người. Nếu có tâm sân hận, sau khi chết sẽ đọa làm mãng xà. Vợ của Vua Lương Võ Đế, lúc sinh tiền đố kị với các mỹ nữ, vào lúc ba mươi hai tuổi thì chết, đọa làm đại mãn xà. Vua Lương Võ Đế mới thỉnh Thiền Sư Bảo Chí, soạn một bộ Lương Hoàng Bảo Sám, để siêu độ bà vợ khỏi thân mãn sà được thăng lên trời.

Bấy giờ, trong bảo tháp vang ra âm thanh lớn khen rằng : Lành thay, lành thay ! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, hay dùng pháp đại trí huệ bình đẳng, để giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà vì đại chúng nói. Như thế, như thế ! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, như lời của Ngài nói, đều là chân thật.

Sau khi trời rồng tám bộ chúng cúng dường rồi. Lúc đó, bảo tháp ở trong hư không phát ra âm thanh lớn, khen ngợi nói : ‘’Tốt lắm, tốt lắm ! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, hay dùng pháp đại trí huệ bình đẳng, để giáo hoá Bồ Tát. Mười phương chư Phật đều đến hộ niệm Ngài, dùng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, vì đại chúng giảng nói. Tức là như thế ! Như thế ! Pháp của Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn nói, đều là diệu pháp chân thật không hư‘’. Khi Phật nói

bộ kinh nầy, thì Đa Bảo Như Lai đến trước làm chứng, khiến cho đại chúng tin mà chẳng sinh tâm hoài nghi.

Thích Ca dịch là "Năng nhân", Mâu Ni dịch là "Tịch mặc". Thế Tôn là bậc tôn kính của thế và xuất thế. Năng nhân là từ bi độ chúng sinh. Tịch mặc là thanh tịnh tu thành đức. Năng nhân là động, tịch mặc là tĩnh. Trong động có tĩnh, trong tĩnh có động; động chẳng ngại tĩnh, tĩnh chẳng ngại động, gọi là pháp môn không hai.

Phật Thích Ca Mâu Ni tuy nhiên ở trong tĩnh, song vẫn giáo hóa chúng sinh. Tuy nhiên phổ hóa chúng sinh, song vẫn ở trong định, cảnh giới nầy diệu không thể tả. Bây giờ đưa ra ví dụ dễ hiểu để thuyết minh, tức là khi ngủ và khi tỉnh đều như nhau, khi tỉnh và khi ngủ cũng giống nhau. Tức là đạo lý nầy, các bạn hiểu rõ chứ !

Nếu các bạn cảm thấy tỉnh tức là ngủ, vậy tức là không ngủ, cũng không quan trọng. Vì bạn ngủ không cảm thấy là tỉnh, cho nên phải ngủ. Ví dụ về sự tỉnh tức là giác, ngủ tức là mê. Khi ngủ tuyệt đối sẽ không biết sự việc làm lúc tỉnh, cũng chẳng biết sự việc làm hôm qua, hôm nay và ngày mai. Có người nói : ‘’Cảnh giới mà tôi thấy ở trong mộng, ngày thứ hai quả nhiên sự thật‘’. Đây là linh cảm, chứ chẳng phải thật biết, cũng có thể là Phật Bồ Tát giúp bạn, báo cho bạn biết trước sự việc.

Việc hôm qua làm, việc ngày mai làm, ở trong mộng đều không biết, huống chi biết được sự việc đời trước và đời sau ? Mọi người đừng vì không thấy, mà phủ nhận nhân quả tồn tại ba đời.

Bấy giờ, bốn chúng đều thấy bảo tháp lớn trụ ở trong hư không, lại nghe trong tháp vang ra âm thanh, thảy đều được pháp hỉ, lạ chưa từng có, từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chắp tay, rồi đứng về một bên.

Lúc đó, bốn chúng đệ tử đều nhìn thấy bảo tháp lớn trụ ở trong hư không. Giảng đến đây có người sinh tâm hoài nghi : ''Bảo tháp chẳng có đụng đất, làm sao có thể trụ ở trong hư không được''? Vấn đề nầy rất dễ giải đáp, bây giờ có chứng minh rất tốt. Mọi người đều biết có trạm thái không (MIR), trụ ở trong không gian để nối liền vệ tinh và nghỉ ngơi, sau đó lại bay đến thế giới thứ hai.

Các bạn thử nghĩ, sức người còn có thể làm được cảnh giới vi diệu như thế, huống gì Phật pháp vi diệu hơn không thể nghĩ bàn. Bảo tháp nầy dừng ở trong hư không, giống như trạm thái không, chẳng có gì kỳ lạ. Khoa học càng phát đạt, thì chứng minh chân lý Phật pháp càng chánh quyết, do đó có câu :

''Sự thật thắng hùng biện''.

Bảo tháp trụ ở trong hư không, đây là biểu pháp, biểu thị vô sở trụ. Tuy bảo tháp trụ ở trong hư không, song làm sao trụ ? Đây là khiến cho người đừng chấp

trước. Nếu có sự chấp ngã (cái ta), và chấp pháp, thì trở thành đá buộc chân mà tu đạo .

Bốn chúng đệ tử lại nghe âm thanh phát ra từ trong bảo tháp lớn, đều đắc được pháp hỷ sung mãn, quên hẳn phiền não, cảm thấy rất kỳ lạ. Chưa từng thấy qua cảnh giới bảo tháp trụ ở trong hư không. Do đó, bốn chúng đệ tử đều từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chắp tay lại, lui về một bên, để chờ giải thích vấn đề nầy.

Bốn chúng đệ tử là: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ.

A. Tỳ kheo : Dịch là "Khất sĩ, bố ma, phá ác", ba ý nghĩa.

1. Khất sĩ : Tức là trên thì xin pháp của chư Phật, để nuôi dưỡng pháp thân, dưới thì xin cơm của đàn na tín thí, để nuôi dưỡng huệ mạng. Người xin của thế gian chỉ xin cơm áo, chẳng xin pháp, chẳng phải là khất sĩ. Khất thực có gì tốt ? Khất thực là cho chúng sinh có cơ hội trồng phước. Chúng sinh cúng dường Tam Bảo, mới đắc được phước đức. Nếu chẳng cúng dường Tam Bảo, thì phước đức sẽ cạn mỏng đi. Một số người chẳng hiểu trồng phước đức, cho nên Tỳ Kheo đi khất thực, khiến cho họ trồng phước đức, sinh tâm bố thí cúng dường, đây là đối với thí chủ mà nói. Đối với bổn thân Tỳ Kheo mà nói, thì có thể diệt trừ tâm tham của mình. Mỗi ngày xin được gì thì ăn cái đó, tuyệt đối chẳng có tâm phân biệt. Khất thực phải thứ lớp mà khất, không thể bỏ nghèo tìm giàu, càng không thể bỏ hèn tìm sang, đều xem như nhau, bình đẳng

để cho chúng sinh đến gieo phước điền. Phật giáo chủ trương bình đẳng, ai ai cũng đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, đây là tinh thần bình đẳng.

2. Bố ma : Có người xuất gia tu đạo, thì thiên ma chẳng vui. Tại sao ? Vì chúng bớt đi một quyến thuộc. Khi vị Tỳ Kheo thọ giới cụ túc, thì có tam sư thất chứng. Tam sư tức là Đắc Giới Hòa Thượng, Yết Ma Hòa Thượng, Giáo Thọ Hòa Thượng. Thất chứng là bảy vị luật sư đến làm chứng minh. Mười vị đại biểu cho mười phương chư Phật, truyền thọ giới pháp của Phật.

Lúc đó, Yết Ma Hòa Thượng hỏi giới tử: ''Ông đã phát bồ đề tâm chưa''?

Giới tử đáp: ''Đã phát bồ đề tâm''.

Lại hỏi: ''Có phải là đại trượng phu không''?

Đáp: ''Là đại trượng phu''.

Sau khi vấn đáp, thì Địa hành dạ xoa truyền báo cho Không hành dạ xoa, Không hành dạ xoa đem tin nầy về báo cáo cho Ma Vương nói : ''Hiện tại ở nhân gian lại có một chúng sinh xuất gia làm Tỳ Kheo''. Nói lời nầy xong, thì cung điện của ma vương chấn động, ma vương sinh tâm sợ hãi.

3. Phá ác : Tức là phá trừ tất cả phiền não. Phá được phiền não thì bồ đề mới hiện .

Vì Tỳ kheo có ba nghĩa cho nên không dịch. Thời xưa dịch kinh có năm quy định không phiên dịch :

1. Bí mật không dịch, như Chú ngữ.

2. Tôn trọng không dịch, như Bát nhã, bồ đề.

3. Thuận cổ không dịch, như A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

4. Đa hàm không dịch, như Tỳ kheo.

5. Thử phương vô bất dịch, như quả Án Ma La.

B. Tỳ kheo ni : Tức là người nữ xuất gia tu đạo, người đã thọ giới cụ túc làm Tỳ kheo ni, chưa thọ giới cụ túc là Sa di ni. Tỳ kheo ni thọ ba trăm bốn mươi tám giới điều. Sa di ni thọ mười giới điều. Dì của Đức Phật là Ba Xà Bà Đề phu nhân, là vị Tỳ kheo ni đầu tiên. Vợ của Đức Phật là Gia Du Đà La phu nhân, cũng theo Ba Xà Bà Đề phu nhân, cùng xuất gia làm Tỳ kheo ni.

C. Cư sĩ nam : Tức là người nam gần gũi Tam Bảo. Phàm là người tại gia tu đạo thọ Tam quy ngũ giới, gọi là cư sĩ.

D. Cư sĩ nữ : Tức là người nữ gần gũi Tam bảo, hộ trì tam bảo, cúng dường Tam Bảo, đây là trách nhiệm của cư sĩ tại gia. Bốn thứ cần dùng của người xuất gia là : Thức ăn uống, y phục, giường mền chiếu gối, thuốc thang, đều do cư sĩ cúng dường, đây là cơ sở gieo trồng phước đức.

Bấy giờ, có đại Bồ Tát tên là Đại Nhạo Thuyết, biết được chỗ nghi ngờ ở trong tâm của tất cả thế gian, trời, người, A tu la, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vì nhân

duyên gì, mà có bảo tháp này từ dưới đất vọt lên, và ở trong đó lại phát ra âm thanh ?

Lúc đó, có vị đại Bồ Tát, hiệu là Đại Nhạo Thuyết. Ngài có trí huệ tha tâm thông, biết được chỗ nghi vấn ở trong tâm của chư Thiên, loài người, và A tu la .v.v., mới đại biểu bốn chúng đệ tử thỉnh pháp với Đức Phật, bèn nói rằng: ''Đức Thế Tôn ! Đây là nhân duyên gì, mà có bảo tháp từ dưới đất vọt lên, hiện ở trong hư không ? Lại từ ở trong bảo tháp phát ra âm thanh lớn, đây là đạo lý gì ? Nguyện cầu đức Thế Tôn từ bi, vì chúng con mà khai thị nhân duyên nầy''.

Bồ Tát là gì ? Nói đủ là Bồ đề tát đỏa. Bồ đề dịch là "giác", Tát đỏa dịch là "hữu tình", tức là "giác hữu tình", giác ngộ tất cả hữu tình. Lại có thể nói là hữu tình giác, trong hữu tình có kẻ giác ngộ. Tóm lại, Ngài là bậc khai ngộ ở trong chúng sinh. Chẳng những là bậc giác ngộ, mà còn hay thực hành Bồ Tát đạo, chỉ cần có ích lợi đối với chúng sinh, thì Ngài đều đi làm, chẳng màng là mình như thế nào, chỉ một lòng một dạ độ thoát chúng sinh.

Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói :

''Chẳng vì mình cầu an lạc,
Chỉ nguyện chúng sinh được lìa khổ''.

Đây là tinh thần thật là vĩ đại. Đức Phật Thích Ca ở trong quá khứ hành Bồ Tát đạo, từng xả bỏ thân mạng một nghìn lần, đại thiên thế giới chẳng có chỗ nào, mà

chẳng phải là nơi xả bỏ thân mạng của Phật trong quá khứ.

Hành Bồ Tát đạo chẳng phải là việc dễ dàng, xem ra rất là giản đơn, song thực hành rất là khó. Giống như Ngài Xá Lợi Phất, nghe Phật khen ngợi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, bèn phát tâm hành Bồ Tát đạo. Một ngày nọ, tôn giả Xá Lợi Phất ra bên ngoài, trên đường đi trong tâm nghĩ : ''Bất cứ gặp việc khó thực hành đến đâu, nhất định phải làm cho thành công, không thể giữa đường phế bỏ, mình phải học tinh thần xả thân của Phật''.

Vọng tưởng đó vừa sinh ra, thì có cảnh giới đến khảo nghiệm. Tôn giả đang đi bên lề đường, gặp một người nam khóc lóc, thấy rất thương tâm nghĩ rằng : ''Người nầy chắc chắn có vấn đề khó khăn, không giải quyết được, mình hành Bồ Tát đạo nên giúp đỡ mới đúng''.

Bèn hỏi : ''Anh bạn ! Tại sao anh khóc'' ?

Anh ta đáp : ''Chuyện của tôi khó khăn lắm, chẳng có ai có thể giúp đỡ giải quyết được đâu.''

Tôn giả lại nói : ''Tôi có thể giúp đỡ anh, xin anh hãy nói vấn đề của anh''.

Anh ta nói : ''Tôi tin rằng Ngài giúp đỡ không được đâu, nói ra cũng vô ích''.

Tôn giả lại nói : ''Bất cứ việc khó đến đâu, tôi cũng sẽ giúp đỡ anh hết mình, tuyệt đối chẳng nói đùa''.

Anh ta chuyển khóc thành cười nói : ‘’Thật chăng ? Vì mẹ của tôi bệnh nặng, bác sĩ bảo cần con mắt của người sống, bằng không chẳng có cách gì chữa lành. Tôi đi các nơi mua con mắt của người sống, song mua chẳng được, mà tôi xả bỏ chẳng được con mắt của mình. Do đó, bệnh của mẹ tôi không lành được, cho nên tôi rất bi thương‘’.

Tôn giả Xá Lợi Phất nghe nói, bèn nói với anh ta : ‘’Việc nầy quá giản đơn, chẳng có gì khó, tôi tặng con mắt của tôi, để anh đem về trị bệnh cho mẹ anh‘’. Do đó, bèn dùng sức móc con mắt phải ra đưa cho anh ta, anh ta cầm lấy xem, chẳng khách sáo gì nói : ‘’Tôi cần con mắt trái, đây là con mắt phải, chẳng dùng được’’. Nói xong, lại ngửi con mắt rồi nói : ‘’Con mắt nầy hôi quá, mùi rất khó chịu‘’. Bèn vứt con mắt xuống đất, lấy chân chà đạp lên. Lúc đó, tôn giả Xá Lợi Phất tâm ý thất vọng nghĩ : ‘’Bồ Tát đạo thật khó thực hành. Thôi, ta chẳng hành Bồ Tát đạo nữa, vẫn tu pháp tiểu thừa, làm tự liễu hán thôi‘’.

Tôn giả Xá Lợi Phất khởi vọng tưởng nầy xong, thì người hóa duyên kia lập tức đằng thân lên hư không, hiện ra thân người trời, vốn đến để khảo nghiệm tôn giả Xá Lợi Phất, thực hành Bồ Tát đạo là giả hay là thật ? Tôn giả Xá Lợi Phất chẳng chịu đựng được sự khảo nghiệm, sinh tâm thối chuyển, con mắt bên phải của Ngài Xá Lợi Phất lại sinh ra, khôi phục lại như cũ, khiến cho tôn giả lấy làm kỳ diệu, rõ ràng là con mắt đã móc ra, sao lại ở trong con

mắt của mình. Do đó, có thể biết người hành Bồ Tát đạo, tuyệt đối không thể thối chuyển .

Tôn giả xá Lợi Phất là người trí huệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn, song hành Bồ Tát đạo chẳng xong. Do đó, có thể thấy Bồ Tát đạo rất khó thực hành.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : Trong bảo tháp này, có toàn thân của Như Lai, thuở quá khứ về phương đông, qua vô lượng ngàn vạn ức A tăng kỳ thế giới, có cõi nước tên là Bảo Tịnh. Trong cõi nước đó, có đức Phật hiệu là Đa Bảo. Đức Phật đó, khi hành Bồ Tát đạo, có phát thệ nguyện lớn rằng : Nếu ta thành Phật, sau khi diệt độ, trong cõi nước mười phương, nơi nào có nói Kinh Pháp Hoa, thì tháp miếu của ta vì nghe kinh này, mà vọt lên hiện ra ở trước, để làm chứng minh, khen ngợi nói : Lành thay !

Lúc đó, đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : ‘’Đại Nhạo thuyết ! Trong bảo tháp nầy, có toàn thân xá lợi của Như Lai. Vị Như Lai nầy, ở trong đời quá khứ, cách đây về phương đông trải qua vô lượng ngàn vạn ức A Tăng kỳ thế giới, có thế giới dùng bảy báu tạo thành,

thanh tịnh chẳng dơ bẩn, cho nên gọi là thế giới Bảo Tịnh. Trong thế giới đó có một vị Phật, hiệu là Đa Bảo Như Lai. Khi vị Phật đó tại nhân địa hành Bồ Tát đạo, thì đã từng phát thệ nguyện lớn : ''Nếu tôi thành Phật, sau khi diệt độ, ở trong cõi nước chư Phật mười phương, chỉ cần nơi nào có Phật diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, vì nghe bộ kinh nầy, mà tháp miếu của ta từ dưới đất vọt lên, hiện ở trước đạo tràng của chư Phật mười phương, làm chứng minh vị Phật đó nói Kinh Pháp Hoa'', lại khen ngợi nói : ''Lành thay''.

Đức Phật đó thành đạo rồi, khi diệt độ, ở trong đại chúng trời người, bảo các Tỳ Kheo rằng : Sau khi ta diệt độ, ai muốn cúng dường toàn thân của ta, thì nên xây một ngôi tháp lớn. Phật sẽ dùng thần thông nguyện lực, khắp nơi trong mười phương thế giới, nếu chỗ nào có nói Kinh Pháp Hoa, thì bảo tháp đó đều vọt lên ở trước. Toàn thân ở trong bảo tháp khen ngợi nói : Lành thay, lành thay !

Đức Phật Thích Ca lại bảo Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : ''Đức Đa Bảo Như Lai đó, sau khi thành Phật, khi muốn vào Niết Bàn, thì ở trong chúng trời người, nói

với tất cả hàng Tỳ Kheo rằng : ''Sau khi ta diệt độ, nếu có đệ tử cúng dường toàn thân của ta, thì nên xây dựng một ngôi tháp lớn. Đức Đa Bảo Như Lai dùng thần thông và nguyện lực không thể nghĩ bàn của Ngài, khắp trong mười phương thế giới, nếu nơi nào có Phật ra đời nói Kinh Pháp Hoa, thì bảo tháp của Đức Đa Bảo Như Lai, sẽ từ dưới đất vọt lên, hiện ra ở trước vị Phật đó. Đức Đa Bảo Như Lai tuy đã diệt độ rất lâu, song toàn thân của Ngài vẫn còn ở trong bảo tháp, thọ trời người cúng dường. Lại ở trong tháp phát ra âm thanh lớn, khen ngợi vị Phật đang nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa rằng : ''Tốt lắm, Tốt lắm'' !

Đại Nhạo Thuyết ! Nay tháp của đức Đa Bảo Như Lai, vì nghe nói Kinh Pháp Hoa, nên từ dưới đất vọt lên, khen ngợi nói : Lành thay, lành thay !

Đức Phật Thích Ca lại nói : ''Đại Nhạo Thuyết ! Hiện tại tháp của đức Đa Bảo Như Lai, vì nghe Kinh Pháp Hoa, nên từ dưới đất vọt lên, phát ra âm thanh lớn để khen ngợi : ''Hay thay, hay thay'' !

Bấy giờ, Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết nhờ thần lực của Như Lai, nên bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con xin muốn được thấy thân của đức Phật đó.

Lúc đó, Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết đại biểu cho đại chúng thỉnh pháp với Đức Phật. Vì nhờ thần lực của Như Lai gia trì, cho nên mới có trí huệ như thế để thưa hỏi. Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết nghe trong bảo tháp khen ngợi đức Phật Thích Ca, chỉ nghe tiếng chứ chưa thấy người, bèn sinh tâm háo kỳ, nói với Phật : ''Đức Thế Tôn ! Chúng con đại chúng, đều mong muốn được chiêm ngưỡng ba mươi hai tướng tốt, và tám mươi vẻ đẹp của đức Đa Bảo Như Lai, cứu kính trang nghiêm như thế nào'' ?

Đức Phật bảo đại Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : Đức Phật Đa Bảo đó, có nguyện sâu nặng rằng : Nếu bảo tháp của ta, vì nghe Kinh Pháp Hoa, mà hiện ra ở trước các đức Phật. Nếu có bốn chúng muốn thấy thân của ta, thì đức Phật đó, phân thân các đức Phật thuyết pháp trong mười phương thế giới, phải tụ hết lại một chỗ, sau đó thân của ta mới xuất hiện vậy.

Đức Phật Thích Ca bảo đại Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : ''Vị Đa Bảo Như Lai đó, thuở xưa trước khi chưa thành Phật, có phát một lời nguyện sâu nặng rằng : ''Nếu như bảo tháp của ta vì nghe Kinh Pháp Hoa, xuất hiện ở trước các đức Phật. Nếu bốn chúng muốn thấy thân của

ta, thì vị Phật nói Kinh Pháp Hoa đó, phải tụ hết lại một chỗ, tất cả phân thân của Phật thuyết pháp trong mười phương (đây là cảnh giới một gốc tán làm vạn thù, vạn thụ lại trở về một gốc). Khi nào phân thân các vị Phật của vị Phật đó, tụ hết lại một chỗ, thì sau đó toàn thân của ta mới hiện ra trước bốn chúng‘’.

Đại Nhạo Thuyết ! Phân thân các đức Phật của ta, đang thuyết pháp trong mười phương thế giới, nay sẽ tụ lại hết.

Đức Phật Thích Ca lại nói : ‘’Đại Nhạo Thuyết ! Phân thân các đức Phật của ta đang thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh trong mười phương thế giới, hiện nay sẽ tụ tập lại, để cùng chiêm ngưỡng thân của đức Đa Bảo Như Lai. Như thế thì Đa Bảo Như Lai mới hiện toàn thân‘’.

Đại Nhạo Thuyết bạch đức Phật rằng : ‘’Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn thấy, phân thân các đức Phật của đức Thế Tôn, để lễ lạy cúng dường.

Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết bạch với đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng : ‘’Đức Thế Tôn ! Chúng con chẳng những muốn thấy toàn thân của đức Đa Bảo Như Lai, mà còn muốn thấy phân thân các đức Phật của đức Thế Tôn,

để thừa cơ hội nầy lễ lạy các đức Phật, cúng dường các Đức Phật‘’.

Có người nói : ‘’Lạy Phật là mê tín, tượng Phật làm bằng gỗ, đất, đá, hoặc dùng vàng, bạc, đồng, thiết, để tạo, lạy Ngài có ích gì ? Đó chẳng phải là mê tín chăng‘’ ? Đây chẳng phải là mê tín, lạy Phật có công dụng trị liệu bằng tâm lý, hay tiêu trừ tâm cống cao ngã mạn, hay sinh tâm nhu hòa, sinh tâm cung kính, cải biến tính cang cường thành tính hòa mục. Lạy Phật còn có công dụng trị bệnh sinh lý, lại hay khiến cho bụng nhỏ lại, khiến cho người chẳng có chứng huyết áp cao.

Trước kia, Phật chưa thành Phật, cũng lễ lạy các vị Phật khác. Cho nên, sau khi thành Phật, thì có người lạy Ngài lại. Như đức Phật trong quá khứ làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, thấy người thì lễ lạy, còn nói : ‘’Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật‘’. Do đó, sau khi đức Phật thành Phật, thì có rất nhiều người lễ lạy Ngài. Trừ khi có người chẳng muốn thành Phật, đó thì chẳng cần nói đến. Nếu muốn làm Phật, thì nhất định phải lạy Phật, đo đó có câu :

"Phật tiền đảnh lễ, tội diệt hà sa".

Nghĩa là :

‘’Đảnh lễ ở trước Phật,
Diệt được vô lượng tội‘’.

Lạy Phật sẽ tiêu diệt được tội nghiệp vô lượng kiếp, công đức lễ Phật tiêu diệt được trọng tội sinh tử. Lạy Phật là lạy tự tánh Phật, tương lai sẽ thành Phật, cũng thành tự tánh Phật .

Cúng dường là gì ? Phật giáo quang trọng nhất là cúng dường, cúng dường Tam Bảo, dùng hương, hoa, quả, đèn, để cúng dường Phật; dùng sự khen ngợi, cung kính, thọ trì, tu hành, để cúng dường pháp; dùng ẩm thực, y phục, giường nệm, thuốc men, để cúng dường Tăng. Tại sao phải cúng dường Tam Bảo ? Vì cầu cát tường, mọi sự thuận lợi. Tại sao bạn chẳng có y phục tốt mặc ? Chẳng có nhà tốt để ở ? Chẳng có vật ngon ăn ? Đều vì trong quá khứ bạn chẳng cúng dường Tam Bảo. Bạn thấy người thế gian giàu sang, vì họ đã từng cúng dường Tam Bảo, cho nên đời nầy được phước báu lớn. Bài văn khuyên đời nhân quả ba đời có nói rất rõ là :

''Đời nầy giàu sang là nhân gì ?
- Đời trước bỏ tiền làm tượng Phật vàng.
Đời nầy nghèo khổ là nhân gì ?
- Kiếp trước chẳng chịu giúp người nghèo.
Đời nầy sống lâu là nhân gì ?
- Đời trước giữ giới sát, thường phóng sinh.
Đời nầy chết yểu là nhân gì ?
- Đời trước giết hại chúng sinh linh.
Đời nầy xinh đẹp là nhân gì ?
- Kiếp trước mua hương hoa đèn cúng Phật.

Đời nầy xấu xí là nhân gì ?

- Kiếp trước làm nhơ uế thân Phật''.

Tam Bảo là ruộng phước tốt của thế gian, tức cũng là ruộng trồng phước, chẳng cúng dường Tam Bảo, thì chẳng có cơ hội trồng phước điền, đời sau cũng chẳng đắc được phước báu.

Bấy giờ, đức Phật phóng luồng hào quang trắng chiếu phương đông, năm trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa cõi nước chư Phật, các cõi nước đó, đều dùng pha lê làm đất, cây báu, y báu, dùng để trang nghiêm. Có vô số ngàn vạn ức Bồ Tát đầy khắp trong cõi nước đó, màng báu lưới báu giăng che khắp ở phía trên.

Lúc đó, ở giữa chặng mày của Đức Phật Thích Ca, phóng ra một luồng hào quang trắng (Tướng hào quang trắng biểu thị một thừa trung đạo), lập tức chiếu thấy phương đông năm trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa số cõi nước chư Phật, các cõi nước đó, đều dùng pha lê làm đất, chẳng giống như thế giới Ta Bà, dùng ngói đá làm đất. Đức Phật dùng sức thần thông ba lần biến thế giới Ta Bà dùng pha lê làm đất. Pha lê biểu thị cho trí huệ quang minh.

Ta Bà dịch là "kham nhẫn". Chúng sinh ở thế giới nầy, hay kham thọ nhẫn nại mọi sự khổ, lấy khổ làm vui, chẳng biết thoát khỏi biển khổ.

Lại có cây báu, và y báu, để làm trang sức. Cây báu hay khiến cho chúng sinh đắc được mát mẻ, lìa khỏi nóng bứt. Y báu hay khiến cho chúng sinh tính tình ôn nhu, chẳng có lửa vô minh. Lại có vô số ngàn vạn ức Bồ Tát, đầy dẫy trong cõi nước đó, màn báu và lưới báu giăng che khắp ở trên, dùng để trang nghiêm.

Các đức Phật cõi nước đó, dùng âm thanh lớn vi diệu để nói các pháp, và thấy vô lượng ngàn vạn ức Bồ Tát, đầy khắp các cõi nước, vì chúng sinh mà nói pháp.

Phương nam tây bắc tứ duy thượng hạ, chỗ nào tướng hào quang trắng chiếu đến, cũng lại như thế.

Chư Phật các cõi nước phương đông, dùng âm thanh lớn vi diệu, để nói pháp thật tướng. Và còn thấy vô lượng nghìn vạn ức Bồ Tát, đầy khắp tất cả các cõi nước vì chúng sinh mà thuyết pháp. Chẳng những phương đông như thế, mà chín phương kia cũng giống như thế. Phàm là nơi nào, luồng hào quang trắng của đức Phật Thích Ca chiếu đến, đều như thế. Cảnh giới không thể nghĩ bàn đó, chẳng phải một số phàm phu tưởng tượng đến được.

Đức Phật phóng luồng hào quang trắng, tại sao trước hết chiếu phương đông ? Vì phương đông là phương bắt đầu tất cả, phương đông là Giáp ất mộc, là bắt đầu của Thiên can, phương đông thuộc về mùa xuân, là bắt đầu của bốn mùa, mặt trời mọc phương đông, là bắt đầu của một ngày, cho nên luồng hào quang trắng trước hết chiếu phương đông, sau đó mới chiếu chín phương kia.

Bấy giờ, mười phương chư Phật đều nói với chúng Bồ Tát rằng : Thiện nam tử ! Hôm nay ta đến thế giới Ta Bà, chỗ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và cúng dường bảo tháp của đức Đa Bảo Như Lai.

Lúc đó, mười phương chư Phật (Phân thân hóa Phật của Phật Thích Ca), đều đối với Bồ Tát nước của mình rằng : ‘’Thiện nam tử ! Bây giờ ta đến thế giới Ta Bà, đến đạo tràng của Phật Thích Ca, và cúng dường Bảo Tháp xá lợi của đức Đa Bảo Như Lai‘’.

Bấy giờ, thế giới Ta Bà lập tức biến thành thanh tịnh, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, dây bằng vàng giăng bày tám ngã đường, chẳng có các tụ lạc thôn xóm, thành ấp biển cả sông ngòi núi rừng ao đầm.

Đốt hương báu lớn, dùng hoa mạn đà la rải khắp trên mặt đất, lại dùng lưới báu và màn lụa giăng che, phía trên treo các linh báu, chỉ vang ra ở trong chúng hội. Dời các trời người để ở cõi khác.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca dùng sức đại thần thông khiến cho đời ác năm trược (kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược), biến thành thế giới thanh tịnh. Dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm, dùng vàng ròng làm dây giăng chia tám đường, đại biểu cho bát chánh đạo. Chẳng có biển cả, sông ngòi, núi rừng ao đầm, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, thanh tịnh như tấm gương. Lại đốt hương báu lớn (hương công đức). Dùng hoa mạn đà la rải khắp trên mặt đất (làm thảm, đại biểu cho sự cung kính). Lại dùng lưới báu và màn lụa báu giăng che phía trên. Lại treo các thứ linh báu, đại biểu cho âm nhạc, gió thổi linh báu thì vang ra âm nhạc hoan nghênh, chỉ vang ra ở trong đại chúng hội Pháp Hoa. Chư Thiên và loài người đều rời đi đến nước khác.

Đây là lần đầu biến cảnh giới đất đai. Tại sao phải như thế ? Vì hoan nghênh phân thân các hóa Phật của Phật Thích Ca và Đức Phật Đa Bảo, cho nên phải trang nghiêm. Bây giờ xin đưa ra một ví dụ dễ hiểu, giống như có người thỉnh mời khách quý, thì chắc chắn đồ không sạch sẽ ở trong nhà phải dọn đi, quét dọn sạch sẽ, sau đó

rưới nước hoa, khiến cho phòng ốc phảng phất hương thơm, làm cho khách quý thoải mái vui vẻ.

Bấy giờ, các đức Phật, mỗi vị đều đem theo một vị đại Bồ Tát, dùng làm thị giả, đến thế giới Ta Bà, đều đến dưới cây báu. Mỗi cây báu cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả thứ lớp trang nghiêm. Dưới các cây báu, đều có toà sư tử cao năm do tuần, cũng dùng các thứ báu để nghiêm sức.

Lúc đó, các phân thân hóa Phật của đức Phật Thích Ca, mỗi vị Phật đều mang theo một vị đại Bồ Tát để làm thị giả, cùng nhau đến thế giới Ta Bà, ai nấy đều đến dưới cội bồ đề. Mỗi cây bồ đề cao khoảng năm trăm do tuần, cành lá và hoa quả của cây bồ đề rất sum sê, thứ lớp trang nghiêm, trông nhìn rất đẹp .

Dưới mỗi cây bồ đề đều có tòa sư tử, cao khoảng năm do tuần, dùng bảy báu để nghiêm sức, đó là biểu thị sự thành tâm hoan nghênh khách quý.

Có người hỏi : ‘’Tạo sao gọi là tòa sư tử‘’? Vì đó là tòa thuyết pháp của chư Phật. Vì chư Phật thuyết pháp có uy đức giống như sư tử hống, khiến cho thiên ma ngoại đạo kinh hãi, chẳng dám nổi gió nổi sóng, có tác dụng điều phục. Sư tử là vua các loài thú, khi nó hống thì các loài thú nghe đều sợ hãi. Ngài Vĩnh Gia từng nói :

''Sư tử hống, vô úy thuyết.
Bách thú văn chi giai não liệt,
Hương tượng bôn ba thất cước uy,
Thiên long tịch thính sinh hân duyệt''.

Nghĩa là:

Thuyết pháp không sợ hãi như sư tử hống
Trăm thú nghe tiếng đều kinh sợ
Voi lớn bỏ chạy mất oai nghi
Trời rồng nghe được sinh vui mừng.

Vì quan hệ như vậy cho nên gọi là tòa sư tử.

Bấy giờ, các đức Phật đều ngồi kiết già trên tòa sư tử đó, triển chuyển như thế đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, mà phân thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong một phương, vẫn còn chưa hết.

Lúc đó, mười phương chư Phật đều ngồi kiết già trên tòa sư tử. Từng vị Phật, từng vị Phật, ngồi từng hàng từng hàng, đã đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, song phân thân hóa Phật ở phương đông, vẫn chưa ngồi lên tòa hết, huống chi các đức Phật ở chín phương kia ?

Có người hỏi : ''Ngồi kiết già là gì''? Bạn hãy xem tư thế ngồi của Phật, trước hết đem chân trái để lên đùi chân phải, rồi đem chân phải để lên đùi chân trái, đó gọi

là ngồi kiết già. Còn có ngồi bán già, tức là tùy ý đem chân phải để lên đùi chân trái. Ngồi kiết già gọi là kim cang toạ, đây là tư thế ngồi hàng ma. Người ngồi thiền nên ngồi kiết già, dễ nhập định. Ngồi như thế hay hàng phục được tâm, khiến cho chẳng tán loạn, tinh thần tập trung, chẳng sinh vọng tưởng.

Tại sao chúng ta không khai ngộ ? Vì vọng tưởng lăn xăn, tâm viên ý mã chẳng buộc được, theo đuổi bên ngoài. Khi đức Phật chứng đạo dưới cội bồ đề, thì Ngài nói câu đầu tiên rằng : ''*Lành thay ! Lành thay ! Lành thay ! Chúng sinh trong đại địa, ai cũng đều có đủ đức tướng của Như Lai, song vì vọng tưởng chấp trước, nên không chứng đắc*''. Tham thiền tức là khắc kỳ cầu chứng, tham thoại đầu là khống chế vọng tưởng, do đó đủ biết, vọng tưởng là đá cột chân của sự tu đạo.

Phật giáo trung Quốc có câu rằng :

''Kim Sơn thối tử, Cao Mân hương''.

Người ngồi thiền ở Trấn Giang Kim Sơn Tự chẳng được đổi chân, bất cứ chân đau như thế nào, vẫn cắn răng chịu đựng, nếu nhúc nhích thì sẽ bị đánh hương bản. Lâu dần thì chân sẽ hết đau, do đó có câu :

''Kim Sơn thiền hòa tử,
Thối tối thủ quy cụ''.

Nghĩa là :

Người ngồi thiền ở chùa Kim Sơn

Giữ quy cụ bậc nhất về chân.

Người ngồi thiền ở Chùa Cao Mân tại Dương Châu, thì giữ quy cụ bậc nhất về thời gian. Dùng cây nhang làm quy định thời gian ngồi, khi nào chỉ tĩnh thì chỉ tĩnh, khi nào khai tĩnh thì khai tĩnh, một giây cũng không sai, cho nên gọi là "Cao Mân hương". Phàm là người đã từng tham thiền, đả tọa ở hai chùa trên, thì đều đã trải qua lò đúc luyện ra kim cang. Hòa Thượng Hư Vân tham thiền ở Chùa Cao Mân mà khai ngộ.

Công đức ngồi kiết già hay sinh giới lực, định lực và huệ lực, đầy đủ ba lực. Hết thảy Thần Kim Cang hộ pháp đều đến bảo hộ bạn, tất cả thiên ma biết đều lìa xa bạn. Hết thảy ác ma hướng về bạn mà đảnh lễ. Nay xin kể câu chuyện.

Xưa kia có vị hòa thượng, chuyên đi tụng kinh đám ma, để duy trì sự sống, cho nên gọi là Cản Kinh Sám (sống nhờ kinh sám). Một ngày nọ, sau khi độ đám xong thì vào lúc nửa đêm, vị hòa thượng trở về chùa, đi đến bờ sông thì trời đổ mưa, ông ta núp dưới cầu. Trong khi đợi tạnh mưa thì ngồi kiết già. Lúc đó, có hai con quỷ đến, thấy ông ta là tháp vàng, vì trong tháp có an trí Phật xá lợi mới đảnh lễ lạy, chẳng bao lâu, vị hòa thượng cảm thấy chân đau, mới bỏ chân xuống ngồi bán già. Hai con quỷ ngước đầu nhìn, thì thấy tháp vàng biến thành tháp bạc, song hai con quỷ vẫn lạy. Chưa được bao lâu thì vị hòa thượng cảm thấy chân quá đau, chịu hết nổi, bèn đổi

thành ngồi theo ý muốn (duỗi chân ra). Hai con quỷ nhìn lên thì thấy tháp bạc đã biến thành đống bùn. Hai con quỷ nổi giận muốn đá đống bùn. Vị Hòa Thượng thấy như vậy, lập tức ngồi lại kiết già. Hai con quỷ nhìn lên lại thấy tháp vàng, bèn lạy cho đến gà gáy rồi bỏ đi. Từ đó về sau, Hòa Thượng bỏ việc tụng kinh đám, chuyên tâm tu thiền, chẳng bao lâu được khai ngộ, tự xưng là ''Quỷ Bức Thiền Sư''.

Khi tôi ở tại Đông Bắc bên Tàu, có vị ngoại đạo tên là Quan Trung Hỉ. Lúc đó, anh ta có hơn ba ngàn đệ tử theo anh ta học đạo. Học đạo gì ? Chỉ cần dùng tiền mua bảo bối của anh ta, khi đến lúc gặp đại nạn thì có thể chuyển hung hóa cát. Mọi người đều tin anh ta chẳng hoài nghi gì cả, ngoại đạo có thứ pháp thuật gạt người như thế.

Kỳ thật, anh ta chẳng có bảo bối gì hết, chỉ là trò chơi đùa, song những kẻ ngu tin cho là thật, rất sùng bái anh ta. Anh ta nói với đệ tử : ''Bây giờ thời cơ chưa đến, không thể đem bảo bối đưa cho các con, đến khi nào thế giới đại loạn, thì mới đưa bảo bối cho các con sử dụng, có thể sẽ không chết, qua khỏi tai nạn''.

Về sau, anh ta cảm thấy thời kỳ chết sắp đến, không thể gạt người được nữa, bèn dẫn người cháu bỏ đi tìm thầy học đạo. Trải qua ba năm cũng chẳng tìm được thiện tri thức, cũng chẳng học được chân đạo. Do đó, hằng ngày lo buồn rũ rượi, chẳng biết thế nào là tốt.

Một ngày nọ, tôi đến nhà của anh ta (lúc đó tôi còn là Sa di). Người cháu khi nhìn thấy tôi, thì bèn nói với anh ta rằng : Thúc thúc ! Vị Hoà thượng nầy, con đã gặp qua ở trong mộng, vị nầy lột da heo ở trên thân của con xuống, làm cho con sợ mà tỉnh dậy. Nguyên lai là một giấc mộng‘’. Anh ta nói với người cháu : ‘’Vị đó là người có đức hạnh, hôm nay đạo đã vào cửa, chúng ta không thể bỏ qua‘’. Do đó, chú cháu hai người thương lượng rồi lập tức quỳ xuống trước mặt tôi cầu đạo. Lúc đó, tôi nói với họ : ‘’Tôi chẳng có đạo để truyền cho các vị. Nếu các vị thật tâm cầu đạo, thì tôi giới thiệu vị thiện tri thức và tôi đưa các vị đi‘’.

Trải qua hai năm, đi học hỏi mấy vị thiện tri thức đều chẳng lý tưởng. Do đó, hai người trở về lạy tôi làm thầy, tôi thấy họ thành tâm mà cảm động, đáp ứng truyền thọ tư thế ngồi kiết già, song chẳng nhận làm đệ tử.

Chú cháu hai người tinh tấn tập ngồi kiết già. Người cháu trẻ tuổi tập rất mau, song người chú lớn tuổi xương cứng phải một phen khổ công phu. Bảy mươi ngày sau, tôi lại đến nhà anh ta, thấy đầu gối của anh ta sưng to lên, đi đứng bất tiện, mới khuyên anh ta bỏ ngồi kiết gia đi. Anh ta kiên quyết nói : ‘’Con sắp chết đến nơi, nếu không luyện, đến khi chết, tay chân loạn sạ thì làm sao ? Con nhất định quyết tâm, trừ khi chết đi thi thôi, chỉ cần không chết thì nhất định luyện ngồi kiết già‘’. Thành tâm cầu đạo như thế, khiến cho người bội phục.

Trăm ngày sau, tôi lại đến anh ta, thấy anh ta đi đứng như thường, tôi lấy làm lạ hỏi : ''Anh không luyện ngồi kiết già chăng''? Anh ta đáp : ''Mỗi ngày đều ngồi, chẳng những sáng sớm ngồi, mà tối cũng ngồi, bất luận là ngồi bao lâu cũng chẳng cảm thấy đau chân.'' Do đó:

''Người có chí, việc sẽ thành''.

Vài ngày trước khi anh ta qua đời, bèn nói với mọi người : ''Vào ngày đó, giờ đó, tôi phải đi, tất cả mọi việc trong nhà chẳng quái ngại. Chỉ có một điều là không thể gặp được pháp sư An Từ (pháp danh của hoà thượng Tuyên Hoá), rất đáng tiếc''.

Đến ngày anh ta ra đi, anh ta tắm rửa sạch sẽ, ngồi kiết già, chẳng bệnh tật gì mà qua đời. Ngày anh ta chết, nhiều người trong thôn nằm mộng, thấy anh ta theo hai vị đồng tử mặc y màu xanh đi về hướng tây, về sau cháu của anh ta theo tôi học đạo, là đệ tử đầu tiên của tôi.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca vì muốn dung chứa hết thảy phân thân các hóa Phật, nên tám phương kia, mỗi phương đều biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, thảy đều thanh tịnh, chẳng có địa ngục ngã quỷ súc sinh và A tu la, lại dời các trời người để ở cõi khác.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca thấy chư Phật đã ngồi đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới, mà phân thân hóa Phật ở phương đông chẳng còn tòa để ngồi. Vì dung chứa phân thân hóa Phật ở tám phương kia đều có tòa ngồi, nên mới vận dụng sức đại thần thông, tám phương mỗi phương biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, đều khiến cho thanh tịnh, trong các cõi nước đó, chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A tu la. Và dời các hàng trời người để ở cõi khác .

Đây cũng giống như mời khách dự yến tiệc, sau khi trong nhà ngoài nhà thu dọn sạch sẽ rồi, lại đem chó mèo .v.v., gia súc để vào một phòng, tránh sự phá hoại phiền toái. Ý nghĩa cũng gần giống nhau.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Cây cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả, thứ lớp trang nghiêm, dưới cây đều có tòa báu sư tử, cao năm do tuần, đủ các thứ báu dùng làm nghiêm sức.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, và có cây bồ đề để trang nghiêm cõi nước. Cây cao khoảng năm trăm do tuần, cành lá hoa quả đều thứ lớp trang nghiêm. Dưới cội bồ đề có tòa báu sư tử, cao năm

do tuần, đều dùng bảy báu để trang sức tòa báu, khiến cho đẹp đẽ.

Cũng không có biển cả sông ngòi, và núi Mục chân lân đà, núi Đại mục chân lân đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Tu di, các núi chúa .v.v... thảy đều làm một cõi nước Phật, đất báu bằng phẳng, các báu xen nhau làm màn giăng che khắp ở phía trên, lại treo các phan lọng, đốt hương báu lớn. Các hoa báu cõi trời rải khắp trên mặt đất.

Những cõi nước biến hóa ra cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, núi đá, núi đá lớn, núi thiết vi (núi chu vi bốn đại châu), núi đại thiết vi (núi chu vi đại thiên thế giới), núi tu di (núi diệu cao), các núi chúa .v.v. Những sự biến hóa trong cõi nước, đều làm thành một cõi Phật, đất báu bằng phẳng, các thứ báu xen nhau làm thành màn giăng che phủ khắp ở phía trên. Lại treo các phan báu và lọng báu. Đốt hương báu lớn, chư Thiên rải các thứ hoa báu đầy khắp mặt đất, rất trang nghiêm đẹp đẽ, đây là cảnh giới kế tiếp biến cõi nước.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì các đức Phật phân thân có chỗ ngồi, nên tám phương

kia, mỗi phương lại biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, thảy đều khiến cho thanh tịnh, chẳng có địa ngục ngạ quỷ súc sinh và A tu la. Lại dời các trời người để ở cõi khác.

Đức Phật Thích Ca Mau Ni, vì khiến cho phân thân hóa Phật trong mười phương có chỗ ngồi, nên tám phương kia, mỗi phương lại biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, thảy đều khiến cho thanh tịnh. Chẳng có các địa ngục ngạ quỷ súc sinh, càng chẳng có A tu la. A tu la thích đấu tranh, khiến cho thế giới chẳng bình an, giống như ngựa hại bầy, nhiễu loạn khắp nơi.

Lại dời các người trên trời và người ở nhân gian đến cõi nước khác. Tại sao ? Vì biến cõi đời ác năm trược thành cõi nước thanh tịnh, do đó chuyển họ đến cõi nước khác.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Cây cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả thứ lớp trang nghiêm. Dưới cây đều có tòa báu sư tử, cao năm do tuần, cũng dùng các thứ báu nghiêm sức tốt đẹp.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, lại có cây báu trang nghiêm, cây bồ đề cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả rất sum sê, đều thứ lớp trang nghiêm đẹp đẽ. Dưới mỗi cây báu, đều có tòa báu sư tử, tòa cao cũng năm do tuần, đều dùng các thứ báu nghiêm sức rất đẹp đẽ.

Cũng không có biển cả sông ngòi, và núi Mục chân lân đà, núi Đại mục chân lân đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Tu di, các núi chúa thảy, thông làm một cõi nước Phật. Đất báu bằng phẳng, các thứ báu xen nhau làm thành màn, giăng che phủ khắp ở phía trên, lại treo các phan lọng, đốt hương báu lớn, các thứ hoa báu cõi trời rải đầy khắp mặt đất.

Những cõi nước biến hóa ra cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, núi đá, núi đá lớn, núi thiết vi, núi thiết vi lớn, núi tu di, các núi chúa thảy. Cõi nước biến hóa ra thông làm thành một cõi nước Phật. Đất báu rất bằng phẳng, chẳng có chỗ lồi lõm. Các thứ báu xen nhau thành màn báu, giăng che khắp ở phía trên. Lại treo các phan báu và lọng báu, đốt hương báu lớn, xa gần đều ngửi được mùi thơm đó. Các thứ hoa quý cõi trời rải khắp trên mặt đất.

Cảnh giới như thế diệu không thể tả, đây là cảnh giới biến cõi nước lần thứ ba.

Phẩm nầy nói về ba lần biến hóa cõi nước, rốt ráo là ý nghĩa gì ? Đức Phật Thích Ca dùng thần thông biến cõi ô uế thành cõi thanh tịnh. Ban đầu biến thế giới Ta Bà, thứ nhì biến tám phương kia, mỗi phương làm thành hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, lần thứ ba lại biến tám phương, mỗi phương làm hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, đều khiến cho thanh tịnh, thành cõi tịnh độ. Tại sao phải như thế ? Vì đón tiếp đức Đa Bảo Như Lai, và các phân thân hóa Phật của Phật Thích Ca trong mười phương, cho nên đại sự đều trang nghiêm, biểu thị sự nhiệt liệt hoan nghênh.

Ba lần biến cõi nước lại có ý nghĩa gì ? Lần đầu biến cõi nước là biểu thị đoạn trừ kiến tư (thấy, nghĩ) hai hoặc. Kiến hoặc là gì ? Tức là kiến giải mê hoặc, rất là lợi hại, hại người không ít, vì nó mà không được giải thoát, đời đời kiếp kiếp lưu chuyển ở trong luân hồi sinh tử. Học Phật pháp tức là học pháp đoạn hoặc, tóm lại tức là học trí huệ. Trí huệ hướng về đâu để cầu ? Có câu rằng: ‘’Thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải‘’. Nghiên cứu kinh điển là pháp môn tu của người học Phật pháp.

Tư hoặc là gì ? Tức là tư tưởng mê hoặc. Nói tỉ mỉ thì kiến hoặc là đối cảnh khởi tham ái, thấy tiền tài thì sinh tâm tham, thấy sắc thì khởi thương yêu. Nếu đoạn được kiến hoặc, thì bất cứ gặp cảnh giới gì, cũng chẳng

động tâm. Tư hoặc là mê lý khởi phân biệt, đối với đạo lý chẳng minh bạch, khởi lên tâm phân biệt.

Lần thứ hai biến cõi nước, là biểu thị đoạn trừ trần sa hoặc. Trần là vi trần (hạt bụi), sa là cát sông Hằng. Trong ruộng tám thức có nhiều trần sa hoặc. Nếu không đoạn hết, thì vẫn bị chuyển ở trong sự có và không. Trần sa hoặc tuy nhiên rất nhiều, song chính mình chẳng biết. Ví như trong phòng sạch sẽ, trước mắt nhìn thấy giống như chẳng có bụi bặm gì, song ánh sáng mặt trời chiếu vào phòng, thì phát hiện có vô số hạt bụi bay đi bay lại ở trong hư không, lúc lên lúc xuống. Có ánh sáng mặt trời mới thấy được hạt bụi, chẳng có ánh sáng mặt trời, thì chẳng thấy hạt bụi. Ánh sáng mặt trời tức là trí huệ, hạt bụi tức là vọng tưởng. Có trí huệ thì mới phát hiện mình có vọng tưởng.

A La Hán đã đoạn sạch kiến, tư hai hoặc, vẫn chưa đoạn sạch trần sa hoặc. Bồ Tát đã đoạn trần sa hoặc, nhưng vẫn chưa đoạn sạch vô minh hoặc. Kiến tư hoặc là thô hoặc, trần sa hoặc là tế hoặc. Thô hoặc dễ đoạn, tế hoặc chẳng dễ gì đoạn sạch. Do đó, có câu : ‘’Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo‘’.

Lần thứ ba biến cõi nước là biểu thị đoạn trừ vô minh hoặc, do đó: ‘’Phá vô minh thấy pháp tánh‘’. Vô minh tức là chẳng minh bạch. Chẳng minh bạch Phật pháp, chẳng rõ sự lý, tức là vô minh. Có vô minh thì có sinh tử, đoạn vô minh thì dứt sinh tử. Chứng đến bậc

Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa phá (biến dịch sinh tử). Nếu phá được một phần vô minh cuối cùng, thì chứng quả vị Phật.

Kiến, tư hoặc tức là trần sa hoặc, trợ giúp nó chẳng minh bạch. Trần sa hoặc là vô minh trợ giúp nó sinh ra, còn vô minh ai giúp nó sinh ra ? Tức là ngu si. Vô minh hoặc là vi tế hoặc, khó đoạn sạch nhất.

Đại ý Đức Phật Thích Ca ba lần biến cõi nước, là khiến cho chúng ta đoạn trừ ba hoặc. Có ba hoặc thì không thể chứng quả vị Phật, đoạn sạch ba hoặc liền chứng quả vị Phật. Đạo lý nầy rất giản đơn, ai ai cũng đều rõ, song chẳng ai thực hành, Phật cũng chẳng biết làm gì hơn ! Than thở nói : ‘’Chúng sinh khó độ, chẳng biết hồi đầu‘’. Ở trong Phật giáo thường nói :

‘’Biển khổ mênh mông,
Quay đầu thì thấy bờ ‘’.

Chỉ cần quay đầu lại, thì đến bờ bên kia Niết Bàn, đắc được thường lạc ngã tịnh vui sướng thật sự. Song đáng tiếc cho chúng sinh, nhận giả làm thật, tham vui năm dục, chẳng biết đó là năm sợi dây thừng, trói buộc chẳng có ngày ra khỏi.

Ba lần biến cõi nước còn có ý nghĩa dùng tám lìa bỏ (tám giải thoát), tám thắng sứ, mười nhất thiết xứ, ba pháp, làm thiền định xa lìa tham ái ba cõi. Còn gọi là tam muội, còn gọi là ba cửa ải tham thiền.

Tám lìa bỏ là gì ? Lìa là xa lìa, bỏ là vứt bỏ. Xa lìa cảnh giới sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Xả bỏ hưởng thụ năm dục (tài, sắc, danh, thực, thùy). Tám giải thoát là :

1. Bên trong có sắc tưởng, quán sắc bên ngoài giải thoát : Bên trong có sắc tưởng về ái tình, bên ngoài thấy sắc đẹp thì mê hoặc. Nếu tâm chẳng có thứ tư tưởng nầy, thì bên ngoài bất cứ có sắc đẹp gì, cũng không thể bị ảnh hưởng, tâm chẳng bị cảnh giới lay chuyển. Gặp con trai đẹp, hoặc con gái xinh, phải quán bất tịnh thì tư nhiên được giải thoát.

2. Bên trong không có sắc tưởng, quán sắc bên ngoài giải thoát : Trong tâm chẳng có sắc tưởng, quán sát sắc tướng bên ngoài, thảy đều là vật không sạch, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thường quán tưởng như thế, chẳng điên đảo, chẳng chấp trước, thì sẽ đắc được giải thoát.

3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ : Ở trong định quán tưởng diệu sắc quang minh, được như như bất động, liễu liễu thường minh, ở trong thân đầy đủ viên mãn mà trụ ở trong không. Đó là tịnh quán, ở trên là quán bất tịnh.

4. Không vô biên xứ giải thoát : Nhàm chán sắc thân mà tu quán không, đắc được không định, song không cũng phải giải thoát, nếu không thì vẫn có chướng ngại về không, không thể giải thoát.

5. Thức vô biên xứ giải thoát : Lúc đó, cho đến không cũng nhàm lìa, lưu lại thức A lại gia, tiêu diệt hết sáu thức trước, chẳng khởi tác dụng. Chỉ có thức thứ bảy phan duyên vi tế, song chẳng khởi đại tác dụng, cho nên thức cũng phải giải thoát .

6. Vô sở hữu xứ giải thoát : Hàng phục được thức thứ bảy rồi, chỉ còn lại thức thứ tám, chẳng khởi hiện hành. Lúc đó, không cũng chẳng có, thức cũng chẳng có, cái ta (ngã) cũng chẳng có. Song, trong tâm vẫn còn pháp tưởng vô sở hữu, cho nên cũng phải giải thoát.

7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát : Dùng định lực khống chế thức thứ tám, giống như đã hết, cho nên là phi tưởng. Định lực sảo di, thức thứ tám tựa như còn, cho nên là phi phi tưởng. Tưởng thô phải giải thoát, tưởng tế cũng phải giải thoát, đó mới là thật giải thoát.

8. Diệt thọ tưởng định, thân tác chứng cụ túc trụ giải thoát : Tức là khiến cho tâm sở thọ và tâm sở tưởng, hai pháp đều diệt mà chẳng khởi, đây đã diệt thọ tưởng định. Nếu có diệt thọ tưởng thì vẫn không giải thoát, vẫn còn chướng ngại. Nếu có sự chấp trước, thì không thể giải thoát được. Tóm lại, tri kiến đều phải giải thoát, nếu không thì chẳng được giải thoát.

Tám thắng xứ là gì ? Thắng là thắng tri thắng kiến.

- Thắng tri : Phàm là sự biết đều chánh quyết.

- Thắng kiến : Phàm là sự thấy đều là đúng. Thắng tri thắng kiến nầy, với tri kiến của thế gian chẳng giống

nhau. Nếu minh bạch được đạo lý tám giải thoát, và tám thắng xứ, thì chẳng bị cảnh giới bên ngoài làm mê hoặc, không làm việc điên đảo. Tám thắng xứ nầy, là quán sát tử thi người chết, có các hiện tượng bất đồng, sau đó mới chứng nhập được cảnh giới thù thắng.

Tám thắng xứ là:

1. Bên trong có các sắc tưởng, quán sắc bên ngoài ít thắng xứ.

2. Bên trong có sắc tưởng, quán sắc bên ngoài nhiều thắng xứ.

3. Bên trong chẳng có sắc tưởng, quán sắc bên ngoài ít thắng xứ.

4. Bên trong chẳng có sắc tưởng, quán sắc bên ngoài nhiều thắng xứ. Ý nghĩa những thắng xứ và tám giải thoát gần giống nhau. Vì chẳng có định lực mà quán nhiều, thì e rằng định lực tán, cho nên phải quán ít thắng xứ. Khi nào có định lực thì hãy quán nhiều thắng xứ. Quán cái gì ? Phải tu chín quán tưởng.

Chín quán tưởng là gì ?

A. Tưởng sình : Tử thi sình lên.

B. Tưởng xanh ứ : Tử thi bị nắng gió biến thành màu xanh ứ.

C. Tưởng hoại : Tử thi tan rã.

D. Tưởng máu chảy : Sau khi thi thể tan rã, thì máu chảy về đất.

E. Tưởng mủ : Thối nát thành mủ.

F. Tưởng ăn : Thi thể bị chim thú ăn.

G. Tưởng phân tán : Sau khi chim thú ăn xong, thì toàn thể xương cốt phân tán rã rời.

H. Tưởng xương cốt : Còn lại đống xương.

I. Tưởng thiêu đốt : Xương cốt bị lửa thiêu đốt trở thành tro đất.

Người tu thiền, phải quán chín quán tưởng nầy, bằng không thì chấp trước có cái ta sẽ không thành công.

5. Xanh thắng xứ.

6. Vàng tháng xứ.

7. Đỏ thắng sứ.

8. Trắng thắng xứ.

Quán xong bất tịnh mới quán phóng quang. Màu xanh phóng ra quang minh màu xanh, màu vàng phóng ra quanh minh màu vàng, màu trắng phóng ra quang minh màu trắng, hiện ra một thứ quanh minh. Lúc đó, đừng chấp trước, giống như chẳng có việc đó, được như vậy thì mới được xứ sự thù thắng.

Mười nhất thiết xứ là gì ? Tức là mười thứ khắp nhất thiết xứ, tức cũng là bốn màu sắc và thêm sáu đại. Nếu có thắng tri, thắng kiến, thì sẽ thành tựu công năng khắp nhất thiết xứ.

1. Xanh khắp nhất thiết xứ.

2. Vàng khắp nhất thiết xứ.

3. Đỏ nhất thiết xứ.

4. Trắng nhất thiết xứ.

5. Địa nhất thiết xứ.
6. Nước nhất thiết xứ.
7. Lửa nhất thiết xứ.
8. Gió nhất thiết xứ.
9. Không nhất thiết xứ.
10. Thức nhất thiết xứ.

Mười pháp nầy, người tham thiền phải minh bạch cảnh giới nầy, sau đó mới phá được sự tham thoại đầu, tức cũng là khai ngộ.

Hoà Thượng Hư Vân lúc khai ngộ nói :

''Năng trước thủ, đả toái bôi
Gia phá nhân vong ngữ nan khai
Xuân đáo hoa hương xứ xứ tú
Sơn hà đại địa thị Như Lai''.

Nghĩa là :

''Tay bị nóng, đập nát ly,
Nhà tan người mất khó nói nên lời.
Xuân đến hoa thơm đâu đâu cũng đẹp,
Sông núi đất đai là Như Lai.''

Tức là cảnh giới nầy, hết thảy đều không.

Ba lần biến cõi nước, lần thứ nhất biểu thị tám xả lìa, lần thứ hai biểu thị tám thắng xứ, lần thứ ba biểu thị mười nhất thiết xứ. Nghĩa lý của kinh văn thâm áo vô cùng, phải quán thông kinh nghĩa, mới có hữu dụng, bằng không thì nuốt trựng, ăn mà chẳng biết mùi vị. Đọc kinh

văn mà không cầu hiểu rõ, không biết tông chỉ của kinh, suốt ngày ngủ với vô minh, ăn cơm với phiền não, làm bạn với ba hoặc, như thế thì làm sao có sự thành tựu ? Tóm lại, hiểu biết thì lìa khỏi chúng, chẳng hiểu biết thì bị chúng làm mê.

Người học Phật pháp, vừa học vừa thực hành mới có hiệu quả. Học mà không hành, dù học bao nhiêu cũng chẳng ích gì. Tức là học một câu mà áp dụng, thì sẽ đắc được vô lượng lợi ích. Bệnh lớn nhất của người học Phật pháp là, nói được mà làm chẳng được, đó là khẩu đầu thiền.

Bấy giờ, các đức Phật phân thân của Phật Thích Ca Mâu Ni ở phương đông, trong trăm vạn ức Na do tha cõi nước, mỗi vị đang thuyết pháp ở cõi đó, đều tụ tập lại. Như thế lần lược các đức Phật trong mười phương, cũng đều tụ tập lại ngồi ở tại tám phương.

Lúc đó, các hóa Phật phân thân của Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong trăm ức Na do tha Hằng hà sa cõi nước, đều đang ở cõi đó thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, vì đức Đa Bảo Như Lai đến pháp hội Linh Sơn làm chứng minh, cho nên các Ngài đều từ biệt đại chúng, để tụ tập về núi Linh Sơn.

Tại sao đức Đa Bảo Như Lai đến hội Pháp Hoa núi Linh Thứu thế giới Ta Bà để làm chứng ? Vì thuở xưa Ngài đã từng phát nguyện : ''Phàm là có đạo tràng diễn nói Kinh Pháp Hoa, thì ta nhất định đến trước làm chứng minh''.

Lần lược như thế, từ phương đông bắt đầu; mười phương chư Phật đều đến tụ tập tại pháp hội Linh Sơn, ngồi ở tám phương của bảo tháp.

Bấy giờ, tại mỗi phương đều có bốn trăm vạn ức Na do tha cõi nước, các đức Phật Như Lai đều đầy khắp trong đó.

Lúc đó, ở tại mỗi phương đều có bốn trăm vạn ức Na do tha cõi nước, cõi nước biến hóa ra, rất thanh tịnh trang nghiêm. Các đức Phật phân thân của Phật Thích Ca đều đầy khắp trong đó.

Bấy giờ, các đức Phật đều ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu, rồi sai thị giả đến thưa hỏi đức Phật Thích Ca, và đều đưa cho một bó hoa báu, mà dặn dò rằng : Thiện nam tử ! Ngươi hãy đến núi Kỳ Xà Quật, chỗ của Phật Thích Ca Mâu Ni, theo như lời của ta nói rằng : Đức Thế Tôn ít bệnh, ít khổ não,

sức khỏe an vui chăng ! Các chúng Bồ Tát Thanh Văn đều an ổn chăng !

Lúc đó, phân thân chư Phật mười phương đều ngồi trên tòa sư tử dưới cội bồ đề, rồi phái thị giả đến đạo tràng của đức Phật Thích Ca để thăm hỏi. Chư Phật tay cầm bó hoa báu đưa cho thị giả, dặn dò thị giả rằng : ''Thiện nam tử ! Ông đến núi Linh Thứu đạo tràng của Phật Thích Ca, thế ta nói thế nầy : Đức Thế Tôn ! Ngài có khỏe chăng ? Chẳng có bệnh tật, chẳng có khổ não chứ ! Thân tâm an lạc chứ ! Hàng Bồ Tát và Thanh Văn đều an ổn chăng ! Thăm hỏi xong rồi, thì dâng hoa báu cúng dường đức Phật''.

Dùng hoa báu này rải lên cúng dường đức Phật, rồi bạch rằng : Đức Phật đó cùng muốn mở bảo tháp này, các đức Phật sai sứ đến cũng lại như thế.

Chư Phật lại dặn dò thị giả nói : ''Đem hoa báu nầy rải lên cúng dường đức Phật Thích Ca, sau đó nói với đức Phật rằng : Đức Phật đó muốn mở Bảo Tháp của đức Đa Bảo Như Lai, để chiêm ngưỡng đức tướng của đức Đa Bảo Như Lai.'' Chẳng những một vị Phật sai thị giả đến tham hỏi đức Phật, cúng dường đức Phật, mà mười phương chư Phật, đều thăm hỏi và cúng dường như thế.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy tất cả chư Phật phân thân, đều đã tụ lại, đều ngồi trên tòa sư tử, đều nghe các đức Phật cùng muốn mở bảo tháp. Bèn từ tòa đứng dậy, trụ ở trong hư không, tất cả bốn chúng đều đứng dậy, chắp tay một lòng nhìn Phật.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy chư Phật phân thân của mình, đã tụ tập lại hết trên núi Linh Thứu. Mỗi vị Phật đều ngồi trên tòa báu sư tử. Lại nghe mười phương chư Phật muốn mở bảo tháp, lập tức từ tòa báu đứng dậy, trụ ở trong hư không. Lúc đó, tất cả bốn chúng đệ tử cùng nhau đứng dậy cung kính chắp tay, đại chúng một lòng nhìn Phật mở cửa bảo tháp như thế nào ? Tụ tinh hội thần để chờ.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng tay phải, mở cửa tháp bảy báu vang ra âm thanh lớn, như tháo chốt mở cửa thành lớn.

Lúc ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng tay phải mở cửa tháp bảy báu, từ trong tháp vang ra âm thanh rất lớn, giống như tháo chốt mở cửa thành lớn. Phật dùng tay

phải mở bảo tháp, là biểu thị khai quyền. Đức Đa Bảo Như Lai hiện thân, là biểu thị hiển thật. Có câu : ''Khai quyền hiển thật'', thu pháp môn quyền xảo phương tiện lại, bây giờ hiển lộ ra pháp môn chân thật. Kinh điển lúc trước Phật giảng, là pháp quyền xảo phương tiện, bây giờ giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mới là pháp chân thật. Đây tức là tông chỉ của bổn kinh nầy.

Bấy giờ, tất cả đại chúng trong pháp hội, đều thấy đức Đa Bảo Như Lai, ngồi trên tòa sư tử trong bảo tháp, toàn thân không tán hoại, như nhập thiền định.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở cửa bảo tháp, hết thảy bốn chúng đệ tử trong pháp hội, đều nhìn thấy toàn thân của đức Đa Bảo Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, an nhiên tồn tại chẳng tan hoại, giống như an tường nhập vào thiền định, khiến cho người thấy sinh tâm cung kính. Vì sao ? Vì có uy đáng sợ, có nghi đáng kính.

Lại nghe đức Đa Bảo Như Lai nói : Lành thay, lành thay ! Phật Thích Ca Mâu Ni, xin hãy mau nói Kinh Pháp Hoa, ta vì nghe kinh này mà đến đây.

Lúc ấy, lại nghe đức Đa Bảo Như Lai ở trong tháp nói : ‘’Lành thay, lành thay ! Phật Thích Ca Mau Ni, xin Ngài hãy mau nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ta vì nghe Kinh Pháp Hoa mà đến đây‘’. Đức Đa Bảo Như Lai vì thuở xưa phát nguyện mà đến làm chứng minh.

Bấy giờ, bốn chúng thấy Phật đã diệt độ trong quá khứ, vô lượng ngàn vạn ức kiếp nói lời như thế, khen chưa từng có. Đại chúng đều dùng hoa báu cõi trời, tụ lại rải lên trên đức Phật Đa Bảo, và Phật Thích Ca Mâu Ni.

Lúc đó, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng đệ tử nhìn thấy đức Đa Bảo Như Lai, đã diệt độ vô lượng ngàn vạn ức kiếp trong quá khứ, ở trong bảo tháp nói ra lời như thế, đại chúng khen ngợi chưa từng có, đại chúng đều dùng hoa báu cõi trời, tụ lại rải lên trên thân đức Phật Đa Bảo, và Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bấy giờ, đức Phật Đa Bảo ở trong bảo tháp, chia nửa tòa ngồi cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà nói rằng : Phật Thích Ca Mâu Ni, hãy lên ngồi trên tòa này. Tức thời, Phật

Thích Ca Mâu Ni vào trong bảo tháp đó, ngồi kiết già trên nửa tòa đó.

Lúc đó, đức Đa Bảo Như Lai ở trong bảo tháp, nhường nửa tòa báu sư tử cho Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi, mà nói rằng : ‘’Phật Thích Ca Mâu Ni ! Ngài hãy lên ngồi bên cạnh tôi, chúng ta hai người cùng ngồi chung một tòa‘’. Tức thời, Phật Thích Ca Mâu Ni bèn vào trong bảo tháp, cùng ngồi một tòa với Phật Đa Bảo, ngồi kiết già trên tòa báu sư tử.

Bấy giờ, đại chúng thấy hai đức Như Lai ngồi kiết già trên tòa sư tử trong tháp bảy báu, ai nấy đều nghĩ : Đức Phật ngồi quá cao xa, xin nguyện đức Như Lai dùng sức thần thông, khiến cho tất cả chúng con đều đến trong hư không.

Lúc đó, đại chúng trong hội Pháp Hoa, nhìn thấy hai vị Phật cùng ngồi kiết già trên tòa báu sư tử ở trong bảo tháp, rất gần gũi, giống như là bạn bè thân thiết. Đại chúng đều nghĩ như vầy : ‘’Hai vị Phật ngồi ở trong bảo tháp vừa cao vừa xa, khiến cho chúng con nhìn chẳng rõ ràng, nghe chẳng rõ ràng. Xin nguyện Như Lai từ bi dùng sức đại thần thông, đem tất cả đại chúng chúng con ở

trong pháp hội đều đến trong hư không, để chiêm ngưỡng Như Lai, lễ lạy Như Lai thì tiện hơn‘’.

Tức thời, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng sức thần thông, tiếp các đại chúng đều đến trong hư không, dùng âm thanh lớn bảo khắp bốn chúng : Ai có thể ở cõi Ta Bà này, mà rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì nay chính là phải thời. Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết Bàn. Phật muốn đem Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, phó chúc cho mọi người.

Lúc đó, vì đức Phật Thích Ca Mâu Ni có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, nên biết được đại chúng khởi vọng tưởng, bèn sinh tâm thương xót, dùng sức thần thông tiếp họ đến trong hư không, để làm mãn nguyện của đại chúng.

Đức Phật Thích Ca lại dùng âm thanh lớn, bảo khắp bốn chúng đệ tử nói rằng : ‘’Ai có thể ở cõi Ta Bà nầy, rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì hôm nay chính là phải thời. Vì ta (Phật Thích Ca), sau khi nói xong Kinh Pháp Hoa, thì chẳng bao lâu sẽ vào Niết Bàn. Mỗi vị Phật đều muốn đem Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phó chúc cho mọi người, mong có người gánh vác trách nhiệm nầy, nối

Phật huệ mạng, khiến cho chánh pháp vĩnh viễn lưu lại ở đời, chẳng khiến cho đoạn tuyệt‘’ !

Các bạn chú ý ! Thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh PHáp Hoa, ấn tống Kinh Pháp Hoa, truyền bá Kinh Pháp Hoa, đều có công đức không thể tưởng tượng được. Đọc tụng Kinh Pháp Hoa, có thể từ trong miệng phun ra xá lợi, biên chép Kinh Pháp Hoa, có thể từ ngòi bút nhả ra xá lợi, đây là sự thật ngàn chân vạn quyết.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Thánh chúa Thế Tôn
Tuy diệt độ lâu
Ở trong bảo tháp
Còn vì pháp đến.
Các ngươi thế nào
Chẳng siêng vì pháp !

Đoạn kinh văn nầy, Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi Đức Đa Bảo Như Lai đã phát nguyện, phàm có đạo tràng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đức Đa Bảo Như Lai nhất định đến trước để nghe pháp, làm chứng minh. Các bạn thấy đó ! Nơi nào giảng nói Kinh Pháp Hoa, thì

đức Đa Bảo Như Lai đều đến nghe kinh, hà huống là phàm phu chúng ta, càng phải đến chỗ giảng nói Kinh Pháp Hoa để nghe kinh.

''Thánh chúa Thế Tôn'', đây là chỉ đức Đa Bảo Như Lai mà nói, tôn kính Ngài là chúa trong bậc Thánh. Thế Tôn là bậc tôn kính nhất của thế và xuất thế gian. Tuy nhiên Ngài đã diệt độ vô lượng kiếp về trước, trụ ở trong bảo tháp. Ngài đã thành Phật thì không cần nghe pháp nữa, song Ngài vì nghe Kinh Pháp Hoa, mà còn đến pháp hội núi Linh Thứu thế giới Ta Bà. Các vị ! Tại sao không siêng tu Phật pháp ?

Không siêng vì pháp tức là lười biếng, giải đãi, phóng dật, không tinh tấn, tức cũng là chẳng chuyên tâm để nghe pháp. Người chân chính tin Phật, thì trừ khi chẳng có pháp hội giảng kinh, nếu có, thì bất cứ bận như thế nào, nhất định cũng phải thu xếp thời gian đến tham gia. Tại sao ? Vì nghe kinh còn quan trọng hơn là sinh mạng. Một ngày không ăn cơm thì có thể được, chứ một ngày không nghe kinh thì không thể được. Nghe kinh thì hiểu biết pháp môn liễu sinh thoát tử, y theo pháp tu hành thì chắc chắn sẽ được giải thoát. Hơn nữa, nghe kinh được ấn tượng càng thâm sâu hơn là xem kinh, đo đó có câu :

''Một buổi nghe giảng,
Hơn mười năm đọc sách''.

Có thể đổi là :

‘’Một buổi nghe giảng kinh,
Còn hơn đọc mười quyển kinh‘’.

Phật đó diệt độ
Vô lượng số kiếp
Khắp nơi nghe pháp
Vì khó được gặp.
Nguyện xưa Phật đó
Sau khi ta diệt
Đến khắp mọi nơi
Thường vì nghe pháp.

Từ khi đức Đa Bảo Như Lai diệt độ đến nay, trải qua thời gian vô lượng kiếp, đến khắp nơi nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Phàm có nơi nào giảng Kinh Pháp Hoa, thì nhất định đến trước tham gia làm chứng. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Pháp Hoa, thì Ngài ở trong bảo tháp từ dưới đất vọt lên, trụ ở trong hư không để làm chứng minh.

Đức Đa Bảo Như Lai tức nhiên đã thành Phật, tại sao còn đến để nghe Kinh Pháp Hoa ? Vì kinh nầy chẳng dễ gì gặp được. Do đó, có câu :

‘’Pháp vi diệu thâm sâu vô thượng
Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được
Nay con thấy nghe được thọ trì

Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai‘’.

Đây là bài kệ khai kinh, của nữ hoàng đế Vũ Tắc Thiên đời Đường làm ra. Trước khi đọc tụng kinh thì tụng bài kệ nầy trước.

Thuở xưa đức Đa Bảo Như Lai từng phát nguyện rằng : ‘’Nếu ta thành Phật, thì sẽ ủng hộ đạo tràng giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sau khi ta diệt độ, bất cứ nơi nào, đức Phật nào nói Kinh Pháp Hoa, thì ta thường đến nghe pháp và làm chứng minh‘’.

Tại sao phát nguyện như vậy ? Vì Kinh Pháp Hoa là kinh khó gặp được, Ngài muốn làm ảnh hưởng chúng, dẫn dắt mọi người cùng đến tham gia pháp hội, khiến cho đại chúng biết kinh nầy là vua trong các kinh, là kinh thành Phật, do đó có câu :

‘’Kinh Lăng Nghiêm là kinh khai ngộ,
Kinh Pháp Hoa là kinh thành Phật‘’.

Ta lại phân thân
Vô lượng chư Phật
Như cát sông Hằng
Đến muốn nghe pháp.
Và thấy Đa Bảo
Như Lai diệt độ
Đều bỏ cõi nước

Và chúng đệ tử.
Trời người rồng thần
Các sự cúng dường
Khiến pháp trụ lâu
Nên đến nơi này.

Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói : ''Ta phân thân vô lượng chư Phật, nhiều như số các sông Hằng, đều đến nơi nầy nghe Kinh Pháp Hoa. Các Ngài còn muốn thấy đức Đa Bảo Như Lai, đã diệt độ vô lượng kiếp, cho nên phân thân hóa Phật trong mười phương, đều bỏ cõi nước của mình, và các hàng đệ tử mà đến núi Linh Thứu''.

Chư thiên loài người, các vị rồng các vị thần, đều đến cúng dường đức Đa Bảo Như Lai, vì khiến cho chánh pháp trụ lâu ở đời, cho nên đức Đa Bảo Như Lai, và mười phương chư Phật đều đến chỗ nầy.

Vì chư Phật ngồi
Mà dùng thần thông
Dời vô lượng chúng
Khiến nước thanh tịnh.
Mỗi mỗi vị Phật
Đến dưới cây báu
Như đất thanh tịnh

Hoa sen trang nghiêm.

Ta vì các đức Phật phân thân an trí tòa ngồi, mà dùng sức thần thông, đêm vô lượng chúng sinh dời đến cõi nước khác, khiến cho cõi nước nầy thanh tịnh, biểu thị sự hoan nghênh khách quý quang lâm.

Mười phương chư Phật, đều đến dưới cội bồ đề, ngồi trên tòa báu sư tử, như đất thanh tịnh. Dùng các thứ màu sắc hoa sen để trang nghiêm.

Phật ngồi ở trên
Tòa báu sư tử
Dưới các cây báu
Quang minh nghiêm sức.
Như trong đêm tối
Đốt đuốt lửa lớn.

Sau ba lần biến cõi nước, làm cho thế giới biến thành thanh tịnh, phân thân chư Phật đều đến dưới cội bồ đề, ngồi trên tòa báu sư tử. Mỗi tòa báu đều dùng bảy báu để trang nghiêm, phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả, giống như trong đêm tối đốt đuốc lửa lớn, phá màn đêm tối.

Thân tỏa hương thơm
Khắp mười phương cõi.

Chúng sinh ngửi được
Thảy đều vui mừng
Ví như gió lớn
Thổi nhánh cây nhỏ.
Do phương tiện đó
Khiến pháp trụ lâu.

Trên thân của phân thân chư Phật, đều tỏa ra hương thơm vi diệu, xông khắp cõi nước mười phương. Hết thảy chúng sinh được mùi hương nầy huân nhiễm, thì đều vui mừng mà phát tâm bồ đề. Giống như gió lớn thổi nhánh cây nhỏ, làm rung động, tức cũng thọ được lợi ích của Phật pháp. Dùng pháp thiện xảo phương tiện nầy, vì muốn khiến cho Phật pháp trụ lâu ở đời. Cho nên, trước hết giảng quyền pháp, sau giảng thật pháp, là ý nghĩa nầy.

Phàm là người chân chánh tu trì, nghiêm giữ giới luật, tuyệt đối không phạm giới, đời đời như thế, kiếp kiếp như thế, thì thân thể tự nhiên sẽ tỏa ra mùi thơm hoa sen, là hương thơm nhè nhẹ, chứ chẳng phải mùi thơm nồng nặc, không làm cho người có cảm giác sặc mũi. Người giữ giới, dù nhiều ngày không tắm rửa, cũng chẳng có mùi hôi, mà còn tỏa hương thơm. Người không giữ giới, thì thân hôi như chồn hôi, khiến người nhàm chán.

Bảo các đại chúng :
Ta diệt độ rồi.

Ai hay thọ trì
Đọc nói kinh này
Nay ở trước Phật
Tự phát thệ nguyện.

Đức Phật Thích Ca lại bảo đại chúng nói : ''Sau khi ta nói xong Kinh Pháp Hoa, thì sẽ vào Niết Bàn. Sau khi ta diệt độ rồi, ai hay phát nguyện thọ trì kinh nầy, đọc tụng kinh nầy, bây giờ ở trước Phật Đa Bảo và phân thân chư Phật, tự phát thệ nguyện''. Từ nay về sau hãy thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Bất cứ gặp khó khăn gì, cũng không thay đổi, nhất định quán triệt thủy chung, không cô phụ kỳ vọng của Như Lai.

Phật Đa Bảo đó
Tuy diệt độ lâu.
Nhờ thệ nguyện lớn
Mà sư tử hống
Đa Bảo Như Lai
Cùng với thân ta.
Tụ tập hóa Phật
Sẽ biết ý đó.

Đức Đa Bảo Như Lai đó, tuy diệt độ đã lâu, song nhờ thệ nguyện lớn của Ngài, mà ở trong bảo tháp làm sư tử hống. Đức Đa Bảo Như Lai, và thân ta cùng với phân thân hóa Phật, đều biết được ý của các vị phát nguyện. Sau đó, sẽ hộ trì các vị, khiến cho thân tâm an ổn, chuyên tâm tu đạo.

Các Phật tử thảy
Ai hay hộ pháp.
Nên phát nguyện lớn
Khiến pháp trụ lâu
Có người hộ trì
Kinh Pháp Hoa này.
Tức là cúng dường
Ta và Đa Bảo.

Các đệ tử của Phật ! Ai có tâm hộ pháp, thì nên phát tâm thệ nguyện lớn, khiến cho Kinh Pháp Hoa trụ lâu ở đời.

Nếu như có người hay hộ trì Kinh Pháp Hoa, thì công đức cũng như cúng dường ta và Phật Đa Bảo. Tại sao ? Vì Kinh Pháp Hoa là chân thân của Như Lai. Do đó:

‘’Trong các sự cúng dường
Cúng dường pháp là hơn hết‘’.

Cúng dường tiền tài là tu phước, cúng dường pháp là tu huệ. Phước huệ song tu, công đức mới viên mãn.

Phật Đa Bảo đó
Trụ trong bảo tháp.
Thường du mười phương
Để vì kinh này
Cũng lại cúng dường
Các hóa Phật đến.
Trang nghiêm quang sức
Tất cả thế giới
Nếu nói kinh này
Tức là thấy ta.
Đa Bảo Như Lai
Và các hóa Phật.

Vị Đa Bảo Như Lai nầy, tuy ngồi ở trong bảo tháp, song thường đến khắp mười phương thế giới, để vì chứng minh Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Nếu các vị phát tâm cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đồng như cúng dường các hóa Phật của ta phân thân. Trang nghiêm tất cả cõi nước, quang sức tất cả thế giới.

Giả sử hay giải thích nói Kinh Pháp Hoa nầy, thì thấy được thân ta và thân đức Đa Bảo Như Lai, và các phân thân hóa Phật của ta.

Các thiện nam tử !
Hãy suy nghĩ kỹ.
Đây là việc khó
Nên phát nguyện lớn
Các kinh điển khác
Số như Hằng sa.
Tuy nói rất nhiều
Chưa phải là khó.

Các vị thiện nam tử ! Các vị phải suy nghĩ cho kỹ đạo lý nầy. Hãy phát nguyện thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống bộ kinh đển nầy, đây là việc rất khó. Các vị nên phát thệ nguyện lớn, đời đời kiếp kiếp gần gũi Tam Bảo, gần gũi thiện tri thức, ủng hộ thiện tri thức.

Ngoại trừ Kinh Pháp Hoa ra, còn có rất nhiều kinh điển, số lượng nhiều như số các sông Hằng, tuy nhiên nói nhiều kinh điển, song cũng chẳng phải là việc khó.

Nếu cầm Tu Di
Ném qua phương khác.
Vô số cõi Phật

Cũng chưa phải khó
Nếu dùng chân tay
Động cõi đại thiên.
Ném xa cõi khác
Cũng chưa phải khó.

Nếu như cầm toà núi Tu Di lên, ném qua vô lượng cõi Phật khác, cũng chưa phải là việc khó. Chỉ cần có thần thông thì làm được.

Nếu như dùng chân di động đại thiên thế giới, ném thế giới qua phương khác, đây cũng chẳng phải là việc khó.

Nếu đứng trên trời
Vì chúng diễn nói.
Vô lượng kinh khác
Cũng chưa phải khó
Nếu Phật diệt độ
Ở trong đời khác.
Hay nói kinh này
Đó mới là khó.

Nếu như đứng trên Trời Hữu Đảnh (Trời vô sắc giới Phi Phi Tưởng Xứ), vì chúng sinh diễn nói vô lượng các thứ kinh, cũng chẳng phải là việc khó. Chỉ cần có bản

lãnh ngũ nhãn lục thông thì làm được, chẳng có gì chướng ngại. Nếu như sau khi Phật diệt độ, có người nào ở trong đời ác năm trược, giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đó mới là việc khó làm nhất.

Nếu như có người
Tay cầm hư không.
Dùng để du hành
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu tự biên trì.
Hoặc khiến người biên
Đó mới là khó.

Nếu như có người dùng phép thần thông, tay cầm hư không, du hành khắp nơi, việc nầy vẫn chưa kỳ lạ, có thể làm được.

Song sau khi Phật diệt độ, nếu có người biên chép kinh nầy, hoặc khiến người biên chép kinh nầy, đây là việc chẳng đễ gì làm được. Tại sao ? Vì cảnh giới nầy không thể nghĩ bàn, cho nên chẳng có ai tin.

Nếu dùng đại địa
Để lên bàn chân.
Thăng lên Phạm Thiên

Cũng chưa phải khó
Sau Phật diệt độ
Ở trong đời ác.
Tạm đọc kinh này
Đó mới là khó.

Nếu như có người, đem đại địa để trên bàn chân, bay lên đến Trời Đại Phạm, cũng chưa phải là việc khó.

Sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ rồi, mà ở trong đời ác năm trược, trong khoảng thời gian ngắn mà đọc tụng kinh nầy, đó mới là việc rất khó, chẳng dễ gì làm được.

Các vị chú ý ! Người chẳng có căn lành, thì chẳng thể nào nghe được tên kinh Diệu Pháp Liên Hoa, càng không thể nào đọc tụng được Kinh Pháp Hoa, và thấy được kinh văn Diệu Pháp Liên Hoa. Hiện tại các vị là người may mắn, nghe được Kinh Pháp Hoa ở trong Phật giáo giảng đường, đó là trong quá khứ đã phát thệ nguyện gần gũi kinh nầy, thọ trì kinh nầy. Đời nầy gặp được đạo tràng giảng Kinh Pháp Hoa, nhân duyên nầy khó gặp được, các vị phải trân tiết, đừng để trôi qua lãng phí.

Nếu như kiếp thiêu
Gánh vác cỏ khô.
Vào trong không cháy

Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu trì kinh này.
Vì một người nói
Thì mới là khó.

Nếu như lúc kiếp hỏa thiêu cháy, mà có người gánh vác cỏ khô, đi vào trong kiếp hỏa mà không bị kiếp hỏa thiêu đốt, đó cũng chẳng phải việc khó. Chỉ cần có thần thông thì làm được. Sau khi Phật diệt độ, nếu có ai thọ trì kinh nầy, hoặc vì một người giải nói, thì đó là việc khó, chẳng dễ gì làm được.

Nếu trì tám vạn
Bốn ngàn tạng pháp.
Mười hai bộ kinh
Vì người diễn nói
Khiến các người nghe
Được sáu thần thông.
Tuy được như thế
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nghe thọ kinh này.

Hỏi nghĩa trong kinh
Đó mới là khó.

Nếu như có người thọ trì tám muôn bốn ngàn tạng pháp, vì người nói mười hai bộ kinh, khiến cho tất cả người nghe pháp đều được sáu thần thông, tuy nhiên được như thế, song cũng chẳng phải là việc khó.

Sau khi ta diệt độ, nếu có người nghe thọ trì được kinh nầy, và hỏi nghĩa thú trong kinh nầy, thì đó mới là một việc rất khó.

Mười hai bộ kinh là gì ? Tức là

‘’Trường hàng, trùng tụng, cập thọ ký
Cô khởi, vô vấn nhi tự thuyết
Nhân duyên, ví dụ dữ bổn sự
Bổn sanh, phương quảng, vị tằng hữu
Luận nghị cộng thành thập nhị bộ‘’.

Trường hàng, trùng tụng, cô khởi, là kinh văn thể tài (lựa ra từng lối).

1. Trường hàng : Tức là văn dài trong kinh.

2. Trùng tụng : Tức là nghĩa lý của kinh trường hàng ở trên, dùng kệ để thuật lại.

3. Thọ ký : Phật thọ ký cho Bồ Tát sẽ thành Phật.

4. Cô khởi : Đột nhiên ở giữa khởi lên một bài kệ, nghĩa lý của nó chẳng liên quan đến kinh văn ở trước.

5. Bất vấn nhi tự thuyết : Chẳng có người thỉnh pháp, mà Phật tự động nói ra kinh văn.

6. Nhân duyên : Tức là nhân duyên gặp Phật nghe pháp, hoặc nhân duyên Phật nói pháp giáo hóa chúng sinh.

7. Ví dụ : Trong kinh văn nói ví dụ.

8. Bổn sự : Phật nói nhân duyên của đệ tử trong quá khứ.

9. Bổn sanh : Tức là Phật nói nhân duyên của mình trong quá khứ.

10. Phương quảng : Tức là Phật nói kinh văn chân lý phương chánh quảng đại.

11. Vị tăng hữu : Kinh văn Phật hiện thần thông.

12. Luận nghị : Kinh văn giữa Phật và đệ tử hổ tương vấn đáp.

Sáu thần thông là gì ? Người khai ngộ mới chứng được cảnh giới nầy.

1. Thiên nhãn thông : Trên các cõi trời, dưới các địa ngục, đều nhìn thấy rất rõ ràng .

2. Thiên nhĩ thông : Chẳng những nhìn thấy được chư Thiên từng cử chỉ hành động, mà còn nghe được từng lời nói tiếng cười của chư Thiên, rõ như vô tuyến điện.

3. Tha tâm thông : Biết được trong tâm của kẻ khác nghĩ việc gì và muốn nói gì.

4. Túc mạng thông : Quán sát được nhân duyên và nhân quả của mình và kẻ khác, trong quá khứ và vị lai .

5. Thần túc thông : Có thể ở trong định, đến đi tự do, chẳng bị bất cứ gì hạn chế.

6. Lậu tận thông : Chẳng có phiền não, chẳng có vọng tưởng, tất cả lậu đều tiêu sạch, chẳng khởi tác dụng. Ngoại đạo và quỷ thần chỉ có năm thần thông, mà chẳng có lậu tận thông, chư Phật Bồ Tát A La Hán, mới có đủ sáu thần thông.

Nếu người nói pháp
Khiến ngàn vạn ức.
Vô lượng vô số
Hằng sa chúng sinh
Được A la hán
Đủ sáu thần thông.
Tuy có lợi ích
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu hay phụng trì.
Kinh Pháp Hoa này
Đó mới là khó.

Nếu như có người thuyết pháp, khiến cho vô lượng chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, đều đắc được quả vị A La Hán, đều đủ sáu thần thông. Tuy có ích lợi như thế, song vẫn chẳng phải là việc khó.

Sau khi Phật diệt độ, nếu có ai hay phụng trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đó mới là việc rất khó.

Chúng ta phàm phu phải nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phật Đa Bảo và phân thân hóa Phật của Phật Thích Ca, cũng đến pháp hội Linh Sơn nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Do đó, đủ biết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quan trọng như thế nào ! Kinh nầy là kinh thành Phật. Muốn thành Phật phải thọ trì kinh nầy, chẳng có pháp nào khác.

Trước khi chưa giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tôi không nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là kinh khó gặp khó thấy. Bây giới giảng đến đây, trong kinh văn cũng nói rất rõ ràng. Hy vọng mọi người chú ý nghe ! Công đức nghe được Kinh Pháp Hoa, cảm ứng trí huệ đời sau không thể hạn lượng. Giống như nước biển cả lấy không hết, dùng không cạn được.

Tại sao chúng ta ngu si ? Tại sao có sự nóng giận ? Tại sao có vọng tưởng ? Tại sao có phiền não ? Đều vì chẳng từng nghe qua Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh nầy có chỗ diệu không thể nghĩ bàn. Chỗ diệu nầy không thể suy nghĩ, không thể luận bàn, chỉ có chính người thực hành thể hội mới biết diệu vị đó.

Ta vì Phật đạo
Trong vô lượng cõi
Từ xưa đến nay
Rộng nói các kinh.

Mà ở trong đó
Kinh này bậc nhất
Nếu người hay trì
Tức là thân Phật.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói : ''Ta vì giáo hóa chúng sinh, đều vì thành Phật đạo, cho nên ở trong vô lượng cõi nước chư Phật, từ bắt đầu cho đến hiện tại, đã rộng giải thích nói rất nhiều kinh điển. Trước hết nói Kinh Hoa Nghiêm, tiếp theo nói Kinh A Hàm, sau đó nói Kinh Phương Đẳng và Kinh Bát Nhã, bây giờ mới nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ở trong các kinh mà Phật nói, thì Kinh Pháp Hoa nầy là bậc nhất.'' Đây là bộ kinh ít có nhất.

Nếu như có người hay thọ trì kinh nầy, tức là trì chân thân của Chư Phật. Chân thân của Phật ở trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, do đó :

''Vào nhà Như Lai,
Mặc áo Như Lai,
Ngồi tòa Như Lai''.

Ba thứ nầy tức là thọ trì chân thân của Phật.

Các thiện nam tử !
Sau ta diệt độ
Ai hay thọ trì

Đọc tụng kinh này.
Nay ở trước Phật
Tự nói lời thề.

Các vị thiện nam tử ! Sau khi ta diệt độ, ai hay thọ trì kinh nầy, đọc tụng kinh nầy, giải nói kinh nầy, biên chép kinh nầy, ấn tống kinh nầy. Hiện tại ở trước Phật, tự nói ra lời thề. Người học Phật, nhất định phải phát nguyện, nguyện lực khiến cho mình hướng về chánh đạo tiến về trước, không thể lầm vào đường tà. Phát nguyện mà không thực hành, cũng giống như cây nở hoa giả, chẳng có ích gì.

Kinh này khó trì
Nếu ai tạm trì.
Ta rất hoan hỉ
Chư Phật cũng thế
Những người như thế
Được Phật khen ngợi.
Đó là dũng mãnh
Đó là tinh tấn
Đó gọi trì giới
Người hành đầu đà.
Thì mau đắc được

Phật đạo vô thượng.

Bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là kinh khó thọ trì, người chẳng có căn lành chân chánh, thì không thọ trì được. Nếu như có người đời nầy tạm thời thọ trì, đọc tụng kinh điển, thì ta rất hoan hỉ, chư Phật cũng hoan hỉ. Tại sao ? Vì người nầy căn lành sâu dày, đảm đang được trách nhiệm lớn, khiến cho Phật pháp lưu truyền thế gian, làm cho chúng sinh được nghe Tam Bảo, phát tâm bồ đề, thành vô thượng đạo.

Người nầy thọ trì Kinh Pháp Hoa, được mười phương chư Phật khen ngợi, người nầy thọ trì dũng mãnh tinh tấn không giải đãi, nghiêm giữ giới luật không phóng dật. Tu hành mười hai hạnh đầu đà, thì mau chứng được quả vị Phật .

Mười hai hạnh đầu đà là :

1. Mặc y phấn tảo.
2. Chỉ có ba y.
3. Thường đi khất thực.
4. Thứ lớp khất thực.
5. Ngày ăn một bữa.
6. Tiết lượng ăn uống.
7. Quá ngọ không uống nước có chất bổ.
8. Ở nơi vắng lặng.
9. Ngồi ở nghĩa địa.
10. Ngồi ở ngoài trời.
11. Ngủ dưới gốc cây.

12. Thường ngồi không nằm.

Người tu khổ hạnh, phải giữ mười hai điều quy cụ nầy. Tại sao phải khổ như thế ? Vì con người có tâm tham. Do đó : ‘’Lòng tham muốn chẳng bao giờ ngừng‘’, tham chẳng biết chán, càng nhiều càng tốt, kết quả vọng tưởng lăn xăn, khắp nơi phan duyên ảnh hưởng sự tu đạo. Nếu tu mười hai thứ khổ hạnh, coi nhẹ thân của mình, thì không làm nô lệ cho nó, chỉ cần duy trì được sinh mạng thì được. Nếu chẳng có tâm tham, thì chẳng có vọng tưởng; nếu chẳng có vọng tưởng, thì sẽ khai ngộ.

Hay ở đời sau
Đọc trì kinh này.
Đó thật Phật tử
Ở thuần đất lành
Sau Phật diệt độ
Hay giải nghĩa kinh.
Các trời người đó
Là mắt thế gian
Ở đời sợ hãi
Nói trong chốc lát.
Tất cả trời người
Đều nên cúng dường.

Người đó khi ở đời vị lai, đọc tụng thọ trì Kinh Pháp Hoa, mới là đệ tử chân chánh của Phật, trụ ở đất lành thuần nhất, tức cũng là đất Phật.

Sau khi Phật diệt độ, thấu hiểu nghĩa lý kinh nầy, đó là con mắt của trời người. Bất cứ là trời người, nếu chẳng đọc tụng thọ trì kinh điển, thì cũng giống như người mù chẳng có mắt. Ở trong đời ác năm trược, trong thời gian chốc lát giải nói Kinh Pháp Hoa. Khi đó, tất cả trời người đều nên cúng dường vị pháp sư.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA THỨ MƯỜI HAI

Đề Bà Đạt Đa là anh em chú bác với Đức Phật, song ở đâu Ngài cũng làm ngược lại với Đức Phật. Có người nói Ngài có cừu hận với Đức Phật. Kỳ thật, Đức Phật thành đạo, Ngài thuộc về người nghịch tăng thượng duyên trợ đạo, mà đời đời kiếp kiếp Đề Bà Đạt Đa còn đến trợ giúp Phật thành tựu đạo nghiệp. Do đó, Ngài dùng nhân vật phản diện để giúp thành Phật đạo, đó là người ''nghịch trợ giúp'' vậy .

Đề Bà Đạt Đa là tiếng Phạn, dịch là ''thiên nhiệt'', vì khi Ngài tại thế thì chuyên môn phản diện để trợ giúp người, khiến cho người cảm thấy rất nhiệt não, khí trời cũng biến thành nóng bức, do nhân duyên đó mà được tên. Tại sao Ngài phải phản diện để trợ giúp Đức Phật thành đạo ? Đó cũng có một nhân duyên.

Vào thuở xa xưa về quá khứ, có một vị trưởng giả giàu có tên là Tu Đàn. Ông ta có hai người con. Người con lớn tên là Tu Ma Đề, người con kế tên là Tu Tỳ Gia.

Sau khi ông ta qua đời, thì hai người con tính toán thừa kế di sản của cha. Ông anh cả Tu Ma Đề bèn nghĩ : ''Nếu mình chia một nửa tài sản cho Tu Tỳ Gia, thì chẳng phải là mình bớt đi một nửa tài sản chăng ?'' Do đó, anh ta hẹn với người em Tu Tỳ Gia, đến núi Linh Thứu để du ngoạn. Khi đến tới đỉnh núi, thì Tu Ma Đề xô người em xuống hang núi, người em tan thân nát xương qua đời, sau đó người anh còn lấy đá đập thi thể, vì sợ người em bị thương tích không chết. Một người anh dùng phương pháp tàn ác để giết em mình, chỉ vì đoạt lấy tài sản của cha để lại. Tu Ma Đề thuở đó, tức là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn Tu Tỳ Gia tức là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa, người cha Tu Đàn tức là Vua A Xà Kỳ. Mà phẩm nầy Phật nói nhân duyên Đề Bà Đạt Đa, trợ giúp Phật thành tựu đạo nghiệp.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Bồ Tát và trời người bốn chúng : Ta ở trong vô lượng kiếp quá khứ, cầu Kinh Pháp Hoa chẳng khi nào lười mỏi. Ở trong nhiều kiếp thường làm vua, phát nguyện cầu vô thượng bồ đề, tâm chẳng thối chuyển, vì muốn đầy đủ sáu Ba la mật, tâm chẳng xan tham, nên siêng thực hành bố thí : Voi ngựa bảy báu, đất nước vợ

con, nô tì tôi tớ, đầu mắt tủy não, thân thịt tay chân, chẳng tiếc thân mạng.

Đoạn văn nầy nói về Đức Phật trong đời quá khứ, vì cầu vô thượng bồ đề. Bố thí ngoại tài, nội tài, hết thảy tất cả đều vì cấu pháp mà bố thí. Sau khi nói xong phẩm Hiện Bảo Tháp, thì Phật lại không hỏi mà nói, bảo các vị Bồ Tát và trời, người, Tỳ Kheo, Tỳ kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ : Ta ở trong vô lượng kiếp quá khứ, vì cầu diệu lý Kinh Pháp Hoa, mà luôn luôn chưa từng sinh một niệm lười mỏi giải đãi. Ở trong nhiều kiếp ta thường làm vua, ta phát nguyện cầu vô thượng bồ đề, tâm chẳng thối chuyển, muốn đầy đủ pháp môn sáu Ba la mật :

1. Bố thí : Siêng tu pháp môn bố thí, thì tâm chẳng tham lam. Phật đem hết thảy châu báu như : Ngựa báu, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, trân châu, mã não, đất nước, thành ấp, thê thiếp, con cái, nô tì, tôi tớ, những gì kẻ khác cần, Phật đều bố thí hết. Ở trên là thuộc về ngoại tài. Còn có nội tài bố thí tức là : Đầu, mắt, tủy, não, xương thịt, tay chân, chẳng có tơ hào thương tiếc thân thể và tính mạng của mình, vì cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi biển khổ mà hành bố thí .

Đức Phật vì viên mãn sáu Ba la mật, cho nên y báo, chánh báo đều cùng xả bỏ, không ngoài mục đích cầu sớm chứng quả vị Phật, đó là hành vi thực hành Bồ Tát đạo chân chánh.

2. Trì giới : Tức là không làm ác ngừa điều quấy, tức cũng là ba điều ác nơi thân : Sát hại, trộm cắp, tà dâm. Bốn điều ác nơi miệng : Nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, chưởi mắng.

3. Nhẫn nhục : Khó nhẫn mà nhãn được, dù bị người đánh đập, mắng chưởi cũng nhẫn được.

4. Tinh tấn : Bất cứ làm gì cũng đều có trước có sau, thân tâm chẳng lười mới là tinh tấn.

5. Thiền định : Tứ thiền bát định, tức là : Sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Đến cảnh giới sơ thiền, thì hơi thở chẳng còn. Cảnh giới nhị thiền, thì các mạch máu ngưng lại. Cảnh giới tam thiền, thì niệm cũng ngừng. Cảnh giới tứ thiền, thì niệm đã dứt. Sơ thiền còn gọi là Ly sinh hỷ lạc địa, cảnh giới lìa khỏi phiền não mà sinh ra khoái lạc. Nhị thiền là Định sinh hỷ lạc địa. Tam thiền là Ly hỷ diệu lạc địa. Tứ thiền là Xả niệm thanh tịnh địa. Bát định là ngoài tứ thiền ra, còn có: Không vô biên định .v.v.

6. Bát nhã : Phát ra trí huệ chân chánh của tự tánh, đoạn trừ tham sân si ba độc, thì trí huệ sẽ hiện tiền.

Nghĩa lý sáu Ba la mật rất nhiều. Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, tức là một thứ bố thí Ba la mật. Không nói hai lưỡi, là trì giới Ba la mật, không chưởi mắng là nhẫn nhục Ba la mật, không nói thêu dệt là tinh tấn Ba la mật, không tham sân là thiền định Ba la mật, không tà kiến là Bát Nhã Ba la mật.

Sáu ba la mật còn có ba lối nói : A. Đối trị. B. Tương sinh. C. Quả báu.

A. Đối trị :

1. Bố thí đối trị với xan tham.
2. Trì giới đối trị hủy phạm.
3. Nhẫn nhục đối trị sân hận.
4. Tinh tấn đối trị giải đãi.
5. Thiền định đối trị tán loạn.
6. Bát nhã đối trị ngu si.

B. Tương sinh : Trì giới thì gặp chuyện nhục nhã, sẽ nhẫn được, nhẫn được sẽ tinh tấn được, tinh tấn sẽ điều phục được năm căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, năm căn điều phục rồi, thì nhiếp được vào nơi pháp giới, nhiếp được vào pháp giới, tức là Bát nhã.

C. Quả báo : Bố thí sẽ được quả báo giàu sang, trì giới sẽ được quả báo các căn đầy đủ, nhẫn nhục sẽ được quả báo tướng mạo đoan chánh, tinh tấn sẽ được quả báo thế lực lớn, thiền định sẽ được quả báo sống lâu, Bát nhã sẽ được quả báo biện tài vô ngại.

Mỗi thứ Ba La Mật lại có mười điều lợi ích : Bố thí Ba la mật :

1. Hàng phục được phiền não xan tham.
2. Xả niệm tương tục, chân chánh hành bố thí.
3. Bình đẳng với tất cả chúng sinh, chẳng khởi tâm phân biệt.
4. Sinh vào nhà giàu sang.
5. Đời đời kiếp kiếp khởi tâm bố thí.
6. Bốn chúng kính mến.

7. Vào trong chúng không khiếp sợ, người thiện ác chẳng sinh tâm sợ hãi.

8. Danh tốt đồn khắp.

9. Tay chân mềm mại.

10. Gặp được thiện tri thức chân chánh.

''Trì giới là không làm ác ngừa việc quấy''. Không làm ác là không làm điều ác nào, ''ngừa việc quấy'' là làm các điều lành. Đừng cho rằng việc lành nhỏ mà không làm, đừng cho rằng điều ác nhỏ mà làm. Phải biết việc lành to lớn, là do việc lành nhỏ tích lũy mà thành. Do đó, trì giới thanh tịnh thì được mười điều lợi ích :

1. Viên mãn nhất thiết trí.

2. Vào sở học của Phật lấy giới làm thầy, vì kim cang quang minh bảo giới là bổn thể của chư Phật.

3. Chẳng hủy báng bậc trí, chẳng những chẳng huỷ báng người có trí huệ, mà còn khen ngợi, trước hết đừng tranh đệ nhất, phải lão lạo thật thật cung hành thực tiễn, tâm chân thì việc thật, thì tự nhiên bạn sẽ đệ nhất.

4. Thệ nguyện chẳng thối lùi, phát tâm cầu Phật đạo. Đầu mắt tủy não, thân thịt tay chân, cho đến tính mạng vĩnh viễn không thối chuyển nơi bồ đề tâm.

5. An trụ chánh hạnh, chẳng sinh tâm phan duyên, thường lợi ích kẻ khác.

6. Xả bỏ sanh tử : Xả bỏ tất cả để nhận chân tu hành.

7. Mộ niệm Niết Bàn bốn đức.

8. Tâm chẳng hà tiện, tâm chẳng bị tham sân si mạn nghi làm hại.

9. Được tam muội thù tháng.

10. Chẳng thiếu tín tài, có tín tâm là một thứ tài báu, mới sinh ra tâm bồ đề.

Nhẫn nhục chẳng dễ gì làm được, cho nên trên chữ nhẫn có cái đao cắm ở trên chữ tâm (忍), mà đao lại nhọn, đao nhọn đè trên tim (tâm), ‘’nhẫn‘’ giống như đao đâm ở trong tim, đủ thấy chẳng dễ gì nhẫn được. Nếu không dễ gì nhẫn mà nhẫn được, thì phá được quan ải nhẫn. Lúc đó, sẽ đắc được nhẫn nhục Ba la mật. Từ bờ sinh tử qua dòng phiền não, đến được bờ Niết Bàn bên kia. ‘’Nhẫn là báu vô giá, mọi người xử không tốt, nếu hay nhẫn nhục được, thì mọi việc đều tốt đẹp‘’. Bồ Tát Di Lặc lại có một bài kệ rằng :

‘’Lão quê mặc áo vá
Cơm hẩm no đầy bụng
Áo vá che rét lạnh
Vạn sự hãy tùy duyên.
Có ai mắng lão quê
Lão quê chỉ nói tốt
Có ai đánh lão quê
Lão quê nằm lăn ra.
Khạc nhổ vào mặt lão
Để nó tự khô lấy
Ta cũng chẳng nhọc sức

Họ cũng chẳng phiền não.
Đây là Ba la mật
Tức là báu trong diệu
Nếu làm được như thế
Lo gì đạo chẳng thành‘’.

Nhẫn nhục Ba la mật có mười điều lợi ích :

1. Lửa chẳng thiêu được, vì trong tâm chẳng có lửa sân, lửa bên ngoài chẳng cách gì làm hại được.

2. Đao chẳng hại được, vì bên trong chẳng có đao thương vũ khí, và tâm thương hại, nên đao thương bên ngoài cũng không làm hại được.

3. Độc không hại được, do đó có câu :

‘’Dù gặp đao nhọn vẫn ung dung,
Hoặc uống thuốc độc cũng an nhàn‘’.

Cho nên Tổ Bồ Đề Đạt Ma bị ngoại đạo hạ độc sáu lần, mà Ngài chẳng trúng độc, cũng không chết. Vì trong vô lượng kiếp về trước, Ngài tu hạnh nhẫn nhục viên mãn. Bên trong chẳng có tâm độc, bên ngoài chẳng hại được.

4. Nước ngập chẳng chết.

5. Tất cả Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều ủng hộ. Thân tướng thanh tịnh trang nghiêm, mọi người thấy, tâm đều sinh kính mến.

7. Vĩnh viễn chẳng đọa vào ba đường ác.

8. Được sinh cõi Trời Phạm Thiên.

9. Ngày đêm an lạc.

10. Thân tâm thường sinh vui mừng.

Tinh tấn tức chẳng lười biếng giải đãi, ví như khi nghe kinh thì ngủ, khởi vọng tưởng, hoặc nói chuyện với người khác, đó đều là chẳng tinh tấn. Vậy thế nào mới là tinh tấn ? Tức là chẳng tham ngủ, chẳng khởi vọng tưởng, chẳng nói chuyện với kẻ khác, tất cung tất kính, chú ý nghe kinh, mới là tinh tấn. Hơn nữa ngày đêm sáu thời chẳng có mệt mỏi, luôn luôn niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, đó là thân tâm tinh tấn. Tinh tấn có mười điều lợi ích :

1. Họ không triết phục được, vì định lực kiên cố, biện luận với bất cứ ai, chắc chắn sẽ trăm chiến trăm thắng.

2. Được Phật nhiếp hộ.

3. Được phi nhân (chẳng phải người) hộ trì, Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều đến hộ trì.

4. Nghe pháp không quên, một khi lọt qua tai chẳng bao giờ quên.

5. Chưa nghe được nghe, chẳng có cơ hội được nghe pháp thì có thể sẽ được nghe.

6. Tăng trưởng biện tài, đắc được biện tài vô ngại, hay khiến cho người nghe pháp hỷ sung mãn.

7. Được tánh tam muội.

8. Ít bệnh ít não.

9. Tâm được khinh an.

10. Hoa Lộ Ưu Ba và Hoa Ưu Đàm Bát (những thứ hoa nầy ba ngàn năm mới nở một lần), ngày ngày tăng dần. Cho nên người tu phải dũng mãnh tinh tấn, tinh tấn hóa trùng biến thành rồng.

Thiền na Ba la mật. Thiền na là tiếng Phạn, dịch là "Tư duy tu", tiếng tàu gọi tắc là thiền. Thông thường tham câu ‘’Niệm Phật là ai ?’’ Gọi là tham thiền, như dùng máy khoan để khoan lỗ, lại như mèo rình chuột. Chuột đại biểu cho vô minh của chúng ta. Tham thiền là kéo chân tâm lại, lại như là rồng giữ hạt châu, thời khắc luôn luôn tự tại tức là quán tự tại, nếu không thể quán tự tại, tức là đang khởi vọng tưởng. Do đó :

‘’Niệm dấy lên, trăm việc đều có,
Ý niệm ngừng, vạn sự đều không
Tâm ngừng niệm bặc, giàu sang thật
Lòng dục đoạn sạch, là ruộng phước‘’.

Tại sao con người bần cùng ? Vì trong tâm có tham sân si, như hố không đáy, nếu buông bỏ đặng, không phan duyên bên ngoài, không chấp trước sắc trần, đó mới là một người giàu sang thật sự.

Nếu đoạn sạch lòng tư dục, thì mới là phước báo thật sự, tham thiền cũng có mười điều lợi ích :

1. An trụ oai nghi : Tham thiền đến cảnh giới :

"Trên chẳng biết có trời
Dưới chẳng biết có đất".

''Không người, không ta, quán tự tại,
Chẳng không, chẳng sắc, thấy Như Lai''.

2. Hành từ cảnh giới : Hay từ bi nhiếp thọ giáo hoá tất cả chúng sinh.

3. Chẳng có phiền não.

4. Giữ gìn sáu căn, mắt chẳng chạy theo sắc trần, tai chẳng chạy theo thanh trần, mũi chẳng chạy theo hương trần, lưỡi chẳng chạy theo vị trần, thân chẳng chạy theo xúc trần, ý chẳng chạy theo pháp trần. Sáu căn phóng quang chấn động trời đất, trí huệ quang minh chiếu khắp ba nghìn đại thiên thế giới.

5. Thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Nghĩa là lấy niềm vui của thiền làm thức ăn, niềm vui của pháp hỷ tràn trề.

6. Lìa khỏi ái dục, tại sao con người có sinh tử ? Vì ái dục chưa đoạn, cho nên luân hồi ở trong sáu nẻo. Nếu đoạn dục khử ái, thì cửa địa ngục cũng đóng bít, chẳng đọa vào đường ác nữa. Do đó, có câu:

''Nghiệp không nặng không sinh Ta Bà
Ái không dứt không sinh tịnh độ''.

7. Tu thiền bất không : Thời khắc luôn luôn tham thiền, thì nhất định sẽ tăng trưởng huệ mạng, khai mở đại trí huệ.

8. Giải thoát ma nghiệp : Ma chẳng cách gì chướng ngại đạo nghiệp của bạn.

9. An trụ cảnh Phật, an trụ ở cảnh giới của Phật.

10. Giải thoát thành thục, chẳng quái chẳng ngại, được pháp thân thanh tịnh.

Bát Nhã Ba La Mật, ‘’Bát Nhã‘’ là tiếng Phạn, dịch là "Trí huệ". Tại sao hai chữ không đọc là ‘’Trí huệ‘’? Vì hai chữ ‘’Bát Nhã‘’ nầy, hay hình dung trí huệ siêu nhiên của Phật, khác với trí huệ mà phàm phu nói, cho nên không dịch. ‘’Bát Nhã‘’ còn bao hàm ba ý nghĩa:

A. Văn tự Bát nhã : Tất cả kinh điển của Phật nói, đều thuộc về văn tự Bát nhã.

B. Quán chiếu Bát nhã : Do văn tự Bát nhã, mà khởi quán chiếu Bát nhã, thâm nhập kinh điển Phật giáo, sau đó sinh ra quán chiếu trí huệ.

C. Do quán chiếu Bát nhã, mà đạt được thật tướng Bát nhã. Thật tướng vốn là vô tướng, song vô tướng bất tướng, nên gọi là thật tướng, tức cũng là phi không phi hữu (chẳng không chẳng có).

Văn tự bát nhã tức là có, quán chiếu bát nhã tức là không, nếu từ có mà đạt đến không, thì từ không đạt đến phi không phi hữu, được như thế thì ngộ được cảnh giới chân không diệu hữu, cho nên gọi là thật tướng Bát nhã.

Ai có trí huệ tức là Bát nhã, ai không có trí huệ thì ngu si. Nếu ai biết mình ngu si, thì bắt đầu có trí huệ. Vì tự biết mình ngu si, thì trí huệ quang minh tất nhiên hiện tiền. Nếu mình tự cho rằng mình đúng, chẳng chịu sửa đổi, thì đó chẳng có Bát nhã trí huệ.

Bát nhã tức cũng chẳng chấp trước, do đó ‘’Trí quang thường sáng‘’, nếu chúng ta tu trì Bát nhã, thì chắc chắn cũng đắc được mười điều lợi ích của Bát nhã:

1. Bố thí chẳng giữ tướng bố thí, chẳng giữ lấy tướng thọ bố thí, chẳng chấp trước, tức cũng là tam luân thể không. Nghĩa là: Người thí, kẻ nhận, vật bố thí, đều không. Nếu chẳng chấp trước về người thí và kẻ nhận, thì gọi là chẳng thủ lấy tướng bố thí. Chúng ta đừng học theo Vua Lương Võ Đế, ông ta từng hỏi Tổ Bồ Đề Đạt Ma : ‘’Tôi tạo dựng nhiều chùa, làm nhiều cầu, bố thí cho nhiều tăng chúng, vậy Ngài nói tôi có công đức nhiều bao nhiêu ?’’ Tổ Bồ Đề Đạt Ma vì chẳng thuận nhân tình, nói thật với ông ta rằng : ‘’Chẳng có công đức‘’. Kỳ thật, chẳng có công đức, tức là chẳng có chấp trước, chẳng chấp trước tức là công đức. Công đức như hư không, không thể dò lường được.

2. Chẳng y vào giới : Nếu có người cho rằng mình giữ gìn giới luật là giỏi nhất, mà còn chấp trước thì đó là sai. Vì còn chấp trước vào ngã tướng (tướng ta). Nếu không chấp trước vào trì giới, có thể không trì mà trì, trì mà vô tâm, đó mới là chân chánh trì giới.

3. Không trụ vào sức nhẫn : Chẳng chấp trước mình có sức nhẫn nhục, mới là thật nhẫn. Thật nhẫn thì thì chẳng có tâm hay nhẫn, hay nhẫn mà chẳng nhẫn, căn bản chẳng cho rằng như thế. Nếu nói ta đang nhẫn nhục, thì giống như đầu lại thêm đầu. Cho nên chân chánh tu đạo

nhẫn nhục, thì phải minh bạch tướng không của các pháp, đó mới là chân chánh tu đạo.

4. Chẳng lìa thân tâm mà tinh tấn : Thân tâm đều tinh tấn, song cũng đừng chấp trước mình suốt ngày tinh tấn. Nếu có sự chấp trước, thì chẳng phải là Bát Nhã tinh tấn. Bát nhã tinh tấn là tinh tấn, mà chẳng chấp vào sự tinh tấn, chẳng vì tinh tấn mà tinh tấn, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, hàng phục được tâm, vẫn phải lìa tướng hàng phục.

5. Thiền vô sở trụ : Tham thiền đến cảnh giới chẳng chấp trước vào đâu, thì phá được ngã (cái ta), pháp hai chấp, được đại giải thoát, cho nên gọi là Bát nhã thiền.

6. Ma không thể nhiễu loạn : Ma đến nhiễu loạn, song tâm chẳng giao động, chẳng mất chánh tri chánh kiến.

7. Lời bàn luận của kẻ khác chẳng động tâm : Ví như người chẳng có trí huệ, niệm ba ngày danh hiệu A Di Đà Phật, nghe người khác nói tu mật tông là tốt nhất, y bèn chạy theo. Nếu tâm không định, thì rất dễ chạy theo lời lẽ của kẻ khác. Tôi xin kể một câu chuyện : Xưa kia, Ngài Ngưỡng Sơn ở tại một túp lều tranh dột nát, túp lều tranh dột nát không thể che gió che mưa được. Lúc bấy giờ, tướng quốc Bùi Hưu nhìn thấy vị tu hành nầy, ở trong một túp lều tranh dột nát chẳng đành lòng. Do đó, bèn phát tâm đại bồ đề, cúng dường ba trăm lạng bạc, để tạo dựng một ngôi chùa mới. Tướng quốc Bùi Hưu đem ba trăm lạng bạc để ở trên đống cỏ ở trước cửa lều tranh rồi

bỏ đi. Ba năm sau, ông ta lại trở lại xem Ngài Ngưỡng Sơn, thì phát giác Ngài Nhưỡng Sơn vẫn ở túp lều tranh dột nát đó, ông ta nghĩ : ''Đáo để vị Hòa Thượng nầy dùng ba trăm lạng bạc để làm gì ? Sao chẳng thấy chùa đâu cả?'' Do đó, bèn hỏi Ngài : ''Lão Hoà Thượng ! Trước kia tôi cúng cho Ngài ba trăm lạng bạc, Ngài làm việc gì mà chẳng thấy đem ra làm chùa : ''Ngài Ngưỡng Sơn nói : ''Trước kia ông để ba trăm lạng bạc ở đâu, thì đến đó tìm ! ''Do đó, tướng quốc Bùi Hưu bèn đến đống cỏ xem lại, thì quả nhiên ba trăm lạng bạc vẫn còn nằm đó, mới biết lão hòa thượng nầy là một vị chân tu, kính ngưỡng vô cùng, đích thân thế Ngài làm chùa. Sau đó, đem con (Hàn Lâm) cho vào chùa xuất gia, có pháp hiệu là Pháp Hải thiền sư.

Còn có câu chuyện nữa : Thuở xưa, có hai vị sư huynh đệ phát tâm cùng tu hành với nhau, ngày ăn một bữa, chịu khổ chịu cực. Một ngày nọ, hai người đến núi Ngũ Đài, lúc đó trời đổ tuyết lớn, nên hai vị tá túc trong một túp lều dột nát. Vì chẳng có lương thực, cho nên phải chịu đói ba ngày. Lúc đó, vị sư đệ khởi vọng tưởng : ''Sư huynh là người xuất thân từ gia đình giàu có, chưa bao giờ chịu nhịn đói, lần nầy chịu đói với mình ở đây đã ba ngày, thật đáng thương ! Phải chi có ai đến cúng dường một tô mì nóng, thì tốt biết bao''. Vị đó khởi vọng tưởng như thế, thì thần thổ địa biết được cũng lo lắng. Vì thấy huynh đệ hai vị chân chánh tu hành nhịn đói đã ba ngày,

nếu không phát tâm đến trợ giúp, thì hai vị có thể sẽ chết đói. Do đó, thần thổ địa báo mộng cho một cặp vợ chồng ở sau núi, kêu họ đến cúng dường hai vị tu hành. Sáng sớm ngày thứ hai, thì cặp vợ chồng đó đem hai tô mì lớn đến cúng cho hai vị. Vị sư đệ gặp cặp vợ chồng đó đến, vui mừng cười lớn tiếng. Lúc đó, vị sư huynh biết chắt là vị sư đệ khởi vọng tưởng ăn mì, nên bèn mỏi giận nói : "Bây giờ đường ai nấy đi". Tu đạo, nếu đầy đủ công phu, thì chẳng hướng tâm bên ngoài phan duyên, mọi lời lẽ cũng chẳng làm cho tâm giao động định lực, mà vị sư huynh đó khống chế được vọng tâm hướng cầu bên ngoài.

8. Vượt qua dòng sinh tử : Đạt đến cảnh giới Niết Bàn, lìa bờ sinh tử bên nầy, mà chứng được thường lạc ngã tịnh, bốn đức Niết Bàn bời bên kia.

9. Tăng trưởng tâm từ bi.

10. Không ưa trụ ở bậc nhị thừa : Chẳng ưa thích trụ ở quả vị hàng nhị thừa, nguyện đi trên đường đại thừa, hồi tiểu hướng đại, tu pháp đại thừa Bát nhã.

Thuở đó, nhân dân sống lâu vô lượng. Vì cầu pháp mà xả bỏ ngôi vua, giao phó lại cho thái tử, đánh trống tuyên cáo, cầu pháp khắp bốn phương rằng : Ai có thể vì ta nói pháp đại thừa, thì ta sẽ suốt đời hầu hạ cung phụng người đó.

Trong vô lượng kiếp về trước, Đức Phật làm vua, lúc ấy Ngài hay xả bỏ sinh mạng tu sáu độ vạn hạnh. Thuở đó nhân dân sống rất lâu. Vì vị vua đó muốn cầu pháp, cho nên xả bỏ ngôi vua, giao phó ngôi vua lại cho thái tử. Sau đó đánh trống tuyên bố với nhân dân : ''Ta muốn đi khắp bốn phương cầu pháp, vị nào có đạo đức vì ta nói pháp đại thừa, thì ta suốt đời đem thân nầy hầu hạ, phụng dưỡng làm tôi tớ cho người đó''.

Bấy giờ, có vị tiên nhân đến bạch với vua rằng : Ta có pháp đại thừa tên là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu không làm trái ý của ta, thì ta sẽ vì nhà ngươi mà nói. Vua nghe vị tiên nói rất vui mừng hớn hở, bèn đi theo vị tiên nhân, cung phụng hái quả, gánh nước, nhặt củi, nấu cơm cho đến dùng thân mà làm giường tòa, thân tâm chẳng biết mệt mỏi, phụng sự như thế trải qua một ngàn năm, vì cầu pháp nên siêng năng cung cấp hầu hạ, khiến cho vị thiên nhân chẳng thiếu thốn gì cả.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, có vị tiên nhân đến bạch với vua rằng : ''Ta có bộ kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu nhà vua không trái lời ta dạy, thì ta sẽ vì nhà vua mà nói.'' Nhà vua nghe vị tiên Trường Thọ nói rồi, tâm rất vui mừng hớn hở, lập tức đi theo vị tiên nhân, cung phụng những gì ông ta cần, lại đến núi hái quả, gánh nước, nhặt củi, nấu cơm, cho đến dùng thân thể của Ngài để làm giường tòa cho vị tiên, làm như thế mà thân tâm chẳng sinh chút mệt mỏi nào, cứ làm như vậy trải qua suốt một ngàn năm. Vì kiên thành cầu pháp, nên chẳng khi nào giải đãi, khiến cho vị tiên nhân chẳng thiếu thốn gì ! Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa lý ở trên, nên dùng kệ để nói.

Ta nhớ kiếp quá khứ
Vì cầu pháp đại thừa
Tuy làm vua trong đời
Chẳng tham vui năm dục.
Đánh trống khắp bốn phương
Ai có pháp đại thừa
Nếu vì ta giải nói
Ta sẽ làm tôi tớ.
Bèn có tiên A Tư
Đến bạch với đại vương:

Ta có pháp vi diệu
Hiếm có ở trong đời.
Nếu mà tu hành được
Ta sẽ vì ngươi nói.

Ta nhớ lại vô lượng kiếp trong quá khứ, vì cầu pháp đại thừa, tuy làm vua của một nước lớn trong thế gian, song chẳng tham luyến sự vui của năm dục. Do đó, ta bèn đánh trống khắp bốn phương tuyên bố rằng : ''Ai hiểu pháp đại thừa, nếu vì ta giải thích nói, tuy ta là ông vua, song ta nguyện làm tôi tớ cho người đó. ''Vì Ngài cầu pháp vô thượng, lúc đó có vị thiên A Tư (tiên trường thọ) đến bạch với vua rằng : ''Ta có pháp vi diệu cao thượng nhất, pháp nầy rất hiếm có trong đời, nếu như Ngài muốn y pháp tu hành, chẳng trái lời dạy của ta, thì ta sẽ vì ngươi nói diệu pháp đó.''

Khi vua nghe tiên nói
Trong tâm rất vui mừng.
Lập tức theo tiên nhân
Cung cấp thứ cần dùng
Nhặt củi và hái quả
Theo lời cung kính dâng.
Vì muốn cầu diệu pháp

Thân tâm chẳng mệt mỏi
Khắp vì các chúng sinh
Siêng cầu pháp đại thừa.
Cũng chẳng vì thân mình
Và cầu vui năm dục
Nên làm đại quốc vương
Siêng cầu được pháp này.
Cuối cùng được thành Phật
Nên nay vì ông nói.

Lúc đó, ông vua nghe vị tiên nói, trong tấm rất vui vẻ mừng rỡ, lập tức theo vị tiên nhân, cung cấp những thứ cần dùng của vị tiên, lên núi hái củi, hái trái cây, theo thời mà cung kính hầu hạ vị tiên, tại sao phải làm như thế ? Vì ông vua muốn cầu vô thượng diệu pháp, cho nên thân tâm chẳng giải đãi để hầu hạ vị tiên. Đó chẳng phải vì lợi ích cho chính mình, mà là vì muốn minh bạch tất cả các pháp, sau đó phổ độ tất cả chúng sinh. Cho nên ông vua rất tinh tấn để cầu pháp đại thừa. Ông vua chẳng vì lợi ích thân tâm của chính mình, hoặc cầu sự vui của năm dục. Tuy là một ông vua lớn, song vì siêng cầu pháp mà cuối cùng được diệu pháp vô thượng, cho đến viên mãn vô thượng bồ đề. Hiện tại ta đem nhân duyên hành Bồ Tát đạo của ta trong quá khứ, nói ra cho các ông nghe.

Phật bảo các Tỳ Kheo ! Ông vua thuở đó, chính là thân ta, còn vị tiên đó, nay là Đề Bà Đạt Đa vậy.

Sau khi Phật nói xong bài kệ, bảo đại chúng Tỳ Kheo Tỳ kheo Ni, cư sĩ nam cư sĩ nữ rằng: Ông vua xả bỏ ngôi vua trong vô lượng kiếp quá khứ, để hầu hạ cung phụng vị tiên A Tư, tức là tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni. Vị tiên A Tư thuở đó, tức là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa. Đề Bà Đạt Đa là tiếng Phạn. ''Đề Bà'' dịch là "Thiên", ''Đạt Đa'' dịch là ''Nhiệt'', tức là ''Thiện nhiệt''. Đề Bà Đạt Đa là thiện tri thức của Đức Phật trong đời quá khứ, cũng từng làm thầy của Đức Phật. Đức Phật từng làm tôi tớ cho Đề Bà Đạt Đa, cuối cùng đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đề Bà Đạt Đa chuyên môn phản đối Đức Phật, phá hoại tăng đoàn, lập riêng ra năm pháp :

1. Suốt đời đi khất thực.
2. Suốt đời mặc y phấn tảo.
3. Suốt đời ngồi ngoài trời.
4. Suốt đời không ăn muối.
5. Suốt đời không ăn cá thịt.

Chuyên môn làm ngược lại với Đức Phật, muốn cao hơn Đức Phật một bậc. Có những Tỳ Kheo tham danh háo lợi theo Đề Bà Đạt Đa học tập. Đề Bà Đạt Đa cũng từng làm thân Phật chảy máu. Một ngày nọ, Phật đi ngang qua

núi Linh Thứu, Đề Bà Đạt Đa ở trên đỉnh núi dùng một tảng đá lớn lăn xuống núi. Lúc đó, thần hộ pháp cấp tốc đứng dậy dùng bảo chùy đập nát tảng đá, song có một mảnh đá nhỏ rớt trúng chân Đức Phật. Đề Bà Đạt Đa đã giết Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc, một vị đã chứng quả A La Hán, ông ta dùng bàn tay chưởng một cái làm cho Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc phải qua đời. Ông ta còn phá hòa hợp tăng, khiến cho chúng Tỳ Kheo bất hòa. Lại xúi vua A Xà Thế giết cha giết mẹ, cho nên ông ta phạm đủ năm tội nặng. Tuy ông ta là một vị ác tri thức, chuyên môn phá hoại Đức Phật, song tương lai ông ta cũng sẽ thành Phật. Trên thật tế thì, ông ta đã thành Phật trong vô lượng kiếp.

Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa, mà khiến cho ta đầy đủ sáu Ba la mật, từ bi hỉ xả, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, được thân màu vàng tía, mười lực, bốn vô sở úy, bốn pháp nhiếp, mười tám pháp bất cộng, thần thông, thành Đẳng chánh giác, rộng độ chúng sinh, đều do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa vậy.

Đức Phật nói : ‘’Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa đến dạy tôi, cho nên khiến cho tôi viên mãn sáu Ba la mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ). Bây giờ giải thích về sáu Ba la mật :

Bố thí Ba la mật :

1. Tu bố thí Ba la mật thì giải trừ san tham của mình.

2. Trang nghiêm tự tính bồ đề.

3. Tự lợi lợi tha.

4. Đời sau được quả lớn, tôn quý giàu có.

Trì giới Ba la mật :

1. Tu các việc thiện, diệt các nghiệp ác.

2. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.

3. Thân tâm an lạc.

4. Đời sau hưởng sự vui Niết Bàn.

Nhẫn nhục Ba la mật :

1. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.

2. Đó đây lìa sợ hãi.

3. Đời sau chẳng có tâm sân hận, được quyến thuộc hòa thuận, chẳng thọ phiền não, được vui Niết Bàn.

Tinh tấn Ba la mật :

1. Phá được tâm giải đãi.

2. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.

3. Tăng trưởng pháp lành nên lợi mình, chẳng não hại người nên lợi người.

4. Dùng đại lực, được bồ đề.

Thiền định Ba la mật :

1. Trừ tâm tán loạn.

2. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.

3. Thân tâm tịch tĩnh nên lợi mình, chẳng não hại chúng sinh nên lợi người.

4. An ổn đắc được rốt ráo Niết bàn.

Bát nhã Ba la mật :

1. Phá vô minh.

2. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.

3. Có trí huệ, nên lợi mình. Lại hay giáo hóa chúng sinh nên lợi người.

4. Được chân chánh đại trí huệ, trừ trí huệ chướng ngại.

Đức Phật viên mãn sáu Ba la mật, lại được từ bi hỷ xả, bốn tâm vô lượng. Từ hay ban vui cho chúng sinh, bi hay cứu khổ chúng sinh, hỷ khiến cho chúng sinh sinh vui mừng. Xả, khó xả bỏ mà xả bỏ đặng. Phật dùng bốn tâm vô lượng viên mãn bồ đề. Thành Phật rồi lại dùng bốn tâm vô lượng để giáo hóa chúng sinh. Phật lại được ba mươi hai tướng đại trượng phu. Tạng giáo nói rằng do tu giữ giới mà được ba mươi hai tướng, thông giáo nói rằng do tu bố thí nhẫn nhục mà được ba mươi hai tướng, biệt giáo nói rằng do tu các pháp không mà thành tựu ba mươi hai tướng, viên giáo nói rằng do thọ ký mà thành tựu ba mươi hai tướng.

Ở trên là do tạng, thông, biệt, viên giáo, nói về ba mươi hai tướng. Phật lại được tám mươi vẻ đẹp. Viên mãn báo thân của Phật hiện ra một thứ màu sắc vàng tía rất thù thắng. Phật có mười lực, bốn vô sở úy. Khi Phật thuyết

pháp thì như tiếng hống của sư tử, chẳng sợ hãi. Lại có bốn vô sở úy của Bồ Tát :

1. Tổng trì chẳng quên : Nhớ rất rõ ràng hết thảy các pháp, cho nên được khéo thuyết pháp yếu vô sở úy.

2. Biết hết các pháp : Biết thuốc nào chữa bệnh gì của chúng sinh.

3. Hỏi đáp về pháp vô sở úy.

4. Giải được sự nghi ngờ của chúng sinh, thuyết pháp vô sở úy.

Phật lại dùng bốn nhiếp pháp để nhiếp thọ chúng sinh :

1. Bố thí. 2. Ái ngữ. 3. Lợi hành: Thân khẩu ý làm việc lành. 4. Đồng sự : Cùng với chúng sinh làm cùng một việc.

Phật lại đắc được mười tám pháp bất cộng :

1. Thân chẳng lỗi : Từ vô lượng khiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp Phật đều giữ gìn pháp thân huệ mạng, chẳng có lỗi lầm, thân chẳng phạm giới giết hại, trộm cắp, tà dâm.

2. Miệng chẳng lỗi : Những gì miệng nói ra đều là diệu pháp thâm sâu vô thượng.

3. Không quên : Gọi là niệm không lỗi.

4. Chẳng có nghĩ tưởng khác : Chỉ có Phật đời đời kiếp kiếp cầu vô thượng giác đạo, chẳng có vọng tưởng và dục niệm khác.

5. Vô bất định tâm : Phật chẳng những chẳng có vọng tưởng khác, mà đời đời kiếp kiếp còn tu thiền định, cho nên có diệu định thâm sâu, tâm chẳng tán loạn.

6. Vô bất tri kỷ xả tâm : Phật biết hết thảy tất cả các pháp, song chẳng chấp trước đối với tất cả các pháp, xả bỏ tất cả các pháp, cho nên bất khả đắc.

7. Ý chẳng giảm : Phật đời đời kiếp kiếp nguyện giáo hóa chúng sinh, tiếp dẫn hữu tình, tâm chẳng thối chuyển.

8. Tinh tấn chẳng giảm : Chỉ có tinh tấn, chẳng khi nào thối lùi.

9. Niệm chẳng giảm : Nhớ pháp của tất cả chư Phật tu ba đời mà chẳng gián đoạn, luôn luôn chẳng giảm thiểu.

10. Huệ chẳng giảm : Trí huệ càng ngày càng tăng thêm.

11. Giải thoát chẳng giảm : Dần dần đắc được giải thoát, càng ngày càng tự tại.

12. Giải thoát tri kiến chẳng giảm.

13. Tất cả thân nghiệp tùy trí huệ hành.

14. Tất cả khẩu nghiệp tùy trí huệ hành.

15. Tất cả ý nghiệp tùy trí huệ hành.

16. Trí huệ quá khứ vô chướng.

17. Trí huệ vị lai vô chướng.

18. Trí huệ hiện tại vô chướng.

Mười tám pháp nầy chỉ có Phật mới có. Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn ba thừa, chẳng có cùng mười tám pháp nầy, nên gọi là mười tám pháp bất cộng.

Đức Phật lại bảo bốn chúng : Đề Bà Đạt Đa qua vô lượng kiếp sau này, sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới tên là Thiên Đạo. Phật Thiên Vương đó sống lâu ở đời hai mươi trung kiếp. Rộng vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, đều đắc được quả A la hán. Vô lượng chúng sinh phát tâm Duyên Giác, nhiều chúng sinh như số cát sông Hằng, phát tâm vô thượng đạo, được vô sinh nhẫn, cho đến bất thối chuyển.

Đức Phật lại bảo bốn chúng rằng : Đề Bà Đạt Đa từ nay cho đến vô lượng kiếp vị lai, sẽ được thành Phật, danh hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới Ngài thành Phật tên là Thiên Đạo. Phật Thiên Vương đó, trụ ở đời hai mươi trung kiếp. Thế giới của chúng ta một lần tăng một lần giảm là một kiếp. Tuổi thọ của con người cứ một trăm năm giảm xuống một tấc. Từ tuổi thọ con người tám vạn bốn ngàn tuổi, dần dần giảm xuống còn mười tuổi. Từ mười tuổi lại dần dần tăng lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Một tăng một giảm là một kiếp. Hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp.

Trong hai mươi trung kiếp, Phật Thiên Vương vì hết thảy chúng sinh rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. Lúc đó, có chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng chứng được quả vị A la Hán, vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Duyên Giác thừa, có chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, phát đạo tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Họ đều đắc được vô sinh nhẫn, đến cảnh giới bất thối chuyển.

Sau khi Phật Thiên Vương đó vào Niết Bàn, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi trung kiếp. Toàn thân xá lợi được tạo dựng tháp bằng bảy báu, cao sáu mươi do tuần, bề ngang rộng bốn mươi do tuần. Chư thiên nhân dân đều dùng các thứ hoa, hương bột,

hương đốt, hương xoa, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, ca xướng, lễ bái cúng dường tháp báu. Vô lượng chúng sinh được quả A la hán, vô lượng chúng sinh ngộ Bích Chi Phật, có nhiều chúng sinh không thể nghĩ bàn phát bồ đề tâm, đến quả vị bất thối chuyển.

Lúc đó, vị Phật Thiên Vương giáo hóa xong chúng sinh đáng được giáo hóa, cũng độ xong chúng sinh đáng được độ, viên mãn thệ nguyện của Phật đã phát, cho nên vào Niết Bàn. Khi Phật tại thế, thì chánh pháp trụ thế hai mươi trung kiếp. Sau khi Phật diệt độ, thì đem toàn thân xá lợi của Phật an trí vào trong tháp bảy báu. Tháp cao sáu mươi do tuần (biểu thị cho sáu độ), bề ngang rộng bốn mươi do tuần (biểu thị cho bốn niệm xứ). Tất cả chư Thiên, nhân dân, đều dùng các thứ hoa, hương bột, hương đốt, hương xoa, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, ca xướng, cung kính lễ bái, cung kính cúng dường tháp bảy báu.

Sau khi Phật Thiên Vương vào Niết Bàn, vẫn có vô lượng chúng sinh chứng được quả A La Hán. Vô lượng chúng sinh được quả Bích Chi Phật. Có nhiều chúng sinh không thể nghĩ bàn, phát bồ đề tâm đến quả vị bất thối chuyển.

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo ! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào, nghe Kinh Pháp Hoa Phẩm Đề Bà Đạt Đa, mà tâm tin kính thanh tịnh, chẳng sinh tâm nghi hoặc, thì chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được sinh ở trước mười phương chư Phật, chỗ được sinh về thường nghe Kinh này. Nếu sinh trong loài người, trên trời, thì được hưởng sự vui thù thắng vi diệu. Nếu sinh ở trước chư Phật, thì được hoa sen hóa sinh.

Đức Phật lại bảo các Tỳ Kheo rằng : Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam người thiện nữ, tu năm giới làm mười điều lành, nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm Đề Bà Đạt Đa, mà trong tâm chẳng có pháp ô nhiễm, tâm tin kinh thanh tịnh chẳng hoài nghi. Nếu có ai phê bình Đề Bà Đạt Đa là người ác, đó là sai lầm. Kỳ thật, Ngài thật là một vị đại Bồ Tát, chỉ bất quá Ngài hiện tướng tôn giả phản diện để giúp Phật độ người. Phải tin rằng người mà đời đời kiếp kiếp đến phản đối bạn, hoặc là người nhiễu loạn bạn, đều là đang trợ giúp bạn thành Phật. Đó cũng giống như ở trong lò đúc rèn luyện, rèn luyện đến lúc, một chút tập khí mao bệnh đều chẳng còn,

tâm tính nhu hòa. Nếu được như thế thì mới là ''Thật tin''. Nên coi những oán hận sân khuể phiền não, sẽ thành chân chánh thiện tri thức của mình, chân chánh hay sinh tâm cung kính thiện tri thức. Ví như chuông cần phải dùng dùi bằng gỗ để đánh nó, thì mới phát ra âm thanh. Vàng thật phải dùng lửa để nung mới thành vàng ròng. Hoa mai phải trải qua một phen rét lạnh mới tỏa hương thơm ngào ngạt, do đó có câu :

''Không trải qua một phen lạnh thấu xương
Sao được hoa mai thơm ngát mũi.''

Tuy nhiên Đề Bà Đạt Đa làm những điều ác, song nếu chúng ta đối với phẩm nầy, mà chẳng sinh tâm phân biệt, chẳng sinh hoài nghi, tức là chứng minh chúng ta có : Văn, tư, tu, huệ chân chánh, vĩnh viễn chẳng đọa vào ba đường ác. Luôn luôn hay cúng dường chư Phật, lại hay gần gũi Tam Bảo, được nghe diệu pháp vô thượng, và còn được sinh về cõi Phật trong mười phương, được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tức là hoa sen hóa sinh ra, chín phẩm hoa sen là cha mẹ. Nếu sinh về cõi trời thì cũng được hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Lúc đó, phương dưới đức Đa Bảo Thế Tôn, có vị Bồ Tát đi theo tên là Trí Tích, bạch đức Phật Đa Bảo để trở về bổn quốc, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát

Trí Tích rằng : Thiện nam tử ! Hãy đợi chốc lát, sẽ có Bồ Tát tên là Văn Thù Sư Lợi, có thể gặp nhau luận bàn về diệu pháp, rồi hãy trở về bổn quốc.

Lúc đó, phương dưới Phật Đa Bảo có vị thị giả đi theo Ngài, là một vị Bồ Tát tên là Trí Tích. Ngài nói với Phật Đa Bảo : ''Bây giờ con có thể về được chăng ?'' Lúc ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Trí Tích rằng : ''Thiện nam tử ! Ông nên đợi một chút nữa, trong pháp hội nầy, sẽ có một vị Bồ Tát tên là Văn Thù Sư Lợi, sẽ gặp ông cùng nhau đàm luận về đạo lý Kinh Kiệu Pháp Liên Hoa, sau đó hãy trở về !

Lúc đó, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ngồi trên hoa sen báu ngàn cánh, lớn như bánh xe, những Bồ Tát cùng đến, cũng ngồi trên hoa sen báu, từ biển Long cung Ta Kiệt La, tự nhiên vọt ra trụ ở trong hư không, đi thẳng đến núi Linh Thứu. Từ hoa sen bước xuống, đến ở trước Phật, đầu mặt kính lễ dưới chân hai vị Thế Tôn, làm lễ xong rồi, đến chỗ Bồ Tát Trí Tích cùng nhau thăm hỏi, bèn ngồi qua một bên. Bồ Tát Trí Tích hỏi

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : Ngài đến Long cung giáo hóa chúng sinh, số được bao nhiêu ? Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói : Số nhiều vô lượng, không thể tính kể, chẳng phải miệng nói được, chẳng phải tâm đo lường được, hãy đợi chốc lát tự nhiên sẽ biết.

Lúc đó, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ngồi trên hoa sen báu ngàn cánh, hoa sen lớn như bánh xe. Những vị Bồ Tát theo Ngài cùng đến pháp hộI, cũng đều ngồi trên hoa sen báu, từ biển Long cung Ta Kiệt La tự nhiên vọt ra, trụ ở trong hư không đến thẳng núi Linh Thứu, nơi Phật đang nói pháp, rồi từ hoa sen bước xuống đến ở trước Phật, năm thể sát đất, cung kính lễ lạy Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo. Lễ lạy xong, lại đến chỗ của Bồ Tát Trí Tích ngồi cùng nhau hỏi thăm, rồi ngồi qua một bên. Bồ Tát Trí Tích hỏi Bồ Tát văn Thù : ‘’Thưa Ngài ! Ngài đến cung rồng giáo hóa được bao nhiêu rồng‘’? Bồ Tát Văn Thù đáp : ‘’Rồng được độ, không thể nào tính kể được, chẳng phải miệng nói ra được, cũng chẳng phải tâm có thể dò lường được, Ngài hãy đợi một chút thì sẽ biết rõ.’’

Nói chưa dứt lời, thì có vô số Bồ Tát ngồi trên hoa sen báu, từ dưới biển vọt lên, đến núi Linh Thứu, trụ ở trong hư không.

Các vị Bồ Tát đó, đều do Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi hóa độ, đủ hạnh Bồ Tát, đều cùng đàm luận nói sáu Ba la mật. Họ vốn là hàng Thanh Văn, ở trong hư không nói hạnh Thanh Văn, nay đều tu hành nghĩa không của đại thừa. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói với Bồ Tát Trí Tích rằng : Việc giáo hóa ở trong biển là như thế.

Bấy giờ, Bồ Tát Trí Tích nói bài kệ, để khen ngợi rằng :

Đại trí đức dũng mãnh
Hóa độ vô lượng chúng
Nay trong đại hội này
Ta đều đã thấy hết.
Diễn nói nghĩa thật tướng
Mở bày pháp một thừa
Rộng độ các chúng sinh
Khiến mau thành bồ đề.

Khi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi chưa nói chưa dứt lời, thì đột nhiên có vô số Bồ Tát đại thừa, ngồi trên hoa sen báu từ dưới biển vọt lên, đến núi Linh Thứu chỗ của Phật

Thích Ca đang nói pháp, hiện ra đủ thứ thần thông diệu dụng, trụ ở trong hư không. Những vị Bồ Tát đó, đều do Bồ Tát Văn Thù giáo hóa ở trong biển, ai cũng đầy đủ hạnh Bồ Tát, cùng nhau thảo luận sáu pháp Ba la mật. Các Ngài vốn chứng quả vị Thanh Văn, song các Ngài đã hồi tiểu hướng đại, hành Bồ Tát đạo. Cho nên, các Ngài ở trong hư không trước hết nói pháp Thanh Văn thừa, vì các Ngài chưa vào sâu pháp đại thừa. Như nay tất cả hàng Thanh Văn thừa và Bồ Tát thừa, đều cùng nhau phát tâm tu hành nghĩa không của đại thừa, tức là tu hành pháp môn thật tướng của đại thừa. Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Trí Tích : ''Ngài hỏi tôi việc giáo hóa bao nhiêu chúng sinh ở trong biển, thì việc đó như thế .''

Bấy giờ Bồ Tát Trí Tích nhìn thấy chúng sinh của Bồ Tát Văn Thù hóa độ, hiện nay đều tu nghĩa không đại thừa của đại Bồ Tát. Cho nên dùng một bài kệ để khen ngợi Bồ Tát Văn Thù.

''Ngài là một vị tôn giả đầy đủ đại trí huệ, đại công đức, đại dũng mãnh, đại thù thắng, cho nên giáo hóa được vô lượng vô biên chúng sinh hành Bồ Tát đạo. Hiện tại tất cả chúng sinh ở trong pháp hội nầy, đề đã nhìn thấy hết. Ngài hay diễn nói tất cả diệu pháp, khiến cho hết thảy chúng sinh minh bạch nghĩa lý thật tướng của đại thừa. Ngài lại hay mở bày diệu pháp một thừa, rộng giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ mau thành tựu diệu quả Vô thượng bồ đề, là bậc chúng ta đáng kính tin phụng.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói : Tôi ở trong biển chỉ thường nói Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Trí Tích hỏi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi : Kinh này thâm sâu vi diệu, là báu trong các kinh, ít có ở trong đời. Nếu có chúng sinh siêng năng tinh tấn tu hành kinh này, thì mau được thành Phật chăng ? Bồ Tát Văn Thù đáp : Có con gái của Long Vương Ta Kiệt La, mới tám tuổi mà trí huệ lanh lợi, khéo biết các căn hành nghiệp của chúng sinh, được Đà la ni, hay thọ trì pháp bí tàng thâm sâu của các đức Phật nói, vào sâu thiền định, thấu hiểu thông đạt các pháp, trong khoảng sát na phát tâm bồ đề, được chẳng thối chuyển, biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sinh như con đỏ, công đức đầy đủ, trong tâm nhớ pháp, miệng diễn nói pháp vi diệu rộng lớn, từ bi đối với tất cả chúng sinh, ý chí nhu hòa, đến được bồ đề.

Bồ Tát Văn Thù nói : ‘’Tôi ở trong biển, luôn một lòng diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa’’. Bồ Tát Trí Tích

nghe rồi tâm sinh hoài nghi bèn hỏi : ‘’Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là một bộ kinh thâm sâu vi diệu không thể nghĩ bàn, cho nên gọi là bảo bối trong các kinh, rất ít có ở trong thế gian. Nếu có chúng sinh nghe được kinh nầy, và siêng năng tinh tấn tu hành kinh nầy, thì người đó chẳng phải sớm có thể thành Phật chăng‘’ ? Bồ Tát Văn Thù đáp : ‘’Ở trong biển có một Long cung, Long Vương của long cung có một người con gái mới tám tuổi, tuy tuổi nhỏ mà trí huệ rất lanh lợi. Cô ta biết tiền nhân hậu quả của chúng sinh, cô ta đắc được mười pháp Đà la ni. (Đà la ni dịch là "tổng trì". ‘’Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa.’’ Tức cũng là tổng trì thân khẩu ý thanh tịnh, thân khẩu ý chẳng phạm nghiệp ác. Pháp của Phật nói cô ta đều minh bạch). Do đó, tạng bí mật là bí pháp vì đây nói mà kia chẳng biết, vì kia nói mà đây chẳng biết, đồng nói một pháp nhưng đắc được nghĩa lý chẳng giống nhau, cho nên gọi là bí tàng. Song Long Nữ tám tuổi hay thọ trì đọc tụng và đều hiểu rõ tạng bí mật thâm sâu của chư Phật nói. Cô ta lại vào được thiền định thâm sâu, mà còn thấu rõ thông đạt các pháp, trong khoảng một sát na phát đại bồ đề tâm, được vĩnh viễn chẳng thối chuyển, được biện tài vô ngại. Song cô ta thương nhớ tất cả chúng sinh, xem tất cả chúng sinh như con đỏ, cô ta công đức viên mãn, trong tâm nhớ pháp, miệng diễn nói pháp vi diệu xâu xa. Cô ta có tâm từ hay ban vui, tâm bi hay cứu khổ, mà còn khiêm nhường ái hộ tất cả chúng sinh. Chí khí và ý niệm của cô ta đều rất nhu hòa, sớm thành tựu bồ đề.’’

Bồ Tát Trí Tích nói : Tôi thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp, làm những việc khó làm, tích lũy công đức, cầu đạo bồ đề chưa từng nghỉ ngơi. Tôi quán ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến chẳng có nơi nào nhỏ như hạt cải, mà chẳng phải là nơi Bồ Tát vì chúng sinh xả bỏ thân mạng của, rồi sau đó mới thành tựu đạo bồ đề, tôi không tin cô Long Nữ này, trong chốc lát mà được thành Chánh giác.

Bồ Tát Văn Thù nói ra việc Long Nữ sớm thành bồ đề, thì Bồ Tát Trí Tích bèn sinh nghi hoặc, liền hỏi : ‘’Tôi thấy Phật Thích Ca thành Phật, chẳng phải là việc dễ dàng. Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài làm những việc khó làm, tích lũy công đức nhỏ như hạt cát, như hạt bụi, như sợi lông. Vì cầu bồ đề mà chưa từng nghỉ ngơi. Hiện tại tôi quán khắp ba ngàn thế giới, chẳng có nơi nào nhỏ như hạt cải, như hạt bụi, mà chẳng phải là chỗ xả bỏ thân mạng của Bồ Tát, vì cứu độ tất cả chúng sinh. Sau đó, độ chúng hết rồi mới thành Phật đạo. Tôi không tin cô Long Nữ nầy trong khoảng chốc lát, mà lập tức thành Phật.

Nói chưa xong thì Long Nữ đột nhiên hiện ra ở trước, đầu mặt lễ kính đức Phật, rồi đứng qua một bên, bèn nói bài kệ khen ngợi rằng :

Thông đạt tướng tội phước
Chiếu khắp mười phương cõi
Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba mươi hai tướng.
Và tám mươi vẻ đẹp
Dùng trang nghiêm pháp thân
Chỗ trời người kính ngưỡng
Rồng thần đều cung kính.
Hết thảy loài chúng sinh
Chẳng ai không sùng bái
Lại nghe thành bồ đề
Chỉ Phật chứng biết được.
Con nói pháp đại thừa
Độ thoát chúng sinh khổ.

Tong lúc Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Trí Tích đàm luận chưa xong, thì Long Nữ đột nhiên hiện thân ở trong pháp hội, cung kính đảnh lễ chư Phật Bồ Tát, rồi lui ngồi

về một bên. Sau đó, dùng bài kệ khen ngợi đức Đa Bảo Như Lai : ''Phật thông đạt minh bạch được quả báu tội nghiệp và tướng phước thiện ác, cho nên tu phước tu huệ, mới đắc được tướng siêu nhiên thành Phật. Vì thân tâm thanh tịnh, nên trí huệ quang minh chiếu khắp mười phương thế giới vô cùng vô tận. Pháp thân thanh tịnh vi diệu không thể nghĩ bàn đó, tức được ba mươi hai tướng đại nhân, đó là vì Phật đã đầy đủ viên mãn sáu độ Ba la mật. Đức Phật lại dùng tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm pháp thân. Là chỗ kính ngưỡng của trời người, hết thảy rồng thần đều cung kính, hết thảy chúng sinh chẳng có ai mà chẳng sùng bái kính ngưỡng Phật. Tôi lại nghe cảnh giới thành Phật, chỉ có Phật mới chứng minh được, cho nên hiện tại con xiển dương giáo lý đại thừa, muốn độ thoát tất cả chúng sinh lìa khỏi biển khổ sinh tử.

Bấy giờ, Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng : Cô nói chẳng bao lâu cô đắc được vô thượng đạo, đó là việc khó tin. Vì sao ? Vì thân người nữ dơ bẩn, chẳng phải pháp khí, sao lại có thể đắc được Vô thượng bồ đề ? Phật đạo lâu xa, phải trải qua vô lượng kiếp tinh tấn siêng tu khổ hạnh, tu đủ các Ba la mật, sau đó mới thành. Hơn nữa, thân người nữ có năm điều chướng ngại : Thứ nhất

chẳng được làm Phạm Thiên Vương, thứ hai chẳng được làm Đế Thích, thứ ba chẳng được làm ma vương, thứ tư chẳng được làm Chuyển luân thánh vương, thứ năm không thể thành Phật. Sao thân nữ lại mau được thành Phật ?

Khi Long Nữ nói xong bài kệ rồi, thì Ngài Xá Lợi Phất bèn nói với Long nữ rằng : ''Cô nói việc sớm được thành Phật, thật là khiến cho người khó tin được. Tại sao chúng tôi không tin ? Vì cô là thân người nữ, mà thân người nữ chẳng thanh tịnh, có sự nhơ uế, chẳng phải pháp khí thành Phật. Tại sao có thể nói cô sớm đắc được bồ đề ? Con đường thành Phật rất là xa vời, do đó đức Phật Thích Ca ba đại A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp gieo trồng tướng tốt, chẳng biết trải qua bao nhiêu vô lượng đại kiếp, tinh tấn siêng tu khổ hạnh, mới được thành tựu Phật đạo. Hà huống thân người nữ có năm điều chướng ngại.

1. Không thể làm vua Đại Phạm Thiên, vì thân người nữ chẳng thanh tịnh.

2. Không thể làm Đế Thích.

3. Không thể làm ma vương.

4. Không thể làm Chuyển Luân Thánh Vương.

5. Không thể thành Phật.

Thân người nữ có năm điều chướng ngại như thế, sao lại có thể thành Phật ? Sao lại có thể nói thân người nữ cũng có thể thành Phật ?

Bấy giờ, Long Nữ có một hạt bảo châu, giá trị ba ngàn đại thiên thế giới, cầm dâng lên đức Phật, đức Phật bèn thọ nhận. Long Nữ bảo Bồ Tát Trí Tích và tôn giả Xá Lợi Phất rằng : Tôi cúng hạt bảo châu, đức Thế Tôn thọ nhận, việc đó có mau chăng ?

Đáp rằng : Rất mau.

Long nữ nói : Dùng thần lực của các Ngài để quán sát tôi thành Phật, còn mau hơn việc đó.

Lúc đó, trong chúng hội đều thấy Long nữ đột nhiên biến thành thân nam, đầy đủ hạnh Bồ Tát, bèn đi qua phương nam thế giới Vô Cấu, ngồi trên hoa sen báu thành Đẳng chánh giác, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, khắp vì hết thảy chúng sinh trong mười phương, mà diễn nói diệu pháp.

Kỳ thật, tôn giả Xá Lợi Phất ở trong Kinh Duy Ma Cật, đã biết chẳng có tướng nam nữ khả đắc. Song, tại sao Ngài lại ở trong pháp hội Diệu Pháp Liên Hoa hoài nghi việc Long nữ thành Phật ? Đó là vì Ngài muốn vì tất cả chúng sinh mà thưa hỏi pháp đó, sợ rằng chúng sinh sinh tâm hoài nghi đối với việc đó, chẳng tin đây là bộ Kinh Pháp Hoa, cho nên Ngài đại biểu chúng sinh thỉnh pháp. Thật ra, tôn giả Xá Lợi Phất và Bồ Tát Trí Tích, đều biết rõ chẳng có tướng nam nữ khả đắc, song một số phàm phu thấy thì có tướng nam nữ phân biệt. Cho nên, tôn giả Xá Lợi Phất cố ý biện luận với Long nữ, vì tất cả chúng sinh khai quyền hiển thật.

Lúc đó, Long nữ có một hạt bảo châu, giá trị quý hơn ba ngàn đại thiên thế giới, cô ta tay cầm hạt châu báu cúng dường đức Phật, Phật liền thọ nhận. Long nữ nói với Bồ Tát Trí Tích và tôn giả Xá Lợi Phất rằng : ''Tôi dâng cúng hạt bảo châu lên đức Phật, Phật đã thọ nhận, các Ngài nói việc đó phát sinh có mau chăng''? Các Ngài nói : ''Rất mau''! Long nữ nói : ''Dùng oai thần lực hai Ngài để quán sát tôi thành Phật, còn mau hơn so với việc tôi mới cúng dường đức Thế Tôn''. Lập tức, ở trong pháp hội đều thấy Long nữ trong khoảng sát na hiện thân người nam, viên mãn hạnh môn Bồ Tát, lập tức đi về phương nam thế giới Vô Cấu, ngồi trên tòa hoa sen báu hóa thân thành Phật.

Nếu ai muốn được hoa sen hóa thân, thì chẳng phải là việc dễ dàng, phải đầy đủ tám nhân duyên :

1. Thậm chí xả bỏ thân mạng cũng đừng nói lỗi lầm và thị phi của kẻ khác.

2. Người biến hóa quy y Tam Bảo, mà còn hóa ra tất cả súc sinh đến quy y Tam Bảo, hành Bồ Tát đạo.

3. Tất cả việc lành đều để ở trong bồ đề tâm.

4. Tu phạm hạnh thanh tịnh, không tham, không sân, không si để tinh tấn tu phạm hạnh.

5. Tạo hình tượng Phật để trên tòa sen.

6. Hay trừ ái não của chúng sinh.

7. Đối với kẻ cống cao nên khiêm nhường.

8. Không làm cho kẻ khác sinh phiền não.

Chánh giác tức là chẳng có vọng tưởng. Lúc đó, Long nữ lập tức thành Phật, đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, khắp vì tất cả chúng sinh trong mười phương, diễn nói diệu pháp vô thượng.

Bấy giờ, ở thế giới Ta Bà, hàng Bồ Tát Thanh Văn, Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều thấy Long Nữ thành Phật, khắp vì chúng hội trời người ở cõi đó nói pháp, tâm đều hoan hỉ, đều kính lễ Long Nữ. Vô lượng chúng sinh nghe pháp hiểu rõ tỏ ngộ, được không thối chuyển, vô lượng chúng sinh được thọ ký thành Phật. Thế giới

Vô Cấu có sáu thứ chấn động. Thế giới Ta Bà có ba ngàn chúng sinh được bất thối chuyển, ba ngàn chúng sinh phát tâm bồ đề, mà được thọ ký. Bồ Tát Trí Tích và Xá Lợi Phất, tất cả chúng hội đều yên lặng tin nhận.

Long Nữ đến thế giới Vô Cấu diễn nói diệu pháp, thì ở thế giới Ta Bà rất nhiều vị Bồ Tát, Thanh Văn, Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều nhìn thấy Long Nữ thành Phật. Khắp vì trời người của pháp hội đó nói pháp. Hết thảy tất cả chúng sinh đều sinh tâm hoan hỉ, pháp hỉ sung mãn, mọi người đều kính lễ Long Nữ. Vô lượng vô biên chúng sinh nghe Phật pháp, thấu triệt hiểu rõ tất cả các pháp, được quả vị bất thối chuyển, còn có vô lượng chúng sinh được thọ ký thành Phật. Ở thế giới Vô Cấu có sáu thứ chấn động : Chấn, hống, kích, dũng, động, khởi. Chấn hống kích thuộc về tiếng; động dũng khởi thuộc về hình. Người tu đạo, tu đến trình độ nào đó, thì sẽ cảm thấy sáu căn có sáu thứ chấn động nầy. Mỗi sáu thứ chấn động phân ra làm ba, cho nên có mười tám giới. Tức là phân làm sáu trần, sáu căn, sáu thức. Lúc đó, ở thế giới Ta Bà có ba ngàn chúng sinh được quả vị bất thối chuyển, đều phát tâm đại bồ đề, còn được Phật thọ ký. Bồ Tát Trí Tích và Xá Lợi Phật, tất cả pháp hội đại chúng yên lặng tin nhận thánh nghĩa.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM KHUYÊN TRÌ THỨ MƯỜI BA

Khuyên trì là gì ? Khuyên là khuyên nói, trì là phụng trì. Tức là bạn có thể dùng đủ thứ lời lẽ khuyên nói người khác, hoan hỉ đọc tụng bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy, hoặc là hoan hỉ phụng trì bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy, thì chắc chắn sẽ có công đức không thể nghĩ bàn. Nếu không tin thì đừng ngại hãy thử xem ! Một khi đọc kinh nầy, thì cảm thấy diệu không thể tả. Muốn không đọc tụng cũng không thể ngưng được. Do đó, hằng ngày đọc tụng kinh nầy, hằng ngày phụng trì kinh nầy, thì có vô lượng công đức.

Các vị hằng ngày nghe Kinh Pháp Hoa càng có vô lượng công đức. Kinh Pháp Hoa là vua trong các kinh, là kinh thành Phật. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát, A La Hán, đều khuyên nói mọi người đọc tụng thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa nầy.

Đây là một phẩm trong hai mươi tám phẩm Kinh Pháp Hoa, phẩm thứ mười ba, cho nên gọi là Phẩm Khuyên Trì Thứ Mười Ba.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết, cùng hai vạn vị Bồ Tát quyến thuộc, cùng nhau đồng đến trước đức Phật phát thệ nguyện rằng : Xin nguyện đức Thế Tôn, đừng lấy làm lo lắng, sau khi đức Phật diệt độ, chúng con sẽ phụng trì đọc tụng diễn nói kinh này.

Sau khi Đức Phật nói xong phẩm Đề Bà Đạt Đa, tiếp theo là Phẩm Khuyên Trì. Lúc đó, đại Bồ Tát Dược Vương và Đại Bồ Tát Dược Thượng, cùng với hai vạn vị Bồ Tát quyến thuộc, cùng nhau đồng đến trước Đức Phật phát thệ nguyện rằng : ''Chúng con đại chúng xin nguyện đức Thế Tôn yên tâm, đừng vì việc nầy mà lo lắng. Sau khi Thế Tôn vào Niết Bàn, chúng con đại chúng sẽ phụng trì đọc tụng bộ Kinh Pháp Hoa nầy, sẽ cung kính cúng dường bộ Kinh Pháp Hoa nầy''.

Trong quá khứ Bồ Tát Dược Vương tên là Tinh Tú Quang. Lúc ấy, có Tỳ Kheo Nhật Tạng tuyên dương truyền bá chánh pháp. Ông ta đem các thứ thuốc A lê lặc dâng lên Tỳ Kheo Nhật Tạng, và đại chúng phát nguyện đời sau, hay trị lành hai bệnh thân, tâm của chúng sinh,

đời đời làm lương y, khéo trị bệnh, có thuốc đến thì bệnh tiêu trừ. Ông ta biết rành tính thuốc thảo, mộc, kim, thạch, bốn thứ. Như cam thảo thì ngọt, hoàng liên thì đắng. Tính lạnh trị được bệnh nhiệt, tính nóng trị được bệnh lạnh.

Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát có đủ bốn vô ngại biện :

1. Pháp vô ngại biện : Nói được pháp thế gian và xuất thế gian, đối với tất cả các danh tướng, chẳng có gì mà không biết. Tuy biết tất cả các pháp, song chẳng chấp trước các pháp.

2. Nghĩa vô ngại biện : Nói phân biệt được nghĩa của các pháp, thông đạt vô ngại. Tuy biết nghĩa lý của các pháp, song chẳng chấp trước.

3. Từ vô ngại biện : Trong một lời bao hàm vô lượng nghĩa. Đối với từng lời lẽ thông đạt tự tại, viên dung vô ngại.

4. Lạc thuyết vô ngại biện : Tùy thuận sự vui thích của chúng sinh, mà thiện xảo phương tiện nói Phật pháp, cho nên gọi là Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết.

Chúng sinh đời ác sau này, căn lành dần dần bớt đi, tăng nhiều thượng mạn, tham lợi cúng dường, tăng trưởng căn chẳng lành, xa lìa giải thoát. Tuy khó có thể giáo hóa, nhưng chúng con sẽ khởi sức nhẫn nhục lớn,

đọc tụng kinh này, biên chép giải nói, đủ thứ cúng dường, chẳng tiếc thân mạng.

Chúng sinh trong đời ác năm trược chẳng tin Phật, nói Phật pháp cũng chẳng ai nghe. Tại sao ? Vì căn lành của chúng sinh dần dần giảm bớt đi, cho nên phước mỏng manh. Tuy nhiên người tăng trưởng căn lành giảm bớt, song người tăng thượng mạn thì nhiều. Như có người nói : ''Các vị có biết tôi là ai ? Tôi là Phật, chẳng những tôi đã thành Phật, mà mọi người cũng đều là Phật.'' Đó là biểu hiện tăng thượng mạn.

Thứ người đó chẳng biết hổ thẹn, đối với kinh điển của Phật nói, y chẳng hiểu một bộ kinh nào hết, vậy mà chẳng biết hổ thẹn nói mình là Phật. Thứ người đó tương lai chắt chắn sẽ đọa vào địa ngục vô gián. Tại sao tự nói mình là Phật ? Đó là vì tham đồ lợi ích, tham đồ cúng dường. Như thế thì tăng thêm căn chẳng lành, vĩnh viễn xa lìa đạo giải thoát. Giải thoát là gì ? Nói đơn giản là chẳng chấp trước những thứ gì, đắc được cảnh giới vô câu vô thúc, thân tâm tự tại.

Người tăng thượng mạn tuy khó giáo hóa, song chúng con đại chúng dùng sức đại nhẫn nhục để giáo hóa, độ thoát họ. Dùng phương pháp gì để độ ? Hoặc là đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hoặc là thuyết giảng Kinh Pháp Hoa, hoặc là biên chép ấn tống Kinh Pháp Hoa, thậm chí chẳng tiếc thân mạng để cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Thuở xưa, có vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến (tiền thân của Bồ Tát Dược Vương), Ngài phát tâm đốt thân cúng dường Phật và Kinh Pháp Hoa. Chư Phật cùng khen ngợi rằng : ''Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai''. Trí Giả đại sư đọc kinh đến chỗ nầy, đột nhiên nhập định. Ở trong định thấy pháp hội trên núi Linh Thứu chưa tan. Đức Phật Thích Ca vẫn vì các đại Bồ Tát và hàng Thanh Văn diễn nói Kinh Pháp Hoa. Cảnh giới đó thật là không thể nghĩ bàn.

Nhân tạo ra đời ác trược là do tâm trược mà ra. Nếu ai ai cũng thanh tâm quả dục, chẳng tranh, chẳng tham, chẳng cầu, chẳng ích kỷ, chẳng lợi mình, chẳng nói dối, thì tâm tự nhiên thanh tịnh, trở thành cõi tịnh độ nhân gian. Năm trược là gì ? Tức là :

1. Kiếp trược : Tuổi thọ con người vốn là tám vạn bốn ngàn tuổi, song vì phước cạn mỏng, dần dần giảm bớt mà đi vào kiếp trược. Kiếp trược vốn chẳng có thể, lấy bốn trược làm thể.

2. Kiến trược : Vì kiến giải của chúng sinh chẳng chân chánh, mê hoặc chánh kiến, trở thành kiến hoặc, tức cũng là năm lợi sử : Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến).

3. Phiền não trược : Sáu căn đối với sáu trần, bèn sinh năm độn sử (tham, sân, si, mạn, nghi) mà có đủ thứ phiền não sinh ra.

4. Chúng sinh trược : Vì ảnh hưởng thọ kiến trược và phiền mão trược, nên phước báo của chúng sinh càng tổn giảm, còn khổ báo thì dần dần tăng lên, cho nên gặp nhiều tai họa.

5. Mạng trược : Chúng sinh vì phiền não sinh, nên thân tâm ốm gầy, cho nên mạng sống ngắn ngủi.

Bấy giờ, năm trăm vị A la hán ở trong chúng, được thọ ký bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng tự thệ nguyện, ở cõi nước khác rộng nói kinh này.

Lúc đó, ở trong chúng có năm trăm vị A La Hán đều được Đức Phật thọ ký, các Ngài đại chúng cùng hướng Phật nói : ''Đức Thế Tôn ! Chúng con năm trăm A La Hán cũng tự phát thệ nguyện, đến cõi nước khác hoằng dương Kinh Pháp Hoa, chẳng khi nào lười mỏi''.

Lại có bậc hữu học, và vô học hai ngàn người được thọ ký, từ tòa ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về đức Phật phát thệ nguyện nói : Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng sẽ ở cõi nước khác, rộng nói kinh này.

Lại có Tỳ Kheo hữu học (sơ quả, nhị quả, tam quả A La Hán) và các Tỳ kheo vô học (tứ quả A La Hán), cùng

với tám ngàn người đều được Đức Phật thọ ký. Đại chúng cùng nhau từ tòa ngồi đứng dậy, cùng chắp tay hướng về Đức Phật, mà phát thệ nguyện rằng : ''Đức Thế Tôn ! Chúng con tám ngàn người, cũng đến mười phương cõi nước khác, để rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy chẳng ngừng nghỉ''.

Sơ quả A La Hán là kiến đạo vị (bậc thấy đạo). Nhị quả và tam quả A La Hán là tu đạo vị (bậc tu đạo), cho nên gọi là hữu học vị (bậc hữu học). Tứ quả A La Hán là chứng đạo vị (bậc chứng đạo), cho nên gọi là vô học vị (bậc vô học).

Tại sao ? Vì nhiều người ở thế giới Ta Bà tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, tâm sân hận ô trược siểm khúc chẳng thật.

Tại sao ? Vì người ở thế giới Ta Bà tính tình đa số rất tệ ác. Trong tâm ôm lòng cống cao ngã mạn, khinh khi mọi người. Công đức của họ vừa cạn vừa mỏng, tâm của họ sân hận nhất, ô trược nặng nhất, siểm cuống nhất, chẳng chân thật.

Chúng sinh ở thế giới Ta Bà hay kham nhẫn mọi sự khổ, lấy khổ làm vui, chẳng biết tu pháp lìa khổ được vui, suốt ngày dụng công trên sự danh lợi, bạn tranh thì tôi giành, chẳng ngừng nghỉ. Vì khởi hoặc, tạo nghiệp, cho

nên thọ quả báo. Nếu hồi quang phản chiếu, vạn duyên buông bỏ, thì tự nhiên thoát khỏi luân hồi, do đó :

''Biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ .''

Bấy giờ, dì của đức Phật là Tỳ Kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, với các Tỳ Kheo Ni hữu học và vô học sáu ngàn người, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, một lòng chắp tay chiêm ngưỡng tôn nhan đức Thế Tôn, mắt chẳng tạm rời.

Lúc đó, dì của Đức Phật, cũng là mẹ kế của Đức Phật, Tỳ Kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Đại Ái Đạo), với các vị Tỳ Kheo ni hữu học và vô học, cả thảy là sáu ngàn người cùng nhau đứng dậy, chuyên tâm chắp tay lại chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời, tựa như nhập định.

Tỳ Kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, là em gái của Ma Gia phu nhân. Sau theo Phật xuất gia trở thành Tỳ Kheo ni bậc nhất, tức là người lãnh đạo các Tỳ Kheo ni. Đương thời họ muốn xuất gia tu đạo, Phật vốn chẳng cho phép, sau tôn giả A Nan ba lần thỉnh cầu Đức Phật, cuối cùng Phật miễn cưỡng đáp ứng.

Lúc đó, đức Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di rằng : Sao lại buồn rầu mà nhìn Như Lai ! Có phải trong tâm ngươi cho rằng, ta không nói đến tên ngươi, thọ ký quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng !

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di (Tỳ Kheo ni thượng thủ) : ''Vì sao ngươi buồn rầu nhìn ta như thế ? Ở trong tâm ngươi có phải vì ta không nói đến tên ngươi, thọ ký quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác'' ? Phật hòa nhan duyệt sắc hỏi, khiến cho hàng đệ tử hòa mục khả thân, tự nhiên khởi kính.

Kiều Đàm Di ! Trước ta đã nói tổng quát, tất cả hàng Thanh Văn đều đã thọ ký. Nay ngươi muốn biết thọ ký chăng ? Đời vị lai ngươi sẽ làm đại pháp sư, ở trong sáu vạn tám ngàn các Phật pháp, và sáu ngàn vị Tỳ Kheo ni hữu học vô học, cũng đều làm pháp sư.

Đức Phật bảo Kiều Đàm Di ! Ta ở trước vừa nói tổng quát tất cả hàng Thanh Văn (nghe tiếng của Phật mà ngộ đạo), đều đã được thọ ký. Bây giờ ngươi muốn biết thì hãy chú ý nghe. Ở đời vị lai trải qua sáu vạn tám ngàn

ở trong các Phật pháp, ngươi sẽ làm đại pháp sư và sáu nghìn vị Tỳ Kheo ni hữu học và vô học kia, cũng đều làm pháp sư.

Đại pháp sư có mười đức :

1. Khéo biết nghĩa của pháp.
2. Hay rộng tuyên nói.
3. Ở trong đại chúng chẳng sợ.
4. Khéo nói phương tiện.
5. Vô đoạn biện tài.
6. Pháp tùy đức hành.
7. Đầy đủ oai nghi.
8. Dũng mãnh tinh tấn.
9. Thân tâm chẳng mệt.
10. Thành tựu sức nhẫn nhục.

Đầy đủ mười đức hạnh nầy, mới đủ tư cách xưng là đại pháp sư.

Như thế, ngươi dần dần đầy đủ Bồ Tát đạo, sẽ được thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Như thế ngươi trải qua sáu vạn tám ngàn ức chư Phật, gần gũi chư Phật, cúng dường chư Phật, dần dần đầy

đủ Bồ Tát đạo. Đến khi ba giác tròn vạn đức đầy, thì sẽ thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Như Lai. Đầy đủ mười hiệu, tức là:

Như Lai : Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác.

Ứng Cúng : Xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của chín pháp giới.

Chánh Biến Tri : Trí của Phật chiếu soi tất cả các pháp, vừa chánh lại vừa biến.

Minh Hạnh Túc : Ba minh thuộc về huệ, Năm hạnh thuộc về phước, phước huệ đều đầy đủ.

Thiện Thệ : Tu chánh đạo, vào Niết Bàn.

Thế Gian Giải : Thế và xuất thế tất cả các tướng đều thấu rõ.

Vô Thượng Sĩ : Tu đến địa vị vô tu vô chứng.

Điều Ngự Trượng Phu : Hóa đạo chúng sinh, điều phục chúng sinh.

Thiên Nhân Sư : Làm đại đạo sư của trời người.

Phật: Bậc giác ngộ.

Thế Tôn : Người tôn quý nhất của thế và xuất thế. Đầy đủ mười danh hiệu mới xưng là Thế Tôn.

Pháp môn của Bồ Tát tu là lục độ vạn hạnh. Lục độ là gì ? Tức là sáu pháp Ba la mật đến bờ kia :

1. Bố thí : Gồm có ba thứ. Thứ nhất là tài thí : Dùng của cải tiền bạc cứu tế người nghèo. Bồ Tát xả bỏ được nội tài (Đầu mắt tủy não), và ngoại tài (Đất nước vợ con), chẳng có gì mà xả bỏ chẳng đặng. Thứ hai là pháp

thí : Tức là giảng kinh thuyết pháp, đem pháp lành mà mình biết, khiến cho mọi người cũng biết, do đó có câu :

''Trong các sự bố thí,
Bố thí pháp là hơn hết.''

Thứ ba là vô úy thí : Có người gặp nguy hiểm, phải có tinh thần dũng mãnh cứu người gặp nạn, thoát khỏi cảnh khổ đầu sôi lửa bỏng .

2. Trì giới : Giới là điều răn cấm, ngưng làm ác ngừa việc quấy. Cho nên người tại gia phải giữ năm giới hoặc tám giới. Sa di phải giữ mười giới, Tỳ Kheo giữ hai trăm năm mươi giới, Tỳ Kheo ni giữ ba trăm bốn tám giới. Dù tại gia hoặc xuất gia, sau khi thọ giới Bồ Tát, phải hành Bồ Tát đạo, vì người chẳng vì mình.

3. Nhẫn nhục : Người tu đạo nhất định phải tu nhẫn nhục, nhẫn những gì người khác không nhẫn được, chịu đựng những điều người khác chịu không được, như thế mới có thể chứng được vô sinh pháp nhẫn.

4. Tinh tấn : Tức là dũng mãnh hướng về trước, chẳng giải đãi, chẳng phóng dật, tuyệt đối không lùi bước. Không thể một ngày nóng mười ngày lạnh, không thể có trước chẳng có sau. Tóm lại, phải có ý chí khiên nhẫn không lùi bước, mới có sở thành tựu.

5. Thiền định : Tức là tĩnh lự. Nghĩa là ngưng bặc hết mọi tạp niệm lăn xăn, một niệm không sinh thì trí huệ hiện tiền.

6. Bát nhã : Dịch là "trí huệ". Có trí huệ thì rõ thiện ác, thị phi, trắng đen, chánh tà, chẳng làm nghiệp ác. Trí huệ từ đâu mà có ? Có hai phương pháp : Một là tham thiền, phải tham đến khi sơn cùng thủy tận (Núi mòn nước cạn), thì sẽ có cảnh giới "liễu ám hoa minh". Thứ hai là tụng kinh, do đó có câu : ‘’Thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải‘’. (Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển).

Kiều Đàm Di ! Phật Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến đó, và sáu ngàn vị Bồ Tát, lần lượt thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật lại bảo Kiều Đàm Di ! Ngươi sẽ thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Phật, và sáu ngàn vị Bồ Tát lần lược thọ ký cho nhau. Nghĩa là vị Bồ Tát thứ nhất thọ ký cho vị Bồ Tát thứ hai, cứ như thế thọ ký cho đến sáu ngàn vị Bồ Tát, đều chứng quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

A La Hán chứng được Chánh giác, còn Bồ Tát chưa chứng được Chánh đẳng và vô thượng. Bồ Tát chỉ chứng được Chánh đẳng, chứ chưa chứng được Vô thượng. Phật đã chứng được Vô thượng, chẳng còn gì cao hơn Phật.

Bấy giờ, mẹ của La Hầu La là Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La, nghĩ như vầy : Đức Thế Tôn thọ ký, mà riêng chẳng nói đến tên tôi.

Lúc đó, mẹ của tôn giả La Hầu La (Phú chướng) Tỳ Kheo ni Gia Du Đà La (Hoa sắc), trong tâm nghĩ rằng : ''Ta với Đức Phật có danh là vợ chồng, tại sao thọ ký cho hàng Tỳ Kheo và Tỳ Kheo ni, mà riêng tên tôi chẳng đề cập đến?'' Trong tâm bà ta nghĩ như vậy, song Phật có trí huệ tha tâm thông, cho nên biết tư tưởng của bà ta, do đó có câu :

''Bao nhiêu tâm tánh của chúng sinh
Như Lai đều biết đều thấy.''

Tôn giả La Hầu La là con của đức Phật Thích Ca. Xuất gia lúc bảy tuổi, là một trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật, được xưng là mật hạnh đệ nhất. Trong quá khứ tôn giả là người tu đạo. Một ngày nọ, đang lúc tọa thiền nghe tiếng chuột kêu, bèn khởi tâm sân hận đến bít lỗ hang chuột. Sáu ngày sau mới nghĩ đến chuyện nầy, bèn khởi tâm đại bi thương xót, tâm nghĩ chuột ở trong hang chẳng phải sẽ chết đói chăng ? Do đó, mới lấy đá ra. Do quả báu đó, mà sáu năm ở trong bụng mẹ, cho nên gọi là ''Phú chướng''.

Gia Du Đà La em gái bà con với Đức Phật, dung mạo đoan chánh rất xinh đẹp, xa gần đều nghe danh, cho

nên gọi là Hoa sắc. Khi Đức Phật mười bảy tuổi, thì kết hôn với cô ta. Một ngày nọ, cô ta cầu con với Đức Phật. Phật dùng ngón tay chỉ vào bụng cô ta, thì cô ta thọ thai. Phật xuất gia sáu năm sau mới sinh La Hầu La. Lúc đó, dòng họ Thích bàn tán xôn xao, cả thành đều cho rằng Gia Du Đà La chẳng giữ đạo vợ chồng. Gia Du Đà La biểu thị sự thanh bạch ở trước công chúng tuyên bố : ''Nếu La Hầu La chẳng phải là con của thái tử Tất Đạt Đa, thì nguyện lửa lớn sẽ thiêu hủy mẹ con chúng tôi, bằng ngược lại thì lửa lớn không thể thiêu đốt mẹ con chúng tôi.'' Nói xong lập tức bồng La Hầu La nhảy vào hầm lửa. Hầm lửa lập tức biến thành ao sen, mẹ con an nhiên ngồi trên hoa sen. Lúc đó, dòng họ Thích biết Gia Du Đà La thân thanh bạch như ngọc. Sau khi trải qua sóng gió, về sau mới được mọi người cung kính. Sau đó, theo Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng nhau xuất gia tu đạo làm Tỳ Kheo ni.

Phật bảo Gia Du Đà La rằng : Ngươi ở đời vị lai, trong trăm ngàn vạn ức các Phật pháp tu hạnh Bồ Tát, làm đại pháp sư, dần dần đủ Phật đạo, sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật đó sống lâu vô lượng A tăng kỳ kiếp.

Đức Phật bảo Gia Du Đà La : Ngươi ở đời vị lai, trong trăm ngàn vạn ức các Phật pháp, tu lục độ vạn hạnh tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, tự độ độ tha, làm đại pháp sư, dần dần thành tựu Phật đạo. Ở trong nước Thiện Lương sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Phật đó sống lâu vô lượng A tăng kỳ kiếp.

Bấy giờ, Tỳ Kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La, cùng với quyến thuộc đều rất hoan hỉ, được chưa từng có, bèn ở trước đức Phật nói bài kệ rằng :

Đấng Đạo sư Thế Tôn
An ổn các trời người
Chúng con nghe thọ ký
Tâm an đã đầy đủ.

Lúc đó, Tỳ Kheo ni Đại Ái Đạo và Tỳ kheo ni Hoa Sắc, cùng với quyến thuộc được Phật thọ ký, đều rất hoan hỉ, được chưa từng có, lập tức ở trước Phật nói ra bài kệ :

Đức Thế Tôn ! Ngài là đại Đạo sư của trời người, Ngài hay khiến cho trời người được an ổn, được an lạc. Chúng con hàng Tỳ Kheo ni, nghe đức Thế Tôn thọ ký cho chúng con, ai nấy trong tâm đều an ủi chẳng cách gì hình dung được.

Các Tỳ Kheo ni nói kệ xong, bèn bạch đức Phật nói : Đức Thế tôn ! Chúng con cũng ở nơi cõi nước phương khác, rộng nói kinh này.

Các vị Tỳ Kheo ni nói xong rồi, mới bạch với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Chúng con hàng Tỳ Kheo ni, cũng ở nơi nước khác hoằng dương bộ Kinh Pháp Hoa nầy, rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy''.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn tám mươi vạn ức Na do tha các vị đại Bồ Tát. Các vị Bồ Tát đó, đều là chuyển bất thối pháp luân, đắc được các Đà la ni, bèn từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, một lòng chắp tay mà nghĩ như vầy : Nếu đức Thế Tôn dạy bảo chúng con thọ trì diễn nói kinh này, thì chúng con sẽ y theo lời Phật dạy, mà rộng tuyên nói pháp này. Lại nghĩ như vầy : Nay

đức Phật yên lặng, chẳng thấy dạy bảo, chúng ta phải làm thế nào ?

Lúc đó, đức Phật chăm chú nhìn tám vạn ức Na do tha (một trong số mục lớn nhất của Ấn Độ) các vị đại Bồ Tát. Các Ngài đều là: Vị bất thối, niệm bất thối, hạnh bất thối, chuyển bất thối đại pháp luân, chứng được Đà la ni (dịch là "tổng trì", tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa). Các vị Bồ Tát nầy; cùng nhau từ tòa ngồi đứng dậy, đều đi đến trước Đức Phật, cung kính một lòng chắp tay. Đó là biểu thị thân cung kính và tâm cung kính. Các vị đại Bồ Tát đó, cùng nghĩ như vầy : ‘’Nếu như Đức Thế Tôn dạy bảo chúng ta thọ trì diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì chúng ta đại chúng nhất định tuân theo lời Phật dạy, rộng vì chúng sinh diễn nói diệu pháp nầy.’’

Các vị Bồ Tát đó lại nghĩ như vầy : ‘’Tuy chúng ta cùng nhau phát tâm nguyện như vậy, song Phật nay lại yên lặng chẳng nói, chẳng thấy Phật dạy bảo chúng ta. Bây giờ chúng ta phải làm thế nào ? Phát nguyện hoằng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ? Hay là chờ đợi Phật dạy bảo‘’?

Bấy giờ, các vị đại Bồ Tát đó, cung kính thuận theo ý của đức Phật, và muốn đầy đủ nguyện của mình đã phát ra, bèn ở trước đức Phật làm sư tử hống, mà phát thệ

nguyện rằng : Đức Thế Tôn ! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới, để khiến cho chúng sinh, thọ trì đọc tụng biên chép ấn tống giải nói kinh này, theo như pháp mà tu hành, nghĩ nhớ chân chánh, đó đều là oai lực của đức Phật. Xin nguyện đức Thế Tôn ở nơi phương khác, trông thấy mà bảo hộ.

Lúc đó, Đức Phật chẳng nói gì cả, tám mươi vạn ức Na do tha các vị đại Bồ Tát, vì muốn cung kính tùy thuận tâm ý của Phật, và còn muốn đầy đủ đại nguyện của mình đã phát ra. Mới cùng nhau ở trước Đức Phật làm sư tử hống (tiếng đại vô úy) mà phát thệ nguyện rằng : ‘’Đức Thế Tôn ! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con đại chúng, sẽ đi đến khắp mười phương thế giới, khiến cho chúng sinh thọ trì, biên chép, ấn tống, diễn nói, bộ kinh nầy. Chúng con giảng giải nghĩa lý bộ kinh nầy, khiến cho chúng sinh minh bạch y chiếu theo nghĩa kinh mà tu hành, luôn thường nghĩ nhớ. Chúng con khiến cho chúng sinh chẳng quên bộ kinh nầy, đó đều là nhờ đại oai thần lực của Phật mà thành tựu. Xin nguyện đức Thế Tôn từ bi ở phương khác, trông thấy Bồ Tát chúng con và chúng sinh, bảo hộ Bồ Tát chúng con và chúng sinh.

Tức thời, các vị Bồ Tát cùng nhau phát ra tiếng, mà nói kệ rằng :

Xin nguyện Phật đừng lo
Sau khi Phật diệt độ
Trong đời ác sợ hãi
Chúng con sẽ rộng nói.
Có những kẻ vô trí
Miệng ác chưởi mắng thảy
Dùng đao gậy đánh đập
Chúng con đều nhẫn nhịn.

Lúc đó, hết thảy các vị đại Bồ Tát cùng nhau phát ra tiếng, khác miệng cùng lời nói ra bài kệ dưới đây.

Chúng con đại chúng, xin nguyện Đức Thế Tôn phóng tâm, đừng lo lắng chẳng có ai hoằng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Hiện tại chúng con phát nguyện hoằng dương bộ kinh nầy. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, ở trong đời ác sợ hãi, chúng con sẽ rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Nếu như có người chẳng có trí huệ, làm những hành vi thô bạo, mắng chưởi hoặc dùng đao gậy đánh người, chúng con sẽ tiếp nhận sự ngược đãi của họ, chúng con tu pháp môn nhẫn nhục sẽ nhẫn nhịn.

Nếu có người mắng bạn, mà bạn chẳng tiếp nhận (chẳng đếm xỉa gì đến họ), thì sự mắng chưởi đó sẽ trở về

người đó. Giống như có người mang quà tặng đến cho người nọ, song người nọ chẳng tiếp nhận, thì quà tặng đó trở về người tặng quà, cũng đồng lý ấy. Lại như có người, ngửa mặt lên trời phun nước miếng, muốn làm dơ trời, cuối cùng nước miếng rơi vào mặt người đó, tự thọ lấy hậu quả.

Công phu nhẫn nhục của Bồ Tát Di Lặc tu đã đến nhà, có người nhổ nước miếng lên mặt của Ngài, song Ngài chẳng phản ứng, cũng chẳng dùng tay lau chùi, để cho nó khô tự nhiên. Nếu ai ai cũng có công phu hàm dưỡng như vậy, thì trên thế gian chẳng có sự việc tranh giành phát sinh.

Người thông minh đều có sự tu dưỡng, bị người chưởi mắng thì xem như là họ ca hát, được như thế thì mọi sự đều thành công, do đó có câu :

''Nhẫn phiến khắc phong bình lãng tịnh
Thối nhất bộ hải khoát thiên không''.

Nghĩa là :

''Nhịn một chút gió yên sóng lặng
Lùi một bước biển êm trời xanh''.

Như thế thì tiêu dao tự tại biết bao !

Chẳng những bị chưởi mắng phải nhẫn nhịn, mà dù bị giết bằng đao, bị đánh bằng gậy, cũng phải nhẫn chịu, đó là tác phong của Bồ Tát. Có người nói : ''Tôi là Bồ đề tát đỏa''. Song, bị người mắng chưởi thì lửa vô minh nổi

dậy cao đến ba trượng, liều mạng sống chết, đó là Bồ Tát gì ?

Tỳ Kheo trong đời ác
Tà trí tâm siểm khúc
Chưa chứng nói đã chứng
Tâm ngã mạn đầy dẫy.
Hoặc có vị Tỳ kheo
Mặc nạp y chỗ vắng
Tự cho hành chân đạo
Khinh khi người nhân gian.

Tỳ kheo và Tỳ kheo ni ở trong đời ác năm trược, trong tâm của họ có tư tưởng tà tri tà kiến, xem mọi người chẳng bằng mình, cảm thấy mình giỏi hơn người, trong mắt chẳng xem ai ra gì. Loại người có tà trí huệ chẳng có chánh trí huệ nầy, dạy họ giảng kinh thuyết pháp, thì họ giảng chẳng thông nói chẳng rõ, song đối với việc rượu chè cờ bạc, thì họ chẳng học mà tự thông.

Tâm tánh của họ siểm khúc. Siểm là siểm nịnh, thấy người có tiền có thế, thì sinh tâm phan duyên, nói những lời ngọt ngào, khiến cho họ sinh tâm hoan hỉ. Tại sao ? Đó là vì tham đồ danh văn lợi dưỡng. Khúc là quanh co, chẳng nói lời ngay thẳng với người, nói lời giả dối. Đó là hành vi của kẻ tiểu nhân, chẳng phải là tác phong của quân tử.

Có những người tu đạo, chẳng đắc đạo mà nói với mọi người rằng mình đã chứng đạo, chẳng chứng quả mà nói đã chứng quả, đó là chưa được nói đã được, chưa chứng nói đã chứng. Phạm đại vọng ngữ thì tương lai chắc chắn phải đọa vào địa ngục cắt lưỡi.

Người phạm mao bệnh cống cao ngã mạn, chẳng xem ai ra gì cả, ngã mạn đầy dẫy trong tâm, nói mình là Phật, nói mình khai ngộ, tự mình tuyên truyền quảng cáo khắp nơi. Tại sao ? Vì tâm phan duyên đang tác quái, hy vọng có người đến cúng dường.

Hoặc có Tỳ Kheo ở nơi A lan nhã (nơi vắng lặng), mặc y phấn tảo mà tu ở nơi vắng lặng. Tự nói mình đang tu chân đạo : ‘’Ta là Tăng tu khổ hạnh, ta là cao Tăng hành đạo‘’, càng khinh khi người giảng Kinh Pháp Hoa.

A lan nhã là nơi chẳng có tiếng ồn ào, là nơi người tu khổ hạnh ở, tức cũng là nơi cách xa thành thị huyên náo, nơi tĩnh tâm tu hành. Ban đêm họ ngồi thiền dưới gốc cây chẳng ngủ. Y phấn tảo là y vá, cũng là y phục của người xuất gia mặc. Người xuất gia phải trừ tâm tham, cho nên chẳng mặc y phục tốt, thứ y phục nầy dùng vải cũ may thành, rất dễ rách nát. Do đó, chỗ nào rách thì vá chỗ đó, do đó có câu : ‘’Thiên châm vạn tuyến bổ nạp y‘’. Nghĩa là ‘’Ngàn đường kim vạn sợi tơ vá y rách‘’. Nạp y còn biểu thị năm tuổi tu đạo. Còn gọi là y phấn tảo, là y lượm ở trong đống rác, dùng nước giặc sạch rồi may thành y.

Vì tham trước lợi dưỡng
Nói pháp với cư sĩ
Để người đời cung kính
Như lục thông La Hán.
Người đó ôm lòng ác
Thường nhớ việc thế tục
Giả danh A lan nhã
Chuyên nói lỗi của người.

Những Tỳ Kheo ác có tâm tham đồ lợi dưỡng, vì người tại gia nói pháp. Nói pháp chẳng phải là chân đạo, song làm giả dạng để được người đời cung kính, giống như cung kính bậc A La Hán đã chúng lục thông.

Tỳ Kheo ác tính thường ôm lòng ác độc, ác ý hủy báng pháp sư giảng nói Kinh Pháp Hoa, song ông ta luôn luôn nghĩ nhớ đến việc thế tục, làm thế nào mới có thể thành tựu danh lợi ? Làm thế nào mới có người cúng dường ? Cho nên phan duyên khắp nơi, hóa duyên các nơi. Họ mượn danh nghĩa giả, ở chỗ vắng vẻ. Kỳ thật, họ tham đồ danh văn lợi dưỡng mà thôi. Họ tự cho rằng họ là thanh cao, mà chuyên môn nói lỗi của người thuyết pháp, đó là hành vi của vi trùng ở trong thân của sư tử.

Tông chỉ của tôi (Hòa Thượng Tuyên Hóa) là :

‘’Dù chết lạnh chẳng van xin
Dù chết đói chẳng cầu xin

Dù nghèo chết chẳng cầu cạnh.
Tùy duyên mà không đổi,
Không thay đổi mà tùy duyên.
Ôm chặt ba tông chỉ của chúng ta
Xả bỏ thân mạng làm Phật sự
Tạo mạng là việc gốc
Nuôi mạng chân chánh là việc Tăng
Gặp việc thì rõ lý
Rõ lý tức là việc
Giữ gìn tổ sư một mạch tâm truyền.''

Mà nói như thế này
Các vị Tỳ Kheo đó
Vì tham cầu lợi dưỡng
Nói luận nghị ngoại đạo.
Tự làm kinh điển này
Dối gạt người thế gian
Vì cầu danh cầu lợi
Phân biệt nói kinh này.

Người đó nói kinh nầy : ''Những vị Tỳ kheo đó, họ vì tham đồ lợi dưỡng, cho nên vì chúng sinh nói lý luận của ngoại đạo. Họ tự làm bộ kinh Pháp Hoa nầy, mục đích là lường gạt người thế gian, vì cầu danh lợi, cho nên phân biệt để diễn nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Ngoại đạo : Tức là người tu hành, cầu pháp bên ngoài tâm. Lúc Đức Phật còn tại thế, ở Ấn Độ có sáu thứ ngoại đạo, học thuyết của họ không ngoài nói về đoạn về thường, bác vô nhân quả, tự nhiên thành tựu. Cho nên hình thành hai chủ nghĩa lớn : Một là phái hưởng thụ, hai là phái khổ hạnh, song đều chẳng cứu kính.

Thường ở trong đại chúng
Muốn hủy báng chúng ta
Hướng quốc vương đại thần
Bà la môn cư sĩ.
Và chúng Tỳ Kheo khác
Phỉ báng nói ta ác
Người đó kẻ tà kiến
Nói luận nghị ngoại đạo.

Người đó, thường ở trong đại chúng, vì muốn hủy báng chúng con, nên thường nói với quốc vương và đại thần, thường nói với hàng Bà la môn, cư sĩ và chúng Tỳ Kheo khác. Nói cái gì ? Nói vị pháp sư giảng nói Kinh Pháp Hoa là người tà tri tà kiến, chuyên môn giảng nói luận nghị của ngoại đạo, chẳng phải là Phật pháp chân chánh.

Chúng sinh vào thời mạc pháp, chẳng có mắt lựa chọn pháp, bạn nói với họ pháp thật, thì họ cho là giả. Nếu bạn nói pháp giả, thì họ cho là pháp thật, đó tức là

điên đảo. Chẳng phân biệt được rõ ràng thật giả, thiện ác, chánh tà, trắng đen.

Bà la môn là một trong bốn dòng dõi của Ấn Độ, thờ phụng trời Phạm Thiên, tu hạnh thanh tịnh. Khi nhi đồng đến bảy tuổi, thì ở nhà học tập kinh điển, đến mười lăm tuổi, thì có thể ra ngoài học giáo lý Bà la môn, đi cầu học các nơi. Bốn mươi tuổi thì trở về nhà kết hôn, sinh con nối dòng, ''Truyền tông tiếp đại'', năm mươi tuổi thì vào núi tu đạo.

Vì chúng con kính Phật
Phải nhẫn các việc ác
Họ nói lời khinh khi
Các ông đều là Phật.
Lời khinh mạn như thế
Chúng con đều nhẫn nhịn
Trong đời ác kiếp trược
Có nhiều việc kinh hãi.

Chúng con đại chúng vì cung kính Đức Phật, dù những người ác gây ra đủ thứ chuyện ác, song chúng con đều phải nhẫn nhịn, chẳng biện luận với họ, cũng chẳng để ý đến lời nói phá hoại của họ. Những người đó ít xít cho nhiều, dùng lời nói tâng bốc nói chúng con : ''Các ông đều là Phật''. Những lời nói khinh mạn như thế, chúng ta đều phải nhẫn nhịn. Ở trong đời ác năm trược có

nhiều việc đáng sợ hãi, để nhiễu loạn thân tâm người tu đạo, khiến cho chẳng thanh tịnh, rất dễ mất đạo tâm.

Ác quỷ nhập thân họ
Mắng chưởi hủy nhục con
Chúng con kính tin Phật
Phải mặc giáp nhẫn nhục.
Do vì nói kinh này
Nhẫn các việc khó đó
Con chẳng tiếc thân mạng
Chỉ tiếc đạo vô thượng.

Vào thời đại mạc pháp, ma mạnh pháp yếu. Ma quỷ nhập vào thân người tác quái. Có người hỏi : ‘’Ác ma sao có thể nhập vào thân người được‘’? Vì tâm con người bất chánh, thường sinh tà niệm, cho nên dễ làm cho ma quỷ nhập vào. Quảng đông có câu rằng : ‘’Quỷ trong thân‘’. Quỷ mà đã nhập vào thân người rồi, thì người đó chẳng còn làm chủ được nữa, chẳng còn tri giác, bị ma quỷ chi phối. Ác quỷ lợi dụng miệng của họ nói những lời tiên đoán tựa như đúng, nhưng là sai, người chẳng có trí huệ rất dễ bị lừa.

Trước kia, tôi có gặp một cô gái bị quỷ nhập. Cô ta nói cô ta là Bồ Tát, tôi nói với cô ta : ‘’Bồ Tát cái gì cũng biết, sao cô chẳng biết gì hết‘’? Cô ta chẳng có lời nào để nói bèn bỏ đi. Bây giờ rất dễ mạo xưng là thánh nhân, đi

khắp nơi tuyên truyền mình là Phật, là Bồ Tát. Kỳ thật, đó là quỷ trong thân mình, mà mình chẳng biết mà thôi. Những người tà đó, đi khắp nơi vì chúng sinh nói pháp giảng đạo, giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh lầm vào đường tà.

Quỷ ở trong thân ác Tỳ Kheo, chuyên môn mắng chửi hủy nhục chúng con, nói pháp sư giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là ngoại đạo. Chúng con đại chúng vì cung kính Phật, tín ngưỡng Phật, cho nên thường mặc áo giáp nhẫn nhục, để bảo hộ huệ mạng của chúng con. Vì hoằng dương Kinh Pháp Hoa, lưu truyền ở đời, cho nên vui lòng nhẫn nhịn đủ thứ những việc khó nhẫn. Vì tuyên nói bộ kinh nầy, mà chúng con chẳng thương tiếc thân mạng của mình, chỉ muốn bảo hộ bộ kinh nầy, thương tiếc đạo vô thượng.

Chúng con đời vị lại
Hộ trì Phật phó chúc
Thế Tôn sẽ tự biết
Tỳ Kheo đời ác trược.
Chẳng biết Phật phương tiện
Tùy nghi mà nói pháp
Miệng ác còn nhăn nhó
Thường thấy đuổi họ ra.
Xa lìa nơi chùa tháp

Những việc ác như thế
Vì nhớ lời Phật dạy
Nên đều phải nhẫn nhịn.

Chúng con đại chúng ở đời vị lai, giữ gìn lời phó chúc của Phật, hộ trì bộ Kinh Pháp Hoa nầy. Đức Thế Tôn ! Ngài chắc chắn sẽ biết, Tỳ Kheo ác ở trong đời ác năm trược chẳng biết pháp môn phương tiện của Phật nói, mới thuận theo căn cơ của chúng sinh mà nói tất cả các pháp. Họ dùng miệng ác hủy báng, biểu tình nhăn nhó, cău mày. Nhiều lần đuổi Tỳ Kheo lánh xa lìa chùa tháp. Những việc ác như thế, thật làm cho con người khó nhẫn nhịn. Song chúng con thường nhớ lời Phật dạy, cho nên mọi việc ác, chúng con đều phải nhẫn nhịn, tuyệt đối chẳng nổi sân với Tỳ Kheo ác.

Các xóm làng thành ấp
Nếu có người cầu pháp
Con đều đến chỗ họ
Nói pháp của Phật nói.
Con là sứ của Phật
Trong chúng đều chẳng sợ
Con sẽ khéo nói pháp
Xin Phật hãy yên lòng.

Con ở trước Thế Tôn
Và chư Phật mười phương
Phát thệ nguyện như thế
Phật tự biết tâm con.

Ở trong các xóm làng thành ấp, nếu có người thỉnh cầu Phật pháp, thì con đều đến chỗ của họ, để vì họ diễn nói pháp của Phật nói, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Con là sứ giả của Phật, phàm là việc của Phật, con đều đi làm. Ở trong đại chúng đạo tràng, vì nói Kinh Pháp Hoa nên con chẳng có sợ hãi. Con sẽ khéo nói pháp, phân biệt tất cả nghĩa lý thật tướng của các pháp. Xin nguyện Phật hãy yên lòng, đừng lo lắng việc hoằng dương Kinh Pháp Hoa.

Chúng con ở trước đức Thế Tôn, ở trước mười phương chư Phật phát thệ nguyện như thế, chắc chắn Phật sẽ biết tâm nguyện của con. Tâm nguyện của con là bảo hộ thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoằng dương Kinh Pháp Hoa, biên chép ấn tống Kinh Pháp Hoa, cúng dường Kinh Pháp Hoa, đó là đại tâm nguyện của chúng con đại chúng.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM AN LẠC HẠNH THỨ MƯỜI BỐN

An lạc hạnh tức cũng là Bồ Tát hạnh, thân tâm của Bồ Tát đều ở nơi đạo bồ đề và thích hành Bồ Tát đạo. Ở trước, Phẩm Pháp Sư, Phẩm Đề Bà Đạt Đa và Phẩm Khuyên Trì đều rất quan trọng, song phẩm nầy còn quan trọng hơn, làm sao để được an lạc ? Phải ngồi tòa Như Lai, mặc y Như Lai, vào nhà Như Lai. Tu an lạc hạnh là con đường Bồ Tát phải đi qua.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương tử bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Các vị Bồ Tát đó rất khó có được, vì kính thuận lời Phật dạy, mà phát thệ nguyện lớn, ở trong đời ác hộ trì đọc tụng diễn nói Kinh Pháp Hoa này.

Lúc đó, Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn, dịch là ''Diệu đức'' hoặc là ''Diệu cát'', vì Bồ Tát nầy ra đời, thì có mười điều cát tường. Ngài tu hạnh Bồ Tát thì : Chẳng nói dối, chẳng giết hại, chẳng trộm cắp, giữ giới rất cẩn thận. Lấy gì để chứng mình Ngài giữ giới chẳng trộm cắp ? Một lần nọ, Ngài nói với các vị Bồ Tát khác rằng : ''Từ khi tôi phát tâm tu hành đến nay, tôi đều giữ giới trộm cắp, cho nên bây giờ chẳng có ai ăn cắp của tôi bất cứ những gì. Chẳng những chẳng có ai lấy đồ của tôi, mà dù tôi để vật quý giá ở giữa đường, cũng chẳng ai đến lấy''. Người nghe thì không tin, phải đưa ra bằng chứng thật tế, chứng minh Ngài Văn Thù nói có thật chăng ? Ngài Văn Thù đem một hạt châu quý giá, để ở giữa ngã tư đường kỳ hạn ba ngày, để xem thử có ai đến lấy chăng ? Nơi đó kẻ qua người lại tấp nập. Quả nhiên, ba ngày sau hạt châu vẫn còn nguyên chỗ cũ. Các vị Bồ Tát mới tin Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, thuở xưa giữ giới trộm cắp thanh tịnh, cho nên đời nay chẳng có ai ăn cắp đồ của Ngài.

Bồ Tát Văn Thù có đại trí huệ, từ khi Ngài bắt đầu hành Bồ Tát đạo đến nay, chuyên tu về Bát Nhã, văn tự Bát nhã, quán chiếu Bát nhã, thật tướng Bát nhã ba thứ Bát nhã, cho nên được đại trí huệ. Thuở xưa, khi Đức Phật Thích Ca chưa thành Phật, cũng từng theo pháp sư Diệu Quang học Phật. Pháp sư Diệu Quang tức cũng là Bồ Tát Văn Thù. Do đó, người tu hành thọ giới rồi phải giữ gìn giới luật, nếu không giữ giới luật, thì tương lai thành đạo quả cũng chẳng chân thật.

''Pháp Vương tử'', Phật là đấng Pháp Vương, là vua của các pháp. Bồ Tát là con của đấng Pháp Vương, tức là ''Pháp Vương tử''. Đại Bồ Tát Văn Thù nói với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Hiện tại các vị Bồ Tát đại thệ nguyện ở trước mặt Ngài, rất khó có được. Các vị đó đều kính trọng thuận theo lời của Phật dạy, mà phát thệ nguyện lớn, ở trong đời ác thực hành điều mà người khác làm không được, nhẫn những gì người khác nhẫn không được, ở đời sau hộ trì đọc tụng diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy.''

Hiện tại chúng ta đang giảng Kinh Pháp Hoa, chắc chắn có vô số Bồ Tát đến hộ trì đạo tràng, vì thuở xưa các Ngài từng phát thệ nguyện, muốn hộ trì bộ kinh nầy. Như Đức Đa Bảo Như Lai từng phát nguyện, phàm nơi nào có giảng nói Kinh Pháp Hoa, thì Ngài sẽ đến làm chứng minh.

Đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát làm thế nào để diễn nói được kinh này ? Đức Phật bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi : Nếu đại Bồ Tát ở trong đời ác trược, muốn nói kinh này, thì phải an trụ vào bốn pháp. Một là an trụ vào nơi thực hành, và nơi gần gũi của Bồ Tát, thì có thể vì chúng sinh diễn nói kinh này.

Đức Thế Tôn ! Hết thảy đại Bồ Tát muốn hoằng dương kinh nầy, trong đời vị lai đầy dẫy những chuyện

ác, ai ai cũng tranh giành, người tranh với người, nhà nầy tranh với nhà kia, nước nầy tranh với nước nọ, thế giới nầy tranh với thế giới kia, thậm chí tinh cầu tranh với tinh cầu. Cho nên, loài người muốn di cư lên mặt trăng, người ở mặt trăng lại muốn xuống trái đất. Như ở trong đời ác nầy, làm sao có thể nói được Kinh Pháp Hoa ? Phật bảo Bồ Tát Văn Thù rằng : ''Nếu có đại Bồ Tát phát tâm hoằng dương kinh nầy, ở trong đời ác muốn nói Kinh Pháp Hoa nầy, thì phải an trụ vào bốn pháp : Một là an trụ vào nơi Bồ Tát thực hành, an trụ vào sáu Ba la mật, hoặc mười Ba la mật (Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, phương tiện, nguyện, lực, trí, và thân cận cảnh giới của Bồ Tát, thì mới diễn nói được kinh nầy.

Văn Thù Sư Lợi ! Thế nào gọi là nơi đại Bồ Tát thực hành ? Nếu đại Bồ Tát trụ ở sức nhẫn nhục, nhu hòa, khéo thuận chẳng thô bạo, tâm cũng chẳng kinh sợ. Hơn nữa, nơi các pháp vô sở hành, mà quán các pháp như thật tướng, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt. Đó gọi là nơi Bồ Tát thực hành. Thế nào gọi là nơi đại Bồ Tát gần gũi ? Đại Bồ Tát chẳng gần gũi nhà vua, thái tử, đại thần, quan lớn.

Văn Thù Sư Lợi ! Thế nào là nơi đại Bồ Tát thực hành ? Nếu Bồ Tát tu hành pháp môn nhẫn nhục, trụ ở sức nhẫn nhục, hay nhu hòa khéo thuận, chẳng thô bạo.

Thuở xưa, khi Đức Phật Thích Ca làm Tiên Nhân nhẫn nhục, thì bị vua Ca Lợi chặt đứt chân tay, song Ngài chưa từng sinh một niệm sân hận, tức là thật sự trụ ở sức nhẫn nhục.

Thực hành hạnh nhẫn nhục phải làm đến cảnh giới ''Vô nhẫn'', nhẫn mà chẳng chấp trước, làm đến có cũng như không, thật cũng như hư, mới gọi là thật nhẫn. Có người mắng bạn, nếu bạn chấp trước nhẫn nhịn họ mắng bạn, nếu bạn chấp trước nhẫn nhịn họ mắng chưởi, thì đó là có sự chấp trước. Nếu không chấp trước, thì vốn chẳng có tâm niệm bị người mắng chưởi, hoàn toàn chẳng có việc gì hết, mới gọi là thật nhẫn. Có người hỏi : Tức là nhẫn mà không nhẫn, sao Phật Thích Ca lại nhớ, Ngài thuở xưa làm tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục, thì bị vua Ca Lợi chặt tứ chi ? Kỳ thật, Phật là nhớ mà không nhớ.

Người bị người mắng chưởi thì nổi lửa vô minh, lửa vô minh hay thiêu hủy sạch rừng công đức. Đại Bồ Tát tu hạnh nhẫn nhục, phải nhu hòa khéo thuận chẳng thô bạo, đầy đủ định lực chẳng có sự kinh hãi. Đại Bồ Tát nơi tất cả các pháp đều chẳng chấp trước, hành mà chẳng hành, hành sở vô sự, vì Ngài quán các pháp đều không. Một số người nghe tất cả các pháp không, thì chẳng tu hành. Bồ Tát biết tất cả pháp không mà vào thật tướng, không hành không phân biệt, ở trên là nơi thực hành của đại Bồ Tát.

Thế nào là nơi gần gũi của đại Bồ Tát ? Đại Bồ Tát chẳng cầu xin nơi nhà vua, thậm chí chẳng qua lại với thái tử, đại thần, quan lớn.

Người tu hành chẳng chủ động phan duyên họ, song nếu họ tự động đến chùa lễ Phật, thì bạn theo như pháp mà nói pháp. Song không thể bày cách dẫn dụ kẻ quyền quý đến chùa, nếu không thì cũng là phan duyên. Lục Tổ Huệ Năng nhiều lần được Võ Tắc Thiên thỉnh vào cung cúng dường, song Ngài đều từ chối. Tứ Tổ Đạo Tín cũng nhiều lần được vua Đường Thái Tông thỉnh vào cung, nhưng Ngài đều cự tuyệt, đủ thấy các Ngài giữ lời dạy bảo trong Kinh Pháp Hoa, chẳng phan duyên với kẻ quyền quý.

Chẳng gần gũi với các ngoại đạo, phạm chí, ni kiền tử, và viết sách vở thế tục, đọc ngâm nga sách ngoại đạo, cùng lộ già gia đà, nghịch lộ già gia đà, cũng chẳng gần gũi những kẻ hung ác, giễu cợt, đánh đập lẫn nhau, và na la thảy, các thứ kịch biến hiện. Lại chẳng gần gũi hạng chiên đà la, và kẻ nuôi heo dê gà chó, săn bắn chài lưới, các luật nghi ác. Những người như thế, hoặc khi

họ đến, thì vì họ nói pháp, đừng mong cầu gì cả.

Lại nữa, đừng gần gũi với những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cầu quả vị Thanh Văn, cũng chẳng thăm hỏi. Nếu ở trong phòng, hoặc đi kinh hành, hoặc ở trong giảng đường, thì không nên ở chung với họ. Nếu họ đến, thì tùy nghi nói pháp, đừng mong cầu gì cả.

Đại Bồ Tát tuyệt đối chẳng gần gũi với kẻ ngoại đạo phám chí (người xuất gia ngoại đạo), ni kiền tử (là một trong chín mươi sáu phái ngoại đạo, dịch là "ly hệ", nghĩa là sẽ được giải thoát, mà chưa được giải thoát), viết sách vở thế tục (biên tiểu thuyết, hoặc kịch hài thế tục, khiến cho người sinh tâm dâm dục), ngâm nga sách ngoại đạo và lộ già gia đà, dịch là "ác luận", luận dạy người làm ác (như luận thầy phá trò, thường biểu hiện mình có kiến giải đặc biệt, cao minh hơn học trò), nghịch lộ già gia đà (luận trái nghịch thường lý, lý luận đệ tử phản thầy). Cũng chẳng gần gũi các kẻ hung ác, giễu cợt (chẳng xem phim, hoặc kịch đầy dẫy chuyện chém giết), đánh đập nhau, và na la (đại lực sĩ) .v.v... các thứ kịch biến hiện (biểu diễn ma thuật), lại chẳng gần gũi hạng chiên đà la (một trong bốn giai cấp củ Ấn Độ :

1. Bà la môn.
2. Sát đế lợi.
3. Phệ xá.
4. Chiên đà la.

Quan niệm giai cấp ở Ấn Độ rất nặng, chiên đà la là người địa vị thấp hèn. Cũng chẳng gần gũi kẻ nuôi heo dê gà, và kẻ săn bắn chài lưới, các luật nghi ác (mặc trang phục kì dị khiến cho người chú ý). Những người như thế, hoặc họ đến thì vì họ nói pháp, đừng có ý mong cầu, hoặc tâm phan duyên. Lại chẳng gần gũi bốn chúng tiểu thừa, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ .v.v., chẳng thăm hỏi họ vì hạnh môn và chí hướng khác nhau, hoặc ở trong phòng, hoặc đi kinh hành, hoặc ở trong giảng đường, thì đừng ở chung với họ. Nếu có người đến, thì vì họ nói pháp, chẳng mong cầu gì cả.

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát đối với người nữ, chẳng sinh ý niệm dâm dục, mà vì họ nói pháp, cũng đừng thích thấy. Nếu vào nhà người, thì chẳng nên nói chuyện cùng với gái nhỏ, gái trinh, gái góa, cũng đừng gần gũi với năm hạng người bất nam để kết thân giao. Không nên một mình vào nhà người. Nếu có nhân duyên phải một

mình vào, thì phải một lòng niệm Phật. Nếu vì người nữ nói pháp, thì không được hở răng cười, chẳng để ngực hở hang, cho đến vì pháp còn chẳng gần gũi, hà huống là việc khác.

Đức Phật nói với Bồ Tát Văn Thù : Đại Bồ Tát đối với người nữ, không nên sinh ý niệm dâm dục, cũng đừng ưa thích thấy người nữ, vì thân người nữ bất tịnh. Nếu :

''Mắt thấy sắc đẹp tâm chẳng động,
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay''

Có được định lực như thế thì miễn bàn. Nếu có nhân duyên đặc biệt đi vào nhà người, thì cũng đừng nói chuyện với gái nhỏ gái trinh gái hóa ở một nơi. Cũng chẳng gần gũi với năm hạng người bất nam :

1. Sinh : Tức là sinh ra chẳng có nam căn, đó là quả báo thuở xưa đồng tính luyến ái, có người tình mà chẳng có nam căn.

2. Kiện : Tức là có nam căn mà bị cắt đi, hoặc bệnh lở lói cho đến thối nát chẳng còn nam căn.

3. Đố : Tức là thấy người nam sinh tâm đố kị, không thể nhân đạo, thấy người nữ sinh tâm đố kị, biến thành người nữ cũng không thể nhân đạo.

4. Biến : Tức là nam chẳng ra nam, mà nữ chẳng ra nữ. Nam với nam phát sinh đồng tính luyến ái, nữ với nữ

phát sinh đồng tính luyến ái, hoặc hành dâm dục với người nam, hoặc hành dâm dục với người nữ, cho nên bị quả báo không thể nhân đạo.

5. Bán : Tức là nửa nguyệt nửa nam (nửa nguyệt là nữ). Năm hạng người nầy vì tư tưởng chẳng chánh đáng, cho nên sáu căn chẳng đủ. Tuy muốn xuất gia cũng không được thu nhận. Người hành Bồ Tát đạo không nên kết thân với năm hạng người nói ở trên. Vì tránh sự hiềm nghi người ta thấy, nên người xuất gia không thể vô cớ một mình đến nhà cư sĩ. Nếu có nhân duyên đặc biệt đến nhà người ta, thì phải một lòng niệm Phật, như niệm Nam Mô A Di Đà Phật, (tốt nhất là hai người cùng đi).

Nếu nói pháp cho người nữ nghe, thì đừng hở răng cười để tránh cho đối phương sinh tâm dâm dục, hoặc khiến cho mình khởi ý niệm chẳng trong sạch. Không hở ngực, cho đến vì người thuyết pháp cũng không nên gần gũi, hà huống là làm việc khác ? Do đó, người tu Bồ Tát đạo phải tự mình kiểm điểm. Muốn được giới đức tròn sáng, thì thân tâm tơ hào đừng ô nhiễm.

Không nên thích nuôi đệ tử nhỏ tuổi, Sa di nhỏ bé, cũng không nên cùng thầy. Thường nên ngồi thiền, ở nơi chỗ vắng nên tu nhiếp tâm mình lại.

Văn Thù Sư Lợi ! Đó gọi là chỗ gần gũi ban đầu.

''Không nên thích nuôi đệ tử nhỏ tuổi''. Không thể thích thu nhận đệ tử nhỏ tuổi. Người tu Bồ Tát đạo, không nên tham cầu đệ tử nhỏ tuổi để sai khiến. Nếu gặp nhân duyên đặc thù, thì mới có thể thu nhận đệ tử nhỏ tuổi. Vì sao chẳng thu nhận đệ tử nhỏ tuổi ? Vì sợ chúng còn thơ bé chẳng chịu nghe lời. Song nếu gặp đệ tử nhỏ tuổi biết nghe lời, thì mới có thể nhận làm đệ tử.

Trong số đệ tử của tôi, có mấy đứa cũng rất còn nhỏ, đã mười hai, mười ba tuổi, song chúng đều nghe lời dạy dỗ.

Lúc tôi ở tại Đông Bắc bên Trung Quốc, thì tôi nghe nói có một cậu bé tên là Trịnh Đức, mới năm tuổi mà hằng ngày lạy cha mẹ. Tôi nghe rồi sinh tâm hổ thẹn, tôi mười hai tuổi mới hằng ngày lạy cha lạy mẹ. Cậu bé đó, mới năm tuổi mà hiểu được lý lẽ, hằng ngày đảnh lễ cung kính cha mẹ. Do đó, tôi muốn tìm cơ hội để gặp cho được cậu bé đó. Ngày nọ, cơ duyên thành thục, cậu bé ở tại huyện Ngũ Thường, cách nhà tôi khoảng hơn một trăm dặm đường. Lúc đó, Trịnh Đức đã mười hai tuổi, do cậu ta chí hiếu với cha mẹ mà danh đồn xa gần, rất nhiều kẻ ngoại đạo muốn độ làm đệ tử, song Trịnh Đức thường nói với ngoại đạo rằng : Cậu ta trước hết phải phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ là Phật sống trong nhà, cậu ta không thể bỏ gần cầu xa, muốn làm xong bổn phận mới tu đạo. Ngoại đạo biện luận chẳng qua được cậu ta, nên không thể được như nguyện.

Ngày nọ, tôi đến nhà cậu ta, cậu ta ở trong cửa sổ nhìn thấy tôi, bèn nói với mẹ của cậu ta rằng : ''Sư phụ của con đến rồi'' ! Mẹ của cậu ta kinh ngạc hỏi : ''Sư phụ nào của con đến'' ? Cậu ta đáp : ''Bây giờ con có sư phụ rồi.'' Lúc đó, tôi mang trên lưng một túi vải đi vào cửa trước, cậu ta lập tức mời tôi vào nhà. Vào trong nhà, tôi và Trịnh Đức trò chuyện, tôi hỏi cậu ta vì sao lạy cha mẹ ? Cậu ta nói chẳng biết lấy gì báo đáp ân dưỡng dục của cha mẹ, chỉ biết lạy cha mẹ, hy vọng cha mẹ vui lòng, để báo đáp phần nào công ơn của cha mẹ. Tôi hỏi cậu ta sao mới năm tuổi, mà đã hiểu việc hiếu thuận cha mẹ như thế ? Trịnh Đức đáp : ''Lấy sự hiếu thuận cha mẹ làm việc vui.'' Tôi hỏi cha mẹ của cậu ta rằng, đứa con nầy có từng làm cho ông bà buồn chăng ? Ông bà đáp : ''Vợ chồng chúng tôi cũng chẳng có đức hạnh gì, có thể tổ tiên có đạo đức, cho nên có được con hiếu cháu hiền ! Từ lời nói đó, có thể thấy họ cũng là người tu dưỡng, và chẳng tự kheo khoang có đức hạnh, mà được người con hiếu thuận nầy.

Lát sau, tôi đang chuẩn bị đi về, thì Trịnh Đức đem giầy của tôi đi dấu, chẳng để tôi đi, muốn giữ tôi lại dùng bữa cơm. Lúc đó, tôi chẳng có giầy mang, đành yên lặng nhận lời. Ăn cơm xong, tôi hỏi Trịnh Đức : ''Đáo để sư phụ phải thuận theo đệ tử, hay là đệ tử thuận theo sư phụ'' ? Trịnh Đức đáp : ''Đương nhiên đệ tử phải nghe theo lời của sư phụ'' ! Tôi bèn dạy cậu ta : ''Sao con chưa được sự đồng ý của thầy, thì đem đôi giầy của thầy đi

giấu ? Mà ép giữ thầy lại ăn cơm ? Nếu con có ý giữ thầy lại dùng cơm, thì nên cung kính thỉnh mời chứ đừng dùng thủ đoạn cưỡng ép để giữ thầy lại.'' Trịnh Đức nghe rồi lập tức quỳ xuống sám hối.

Đệ tử nhỏ tuổi mà hiểu biết sự lý như Trịnh Đức, thì có thể thu nhận làm đệ tử.

''Sa di nhỏ bé'', gọi là khu ô Sa di. Thời xưa trong chùa làm lúa, có chim quạ đến ăn lúa thóc, thì sai chú tiểu Sa di trách nhiệm đuổi quạ, cho nên gọi là khu ô Sa di (chú tiểu Sa di đuổi quạ), tuổi khoảng từ 8 đến 13 tuổi. Sa di là tiếng Phạn, dịch là "Tức từ", tức là ngưng làm ác, từ là từ bi. Do đó, có câu :

''Đừng làm các điều ác,
Hãy làm các điều lành.''

Người có tâm tham thì toàn làm chuyện ác; người có tâm sân thì thường nóng giận; người có tâm si thì cứ khởi vọng tưởng. Cho nên, chẳng diệt trừ được tham sân si, thì giới định huệ không thể hiện tiền.

Thọ giới cụ túc rồi, thì gọi là Sa môn, dịch là "Cần tức", tức là siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. ''Giới'' đối trị lòng tham, không thể tham mà mà không biết chán. ''Định'' đối trị tâm sân hận. ''Huệ'' đối trị tâm ngu si. Nếu phan duyên tức là ngu si, không phan duyên tức là có trí huệ. Tâm người nào thanh tịnh, thì thân giống

như ở tại đạo tràng thuyết pháp của Đức Phật, tức là pháp hội Linh Sơn, cho nên nói :

''Một thời thanh tịnh, một thời Linh Sơn.
Thời thời thanh tịnh, thời thời Linh Sơn.''

''Cũng đừng ưa thích cùng thầy'' : Cũng đừng ưa thích với trẻ con cùng lạy một thầy. Nếu đồng môn với trẻ con, thì bạn phải chịu trách nhiệm chiếu cứ như tình huynh đệ, cho nên đừng ưa thích cùng một thầy. Song, sư phụ thu nhận trẻ con làm đệ tử thì miễn bàn tới.

''Thường thích ngồi thiền''? Ngồi thiền sẽ sinh định, cho nên phải thường thích ngồi thiền. Tuy nhiên nói ''ngồi thiền'', đến khi công phu tương ưng, thì đi đứng nằm ngồi chẳng lìa khỏi ''thiền'', như hình với bóng, tức có định lực. Song, phải đừng chấp trước thì sẽ sinh định lực. ''Thiền'' tức là thiền na, dịch là "tư duy tu", cũng gọi là tĩnh lự. Ngồi thiền hay sinh định, có định lực thì trừ được vọng tưởng.

''Ở nơi chỗ vắng'' : Nếu công phu đến nhà, thì dù ở đâu cũng có thể ngồi thiền, và đi đứng nằm ngồi cũng chẳng lìa thiền. Như Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia có nói rằng :

''Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,
Nói năng động tĩnh thể an nhiên.
Trong mộng thấy rõ có sáu nẻo,
Giác rồi thảy đều không chẳng có gì''.

Nếu chưa có định lực thì nên ‘’ở nơi chỗ vắng‘’ ngồi thiền, ở nơi A lan nhã tức là nơi yên tĩnh.

‘’Tu nhiếp tâm‘’ : Chúng ta suốt ngày vọng tưởng lăn xăn, hôm nay nghĩ muốn đến Châu Âu, ngày mai nghĩ muốn đi Châu Á, ngày mốt nghĩ muốn đi đến Châu Mỹ, cho rằng chẳng cần mua vé máy bay, mà tâm đi du lịch thế giới, là việc hết sức tiện nghi. Kỳ thật, tốn hao xăng dầu trong tự tánh chẳng ít, tiêu hao trí huệ Bát nhã không ít. Muốn tu nhiếp tâm mình, thì trước hết phải khắc chế năm dục : Sắc đẹp, âm thanh, hương thơm, vị ngon, ngủ nhiều. Trừ khử năm cái : Tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo hối, hoài nghi.

Năm cái là gì ? Giải thích sơ lược như sau :

1. Tham dục : Nếu tham sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tham : Tài, sắc, danh, thực, thùy, thì không nên. Nếu tham: Giới, định, huệ, tham ngồi thiền, tham thành Phật, thì tốt. Tôi thường tham đệ tử hiếu thuận, nếu ai tham cầu một vị thầy tốt để theo học Phật pháp, thì đó cũng là tham, song tham học thì được.

2. Sân hận : Tức là nổi giận, ngàn ngày nhặc củi, một đốm lửa thiêu sạch, do đó có câu :

‘’Một đốm lửa nhỏ,
Đốt sạch rừng công đức‘’.

3. Hôn trầm : Nếu mệt mỏi thì ngủ, song đừng có tham ngủ, ngủ quá nhiều thì đầu não hôn trầm, sẽ biến thành ngu si.

4. Trạo hối : Sinh hoài nghi, đối với việc gì cũng sinh hoài nghi, chẳng tin.

Điều năm việc : Ăn, ngủ, thân, hơi thở, tâm.

a. Điều ăn : Đối với việc ăn uống phải hợp với trung đạo.

b. Điều ngủ : Thời gian ngủ phải có hạn, chẳng quá nhiều cũng chẳng quá ít.

c. Điều thân : Đừng khiến cho thân thể quá nhọc, song phải siêng năng làm việc phục vụ xã hội.

d. Điều hơi thở : Hơi thở chẳng nhanh chẳng chậm.

e. Điều tâm : Tâm phải đừng thâm trầm đừng cất lên.

Lại nữa, đại Bồ Tát quán tất cả các pháp không, như thật tướng, không điên đảo, không lay động, không thối lùi, không chuyển, như hư không, chẳng có tự tánh. Tất cả ngôn ngữ đạo đoạn, không sanh, không xuất ly, không khởi, không tên, không tướng, thảy đều không, không lượng, không bờ, không ngại, không chướng, chỉ nhờ nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sinh ra, cho

nên nói. Thường thích quán pháp tướng như thế, đó gọi là chỗ gần gũi thứ hai của đại Bồ Tát.

Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, quán tất cả cảnh giới của mười pháp giới đều không, mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm, một tâm niệm sinh mười pháp giới. Mười pháp giới bao quát bốn pháp giới của bậc Thánh và sáu pháp giới của phàm phu :

1. Pháp giới của Phật : Con người tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn thì thành Phật. Mình khai ngộ minh bạch tất cả các pháp là tự giác, lại độ kẻ khác giác ngộ là giác tha. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì thành Phật, do đó ‘’Ba giác tròn, vạn đức đầy‘’, Phật là bậc đại giác ngộ, biết những gì mà người không biết, ngộ những gì mà người không ngộ. Tất cả người thế gian và xuất thế gian đều tôn sùng Phật.

2. Pháp giới của Bồ Tát : Bồ Tát phát nguyện tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, song giác hạnh chưa viên mãn, tu hành sáu độ vạn hạnh.

3. Pháp giới của Duyên Giác : Bậc Duyên Giác tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Mười hai nhân duyên là:

- Vô minh duyên hành,
- Hành duyên thức,
- Thức duyên danh sắc,
- Danh sắc duyên lục nhập,

⌑ Lục nhập duyên xúc,
⌑ Xúc duyên thọ,
⌑ Thọ duyên ái,
⌑ Ái duyên thủ,
⌑ Thủ duyên hữu,
⌑ Hữu duyên sinh,
⌑ Sinh duyên lão tử.

Duyên Giác có hai : Khi có Phật ra đời, tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo gọi là Duyên Giác, khi không có Phật ra đời, tu trong rừng sâu núi thẳm, mùa xuân quán trăm hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi, cảm ngộ vạn vật vô thường mà chứng đạo quả, gọi là Độc Giác.

Vô minh tức là phiền não, cũng là ái tình giữa nam nữ. Có ái tình thì phát sinh hạnh bất tịnh, có hành thì sinh hạt giống, tức là thức. Có hạt giống thì thành thai, gọi là danh sắc. Có thai rồi sau sinh ra mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức là lục nhập. Có lục nhập rồi thì sinh cảm giác, tức là xúc. Có cảm giác tức có thọ dụng, tức là thọ. Có thọ dụng thì sinh tâm thương, tức là ái. Vì ái dục mà giữ làm của mình có, tức là hữu. Hữu rồi sau đó có sinh ra đời sau, có sinh thì có tử, đây là cửa lưu chuyển. Bậc Duyên Giác quán mười hai nhân duyên đạo lý đến chỗ cứu kính, giác ngộ :

✧ Vô minh diệt thì hành diệt
✧ Hành diệt thì thức diệt
✧ Thức diệt thì danh sắc diệt

✧ Danh sắc diệt thì lục nhập diệt
✧ Lục nhập diệt thì xúc diệt
✧ Xúc diệt thì thọ diệt
✧ Thọ diệt thì ái diệt
✧ Ái diệt thì thủ diệt
✧ Thủ diệt thì hữu diệt
✧ Hữu diệt thì sinh diệt
✧ Sinh diệt thì lão tử diệt.

Đây là cửa hoàn diệt. Duyên Giác Bồ Tát là ban đầu phát tâm Bồ Tát.

4. Pháp giới của Thanh Văn : Thanh Văn tu : Khổ, tập, diệt, đạo, bốn đế mà ngộ đạo. Khổ có ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng thứ khổ. Ba thứ khổ là: Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Khổ khổ là khổ trong sự khổ, tức là nghèo lại thêm khốn khổ, đã nghèo sơ nghèo xát lại gặp đứ thứ hoạn nạn, khổ lại thêm khổ. Người giàu sang chẳng có khổ khổ, song tránh không khỏi hoại khổ, bị kẻ ác đốt nhà, hoặc tán gia bại sản, đó là hoại khổ. Từ kẻ nghèo cho đến kẻ giàu, cũng không tránh khỏi hành khổ. Hành khổ là từ nhỏ lớn lên rồi già nua, niệm niệm thay đổi, thân thể từ mạnh khoẻ đến lúc suy tàn.

Tám thứ khổ là : Sinh, già, bệnh, chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc, khổ về năm ấm xí thạnh. Đời người ở đời đã là việc khổ, đến già, bệnh, chết lại càng khổ. Ngoài ra còn có vô lượng thứ khổ.

Bậc Thanh Văn tu pháp bốn đế : Thứ nhất là biết khổ, thứ hai là đoạn tập, tập tức là các thứ phiền não. Thứ ba là mộ diệt, diệt tức là tịch diệt, chứng được Niết Bàn. Thứ tư là tu đạo. Đạo thì phải tu. Lần đầu tiên Đức Phật chuyển bánh xe pháp nói về pháp Tứ diệu đế, độ năm vị Tỳ Kheo khiến cho họ khai ngộ như vừa nói ở trên.

Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, là bốn pháp giới của bậc Thánh. Sáu pháp giới của phàm phu là trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục.

5. Pháp giới của trời : Trong sáu pháp giới của phàm phu, thì trời là cao nhất, người không hiểu Phật pháp thì lầm rằng, sinh về trời là cảnh giới khoái lạc nhất, kỳ thật trời cũng thuộc về pháp giới phàm phu mà thôi, chưa thể vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Tuổi thọ của cõi trời Phi Phi Tưởng Xứ là tám vạn đại kiếp, hết tuổi thọ vẫn đọa vào nhân gian, nghiệp thiện thành thục thì sinh vào đường lành, nghiệp ác thành thục thì sinh vào đường ác.

6. Pháp giới A Tu La : A tu la là tiếng Phạn, dịch là "vô đoan chánh", còn gọi là "vô tửu", nam A tu la thì xấu xí, còn nữ A tu la thì xinh đẹp. Phàm là A tu la đều thích đấu tranh. Trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, đều có A tu la, cho nên trời, người, A tu la gọi là ba đường lành. Súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, là ba đường ác.

7. Pháp giới của loài người : Trong loài người có những tầng lớp khác nhau, trên hoàng đế công hầu, dưới đến dân nghèo ăn mày, phân ra sự giàu sang, nghèo cùng,

tốt xấu, đều là nhân quả luân hồi chiêu cảm. Do đó, nhân thế nào thì quả thế ấy, nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai.

8. Pháp giới súc sinh : Vì ngu si, cho nên bị người chi phối.

9. Pháp giới ngạ quỷ : Tâm sân quá nặng, thích nóng giận.

10. Pháp giới địa ngục : Vì tâm tham, tham mà chẳng biết chán.

''Mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm''. Nếu thường sinh tham, sân, si, thì sẽ đọa vào ba đường ác. Nếu tu bốn diệu đế thì chuyển sinh Thanh Văn. Tu mười hai pháp nhân duyên thì chuyển sinh Duyên Giác. Phát bồ đề tâm tu sáu độ vạn hạnh, thì tương lai sẽ thành Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm có câu rằng :

''Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Hết thảy do tâm tạo''.

Tất cả đều do tâm sinh ra, chữ tâm (心) còn có bài kệ rằng :

''Ba chấm bày như sao
Uống cong tợ trăng non
Đội lông từ đây ra
Làm Phật cũng do nó''.

Do đó, mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm hiện tiền. Tâm ở tại Phật quả, thì tương lai sẽ thành Phật, tâm hướng về địa ngục thì sẽ đọa địa ngục, có thể thấy quả báo ứng nghiệm chẳng sai.

Tất cả tướng vốn là vô tướng. Bồ Tát quán mười pháp giới đều không, từ trong chân không mà sinh diệu hữu. Diệu hữu phi hữu, chẳng ngại chân không. Chân không bất không, chẳng ngại diệu hữu. Chân không là tên khác của thật tướng, thật tướng là ngoài chẳng tham, trong vô sở cầu; trong ngoài đều không, trong chẳng có sáu căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngoài chẳng có sáu trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ở giữa chẳng có sáu thức : Nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, tỉ thức, thân thức, ý thức. Quán sáu căn, sáu trần và sáu thức đều không, mười hai xứ và mười tám giới đều không. Vậy thì tất cả pháp không, phải chăng một cũng chẳng có ? Chẳng phải, mà là không vào thật tướng, cho nên diệu không thể tả. Ai thường tham thiền đả tọa, thì sẽ vào thật tướng, đến lúc bên trong chẳng có sáu căn, bên ngoài chẳng có sáu trần, ở giữa chẳng có sáu thức, mười tám giới đều không.

Chúng sinh luân hồi ở trong sáu nẻo, một khi không cẩn thận mà sai nhân quả thì dễ đọa lạc, thậm chí đọa thành dòi trong phân, đừng cười chê dòi sống ở trong phân là dơ dáy. Kỳ thật, ở trong bụng người cũng đầy dẫy phân cứt, trong túi da bao bọc vô lượng (tế bào) vi khuẩn mà không biết. Cho nên nói : ‘’Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ‘’, trong thân thể chẳng biết bao nhiêu là vi

khuẩn vi sinh vật. Nếu bạn độ chẳng được chúng thì chúng sẽ độ bạn.

Đừng tự làm thông minh, cho rằng giết những vi khuẩn đó là phạm giới. Tôi có một đệ tử, trước khi thọ giới Bồ Tát bèn hỏi tôi : Mỗi ngày anh ta lái xe đi đường cán chết trùng kiến, có phạm giới không ? Khi lái xe có thể niệm ''Nam Mô A Di Đà Phật'', vì trong sự vô ý hồi hướng cho trùng kiến bị cán chết, vô ý sát sinh thì chẳng phạm giới.

Trước kia, có một anh quân nhân, ban đầu gặp Phật pháp bèn quy y Tam Bảo, về sau xuất gia hiệu là Hoằng Khuê, thọ giới tại Chùa Nam Hoa, anh ta rất lanh lợi. Về sau anh ta đến Hương Cảng, vì sống quen ở trong quân đội, cho nên không chịu được đời sống thanh khổ. Ở tại Hương Cảng Tân Giới núi Đạo Phong, có một tổ chức của Cơ Đốc Giáo, chuyên môn xúi người xuất gia hoàn tục, và còn cho người xuất gia ăn ở và tiền xài. Nếu người xuất gia muốn kết hôn thì họ sẽ lo hết. Hoằng Khuê ở núi Đạo Phong làm nấu bếp, một tháng lãnh ba trăm đồng. Khi làm bếp thì giết gà giết vịt, ông ta tự mình an ủi, vừa giết vừa niệm ''Nam Mô A Di Đà Phật'', lâu dần anh ta loạn thần kinh. Về sau dọn về ở tại Đông Phổ Đà, nhiều lần muốn gặp tôi mà chẳng được, nửa năm sau ông ta tự tử mà chết. Bạn nói, anh ta cứu kính là đại Bồ Tát hóa thân, dùng thân phạm giới hiển bày quả báo, để cảnh tỉnh người xuất gia đừng sát sinh chăng ? Hay là tâm đạo xuất

gia chẳng kiên cố, mà sinh tâm thối chuyển hoàn tục ? Ngoài tâm học Phật pháp kiên cố ra, còn phải giữ cho lâu bền, lâu năm nhiều tháng siêng học Phật pháp. Người không học Phật pháp, đến khi lâm chung thì chẳng tự chủ được, còn người tinh tấn học Phật pháp, thì tự biết giờ đi, chẳng bệnh mà qua đời.

Tôi có một đệ tử tên là Lý Dụ Siêu, sau khi quy y tôi rồi, phát nguyện hy vọng sẽ phát tài, phát tài rồi xây dựng bệnh viện Phật giáo. Lại thường nhờ tôi xem bói tướng mạng cho anh ta. Tôi nhiều lần từ chối, anh ta vẫn không chừa. Một ngày nọ, anh ta chuẩn bị đi Nữu Ước (New York), trước khi đi lại đến nhờ tôi coi vận mạng, tôi ân cần nói với anh ta : ''Lần nầy anh đi Nữu Ước không thể nhờ người xuất gia coi vận mạng. Coi tướng bói quẻ là thuộc về một trong năm thứ tà mạng, người tu đạo chân chánh không thể làm chuyện đoán xăm bói quẻ, cho nên nếu anh nhờ người xuất gia coi bói, tức là làm bẩn phẩm hạnh của người xuất gia.'' Từ đó về sau anh ta không dám nhờ xem nữa. Anh ta lại hỏi sao phát nguyện cầu tài, mà không được mãn nguyện ? Tôi nói : ''Đi học cũng phải từ tiểu học lên trung học, rồi lên đại học, trải qua thời gian dài dụng công mới được tốt nghiệp đại học. Vậy có lẽ nào không nhọc sức mà được chăng ? Phát nguyện phải có tâm lâu dài, tài bồi phước huệ, đời đời kiếp kiếp tiếp tục nguyện lực của mình, không thể hữu thủy vô chung.''

Học tập Phật pháp còn phải có tâm thành, bất cứ ai phá hoại, khêu chọc ly gián cũng phải bền chí không đổi, dù xả thân mạng cũng phải hộ trì. Thuở xưa, Đức Phật bố thí xả bỏ một nghìn thân mạng, vì thương xót chúng sinh, chẳng tiếc xả thân cứu cọp đói, lóc thịt cho chim ưng.

''Như thật tướng'', ''Không điên đảo'' tức là giữ trung đạo. ''Như'' tức là chẳng rơi vào không, chẳng rơi vào có, ''Không'', ''Giả'', ''Trung'' ba đế như một. Không tức giả, giả tức trung; một giả thì tất cả đều giả, một không thì tất cả đều không, một trung thì tất cả đều trung. Ba đế như một là ''Như''. ''Thật'' tức chẳng phải bảy phương tiện. Bảy phương tiện tức bảy hiền vị của tiểu thừa, vượt qua quả vị của bảy phương tiện, tức là như thật tướng.

''Không điên đảo'' : Phàm phu có bốn thứ đảo :

- Chẳng phải thường mà cho là thường.
- Chẳng phải vui mà cho là vui.
- Chẳng phải ngã mà cho là ngã.
- Chẳng phải tịnh mà cho là tịnh.

''Điên đảo'' của hàng nhị thừa : Thường cho là vô thường, vui cho là khổ, ngã cho là chẳng phải ngã, tịnh cho là chẳng phải tịnh; ở trên là điên đảo của hàng nhị thừa. Bồ Tát cũng có điên đảo, chỉ có Phật là bậc đại giác. Cho nên, chín pháp giới chúng sinh đều sinh tồn ở trong điên đảo, niệm niệm thay đổi, có lúc cảm thấy tốt, có khi cảm thấy chẳng tốt. Kỳ thật chẳng có phân chia tốt và

không tốt, tất cả đều từ nghĩ điên đảo mà ra. Nếu hay giữ trung đạo thì chẳng điên đảo. Học tập Phật pháp tức là muốn không điên đảo, chẳng học tập Phật pháp thì điên đảo. Giữ quy cụ thì chẳng điên đảo, không giữ quy cụ là điên đảo. Chúng ta nên tự phản tỉnh, nếu làm những chuyện điên đảo thì hãy mau sửa đổi !

''Bất động'' là định, chẳng sợ gì; ngồi thiền mà được như như bất động, thì chẳng bị cảnh giới chuyển. Ngồi thiền thì dù gặp cọp cũng chẳng sinh tâm sợ sệt, gát việc sinh tử ra ngoài, xem sinh tử nhất như. Có người nói : ''Tôi chẳng sợ chết, cho nên chẳng cần học Phật pháp để dứt sinh tử, mà tôi thì chẳng sợ sinh tử, cho nên chẳng cần học Phật pháp.'' Bạn không sợ sinh tử, chẳng học Phật pháp, sinh tử chẳng dứt, cho nên chẳng bao giờ chấm dứt được. Khi ngồi thiền chẳng vì sinh tử làm lay động, tức là định lực. Sinh tử có hai thứ : Phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử. Phần đoạn sinh tử là chỉ cho phàm phu mà nói. Phàm phu mỗi người đều có phần thân và một đoạn mạng sống, cho nên gọi là phần đoạn. Hàng nhị thừa chứng quả A la hán rồi, thì chấm dứt phần đoạn sinh tử, song vẫn còn biến dịch sinh tử, tức là vọng tưởng niệm niệm vi tế khởi lên chưa đoạn sạch. Phần đoạn là sinh tử trong ba cõi, biến dịch là sinh tử ngoài ba cõi. A la Hán đã dứt phần đoạn sinh tử, Bồ Tát đã dứt biến dịch sinh tử.

''Không thối'', trí bi chẳng thối chuyển, thân tâm tịch diệt chẳng có vọng tưởng, cho nên có đại trí đại huệ. Tức cũng là liễu tính bình đẳng, chẳng sinh thối lùi.

‘’Không chuyển‘’, chẳng thọ luân hồi sở chuyển, chẳng lưu chuyển ở trong sinh tử của phàm phu, cũng chẳng ở trong nhị thừa chuyển phàm làm Thánh.

‘’Như hư không‘’, giống như hư không, Kinh Hoa Nghiêm có nói :

‘’Nếu ai muốn biết cảnh giới của Phật,
Hãy tịnh ý mình như hư không‘’.

Chẳng có một vật gì tức là ‘’hư không‘’, hết thảy mọi vật đều bị hư không bao hàm. ‘’Như hư không’’ là đại biểu cho danh từ, tuy có danh từ, song chẳng có tự tánh, đừng có đầu lại thêm đầu, đi khắp nơi tìm hư không.

‘’Chẳng có tự tánh‘’, chẳng có tha tánh, chẳng có cộng tánh, chẳng có nhân tánh cũng chẳng có quả tánh, tất cả đều không, ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Do đó, có câu :

‘’Miệng muốn nói mà lời đã hết
Tâm muốn duyên mà suy nghĩ chẳng còn nữa‘’.

Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Do đó :

‘’Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương cũng như điện
Hãy quán chiếu như thế.’’

Nếu hay ly ngôn tứ cú, tuyệt bách phi, thì vào được cảnh không thể nghĩ bàn, diệu không thể tả. Minh bạch

chỗ diệu bên trong, tức là minh bạch Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu chẳng minh bạch chỗ diệu bên trong, thì đối với chỗ diệu của kinh nầy, tâm không thể lãnh hội được.

Trong số các vị có những người dụng công, có những người cứ khởi vọng tưởng. Người khởi vọng tưởng thì hãy thu nhiếp thân tâm, chế tâm lại một chỗ. Mùa đông năm nay sẽ mở khóa thiền một trăm ngày, mỗi ngày phải ngồi 21 tiếng, chạy hương, ngồi hương, chẳng nghỉ ngơi, ai không sợ khổ thì hãy đăng ký ghi tên cho sớm.

''Không sinh'', chẳng sinh vô minh, chẳng sinh trí huệ, tức chẳng sinh vô minh, cũng chẳng sinh trí huệ, tức là vào cảnh giới : ''Không nghĩ thiện, không nghĩ ác.'' Chẳng có vô minh, chẳng có trí huệ, là bổn lai tự tánh đại quang minh tạng, cho nên chẳng có chỗ phá, cũng chẳng có chỗ năng phá, đó là lý thể ''Không sinh''. Trong cảnh giới nầy : Hành, vị, nhân, quả, thảy đều chẳng sinh.

''Không xuất'', tức là không nhập, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng ra chẳng vào. Bổn thể của Như Lai tu là, đạt đến chỗ cứu kính, cho nên chẳng xuất chẳng nhập, chẳng có vô minh cũng chẳng có trí huệ đáng nói.

''Không khởi'', chứng được lý thể như thế, thì khiến cho tất cả phương tiện quyền pháp đều vắng lặng.

''Không tên'', chẳng có một tên gọi để đại biểu đạo lý nầy. Từ không điên đảo, đến không khởi, chẳng có một cái tên nào để gọi, đó là tánh không.

‘’Không tướng‘’, chẳng có bất cứ tướng nào, có thể làm cho nó biểu hiện ra. Từ điên đảo đến chẳng khởi, chẳng có bất cứ hình tướng nào có thể hình dung, đó là tướng không.

‘’Thảy đều chẳng có‘’, quán thể khen ngợi trung đạo, chẳng rơi vào không, chẳng rơi vào có, chẳng có một vật.

‘’Vô lượng‘’, tức là pháp vô số lượng. Pháp có số lượng như là năm ấm : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; sáu căn, sáu trần, hợp lại gọi là mười hai nhập (còn gọi là mười hai xứ), thêm vào sáu thức là mười tám giới. Ở trên đây đều là pháp có số mục. Quán trung đạo là vô số lượng, tức là toàn số mục, là không thiếu không thừa.

‘’Vô biên‘’, không bờ không bến. Tất cả các pháp trong tiểu thừa đều có nhất định, cho nên có biên tế. Chẳng có pháp nhất định mới là vô bờ vô bến.

‘’Vô ngại‘’, trung đạo quán trí vào khắp tất cả các pháp, mà chẳng có chướng ngại.

‘’Không chướng‘’, chẳng có một pháp nào, có thể che đậy chướng ngại trung đạo quán trí.

‘’Quán tất cả pháp‘’ đến ‘’không chướng‘’, đoạn văn gồm mười chín câu, ‘’quán tất cả pháp‘’ là nêu lên tổng quát, mười tám câu sau, là phân biệt giải thích thêm. Đạo lý bên trong là vô cùng vô tận, giảng kinh chỉ là lược thuật đại khái mà thôi. ‘’Quán tất cả pháp không‘’, mười tám câu kinh văn sau, có thể y chiếu mười tám (cái) không của Kinh Đại Bát Nhã để giải thích; lại có thể dùng

tất cả pháp để giải thích. Tất cả pháp như thật tướng, tất cả pháp không điên đảo, tất cả pháp bất động, tất cả pháp không thối lùi, tất cả pháp không chuyển, tất cả pháp như hư không, tất cả pháp vô sở hữu, tất cả pháp ngữ ngôn đạo đoạn, tất cả pháp không sinh, tất cả pháp không xuất, tất cả pháp không khởi, tất cả pháp không tên, tất cả pháp không tướng, tất cả pháp thật vô sở hữu, tất cả pháp vô lượng, tất cả pháp vô biên, tất cả pháp không ngại, tất cả pháp không chướng.

Dùng mười tám (cái) không để giải thích : Như thật tướng là không thứ nhất, không điên đảo là nội không. Nội không (bên trong) không có sáu nhập : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đều không, cho đến vô ngã. Không có ngã chấp là bất động. Bất động là ngoại không; ngoại không (bên ngoài) chẳng có sáu trần, không bị sáu trần làm giao động. Không thối lùi là nội ngoại không. Chẳng thối chuyển làm phàm phu, chẳng thối chuyển làm hàng nhị thừa.

''Không chuyển'' là không không, không hay phá tất cả pháp, tức chẳng có ngã chấp (chấp cái ta), chẳng có pháp chấp, tức là pháp không, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, cho nên không chuyển.

''Như hư không'', trong Kinh Bát Nhã chuyên nói về lý không. Ngài Tu Bồ Đề khéo nói về không, trong hàng đệ tử của Đức Phật, Ngài là bậc nhất về giải không, cho nên Ngài tên là ''Không sinh''. Tuy tên là không sinh, song cũng chẳng không sinh, sao lại nói là chẳng

không sinh ? Có Tu Bồ Đề rồi, cho nên nói không sinh lại chẳng không sinh. Tu Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch là "Không sinh", vì sao được tên như vậy ? Đó là vì, khi Ngài sinh ra, thì kho của báu trong nhà vô duyên vô cớ, đột nhiên biến thành không (biến mất hết), cho nên cha mẹ của Ngài đặc tên cho Ngài là Không Sinh. Cha mẹ của Ngài thấy kho tàng châu báu trong nhà vô cớ mất đi, bèn đi bói quẻ, thì nói rằng là điềm cát tường, nhà sinh được quý tử, cho nên Ngài Tu Bồ Đề còn có tên là Thiện Cát. Bảy ngày sau, kho báu trong nhà lại hiện ra như cũ, lại được tên là Thiện Hiện. Tại sao ngày Ngài Tu Bồ Đề ra đời thì của báu trong nhà đều không (biến mất hết) ? Vì Ngài đời đời kiếp kiếp nghiên cứu về lý không, cho nên khi Ngài ra đời, là biểu hiện Bát Nhã không. ''Như hư không'' là thái không. ''Vô sở hửu tánh'' tức là tất kính không, có bài kệ rằng :

''Như Lai thanh lương nguyệt
Thường du tất kính không
Chúng sinh tâm thủy tịnh
Bồ đề ảnh hiện trung''.

Nghĩa là:

Như Lai như mặt trăng mát mẻ
Thường lơ lửng trên bầu trời
Tâm mước chúng sinh tịnh
Ảnh bồ đề hiện ra.

Các pháp bổn thể chẳng thiếu chẳng dư, cho nên gọi là tất kính không. Nhờ tất kính không cho nên ‘’chẳng có tự tánh‘’ vậy.

‘’Tất cả ngữ ngôn đạo đoạn‘’, tất cả đều không, chẳng có ngôn ngữ để luận bàn.

‘’Không sinh‘’ là hữu vi không, pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp mà sinh, không hòa hợp thì không sinh, cho nên gọi là hữu vi không.

‘’Không xuất‘’ là vô vi không, ‘’vô vi vô khởi diệt, chẳng thật như không hoa‘’, vô vi tức là xuất ly, xuất ly tất cả pháp, xuất ly đã không, cho nên ‘’không xuất‘’.

‘’Không khởi‘’ là vô thủy không, trong Kinh Đại Bát Nhã có đề cập đến vô thủy không, vì ‘’khai thủy‘’ bất khả đắc, cho nên gọi là vô thủy không.

‘’Không tên‘’ là tánh không. ‘’Không tướng‘’ là tướng không. Không tên không tướng, cũng có thể giải thích là thật vô sở hữu (chẳng có gì cả).

‘’Thật vô sở hữu‘’ là chẳng thể được không.

‘’Vô lượng‘’ là có pháp không, có lượng tức có pháp, có lượng không tức có pháp không.

‘’Vô biên‘’ là chẳng có pháp không, pháp là biên, chẳng có pháp tức vô biên.

‘’Không ngại‘’ là hữu pháp vô pháp không, hữu pháp không không, đều rõ bất khả đắc, cho nên là vô ngại.

‘’Không chướng‘’, tức giáo không, phương ngại giá chướng đều bất khả đắc, cho nên không chướng.

Ở trên là mười tám (cái) không, Phật thường tu mười tám (cái) không nầy. Trong Kinh Pháp Hoa có đề cập đến mười tám câu, mới y chiếu mười tám câu nầy mà nói. Ở trên nói về ''Tất cả pháp không'' là tổng tướng, ''Như thật tướng'' đến ''không chướng'' mười tám câu là biệt tướng, tất cả tướng nhờ nhân duyên có, từ điên đảo sinh, cho nên thường thích quán các thứ pháp tướng ở trên, xem tất cả đều không. Đây là nơi gần gũi thứ hai của đại Bồ Tát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Nếu có Bồ Tát
Ở đời ác sau
Tâm chẳng sợ hãi
Muốn nói kinh này.
Nên vào hành xứ
Và thân cận xứ.

Lúc đó, Phật muốn thuật lại nghĩa nầy, bèn nói ra bài kệ : Nếu có Bồ Tát phát tâm đại bồ đề, ở trong đời ác tương lai chẳng có tâm sợ hãi, muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì nên vào nơi an lạc sở hành của thân, và nơi thân cận.

Thường lìa quốc vương

Và các vương tử.
Đại thần quan lớn
Kẻ ác chế giễu
Và chiên đà la
Ngoại đạo phạm chí.
Cũng chẳng gần gũi
Kẻ tăng thượng mạn
Tham trước tiểu thừa
Người học tam tạng.
Tỳ Kheo phá giới
Xưng là La Hán
Và Tỳ Kheo ni
Kẻ thích giỡn cười.
Chấp sâu năm dục
Cầu được diệt độ
Các cư sĩ nữ
Đều chớ gần gũi.

Người tu hành tu Bồ Tát đạo, nên xa lìa quốc vương, vương tử, đại thần, quan lớn, kẻ hung ác chế giễu, kẻ đồ tể heo bò và tất cả người tu ngoại đạo và Bà la môn. Cũng đừng gần gũi với kẻ tăng thượng mạn, tham trước tiểu thừa chẳng phát tâm đại thừa, và học giả tu tam tạng,

Tỳ Kheo chẳng giữ giới luật, hoặc mạo xưng là A la hán. Cũng đừng gần gũi Tỳ Kheo phá giới, kẻ thích đùa giỡn nói cười, vì họ đều chấp sâu vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tài, sắc, danh, thực, thùy, năm dục. Cầu hiện đời được diệt độ, hàng cư sĩ nữ cũng chớ gần gũi.

Nếu những người đó
Dùng tâm cầu đạo
Đến chỗ Bồ Tát
Vì nghe Phật đạo.
Bồ Tát bèn dùng
Tâm không sợ hãi
Chẳng mong cầu gì
Vì họ nói pháp.

Nếu những người đó, dùng tâm cầu đạo đến chỗ Bồ Tát tu đạo, muốn cầu Phật pháp. Bồ Tát nầy bèn dùng tâm không sợ hãi, chẳng ôm lòng mong cầu gì hết, chẳng tham xí đồ cúng dường mà vì họ nói pháp.

Gái góa gái trinh
Và người bất nam
Đều chớ gần gũi
Để kết thân giao.
Cũng đừng gần gũi

Đồ tể hàng thịt
Thợ săn chài lưới
Vì lợi giết hại
Bán thịt tự sống
Hoặc buôn gái đẹp
Những người như thế
Chớ nên gần gũi.

''Gái góa'', tức là đàn bà đã mất chồng, ''gái trinh'', là gái chưa lấy chồng. ''Bất nam'' là sinh, kiện, kị, biến, bán, năm loại bất nam. Những người như thế, đều chớ nên gần gũi kết thân với họ. Cũng đừng gần gũi người đồ tể giết heo bò và kẻ bán thịt, thợ săn, chài lưới, vì kiếm lợi mà giết hại chúng sinh, người mua bán các loại thịt để sống, hoặc người mưu sinh buôn gái đẹp. Những người như thế đều chớ nên gần gũi.

Hung ác đánh nhau
Đủ thứ đùa giỡn
Các dâm nữ thảy
Đều chớ gần gũi.
Đừng ở chỗ vắng
Vì nữ nói pháp
Nếu khi nói pháp

Không được giỡn cười.
Vào xóm khất thực
Dắt một Tỳ Kheo
Nếu không Tỳ Kheo
Một lòng niệm Phật.
Đó tức gọi là
Hành xứ cận xứ
Dùng hai nơi này
An vui nói pháp.

''Hung ác đánh đập'', tức là người học tập võ thuật. Đủ thứ sự đùa giỡn và người mua bán sắc đẹp, đều chớ gần gũi. Chớ ở nơi đơn độc vắng vẻ vì người nữ nói pháp. Nếu muốn nói pháp, thì không được cười giỡn. Vào trong xóm khất thực, phải dắt theo một thầy Tỳ Kheo cùng đi. Nếu không có Tỳ Kheo cùng đi, thì hãy đoan nhiên cung kính một lòng niệm Phật, như ''Nam Mô A Di Đà Phật'' hoặc ''Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật''. Ở trên là nơi thực hành và nơi gần gũi của người tu hành Bồ Tát đạo, nhờ hai nơi nầy mà an vui, vì đại chúng nói pháp.

Lại nữa chẳng tu
Pháp thượng trung hạ
Hữu vi vô vi

Pháp thật chẳng thật.
Cũng chẳng phân biệt
Người nam người nữ
Chẳng đắc các pháp
Chẳng biết chẳng thấy.
Đó tức gọi là
Chỗ Bồ Tát tu
Tất cả các pháp
Hết thảy đều không.
Chẳng có thường trụ
Cũng chẳng khởi diệt
Đó gọi bậc trí
Chỗ nên gần gũi.
Điên đảo phân biệt
Các pháp có không
Là thật chẳng thật
Là sinh chẳng sinh.
Ở nơi chỗ vắng
Tu nhiếp tâm mình
An trụ chẳng động
Như núi Tu Di.

Quán tất cả pháp
Hết thảy đều không
Giống như hư không
Nên chẳng kiên cố.
Không sinh không xuất
Không động không lùi
Thường trụ một tướng
Đó gọi cận xứ.

Người tu hành Bồ Tát đạo, chẳng tu hành pháp thượng trung hạ (pháp thượng là Bồ Tát thừa, trung pháp là Duyên Giác thừa, hạ pháp là Thanh Văn thừa), pháp hữu vi và pháp vô vi, pháp thật, pháp chẳng thật, đều không thể tu hành, cũng chẳng phân biệt là nam hay nữ. Nam tức huệ, nữ tức là định. ''Định'' ''huệ'' như một, cho nên đừng có phân biệt. Vì vô trí cũng vô đắc, cho nên ''chẳng đắc các pháp'', càng ''không biết không thấy'' tất cả các pháp, đó gọi là chỗ thực hành của Bồ Tát. Tất cả các pháp, hết thảy đều không, chẳng có thường trụ, tức không thường trụ, tức chẳng chấp trước, không chấp trước thì được giải thoát. Quán tất cả các pháp không sinh không diệt, ''Đó gọi bậc trí'', chỗ nên gần gũi.

Đừng điên đảo, thêm vào sự phân biệt có không của các pháp, đây là pháp thật, kia là pháp giả, đây là có sinh, kia là chẳng sinh. Nên ở chỗ vắng vẻ tu nhiếp tâm mình,

an trụ bất động, đứng vững bất động như núi Tu Di. Yên lặng quán tất cả các pháp đều chẳng có, giống như hư không, chẳng có tự thể, cho nên chẳng kiên cố. ''Không sinh không xuất'', ''không động không lùi'', ''thường trụ một tướng'', thường trụ ở tướng chẳng có chẳng không, đó gọi là chỗ tu hành của Bồ Tát.

Nếu có Tỳ Kheo
Sau ta diệt độ
Vào hành xứ này
Khi nói kinh này.
Chẳng có sợ hãi
Bồ Tát có khi
Vào nơi yên tĩnh
Nhớ nghĩ chân chánh.
Theo nghĩa quán pháp
Từ thiền định dậy
Vì các quốc vương
Vương tử thần dân.
Bà la môn thảy
Khai thị diễn nói
Kinh Pháp Hoa này
Trong tâm an ổn.

Chẳng có sợ hãi
Văn Thù Sư Lợi !
Đó gọi Bồ Tát
An trụ sơ pháp.
Hay ở đời sau
Nói Kinh Pháp Hoa.

Nếu có Tỳ kheo, sau khi ta diệt độ, vào chỗ tu hành của Bồ Tát như thế, và chỗ gần gũi của Bồ Tát, khi diễn nói Kinh Pháp Hoa thì chẳng sợ hãi, cũng chẳng mong cầu gì cả, ''Đến chỗ vô cầu thì chẳng lo''. Có khi Bồ Tát vào chỗ vắng vẻ, nghĩ nhớ đạo lý Phật pháp chân chánh. Trước khi giảng kinh, ngồi yên một tiếng đồng hồ, để cho lắng đọng vọng tưởng tạp loạn, ở trong sự tĩnh lự ngộ ra đạo lý để giảng kinh thuyết pháp. Sau khi xuất định thì vì các quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, hoặc Bà la môn thảy, khai thị diễn nói diệu lý vô thượng trong Kinh Pháp Hoa, trong tâm bình ổn an lạc, chẳng có sợ hãi.

Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên biết, Bồ Tát nầy an trụ vào pháp môn sơ bộ, tu hành như thế thì tương lai vào thời mạc pháp, sẽ có thể diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi Như Lai diệt độ, ở trong đời mạc pháp, muốn nói

kinh này, thì nên trụ vào an lạc hạnh. Nếu miệng diễn nói, hoặc đọc tụng kinh này, thì đừng nên nói lỗi của người, và lỗi của kinh điển, cũng đừng khinh mạn các pháp sư khác, đừng nói tốt xấu thị phi của kẻ khác, đối với hàng Thanh Văn cũng đừng gọi tên của họ, nói lỗi lầm của họ, cũng đừng gọi tên khen ngợi tốt, cũng đừng sinh tâm oán hận, vì khéo tu tâm an lạc như thế. Các người đến nghe pháp chẳng nghịch ý của họ. Nếu họ có vấn nạn, thì đừng dùng pháp tiểu thừa mà đáp, chỉ dùng pháp đại thừa để giải thích, khiến cho họ đắc được Nhất thiết chủng trí.

Đức Phật lại gọi : Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi Như Lai diệt độ, ở đời mạc pháp muốn nói kinh nầy, thì nên trụ vào an lạc hạnh, nếu miệng tuyên nói, hoặc đọc tụng kinh nầy, thì đừng nói lỗi lầm của kẻ khác, hoặc lỗi lầm của kinh điển, cũng đừng khinh mạn kinh điển, hoặc pháp sư khác, như đối với pháp của pháp sư nói khởi tâm phân biệt, đây như thế nầy, kia như thế nọ, cũng đừng nói thị phi về kẻ khác. Đối với hàng Thanh Văn cũng đừng

gọi thẳng tên của họ. Người Mỹ chẳng có phân biệt lớn nhỏ tôn ti, con mà cứ gọi thẳng tên của cha, đó là cử chỉ chẳng cung kính. Người tại gia không nên gọi thẳng pháp danh của người xuất gia, gọi pháp hiệu thì được. Như trong Vạn Phật Thành, pháp danh của người xuất gia là Quả ...., pháp hiệu là Hằng ...., người tại gia có thể gọi pháp hiệu, như thầy Hằng..... Đối với người xuất gia còn chưa có thể gọi thẳng tên, hà huống đối với sư phụ càng không nên gọi thẳng tên của thầy. Nếu đệ tử gọi thẳng tôi là Độ Luân pháp sư, hoặc Tuyên Hóa pháp sư, thì đó là cử chỉ bất kính. Nếu như gọi thẳng là Độ Luân, hoặc Tuyên Hóa, thì là hành vi khi thầy diệt tổ. Giữa người xuất gia với người xuất gia, cũng không thể gọi thẳng pháp danh họ, có thể gọi pháp hiệu với nhau, chỉ có sư phụ được gọi pháp danh của đệ tử.

Đối với pháp sư tiểu thừa, đừng gọi tên nói lỗi của họ, cũng đừng khen ngợi họ. Nếu pháp sư chân chánh có đức hạnh, thì khen ngợi cũng chẳng sao, chỉ đừng gọi tên của họ. Lại đừng sinh tâm oán hận hiềm khích, nếu như bạn chẳng có các thứ mao bệnh ở trên, thì trong tâm chẳng có tham sân si, thì tự nhiên sẽ được an lạc. Đối với tất cả người đến nghe pháp, chẳng nghịch ý của họ mà quán căn cơ thí giáo. Nếu họ có vấn nạn thì chớ dùng pháp tiểu thừa để giải nói, khiến cho họ đắc được Nhất thiết chủng trí.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Bồ Tát thường thích
An ổn nói pháp
Ở chỗ thanh tịnh
Mà thí giường tòa.
Dùng dầu thoa thân
Tắm rửa bụi bặm
Mặc y mới sạch
Trong ngoài đều sạch.
Ngồi yên pháp tòa
Tùy hỏi mà nói
Nếu có Tỳ Kheo
Và Tỳ Kheo ni.
Các cư sĩ nam
Và cư sĩ nữ
Quốc vương vương tử
Quần thần sĩ dân.
Dùng nghĩa vi diệu
Vui vẻ mà nói
Nếu có vấn nạn

Theo nghĩa mà đáp.
Nhân duyên ví dụ
Phân biệt diễn nói
Nhờ phương tiện đó
Khiến họ phát tâm.
Dần dần tăng ích
Vào trong Phật đạo
Trừ tâm lười biếng
Và tưởng giải đãi.
Lìa các ưu não
Từ tâm nói pháp.

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa ở trên vừa nói, bèn dùng kệ để nói. Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, thường muốn khiến cho chúng sinh an ổn đạo và an ổn quả, mà vì họ nói pháp, tức là vào nhà Như Lai. Ở nơi thanh tịnh thì giường tòa tức là tòa Như Lai. Dùng dầu thơm thoa thân, tức là mặc y Như Lai. Rửa sạch tất cả bụi bặm, ‘’mặc y mới sạch‘’, tức là mặc y Như Lai, trong ngoài đều thanh tịnh, bên trong chẳng có vọng tưởng, bên ngoài chẳng có bụi bặm. Ngồi yên trên tòa Như Lai, tùy theo sự vấn nạn mà nói pháp. Nếu gặp Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, vương tử, đại thần và nhân dân, nên dùng nghĩa lý không thể nghĩ bàn, vui vẻ mà vì họ nói

pháp. Nếu có sự vấn nạn thì tùy nghĩa lý đại thừa để trả lời, dùng các thứ nhân duyên và ví dụ để phân biệt diễn nói. Dùng pháp phương tiện khiến cho họ phát tâm bồ đề và ngày càng tăng ích, thành tựu Phật đạo. Trừ khử đi tâm lười biến, và mọi tư tưởng giải đãi, lìa tất cả ưu sầu phiền não, tâm từ bi vì chúng sinh nói pháp.

Ngày đêm thường nói
Đạo lý vô thượng.
Dùng các nhân duyên
Vô lượng ví dụ
Khai thị chúng sinh
Khiến cho hoan hỉ.
Y phục ngọa cụ
Ẩm thực thuốc thang
Hết thảy các thứ
Chẳng mong cầu gì.
Chỉ một lòng nhớ
Nhân duyên nói pháp
Nguyện thành Phật đạo
Khiến họ cũng thế.
Đó là lợi lớn
An vui cúng dường.

Ngày đêm sáu thời vì chúng sinh nói pháp, dùng tâm từ bi giáo hóa chúng sinh, diễn nói đạo lý vô thượng trong Phật giáo, chỉ sợ chúng sinh chẳng hiểu diệu lý, cho nên dùng đủ thứ nhân duyên, vô lượng ví dụ để khai thị, khiến cho đại chúng đều hoan hỉ. Đối với y phục, ngọa cụ, ẩm thực, thuốc men, các thứ vật chất, chẳng mong cầu gì hết, chỉ một lòng nhớ vì chúng sinh tùy căn cơ nói pháp, nguyện thành Phật đạo, cũng khiến cho chúng sinh thành tựu Phật đạo. Nghĩ như thế mới là lợi lớn cho tất cả chúng sinh, cúng dường an lạc cho chúng sinh.

Sau ta diệt độ
Nếu có Tỳ Kheo.
Thường hay diễn nói
Kinh Pháp Hoa này
Tâm chẳng sân hận
Các não chướng ngại.
Cũng chẳng sầu lo
Và người chưởi mắng
Lại chẳng sợ hãi
Thêm đao gậy thảy.
Cũng chẳng đuổi ra
Vì nhờ nhẫn nhục

Bậc trí như thế
Khéo tu tâm mình.
Thường trụ an lạc
Như ta nói trên
Công đức người đó
Ngàn vạn ức kiếp.
Toán số ví dụ
Nói chẳng hết được.

Sau khi Đức Phật diệt độ, nếu có Tỳ kheo tức là người xuất gia hành Bồ Tát đạo, thường hay diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diễn nói pháp của Kinh Pháp Hoa, ''Tâm chẳng sân hận đố kị'', học Phật pháp tức là vì tìm kiếm chân tâm. Tâm chẳng có đố kị sân hận, tức là lìa các phiền não, cũng chẳng chướng ngại. Chẳng những mình chẳng có chướng ngại, mà đối với người khác cũng chẳng có chướng ngại. Nếu bạn trong ngoài đều chẳng có chướng ngại, thì dù người khác chướng ngại bạn, thì chướng ngại đó cũng chẳng làm gì được. Cũng chẳng có ''kẻ mắng chửi'', vì sao có người mắng chửi bạn ? Vì bạn thường trách mắng kẻ khác, cho nên kẻ khác cũng mắng chửi bạn. Bạn không trách mắng kẻ khác, thì chẳng có ai trách mắng bạn. ''Lại chẳng sợ hãi, thường ung dung, dù ép độc dược vẫn an nhàn''. Nhị tổ Thần Quang, Ngài bị người ta chém đầu, song Ngài vẫn an

nhiên bất động, lúc đó nước (máu) trắng chảy ra, hoàng đế mới biết là giết lầm bậc Thánh nhân, bèn xây dựng tháp thờ Ngài để kỷ niệm, để tỏ lòng ăn năng hối cải.

''Cũng chẳng đuổi ra'': Mọi người cùng tụ lại một chỗ để tu hành, nên dung hợp lại cùng một chỗ, bằng không thì phân tán, cuối cùng sẽ đuổi đi. Nếu cùng nhau nhẫn nhục hòa hợp vui vẻ, thì chẳng chướng ngại kẻ khác, dù người khác nổi giận gây sự, bạn cũng chẳng chấp trước, nhẫn được nhường nhịn được, ''cũng chẳng đuổi ra, vì nhờ nhẫn nhục''.

''Bậc trí như thế'' : Bậc có trí huệ sẽ không chấp trước việc nhỏ mà nóng giận. Họ ''khéo tu tâm mình'': Trụ vào hạnh an lạc, như đạo lý ở trên đã nói tu hành Bồ Tát đạo, công đức của người đó, trải qua ''ngàn vạn ức kiếp, toán số ví dụ, nói không kết được.''

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát, ở đời mạc pháp sau này, khi pháp muốn diệt, thì người thọ trì đọc tụng kinh này, đừng ôm lòng đố kị siểm nịnh, cũng đừng khinh khi mắng chưởi người học Phật đạo, đừng nói thị phi. Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, người cầu Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật, người cầu Bồ Tát đạo, đừng làm cho họ sinh phiền não, khiến cho họ nghi

ngờ, nói với họ rằng : Các ngươi cách đạo rất xa, không khi nào đắc được Nhất thiết chủng trí. Vì sao ? Vì các ngươi là những người phóng dật, tu đạo thì giải đãi, lại cũng không nên hí luận các pháp, có sự tranh luận. Nên khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh, với các đức Như Lai khởi nghĩ như Đại sư, với các vị đại Bồ Tát trong mười phương, luôn thành tâm cung kính lễ lạy.

Lại nữa, Bồ Tát Văn Thù và hết thảy đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, vào thời mạc pháp khi pháp muốn đoạn diệt, thọ mạng của con người đến lúc hai mươi tuổi, hoặc ba mươi tuổi, thì người hay thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, tâm đừng đố kị siểm nịnh, đừng hiềm nghèo trọng giàu, cũng đừng tùy ý trách mắng người tu Phật đạo, đừng nói thị phi kẻ khác. Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, người cầu Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật, người cầu Bồ Tát, không thể đắc tội với họ, khiến cho họ sinh phiền não, cho đến sinh tâm nghi ngờ và thối chuyển. Ví như nói với họ rằng : ‘’Các người cách đạo rất xa, chẳng khi nào đắc được Nhất thiết chủng trí (Nhất thiết chủng trí là tục đế, chủng trí là chân đế, chẳng tục chẳng chân là trung đế). Vì sao ? Vì ngươi là người phóng dật, tu đạo thì giải đãi. Không thể khinh mạn đối với

người mà nói ra lời như thế, lại không thể ở trong Phật pháp sinh hí luận, có sự tranh luận. Nên khởi tâm thương xót đối với chúng sinh, với tất cả chư Phật khởi nghĩ như cha lành, với các vị Bồ Tát khởi nghĩ như thầy tốt, với mười phương các vị Bồ Tát thường thành tâm cung kính lễ lạy.

Đối với tất cả chúng sinh, nên bình đẳng mà nói pháp, bởi do thuận pháp, không nên nói nhiều, không nên nói ít, cho đến người ái mến pháp thâm sâu, cũng không vì họ mà nói nhiều.

Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát đó, ở đời mạc pháp sau này, lúc pháp muốn diệt, người thành tựu an lạc hạnh thứ ba, khi nói kinh này, thì không ai có thể não loạn, được người đồng học tốt, cùng nhau đọc tụng kinh này, cũng được đại chúng đến nghe nhận, nghe rồi hay trì, trì rồi hay tụng, tụng rồi hay nói, nói rồi thì sẽ biên chép, hoặc khiến cho người biên chép cúng dường kinh quyển, cung kính tôn trọng khen ngợi.

Đối với tất cả chúng sinh, nên từ bi bình đẳng nói pháp, bởi do tùy thuận pháp, không nên vì chúng sinh nào đó cung kính, thì nói pháp nhiều đối với chúng sinh đó, còn chúng sinh nào đó chưa thể cung kính, thì nói pháp ít đối với chúng sinh đó. Cho đến người ưa mến pháp thâm sâu, thì chẳng vì họ nói pháp nhiều.

Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên biết đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, ở đời sau khi chánh pháp diệt, có thể thành tựu an lạc hạnh thứ ba, khi nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tất cả Thiên Long bát bộ đều đến hộ pháp. Hơn nữa, vì trong đời quá khứ, bạn chẳng gieo trồng nhân não loạn, cho nên hiện tại chẳng có chúng sinh đến làm não loạn. Được bạn đồng học tốt, cùng nhau đọc tụng kinh nầy, còn được đại chúng đồng đến nghe nhận, nghe kinh rồi lại hay thọ trì, rồi có thể học thuộc lòng, rồi diễn nói biên chép kinh nầy.

Nếu thỉnh người khác biên chép ấn tống kinh nầy, cúng dường lễ bái kinh nầy, phải cung kính tôn trọng khen ngợi chư Phật Như Lai, đều đến chứng minh Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu sinh một phần tâm cung kính thì có một phần cảm ứng; nếu sinh mười phần tâm cung kính thì có mười phần cảm ứng. Nên biết, kinh nầy trải qua trăm ngàn vạn kiếp mới gặp được, nếu chẳng có căn lành lớn, thì khó gặp nhân duyên thù thắng nầy, để học tập Phật pháp.

Tín chúng đến Phật Giáo Giảng Đường nghe kinh ngày càng đông, bây giờ e rằng Phật Giáo Giảng Đường nầy chẳng đủ để xử dụng, chúng ta hy vọng sớm có một giảng đường khác có thể dung chứa bốn, năm trăm người, mọi người đều thành tâm đến tụng trì Chú Đại Bi, tin rằng sẽ có cảm ứng không thể nghĩ bàn. Giống như Chùa Phổ Tế ở Núi Phổ Đà, đại hùng bảo điện xem có vẻ chẳng lớn mấy, song có khoảng một ngàn người vào trong đại diện cũng dung nạp được, thậm chí có một vạn người, thì đại điện nầy cũng dung nạp được, dù mười vạn người, điện nầy cũng có thể dung nạp, có thể nói là một ‘’Bảo điện‘’ không thể nghĩ bàn. Lần nầy chúng ta thành tâm niệm Chú, thì sẽ thành tựu một ‘’Bảo đường‘’, bảo đường nầy, có thể nhỏ cũng có thể lớn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Nếu muốn nói kinh này
Nên bỏ đố sân mạn
Tâm siểm nịnh tà ngụy
Thường tu hạnh chất trực.
Chẳng khinh khi kẻ khác
Cũng chẳng hí luận pháp
Chẳng khiến họ nghi ngờ
Rằng ông không thành Phật.

Bồ Tát đó nói pháp
Thường nhu hòa nhẫn nhục
Từ bi với tất cả
Chẳng sinh tâm giải đãi.
Mười phương đại Bồ Tát
Thương chúng nên hành đạo
Nên sinh tâm cung kính
Đó là thầy của ta.
Với chư Phật Thế Tôn
Nghĩ là cha vô thượng
Phá được tâm kiêu mạn
Nói pháp chẳng chướng ngại.
Pháp thứ ba như thế
Bậc trí nên một lòng
Thủ hộ an lạc hạnh
Vô lượng chúng cung kính.

Lúc bấy giờ, Phật Thích Ca muốn thuật lại nghĩa nầy mà nói kệ rằng : Đại Bồ tát tu hành Bồ Tát đạo, nếu muốn diễn nói Kinh Pháp Hoa, thì nên xả bỏ tâm đố kị, sân hận, kiêu mạn, siểm nịnh, khi dối, tà ngụy. Thường tu hạnh chất trực, do đó có câu : ‘’Trực tâm thị đạo tràng‘’. Không khinh khi kẻ khác, cũng chẳng hí luận pháp. Đừng

khiến cho kẻ khác sinh tâm nghi ngờ đối với Phật đạo, không thể nói : ''Ngươi tu hành giải đãi như vậy, không khi nào có thể được thành Phật.'' Đại Bồ Tát nói pháp thường nhu hòa nhẫn nhục, tức là mặc y Như Lai; từ bi đối với tất cả chúng sinh, tức là vào nhà Như Lai, siêng năng nói pháp, chẳng sinh tâm khinh mạn giải đãi. Mười phương đại Bồ Tát, vì thương xót chúng sinh nên hành Bồ Tát đạo. Chúng ta nên sinh tâm cung kính đối với đại Bồ Tát trong mười phương, xem các Ngài như là thầy tốt của mình. Đối với chư Phật Thế Tôn nên sinh ý nghĩ là cha từ bi vô thượng. Phá trừ được tâm kiêu ngạo ngã mạn, thì nói pháp chẳng có chướng ngại, đây là an lạc hạnh thứ ba.

Bậc có trí huệ, thì nên y theo pháp nầy mà tu hành, một lòng thủ hộ an lạc hạnh nầy. Vô lượng chúng sinh đều cung kính như đại Bồ Tát tu hành nầy.

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát vào đời sau này, khi pháp sắp diệt, có người nào trì Kinh Pháp Hoa này, đối với người tại gia, hoặc xuất gia, đều nên sinh tâm đại bi, đối với những người chẳng phải Bồ Tát, cũng nên sinh tâm đại bi, nên nghĩ như vầy : Người như thế tổn thất rất lớn, đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp, mà chẳng

nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu.

Đức Phật lại gọi một tiếng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát hạnh, trong tương lai vào thời mạc pháp, khi pháp muốn diệt, có Bồ Tát thọ trì đọc tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đối với những người tại gia, hoặc xuất gia, nên sinh tâm đại từ bi, muốn khiến cho tất cả chúng sinh vui vẻ. Đối với những người không tin Phật pháp, thậm chí người hủy báng Phật pháp, đều nên sinh tâm đại bi. Bi hay cứu khổ, cứu những chúng sinh tạo tội, nên nghĩ như vầy : Người như thế, tổn thất đi rất lớn, đức Như Lai phương tiện tùy nghi, quán căn cơ thí giáo vì họ nói pháp, gặp người đại thừa thì nói pháp đại thừa, gặp người tiểu thừa thì nói pháp tiểu thừa, do đó có câu :

''Phật dùng một âm diễn nói pháp
Chúng sinh theo loài đều hiểu rõ.''

Những người đó tạo tội chẳng tin Phật pháp, chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu Phật pháp, cũng chẳng hỏi, chẳng sinh niềm tin, lại chẳng cầu cứu kính giải thoát, cho nên hạng người nầy tổn thất rất lớn.

Người đó tuy chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, khi ta được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bất cứ ở đâu, ta

cũng dùng thần thông và trí huệ dẫn dắt họ, khiến cho họ được trụ ở trong pháp này.

Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát đó, sau khi Như Lai diệt độ, có ai thành tựu pháp thứ tư này, khi nói pháp này, thì chẳng có lỗi lầm, thường được Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà la môn, cư sĩ thảy, cung kính cúng đường, tôn trọng khen ngợi. Chư thiên vì nghe pháp, nên cũng thường theo hầu vị Bồ Tát đó. Nếu ở trong xóm làng, thành ấp, rừng vắng, có người đến muốn vấn nạn, thì chư Thiên ngày đêm thường vì pháp mà hộ vệ, khiến cho người nghe đều được hoan hỉ. Vì sao ? Vì kinh này nhờ thần lực của tất cả chư Phật, quá khứ hiện tại vị lai ủng hộ vậy.

Người đó, tuy chẳng hỏi, lại chẳng tin, cũng chẳng hiểu, diệu lý của Kinh Pháp Hoa. Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo nói : Ta phát nguyện, khi ta chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bất cứ ở đâu, ta đều dùng

thần thông và trí huệ, để tiếp dẫn người chẳng hỏi chẳng tin chẳng hiểu, khiến cho họ trụ ở trong diệu pháp.

Văn Thù Sư Lợi ! Vị Đại Bồ Tát đó, sau khi Phật diệt độ, thành tựu an lạc hạnh thứ tư, thì khi nói pháp chẳng có lỗi lầm, thường được Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà la môn, và cư sĩ thảy, cúng dường cung kính và tôn trọng khen ngợi. Chư thiên đều vì nghe pháp, cho nên thường theo hầu vị Bồ Tát đó. Nếu ở trong xóm làng thành ấp, rừng vắng, có ai đến muốn thưa hỏi, thì chư thiên hộ pháp thiện thần, vì bảo hộ Bồ Tát. Bồ Tát đó dùng diệu nghĩa đại thừa trả lời người hỏi, khiến cho tất cả người nghe đều được hoan hỉ. Vì sao ? Vì kinh nầy nhờ thần lực của tất cả chư Phật, quá khứ hiện tại và vị lai ủng hộ, cho nên tất cả khó khăn đều tiêu trừ.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này, ở trong vô lượng cõi nước, cho đến tên kinh còn không thể nghe được, hà huống là được thấy thọ trì đọc tụng.

Văn Thù Sư Lợi ! Ví như Chuyển luân thánh vương có sức mạnh, muốn dùng uy thế để hàng phục các nước, song các ông vua nhỏ chẳng thuận theo mệnh lệnh. Vua chuyển luân bèn đem các thứ binh đi chinh

phục. Vua thấy binh chúng ai chiến đấu có công thì rất hoan hỉ, tùy theo công lao mà ban thưởng, hoặc ban cho ruộng đất, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, hoặc ban cho quần áo, đồ nghiêm thân, hoặc ban cho các thứ châu báu, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, voi ngựa, xe cộ, nô tì, nhân dân.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Có rất nhiều người trong vô lượng kiếp, chẳng bao giờ được nghe tên Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Hiện nay có phái Nhật Liên (Nhật Bản) chỉ tụng ‘’Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh‘’, song họ chẳng biết kinh văn, hà huống người được thấy thọ trì đọc tụng kinh nầy càng ít có.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Ví như vua Chuyển Luân Thánh Vương, sức mạnh muốn dùng oai đức thế lực hàng phục các nước, mà các ông vua nhỏ chẳng thuận theo mệnh lệnh, bấy giờ vua Chuyển Luân Thánh Vương bèn đem các thứ binh để đi chinh phục. Vua Chuyển Luân Thánh Vương thấy binh chúng ai chiến đấu có công, thì sinh đại hoan hỉ, tùy theo công lao mà ban thưởng, hoặc dùng đất đai, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, hoặc ban cho y phục, đồ nghiêm thân, hoặc ban cho các thứ châu báu,

vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, xan hô, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tì, và nhân dân, để ban thưởng.

Vua Chuyển Luân Thánh Vương ban thưởng cho binh chúng ai có công, hoặc ban cho đất đai nhà cửa. ''Đất đai'' dụ cho tam muội, tức là định. ''Nhà cửa'' dụ cho trí huệ. ''Xóm làng'' dụ cho quả vị sơ quả và nhị quả. ''Thành'' dụ cho quả vị tam quả. ''Ấp'' dụ cho quả vị tứ quả. ''Y phục'' dụ cho nhẫn nhục. Bảy báu : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, xan hô, hổ phách, dụ cho bảy giác chi, còn gọi là bảy cảnh giới phần. ''Voi, ngựa, xe cộ'' đều là biểu thị cho nhị thừa. ''Nô tì'' biểu thị cho công dụng của thần thông. ''Nhân dân'' dụ cho thiện pháp.

Chỉ có hạt minh châu trong búi tóc là không cho thôi. Vì sao ? Chỉ có trên đỉnh của vua mới có hạt minh châu này. Nếu lấy đem cho, thì các quyến thuộc của vua rất kinh ngạc.

Văn Thù Sư Lợi ! Như Lai cũng lại như thế, nhờ sức thiền định trí huệ, mà được cõi nước pháp, là vua trong ba cõi, mà các ma vương chẳng chịu thuận phục.

Các hiền Thánh của Như Lai cùng chiến đấu với ma, ai có công thì tâm cũng hoan hỉ. Phật cũng hoan hỉ vì bốn chúng mà nói các kinh, khiến cho họ được vui mừng, ban cho thiền định giải thoát, căn lực vô lậu các pháp tài, còn ban cho thành Niết Bàn, nói được diệt độ, dẫn đạo tâm ý, khiến cho chúng sinh đều hoan hỉ, mà chẳng vì họ nói Kinh Pháp Hoa này.

Trong búi tóc của vua Chuyển Luân Thánh Vương có hạt minh châu quý giá, song không thể đem hạt minh châu ban thưởng cho tướng quân có công. Vì sao ? Vì chỉ có trong búi tóc của vua Chuyển Luân Thánh Vương mới có bảo châu nầy. Nếu đem bảo châu thưởng cho tướng quân, thì quyến thuộc của vua sẽ kinh ngạc.

Đức Phật lại gọi một tiếng Văn Thù Sư Lợi ! Nói : ''Như Lai cũng lại như thế, nhờ thiền định tam muội trí huệ không thể nghĩ bàn, được cõi nước vô thượng pháp, làm Pháp vương trong ba cõi, cõi dục, cõi sắc, và cõi vô sắc. Chỉ có các ma vương chẳng chịu thuận phục, Như Lai bèn sai các tướng hiền Thánh chiến đấu với ma, ai chiến đấu thắng lợi có công, thì tâm bèn sinh hoan hỉ. Phật cũng hoan hỉ vì bốn chúng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, nói tất cả kinh điển, hoặc nói tam tạng giáo

lý Bát nhã, tức cũng là : Tạng, thông, biệt, viên, đốn, tiệm, mật, bất định, tám thứ giáo. Vì đại chúng nói tất cả các kinh, khiến cho chúng sinh hoan hỉ, hoặc ban cho thiền định giải thoát căn lực vô lậu, ''căn'' tức là năm căn : Tín, tấn, niệm, định, huệ, khiến cho năm căn tăng trưởng gọi là năm lực.

''Còn ban cho thành Niết Bàn'' : ''Thành'' dùng để bảo vệ kẻ địch, ''thành Niết Bàn'' hay kháng cụ ma vương phá hoại Niết Bàn. Nói được diệt độ, dẫn đạo tâm ý, khiến cho tất cả chúng sinh đều hoan hỉ. Giữ gìn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh nầy chính như hạt bảo châu quý giá trong búi tóc của vua Chuyển Luân Thánh Vương, không thể tùy tiện vì người khác nói.

Văn Thù Sư Lợi ! Như vua chuyển luân thấy các binh chúng, ai có công lớn thì tâm rất hoan hỉ, bèn đem hạt châu khó tin này, từ lâu để trong búi tóc chẳng tùy tiện cho người, mà nay đem cho. Như lai cũng lại như thế, là đại Pháp Vương ở trong ba cõi, đem pháp giáo hóa tất cả chúng sinh, thấy quân hiền Thánh với ma năm ấm, ma phiền não, ma chết, đánh nhau. Có công lao lớn

diệt trừ ba độc, ra khỏi ba cõi, phá tan lưới ma.

Bấy giờ, Như Lai cũng rất hoan hỉ. Kinh Pháp Hoa này, hay khiến cho chúng sinh đến Nhất thiết trí. Tất cả thế gian nhiều oán khó tin kinh này, trước kia chưa từng nói mà nay nói ra.

Đức Phật lại gọi một tiếng Văn Thù Sư Lợi ! Như vua Chuyển Luân Thánh Vương, thấy binh chúng trong quân đội ai lập công lớn, thì tâm rất hoan hỉ, bèn đem hạt bảo châu khó tin nầy, từ lâu cất giấu ở trong búi tóc lấy đem cho. Đức Như Lai cũng lại như thế, làm đại Pháp vương ở trong ba cõi, đem diệu pháp vô thượng giáo hóa tất cả chúng sinh.

''Thấy quân Hiền Thánh'' : Thấy sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán, hoặc nhị thừa Duyên Giác quân hiền Thánh đánh với ''ma năm ấm'' : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mỗi người cùng đánh với ma năm ấm, ma phiền não, ma chết; đánh thắng những thứ ma nầy, trừ được tham sân si ba độc, thì vượt ra khỏi dục giới, sắc giới, vô sắc giới, phá được lưới ma. Lúc đó, Như Lại thấy người tu nhị thừa hoặc đại thừa có sở thành tựu, thì rất hoan hỉ. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy, hay khiến cho chúng sinh đạt đến bậc Nhất thiết chủng trí. Tất cả người

thế gian nhiều oán khó tin kinh nầy. Hơn bốn mươi năm trước kia, Như Lai chưa từng nói diệu pháp nầy, nay vì đại chúng nói diệu pháp thâm sâu vô thượng nầy.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này, là lời nói bậc nhất của các đức Như Lai. Ở trong các kinh, thì kinh này là thâm sâu nhất, chưa từng ban cho. Như vua chuyển luân sức mạnh kia, từ lâu giữ hạt minh châu, nay mới đem ra cho.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này, là tạng bí mật của chư Phật Như Lai. Ở trong các kinh, thì kinh này là trên hơn hết, giữ gìn từ lâu chưa hề tuyên nói, cho đến hôm nay, mới nói ra cho các ông nghe.

Đức Phật lại nói với Bồ Tát Văn Thù : ‘’Kinh Pháp Hoa nầy, là lời nói bậc nhấc của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, là diệu pháp thâm sâu vô thượng ở trong tất cả các kinh điển. Cuối cùng ban cho tất cả chúng sinh, như vua Chuyển Luân Thánh Vương sức mạnh giữ gìn minh châu ở trong búi tóc, do người nầy lập được công lớn nên mới đem ra cho.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa nầy, mới là pháp bất truyền của tất cả chư Phật mười phương ba đời, đứng

đầu ở trong các kinh, từ lâu bảo hộ giữ gìn không thể tùy tiện nói với mọi người. Do đó, hôm nay mới vì đại chúng diễn nói kinh nầy, cho nên phải trân tiếc Kinh Pháp Hoa nầy, đừng bao giờ xem thường‘’.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Thường thật hành nhẫn nhục
Thương xót hết tất cả
Mới nên nói kinh này
Kinh này được Phật khen.
Ai trì tụng kinh này
Đối với tại, xuất gia
Và chẳng phải Bồ Tát
Nên sinh lòng từ bi.
Những người nào chẳng nghe
Cũng chẳng tin kinh này
Tức tổn thất rất lớn
Khi ta được Phật đạo.
Sẽ dùng các phương tiện
Vì họ nói pháp này
Khiến họ trụ pháp này.

Sau khi Đức Phật nói xong kinh trường hàng, bèn dùng kệ để nói rõ nghĩa lý bên trong. Bồ Tát tu hành lục độ vạn hạnh, thì nên luôn luôn thực hành hạnh nhẫn nhục, nhẫn nhịn những việc mà người khác không nhịn được, thương xót tất cả chúng sinh mới có thể diễn nói kinh nầy. Kinh nầy là kinh được tất cả mười phương chư Phật ba đời khen ngợi. Vào thời mạc pháp sau nầy, ai trì tụng kinh nầy, thì bất luận đối với người tại gia, xuất gia và chẳng phải Bồ Tát, đều nên sinh tâm từ bi, khiến cho họ lìa khổ được vui. Những ai chẳng nghe, chẳng tin Kinh Pháp Hoa nầy, thật là tổn thất rất lớn, vì chẳng tin kinh nầy thì không thể thành Phật. Tương lai khi ta được thành Phật đạo, thì sẽ dùng sức thiền định, sức trí huệ và các thứ phương tiện, để vì họ nói kinh nầy, khiến cho tất cả chúng sinh được đượm nhuần pháp vũ, trụ ở trong pháp nầy.

Ví như vua chuyển luân
Có sức lực mạnh mẽ
Thấy lính đánh có công
Ban thưởng các báu vật.
Voi ngựa các xe cộ
Và đồ dùng nghiêm thân
Cùng đất đai nhà cửa
Xóm làng và thành ấp.
Hoặc ban cho y phục

Đủ thứ đồ quý báu
Nô tì và của cải
Đều hoan hỉ ban cho.
Như có tướng tài giỏi
Làm được các việc khó
Vua lấy hạt minh châu
Trong búi tóc đem tặng.

Ví như có vua Chuyển Luân Thánh Vương có uy đức lớn. Trên thế gian có Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương, và Thiết Luân Vương. Kim Luân Vương cai trị bốn đại bộ châu (Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lư Châu). Ngân Luân Vương cai trị ba đại bộ châu (Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa châu). Đồng Luân Vương cai trị hai châu (Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu). Thiết Luân Vương chỉ cai trị một châu. Vua Chuyển Luân Thánh Vương có bảy báu hiếm có ở trong thế gian. Binh lính chiến đấu có công được ban thưởng.

''Voi ngựa xe cộ'': Dụ cho nhị thừa. ''Đồ nghiêm thân'' : Dụ cho pháp môn tu thân. ''Đất đai nhà cửa'' : ''Đất đai'' : Dụ cho sức tam muội, ''nhà cửa'' dụ cho sức trí huệ. ''Xóm làng'' : Dụ cho tam quả và tứ quả A La Hán. ''Y phục'' : Dụ cho pháp môn nhẫn nhục. ''Các thứ

đồ quý báu‘’ : Tức là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách. ‘’Nô tì‘’ : Dụ cho thần thông, trong Phật pháp ai vận dụng thần thông, thì như là nô tì. Những vật ở trên đều hoan hỉ ban cho. ‘’Như có tướng tài giỏi, làm được việc khó làm‘’ : Nếu như có vị tướng tài giỏi, anh dũng đối địch, đánh đâu thắng đó, làm được việc khó mà người khác không làm được, thì lúc đó vua Chuyển Luân Thánh Vương mới lấy hạt bảo châu ở trong búi tóc, đem ra tặng cho tướng quân tài giỏi.

Phật vốn chẳng nói bộ Kinh Pháp Hoa nầy, bây giờ thời cơ chín mùi, cho nên mới nói bộ kinh nầy.

Như Lai cũng như thế
Là vua của các pháp
Có sức nhẫn nhục lớn
Và bảo tàng trí huệ.
Dùng sức đại từ bi
Theo pháp giáo hóa đời
Thấy tất cả mọi người
Chịu các sự khổ não.
Muốn cầu được giải thoát
Chiến đấu với lũ ma
Vì những chúng sinh đó
Nói ra đủ thứ pháp.

Dùng sức đại phương tiện
Diễn nói các kinh này
Khi đã biết chúng sinh
Đắc được các lực rồi.
Cuối cùng mới vì nói
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Như vua mở búi tóc
Ban tặng hạt minh châu.
Kinh này rất tôn quí
Trên hết trong các kinh
Ta thường luôn giữ gìn
Chẳng tùy tiện nói ra.
Nay đúng là phải thời
Vì các ông mà nói.

Đức Phật cũng như vua Chuyển Luân Thánh Vương. Phật là vua của các pháp, là đấng Pháp Vương, đắc được pháp diệu dụng tự tại vô ngại. ''Có sức nhẫn nhục lớn'' : Có uy đức lớn, có bảo tạng đại trí huệ. ''Dùng sức đại từ bi'' : Từ hay ban vui, bi hay cứu khổ. ''Theo pháp giáo hóa đời'' : Y theo pháp giáo hóa tất cả chúng sinh, quán căn cơ mà thí giáo, đáng dùng thân Phật độ được, thì hiện thân Phật mà vì họ nói pháp, đáng dùng

thân Bồ Tát được độ, thì hiện thân Bồ Tát mà vì họ thuyết pháp. Phật là vì người nói pháp, theo bệnh cho thuốc. Ví như người thích ăn ngon thì nói về ăn, song những gì nói ra là thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Người xuất gia ngày ăn một bữa, đều lấy pháp làm món ăn. ''Thấy tất cả mọi người'' : Đối với tài, sắc, danh, thực, thùy, năm dục có sự chấp trước, thì lo được lo mất. ''Chịu các sự khổ não, muốn cầu được giải thoát.'': Chịu tất cả sự khổ não muốn cầu giải thoát, thì phải chiến đấu với lũ ma, nào là ma phiền não, ma ngũ ấm, ma nghiệp chướng, ma ngu si, ma tâm tham, ma tâm sân, ma tâm si, ma tâm kiêu mạn, ma tâm nghi ngờ tác chiến, điều phục các ma chướng. Phật vì chúng sinh chấp trước ma, mà nói các thứ pháp, dùng đại phương tiện. Như Bồ Tát Địa Tạng, vì độ chúng sinh mà vào địa ngục, để vì chúng sinh nói pháp. Ngài nói : ''Ta chẳng vào địa ngục thì ai vào địa ngục.'' Tinh thần như vậy thật là vĩ đại. ''Nói ra các kinh nầy.'' Nói Kinh Phương Đẳng, Kinh Bát Nhã .v.v. ''Khi đã biết chúng sinh, đắc được các lực rồi.'' Cuối cùng mới vì nói Kinh Pháp Hoa. Đây cũng giống như vua Chuyển Luân Thánh Vương, mở búi tóc lấy hạt minh châu ra, ban tặng cho tướng quân có công lớn. ''Kinh nầy rất tôn quý'' : Kinh nầy là kinh chí tôn chí quý, đứng đầu trong các kinh, là ''Vua trong các kinh''. ''Ta thường giữ gìn luôn'' : Phật luôn luôn giữ gìn kinh nầy. ''Chẳng tùy tiện nói ra, nay đúng là phải thời, vì các ông mà nói'' : Bây giờ nên vì đại chúng mà nói ra kinh nầy.

Hiện tại cũng có người nói Kinh Lăng Nghiêm là kinh giả tạo, chẳng phải Phật nói ra. Nếu ai nhận lầm mắt cá là hạt chậu, thì chẳng biết thật giả, lấy thật làm giả, cuối cùng chẳng thể được chỗ diệu ở trong kinh. Hội Phật Giáo chúng ta trước hết giảng về Kinh Lăng Nghiêm, sau đó giảng Kinh Pháp Hoa, kế tiếp sẽ giảng Kinh Hoa Nghiêm, ba bộ kinh nầy ai ai cũng phải đọc tụng. Tất cả do tâm tạo, nghe kinh nghe pháp, mà có sự bổ ích tức là chân kinh. Kinh điển mà chúng ta giảng, đều là kinh điển thượng thừa chân thật.

Sau khi ta diệt độ
Ai mong cầu Phật đạo.
Muốn được sự an ổn
Nên diễn nói kinh này
Và phải nên gần gũi
Bốn pháp như đã nói.
Ai đọc tụng kinh này
Thường chẳng có ưu não
Nhan sắc rất tươi thắm
Chẳng sinh nhà bần cùng.
Chẳng làm kẻ nô tì
Chúng sinh đều ưa thấy

Như kính mộ hiền Thánh
Chư thiên các đồng tử.
Cũng nghe sự sai khiến
Đao gậy chẳng hại được
Độc cũng không thể hại
Nếu người ác mắng chưởi.
Thì miệng chẳng mở đặng
Du hành chẳng sợ sệt
Như loài sư tử chúa
Trí huệ quang chiếu sáng
Như mặt trời chiếu khắp.

Sau khi Phật vào Niết Bàn, Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, muốn được an ổn thì giải nói kinh nầy, nên thực hành thân an lạc hạnh, khẩu an lạc hạnh, ý an lạc hạnh, nguyện an lạc hạnh, bốn pháp. Người đọc tụng kinh nầy, thì thường chẳng có ưu não, chẳng có các bệnh khổ, cho nên người đó sắc mặt tươi sáng. Thấy người đó hồng quang đầy mặt, thì sẽ biết họ trí huệ sung mãn, cho nên hiện khí cát tường. Chẳng sinh nhà bần cùng, chẳng làm nô tì ti tiện, bị người sai khiến, còn tướng mạo thì tròn trịa, chúng sinh ưa thấy, như kính mộ hiền Thánh, cho đến các đồng tử trên trời cũng nghe bạn sai khiến. Đao gậy cũng chẳng hại được thân họ, độc dược cũng chẳng hại đặng. Nếu ai

muốn mắng chưởi bạn, thì miệng người đó chẳng mở ra được. Du hành thì chẳng sợ hãi gì cả, như chúa loài sư tử. Trí huệ quang chiếu khắp pháp giới, như mặt trời chiếu soi.

Nếu như ở trong mộng
Chỉ thấy những việc tốt
Thấy các đức Như Lai
Ngồi trên tòa sư tử.
Các đại chúng Tỳ Kheo
Vây quanh diễn nói pháp
Lại thấy các rồng thần
Và A tu la thảy.
Nhiều như cát sông Hằng
Đều cung kính chắp tay
Tự thấy chính thân mình
Vì chúng sinh nói pháp.
Lại thấy các đức Phật
Thân tướng sắc vàng tía
Phóng vô lượng quang minh
Chiếu khắp hết tất cả.
Dùng phạm âm thanh tịnh

Diễn nói thảy các pháp
Phật lại vì bốn chúng
Nói diệu pháp vô lượng.
Thảy đều thấy thân mình
Chắp tay khen ngợi Phật
Nghe pháp đều hoan hỉ
Mà dùng để cúng dường.
Đắc được Đà la ni
Chứng được trí bất thối
Phật biết tâm người ấy
Vào sâu nơi Phật đạo.
Tức là được thọ ký
Thành Chánh đẳng chánh giác
Các ông thiện nam tử !
Sẽ ở đời vị lai.
Được vô lượng trí huệ
Được thành tựu Phật đạo
Cõi nước rất nghiêm tịnh
Rộng lớn chẳng sánh được.
Cũng có đủ bốn chúng
Đều chắp tay nghe pháp

Lại thấy chính thân mình
Ở trong nơi núi rừng.
Tu tập các pháp lành
Chứng được các thật tướng
Vào sâu nơi thiền định
Thấy chư Phật mười phương.

Nếu ở trong giấc mộng, cũng thấy cảnh giới cát tường, thấy chư Phật ngồi trên tòa sư tử nói pháp. Lại thấy trời, rồng, A tu la, thảy tám bộ, nhiều như số cát sông Hằng đều cung kính chắp tay. Tự thấy thân mình vì tất cả chúng sinh nói pháp. Lại thấy chư Phật thân hiện màu vàng tía, phóng ra vô lượng quang minh chiếu khắp tất cả, dùng phạm âm thanh tịnh diễn nói các pháp. Âm thanh của người nói pháp cũng rất quan trọng, phải thanh tịnh rõ ràng, đó là do quả báo thuở xưa tu vô thượng căn mà đắc được quả báo. Phật vì bốn chúng mà nói các pháp vô thượng. Người đều thấy thân mình chắp tay khen ngợi Phật nói pháp. Người nhiều căn lành thì đều nằm mộng như thế. Nghe pháp hoan hỉ để cúng dường Phật. Đắc được pháp môn tổng trì, tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa, chứng được trí huệ bất thối. Phật biết tâm của người ấy vào sâu trong Phật đạo, tức là thọ ký thành Chánh đẳng chánh giác. Các ông thiện nam tử, ở trong đời vị lai sau nầy, sẽ được vô lượng trí huệ, được thành Phật đạo, cõi nước nghiêm tịnh, rộng lớn chẳng gì sánh bằng.

Cũng có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng chắp tay để nghe pháp. Lại thấy thân mình ở trong núi rừng thanh vắng, tu tập thiền định chứng được cảnh giới thật tướng diệu hữu, tức là cảnh giới ''Hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời''. Ở trong thiền định thấy mười phương chư Phật, nghe kinh nghe pháp.

Chư Phật thân sắc vàng
Tướng trăm phước trang nghiêm
Nghe pháp vì người nói
Thường có mộng tốt đó.
Lại mộng làm Pháp vương
Bỏ cung điện quyến thuộc
Và năm dục thượng diệu
Đi thẳng đến Đạo tràng.
Ở dưới cội bồ đề
Ngồi trên tòa sư tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Đắc được trí chư Phật.
Thành vô thượng đạo rồi
Bèn chuyển bánh xe pháp
Vì bốn chúng nói pháp
Qua ngàn vạn ức kiếp.

Nói diệu pháp vô lậu
Độ vô lượng chúng sinh
Sau sẽ vào Niết Bàn
Như củi hết lửa tắt.
Nếu đời ác sau này
Nói pháp bậc nhất này
Người đó được lợi lớn
Như công đức ở trên.

Người đó ở trong mộng thấy Phật phóng kim quang, ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp vi diệu thanh tịnh trang nghiêm. Ở trước chư Phật nghe pháp và vì người nói pháp, thường được những giấc mộng tốt như thế. Lại mộng thấy mình làm vua, xả bỏ tam cung lục viện thê thiếp; tài, sắc, danh, thực, thùy, và sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đi đến Đạo tràng ngồi trên tòa sư tử dưới cội bồ đề, cầu đạo quá bảy ngày, thì được trí của chư Phật, thành vô thượng đạo. Tám tướng thành đạo, chuyển đại pháp luân, vì Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng mà nói pháp. Trong mộng qua ngàn vạn ức kiếp, nói diệu pháp vô lậu, độ vô lượng chúng sinh, sau sẽ vào Niết Bàn, như củi hết lửa tắc. Nếu trong đời ác tương lai, ai nói Kinh Pháp Hoa nầy, thì người đó sẽ được lợi ích rất lớn.

Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng nầy, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thảy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

Kệ hồi hướng công đức

Nguyện đem công đức nầy
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân nầy
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5.(trọn bộ)

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lược in ra những tập kế tiếp.

Phật bình đẳng nói pháp
Như nước mưa một vị
Tùy căn tánh chúng sinh
Tiếp thọ đều khác nhau.
Như các cỏ cây kia
Được đượm nhuần khác nhau
Phật dùng ví dụ nầy
Phương tiện mà khai thị.

Kinh
diŒu pháp liên hoa

Giảng giải

Tập 4

Hoà thượng Tuyên Hoá

Vì chúng sinh có đủ thứ tánh,
đủ thứ dục, đủ thứ hạnh,
đủ thứ nghĩ nhớ phân biệt.
Phật muốn khiến cho sinh các căn lành,
cho nên dùng đủ thứ nhân duyên,
ví dụ lời lẽ, đủ thứ thuyết pháp,
làm các Phật sự, chưa từng tạm xả bỏ.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 4

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail: chuakimquang@aol.fr
http://chuakimquang.com

Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ
Nguyễn Văn Tuyến, pd Tâm Mãn
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

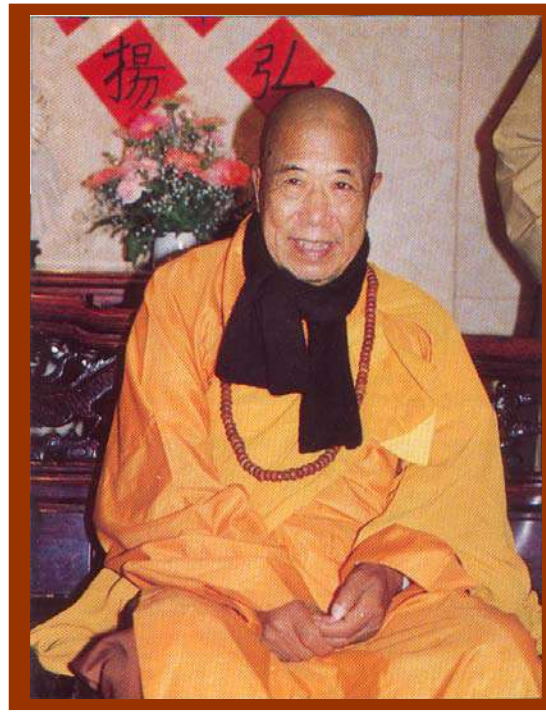

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển 5

Phẩm từ dưới đất vọt lên thứ 15.....8
Phẩm thọ lượng của Như Lai thứ 16.....72
Phẩm phân biệt công đức thứ 17.....120

Quyển 6

Phẩm tùy hỷ công đức thứ 18.....174
Phẩm công đức pháp sư thứ 19.....203
Phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh thứ 20.....282
Phẩm thần lực của Như Lai thứ 21.....308
Phẩm chúc lũy thứ 22.....328
Phẩm bổn sự Bồ Tát Dược Vương thứ 23.....337

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM TỪ DƯỚI ĐẤT VỌT LÊN
THỨ MƯỜI LĂM

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chia làm bảy quyển, tổng cộng có hai mươi tám phẩm. Mười bốn phẩm trước, là nói về nhân của một thừa. Mười bốn phẩm sau là nói về quả của một thừa. Cũng có thể nói mười bốn phẩm trước là khai quyền hiển thật (Mở bày phương tiện, để hiện ra tướng chân thật), mười bốn phẩm sau là khai cận hiển viễn (Mở bày gần để biết xa), đều nói pháp tối thượng thừa.

Phẩm này thuật lại vô lượng vô biên đại Bồ Tát, trụ ở trong hư không, ở thế giới phương dưới, các Ngài từ dưới đất vọt lên. Tại sao ? Vì muốn cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì phải hộ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đó là những pháp thân Đại Sĩ (đại Bồ Tát) ở trong quá khứ, đã từng làm đệ tử của đức Phật Thích Ca. Bây

giờ, các Ngài đều đến hoằng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bấy giờ, các vị đại Bồ Tát đến từ các cõi nước phương khác, số nhiều hơn số cát của tám sông Hằng, ở trong đại chúng đều đứng dậy chắp tay làm lễ, mà bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Xin Ngài lóng nghe, sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ ở tại thế giới Ta Bà này, siêng năng tinh tấn, hộ trì đọc tụng, biên chép cúng dường kinh điển này, sẽ ở cõi này mà vì chúng sinh rộng nói kinh này.

Lúc đó, tức cũng là sau khi nói xong Phẩm An Lạc Hạnh, chính là lúc phải nói phẩm ''Từ dưới đất vọt lên'', tức là vào lúc có rất nhiều các vị đại Bồ Tát, đến từ các cõi nước phương khác, số đông vô lượng nhiều hơn số cát tám sông Hằng. Các Ngài đến gặp đức Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca. Những vị đại Bồ Tát này, ở trong đại chúng cùng nhau đứng dậy, cung kính chắp tay mà bạch Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Xin Ngài nghe chúng con phát nguyện, sau khi Phật diệt độ, chúng con nhất định tu hành ở tại thế giới Ta Bà này, siêng năng tinh tấn hộ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, biên chép Kinh

Pháp Hoa, cúng dường Kinh Pháp Hoa. Chúng con ở trong cõi nước này, rộng vì tất cả chúng sinh, diễn nói đạo lý chân thật của Kinh Pháp Hoa, khiến cho tất cả chúng sinh gieo trồng căn lành, sớm thành tựu quả vị Phật.

Bấy giờ, đức Phật bảo các chúng đại Bồ Tát : Thôi đi ! Thiện nam tử ! Không cần các ông hộ trì kinh này, tại sao ? Vì thế giới Ta Bà của ta đây, đã có các đại Bồ Tát nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Mỗi vị Bồ Tát đều có quyến thuộc, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Hết thảy những người đó, sau khi ta diệt độ, sẽ hộ trì, đọc tụng, rộng nói kinh này.

Lúc đó, đức Phật bảo các vị đại Bồ Tát số đông nhiều như số cát tám sông Hằng, đến từ các phương khác rằng : ‘’Thôi đi ! Không cần đâu. Thiện nam tử ! Các ông đừng phát nguyện đến hộ trì Kinh Pháp Hoa.’’ Tại sao lại nói vậy ? Vì Đức Phật Thích Ca muốn khiến cho đệ tử của mình, gieo trồng nhiều căn lành, làm nhiều công đức. Lại nói tiếp : ‘’Vì thế giới Ta Bà của ta đây, đã có các đại Bồ Tát, đông nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Mỗi vị Bồ Tát đều có quyến thuộc (đệ tử) đông nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Hết thảy những người đó sớm đã phát

nguyện, sau khi ta diệt độ sẽ hộ trì, đọc tụng, biên chép, rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa này.

Khi đức Phật nói như thế, thì ba ngàn đại thiên thế giới Ta Bà, mặt đất rúng nứt, và trong sự rúng nứt đó, có vô lượng ngàn vạn ức đại Bồ Tát đồng thời vọt lên, các vị Bồ Tát đó, thân đều màu vàng, đủ ba mươi hai tướng, có vô lượng quang minh. Các vị Bồ Tát đó, đều trụ ở trong hư không, ở dưới cõi Ta Bà.

Khi Đức Phật Thích Ca nói những lời như thế, thì tại thế giới Ta Bà ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả đất đai đều chấn động nứt ra, trong sự đất nứt ra có vô lượng ngàn vạn ức đại Bồ Tát đồng thời vọt lên. Những vị đại Bồ Tát đó, đều là đệ tử của Đức Phật Thích Ca giáo hóa ở trong quá khứ.

Các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, thân đều màu vàng tía, đầy đủ ba mươi hai tướng đại nhân, lại có vô lượng quang minh. Các Ngài đều trụ ở trong hư không, ở dưới cõi Ta Bà.

Các vị Bồ Tát đó, nghe tiếng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni diễn nói diệu pháp,

bèn từ phương dưới mà đến, mỗi vị Bồ Tát đều là đạo sư của đại chúng, ai nấy đều mang theo quyến thuộc, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng, có vị mang theo quyến thuộc, nhiều như số cát năm vạn, bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn sông Hằng.

Chỗ ở của các vị Bồ Tát đó, tuy nhiên cách thế giới của chúng ta ở rất xa, xong pháp âm của Đức Phật Thích Ca diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, các Ngài đều nghe được rất rõ ràng, cho nên từ phương dưới mà đến pháp hội Linh Sơn. Các Ngài đều là đạo sư giáo hóa chúng sinh, làm sư biểu của chúng sinh. Đều là thủ lãnh của đại chúng.

Mỗi vị Bồ Tát đều mang theo quyến thuộc (đệ tử theo Bồ Tát học Phật pháp) đến pháp hội. Có vị Bồ Tát đem theo quyến thuộc, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng, hoặc có vị mang theo quyến thuộc nhiều như số cát năm vạn, bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn, sông Hằng.

Hoặc có vị chỉ mang theo quyến thuộc, nhiều như số cát một sông Hằng, nửa sông Hằng, một phần tư, cho đến một phần ngàn vạn ức Na do tha. Lại có vị mang theo ngàn

vạn ức Na do tha quyến thuộc, hoặc là ức vạn quyến thuộc, hoặc ngàn vạn, trăm vạn, cho đến một vạn, hoặc một ngàn, một trăm, cho đến mười, hoặc có vị chỉ mang theo năm, bốn, ba, hai, một vị đệ tử.

Có vị Bồ Tát mang theo ngàn vạn ức Na do tha quyến thuộc, hoặc ức vạn quyến thuộc, hoặc mang theo ngàn vạn quyến thuộc, hoặc mang theo trăm vạn quyến thuộc, cho đến một vạn quyến thuộc, hoặc có vị mang theo một ngàn quyến thuộc, hoặc mang theo một trăm quyến thuộc, cho đến mười quyến thuộc, hoặc mang theo năm vị đệ tử, hoặc mang theo bốn vị đệ tử, hoặc ba, hai, một vị đệ tử. Những số mục này chẳng nhất định. Theo biểu pháp mà giảng, thì năm là đại biểu cho năm uẩn, bốn đại biểu cho bốn đế, ba đại biểu cho ba độc, hai đại biểu cho hai đức (trí huệ), một đại biểu cho một thật đạo (chân như, chân lý tuyệt đối) .

Lại có vị Bồ Tát sống một mình, ưa thích hạnh xa lìa thế gian, hết thảy như thế vô lượng vô biên, không thể nào tính đếm, ví dụ, biết được số lượng.

Có vị Bồ Tát phát nguyện chẳng thu nhận đệ tử, tự mình sống một mình, tu hành ở trong rừng sâu núi thẳm, xa lìa sự ồn ào thế gian, đó là ‘’ưa thích hạnh xa lìa‘’, tức cũng là tu hạnh đầu đà (khổ hạnh). Hết thảy như thế nhiều vô lượng vô biên, chẳng cách chi tính đếm, ví dụ để biết được số lượng chính xác.

Các vị Bồ Tát đó, từ dưới đất vọt lên rồi, đều đến chỗ tháp bảy báu trong hư không, của đức Đa Bảo Như Lai, và đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đến rồi, ai nấy đều hướng về hai đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, và đến dưới các cây báu chỗ của chư Phật, ngồi trên tòa sư tử cũng đều làm lễ, nhiễu bên phải ba vòng, chắp tay cung kính, dùng đủ thứ pháp khen ngợi của các Bồ Tát để khen ngợi, rồi lui về một bên chiêm ngưỡng hai đức Thế Tôn.

Vô lượng vô biên những vị đại Bồ Tát đó, sau khi từ dưới đất vọt lên rồi, mỗi vị Bồ Tát đều đến chỗ tháp bảy báu trong hư không, của đức Đa Bảo Như Lai và đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đến rồi, ai nấy đều hướng về hai đức Thế Tôn, đảnh lễ năm thể sát đất, thân tâm cung kính. Lại đến dưới cây báu trước tòa sư tử, của chư Phật đến từ mười phương cuối đầu đảnh lễ. Nhiễu bên phải ba vòng, biểu thị cung kính. Sau đó, chắp tay lại cung kính chiêm ngưỡng tôn nhan của chư Phật, dùng những lời khen ngợi của các Bồ Tát để khen ngợi :

‘’Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỉ
Thế gian sở hữu ngã tận kiến
Nhất thiết vô hữu như Phật giả‘’.

Nghĩa là:

Trên trời nhân gian không ai bằng Phật
Mười phương thế giới không ai sánh bằng
Hết thảy thế gian ta thấy hết
Tất cả không ai như đức Phật.

Chúng ta mỗi ngày niệm :

‘’Phật A Di Đà Phật thân sắc vàng
Tướng tốt chói sáng không ai bằng
Hào quang trắng chuyển động như Tu Di
Mắt Phật xanh biếc như nước bốn biển
Trong quang minh có vô số hoá Phật
Hóa Bồ Tát chúng cũng nhiều vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh

Chín phẩm sen vàng lên bờ giác‘’.

Đó là pháp khen ngợi Phật. Những vị Bồ Tát đó, sau khi đảnh lễ khen ngợi rồi, bèn lui về một bên, chuyên tâm chiêm ngưỡng đức Đa Bảo Như Lai và Phật Thích Ca, mắt chẳng tạm rời.

Các vị đại Bồ Tát từ khi mới vọt lên, dùng đủ thứ pháp của các Bồ Tát, để khen ngợi Phật, thời gian như thế trải qua năm mươi tiểu kiếp.

Những vị đại Bồ Tát đó, bắt đầu từ dưới đất vọt lên, bèn dùng đủ thứ pháp khen ngợi của Bồ Tát, để khen ngợi đức Đa Bảo Như Lai, đức Phật Thích Ca và các đức Phật từ mười phương đến. Khen ngợi Phật như thế, trải qua thời gian năm mươi tiểu kiếp.

Tiểu kiếp là gì ? Tuổi thọ của con người bắt đầu từ mười tuổi, mỗi một trăm năm thì tăng một tuổi, thân cao thêm một tất, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì ngừng (một tăng). Sau đó lại giảm xuống, cũng mỗi một trăm năm thì giảm một tuổi, thân cao cũng giảm xuống một tấc, giảm xuống còn mười tuổi thì ngừng (một giảm), do đó ‘’Một tăng một giảm là một kiếp‘’.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn ngồi yên lặng, bốn chúng cũng đều yên lặng.

Thời gian năm mươi tiểu kiếp rất dài, nhưng nhờ thần lực của Phật, khiến cho đại chúng cảm thấy như chỉ nửa ngày.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca vẫn ngồi yên lặng trong thời gian năm mươi tiểu kiếp, chưa từng nói pháp gì. Trong hội này có người hoài nghi : ''Đức Phật Thích Ca thọ chỉ tám mươi năm, nói pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, cuối cùng nói Kinh Pháp Hoa, từ khi bắt đầu cho đến cuối chỉ nói tám năm. Tại sao ở trong kinh văn nói : Đức Phật Thích Ca diễn nói Kinh Pháp Hoa trải qua năm mươi tiểu kiếp ? Chẳng có căn cứ gì cả ! Thật khiến cho mọi người khó tin.''

Trong Kinh Duy Ma Cật có ghi rằng : ''Ông Duy Ma Cật ở trong một căn nhà nhỏ, diện tích chiều dài chiều rộng chẳng quá một trượng. Song, có thể dung nạp được ba vạn hai ngàn tòa sư tử. Mỗi tòa sư tử cao khoảng tám vạn do tuần (một do tuần khoảng bốn mươi dặm). Nhà một trượng vuông làm sao có thể dung nạp được ba vạn hai nghìn tòa sư tử cao lớn như thế ? Đó là cảnh giới trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, viên dung vô ngại. Chẳng qua phàm phu chẳng minh bạch đạo lý này. Nếu minh bạch được, thì năm mươi tiểu kiếp, bất quá chỉ một niệm mà thôi. Nếu chẳng minh bạch thì tức là năm mươi tiểu kiếp. Do đó :

''Năm mươi tiểu kiếp tức một niệm,
Một niệm tức năm mươi tiểu kiếp.''

Năm mươi tiểu kiếp cũng chẳng phải là thời gian dài, một niệm cũng chẳng phải là thời gian ngắn. Tóm lại, đừng chấp trước, không nên có tâm phân biệt.

Bây giờ tôi kể một câu chuyện để cho mọi người nghe. Cao Phong Diệu Thiền Sư khi ngồi thiền, thì đến chỗ ven đỉnh núi mà ngồi thiền. Tại sao lại ngồi thiền ở chỗ nguy hiểm như thế ? Vì khi Ngài ngồi thiền, thì luôn luôn nhập mộng, chướng ngại sự tu hành. Cho nên, Ngài phát nguyện đến ven đỉnh núi ngồi thiền. Nếu mà ngủ gục, thì sẽ rớt xuống núi tan xương nát thịt, tức cũng là đề cao cảnh giác cho đừng ham ngủ. Một ngày trôi qua chẳng ngủ. Tại sao ? Vì chẳng dám ngủ, nếu mà ngủ thì sẽ rớt xuống vực thẳm, kết liễu tánh mạng. Vì sinh tồn cho nên không dám ngủ. Song, đến ngày thứ tám thì chịu hết nổi, mới ngủ trong lúc ngồi thiền, thân thể bèn nghiêng về phía trước rớt xuống vực thẳm ngàn trượng, trong tâm Ngài nghĩ lần này chắc chắn chẳng còn tánh mạng. Do đó, bèn buông bỏ thân tâm, chết thì chết ! Chẳng cần lo, ngủ bao lâu thì cứ ngủ !

Thân thể Ngài Cao Phong Diệu Thiền Sư rớt đến nửa đường, thì Bồ Tát Vi Đà đến hộ pháp, Bồ Tát Vi Đà đỡ Ngài ở trong hư không nâng Ngài đi lên. Ngài cảm thấy thân thể của mình lơ lửng thăng đi lên, cuối cùng đến

được nơi an toàn. Ngài mới hỏi ở trong hư không rằng :

''Vị thiện Thần nào đó đến hộ pháp tôi ?''

- Bồ Tát Vi Đà nói : ''Hộ Pháp Vi Đà.''

Ngài nghe tiếng của Bồ Tát Vi Đà thì bèn sinh tâm kiêu ngạo. Trong tâm nghĩ : ''Ta cảm ứng được Bồ Tát Vi Đà đến hộ pháp, đại khái người tinh tấn tu hành như ta trên thế giới này chắc chắn chẳng bao nhiêu.'' Do đó, mới hỏi Bồ Tát Vi Đà rằng : ''Bồ Tát Vi Đà ! Trên thế giới này, người tu hành dũng mãnh tinh tấn như ta có được bao nhiêu''?

Bồ Tát Vi Đà nói : ''Người tu hành như thế nhiều như lông bò. Ông sinh tâm cống cao ngã mạn như thế, trong tám vạn đại kiếp tới ta cũng chẳng hộ pháp cho ông''! Nói rồi bèn bỏ đi.

Lúc đó, Ngài Cao Phong Diệu Thiền Sư sinh tâm hổ thẹn rơi lệ, bèn nghĩ : ''Bồ Tát vi Đà chẳng hộ pháp cho ta, ta cũng phải tham thiền đả tọa, tu hành đạo nghiệp. Do đó, phấn chấn tinh thần bắt đầu ngồi thiền. Ngồi chẳng bao lâu, nhịn ngủ chẳng đặng lại ngủ gục nữa. Do đó, lại rớt xuống vực thẳm nữa. Ngài nghĩ : Lần này chẳng còn hy vọng nữa, tính mạng cũng chấm dứt. Trong lúc đó lại có hộ pháp Vi Đà đến đỡ Ngài, nâng đem lên trên núi. Ngài lại hỏi ở trong hư không rằng : ''Vị hộ pháp nào vậy''?

- Bồ Tát vi Đà nói : ''Hộ pháp Vi Đà.''

Ngài Cao Phong Diệu Thiền Sư nghe nói lại nổi giận nói : ''Lão Vi Đà, ông nói trong tám vạn đại kiếp

chẳng hộ pháp tôi, tại sao bây giờ lại đến cứu tôi ? Chẳng phải ông đã phạm giới nói dối chăng''? Bồ Tát Vi Đà nói : ''Vì ông khóc sinh tâm sám hối rất kiền thành, mà còn chân thật, cho nên vượt hơn thời gian tám vạn đại kiếp. Tức đã vượt quá thời gian thì tôi phải đến hộ pháp ông.'' Do đó có thể thấy, một niệm sám hối, có thể vượt quá tám vạn đại kiếp. Cảnh giới này thật là không thể nghĩ bàn.

Đức Phật Thích Ca ở trong năm mươi tiểu kiếp chẳng nói, bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ cũng chẳng nói. Thời gian năm mươi tiểu kiếp đó tuy rất dài, song vì nhờ thần lực của Phật nên khiến cho đại chúng cảm thấy giống như chỉ thời gian nữa ngày. Tóm lại, tuy trong nửa ngày có thể đã trải qua năm mươi tiểu kiếp; tuy năm mươi tiểu kiếp, mà giống như nửa ngày.

Bấy giờ, bốn chúng cũng nhờ thần lực của đức Phật, cho nên thấy các vị Bồ Tát, của vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi nước, đầy khắp hư không.

Lúc đó, bốn chúng cũng nhờ thần lực của Đức Phật, nên nhìn thấy các vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên đầy khắp hư không của vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi nước. Cứu kính đông nhiều bao nhiêu ? Chẳng ai biết được.

Bây giờ nói về thời gian. Trong kinh nói : ‘’Một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương, là năm mươi năm ở tại nhân gian. Một ngày một đêm ở cõi trời Đao Lợi, là một trăm năm ở tại nhân gian.

Một ngày một đêm ở cõi trời Dạ Ma, là hai trăm năm ở tại nhân gian. Mỗi từng trời cao hơn, thì thời gian gấp bội lên. Tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương là năm trăm tuổi, ở cõi trời Đao Lợi là một ngàn tuổi, ở cõi trời Dạ Ma là hai ngàn tuổi. Mỗi từng trời cao hơn thì tuổi thọ gấp bội lên.

Khi Đức Phật còn tại thế, thì có một vị ngoại đạo hỏi tôn giả Ca chiên Diên rằng : ‘’Tôi không tin có đời sau, nếu có đời sau, thì tại sao con người sau khi chết, chẳng về báo cáo sự chịu khổ như thế nào‘’?

- Tôn giả đáp : ‘’Giống như người phạm tội, bị nhốt vào tù thì làm sao mà trở về‘’?

- Ngoại đạo lại hỏi : ‘’Người sinh về cõi trời, tại sao chẳng trở về báo cáo sự hưởng thụ như thế nào‘’?

- Tôn giả đáp : ‘’Ngày đầu tiên họ sinh về cõi trời, phải sắp xếp chỗ ở, ngày thứ hai lại phải nghỉ ngơi, ngày thứ ba trở về báo tin, thì ở nhân gian đã quá mấy trăm năm, làm sao mà bạn thấy được‘’? Lúc đó ngoại đạo chẳng có lời lẽ gì để nói, cáo từ đi về.

Trong chúng Bồ Tát đó, có bốn vị đạo sư, một tên là Thượng Hạnh, hai tên là Vô

Biên Hạnh, ba tên là Tịnh Hạnh, bốn tên là An Lập Hạnh. Bốn vị Bồ Tát này là thượng thủ, là thầy xướng đạo ở trong chúng.

Ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng đại Bồ Tát, có bốn vị đại đạo sư. Vị đạo sư thứ nhất tên là Thượng Hạnh, vị đạo sư thứ hai tên là Vô Biên Hạnh, vị đạo sư thứ ba tên là Tịnh Hạnh, vị đạo sư thứ tư tên là An Lập Hạnh. Vì các Ngài tu hạnh môn cao thượng nhất, vô biên nhất, thanh tịnh nhất, an ổn nhất. Bốn vị đạo sư này là thủ lãnh ở trong những vị đại Bồ Tát đó, là thầy xướng đạo của họ.

Ở trước đại chúng, ai nấy đều chắp tay nhìn đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà hỏi thăm rằng : Đức Thế Tôn ít bệnh, ít phiền não, an lạc hạnh chăng ! Những người đáng độ có dễ giáo hóa chăng ! Không khiến cho đức Thế Tôn mệt nhọc chăng !

Bốn vị đạo sư Bồ Tát đó, ở trước đại chúng ai nấy đều chắp tay lại, nhìn tôn nhan của đức Phật Thích Ca mà hỏi thăm rằng : ''Đức Thế Tôn ! Hiện tại Ngài khỏe chăng ? Chẳng có phiền não chăng ? Đối với bốn hạnh an lạc (thân an lạc hạnh, khẩu an lạc hạnh, ý an lạc hạnh,

nguyện an lạc hạnh) được an lạc chăng ! Những chúng sinh đáng hóa độ, có dễ giáo hóa chăng ? Chẳng có chướng ngại gì chăng ! Chẳng khiến cho đức Thế Tôn mệt nhọc chăng‘’!

Thân an lạc hạnh : Tức là thân phải xa lìa mười việc sau đây :

1). Giàu sang quyền thế.
2). Thần nhân tà pháp.
3). Hung hiểm giỡn cười.
4). Kẻ chiên đà la.
5). Chúng nhị thừa.
6). Dục niệm.
7). Năm thứ người bất nam.
8). Nơi nguy hại.
9). Việc chê bai nghi ngờ.
10). Nuôi dưỡng Sa di nhỏ tuổi.

Khẩu an lạc hạnh : Tức là miệng nên xa lìa bốn thứ lời nói :

1). Không nên nói lỗi của người và kinh điển.
2). Không khinh mạn kẻ khác.
3). Không khen ngợi kẻ khác, cũng chẳng hủy báng kẻ khác.
4). Chẳng sinh tâm bi hận.

Ý an lạc hạnh : Tức là ý nên xa lìa bốn thứ lỗi :

1). Đố kỵ xiểm nịnh.
2). Khinh khi mắng chưởi.

3). Dùng đại hạnh mắng chưởi người tiểu hạnh.
4). Cạnh tranh.

Nguyện an lạc hạnh : Là đối với chúng sinh chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay Kinh Pháp Hoa, thì khởi tâm từ bi. Ta muốn được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dùng sức thần thông và trí huệ, để dẫn dắt chúng sinh vào trong pháp này.

Bấy giờ, bốn vị đại Bồ Tát bèn nói bài kệ rằng :

Thế Tôn an lạc
Ít bệnh ít não
Giáo hóa chúng sinh
Được chẳng mệt nhọc.
Và các chúng sinh
Thọ hóa dễ chăng
Chẳng khiến Thế Tôn
Sinh mỏi nhọc chăng !

Lúc đó, Bồ Tát Thượng Hạnh, Bồ Tát Vô Biên Hạnh, Bồ Tát Tịnh Hạnh, Bồ Tát An Lập Hạnh, bốn vị Bồ Tát này, dùng kệ để hỏi thăm tình trạng của Đức Phật Thích Ca, tức cũng là vấn an.

Đức Thế Tôn ! Ngài an lạc chăng ! Cũng chẳng có bệnh tật, cũng chẳng có phiền não. Giáo hóa chúng sinh chắc chắn rất an nhàn, chẳng có cảm giác mệt mỏi ! Lại nữa, tất cả chúng sinh dễ thọ sự giáo hóa chăng ! Chẳng có khó khăn gì chăng ? Họ chẳng khiến cho đức Thế Tôn sinh mỏi nhọc chăng ?

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong chúng đại Bồ Tát, nói như vầy : Như thế, như thế ! Các thiện nam tử, Như Lai an lạc, ít bệnh, ít phiền não, hết thảy các chúng sinh dễ hóa độ, chẳng có mệt nhọc. Tại sao ? Vì các chúng sinh đó, đời đời kiếp kiếp đến nay, luôn luôn thọ sự giáo hóa của ta, ở trong quá khứ, họ cũng cung kính tôn trọng các đức Phật, gieo trồng các căn lành.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca ở trong vô lượng đại chúng Bồ Tát nói như vầy : ''Là như thế ! Là như thế ! Các vị thiện nam tử ! Như Lai rất an lạc, cũng chẳng có bệnh tật, cũng chẳng có phiền não. Hết thảy tất cả chúng sinh, đều rất dễ dàng giáo hóa độ thoát. Vì họ nỗ lực tu hành, tinh tấn dũng mãnh, cho nên ta chẳng cảm thấy mệt nhọc. Đây là nguyên nhân gì ? Vì hết thảy chúng sinh ở trong quá khứ, đời đời kiếp kiếp cho đến hiện tại, luôn

luôn thọ sự giáo hóa của ta, họ cũng cung kính chư Phật, tôn trọng chư Phật, gieo trồng vô lượng vô biên căn lành.

Những chúng sinh đó, từ khi thấy thân ta, nghe lời của ta nói, thì đều tin nhận vào trí huệ của Như Lai. Những người trước kia tu tập tiểu thừa, nay ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này, mà vào trí huệ của Phật.

Đức Phật Thích Ca lại nói : ''Hiện tại những chúng sinh mà ta đã giáo hóa, từ khi họ thấy thân ta, nghe tạng giáo, thông giáo, biệt giáo, viên giáo của ta nói rồi, thì họ lập tức sinh niềm tin, thọ giáo phụng hành, cho nên họ đã chứng quả A La Hán, đã chứng quả vị Duyên Giác, đã chứng quả vị Bồ Tát. (A La Hán phân ra: Sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả. Bồ Tát phân ra: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, năm mươi mốt quả vị). Chứng được năm mươi mốt quả vị pháp thân đại sĩ, sau đó vào trí huệ của Phật, chứng được quả vị Diệu Giác''.

''Vào trí huệ của Như Lai, trừ những người trước kia tu tập tiểu thừa, không ở trong đó. Hiện tại những người học pháp nhị thừa (tứ đế, mười hai nhân duyên), nay ta cũng khiến cho họ được nghe Kinh Pháp Hoa này,

khiến cho họ hồi tiểu hướng đại, phát bồ đề tâm, hành Bồ Tát đạo, cũng được trí huệ của Như Lai‘’.

Kinh Pháp Hoa là con đường tắc tu hành thành Phật, cho nên phải nỗ lực nghiên cứu, đọc tụng, biên chép, ấn tống, cúng dường, hộ trì kinh này, y theo pháp mà tu hành, thì công đức vô lượng.

Bấy giờ, các vị đại Bồ Tát bèn nói bài kệ rằng :

Lành thay lành thay !
Đại hùng Thế Tôn
Hết thảy chúng sinh
Dễ dàng hóa độ.
Nghe được chư Phật
Trí huệ sâu xa
Nghe rồi tin hành
Chúng con tùy hỉ.

Lúc đó, các vị đại Bồ Tát lại dùng kệ để khen ngợi đức Phật Thích Ca: Tốt lắm ! Tốt lắm ! Phật là đại Thánh Hùng của thế và xuất thế gian, bậc tôn quý nhất của thế và xuất thế gian. Hết thảy chúng sinh rất dễ tiếp thọ Phật hóa độ. Họ đều nghe được trí huệ sâu xa của chư Phật, sau khi nghe rồi thì tin nhận tu hành. Chúng con hết thảy Bồ

Tát cũng tùy hỉ công đức đó, cũng nguyện y theo pháp của Phật dạy mà tu hành.

Khi ấy, đức Thế Tôn khen ngợi các vị đại Bồ Tát thượng thủ rằng : Lành thay, lành thay ! Thiện nam tử, các ông ở trước Như Lai phát tâm tùy hỉ.

Khi các vị đại Bồ Tát khen ngợi đức Phật Thích Ca rồi, thì đức Phật cũng khen ngợi các vị đại Bồ Tát, đó là cùng nhau khen ngợi. Tuy nhiên, Bồ Tát có thể tùy hỉ khen ngợi đức Phật, song Phật không thể tùy tiện khen ngợi Bồ Tát.

Đức Phật nói : ‘’Lành thay ! Lành thay ! Các vị thiện nam tử ! Các ông ở trước Như Lai phát tâm tùy hỉ, khen ngợi Phật nói Kinh Pháp Hoa, công đức vô lượng, lại đến núi Linh Thứu pháp hội Linh Sơn nghe Kinh Pháp Hoa‘’.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc và tám ngàn chúng Bồ Tát, nhiều như số cát sông Hằng, đều nghĩ như vầy : Chúng ta từ xưa đến nay, chẳng thấy chẳng nghe các chúng đại Bồ Tát như thế, từ dưới đất vọt lên, ở trước đức Thế

Tôn chắp tay cúng dường, thăm hỏi đức Như Lai.

Lúc đó, Bồ Tát Di Lặc và chúng đại Bồ Tát nhiều như số cát tám ngàn sông Hằng, đều nghĩ như vầy : ''Chúng ta từ xưa đến nay, chưa từng thấy qua nhiều vị đại Bồ Tát như thế, rất là kỳ lạ; cũng chưa từng nghe qua có nhiều vị đại Bồ Tát như thế, ở trong tâm của các Ngài có chỗ chưa minh bạch. Cứu kính những vị đại Bồ Tát này từ đâu đến ? Sao chúng ta lại chẳng biết ?

Khi ấy, đại Bồ Tát Di Lặc biết tâm niệm của các vị Bồ Tát, nhiều như số cát tám ngàn sông Hằng, cũng muốn tự mình hiểu rõ điều nghi này, bèn chắp tay hướng về đức Phật, dùng kệ hỏi rằng :

Lúc đó, đại Bồ Tát Di Lặc biết trong tâm của các vị Bồ Tát, nhiều như số cát tám ngàn sông Hằng có chỗ nghi vấn, và chính Ngài cũng muốn minh bạch điều nghi vấn này. Do đó, Ngài bèn chắp tay đi đến trước Phật, hướng về Phật thỉnh pháp, dùng kệ để hỏi rằng :

Vô lượng ngàn vạn ức
Các đại chúng Bồ Tát
Xưa kia chưa từng thấy

Nguyện đức Thế Tôn nói.
Họ từ nơi nào đến
Do bởi nhân duyên gì ?
Thân lớn đại thần thông
Trí huệ không nghĩ bàn.
Chí niệm rất kiên cố
Có sức nhẫn nhục lớn
Chỗ chúng sinh ưa thấy
Từ xứ nào mà đến ?

Vô lượng đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, có hơn ngàn vạn ức. Các đại chúng Bồ Tát tại pháp hội, thuở xưa chưa từng thấy cũng chẳng nghe qua. Chúng con xin nguyện đức Thế Tôn, vì chúng con nói nhân duyên này.

Vô lượng vị đại Bồ Tát này từ đâu đến đây ? Các Ngài tụ tập tại pháp hội, cứu kính có nhân duyên gì ? Các Ngài đều hiện thân lớn, có sức thần thông lớn. Trí huệ của các Ngài không thể nghĩ bàn.

Vô lượng đại Bồ Tát này chí nguyện, niệm lực chắc chắn rất kiên cố. Giới định huệ ba học của các Ngài chắc chắn kiên cố chẳng hoại. Các Ngài có sức đại bố thí, sức đại nhẫn nhục, sức đại trì giới, sức đại tinh tấn, sức đại thiền định, sức đại trí huệ. Chúng sinh đều hoan hỉ thấy các Ngài, nghe các Ngài nói pháp. Song, chúng con đại

chúng chẳng biết các Ngài từ đâu đến ? Xin đức Thế Tôn từ bi khai thị cho đại chúng rõ.

Mỗi mỗi vị Bồ Tát
Đem theo các quyến thuộc
Số đông nhiều vô lượng
Như số cát sông Hằng.
Hoặc có đại Bồ Tát
Đem sáu vạn Hằng sa
Các đại chúng như thế
Một lòng cầu Phật đạo.
Các đại sư đó thảy
Sáu vạn Hằng hà sa
Đều đến cúng dường Phật
Và hộ trì kinh này.

Mỗi vị đại Bồ Tát mang theo quyến thuộc số nhiều vô lượng, nhiều như số cát sông Hằng. Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo đệ tử, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Cả đại chúng này đều một lòng một dạ cầu Phật đạo, tức cũng là cầu chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A La Hán chỉ chứng được quả vị Chánh giác, Bồ Tát chứng được quả vị Chánh đẳng, chỉ có Phật mới chứng được quả vị Vô thượng.

Các vị đại Bồ Tát đại pháp sư này, cùng nhau đến trước Phật, cúng dường Phật. Lại phát thệ nguyện hộ trì Kinh Pháp Hoa, suốt thuở vi lai cũng chẳng nghỉ ngơi, quán triệt thủy chung, chẳng bao giờ thay đổi.

Đem năm vạn Hằng sa
Hoặc số lượng trội hơn
Bốn vạn và ba vạn
Hai vạn đến một vạn.
Một ngàn một trăm thảy
Cho đến một Hằng sa
Nửa và ba bốn phần
Hoặc một phần ức vạn.
Ngàn vạn na do tha
Vạn ức các đệ tử
Cho đến số nửa ức
Số lượng lại hơn trên.
Trăm vạn đến một vạn
Một ngàn và một trăm
Năm mươi và một mươi
Cho đến ba hai một.

Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo quyến thuộc, nhiều như số cát năm vạn sông Hằng, hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo quyến thuộc nhiều hơn năm vạn, hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo ít hơn năm vạn quyến thuộc, hoặc là mang theo quyến thuộc nhiều như số cát bốn vạn sông Hằng, hoặc mang theo quyến thuộc nhiều như số cát ba vạn sông Hằng, hoặc quyến thuộc nhiều như số cát hai vạn sông Hằng, hoặc mang theo quyến thuộc nhiều như số cát một vạn sông Hằng, hoặc mang theo quyến thuộc nhiều như số cát một ngàn sông Hằng, hoặc mang theo quyến thuộc nhiều như số cát một trăm sông Hằng, cho đến quyến thuộc nhiều như số cát nửa sông Hằng, hoặc quyến thuộc nhiều như số cát một phần ba sông Hằng, hoặc quyến thuộc nhiều như số cát một phần tư sông Hằng. Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo ngàn vạn na do tha quyến thuộc, hoặc mang theo vạn ức quyến thuộc, cho đến nửa ức quyến thuộc, hoặc nhiều hơn, hoặc ít hơn một chút, chẳng có số lượng nhất định. Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo một trăm vạn quyến thuộc, hoặc một vạn quyến thuộc, hoặc một ngàn quyến thuộc, hoặc một trăm quyến thuộc, hoặc năm mươi quyến thuộc, hoặc mười quyến thuộc, hoặc ba quyến thuộc, hoặc hai quyến thuộc, hoặc một quyến thuộc.

Đơn độc chẳng quyến thuộc
Ưa thích tu một mình

Đều đến chỗ đức Phật
Số đó lại hơn trên.
Các đại chúng như thế
Nếu ai muốn tính đếm
Trải qua Hằng sa kiếp
Không thể biết hết được.

Có vị đại Bồ Tát chỉ đến một mình, chẳng mang theo quyến thuộc. Tại sao ? Vì thích tu hành một mình, chẳng muốn thu nhận đệ tử. Hiện tại đều đã đến trong pháp hội đạo tràng của đức Phật Thích Ca.

Đại chúng đông như thế, nếu như có ai dùng toán số để tính đếm, thì dù trải qua số kiếp nhiều như số cát sông Hằng, cũng không thể biết được số mục chính xác là bao nhiêu.

Các đại uy đức đó
Chúng Bồ Tát tinh tấn
Ai vì họ nói pháp
Giáo hóa mà thành tựu ?
Từ ai sơ phát tâm
Xưng dương Phật pháp nào
Thọ trì hành kinh gì
Tu tập Phật đạo nào ?

Các Bồ Tát như thế
Thần thông đại trí lực
Bốn phương đất rúng nứt
Đều từ đất vọt lên.

Có những chúng Bồ Tát có đại uy đức, có chúng Bồ Tát tinh tấn tu hành, trước nhứt ai vì họ nói pháp ? Ai giáo hóa họ thành tựu đạo nghiệp Bồ Tát ?

Những vị Bồ Tát này, trước hết theo vị pháp sư nào phát tâm nghiên cứu Phật pháp ? Theo vị pháp sư nào xuất gia tu đạo ? Theo vị pháp sư nào tu hành lục độ vạn hạnh ? Các Ngài xưng dương Phật pháp nào ? Các Ngài thọ trì kinh điển gì ? Các Ngài từ tông nào nhập môn ? Các Ngài tu Phật đạo nào ?

Những vị đại Bồ Tát này, do sức thần thông rộng lớn, sức trí huệ cũng lớn, cho nên đại địa bốn phương đều rúng nứt. Các Ngài đều từ dưới đất vọt lên, giống như nước vọt lên, cảnh giới này diệu không thể tả.

Thế Tôn con xưa nay
Chưa từng thấy việc này
Xin nói chỗ họ đến
Tên cõi nước họ ở.
Con thường đi các cõi
Chưa từng thấy chúng này

Con ở trong chúng này
Chẳng quen biết một người.
Đột nhiên từ đất lên
Xin nói rõ nhân duyên.

Bồ Tát Di Lặc lại xưng một tiếng Đức Thế Tôn ! con từ xưa đến nay chưa từng thấy qua cảnh giới này. Con xin đức Thế Tôn từ bi nói rõ, những vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, các Ngài từ đâu đến ? Cõi nước của các Ngài tu tên là gì ? Bồ Tát Di Lặc lại nói : Tuy nhiên con thường du hành khắp các cõi nước, song con chẳng bao giờ thấy những vị đại Bồ Tát này, ở trong những vị đại Bồ Tát này, con chẳng quen biết một người nào cả. Các Ngài đột nhiên từ dưới đất vọt lên, khiến cho mọi người kinh ngạc, xin đức Thế Tôn vì đại chúng nói rõ nhân duyên này.

Nay trong đại hội này
Vô lượng trăm ngàn ức.
Các Bồ Tát này thảy
Đều muốn biết việc này
Nhân duyên và gốc ngọn
Các chúng Bồ Tát đó.
Vô lượng đức Thế Tôn

Xin nguyện giải chúng nghi.

Hiện tại ở trong đại hội này, có vô lượng trăm ngàn ức vị Bồ Tát đều muốn biết việc này. Những vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, nhân duyên cứu kính như thế nào ? Hy vọng vô lượng đức Thế Tôn, xin nguyện các Ngài vì đại chúng mà giải quyết sự nghi vấn này.

Bấy giờ, các phân thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đến từ vô lượng ngàn vạn ức cõi nước phương khác, ở dưới các cây báu trong tám phương, đều ngồi kiết già trên tòa sư tử. Thị giả của các đức Phật đó, đều thấy đại chúng Bồ Tát đó, trong ba ngàn đại thiên thế giới bốn phương, từ dưới đất vọt lên trụ ở trong hư không. Các vị thị giả đều bạch với Phật của mình rằng : Đức Thế Tôn ! Vô lượng vô biên A tăng kỳ đại chúng Bồ Tát đó, từ đâu đến đây ?

Lúc ấy, vô số vô lượng phân thân hóa Phật Thích Ca Mâu Ni, từ vô lượng ngàn vạn ức cõi nước khác đến, đều ngồi kiết già trên tòa sư tử dưới các cây báu. Ngồi kiết già là pháp ngồi tôn quý nhất của Phật Giáo, có thể hàng ma, có thể nhiếp tâm. Mỗi vị thị giả của Phật, thấy

vô lượng chúng đại Bồ Tát đó, từ bốn phương ba ngàn đại thiên thế giới, từ dưới đất vọt lên, trụ ở trong hư không, cảm thấy rất kỳ lạ, do đó mỗi vị thị giả đều hỏi với mỗi vị Phật của mình rằng : ''Thế Tôn ! Vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng đại Bồ Tát đó, từ nơi nào đến đây ?'' Chẳng những Bồ Tát Di Lặc và đại chúng trong pháp hội khởi nghi vấn, mà thị giả của Phật, cũng khởi tâm hoài nghi, cho nên mới hỏi như thế.

Bấy giờ, các đức Phật đều bảo thị giả rằng : Các thiện nam tử ! Hãy đợi giây lát, có đại Bồ Tát tên là Di Lặc, được đức Phật Thích Ca thọ ký sau này sẽ thành Phật, đã hỏi việc đó. Đức Phật sẽ trả lời, các ông sẽ nhờ đó mà được nghe.

Lúc đó, các hóa Phật phân thân của Phật Thích Ca Mâu Ni, đều bảo thị giả của mình rằng : ''Các thiện nam tử !Dừng gấp vội, hãy đợi một chút nữa, có vị đại Bồ Tát Di Lặc. Đức Phật Thích Ca đã thọ ký cho Ngài tương lai sẽ hạ sinh xuống thành Phật hiệu là Di Lặc. Ngài cũng đã hỏi Phật về việc này, Phật Thích Ca sẽ đáp. Các ông sẽ minh bạch về việc này.''

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Di Lặc : Lành thay ! Lành thay ! A Dật Đa

mới có thể hỏi Phật việc lớn như thế. Các ông nên cùng một lòng mặc áo giáp tinh tấn, phát tâm kiên cố, nay Như Lai muốn hiển phát, diễn nói mở bày trí tuệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sư tử phấn tấn của chư Phật, sức oai mãnh đại thế của chư Phật.

Lúc ấy, đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Di Lặc nói : ''Lành thay (trên khế với ý của Phật) ! Lành thay (dưới hợp với tâm chúng sinh) ! A Dật Đa (Vô Năng Thắng là tên của Bồ Tát Di Lặc) ! Phật gọi một tiếng A Dật Đa ! Ông có thể hỏi Phật việc lớn như thế, các ông mọi người nên cùng đồng một lòng, mặc giáp tinh tấn, đừng giải đãi tán loạn, phải phát tâm kiên cố, đừng thối chuyển.''

Sao lại nói là việc lớn ? Vì đây là pháp môn khai cận hiển viễn (mở gần hiểu xa). Thời Hoa Nghiêm chẳng nói về pháp môn này, thời A Hàm, thời Phương Đẳng, thời Bát Nhã, cũng chẳng nói về pháp môn này. Chỉ duy nhất thời Pháp Hoa, mới nói pháp môn khai quyền hiển thật (mở bày phương tiện để hiển lộ chân thật). Đây là pháp môn vi diệu không thể nghĩ bàn, cho nên nói là việc lớn.

Đức Phật Thích Ca lại nói : ‘’Hôm nay Như Lai muốn hiển phát diễn nói mở bày trí huệ của chư Phật.’’ Gì là trí huệ của chư Phật, tức là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Hôm nay Như Lai muốn hiển phát, diễn nói mở bày sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sư tử phấn tấn của chư Phật, sức oai mãnh đại thế của chư Phật. Trí huệ là ngã đức, thần thông là lạc đức, sư tử phấn tấn là tịnh đức, oai mãnh đại thế là thường đức. Vì bốn đức Niết Bàn viên mãn, cho nên ở trong đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, đều có lợi ích đối với tất cả chúng sinh, cho nên gọi là lực.

Sức thần thông tự tại là vào nhà từ bi cứu kính, sức sư tử phấn tấn là ngồi tòa pháp vương cứu kính; sức oai mãnh đại thế là mặc y nhẫn nhục cứu kính. Đây là cảnh giới vào nhà Như Lai, ngồi tòa Như Lai, mặc y Như Lai.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Hãy một lòng tinh tấn
Ta muốn nói việc đó
Chớ đừng có nghi hối
Trí Phật không nghĩ bàn.
Nay ông sinh đức tin
Trụ ở trong nhẫn nhục
Pháp chỗ xưa chưa nghe

Nay đều sẽ được nghe.

Lúc đó, Phật Thích Ca nói xong trường hàng rồi, e rằng đại chúng ở trong pháp hội có chỗ chưa minh bạch, cho nên không ngại nói lại rõ ràng đạo lý này, bèn dùng kệ để nói lại.

Đức Phật Thích Ca nói : ''Đại chúng ở trong pháp hội và đại chúng đến từ mười phương ! Các ông mọi người hãy dũng mãnh tinh tấn, chuyên tâm nhất ý. Ta sẽ nói việc đó.'' Việc gì ? Là đại nhân duyên ta thị hiện ra đời, do đó các ông đại chúng đừng sinh tâm hoài nghi. Trí huệ của ta và mười phương chư Phật đều không thể nghĩ bàn. Hàng phàm phu tục tử không thể tưởng tượng được trí huệ của Phật. Trí huệ của Phật chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không rõ. Trí huệ là gì ? Tức là thông suốt các pháp là trí, đoạn hoặc chứng lý là huệ; cũng có thể nói thông đạt sự tướng hữu vi là trí, thông đạt lý không vô vi là huệ.

Bây giờ, các ông phải đem tín tâm và sức lực ra, trụ ở trong nhẫn nhục Ba la mật, tu hành việc lành :

''Đừng làm các việc ác,
Hãy làm các việc lành.''

Diệu pháp của Kinh Pháp Hoa trước kia các ông chưa nghe qua, chỉ có bây giờ mới được nghe. Pháp mà ta nói trước kia, đều là pháp môn thiện xảo phương tiện.

Pháp mà hôm nay nói mới là pháp chân thật. Diệu pháp này: ''Có thể tị hung hóa cát, có thể lìa khổ được vui.''

Nay ta an ủi ông
Chớ đừng hoài nghi sợ
Lời Phật nói chẳng sai
Trí huệ không thể lường.
Đắc được pháp bậc nhất
Thâm sâu không phân biệt
Như vậy nay sẽ nói
Các ông một lòng nghe.

Bây giờ, ta an ủi các ông, đừng sinh tâm hoài nghi sợ sệt. Pháp của ta nói chân thật không hư. Bây giờ nói về pháp khai quyền hiển thật, khai cận hiển viễn. Các ông phải sinh tín tâm:

''Tín là nguồn đạo mẹ công đức,
Nuôi lớn tất cả các pháp lành.''

Phật nói lời chân thật, chẳng nói lời hư dối. Trí huệ của Phật không thể nghĩ bàn. Phật đắc được diệu pháp bậc nhất, như biển cả, sâu không thể dò. Bây giờ là lúc nên nói, các ông phải tụ tinh hội thần, chuyên tâm nhất ý để nghe.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rồi, bảo Bồ Tát Di Lặc : Hôm nay ta ở trong chúng này nói với các ông : A Dật Đa ! Các chúng đại Bồ Tát đó, vô lượng vô số A tăng kỳ từ dưới đất vọt lên. Thuở xưa các ông chưa từng thấy, ta ở tại thế giới Ta Bà này, chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, bèn giáo hóa chỉ đạo cho các Bồ Tát đó, điều phục tâm của họ, khiến cho họ phát đạo tâm. Những vị Bồ Tát đó, đều ở dưới thế giới Ta Bà này, trụ ở trong hư không. Nơi các kinh điển, họ đều đọc tụng thông thuộc, suy gẫm phân biệt, nghĩ nhớ chân chánh.

Ta ở tại thế giới Ta Bà này, chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, ta bèn đến giáo hóa chỉ đạo những vị đại Bồ Tát đó, điều phục tâm của họ, khiến cho họ chẳng còn phiền não, chẳng còn vô minh, chẳng còn kiến tư hoặc, chẳng còn trần sa hoặc, chẳng còn tập khí, chẳng còn nóng giận, khiến cho họ đều phát bồ đề tâm, tu Bồ Tát đạo, đó là sở thành tựu của ta trong quá khứ, họ đều là đệ tử của ta ở trong quá khứ.

Những vị Bồ Tát đó, từ dưới đất vọt lên, họ đều ở dưới cõi Ta Bà, tức cũng là cõi phương dưới, ở trong hư không cõi nước đó. Cảnh giới này, phàm phu tục tử chẳng cách chi biết được. Nếu người đắc được ngũ nhãn lục thông, thì nhìn thấy ở trong hư không có đủ thứ cung điện, đủ thứ lầu các, đều dùng bảy báu tạo thành. Mỗi tòa cung điện, mỗi tòa lầu các, đều trở thành đạo tràng thuyết pháp của chư Phật, có các vị đại Bồ Tát ở tại đó nghe pháp, tu hành, cho nên gọi là pháp giới.

Đầy khắp hư không đều là nơi đầy dẫy Phật pháp. Ở dưới cõi Ta Bà cách mười sáu vạn tám ngàn do tuần, là nơi chốn trụ xứ của các vị đại Bồ Tát đó ở. Đối với tất cả kinh điển, họ đều đọc tụng thông thuộc, chẳng có gì chướng ngại, dù một câu một chữ, cũng không thiếu sót được, hoặc quên mất, còn có thể suy gẫm và phân biệt diệu nghĩa của kinh văn.

A Dật Đa ! Hết thảy các vị thiện nam tử đó, chẳng ưa thích ở nơi chúng nói nhiều, thường thích ở chỗ yên tĩnh, siêng hành tinh tấn, chưa từng nghỉ ngơi, cũng chẳng ở tại nhân gian, cũng chẳng ở trên trời, thường thích trí huệ thâm sâu, chẳng có chướng ngại, cũng thường ưa thích pháp của chư

Phật, một lòng tinh tấn cầu trí huệ vô thượng.

Đức Phật Thích Ca lại gọi một tiếng A Dật Đa ! Những vị thiện nam tử đó thảy, họ chẳng hoan hỷ ở trong chúng (tam giới). Có năm ấm tức là ở tại chúng. Bồ Tát chiếu thấy năm uẩn đều không, tức là chẳng thích ở tại chúng. Tuy nhiên họ vượt ra ngoài tam giới, thấu rõ các pháp, song vẫn nói nhiều. Họ thích ở chỗ thanh tịnh, tức cũng là đệ nhất nghĩa đế. Họ đối với pháp đệ nhất nghĩa đế không nói không lời, rất siêng hành tinh tấn, thời khắc đều tu hành, một chút cũng chẳng giải đãi. Họ nghiên cứu Phật pháp, tu trì Phật pháp, chẳng khi nào nghỉ ngơi ; ''Vì pháp quên mình,'' vì Phật pháp mà quên hết tất cả, đó mới là bản sắc học Phật pháp.

Họ cũng chẳng ở tại nhân gian, cũng chẳng ở trên trời, mà ở trong hư không. Họ thích trí huệ thâm sâu, chẳng có gì chướng ngại, cũng luôn luôn thích tu hành pháp của chư Phật nói, đối với Phật pháp một lòng tinh tấn, chẳng có hai niệm, chuyên tâm cầu trí huệ vô thượng của Phật.

Tại sao chúng ta gặp sự việc thì nhìn chẳng thấu, buông chẳng đặng ? Vì có sự chướng ngại. Chướng ngại có phiền não chướng và sở tri chướng.

Phiền não chướng là gì ? Chấp trước năm uẩn là ta, do vọng kiến ngã chấp này, dẫn đến sinh ra tất cả phiền não, hay chướng ngại chứng Niết Bàn.

Sở tri chướng là gì ? Chấp trước vào năm uẩn là thật có, sự vọng kiến chấp pháp này, hay che đậy chướng ngại sự hiểu biết, khiến cho con người chẳng biết, làm chướng ngại chứng bồ đề.

Lại có bốn thứ chướng :

1). Hoặc chướng : Tham dục, sân hận, ngu si, đó là tư hoặc.

2). Nghiệp chướng : Nghiệp ác tạo ra bởi thân khẩu ý.

3). Báo chướng : Khổ báo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường ác.

4). Kiến chướng : Các tà tri tà kiến chướng ngại chánh đạo.

Sáu thứ chướng ở trên, thì sở tri chướng là lợi hại nhất. Nếu không biết thì chẳng có chướng ngại; nếu biết nhiều thì ngược lại sinh ra chướng ngại, sinh ra tư tưởng cống cao ngã mạn. Giống như trước kia chưa học Phật pháp, thì chẳng có chướng ngại, sau khi học Phật pháp được mấy năm, thì cảm thấy rằng mình hiểu nhiều hơn bất cứ ai, đó là bị sự hiểu biết làm chướng ngại. Mục đích học Phật pháp là học vô chướng ngại, song ngược lại học ra sự chướng ngại. Có chướng ngại thì không thể chứng nhập bồ đề chánh đạo. Vì tự tánh chân như bị che đậy. Người có đại trí huệ thì chẳng có chướng ngại gì cả. Bất cứ như thế nào cũng đều hoan hỷ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, đức Phật từ bi, sợ đại chúng chẳng minh bạch đạo lý này, cho nên dùng kệ để thuật lại.

A Dật Đa nên biết !
Các đại Bồ Tát đó
Từ số kiếp đến nay
Tu tập trí của Phật.
Đều do ta giáo hóa
Khiến phát đại đạo tâm
Họ đều là con ta
Nương trụ thế giới đó.
Thường tu hạnh đầu đà
Ý thích nơi chỗ vắng
Bỏ đại chúng ồn náo
Chẳng ưa thích nói nhiều.

Đức Phật thuật lại nghĩa lý kinh trường hàng ở trên, gọi một tiếng A Dật Đa ! Các ông nên biết, các đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, họ từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp, đều tu học trí huệ của Phật, dũng mãnh tinh tấn, chẳng khi nào giải đãi.

Các đại Bồ Tát đó, từ ban đầu phát tâm cho đến bây giờ thành đại Bồ Tát, đều do ta giáo hóa, khiến cho họ phát tâm tu Phật đạo vô thượng. Đó đều là những đệ tử thuở xưa ta giáo hóa, hiện tại họ nương trụ trong hư không, ở dưới cõi Ta Bà. Hiện tại từ dưới đất vọt lên, đến pháp hội làm ảnh hưởng chúng, ảnh hưởng đại chúng phát bồ đề tâm, tức cũng là trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh.

Những vị đại Bồ Tát đó, đều tu hạnh đầu đà, tức là tu khổ hạnh. Chí nguyện của họ thích nơi vắng lặng, xa lìa đại chúng ồn náo, tức cũng là xả bỏ phiền não. Tóm lại, đều bỏ lìa phiền não kiến tư (thấy nghĩ), phiền não trần sa, phiền não vô minh, họ chẳng thích nói nhiều, giữ sự yên lặng.

Hạnh đầu đà có quy định mười hai hạnh :

1). Y phấn tảo : Lượm vải cũ rách mà người ta bỏ ở đống rác, giặt sạch rồi may thành y.

2). Chỉ có ba y : Tức là tổ y (25 điều), y bảy điều, y năm điều. Ngoài ba y này ra, chẳng dùng y nào khác nữa. Hai điều trên là quy định thuộc về y phục.

3). Thường đi khất thực : Không nhận người khác thỉnh mời, chẳng ăn đồ vật của Tăng đoàn. Ôm bát đi khất thực, khiến cho chúng sinh gieo trồng vào ruộng phước.

4). Khất thực có thứ tự : Theo thứ tự từng nhà mà khất thực, chẳng lựa giàu nghèo, giới hạn là bảy nhà, chẳng khất thực nhiều hơn nữa.

5). Ngày ăn một bữa : Mỗi ngày chỉ dùng một bữa, quá giờ ngọ không ăn.

6). Ăn uống có tiết lượng : Chỉ ăn một bát cơm, chẳng ăn quá no. Ăn ít thì dục niệm ít, duy trì được sinh mạng là được.

7). Quá ngọ không uống nước có chất bổ : Tuyệt đối không uống sữa bò và mật đường .v.v...tức là nước trái cây và cà phê cũng cấm luôn. Năm thứ ở trên là thuộc về sự ăn uống.

8). Ở chỗ A lan nhã : Tức là ở trong thâm sơn cùng cốc, xa lìa sự náo nhiệt, khiến cho thân tâm thanh tịnh, an tâm mà tu đạo.

9). Ở nghĩa địa : Ở ngoài nghĩa địa, tu quán xương trắng, xa lìa năm dục, chẳng sinh tâm tham dục.

10). Ở dưới gốc cây : Đêm ngủ ở dưới gốc cây, song chẳng quá ba đêm, quá ba đêm thì dọn đi đến nơi khác, để tránh sanh tâm phan duyên.

11). Ở ngoài trời : Ở dưới gốc cây còn có sự che đậy. Nay vì trừ khử tâm tham nên ở ngoài trời.

12). Thường ngồi không nằm : Bất cứ ở đâu cũng đều ngồi thiền tư thế kiết già, lưng không đụng chiếu. Năm điều ở trên là thuộc về chỗ ở.

Người tu khổ hạnh thì giữ gìn mười hai điều quy định này, bằng không thì sẽ sinh tâm tham đối với ăn mặc và chỗ ở, sẽ chướng ngại sự tu đạo. Song, pháp chẳng nhất định, trước hết phải giữ điều nào trong mười hai điều để tu hành, song phải triệt để, có trước có sau, từ từ tập

quán sẽ thành tự nhiên, sẽ hoàn thành quy tắc hạnh đầu đà.

Các con như vậy thảy
Tu học đạo pháp ta
Ngày đêm thường tinh tấn
Chỉ vì cầu Phật đạo.
Trụ ở trong hư không
Phương dưới cõi Ta Bà
Sức chí niệm kiên cố
Thường siêng cầu trí huệ.
Nói đủ thứ diệu pháp
Tâm họ chẳng sợ sệt.

Những vị đệ tử này, y giáo phụng hành tu học Phật đạo và Phật pháp do ta giáo hóa. Họ chỉ vì cầu Phật đạo, cho nên ngày đêm sáu thời dũng mãnh dụng công, chẳng giải đãi.

Chúng sinh đều có xí đồ cầu tài sắc danh thực thùy năm dục. Cầu chẳng được thì sinh phiền não, nên dùng ngũ đình tâm quán để khống chế. Đối với chúng sinh nhiều tham, thì khiến cho họ tu quán bất tịnh. Quán sát thân này là túi da hôi thối, chín lỗ thường bài tiết đồ bất tịnh, chẳng có chỗ nào thanh tịnh. Đối với chúng sinh nhiều sân hận, thì dạy họ tu quán từ bi. Người có tâm từ bi

thì đối với bất cứ ai cũng chẳng nóng giận. Xem tất cả chúng sinh như con cái, quán như thế thì sẽ sinh tâm từ bi. Đối với chúng sinh nhiều si mê, thì dạy họ tu quán nhân duyên. Quán mười hai nhân duyên thì sẽ ngộ lý sinh tử lưu chuyển. Đối với chúng sinh nhiều chướng, thì dạy họ tu quán niệm Phật, đừng tu pháp môn quán không, quán giả, quán trung, chỉ cần niệm danh hiệu ‘’Nam Mô A Di Đà Phật‘’ thì có thể sẽ vãng sinh thế giới Cực Lạc. Đối với chúng sinh tán loan, thì dạy họ tu quán sổ tức, đếm hơi thở, lâu dần thì sẽ khống chế được vọng tưởng tâm viên ý mã, hết tâm tán loạn. Đây là quá trình người tu đạo phải tu trì.

Các vị đại Bồ Tát đó, trụ ở phương dưới của cõi Ta Bà, trụ ở trong hư không. Sức chí niệm của họ rất kiên cố, tuyệt đối chẳng thối chuyển. Tinh thần tập trung, mặc giáp tinh tấn, cầm kiếm trí huệ, dũng mãnh hướng về trước. Luôn siêng cầu trí huệ của Phật, nói đủ thứ các diệu pháp không thể nghĩ bàn. Họ thường hiện sư tử hống, khi nói pháp thì tâm chẳng sợ hãi.

Ta ở thành Già Gia
Ngồi dưới cội bồ đề
Đắc được tối chánh giác
Chuyển pháp luân vô thượng.
Giáo hóa các Bồ Tát

Khiến họ sơ phát tâm
Nay đều trụ bất thối
Đều sẽ được thành Phật.
Nay ta nói lời thật
Các ông một lòng tin
Ta từ lâu đến nay
Giáo hóa đại chúng đó.

Đức Phật Thích Ca nói : ''Ta ở nước Ma Kiệt Đề ngoài thành Già Gia, bên bờ sông Ni Liên, ngồi dưới cội bồ đề, khi bắt đầu thì ta phát nguyện : "Nếu ta không khai ngộ, thì vĩnh viễn chẳng đứng dậy khỏi chỗ này". Ngồi đến đêm thứ bốn mươi chín, thì thấy sao mai mọc ở hướng đông mà ngộ đạo, chứng được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức cũng là thành tựu Phật đạo.''

Đức Phật thấy ngôi sao mai mọc mà ngộ đạo, bèn nói rằng : ''Lành thay ! Lành thay ! Lành Thay ! Hết thảy chúng sinh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, song vì vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc.'' Tại sao chúng ta chẳng thành Phật ? Vì có vọng tưởng. Tại sao chúng ta chẳng thành Phật ? Vì có sự chấp trước. Vọng tưởng chấp trước này, che đậy chúng sinh làm cho chẳng đặng thành Phật. Làm thế nào mà Đức Phật được thành Phật ? Vì Ngài buông xả vọng tưởng chấp trước. Ngài vốn là Thái tử, ở trong cung hưởng thụ vinh hoa phú quý,

tương lai sẽ làm chuyển luân thánh vương, thống trị bốn thiên hạ, song Ngài bỏ ngôi vua, mà còn bỏ vợ đẹp con xinh. Ngài cảm thấy sinh già bệnh chết quá khổ, cho nên xuất gia tu đạo, tìm cầu pháp chấm dứt sinh tử.

Sau khi Phật chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, trong thời gian hai mươi mốt ngày ở trong định, Ngài vì pháp thân Đại sĩ mà nói bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Đáng tiếc, hàng tiểu thừa căn lành chẳng đủ, chẳng minh bạch đạo lý nhất chân pháp giới, do đó : ''Có mắt chẳng thấy Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo viên đốn.'' Phật vì lòng từ bi đến vườn Lộc Uyển, vì năm vị Tỳ Kheo nói pháp tứ diệu đế, về sau lại nói pháp mười hai nhân duyên, sau đó nói pháp lục độ vạn hạnh.

Ban đầu nói Kinh Hoa Nghiêm, song một số người chẳng tiếp thọ được. Phật lại nói Kinh A Hàm, rồi nói Kinh Phương Đẳng, rồi nói Kinh Bát Nhã, cuối cùng nói Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là bổn hoài của Phật, vốn muốn bắt đầu nói Kinh Pháp Hoa, nhưng vì quán sát căn cơ của chúng sinh chưa được chín mùi, cho nên trước hết nói về quyền giáo (pháp phương tiện), sau đó nói pháp thật giáo. Hiện tại căn cơ đã thành thục cho nên nói diệu pháp vô thượng.

Đương lúc đó, ta giáo hóa vô lượng vị đại Bồ Tát này, khiến cho họ sơ phát bồ đề đạo tâm. Bây giờ, họ đều trụ ở vị bất thối, hạnh bất thối, niệm bất thối, họ hoàn toàn sẽ chứng được quả vị Phật.

Trước kia, ta nói pháp phương tiện. Bây giờ ta nói pháp chân thật. Các ông đại chúng nên chuyên tâm nhất chí để tin nhận pháp của ta nói. Trong vô lượng kiếp về trước ta đã thành Phật đạo, do đó :

''Chẳng sinh mà thị hiện sinh,
Chẳng diệt mà thị hiện diệt.''

Vốn chẳng sinh mà thị hiện sinh ra, vốn chẳng diệt mà thị hiện diệt độ. Trong Kinh Phạm Võng có nói : ''Ta đến thế giới Ta Bà đã tám nghìn lần.'' Những vị Bồ Tát này, đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, đều do ta giáo hóa khi ta thành Phật trong quá khứ.

A Dật Đa ! Ông hỏi những vị Bồ Tát này từ dưới đất vọt lên, họ phát tâm với vị Phật nào ? Ai giáo hóa họ ? Họ tu trì pháp gì ? Họ đọc tụng kinh gì ? Họ tu pháp môn Pháp Hoa, họ tụng Kinh Pháp Hoa, họ đến hộ trì Kinh Pháp Hoa, họ đến cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Di Lặc và vô số các vị Bồ Tát khác, đều sinh tâm nghi hoặc, lạ chưa từng có, bèn nghĩ như vầy : Sao đức Thế Tôn ở trong thời gian ngắn, mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên A tăng kỳ các đại Bồ Tát như thế, khiến cho họ trụ Vô thượng

chánh đẳng chánh giác ? Bèn bạch đức Phật rằng :

Lúc đó, đại Bồ Tát Di Lặc và vô số vô lượng các Bồ Tát, thảy đều sinh tâm nghi hoặc, tại sao lại có việc như thế ? Vì việc này rất là kỳ lạ, chưa từng thấy qua việc như vầy. Các Ngài đều nghĩ rằng : ''Sao lại có chuyện như vậy ? Đức Thế Tôn trẻ như thế, còn các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên đều già nua, sao có thể ở trong thời gian ngắn mà giáo hóa nhiều vị Bồ Tát như thế, khiến cho họ đều trụ quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.'' Đây là nghe việc lạ chưa từng nghe, do đó mới hướng về đức Phật xin khai thị, bèn bạch Phật nói.

Đức Thế Tôn ! Khi Như Lai làm thái tử, ra khỏi cung dòng họ Thích, cách thành Già Gia chẳng bao xa, ngồi nơi Đạo tràng, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm.

Di Lặc Bồ Tát hỏi Đức Phật : Đức Thế Tôn ! Như Lai trước kia làm thái tử, vì cầu đạo giải thoát mới ra khỏi hoàng cung, đến thành Già Gia chẳng bao xa, ngồi dưới cội bồ đề, chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Từ khi Ngài thành Phật đến nay, bất quá chỉ hơn bốn mươi năm mà thôi.

Đức Phật mười chín tuổi xuất gia tu đạo. Sáu năm đầu tiên đi khắp nơi tìm thiện tri thức (ngoại đạo đương thời), chẳng được pháp giải thoát sinh tử. Đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, tự tìm pháp giải thoát, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè để duy trì mạng sống. Lúc đó, cùng tu với Ngài có năm người, bà con phía mẹ của Ngài hai người, bà con bên phía cha của Ngài ba người. Trong đó, có ba người chịu không nổi sự tu khổ hạnh, mới bỏ Đức Phật ra đi, đến vườn Lộc Uyển tu hành. Vườn này là Thánh địa của ngoại đạo tu hành đương thời. Còn lại hai người phát tâm cùng tu khổ hạnh với thái tử ở tại núi Tuyết, cho rằng tu hành thì phải chịu khổ, do đó :

''Thọ khổ thì hết khổ,
Hưởng phước thì hết phước.''

Ôm chặt lấy tông chỉ, chẳng nghĩ gì khác. Chuyên tâm nhất chí để cầu giải thoát. Giải hoặc nghiệp trói buộc, thoát quả khổ ba cõi.

Sáu năm sau, thân thể của Phật gầy như cây củi. Một ngày nọ, thiên nữ dâng cúng bát sữa, Đức Phật thọ cúng dường. Hai vị đồng tu này bèn sinh tâm nghi, cho rằng Đức Phật đã sinh tâm thối chuyển, do đó hai người cũng bỏ Phật ra đi đến vườn Lộc Uyển.

Lúc đó, sau khi Đức Phật uống bát sữa xong, thì thân thể khôi phục khoẻ mạnh, mới xuống giòng sông Ni Liên tắm rửa. Sau đó, đến dưới gốc cây bồ đề tĩnh tọa bốn mươi chín ngày. Vào ngày mồng tám tháng mười hai, khi

sao mai vừa mọc, thì Ngài ngộ đạo, lúc đó Phật vừa đúng ba mươi tuổi.

Sau khi Phật thành đạo, Ngài bèn quán sát nhân duyên, trước hết đến vườn Lộc Uyển độ năm người cùng tu, tức là năm anh em Kiều Trần Như. Ngài nói pháp tứ diệu đế, sau khi nghe xong họ lập tức chứng quả A La Hán. Có bài thơ rằng :

''Thập cửu du thành lục khổ hạnh,
Ngũ tuế du lịch tam thập thành,
Thuyết pháp độ sinh ngũ thập tuế,
Thị bát cộng thọ bát thập niên.''

Nghĩa là :

Mười chín tuổi xuất gia sáu năm khổ hạnh,
Năm năm tầm đạo ba mươi tuổi thành đạo,
Năm mươi năm thuyết pháp độ sinh,
Cả thảy công lại tám mươi năm.

Đức Thế Tôn ! Sao trong thời gian ngắn mà làm đại Phật sự, dùng thế lực của Phật, dùng công đức của Phật, để giáo hóa vô lượng đại Bồ Tát như thế, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác ?

Bồ Tát Di Lặc lại gọi một tiếng Đức Thế Tôn ! Ngài thành Phật đến bây giờ, bất quá chỉ hơn bốn mươi năm, trong thời gian ngắn sao có thể làm đại Phật sự ? Độ rất nhiều Bồ Tát như thế ? Nhờ thế lực của Phật, nhờ công đức của Phật, mà giáo hóa đại Bồ Tát như thế, họ đều sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đó là đại giáo khai cận hiển viễn (chỉ gần để hiển xa). Đạo lý này chẳng phải là cảnh giới của phàm phu thấu hiểu được.

Đức Phật nói pháp khoảng năm mươi năm, có bài kệ nói rằng :

''Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,
A Hàm thập nhị Phương Đẳng bát,
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm,
Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.''

Nghĩa là:

Trước nói Hoa Nghiêm hăm mốt ngày
A Hàm mười hai Phương Đẳng tám
Hai mươi hai năm nói Bát Nhã
Pháp Hoa Niết Bàn chỉ tám năm.

Ban đầu khi Phật chứng quả dưới cội bồ đề, trong hai mươi mốt ngày, nói bộ Kinh Hoa Nghiêm. Khi Phật ba mươi mốt tuổi, thì nói Kinh A Hàm khoảng mười hai năm. Bốn mươi ba tuổi thì bắt đầu nói Kinh Phương Đẳng, trong vòng tám năm. Khi Phật năm mươi mốt tuổi, thì bắt

đầu nói Kinh Bát Nhã khoảng hai mươi hai năm. Lúc Phật bảy mươi hai tuổi, thì bắt đầu nói Kinh Pháp Hoa. Lúc Phật tám mươi tuổi vào ngày rằm tháng hai, trong một ngày một đêm nói bộ Kinh Đại Bát Niết Bàn.

Đức Thế Tôn ! Chúng đại Bồ Tát đó, nếu như có người ở trong ngàn vạn ức kiếp tính đếm, cũng chẳng hết được, chẳng biết được bờ mé. Những vị Bồ Tát đó, từ lâu xa đến nay, ở trong vô lượng vô biên chỗ chư Phật, gieo trồng các căn lành, thành tựu đạo bồ đề, thường tu phạm hạnh.

Bồ Tát Di Lặc lại gọi một tiếng Đức Thế Tôn ! Nếu như có người ở trong ngàn vạn ức kiếp, tính đếm số Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, cũng chẳng biết được cứu kính có bao nhiêu vị Bồ Tát. Những vị đại Bồ Tát đó, từ lâu xa đến nay, ở chỗ vô lượng vô biên các Đức Phật, gieo trồng rất nhiều căn lành, cho nên thành tựu Bồ Tát đạo. Các vị đó thường tu phạm hạnh, tức cũng là thanh tịnh hạnh.

Đức Thế Tôn ! Việc như thế, người thế gian khó tin. Ví như có người sắc đẹp tóc đen, mới hai mươi lăm tuổi, mà chỉ người trăm tuổi, nói đó là con ta, người trăm tuổi

cũng chỉ người trẻ tuổi đó, nói là cha ta, sinh đẻ nuôi dưỡng chúng ta, việc đó khó tin.

Đại Bồ Tát lại gọi một tiếng Đức Thế Tôn ! Việc như thế, người thế gian không thể tin được. Ví như người mặt mũi xinh đẹp tóc đen, tuổi khoảng hai mươi lăm, chỉ người già trăm tuổi nói : Người này là con của ta sinh ra. Người già trăm tuổi đó nhận là sự thật, bèn chỉ người trẻ đó nói : Người này là cha sinh ra ta, việc như thế làm sao khiến cho người tin ? Thật là khó tin.

Đức Phật cũng như thế, từ khi đắc đạo đến nay chưa được bao lâu, mà các đại chúng Bồ Tát đó, đã ở trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, vì Phật đạo mà siêng tu hành tinh tấn, khéo nhập, xuất, trụ, ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức tam muội, được đại thần thông, từ lâu tu phạm hạnh, khéo tu tập các pháp lành theo thứ tự, khéo về vấn đáp, là báu trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Đức Phật cũng như thế, giống như người thanh niên chỉ người già. Từ khi Phật thành đạo đến nay, chưa quá hơn bốn mươi năm, những vị đại Bồ Tát đó, đã ở trong vô

lượng ngàn vạn ức kiếp về trước, vì cầu Phật đạo mà siêng tu hành dũng mãnh tinh tấn, thân cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn, chẳng giải đãi. Các Ngài khéo nhập định, khéo xuất định, khéo trụ định. Có thể nhập chín thứ lớp định, tức bốn thiền định, bốn không định và diệt thọ tưởng định. Có thể xuất sư tử phấn tấn tam muội, có thể trụ siêu việt tam muội. Đó là nói theo giáo lý của tạng giáo và thông giáo. Nếu nói theo giáo lý của biệt giáo, thì từ sơ địa đến thập địa gọi là khéo nhập. Từ thập địa trở lại bằng con thuyền từ bi, nhập vào tu việc của hàng phàm phu thì đây gọi là khéo xuất. Từ diệu giác viên mãn thì gọi là khéo trụ. Nếu nói theo giáo lý viên giáo thì nhập pháp tánh tam muội gọi là khéo xuất. Vô duyên tam muội gọi là khéo trụ. Đó là chiếu theo tạng, thông, biệt, viên, bốn giáo mà nói về tam muội. Kỳ thật, tam muội có rất nhiều hàng trăm, nghìn, vạn, ức.

Những vị đại Bồ Tát này, đều đắc được đại thần thông, nhậm vận tự tại. Thần thông có lớn nhỏ khác nhau. Đại thần thông là thần thông của Bồ Tát, tiểu thần thông là thần thông của A La Hán, chỉ có mười tám thứ biến hóa. Trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, hoặc trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hoặc vào đất như vào nước, vào nước như vào đất, có thể đi đứng nằm ngồi ở trong hư không biến hóa mà thôi.

Những vị đại Bồ Tát này, từ lâu xa về trước tu hành pháp môn thanh tịnh hạnh, khéo tu tất cả pháp lành từ cạn

vào sâu. Lại khéo léo trả lời những vấn đề. Đó là Bồ Tát ở trong người tôn quý nhất, rất ít có ở trong tất cả thế gian.

Hôm nay, đức Thế Tôn mới nói, khi đắc được Phật đạo, thì đầu tiên khiến cho các Bồ Tát đó phát tâm, giáo hóa chỉ bày, khiến cho họ hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hiện tại Đức Thế Tôn mới nói, khi chứng được Phật đạo, thì trước hết khiến cho những vị Bồ Tát đó phát bồ đề tâm, giáo hóa chỉ bày dẫn đạo, khiến cho họ đều hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác bồ đề đại đạo.

Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu, mà có thể làm được việc công đức lớn. Tuy chúng con tin đức Phật tùy nghi nói pháp, những lời Phật nói ra chưa từng hư vọng. Những gì Phật biết thảy đều thông đạt, nhưng những vị mới phát tâm Bồ Tát, sau khi Phật diệt độ, nếu họ nghe lời này thì họ chẳng tin nhận, mà khởi tâm hủy báng pháp tạo tội nghiệp.

Đức Thế Tôn ! Ngài thành Phật chưa được bao lâu mà có thể làm được việc công đức lớn đó. Chúng con mọi người tuy nhiên tin pháp của Phật nói, là tùy thuận tâm của chúng sinh mà nói tất cả các pháp. Do đó :

''Phật nói tất cả pháp
Vì độ tất cả tâm
Nếu chẳng có tất cả tâm
Đâu dùng tất cả pháp.''

Lời của Phật nói ra chẳng bao giờ hư vọng. Những gì Phật biết, những gì Phật giác ngộ, đều thông đạt vô ngại. Song chúng con e rằng, tương lai hàng Bồ Tát mới phát tâm, sau khi Phật diệt độ, nếu họ nghe đạo lý này thì họ sẽ chẳng tin. Tại sao ? Vì Bồ Tát mới phát tâm cho rằng, Đức Phật tuổi trẻ không thể độ được Bồ Tát tuổi già. Họ sẽ không tin việc này, bèn sinh tâm hủy báng pháp, tạo tội nghiệp, tương lai sẽ đọa vào ba đường ác, do đó : ''Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo.''

Tuy vậy, xin đức Thế Tôn hãy giải thích nói, để trừ nghi hoặc của chúng con, và các thiện nam tử ở đời vị lai, nghe việc này rồi, cũng không còn nghi hoặc nữa.

Bởi nhân duyên đó, chúng con đại chúng thỉnh cầu Đức Thế Tôn, xin hãy giải thích nói, để giải trừ sự nghi

hoặc của đại chúng trong pháp hội. Chẳng những giải trừ sự nghi hoặc của chúng con đại chúng, mà cũng giải trừ sự nghi hoặc của thiện nam tín nữ ở đời vị lai. Họ nghe được việc này rồi, thì họ không còn sinh tâm nghi hoặc nữa.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Bồ Tát Di Lặc muốn tường thuật lại đạo lý này, bèn dùng kệ để nói lại.

Xưa Phật từ dòng thích
Xuất gia gần Già Gia
Ngồi dưới cội bồ đề
Đến nay chẳng bao lâu.
Các Phật tử đó thảy
Số đông không thể lường
Lâu đã tu Phật đạo
Trụ nơi sức thần thông.
Khéo học Bồ Tát đạo
Chẳng nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen trong nước
Từ dưới đất mọc lên.

Bồ Tát Di Lặc nói : Đức Phật Thích Ca sinh ra từ dòng dõi Thích Ca, sau đó xuất gia, ngồi dưới cội bồ đề gần thành Già Gia. Ban đêm thấy sao mai mọc mà ngộ đạo thành Phật. Từ khi Đức Thế Tôn thành Phật đến nay, thời gian rất ngắn, không quá hơn bốn mươi năm.

Vô lượng vị Bồ Tát đó, từ dưới đất vọt lên, đều là con của Phật, số đông vô lượng, không thể nào dò lường được. Dù trí huệ của Bồ Tát, cũng chẳng cách chi thấu triệt được cứu kính có bao nhiêu ? Các Ngài từ thuở xa xưa đã tu hành Phật đạo, cho nên có đại thần thông, biến hóa vô cùng.

Các vị Bồ Tát đó, khéo tu tập lục độ vạn hạnh Bồ Tát đạo, chẳng ô nhiễm pháp thế gian. Các vị đó tu pháp thanh tịnh xuất thế, giống như hoa sen ở dưới nước thanh tịnh, ra khỏi bùn mà chẳng nhiễm. Hiện tại, các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, đến pháp hội Linh Sơn, nghe Phật diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đây là cơ hội ngàn vạn ức kiếp khó gặp được.

Đều khởi tâm cung kính
Trụ ở trước Thế Tôn
Việc đó khó nghĩ bàn
Làm sao khiến người tin ?
Phật đắc đạo gần đây
Mà thành tựu rất nhiều

Xin vì trừ chúng nghi
Như thật phân biệt nói.

Các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, thảy đều sinh tâm cung kính đối với Phật, trụ ở trước Phật. Việc này thật là không thể nghĩ bàn, làm sao có thể khiến cho người tin ?

Vì sao khiến cho người không tin ? Vì thời gian Phật đắc được đạo rất gần đây, mà thành tựu lại nhiều như thế, giáo hóa vô lượng vô biên chúng Bồ Tát. Hy vọng Đức Thế Tôn từ bi, vì chúng con đại chúng giải thích nói để trừ tâm nghi hoặc của đại chúng. Khẩn cầu Đức Thế Tôn thật thà phân biệt nói rõ cho chúng con biết.

Ví như người thiếu niên
Tuổi mới hai mươi lăm
Chỉ người già là con
Tóc bạc và mặt nhăn.
Nói họ là ta sinh
Con cũng nói người đó
Chính là cha của ta
Cha trẻ mà con già
Khiến đời không thể tin.

Ví như người thiếu niên, mới khoảng hai mươi lăm tuổi, song lại chỉ người trăm tuổi nói họ là con. Người già đó, tóc thì bạc mặt thì nhăn nhó.

Người thiếu niên đó nói : Người già này là con, do ta sinh ra; người già đó cũng nói : Người thiếu niên này là cha đẻ của ta. Việc cha trẻ mà con già, khiến cho tất cả mọi người thế gian không thể tin được.

Thế Tôn cũng như thế
Đắc đạo chẳng bao lâu
Các Bồ Tát đó thảy
Chí bền chẳng suy nhược.
Vô lượng kiếp đến nay
Luôn hành Bồ Tát đạo
Khéo về nạn vấn đáp
Tâm họ chẳng sợ hãi.

Đức Thế Tôn cũng như thế, từ khi thành Phật đến nay, thời gian chẳng bao lâu, mà có thể giáo hóa Bồ Tát, chí hướng rất vững bền như kim cang, phát thệ nguyện rất rộng lớn như biển cả. Tâm các vị đó chẳng có chút sợ hãi, ý chẳng suy nhược.

Các vị Bồ Tát đó từ vô lượng kiếp đến nay, phát tâm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, khéo về giải đáp vấn nạn,

biện tài vô ngại. Tâm của các vị đó chẳng sợ hãi, chẳng thọ uy hiếp, đều thành tựu bốn vô sở uý, đó là :

1). Tổng trì vô úy.
2). Tri căn vô úy.
3). Quyết nghi vô úy.
4). Đáp nạn vô úy.

Tâm nhẫn nhục quyết định
Đoan chánh có uy đức
Được mười phương Phật khen
Khéo hay phân biệt nói.
Chẳng thích ở trong chúng
Thường thích nhập thiền định
Do vì cầu Phật đạo
Trụ hư không phương dưới.

Các Ngài dùng tâm nhẫn nhục để quyết định, dung mạo của các Ngài rất đoan chánh, đầy đủ ba mươi hai tướng. Uy đức của các Ngài rất trang nghiêm, khiến cho người cung kính. Mười phương chư Phật cũng khen ngợi công đức của các Ngài. Các Ngài khéo phân biệt nói tất cả Phật pháp.

Các vị học Phật pháp, phải dùng Phật pháp mới đắc được lợi ích của pháp. Nếu không, khi cảnh giới đến khảo

nghiệm thì hồ đồ. Nếu không nhận thức được cảnh giới, thì sẽ bị cảnh giới chuyển. Do đó có câu :

‘’Tất cả là khảo nghiệm,
Xem bạn làm thế nào ?
Trước mắt chẳng nhận ra,
Phải luyện lại từ đầu.’’

Bất cứ là cảnh giới thuận, hoặc cảnh giới nghịch, bạn không cần chấp trước nó. Nếu tâm không động thì có công phu, đã đến trình độ hỏa hầu.

Cảnh giới thuận là gì ? Tức là có người khen ngợi bạn rằng: Vị pháp sư này giữ gìn giới luật, ngày ăn một bữa, ngủ ngồi, lại chẳng giữ tiền bạc, ngoài ba y bình bát ra, chẳng có vật gì khác. Bạn nghe những lời khen như thế, trong tâm rất hân hoan, còn ngọt hơn là ăn mật, đó là bị cảnh giới chuyển.

Cảnh giới nghịch là gì ? Tức là có người phỉ báng bạn rằng: Vị pháp sư này ham ăn lười làm chẳng tu hành, ngủ suốt ngày chẳng làm việc, nói một cách khác là nương Phật ăn bám, nương Phật mặc y áo để qua ngày tháng. Bạn nghe rồi, trong tâm rất khó chịu, còn đắng hơn là ăn hoàng liên, đó là bị cảnh giới chuyển.

Chướng ngại lớn nhất của việc tu đạo là chẳng nhận thức được cảnh giới, chẳng có định lực, rất dễ bị cảnh giới chuyển, làm mất đi đạo nghiệp.

Vô lượng đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên chẳng thích ở chỗ náo nhiệt, thích ở nơi yên tĩnh. Các Ngài luôn luôn

ở trong thiền định, đắc được cảnh giới khinh an, thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Vì cầu Phật đạo, cho nên trụ ở phương dưới ở trong hư không.

Chúng con từ Phật nghe
Việc này nên hết nghi
Xin Phật vì vị lai
Diễn nói khiến họ hiểu.
Nếu ở nơi kinh này
Có người nghi không tin
Tức sẽ đọa đường ác
Nay xin Phật giải nói.
Vô lượng Bồ Tát đó
Sao trong thời gian ngắn
Giáo hóa khiến phát tâm
Trụ vào bậc bất thối ?

Bồ Tát Di Lặc lại nói : Chúng con đại chúng nghe Phật nói diệu pháp Kinh Pháp Hoa, lại thấy những vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên. Vì được thấy được nghe, cho nên đối với việc này chẳng còn hoài nghi nữa. Xin Đức Phật vì Bồ Tát sơ phát tâm ở đời vị lai, mà diễn nói đạo lý này. Vì tín căn của họ chẳng kiên cố, căn lành chẳng sâu dày.

Nếu như có người đối với Kinh Pháp Hoa không hiểu, mà sinh tâm hoài nghi, chẳng sinh tâm tín ngưỡng, thì tương lai sẽ đọa vào ba đường ác. Xin nguyện Đức Thế Tôn từ bi thương xót chúng sinh ở đời vị lai, mà giải thích nói nhân duyên này.

Vô lượng vô biên Bồ Tát đó, sao trong thời gian ngắn, mà giáo hóa họ phát tâm bồ đề, trụ vào bậc bất thối, hạnh bất thối, niệm bất thối.

Vị bất thối : Tức là bậc tu đạo chẳng thối thất, tức cũng là nhập bậc Bồ Tát, chẳng thối lùi về bậc nhị thừa. Nhập vào bậc thập trụ thì chẳng còn thối lùi bậc sinh tử.

Hạnh bất thối : Đối với hạnh pháp tu chẳng thối thất. Tu sáu pháp Ba la mật, chẳng thối lùi về pháp tứ đế. Nhập vào sơ địa thì hạnh bất thối lợi tha.

Niệm bất thối : Đối với chánh niệm chẳng thối thất. Từ bát địa trở đi được vô công dụng trí, niệm niệm nhập vào biển tánh chân như.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM THỌ LƯỢNG CỦA NHƯ LAI
THỨ MƯỜI SÁU

Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Mười danh hiệu là gì ? Tức là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, đủ mười hiệu này nên gọi là Thế Tôn. Mười phương ba đời tất cả chư Phật đều gọi là Như Lai. Như Lai là gì ? Tức là :

''Thừa như thật chi đạo,
Lai thành chánh giác.''

Thừa là trí như như, lai là cảnh như như. Dùng trí như như để quán sát cảnh như như. Cảnh trí như như, cảnh trí hợp mà làm một. Tóm lại, cũng chẳng có cảnh, cũng chẳng có trí. Đạo là nhân, giác là quả. Đây là cảnh giới

nhân viên quả mãn, cho nên gọi là ''Như Lai.'' Như Lai có hai thân, tức là chân thân và ứng thân. Chân thân là pháp thân, ứng thân là hóa thân, tuy danh từ khác nhau, song thể dụng giống nhau. Theo căn cơ chúng sinh mà hiện thân, để vì chúng sinh nói pháp. Do đó :

''Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến.''

Ví dụ như : Chân thân cũng như mặt trăng sáng ở trong hư không, ứng thân giống như bóng mặt trăng ở trong nước. Do đó, có câu :

''Thiên đàm hữu thủy thiên đàm nguyệt.''

Nghĩa là :

''Ngàn ao hồ có ngàn mặt trăng hiện vào.''

Phàm là nơi nào có nước, chỉ cần lắng trong không đục, thì mặt trăng đều hiện bóng vào. Song, mặt trăng trong nước chẳng đi, mặt trăng trên trời cũng chẳng đến. Cho nên nói:

"Như Lai chẳng đến chẳng đi".

Tuy Đức Phật thị hiện đến thế giới này, song cũng chẳng sinh; tuy thị hiện nhập diệt, cũng chẳng có diệt. Tại sao ? Vì bổn thể của Ngài chẳng động. Đó là cảnh giới không sinh mà thị hiện sinh, không diệt mà thị hiện diệt, khiến cho chúng sinh đừng chấp trước có sinh có diệt.

Phật thì không sinh không diệt, huệ mạng của Phật cũng chẳng có hạn lượng, về thời gian là vô hạn, về không gian là vô lượng. Như Lai có ba thân, tức là :

1). Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, dịch là "Biến mãn nhất thiết xứ" (đầy khắp mọi nơi). Trí huệ quang của Ngài chiếu khắp hư không, tận hư không biến pháp giới. Pháp thân của Phật vô tại vô bất tại. Tại sao ? Vì pháp thân của Phật không hình không tướng, thuần nhất thanh tịnh, chân Phật vô hình, cho nên không có chỗ nào mà chẳng phải là pháp thân ở tại chỗ đó.

Có người khởi vọng tưởng : ‘’Đại khái nơi chẳng thanh tịnh, thì chẳng có pháp thân của Phật‘’ ! Nói cho bạn biết ! Pháp thân của Phật chẳng có chỗ nào mà không có (vô sở bất tại). Thanh tịnh hay không thanh tịnh, là do tâm phân biệt của phàm phu mà nói. Tại cảnh giới của Phật mà nói, thì không thanh tịnh cũng biến thành thanh tịnh. Ở trước kinh này có nói về ba lần biến đất đai, tức là không thanh tịnh biến thành thanh tịnh.

2). Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, dịch là "Tịnh mãn". Tức là các hoặc đều tịnh, trí huệ viên mãn. Khi Đức Phật chứng đạo dưới cội bồ đề, thì hiện thân Lô Xá Na ngàn trượng, để vì pháp thân Đại sĩ (Bồ Tát) nói Kinh Hoa Nghiêm. Hàng tiểu thừa thấy Phật chỉ là tướng Tỳ Kheo một trượng sáu, do đó ‘’Có mắt chẳng thấy Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo viên đốn.’’ Đây là hình dung hàng tiểu thừa chẳng có căn tánh đại thừa. Tuy nhiên ở tại hiện trường mà giống như kẻ mù kẻ điếc.

Có người hỏi : ‘’Hàng nhị thừa là bậc Thánh nhân, sao chẳng thấy Phật chẳng nghe pháp; chúng ta là phàm phu, sao lại thấy được Kinh Hoa Nghiêm‘’ ?

Đáp : ‘’Vì hàng nhị thừa cơ duyên còn chưa thành thục, cho nên chẳng nghe pháp đại thừa. Chúng ta gặp được Kinh Hoa Nghiêm, phải cảm kích ân điển của Bồ Tát Long Thọ. Trong quá khứ chúng ta đã gieo trồng căn lành, kết pháp duyên với Kinh Hoa Nghiêm, cho nên đời này được nghe kinh điển này.’’

Sau khi Đức Phật vào Niết Bàn, khoảng sáu trăm năm sau, Bồ Tát Long Thọ ra đời ở Ấn Độ, Ngài có trí huệ hơn người, bất cứ kinh gì sách gì, qua mắt rồi thì không bao giờ quên, thuộc lòng như nước chảy. Ngài đọc hết tất cả kinh sách thế gian, chẳng còn sách gì để đọc, Long Vương thỉnh Ngài xuống lầu tạng kinh ở dưới Long Cung, để đọc kinh điển đại thừa. Ngài phát hiện bộ Kinh Hoa Nghiêm, gồm có quyển thượng, trung, hạ ba quyển. Quyển thượng và quyển trung quá nhiều bài kệ, người thế gian không thể tiếp thọ được, chỉ có quyển hạ có mười vạn bài kệ. Ngài tốn ba ngày thời gian, mới đọc xong mười vạn bài kệ và nhớ vào trong não hải, rồi trở về Ấn Độ, viết ra trên lá bối chẳng xót một chữ, trở thành bộ kinh ‘’Không thể nghĩ bàn,’’ lưu truyền ở nhân gian. Kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta gặp là bộ kinh này. Nhân duyên của chúng ta thành thục, tương lai khi giảng xong bộ Kinh Pháp Hoa, thì chúng ta tiếp tục giảng bộ Kinh Hoa

Nghiêm. Tôi ước lượng khoảng mười năm mới giảng xong bộ Kinh Pháp Giới này.

Nói đến đây lại có người khởi vọng tưởng : ‘’Bồ Tát Long Thọ làm sao mà xuống Long cung được ? Ngài lặn xuống nước chăng‘’ ? Phàm là người chứng quả, đều có thần thông, vào đất như vào nước, đi trong nước như đi trên đất. Ngài đến bờ biển thì nước biển tự nhiên rẽ ra thành đường đi, chân Ngài chẳng dính nước, bèn đi đến Long cung, bạn nói có diệu chăng ! Bạn có muốn xuống Long cung tham quan chăng ? Hãy mau ngồi thiền nhập định, đắc được ngũ nhãn lục thông, thì bất cứ muốn đến đâu, cũng đều toại tâm như ý, chẳng bị vật gì hạn chế.

3). Thiên Bách Ức Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Phật, dịch là "Năng nhân tịch mặc". Nghĩa là thân khẩu ý ba nghiệp, lìa các lỗi ác được vắng lặng. Phật tùy loại chúng sinh mà hiện thân để giáo hóa. Tóm lại, theo cơ của chúng sinh mà hiện thân nói pháp, chẳng những ở thế giới này nói pháp, mà còn nói pháp ở khắp mười phương vô lượng thế giới, để giáo hóa chúng sinh.

Phẩm này là vì giải quyết lòng nghi của chúng mà nói : ‘’Ta thành Phật đến nay rất là lâu xa, thọ mạng của Như Lai vô lượng A tăng kỳ kiếp.’’ Phẩm này nói rõ công đức báo thân và trí huệ của Phật, trên thì hợp với thật tướng, dưới thì khế với chúng sinh.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát và tất cả đại chúng : Các thiện nam tử ! Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai. Lại bảo đại chúng : Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai. Lại bảo đại chúng : Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai.

Sau khi Đức Phật nói xong Phẩm Từ Dưới Đất Vọt Lên rồi, bèn nói Phẩm Thọ Lượng của Như Lai. Lúc đó, Phật bảo tất cả Bồ Tát và đại chúng trong hội Pháp Hoa nói : ''Các vị thiện nam tử ! Các ông hãy thanh tịnh tâm của mình, thu nhiếp ý của mình, chú ý lắng nghe ! Nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai.'' Trước kia nói pháp ba thừa, là tùy phương tiện mà nói, bây giờ nói pháp một thừa, nên gọi là pháp chân thật.

Đức Thế Tôn sợ rằng hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trong pháp hội khởi vọng tưởng chẳng chú ý nghe pháp, cho nên lại nói lần nữa : ''Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai.''

Bấy giờ, trong đại chúng Bồ Tát, Bồ Tát Di Lặc làm thượng thủ, chắp tay bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Xin hãy nói đi,

chúng con sẽ tin nhận lời của đức Phật nói, bạch ba lần như thế rồi nói : Xin hãy nói đi, chúng con sẽ tin nhận lời của đức Phật nói.

Lúc đó, trong đại chúng Bồ Tát nghe Phật nói ba lần như thế. Bồ Tát Di Lặc đại biểu cho đại chúng, hướng về Đức Phật cung kính chắp tay mà bạch rằng : ''Đức Thế Tôn ! Xin Ngài hãy vì chúng con mà nói lời chân thật, chúng con sẽ tin sâu tiếp thọ lời nói của Phật, tuyệt đối chẳng hoài nghi pháp của Phật nói.'' Nói như thế ba lần, thì Phật yên lặng chẳng nói (ba lần thỉnh pháp để biểu thị chí thành khẩn thiết). Bồ Tát Di Lặc lại nói : ''Xin Đức Thế Tôn hãy vì chúng con mà nói, chúng con nhất định tin nhận lời của Phật nói.''

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết các Bồ Tát ba lần thỉnh không ngừng, bèn bảo rằng : Các ông hãy lắng nghe, sức thần thông bí mật của Như Lai, tất cả thế gian trời người và A tu la, đều cho rằng hôm nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lìa bỏ hoàng cung đến thành Già Gia chẳng bao xa, ngồi nơi Đạo tràng, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc đó, Phật biết các vị Bồ Tát ba lần thỉnh pháp không ngừng, bèn nói với các vị Bồ Tát rằng : ''Các ông phải nghe cho kỹ ! Sức thần thông bí mật của Như Lai.'' Tất cả thế gian trời người và A tu la đều nói rằng : ''Hiện tại Phật Thích Ca Mâu Ni, lìa khỏi cung điện của vua Tịnh Phạn, đi đến thành Già Gia chẳng bao xa, ngồi dưới cội bồ đề, chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.''

Thiện nam tử ! Thật ra, từ khi ta thành Phật đến nay, đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha kiếp. Ví như, năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ, ba ngàn đại thiên thế giới. Giả sử, có người nghiền ra thành bụi, đi qua phương đông, năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước, mới để xuống một hạt bụi, cứ theo hướng đông làm như thế, hết số hạt bụi đó.

Thiện nam tử ! Thật ra ta thành Phật đến nay, đã có vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha kiếp. Chứ chẳng phải hiện tại mới chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Ví như, có năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ (vô lượng số), ba ngàn đại thiên thế giới. Giả sử, có

người đem hết các thế giới đó nghiền ra thành bụi, đi thẳng về phương đông, qua năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước, mới để xuống một hạt bụi, để hết số hạt bụi, chẳng còn hạt bụi nào cả.

Các thiện nam tử ! Ý của các ông thế nào ? Các thế giới đó, có thể suy nghĩ tính đếm biết được số bao nhiêu chăng ?

Các thiện nam tử ! Ý của các ông thế nào ? Những thế giới như thế có bao nhiêu ? Các ông có thể suy nghĩ, tính đếm cứu kính có bao nhiêu số mục, các ông có biết số chắc chắn là bao nhiêu chăng ?

Bồ Tát Di Lặc và hết thảy Bồ Tát, đều bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Các thế giới đó vô lượng vô biên, chẳng phải tính đếm mà biết được. Tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, dùng trí huệ vô lậu, cũng không thể suy nghĩ biết được số lượng. Chúng con trụ ở bậc bất thối, ở nơi việc này, cũng chẳng biết được. Đức Thế Tôn ! Các thế giới như thế vô lượng vô biên.

Bồ Tát Di Lặc và tất cả Bồ Tát đồng thời nói với Phật : ''Đức Thế Tôn ! Những thế giới đó vô lượng vô biên, chẳng phải tính toán mà biết được số mục, cũng chẳng phải dùng sức tâm của một số người, mà tưởng tượng đến được. Dù tất cả hàng Thanh Văn và Duyên Giác, dùng trí huệ vô lậu để suy nghĩ cũng chẳng biết được số mục. Chúng con hàng Bồ Tát đều trụ ở bậc bất thối, ở nơi việc này cũng chẳng biết được. Đức Thế Tôn ! Những thế giới đó chẳng có số lượng, chẳng có bờ bến, không thể nói, không thể hình dung được.''

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng Bồ Tát : Các thiện nam tử ! Nay ta phân minh nói cho các ông nghe, các thế giới đó, hoặc để hạt bụi, hoặc không để, đều nghiền ra thành bụi hết, một hạt bụi là một kiếp. Từ ta thành Phật đến nay, còn nhiều hơn số đó, trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ kiếp. Từ đó đến nay, ta thường ở tại thế giới Ta Bà này, thuyết pháp giáo hóa, cũng ở nơi trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước khác, giáo hóa lợi ích chúng sinh.

Lúc đó, Đức Phật bảo các đại Bồ Tát ở trong pháp hội rằng : ''Các vị thiện nam tử ! Nay ta sẽ phân minh nói rõ cho các ông nghe. Đi về hướng đông, trải qua vô lượng thế giới như thế, hoặc để một hạt bụi xuống, hoặc không để hạt bụi xuống, lại đem tất cả những thế giới đó, đều nghiền ra thành bụi. Một hạt bụi là một kiếp, từ khi ta thành Phật đến nay, đã trải qua nhiều hơn số kiếp hạt bụi đó, khoảng trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ đại kiếp. Từ đó đến nay, ta thường ở tại thế giới Ta Bà này, thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, cũng ở những thế giới khác giáo hóa chúng sinh, tại trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước, giáo hóa lợi ích tất cả chúng sinh.''

Các thiện nam tử ! Trong khoảng giữa đó, ta nói Phật Nhiên Đăng, và còn nói đức Phật đó vào Niết Bàn. Như thế đều dùng phương tiện phân biệt.

Các vị thiện nam tử ! Từ lúc ban đầu ta thành Phật, đến hiện tại pháp hội Linh Sơn, trong khoảng giữa này ta đã từng nói qua : ''Ta ở vào thời Phật Nhiên Đăng, tên là Bồ Tát Thiện Huệ. Sau gặp Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, vào thời kỳ Hiền Kiếp, sẽ được thành Phật hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni.'' Ta lại nói : ''Phật Nhiên Đăng nhập Niết Bàn vào thời nào''? Những pháp ta nói đó, thật là pháp phương tiện, vì đối với căn tánh của chúng sinh mà

nói ra nhân duyên đó, sự tích đó. Thật tế thì chẳng phải như thế, chẳng qua phương tiện phân biệt nói mà thôi. Các ông đừng cho nó là thật.

Các thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh đến chỗ ta, thì ta dùng mắt Phật quán sát, niềm tin và các căn lợi độn của họ, để độ họ. Nơi nơi tự nói danh tự khác nhau, tuổi tác lớn nhỏ, cũng hiện nói sẽ vào Niết Bàn, lại dùng đủ thứ phương tiện nói pháp vi diệu, khiến cho chúng sinh phát tâm hoan hỷ.

Các vị thiện nam tử ! Giả sử có chúng sinh đến chỗ ta, thì ta dùng mắt Phật để quán sát năm căn của họ, là lợi hay là độn, để thuyết pháp giáo hóa họ.

Nếu người có tín căn mà nghe Phật pháp, thì họ liền tin, chẳng sinh tâm hoài nghi, giữ quy cụ chẳng phóng dật. Sau khi tin Phật pháp rồi, thì còn phải tinh tấn nỗ lực tu hành. Bằng không, có tín căn mà chẳng tinh tấn thì đó là ‘’khẩu đầu thiền.’’ Nói mà chẳng làm thì cũng như không, chẳng ích lợi gì. Phải từ từ đi đứng nằm ngồi, niệm niệm không quên mới có công hiệu. Những pháp môn học được, chẳng thiết thực nghiên cứu, chẳng chuyên tâm đọc tụng, thậm chí một ngày nóng mười ngày lạnh, thì vĩnh viễn chẳng đắc được giải thoát. Niệm căn bất thối thì mới sinh ra định căn. Có định căn rồi thì mới sinh huệ

căn. Năm căn này đều có mối quan hệ với nhau. Người chẳng có định căn, khi cảnh giới đến khảo nghiệm thì hồ đồ. Tại sao ? Vì chẳng có huệ căn, cho nên huệ căn rất là quan trọng. Do năm căn mà sinh ra năm lực, năm lực trợ giúp thành tựu đạo nghiệp.

Lợi căn là người thông minh, độn căn là người ngu si. Người thông minh thì không bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được cảnh giới. Cảnh giới ác chuyển thành cảnh giới thiện, cảnh giới nghịch chuyển thành cảnh giới thuận. Người ngu si thì ngược lại, việc tốt làm thành việc xấu, việc thiện làm thành việc ác, cứ làm việc điên đảo. Tại sao lại thông minh ? Vì làm nhiều công đức, chẳng làm việc thất đức. Tại sao lại ngu si ? Vì chẳng làm việc công đức, cứ muốn chiếm tiện nghi, chẳng chịu thiệt thòi. Phải hiểu rằng :

''Thiệt thòi là chiếm tiện nghi.''

Đạo lý này các vị hãy nghiên cứu thì sẽ biết nghĩa của nó.

Lão Tử từng nói qua bài này rằng :

''Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa.
Trí huệ xuất, hữu đại ngụy.
Lục thân bất hòa, hữu hiếu tử,
Quốc gia hỗn loạn, hữu trung thần.''

Nghĩa đại khái là : Đại đạo chẳng còn, thì mới đi giảng về nhân nghĩa. Người có trí huệ xuất hiện, thì trên thế gian sẽ có việc gian ngụy phát sinh. Gia đình bất hòa thì mới hiển lộ người con có hiếu. Nước nhà hỗn loạn, thì mới xuất hiện trung thần. Tục ngữ có câu :

''Chẳng có núi cao thì không hiển lộ đất bằng.''

Khi nước nhà thái bình, thì ai ai cũng đều là người tốt, chẳng phân biệt được người trung kẻ gian. Khi đất nước đại loạn, thì mới biết rõ trung thần báo quốc, gian thần bán nước, xưa nay đều rõ ràng.

Phật tùy theo chúng sinh nào độ được, thì thuyết pháp giáo hóa họ, cho nên nơi nơi chốn chốn, tự nói danh hiệu của mình, hoặc là nói Tỳ Lô Giá Na, hoặc nói Lô Xá Na, hoặc nói Thích Ca Mâu Ni. Tuy danh hiệu khác nhau, song đều là một người. Tuổi tác của Phật ở đời, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc già, hoặc trẻ, đều khác nhau. Lại đối với hàng đệ tử nói : ''Hiện tại ta sẽ vào Niết Bàn.'' Kỳ thật, Phật cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt, thường ở tại cõi Thường Tịch Quang thuyết pháp. Lại dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, diễn nói pháp vi diệu không thể nghĩ bàn, khiến cho chúng sinh hoan hỷ.

Các thiện nam tử ! Như Lai thấy các chúng sinh ưa thích pháp tiểu thừa, đức mỏng, trần cấu nặng, thì vì người đó nói : Ta

thiếu niên xuất gia, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nhưng thật ra, ta thành Phật đến nay, rất là lâu xa, nhưng dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ vào Phật đạo, mà nói như thế.

Các vị thiện nam tử ! Như Lai quán sát căn cơ của tất cả chúng sinh, để vì họ nói pháp. Có chúng sinh thích pháp tiểu thừa, thì vì họ nói pháp tiểu thừa. Có chúng sinh hoan hỷ pháp đại thừa, thì vì họ nói pháp đại thừa. Đối với chúng sinh phước mỏng đức cạn, hoặc phiền não cấu nặng, độn căn thì nói : ''Ta lúc thiếu niên xuất gia tu đạo, đã chứng quả giác Vô thượng chánh đẳng chánh giác.'' Song, thật ta thành Phật đến nay rất là lâu xa, đã vượt hơn số bụi A tăng kỳ kiếp. Nhưng dùng pháp môn quyền xảo phương tiện, để giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ cải tà quy chánh, hồi tiểu hướng đại, phát tâm bồ đề chứng nhập Phật đạo, cho nên mới nói pháp như thế.

Các thiện nam tử ! Như Lai nói tất cả kinh điển, đều vì độ thoát chúng sinh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân của chư Phật, hoặc thị hiện thân mình, hoặc thị hiện thân Phật khác, hoặc nói việc của mình, hoặc nói

việc của Phật khác. Những lời nói ra, đều chân thật không hư.

Các vị thiện nam tử ! Như Lai nói tất cả kinh điển, đều vì độ thoát tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui mà nói. Vì chúng sinh có tám vạn bốn ngàn trần lao, cho nên mới nói ra tám vạn bốn ngàn pháp môn. Mỗi pháp môn đối trị mỗi chứng bệnh. Đối với chúng sinh tâm tham nặng, thì nói quán pháp bất tịnh; đối với chúng sinh tâm sân nặng, thì nói quán pháp từ bi; đối với chúng sinh tâm si nặng, thì nói quán pháp nhân duyên. Tóm lại, theo bệnh cho thuốc, thì mới có công hiệu. Phật dùng đủ thứ pháp môn, đối trị đủ thứ tập khí mao bệnh của chúng sinh.

Phật giáo hóa chúng sinh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân của chư Phật, dùng thân làm khuôn phép, làm mô phạm cho chúng sinh, hoặc thị hiện thân mình, hoặc thị hiện thân Phật khác, để làm mô phạm khiến cho chúng sinh học theo, hoặc nói nhân duyên bổn sinh bổn sự của chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán. Những lời nói ra đều chân thật không hư.

Vì sao ? Vì Như Lai thấy biết tướng ba cõi như thật, chẳng có sinh tử, hoặc thối lùi, hoặc xuất hiện, cũng chẳng tại thế, hoặc diệt độ, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng khác. Chẳng như ba cõi, mà thấy ba cõi.

Những sự việc đó, chỉ có Như Lai mới thấy rõ, chẳng có sai lầm.

Đây là nguyên nhân gì ? Như Lai dùng tri kiến chân như thật trí, chiếu thấy tướng của ba cõi chẳng có sinh tử. Tại bổn thân của Phật mà nói, thì chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, cũng chẳng có thối lùi, cũng chẳng có xuất hiện, cũng chẳng trụ thế, cũng chẳng diệt độ.

Một số phàm phu, quán tất cả pháp là thật có, hàng nhị thừa quán tất cả pháp là không tướng, Phật quán tất cả pháp là chẳng thật chẳng hư. Tóm lại, trung đạo mới là chân không diệu hữu; diệu hữu không ngại chân không. Cũng chẳng phải như, chẳng phải khác. Sao gọi là chẳng phải như ? Chẳng phải một. Sao gọi là chẳng phải khác ? Cũng chẳng phải hai. Chẳng giống như chúng sinh trong ba cõi, thấy ba cõi thì có ba cõi. Tại Phật mà nói, thì chẳng có sinh tử, chẳng có ba cõi. Những sự việc như thế chỉ có Như Lai mới thấy rõ chẳng có sai lầm.

Vì chúng sinh có đủ thứ tánh, đủ thứ dục, đủ thứ hạnh, đủ thứ nghĩ nhớ phân biệt. Phật muốn khiến cho sinh các căn lành, cho nên dùng đủ thứ nhân duyên, ví dụ lời lẽ, đủ thứ thuyết pháp, làm các Phật sự, chưa từng tạm phế bỏ.

Vì hết thảy chúng sinh đều có đủ thứ tập tánh, đủ thứ dục vọng, đủ thứ nghiệp hành, đủ thứ nghĩ nhớ phân biệt. Phật muốn khiến cho chúng sinh trồng tất cả căn lành, cho nên dùng đủ thứ nhân duyên, đủ thứ ví dụ, đủ thứ lời lẽ, đủ thứ thuyết pháp. Làm những Phật sự từ lâu xa đến nay, chưa từng tạm thời phế bỏ. Tóm lại, ngày ngày làm Phật sự chẳng có ngừng nghỉ.

Chúng sinh là gì ? Phàm là có huyết, có khí, có mạng sống, đều là chúng sinh, tức cũng là do chúng duyên hòa hợp mà sinh. Phi, tiềm, động, thực, đều là hữu tình chúng sinh, cây, cỏ, vàng, đá, là vô tình chúng sinh, hữu tình chúng sinh đang nói pháp, vô tình chúng sinh cũng đang nói pháp, bất quá chúng ta phàm phu chẳng thấu được mà thôi, bậc Thánh nhân chứng được ngũ nhãn lục thông, đều biết đều thấy.

Như thế, từ khi ta thành Phật đến nay, rất là lâu xa, thọ mạng vô lượng A tăng kỳ kiếp, thường trụ bất diệt.

Như ở trên vừa nói, từ khi ta thành Phật đến nay, thời gian rất là lâu xa, tuổi thọ vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, thường trụ ở cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt. Và chẳng phải chỉ chứng đạo ở dưới cội bồ đề, nhập diệt tại Sa La song thọ. Đó bất quá là phương tiện thị hiện mà thôi.

Các thiện nam tử ! Thuở xưa, ta hành Bồ Tát đạo, được tuổi thọ đến nay vẫn chưa hết, lại tăng thêm. Nay chẳng phải thật diệt độ, mà nói là sẽ diệt độ. Như Lai dùng phương tiện đó, để giáo hóa chúng sinh.

Các vị thiện nam tử ! Thuở xưa, khi ta hành Bồ Tát đạo, được tuổi thọ đến nay vẫn chưa hết. Còn lâu dài hơn hạt bụi số kiếp đã nói ở trên. Hiện tại ta muốn vào Niết Bàn, chẳng phải thật diệt độ, chỉ là phương tiện nói pháp, bèn nói là sẽ diệt độ. Như Lai vì phương tiện giáo hóa chúng sinh, mà nói như thế.

Tại sao ? Nếu Phật sống lâu ở đời, thì người đức mỏng chẳng trồng căn lành, bần cùng hạ tiện tham trước năm dục, vào trong lưới vọng kiến nhớ tưởng.

Tại sao Phật có diệt độ, mà nói là chẳng có diệt độ ? Phật vốn là chẳng sinh chẳng diệt. Nếu như Phật sống lâu ở đời chẳng vào Niết Bàn, thì người phước mỏng sinh tâm ỷ lại, chẳng muốn trồng căn lành. Tâm nghĩ : ‘’Phật còn ở đời, mình từ từ trồng căn lành cũng chưa muộn, còn có nhiều thời gian.’’ Cho nên, bổn ý của Phật

thị hiện Niết Bàn, là khiến cho chúng sinh sớm trồng căn lành, sớm thành Phật đạo.

Giảng đến đây, tôi nhớ lúc ở đông bắc bên Tàu, đệ tử quy y với tôi thì rất đông, song đệ tử tu hành thì rất ít. Dạy họ tu hành thì có người nói : ''Tôi chẳng có thời giờ tu, khi về già tu cũng chưa muộn.'' Sau khi tôi rời khỏi đông bắc đến Hương Cảng, thì có nhận thư của đệ tử gởi đến nói : ''Người đó bây giờ tu hành, rất là nỗ lực, chẳng giải đãi nữa.'' Vì sư phụ không có ở đó, thì họ mới tu hành. Nếu sư phụ ở đó, thì họ chưa chịu tu hành. Sau khi tôi đến Hương Cảng, cũng có rất nhiều người quy y, song tu hành chẳng nhận chân. Tôi rời khỏi Hương Cảng đến nước Mỹ, thì lúc này họ mới biết chẳng có sư phụ, thì phát sinh những việc khó khăn, chẳng cách gì giải quyết được. Do đó, thơ này thì thỉnh sư phụ trở về, thư kia thì thỉnh sư phụ giúp đỡ. Tóm lại, ngày ngày gặp mặt, thì chẳng cảm thấy quan trọng, khi không gặp thì mới biết là quan trọng.

Nguyên nhân Phật chẳng ở lại đời, là vì chúng sinh bần cùng hạ tiện, tham trước năm dục, chẳng biết chẳng hay, đọa vào trong lưới vọng kiến nhớ tưởng điên đảo, làm che lấp đi trí huệ quang minh, cứ làm việc điên đảo.

Tại sao người lại bần cùng ? Vì kiếp trước chưa làm việc công đức, cũng chẳng trồng căn lành, cứ nghĩ muốn chiếm tiện nghi, cho nên đời này chẳng có phước báo.

Nếu thấy Như Lai thường ở đời chẳng nhập diệt, thì họ sẽ sinh tâm kiêu mạn phóng túng, mà ôm lòng nhàm chán giải đãi, chẳng sinh tâm khó được gặp Phật, chẳng sinh tâm cung kính. Do đó, Như Lai dùng phương tiện nói : Tỳ Kheo nên biết, chư Phật ra đời rất khó được gặp.

Chúng sinh tham luyến năm dục, nếu thấy Phật thường ở đời mà không nhập diệt, thì họ bèn sinh tâm kiêu mạn phóng túng, chẳng giữ quy cụ. Họ ngày ngày thấy Phật, thời thời gặp Phật, thì sinh tâm nhàm chán giải đãi, mà chẳng sinh tâm khó được gặp Phật ở đời, chẳng sinh tâm cung kính Tam Bảo. Do đó, cho nên Như Lai phương tiện nói : ''Này các Tỳ Kheo ! Các ông nên biết, mười phương chư Phật xuất hiện ra đời, chẳng dễ gì gặp được.''

Tại sao ? Vì những người đức mỏng, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, hoặc có gặp Phật, hoặc không gặp Phật. Nhờ việc đó mà ta nói rằng : Các Tỳ Kheo ! Như Lai khó có thể được gặp, những chúng sinh đó nghe lời như thế, thì sẽ sinh tâm khó được

gặp Phật, ôm lòng luyến mộ khát ngưỡng đối với Phật, bèn trồng căn lành. Do đó, tuy Như Lai chẳng thật diệt, mà nói là diệt độ.

Vì sao nói rất khó được gặp Phật ? Vì tất cả những người phước mỏng, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, hoặc có gặp được Phật, hoặc không gặp được Phật. Vì lẽ đó, cho nên ta mới nói : ''Này các Tỳ Kheo ! Như Lai rất khó gặp được.'' Những chúng sinh đó, nghe ta nói như thế, thì bèn sinh tâm khó gặp Phật ra đời, trong tâm bèn luyến mộ Phật, khát ngưỡng Phật, bèn trồng xuống căn lành. Vì lẽ đó, cho nên Như Lai tuy chẳng phải thật nhập diệt, mà phương tiện nói là nhập diệt. Kỳ thật, bây giờ Phật vẫn còn ở tại pháp hội Linh Sơn, diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chưa tan hội. Có gì chứng minh ? Vào đời Tùy, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư, Ngài tụng Kinh Pháp Hoa đến Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự, bèn nhập định thấy được cảnh giới này, do Ngài Huệ Tư Đại Sư ấn chứng rằng :

- ''Phi nhữ mạc thức, phi ngã mạc chứng.''

Do đó có thể biết, thật có việc đó chứ chẳng hư cấu. Tổ Sư đại đức chẳng nói dối.

Lại nữa ! Thiện nam tử ! Pháp của chư Phật Như Lai đều như thế, vì độ chúng sinh, đều thật chẳng hư.

Các vị thiện nam tử ! Mười phương ba đời tất cả chư Phật đều nói pháp như thế, do đó ‘’Phật Phật đạo đồng.’’ Vì giáo hóa chúng sinh mà nói pháp, đều chân thật chẳng hư. Trước hết nói pháp ba thừa, đó là vì thật thí quyền; bây giờ nói pháp một thừa, đó là khai quyền hiển thật. Trước ba sau một, vì khai ngọn hiển gốc, gốc ngọn chẳng lìa. Đây là pháp "hết ba về một, hết ngọn về gốc".

Ví như vị lương y trí huệ thông đạt, biết luyện chế thuốc, khéo chữa lành các chứng bệnh. Có rất nhiều người con, hoặc mười, hai mươi, cho đến một trăm người. Vì có duyên sự nên đi xa đến nước khác. Các người con sau này, uống nhầm thuốc độc, thuốc phát buồn bực điên loạn, lăn lóc trên đất.

Phật vì nói rõ đạo lý này, mới đưa ra ba mươi ví dụ để giải thích. Ví dụ tuy chẳng phải là chân lý, nhưng có thể nói rõ chân lý, cho nên có kinh ví dụ truyền bá trên thế gian.

Ví như có vị lương y trí huệ rất thông minh, biết rõ tính thuốc khéo điều trị tất cả nghi nan tạp chứng. Vị lương y này (đại biểu cho Phật), có rất nhiều con (đại biểu cho chúng sinh), hoặc mười (thập địa Bồ Tát) người con, hoặc hai mươi (nhị thừa) người con, cho đến một trăm (đại biểu cho trăm pháp giới) người con. Vị lương y này, vì có bệnh nhân đặc biệt, nên đi xa đến nước khác, do đó chẳng cách chi chiếu cứ các người con ở nhà. Các người con ở nhà đều rất thơ bé, chẳng ai chăm sóc, bèn lấy thuốc độc uống, bị trúng độc. Trong tâm phiền muộn điên loạn, nằm lăn lóc trên đất, thống khổ không thể tả.

Bấy giờ, người cha trở về nhà, các người con uống thuốc độc, hoặc có người mất bản tâm, hoặc có người không mất, ở xa trông thấy cha về, đều rất vui mừng, quỳ lạy thăm hỏi cha được bình an trở về. Chúng con ngu si, uống lầm thuốc độc, xin cha hãy cứu chữa, khiến cho chúng con khỏi bệnh được sống lâu.

Trong lúc khẩn cấp, thì người cha từ nước khác trở về. Những người con này đã uống thuốc độc, có người đã mất tri giác, có người còn tỉnh táo, trúng độc chẳng nặng lắm. Họ ở đằng xa nhìn thấy người cha trở về, ai nấy đều

rất mừng rỡ : ‘’Ba Ba ! Ba được bình an trở về, không việc gì chứ ! Chúng con anh em quá ngu si, uống thuốc độc mà cứ tưởng là nước đường. Xin ba hãy tha thứ sự ngu si của chúng con, hãy cứu chữa khiến cho chúng con khỏi bệnh, để sống lâu trăm tuổi.’’

Người cha thấy các con đau khổ như thế, bèn y theo các phương pháp, tìm cỏ thuốc tốt, sắc vị thơm ngon thảy đều đầy đủ, đâm giã sàng rồi hòa hợp cho các người con uống, mà nói rằng : Đây là thuốc hay, sắc vị thơm ngon thảy đều đầy đủ, các con hãy uống đi, thì sớm sẽ hết khổ não, chẳng còn bị bệnh nữa.

Vị lương y đó từ nước ngoài trở về, phát hiện con của mình vì tham ăn mà trúng độc. Có người bất tỉnh nhơn sự, có người còn tỉnh, song đều rất đau khổ, thật đáng thương xót. Bèn y chiếu theo các phương pháp tìm cỏ thuốc giải độc hữu hiệu nhất, có màu sắc dễ nhìn, mùi vị ngon ngọt, cho nên nói là sắc vị thơm ngon đều đầy đủ, khiến các người con hoan hỷ uống thuốc giải độc này (Phật pháp). Vị lương y đem thuốc đâm giã rồi sàng lấy bột mịn, thêm mật ong hòa hợp làm thành viên. Các người

con uống rồi bèn giải trừ độc tố, nhanh chóng khôi phục sức khoẻ.

Về sau người cha nói với các con rằng : ''Thuốc rất hay này, sắc cũng thơm, vị cũng ngon. Các con hãy mau uống vào, thì sẽ giải trừ được đau khổ lập tức hết bệnh, chẳng còn bị bệnh nữa, thứ thuốc này là vạn linh đan, trị được bá bệnh, có bệnh thì trị bệnh, không bệnh thì càng khoẻ.''

Vị lương y đó tức là Phật, các người con tức là tất cả chúng sinh. Nói Phật đi đến nước khác, hoặc chẳng có Phật ra đời, hoặc đã vào Niết Bàn. Lúc đó, chúng sinh vì chẳng có trí huệ chân chánh, cho nên chẳng phân biệt được thức ăn có độc, hay không có độc, thấy là ăn, bèn ăn lầm thuốc độc. Thứ thuốc độc này, tức là tà kiến của bàng môn tả đạo, nói những đạo lý chẳng cứu kính. Chúng sinh vô tri nhận lầm thuốc độc, cho là thuốc trường sinh bất lão. Tại sao phân biệt chẳng rõ ràng ? Vì si mê quá sâu nặng, chẳng cách chi tự cứu.

Chúng sinh bị si mê quá sâu nặng, khi gặp Phật trở về, bèn cúi đầu đảnh lễ, thỉnh Phật từ bi thương xót cứu ra khỏi biển khổ. Vì có chúng sinh chịu uống thuốc, nên trừ sạch chất độc; có chúng sinh chẳng chịu uống thuốc, nên chất độc vẫn còn tồn tại. Cho nên, học Phật pháp quý tại thực hành, chẳng phải ở lời nói.

Lương y có thần hiệu ''Diệu thủ hồi xuân,'' bằng ngược lại, ngụ ý tức là kẻ giết người chẳng thấy máu. Tại sao lại nói như thế ? Vì bác sĩ bây giờ, đa số dùng bệnh

nhân để làm vật thí nghiệm, thành công thì y có tiếng tăm, thất bại thì bệnh nhân mất mạng.

Bây giờ kể một câu chuyện, tuy là chuyện tiếu, nhưng cũng có tính chất giáo dục, có thể cảnh giác cho bác sĩ. Một ngày nọ, vua Diêm Vương mắc bệnh, sai tiểu quỷ đến dương gian mời bác sĩ.

- Tiểu quỷ nói : ''Việc này tôi không thể đi''!

- Vua Diêm Vương hỏi : ''Tại sao''?

- Tiểu quỷ nói : ''Tôi không biết vị nào là lương y''?

- Diêm Vương nói : ''Việc này rất đơn giản, mày đến trước cửa bệnh viện, thấy chỗ nào hồn quỷ ít, tức là lương y, thì hãy mời đến âm gian chữa bệnh cho ta.'' Tiểu quỷ vâng lời đến dương gian tìm khắp nơi, cũng chẳng được lương y. Nhìn trước cửa chỗ chẩn mạch, đều có vô số oan hồn khóc than đòi đền mạng. Tiểu quỷ thật chẳng có biện pháp, muốn trở về thì lại sợ Diêm Vương nóng giận, bèn đi về phía trước, phát hiện trước cửa một nhà chẩn mạch, chỉ có hai oan hồn. Tiểu quỷ bèn mời vị bác sĩ đó đến chỗ Diêm Vương, để chữa bệnh cho Diêm Vương.

Vị bác sĩ đó đến chỗ Diêm Vương được chiêu đãi rất ân cần, vừa mời thuốc, vừa mời trà, khiến cho ông ta chẩn mạch tử tế.

Vua Diêm Vương hỏi : ''Xin ông hãy chẩn mạch, tôi mắc bệnh gì''?

Bác sĩ trả lời : ‘’Không cần phải chẩn mạch, bất cứ bệnh gì, chỉ cần uống một viên thuốc đặc hiệu, thì sẽ khỏi bệnh.’’

Diêm Vương nghe rồi cảm thấy mạc danh kỳ diệu, tâm nghĩ đâu có lý này, không chẩn mạch mà uống thuốc, thì chẳng phải là "lang trung" chăng ? Lang trung tức là bác sĩ giả, chuyên môn gạt những người thôn quê vô tri vô thức.

- Bèn hỏi : ‘’Bác sĩ làm nghề y đã được bao lâu‘’?

- Bác sĩ nói : ‘’Sáng sớm hôm nay khai trương, thì bị quỷ đại ca mời đến chữa cho Ngài.’’

Diêm Vương nghe rồi bèn sinh hoài nghi, hỏi tiểu quỷ rằng : ‘’Trước cửa của ông ta có bao nhiêu oan hồn?‘’

- Tiểu quỷ đáp : ‘’Chỉ có hai, đang ở đó khóc kể, bị ông ta dùng thuốc độc làm chết, chết rất oan uổng.’’

- Diêm Vương bèn nói với bác sĩ rằng : ‘’Ông không cần trở về dương gian, hãy ở lại đây để khỏi hại độc người khác chết nữa.’’ Cho nên, vị bác sĩ đó cũng làm quỷ.

Trong số các người con, ai không mất bản tâm, thấy thuốc hay đó, sắc hương đều tốt bèn lấy uống, bệnh lành khỏi hẳn. Người mất đi bản tâm, thấy người cha về, tuy cũng

vui mừng thăm hỏi, xin cha chữa bệnh, tuy cũng cho thuốc, mà chẳng chịu uống.

Trong số các người con, có người phát cuồng, có người tỉnh táo. Những người con chưa phát cuồng, thuốc hay sắc vị thơm ngon, thì lập tức uống vào. Chất độc trong người đều tiêu tan hết (tức là kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc đều phá trừ hết). Những người con trúng độc quá nặng, thấy người cha trở về, tuy cũng vui mừng thăm hỏi, cũng xin cha chữa bệnh. Nhưng người cha cho họ thuốc giải độc, mà họ chẳng chịu uống (biết Phật pháp là thuốc hay, chuyên trị tham sân si phiền não mà chẳng chịu y giáo phụng hành, giống như những đứa con thơ bé trúng độc, mà chẳng chịu uống thuốc).

Tại sao ? Vì chất độc vào sâu mất đi bản tâm. Do đó, thuốc hay thơm ngon, mà cho là không ngon. Người cha bèn nghĩ rằng : Những đứa con này thật đáng thương, vì trúng độc nên tâm điên đảo. Tuy thấy ta vui, xin ta cứu chữa, thuốc hay như thế, mà chẳng chịu uống. Nay ta sẽ bày phương tiện, khiến cho chúng uống thuốc này.

Đây là đạo lý gì ? Vì trúng độc quá nặng, chất độc đã xâm nhập vào ngũ tạng lục phủ, cho nên mất đi bản tâm tỉnh táo, biến thành hồ đồ. Đối với thứ thuốc hay sắc vị thơm ngon này, mà nói là chẳng ngon chẳng ngọt.

Phật là vị lương y, chuyên trị bệnh nhiệt não của chúng sinh, vì giải trừ khổ độc của chúng sinh, mà nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, song chúng sinh chẳng tin, Phật cũng chẳng có biện pháp. Phật bi tâm thiết thiết, khổ khẩu bà tâm, để giáo hóa chúng sinh: Đừng tham, đừng sân, đừng si, đây là ba chất độc hại người, nhưng chúng sinh xem lời vàng ngọc của Phật như gió thoảng qua tai, qua rồi chẳng lưu lại, thật là cô phụ Phật, Bồ Tát một phen khổ tâm.

Người cha (Phật) thấy những người con trúng độc (chúng sinh), thật là đáng thương xót. Vì trúng độc (tin pháp của ngoại đạo) quá nặng, cho nên tâm điên đảo (tà tri tà kiến). Tuy nhiên thấy ta về thì rất vui mừng, xin ta chữa trị, nhưng ta vì họ lựa cỏ thuốc thượng hạng (Kinh Diệu Pháp Liên Hoa), mà họ chẳng chịu uống. Bây giờ, ta bày pháp môn phương tiện, khiến cho những người con trúng độc quá nặng phát tâm uống thuốc giải độc này.

Bèn nói như vầy : Các con nên biết, nay ta già nua, thời kỳ chết đã đến, thuốc hay tốt này, nay để ở tại đây, các con có thể lấy

uống, đừng có lo lắng là bệnh không lành. Dạy như thế rồi, lại đến nước khác, sai sứ về nói là cha của nhà người đã chết.

Người cha từ bi đó, bèn nói với các người con không nghe lời rằng : ''Các con nên biết ta tuổi đã già, thân thể suy yếu, thời kỳ chết đã đến. Ta chế thuốc hay để lại đây cho các con, các con hãy tùy tiện mà lấy uống, đừng có lo lắng là bệnh sẽ không lành. Chỉ cần uống vào thì nhất định sẽ khỏi.''

Dặn dò xong rồi, từ giã các con, lại đi đến nước khác. Chẳng bao lâu, cố ý sai sứ về nói với các người con : ''Cha của các ngươi đã chết ở nước khác.'' Đây là pháp phương tiện, khiến cho các người con phản tỉnh, biết người cha dụng tâm lương khổ.

Bấy giờ, các người con nghe tin cha mất rồi, tâm rất buồn rầu đau khổ, mà nghĩ như vầy : Nếu cha mình còn sống, thì sẽ thương xót chúng ta, cứu hộ chúng ta. Nay đã bỏ chúng ta mất ở xứ người, chúng ta cô độc, lại chẳng có chỗ nương tựa, thường ôm lòng bi cảm, tâm bèn tỉnh ngộ, mới biết

thuốc này sắc vị thơm ngon, lập tức lấy uống, bệnh độc đều khỏi.

Lúc đó, các người con trúng độc, nghe tin người cha đã chết ở nước khác, thảy đều buồn rầu đau khổ, mà nghĩ như vầy : ‘’Nếu như cha mình còn ở đời, thì sẽ thương yêu chúng ta, cứu hộ chúng ta. Bây giờ, cha đã bỏ chúng ta đi qua đời ở nước khác. Bây giờ, chúng ta cô độc chẳng có chỗ nương tựa’’! Vì trong tâm bi cảm đến cực điểm, cho nên đã tỉnh lại, biết rằng khi cha ở đời, có để lại thuốc hay, đầy đủ sắc vị thơm ngon, lập tức lấy uống, tức thời chất độc giải trừ, thân tâm thanh tịnh, khôi phục lại diệu minh chân tâm vốn có.

Lúc đó, trừ khử sạch pháp của ngoại đạo, chuyên tâm nhất chí tu học Phật pháp. Phật pháp là thuốc hay, cũng là phương pháp duy nhất chữa lành tâm lý triệt để.

Người cha nghe tin con đều đã khỏi bệnh, bèn trở về, khiến cho các người con gặp lại.

Vị lương y này xử dụng kế này, để khiến cho các người con uống thuốc. Các người con sau khi uống thuốc vào, thì chất độc được giải trừ, khôi phục lại sức khoẻ. Người cha ở nước khác nghe tin rất là an ủi, do đó bèn trở về. Các người con lại thấy mặt cha mừng rỡ vô cùng, bèn

phát nguyện từ nay về sau, nhất định phải nghe lời cha dạy bảo, làm người con hiếu thuận.

Các thiện nam tử ! Ý các ông nghĩ sao ? Có người nào cho rằng, vị lương y đó phạm tội vọng ngữ chăng ? Không vậy, đức Thế Tôn !

Các vị thiện nam tử ! Ý của các ông thế nào ? Có ai nói : ''Vị lương y đó nói dối phạm tội vọng ngữ chăng ? ''Đại chúng khác miệng cùng lời đáp : ''Không có tội, Đức Thế Tôn ! Ông ta vì phương tiện dạy con, cho nên mới nói như thế, chẳng phải nói dối.''

Đức Phật nói : Ta cũng như thế, ta thành Phật đến nay, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ kiếp, vì chúng sinh mà dùng sức phương tiện, nói là sẽ diệt độ, cũng chẳng có ai có thể nói, ta có lỗi nói dối.

Đức Phật nói : ''Pháp của ta nói cũng như thế. Trước hết nói Kinh A Hàm, Kinh Phương Đẳng, Kinh Bát Nhã, cuối cùng nói Kinh Pháp Hoa, tình trạng cũng giống như vị lương y. Từ khi ta thành Phật đến nay, đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ kiếp. Vì

phương tiện giáo hóa chúng sinh, vì thật thí quyền, mới nói với chúng sinh : Ta sẽ diệt độ, song không ai có thể nói : ''Phật nói dối, có lỗi hư vọng.'' Ta nghĩ rằng, chẳng có ai có thể nói, ta có lỗi hư vọng không thật !''

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, mới nói lại lần nữa, khiến cho chúng sinh tương lai hiểu rõ ràng, cho nên bèn dùng kệ để thuật lại.

Ta thành Phật đến nay
Trải qua các kiếp số
Vô lượng trăm ngàn vạn
Ức kiếp A tăng kỳ.
Thường nói pháp giáo hóa
Vô số ức chúng sinh
Khiến vào trong Phật đạo.

Đức Phật nói : ''Từ khi ta chứng quả vị Phật đến nay, trải qua các kiếp số vô lượng trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ. Ta luôn luôn diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, giáo hóa vô số ức chúng sinh, khiến cho họ vào Phật đạo, chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác.''

Vô lượng kiếp đến nay
Vì độ hóa chúng sinh
Phương tiện hiện Niết Bàn
Mà thật chẳng diệt độ.
Thường ở đây nói pháp
Ta thường trụ nơi đây
Dùng các sức thần thông
Khiến chúng sinh điên đảo
Tuy gần mà chẳng thấy.

Từ vô lượng kiếp đến nay, vì độ hóa chúng sinh, cho nên phương tiện thị hiện Niết Bàn. Kỳ thật, ta chẳng có diệt độ, vẫn ở tại thế giới Ta Bà này, vì chúng sinh nói pháp. Tuy nhiên ta thường trụ ở hội Pháp Hoa trên núi Linh Thứu, dùng tất cả sức thần thông để vì chúng sinh điên đảo nói pháp. Song, họ gần mà chẳng thấy thân của ta. Tại sao ? Vì họ bị vô minh che đậy, trí huệ chẳng hiện tiền, chẳng có pháp nhãn thanh tịnh, cho nên chẳng thấy ta.

Chúng thấy ta diệt độ
Rộng cúng dường xá lợi
Đều ôm lòng luyến mộ
Mà sinh tâm khát ngưỡng.

Chúng sinh bèn tin phục
Ý chất trực mềm dịu
Một lòng muốn gặp Phật
Chẳng tự tiếc thân mạng.

Chúng sinh thấy ta diệt độ, đại chúng rộng cúng dường xá lợi (linh cốt), đều ôm lòng luyến mộ sinh tâm khát ngưỡng. Lúc đó, chúng sinh bèn tin, lại được điều phục, cá tính chất trực thật thà, tâm ý mềm dịu điều thuận, một lòng muốn gặp lại Phật, vì cầu Phật pháp, dù xả bỏ thân mạng cũng chẳng tiếc.

Người xuất gia có đốt liều ở trên đầu, đó là biểu hiện chẳng tiếc thân mạng, thành khẩn đồng như đốt thân cúng Phật, thành tâm một lòng quy y Tam Bảo. Khi đốt liều, thì tinh thần tập trung quán tưởng, suốt đời vì Tam Bảo cống hiến xác thân; vì độ chúng sinh mà hy sinh tất cả. Nếu tập trung tinh thần quán chiếu như thế, thì đau cũng chẳng biết đau.

Có người hỏi : ‘’Xá lợi là gì ?‘’ Vấn đề này rất có ý nghĩa, nói đơn giản là ‘’linh cốt‘’ cũng gọi là ‘’kiên cố tử’’, tinh thể từ tử thi thiêu ra, giống như hột xoàn, phát quang óng ánh, cứng chắc như kim cang. Bình thường có màu trắng, đó là cốt xá lợi, có màu đỏ là thịt xá lợi. Tóm lại, phàm là cao Tăng đại đức, tu hành đến cảnh giới viên

mãn, sau khi viên tịch, thiêu đốt tử thi, từ cốt tro mà sàng ra xá lợi.

Xá lợi có hai thứ : Một là toàn thân xá lợi, như xá lợi của Phật Đa Bảo. Hai là vụn thân xá lợi, như xá lợi của Phật Thích Ca. Còn có sinh thân xá lợi, và pháp thân xá lợi hai thứ. Sinh thân xá lợi là do huân tu giới định huệ, pháp thân xá lợi là tất cả kinh điển. Cao Tăng đại đức thời xưa tụng kinh, thì từ trong miệng phun ra xá lợi, chép kinh thì từ ngòi bút nhả ra xá lợi, thật là không thể nghĩ bàn. Có khi đốt đèn cúng Phật, do đó có câu ‘’đăng hoa báo hỷ,’’ từ đèn hoa cũng hiện ra xá lợi, chỉ cần thành tâm thì sẽ cảm ứng xá lợi hiện ra.

Khi ta và chúng Tăng
Cùng ở tại Linh Thứu
Có lúc nói chúng sinh
Thường tại đây chẳng diệt.
Vì dùng sức phương tiện
Hiện có diệt không diệt.

Lúc đó, chúng sinh tâm thành sở chí, bèn có cảnh giới cảm ứng đạo giao. Ta và tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cùng xuất hiện tại pháp hội ở núi Linh Thứu. Ta thường nói với chúng sinh : ‘’Ta thường ở trên núi Linh Thứu, vì chúng sinh nói pháp, chứ chưa diệt độ. Vì sức quyền xảo phương tiện, cho nên có khi thị hiện diệt độ, có khi thị

hiện chẳng diệt độ.'' Do đó : ''Sinh mà chưa sinh, diệt mà chưa diệt,'' tức là cảnh giới này.

Nước khác có chúng sinh
Ai cung kính tin ưa
Ta lại ở trong họ
Vì nói pháp Vô thượng.

Ở trong cõi nước khác có chúng sinh, họ đều sinh tâm cung kính tin ưa Phật pháp đại thừa, thì ta ở trong họ để diễn nói pháp vi diệu thâm sâu Vô thượng, khiến cho họ phát bồ đề tâm, thành tựu quả giác ngộ vô thượng.

Các ông chẳng nghe đây
Cho rằng ta diệt độ
Ta thấy các chúng sinh
Trôi lăn nơi khổ não.
Nên chẳng vì hiện thân
Khiến họ sinh khát ngưỡng
Do tâm họ luyến mộ
Mới hiện thân nói pháp.

Các ông chẳng nghe nói qua đạo lý này, bèn cho rằng ta diệt độ rồi. Kỳ thật, ta chưa diệt độ. Ta thấy tất cả chúng sinh đều trôi lăn ở trong biển khổ năm dục, cho

nên chẳng hiện thân Phật vì họ nói pháp, khiến cho họ sinh tâm khát ngưỡng luyến mộ, sau đó lại hiện thân thuyết pháp giáo hóa chúng sinh.

Như thế, khiến cho chúng sinh biết Phật pháp khó nghe, thân người khó được, mà đề cao cảnh giác, không thể bỏ qua cơ hội. Cho nên :

''Thân người khó được nay đã được
Phật pháp khó nghe nay đã nghe
Đời này chẳng độ thân này
Còn đợi khi nào độ thân này''!

Khi Phật còn tại thế, cùng chúng đệ tử đi qua làng nọ thuyết pháp, Phật bèn bốc lên một nắm đất hỏi đệ tử :

- ''Các con xem ! Đất trong tay của ta nhiều, hay là đất ở ngoài đại địa nhiều ?''

- Chúng đệ tử đáp : ''Đương nhiên đất đại địa nhiều.''

- Phật nói : ''Được thân người như đất trong bàn tay của ta, mất đi thân người như đất ngoài đại địa.''

Lúc đó, chúng đệ tử tỉnh ngộ, từ đó về sau, dụng công tu hành, chẳng bao lâu chứng được quả A La Hán. Thuyết pháp không nhất định ở trên pháp tòa thuyết pháp, mà tùy thời tùy lúc đều là nơi thuyết pháp.

Sức thần thông như thế
Trong A tăng kỳ kiếp

Thường ở núi Linh Thứu
Và ở các nơi khác.

Tại sao chúng sinh có thể gặp Phật, có chúng sinh không thể gặp Phật ? Chúng sinh có duyên với Phật, thì tùy thời tùy lúc có thể gặp Phật; chúng sinh chẳng có duyên với Phật, thì chẳng gặp Phật. Có người nói : ‘’Tôi với Phật chẳng có duyên, vĩnh viễn chẳng được gặp Phật, vậy phải làm thế nào ?‘’ Bạn phải trồng căn lành, làm nhiều công đức, thì kết duyên với Phật. Trồng căn lành như thế nào ? Kết duyên với Phật như thế nào ? Tức là cúng dường Tam Bảo, đó là biện pháp duy nhất. Thời gian lâu thì tự nhiên sẽ kết duyên với Phật.

Tại sao diệt độ lại nói là chẳng diệt độ; chẳng diệt độ lại nói rằng diệt độ, đó là đạo lý gì ? Đối với người chưa khai ngộ mà nói, thì cho rằng diệt độ; đối với người khai ngộ mà nói, thì chẳng có diệt độ. Vì người khai ngộ chứng được ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, thường ở một chỗ với Phật, luôn luôn ở cạnh Phật, cho nên thường gặp Phật. Chưa chứng được cảnh giới này, thì đương nhiên chẳng nhìn thấy Phật. Phật nói chẳng có diệt độ, là đối với người khai ngộ mà nói. Tóm lại, đó đều là sức thần thông của Phật biến hiện.

Vì sức thần thông như thế, cho nên trong A tăng kỳ kiếp, thường ở trong hội Pháp Hoa tại núi Linh Thứu và ở các nơi khác, vì chúng sinh nói nghĩa chân thật Kinh Diệu

Pháp Liên Hoa, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, sớm sinh về cõi Thường Tịch Quang, ở với chư Phật Bồ Tát.

Chúng sinh thấy kiếp tận
Khi lửa lớn thiêu đốt
Ta cõi này an ổn
Trời người thường đầy dẫy.
Vườn rừng những lầu các
Đủ thứ báu trang nghiêm
Cây báu nhiều hoa quả
Nơi chúng sinh dạo chơi.

Khi chúng sinh thấy kiếp tận, thì phát sinh nạn lửa lớn, thiêu hủy đến cõi Sơ thiền. Lục dục thiên (trừ cõi trời Đâu Suất ra, vì là nơi ở của Bồ Tát Bổ Xứ Phật vị), các nơi khác đều thiêu hủy hết. Trên từ trời Đại Phạm, dưới đến địa ngục vô gián, chẳng tồn tại vật gì cả. Phật ở cõi Thường Tịch Quang rất an ổn, chẳng bị lửa lớn thiêu hủy, chư thiên và loài người đều đầy dẫy ở cõi đó, vườn rừng lầu các đều trang nghiêm bằng bảy báu, cây báu đơm hoa kết trái rất sum sê. Đây là nơi dạo chơi của những chúng sinh đầy đủ căn lành.

Chư Thiên đánh trống trời

Thường tấu các âm nhạc
Mưa hoa mạn đà la
Rải Phật và đại chúng.
Cõi tịnh ta chẳng hủy
Mà chúng thấy thiêu sạch
Lo sợ các khổ não
Như thế đều đầy dẫy.

Chư Thiên trong ba cõi thường đánh trống trời, vì Phật mà tấu âm nhạc. Trên trời mưa xuống hoa Mạn đà la rất là xinh đẹp, để rải lên Phật và đại chúng, biểu thị trang nghiêm đạo tràng, chúc mừng pháp hội. Khi cao Tăng đại đức giảng kinh thuyết pháp, cũng có điềm tốt hoa trời rơi xuống, đất vọt lên hoa sen. Bất quá, phàm phu chẳng nhìn thấy cảnh giới này mà thôi. Nếu người chứng được pháp nhãn, thì nhìn thấy rất rõ ràng.

Phật lại nói : ''Cõi Tịnh Độ của ta vĩnh viễn chẳng bị hủy hoại, mà vọng kiến của chúng sinh và phiền não kiến, đều bị kiếp lửa thiêu sạch, lo sợ và tất cả tâm khổ não đều đầy dẫy.''

Chúng sinh có tội đó
Bởi nhân duyên nghiệp ác
Qua A tăng kỳ kiếp

Chẳng nghe tên Tam Bảo.
Những người tu công đức
Tâm nhu hòa chất trực
Thảy đều thấy thân ta
Ở tại đây nói pháp.

Những chúng sinh đó có tội, bởi nhân duyên nghiệp ác, dù trải qua số kiếp A tăng kỳ, cũng chẳng nghe được danh hiệu Phật, cũng chẳng nghe thấy được Pháp, cũng chẳng nghe được danh từ Tăng. Ở thế giới này, trước khi Phật ra đời, chẳng có ai biết về Phật pháp, cho nên chẳng nghe tên Tam Bảo. Giống như Tu Đạt Đa (Cấp Cô Độc) trưởng giả, khi nghe được danh hiệu Phật, thì toàn thân dựng lông lên. Vì chưa bao giờ nghe đến danh từ Tam Bảo, cho nên có hiện tượng như thế.

Tất cả những người tu hành, hết thảy những người trồng căn lành, đều có công đức, tính tình của họ nhu hòa và chất trực. Những người như thế, mới có thể thấy được thân ta, đang ở tại pháp hội Linh Sơn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Phàm là chúng sinh có tội nghiệp, chẳng những chẳng thấy được thân Phật, mà cho đến tượng Phật cũng chẳng thấy đặng. Nếu có thể thấy được tượng Phật, thì cũng giảm bớt tội nghiệp. Tóm lại, tu hành có công đức, mới có thể thấy được Phật, nghe được Pháp, gặp được Tăng.

Có khi vì chúng đó
Nói Phật thọ vô lượng
Người lâu mới thấy Phật
Thì nói Phật khó gặp.
Trí lực ta như thế
Huệ quang chiếu vô lượng
Thọ mạng vô số kiếp
Do tu lâu mà được.

Hoặc có lúc, vì chúng sinh nói thọ mạng của Phật là vô lượng vô biên. Đối với chúng sinh thường gặp Phật, thì nói Phật sống vô lượng. Đối với chúng sinh lâu được gặp Phật, thì nói chẳng dễ gì được gặp Phật, khiến cho họ sinh tâm khát ngưỡng. Trí lực của ta là như thế, trí huệ quang chiếu khắp vô lượng chúng sinh, trong vô lượng thế giới, khiến cho họ phát bồ đề tâm, tu vô thượng đạo. Thọ mạng lâu dài vô lượng đại kiếp, đó là quả báo tu thiện nghiệp lâu dài.

Muốn tuổi thọ lâu dài, thì phải siêng làm thiện nghiệp phóng sinh. Có công đức đó, mới có thể sống lâu trăm tuổi, nếu giết hại sinh linh, thì tuổi thọ ngắn ngủi. Trong bài khuyên đời nhân quả ba đời có nói rằng :

‘’Đời này trường thọ là nhân gì ?
Đời trước giữ giới sát, nhiều phóng sinh.

Đời này chết yểu là nhân gì ?
Đời trước giết hại chúng sinh linh.''

Các ông người có trí
Chớ nên sinh hoài nghi
Hãy đoạn khiến dứt sạch
Lời Phật thật không hư.
Như lương y phương tiện
Vì trị bệnh cho con
Thật còn mà nói chết
Không thể nói hư vọng.

Các ông đều là người có đại trí huệ, đừng nên sinh hoài nghi đối với lời của ta nói, nên đoạn sạch tâm hoài nghi, khiến cho nó vĩnh viễn đừng sinh nữa. Các ông phải tin lời của Phật là chân thật không hư, Phật là bậc Thánh chẳng nói dối.

Giống như vị lương y, vì cứu bệnh điên cuồng của con, cho nên cố ý nói mình đã chết, vì khiến cho các con uống thuốc để giải trừ chất độc, đó là pháp phương tiện, chẳng có ai có thể nói vị lương y đó là người nói dối.

Một số người đều có tâm ỷ lại. Khi Phật còn ở đời, thì cho rằng chẳng cần nghe pháp. Sau khi Phật vào Niết Bàn, thì mới biết sự quan trọng của việc nghe pháp, mới bắt đầu học Phật pháp. Pháp của Phật để lại là thuốc hay,

chuyên trị phiền não. Bây giờ, chúng sinh tu giữ giới luật, tham thiền đả tọa, tụng kinh lạy Phật, trì chú lễ sám, đó là chiếu theo toa thuốc mà uống, có thuốc đến thì bệnh tiêu trừ. Nếu như nghiên cứu Phật pháp mà chẳng tu hành, thì đó là khẩu đầu thiền, nói mà chẳng thực hành, thì giống như là người què. Nếu tu hành mà chẳng minh bạch Phật lý, thì thành là á dương Tăng, giống như người câm. Người tu hành bây giờ, chẳng chịu hợp tác với nhau, đều cho rằng pháp môn của mình là chánh tông, pháp môn của người khác tu chẳng phải là nghĩa chân thật của Phật. Tôi thì cho rằng đều là đệ tử của Phật, bất cứ pháp môn gì, cũng đều từ kim khẩu của Phật nói ra, đều khiến cho chúng sinh trừ chấp trước, bỏ tâm tham. Tôi đề xướng thiền, tịnh, giáo tam tu, như thế mới có thể thành pháp môn giới định huệ tam học.

Ta là cha cõi đời
Cứu những người khổ nạn
Vì phàm phu điên đảo
Thật còn mà nói diệt.
Do bởi thường thấy ta
Mà sinh tâm kiêu ngạo
Phóng dật chấp năm dục
Đọa trong ba đường ác.

Đức Phật nói : ‘’Ta là cha của tất cả người thế gian, cho nên phải cứu hộ tất cả chúng sinh khổ nạn. Vì phàm phu đều có ý nghĩ điên đảo, cho nên mới nói diệt độ. Thật tế thì ta chẳng diệt độ.’’

Tại sao chúng sinh điên đảo ? Vì vô minh đang làm chủ nhân ông trong nhà, tống đuổi trí huệ đi, đúng mà nói là không đúng, không đúng mà nói là đúng. Tóm lại, tự tánh có đại quang minh tạng, thì đen tối sẽ biến thành quang minh. Tự tánh chẳng có đại quang minh tạng, thì quang minh biến thành đen tối. Đại quang minh tạng là gì ? Tức là tướng chân như. Chân như là gì ? Tức là bổn thể của các pháp, lìa hư vọng là chân thật, thường trụ chẳng thay đổi, tức cũng là dọc cùng tam tế, ngang khắp mười phương, Phật tánh tại chư Phật chẳng tăng, tại chúng sinh chẳng giảm. Thật tướng là gì ? Tức là tướng như thật thanh tịnh. Tóm lại, chẳng có tâm chấp hai bên, chẳng có tâm bốn tướng tức là thật tướng.

Phật lại nói : ‘’Tại sao ta nói diệt độ ? Vì chúng sinh hằng ngày nhìn thấy ta, cho nên sinh tâm kiêu ngạo, chẳng y theo pháp tu hành, chẳng giữ quy cụ, chấp trước vào cảnh giới năm dục, tương lai phải đọa vào trong ba đường ác.’’

Ta biết rõ chúng sinh
Hành đạo chẳng hành đạo
Tùy chúng sinh độ được

Mà nói đủ thứ pháp.
Tự ý thường nghĩ rằng :
Làm sao khiến chúng sinh
Được vào vô thượng đạo
Sớm thành tựu thân Phật.

Ta biết tâm niệm của tất cả chúng sinh, do đó trong kinh có câu :

''Tất cả chúng sinh, bao nhiêu thứ tâm,
Như Lai đều biết đều thấy.''

Chúng sinh hành đạo chẳng hành đạo, ta hoàn toàn biết hết. Chúng sinh này đáng dùng thân Phật độ được, thì ta bèn thị hiện thân Phật, để vì họ nói pháp. Chúng sinh kia đáng dùng thân chúng sinh độ được, thì ta thị hiện thân chúng sinh, để vì họ nói pháp. Tóm lại, đáng dùng thân gì độ được, thì ta thị hiện thân đó, mà vì họ nói pháp.

Phật thường quán tưởng, dùng phương pháp gì để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh được vào vô thượng đạo ? Khiến cho chúng sinh sớm thành tựu pháp thân của Phật.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC
THỨ MƯỜI BẢY

Trước hết, giải thích sơ lược về tên gọi Phẩm Phân Biệt Công Đức. Phân biệt là gì ? Phân là phân tích; biệt là khác biệt. Tức là phân biệt công đức có lớn nhỏ, có nhiều ít. Công đức là gì ? Công là đối với bên ngoài mà nói; đức là đối bên trong mà nói. Bên ngoài thường lập công, thì bên trong mới có đức. Công là việc thiện mà bạn thường làm, việc thiện này vốn có thể làm, cũng có thể không làm. Song, nếu bạn làm việc thiện, thì đó là công đức. Có công rồi, thì trong tự tánh sinh ra một cảm giác rất vui mừng, có cảm giác vui mừng đó tức là đức.

Công đức do tích lũy mà thành, từ nhỏ thành lớn, từ ít mà tích tụ thành nhiều. Do đó :

‘’Núi Thái Sơn là do từng hạt bụi,

Từng hạt bụi tích tụ mà thành;
Biển cả là do từng giọt nước,
Từng giọt nước tích tụ mà thành.''

Công đức cũng như thế. Bên ngoài lập công, bên trong bồi đức, thì đạo nghiệp mới có thể thành tựu.

Phẩm này nói về phân biệt công đức, trước khi công đức chưa viên mãn, thì hãy làm nhiều công đức. Chúng ta nghe rồi, thì phải cố gắng làm công đức thiện. Tông chỉ của phẩm này, khiến cho chúng ta phân biệt so sánh công đức thọ trì kinh này, tức cũng là ngày mới lại mới thêm, sức cầu của chúng ta tiến thêm.

Bấy giờ, đại chúng trong đại hội, nghe Phật nói số kiếp tuổi thọ lâu dài như thế, thì vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng sinh, đều được lợi ích.

Khi Đức Phật giảng xong Phẩm Như Lai Thọ Lượng, đại chúng trong đại hội, nghe Phật nói Như Lai thọ lượng kiếp số lâu dài như thế, thì vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng sinh, thảy đều đắc được lợi ích rất lớn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo đại Bồ Tát Di Lặc : A Dật Đa ! Khi ta nói Như Lai thọ mạng lâu dài như thế, thì có sáu trăm tám

mươi vạn ức, Na do tha Hằng hà sa chúng sinh, được vô sinh pháp nhẫn.

Lúc đó, Đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc : ''A Dật Đa (Vô Năng Thắng) ! Khi ta nói thọ mạng của Như Lai lâu dài, thì có sáu trăm tám mươi vạn ức, Na do tha Hằng hà sa số chúng sinh, đều chứng được vô sinh pháp nhẫn.''

Cảnh giới này chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Chứng được tứ quả A La Hán, mới đắc được vô sinh pháp nhẫn, tức cũng là cảnh giới bất thối chuyển. Hơn nữa, an trụ vào cảnh không sinh không diệt mà bảo trì bất động, do đó ''Như như bất động, liễu liễu thường minh.''

Lại có gấp bội ngàn lần đại Bồ Tát, đắc được môn văn trì Đà la ni. Lại có số đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một thế giới, đắc được nhạo thuyết biện tài vô ngại. Lại có số đại Bồ Tát nhiều như hạt bụi của một thế giới, đắc được trăm ngàn vạn ức vô lượng toàn Đà la ni.

Lại có gấp bội ngàn lần đại Bồ Tát, đắc được môn văn trì Đà la ni. Đà la ni dịch là "tổng trì", tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Đà la ni có bốn ý nghĩa :

1). Pháp Đà la ni : Đối với giáo pháp của Phật, văn trì chẳng quên.

2). Nghĩa Đà la ni : Đối với nghĩa của các pháp, tổng trì chẳng quên.

3). Chú Đà la ni : Đối với Chú tổng trì chẳng quên.

4). Nhẫn đà la ni : An trụ đối với thật tướng của pháp, gọi là nhẫn, trì nhẫn gọi là nhẫn Đà la ni.

Lại có số đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một thế giới, đắc được nhạo thuyết biện tài vô ngại. Nhạo thuyết biện tài vô ngại là gì ? Tức là biện luận với bất cứ ai, cũng đều thắng lợi. Biện luận đều là chánh tri chánh kiến, khiến cho đối phương tâm phục khẩu phục, chứ chẳng phải là cường từ đoạt lý.

Bồ Tát thuyết pháp có bốn trí huệ, bốn thứ biện tài vô ngại :

1). Pháp vô ngại biện : Nói pháp thế gian và pháp xuất thế gian, đối với tất cả danh tướng, chẳng có gì mà không thông đạt, do đó : ''Chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấu.'' Tuy thấu rõ các pháp, nhưng chẳng chấp trước.

2). Nghĩa vô ngại biện : Giải nói nghĩa lý sai biệt của các pháp, thông đạt vô ngại. Tuy biết các nghĩa mà chẳng chấp trước.

3). Từ vô ngại biện : Đối với các lời lẽ thông đạt tự tại. Có thể nói một lời, mà bao hàm vô lượng nghĩa, dùng thế trí phân biệt nói rõ lý này.

4). Nhạo thuyết vô ngại biện : Tùy thuận sở thích của chúng sinh, phương tiện thiện xảo mà vì họ nói pháp, ''Quán cơ thí giáo, vì người nói pháp.'' Tóm lại, thấy người gì thì nói pháp đó, thấy người có tâm tham, thì nói pháp bố thí; thấy người có tâm sân, thì nói pháp nhẫn nhục; thấy người có tâm si, thì nói pháp Bát Nhã. Theo bệnh cho thuốc. Nếu không khế cơ, thì họ chẳng bao giờ tin.

Lại có đại Bồ Tát, số nhiều như hạt bụi của một thế giới, đều chứng được vô lượng toàn Đà la ni. Toàn Đà la ni là gì ? Tức là tại pháp môn đắc được sức toàn chuyển tự tại, cũng có thể nói là toàn chuyển không giả, pháp môn thông đạt vô ngại.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới, chuyển được pháp luân bất thối. Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của trung thiên thế giới, chuyển được pháp luân thanh tịnh. Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi của tiểu thiên thế giới, còn tám đời nữa, sẽ đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới (mười ức thế giới) chuyển được

bánh xe pháp bất thoát, tức là tinh tấn hướng về trước, tuyệt đối không lùi về sau.

Thế nào là ba ngàn đại thiện thế giới ? Tức một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, một bốn đại bộ châu, làm một thế giới. Tích tập một ngàn thế giới, làm một tiểu thiên thế giới. Tích tập một ngàn tiểu thiên thế giới, làm một trung thiên thế giới. Tích tập một ngàn trung thiên thế giới, làm một đại thiên thế giới. Vì nói ba ngàn, cho nên là ba ngàn đại thiên thế giới, chứ chẳng phải ba đại thiên thế giới.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi trung thiên thế giới (một trăm vạn thế giới), chuyển được bánh xe pháp thanh tịnh. Chuyển bánh xe pháp, tức là nói giáo pháp. Phàm là giảng kinh nói pháp, đều gọi là chuyển bánh xe pháp, do đó ‘’Pháp luân thường chuyển.’’ Ý nghĩa chuyển bánh xe pháp, là chuyển pháp tự tâm để di động tâm người khác, giống như chuyển bánh xe. Cũng có thể nói là hồi chuyển tất cả chúng sinh giới, phá tan tất cả phiền não. Giống như luân bảo (bánh xe báu) của vua chuyển luân Thánh vương, hồi chuyển bốn thiên hạ, hàng phục các oán địch.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của tiểu thiên thế giới (một ngàn thế giới), còn trải qua tám đời nữa (siêu nhập tứ địa, hướng đến ngũ địa, lục địa... thập địa, đẳng giác, diệu giác) sẽ chứng được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của bốn tứ thiên hạ, còn bốn đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba tứ thiên hạ, còn ba đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của hai tứ thiên hạ, còn hai đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một tứ thiên hạ, còn một đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của bốn tứ thiên hạ (bốn tứ đại bộ châu), còn trải qua bốn đời nữa, (siêu nhập bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác), sẽ chứng được quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba tứ thiên hạ, còn trải qua ba đời nữa, (thập địa, đẳng giác, diệu giác) sẽ chứng quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của hai tứ thiên hạ, còn trải qua hai đời nữa, sẽ chứng quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một tứ thiên hạ, còn trải qua một đời nữa, sẽ chứng quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có chúng sinh, nhiều như hạt bụi của tám thế giới, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có chúng sinh, nhiều như hạt bụi của tám thế giới, ngay lúc đó, họ đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Người tu học Phật pháp, nhất định phải phát bồ đề tâm, ‘’Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.’’ (Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng dinh), mới có thể kết quả bồ đề. Bằng không, giống như hoa nở mà chẳng kết trái. Có người nói : ‘’Mọi người đều là Phật,’’ song phải tu hành, mới có thẻ thành Phật. Chỉ nói mà chẳng thực hành, cũng giống như nói món ăn mà chẳng ăn, hoặc đếm tiền dùm cho người khác, cuối cùng cũng rơi vào không. Có người nói : ‘’Thức ăn này ngon quá, mùi vị thơm ngon đều có đủ.’’ Nhưng họ chẳng ăn thì cũng chẳng ích gì. Lại giống như người làm ở ngân hàng, suốt ngày đếm tiền thế cho người khác. Do đó có câu :

‘’Chung nhật số tha bảo,
Tự vô bán phân tiền,
Ư pháp bất tu hành,

Kỳ quá diệc như thị.’’

Nghĩa là :

Suốt ngày đếm tiền mướn,
Mình chẳng có xu nào;
Với pháp chẳng tu hành,
Lỗi lầm vẫn trơ trơ.

Khi đức Phật nói các vị đại Bồ Tát đó, được đại pháp lợi, thì ở trong hư không mưa xuống hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, dùng để rải lên vô lượng trăm ngàn vạn ức các đức Phật, ngồi trên tòa sư tử dưới các cây báu, và rải lên tháp bảy báu tòa sư tử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và đức Đa Bảo Như Lai diệt độ đã lâu, cũng rải lên tất cả các đại Bồ Tát, và bốn bộ chúng.

Khi Đức Phật nói các đại Bồ Tát đó, đắc được đại pháp lợi, thì ở trong hư không mưa xuống hoa tiểu bạch và hoa đại bạch. Dùng hoa quý đó, để rải lên trên thân của vô lượng trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, ngồi trên tòa sư tử ở dưới cây báu. Các vị Phật đó, đều là Phật hóa thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hoa đó lại rải trong tháp bảy báu trên tòa sư tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, và Đức

Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu. Hoa đó cũng rải trên thân của tất cả các đại Bồ Tát và tất cả bốn bộ chúng.

Lại mưa xuống hương bột chiên đàn, và hương trầm thủy. Ở trong hư không trống trời tự kêu, âm thanh vi diệu sâu xa. Lại mưa xuống hàng ngàn thứ y trời, thòng rũ xuống các chuỗi ngọc, chuỗi trân châu, chuỗi châu ma ni, chuỗi châu như ý, khắp cả chín phương. Các lò hương báu đốt lên hương vô giá, tự nhiên tỏa khắp để cúng dường pháp hội.

Lại mưa xuống hương bột chiên đàn, hương trầm thủy. Đồng thời trống trời ở trong hư không tự kêu lên, âm thanh vi diệu truyền bá sâu xa. Lại mưa xướng hàng nghìn thứ y trời, thòng rũ tất cả các thứ chuỗi ngọc trân châu, chuỗi ma ni, chuỗi như ý, khắp cả thảy chín phương, dùng các lò hương báu xông đốt hương thơm vô giá tự nhiên xông khắp cùng pháp giới. Tâm hương đốt lên thì có thể huân ác thành thiện, dùng tâm thành để cúng dường pháp hội.

Ở phía trên, mỗi vị Phật có các Bồ Tát cầm phan lọng, thứ tự thăng đến trời Phạm

Thiên. Các vị Bồ Tát đó, dùng âm thanh vi diệu ca xướng vô lượng bài kệ, để khen ngợi các đức Phật.

Chư Phật đến từ mười phương (hóa thân của Phật Thích Ca), ở phía trên của mỗi vị Phật, đều có các Bồ Tát tay cầm phan báu và lọng báu, thứ tự thăng đi lên đến trên trời Đại Phạm. Những vị Bồ Tát đó, dùng âm thanh vi diệu ca xướng vô lượng bài kệ, để khen ngợi công đức của vô lượng chư Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc từ tòa ngồi đứng dậy, hở vai bên phải, chắp tay cung kính hướng về đức Phật, mà nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Bồ Tát Di Lặc từ tòa ngồi đứng dậy, hở áo bên mặt, chắp tay lại cung kính hướng về Đức Phật, sau đó nói ra bài kệ dưới đây.

Phật nói pháp ít có
Thuở xưa chưa từng nghe
Thế Tôn có thần lực
Tuổi thọ không thể lường.
Vô số các Phật tử
Nghe Thế Tôn phân biệt

Nói người được pháp lợi
Vui mừng khắp toàn thân.

Pháp của Phật nói đều là pháp ít có, nhất là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là ít có trong sự ít có, thuở xưa vốn chưa từng nghe qua pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Đức Thế Tôn có sức đại thần thông, tuổi thọ của Phật không thể dò lường được. Vô số vô lượng con của đấng Pháp Vương, nghe đức Thế Tôn phân biệt nói công đức của Bồ Tát được pháp lợi, tâm của các Ngài đều vui mừng khắp toàn thân. Tóm lại, sự vui mừng không cách nào hình dung được.

Hoặc trụ bậc bất thối
Hoặc được Đà la ni
Hoặc nhạo thuyết vô ngại
Vạn ức toàn tổng trì.
Hoặc có cõi đại thiên
Số hạt bụi Bồ Tát
Ai nấy đều chuyển được
Bánh xe pháp bất thối.

Sau khi nghe được pháp này, có Bồ Tát trụ ở bậc bất thoái, hoặc có Bồ Tát được Đà la ni, hoặc có Bồ Tát chứng được nhạo thuyết vô ngại biện tài, hoặc có Bồ Tát

được vạn ức toàn tổng trì, hoặc có Bồ Tát nhiều như hạt bụi của đại thiên thế giới, ai nấy đều chuyển được pháp luân bất thối.

Lại có cõi trung thiên
Số hạt bụi Bồ Tát
Ai nấy đều chuyển được
Bánh xe pháp thanh tịnh.
Lại có cõi tiểu thiên
Số hạt bụi Bồ Tát
Chỉ còn tám đời nữa
Sẽ chứng được Phật đạo.

Lại có các Bồ Tát nhiều như hạt bụi của trung thiên thế giới, các Ngài đều chuyển được đại pháp luân thanh tịnh. Lại có các Bồ Tát nhiều như hạt bụi của tiểu thiên thế giới, các Ngài còn tám đời nữa, tức cũng là còn tám phẩm vô minh vi tế chưa đoạn, nếu đoạn sạch thì sẽ chứng được Phật đạo.

Bồ Tát còn bốn mươi hai phần vô minh hoặc, đoạn một phần vô minh hoặc thì chứng được một phần pháp thân, thăng lên một bậc, đến bậc Đẳng giác thì còn có một phần sinh tướng (biến dịch sinh tử) vô minh chưa phá, nếu phá được thì lập tức đến bậc Diệu giác (Phật vị).

Lại có bốn ba hai
Tứ thiên hạ như vậy
Các hạt bụi Bồ Tát
Theo số đời thành Phật.
Hoặc một tứ thiên hạ
Số hạt bụi Bồ Tát
Chỉ còn một đời nữa
Sẽ thành Nhất thiết trí.
Như thế thảy chúng sinh
Nghe Phật thọ lâu dài
Được vô lượng vô lậu
Các quả báo thanh tịnh.

Lại có bốn tứ thiên hạ, ba tứ thiên hạ, hai tứ thiên hạ, số Bồ Tát nhiều như hạt bụi, tùy theo bốn, ba, hai đời nữa sẽ thành tựu quả vị Phật. Bốn tứ thiên hạ là bát địa Bồ Tát, các Ngài còn bốn phẩm vi tế sinh tướng vô minh chưa phá. Ba tứ thiên hạ là cửu địa Bồ Tát, các Ngài còn ba phẩm sinh tướng vô minh chưa phá. Hai tứ thiên hạ là thập địa Bồ Tát, các Ngài còn hai phẩm sinh tướng vô minh vi tế chưa phá. Nếu phá sạch thì sẽ thành Phật đạo.

Hoặc có một tứ thiên hạ số hạt bụi Bồ Tát, các Ngài là đẳng giác Bồ Tát, còn một phẩm sinh tướng vô minh vi tế chưa phá. Nếu phá sạch sẽ lập tức thành Phật.

Những Bồ Tát vừa nói ở trên, nghe Phật nói tuổi thọ của Như Lai lâu dài, đều chứng được vô lượng trí huệ vô lậu, đắc được quả vị Phật diệu giác thanh tịnh.

Lại có tám thế giới
Số hạt bụi chúng sinh
Nghe Phật nói thọ mạng
Đều phát tâm vô thượng.

Lại có chúng sinh, nhiều như hạt bụi của tám thế giới, nghe Phật nói thọ mạng của Như Lai lâu dài, đều phát tâm vô thượng, nguyện sẽ chứng đến quả vị Phật. Tóm lại, hàng phàm phu nghe được Phẩm Thọ Lượng của Như Lai trong Kinh Pháp Hoa, thì đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Thế Tôn nói vô lượng
Pháp không thể nghĩ bàn
Nhiều chúng được lợi ích
Như hư không vô biên.

Bồ Tát Di Lặc nói : ‘’Đức Thế Tôn ! Ngài nói vô lượng diệu pháp không thể nghĩ bàn, có rất nhiều chúng sinh đắc được lợi ích của pháp, giống như hư không chẳng có bờ bến.’’

Mưa hoa trời mạn đà
Ma ha mạn đà la
Thích Phạm như Hằng sa
Đến từ vô số cõi.

Từ hư không mưa xuống hoa trời mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la. Lại có Thích Đề Hoàn Nhân và Đại Phạm Thiên Vương, nhiều như số cát sông Hằng, đến từ vô số cõi Phật.

Mưa chiên đàn trầm thủy
Tấp nập rơi rớt xuống
Như chim bay không xuống
Cúng rải lên chư Phật.

Lại từ hư không mưa xuống hương bột chiên đàn và hương bột trầm thủy, tấp nập rơi rớt xuống, giống như chim từ không trung bay xuống. Những hương bột đó rải lên cúng dường các Đức Phật.

Trống trời trong hư không
Tự nhiên vang diệu âm
Y trời ngàn vạn thứ
Chuyển động rơi rớt xuống.

Trống trời ở trong hư không, tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu, trống trời chẳng đánh mà tự kêu. Lại có ngàn vạn thứ y trời, xoay chuyển ở trong hư không, rồi rơi rớt xuống.

Các lò hương báu đẹp
Xông đốt hương vô giá
Tự nhiên tỏa khắp nơi
Cúng dường các Thế Tôn.

Lại có lò hương đẹp làm bằng bảy báu, xông đốt hương quý vô giá, mùi thơm tỏa khắp pháp giới, để cúng dường các Đức Phật và Đa Bảo Như Lai.

Chúng đại Bồ Tát đó
Cầm phan lọng bảy báu
Cao đẹp vạn ức thứ
Thứ tự đến Phạm Thiên.

Lại có đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, ai nấy đều cầm phan lọng bảy báu. Phan lọng này rất cao, tốt đẹp khác thường, có hàng vạn ức thứ, rất có thứ tự, từ phương dưới mà thăng đến trời Phạm Thiên (cõi sơ thiền sắc giới).

Trước mỗi các đức Phật
Tràng báu treo thắng phan

Cũng dùng ngàn vạn kệ
Ca ngợi các Như Lai.
Đủ thứ việc như thế
Thuở xưa chưa từng có
Nghe Phật thọ vô lượng
Tất cả đều vui mừng.

Ở trước tòa mỗi vị Phật, phát tâm cúng dường, treo tràng báu và phan báu thù thắng nhất, để làm đồ trang nghiêm. Cũng dùng ngàn vạn bài kệ, để ca ngợi công đức của các Như Lai, những việc không thể nghĩ bàn như thế, thuở xưa chưa từng có, nghe Phật nói Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, hết thảy đều sinh tâm vui mừng.

Danh Phật đồn mười phương
Rộng lợi ích chúng sinh
Hết thảy đủ căn lành
Trợ phát tâm vô thượng.

Danh hiệu của Phật, tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đều nghe được. Nhưng chúng sinh có căn lành mới nghe được, bằng không, thì chẳng nghe được danh hiệu của Phật. Phật dùng từ bi làm bổn hoài, để rộng lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh, đều đầy đủ căn lành. Phàm là người không có căn lành, thì

khiến cho họ trồng căn lành; người đã có căn lành thì khiến cho họ tăng trưởng; người đã tăng trưởng, thì khiến cho họ thành thục; người đã thành thục thì khiến cho họ được giải thoát. Trợ giúp chúng sinh phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc, A Dật Da ! Những chúng sinh nào, nghe thọ mạng của Phật lâu dài như thế, cho đến sinh một niệm tin hiểu, thì được công đức chẳng có hạn lượng.

Lúc đó, Đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc : ''A Dật Đa ! Có chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, mà nghe được thọ mạng của Phật lâu dài như thế, mà trong một niệm sinh tâm tin hiểu, thì sẽ được công đức công đức chẳng có hạn lượng.''

Nếu có người thiện nam, thiện nữ, vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ở trong tám mươi vạn ức Na do tha kiếp, thực hành năm Ba la mật, trì giới Ba la mật, nhẫn nhục Ba la mật, tinh tấn Ba la mật, thiền định Ba la mật, trừ Bát Nhã Ba la mật ra, đem công đức này, so sánh với công đức ở trên, chẳng

bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn ức, cho đến tính toán ví dụ, cũng không thể biết được.

Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, giữ năm giới, thực hành thập thiện, họ vì cầu đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ở trong tám mươi vạn ức Na do tha kiếp, tu hành năm Ba la mật (dịch là đến bờ kia). Năm Ba la mật là gì ? Lược giải như sau :

1). Bố thí Ba la mật : Bố thí có ba thứ : Bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô uý. Bố thí tài gồm có nội tài và ngoại tài. Nội tài là đầu mắt tủy não; ngoại tài là đất nước vợ con, thảy đều bố thí cho người cần. Bố thí pháp tức là giảng kinh thuyết pháp, do đó :

''Trong các sự cúng dường,
Cúng dường pháp là hơn hết.''

Bố thí tài là tu phước, bố thí pháp là tu huệ. Phước huệ song tu, thì công đức mới viên mãn. Đức Phật từng trải qua :

''Ba A tăng kỳ tu phước huệ,
Trăm kiếp trồng tướng tốt.''

Có công đức thì mới thành Phật. Nếu như tu phước mà không tu huệ, thì giống như voi được người trang sức chuỗi ngọc. Tuy trang nghiêm, nhưng mình chẳng cách gì

thọ dụng được. Nếu chỉ tu huệ mà chẳng tu phước, thì giống như A La Hán ôm bát không, thường thường đi khất thực chẳng được thức ăn. Tại sao ? Vì thuở xưa chẳng tu công đức bố thí, tức chẳng kết duyên lành, cho nên đời này thọ quả báo đó. Bố thí vô úy là như có người gặp việc sợ hãi, thì giúp đỡ họ giải quyết sự khó khăn, khiến cho họ chẳng sợ hãi. Song, phải dùng tâm từ bi thương xót đi cứu giúp, không thể có tâm xí đồ đi trợ giúp.

2). Trì giới Ba la mật : Giới là ngừa điều ác, không làm việc quấy. Tức là :

''Đừng làm các việc ác,
Hãy làm các việc lành.''

Giới luật rất quan trọng ở trong Phật giáo, cho nên người xuất gia cần phải thọ giới cụ túc, do đó :

''Chúng sinh thọ Phật giới,
Tức nhập chư Phật vị,
Vị đồng đại giác dĩ,
Chân thị chư Phật tử.''

Nghĩa là :

Chúng sinh thọ giới Phật,
Liền vào chư Phật vị,
Tuy chưa được giác ngộ,
Mà thật là Phật tử.

Vào đời Đường, Đạo Tuyên luật sư là sơ tổ của luật tông. Ngài tu ở núi Chung Nam, nghiên cứu luật luận, giữ giới rất nghiêm minh, tơ hào chẳng cẩu thả, cảm ứng người trời mang thức ăn đến cúng dường. Do đó, đủ thấy quỷ thần cũng sùng bái, người xuất gia giữ gìn giới luật trong sạch, mà cung kính đảnh lễ. Ngài Khuy Cơ đại sư (nhị Tổ của Duy Thức tông) nghe Ngài Đạo Tuyên luật sư được người trời cúng dường, Ngài muốn thưởng thức món ăn của người trời mùi vị như thế nào ? Do đó, từ Trường An đến núi Chung Nam, song quá ngọ chẳng thấy người trời mang thức ăn đến, Ngài bèn trở về. Trưa ngày thứ hai, người trời mang thức ăn đến, Ngài Đạo Tuyên luật sư hỏi : ''Sao hôm qua chẳng đến ?''

- Người trời nói : ''Hôm qua tôi đến ở ngoài cửa, nhìn thấy trong nhà có một vị nhục thân Bồ Tát phóng hào quang rực rỡ, cho nên tôi không dám vào, do đó phải trở về.''

Học Phật pháp nhất định phải thọ giới. Thọ giới rồi phải giữ gìn cẩn thận, tức cũng là phải giữ quy cụ của Phật giáo, do đó ''Vô quy cụ bất thành phương viên.'' Nghĩa là : Chẳng có quy cụ thì chẳng thành vuông tròn. Người cư sĩ tại gia phải thọ năm giới, tám giới, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh của Bồ Tát giới. Người xuất gia trước hết thọ mười giới Sa Di, sau đó thọ giới Tỳ Kheo.

Bất cứ là người tại gia, hoặc người xuất gia, thọ giới rồi mà phạm giới, thì giống như chiếc thuyền ở giữa biển

có lỗ thủng, sẽ chìm xuống đáy biển. Phàm là người thọ giới mà chẳng giữ giới, thì sau khi chết sẽ đọa vào ba đường ác, do đó có câu :

''Địa ngục môn tiền tăng đạo đa.''

Nghĩa là :

Dưới địa ngục rất nhiều ông Tăng ông Đạo.

Nhất là xuất gia rồi mà chẳng giữ giới luật, tùy tiện chẳng giữ quy cụ, thì nhất định đến địa ngục thọ khổ, chẳng có gì nghi ngờ.

Người thọ giới nếu trong sự vô ý mà phạm giới, thì tình có thể tha, có thể khai duyên, do đó có câu : ''Khai giá trì phạm.'' Khai là khai duyên, giá là giá tội, trì là thọ trì, phạm là phạm giới. Ở đây lại có rất nhiều quy định chi tiết nhỏ, không thể nói ra.

3). Nhẫn nhục Ba la mật : Tức là những người khác nhẫn không được mà bạn nhẫn được. Nếu ai ai cũng nhẫn được thì đâu có gì lạ. Ví như, có người vô duyên vô cớ đến gây sự với bạn, hoặc mắng chửi bạn, hoặc đánh bạn, mà bạn chẳng động tâm, chẳng nổi lửa vô minh, chẳng sinh tâm báo thù, vẫn an nhiên tự tại. Đến được hỏa hầu như thế, thì mới xứng đáng là người xuất gia. Bằng không, nói nghe rất hay, tuyệt đối không nóng giận, khi cảnh giới đến khảo nghiệm, mà lý trí khống chế chẳng đặng, nổi giận lôi đình, làm cho công đức mình tu hằng ngày, bị lửa vô minh đốt sạch. Cho nên hy vọng các vị hãy cẩn thận.

4). Tinh tấn Ba la mật : Tức là không giải đãi. Bất cứ là tụng kinh, trì chú, hoặc tham thiền, lạy Phật, nhất định phải dũng mãnh tinh tấn, không thể một ngày nóng mười ngày lạnh. Thời xưa, các vị cao Tăng đại đức đều thân tâm siêng tinh tấn, chứng được tất cả tự tại, chẳng giống như chúng ta giải đãi lười biếng, chẳng nhận chân tu hành, thì đừng nói đến thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày tinh tấn, đêm tinh tấn, thật là cách xa mười vạn tám ngàn dặm.

5). Thiền Ba la mật : Thiền dịch là "tư duy tu", còn dịch là "tĩnh lự", tức là ngưng bặt mọi vọng tưởng, đừng để cho nó nổi sóng làm gió. Cho nên phải tham câu : ‘’Niệm Phật là ai ?‘’ Đây là biện pháp lấy độc trị độc, do đó có câu :

‘’Vọng tưởng không sinh tức là Thiền.’’

Vọng tưởng như mây trôi, dễ che lấp đi tự tánh ánh sáng mặt trời, tu thiền định khiến cho tâm thanh tịnh, không sinh vọng tưởng thì bồ đề sẽ hiện tiền.

Tại sao không nói Bát Nhã Ba la mật ? Vì Bát Nhã là mẹ của chư Phật. Nếu có Bát Nhã thì có cơ hội thành Phật. Hiện tại nói về công đức, chứ chẳng phải nói về thành Phật, cho nên chẳng nói về Bát Nhã. Bây giờ, người đó tu năm Ba la mật này, trải qua tám mươi vạn ức Na do tha kiếp thời gian, đắc được công đức so sánh với công đức nghe Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, mà sinh một tâm niệm tin hiểu, thì không thể nào bằng được, dù một phần

trăm, một phần ngàn, cho đến một phần ngàn vạn ức, cũng không sánh được. Dù có tính toán, ví dụ để hình dung, cũng chẳng cách chi biết được cứu kính có bao nhiêu?

Nếu người thiện nam, người thiện nữ, có công đức như thế, mà chẳng đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì chẳng có lý đó.

Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, có công đức nghe Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, sinh một tâm niệm tin hiểu, mà chẳng đắc được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì tuyệt đối chẳng có đạo lý đó. Các vị chú ý ! Phật là bậc Thánh nhân chẳng nói dối, chúng ta phải tin lời từ kim khẩu của Phật nói, không thể hủy báng kinh nào đó là kinh giả, chẳng phải Phật nói, nếu không thì sẽ đọa vào địa ngục cắt lưỡi.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật e rằng đại chúng trong pháp hội không tin đạo lý này, đối với thọ lượng của Như Lai lâu dài, sinh một tâm niệm tin hiểu, làm sao lại có công đức lớn như thế ? Vì khiến cho đại chúng giải trừ tâm hoài

nghi, bèn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, nói ra bằng kệ.

Nếu người cầu Phật huệ
Trong tám mươi vạn ức
Na do tha số kiếp
Tu năm Ba la mật.

Nếu như có người muốn cầu trí huệ vô thượng của Phật, ở trong tám vạn ức kiếp, tu hành pháp môn năm Ba la mật. Công đức đó, chẳng bằng công đức sinh một tâm niệm tin hiểu.

Ở trong các kiếp đó
Bố thí cúng dường Phật
Và Duyên Giác đệ tử
Cùng các chúng Bồ Tát.
Đồ ăn uống hảo hạng
Y tốt và đồ nằm
Chiên đàn làm tịnh xá
Dùng vườn rừng trang nghiêm.
Bố thí như thế thảy
Đủ thứ đều tốt đẹp
Hết các số kiếp đó

Hồi hướng về Phật đạo.

Trong thời gian dài như thế, bố thí cúng dường cho các Đức Phật và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thảy, dùng vật ăn thức uống ngon nhất, quần áo tốt đẹp nhất, thuốc thang hay quý nhất, để cúng dường cho bốn bậc Thánh. Dùng gỗ chiên đàn để làm tịnh xá, dùng vườn rừng để trang nghiêm chung quanh, khiến cho thanh tịnh u nhã. Những đồ bố thí này, đều vi diệu thù thắng, bố thí hết thảy tám mươi vạn ức Na do tha kiếp số, đều hồi hướng công đức về Phật đạo.

Nếu giữ gìn giới cấm
Thanh tịnh chẳng thiếu sót
Cầu chứng vô thượng đạo
Được chư Phật khen ngợi.

Nếu như, lại hay giữ gìn giới cấm thanh tịnh viên mãn, chẳng có chỗ thiếu sót. Muốn cầu Phật đạo vô thượng, thì nhất định được chư Phật gia trì và khen ngợi. Giữ giới quan trọng như giữ đầu.

Nếu tu hạnh nhẫn nhục
Trụ nơi chỗ điều nhu
Nếu kẻ ác nhiễu loạn
Mà tâm chẳng lay động.

Có những người đắc pháp
Bị kẻ tăng thượng mạn
Khinh khi làm khổ não
Như thế cũng nhẫn được.

Nếu như tu hành pháp môn nhẫn nhục, trụ ở chỗ điều thuận nhu hòa, tuyệt đối không sinh lửa vô minh. Nếu có người không biết đạo lý đến nhiễu loạn bạn, hoặc phỉ báng, hoặc nhục mạ, thậm chí đánh đập, cảnh giới nghịch như thế đến, thì phải có định lực, đừng để cảnh giới chuyển. Hoặc có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, bị họ khinh khi nhiễu loạn khổ não, thì đừng sinh tâm sân hận, xem họ như thiện tri thức khai đạo. Quán như thế, thì tự nhiên sẽ sóng yên gió lặng, bình an vô sự. Bằng không, nổi trận lôi đình, thì cả hai đều thảm bại thương đau, tạo thành chuyện cười cho thiên hạ. Cho nên có câu :

‘’Một niệm sân nổi lên,
Trăm vạn chướng ngại đều xảy ra.’’

Nếu lại siêng tinh tấn
Chí niệm thường kiên cố
Trong vô lượng ức kiếp
Một lòng chẳng giải đãi.
Lại trong vô số kiếp

Trụ ở chỗ vắng lặng
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Trừ ngủ thường nhiếp tâm.

Nếu như hay siêng tu tinh tấn Ba la mật, chí niệm kiên cố. Bất cứ gặp khó khăn gì, nhất định cũng không thối chuyển. Ở trong vô lượng ức kiếp, một lòng tinh tấn hướng về trước, vĩnh viễn không giải đãi. Lại ở trong vô lượng ức kiếp, trụ ở chỗ vắng lặng, hoặc là ngồi thiền, hoặc là đi kinh hành, đều phải nhiếp tâm thu niệm. Trừ sự ngủ nghỉ ra, bình thường phải thu nhiếp tâm viên ý mã, đừng để chúng rong chạy bên ngoài, huấn luyện chúng giữ gìn quy cụ.

Vì bởi nhân duyên đó
Hay sinh các thiền định
Tám mươi ức vạn kiếp
An trụ tâm chẳng loạn.
Đem phước nhất tâm đó
Nguyện cầu vô thượng đạo
Con được Nhất thiết trí
Hết các bờ thiền định.

Nhờ nhân duyên đó, cho nên sinh tất cả thiền định, trải qua thời gian tám mươi ức vạn kiếp, trụ an ổn ở trong

thiền định, khiến cho tâm chẳng tán loạn, tinh thần tập trung tại một chỗ, tư duy niệm Phật là ai ? Tham đến chỗ sơn cùng thủy tận, thì sẽ khai ngộ.

Như đem phước nhất tâm tu trì thiền định tam muội, thệ nguyện cầu Phật đạo vô thượng. Con nguyện đắc được nhất thiết trí, hết tất cả bờ mé thiền định, tức cũng là đắc được hết thảy thiền định tam muội.

Người đó trong trăm ngàn
Vạn ức vô số kiếp
Tu các công đức đó
Như ở trên vừa nói.
Có thiện nam tín nữ
Nghe ta nói thọ mạng
Cho đến một niệm tin
Phước đây lại hơn kia.
Nếu có người chẳng có
Tất cả các nghi hoặc
Sinh tâm tin chốc lát
Phước đây đồng phước kia.

Người tu hành đó, trong trăm ngàn vạn ức kiếp tu hành pháp môn năm Ba la mật, công đức đắc được rất là thù thắng. Nếu như, có người thiện nam, người thiện nữ,

nghe ta nói thọ mạng dài lâu, cho đến sinh một tâm niệm tin hiểu, thì phước đức này thù thắng hơn công đức tu năm Ba la mật vừa nói ở trên. Nếu như có người chẳng có tất cả nghi hoặc, trong khoảnh khắc sinh tâm tin sâu, thì đắc được phước báu, đồng với công đức tám mươi vạn ức kiếp tu năm Ba la mật.

Hết thảy các Bồ Tát
Vô lượng kiếp hành đạo
Nghe ta nói thọ mạng
Thì tâm sẽ tin nhận.
Những người như thế thảy
Tin thọ kinh điển này
Nguyện con đời vị lai
Sống lâu độ chúng sinh.

Hết thảy các Bồ Tát trong vô lượng kiếp đến nay, tu hành Bồ Tát đạo, gieo trồng các căn lành. Các vị đó, nghe ta nói thọ mạng của Như Lai, thì sẽ tin hiểu thọ trì, chẳng sinh tâm hoài nghi. Những người như thế thảy, đều tin thọ bộ kinh điển này, phát nguyện hy vọng Phật thọ mạng vô lượng, ở đời vị lai độ tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui, đồng lên bờ kia.

Như Thế Tôn hôm nay

Vua trong dòng họ Thích
Đạo tràng sư tử hống
Thuyết pháp vô sở úy.
Chúng con đời vị lai
Được tất cả tôn kính
Khi ngồi nơi đạo tràng
Cũng nói thọ như thế.

Giống như Đức Thế Tôn hôm nay, là bậc Pháp Vương vô thượng ở trong dòng họ Thích. Ngồi ở nơi đạo tràng thuyết pháp như sư tử hống, chẳng có sợ hãi. Trong Chứng Đạo Ca có nói :

''Sư tử hống, vô úy thuyết.
Bách thú văn chi giai lão liệt,
Hương tượng bôn ba thất cước uy,
Thiên long tịch thính sinh hân duyệt.''

Lúc Phật còn ở đời, thì Đề Bà Đạt Đa và vua A Xà Thế liên kết hại Phật, lợi dụng uy lực của voi say để đạp chết Phật. Khi Phật đến thành Vương Xá khất thực, thì thả bầy voi say ra, để thực hành quỷ kế của họ. Voi say đó xông đến ở trước Phật, lúc đó thập phần nguy hiểm, Phật bèn dùng định lực, cũng chẳng tránh né, duỗi tay hướng ra ngoài, năm ngón tay lập tức biến thành năm con sư tử, hống lên một tiếng, thì bầy voi nghe tiếng bèn quỳ xuống.

Cảnh giới này cảm động đến các dân chúng, bèn quy y với Đức Phật.

Đức Phật lại nói : ''Chúng con ở đời vị lai, được tất cả chúng sinh tôn kính, tương lai thành Phật sẽ ngồi ở tại đạo tràng, nói thọ lượng của Như Lai, cũng như Đức Thế Tôn nói pháp.''

Nếu có người thâm tâm
Thanh tịnh lại chất trực
Đa văn hay tổng trì
Tùy nghĩa giải lời Phật.
Hết thảy người như thế
Nơi kinh này chẳng nghi.

Nếu như có người thâm tâm, một lòng thanh tịnh chẳng cấu nhiễm, chất trực thật thà, bác học đa văn, nghiên cứu kinh điển, tổng trì chẳng quên. Tùy theo nghĩa lý mà giải thích lời lẽ của Phật nói. Người đắc được đa văn tam muội, và tổng trì tam muội như thế, thì đối với Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng có hoài nghi, một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống, truyền bá kinh này.

Lại nữa, A Dật Đa ! Nếu có người nghe được thọ mạng lâu dài của Phật, mà hiểu rõ

nghĩa lý của lời nói, thì người đó được công đức chẳng có hạn lượng, hay sinh ra trí huệ vô thượng của Như Lai, hà huống là rộng nghe kinh này.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''A Dật Đa ! Nếu có chúng sinh nghe được thọ mạng lâu dài của Phật, mà thấu hiểu nghĩa lý bên trong của lời nói, thì người đó được công đức chẳng có hạn lượng, hay trợ giúp họ sinh ra trí huệ vô thượng của Như Lai. Hà huống rộng nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ! Công đức đắc được không thể nói được.''

Hoặc dạy người đến nghe, hoặc tự mình thọ trì, hoặc dạy người thọ trì, hoặc tự mình biên chép, hoặc dạy người biên chép, hoặc dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, lọng lụa, dầu thơm, đèn, để cúng dường kinh quyển. Công đức của người đó, vô lượng vô biên, hay sinh ra nhất thiết chủng trí.

Hoặc dạy bảo người thân, bạn bè đến nghe Kinh Pháp Hoa, hoặc tự mình thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc dạy người thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc tự mình biên chép Kinh Pháp Hoa, hoặc dạy bảo người biên chép Kinh Pháp Hoa.

Hoặc dùng hoa tươi, hương thơm, anh lạc, tràng báu, phan báu, lọng báu, dầu thơm, đèn .v.v... để cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Công đức của người đó, vô lượng vô biên, sẽ thành tựu nhất thiết chủng trí của Như Lai.

A Dật Đa ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, nghe ta nói thọ mạng dài lâu, mà thâm tâm tin hiểu, tức là thấy Phật thường ở tại núi Kỳ Xà Quật, cùng với các chúng đại Bồ Tát, Thanh Văn, vây quanh nói pháp.

A Dật Đa ! Nếu như có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe ta nói thọ mạng lâu dài của Như Lai, mà phát tâm tin hiểu, lại hay thấu rõ nghĩa lý bên trong, tức là thấy được pháp thân của Phật. Tại sao ? Vì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tức là chân thân của Phật, tức cũng là pháp thân của Phật. Thấy được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì giống như gặp được Phật, đừng cho rằng Phật vào Niết Bàn thì không thuyết pháp. Phật luôn luôn đều đang nói Kinh Diệu pháp Liên Hoa. Phật nói Kinh Pháp Hoa trong khoảng thời gian tám năm, từ khi Phật bảy mươi hai tuổi thì bắt đầu nói Kinh Pháp Hoa. Sau này, đem kinh văn biên trên lá bối, liên kết lá bối lại dài khoảng tám dặm. Do đó, kinh này là đại biểu cho chân thân của Phật.

Người này thường thấy Phật ở tại núi Kỳ Xà Quật (Linh Thứu) và các chúng đại Bồ Tát Thanh Văn vây quanh Phật, nghe Phật nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Lại thấy thế giới Ta Bà này, đất bằng lưu ly, mặt đất bằng phẳng, vàng diêm phù đàn dùng làm tám đường, cây báu thẳng hàng, các đền đài lầu các, đều dùng bảy báu tạo thành, các chúng Bồ Tát đều ở trong đó. Nếu có người hay quán như thế, thì nên biết người đó tin sâu hiểu kinh này.

Lại thấy thế giới Ta Bà này, đất bằng chất lưu ly, mặt đất bằng phẳng, chẳng có núi cao, chẳng có biển sâu. Tại sao thế giới có núi cao biển sâu, cao thấp chẳng bằng phẳng ? Vì tâm người chẳng bằng phẳng, do nghiệp báo cảm ứng hiện ra. Người chứng quả, tuy nhiên ở tại thế giới này, nhưng thấy những cảnh giới khác nhau. Họ thấy mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, chúng ta phàm phu thấy mặt đất lồi lõm chẳng bằng phẳng.

Tại châu Diêm Phù Đề có con sông lớn, bờ sông có cây đàn kim, khi lá cây này rớt xuống sông, thì làm cho cát dưới sông biến thành vàng, ánh sáng rất sáng đặc biệt, có thể nói là rực rỡ chóa mắt. Dùng vàng này để làm tám con đường (biểu thị cho bát chánh đạo). Lại có cây bằng bảy báu, thẳng tắp thành hàng. Hết thảy đền đài lầu gác,

đều dùng bảy báu tạo thành. Các chúng Bồ Tát đều ở trong đó. Nếu như có người quán tưởng như thế, thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này, thì nên biết người đó tin hiểu sâu xa kinh này.

Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh này, mà chẳng hủy báng, phát tâm tùy hỷ, thì nên biết người đó, đã tin hiểu sâu kinh này, hà huống là người đọc tụng thọ trì, tức là người đó đầu đội đức Như Lai.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu như có người nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà tin sâu chẳng nghi ngờ, chẳng hủy báng, phát khởi tâm tùy hỷ, thì nên biết người đó, đã tin hiểu sâu xa. Hà huống, là người hay đọc tụng lại hay thọ trì, người đó cung kính như đầu đội Đức Như Lai.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ đó, chẳng cần vì ta mà tạo dựng chùa tháp, và làm phòng ốc cho Tăng, dùng tứ sự cúng dường chúng Tăng. Sở dĩ vì sao ? Vì người thiện nam, người thiện nữ đó, thọ trì đọc tụng kinh điển này, là đã xây dựng

tháp, tạo lập phòng ốc cho Tăng, cúng dường chúng Tăng.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ đó, nếu hay thọ trì, đọc tụng giải nói, biên chép ấn tống kinh này, thì chẳng cần vì ta tạo dựng chùa tháp. Tại sao ? Vì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tức là chùa tháp của Phật. Có người nói : ‘’Vậy kinh điển là chùa tháp thì chẳng cần làm chùa nữa.’’ Tuy nhiên Phật nói như thế, song phát tâm làm chùa tháp thì rất tốt. Vì tạo tháp để cúng dường xá lợi của Phật; tạo chùa để cúng dường tượng Phật vàng, biểu thị cung kính, khiến cho chúng sinh thấy trang nghiêm mà sinh tâm tín ngưỡng, mới phát tâm bồ đề, do đó mà trồng xuống căn lành.

Cũng chẳng cần vì Tăng mà tạo phòng ốc, cũng chẳng cần cúng dường Tăng, tứ sự (quần áo, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang). Lời có thể nói lại, nếu chẳng cúng dường tứ sự lên chư Tăng, thì chẳng thể gieo trồng căn lành, chẳng đắc được công đức, chẳng có công đức thì chẳng có phước báo. Tại sao nói như thế ? Vì người thiện nam thiện nữ đó thọ trì, đọc tụng kinh này, thì đồng như đã tạo chùa tháp, tạo phòng xá cho Tăng, cúng dường chúng Tăng. Đây là nói về công đức thọ trì kinh điển, so với công đức cúng dường còn muốn lớn hơn. Nếu không thể thọ trì kinh điển, thì vẫn phải cúng dường Tam Bảo, nhờ phước lực này mà tăng trưởng căn lành.

Tức là đem Phật xá lợi tạo dựng tháp bảy báu, cao rộng nhỏ dần đến cõi trời Phạm Thiên. Lại treo các phan lọng, và các linh báu, hoa hương, anh lạc, hương bột, hương thoa, hương đốt, các thứ âm nhạc, ống tiêu, ống địch, đàn không hầu, đủ thứ kịch múa, dùng âm thanh vi diệu ca ngâm khen ngợi, tức là ở trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, đã từng cúng dường như thế.

Tức là đồng như đem xá lợi của Phật, tạo dựng tháp bằng bảy báu. Tháp đó dọc cao tam giới, ngang khắp mười phương, nền tháp cao rộng lên trên nhỏ dần, cao đến cõi trời Phạm Thiên thuộc cõi sắc. Lại treo các phan báu, lọng báu, linh báu, hoa tươi, hương quý, anh lạc, hương bột, hương thoa, hương đốt, ống tiêu, ống địch, đàn không hầu, các loại trống, các thứ âm nhạc, đủ thứ kịch múa, âm thanh ca rất hay, ngâm nga tán thán khen ngợi. Tức là ở trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, đã từng cúng dường xá lợi như thế.

A Dật Đa ! Nếu sau khi ta diệt độ, có người nghe được kinh điển này, có người hay thọ trì, hoặc tự mình biên chép, hoặc

bảo người biên chép, tức là tạo dụng phòng ốc cho chúng Tăng. Dùng gỗ chiên đàn đỏ, làm các điện đường ba mươi hai sở, cao khoảng tám cây đa la, cao rộng trang nghiêm tốt đẹp, có trăm ngàn vị Tỳ Kheo trụ ở trong đó.

A Dật Đa ! Nếu sau khi ta diệt độ, có người nào nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc tự mình biên chép, hoặc bảo người biên chép, thì đồng như tạo lập phòng ốc cho chư Tăng, dùng gỗ chiên đàn đỏ, làm các điện đường ba mươi hai sở (tạo lập điện đường trong tự tánh). Điện đường cao khoảng tám cây đa la, chẳng những cao rộng mà còn trang nghiêm tốt đẹp, có trăm ngàn vị Tỳ Kheo trụ ở trong đó.

Lại có vườn rừng ao tắm, lại có chỗ đi kinh hành, hang động ngồi thiền, y phục thức ăn uống, giường nệm thuốc thang, tất cả dụng cụ âm nhạc đầy dẫy trong đó. Nhà Tăng lầu các như thế, hàng trăm ngàn vạn ức nhiều vô số. Dùng những thứ đó, hiện tiền cúng dường nơi ta và Tỳ Kheo Tăng.

Lại có vườn rừng, lại có ao tắm, lại có chỗ đi kinh hành, lại có hang động ngồi thiền rất là đẹp đẽ. Lại có y phục, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang, muốn gì có nấy. Lại có đủ thứ dụng cụ âm nhạc đầy dẫy trong đó. Nhà Tăng lầu các như thế, nhiều hàng trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên. Dùng cảnh giới hiện tiền đó, cúng dường cho ta, và tất cả chúng Tỳ Kheo.

Vì lẽ đó mà ta nói, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, hoặc tự biên chép, hoặc bảo người khác biên chép, cúng dường kinh quyển, không cần tạo lập chùa tháp, và tạo phòng ốc chư Tăng, cúng dường chúng Tăng.

Đức Phật lại nói, bởi nhân duyên đó, cho nên ta mới nói : ''Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người hay thọ trì đọc tụng bộ Kinh Pháp Hoa này, hoặc vì người khác giải nói, hoặc tự mình biên chép, cúng dường bộ kinh này, thì không cần tạo lập chùa tháp, phòng chư Tăng, cúng dường chư Tăng. Vì công đức thọ trì kinh quyển đã vượt hơn công đức cúng dàng.''

Huống lại có người hay thọ trì kinh này, và thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục,

tinh tiến, thiền định, trí huệ, được công đức tối thắng vô lượng vô biên. Ví như hư không, đông tây nam bắc, bốn hướng trên dưới, vô lượng vô biên, công đức của người đó, cũng lại như thế, vô lượng vô biên, sớm đắc được nhất thiết chủng trí.

Hà huống lại có người, chẳng những thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa dũng mãnh tinh tấn, mà còn hay thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, sáu pháp môn Ba la mật, công đức này rất là thù thắng vô lượng vô biên, chẳng có biện pháp có thể tính toán là bao nhiêu. Ví như hư không, chẳng tìm được bờ mé của nó. Đông tây nam bắc, bốn hướng trên dưới, mười phương vô lượng vô biên. Công đức của người đó, cũng vô lượng vô biên như thế, sớm sẽ đắc được quả vị Nhất thiết chủng trí, tức cũng là quả vị Phật.

Nếu có người đọc tụng thọ trì kinh này, vì người khác nói, hoặc tự biên chép, hoặc bảo người khác biên chép, lại hay tạo dựng tháp, và tạo lập phòng ốc chư Tăng, cúng dường khen ngợi chúng Tăng Thanh Văn, cũng dùng trăm ngàn vạn ức bài pháp khen

ngợi, để khen ngợi công đức của Bồ Tát. Lại vì người khác đủ thứ nhân duyên, tùy nghĩa mà giải nói Kinh Pháp Hoa này.

Nếu như có người, chẳng những đọc tụng kinh này, thọ trì kinh này, mà còn vì người khác giải nói kinh này, hoặc tự mình biên chép kinh này, hoặc bảo người khác biên chép kinh này. Lại hay tạo lập chùa tháp và phòng Tăng, cúng dàng và khen ngợi đại chúng Thanh Văn, cũng dùng trăm ngàn vạn ức pháp khen ngợi, để khen ngợi công đức của Bồ Tát. Lại vì người khác đủ thứ nhân duyên tùy nghĩa lý của kinh, mà giải thích nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đây là pháp môn bố thí.

Nói đến đây tôi nhớ lại một câu chuyện. Thuở xưa, có một vị quan lớn, ông ta là Phật giáo đồ, rất kiền thành đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Kinh này có bảy quyển, ông ta tụng ba quyển đầu thuộc lòng rất nhanh, chẳng quên một chữ. Song, đọc tụng bốn quyển sau thì chẳng nhớ, chính ông ta cảm thấy rất kỳ lạ, suy nghĩ mãi chẳng hiểu. Do đó, bèn đi hỏi thiện tri thức, nguyên nhân như thế nào ? Vị thiện tri thức đó chứng được túc mạng thông, biết nhân quả trong quá khứ. Ông ta quán sát nhân duyên ở trong thiền định, biết rõ nhân duyên của ông quan. Bèn nói với ông quan rằng : ‘’Nhân duyên của ông rất là đặc biệt, nói ra xin ông đừng sinh phiền não.’’

- Ông quan nói : ''Xin Ngài cứ nói thẳng, tốt xấu cũng chẳng sao.''

- Vị thiện tri thức nói : ''Đời trước của ông là một con bò, do người ta đem đến chùa phóng sinh, tập tục ở trong chùa đó vào ngày mồng 6 tháng 6, thì đem đại tạng kinh, và tất cả các kinh khác ra ngoài sân phơi nắng, để cho kinh khỏi bị mọt ăn. Lúc ấy, con bò phóng sinh đó đi đến chỗ phơi kinh, dùng lưỡi liếm tới ba quyển đầu của Kinh Pháp Hoa, còn bốn quyển sau chẳng liếm tới.'' Bởi nhân duyên đó, mà ông nhớ được ba quyển đầu của Kinh Pháp Hoa, còn bốn quyển sau chẳng nhớ được. Ông quan nghe rồi thì chẳng vui, đòi vị thiện tri thức đưa ra bằng chứng. Chẳng có bằng cớ khó khiến cho người tin.

- Vị thiện tri thức nói : ''Ở sau ngôi chùa nọ có ngôi mộ con bò, tức là con bò phóng sinh đó. Đương thời, vị hoà thượng trụ trì chùa đó là vị cao Tăng, biết rõ con bò đó, vì chùa cày ruộng có công đức, nên được tái sinh làm người như thế nào, ở tại đâu, đều biên rõ ra giấy chôn đi theo với con bò. Nếu ông không tin thì hãy đào mộ con bò đó lên thì sẽ biết.''

Vị quan đó nửa tin nửa ngờ, bèn đến đào mộ con bò đó lên, thì quả nhiên có tờ giấy trắng, biên rõ hết mọi chi tiết.

- Vị quan đó lại hỏi : ''Cứu kính thì nhân duyên gì mà được chuyển sinh làm người ?

- Vị thiện tri thức nói : ''Kiếp trước ông làm bò, có công lao cày ruộng cho chùa, và có công đức liếm Kinh

Pháp Hoa, cho nên đời này được sinh làm người, còn được làm quan.'' Vị quan đó mới khoát nhiên đại ngộ tiền nhân hậu quả tơ hào chẳng sai. Từ đó về sau, trở thành vị đại hộ pháp, cúng dường Tam Bảo hộ trì Phật giáo.

Do đó đủ thấy, phàm là người làm công quả cho chùa, cống hiến sức lực, thì đời sau phần đông được chuyển sinh làm người giàu có, có thể làm quan làm tướng. Các bạn hãy xem ! Một con bò vì chùa mà cày ruộng, đời này được làm quan, hà huống là người, hiến thân cho Phật, đời sau chẳng cần nói cũng biết, tuyệt đối chẳng đọa vào ba đường ác.

Lại hay giữ giới thanh tịnh, và nhu hòa ở chung với nhau, nhẫn nhục chẳng sân hận, ý chí kiên cố, thường thích ngồi thiền, được các thiền định thâm sâu, dũng mãnh tinh tấn, nhiếp các pháp lành, lợi căn trí huệ, khéo đáp các vấn nạn.

Lại hay giữ giới thanh tịnh, tức là thanh tịnh cả thân lẫn tâm. Tâm thanh tịnh tức là trong tâm chẳng có phiền não, sân hận, nhiễm ô. Thân thanh tịnh tức là chẳng làm những việc phi lý, nhu nhuyến hòa thuận, nhẫn nhục ở với nhau, chẳng sinh tâm sân hận, ý chí đặc biệt vững chắc, vĩnh viễn chẳng sinh tâm thối chuyển. Thời gian ngồi thiền rất quý báu, dù một phút một giây cũng chẳng để

trôi qua lãng phí. Tại sao ? Vì chẳng biết giây nào phút nào sẽ khai ngộ. Nếu không, thì bỏ qua cơ hội khai ngộ. Thường ngồi thiền thì hay vào cảnh định thâm diệu. Thường tinh tấn thì hay khắc phục mọi khó khăn. Dũng mãnh tinh tấn tuyệt đối không giải đãi, thì hay nhiếp thọ tất cả pháp lành. Người lợi căn thì có đại trí huệ, khéo giải đáp các vấn nạn mà đáp trôi chảy, thì khiến cho người hỏi vừa ý mà sinh tâm hoan hỷ.

A Dật Đa ! Nếu sau khi ta diệt độ, các thiện nam tử, thiện nữ nhân, hay thọ trì đọc tụng kinh này, lại có các ông đức lành như thế, thì nên biết người đó, đã hướng về đạo tràng, gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ngồi dưới bồ đề đạo tràng.

A Dật Đa ! Nếu như sau khi ta diệt độ, tất cả các thiện nam, thiện nữ, hay thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này. Lại có công đức lành như thế, thì nên biết người đó đã hướng về đạo tràng, gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ngồi dưới bồ đề đạo tràng, chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sinh.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ đó, chỗ của họ ngồi, hoặc đứng,

hoặc đi, đều nên xây tháp, tất cả trời người, đều nên cúng dường như tháp của Phật.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì chỗ của họ ngồi, hoặc chỗ của họ đứng, hoặc chỗ của họ đi kinh hành, đều nên xây bảo tháp. Trời người đều nên cúng dường tháp đó, đồng như cúng dường cung kính tháp của Phật, đều đắc được công đức.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, cho nên nói ra bài kệ dưới đây.

Nếu sau ta diệt độ
Hay phụng trì kinh này
Người đó phước vô lượng
Như đã nói ở trên.
Tức là được đầy đủ
Tất cả sự cúng dường
Vì xá lợi xây tháp
Bảy báu rất trang nghiêm.
Nền tháp rất cao rộng

Nhỏ dần đến Phạm Thiên
Linh báu ngàn vạn ức
Gió động vang diệu âm.

Nếu như, sau khi ta diệt độ, có người hay phụng trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì người đó đắc được công đức vô lượng vô biên, đồng như công đức đã nói ở trên.

Hay phụng trì Kinh Pháp Hoa, thì đầy đủ tất cả sự cúng dường. Vì cúng dường xá lợi của Phật, mà xây dựng tháp báu trang nghiêm, đắc được công đức nhiều chẳng bằng phụng trì Kinh Pháp Hoa.

Nền tháp xây vừa rộng vừa cao, dần dần nhỏ đến cõi trời Phạm Thiên. Các góc tháp có treo linh báu nhiều hàng nghìn vạn ức, gió thổi làm vang ra âm thanh vi diệu rất êm tai, khiến cho người nghe sinh chánh niệm, khởi tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Lại trong vô lượng kiếp
Cúng dường nơi tháp đó
Hoa hương các chuỗi ngọc
Y trời các âm nhạc.
Hương đốt đầu thơm đèn
Thường chiếu sáng quanh tháp
Vào đời ác mạt pháp

Người hay trì kinh này.
Tức như trên đã nói
Đầy đủ sự cúng dường.

Lại ở trong vô lượng kiếp về trước, cúng dường tháp đó, dùng đủ thứ hoa tươi, hương thơm, chuỗi ngọc, y trời, âm nhạc, dầu thơm, đèn .v.v... thường chiếu sáng chung quanh tháp.

Vào đời ác năm trược thời mạt pháp, người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, tức đầy đủ tất cả mọi sự cúng dường như đã nói ở trên, đắc được tất cả công đức như trên đã nói.

Nếu hay trì kinh này
Tức như Phật tại thế
Dùng ngưu đầu chiên đàn
Làm nhà Tăng cúng dường.
Gồm ba mươi hai sở
Cao tám cây đa la
Thức ăn ngon y đẹp
Giường nằm đều đầy đủ.
Trăm ngàn chúng ở đó
Vườn rừng các ao tắm
Kinh hành động ngồi thiền

Các thứ đều trang nghiêm.

Nếu như hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì công đức giống như công đức Phật ở tại thế. Dùng gỗ ngưu đầu chiên đàn để làm nhà Tăng, nhà gồm có ba mươi hai sở (biểu thị cho ba mươi hai tướng). Tháp cao khoảng tám cây đa la (biểu thị cho tám mươi vẻ đẹp). Cúng dường thức ăn uống thượng hảo hạng, quần áo đẹp nhất, giường nệm thuốc thang đều đầy đủ. Có thể cúng dường cho ngàn vạn ức chúng ở trong đó. Lại có vườn rừng và ao tắm, lại có chỗ đi kinh hành và có hang động ngồi thiền, hết thảy các thứ trang bị đều thập toàn thập mỹ, thù thắng trang nghiêm, thật là đạo tràng lý tưởng nhất.

Nếu người tâm tin hiểu
Thọ trì đọc tụng biên
Và cúng dường kinh quyển
Rải hoa thơm hương bột.
Hoa tu mạn chiêm bặc
A đề mục đa già
Đốt đèn dầu cháy mãi
Người cúng dường như thế.
Được công đức vô lượng
Như hư không vô bờ

Phước đó cũng như thế.

Nếu có người đối với Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, mà phát tâm tin hiểu, hoặc tự mình thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống, hoặc dạy người khác biên chép và cúng dường kinh quyển. Rải hoa tươi, hương thơm, hương bột, dùng hoa duyệt ý, hoa kim sắc, hạt cây vừng chế thành dầu, xông đốt chỗ có Kinh Pháp Hoa, chiếu sáng bốn phía. Cúng dường như thế, sẽ được vô lượng công đức, giống như hư không chẳng có bờ bến.

Huống lại trì kinh này
Và bố thí trì giới
Nhẫn nhục thích thiền định
Chẳng sân chẳng chưởi mắng.
Cung kính nơi chùa tháp
Khiêm nhường các Tỳ Kheo
Xa lìa tâm kiêu ngạo
Thường suy gẫm trí huệ.
Có vấn nạn chẳng sân
Tùy thuận làm giải thoát
Nếu làm được hạnh đó
Công đức không thể lường.

Hà huống lại thọ trì Kinh Pháp Hoa, lại hay bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, năm Ba la mật này. Đối với tất cả chúng sinh chẳng sanh tâm sân hận, chẳng mắng chưởi chúng sinh, dùng tâm từ bi đối đãi với chúng sinh.

Gặp chùa cũng cung kính, thấy tháp cũng cung kính, đối với hàng Tỳ Kheo cũng cung kính khiêm nhường, chẳng có tâm tăng thượng mạn, xa lìa hành vi cống cao ngã mạn. Luôn luôn suy gẫm trí huệ, không thể suy gẫm ngu si. Tu hành tức là tu trí huệ, có trí huệ thì tất cả phiền não đều tiêu trừ, đoạn sạch phiền não thì sẽ được giải thoát.

Nếu có người đến vấn nạn, thì phải hòa nhan duyệt sắc mà vì họ giải đáp, không được sinh tâm sân hận. Tùy thuận mọi nhân duyên lấy làm giải thoát, khiến cho họ minh bạch mới thôi. Nếu hay tu hành hạnh môn như thế, thì công đức đắc được không thể lường được.

Nếu thấy pháp sư đó
Thành tựu đức như thế
Nên dùng hoa trời rải
Y trời che thân họ.
Cúi đầu cung kính lễ
Tâm sinh nghĩ như Phật
Lại nên nghĩ như vầy:

Chẳng lâu đến đạo tràng.

Nếu như thấy vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp, tu hành lục độ, vị đó thành tựu công đức như thế, thì nên rải hoa trời để cúng dường, dùng y trời che trên thân của vị pháp sư đó. Đối với vị pháp sư đó, phải đảnh lễ sát đất, sinh tâm cung kính nghĩ như Phật. Lại nên nghĩ như vầy : Vị pháp sư đó, chẳng bao lâu sẽ đến dưới cội bồ đề chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sinh.

Được vô lậu vô vi
Rộng lợi các trời người
Chỗ của người đó ở
Hoặc kinh hành ngồi thiền.
Cho đến nói bài kệ
Đều nên xây dựng tháp
Trang nghiêm khiến tốt đẹp
Dùng các thứ cúng dường.
Phật tử trụ nơi đó
Tức là Phật thọ dụng
Thường ở tại trong đó
Kinh hành và ngồi nằm.

Vị pháp sư đó đã chứng được vô lậu tam muội, diệu pháp vô vi. Vị đó rộng làm lợi ích cho hàng trời người. Chỗ của vị đó ở, chỗ đi kinh hành, chỗ ngồi nằm, cho đến chỗ vị đó nói một bài kệ, đều nên xây dựng tháp báu, dùng bảy báu để trang nghiêm khiến cho tốt đẹp. Dùng đủ thứ đồ cúng, để cúng dường tháp đó, biểu thị cung kính.

Chỗ của Phật tử đó ở thọ dụng giống như Phật, luôn đi kinh hành và ngồi nằm ở trong đó, chẳng lìa khỏi đạo tràng.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6

PHẨM TÙY HỶ CÔNG ĐỨC
THỨ MƯỜI TÁM

Tùy hỷ là gì ? Tùy là tùy thuận. Tùy sự, tùy lý, tùy quyền, tùy thật. Hỷ là hỷ khánh, khánh nhân, khánh quả, khánh hạnh, phụng hành Phật pháp, hoằng dương Phật pháp. Nói một cách rõ hơn, tùy sự tức là tùy thuận sự tướng; tùy lý là tùy thuận lý tánh. Lý tức là lý thể thực tướng, bổn tánh của pháp giới. Bổn tánh pháp giới chẳng ngoài một tâm niệm hiện tiền. Một tâm niệm hiện tiền, bao quát tánh pháp giới và thể pháp giới. Một tâm niệm hiện tiền, tùy công đức của pháp giới, cho nên nói tuỳ hỷ công đức.

Bổn thể của Phật tức là lý, lý của Phật cũng tức là pháp thân. Phật xuất hiện ra đời để giáo hóa tất cả chúng sinh trong mười phương, đó là sự. Do lý mà tùy sự, do sự mà tùy lý, đây gọi là lý sự không hai. Sự chẳng lìa lý, lý

chẳng rời sự. Nhìn lại là hai, song kỳ thật là một, nhìn lại là một, nhưng lại có thể phân làm hai. Cho nên nói hai chẳng phải hai, chẳng phải hai mà hai. Hai mà chẳng phải hai, chẳng phải hai mà hai, tức là lý trung đạo.

Tùy quyền tùy thật công đức, tức là công đức tùy hỷ của Phật nói về quyền, công đức tùy hỷ của Phật nói về thật. Mình có nhân lành thì mới nghe được diệu pháp, đây là nhân của sự hỷ khánh mà gặp được diệu pháp này. Sau khi gặp được diệu pháp mà chuyên tâm tu trì, thì tương lai sẽ đắc được quả bồ đề.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Di Lặc bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, nghe Kinh Pháp Hoa này mà tùy hỷ, thì đắc được bao nhiêu phước đức ? Bèn nói bài kệ rằng :

Sau khi nói xong Phẩm Phân Biệt Công Đức, thì lúc đó đại Bồ Tát Di Lặc bèn bạch với Đức Phật Thích Ca rằng : ‘’Đức Thế Tôn ! Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, giữ năm giới hành thập thiện, nghe được Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ công đức, thì họ đắc được bao nhiêu phước đức ? ‘’Đại Bồ Tát Di Lặc lại nói ra bài kệ.

Sau khi Phật diệt độ
Có người nghe kinh này

Mà sinh tâm tùy hỷ
Được bao nhiêu công đức ?

Sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, tương lai có người nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà sinh một tâm niệm tùy hỷ, thì người đó đắc được bao nhiêu phước đức ? Xin Thế Tôn từ bi khai thị.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc : A Dật Đa ! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, và những người có trí khác, hoặc già, hoặc trẻ, nghe kinh này mà tùy hỷ. Từ pháp hội ra đi đến nơi khác.

Lúc đó Đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc rằng : ''A Dật Đa ! Sau khi Như Lai vào Niết Bàn rồi, ngoài các hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng này ra, như có những người trí huệ, bất cứ là già hoặc trẻ, từ trong pháp hội nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ rồi, từ trong pháp hội ra đi đến những nơi khác, vì người khác giải nói nghĩa lý của kinh này, thì sẽ đắc được phước đức không thể nghĩ bàn.''

Hoặc tại nhà của chư Tăng ở, hoặc tại chỗ vắng vẻ, hoặc tại thành ấp đường xá,

xóm làng ruộng nương, đem sự nghe của mình mà vì cha mẹ, người thân, bạn bè, tri thức, tùy sức mà diễn nói, khiến cho họ nghe rồi mà tùy hỷ, lại đi diễn nói với người khác, người khác nghe rồi cũng tùy hỷ, lại đi diễn nói với người khác nữa, cứ như thế cho đến người thứ năm mươi.

Hoặc tại chỗ chư Tăng ở, hoặc ở tại chỗ vắng vẻ trong thâm sơn cùng cốc, hoặc tại thành ấp, đường xá, xóm làng, ruộng nương .v.v... Đem Phật pháp mà mình nghe được ở tại pháp hội, vì cha mẹ, người thân, bạn bè, tri thức, tùy sức hiểu biết của mình, mà vì họ giải nói nghĩa lý của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khiến cho họ gieo trồng căn lành, đắc được lợi ích công đức tùy hỷ.

Những người tùy hỷ kinh điển đó, nghe rồi lại đi giáo hóa người khác, vì họ giải nói nghĩa lý trong kinh, khiến cho họ nghe rồi lại tùy hỷ, cứ như thế cho đến người thứ năm mươi, người đó đắc được phước đức nhiều không thể nói đặng.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ, thứ năm mươi đó, tùy hỷ công đức, nay ta nói ra ông nên lắng nghe.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ‘’A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ, thứ năm mươi đó, tùy hỷ công đức, bây giờ ta vì ông mà nói ra. Ông nên tập trung chú ý nghe.’’

Nếu bốn loài sáu đường chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới, loài sinh bằng trứng, loài sinh bằng thai, loài sinh bằng ẩm ướt, loài biến hóa sinh ra, hoặc loài có hình, loài không có hình, loài có nghĩ tưởng, loài không có nghĩ tưởng, loài chẳng có nghĩ tưởng chẳng phải không có nghĩ tưởng, loài không chân, hai chân, loài bốn chân, nhiều chân, như vậy hết thảy loài chúng sinh. Có người cầu phước, tùy theo sự ưa muốn của họ, mà cung cấp cho đầy đủ.

Nếu như có bốn loài sáu đường chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới. Bốn loài là loài sinh bằng trứng, bằng thai, bằng ẩm ướt, bằng biến hóa sinh ra. Sáu đường chúng sinh là trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Loài sinh bằng trứng thì trứng do tưởng mà sinh ra, loại sinh bằng thai thì thai do tình mà có, loài sinh bằng ẩm ướt thì nhờ ẩm ướt mà hợp cảm, loài biến

hóa thì nhờ hóa mà ly ứng. Tóm lại, loài sinh bằng trứng, thai, ẩm ướt, biến hóa, đều là nghiệp quả sở cảm; tình tưởng ly hợp, đều là nghiệp nhân năng cảm.

Loài sinh bằng thai : Do ái tình mà sinh ra. Loài sinh bằng trứng : Chỉ nhờ loạn tưởng mà sinh ra. Loài sinh bằng ẩm thấp : Ngửi hương tham vị phối hợp mà cảm. Loài sinh bằng biến hóa : Chán cũ vui mới, nhờ đó mà ứng. Đây là chúng sinh của dục giới. Chúng sinh có hình thuộc về sắc giới; chúng sinh vô hình thuộc về cõi vô sắc, chúng sinh không thức nhị biên xứ. Vô tưởng là chúng sinh vô sở hữu xứ. Phi hữu tưởng phi vô tưởng là chúng sinh phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là tên gọi của chín loài chúng sinh.

Loài không chân là loài giun .v.v... Loài hai chân là chó, gà, chim .v.v... Loài bốn chân là cọp, sư tử .v.v... Loài nhiều chân là rết, cuốn chiếu .v.v... Hết thảy các loài chúng sinh. Có người vì cầu phước mà tùy thuận sự ưa muốn của họ, đều cung cấp cho họ đầy đủ, chẳng thiếu món gì.

Mỗi mỗi chúng sinh đều cấp cho đầy cõi Diêm Phù Đề : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ mã não, san hô, hổ phách các thứ châu báu, và voi ngựa xe cộ, cung điện lầu các làm bằng bảy báu .v.v...

Hết thảy chúng sinh đều bố thí đầy Diêm Phù Đề : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách hết thảy các thứ châu báu đá quý và voi, ngựa, xe cộ, cung điện, lầu các, làm bằng bảy báu .v.v... Phàm là những gì chúng sinh cần, thì vị đại thí chủ đó đều bố thí tất cả, tuyệt đối không có tâm san tham.

Đại thí chủ đó, bố thí như vậy, mãn tám mươi năm rồi, bèn nghĩ như vầy : Ta đã bố thí cho chúng sinh những đồ vui thích, tùy ý sự ưa muốn của họ, nhưng những chúng sinh này đều đã già nua, tuổi đã quá tám mươi, tóc bạc mặt nhăn, sự chết chẳng còn bao lâu. Ta nên dùng Phật pháp để giáo hóa họ.

Vị đại thí chủ đó, lại bố thí bảy báu, bố thí xe cộ, bố thí cung điện cho chúng sinh. Người nhân gian đi du hành phải đi bằng xe, thuyền; người trên trời đi du hành bằng cung điện. Tóm lại, người ở trên trời ngồi ở trong cung điện, thì có thể đi du hành khắp nơi, tốc độ còn nhanh hơn hỏa tiễn hiện đại. Có người khởi vọng tưởng : ‘’Cung điện làm sao di động được ?‘’ Cảnh giới này, đợi khi nào bạn chứng được ngũ nhãn lục thông, thì tự nhiên sẽ biết. Đây chẳng phải là việc bí mật, mà là việc bình thường, chỉ cần dụng công tu hành, nỗ lực tham thiền thì sớm sẽ hiện thực.

Bố thí như thế trải qua tám mươi năm. Vị đại thí chủ đó bèn nghĩ như vầy : ‘’Ta đã bố thí cho chúng sinh những đồ vui thích, đều tùy thuận tâm ý của họ. Họ muốn gì thì ta bố thí cái đó. Song, những chúng sinh đó đã già nua, tuổi tác đã hơn tám mươi, tóc bạc mặt nhăn, cái chết chẳng còn bao lâu. Ta nên dùng Phật pháp để dạy họ, khiến cho họ kịp thời tu hành, thoát khỏi biển khổ sinh về Tịnh Độ.’’

Bèn triệu tập những chúng sinh đó, truyền bá Phật pháp giáo hóa, khiến cho họ được lợi ích sinh tâm hoan hỷ. Nhất thời đều đắc được đạo Tu Đà Hoàn, đạo Tư Đà Hàm, đạo A Na Hàm, đạo A La Hán, sạch các hữu lậu, nơi thiền định thâm sâu, đều đắc được tự tại, đủ tám giải thoát. Ý của ông thế nào ? Vị đại thí chủ đó, đắc được công đức có nhiều chăng ?

Vị đại thí chủ đó nghĩ rồi, bèn lập tức triệu tập hết thảy chúng sinh lại, tuyên bố Phật pháp, chỉ dạy giáo hóa họ, khiến cho họ đắc được lợi ích Phật pháp, sinh tâm hoan hỷ. Những chúng sinh đó, sớm đắc được quả vị A La Hán.

Thời gian chẳng bao lâu, có người chứng được đạo quả Tu Đà Hoàn (sơ quả), dịch là "dự lưu", vào dòng Thánh nhân pháp tánh, ngược dòng phàm phu lục trần, chẳng cùng dòng hợp ô, thân tâm thanh tịnh, chẳng bị cảnh giới chuyển. Đã đoạn sạch dục giới tám mươi tám phẩm kiến hoặc. Còn bảy lần sinh tử, mới chứng được tứ quả vô học vị. Có người chứng được đạo quả Tư Đà Hàm (nhị quả), dịch là "nhất lai vãng", còn một lần thọ sinh lên trời và sinh xuống nhân gian, đã đoạn dục giới tư hoặc sáu phẩm trước. Tại tam giới có cửu địa, mỗi địa có chín phẩm tư hoặc, cộng thành tám mươi mốt phẩm tư hoặc. Có người chứng được đạo quả A Na Hàm (tam quả), dịch là "bất lai", chẳng đến dục giới thọ sinh tử nữa. Đã đoạn sạch dục giới (ngũ thú tạp cư địa) tư hoặc ba phẩm sau, còn sắc giới và vô sắc giới bảy mươi hai phẩm tư tưởng chưa đoạn. Có người chứng được đạo quả A La Hán (tứ quả), dịch là "sát tặc", tức là giết tặc phiền não. Lại dịch là "Ứng Cúng", tức là xứng đáng thọ nhận trời người cúng dường. Còn có nghĩa nữa là "vô sinh", tức là chẳng thọ quả báo sinh tử.

Cảnh giới của A La Hán đã đoạn sạch tất cả hữu lậu ba cõi, do đó : ‘’Chư lậu đã tận, phạm hạnh đã lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu.’’ (Các lậu đã sạch, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa). Ở trong thiền định thâm diệu đều được tự tại. Lại có đủ tám giải thoát. Tức là xả bỏ tham ái ba cõi, giải thoát khỏi tám thứ thiền định trói buộc:

1). Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
2). Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
3). Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
4). Không vô biên xứ giải thoát.
5). Thức vô biên xứ giải thoát.
6). Vô sở hữu xứ giải thoát.
7). Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
8). Diệt thọ tưởng định thân tác chứng cụ túc trụ.

Phật nói với Bồ Tát Di Lặc : ''Ý của ông như thế nào ? Vị đại thí chủ đó, đắc được công đức có nhiều chăng ?''

Có người hỏi : ''Cửu địa là gì ? ''Đáp : Tại dục giới có nhất địa, gọi là ngũ thú tạp cư địa, tức là trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, thế giới của năm loài chúng sinh ở lộn lạo. Tại sắc giới có tứ địa.

1). Sắc giới trời sơ thiền, gọi là Ly sinh hỷ lạc địa, vì lìa khỏi dục giới thọ sinh, cho nên trong tâm cảm thấy vừa hoan hỷ vừa khoái lạc.

2). Sắc giới trời nhị thiền, gọi là Định sinh hỷ lạc địa. Vì từ trong đỉnh, sinh ra một thứ hoan hỷ, chẳng gì sánh bằng, mà được cảnh giới khoái lạc.

3). Sắc giới trời tam thiền, gọi là Ly hỷ diệu lạc địa. Đã lìa khỏi hoan hỷ thô, đắc được khoái lạc vi diệu.

4). Sắc giới trời tứ thiền, gọi là Xả niệm thanh tịnh địa. Xả bỏ diệu lạc niệm đầu của tam thiền, thân tâm

thanh tịnh, một bụi trần không nhiễm. Tại vô sắc giới có tứ địa

1). Không vô biên xứ địa. Tuy cảm giác chẳng có thân, nhưng có tâm thức tác dụng.

2). Thức vô biên xứ địa, sáu thức trước hoàn toàn diệt tận, chỉ có hai thức sau tồn tại.

3). Vô sở hữu xứ địa. Chế phục được thức thứ bảy, chỉ còn thức thứ tám tồn tại.

4). Phi tưởng phi phi tưởng xứ địa. Định lực khống chế thức thứ tám, không thể hoạt động là phi tưởng. Định lực chẳng đủ, thức thứ tám lại hoạt động là phi phi tưởng. Bất động tức chẳng có sinh tử, có động thì có sinh tử. Tóm lại, đem ba cõi vẽ thành cửu địa, làm tiêu chuẩn tiến lên của người tu hành, dụng công tu hành thành tựu, thì thăng lên một giai đoạn. Vượt quá phạm vi cửu địa, thì chứng được tứ quả A La Hán, hoặc sơ trụ Bồ Tát, chấm dứt phân đoạn sinh tử, chưa đoạn được biến dịch sinh tử. Tu đến Đẳng giác Bồ Tát vị, thì vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa đoạn. Nếu đoạn sạch thì lập tức đến Diệu giác quả vị (quả vị Phật). Song, Bồ Tát chẳng muốn đoạn một phần vô minh cuối cùng. Vì Bồ Tát phát tâm đảo giá từ thuyền, phổ độ chúng sinh, do đó:

''Chúng sinh độ hết, mới chứng bồ đề.''

Bồ Tát Di Lặc bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Công đức của người đó rất nhiều,

vô lượng vô biên. Nếu vị thí chủ đó, chỉ bố thí tất cả đồ vui thích, thì công đức đã vô lượng, hà huống khiến cho họ đắc được quả A La Hán.

Bồ Tát Di Lặc nói với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Công đức của vị thí chủ đó rất nhiều. Vì vị đó chẳng những bố thí tất cả đồ vui thích, mà còn khiến cho tất cả chúng sinh chứng được tứ quả A La Hán, cho nên nói công đức vô lượng vô biên.''

Đức Phật bảo Bồ Tát Di Lặc : Nay ta phân tích rõ cho ông nghe, người đó đem tất cả đồ vui thích, bố thí cho sáu đường chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới. Lại khiến cho họ đắc quả A La Hán, công đức của người đó, chẳng bằng người thứ năm mươi, nghe một bài kệ Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỷ công đức, trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cũng chẳng bằng một phần, cho đến tính đếm thí dụ, cũng không thể biết được.

Đức Phật bảo Bồ Tát Di Lặc : ''Bây giờ ta phân tích rõ ràng đạo lý này cho ông rõ. Vị đại thí chủ đó, đem tất cả đồ vui thích, bố thí cho sáu đường chúng sinh, trong trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới, lại khiến cho những chúng sinh đó, đều chứng được quả vị A La Hán, công đức của người đó đắc được, chẳng bằng người thứ năm mươi, nghe một bài kệ Kinh Pháp Hoa, công đức tùy hỷ trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cũng chẳng bằng một phần, cho đến tính toán, ví dụ, để hình dung, cũng chẳng cách chi biết được cứu kính có bao nhiêu ?''

A Dật Đa ! Như người thứ năm mươi đó, lần lượt được nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, công đức còn vô lượng vô biên A tăng kỳ, hà huống là người đầu tiên, ở trong pháp hội nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ. Phước người này, còn hơn phước người thứ năm mươi, vô lượng vô biên A tăng kỳ, không thể sánh được.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''A Dật Đa ! Như người thứ năm mươi đó, lần lượt nghe được Kinh Pháp Hoa, mà phát tâm tùy hỷ, còn đắc được công đức vô lượng vô biên A tăng kỳ. Hà huống là người đầu tiên, trực tiếp nghe Kinh Pháp Hoa ở trong pháp hội, mà phát tâm tùy hỷ,

công đức của người này, đương nhiên phải thù thắng hơn công đức của người gián tiếp nghe Kinh Pháp Hoa (người thứ năm mươi vô lượng vô biên A tăng kỳ, cũng không thể so sánh được).'' Tóm lại, ở trong đạo tràng nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, thì công đức không thể nói, không thể nói, tức là dù nói, cũng nói không ra cứu kính có bao nhiêu.

Lại nữa, A Dật Đa ! Nếu có người vì kinh này, mà đi đến phòng Tăng, hoặc ngồi, hoặc đứng, nghe trong giây lát, thì nhờ công đức đó, mà tái sinh đời sau, được voi ngựa, xe cộ, châu báu, kiệu cáng, đồ thượng hạng và cung điện.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''A Dật Đa ! Nếu như có người, vì ngưỡng mộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà đến chỗ chư Tăng ở, hoặc là ngồi, hoặc là đứng, để nghe Kinh Pháp Hoa trong chốc lát. Do công đức đó, mà tái sinh đời sau, được sinh vào nhà vua, có đủ voi ngựa, xe cộ, châu báu, kiệu cáng, hoặc được sinh về cõi trời có cung điện bảy báu.''

Nếu lại có người, ngồi ở nơi giảng pháp, có người đến mà khuyên bảo, khiến

cho họ ngồi nghe pháp, hoặc phân chia chỗ cho họ ngồi, thì công đức của người đó, khi chuyển thân khác, sẽ được chỗ ngồi của trời Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Phạm Vương, hoặc chỗ ngồi của vua Chuyển luân thánh vương.

Nếu lại có người, ngồi ở nơi giảng pháp nghe Kinh Pháp Hoa, sau đó lại có người đến bèn khuyên họ ngồi xuống nghe kinh, hoặc phân chia nửa chỗ của mình cho họ ngồi, hai người cùng ngồi một chỗ, hoặc nhường chỗ ngồi cho họ ngồi, thì công đức của người đó, khi tái sinh đời sau, sẽ được chỗ ngồi của trời Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Phạm Thiên Vương hoặc chỗ ngồi của vua Chuyển Luân Thánh Vương.

Các vị ! Nếu như có người đến Phật Giáo Giảng Đường nghe kinh, phải chiêu đãi giúp tìm chỗ ngồi. Nếu có người không có chỗ ngồi, thì hãy chia nửa chỗ ngồi của mình cho họ ngồi, hoặc là nhường chỗ ngồi của mình cho họ ngồi, thì tương lai chắc chắn sẽ có phước báu. Tóm lại, phàm là người đến nghe kinh thì phải chiêu đãi, đừng giống như người gỗ, chẳng đếm xỉa gì đến họ, khiến cho họ sinh sợ, lần sau họ chẳng dám đến nữa. Phải biết chiêu đãi khách, là lễ phép chứ chẳng phải phan duyên, điểm này phải chú ý.

A Dật Đa ! Nếu lại có người, nói với người khác rằng : Có kinh tên là Pháp Hoa, chúng ta có thể cùng nhau đến nghe, người đó nghe lời, bèn đến nghe trong chốc lát. Công đức của người đó chuyển thân sau, được sinh cùng một chỗ với Bồ Tát Đà La Ni, có lợi căn trí huệ.

Phật lại gọi một tiếng : ''A Dật Đa ! Nếu như lại có người, nói với người khác rằng : Hiện nay có đạo tràng giảng Kinh Pháp Hoa, chúng ta có thể cùng nhau đi đến nghe. Người đó nghe lời khuyên, đi đến nghe Kinh Pháp Hoa trong chốc lát. Người khuyên và người nghe kinh đó, đắc được công đức, khi sinh thân sau sẽ cùng sinh một chỗ với Bồ Tát Đà La Ni, được trí huệ sáu căn thông lợi.''

Hiện tại Phật Giáo Giảng Đường đang giảng Kinh Pháp Hoa. Các vị có thể khuyên các người thân bạn bè, khiến cho họ đến nghe kinh. Chẳng những các vị có công đức, mà người thân bạn bè của quý vị, cũng được công đức, trồng xuống căn lành, phước báu tương lai không thể hạn lượng.

Trong trăm nghìn vạn đời, chẳng bao giờ bị câm, hơi miệng chẳng hôi thối, lưỡi thường chẳng có bệnh tật, miệng cũng chẳng

có bệnh tật, răng chẳng dơ, chẳng đen, chẳng vàng, chẳng thưa, cũng chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng cong. Môi chẳng thòng xuống, cũng chẳng co rút lại, chẳng thô rít, chẳng ung nhọt, cũng chẳng khuyết xấu, cũng chẳng cong vẹo, chẳng dày chẳng lớn, cũng chẳng đen xạm, chẳng có các sự đáng chê.

Trong trăm nghìn vạn đời chẳng mắc bệnh câm. Trong miệng chẳng có mùi hôi, thân chẳng tỏa ra mùi hôi. Người tu hành mà chẳng giảng kinh thuyết pháp, thì sẽ mắc bệnh câm; người tu hành chẳng giữ gìn giới luật, thì sẽ tỏa ra mùi hôi thối. Nếu khuyên người khác nghe kinh, thì được công đức lưỡi chẳng bị bệnh tật, miệng chẳng bị bệnh tật, răng chẳng dơ, chẳng đen, chẳng vàng, chẳng thưa, chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng cong, rất ngay thẳng và trắng sạch.

Môi rất đẹp, chẳng thòng xuống, cũng chẳng co rút lại, cũng chẳng thô rít, cũng chẳng bị nhọt, cũng chẳng khuyết xấu, cũng chẳng cong vẹo, cũng chẳng dày lớn, cũng chẳng đen xạm, chẳng có chỗ khiến cho người nhàm chán. Có người môi thì trời bao đất (môi trên thì dài môi dưới thì ngắn), hoặc đất bao trời (môi trên thì ngắn môi

dưới thì dài), đó là do tiền kiếp thích nói chuyện thị phi mà bị quả báo.

Mũi chẳng dẹp, cũng chẳng cong. Sắc mặt chẳng đen, cũng chẳng dài hẹp, cũng chẳng cong trũng, chẳng có những tướng khiến cho người thấy chẳng vui.

Mũi ngay thẳng, cũng chẳng dẹp, cũng chẳng cong. Sắc mặt chẳng đen cũng chẳng dài hẹp, cũng chẳng trũng ngắn. Chẳng có những tướng khiến cho người thấy chẳng vui. Muốn khiến cho sáu căn trang nghiêm, thì hãy làm nhiều công đức lành, đừng làm việc tội ác. Phàm là người có ngũ quan đoan chánh, thì không cần hỏi mà vẫn biết, nhờ công đức vậy.

Môi lưỡi răng thảy đều tốt đẹp trang nghiêm, mũi thì cao thẳng. Mặt mày tròn đầy, mi cao mà dài, trán rộng bằng phẳng, nhân tướng đây đủ. Đời đời sinh ra đều gặp Phật, nghe pháp tin nhận lời của Phật dạy.

Đây là người khuyên người khác đi nghe kinh, và người nghe lời khuyên đi nghe kinh, đều được môi lưỡi răng tốt đẹp trang nghiêm. Mũi thì cao thẳng, mặt mày tròn đầy, mi cao mà dài, trán rộng bằng phẳng, tướng tốt

đầy đủ, đời đời sinh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe pháp, sinh niềm tin, tiếp nhận lời Phật dạy, tức là y giáo phụng hành.

A Dật Đa ! Ông xem đó, khuyên một người khiến cho họ đến nghe pháp, mà được công đức như thế, hà huống là một lòng nghe giảng, đọc tụng, rồi ở trong đại chúng, vì mọi người phân biệt giải nói pháp tu hành.

Phật lại gọi một tiếng : ''A Dật Đa ! Ông hãy xem, chỉ khuyên một người đến đạo tràng nghe pháp, mà được công đức nhiều như thế. Hà huống là chuyên tâm nghe giảng, đọc tụng, ở trong đại chúng lại hay phân biệt vì người giải thích pháp tu hành, công đức đó càng rộng lớn.''

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, bằng kệ dưới đây.

Nếu người trong pháp hội
Được nghe kinh điển này

Cho đến một bài kệ
Tùy hỷ với người nói.
Như vậy lần lượt dạy
Đến người thứ năm mươi
Người cuối cùng được phước
Nay sẽ phân biệt nói.

Nếu như có người, ở trong pháp hội được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho đến một bài kệ, mà có sở tâm đắc, tùy hỷ đối với người khác giảng nói nghĩa lý bài kệ đó. Cứ như thế truyền dạy đến người thứ năm mươi, thì người đó đắc được phước báu như thế nào ? Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói, mong rằng các ông hãy lắng nghe.

Như có đại thí chủ
Bố thí vô lượng chúng
Tròn đủ tám mươi năm
Tùy ý muốn của họ.
Thấy họ tướng già nua
Tóc bạc và mặt nhăn
Răng rụng hình khô gầy
Nghĩ họ chết sắp đến.

Lần lượt nói ra, như có vị đại thí chủ, dùng đủ thứ của cải vật chất, để bố thí cho vô lượng vô số chúng sinh đã hơn tám mươi năm, tùy ý muốn cần dùng của họ, đều khiến cho họ mãn nguyện.

Vị đại thí chủ đó, thấy những chúng sinh đó đã già nua, tóc bạc mặt nhăn, răng rụng, hình hài khô gầy. Lại biết họ sống chẳng còn bao lâu, bèn khởi tâm thương xót, khiến cho họ thoát khỏi biển khổ sinh tử, đến được bờ Niết Bàn bốn đức : Thường, lạc, ngã, tịnh.

Nay ta nên dạy họ
Khiến cho được đạo quả
Bèn dùng phương tiện nói
Pháp Niết Bàn chân thật.
Đời đều chẳng lâu bền
Như bọt nước ngọn lửa
Các ông phải nên biết
Sớm sinh tâm nhàm lìa.

Bây giờ ta phải dạy họ pháp môn tu ra khỏi thế gian, khiến cho họ đều đắc được đạo quả A La Hán. Lập tức dùng phương tiện, vì họ nói từ sinh tử bờ bên này, vượt qua dòng phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia.

Tất cả sự tướng thế gian đều chẳng vững bền, đều hư vọng huyễn hóa chẳng thật. Giống như bọt nước ngọn

lửa đều vô thường. Các ông nên biết đều là không, đừng tham luyến hồng trần, hãy mau nhàm lìa thế giới Ta Bà, trở về ngôi nhà tự có sẵn; cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Mọi người nghe pháp đó
Đều đắc A La Hán
Đầy đủ sáu thần thông
Ba minh tám giải thoát.
Người năm mươi cuối cùng
Nghe bài kệ tùy hỷ
Người này phước hơn kia
Không thể ví dụ được.

Những chúng sinh đó, nghe pháp của vị đại thí chủ đó rồi, bèn phát tâm tu hành, sau đó hết thảy đều đắc được quả A La Hán. Họ có đủ sáu thần thông, sáu thần thông là gì ?

1). Thiên nhãn thông : Nhìn thấy được cảnh giới khoái lạc của trời người, lại thấy được tình hình thọ khổ dưới địa ngục, rõ ràng như xem truyền hình.

2). Thiên nhĩ thông : Chẳng những thấy được hành động của trời người, mà còn nghe được trời người nói chuyện, giống như nghe máy thu băng.

3). Tha tâm thông : Biết được trong tâm kẻ khác nghĩ việc gì.

4). Túc mạng thông : Quán sát được nhân duyên quá khứ, và nhân quả tương lai của chính mình và người khác.

5). Thần túc thông : Có thể hành động ở trong định, hoặc đi đứng ở trong hư không, đến đi tự tại, nhậm vận tự tại, chẳng bị điều kiện hạn chế nào.

6). Lậu tận thông : Tức là quét trừ tất cả phiền não, chẳng có mọi vọng tưởng. Các lậu đã sạch, chẳng thọ thân sau nữa. Ngoại đạo chỉ có năm thần thông, mà chẳng có lậu tận thông.

Lại có đủ ba minh và tám giải thoát. Ba minh :

1). Túc mạng minh.

2). Thiên nhãn minh.

3). Lậu tận minh.

Tức cũng là biết tướng sinh tử đời quá khứ của mình, và của người khác; lại biết tướng sinh tử vị lai của mình, và của kẻ khác; lại biết tướng khổ hiện tại, trí huệ đoạn sạch tất cả phiền não. Ba minh ở tại Phật là ba đạt, ở tại A La Hán là ba minh. Trí biết pháp hiển rõ là ba minh. Tám giải thoát đã giải thích ở trước rồi, chẳng cần nói nữa.

Lần lượt đến người thứ năm mươi, họ chỉ nghe được một bài kệ Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỷ công đức, thì đắc được phước báu, lớn hơn so với vị đại thí chủ gấp trăm

lần. Phước báu đó chẳng cách chi nói hết được, dù dùng ví dụ để hình dung, cũng chẳng nói được bờ mé của nó.

Lần lượt nghe như vậy
Phước đức còn vô lượng
Hà huống trong pháp hội
Người đầu nghe tùy hỷ.

Lần lượt nghe kinh như thế, còn được vô lượng phước báo, hà huống là người đầu tiên ở trong pháp hội nghe, mà tùy hỷ công đức, công đức của người đó càng lớn hơn. Các vị chú ý ! Phàm là nơi nào có giảng kinh thuyết pháp, mà tùy hỷ tham gia, thì nhất định có phước đức không thể nghĩ bàn.

Nếu khuyên được một người
Dẫn họ nghe Pháp Hoa
Nói kinh này thâm diệu
Ngàn vạn ức khó gặp.
Bèn nghe lời đến nghe
Cho dù nghe chốc lát
Phước báu của người đó
Nay sẽ phân biệt nói.

Nếu như có người dẫn họ đến đạo tràng (chùa) nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, và nói với họ : ''Kinh Pháp Hoa là kinh thâm áo vi diệu nhất, trong trăm nghìn vạn kiếp khó gặp được.'' Tóm lại, chẳng dễ gì gặp được cơ hội có người giảng Kinh Pháp Hoa. Cho nên, tôi khuyên các vị phải tùy hỷ nghe kinh, bất cứ người nào giảng kinh gì, ở trong phạm vi có khả năng, thì phải tham gia pháp hội, được phước báo chẳng nhỏ. Có cơm có thể không ăn, nhưng kinh thì không thể không nghe, có tư tưởng như thế, thì mới là tiêu chuẩn của Phật giáo đồ. Nên nhớ, không thể một bên thì nghe kinh, một bên thì khởi vọng tưởng, hoặc là ngủ gục, do đó có câu: ''Tâm chẳng chú ý, thì thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe.'' Pháp sư giảng giải nghĩa kinh mà chẳng hiểu biết. Tại sao như vậy ? Vì chẳng lọt vào tai.

Người đó nghe lời bèn đến đạo tràng nghe Kinh Pháp Hoa, dù trong thời gian rất ngắn, mà chuyên tâm nghe giảng, thì người đó đắc được phước báu, nay ta (Đức Phật) sẽ phân biệt nói cho ông (Bồ Tát Di Lặc) nghe.

Đời đời miệng chẳng bệnh
Răng chẳng thưa vàng đen
Môi chẳng dày co thiếu
Chẳng có tướng đáng chê.
Lưỡi chẳng khô đen ngắn

Mũi vừa cao lại thẳng
Trán rộng và bằng phẳng
Mặt mày rất đoan nghiêm.
Khiến người hoan hỷ thấy
Hơi miệng chẳng hôi thối
Thơm như hoa ưu bát
Thường từ trong miệng ra.

Người tùy hỷ nghe Kinh Pháp Hoa, đắc được phước báu đời đời miệng chẳng có bệnh, răng chẳng thưa, chẳng vàng, chẳng đen, rất ngay thẳng, đều trắng sạch. Bậc Thánh nhân có bốn mươi cái răng, phàm phu có ba mươi hai cái, Phật có bốn mươi cái răng. Bồ Tát Hoa Nghiêm (Đường Chứng Quán Quốc Sư) có bốn mươi cái răng. Có gì chứng minh Bồ Tát Hoa Nghiêm là Chứng Quán Sư, còn gọi là Thanh Lương Quốc Sư, Ngài là thầy của bảy vị vua nhà Đường. Tướng của Ngài rất trang nghiêm, chẳng những có bốn mươi cái răng, mà con mắt sáng như sao, ban đêm phóng quang, hai tay dài quá đầu gối, mắt nhìn một lần mười hàng, thiên sinh dị bẩm (trời sinh khác thường). Sau khi Ngài viên tịch, thì ở Ấn Độ có vị Tăng đã chứng đắc A La Hán, đến Trung Quốc hoằng dương Phật pháp, tục Phật huệ mạng, đi ngang qua Thông Lĩnh, đột nhiên thấy có hai đồng tử đằng vân đi qua, vị Tăng đó dùng thần thông chận hai vị đồng tử lại, mới hỏi họ đang

đi đâu ? Và có việc gì ? Hai vị đồng tử đáp : ''Chúng tôi đến Trung Quốc thỉnh răng của Bồ Tát Hoa Nghiêm về an trí tại Điện Văn Thù ở Ấn Độ để cúng dường.'' Vị Tăng hỏi : ''Ai là hóa thân của Bồ Tát Hoa Nghiêm ?'' Hai vị đồng tử đáp : ''Chứng Quán Quốc Sư.'' Nói xong hai vị đồng tử đằng vân mà đi.

Vị A La Hán đó đến Trường An, đem việc đó tấu rõ cho vua nghe, cho phép mở quan tài của Ngài Chứng Quán Quốc Sư, quả nhiên phát hiện thiếu hai cái răng cửa. Do đó, mọi người đủ biết Ngài Chứng Quán Pháp Sư là hóa thân của Bồ Tát Hoa Nghiêm, thừa nguyện đến để giáo hóa chúng sinh.

Người tùy hỷ Kinh Pháp Hoa thì môi chẳng dày, cũng chẳng mỏng, vừa đẹp. Lại chẳng co chẳng thiếu, rất đoan chánh, chẳng có tướng đáng chê. Lưỡi chẳng khô khan, chẳng đen xạm, chẳng ngắn nhỏ. Mũi vừa cao vừa thẳng, chẳng cong gãy. Trán thì rộng bằng phẳng. Mặt như trăng rằm, mắt màu xanh biếc, hoàn toàn trang nghiêm. Ngũ quan của người đó đoan chánh, ai ai cũng hoan hỷ thấy họ. Trong miệng của người đó, chẳng có hơi hôi thối, thường tỏa ra hương vị thơm của hoa ưu bát, vì thường đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

Nếu đi đến nhà Tăng
Muốn nghe Kinh Pháp Hoa
Hoan hỷ nghe chốc lát

Nay sẽ nói phước đó.
Sau sinh trong trời người
Được voi ngựa xe báu
Châu báu và kiệu cáng
Và ngồi cung điện trời.

Nếu như có người muốn nghe Kinh Pháp Hoa, mà đến chỗ của chư Tăng ở, dù nghe kinh này trong thời gian chốc lát, mà sinh tâm tùy hỷ, y giáo phụng hành, nay ta sẽ vì ông nói ra phước báu của họ đắc được. Sau khi người đó chết đi, chẳng sinh về cõi trời, thì sinh vào cõi người, được voi ngựa xe báu. Ở cõi trời thì được ở cung điện trời, đắc được phước báu như thế.

Nếu ở nơi giảng pháp
Khuyên người ngồi nghe kinh
Nhờ phước đó nên được
Tòa Thích Phạm chuyển luân.
Hà huống một lòng nghe
Giải nói nghĩa lý kinh
Như lời nói tu hành
Phước đó chẳng hạn lượng.

Nếu như ở chỗ giảng kinh thuyết pháp, mà khuyên họ ngồi xuống nghe kinh, do nhân duyên đó nên được phước báo, tương lai có thể ngồi ở chỗ ngồi của trời Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Đại Phạm Thiên Vương, hoặc chỗ ngồi của vua Chuyển Luân Thánh Vương. Hà huống tự mình chuyên tâm nghe kinh, giải nói được nghĩa lý của Kinh Pháp Hoa, y theo pháp nói trong Kinh Pháp Hoa mà tu hành, thì được phước báu không thể hạn lượng.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM CÔNG ĐỨC PHÁP SƯ
THỨ MƯỜI CHÍN

Pháp sư là gì ? Nói đơn giản là tinh thông Phật pháp, vì người làm thầy. Pháp sư có năm loại :

1). Thọ trì pháp sư : Đối với Phật pháp, thọ nơi tâm trì nơi thân, nghiêm cách thực tiễn.

2). Đọc kinh pháp sư : Đối với kinh điển, hằng ngày lấy sự đọc kinh làm sự tu trì.

3). Tụng kinh pháp sư : Học thuộc kinh điển, hằng ngày lấy sự tụng kinh làm sự tu trì.

4). Giải nói pháp sư : Vì chúng sinh mà giải thích nghĩa kinh, nói rõ đạo lý, khiến cho chúng sinh y pháp tu hành.

5). Biên chép pháp sư : Cung kính biên chép kinh điển, hoặc cúng nơi tháp miếu, khiến cho chúng sinh lễ bái, gieo trồng căn lành, hoặc ấn tống kinh điển, truyền

bá cho đời, khiến cho chúng sinh đọc tụng, chiếu theo nghĩa kinh mà tu hành. Tay tự biên chép kinh điển mới có công đức không thể nghĩ bàn.

Đầy đủ mười đức hạnh sau đây, thì là đại pháp sư :

1). Khéo biết nghĩa của pháp.
2). Rộng tuyên nói được.
3). Trong đại chúng chẳng sợ.
4). Biện tài vô ngại.
5). Khéo nói phương tiện.
6). Pháp tùy đức hạnh.
7). Oai nghi đầy đủ.
8). Dũng mãnh tinh tấn.
9). Thân tâm chẳng mệt.
10). Thành tựu nhẫn nhục.

Công đức là gì ? Hết việc ác là công, đầy việc lành là đức. Tức cũng là tu công đức có sở đắc. Lại có thể nói, công là chỉ hành vi thiện mà nói; đức là chỉ tâm lý thiện mà nói. Phẩm này nói rõ về công đức thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khiến cho sáu căn thanh tịnh, có công năng hổ dụng sáu căn.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì Kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc

biên chép, thì người đó sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một ngàn hai trăm công đức nơi ý, nhờ công đức đó, trang nghiêm sáu căn đều khiến cho thanh tịnh.

Đức Phật nói xong Phẩm Tùy Hỷ Công Đức, thì lúc đó, bảo đại Bồ Tát Thường Tinh Tấn rằng : ''Nếu người thiện nam, người thiện nữ, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc là đọc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì người đó được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, được tám trăm công đức nơi mũi, được một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi, được tám trăm công đức nơi thân, được một ngàn hai trăm công đức nơi ý.''

Sáu căn của chúng ta, mỗi một căn, đều có một ngàn hai trăm công đức, ở trước có ba trăm công đức, ở sau có ba trăm công đức, ở bên trái có ba trăm công đức, ở bên phải có ba trăm công đức, hợp lại có một ngàn hai trăm công đức. Có người hỏi : ''Tức nhiên mỗi một căn có một ngàn hai trăm công đức, tại sao con mắt chỉ có tám trăm công đức ?'' Vì cái thấy của con mắt chẳng viên mãn, thấy trước mà chẳng thấy sau, thấy bên trái chẳng

thấy bên phải, cho nên chỉ có tám trăm công đức. Lỗ tai có thể nghe được âm thanh trước sau, bên trái bên phải, chẳng có chướng ngại, đầy đủ viên mãn, cho nên có một ngàn hai trăm công đức. Lỗ mũi giữa sự hít vào thở ra có chỗ ngừng nghỉ, cho nên chỉ có tám trăm công đức. Lưỡi nếm mùi vị công đức đầy đủ viên mãn, cho nên có một ngàn hai trăm công đức. Thân thể có xúc giác thuận nghịch hai duyên, nghịch thì chẳng thích xúc trần, thuận thì thích xúc trần. Giữa thuận và nghịch thiếu bốn trăm công đức. Ý thức có tư tưởng, có phân biệt, đầy đủ viên mãn cho nên có một ngàn hai trăm công đức.

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa có sáu ngàn công đức, để trang nghiêm sáu căn, khiến cho sáu căn đều được thanh tịnh. Mắt thấy rõ, tai thính, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tốt đẹp, ý thông đạt, đắc được phước báu thù thắng.

Phẩm này, dùng Bồ Tát Thường Tinh Tấn làm đương cơ chúng. Nếu muốn có công đức, thì phải thường tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày tinh tấn, đêm tinh tấn, thời thời siêng tinh tấn. Nếu chẳng tinh tấn thì chẳng có công đức, cho nên người tu đạo, phải ngày đêm sáu thời thường tinh tấn.

Người thiện nam, người thiện nữ đó, mắt thịt cha mẹ sinh ra, thấy ba ngàn đại thiên thế giới, trong ngoài hết thảy núi rừng,

sông biển, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, cũng thấy tất cả chúng sinh trong đó, và nghiệp nhân duyên quả báo, nơi sinh đều thấy đều biết.

Người thiện nam, hoặc người thiện nữ đó, nhờ mắt thanh tịnh của cha mẹ sinh ra, thấy trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, hết thảy núi rừng và sông biển. (Tứ quả A La Hán mới nhìn thấy được ba ngàn đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới là một cõi Phật. Sơ địa Bồ Tát thấy được một trăm cõi Phật).

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, có thể thấy dưới địa ngục A Tỳ. Địa ngục này, là ở tầng dưới nhất địa ngục bát nhiệt. Tại sao gọi là địa ngục vô gián ? Vì địa ngục này chẳng có không gian, một người cũng đầy chật ních, chẳng có lỗ trống; một vạn người cũng đầy chật ních. Vô gián có năm thứ :

1). Thú quả vô gián.
2). Thọ khổ vô gián.
3). Thời vô gián.
4). Mạng vô gián.
5). Thân hình vô gián.

Tóm lại, đọa lạc vào địa ngục vô gián, thì thời gian thọ khổ chẳng có gián đoạn, trừ khi gặp hào quang của

Phật chiếu đến, bằng không, thì chẳng cách chi có thể ra được.

Có người hỏi : ‘’Phạm tội nghiệp gì thì đọa lạc vào địa ngục này ?‘’ Chúng sinh phạm đại tội ngũ nghịch, thì sẽ đọa vào địa ngục này. Ngũ nghịch là gì ? Tức là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu (phá hoại tượng Phật), và phá hòa hợp Tăng. Phạm một tội nghịch, thì sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Vị pháp sư đó, trên có thể nhìn thấy trời Hữu Đỉnh (từng trời cao nhất trong tam giới), tức cũng là trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Dùng định lực để khống chế thức thứ tám. Tựa như hết gọi là phi tưởng, định lực giao động, thì thức thứ tám tựa như tồn tại, nên gọi là phi phi tưởng. Ngoại đạo cho rằng, cõi trời này là cảnh giới cao nhất, song chẳng cứu kính, vẫn còn sinh tử.

Vị pháp sư đó, có thể nhìn thấy địa ngục vô gián, và cõi trời Hữu Đỉnh, hết thảy chúng sinh ở trong đó hành động làm gì, nghiệp nhân duyên quả báo, nơi sinh đều thấy biết rõ ràng. Vị pháp sư đó, tuy chưa chứng được thiên nhãn thông, nhưng nhờ mắt thịt của cha mẹ sinh ra, mà có thể thấy tất cả cảnh giới. Đó là nguyên nhân gì ? Do thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa lý ở trên, bèn dùng kệ để nói ra.

Nếu ở trong đại chúng
Chẳng có tâm sợ sệt
Nói Kinh Pháp Hoa này
Ông lắng nghe công đức.

Nếu như ở trong đại chúng chẳng có tâm sợ sệt, mới có thể giảng giải Kinh Pháp Hoa cho đại chúng nghe. Nếu sinh tâm sợ sệt, thì không thể nào giảng được Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Ông phải lắng nghe công đức của vị pháp sư đó, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nay ta vì ông mà nói.

Người đó được tám trăm
Công đức mắt thù thắng
Nhờ vậy mà trang nghiêm
Con mắt rất thanh tịnh.

Vị pháp sư đó, đắc được tám trăm công đức nơi mắt, chứng được con mắt thù thắng, thấy được trong ngoài tất cả ba ngàn đại thiên thế giới, chẳng cần có thiên nhãn thông. Vì có công đức này trang nghiêm, cho nên con mắt của vị đó rất thanh tịnh.

Mắt cha mẹ sinh ra
Thấy được ba ngàn cõi
Trong ngoài núi Di Lâu
Tu Di và Thiết Vi.
Và các núi rừng khác
Nước biển cả sông ngòi.

Mắt thịt do cha mẹ sinh ra, có thể thấy được cảnh giới trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới. Giống như núi Di Lâu (núi Quang Minh), núi Tu Di (núi Diệu cao), núi Thiết Vi (núi Vi ở ngoài bốn đại châu) và các núi rừng khác, nước biển cả sông ngòi, thảy đều nhìn thấy rất rõ ràng.

Dưới đến ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đỉnh
Các chúng sinh trong đó
Hết thảy đều thấy rõ.
Tuy chưa được thiên nhãn
Sức nhục nhãn như thế.

Vì đắc được con mắt thanh tịnh, cho nên dưới có thể nhìn thấu địa ngục vô gián, trên có thể nhìn thấy cõi trời Hữu Đỉnh, tất cả chúng sinh trong đó, từng cử chỉ nói năng hành động, đều thấy rất rõ ràng. Tuy chưa chứng

được thiên nhãn thông, nhưng sức mắt thịt của cha mẹ sinh ra cũng được như thế.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi tai. Nhờ tai thanh tịnh, nên nghe được tất cả các thứ tiếng, trong ba ngàn đại thiên thế giới, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, trong đó hết thảy các thứ lời nói âm thanh, đều nghe rõ hết.

Đức Phật lại gọi một tiếng Thường Tinh Tấn ! Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc đọc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì người đó đắc được một ngàn hai trăm công đức nơi tai, nhờ lỗ tai thanh tịnh, mà nghe được tất cả âm thanh, trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, dưới đến địa ngục vô gián, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, trong đó hết thảy các thứ âm thanh lời nói, thảy đều nghe được, chẳng những rõ ràng, mà còn có thể phân biệt được là âm thanh gì.

Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng bò, tiếng xe, tiếng khóc lóc, tiếng vui buồn, tiếng pháp loa, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng người nam, tiếng người nữ, tiếng đồng tử, tiếng đồng nữ, tiếng pháp, tiếng phi pháp, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng phàm phu, tiếng Thánh nhân, tiếng hoan hỷ, tiếng không hoan hỷ.

Giống như tiếng voi rống kêu, tiếng ngựa hí kêu, tiếng bò, tiếng xe, tiếng khóc lóc, tiếng buồn vui, tiếng pháp loa, tiếng trống pháp, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng người nam, tiếng người nữ, tiếng đồng nam, tiếng đồng nữ, tiếng như pháp, tiếng phi pháp, tiếng thống khổ, tiếng vui vẻ, tiếng phàm phu, tiếng Thánh nhân, tiếng hoan hỷ, tiếng bi ai. Những thứ tiếng như thế, vị pháp sư đó thụ trì Kinh Pháp Hoa, thảy đều nghe được, lại có thể phân biệt rõ ràng.

Tiếng trời, tiếng rồng, tiếng Dạ Xoa, tiếng Càn Thát Bà, tiếng A Tu La, tiếng Ca Lâu La, tiếng Khẩn Na La, tiếng Ma Hầu La Già, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, tiếng địa ngục, tiếng súc sinh, tiếng ngạ quỷ.

Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, có thể nghe được tiếng ở trên trời. Người tu hành pháp năm giới và thập thiện, thì sau khi chết sẽ được sinh về cõi trời, hưởng thọ khoái lạc sung sướng, song phước trời hết, thì phát hiện năm tướng suy, vẫn phải đọa lạc thọ sinh tử trong luân hồi.

Năm hiện tượng suy là gì ? Tức là :

1). Mũ hoa trên đầu héo úa : Người trời đội cái mũ trên đầu được làm bằng hoa tươi, vĩnh viễn tươi tốt, thanh tịnh chẳng bụi bặm. Khi sắp hết tuổi thọ, thì mũ hoa tự nhiên héo úa.

2). Quần áo dơ bẩn : Quần áo của người trời mặc rất sạch sẽ, chẳng cần giặt. Vì ở trên trời sạch sẽ chẳng có bụi bặm. Khi tuổi thọ sắp hết, thì quần áo tự nhiên dơ bẩn.

3). Hai nách ra mồ hôi : Vì trên trời mát mẻ, người trời vĩnh viễn chẳng ra mồ hôi. Khi tuổi thọ sắp hết, thì dưới nách ra mồ hôi.

4). Thân thể tỏa mùi hôi : Thân của người trời thường tỏa mùi thơm, thiện nhiều thì tỏa mùi thơm nhiều, thiện ít thì tỏa mùi thơm ít, mùi thơm gấp mấy lần đầu thơm ở nhân gian. Khi tuổi thọ sắp hết thì tỏa ra mùi hôi, như mùi tử thi, khiến cho người trời khác không dám lại gần.

5). Ngồi chẳng yên : Người trời thường ngồi thiền, chẳng động chỗ ngồi, cơm áo một khi nghĩ đến là có liền, do đó có câu :

''Nghĩ quần áo thì quần áo đến
Nghĩ món ăn thì món ăn đến.''

Quần áo chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng rộng chẳng chật, vừa với thân thể. Thức ăn chẳng nhiều chẳng ít, chẳng mặn chẳng lạt hợp với khẩu vị. Nghĩ muốn đi đến đâu thì sẽ đi đến đó. Vì người trời có thần túc thông, toại tâm sở dục, chẳng bị gì hạn chế. Nhưng khi tuổi thọ sắp hết, thì chẳng có định lực, biết đã phát sinh bốn thứ hiện tượng, tâm thần tán loạn, ngồi chẳng yên, ngồi xuống đứng dậy, bèn đọa lạc vào trong luân hồi, đi thọ sinh tử, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đầu thai làm người, chẳng nhất định mà tùy theo nghiệp lực quyết định.

Các bạn đừng cho rằng, sinh về cõi trời là có bảo hiểm, chẳng tu hành ngồi thiền, như thế thì rất dễ đọa lạc vào ba đường ác. Dù Thích Đề Hoàn Nhân (Ky tô giáo xưng là Thượng Đế, Đạo giáo xưng là Ngọc Hoàng Đại Đế, Thiên Chúa giáo xưng là Thiên Chúa) cũng không thể tránh khỏi, chiếu theo nghiệp lực mà đi đầu thai.

Hôm nay, tôi kể một câu chuyện về Thiên Chúa cõi trời Đao Lợi. Một ngày nọ phát hiện mình có năm tướng suy, buồn rầu vô hạn, đột nhiên nghĩ tới Đức Phật Thích Ca có thể có biện pháp giải cứu. Bèn đến chỗ Đức Phật nói rõ lai ý. Đức Phật nói với ông ta : ''Định nghiệp đã tạo, chẳng cách chi cải được. Con phải quy y Tam Bảo, rồi đi đầu thai để tiêu nghiệp chướng, rồi trở về Thiên cung làm Thiên Chúa.'' Thiên Chúa bèn đến nhân gian

đầu thai làm lừa. Lừa mẹ mang thai rồi sơ ý đạp bể đồ sứ của chủ nhân. Chủ nhân nổi giận dùng gậy đánh con lừa, do đó mà sẩy thai. Thiên Chúa trở về thiên cung làm Thiên Chúa. Từ đó về sau kính tin Phật pháp, trở thành thần hộ pháp của Phật giáo.

Vị pháp sư đó lại nghe được tiếng rồng. Trong quá khứ, rồng tu hành vì "thừa cấp giới hoãn", cho nên có thần thông, nhưng là súc sinh. Vị pháp sư đó, nghe đến tiếng người thì biết tiền nhân hậu quả, hoặc quá khứ là thân rồng, bây giờ là thân người, cũng có thể bây giờ là thân người, vị lai là thân rồng. Một khi nghe tiếng thì biết tiền nhân hậu quả.

Tiếng Dạ Xoa dịch là "Tiệp tật quỷ", loài quỷ này có ba loại :

1). Địa hành Dạ Xoa : Không bay được nhưng chạy rất nhanh.

2). Không hành Dạ Xoa : Bay được.

3). Thiên hành Dạ Xoa : Cũng bay được. Chúng thường làm nhiễu loạn người. Sau khi chúng quy y Phật rồi, bèn trở thành thần hộ pháp, bảo vệ an toàn những người tu đạo.

Tiếng Càn Thát Bà : Dịch là "thần ngửi hương", chúng chẳng ăn mặn mà ăn chay, thích ngửi mùi hương. Khi Trời Đế Thích có pháp hội lớn, thì đốt hương ngưu đầu chiên đàn, chúng ngửi hương mà đến Diệu Pháp Đường, để diễn tấu âm nhạc, biểu diễn ca múa, khiến cho chư thiên đều hoan hỷ.

Tiếng A tu la : Dịch là "vô đoan chánh". Tướng mạo người nam A tu la, xấu xí vô cùng, ngũ quan chẳng đoan chánh, cho gọi là vô đoan chánh. Song, người nữ A tu la rất đẹp, cho nên vợ của Thích Đề Hoàn Nhân, là con gái của vua A tu la. Do đó đủ thấy, người nữ A tu la rất đẹp, nếu không thì Thích Đề Hoàn Nhân tuyệt đối chẳng cưới người nữ A tu la làm vợ. Chúng có phước trời, mà chẳng có đức trời, tính tình thích đấu tranh. Vị pháp sư đó, một khi nghe tiếng thì biết quả báo ba đời.

Tiếng Ca Lâu La : Dịch là "chim cánh vàng". Vì cánh của nó màu vàng, chuyên ăn rồng.

Tiếng Khẩn Na La : Dịch là "nghi thần", vì trên đầu có một sừng, khiến cho người hoài nghi, nên gọi là nghi thần. Chúng là thần nhạc của trời Đế Thích, diễn tấu nhạc khúc trang nghiêm, khiến cho người nghe, sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Tiếng Ma Hầu La Già : Dịch là "thần mãng xà", còn gọi là "đại phục hành". Trước khi chúng chưa quy y Phật, thì chuyên phóng khí độc để hại người, hại súc vật để làm thức ăn. Sau khi quy y Phật rồi, cải tà quy chánh, trở thành thần hộ pháp.

Ở trên là Thiên long bát bộ, ai nấy đều có nhân quả riêng. Các thứ tiếng đó, pháp sư giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đều biết đều thấy rõ ràng.

Tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, vị pháp sư đó nghe, thì biết được nhân quả ba đời. Hoặc ở trong quá khứ đã phát sinh tai nạn gì ? Hoặc hiện tại muốn phát sinh tai

nạn gì ? Hoặc vị lai sẽ phát sinh tai nạn gì ? Biết rất rõ ràng. Vì đắc được công đức thọ trì Kinh Pháp Hoa gia trì, nên mới có sức thần thông như thế.

Tiếng địa ngục, tiếng súc sinh, tiếng ngạ quỷ, vị pháp sư đó, khi nghe đến âm thanh của người đó, thì biết kiếp trước là gì ? Hoặc vị lai là gì ? Đều biết trước, tơ hào chẳng sai.

Trước khi chúng ta ăn cơm phải niệm :

''Phật chế Tỳ Kheo,
Thực tồn ngũ quán,
Tán tâm tạp thoại,
Tín thí nan tiêu.''

Nghĩa là : ''Phật dạy hàng Tỳ Kheo, khi ăn phải quán năm điều, nếu phóng tâm nói bậy, thì thức ăn của đàn na thí chủ khó tiêu.''

Năm điều quán tưởng là :

1). Kế công đa thiểu, lượng bỉ lai xứ. Nghĩa là : Xem xét công lao bao nhiêu, thức ăn từ đâu đến !

2). Thổn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng. Nghĩa là : Tính xem đức hạnh của mình, có xứng đáng thọ dùng chăng !

3). Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông. Nghĩa là : Phòng ngừa tâm tạo tội, tham lam là gốc.

4). Chánh sự lương dược, vi liệu hình khô. Nghĩa là : Xem thức ăn như thuốc hay, để cho thân thể khỏi kiệt sức.

5). Vi thành đạo nghiệp, ứng thọ thử thực. Nghĩa là : Quyết thành đạo nghiệp, mới thọ cơm này. Nếu có sự quán tưởng năm điều này, thì thức ăn chắc chắn sẽ tiêu hóa. Nếu chẳng quán tưởng năm điều này, thì chắc khó mà tiêu hóa, do đó có câu :

''Tam tâm bất liễu thủy nan tiêu,
Ngũ quán nhược minh kim dịch hóa.''

Nghĩa là : Nếu ba tâm chẳng rõ, thì dù uống một ly nước của thí chủ, cũng chẳng tiêu hóa đặng. Nếu minh bạch năm điều quán tưởng này, thì dù một bữa ăn đáng giá một cân vàng, cũng tiêu hóa dễ dàng. Cho nên người xuất gia khi ăn cơm trưa, thì phải niệm chú cúng dường.

Người xưa có câu rằng :

''Thí chủ nhất lạp mễ
Trọng như Tu Di sơn,
Thực hạ bất liễu đạo
Phi mao đãi giác hoàn.''

Nghĩa là :

Hột gạo thí chủ cho,
Nặng như núi Tu Di,
Ăn xong chẳng tu đạo,
Mang sừng đội lông trả.

Các vị hãy xem ! Ăn cơm mà chẳng tu hành, thì tội lỗi lớn cỡ nào ! Tương lai phải biến làm trâu làm ngựa để trả nợ, thật là đáng sợ. Các vị phải nhận thức rõ ràng quả báo đó, không thể nương Phật mặc y, dựa Phật ăn cơm, tương lai tội lỗi không thể tưởng tượng được.

Tiếng Tỳ Kheo, tiếng Tỳ Kheo ni, tiếng Thanh Văn, tiếng Bích Chi Phật, tiếng Bồ Tát, tiếng Phật.

Tiếng Tỳ Kheo : Tỳ Kheo dịch là "khất sĩ", bên ngoài khất thực để (nuôi) dưỡng sắc thân, bên trong khất pháp để nuôi huệ mạng. Người Trung Quốc gọi Tỳ Kheo là hòa thượng. Đời sống của hòa thượng làm những việc mà người không làm được, nhẫn những việc mà người chẳng nhẫn được, tu nhẫn nhục Ba la mật, tuyệt đối chẳng nóng giận, thanh tâm quả dục, đời sống đạm bạc, đối với đời chẳng tranh, đối với người chẳng cầu. Chỉ cầu giải thoát tự tại, cho nên chẳng tham tiền tài, chẳng kết hôn, chẳng cầu danh lợi, chẳng ăn thịt, chẳng ngủ nhiều, chẳng luyến ái năm dục, chuyên tâm tu đạo, thì dễ dàng thành tựu. Do đó, mới nói người xuất gia là làm việc của bậc trượng phu, chẳng phải một số người làm được.

Tiếng Tỳ Kheo Ni : Người nữ xuất gia tu hành gọi là Ni sư. Tôn giả A Nan khẩn cầu Đức Phật cho phái nữ xuất gia tu đạo, nhưng phải giữ tám pháp kính. Vị pháp sư

đó khi nghe tiếng của họ, thì biết nhân quả ba đời, hoặc trong quá khứ là người xuất gia, hoặc hiện tại là người xuất gia ? Hoặc vị lai muốn xuất gia ? Thấu rõ tỷ mỉ.

Tiếng Thanh Văn : Các Ngài nghe Phật nói pháp tứ diệu đế mà ngộ đạo, cho nên gọi là Thanh Văn. Song, các Ngài tự độ mà chẳng độ kẻ khác, tự giác mà chẳng giác ngộ kẻ khác, tự lợi mà chẳng lợi ích kẻ khác, cho nên làm tự liễu hán. Tư tưởng của tiểu thừa là chẳng lo việc của kẻ khác, do đó có câu :

''Ma ha tát bất quản tha,
Di Đà Phật các cố các.''

Đó là tác phong của người thiểu thừa.

Tiếng Bích Chi Phật : Tức cũng là Duyên Giác, quán sát mười hai nhân duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác. Khi có Phật ra đời gọi là Duyên Giác, lúc Phật không ra đời gọi là Độc Giác. Các Ngài ở trong thâm sơn cùng cốc, nghiên cứu lý vạn vật sinh diệt, mùa xuân quán trăm hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi, giác ngộ tất cả là vô thường, chẳng có thầy dạy mà chứng được chân lý, liễu sinh thoát tử.

Tiếng Bồ Tát : Các Ngài tu lục độ vạn hạnh, hành Bồ Tát đạo, rộng cứu giúp chúng sinh lìa khổ được vui, mới đảo giá từ thuyền, từ cõi Thường Tịch Quang mà đến thế giới Ta Bà, để phổ độ chúng sinh, và còn phát đại nguyện :

"Chúng sinh độ hết mới chứng bồ đề".

Lại nói :

''Địa ngục chưa trống không,
Thề không thành Phật.''

Lại nói :

''Ta chẳng vào địa ngục thì ai vào ?''

Thật là tinh thần vĩ đại biết bao ! Chúng ta là người xuất gia, phải học theo Bồ Tát Địa Tạng, phải có tâm từ bi. Trong Phật giáo có hai câu rằng :

''Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi.''

Phải hướng theo con đường này tiến tới, dù gặp gian nan khó khăn, cũng chẳng hồi đầu, phải đạt đến mục đích, chẳng còn chúng sinh để độ thì ngừng. Tư tưởng đại thừa là vì người mà chẳng vì mình do đó :

''Xả mình cứu người.''

Có hành vi như thế, thì mới chân chánh là Phật giáo đồ. Bằng không, thì từ bi là khẩu đầu thiền, nói mà làm chẳng được, đi ngược lại trách nhiệm và nghĩa vụ của người xuất gia.

Tiếng Phật : Phật là người giác ngộ, vì ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp trồng tướng tốt, cho nên đắc được ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Đức Phật đã viên mãn ba giác, đầy đủ vạn

đức, được hết thảy trời người tôn kính, cho nên gọi là Thế Tôn.

Người xuất gia tu đạo, phải tu phước và tu huệ, không thể thiên lệch. Nếu chỉ chuyên tu một bên, thì công đức chẳng thể viên mãn, do đó có câu :

‘’Tu phước chẳng tu huệ,
Làm voi mang chuỗi hạt;
Tu huệ chẳng tu phước,
Khất thực ôm bát không.’’

Tu phước như thế nào ? Tức là làm nhiều công đức, cứu tế người khổ nạn. Tu huệ như thế nào ? Là giảng kinh thuyết pháp, ấn tống kinh điển lưu truyền.

Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, một khi nghe được tiếng này, thì biết nhân quả ba đời. Hoặc là tiếng Thanh Văn, hoặc là tiếng Bích Chi Phật, hoặc là tiếng Bồ Tát, hoặc là tiếng Phật. Đây là tiếng của bốn bậc Thánh, hoàn toàn biết rõ và còn phân tích rất rõ ràng, tuyệt đối chẳng lầm.

Tóm lại, trong ba ngàn đại thiên thế giới, hết thảy tất cả các thứ tiếng trong ngoài, tuy chưa được thiên nhĩ, dùng tai thường thanh tịnh của cha mẹ sinh ra, thảy

đều nghe biết. Phân biệt các thứ tiếng như vậy, mà chẳng hư nhĩ căn.

Tóm lại, hết thảy tất cả các thứ tiếng trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới. Vị pháp sư đó, tuy chưa chứng được thiên nhĩ thông, song dùng tai bình thường thanh tịnh của cha mẹ sinh ra, đều hoàn toàn nghe biết. Phân biệt các thứ âm thanh như thế, mà chẳng phá hoại nhĩ căn. Vì chẳng bị thanh trần sở chuyển, cho nên chẳng hư nhĩ căn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật bi tâm thiết thiết, muốn dùng kệ nói lại nghĩa lý trường hàng ở trên.

Tai cha mẹ sinh ra
Thanh tịnh chẳng ô nhiễm
Dùng tai thường này nghe
Tiếng ba ngàn thế giới.

Pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dùng tai thịt của cha mẹ sinh ra rất thanh tịnh, chẳng ô trược cấu uế. Dùng tai bình thường này, nghe các thứ tiếng trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới rất rõ ràng.

Tiếng voi ngựa xe trâu
Tiếng chuông linh loa trống
Tiếng cầm sắt không hầu
Tiếng ống tiêu ống địch.

Hoặc là tiếng voi, hoặc tiếng ngựa, hoặc tiếng xe, hoặc tiếng trâu. Hết thảy tiếng chuông, tiếng linh, tiếng loa, tiếng trống, cũng phân biệt được dễ dàng. Và tiếng cầm (đờn năm dây hoặc bảy dây), tiếng không hầu (đờn hai mươi ba dây), tiếng ống tiêu (sáo thổi dọc trước có năm lỗ, sau có một lỗ), tiếng ống địch (sáo thổi ngang có bảy lỗ), đủ thứ tiếng nhạc khí. Vị pháp sư đó, hoàn toàn đều nghe được, lại phân biệt được rõ ràng là tiếng khí cụ gì.

Tiếng ca hay thanh tịnh
Nghe mà chẳng chấp trước
Tiếng vô số loại người
Nghe thảy đều hiểu rõ.

Tiếng ca thanh tịnh êm tai, nhưng sau khi nghe rồi, chẳng chấp vào tiếng ca. Bất cứ tiếng ca của loại người nào, vị pháp sư đó đều phân biệt hiểu rõ, chẳng có ngôn ngữ chướng ngại không thông.

Lại nghe tiếng chư Thiên

Âm thanh ca vi diệu
Và nghe tiếng nam nữ
Tiếng đồng tử đồng nữ.

Vị pháp sư đó, lại nghe được âm thanh của chư Thiên, lại nghe được tiếng ca vi diệu, lại nghe được tiếng của con trai con gái, lại nghe được tiếng của đồng nam đồng nữ. Tóm lại, bất cứ là tiếng gì đều nghe được hết, và còn phân biệt được rất rõ ràng.

Trong núi sông hang hiểm
Tiếng ca lăng tần già
Cộng mệnh các thứ chim
Đều nghe rõ các tiếng.

Ở trong núi sông hang cốc, có tiếng của chim ca lăng tần già, tiếng hót rất là êm tai, còn gọi là tiên điểu (tiên của loài chim) phát ra âm thanh rất hay, chẳng phải một số người có thể nghe được. Chim cộng mệnh có hai cái đầu, hai cái mỏ, đồng thời ăn uống, đồng thời hót. Tất cả tiếng hót của mọi loài chim, vị pháp sư đó hoàn toàn nghe được hết.

Các thống khổ địa ngục
Đủ thứ tiếng rên la
Quỷ đói khát bức bách

Tiếng tìm cầu ăn uống.

Địa ngục có địa ngục bát nhiệt, địa ngục bát hàn, mười tám địa ngục .v.v... Trong địa ngục đủ thứ tiếng khổ sở, vị pháp sư đó đều nghe được. Tiếng ngạ quỷ đói khát bức bách, tiếng đi khắp nơi tìm cầu ăn uống, vị pháp sư đó đều nghe được. Ngạ quỷ vì nghiệp lực chiêu cảm, cổ nhỏ như kim, bụng to như trống, chẳng khi nào ăn no. Tại sao ? Vì thức ăn vào miệng, thì biến thành lửa than, thấy nước là máu, chẳng uống đặng, cho nên gọi là ngạ quỷ (quỷ đói). Nguyên nhân gì mà làm quỷ đói ? Vì người đó lúc còn sống, phỉ báng Tam Bảo, phá hoại Tam Bảo, cho nên chết rồi đọa làm quỷ đói. Tôn giả Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất. Một ngày nọ, Ngài đi tìm mẹ của Ngài sau khi chết sinh về đâu ? Thì phát hiện mẹ của Ngài đọa làm ngạ quỷ, thân gầy như cây củi, rất đáng thương xót. Tôn giả mới mang bát cơm đến cho mẹ của Ngài dùng, bất hạnh cơm lại biến thành lửa than, chẳng cách chi nuốt xuống được. Tôn giả thấy như vậy đau đớn rơi lệ, đến hỏi Đức Phật : ''Đó là nhân duyên gì ?'' Phật bảo rằng : ''Vì mẹ của ông lúc còng sống, thì chẳng những chẳng tin Phật pháp, mà còn hủy báng, cho nên phải thọ khổ treo ngược.'' Phật lại nói : ''Vào ngày rằm tháng bảy, ngày chư Tăng tự tứ, ông nên sắm trăm thứ vật để cúng dường chư Tăng, thỉnh chư Tăng tụng kinh trì chú. Nhờ công đức đó, chẳng những mẹ của ông được cứu, mà cha mẹ bảy đời quá khứ cũng được cứu.'' Do đó, hàng năm mỗi chùa

đều cử hành lễ Vu Lan (dịch là giải đảo huyền, mở trói treo ngược), siêu độ cha mẹ bảy đời, lìa khổ được vui.

Các A tu la thảy
Ở ven cạnh bờ biển
Khi chúng cùng nhau nói
Vang ra âm thanh lớn.

Hết thảy A tu la, tính nóng giận rất lớn, chẳng có công phu hàm dưỡng; cho nên thích đấu tranh. Chúng ở ven cạnh bờ biển, khi cùng nhau nói chuyện, thì phát ra âm thanh rất lớn. Vì chẳng có tâm từ bi, chỉ có tâm cừu hận.

Người giải nói kinh này
An trụ vào nơi nghe
Nghe xa các tiếng đó
Mà chẳng hư căn tai.

Vị pháp sư giải nói Kinh Pháp Hoa, an trụ nơi từ bi, hay nghe được tất cả các thứ tiếng rất xa, mà chẳng hư căn tai, vì nhờ công đức thuyết pháp gia trì.

Trong mười phương thế giới
Tiếng cầm thú kêu la
Người đó hay nói pháp

Hoàn toàn nghe được hết.

Trong mười phương tất cả thế giới, hết thảy loài phi cầm, và tẩu thú tranh nhau kêu la, vị pháp sư đó nói pháp, đều hoàn toàn nghe được hết mọi thứ tiếng rất rõ ràng.

Trên các trời Phạm Thiên
Quang Âm và Biến Tịnh
Cho đến trời Hữu Đỉnh
Lời nói và âm thanh.
Pháp sư ở tại đây
Thảy đều nghe được hết.

Sắc giới trời Đại Phạm, đã lìa khỏi tâm dâm dục của dục giới, ở đó rất yên tĩnh lại thanh tịnh. Thiên chủ tên Thi Khí tin sâu chánh pháp. Mỗi khi có Phật ra đời, thì ông ta đầu tiên đến thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp. Bà la môn giáo sùng bái trời Phạm Thiên, cho rằng Bà la môn là từ miệng của trời Phạm Thiên sinh ra, là người tôn quý nhất, xưng là quý tộc. Sát đế lợi (vua chúa) là từ vai của trời Phạm Thiên sinh ra, cho nên thống trị nhân dân toàn quốc. Phệ xá (công thương nông) là từ ngực của trời Phạm Thiên sinh ra, hay sinh sản tất cả vật ứng dụng. Thủ đà (nô lệ) là người hạ tiện nhất, xưng là tiện tộc, chẳng có tự do tín ngưỡng tôn giáo, chẳng có quyền lực về chính trị, giáo dục, kinh tế, đối đãi đều bất bình đẳng.

Trời Quang Âm là trời thứ ba của nhị thiền, cõi trời này chẳng những thân tâm phóng quang thay thế cho lời nói, mà còn phóng trí huệ quang để giáo hóa chúng sinh. Truyền thuyết nói rằng, tổ tiên của địa cầu là từ Trời Quang Âm đến. Người ở cõi này thích đi du hành, đến khắp nơi tham quan. Một lần nọ, đến quả địa cầu (thời kiếp thành) phát hiện một thứ nước như sữa bò rất ngon ngọt thơm mát, giống như nước cam lồ. Nhất thời, khởi tâm tham mà uống quá lượng, do đó mà mất đi thần túc thông, không thể trở về trời Quang Âm, bèn ở lại quả địa cầu trở thành tổ tiên của nhân loại.

Trời Biến Tịnh là trời thứ ba của tam thiền. Cõi trời này, đã đắc được khoái lạc phổ biến thanh tịnh, tuy nhiên diệu lạc vô cùng nhưng là sự vui hữu lậu. Một số hành giả cho rằng đó là nơi an thân lập mạng, tham đồ khoái lạc, mà quên đi ngôi nhà thanh tịnh, dễ bị đọa lạc. Người chân chánh tu hành thì chẳng ở cõi trời này hưởng thụ, cấp tốc ra khỏi cõi trời này đến trời tứ thiền.

Đến cõi Trời Hữu Đỉnh có hai lối, một là con đường chánh : Người tu định vô lậu thì có thể chẳng đến Trời Quảng Quả mà tiến vào Trời Ngũ Bất Hoàn. Một lối nữa là đường tà : Người tu định vô tưởng thì có thể đến Trời Vô Tưởng (Trời Trường Thọ), đây là chỗ của ngoại đạo ở, chẳng phải là chỗ cứu kính. Tạm thời tịch nhiên bất động, khi định lực nhiếp trì chẳng đủ, thì tự nhiên sẽ đọa

vào trong luân hồi thọ sinh tử. Giống như đạo lý "đá đè cỏ, băng phủ lên cá".

Chư Phật đấng Đại Thánh
Giáo hóa các chúng sinh
Ở trong các đại hội
Diễn nói vi diệu pháp.
Người trì Kinh Pháp Hoa
Hoàn toàn đều nghe được.

Mười phương chư Phật là đấng Đại Thánh, giáo hóa tất cả chúng sinh. Ở trong tất cả pháp hội diễn nói vi diệu pháp, vì thật thí quyền, khai quyền hiển thật. Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đều hoàn toàn nghe được.

Ba ngàn đại thiên giới
Trong ngoài các thứ tiếng
Dưới đến ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đỉnh
Đều nghe được tiếng đó
Mà chẳng hư căn tai.

Trong ba ngàn đại thiên thế giới trong và ngoài, hết thảy tất cả thứ tiếng, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi

trời Hữu Đỉnh. Vị pháp sư đó, đều nghe được các thứ tiếng đó, mà chẳng hư hoại căn tai.

Vì căn tai thông lợi
Đều phân biệt biết được
Người trì Pháp Hoa này
Tuy chưa được thiên nhĩ
Dùng tai cha mẹ sinh
Công đức đã như thế.

Vì căn tai của vị pháp sư đó rất thông lợi, cho nên phân biệt biết được. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, tuy chưa chứng được thiên nhãn thông, nhưng dùng tai thịt cha mẹ sinh ra, có thể nghe được tất cả thứ tiếng. Tại sao ? Do công đức thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Ngũ nhãn là: Nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Do đó có câu :

‘’Thiên nhãn thông phi ngại,
Nhục nhãn ngại phi thông,
Pháp nhãn duy quán tục,
Huệ nhãn liễu chân không,
Phật nhãn như thiên nhật,
Chiếu dị thể hoàn đồng,
Viên minh pháp giới nội,
Vô xứ bất hàm dung.’’

Trời Hữu Đỉnh là vô sắc giới, cõi trời cao nhất, tức cũng là Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Lúc Đức Phật tu ở tại núi Tuyết, thì vị thầy hướng dẫn Ngài tu, tu đến cảnh giới cõi trời này, Phật nhận rằng chẳng phải là pháp thoát khỏi sinh tử, bèn bỏ ông ta ra đi. Tự mình tu khổ hạnh sáu năm, vẫn chẳng đắc được pháp liễu sinh thoát tử, do đó bỏ tu khổ hạnh đến dưới cội bồ đề, tĩnh tọa tư duy, đến đêm thứ bốn mươi chín, Ngài nhìn thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, chứng được lý mười hai nhân duyên, là bánh xe của sinh mạng.

Lời nói âm thanh của chư thiên, vị pháp sư ở tại đây hoàn toàn nghe được, thậm chí vị trời nói tiếng gì cũng phân biệt được rõ ràng.

Tất cả chúng Tỳ Kheo
Và chúng Tỳ Kheo ni
Hoặc đọc tụng kinh điển
Hoặc vì người khác nói.
Pháp sư ở tại đây
Hoàn toàn đều nghe được.

Tất cả Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni xuất gia, hoặc đọc tụng kinh điển, hoặc cung kính biên chép kinh điển. Vị pháp sư đó ở nơi đây, đều hoàn toàn nghe được họ tu trì pháp môn đó.

Lại có các Bồ Tát
Đọc tụng kinh pháp này
Hoặc vì người khác nói
Tuyển tập giải nghĩa kinh.
Các âm thanh như thế
Hoàn toàn đều nghe được.

Lại có tất cả Bồ Tát, hoặc đọc kinh này, hoặc tụng kinh này, hoặc vì người khác giải nói kinh này, hoặc tuyển chọn kinh này, hoặc tập giải nghĩa của kinh này. Các thứ âm thanh như thế, vị pháp sư đó hoàn toàn đều nghe được rất rõ ràng.

Tai cũng có căn tai. Vị pháp sư đó dùng tai thường của cha mẹ sinh ra. Vì giải nói Kinh Pháp Hoa có công đức, chẳng những nghe được tất cả các thứ tiếng, mà còn biết được tất cả các thứ tiếng.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc tụng giải nói, hoặc biên chép, thì thành tựu tám trăm công đức nơi mũi. Dùng căn mũi thanh tịnh đó, ngửi được các thứ mùi hương trong ngoài, trên dưới trong ba ngàn đại thiên thế giới.

Đức Phật gọi một tiếng Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Nếu như có người thiện nam, người thiên nữ, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa dù là đọc, là tụng, là giải nói, là biên chép, đều thành tựu tám trăm công đức nơi mũi. Dùng căn mũi thanh tịnh này, có thể ngửi được tất cả mùi hương trên dưới, trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới.

Hương thơm của hoa tu mạn na, hương thơm hoa xà đề, hương thơm hoa mặc lợi, hương thơm hoa thiềm bặc, hương thơm hoa ba la la, hương thơm hoa sen đỏ, hương thơm hoa sen xanh, hương thơm hoa sen trắng, hương thơm cây có hoa, hương thơm cây có quả, hương chiên đàn, hương trầm thủy, hương đa ma la bạt, hương đa già la, và hàng ngàn vạn thứ hương hòa hợp, hoặc hương bột, hoặc hương viên tròn, hoặc hương xoa. Người trì kinh này, trụ ở nơi này, đều phân biệt được.

Hương thơm hoa tu mạn na, dịch là "hoa duyệt ý". Hoa này vừa thơm lại vừa đẹp, hình sắc rất là mỹ lệ, khiến cho tâm người hoan hỷ thích thú, cho nên được tên này. Lại có mùi hương của hoa xà đề, dịch là "hoa kim tiền",

hoa này màu vàng như là tiền vàng, cho nên được tên này. Lại có mùi hương của hoa mặc lợi, dịch là "hoa tóc mượt", hoa này có thể chế biến thành hoa tóc mang trên thân, dùng để trang nghiêm. Hiện tại còn lưu hành ở vườn hoa, để tặng cho khách, biểu thị sự hoan nghênh; tặng cho người chết là biểu thị phúng điếu. Lại có mùi hương hoa thiềm bặc, dịch là "hoa kim sắc", hoa nhỏ mà thơm, theo gió bay đi xa mà hương thơm chẳng tan. Lại có mùi hương ba la la, dịch là "hoa trọng sinh", vì loài hoa này khi nở qua một lần rồi, thì lại nở qua một lần nữa, cho nên được tên này. Mùi hương hoa sen đỏ tức là hoa ba đầu ma. Mùi hương hoa sen xanh tức là hoa ưu bát la. Mùi hương hoa sen trắng tức là hoa phân đà lợi. Mùi hương của cây có hoa, mùi hương của cây có quả. Lại có mùi hương của ngưu đầu chiên đàn, mọc ở núi Ngưu Đầu bên Ấn Độ, cho nên được tên này. Mùi hương như xạ hương, cách bốn mươi dặm mà có thể ngửi được mùi hương. Tính của nó rất mát mẻ, có thể trị bệnh, dùng làm thuốc. Lại có mùi hương trầm thủy chiên đàn, vì chất cây cứng mà nặng như sắc thuộc về kim loại, bỏ vào trong nước thì lập tức chìm xuống, cho nên được tên này. Lại có mùi hương Đa ma la bạt, dịch là "hoắc hương", rất thơm có thể dùng làm thuốc. Lại có mùi hương Đa già la, dịch là "căn hương", rễ của nó rất thơm lạ thường, tụ lâu chẳng tan. Và hàng ngàn vạn mùi hương hòa hợp, hoặc là hương bột, hoặc hương viên tròn, hoặc hương xoa. Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu

Pháp Liên Hoa, đều hoàn toàn ngửi được và phân biệt được là mùi hương gì.

Lại phân biệt biết được mùi hương của chúng sinh, mùi hương của voi, mùi hương của ngựa, mùi hương của bò dê, mùi hương của con trai, mùi hương của con gái, mùi hương của đồng tử, mùi hương của đồng nữ và mùi hương của cỏ cây lùm rừng, hết thảy các mùi hương, hoặc gần hoặc xa, đều ngửi được, phân biệt chẳng sai lầm.

Lại có thể phân biệt biết được tất cả mùi hương của chúng sinh. Như mùi hương của voi, mùi hương của ngựa, mùi hương của bò, mùi hương của dê. Mùi hương của con trai, mùi hương của con gái, mùi hương của đồng tử, mùi hương của đồng nữ. Và mùi hương của cỏ, mùi hương của cây, mùi hương của lùm rừng. Bất cứ là gần hay xa, hết thảy tất cả các mùi hương đều hoàn toàn ngửi được, phân biệt được là mùi hương gì chẳng có sai lầm.

Người trì kinh này, tuy ở nơi đây, mà cũng ngửi được mùi hương của chư Thiên ở trên trời, mùi hương cây ba lợi chất đa la, mùi hương cây câu tì đà la, và mùi hương

hoa mạn đà la, mùi hương hoa ma ha mạn đà la, mùi hương hoa mạn thù sa, mùi hương hoa ma ha mạn thù sa, các thứ hương bột chiên đàn trầm thủy, các thứ hương của các loại hoa. Các mùi hương trời hòa hợp tỏa ra như thế, chẳng có mùi hương nào mà chẳng ngửi biết được.

Pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tuy nhiên ở tại nhân gian, nhưng cũng ngửi được mùi hương của chư Thiên. Mùi hương cây ba lợi chất đa la, dịch là "thiên thụ vương". Ở ngoài thành Hỷ Kiến trời Đao Lợi, các thiên chúng nghỉ ở dưới cây này, vì mùi hương thơm ngát mũi, có công hiệu mát mẻ cho phổi. Mùi hương cây câu tì đà la, dịch là "cây đại du hí", chư thiên chúng du hí vui đùa ở dưới cây này. Lại có mùi hương hoa mạn đà la, dịch là "hoa tiểu bạch". Lại có mùi hương hoa ma ha mạn đà la, dịch là "hoa đại bạch". Lại có mùi hương hoa mạn thù sa, dịch là "hoa tiểu hồng". Lại có mùi hương hoa ma ha mạn thù sa, dịch là "hoa đại hồng". Lại có mùi hương ngưu đầu chiên đàn, lại có mùi hương trầm thủy chiên đàn, đủ thứ các hương bột, đủ thứ mùi hương của các loài hoa. Các thứ hương trời đó hòa hợp lại, tỏa ra mùi hương. Vị pháp sư đó, chẳng có mùi hương nào mà chẳng ngửi biết được là mùi hương gì.

Lại ngửi được mùi hương thân của chư Thiên, mùi hương khi Thích Đề Hoàn Nhân ở trong Thắng Điện, đùa giỡn vui chơi hưởng thụ năm dục, hoặc mùi hương khi ở trong Diệu Pháp Đường, vì chư Thiên trời Đao Lợi thuyết pháp, hoặc mùi hương khi ở trong vườn dạo chơi, và mùi hương người nam, người nữ, của các vị trời khác, thảy đều ngửi biết được.

Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lại ngửi được mùi hương thân của chư thiên. Chư thiên vì trì giới rất tinh nghiêm, tơ hào chẳng phạm, cho nên thân tỏa ra mùi hương. Chúng ta người xuất gia tu đạo, nhất định phải giữ gìn giới luật, thì thân thể tự nhiên sẽ tỏa hương thơm, bằng không thì sẽ tỏa ra mùi hôi. Mùi hương đại biểu cho điều thiện, mùi hôi đại biểu cho điều ác. Muốn biết người nào đó có giữ giới không, ngửi mùi thân của họ thì sẽ biết. Nếu làm việc thiện nhiều thì thơm, còn nếu làm việc ác nhiều thì hôi, tơ hào chẳng sai lầm. Phàm là người thân thể hôi thì phải mau giữ giới, làm nhiều công đức, từ từ thân sẽ biến thành thơm, tuyệt đối chẳng dọa người. Trong quá khứ, có vị Tỳ Kheo Ni tụng đọc chẳng biết bao nhiêu bộ Kinh Pháp Hoa, về sau miệng của vị đó tỏa ra hương thơm. Đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Tóm lại, kiếp trước là người tu hành thì đời này thân thể chẳng có mùi hôi.

Thích Đề Hoàn Nhân là thiên chúa trên cõi trời Đao Lợi, ông ta quản hạt trời Tam Thập Tam. Mùi hương khi vui chơi đùa giỡn hưởng thụ năm dục ở tại Thắng Điện, hoặc mùi hương khi vì chư thiên nói pháp ở tại Diệu Pháp Đường, hoặc mùi hương khi dạo chơi ở trong tất cả vườn hoa, hoặc mùi hương của tất cả người nam người nữ chư thiên khác. Vị pháp sư đó, đều ngửi được các mùi hương đó, và còn phân biệt biết được là mùi hương gì.

Chúng sinh ở cõi dục giới đều có tâm dâm dục, dù lục dục thiên cũng thế, bất quá tâm dâm dục giảm bớt hơn ở nhân gian mà thôi. Khi đến cõi sắc giới thì chẳng còn ăn và dâm hai thứ. Cho nên, sắc giới tuy có hình thể mà chẳng có phân biệt nam nữ, nhưng vẫn có dục niệm về vật chất, cho nên vẫn có lầu gác cung điện. Khi đến cõi vô sắc giới thì chẳng những chẳng có ăn uống và dâm dục, tức là hình thể cũng chẳng có, chỉ có tâm thức mà thôi. Do đó, có thể chứng minh người tu đạo nhất định phải đoạn dục khử ái, mới có thể ra khỏi tam giới. Chư thiên chưa đoạn dục niệm, cho nên vẫn còn sinh tử.

Như thế, lần lượt đến trời Đại Phạm. Trên đến trời Hữu Đỉnh, mùi hương nơi thân của chư thiên cũng đều ngửi được, mùi

hương đốt của chư thiên, và mùi hương của Thanh Văn, mùi hương của Bích Chi Phật, mùi hương của Bồ Tát, mùi hương thân của chư Phật, cũng đều ngửi được, và biết ở đâu. Tuy ngửi được những mùi hương đó, mà căn mũi chẳng hư, chẳng sai lầm. Nếu muốn phân biệt giải nói cho người khác, thì nhớ nghĩ chẳng quên.

Lần lượt như thế, đến sắc giới trời Đại Phạm, trên đến trời Hữu Đỉnh, mùi hương nơi thân của chư thiên cũng ngửi được. Chẳng những ngửi được, mà còn phân biệt được rất rõ ràng. Và cũng ngửi được mùi hương xông đốt của chư thiên. Và mùi hương đốt của Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật. Bậc Thanh Văn đốt hương Tứ Diệu Đế, Bích Chi Phật đốt hương mười hai nhân duyên, Bồ Tát đốt hương lục độ vạn hạnh, chư Phật đốt hương giải thoát bồ đề. Những mùi hương đó, tuy ở xa (cõi Thường Tịch Quang), nhưng pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, đều ngửi được mùi hương của bốn bậc Thánh vừa nói ở trên, và cũng biết được mùi hương đó ở đâu. Tuy ngửi được mùi hương đó, cũng chẳng tổn hại căn mũi, cũng chẳng phán đoán sai lầm. Nếu như đem cảnh giới của mình thấy, phân biệt vì người khác nói, thì sẽ nhớ chẳng quên, nhớ rõ ràng ở trong đầu óc, chẳng có sai lầm.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói.

Người đó mũi thanh tịnh
Ở trong thế giới này
Hoặc vật thơm hay hôi
Các thứ đều ngửi được.

Vị pháp sư đó thọ trì Kinh Pháp Hoa, có căn mũi rất thanh tịnh. Ở trong thế giới này, hoặc là vật thơm, hay là vật hôi thối, các thứ mùi vị đều hoàn toàn ngửi được, chẳng có sai lầm.

Căn mũi chẳng bị hương trần làm ô nhiễm, thì sẽ có cảnh giới sáu căn hổ dụng với nhau. Sáu căn dụng với nhau như thế nào ? Tức là con mắt có thể nghe được, lỗ tai thấy được, lỗ mũi nếm được, lưỡi ngửi được mùi hương, thân thể biết các pháp, ý thức xúc giác. Đó là cảnh giới sáu căn dụng với nhau. Mỗi một căn đều có tác dụng sáu căn, bạn nói có diệu chăng ? Kỳ thật, một chút cũng chẳng diệu, người tu đạo tu đến hỏa hầu, thì đều sinh ra tác dụng như thế, chẳng có thần bí gì cả, chỉ bất quá phương diện sinh lý khởi biến hóa mà thôi.

Một số người chỉ biết mắt thấy hình sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp. Nếu nói với họ cảnh giới sáu căn hổ dụng với nhau, thì họ cho rằng là người ngu nói mộng, việc chẳng thể nào có. Đến khi họ tu đến cảnh giới này, thì chẳng nói họ cũng biết; cho nên Phật pháp chẳng phải ở lời nói, mà ở tại thực hành. Đến lúc đó, thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, ngửi mà chẳng ngửi, nếm mà chẳng nếm, xúc mà chẳng xúc, duyên mà chẳng duyên. Chẳng bị cảnh giới chuyển, mới có sự sáu căn hổ tương dụng với nhau.

Tu mạn na xa đề
Đa ma la chiên đàn
Trầm thủy và hương quế
Các thứ hương hoa quả.

Hương hoa tu mạn na, hương hoa xà đề, hương đa ma la, mùi hương chiên đàn, mùi hương trầm thủy, mùi hương cây quế, các thứ hương của hoa, các thứ mùi hương của trái cây. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa ngửi, thì sẽ biết được là mùi hương cây cỏ gì.

Và hương các chúng sinh
Hương người nam người nữ
Người thuyết pháp ở xa
Ngửi hương biết chỗ nào.

Lại biết được mùi hương của chúng sinh, như mùi hương của ngựa, trâu, dê .v.v... lại biết được mùi hương của người nam người nữ. Vị pháp sư diễn nói Kinh Pháp Hoa, tuy ở nơi xa mà khi ngửi đến mùi hương, thì biết được mùi hương ở đâu.

Đại thế chuyển luân vương
Tiểu chuyển luân và con
Quần thần các cung nhân
Ngửi hương biết chỗ nào.

Chuyển Luân Thánh Vương phân làm bốn loại : Kim luân vương cai trị bốn thiên hạ, Ngân luân vương cai trị ba thiên hạ, Đồng luân vương cai trị hai thiên hạ, Thiết luân vương cai trị một thiên hạ. Kim Luân Vương là đại thế chuyển luân vương, có một ngàn thái tử, lại có bảy báu :

1). Bánh xe báu.
2). Voi báu.
3). Ngựa báu.
4). Châu báu.
5). Nữ báu.
6). Kho tàng báu.
7). Binh báu.

Còn ba luân kia đều là tiểu chuyển luân vương. Đại chuyển luân vương, tiểu chuyển luân vương, ngàn người con, quần thần, cung nhân .v.v... Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi thì biết được chỗ nào. Do đó, có thể chứng minh lỗ mũi cũng có công năng của mắt.

Thân mang các châu báu
Và tạng báu trong đất
Chuyển luân vương nữ báu
Ngửi hương biết ở đâu.

Trên thân mang tất cả châu báu, tất cả kho tàng châu báu ẩn tàng dưới đất và hành tung của chuyển luân thánh vương và nữ báu ở đâu, khi vị pháp sư đó ngửi mùi hương thì sẽ biết rõ.

Mọi người thân trang sức
Quần áo và chuỗi ngọc
Và các thứ hương xoa
Ngửi hương đều biết rõ.

Những người ở trên trời và ở tại nhân gian, dùng đồ vật để trang sức, như quần áo, chuỗi ngọc, và các thứ hương xoa. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi thì sẽ biết thân họ trang sức đồ gì.

Chư thiên đi hoặc ngồi
Đùa giỡn và thần biến
Người trì kinh pháp này
Ngửi hương đều biết được.

Chư thiên trong ba cõi, hoặc đi, hoặc ngồi thiền, hoặc đùa giỡn, hoặc thân biến. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì sẽ biết được họ đang làm gì.

Các cây hoa quả thật
Và dầu tô hương vị
Người trì kinh ở đây
Biết rõ ở chỗ nào.

Hết thảy tất cả cây, hoa, quả thật và mùi hương dầu tô thắp đèn. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa ở nơi đây, một khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết được ở chỗ nào.

Nơi núi sâu nguy hiểm
Cây chiên đàn nở hoa
Chúng sinh ở trong đó
Ngửi hương đều biết được.

Ở chỗ thâm sơn cùng cốc rất nguy hiểm, có cây chiên đàn nở hoa rất sum sê rất thơm tho. Tất cả chúng sinh ở trong thâm sơn làm gì, vị pháp sư đó ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết rõ.

Núi Thiết Vi biển cả
Các chúng sinh trong đất
Người trì kinh ngửi hương
Đều biết ở chỗ nào.

Núi Thiết Vi và biển cả, và tất cả chúng sinh ở trong đất. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, một khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết họ đang ở đâu, chẳng sai lầm.

Nam nữ A tu la
Và quyến thuộc của họ
Khi đấu tranh vui đùa
Ngửi hương đều biết được.

Nam nữ A tu la đều có tâm thích đấu tranh. Nếu có việc bất như ý thì họ nổi giận, như phu nhân của Đế Thích là con gái của vua A tu la, cô ta rất đố kỵ, thường nổi giận với Đế Thích, thậm chí phát sinh chiến tranh. Nam nữ A tu la và quyến thuộc khi đùa giỡn, tranh đấu để làm trò chơi, nổi giận để làm tiêu khiển, vẫn làm thường xuyên

chẳng thấy có gì quái lạ. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì biết được tình hình của họ.

Nơi khoáng dã nguy hiểm
Sư tử voi hổ lang
Bò hoang trâu nước thảy
Ngửi mùi biết chỗ ở.

Ở nơi khoáng dã không có người, hoặc ở nơi nguy hiểm. Hoặc có sư tử, voi, cọp, sài lang, hoặc bò hoang, trâu nước .v.v... Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì biết nơi của chúng ở.

Nếu có người mang thai
Chưa biết trai hay gái
Vô căn và phi nhân
Ngửi hương đều biết được.

Nếu như có người nữ đã mang thai, mà chẳng biết được là trai hay gái, hoặc là quỷ thai hoặc là quái thai. Vị pháp sư đó vì thọ trì Kinh Pháp Hoa, một khi ngửi mùi hương thì sẽ biết được rõ ràng, chẳng phán đoán sai lầm.

Bởi nhờ sức ngửi hương
Biết được sự mang thai
Thành tựu chẳng thành tựu

An lạc sinh quý tử.

Vì nhờ sức ngửi hương mà biết được tình hình khi mang thai, thành tựu hay chẳng thành tựu, ngửi mùi hương thì sẽ biết. Giống như trái cây, chín thì sẽ rụng xuống, chưa chín thì không thể rụng xuống. Đây là hiện tượng tự nhiên, không thể ép buộc để sinh ra thì rất nguy hiểm cho mẹ và con. Hiện tại sự phá thai rất là nhiều, đây là việc bất nhân đạo nhất. Những người đó đã gieo trồng xuống nhân quả rất là ác độc.

Thai nhi ở trong bụng mẹ mười tháng mới thành tựu, có thể sinh ra, mẹ con nhất định bình an. Nếu bảy tháng mà sinh ra thì chẳng thành tựu, đứa bé khó mà nuôi sống, người mẹ khi sinh con thì rất nguy hiểm. Nếu quy y Tam Bảo, đọc tụng kinh điển, thì sẽ an lạc sinh ra con có phước báu.

Bởi nhờ sức ngửi hương
Biết nam nữ nghĩ gì
Tâm nhiễm dục si sân
Cũng biết người tu thiện.

Bởi nhờ sức ngửi mùi hương, nên biết được người nam nghĩ gì ? Và biết được người nữ nghĩ gì ? Chẳng ngoài những sự nghĩ tưởng là nhiễm dục. Vì ngu si mới nghĩ việc trai gái hoặc sân hận. Các tâm lý như thế, vị

pháp sư đó hoàn toàn biết rõ và cũng biết người nào tu pháp lành.

Trong đất có kho tàng
Vàng bạc các châu báu
Đồ đồng dùng đựng chứa
Ngửi hương đều biết được.

Lại biết kho tàng châu báu ẩn tàng dưới lòng đất, hoặc là mỏ vàng, mỏ bạc, hoặc các châu báu. Trong đồ đồng đựng chứa những gì ? Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì đều biết được.

Đủ thứ các chuỗi ngọc
Không biết được giá cả
Ngửi hương biết tốt xấu
Xuất xứ và ở đâu.

Đủ các thứ chuỗi ngọc, chuỗi ngọc dùng bảy báu (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não) chế thành, thường đeo ở trên cổ, là đồ trang sức. Lúc Phật còn tại thế, ở Ấn Độ nhà quý tộc đều mang, đó là biểu thị sự trang nghiêm. Các vị thấy đó ! Các vị Bồ Tát trên thân đều có chuỗi ngọc. Trong Phẩm Phổ Môn có nói : ''Bồ Tát Vô Tận Ý, cởi sâu chuỗi quý báu trên cổ, giá trị trăm

ngàn lượng vàng, cúng dường cho Bồ Tát Quán Thế Âm !‘’

Giá trị của chuỗi ngọc, phàm phu chẳng biết được giá cả, chẳng biết là quý, cũng chẳng biết là chẳng quý, chẳng cách chi biết được giá là bao nhiêu. Nhưng vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì biết được là quý báu, hay tầm thường, hạt châu báu sinh sản ở đâu, và bây giờ ở đâu ?

Các thứ hoa trên trời
Mạn đà mạn thù sa
Cây ba lợi chất đa
Ngửi hương đều biết được.

Trên cõi trời Đao Lợi có rất nhiều cây hoa, như hoa tiểu bạch và hoa tiểu hồng, hoặc cây thiên thụ vương .v.v... Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết được.

Các cung điện trên trời
Thượng trung hạ khác nhau
Các hoa báu trang nghiêm
Ngửi hương đều biết được.

Trên cõi trời Đao Lợi có rất nhiều cung điện, nhưng phân ra ba hạng, thượng trung và hạ khác nhau. Bất cứ

cung điện gì, dùng thứ báu gì, và các thứ hoa gì để trang nghiêm. Vị pháp sư đó ngửi mùi hương thì sẽ biết được.

Vườn rừng Thắng Điện trời
Các quán Diệu Pháp Đường
Vui đùa ở trong đó
Ngửi hương đều biết được.

Trong vườn hoa trên trời Đao Lợi, tất cả cây lớn đều dùng bảy báu trang nghiêm. Gốc cây dùng ngọc làm thành, lá dùng vàng bạc làm thành, hoa dùng trân châu làm thành, quả dùng mã não làm thành. Thắng Điện trong vườn là nơi vui đùa của người trời. Các quán và Diệu Pháp Đường là nơi luận sự của người trời. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi, thì biết tình hình người trời đang vui đùa trong đó.

Hoặc chư thiên nghe pháp
Hoặc khi thọ năm dục
Lai vãng đi ngồi nằm
Ngửi hương đều biết được.

Chư thiên thường đến Diệu Pháp Đường, nghe Thích Đề Hoàn Nhân giảng Phật pháp, hoặc khi ở tại Thắng Điện hưởng thọ năm dục, hoặc đi, hoặc đến, hoặc

ngồi thiền, hoặc nằm, các thứ tư thế. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi thì đều biết rõ.

Y phục thiên nữ mặc
Hương hoa quý trang nghiêm
Khi đi dạo du hí
Ngửi hương đều biết được.

Y phục của thiên nữ mặc, vừa nhẹ lại rất đẹp, đều dùng hoa hương quý để trang nghiêm, hương thơm tỏa khắp, họ chẳng những xinh đẹp mà còn duyên dáng. Khi họ đi dạo, du hí nhảy múa, khoái lạc vô cùng. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương, thì hoàn toàn biết được tình hình khi họ du hí.

Như vậy lần lượt lên
Cho đến trời Phạm Thế
Người nhập thiền xuất thiền
Ngửi hương đều biết được.

Như vậy, lần lượt lên cho đến sắc giới trời Phạm Thế, hoặc người nhập thiền định, hoặc người xuất thiền định. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương, thì hoàn toàn biết được. Người trên cõi trời đều tu thiền định. Án chiếu theo sự thô tế sâu cạn của thiền định để quyết định, hoặc thăng đi lên, hoặc đi xuống. Trời sơ thiền gọi là Ly

sinh hỷ lạc địa, tức là lìa khỏi sự khoái lạc của chúng sinh cõi dục giới, mà sinh ra khoái lạc đặc biệt. Trời nhị thiền gọi là Định sinh hỷ lạc địa, ở trong định đắc được sự hỷ lạc không gì sánh bằng. Đây là thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn, chẳng đói chẳng khát. Trời tam thiền là Ly hỷ diệu lạc địa, lìa khỏi cảnh giới nhị thiền, đắc được sự khoái lạc không thể tả. Trời tứ thiền gọi là Xả niệm thanh tịnh địa, xả bỏ tâm niệm khoái lạc, đạt đến chỗ vô vi mà vô bất vi, trong tâm rất thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm. Đây là cảnh giới sơ bộ của thiền định, vẫn còn là cảnh giới của phàm phu, chứ chẳng phải là cảnh giới của Thánh nhân. Nếu tiếp tục nỗ lực dụng công, thì khi đạt đến trời Ngũ Bất Hoàn, mới nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính, ngược dòng phàm phu lục trần.

Trời Quang Âm Biến Tịnh
Cho đến trời Hữu Đỉnh
Sơ sinh và đến chết
Ngửi hương đều biết được.

Một số người chỉ biết trời ở trên đầu, mà chẳng biết ngoài cõi trời, lại có cõi trời khác, trong vũ trụ có vô lượng cõi trời. Trong kinh Phật có nói, tại dục giới có sáu cõi trời, tại sắc giới có mười tám cõi trời, tại vô sắc giới có bốn cõi trời, tổng cộng có hai mươi tám cõi trời, đó là nói theo nghĩa hẹp. Nếu nói theo nghĩa rộng, thì có vô

lượng cõi trời. Trong mỗi cõi trời có một Thiên chúa. Ngoại đạo chỉ biết một Thiên chúa, kỳ thật có vô lượng Thiên chúa.

Thiên chúa ở trong Phật giáo, bất quá là một vị thần hộ pháp mà thôi, địa vị rất thấp, thân phận ở trước Phật chỉ có đứng, chứ chẳng có tư cách ngồi. Tại sao ? Vì ông ta là thần hộ pháp ! Giống như Bồ Tát Vi Đà, Bồ Tát Già Lam, tay cầm chùy báu kim cang, đứng ở trước Phật để bảo hộ Phật.

Trời Quang Âm là từng trời thứ sáu của sắc giới. Người trời ở đây dùng ánh sáng (hào quang) để nói chuyện, đại biểu cho tiếng nói. Trời Biến Tịnh là từng trời thứ chín của sắc giới, người trời ở cõi này, biến khắp đắc được an lạc thanh tịnh. Trời Hữu Đỉnh là từng trời thứ tư của vô sắc giới, cũng là từng trời thứ hai mươi tám của tam giới, là từng trời cao nhất, gọi là trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tuổi thọ của cõi trời là tám vạn đại kiếp, song đến lúc đọa lạc thì chiếu theo sự thọ khổ luân hồi. Ngoại đạo cho rằng đây là cảnh giới cao nhất. Ra khỏi cõi trời này, mới có thể chấm dứt phân đoạn sinh tử, đến bực vô học thì chứng được tứ quả A La Hán, đoạn sạch kiến tư (thấy, nghĩ) hai hoặc. Do đó, có câu : ‘’Các lậu đã sạch, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa.’’ Đây là cảnh giới A La Hán.

Cõi trời mà chúng ta thấy là trời Tứ Thiên Vương. Hướng đông là Trì Quốc Thiên Vương, hướng tây là Quảng Mục Thiên Vương, hướng nam là Tăng Trưởng

Thiên Vương, hướng bắc là Đa Văn Thiên Vương. Mỗi vị Thiên vương có tám đại tướng quân, trấn giữ bốn hướng cõi trời Đao Lợi, phòng giữ binh A tu la xâm phạm. Bồ Tát hộ pháp Vi Đà, là một trong ba mươi hai đại tướng, Ngài ở trong một ngàn vị Phật ở Hiền kiếp, sẽ là vị Phật cuối cùng, danh hiệu là Lâu Chí Phật.

Thời gian một ngày đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương, thì đồng ở nhân gian năm mươi năm, tuổi thọ ở cõi trời này là năm trăm tuổi, như vậy tính theo ở nhân gian, tức là chín trăm hai mươi hai vạn năm ngàn năm. Còn tuổi thọ của các cõi trời khác cứ theo số này mà nhân lên.

Từ sơ sinh ban đầu đến cõi trời và đến lúc chết, năm tướng suy phát hiện là ngừng. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết được rất rõ ràng chẳng có sai lầm.

Các chúng Tỳ Kheo thảy
Với pháp thường tinh tấn
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Và đọc tụng kinh điển.

Tất cả Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni .v.v... đối với Phật pháp rất dũng mãnh tinh tấn, tu trì học tập, chẳng có giải đãi, hoặc ngồi thiền, hoặc đi kinh hành, hoặc đọc tụng kinh điển, rất dụng công chẳng có lười biếng giải đãi, do đó :

‘’Siêng tu giới định huệ,
Diệt trừ tham sân si.’’

Hoặc dưới cây trong rừng
Chuyên tinh tấn ngồi thiền
Người trì kinh ngửi hương
Đều biết họ ở đâu.

Họ ở dưới cây lớn trong rừng, chuyên nhất tinh tấn ngồi thiền. Vì trong rừng thanh tịnh, không khí mát mẻ, dễ đắc được tam muội khinh an. Có người hỏi : ‘’Nhập định và ngủ có gì khác nhau ?‘’ Khi nhập định thì trong tâm biết, ngồi ngay ngắn, thân chẳng lay động, đầu chẳng cúi chẳng nghiêng. Đó là cảnh giới tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Khi ngủ thì gì cũng chẳng biết, thậm chí còn ngáy như sấm, tư thế ngược lại. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, một khi ngửi mùi hương, thì biết họ đang ở đâu, tu trì pháp môn gì.

Bồ Tát chí vững chắc
Ngồi thiền hoặc đọc tụng
Hoặc vì người nói pháp
Ngửi hương đều biết được.

Bồ Tát phát bồ đề tâm hành Bồ Tát đạo, chí nguyện rất vững chắc, bất cứ gặp chướng ngại gì cũng chẳng sinh

tâm thối chuyển. Bất cứ là ngồi thiền, hoặc đọc tụng kinh điển, hoặc vì người nói pháp. Vị pháp sư đó một khi ngửi mùi hương thì biết rõ.

Thế Tôn trong mười phương
Được tất cả cung kính
Thương chúng mà nói pháp
Ngửi hương đều biết được.

Trong thế giới mười phương, bất cứ Đức Thế Tôn ở phương nào, đều được tất cả chúng sinh cung kính. Vì thương xót chúng sinh, nên Phật vì chúng sinh mà diễn nói diệu pháp liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui. Vị pháp sư đó một khi ngửi mùi hương, thì biết được Đức Phật đó ở phương nào.

Chúng sinh ở trước Phật
Nghe kinh đều hoan hỷ
Như pháp mà tu hành
Ngửi hương đều biết được.

Hết thảy chúng sinh ở trước Phật, nghe Phật diễn nói kinh điển, đều hoan hỷ nhảy nhót vui mừng. Sau khi nghe kinh rồi, y theo pháp mà tu hành. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi đều biết được người nào y theo pháp tu hành. Lỗ mũi thì có công năng của mắt và tai, thấy được

nghe được. Bạn nói có diệu chăng ? Kinh Diệu Pháp Liên Hoa diệu không thể tả !

Tuy chưa được vô lậu
Pháp sinh tỷ Bồ Tát
Mà người trì kinh này
Trước được tướng mũi này.

Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, tuy chưa chứng được Bồ Tát vô lậu pháp sinh tỷ. Vì thọ trì kinh này nên trước hết đắc được tướng mũi này.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi. Hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc ngon, hoặc dở, và các đồ đắng cay, khi đến căn lưỡi, thì đều biến thành vị thượng diệu như là cam lồ, chẳng có gì mà không ngon.

Đức Phật gọi một tiếng Thường Tinh Tấn Bồ Tát ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng kinh này, hoặc giải nói kinh này, hoặc biên chép kinh này. Y chiếu theo đạo lý của Kinh

Pháp Hoa mà tu hành, thì sẽ chứng được một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi. Lưỡi chẳng những nói pháp được, mà còn nói diệu pháp viên dung vô ngại, cho nên công đức của lưỡi rất lớn, đầy đủ viên mãn.

Lưỡi có công đức nói pháp, cũng nói chuyện thị phi tạo tội nghiệp. Nếu không nói pháp mà nói thị phi, thì có một vạn hai ngàn tội lỗi. Tại sao ? Vì lưỡi có thể nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi, chưởi mắng, càng tạo càng nhiều, tạo thành vô lượng vô biên tội lỗi. Lưỡi tạo nghiệp ác, thì ăn đồ vật chẳng biết mùi vị, chẳng phân biệt được đắng cay chua mặn ngọt năm vị. Bất cứ hương vị đồ ăn như thế nào cũng chẳng biết. Nếu lưỡi tạo công đức lành, thì biết mùi vị của vật ăn ngon hay là dở. Bất cứ là tốt hoặc là xấu, chẳng màng là vị đắng, hay vị cay, một khi đến căn lưỡi, thì thức ăn thức uống đều biến thành vị ngon thượng diệu, hương thơm ngon ngọt như là cam lồ, chẳng có mùi vị không ngon.

Chữ đắng và chữ khổ tuy khác, song nghĩa vẫn là một, do đó có câu :

‘’Ăn khổ trong sự khổ,
Mới là người hơn mọi người khác.’’

Có hai câu thơ hình dung người siêng năng khổ sở học hành :

‘’Thọ tận thập niên hàn song khổ
Nhất cử thành danh thiên hạ tri.’’

Nghĩa là :

Mười năm khổ cực để học hành,
Một khi đỗ đạt thiên hạ đều biết.

Người thời xưa học hành là một người khổ học tại thư phòng, học Tứ Thư, Ngũ Kinh; ngày cũng học đêm cũng học, chẳng có nghỉ ngơi, chẳng có chơi lêu lổng với bạn bè, cũng chẳng vui đùa tiêu khiển, do đó có câu :

‘’Tam canh đăng hỏa ngũ canh kê,
Chánh thị nam nhi lập chí thời.’’

Dụng công như thế trải qua mười năm khổ sở lạnh lẽo, học vấn phong phú. Đến khi thi cử thì tam nguyên cập đệ, bảng vàng đề danh tiếng trạng nguyên. Lúc đó, thiên hạ ai ai cũng biết người đó trúng trạng nguyên, sáng lạng tổ tông. Trước kia chẳng có ai biết là khổ, bây giờ thiên hạ biết là ngọt, do đó ‘’khổ tận cam lai.’’ Nghĩa là hết khổ đến sướng. Trước kia người nghèo thì học văn, người giàu thì học võ, cho nên mới nói hàn song khổ.

Hoặc dùng căn lưỡi ở trong đại chúng diễn nói pháp thâm sâu vi diệu, khiến cho tâm của người nghe, đều hoan hỷ sung sướng.

Hoặc dùng căn lưỡi ở trong đại chúng diễn nói pháp thâm sâu vi diệu, tiếng âm thanh vi diệu đó, nhập vào tâm của người nghe, khiến cho họ sinh tâm hoan hỷ, sung sướng đến cực điểm, tình chẳng tự chủ được bèn nhảy nhót lên.

Lại có các Thiên tử Thiên nữ, các vị trời Đế Thích Phạm Thiên .v.v... nghe được âm thanh diễn nói pháp vi diệu như thế, lời nói có thứ lớp thì đều đến nghe.

Lại có tất cả Thiên tử Thiên nữ, lại có trời Đế Thích, trời Đại Phạm và các thiên chủ của các cõi trời khác, họ nghe được âm thanh thâm diệu đó, thì tâm sinh hoan hỷ. Phàm là vị pháp sư đó, diễn nói trước sau đều có thứ lớp, phân môn biệt loại, chẳng phải tạp loạn lộn xộn, cho nên họ đều đến nghe giảng.

Và các rồng, rồng nữ, Dạ Xoa, Dạ Xoa nữ, Càn Thát Bà, Càn Thát Bà nữ, A Tu La, A Tu La nữ, Ca Lâu Na, Ca Lâu Na nữ, Khẩn Na La, Khẩn Na La nữ, Ma Hầu La Già, Ma Hầu La Già nữ, vì nghe pháp mà đến gần gũi cung kính cúng dường.

Lại có rồng và rồng nữ, lại có Dạ Xoa và Dạ Xoa nữ, lại có Càn Thát Bà và Càn Thát Bà nữ, lại có A tu la và A tu la nữ, lại có Ca Lâu Na và Ca Lâu Na nữ, lại có Khẩn Na La và Khẩn Na La nữ, lại có Ma Hầu La Già và Ma Hầu La Già nữ. Những vị trời rồng tám bộ đó, vì nghe vị pháp sư đó diễn nói Kinh Pháp Hoa, mà đến gần gũi cúng dường vị pháp sư đó.

Và Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, thái tử, quần thần quyến thuộc, tiểu chuyển luân vương, đại chuyển luân vương, bảy báu, ngàn người con, quyến thuộc nội ngoại, đều ngồi cung điện đến để nghe pháp.

Lại có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam cư sĩ nữ, ông vua, thái tử, quần thần quyến thuộc, tiểu chuyển luân vương, đại chuyển luân vương, bảy báu, ngàn người con, quyến thuộc nội ngoại, thảy đều ngồi cung điện đến để nghe pháp. Nghe pháp gì ? Nghe diệu pháp của Kinh Pháp Hoa.

Bởi Bồ Tát đó khéo nói pháp, cho nên các Bà la môn, cư sĩ nhân dân trong nước, suốt đời theo hầu hạ cúng dường.

Vì vị pháp sư đó là Bồ Tát pháp sư, do khéo giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên các Bà la môn (tu hạnh thanh tịnh) và cư sĩ (người tại gia tu đạo), cùng với nhân dân trong nước, họ suốt đời lúc nào cũng hầu hạ và cúng dường vị Bồ Tát pháp sư đó.

Lại nữa, các vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật, thường ưa thấy vị pháp sư đó. Vị đó ở đâu, thì chư Phật đều hướng về vị đó nói pháp, vị đó đều thọ trì tất cả Phật pháp, lại có thể nói ra pháp âm thâm sâu vi diệu.

Lại tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Chư Phật bốn bậc Thánh đều hoan hỷ thấy vị pháp sư đó, bất cứ ở đâu, mười phương chư Phật đều hướng về chỗ của vị đó nói pháp. Vị pháp sư đó hoàn toàn thọ trì tất cả Phật pháp của chư Phật nói. Lại có thể nói ra pháp âm thâm sâu vi diệu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Đức Phật bi tâm thiết thiết, muốn tường thuật lại nghĩa lý ở trên, bèn nói ra bài kệ rằng:

Căn lưỡi người đó tịnh
Trọn chẳng thọ vị dở
Người đó ăn những gì
Đều biến thành cam lồ.

Vị pháp sư đó, căn lưỡi đắc được thanh tịnh, tự tánh cũng thanh tịnh, chẳng bao giờ thọ vị dở, còn chuyển được vị dở thành vị thượng diệu. Bất luận là ăn vật gì, một khi vào căn lưỡi thì đều biến thành diệu vị cam lồ, tức cũng là diệu vị đề hồ vô thượng.

Dùng tiếng diệu thâm tịnh
Trong đại chúng nói pháp
Dùng nhân duyên ví dụ
Dẫn dắt tâm chúng sinh.
Người nghe đều hoan hỷ
Sắm các thứ cúng dường.

Vị pháp sư đó, dùng lời nói thâm sâu thanh tịnh vi diệu, ở trong đại chúng diễn nói diệu pháp. Dùng đủ thứ nhân duyên và đủ thứ ví dụ dẫn dắt chúng sinh, khiến cho họ phát bồ đề tâm thành tựu quả vị Phật. Chúng sinh nghe pháp đều hoan hỷ, chúng sinh sắm tất cả đồ cúng dường tối thượng, để cúng dường vị pháp sư đó.

Các trời rồng Dạ Xoa
Và A tu la thảy
Đều dùng tâm cung kính
Cùng đến để nghe pháp.

Trời rồng tám bộ chúng vốn có tâm đấu tranh, nhưng sau khi quy y Phật rồi, thì tâm sân hận biến thành tâm từ bi, phát nguyện làm thiện thần hộ pháp. Họ đều dùng tâm cung kính để nghe vị pháp sư đó nói pháp.

Người đó diễn nói pháp
Hoặc muốn dùng diệu âm
Vang khắp ba ngàn cõi
Tùy ý bèn đến được.

Vị pháp sư đó giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, muốn dùng pháp âm thâm sâu vi diệu, thì sẽ vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Chỉ cần quán tưởng như thế, thì diệu âm sẽ tùy ý đến lỗ tai của hết thảy chúng sinh, trong ba ngàn đại thiên thế giới.

Vua luân vương lớn nhỏ
Và ngàn con quyến thuộc
Chắp tay tâm cung kính
Thường đến nghe thọ pháp.

Vua đại chuyển luân và vua tiểu chuyển luân, cùng với ngàn người con và quyến thuộc, đều chắp tay cung kính đến pháp hội để nghe thọ Phật pháp của vị pháp sư đó giảng. Những người đó nghe vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp, thì cảm thấy hơn là đọc kinh điển, do đó có câu:

''Thính quân nhất tịch thoại,
Thắng độc thập niên thư.''

Nghĩa là :

Nghe một buổi giảng pháp,
Hơn mười năm đọc sách.

Các trời rồng Dạ Xoa
La sát Tỳ xá xà
Cũng dùng tâm hoan hỷ
Thường thích đến cúng dường.

Chư thiên trong tam giới, Long vương trong bốn biển và Dạ Xoa, La sát, Tỳ xá xà .v.v... Loài quỷ vốn chẳng sinh tâm hoan hỷ, nhưng hiện tại cũng sinh tâm hoan hỷ, luôn luôn thích muốn đến cúng dường vị pháp sư đó.

Trời Phạm Thiên ma vương
Tự Tại Đại Tự Tại

Hết thảy các Thiên chúng
Thường đến chỗ người đó.

Trời Đại Phạm Thiên (Thi Khí) và Ma vương (Ba Tuần) cùng với trời Tự Tại (trời Tha Hoá Tự Tại), trời Đại Tự Tại (trời Cứu Kính), hết thảy các Thiên chúng thường đến chỗ vị pháp sư đó, nghe Phật pháp và cúng dường pháp sư.

Chư Phật và đệ tử
Nghe người đó nói pháp
Thường nhớ mà bảo hộ
Hoặc có khi hiện thân.

Mười phương chư Phật và hàng đệ tử (Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát), nghe âm thanh của vị pháp sư đó diễn nói diệu pháp, thì thường nghĩ nhớ vị pháp sư đó mà bảo vệ đạo tràng, hoặc có khi mười phương chư Phật, và chúng đệ tử hiện thân để cho vị đó thấy. Đó là cảm ứng của sự thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được tám trăm công đức nơi thân,

được thân thanh tịnh như lưu ly, chúng sinh đều thích thấy.

Đức Phật lại gọi một tiếng Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Nếu như có người nam tu hành, và người nữ tu hành, hoặc thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc đọc kinh này, hoặc tụng kinh này, hoặc giải nói kinh này, hoặc biên chép kinh này, thì đắc được tám trăm công đức nơi thân, được thân thể thanh tịnh như lưu ly. Hết thảy chúng sinh đều hoan hỷ thấy vị pháp sư đó.

Vì thân người đó thanh tịnh, cho nên chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, khi sinh, khi chết, trên trời, dưới địa ngục, tốt xấu, sinh về chỗ lành, sinh về chỗ dữ, thảy đều hiện ra trong thân người đó.

Vì thân thể vị pháp sư đó thanh tịnh, cho nên chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc khi sinh, hoặc khi chết, hoặc ở trên trời, hoặc ở dưới địa ngục, tướng mạo tốt hay xấu, sinh về chỗ lành hay chỗ ác, thảy đều hiện ra trong thân thể thanh tịnh, rõ ràng chẳng tạp loạn. Thân thanh tịnh này là một tấm gương tròn lớn, hiện ra tất cả hình bóng.

Và núi Thiết Vi, núi đại Thiết Vi, núi Di Lâu, núi đại Di Lâu, hết thảy các núi, và chúng sinh ở trong đó, đều hiện ra trong đó.

Và núi Thiết Vi (ngoài bốn đại châu có núi bao quanh), núi đại Thiết Vi (ngoài ba ngàn đại thiên thế giới có núi bao quanh), núi Di Lâu và núi đại Di Lâu, hết thảy các núi, chúng sinh ở trong đó hoàn toàn hiện ra ở trong thân thanh tịnh. Thân thanh tịnh đó lại giống như máy lôi đạt (radar), bất cứ máy bay ở đâu bay đến, đều nhìn thấy rất rõ ràng.

Dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, hết thảy cảnh giới và tất cả chúng sinh, đều hiện ra ở trong đó.

Dưới đến địa ngục vô gián, trên đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, hết thảy cảnh giới và hết thảy chúng sinh, hoàn toàn hiện ra ở trong thân thanh tịnh. Lại giống như máy truyền hình, chỉ cần bấm nút thì hình ảnh sẽ xuất hiện, người tu đạo mà nghiên cứu minh bạch Phật pháp, thì sẽ có cảnh giới như thế xuất hiện.

Hoặc hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thuyết pháp, đều hiện ra hình bóng ở trong thân người đó.

Hoặc là hàng Thanh Văn, hoặc là Bích Chi Phật, hoặc là Bồ Tát, hoặc là chư Phật, ở trong mười phương thế giới thuyết pháp, đều hiện ra hình bóng ở trong thân thanh tịnh của vị pháp sư đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn tường thuật lại nghĩa ở trên vừa nói, bèn dùng kệ nói ra.

Nếu người trì Pháp Hoa
Được thân rất thanh tịnh
Tịnh như là lưu ly
Chúng sinh đều ưa thấy.

Nếu như vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì sẽ được thân thể rất thanh tịnh, chẳng có nhiễm ô, giống như lưu ly thanh tịnh sáng chói. Hết thảy chúng sinh đều hoan hỷ thấy vị pháp sư đó nói pháp.

Lại tịnh như gương sáng
Đều thấy các hình bóng
Bồ Tát nơi thân tịnh
Đều thấy toàn thế giới.

Chỉ riêng mình thấy rõ
Người khác chẳng thấy được.

Thân thanh tịnh đó, lại giống như gương sáng, hoàn toàn thấy được tất cả hình bóng. Hình bóng đến thì hiện, đi thì chẳng có, chẳng lưu ảnh lại. Ở trong thân thanh tịnh của Bồ Tát, nhìn thấy được hình bóng toàn thế giới. Cảnh giới đó, chỉ riêng Bồ Tát tự mình thấy rõ, ngoài ra người khác chẳng thấy đặng.

Trong ba ngàn thế giới
Tất cả hữu vô tình
Trời người A tu la
Địa ngục quỷ súc sinh.
Các hình bóng như thế
Đều hiện ra trong thân.

Ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, hết thảy tất cả chúng sinh và tất cả cảnh giới như người ở trên trời, người ở nhân gian và A tu la (đây là ba đường lành), và địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh (đây là ba đường ác). Tất cả hình bóng trong sáu đường như thế, đều hiện ra ở trong thân thanh tịnh lưu ly của Bồ Tát, chẳng những rõ ràng mà còn chẳng tạp loạn.

Cung điện của chư Thiên

Cho đến trời Hữu Đỉnh
Núi Thiết và Di Lâu
Các biển cả sông ngòi
Đều hiện ra trong thân.

Cung điện của chư Thiên trong ba cõi, cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, núi Thiết Vi và núi Di Lâu, núi đại Du Lâu. Hết thảy tất cả biển cả sông ngòi, đều hiện ra trong thân thanh tịnh của vị pháp sư trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Chư Phật và Thanh Văn
Phật tử Bồ Tát thảy
Hoặc riêng hoặc trong chúng
Nói pháp đều hiện ra.

Mười phương chư Phật và hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát thảy, hoặc độc thân một người, hoặc ở trong đại chúng, nói pháp giáo hóa chúng sinh, đều hoàn toàn hiện ra trong thân thanh tịnh như lưu ly. Cảnh giới đó thật là không thể nghĩ bàn; diệu không thể tả.

Tuy chưa được vô lậu
Và pháp tánh diệu thân
Dùng thân thanh tịnh thường

Tất cả hiện trong đó.

Người đó thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tuy chưa chứng được Thánh quả vô lậu, và diệu thân pháp tánh. Song, thân thường của cha mẹ sinh ra, mà hết thảy tất cả đều hiện ra ở trong thân thanh tịnh. Cảnh giới đó chỉ có vị đó mới biết được, còn người khác chẳng thấu được.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, sau khi Như Lai diệt độ, mà thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Nhờ ý căn thanh tịnh đó, cho đến nghe một bài kệ, một câu, mà thông đạt được nghĩa lý vô lượng vô biên.

Đức Phật lại gọi một tiếng Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Nếu như người nam, người nữ tu hành, sau khi Phật diệt độ, có ai thọ trì bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, hoặc đọc, học tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Nhờ căn ý thanh tịnh đó, cho đến nghe được dù một bài kệ, hoặc nghe

được một câu kinh văn, thì có thể thông đạt được toàn bộ nghĩa lý kinh văn.

Hiểu nghĩa lý đó rồi, mà có thể diễn nói một câu kinh, một bài kệ, thậm chí giảng đến một tháng, bốn tháng, cho đến một năm. Các pháp nói ra, tùy theo nghĩa lý đều hợp với thật tướng, chứ chẳng trái ngược với thật tướng, hoặc nói kinh sách thế gian, lời lẽ trị thế, nghề nghiệp làm ăn, thảy đều hợp với chánh pháp.

Thấu hiểu minh bạch nghĩa lý đó rồi, lại vì chúng sinh diễn nói diệu pháp, giải thích diệu lý dù một bài kệ, hoặc một câu kinh, mà phát huy được vô lượng vô biên đạo lý. Một câu kinh văn, một bài kệ, thậm chí giảng đến một tháng (đại biểu cho pháp một thừa thật tướng), hoặc giảng đến bốn tháng (đại biểu cho pháp tứ đế tiểu thừa), hoặc giảng đến một năm (đại biểu cho pháp mười hai nhân duyên). Tuy là một câu pháp, mà khiến cho hợp với tất cả các pháp. Tất cả pháp nói ra, đều tùy thuận nghĩa lý thú hướng. Đạo lý nói ra đều hợp với thật tướng, hợp với đệ nhất nghĩa đế, tuyệt đối chẳng đi ngược lại nghĩa lý thật tướng.

Hoặc là giảng nói tất cả kinh sách của thế gian, như Tứ Thư Ngũ Kinh, hoặc lời lẽ trị thế, hoặc sinh sống làm ăn, thảy đều thuận với chánh pháp, chẳng trái ngược. Tất cả đều chiếu theo bát chánh đạo mà thực hành, dùng bát chánh đạo làm mô phạm.

Sáu đường chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, tâm nghĩ gì, tâm khởi làm những gì, và tâm hí luận, thảy đều biết rõ. Tuy chưa được trí huệ vô lậu, mà căn ý của người đó thanh tịnh như thế. Người đó có suy nghĩ tính toán nói năng, đều là Phật pháp, chẳng có gì mà chẳng chân thật, cũng là đạo lý ở trong kinh trước kia Phật đã nói.

Hết thảy sáu đường chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, trong tâm của họ nghĩ làm gì, khởi lên việc gì, vọng niệm sinh ra, hết thảy mọi hí luận, vị pháp sư đó đều biết rõ. Vị đó tuy chưa chứng được trí huệ vô lậu, nhưng thắng ý căn của vị đó đắc được thanh tịnh. Vị pháp sư đó nghĩ gì, tính toán, nói năng, đều là Phật pháp, diệu pháp, pháp không nghĩ bàn. Tại sao ? Vì vị đó thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có nghĩ gì và làm gì, đều là chân thật không hư. Pháp nói ra và sự tu đạo, đều là pháp môn chân thật, đều là đạo lý trước kia Phật nói. Tuy toàn bộ

kinh Phật chưa đọc hết, nhưng đã thấu rõ đại ý trong kinh. Vì đắc được cảnh giới diệu tam muội.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn tường thuật lại nghĩa lý kinh văn ở trên vừa nói, cho nên dùng kệ để diễn nói lại.

Người đó ý thanh tịnh
Sáng suốt chẳng vẩn đục
Nhờ căn diệu ý đó
Biết pháp thượng trung hạ.

Căn thắng ý của vị pháp sư đó rất thanh tịnh, chẳng những sáng mà còn suốt thấu, chẳng có vẩn đục ô uế. Nhờ thắng ý căn vi diệu đó, nên biết Phật pháp thượng trung hạ, do đó có câu : ‘’Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.’’

Cho đến nghe bài kệ
Thông đạt vô lượng nghĩa
Thứ lớp như pháp nói
Tháng bốn tháng một năm.

Dù chỉ nghe được một bài kệ, mà thông đạt được vô lượng nghĩa lý. Thứ lớp như pháp mà giải nói, tuyệt đối

chẳng nói pháp lộn xộn, chẳng có đầu đuôi. Giải nói một bài kệ, hoặc giảng đến một tháng, hoặc giảng đến bốn tháng, hoặc giảng một năm, đắc được cảnh giới nhạo thuyết vô ngại.

Trong ngoài thế giới đó
Tất cả các chúng sinh
Hoặc trời rồng và người
Chúng Dạ Xoa quỷ thần.

Trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, hết thảy tất cả chúng sinh, hoặc người ở trên trời, hoặc người ở nhân gian, hoặc các loài rồng, Dạ Xoa, quỷ thần .v.v...

Tất cả trong sáu đường
Khởi suy nghĩ những gì
Nhờ trì Kinh Pháp Hoa
Đồng thời đều biết rõ.

Tất cả chúng sinh luân hồi trong sáu đường, nghĩ nhớ những gì. Nhờ thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên biết rõ tất cả chúng sinh khởi tâm động niệm. Chúng sinh nào phải làm bò, làm ngựa, chúng sinh nào phải làm cọp, sư tử, chúng sinh nào phải làm cá, rùa, tôm, cua, chúng sinh nào phải làm gà, vịt, ngỗng, chim, thì đều biết được, một khi nghĩ, thì biết tiền nhân hậu quả.

Vô số Phật mười phương
Trăm phước tướng trang nghiêm
Vì chúng sinh nói pháp
Khiến họ nghe thọ trì.

Mười phương thế giới có vô số ức chư Phật, vì thuở xưa các Ngài đã từng trải qua ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp gieo trồng tướng tốt, cho nên có tướng trăm phước trang nghiêm thân. Vì hết thảy chúng sinh diễn nói diệu pháp, khiến cho họ nghe rồi, thì thọ trì và y theo pháp mà tu hành.

Suy gẫm vô lượng nghĩa
Thuyết pháp cũng vô lượng
Trọn chẳng quên hoặc sai
Do nhờ trì Pháp Hoa.

Có thể từ một đạo lý, mà liên tưởng đến vô lượng đạo lý; từ vô lượng đạo lý, mà quy về viên ngộ một đạo lý, do đó có câu :

''Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù quy về một gốc.''

Thuyết pháp cũng vô lượng vô biên, thủy chung chẳng quên Phật pháp, hoặc giảng sai lầm, tuyệt đối

chẳng có chuyện đó xảy ra. Bởi do thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Đều biết tướng các pháp
Theo nghĩa nói thứ lớp
Rõ danh từ lời lẽ
Theo sự biết diễn nói.

Vì có đại trí huệ, nên thông đạt liễu ngộ đạo lý thật tướng của các pháp. Thật tướng là gì ? Tức là vô tướng : Chẳng có tướng ta, chẳng có tướng người, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ mạng. Có bốn tướng đó là phàm phu; chẳng có bốn tướng tức là Thánh nhân. Chẳng có bốn tướng này, cũng chẳng phải là chẳng có tướng như thật thanh tịnh, chỗ này phải hiểu cho rõ.

Tùy theo nghĩa kinh mà giảng pháp có thứ lớp, trước sau đều có thứ tự, khiến cho người nghe dễ hiểu. Thông đạt danh từ giải thích, lời lẽ khéo léo, đắc được văn tự Bát Nhã, ngôn ngữ tam muội, chiếu theo đạo lý mà mình liễu ngộ hiểu biết, để vì chúng sinh diễn nói diệu pháp.

Người đó nói những gì
Đều là pháp Phật nói
Bởi nhờ nói pháp đó
Nên trước chúng chẳng sợ.

Pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nói những pháp gì, đều là diệu pháp trước kia Đức Phật đã nói, bất quá vị đó nói lại nữa mà thôi. Vì vị đó diễn nói diệu pháp, cho nên ở trước đại chúng chẳng có sợ sệt, mà thao thao bất tuyệt, vì chúng sinh nói pháp, đầu đầu thị đạo, phân tích rõ ràng, có cảnh giới hoa trời rải xuống, hoa sen từ dưới đất vọt lên.

Người trì Kinh Pháp Hoa
Được căn ý thanh tịnh
Tuy chưa được vô lậu
Trước có tướng như thế.

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa được căn ý thanh tịnh. Tuy nhiên chưa chứng được trí huệ vô lậu, nhưng trước hết đắc được tình hình như thế.

Người đó trì kinh này
An trụ nơi hi hữu
Được tất cả chúng sinh
Hoan hỷ và thương kính.

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, an trụ ở nơi hy hữu nhất, được tất cả chúng sinh hoan hỷ thương mến và cung kính.

Hay dùng ngàn vạn thứ
Lời lẽ rất khéo léo
Để phân biệt diễn nói
Bởi trì Kinh Pháp Hoa.

Hay dùng hàng ngàn vạn thứ lời lẽ, ví dụ phương tiện khéo léo, phân tích rõ ràng để vì chúng sinh giải nói diệu pháp. Tại sao lại có trí huệ như thế ? Vì thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM BỒ TÁT THƯỜNG BẤT KHINH
THỨ HAI MƯƠI

Sao lại gọi là ‘’Thường Bất Khinh‘’? Kỳ thật ‘’Thường Bất Khinh‘’ là tên của một vị Bồ Tát, có phải là danh từ thông dụng của Bồ Tát ? Chẳng phải. Chỉ bất quá là một biệt danh, tức là một ngoại hiệu. Vì vị Bồ Tát này, một khi thấy người thì cúi đầu đảnh lễ. Do đó, có những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni gán cho Ngài một cái tên gọi là ‘’Thường Bất Khinh.’’ Đó là trong đời quá khứ của Đức Phật Thích Ca khi hành đạo Bồ Tát, gặp người thì năm thể sát đất đảnh lễ họ, song một số Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni dùng ‘’Thường Bất Khinh‘’ để gọi Ngài, chứ chẳng phải là danh hiệu vốn có của Bồ Tát đó. Vì khi Đức Phật hành Bồ Tát đạo, thì thấy người bèn nói : ‘’Tôi không dám khinh các vị, vì các vị đều sẽ thành Phật.’’ cho nên được

tên là ‘’Thường Bất Khinh,‘’ thường chẳng khinh khi người khác vậy.

‘’Thường Bất Khinh‘’ lại có thể phân làm bốn thứ giải nói :

1). Bao hàm ý niệm chẳng khinh mạn.

2). Tự đầy đủ trí huệ chẳng khinh địch.

3). Ngoài thân hành hạnh môn cung kính tất cả.

4). Đối với tất cả cảnh giới đều tất cung tất kính, chẳng có tâm phóng dật, cho nên nói :

‘’Tất cả là khảo nghiệm,
Xem thử bạn thế nào,
Trước mắt mà chẳng ngộ,
Phải luyện lại từ đầu.’’

Vì Bồ Tát Thường Bất Khinh nhận thức được đủ thứ cảnh giới và sự khảo nghiệm, nên thực hành hạnh môn Thường Bất Khinh, đây là thuộc về thế giới tất đàn (bố thí khắp). Thân của Ngài thực hành hạnh bất khinh, cung hành thực tiễn, đây gọi là vị nhân tất đàn. Miệng của Ngài nói giáo lý bất khinh, những gì nói ra, đều là pháp môn giáo hóa chẳng khinh người khác, đây gọi là đối trị tất đàn. Ngài có một pháp nhìn chẳng khinh mạn đối với người khác, đây gọi là đệ nhất nghĩa tất đàn. Do đó ‘’Thường Bất Khinh‘’ lại bao quát bốn thứ tất đàn này.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát Đắc Đại Thế ! Ông nay nên biết, nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, thọ trì Kinh Pháp Hoa, nếu có người ác khẩu mắng chưởi phỉ báng, thì sẽ mắc tội báo lớn, như trước đã nói. Người trì Kinh Pháp Hoa được công đức, cũng như ở trước đã nói, mắt tai mũi lưỡi đều thanh tịnh.

Đắc Đại Thế ! Vào thuở xa xưa, đã trải qua vô lượng vô biên số kiếp A tăng kỳ, không thể nghĩ bàn, có vị Phật hiệu là Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kiếp đó tên là Ly Suy, nước đó tên là Đại Thành.

Khi Đức Phật nói xong Phẩm Pháp Sư Công Đức, thì bắt đầu nói Phẩm Thường Bất Khinh. Trước hết, Phật bảo đại Bồ Tát Đắc Đại Thế, tức cũng là Bồ Tát Đại Thế Chí. Vị Bồ Tát này chỉ cần cất chân lên một bước, thì mặt đất có sáu thứ chấn động, biểu thị uy thế lực mạnh của vị Bồ Tát này. Đức Phật nói : ‘’Đại Thế Chí ! Bây giờ ông

nên biết, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đọc tụng, biên chép Kinh Pháp Hoa, nếu như có người ác khẩu đến mắng chưởi, hoặc phỉ báng họ, thì những người này mắc tội báo lớn như núi Tu Di, như kinh văn đã nói ở trên. Còn công đức của người trì Kinh Pháp Hoa, cũng như đã nói ở trong Phẩm Pháp Sư Công Đức ở trên, đắc được công đức mắt tai mũi lưỡi thân ý thanh tịnh.

Bồ Tát Đại Thế Chí ! Vào thuở xa xưa, đã trải qua vô lượng vô biên số kiếp A tăng kỳ không thể nghĩ bàn, có một vị Phật hiệu là Uy Âm Vương Như Lai. Vì vị Phật đó đủ đại uy đức, thậm chí âm thanh của Ngài cũng khiến cho ba ngàn đại thiên thế giới chấn động, đại chúng đều cung kính lắng nghe vị Phật đó nói pháp. Mỗi vị Phật đều đầy đủ mười hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.''

☸ Như Lai : Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác.

☸ Ứng Cúng : Xứng đáng thọ trời người cúng dường.

☸ Chánh Biến Tri : Chẳng những chánh tri (biết chân chánh) mà còn biến tri (biết khắp hết thảy), chẳng có gì mà chẳng biết, chẳng có gì mà chẳng thấu.

☸ Minh Hạnh Túc : Trí huệ cũng sung túc, tu hành cũng viên mãn.

☸ Thiện Thệ : Ở nơi tốt lành nhất.

❁ Thế Gian Giải : Băc hiểu rõ thế gian nhất.

❁ Vô thượng Sĩ : Là người có học vấn nhất, có đạo đức nhất trên thế gian.

❁ Điều Ngự Trượng Phu : Điều ngự ba cõi, là đại trượng phu của tất cả chúng sinh.

❁ Thiên Nhân Sư : Thầy dẫn đường của trời, người.

❁ Phật : Là ba giác tròn, vạn đức đầy.

❁ Thế Tôn : Bậc tôn kính của thế và xuất thế.

Khi Đức Phật Uy Âm Vương Như Lai còn ở đời, thì kiếp đó tên là Ly Suy, tức là lìa khỏi mọi tướng suy, nước tên là Đại Thành.

Đức Phật Uy Âm Vương ở trong cõi nước đó, vì các hàng trời, người, A tu la mà nói pháp. Vì người cầu Thanh Văn nói pháp tứ diệu đế, độ thoát sinh già bệnh chết, đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật nói pháp mười hai nhân duyên. Vì các Bồ Tát cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nói pháp sáu Ba la mật, đạt đến trí huệ cứu kính của Phật.

Vào kiếp Ly Suy, trong nước Đại Thành, vị Phật Uy Âm Vương đó, vì trời, người, A tu la nói pháp siêng tu

giới định huệ, tiêu diệt tham sân si. Vì A tu la chẳng tu giới, chẳng tu định, cũng chẳng tu huệ, mà chỉ biết tham, sân, si. Vì tham, sân, si, nên có ngu si mới đọa vào đường A tu la. Nổi giận là bản lãnh của chúng, vì chúng mất đi giới định huệ. A tu la là tiếng Phạn, dịch là "chẳng đoan chánh", mặt mũi rất là xấu xí, đây là quả báo của tâm sân hận.

Đức Phật đó, lại vì người cầu quả vị Thanh Văn nói pháp tứ diệu đế. Tứ diệu đế là : Khổ, tập, diệt, đạo. Thanh Văn là người nhị thừa, thuộc về tiểu thừa, vì họ được ít mà cho là đủ, chẳng nghĩ tiến tới cầu đại thừa, cho rằng những gì làm đã làm xong, lầm rằng trên chẳng có Phật đạo để thành, dưới chẳng có chúng sinh để độ. Do đó, Phật vì họ nói chân lý tứ diệu đế.

A. Khổ đế : Khổ có vô lượng sự khổ, ba sự khổ (khổ khổ, hoại khổ, hành khổ), tám thứ khổ (khổ về sinh già bệnh chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc, khổ về ngũ ấm sí thạnh). Nay lược giải như sau :

Ba thứ khổ :

1). Khổ khổ : Ví như người nghèo đến cực điểm, lại thêm vào chẳng có nhà ở, chẳng có quần áo mặc, hoàn cảnh như thế gọi là khổ trong sự khổ.

2). Hoại khổ : Ví như có người rất giàu có, nhưng bị nạn lửa thiêu sạch tài sản nhà cửa, đó gọi là hoại khổ về giàu có.

3). Hành khổ : Từ nhỏ đến lớn rồi già nua, rồi chết đi, niệm niệm thay đổi như sóng sau đẩy sóng trước, chẳng khi nào ngừng, nên gọi là hành khổ.

Tám thứ khổ :

1). Khổ về sinh : Khi sinh như rùa lột mai. Cho nên khi đứa bé mới sinh ra, chỉ kêu khổ ‘’oa oa.‘’

2). Khổ về già : Khi già thì mắt tai mũi lưỡi thân và ý sáu căn, đều chẳng còn linh mẫn.

3). Khổ về bệnh : Thân tâm đều chẳng được khoẻ, ngồi đứng không yên.

4). Khổ về chết : Chết giống như bò sống lột da, tứ đại phân tán.

5). Khổ vì thương yêu mà phải xa lìa : Những người mình thương yêu đành phải phân ly, không được đoàn tụ.

6). Khổ vì người mình ghét mà gặp mặt : Người thù địch mà bạn ghét nhất lại gặp nhau.

7). Khổ về cầu chẳng được : Trong tâm muốn đắc được mà chẳng đắc được.

8). Khổ về năm ấm : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm ấm, như lửa dữ thiêu đốt con người, khiến cho điên đảo.

B. Tập đế : Tức chiêu cảm.

C. Đạo đế : Tức là tu vô thượng đạo.

D. Diệt đế : Tức là chứng được sự vui tịch diệt Niết Bàn. Đó là lược nói về pháp tứ diệu đế. Phật dạy hàng

Thanh Văn dùng pháp tứ đế mà độ sinh già bệnh chết, đắc được diệu đức Niết Bàn thường lạc ngã tịnh.

Lại vì người tu Bích Chi Phật nói pháp mười hai nhân duyên. Bích Chi Phật gọi là Duyên Giác. Duyên Giác có hai :

1). Lúc có Phật ra đời, tu pháp mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, nên gọi là Duyên Giác.

2). Lúc chẳng có Phật ra đời, tu ở trong thâm sơn cùng cốc, mùa xuân quán hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi mà ngộ đạo, nên gọi là Độc Giác.

Mười hai nhân duyên là : Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não.

Phật vì các Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên vì các Bồ Tát nói pháp môn sáu Ba la mật. Sáu Ba la mật là pháp của Bồ Tát tự độ độ tha, tự lợi lợi tha, tự giác giác tha. Ba la mật là tiếng Phạn, dịch là "Đến bờ kia". Nếu tu sáu Ba la mật, thì từ sinh tử bên này qua dòng phiền não, đạt đến bờ bên kia cứu kính Niết Bàn.

Đắc Đại Thế ! Đức Phật Uy Âm Vương đó, thọ bốn mươi vạn ức Na do tha Hằng hà sa số kiếp. Chánh pháp lưu lại ở đời, kiếp số

như hạt bụi của cõi Diêm Phù Đề, tượng pháp lưu lại ở đời, kiếp số như hạt bụi của bốn thiên hạ. Đức Phật đó, lợi ích chúng sinh rồi, sau đó mới diệt độ.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''Đại Thế Chí ! (Đắc Đại Thế tức là Đại Thế Chí) Vị Phật Uy Âm Vương đó, thọ đến bốn mươi vạn ức Na do tha Hằng hà sa số kiếp. Chánh pháp ở đời, số kiếp như số hạt bụi của cõi Diêm Phù Đề. Tượng pháp ở đời, kiếp số như hạt bụi của bốn thiên hạ. Đức Phật đó, sau khi lợi ích phổ độ giáo hóa hết thảy chúng sinh, rồi mới vào Niết Bàn.

Sau khi chánh pháp và tượng pháp diệt rồi, ở cõi nước đó, lại có Phật ra đời cũng hiệu là Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như thế lần lượt có hai vạn ức đức Phật, cũng đều cùng một danh hiệu. Sau khi đức Phật Uy Âm Vương đầu tiên diệt độ rồi, chánh pháp cũng diệt rồi, thì trong thời

tượng pháp, hàng Tỳ Kheo tăng thượng mạn có thế lực lớn. Bấy giờ, có một Bồ Tát Tỳ Kheo tên là Thường Bất Khinh.

Đắc Đại Thế ! Do nhân duyên gì mà tên là Thường Bất Khinh ? Vì vị Tỳ Kheo đó, bất cứ gặp ai, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đều lễ lạy khen ngợi mà nói rằng : Ta rất kính các vị, chẳng dám khinh khi. Tại sao ? Vì các vị đều hành Bồ Tát đạo, đều sẽ thành Phật. Mà vị Tỳ Kheo đó, chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ lễ lạy, cho đến ở xa thấy bốn chúng, cũng đều cố đến gần, lễ lạy khen ngợi mà nói rằng : Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật.

Sau khi chánh pháp và tượng pháp của Phật Uy Âm Vương diệt rồi, ở trong cõi nước Đại Thành đó, lại có Phật ra đời, danh hiệu cũng là Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như thế có hai vạn ức vị Phật, lần lượt xuất hiện ở trong nước Đại Thành. Những vị Phật

đó, danh hiệu đều là Phật Uy Âm Vương. Sau khi Đức Phật Uy Âm Vương đầu tiên vào Niết Bàn, kế tiếp chánh pháp cũng diệt luôn, ở trong thời tượng pháp, hàng Tỳ Kheo cống cao ngã mạn, tranh danh đoạt lợi có thế lực lớn, coi ai cũng chẳng ra gì. Lúc đó, có một vị Bồ Tát Tỳ Kheo tên là Thường Bất Khinh.

Phật lại gọi một tiếng : Đại Thế Chí ! Bởi nhân duyên gì, mà vị Tỳ Kheo đó có tên là Thường Bất Khinh ? Vì bất cứ Ngài gặp Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đều đảnh lễ, khen ngợi, vì Ngài muốn hành Bồ Tát đạo, học Bồ Tát quán chúng sinh, ta, người, đồng một thể, chẳng thấy có tướng ta, chẳng thấy có tướng người, chẳng thấy có tướng chúng sinh, chẳng thấy có tướng thọ mạng. Nếu Ngài chấp trước tướng ta, thì chẳng thể nào hướng về người khác cúi đầu đảnh lễ. Ngài luôn nói rằng: ‘’Tôi rất cung kính các vị ! Tôi tuyệt đối không dám khinh mạn các vị. Vì các vị đều hành Bồ Tát đạo, các vị sớm sẽ thành Phật.’’ Mà vị Thường Bất Khinh Tỳ Kheo đó, chẳng chuyên tâm đọc tụng tất cả kinh điển, mà vẫn hành Bồ Tát đạo, tức là mỗi ngày đều hướng về bốn chúng đệ tử cúi đầu đảnh lễ, cho dù Ngài đến nơi khác mà thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cách xa họ rất xa, Ngài đều đi đến gần họ để lễ lạy khen ngợi nói : ‘’Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật.’’

Ở trong bốn chúng, có người sinh tâm sân hận chẳng thanh tịnh, ác khẩu mắng

chưởi nói : Vị Tỳ Kheo vô trí này, từ đâu đến, mà tự nói là tôi chẳng khinh các vị, mà thọ ký cho chúng ta sẽ được thành Phật. Chúng ta chẳng nhận lời thọ ký hư vọng như thế. Trải qua nhiều năm như thế, thường bị mắng chửi mà chẳng sinh tâm sân hận. Thường nói như vầy : Các vị sẽ thành Phật. Khi nói lời đó, thì mọi người đều dùng gậy ngói đá đánh ném. Ngài bèn chạy trốn thật xa, mà vẫn lớn tiếng nói : Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật. Bởi thường nói lời như thế, cho nên hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng mạn gọi Ngài là Thường Bất Khinh. Khi vị Tỳ Kheo đó sắp lâm chung, thì ở trong hư không, nghe đủ hai mươi ngàn vạn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa, của đức Phật Uy Âm Vương nói trước kia. Ngài nghe rồi thọ trì, bèn được căn mắt thanh tịnh, căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đều thanh tịnh như đã nói ở trên. Được sáu căn thanh tịnh rồi, thì càng

tăng tuổi thọ đến hai trăm vạn ức Na do tha tuổi, rộng vì người nói Kinh Pháp Hoa này.

Ở trong bốn chúng có hàng Tỳ Kheo tăng thượng mạn, đối với Bồ Tát Thường Bất Khinh sinh tâm sân hận. Khi Tỳ Kheo Thường Bất Khinh hướng về họ lễ lạy, thì họ dùng chân đá đầu của Ngài, đó là vì họ ác tâm chẳng tịnh, tích tụ tham sân si ba độc, cố ý ác khẩu chửi mắng Tỳ Kheo Thường Bất Khinh. Họ nói : ''Ông Tỳ Kheo này thật là quá ngu si ! Ông từ đâu đến ? Ông chẳng dám khinh chúng ta, lại thọ ký cho chúng ta, nói chúng ta sẽ thành Phật. Chúng ta chẳng cần ông thọ ký láo khoét như thế. Ông thật là người hồ đồ.''

Vị Tỳ Kheo Thường Bất Khinh tu pháp môn nhẫn nhục lễ lạy, khen ngợi bốn chúng như thế trải qua rất nhiều năm. Tuy Ngài thường bị họ đánh đập chửi mắng, nhưng Ngài chẳng bao giờ sinh tâm sân hận, Ngài thường nói : ''Các vị sẽ thành Phật.'' Khi nói những lời đó, thì nhiều người dùng gậy, ngói, đá, đánh ném vào thân thể Ngài. Ngài bèn chạy mau đến chỗ xa, lại lớn tiếng nói : ''Tôi chẳng dám khinh các vị ! Các vị đều sẽ thành Phật !'' Bởi Ngài thường nói câu đó, cho nên hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng mạn bèn gọi Ngài là Thường Bất Khinh.

Vị Bồ Tát Tỳ Kheo Thường Bất Khinh đó, lúc Ngài sắp viên tịch, thì ở trong hư không, nghe được hai mươi ngàn vạn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa, của Phật Uy Âm

Vương nói trước kia. Ngài chẳng những nghe rồi mà còn thọ trì, bèn được căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn thanh tịnh như đã nói ở trên. Ngài đắc được sáu căn thanh tịnh rồi, chẳng những chẳng mệnh chung, mà ngược lại càng tăng thêm tuổi thọ, đến hai trăm vạn ức Na do tha tuổi, thường thường vì người diễn nói Kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng mạn khinh khi vị đó, đặt tên là Thường Bất Khinh, thấy vị đó đắc được sức đại thần thông, sức nhạo thuyết biện tài, tâm lương thiện. Nghe vị đó nói pháp, đều tin thọ đi theo. Vị Bồ Tát đó, lại giáo hóa hàng ngàn vạn ức chúng, khiến cho họ trụ nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Sau khi mạng chung, được gặp hai ngàn ức vị Phật, đều hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ở trong pháp đó thường nói Kinh Pháp Hoa này. Bởi nhân duyên đó, lại được gặp hai ngàn ức vị Phật, đồng hiệu là Vân Tự Tại Đăng Vương. Ở trong pháp của các đức Phật đó, đều thọ trì đọc tụng, vì bốn chúng nói kinh điển này, cho nên được mắt

thường thanh tịnh, tai mũi lưỡi thân ý các căn đều thanh tịnh. Ở trong bốn chúng nói pháp tâm chẳng sợ hãi.

Đắc Đại Thế ! Đại Bồ Tát Thường Bất Khinh đó, cúng dường hết thảy các vị Phật như thế, cung kính tôn trọng khen ngợi, trồng các căn lành. Về sau, lại gặp ngàn vạn ức đức Phật, cũng ở trong pháp của các vị Phật đó, diễn nói kinh này, công đức thành tựu sẽ được thành Phật.

Khi Bồ Tát Thường Bất Khinh đắc được sáu căn thanh tịnh, thì thường vì người diễn nói Kinh Pháp Hoa. Trước kia, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng mạn, lại có những người đánh đập mắng chưởi khinh khi Ngài, đặt cho Ngài cái tên là Thường Bất Khinh. Họ thấy Bồ Tát Thường Bất Khinh có thần thông lớn, lại đọc tụng làu Kinh Pháp Hoa, còn vì người mà nói Kinh Pháp Hoa, được biện tài vô ngại, lại được thân tâm lương thiện, chẳng sinh tâm sân hận, có sức nhẫn nhục và sức trí huệ Bát Nhã. Khi họ nghe vị Bồ Tát Thường Bất Khinh nói Kinh Pháp Hoa, thì họ đều im lặng tin nhận, đi theo Bồ Tát Thường Bất Khinh cùng nhau tu đạo.

Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh giáo hóa hàng ngàn vạn ức chúng sinh, đều khiến cho họ trụ nơi Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau khi đời thứ nhất mạng chung rồi, thì có hai ngàn ức vị Phật xuất hiện ra đời, đều hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật. Ở trong pháp của hai ngàn ức vị Phật đó, Bồ Tát Thường Bất Khinh vẫn nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Nhờ nhân duyên đó, lại gặp hai ngàn ức vị Phật xuất hiện ra đời, đều đồng hiệu là Vân Tự Tại Đăng Vương Phật. Ở trong pháp của hai ngàn ức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, và hai ngàn ức Phật Vân Tự Tại Đăng Vương, Bồ Tát Thường Bất Khinh đời đời kiếp kiếp, đều thọ trì đọc tụng và vì bốn chúng đệ tử rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa này, đắc được mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các căn thường thanh tịnh chẳng nhiễm. Ở trong bốn chúng nói pháp tâm chẳng sợ hãi.

Phật lại gọi một tiếng : ''Đắc Đại Thế ! Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh đó, đã từng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi chư Phật như đã nói ở trên, và ở trước chư Phật gieo trồng các căn lành. Sau đó, lại có ngàn vạn ức vị Phật ra đời. Ngài cũng ở trong pháp của chư Phật diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Nhờ công đức Ngài diễn nói bộ kinh này thành tựu, cho nên Ngài được thành Phật.''

Đắc Đại Thế ! Ý ông thế nào ? Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở đó là người nào vậy

? Chính là thân ta. Nếu trong đời quá khứ, ta chẳng thọ trì đọc tụng kinh này, chẳng vì người khác diễn nói, thì không thể sớm được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì trước kia, ta ở chỗ các đức Phật thọ trì đọc tụng kinh này, vì người diễn nói, nên sớm được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đắc Đại Thế ! Lúc đó bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, dùng tâm sân hận khinh tiện ta, cho nên trải qua hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng thấy Tăng. Ngàn kiếp ở trong địa ngục A Tỳ, thọ đại khổ não, hết tội đó rồi, lại gặp Bồ Tát Thường Bất Khinh, giáo hóa cho họ đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đắc Đại Thế ! Ý ông thế nào ? Bốn chúng thường khinh khi Bồ Tát Thường Bất Khinh, đâu phải là ai khác, nay ở trong hội này, đó là Bạt Đà Bà La cả thảy năm trăm vị Bồ Tát, Sư Tử Nguyệt cả thảy năm trăm vị

Tỳ Kheo, Ni Tư Phật cả thảy năm trăm vị cư sĩ nam, đều chẳng thối chuyển nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đắc Đại Thế ! Nên biết Kinh Pháp Hoa này, lợi ích rất lớn cho các đại Bồ Tát, khiến cho đạt đến quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bởi thế, các đại Bồ Tát sau khi Như Lai diệt độ, thường hay thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, kinh này.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''Đắc Đại Thế ! Theo ý của ông thấy thì thế nào ? Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh là người nào vậy ? Ông ta chính là tiền thân của ta (Phật Thích Ca Mâu Ni). Nếu như thuở xưa, ta chẳng thọ trì và đọc tụng Kinh Pháp Hoa này, hoặc chẳng vì người khác giải nói kinh này, thì ta không thể nào, sớm được thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi vì ta thuở xưa ở chỗ các Đức Phật, hay thọ trì đọc tụng bộ kinh này, và vì người khác giải nói, cho nên ta sớm được thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

''Đắc Đại Thế ! Những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng đệ tử, dùng tâm sân hận và

khinh khi ta là vô trí, cho nên ở trong hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe được Phật pháp, cũng chẳng thấy được Tăng. Ngàn kiếp ở trong địa ngục A Tỳ, chịu hành hình khổ não, sau khi thọ xong tội báo, thì lại đầu thai làm người, gặp Bồ Tát Thường Bất Khinh để giáo hóa họ, khiến cho họ phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

''Đắc Đại Thế ! Theo ý của ông thế nào ? Bốn chúng thường khinh khi Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở đó là ai vậy ? Chính là Bạt Đà Bà La cả thảy năm trăm vị Bồ Tát, Sư Tử Nguyệt cả thảy năm trăm vị Tỳ Kheo, Ni Tư Phật cả thảy năm trăm vị cư sĩ nam, đều đang ở trong pháp hội này. Họ đã đắc được cảnh giới không thối chuyển đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

''Đắc Đại Thế ! Ông nên biết bộ Kinh Pháp Hoa này, lợi ích hết thảy tất cả các đại Bồ Tát, hay khiến cho các Ngài đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho nên các đại Bồ Tát, sau khi Như Lai diệt độ, luôn luôn thọ trì đọc tụng giải nói biên chép bộ Kinh Pháp Hoa này. Lúc ấy, Đức Phật muốn tường thuật lại, bèn dùng kệ để nói.''

Quá khứ có Phật
Hiệu Uy Âm Vương
Thần trí vô lượng
Dẫn dắt tất cả.
Trời người rồng thần

Cùng đến cúng dường
Phật đó diệt rồi
Lúc pháp sắp diệt.
Có một Bồ Tát
Tên Thường Bất Khinh
Khi đó bốn chúng
Chấp trước nơi pháp.
Bồ Tát Bất Khinh
Đi đến chỗ họ
Bèn nói lời rằng:
Tôi chẳng khinh Ngài.
Các Ngài hành đạo
Đều sẽ thành Phật
Mọi người nghe rồi
Khinh khi mắng chưởi.
Bồ Tát Bất Khinh
Chịu đựng nhẫn nhục
Tội nghiệp hết rồi
Khi sắp lâm chung.
Nghe được kinh này
Sáu căn thanh tịnh

Nhờ sức thần thông
Tăng thêm tuổi thọ.
Lại vì mọi người
Rộng nói kinh này
Những người chấp pháp
Đều nhờ Bồ Tát.
Giáo hóa thành tựu
Khiến trụ Phật đạo
Bất Khinh mạng chung
Gặp vô số Phật.
Nhờ nói kinh này
Được vô lượng phước
Dần đủ công đức
Sớm thành Phật đạo.
Bất Khinh thuở đó
Tức là thân ta.

Đức Phật nói : ‘’Vô lượng đời trong quá khứ, có một vị Phật ra đời hiệu là Phật Uy Âm Vương. Thần thông của vị Phật đó vô lượng, trí huệ cũng vô lượng. Ngài tiếp dẫn tất cả chúng sinh, làm lãnh tụ tất cả chúng sinh, để dẫn dắt họ sớm thành Phật đạo. Lúc đó, tất cả các trời người và các rồng thần, cùng đến cúng dường vị Phật đó.

Vị Phật đó hoằng dương Phật pháp, trải qua thời gian lâu dài mới vào Niết Bàn. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, khi tượng pháp sắp diệt, thì có một vị Bồ Tát xuất hiện ra đời tên là ''Thường Bất Khinh,'' tức là luôn luôn chẳng khinh khi bất cứ ai. Ngài đối với tất cả chúng sinh như cung kính đối với Phật. Vào lúc pháp sắp diệt hết, thì có nhiều bốn chúng đệ tử nghiệp chướng thêm nặng, thân tuy xuất gia mà chẳng tu đạo. Vì họ đều sinh tâm cống cao ngã mạn, tâm tăng thượng mạn, xem người khác chẳng ra gì. Bởi Phật pháp sắp muốn diệt tận, cho nên tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, đều dụng công phu ngoài da, chấp trước nơi pháp, cho nên sinh tâm tăng thượng mạn.

Lúc đó, Bồ Tát Thường Bất Khinh đến chỗ bốn chúng tăng thượng mạn nói rằng : ''Tôi chẳng dám khinh mạn các vị, vì các vị hiện đang thực hành Bồ Tát đạo, cho nên tương lai đều sẽ thành Phật''. Hàng bốn chúng tăng thượng mạn nghe những lời đó rồi, thì khinh khi phỉ báng mắng chưởi Ngài. Tuy Bồ Tát Thường Bất Khinh chịu đựng sự đánh đập mắng chửi, cho đến dùng gậy, ngói, đá, đánh đập Ngài, song Ngài cũng chẳng sinh tâm sân hận, nhẫn thọ mọi sự thử thách, luôn cúi đầu đảnh lễ. Sau khi vị Bồ Tát Thường Bất Khinh trả hết nghiệp cũ, khi lâm chung, thì nghe được đạo lý Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn, đắc được sáu căn thanh tịnh, sáu căn hổ tương dụng với nhau. Bởi đắc được đại thần thông, đại trí huệ, đại thế đại lực, cho nên tuổi thọ lại tăng lên rất nhiều. Sau

đó, Ngài lại vì hết thảy mọi người rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này.

Ở trên nói về chúng sinh chấp trước pháp, và tăng thượng mạn, thọ hết quả báo trong địa ngục rồi, lại được đầu thai làm người, được gặp Bồ Tát Thường Bất Khinh, có đại oai thần lực như thế, nên đều nhờ Bồ Tát giáo hóa thành tựu, khiến cho họ trụ nơi Phật đạo. Sau khi Bồ Tát Thường Bất Khinh mạng chung, lại có vô số chư Phật xuất hiện ra đời, mà Bồ Tát Thường Bất Khinh trong đời đời kiếp kiếp, vẫn diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này, cho nên Ngài đắc được vô lượng phước báu trang nghiêm, dần dần đầy đủ công đức Phật đạo, sớm được thành Phật. Ta nói Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở đó là ai ? Chính là ta (Phật Thích Ca).

Bốn bộ chúng đó
Những người chấp pháp
Nghe Bất Khinh nói
Ông sẽ thành Phật.
Bởi nhân duyên đó
Gặp vô số Phật
Bồ Tát hội này
Chúng năm trăm người.
Và bốn bộ chúng

Thiện nam tín nữ
Nay ở trước ta
Nghe kinh pháp này.
Ta ở đời trước
Khuyên những người đó
Nghe thọ kinh này
Là pháp bậc nhất.
Khai thị dạy người
Khiến trụ Niết Bàn
Đời đời thọ trì
Kinh điển như thế.
Ức ức vạn kiếp
Không thể nghĩ bàn
Nên mới được nghe
Kinh Pháp Hoa này.
Ức ức vạn kiếp
Không thể nghĩ bàn
Chư Phật Thế Tôn
Diễn nói kinh này.
Bởi thế hành giả
Sau Phật diệt độ

Nghe được kinh này
Chớ sinh nghi hoặc.
Hãy nên một lòng
Rộng nói kinh này
Đời đời gặp Phật
Sớm thành Phật đạo.

Bốn chúng phỉ báng chưởi mắng Bồ Tát Thường Bất Khinh, một số người chấp trước pháp mà sinh tâm tăng thượng mạn, nghe thấy Bồ Tát Thường Bất Khinh nói họ sẽ thành Phật. Bởi nhờ nhân duyên đó, được thấy vô lượng vô số chư Phật. Hiện tại Bạt Đà Bà La năm trăm vị Bồ Tát ở trong pháp hội này, tức là một trong bốn chúng khinh khi phỉ báng Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở đó, hiện tại các vị đó đã chứng được bất thối chuyển, khéo giữ giới luật. Và có những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, thuở xưa tăng thượng mạn, hiện nay họ đều ở trước ta phát tâm đại bồ đề, vì ta thuở xưa khiến cho họ gieo trồng xuống hạt giống bồ đề, cho nên hiện tại đến nghe ta nói pháp.

Kiếp trước ta khuyên hết thảy mọi người, khiến cho họ phát bồ đề tâm, tu vô thượng đạo. Ta đời đời kiếp kiếp đều giảng bộ Kinh Pháp Hoa này, mà họ đều đã nghe qua. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh diệu bậc nhất, ta khai thị giáo hóa mọi người, khiến cho họ trụ ở Niết Bàn an vui, chứng

được diệu quả thường lạc ngã tịnh. Ta lại giáo hóa tất cả chúng sinh, đời đời kiếp kiếp, thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này. Ta cũng đời đời kiếp kiếp, thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này, thời gian ức ức vạn kiếp chẳng có số lượng, cho đến thời gian không thể nghĩ bàn, mới nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này. Cho đến ức ức vạn kiếp, và thời gian không thể nghĩ bàn, mười phương ba đời tất cả chư Phật Thế Tôn, đều luôn luôn nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Bởi thế, các vị những người tu đạo Bồ Tát, sau khi ta diệt độ, nghe được Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn này, thì ngàn vạn đừng sinh tâm nghi hoặc. Các vị phải chuyên tâm vì tất cả chúng sinh rộng nói bộ kinh này. Các vị đời đời kiếp kiếp, đều có thể gặp được tất cả chư Phật, sớm thành tựu Phật đạo, thành tựu bồ đề.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM THẦN LỰC CỦA NHƯ LAI
THỨ HAI MƯƠI MỐT

Thần là tự tại lực, chẳng tạo làm thêm. Thần ở đây thuộc về bên trong, lực thuộc bên ngoài. Vì bên trong có thần, nên bên ngoài có lực, nếu chẳng có thần thì chẳng có lực. Như Lai là một trong mười hiệu của Phật. Như là tĩnh, lai là động. Như cũng là tịch mặc, lai cũng là năng nhân. Năng nhân tức là làm được việc nhân từ của Phật. Tịch mặc tức là thành tựu tự tại thần lực của Phật. Thần lực của Như Lai, tức là thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn của Phật.

Ví như trong kinh này có nói, Đức Phật Thích Ca phân thân mười phương, đó là thần lực của Như Lai. Như Lai Đa Bảo đến pháp hội chứng minh Kinh Pháp Hoa, đó là thần lực của Như Lai. Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, đó là thần lực của Như Lai. Phẩm Pháp Sư Công Đức, sáu căn

hổ tương sử dụng, đó là thần lực của Như Lai. Cho nên, thần lực của Như Lai vô lượng vô biên, nói theo nghĩa rộng thì, hết thảy tất cả đều là thần lực của Như Lai thành tựu.

Bấy giờ, số đại Bồ Tát nhiều như hạt bụi của ngàn thế giới, từ dưới đất vọt lên, đều ở trước đức Phật, một lòng chắp tay chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con đợi sau khi Phật diệt rồi, chỗ đức Thế Tôn phân thân ở các cõi nước diệt độ rồi, chúng con sẽ rộng nói kinh này.

Sau khi Đức Phật nói xong Phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh, thì có các vị đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ngàn thế giới, từ dưới đất vọt lên cùng đến ở trước Đức Phật, một lòng chắp tay chiêm ngưỡng tôn nhan của Đức Thế Tôn mà nói với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Chúng con đợi tương lai, khi Phật vào Niết Bàn rồi, sau khi phân thân của đức Thế Tôn ở bất cứ cõi nước nào diệt độ rồi, chúng con sẽ rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này.''

Các vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, trong quá khứ đều là đệ tử của Đức Phật Thích Ca, hiện tại đến hội Pháp Hoa làm ủng hộ chúng, để ủng hộ đạo tràng.

Tại sao ? Vì chúng con cũng muốn tự mình được chân tịnh đại pháp, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, cúng dường kinh này.

Vì sao ? Bởi vì chúng con cũng muốn chính mình đắc được chân tịnh đại pháp này, tức cũng là pháp quyền thật không hai. Chúng con muốn thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép và cúng dường truyền bá kinh này.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở trước tất cả đại chúng Văn Thù Sư Lợi, vô lượng trăm ngàn vạn ức đại Bồ Tát, xưa kia trụ ở thế giới Ta Bà, và các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người, hiện sức đại thần thông, bày tướng lưỡi rộng dài lên đến cõi trời Đại Phạm.

Lúc đó, Đức Thế Tôn ở trước tất cả đại chúng Bồ Tát Văn Thù, vô lượng trăm ngàn vạn ức các Bồ Tát xưa kia, đều trụ ở thế giới Ta Bà và tất cả Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni, tất cả cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời rồng tám bộ chúng,

người, và chẳng phải người, hiện ra sức đại thần thông, phô bày tướng lưỡi rộng dài lên đến sắc giới cõi trời Đại Phạm.

Tất cả lỗ chân lông, đều phóng ra vô lượng vô số màu sắc quang minh, chiếu soi khắp mười phương thế giới. Chư Phật ngồi trên tòa sư tử dưới các cây báu, cũng lại như thế, bày tướng lưỡi rộng dài, phóng ra vô lượng quang minh.

Trên thân của Phật, mỗi lỗ chân lông đều phóng ra vô lượng vô số màu sắc quang minh, trong mỗi thứ quang minh, lại hiện ra đủ thứ màu sắc, chói sáng rực rỡ. Thứ màu sắc quang minh đó, chiếu soi khắp hết thảy mười phương thế giới. Chư Phật (phân thân của Phật Thích Ca) ngồi trên tòa sư tử dưới cội bồ đề, cũng bày tướng lưỡi rộng dài như thế. Trên thân của chư Phật, mỗi lỗ chân lông, cũng phóng ra vô lượng vô biên màu sắc quang minh, hổ tương chiếu soi.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và chư Phật ở dưới cây báu, đều hiện thần lực trọn trăm ngàn năm, sau đó mới nhiếp tướng lưỡi lại, đồng thời phát ra tiếng cười nói nhỏ nhẹ,

và tiếng gảy móng tay. Hai âm thanh đó, vang đến khắp thế giới của chư Phật trong mười phương, mặt đất đều sáu thứ chấn động.

Đức Phật Thích Ca và chư Phật ở dưới cội bồ đề, hiện thần lực trọn trăm ngàn năm, sau đó mới nhiếp tướng lưỡi lại. Mười phương chư Phật đồng thời phát ra tiếng cười nói nhỏ nhẹ, và tiếng gảy móng tay. Tiếng cười nói nhỏ nhẹ gọi là ý, tiếng gảy móng tay là âm ý. Nếu người nhập định, lỗ tai kia gảy móng tay ba cái, thì người đó có thể xuất định.

Hai âm thanh đó, vang truyền khắp thế giới của chư Phật trong mười phương. Mặt đất của mỗi thế giới đều sáu thứ chấn động. Chấn, hống, kích (thuộc về tiếng), động, dũng, khởi (thuộc về hình). Trong mỗi thứ chấn động, lại có ba thứ hiện tượng đó là động, biến động, đẳng biến động. Cộng lại hết thảy là mười tám thứ chấn động, tức cũng là cảnh giới: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn hổ tương sử dụng, biểu thị sáu căn, sáu trần, sáu thức, mười tám giới.

Chúng sinh ở trong đó, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A tu la, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải

người, nhờ thần lực của Phật, nên đều thấy thế giới Ta Bà này. Ở dưới vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các cây báu, đều có chư Phật ngồi trên tòa sư tử, và thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni, với đức Đa Bảo Như Lai, ngồi trên tòa sư tử ở trong bảo tháp.

Chúng sinh ở trong đó, có chư thiên, loài rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bàn, A tu la, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, ác quỷ. Nhờ đại oai thần lực không thể nghĩ bàn của Phật Thích Ca, nên họ đều nhìn thấy thế giới Ta Bà. Ở dưới vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các cây báu, đều có tòa sư tử, trên mỗi tòa sư tử đều có Phật ngồi ở đó. Lại thấy Phật Thích Ca Mâu Ni, và Đức Đa Bảo Như Lai, đều ngồi trên tòa sư tử ở trong bảo tháp, nhìn thấy rõ ràng.

Lại thấy vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức vị đại Bồ Tát, và hàng bốn chúng cung, kính vây quanh đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Họ thấy như vậy rồi, thảy đều đại hoan hỷ được chưa từng có.

Họ lại thấy vô lượng vô biên đại Bồ Tát, từ dưới đất vọt lên, và tất cả bốn chúng đều cung kính vây quanh Đức

Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau khi họ nhìn thấy như vậy rồi, thì thảy đều sinh tâm đại hoan hỷ nói : ''Chúng ta chưa bao giờ thấy qua cảnh giới này, thật là không thể nghĩ bàn.''

Lúc đó, chư Thiên ở trong hư không lớn tiếng xướng lên rằng : Qua đây vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ thế giới, có cõi nước Ta Bà, trong đó có vị Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Hôm nay vì các đại Bồ Tát nói kinh đại thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm. Các vị nên thâm tâm tùy hỷ, cũng nên lễ lạy cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Lúc đó, chư thiên ở trong hư không lớn tiếng nói : ''Xin đại chúng chú ý ! Qua đây có vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ thế giới, có cõi nước tên là Ta Bà. Trong cõi nước đó, có Phật ra đời hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni. Hiện tại, vì vô lượng vô biên đại Bồ Tát, diễn nói kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Vì diệu pháp này thanh tịnh như hoa sen. Hoa sen sinh ở trong bùn mà chẳng nhiễm, hoa quả đồng thời rất thanh minh thần Thánh, cho nên lấy hoa sen làm tên kinh. Kinh Diệu Pháp

Liên Hoa là vua trong các kinh. Bộ kinh này, là pháp giáo hóa đại Bồ Tát, bộ kinh này được mười phương chư Phật hộ niệm. Nếu hay thọ trì bộ kinh này, thì được mười phương chư Phật hộ niệm, mà đắc được cảnh giới trí huệ như biển. Các vị đại chúng nên thâm tâm tùy hỷ công đức, cũng nên lễ lạy cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, thì chắc chắn có công đức vô lượng.''

Các chúng sinh đó, nghe tiếng nói ở trong hư không rồi, đều chắp tay hướng về thế giới Ta Bà mà nói rằng : Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật, đem các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, phan lọng, và các thứ đồ nghiêm thân, châu báu vật quý giá, đều từ xa rải xuống thế giới Ta Bà.

Các chúng sinh đó, nghe tiếng nói ở trong hư không rồi, đại chúng đều chắp tay lại hướng về thế giới Ta Bà mà nói rằng : ''Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật ! Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật !'' Sau đó, họ dùng các thứ hoa, các thứ hương, các thứ chuỗi ngọc, các thứ phan lọng và các thứ mũ hoa, y tốt, đồ trang sức thân thể, với các châu báu vật quý, từ xa rải xuống thế giới Ta Bà.

Các thứ vật rải xuống đến từ mười phương, giống như mây tụ lại, biến thành màn báu, che khắp phía trên các đức Phật. Lúc đó, mười phương thế giới thông đạt vô ngại như một cõi Phật.

Các thứ vật rải xuống thế giới Ta Bà từ mười phương thế giới đến, giống như mây tụ lại biến thành màn báu, che khắp phía trên các Đức Phật ở thế giới Ta Bà. Lúc đó, mười phương thế giới đều thông đạt vô ngại, hợp thành một thế giới. Một thế giới và mười phương thế giới chẳng có phân biệt, thông đạt với nhau chẳng có chướng ngại.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng thượng hạnh Bồ Tát : Thần lực của chư Phật như thế, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Nếu ta dùng thần lực đó, trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, vì chúc luỹ nói công đức của kinh này, thì không thể nói hết được.

Lúc đó, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo đại Bồ Tát ở trong thượng hạnh Bồ Tát, cũng có thể nói Phật bảo đại chúng Bồ Tát từ dưới đất vọt lên : ‘’Sức tự tại thần thông

của chư Phật, như sức thần thông vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn vừa nói ở trên. Nếu ta dùng sức thần thông ấy, trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp thời gian, ta vì tất cả chúng sinh chúc lũy. Dạy bạn làm việc gì đó là chúc, việc làm chẳng nhàm chẳng mệt mỏi là chúc lũy. Khiến cho các Ngài truyền bá Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh Pháp Hoa, công đức đắc được, ta không thể nói hết được.

Tóm lại, hết thảy tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả việc thâm sâu của Như Lai, đều diễn nói hiển bày ở trong kinh này.

Nói tóm lại, hết thảy tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả tạng bí yếu của Như Lai, tất cả việc thâm sâu của Như Lai, đều diễn nói ra ở trong Kinh Pháp Hoa, chỉ bày cho các vị. Nói rõ hiển bày ra, chẳng giống như lúc trước giữ gìn diệu pháp. Hiện tại nói toạc ra hết, vì muốn cho các vị biết pháp thật tướng của đại thừa.

Bởi thế, sau khi Như Lai diệt rồi, các ông nên một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, theo như pháp mà tu hành.

Đức Phật Thích Ca nói : ‘’Vì lẽ đó, cho nên sau khi Như Lai diệt độ rồi, các ông nên chuyên tâm nhất chí để thọ trì Kinh Pháp Hoa này.’’ Bất cứ là đọc tụng, hoặc vì người giải nói, hoặc biên chép, đều phải y theo đạo lý nói ở trong Kinh Pháp Hoa mà tu hành.

Dù ở trong cõi nước nào, nếu có người thọ trì đọc tụng, giải nói biên chép, theo như trong kinh nói mà tu hành.

Bất cứ cõi nước nào, nếu như có người thọ trì, đọc tụng giải nói, biên chép kinh này, y chiếu theo đạo lý nói trong Kinh Pháp Hoa mà tu hành, thì có công đức không thể nghĩ bàn, đắc được cảnh giới sáu căn dụng với nhau.

Hoặc nơi nào có kinh này, hoặc ở trong vườn, hoặc ở trong rừng, hoặc ở dưới cây, hoặc ở phòng Tăng, hoặc ở nhà cư sĩ, hoặc ở trong Phật điện, hoặc ở hang núi khoáng dã, đều nên xây tháp cúng dường.

Bộ Kinh Pháp Hoa này ở chỗ nào, bất cứ là ở trong vườn, hoặc ở trong rừng, hoặc ở dưới gốc cây lớn, hoặc ở trong phòng của chư Tăng ở, hoặc ở trong nhà của cư sĩ, hoặc ở trong điện Phật, hoặc ở trong hang núi, hoặc ở nơi khoáng dã, đều nên xây tháp để cúng dường. Tóm lại,

phàm là nơi nào có Kinh Pháp Hoa, đều phải khởi tâm cung kính lễ lạy, hoặc chắp tay, hoặc đảnh lễ, đó là lễ nghi mà Phật tử nên biết.

Vì sao ? Nên biết nơi đó tức là đạo tràng. Chư Phật từ nơi đó mà đắc được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chư Phật từ nơi đó mà chuyển bánh xe pháp, chư Phật từ nơi đó mà vào Niết Bàn.

Tại sao chỗ nào có Kinh Pháp Hoa, thì nên xây bảo tháp cúng dường ? Nên biết nơi đó là đạo tràng thành đạo của Như Lai. Mười phương chư Phật từ Kinh Pháp Hoa, mà đắc được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Mười phương chư Phật từ Kinh Pháp Hoa mà chuyển bánh xe pháp, mười phương chư Phật từ Kinh Pháp Hoa mà vào Niết Bàn, chứng được thường lạc ngã tịnh bốn đức Niết Bàn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật từ bi muốn tường thuật lại nghĩa lý ở trên vừa nói, bèn dùng kệ để nói.

Chư Phật bậc cứu đời

Trụ nơi đại thần thông
Vì khiến chúng sinh vui
Hiện vô lượng thần lực.

Bổn hoài của chư Phật là cứu đời, độ tất cả chúng sinh lìa khổ được vui. Chư Phật trụ ở sức đại thần thông, mới có thể cứu độ chúng sinh, nếu giống như một số người, thì dùng phương pháp gì để cứu độ chúng sinh ? Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, được an vui cứu kính, cho nên mới hiện vô lượng sức thần thông.

Tướng lưỡi đến Phạm Thiên
Thân phóng vô lượng quang
Vì người cầu Phật đạo
Hiện việc ít có này.

Chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài đến cõi trời Phạm Thiên. Thân của chư Phật phóng ra vô lượng màu sắc quang minh, vì chúng sinh cầu Vô thượng Phật đạo, mới hiện ra việc ít có như thế.

Tiếng chư Phật cười nói
Và tiếng gảy móng tay
Đều vang khắp mười phương
Đất sáu thứ chấn động.

Tiếng chư Phật cười nói nhỏ nhẹ và tiếng gảy móng tay, hai thứ âm thanh này tuy rất nhỏ, song có thể vang khắp mười phương cõi nước, mặt đất của các nước đều phát sinh sáu thứ chấn động.

Tiếng cười nói và tiếng khảy móng tay, là cảnh cáo chúng sinh đừng "túy sinh mộng tử" (sống say chết mộng), phải mau tỉnh ngộ, thọ trì Kinh Pháp Hoa. Bằng không, thì thời gian chẳng chờ đợi, trong nháy mắt thì vô thường đã đến. Lãng phí một đời, chẳng biết khi nào mới có cơ hội đọc tụng kinh này. Cổ đức có nói :

‘’Thân người khó được nay đã được,
Phật pháp khó nghe nay đã nghe;
Thân này đời này không độ,
Còn đợi khi nào mới độ thân này !’’

Sau Phật diệt độ rồi
Vì hay trì kinh này
Chư Phật đều hoan hỷ
Hiện vô lượng thần lực.

Sau khi Phật vào Niết Bàn, vì hay thọ trì Kinh Pháp Hoa này, cho nên mười phương chư Phật đều sinh tâm hoan hỷ. Do đó, hiện ra vô lượng sức thần thông.

Bởi chúc lũy kinh này
Khen ngợi người thọ trì

Ở trong vô lượng kiếp
Không thể nói hết được.

Đức Phật chúc lũy tất cả Bồ Tát, và tất cả chúng sinh phải thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, truyền bá kinh này, khen ngợi người thọ trì Kinh Pháp Hoa, trải qua vô lượng vô biên cũng khen ngợi chẳng hết được.

Công đức của người đó
Vô biên không cùng tận
Như mười phương hư không
Chẳng biết được bờ mé.

Người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, được công đức chẳng có bờ mé, cũng chẳng cùng tận. Công đức đó vĩnh viễn tồn tại, giống như mười phương hư không tìm chẳng được bờ mé.

Có người nói : ‘’Tức nhiên hư không chẳng có bờ mé, vậy công đức mà chúng ta thọ trì Kinh Pháp Hoa đại khái cũng chẳng có !‘’ Bạn hiểu được gì cũng chẳng có, thì hiểu được gì cũng đều có. Đây chẳng phải nói tựa như hư không gì cũng chẳng có, mà là nói tựa như hư không chẳng có bờ mé, là tỉ dụ vô cùng vô tận. Trong chân không vốn có diệu hữu, bạn nhìn chẳng thấy diệu hữu thì cho rằng chẳng có. Kỳ thật là có, bất quá bạn chẳng minh bạch mà thôi.

Người hay trì kinh này
Tức là đã thấy ta
Cũng thấy Phật Đa Bảo
Và các Phật phân thân.
Lại thấy ta hôm nay
Giáo hóa các Bồ Tát.

Nếu người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì thấy được chân thân của Phật trong quá khứ, cũng thấy được Phật Đa Bảo đã diệt độ trong quá khứ, và tất cả Phật phân thân của ta. Lại thấy ta hiện tại ở trong bảo tháp giáo hóa hết thảy các Bồ Tát.

Người hay trì kinh này
Khiến ta và phân thân
Phật Đa Bảo diệt độ
Hết thảy đều hoan hỷ.

Người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, hay làm cho ta và chư Phật phân thân của ta, cùng với Phật Đa Bảo diệt độ từ lâu, đều sinh tâm đại hoan hỷ. Bởi vì người đó tinh tấn đọc tụng, giải nói, biên chép, truyền bá kinh này.

Mười phương Phật hiện tại
Và quá khứ vị lai

Cũng thấy cũng cúng dường
Cũng khiến được hoan hỷ.

Mười phương chư Phật hiện tại, và quá khứ vị lai chư Phật cũng thấy được, cũng cúng dường, cũng khiến cho chư Phật ba đời, đều được hoan hỷ.

Chư Phật ngồi đạo tràng
Đắc được pháp bí yếu
Người hay trì kinh này
Chẳng lâu cũng sẽ được.

Mười phương chư Phật ngồi ở bồ đề đạo tràng, ngộ được tạng pháp bí yếu. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, tương lai chẳng bao lâu, cũng sẽ đắc được pháp bí yếu của chư Phật.

Người hay trì kinh này
Nơi nghĩa của các pháp
Danh từ và lời lẽ
Nhạo thuyết không tận cùng.
Như gió trong hư không
Tất cả chẳng chướng ngại.

Người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, đối với nghĩa lý của chư Phật thuyết pháp, như danh từ và lời lẽ ở trong kinh, đều đắc được cảnh giới nhạo thuyết vô ngại biện tài. Giống như gió ở trong hư không, chẳng bị vật gì làm chướng ngại được.

Sau Như Lai diệt rồi
Hiểu kinh của Phật nói
Nhân duyên và thứ lớp
Theo nghĩa nói như thật.

Sau khi Phật vào Niết Bàn, phải hiểu kinh điển của Phật nói, nhân duyên và thứ lớp. Tùy thuận nghĩa lý trong kinh, giải nói như thật, không thể làm trái ngược tâm ý của Phật. Cổ đức có nói :

''Y văn giải nghĩa tam thế Phật oan
Ly kinh nhất tự tức đồng ma thuyết.''

Do đó đủ biết, đối với nghĩa của kinh không thể hiểu lầm, phải nên cẩn thận.

Như ánh sáng nhật nguyệt
Phá trừ sự tối tăm
Người đó tại thế gian
Diệt được tối chúng sinh.

Giống như ánh sáng của mặt trời mặt trăng, hay chiếu sáng phá trừ tất cả những nơi tối tăm. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa ở trong thế gian hành đạo, thì sẽ trừ sạch tâm đen tối của chúng sinh. Đen tối ở trong tâm là gì ? Tức là vô minh. Vì vô minh nên ngu si, có ngu si thì có phiền não. Cho nên Phật pháp là pháp bảo phá vô minh. Phá vô minh rồi thì chẳng còn ngu si, trí huệ sẽ hiện tiền. Có trí huệ thì hiểu rõ sự lý, mới không làm việc điên đảo. Cho nên sau khi Đức Phật đắc đạo dưới cội bồ đề rồi, Ngài bèn nói : ''Hết thảy chúng sinh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, song vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng đắc.''

Dạy vô lượng Bồ Tát
Rốt ráo trụ một thừa
Cho nên người có trí
Nghe rồi được công đức.

Giáo hóa vô lượng Bồ Tát, khiến cho họ phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo, rốt ráo trụ ở một thừa, tức là thành Phật. Bởi thế, phàm là người có trí huệ, nghe được thọ trì Kinh Pháp Hoa, có công đức lợi ích như thế, nên siêng năng thọ trì.

Sau ta diệt độ rồi
Nên thọ trì kinh này

Người đó trụ Phật đạo
Chắc chắn không còn nghi.

Đức Phật nói với đại chúng trong pháp hội rằng : ''Sau khi ta diệt độ rồi, mọi người nên thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, kinh này là kinh thành Phật. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, thì sẽ trụ ở trong Phật đạo hoàn toàn chẳng còn nghi ngờ, tương lai chắc chắn sẽ thành Phật.''

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM CHÚC LŨY THỨ HAI MƯƠI HAI

Tại sao phải có Phẩm Chúc Lũy ? Vì kinh điển của Phật nói, là pháp giáo hóa tất cả chúng sinh. Pháp này phải có người hoằng dương truyền bá mới có diệu dụng, cho nên Đức Phật phân phối cho tất cả Bồ Tát, các vị A La Hán, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, khiến cho họ tương lai phải truyền bá bộ Kinh Pháp Hoa này.

Tại sao phải truyền bá kinh này ? Vì bộ kinh này là bộ kinh quan trọng nhất, là bộ kinh thành Phật. Phàm là chúng sinh chẳng có gieo trồng căn lành, thì khi nghe được một chữ, hoặc một câu, một bài kệ, một phẩm của kinh này, thì đều gieo trồng căn lành. Chúng sinh đã gieo trồng căn lành, thì bất cứ là nghe được một chữ, một câu, một bài kệ, một phẩm của kinh này, thì sẽ tăng trưởng căn lành. Chúng sinh đã tăng trưởng căn lành, mà nghe được một chữ, một câu, một bài kệ, một phẩm của kinh này, thì sẽ đắc được căn lành công đức thành thục. Chúng sinh đã

thành thục, nghe được một chữ, một câu, một bài kệ, một phẩm, một bộ của kinh này, thì sẽ đắc được giải thoát, giải thoát thì sẽ thành Phật.

Bất cứ loài chúng sinh nào, nghe được pháp âm của kinh này, hoặc hiểu nghĩa lý của kinh này, đều đắc được lợi ích và công đức. Cho nên, kinh này gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, vì có sự diệu như thế nên là vua trong các kinh.

Nói đơn giản, chúc lũy tức là truyền bá, nghĩa là từ nơi này mà truyền bá đến xứ khác, giống như đạo lý nước từ sông ngòi chảy vào biển cả. Ví như chỗ này chẳng có kinh Phật, thì có thể đến chỗ khác thỉnh kinh Phật về, để cho đại chúng đọc tụng. Người biết đạo lý Phật pháp, thì trong sự vô hình có thể cải ác hướng thiện, đó là truyền bá. Hoặc mọi người phát tâm ấn tống kinh, truyền bá đến nơi khác, tặng cho mọi người đọc tụng, để có cơ hội hiểu biết Phật pháp. Công đức đó lớn vô cùng, chắc chắn sẽ khai mở trí huệ, do đó có câu :

‘’Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.’’

Mọi người hãy chú ý ! Không thể ấn tống một quyển kinh cho mình dùng, để mình khai trí huệ, mà là ấn tống kinh điển số nhiều, khiến cho mọi người đều có cơ hội khai mở trí huệ. Có trí huệ rồi, thì phân biệt được thiện ác, hiểu rõ thị phi, tuyệt đối chẳng làm việc điên đảo.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca từ pháp tòa đứng dậy, hiện sức đại thần thông, dùng tay phải rờ đầu vô lượng đại Bồ Tát, mà nói rằng : Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu tập pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Nay đem phó chúc cho các ông, các ông nên một lòng truyền bá pháp này, khiến cho chúng sinh được nhiều lợi ích của pháp.

Đức Phật nói Phẩm Thần Lực của Như Lai rồi, bèn nói tiếp Phẩm Chúc Lũy, bèn từ tòa ngồi đứng dậy hiện ra sức thần thông rất lớn, duỗi tay phải ra rờ đầu vô lượng vị đại Bồ Tát. Đó là biểu thị sự gia trì, tưới nước pháp đại trí huệ. Đối với các vị đại Bồ Tát mà nói rằng : ''Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu tập pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Diệu pháp này là Kinh Pháp Hoa, mà ta đang giảng nói cho các ông nghe.'' Phật lại nói : ''Hôm nay ta phó chúc cho các ông đại chúng, các ông nên thọ trì đọc tụng pháp này, rộng vì chúng sinh diễn nói pháp này, khiến cho khắp tất cả chúng sinh đều nghe biết pháp này.''

Rờ đầu các vị đại Bồ Tát như thế ba lần, bèn nói rằng : Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu tập pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Hôm nay phó chúc cho các ông, các ông nên thọ trì, đọc tụng, rộng nói pháp này, khiến cho tất cả chúng sinh đều được nghe biết.

Đức Phật Thích Ca rờ đầu các vị đại Bồ Tát như thế ba lần, bèn nói như vầy : ‘’Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu học pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Hôm nay ta phó chúc cho các ông đại chúng, các ông nên thọ trì, đọc tụng pháp này, khiến cho khắp tất cả chúng sinh đều nghe biết pháp này.’’

Vì sao ? Vì Như Lai có đại từ bi, chẳng có san tham, cũng chẳng có sợ hãi, có thể ban cho chúng sinh trí huệ của Phật, trí huệ của Như Lai, trí huệ tự nhiên. Như Lai là đại thí chủ của tất cả chúng sinh. Các ông cũng

nên theo học pháp của Như Lai, chớ sinh tâm san tham.

Vì nhân duyên gì ? Vì Như Lai có tâm đại từ bi (từ hay ban vui, bi hay cứu khổ), chẳng có san tham không xả, cũng chẳng có sợ hãi. Lại hay bố thí cho tất cả chúng sinh trí huệ của Phật, tức cũng là trí huệ của bậc Đại Giác. Trí huệ của Như Lai tức là đại viên cảnh trí. Trí huệ tự nhiên tức là trí huệ tự tánh vốn có sẵn. Phật đem hết thảy pháp của Ngài bố thí cho tất cả chúng sinh, cho nên Như Lai là đại thí chủ của tất cả chúng sinh.

Phật lại nói : ''Các ông đại chúng nên theo học pháp của Như Lai, ngàn vạn đừng sinh tâm san tham không xả bỏ.'' Giống như tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già, trong quá khứ, tôn giả là đại thiện trí thức có năm vị đệ tử, nhưng tôn giả chẳng nói pháp cho đệ tử nghe, cho nên trồng xuống hạt giống một đời ngu si. Khi Đức Phật thu nhận đệ tử, quy định phải niệm bốn câu kệ để làm phương châm :

Thân miệng ý nghiệp chẳng làm ác,
Đừng làm tổn hại các hữu tình thế gian,
Chánh niệm quán tri dục cảm không,
Nên xa lìa các sự khổ vô ích.''

Tôn giả chẳng nhớ đặng. Sau Phật dạy tôn giả niệm hai chữ ''Chổi quét'', tôn giả niệm rất lâu mới nhớ được.

Phật lại dạy tôn giả niệm hai chữ ‘’Trừ uế.’’ Lại niệm rất lâu. Một ngày nọ, khi tôn giả quét thì đột nhiên khai ngộ. Tôn giả quét sạch rác rến dơ bẩn trong tâm, chẳng còn phiền não, sau chứng được quả vị A La Hán, trở thành vị đại đệ tử "trì nghĩa đệ nhất".

Ở đời vị lai sau này, nếu có người thiện nam, người thiện nữ, tin trí huệ của Như Lai, thì nên vì họ diễn nói Kinh Pháp Hoa này, khiến cho họ được nghe biết, vì muốn khiến cho họ đắc được trí huệ của Phật.

Khi ở đời vị lai sau này, như có người nam, người nữ, tu năm giới hành thập thiện, tin sâu trí huệ của Như Lai, thì ông nên vì họ diễn nói Kinh Pháp Hoa này, khiến cho họ được nghe Kinh Pháp Hoa, thấu rõ nghĩa lý của Kinh Pháp Hoa. Vì khiến cho họ đắc được trí huệ của Phật.

Nếu có chúng sinh chẳng tin nhận thọ trì kinh này, thì nên đem pháp thâm sâu khác của Như Lai, mà khai thị giáo hóa họ, khiến cho họ được lợi ích sinh tâm hoan hỷ. Nếu các ông làm được như thế, tức là đã báo được ân đức của chư Phật.

Nếu như có chúng sinh, chẳng những họ chẳng tin Kinh Pháp Hoa, mà họ cũng chẳng thọ trì pháp môn Kinh Pháp Hoa. Vậy các ông nên đem pháp thâm sâu khác của Như Lai, mà khai thị cho họ, giáo hóa họ, khiến cho họ đắc được lợi ích, mà sinh tâm hoan hỷ. Các ông đại chúng làm được như thế, thì đó là đã báo đáp được ân đức của mười phương chư Phật.

Lúc đó, các vị đại Bồ Tát nghe đức Phật nói như thế rồi, thảy đều đại hoan hỷ, khắp toàn thân đều thêm cung kính, khom mình cúi đầu, chắp tay hướng về đức Phật đồng nói rằng : Như lời đức Thế Tôn dạy, chúng con sẽ phụng hành, xin đức Thế Tôn đừng có lo lắng.

Khi các vị đại Bồ Tát đó nghe Đức Phật nói như thế rồi, thảy đều đại hoan hỷ, toàn thân đều hoan hỷ, rất cung kính đức Phật, bèn khom mình cúi đầu chắp tay hướng về Đức Phật. Đại chúng khác miệng cùng lời nói rằng : ''Đức Thế Tôn ! Chúng con xin tuân lời của Ngài dạy, đều y giáo phụng hành, nhất định chẳng quên, xin Đức Thế Tôn an tâm, đừng lo láng về chuyện này.''

Các vị đại Bồ Tát bạch như thế ba lần, đều cùng nhau nói : Như lời đức Thế Tôn dạy, chúng con đều sẽ phụng hành, xin đức Thế Tôn đừng có lo lắng.

Các đại chúng Bồ Tát bạch như thế ba lần. Đại chúng cùng nhau nói rằng : ''Đức Thế Tôn ! Như lời của Ngài dạy, chúng con nhất định y pháp phụng hành. Xin nguyện Đức Thế Tôn đừng có lo lắng.''

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khiến cho các đức Phật phân thân đến từ mười phương, đều trở về nước của các Ngài mà nói rằng : Các đức Phật hãy trở về chỗ của mình. Tháp của đức Phật Đa Bảo cũng trở về chỗ cũ.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khiến cho các Đức Phật phân thân đến từ mười phương, đều trở về cõi nước của các Ngài. Tháp của Phật Đa Bảo đến chứng minh Kinh Pháp Hoa hiện tại, cũng trở về thế giới ở phương dưới.

Khi nói lời đó, thì vô lượng phân thân chư Phật trong mười phương, ngồi trên tòa

sư tử dưới cây báu, và đức Phật Đa Bảo, cùng với vô biên A tăng kỳ đại chúng Bồ Tát thượng hạnh, Ngài Xá Lợi Phất, hàng Thanh Văn bốn chúng, và tất cả thế gian, trời, người, A tu la, nghe lời đức Phật nói, thảy đều đại hoan hỷ.

Khi Đức Phật nói lời đó, thì vô lượng phân thân chư Phật trong mười phương, ngồi trên tòa sư tử dưới cây bồ đề, và Đức Phật Đa Bảo, cùng với vô biên A tăng kỳ đại chúng Bồ Tát thượng hạnh, Xá Lợi Phất và hàng Thanh Văn bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, và tất cả thế gian trời, người, A tu la, nghe lời Phật nói rồi, thảy đều đại hoan hỷ.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM BỔN SỰ CỦA BỒ TÁT DƯỢC VƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA

Bồ Tát Dược Vương chuyên tu khổ hạnh. Thứ khổ hạnh này, là thứ khổ hạnh khó thực hành nhất, một số người chẳng làm được. Vị Bồ Tát này, thuở xưa danh hiệu là Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến. Theo tên mà suy nghĩa thì, Ngài và tất cả chúng sinh kết duyên lành, cho nên chúng sinh đều hoan hỷ gặp Ngài.

Vị Bồ Tát này từng phát tâm đốt thân cúng dường Phật. Sự cúng dường này chẳng phải một số người làm được. Có người khởi vọng tưởng : ‘’Ngài chẳng biết đau chăng ?

- ‘’Tôi tin rằng Ngài biết đau, nhưng Ngài nhẫn thọ, kiền thành đem thân thể cúng dường Phật. Tôi lại tin rằng Ngài chẳng biết đau. Tại sao ? Vì Ngài đã quên mất thân của mình, tinh thần tập trung quán tưởng, thân thể là

do bốn đại năm uẩn giả hòa hợp huyễn thân mà thôi, chẳng có chỗ nào đáng ưa thích cho nên chẳng biết đau.

Tóm lại, bất luận là biết đau hay không biết đau, Ngài xả được thân để cúng Phật, đó là chân cúng dường. Vị Bồ Tát này từ bi nhất, chúng sinh có bệnh tật, thì Ngài nhất định vì họ giải trừ bệnh khổ, cho nên tất cả chúng sinh đều hoan hỷ gặp Ngài.

"Bổn sự'' là nói rõ sự tích tu hành của kiếp trước. Phẩm này nói về tinh thần của Bồ Tát Dược Vương, vì pháp mà quên mình, cho nên thành tựu viên thông vô ngại phẩm đức và trí huệ. Phẩm này là phẩm thứ hai mươi ba trong Kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ, Bồ Tát Tú Vương Hoa bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Dược Vương đến thế giới Ta Bà như thế nào ? Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Dược Vương đó, có bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Na do tha sự khổ hạnh khó làm ? Lành thay đức Thế Tôn ! Xin Ngài hãy nói ra một ít.

Lúc đó, Bồ Tát Tú Vương Hoa bạch Đức Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con ở trong hội Lăng Nghiêm nghe được Bồ Tát Dược Vương giảng pháp viên thông, song chẳng hiểu Ngài đến thế giới Ta Bà như thế nào, có nhân duyên gì ? Xin Đức Thế Tôn từ bi vì con giải nói.''

‘’Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Dược Vương đó, phát nguyện cứu hộ tất cả bệnh tật của tất cả chúng sinh, trong bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Na do tha kiếp, nhất định có nhiều sự khổ hạnh khó làm. Xin Đức Thế Tôn vì đại chúng trong pháp hội, hãy nói việc của Bồ Tát Dược Vương tu khổ hạnh để cho đại chúng biết.’’

Chư thiên, rồng, thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người. Lại có các Bồ Tát từ cõi nước khác đến, và chúng Thanh Văn ở đây nghe được, đều rất hoan hỷ.

Trời rồng tám bộ và quỷ thần. Lại có các vị đại Bồ Tát từ mười phương đến, và chúng Thanh Văn ở trong pháp hội này, nghe được Bồ Tát Tú Vương Hoa thỉnh vấn Phật như thế, đều rất hoan hỷ.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa : Thuở xưa, trải qua vô lượng số kiếp nhiều như số cát sông Hằng, có vị Phật hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó, có tám mươi ức vị đại Bồ Tát, bảy mươi hai Hằng hà sa chúng đại Thanh Văn. Đức Phật đó, thọ mạng bốn vạn hai nghìn kiếp, Bồ Tát thọ mạng cũng đồng nhau.

Lúc đó, Đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng : ''Thuở xưa trải qua vô lượng hằng hà sa số kiếp, có một vị Phật ra đời, hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Vị Phật đó có tám mươi ức đại Bồ Tát, lại có bảy mươi hai Hằng hà sa số đại Thanh Văn chúng. Vị Phật đó sống lâu đến bốn vạn hai nghìn kiếp, các vị Bồ Tát trong cõi nước đó, cũng sống lâu đến như vậy.''

Nước đó, chẳng có người nữ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la, cũng chẳng có các hoạn nạn. Mặt đất bằng lưu ly, bằng phẳng như bàn tay, cây báu trang nghiêm, màn báu che phía trên. Lại có hoa báu, phan báu, thòng rũ xuống, bình báu lư hương khắp trong cõi nước đó.

Trong cõi nước của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, chẳng có người nữ, đều là người nam. Vì sao ? Vì do hoa sen hóa sinh ra, cho nên thân thể của họ thanh tịnh. Chẳng có bốn đường ác, cũng chẳng có tám nạn. Tám nạn là gì ? Tức là:

1). Nạn khổ não.
2). Nạn lửa lớn.
3). Nạn nước lớn.
4). Nạn thú dữ.
5). Nạn đao binh.
6). Nạn loài quỷ.
7). Nạn gông cùm.
8). Nạn trộm cướp.

Lại có thể nói là :

1). Địa ngục.
2). Ngạ quỷ.
3). Súc sinh.
4). Sinh về Bắc Câu Lưu Châu (châu này quá sung sướng, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, chẳng gặp Tăng).
5). Trời Trường Thọ (trời Vô Tưởng thuộc sắc giới, nơi của ngoại đạo ở).
6). Đui, điếc, câm ngọng (sáu căn không đủ).
7). Thế trí biện thông (thông minh bị thông minh lừa).

8). Sinh ra trước Phật, hay sau Phật (sinh ra chẳng gặp Phật). Chúng sinh ở trong cõi đó chẳng có những khổ nạn ấy.

Mặt đất cõi nước đó, bằng phẳng như bàn tay, chẳng có gò, đồi, chỗ lồi lõm. Tại sao ? Vì chúng sinh trong cõi đó, đều tâm bình khí hòa, cho nên mặt đất bằng phẳng. Nếu tâm người không bình, thì sẽ hiện ra sơn hà đại địa. Mặt đất cõi đó chẳng những bằng phẳng, mà đất đều bằng chất lưu ly. Lại có cây bằng bảy báu, ngay thẳng thành hàng, trang nghiêm cõi nước, lại có màn báu lọng báu che ở phía trên, còn có hoa báu, phan báu, thòng rũ xuống, và có bình báu, lư hương báu, khắp cõi nước đó, nơi nào cũng có cảnh giới trang nghiêm như thế.

Bảy báu làm đài, mỗi cây thì có mỗi đài. Từ cây đến đài cách một đường tên. Dưới các cây báu đó, đều có các vị Bồ Tát và các vị Thanh Văn ngồi. Ở trên các đài báu, mỗi đài đều có trăm ức chư Thiên diễn tấu âm nhạc, ca xướng, khen ngợi Phật để cúng dường.

Dùng bảy báu làm đài, mỗi cây thì có mỗi đài. Cây cách đài một đường mũi tên (một trăm hai mươi bộ). Dưới các cây báu đó, đều có Bồ Tát và hàng Thanh Văn đang ngồi tĩnh tọa ở đó. Trên mỗi đài báu, đều có hàng trăm ức

chư thiên diễn tấu âm nhạc, ca xướng, tán thán Phật để dâng lên cúng dường.

Bấy giờ, đức Phật đó vì Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, và các chúng Bồ Tát, các chúng hàng Thanh Văn, diễn nói Kinh Pháp Hoa. Vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đó, thích tu khổ hạnh, bèn ở trong pháp của đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu Phật đạo.

Lúc đó, Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, vì Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, các vị đại Bồ Tát, và các chúng hàng Thanh Văn, diễn nói Kinh Pháp Hoa. Vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đó, hoan hỷ tu khổ hạnh. Ngài ở trong pháp của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức tinh tấn kinh hành, chẳng giải đãi, thường ngồi thiền ở dưới gốc cây, chuyên tâm cầu Phật đạo.

Trọn một vạn hai ngàn năm rồi, thì đắc được tam muội hiện tất cả sắc thân. Được tam muội đó rồi, thì tâm rất hoan hỷ, bèn nghĩ như vầy : Ta được tam muội hiện tất cả

sắc thân, đều là do nghe Kinh Pháp Hoa. Nay ta nên cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, và Kinh Pháp Hoa.

Đã trọn một vạn hai nghìn năm rồi, thì đắc được tam muội hiện nhất thiết sắc thân, tức cũng là biến hiện được tất cả sắc thân, giáo hóa tất cả chúng sinh. Tóm lại, thấy người thì biến ra người để giáo hóa họ, thấy chó thì biến ra chó để giáo hóa. Bất cứ chúng sinh gì, cũng đều biến hiện ra được thân đồng loại, để giáo hóa độ thoát, khiến cho tất cả chúng sinh liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui.

Bồ Tát đắc được tam muội hiện nhất thiết sắc thân rồi, thì trong tâm rất hoan hỷ, bèn nghĩ như vầy :''Ta chứng được chánh định này, đều là do nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên nay ta nên cúng dường Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đó là nhờ Phật gia trì, nên khiến cho ta chuyên tâm thọ trì bộ kinh này.''

Lập tức, nhập vào tam muội đó, ở trong hư không mưa xuống hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, bột hương kiên hắc chiên đàn, đầy khắp ở trong hư không, như mây giăng bủa, lại mưa xuống hương thơm hải thử ngạn

chiên đàn. Hương đó lục thù giá trị như một thế giới Ta Bà, dùng để cúng dường đức Phật.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, lập tức nhập vào tam muội Hiện nhất thiết sắc thân. Ở trong hư không mưa xuống hoa mạn đà la (hoa tiểu bạch) và hoa ma ha mạn đà la (hoa đại bạch). Lại mưa hương bột kiên hắc chiên đàn, đầy khắp hư không, giống như mây giăng bủa dày đặc. Lại mưa xuống hương thơm hải thử ngạn chiên đàn. Thứ hương này quý giá vô cùng, sản xuất tại bờ biển phía bắc Nam Diêm Phù Đề này. Thứ hương này, nặng khoảng lục thù (hai mươi bốn thù là một lạng), thì giá trị đồng như giá trị của một thế giới Ta Bà. Tóm lại, dùng một thế giới Ta Bà (ba ngàn đại thiên thế giới) mới đổi lấy sáu thù hương hải thử ngạn chiên đàn, dùng thứ hương này để cúng dường Đức Phật.

Cúng dường như thế rồi, từ tam muội dậy, bèn tự nghĩ rằng : Tuy ta dùng thần lực cúng dường đức Phật, chẳng bằng dùng thân cúng dường, bèn thoa các thứ hương thơm chiên đàn, hương huân lục, hương suất lâu bà, hương tất lực ca, trầm thủy giao hương.

Lại uống thiềm bặc, các thứ dầu thơm của hoa.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến dùng các thứ hoa quý và hương thơm cúng dường Phật rồi, bèn từ tam muội Hiện tất cả sắc thân xuất định, tự nghĩ như vầy :''Hiện tại tuy ta dùng sức thần thông cúng dường Phật, song chẳng bằng dùng thân của mình để cúng dường Phật.'' Lập tức, uống tất cả các thứ dầu thơm như : Hương chiên đàn, hương huân lục, hương suất lâu bà, hương tất lực ca, hương trầm thủy, giao hương, khiến cho bên trong thân thể ngũ tạng lục phủ, đều được thanh tịnh. Lại uống dầu thơm thiềm bặc, chế tạo từ các thứ hoa, khiến cho thân được thanh tịnh.

Trọn một ngàn hai trăm năm rồi, lại dùng dầu thơm thoa thân, ở trước đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, dùng y báu trời mà quấn vào thân mình, lại tưới các thứ dầu thơm, dùng sức thần thông nguyện lực mà tự đốt thân, ánh sáng chiếu soi khắp tám mươi ức Hằng hà sa thế giới.

Uống các thứ dầu hoa thơm như thế, trải qua một ngàn hai trăm năm rồi, lại dùng các thứ dầu thơm thoa lên

thân mình, ở trước Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, bèn dùng y báu trời quấn vào thân mình. Lại tưới các thứ dầu thơm lên y trời, sau đó dùng thần thông nguyện lực, dùng lửa tam muội thiêu đốt thân mình, ánh sáng chiếu khắp đến tám mươi ức Hằng hà sa thế giới.

Chư Phật ở trong các cõi nước đó, đồng thời khen ngợi rằng : Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Đó mới là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai. Nếu dùng hoa hương, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan lọng bằng lụa cõi trời, và hương hải thử ngạn chiên đàn, cúng dường các thứ đồ vật như thế, không thể bằng được, nếu đem đất nước vợ con bố thí, cũng chẳng bằng được.

Các Đức Phật ở trong tám mươi ức Hằng hà sa thế giới, thấy Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đốt thân cúng dường Phật như thế, chư Phật bèn cùng nhau khen ngợi nói :‘’Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Đó mới là chân chánh tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Đức Phật.’’

Vào đời Tùy, Trí Giả đại sư, một ngày nọ, đọc đến hai câu kinh văn này, thì hốt nhiên nhập định, đắc được Nhất toàn Đà la ni (hết thảy kinh điển ở trong thời gian rất ngắn, hoàn toàn minh bạch hết, thông đạt vô ngại). Lúc đó, Trí Giả đại sư thấy pháp hội Linh Sơn vẫn còn chưa tan. Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn ngồi trên pháp tòa, đang diễn nói Kinh Pháp Hoa.

Hoặc dùng các thứ hương hoa, chuỗi ngọc, và hương đốt, hương bột, hương xoa, hoặc dùng lọng báu, và phan báu trời, cùng với hương hải thử ngạn chiên đàn. Dùng các thứ đồ vật như thế, cúng dường Đức Phật, công đức chẳng bằng đốt thân cúng dường. Nếu như, dùng đất nước vợ con để bố thí, công đức cũng chẳng bằng đốt thân cúng dường. Do đó, đủ biết công đức đốt thân cúng Phật, không thể nào sánh được.

Thiện nam tử ! Đó là bố thí bậc nhất, ở trong các sự bố thí, là trên hơn hết, vì dùng pháp cúng dường các đức Như Lai. Nói lời đó rồi, thảy đều yên lặng. Thân Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, đốt cháy trải qua một ngàn hai trăm năm mới cháy hết.

Chư Phật lại đồng thời lại tán thán nói :‘’Thiện nam tử ! Ông đốt thân bố thí cúng dường Phật, mới là bố thí

bậc nhất. Ở trong tất cả sự bố thí, thì sự bố thí này là trên hơn hết.'' Dùng sắc thân để cúng dường Phật tức là nhân duyên thành tựu pháp thân. Chư Phật khen ngợi Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rồi, thảy đều yên lặng.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, dùng lửa thật tam muội thiêu đốt thân mình, trải qua một ngàn hai trăm năm thân mới cháy hết. Tinh thần đốt thân cúng Phật, thật là vĩ đại nhất. Sau này, cũng có nhiều người thực hành, như đốt ngón tay cúng Phật, như Lão Hòa Thượng Hư Vân, từng đốt ngón tay cúng Phật.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, theo như pháp cúng dường rồi. Sau khi mạng chung, lại sinh vào trong nước của đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, sinh ra trong nhà vua Tịnh Đức, ngồi kiết già, hốt nhiên hóa sinh, bèn vì vua cha mà nói kệ rằng :

Vị Bồ Tát đó, sau khi làm xong chân pháp cúng dường như thế rồi, khi mạng chung, bèn sinh trở lại nước của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, sinh ra trong nhà vua Tịnh Đức, ngồi kiết già hốt nhiên hóa sinh ra một em bé, gọi ông vua Tịnh Đức là cha, lập tức vì vua Tịnh Đức nói bài kệ:

Nay đại vương nên biết!

Con tu hành chốn kia
Lập tức được tam muội
Hiện tất cả sắc thân.
Siêng hành đại tinh tấn
Bỏ sự thương tiếc thân
Cúng dường đức Thế Tôn
Để cầu vô thượng trí.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến (tên đời trước của Ngài, đời kế tiếp cũng là tên của Ngài), nói với vua Tịnh Đức rằng : ''Đại vương ! Ngài nên biết, con đã từng tu hành ở chỗ Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, chẳng khi nào giải đãi. Nghe Đức Phật diễn nói Kinh Pháp Hoa, con y theo đạo lý trong kinh mà tu trì, cho nên lập tức chứng được tam muội hiện tất cả sắc thân.

Con siêng năng tu hành pháp môn này, dũng mãnh tinh tấn, thân tinh tấn, tâm tinh tấn. Xả bỏ sự tiếc thương thân mạng, con thành tâm dùng lửa tam muội thiêu đốt thân con, để cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Tại sao phải làm như thế ? Vì muốn cầu vô thượng đạo, tức cũng là trí huệ của Phật, đại viên cảnh trí.''

Nói bài kệ đó rồi, bèn bạch vua cha rằng : Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, hiện nay vẫn còn, trước hết con cúng

dường đức Phật rồi, đắc được Đà la ni hiểu tất cả ngôn ngữ của chúng sinh, lại nghe Kinh Pháp Hoa này, gồm có tám trăm ngàn vạn ức Na do tha, chân ca la, tần bà la, a môn bà, bài kệ.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói bài kệ ở trên rồi, lại nói với vua Tịnh Đức rằng : ''Phụ vương ! Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức hiện nay, vẫn còn ở trong thế giới này. Trước hết, con cúng dường Đức Phật đó, bèn đắc được Đà la ni hiểu tất cả ngôn ngữ của chúng sinh. Tức cũng là pháp môn bất cứ ngôn ngữ nào chẳng học mà tự hiểu, chẳng thấy mà tự biết. Con còn nghe Kinh Pháp Hoa, kinh đó gồm có tám ngàn vạn ức Na do tha (ức số) bài kệ, lại có Chân ca la (số mục thứ mười sáu), Tần bà la (số mục thứ mười tám), A môn bà (số mục thứ mười hai, tức có khoảng năm mươi hai thứ đại số mục) bài kệ.''

Đại vương ! Nay con sẽ trở lại cúng dường đức Phật đó. Nói rồi bèn ngồi trên đài bảy báu, thăng lên hư không cao bảy cây đa la, đến chỗ đức Phật rồi, cúi đầu đảnh lễ, chắp tay lại dùng kệ để khen ngợi đức Phật.

‘’Đại vương ! Hiện nay con sẽ trở lại chỗ Đức Phật, để tiếp tục cúng dường vị Phật đó.’’ Nói xong rồi bèn ngồi lên đài làm bằng bảy báu, từ từ thăng lên hư không, cao khoảng bảy cây đa la (mỗi cây cao hơn 60 thước). Hướng về chỗ Đức Phật, sau khi đến nơi rồi, lập tức năm thể sát đất đảnh lễ Phật, chắp tay lại dùng kệ để khen ngợi Phật.

Dung nhan rất xinh đẹp
Quang minh chiếu mười phương
Trước con từng cúng dường
Nay trở lại gặp Phật.

Dung nhan của Phật rất xinh đẹp lạ thường, có ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp. Quang minh của Phật chiếu sáng khắp mười phương thế giới. Đời trước con đã từng cúng dường Phật, hiện tại con lại đến gần gũi Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói kệ đó rồi, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Đức Thế Tôn ! Ngài vẫn còn ở đời ư !

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói bài kệ ở trên xong rồi, lại nói với Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức rằng : ‘’Đức Thế Tôn ! Đức Thế Tôn ! Ngài

vẫn còn ở đời ư ? Kiếp trước con đã gặp Ngài, đời này lại gặp Ngài nữa, con và Đức Thế Tôn còn nhân duyên.''

Bấy giờ, đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến : Thiện nam tử ! Giờ ta vào Niết Bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến, ông nên xếp đặt giường tòa, trong đêm nay ta sẽ vào Niết Bàn.

Lúc đó, Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng : ''Thiện nam tử ! Giờ ta vào Niết Bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến ! Bây giờ ông có thể xếp đặt giường tòa, chuẩn bị sẵn sàng, vào nửa đêm nay, ta sẽ vào đại bát Niết Bàn.''

Khi Phật ra đời thì đều vào ban ngày, biểu thị ánh sáng mặt trời chiếu sáng thế giới. Khi Phật vào Niết Bàn thì đều vào nửa đêm, biểu thị thế giới sẽ phải đen tối. Chẳng phải nói là, sau khi Phật vào Niết Bàn thì thế giới sẽ đen tối, mà là nói vào thời mạt pháp, khi Phật pháp diệt rồi, thì tâm con người bị vô minh che đậy, chẳng có trí huệ quang minh.

Lại bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng : Thiện nam tử ! Ta đem Phật

pháp phó chúc cho ông, và các Bồ Tát đại đệ tử, cùng với pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng đem ba ngàn đại thiên thế giới bảy báu, các cây báu, đài báu, và cung cấp chư Thiên hầu hạ, thảy đều giao phó cho ông. Sau khi ta diệt độ, hết thảy xá lợi cũng phó chúc cho ông, nên truyền bá, rộng thiết lập cúng dường, nên xây hàng ngàn ngôi tháp. Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức dạy Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến như thế rồi, vào khoảng cuối đêm bèn vào Niết Bàn.

Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức lại bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng : ''Thiện nam tử ! Hết thảy Phật pháp của ta, đều giao phó chúc cho ông và các vị Bồ Tát đại đệ tử, cùng với pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại đem ba ngàn đại thiên thế giới bằng bảy báu, lại có cây báu và đài báu, lại có chư Thiên cung cấp hầu hạ, đều hoàn toàn phó chúc cho ông. Ông phải hạnh khổ, sau khi ta diệt độ, thiêu hóa được xá lợi, cũng đều phó chúc cho ông, ông vì ta mà xử lý hậu sự. Nên truyền bá Phật pháp, lưu rộng xá lợi xây tháp cúng dường, nên xây hàng ngàn bảo tháp làm nơi cúng dường xá lợi.''

Phật phó chúc rồi, vào khoảng cuối đêm bèn vào Niết Bàn.

Bấy giờ, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến thấy đức Phật diệt độ, thì rất buồn rầu, thảm não luyến mộ đức Phật, bèn dùng gỗ hải thử ngạn chiên đàn cúng dường thân Phật, để hỏa thiêu thân của Ngài. Sau khi lửa tắt, thu lấy xá lợi, phân chia ra tám vạn bốn ngàn bình báu, xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp, cao ba thế giới, biểu sát trang nghiêm, thòng rũ các phan lọng, và treo các linh báu.

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến thấy Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức vào Niết Bàn, thì rất buồn thảm áo não nghĩ rằng : ''Tại sao mình không giữ Phật ở lại đời ? Nếu thỉnh Phật ở lại đời, thì Phật hứa sẽ không vào Niết Bàn.'' Ngài luyến mộ nhớ Đức Phật, không đành lìa khỏi Phật. Sau khi Phật vào Niết Bàn, bèn dùng gỗ hải thử ngạn chiên đàn, loại gỗ quý nhất để làm giàn thiêu hoá di thể của Phật. Sau khi thiêu hóa xong di thể của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, thu được rất nhiều xá lợi, phân ra đựng trong tám vạn bốn ngàn bình báu, lại xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp báu, cúng dường xá lợi ở trong bình báu. Tháp đó cao ba thế giới. Ở

trước bảo tháp có biểu sát rất trang nghiêm, treo tất cả phan lọng và các linh báu, vang ra âm thanh vi diệu xa gần đều nghe.

Nói đến đây, tôi nhớ tới chuyện của Ngài Ấn Quang đại sư, Ngài ngồi niệm Phật rồi thị tịch tại núi Linh Nham ở Tô Châu, khi hỏa thiêu thì dùng gỗ chiên đàn để thiêu di thể. Lúc đó, người tham dự chẳng biết là bao nhiêu. Từ trên núi xuống dưới chân núi khoảng ba dặm, mà đầy dẫy mọi người đều đến đưa đám. Sau khi thiêu xong thì lượm được rất nhiều xá lợi năm màu.

Ngài Ấn Quang chẳng những dụng công tu hành, mà còn tinh thông kinh điển. Ngài tu ở trên núi Phổ Đà mười tám năm. Trong thời gian đó, Ngài chuyên tâm duyệt đọc Đại Tạng Kinh. Khi duyệt đọc thì ngồi ngay thẳng, cung kính cầm quyển kinh. Khi vào nhà cầu thời cởi y áo giày dép, thay đổi áo khác giày khác để vào. Trở ra thì mặc vào lại. Vì cung kính như thế, cho nên đã khai ngộ. Sau khi khai ngộ thì chuyên môn niệm ‘’Nam Mô A Di Đà Phật,’’ sáu chữ hồng danh.

Về sau thành lập đạo tràng ở trên núi Linh Nham ở Tô Châu, đề xướng pháp môn niệm Phật, pháp môn này rất dễ tu trì. Ngài Ấn Quang về mặt học vấn và đạo đức đều là thượng thừa, chẳng hổ là một bậc cao Tăng. Đáng tiếc giọng nói quá nặng (người ở Xiểm Tây Cáp Dương), một số người chẳng hiểu lời của Ngài nói. Cho nên, Ngài

rất ít giảng kinh thuyết pháp. Song, Ngài dùng văn tự để tuyên dương Phật pháp. Do đó, có câu :

‘’Lời nói khuyên người một thời,
Sách vở khuyên người trăm đời.’’

Do đó, lưu lại văn sao của Ngài Ấn Quang, người sau được ích lợi không ít.

Một năm nọ, Ngài Ấn Quang đến Nam Kinh giảng kinh, cũng có thể người tin Phật rất ít, mấy ngày đầu còn có người nghe kinh, về sau dần dần giảm bớt. Cuối cùng chỉ còn một người ngồi ở đó nghe. Ngài Ấn Quang từ pháp tòa nhìn xuống đạo tràng rộng lớn, mà chỉ có một người nghe kinh, tâm nghĩ, "một người nghe kinh cũng phải giảng kinh".

Sau khi giảng xong, rời khỏi pháp toà đến trước người đó bèn hỏi : ‘’Cư sĩ ! Ông có hiểu tôi giảng kinh chăng ?‘’

- Người đó đáp :‘’Tôi chẳng hiểu Ngài giảng cái gì ?‘’

- Ngài Ấn Quang trả lời :‘’Nếu ông không hiểu, sao lại đến nghe kinh ?‘’

- Người đó đáp :‘’Tôi là người quản lý ở đây, đợi khi thầy giảng xong, thì tôi thu xếp bàn ghế lại.’’

Từ đó, Ngài Ấn Quang phát nguyện, chẳng giảng kinh ở Nam Kinh nữa.

Một năm nọ, Ngài Ấn Quang đến Thượng Hải giảng Kinh A Di Đà, có đăng tin tức trên báo, khiến cho người có duyên đến nghe kinh gieo trồng căn lành, tích tụ công đức. Lần pháp hội đó, rất long trọng trang nghiêm, rất nhiều người đến nghe kinh đều là tín đồ kiền thành.

Đương thời, có một nữ cư sĩ (chẳng phải là Phật tử) ở trong mộng thấy có người mặc áo giáp màu vàng, bảo với cô ta rằng : *''Con hãy đến Thượng Hải để nghe Bồ Tát Đại Thế Chí giảng Kinh A Di Đà.''* Cô ta nhớ rất rõ ràng. Ngày thứ hai sáng sớm xem báo, thì thấy tin tức họ cung thỉnh Ngài Ấn Quang giảng Kinh A Di Đà. Cô ta vì tâm háo kỳ, mà đến chỗ đó để cầu kiến Ngài Ấn Quang. Khi thấy Ngài Ấn Quang thì tự động đảnh lễ, bèn nói với Ngài Ấn Quang rằng : *''Con chẳng phải là Phật giáo đồ, vì đêm hôm qua con nằm mộng thấy, có người bảo con đến chỗ này nghe Bồ Tát Đại Thế Chí giảng Kinh A Di Đà. Xin hỏi Ngài ! Không chừng Ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí.''*

- Lúc đó, Ngài Ấn Quang dơ tay thị ý : *''Việc này, con biết, ta biết, đừng nói cho ai biết.''* Vị nữ cư sĩ đó, bèn quy y Tam Bảo, cuối cùng vẫn giữ tin này bí mật, chẳng thố lộ với bất cứ ai. Ba năm sau, khi Ngài Ấn Quang viên tịch trên núi Linh Nham, thì vị cư sĩ này, mới tuyên bố cảnh giới này ở trước công chúng. Lúc đó, mọi người mới biết Ngài Ấn Quang là hóa thân của Bồ Tát Đại Thế Chí, Bồ Tát thừa nguyện trở lại. Đời sau, tôn xưng là Tổ Sư thứ mười ba phái Liên Tông. Tuy nhiên, đệ tử quy y với Ngài khắp thiên hạ, nhưng chẳng có đệ tử truyền pháp. Tại sao

? Vì Ngài thệ nguyện chẳng lập chùa, chẳng thu đệ tử xuất gia.

Bấy giờ, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến lại tự nghĩ rằng : Tuy ta cúng dường như thế, tâm vẫn cảm thấy chưa đủ. Nay ta nên cúng dường xá lợi, bèn nói với các Bồ Tát đại đệ tử, và trời rồng Dạ Xoa, hết thảy tất cả đại chúng, các ông nên một lòng nghĩ nhớ, nay ta cúng dường xá lợi của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức.

Lúc đó, vị Bồ Tát đó lại nghĩ rằng :''Tuy kiếp trước ta đốt thân cúng dường Phật, mà tâm vẫn cảm thấy chưa đủ chân thành. Hôm nay phải cúng dường xá lợi của Phật.'' Bèn nói với các vị Bồ Tát đại đệ tử và trời rồng tám bộ chúng rằng :''Các ông đại chúng nên một lòng nghĩ nhớ, nay ta phải cúng dường xá lợi của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức.''

Nói lời đó rồi, bèn ở trước tám vạn bốn ngàn bảo tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm, trải qua bảy vạn hai ngàn năm, dùng để cúng dường, khiến cho vô số

chúng cầu Thanh Văn, vô lượng A tăng kỳ người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều khiến cho trụ vào tam muội hiện tất cả sắc thân.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói xong lời đó rồi, lập tức ở trước tám vạn bốn ngàn bảo tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm của mình, trải qua bảy vạn hai ngàn năm để cúng dường.

Có người hỏi :''Kỳ lạ ! Vị Bồ Tát đó, kiếp trước đốt thân cúng dường trải qua một ngàn hai trăm năm. Tại sao lần này đốt tay phải trải qua bảy vạn hai ngàn năm ? Tôi chẳng hiểu đạo lý bên trong, xin Thầy từ bi khai thị.''

- Nói cho bạn biết ! Vị Bồ Tát đó, kiếp trước dùng sắc thân để cúng Phật, lần này dùng hóa thân để cúng Phật, muốn thiêu bao lâu cũng được, chẳng có hạn chế thời gian, bạn hiểu chứ !

Tại sao vị Bồ Tát đó lại đốt cánh tay, để cúng dường Phật xá lợi ? Vì muốn cảm hóa những chúng sinh chẳng có tâm chân thành, phát khởi tâm chân thành để cúng dường Phật xá lợi, vì muốn khiến cho vô lượng A tăng kỳ người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, do đó mà đốt cánh tay để làm ảnh hưởng chúng sinh phát tâm bồ đề, đều khiến cho chúng sinh trụ tại cảnh giới tất cả sắc thân tam muội.

Bấy giờ, các vị Bồ Tát, trời, người, A tu la thảy, đều thấy vị Bồ Tát đó chẳng còn cánh tay, thì rất buồn rầu bi ai, bèn nói rằng : Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến này, là thầy của chúng ta, giáo hóa chúng ta, mà nay đốt đi cánh tay, thân chẳng còn đầy đủ.

Lúc đó, các vị đại Bồ Tát, hàng trời người và A tu la, quỷ thần thảy, đều thấy vị Bồ Tát đó chẳng còn hai cánh tay, thì mọi người đều buồn rầu bi ai, khác miệng cùng lời nói :''Vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến là thầy của chúng ta, giáo hóa chúng ta, khiến cho chúng ta hiểu Phật pháp, khiến cho chúng ta tu trì Phật pháp, nhưng Ngài phát nguyện đốt cánh tay cúng Phật, hiện nay thân tướng chẳng còn đầy đủ.''

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến ở trong đại chúng lập thệ nguyện rằng : Ta xả bỏ cánh tay, tất sẽ được thân sắc vàng của Phật, nếu thật không hư, thì khiến cho cánh tay của ta hoàn lại như cũ, thệ nguyện vừa xong, thì cánh tay tự nhiên hoàn

lại. Bởi do Bồ Tát đó phước đức trí huệ sâu dày, nên được như thế.

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến ở trong đại chúng lập thệ nguyện rằng :''Ta đốt cánh tay cúng Phật, thì tương lai nhất định được thân sắc vàng tía của Phật. Nếu như là chân thật không hư, thì khiến cho cánh tay của tôi đót, lập tức khôi phục lại như cũ. Phát nguyện như thế rồi, thì tự nhiên sinh ra cánh tay mới như ban đầu, chẳng có gì khác biệt. Đó là nhờ duyên gì ? Vì Bồ Tát đó có phước đức lớn, trí huệ lớn sâu dày, lại thành thật, cho nên mới có cảnh giới cảm ứng không thể nghĩ bàn như thế.''

Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới sáu thứ chấn động, trời mưa xuống hoa báu, tất cả trời người được chưa từng có.

Lúc đó, ba ngàn đại thiên thế giới đều có sáu thứ chấn động. Trời mưa hoa báu xuống, tất cả trời người đều cho là việc ít có, từ khi sinh ra chưa từng gặp qua cảnh giới này.

Đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa : Ý của ông thế nào ? Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đâu phải là ai xa lạ, nay là Bồ

Tát Dược Vương này vậy, vị đó xả thân bố thí như thế, vô lượng trăm ngàn vạn ức Na do tha số lần.

Đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng :''Ông cảm thấy khổ hạnh đó như thế nào ? Ông có biết vị Bồ Tát đó là ai chăng ? Là Bồ Tát Dược Vương này vậy. Vị Bồ Tát đó xả thân cho Phật, bố thí cho chúng sinh, nhiều vô lượng trăm ngàn vạn ức Na do tha, số lượng này không thể nói hết được, bất quá, nay ta chỉ nói vị đó đốt thân và đốt cánh tay cúng dường Phật mà thôi.''

Tú Vương Hoa ! Nếu có người phát tâm muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà có thể đốt một ngón tay, cho đến một ngón chân, cúng dường tháp Phật, còn hơn là người dùng đất nước vợ con, và ba ngàn đại thiên thế giới, núi rừng sông ngòi, các châu báu, mà cúng dường.

Đức Phật lại gọi một tiếng :''Tú Vương Hoa ! Nếu như có chúng sinh, phát tâm muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hoặc phát tâm đốt một ngón tay, hoặc phát tâm đốt một ngón chân, để cúng dường Phật, để cúng dường tháp của Phật, thì công đức cúng dường đó, hơn là

công đức của người đem đất nước vợ con ra bố thí, cũng hơn công đức dùng ba ngàn đại thiên thế giới, núi rừng sông ngòi, và các châu báu vật quý đem cúng dường Phật.''

Hoặc lại có người, dùng bảy báu đầy ba ngàn đại thiên thế giới, để cúng dường Phật và đại Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, công đức của người đó đắc được, chẳng bằng thọ trì Kinh Pháp Hoa này, cho đến một bài kệ bốn câu, thì phước này thắng hơn phước kia.

Đức Phật lại nói :''Nếu như có người dùng bảy báu đầy dẫy ba ngàn đại thiên thế giới, để cúng dường chư Phật, chư Bồ Tát, chư Bích Chi Phật, các vị A La Hán, công đức cúng dường bốn bậc Thánh như thế, chẳng bằng thọ trì một bài kệ bốn câu trong Kinh Pháp Hoa, công đức được thù thắng hơn. Tóm lại, bất cứ cúng dường bốn bậc Thánh như thế nào, cũng chẳng bằng công đức thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa.''

Tú Vương Hoa ! Ví như nước trong sông ngòi, kinh rạch, thì biển là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong

các kinh của Như Lai nói, là sâu rộng lớn nhất.

Phật lại nói :''Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Ví như nước ở trong tất cả sông ngòi, kinh rạch, thì biển cả là bậc nhất. Bộ kinh này cũng như thế, trong các kinh điển mười phương chư Phật nói, thì thâm diệu rộng lớn bậc nhất.''

Lại như : Núi đất, núi đen, núi Thiết Vi nhỏ, núi Thiết Vi lớn, và núi mười báu, ở trong các núi, thì núi Tu Di là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong các kinh là trên hết.

Lại như : Núi đất, núi đen, núi Thiết Vi nhỏ, núi Thiết Vi lớn, và núi mười báu, ở trong các núi, thì núi Tu Di là bậc nhất. Bộ Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong tất cả kinh điển, là trên hơn hết, chẳng có bộ kinh nào cao hơn. Bộ kinh này là kinh thành Phật, chỉ cần y pháp tu hành, thì có hy vọng thành Phật.

Lại như ở trong các ngôi sao, thì mặt trăng là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong ngàn vạn ức các kinh pháp, thì kinh này chiếu sáng nhất.

Lại giống như ở trong các ngôi sao, thì mặt trăng chiếu sáng nhất. Bộ Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong ngàn vạn ức các kinh điển, thì kinh này chiếu sáng nhất.

Lại như mặt trời chiếu phá mọi sự tối tăm, kinh này cũng lại như thế, hay phá trừ tất cả sự tối tăm bất thiện.

Lại giống như mặt trời hay phá trừ tất cả đen tối, Kinh Pháp Hoa cũng như thế, hay phá trừ tất cả sự đen tối bất thiện. Tóm lại, thọ trì Kinh Pháp Hoa sẽ đắc được đại trí huệ, quang minh này hay phá trừ đen tối vô minh.

Lại như trong các ông vua, thì vua chuyển luân thánh vương là bậc nhất. Kinh này cũng lại như thế, ở trong các kinh là tôn quý hơn hết.

Lại giống như trong các ông vua, thì địa vị của vua chuyển luân thánh vương là bậc nhất, chẳng ai có thể sánh. Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, ở trong các kinh điển là tôn quý hơn hết.

Lại như trời Đế Thích, là vua cõi trời Ba Mươi Ba. Kinh này cũng lại như thế, là vua trong các kinh.

Giống như trời Đế Thích, là vua cõi trời Ba Mươi Ba, quản hạt ba mươi hai cõi trời, Kinh Pháp Hoa cũng như thế, là vua ở trong tất cả kinh điển.

Lại như vua Đại Phạm Thiên, là cha của tất cả chúng sinh. Kinh này cũng lại như thế, là cha của tất cả các bậc hiền Thánh học vô học, và những người phát tâm Bồ Tát.

Lại như vua Đại Phạm Thiên, là cha của tất cả chúng sinh. Vì sao xưng là cha của tất cả chúng sinh ? Vì thế giới có thành trụ hoại không bốn trung kiếp (mỗi trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp). Đến thời kỳ kiếp không, thì Thiên chúng của cõi Sơ thiền, tự nhiên tỵ nạn đến cõi trời Nhị thiền. Đến thời kỳ kiếp thành lập, thì Thiên chúng tỵ nạn ở cõi Nhị thiền lại trở về cõi trời Sơ thiền. Người đầu tiên trở lại là vua Đại Phạm Thiên. Vì người sau này càng ngày càng đến nhiều, cho nên vua Đại Phạm Thiên đối với đại chúng tuyên bố :''Ta là cha của các ngươi, các ngươi phải tôn kính ta, phải nghe lời ta, không thể làm trái ngược ý chỉ của ta.''

Bà la môn ở Ấn Độ cho rằng : Tổ tiên của họ là từ miệng trời Phạm Thiên sinh ra, cho nên có thần Thánh ưu việt không thể xâm phạm, đáng hưởng thọ đặc quyền, cho đó là việc thiên kinh địa nghĩa. Do đó, ở Ấn Độ tạo ra hiện tượng giai cấp chẳng bình đẳng, đến nay vẫn còn như thế, khiến cho kẻ nô lệ vĩnh viễn không được đối đãi bình đẳng.

Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, là cha của tất cả bậc hiền Thánh, bậc hữu học (sơ, nhị, tam quả A La Hán), bậc vô học (tứ quả A La Hán), và những người phát tâm Bồ Tát tu đạo Bồ Tát.

Lại như, trong tất cả những người phàm phu, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì Bích Chi Phật là bậc nhất. Kinh này cũng lại như thế, ở trong các kinh của Phật nói, hoặc Bồ Tát nói, hoặc Thanh Văn nói, thì kinh này là bậc nhất.

Lại giống như ở trong tất cả phàm phu, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì Bích Chi Phật là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa cũng như thế. Ở trong tất cả kinh pháp của chư Phật nói, hoặc kinh điển của Bồ Tát nói, hoặc kinh điển của hàng Thanh Văn nói, thì kinh này là bậc nhất.

Có người hay thọ trì kinh này cũng lại như thế, ở trong tất cả chúng sinh cũng là bậc nhất.

Nếu như có người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa cũng như thế, ở trong tất cả chúng sinh là bậc nhất. Bộ kinh này là pháp môn ai ai cũng có thể tu, ai kiền thành tu trì, thì người đó là bậc nhất. Tu hành phải cước đạp thật địa, cung hành thực tiễn, không nên cứ tìm tiện nghi, phải thấu rõ việc thiên hạ, không thể nào không làm mà có thu hoạch. Người xưa nói :

''Trồng trọt một phần,
Thì thu hoạch một phần.''

Dụng công một ngày, thì tiếp cận gần cảnh giới của Phật một dặm đường.

Ở trong tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, thì Bồ Tát là bậc nhất. Kinh này cũng lại như thế, là bậc nhất ở trong tất cả kinh pháp.

Ở trong tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, thì Bồ Tát là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, ở trong tất cả các kinh pháp, thì kinh này là bậc nhất, cho nên gọi là vua trong các kinh.

Như Phật là vua của các pháp, kinh này cũng lại như thế, là vua trong các kinh.

Lại giống như Phật là vua của tất cả các pháp, Kinh Pháp Hoa là vua của tất cả các kinh. Đức Phật cử ra những ví dụ đó, để nói rõ tính quan trọng của Kinh Pháp Hoa, khiến cho người thọ trì Kinh Pháp Hoa, biết được công đức rộng lớn của Kinh Pháp Hoa, chẳng gì sánh bằng.

Tú Vương Hoa ! Kinh này hay cứu hộ tất cả chúng sinh, kinh này hay khiến cho tất cả chúng sinh lìa các khổ não, kinh này làm lợi ích rất lớn cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều được mãn nguyện.

Phật lại gọi một tiếng :''Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Bộ Kinh Pháp Hoa này dụng đồ rất rộng lớn, hay cứu độ tất cả chúng sinh lìa khỏi phiền não, hay khiến cho tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, lại hay lợi ích cho tất cả chúng sinh được mãn nguyện. Tóm lại, phàm là người thọ trì Kinh Pháp Hoa, bất cứ cầu gì cũng được mãn nguyện.'' Song, phải chánh nguyện chứ chẳng phải tà nguyện, điểm này phải rõ ràng. Dưới đây sẽ cử ra mười hai điều lợi ích.

Như hồ nước mát mẻ, hay khiến cho tất cả những người khát khao được hết khát, như người lạnh được lửa, như người trần truồng được quần áo, như người buôn bán gặp chủ, như con gặp mẹ, như người qua sông gặp thuyền, như người bệnh gặp được thuốc, như tối gặp được đèn, như người nghèo gặp của báu, như dân gặp được vua, như khách buôn gặp được biển, như đuốc sáng trừ tối tăm.

Công dụng của Kinh Pháp Hoa giống như hồ nước trong sạch mát mẻ, hay khiến cho người khát giải trừ sự khát uy hiếp. Giống như người lạnh lẽo gặp được lửa để sưởi ấm. Giống như người trần truồng gặp được quần áo. Trước khi chưa thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì như là trần truồng; sau khi kiền thành thọ trì kinh này, thì đồng như được quần áo. Giống như người buôn bán làm ăn gặp chủ nhân, giống như đứa con mất mẹ đã lâu, bây giờ gặp được mẹ thì vui mừng không thể tả được, tức cũng là gặp được pháp thân người mẹ. Giống như muốn đi qua sông mà gặp được thuyền. Kinh Pháp Hoa là thuyền pháp lớn, đưa chúng sinh qua biển sinh tử, giống như người bệnh tật gặp thầy thuốc, thuốc vào thì hết bệnh. Chúng ta là người mắc

bệnh ba độc, Kinh Pháp Hoa là thầy thuốc giỏi, hay cứu bệnh khổ phiền não của chúng ta.

Kinh Pháp Hoa giống như chỗ tối tăm có đèn chiếu sáng, chiếu phá vô minh ở trong tâm, khiến cho trí huệ quang minh hiện tiền. Giống như người nghèo được bảy báu vô giá; giống như dân gặp được ông vua anh minh nhân từ, giống như khách buôn được châu báu ở trong biển, giống như đuốc lớn hay phá trừ tất cả đen tối.

Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, hay khiến cho chúng sinh lìa tất cả sự khổ, tất cả bệnh khổ, giải thoát tất cả sự trói buộc sinh tử.

Bộ Kinh Pháp Hoa này, có mười hai thứ diệu dụng này, hay khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi tất cả sự khổ não, và tất cả mọi bệnh tật, lại hay giải trừ tất cả sự trói buộc sinh tử của chúng sinh, khiến cho được tự tại.

Nếu người nào được nghe Kinh Pháp Hoa này, hoặc tự biên chép, hoặc khiến cho người biên chép, thì công đức đắc được, dùng trí huệ của Phật suy lường, cũng chẳng biết được bờ mé là bao nhiêu.

Nếu như người có căn lành được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa rồi, mà phát tâm biên chép kinh này, hoặc là tự mình biên chép, hoặc nhờ người khác biên chép, thì công đức đắc được đều đồng nhau. Công đức này dù dùng trí huệ của Phật để suy lường là bao nhiêu, cũng chẳng cách chi biết được bờ mé của công đức.

Nếu biên chép quyển kinh này, mà dùng hương hoa, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan lọng, y phục, các thứ đèn, đèn tô, đèn dầu, các đèn dầu thơm, đèn dầu thiềm bặc, đèn dầu tu mạn na, đèn dầu ba la la, đèn dầu bà lợi sư ca, đèn dầu ba ma lợi, để cúng dường, thì công đức đắc được cũng vô lượng.

Nếu như có người khi biên chép bộ kinh điển này, mà dùng đủ thứ hoa tươi, hương quý, chuỗi ngọc, để cúng dường kinh này, hoặc dùng các thứ hương đốt, hương bột, hương xoa, để cúng dường kinh này, hoặc dùng các thứ phan báu, hoa báu, y phục báu, để cúng dường kinh này. Hoặc dùng các thứ đèn để cúng dường, nào là đèn dầu tô, đèn dầu, đèn dầu thơm, đèn dầu thiềm bặc, đèn dầu tu mạn na, đèn dầu ba la la, đèn dầu bà lợi sư ca, đèn dầu na

bà ma lợi, công đức đắc được cũng vô lượng vô biên, không thể biết được.

Tú Vương Hoa ! Nếu có người nghe được Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương này, thì cũng đắc được vô lượng vô biên công đức.

Đức Phật gọi một tiếng :''Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Nếu người có căn lành, dù chỉ nghe được Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì cũng đắc được vô lượng vô biên công đức.''

Nếu có người nữ, nghe được phẩm bổn sự của Bồ Tát Dược Vương, mà hay thọ trì, thì khi hết thân nữ này, về sau chẳng thọ lại nữa.

Nếu có người nữ, nghe được Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, mà hay thọ trì phẩm này, thì đời vị lai chẳng làm thân người nữ. Song, nếu thích làm thân nữ thì chẳng có gì để nói.

Nếu sau khi Như Lai diệt độ, trong năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe được kinh này, theo như trong kinh nói mà tu

hành, thì sau khi mạng chung, sẽ được vãng sinh về thế giới An Lạc, cõi của đức Phật A Di Đà, được chúng đại Bồ Tát vây quanh chỗ ở.

Sau khi Phật vào Niết Bàn, trong năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe được Kinh Pháp Hoa, mà phát tâm y theo đạo lý trong kinh nói để tu hành, tức là tu nhẫn nhục, từ bi, pháp không, ba pháp môn. Sau khi mạng chung, thì sẽ vãng sinh về thế giới An Lạc, tức cũng là thế giới Cực Lạc, được gặp Phật A Di Đà,''hoa nở thấy Phật'' có Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát vây quanh chỗ ở.

Sinh trên đài báu trong hoa sen, chẳng bị tham dục làm phiền não, cũng chẳng bị sân hận ngu si làm phiền não, cũng chẳng bị sự kiêu mạn, đố kỵ, các cấu, làm phiền não, được thần thông của Bồ Tát, và vô sinh pháp nhẫn.

Người hóa sinh trên đài báu trong hoa sen, chẳng còn bị tham dục làm phiền não, chẳng còn bị sân hận ngu si làm phiền não, chẳng còn bị ngu si làm phiền não. Giải trừ ba độc thanh tịnh, tức là thân tâm khinh an. Ba độc này có mối quan hệ với nhau. Sinh tâm tham dục mà

chẳng đắc được, thì bèn khởi nóng giận. Khi nóng giận thì sẽ mất đi lý trí, tức là ngu si. Trí huệ chẳng hiện tiền thì chẳng rõ thị phi, chẳng biết thiện ác. Vô minh hiện tiền thì làm việc điên đảo, tạo thành nghiệp thân khẩu ý chẳng thanh tịnh. Phạm mười điều ác rồi, thì vĩnh viễn đọa vào ba đường ác trong luân hồi, chẳng có kỳ hạn thoát khỏi.

Khống chế tham sân si như thế nào ? Thì phải siêng tu giới định huệ, hay giữ giới luật thì chẳng có tâm tham, hay giữ định lực thì chẳng có tâm sân, hay học trí huệ thì chẳng ngu si. Ví như một bồn nước đục (vô minh) muốn cho nó thanh tịnh lắng trong, thì cho vào một chút phèn trắng (giới pháp), đừng quấy động (định lực), từ từ sẽ lắng xuống và hiện ra thanh tịnh (trí huệ), hay phản chiếu vạn vật.

Nếu minh bạch nghĩa lý Kinh Pháp Hoa, thì cũng chẳng bị kiêu mạn, đố kỵ, các cấu bẩn gây phiền não. Nếu người nào có hai thứ tâm lý biến thái này, thì vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ, chẳng thể được trí huệ. Tu đạo trước hết phải đừng có tâm cống cao ngã mạn, chẳng có tâm đố kỵ chướng ngại, học tinh thần từ bi hỷ xả của Bồ Tát.

Trong tâm chẳng có dơ bẩn, thì sẽ đắc được thần thông của Bồ Tát và vô sinh pháp nhẫn. Vô sinh pháp nhẫn là gì ? Nói đơn giản là chẳng thấy có chút pháp sinh, chẳng thấy có chút pháp diệt, nhẫn ở nơi tâm.

Nhẫn tức là nhẫn nại, đối diện với cảnh nghịch mà chẳng sinh tâm sân hận. An trụ trên lý pháp mà chẳng động tâm. An trụ tâm vào chân như thật tướng, thì cảm

thấy chẳng có tơ hào tình niệm của phàm phu, có thể xả bỏ, cũng chẳng có kiến giải của Thánh nhân, có thể thủ lấy. Lúc đó, cảm thấy mười pháp giới chẳng có chút pháp sinh, cũng chẳng có chút pháp diệt, chẳng có sinh diệt, song trên pháp lý đều là như như bất động. Vì như như bất động, cho nên chẳng có sinh diệt, từ đó thấy tất cả các pháp đều chẳng có sinh diệt. Thật sự thấy được chân như thật tướng, mới đắc được sự nhẫn đó, mà vĩnh viễn chẳng bị cảnh bên ngoài làm mê hoặc, giao động tâm.

Tóm lại, buông bỏ được tất cả, chẳng có chấp trước tức là vô sinh pháp nhẫn. Chứng được vô sinh pháp nhẫn, tức là pháp thân Bồ Tát. Phàm là người thượng phẩm thượng sinh về thế giới Cực Lạc, một khi đến Tịnh Độ thì lập tức hoa nở thấy Phật, lập tức được vô sinh pháp nhẫn, có đại trí huệ, có đại thần thông, trợ giúp Phật giáo hóa chúng sinh, khiến cho sớm được lìa khổ được vui, sinh về Tịnh Độ.

Đắc được nhẫn đó rồi, thì căn mắt thanh tịnh, nhờ căn mắt thanh tịnh, nên thấy được bảy trăm vạn hai ngàn ức Na do tha, Hằng hà sa các đức Phật Như Lai.

Đắc được vô sinh pháp nhẫn rồi, thì căn mắt thanh tịnh, tức cũng là đắc được pháp nhẫn. Dùng pháp nhãn

thanh tịnh, có thể thấy được bảy trăm vạn hai ngàn ức Na do tha, Hằng hà sa các Đức Phật.

Lúc đó, các đức Phật cùng nhau khen ngợi nói : Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Ông ở trong pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, hay thọ trì đọc tụng suy gẫm kinh này, vì người khác nói, phước đức đắc được vô lượng vô biên, lửa không thể thiêu đặng, nước không thể ngập chết đặng, công đức của ông ngàn đức Phật cùng nói, cũng không hết được.

Lúc đó, chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở trong mười phương cõi nước, đều cùng nhau khen rằng :''Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Ông ở trong pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, hay thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này, tư duy kinh này. Lại vì người khác giải nói kinh này, công đức đắc được vô lượng vô biên. Lửa lớn không thể thiêu đặng, nước lớn không thể ngập chết. Công đức của ông dù ngàn vị Phật cùng nhau nói, cũng nói không hết được.''

Ông nay đã phá được các ma tặc, dẹp tan quân sinh tử, các oán địch khác cũng đều tiêu diệt.

Hiện tại ông đã phá trừ được tất cả ma tặc. Ma hay chướng ngại chánh đạo, hay hại huệ mạng, tặc là sáu tên tặc, tức là sáu căn cướp đi pháp tài. Lại phá hoại được quân sinh tử, chẳng còn thọ khổ trong luân hồi, còn các oán địch khác thì thảy đều tiêu diệt, chẳng còn đến nhiễu hại nữa.

Thiện nam tử ! Trăm ngàn các đức Phật dùng sức thần thông cùng bảo hộ ông. Ở trong tất cả thế gian trời người chẳng có ai bằng ông, ngoài Như Lai ra, các hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cho đến Bồ Tát, trí huệ thiền định, cũng chẳng có ai bằng ông.

‘’Thiện nam tử ! Trăm ngàn các Đức Phật, cùng dùng sức đại thần thông, cùng bảo hộ ông. Ở trong tất cả thế gian trời người chẳng có ai cao hơn ông. Trừ Như Lai ra, dù tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, cho đến trí huệ và thần thông của Bồ Tát, cũng chẳng bằng ông được.’’ Tóm lại, địa vị của Bồ Tát đó đã gần bậc Diệu Giác.

Tú Vương Hoa ! Bồ Tát đó thành tựu sức công đức trí huệ như thế.

Phật lại gọi một tiếng :''Tú Vương Hoa Bồ Tát ! Vị Bồ Tát nghe kinh tu trì đó, vãng sinh Tịnh Độ thành tựu sức công đức trí huệ như thế.'' Do đó, có thể biết, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép bộ Kinh Pháp Hoa này, thì có cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Nếu có người nghe Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, mà tùy hỷ khen ngợi, thì người đó, hiện đời trong miệng thường tỏa ra hương thơm hoa sen xanh, lỗ lông nơi thân thường tỏa ra hương thơm ngưu đầu chiên đàn, công đức đắc được như trên đã nói.

Nếu có người nghe Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, mà tùy hỷ tán thán :''Lành thay !'' Thì người đó hiện đời trong miệng thường tỏa ra hương thơm hoa sen xanh, lỗ lông nơi thân thường tỏa ra hương thơm ngưu đầu chiên đàn, công đức đắc được như trên đã nói.

Bởi thế, Tú Vương Hoa ! Ta đem Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương này, phó

chúc cho ông. Sau khi ta diệt độ, trong năm trăm năm sau, hãy rộng truyền bá khắp cõi Diêm Phù Đề, đừng khiến cho đoạn tuyệt, đừng để ác ma, dân ma, chư Thiên, rồng, Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà, hết thảy được phương tiện đó.

Phật nói :''Bởi vì thế, Tú Vương Hoa Bồ Tát ! Ta đem phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương này, phó chúc cho ông. Sau khi ta diệt độ, trong năm trăm năm sau, ông phải truyền bá phẩm này, lưu truyền ở cõi Diêm Phù Đề, đừng khiến cho đoạn tuyệt thất truyền, đừng khiến cho con ma, cháu ma, thần ma, dân ma, trời, rồng, tám bộ chùng, thảy được phương tiện đó.''

Tú Vương Hoa ! Ông nên dùng sức thần thông giữ gìn kinh này. Vì sao ? Vì kinh này là thuốc hay cho những người bệnh ở cõi Diêm Phù Đề. Nếu người có bệnh mà được nghe kinh này, thì bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Phật lại gọi một tiếng :''Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Ông nên dùng sức thần thông để giữ gìn bộ kinh này. Vì sao ? Vì bộ kinh này là thuốc hay, trị được bệnh của con

người ở cõi Diêm Phù Đề. Người có bệnh si ái, thì kinh này trị được bệnh si ái. Nếu như có người mắc bệnh mà nghe được Kinh Pháp Hoa, thì liền tiêu trừ bệnh hoạn, thậm chí không già không chết.''

Tú Vương Hoa ! Nếu ông thấy có người thọ trì kinh này, thì nên dùng hoa sen xanh, và đựng đầy hương bột cúng dường rải lên trên người đó. Rải lên rồi, bèn nghĩ rằng : Người này chẳng bao lâu sẽ lấy cỏ ngồi ở Đạo tràng, phá các quân ma, thổi pháp loa, đánh trống pháp, độ thoát tất cả chúng sinh, lìa khỏi biển sanh già bệnh chết. Bởi thế, người cầu Phật đạo, thấy người thọ trì kinh điển này, thì nên sinh tâm cung kính như thế.

Phật lại gọi một tiếng :''Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Nếu ông thấy có người thọ trì kinh này, thì nên dùng hoa sen xanh và đựng đầy hương bột cúng dường rải lên trên họ. Rải rồi thì nghĩ rằng : ''Người này chẳng bao lâu nữa sẽ lấy cỏ làm tòa, ngồi dưới cội bồ đề phá các quân ma, hàng phục ma nữ, thành Chánh Giác, thổi đại pháp loa, đánh trống pháp lớn, vì tất cả chúng sinh mà thuyết pháp,

độ thoát tất cả chúng sinh, lìa khỏi biển khổ sanh già bệnh chết. Bởi thế phàm là người cầu Phật đạo, thấy người thọ trì kinh này, thì nên sinh tâm cung kính như thế.

Khi đức Phật nói Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì có tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát, đắc được Đà la ni tất cả ngôn ngữ của chúng sinh.

Khi Đức Phật nói Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì có tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát, đắc được Đà la ni tất cả ngôn ngữ của chúng sinh.

Đức Đa Bảo Như Lai ở trong bảo tháp khen Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng : Lành thay ! Lành thay ! Tú Vương Hoa ! Ông thành tựu công đức không thể nghĩ bàn, mới có thể hỏi đức Thích Ca Mâu Ni việc như thế, lợi ích vô lượng tất cả chúng sinh.

Đức Đa Bảo Như Lai ở trong bảo tháp, cũng khen ngợi Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng :''Lành thay ! Lành thay ! Tú Vương Hoa ! Ông thành tựu công đức không thể nghĩ bàn, mới có thể hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni, về việc khổ hạnh khó hành của Bồ Tát Dược Vương đốt thân, đốt cánh tay, hay lợi ích vô lượng tất cả chúng sinh.''

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng nầy, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thảy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức nầy
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân nầy
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (hết).

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lược in ra những tập kế tiếp Kinh Hoa Nghiêm giảng giải và Chú Lăng Nghiêm giảng giải.

Nếu có người đem tất cả đồ vui thích, bố thí cho sáu đường chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới. Lại khiến cho họ đắc quả A La Hán, công đức của người đó, chẳng bằng người thứ năm mươi, nghe một bài kệ Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỷ công đức, trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cũng chẳng bằng một phần, cho đến tính đếm thí dụ, cũng không thể biết được.

Kinh
diŒu pháp liên hoa

GIẢNG GIẢI

Tập 5

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nếu người thiện nam, người thiện nữ,
gieo trồng căn lành,
thì đời đời được gặp thiện tri thức.
Thiện tri thức đó, hay làm Phật sự,
khai thị giáo hóa, khiến cho được lợi ích,
sinh tâm hoan hỉ, khiến cho được vào
A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 5

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail : kimquangtu@hotmail.com

Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ
Nguyễn Văn Tuyến, pd Tâm Mãn
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG TAM THÁNH

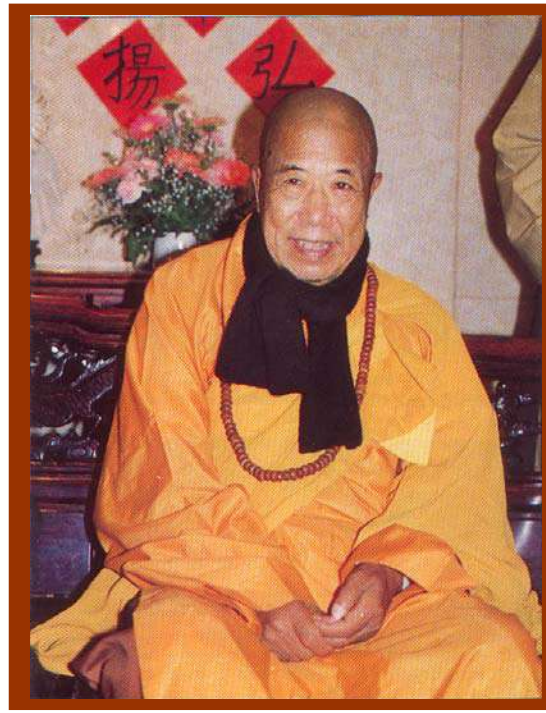

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển bảy

Phẩm Bồ Tát Diệu Âm thứ 24.....8
Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm thứ 25.....42
Phẩm đà la ni thứ 26.....221
Phẩm bổn sự của Bồ Tát vua Diệu Trang Nghiêm.....240
Phẩm khuyến phát của Bồ Tát Phổ Hiền thứ 28.....271

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM BỒ TÁT DIỆU ÂM
THỨ HAI MƯƠI BỐN

Bồ Tát Diệu Âm Ngài có âm thanh vi diệu không thể nghĩ bàn. Tại sao lại có Diệu Âm ? Vì ở trong quá khứ vô lượng kiếp Ngài đã từng dùng mười vạn âm nhạc cúng dường Phật Vân Lôi Âm Vương. Diệu Âm của Ngài nói pháp, vĩnh viễn tồn tại lưu giữ ở lỗ tai của chúng sinh. Vì lỗ tai của chúng sinh có Diệu Âm, nên vĩnh viễn chẳng quên diệu pháp của Bồ Tát Diệu Âm nói. Do đó gọi là Bồ Tát Diệu Âm.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng quang minh từ nhục kế tướng đại nhân, và phóng ra tướng hào quang trắng ở giữa chặng mày, chiếu khắp phương đông,

một trăm tám vạn ức na do tha Hằng hà sa, các thế giới của Phật.

Sau khi nói xong Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì khi sắp nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ở trong hội Pháp Hoa trên núi Linh Thứu, phóng ra đại quang minh từ nhục kế (chỗ cao nhất trên đỉnh đầu) tướng đại nhân, chiếu sáng hết thảy thế giới. Lại từ giữa chặng mày, phóng ra tướng hào quang trắng. Nhục kế biểu thị cho quả tròn. Phật viên mãn quả giác đã đến cực điểm. Hào quang trắng biểu thị cho nhân tròn. Trung đạo nhân cũng tròn mà quả cũng tròn, nhân quả không hai, tức nhân tức quả; tức quả tức nhân. Quang minh nhục kế và quang minh trắng, chẳng những chiếu khắp thế giới mà còn chiếu khắp phương đông, một trăm tám vạn ức na do tha Hằng hà sa các thế giới của Phật.

Qua số thế giới đó, có một thế giới tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm, nước đó có vị Phật, hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Có vô lượng vô biên đại

chúng Bồ Tát, cung kính vây quanh, Phật vì họ mà nói pháp.

Qua số thế giới đó rồi, có một thế giới tên là thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm, ở trong cõi nước đó, có một vị Phật hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật. Nhân làm của Ngài thanh tịnh như hoa sen. Ngài là vua trong các tinh tú, trí huệ của Ngài giống như ánh sáng mặt trăng chiếu soi vạn vật.

Phật có biệt hiệu, tức là bổn danh của Phật; Phật còn có thông hiệu tức là mười hiệu. Mỗi vị Phật đều có đầy đủ mười hiệu :

1). Như Lai : Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác.

2). Ứng Cúng : Xứng đáng thọ trời, người cúng dường.

3). Chánh Biến Tri : Tức chánh tri lại biến tri, biết lý chân tục hai đế.

4). Minh Hạnh Túc : Hạnh ba minh chỉ có Phật mới đầy đủ, tức cũng là tu hành và trí huệ đều viên mãn.

5). Thiện Thệ : Khéo đi đến nơi tốt nhất.

6). Thế gian giải : Các pháp thế gian chỉ có Phật mới hiểu rõ hết.

7). Vô Thượng Sĩ : Phật là đại sĩ trên hơn hết trong thế gian và xuất thế gian, chẳng có ai sánh bằng.

8). Điều ngự trượng phu : Bậc trượng phu điều phục giá ngự chúng sinh trong ba cõi.

9). Thiên Nhân Sư : Bậc đạo sư của chư thiên và loài người.

10). Phật : Giác hạnh viên mãn, vạn đức trang nghiêm.

Thế Tôn : Tôn kính trong thế gian và xuất thế gian. Đầy đủ mười hiệu mới gọi là Thế Tôn.

Vị Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đó, có vô lượng vô biên đại chúng Bồ Tát cung kính vây quanh. Vị Phật đó vì các Ngài mà thuyết pháp.

Luồng hào quang trắng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chiếu sáng khắp cõi nước đó.

Tướng luồng hào quang trắng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chiếu sáng khắp hết thảy cõi nước Tịnh Quang Trang Nghiêm ở phương đông.

Bấy giờ, ở trong cõi nước Tịnh Quang Trang Nghiêm, có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm, từ lâu đã trồng các gốc công đức, cúng dường gần gũi vô lượng trăm ngàn vạn ức các đức Phật, cho nên thành tựu trí huệ thâm sâu.

Lúc đó, ở trong cõi nước Tịnh Quang Trang Nghiêm có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm, do đó có câu : ''Đông Diệu Âm, Tây Quán Âm.'' Nghĩa là : ''Phương đông thì có Bồ Tát Diệu Âm, phương tây thì có Bồ Tát Quán Thế Âm.'' Bồ Tát Diệu Âm đó, từ lâu xa về trước, đã gieo trồng rất nhiều căn lành. Lại cúng dường vô lượng ức các Đức Phật, lại gần gũi vô lượng ức các Đức Phật, cho nên thành tựu trí huệ thâm sâu, đắc được mười sáu thứ tam muội. Tam muội dịch là chánh định chánh thọ, tức cũng hay lìa khỏi định lực tà loạn. Tam muội có vô lượng, bất quá chỉ cử ra mười sáu thứ để đại biểu.

Được diệu tràng tướng tam muội, pháp hoa tam muội, tịnh đức tam muội, tú vương hí tam muội, vô duyên tam muội, trí ấn tam muội, giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội, tập nhất thiết công đức tam muội, thanh tịnh tam muội, thần thông du hí tam muội, trí cự tam muội, trang nghiêm vương tam muội, tịnh quang minh tam muội, tịnh tạng tam muội, bất cộng tam muội, nhật toàn tam muội.

1). Diệu tràng tướng tam muội : Chánh định thâm sâu diệu vợi, an trụ bất động, giống như tràng báu, uy

phục tất cả và cũng là thật tướng. Bổn thể của thật tướng cao hơn tất cả, nhưng vô tướng. Tuy vô tướng, nhưng vô sở bất tướng, cho nên gọi là diệu tràng tướng tam muội.

2). Pháp hoa tam muội : Tức là nhân quả không hai. Nhân tức là quả, quả tức là nhân. Nhân quả cùng lúc, cho nên ví như hoa sen. Hoa sen là hoa nở sen hiện, hoa tàn thì sen thành. Tức là quyền thật không hai. Quyền là quyền xảo phương tiện, thật là chân thật bất hư, vì thật thí quyền, vì thật pháp mới dùng pháp quyền xảo phương tiện. Khai quyền hiển thật, khai mở quyền rồi, thì hiện ra thật. Tức là bổn tích không hai. Bổn là sự lý rất lâu xa về trước, tích là thật hiện sinh. Vì nhân quả không hai, quyền thực không hai, bổn tích không hai, cho nên gọi là Pháp hoa tam muội.

Ba hoặc là gì ? Tức là :

A. Kiến tư hoặc : Kiến hoặc là đối cảnh khởi tham ái, cảnh giới đến thì sinh tâm tham ái. Tư hoặc là mê lý khởi phân biệt, đối với lý luận chẳng minh bạch, sinh ra tâm phân biệt, càng phân biệt thì càng xa, càng xa thì càng phân biệt. Kết quả lìa trí huệ căn bản càng ngày càng xa.

B. Trần sa hoặc : Theo tên mà suy nghĩa, hoặc nhiều như bụi, như cát. Song, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh phải có pháp môn nhiều như bụi như cát, mới có thể viên mãn. Phải ở trong nhiều kiếp tu học vô lượng pháp môn, mới phá trừ được hoặc này, đắc được đạo chủng trí.

C. Vô minh hoặc : Gặp cảnh giới thì đối với sự cũng mê, mà đối với lý cũng mê, đó tức là vô minh hoặc. Tóm lại, tức là chẳng hiểu biết, chính mình cũng chẳng biết tại sao lại nóng giận, chính mình cũng chẳng biết tại sao lại điên đảo ? Đó tức là vô minh. Ba hoặc này chẳng thanh tịnh, cho nên gọi là cấu bẩn, nếu lìa khỏi ba hoặc cấu bẩn, thì sẽ chứng được thanh tịnh tự tại.

4). Tú vương hí tam muội : Tú vương tức là vua trong tinh tú (các vì sao), tức là mặt trăng. Dùng trí huệ quyền xảo phương tiện, để chiếu căn cơ của chúng sinh, chẳng dùng thật trí để chiếu lý. Quyền trí giống như mặt trăng, đáng tròn thì tròn, đáng khuyết thì khuyết, đó là sự xảo diệu, cho nên dùng trí huệ xảo diệu để làm việc này (hí kịch), có người diễn, có người xem, cho nên gọi là tú vương hí tam muội.

5). Vô duyên tam muội : Tức là vô duyên đại từ. Chẳng có tâm duyên niệm tất cả chúng sinh, có ứng tức cảm, như nước hiện ánh trăng. Bất cứ có duyên hay vô duyên đều độ khắp, chẳng phân biệt thân sơ xa gần, khi gặp thì nét mặt nhân từ, cho nên gọi là vô duyên tam muội.

6). Trí ấn tam muội : Tức là trí huệ chân thật, ấn tất cả các pháp, tức vọng mà chân. Tóm lại, trong một niệm đầy đủ ba trí.

Ba trí là gì ? Tức là:

❁ Nhất thiết trí.

❁ Đạo chủng trí.

❁ Nhất thiết chủng trí.

Nhất thiết trí, là trí huệ của bậc Thanh Văn, đạo chủng trí, là trí huệ của Bồ Tát, nhất thiết chủng trí, là trí huệ của chư Phật. Đó là trí ấn tam muội.

7). Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội : Tức là thấu hiểu tất cả ngôn ngữ của tất cả chúng sinh. Chẳng những hiểu biết ngôn ngữ của loài người, mà dù các loại ngôn ngữ của chúng sinh khác, như phi cầm tẩu thú, thậm chí cỏ cây kim đá vô tình, cũng đều thấu hiểu, chẳng có chướng ngại về ngôn ngữ. Có ngôn ngữ tam muội đó, cho nên gọi là nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội.

8). Tập nhất thiết công đức tam muội : Nhất thiết tam muội thì có thể thu nhập một tam muội. Một tam muội lại có thể thông đạt nhất thiết tam muội. Trải qua vô lượng kiếp tu hành vạn đức viên mãn đầy đủ, tích tập tất cả công đức tam muội, cho nên gọi là tập nhất thiết công đức tam muội.

9). Thanh tịnh tam muội : Tức là thanh tịnh sáu căn. Sáu căn thanh tịnh thì sẽ đắc được sự hổ tương xử dụng tự tại, xa lìa nhiễm trần, chẳng có hoặc cấu bẩn, cho nên gọi là thanh tịnh tam muội.

10). Thần thông du hí tam muội : Dùng sức thần thông tự tại diệu dụng, hiện ra các thứ tướng để giáo hóa chúng sinh, du hí nhân gian. Tóm lại, thần thông biến hóa như là du hí, như huyễn như hóa, phổ nhiếp chúng sinh,

khiến cho chúng sinh đừng chấp trước, cho nên gọi là thần thông du hí tam muội.

11). Huệ cự tam muội : Huệ là trí huệ, cự là hỏa cự (đuốc lửa). Trí huệ quang minh như là đuốc lửa, phá trừ đen tối. Tóm lại, tu đạo mới có trí huệ, trí huệ quang minh chiếu phá đen tối ngu si. Tại sao chúng ta cứ làm những việc điên đảo ? Là vì ngu si. Cho nên phải siêng tu giới định huệ, mới tiêu diệt được tham sân si. Chẳng có ba độc thì trí huệ tự nhiên sẽ hiện tiền.

12). Trang nghiêm vương tam muội : Trang nghiêm tự tại, tự tánh tựa như vương. tự tánh vốn đầy đủ mỹ đức, tất cả đều viên dung vô ngại. Tùy tiện đề ra một pháp, thì sẽ thống lãnh tất cả các pháp, tức cũng là dùng Phật trang nghiêm, mà tự mình trang nghiêm, cho nên gọi là trang nghiêm vương tam muội.

13). Tịnh quang minh tam muội : Tức là ba trí thanh tịnh, viên mãn quang minh, chiếu tất cả các pháp, tức cũng là tính tịnh quang minh, cho nên gọi là tịnh quang minh tam muội.

14). Tịnh tạng tam muội : Trong một niệm đắc được thanh tịnh, khéo nhiếp vạn đức. Tức cũng là tịnh tâm trụ ở Như Lai mật tính, cũng có thể nói là tính Như Lai tạng hàm tàng tất cả pháp, cho nên gọi là Tịnh Tạng tam muội.

15). Bất cộng tam muội : Tức là bất cộng tam thừa mà cùng một thừa, tức cũng là Như Lai đại định, cho nên gọi là bất cộng tam muội.

16). Nhật toàn tam muội : Trí huệ thanh tịnh như mặt trời chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng có thể nói, dùng trí huệ chân thật chiếu lý mà vô sở trụ, tức là chẳng trụ vào cảnh giới chiếu lý, đó gọi là nhật toàn tam muội.

Được hết thảy trăm ngàn vạn ức, Hằng hà sa các đại tam muội như thế.

Vị Bồ Tát Diệu Âm vì ở trong quá khứ vô lượng kiếp, đã từng dùng mười vạn thứ âm nhạc và tám vạn bốn ngàn cái bát báu, cúng dường đức Như Lai Vân Lôi Âm Vương, cho nên đắc được trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa các đại tam muội.

Quang minh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chiếu đến thân Bồ Tát Tú Vương Hoa, lập tức Ngài bèn bạch với đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí rằng : Đức Thế Tôn ! Con phải qua thế giới Ta Bà, để lễ lạy gần gũi, cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dũng Thí, Bồ Tát Tú Vương Hoa, Bồ Tát Thượng Hạnh

Ý, Bồ Tát Trang Nghiêm Vương, Bồ Tát Dược Thượng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong pháp hội Linh Sön, phóng ra quang minh trên nhục kế và luồng hào quang trắng, chiếu soi thân Bồ Tát Diệu Âm ở trong thế giới Tịnh Quang ở phương đông. Bồ Tát Diệu Âm bèn bạch với Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí rằng : ''Đức Thế Tôn ! Bây giờ con phải đi đến thế giới Ta Bà, để lễ lạy cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Con còn muốn gặp Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dũng Thí, Bồ Tát Tú Vương Hoa, Bồ Tát Thượng Hạnh Ý, Bồ Tát Trang Nghiêm Vương, Bồ Tát Dược Thượng, hết thảy các đại Bồ Tát.''

Bấy giờ, đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : Ông chớ khinh cõi nước đó, mà sinh ra tư tưởng thấp kém.

Lúc đó, Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : '' Con đến thế giới Ta Bà, đừng khinh khi cõi nước đó, càng không nên sinh tâm hạ liệt, đừng có tư tưởng như thế.'' Người tu hành, nên nhớ đừng có cống cao ngã mạn, coi ai cũng chẳng ra gì, đó là quan niệm sai lầm. Tu đạo phải có tinh thần từ bi hỷ xả.

Thiện nam tử ! Thế giới Ta Bà đó, cao thấp chẳng bằng phẳng, đất đá các núi, sự dơ bẩn xấu ác đầy dẫy. Thân Phật nhỏ bé, các chúng Bồ Tát thân hình cũng nhỏ, mà thân ông cao đến bốn vạn hai ngàn do tuần, thân ta cao sáu trăm tám mươi vạn do tuần. Thân ông đoan chánh bậc nhất, có trăm ngàn vạn phước tướng, quang minh tốt đẹp đặc biệt, cho nên ông đi qua đó, đừng khinh khi cõi nước đó, hoặc Phật Bồ Tát và cõi nước, mà sinh tư tưởng hạ liệt.

Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương lại gọi một tiếng : ''Thiện nam tử ! Thế giới Ta Bà đó, cao thấp chẳng bằng phẳng, có núi đá đầy dẫy tạp uế ác trược, chẳng thanh tịnh. Thân Phật ở thế giới đó, cao chỉ một trượng sáu. Thân hình của tất cả Bồ Tát càng nhỏ hơn. Diệu Âm ! Thân của ông cao đến bốn vạn hai ngàn do tuần, thân của ta cao đến sáu trăm tám mươi vạn do tuần. Thân tướng của ông đoan chánh trang nghiêm bậc nhất, có trăm ngàn vạn phước tướng, thân phóng quang minh thanh tịnh tốt đẹp thù thắng đặc biệt. Cho nên, ông đến thế giới Ta Bà dễ sinh tâm khinh mạn thì sẽ đọa lạc, cho nên Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí ba lần nhắc nhở Bồ Tát Diệu Âm, đừng

sinh tâm khinh mạn, tức là Ngài cùng đi với chúng Bồ Tát cũng không thể sinh tâm hạ liệt.

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm chẳng lìa khỏi tòa ngồi, thân chẳng lay động, bèn nhập tam muội, nhờ sức tam muội mà đến núi Kỳ Xa Quật, cách pháp tòa chẳng bao xa, hóa ra tám vạn bốn ngàn hoa sen báu, dùng vàng diêm phù đàn làm thân, bạc làm lá, kim cang làm nhụy, chân thúc ca bảo làm đài.

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm chẳng rời khỏi tòa ngồi, thân cũng chẳng lay động, bèn nhập vào tam muội, nhờ sức tam muội mà đến thế giới Ta Bà núi Kỳ Xa Quật (núi Linh Thứu), cách pháp tòa của Phật Thích Ca chẳng bao xa, bèn hóa ra tám vạn bốn ngàn hoa sen báu lớn (đại biểu cho tám vạn bốn ngàn pháp môn). Những hoa sen đó, đều dùng vàng diêm phù đàn làm thân, dùng bạc làm lá, dùng kim cang làm nhụy, dùng chân thúc ca bảo làm đài.

Bấy giờ, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, thấy hoa sen đó, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Đó là nhân duyên gì, mà hiện ra cảnh giới tốt đẹp như thế ? Có hàng ngàn vạn hoa sen, dùng vàng diêm phù

đàn làm thân, dùng bạc làm lá, dùng kim cang làm nhụy, dùng chân thúc ca bảo làm đài.

Lúc đó, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi thấy hoa sen xuất hiện thù thắng như thế, chẳng biết nhân duyên gì, mới hỏi Đức Phật : '' Đức Thế Tôn ! Đó là nhân duyên gì, mà hiện ra cảnh giới tốt đẹp như thế ? Có hàng ngàn vạn hoa sen, thân của hoa sen làm bằng vàng diêm phù đàn, lá thì làm bằng bạc, nhụy thì làm bằng kim cang, đài thì làm bằng chân thúc ca bảo. Việc đó như thế nào ? Xin Đức Thế Tôn từ bi, vì chúng con mà nói nhân duyên đó.''

Bồ Tát Diệu Âm hiện ra cảnh giới tốt đẹp như thế. Tại sao Bồ Tát Văn Thù chẳng biết ? Các Ngài đều là Đẳng giác Bồ Tát, địa vị đồng nhau, thần thông đồng nhau, chẳng lý nào mà chẳng rõ. Đó là vì Bồ Tát Văn Thù, đại biểu đại chúng trong hội Pháp Hoa thưa hỏi, chứ chẳng phải là Ngài không thấu rõ.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : Đại Bồ Tát Diệu Âm đó, từ cõi nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát vây quanh, mà đến thế giới Ta Bà

này, cúng dường gần gũi lễ lạy ta, và cũng muốn cúng dường nghe Kinh Pháp Hoa.

Lúc đó, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : ''Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, là đại Bồ Tát trong chúng Bồ Tát. Ông ta từ phương đông thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm, cõi nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đến đây, thống lãnh tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát, cùng đi đến cõi Ta Bà. Tại sao ? Vì muốn cúng dường ta, gần gũi ta, lễ lạy ta, và cũng muốn cúng dường Kinh Pháp Hoa, nghe Kinh Pháp Hoa.''

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát đó, trồng căn lành gì, tu công đức gì, mà được sức đại thần thông như thế? Tu hành tam muội gì? Xin hãy vì chúng con nói tên của tam muội đó. Chúng con cũng muốn siêng năng tu hành, tu tam muội đó, mới có thể thấy Bồ Tát đó, sắc tướng lớn nhỏ, uy nghi tấn chỉ.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi lại bạch Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, Ngài ở trong đời quá khứ gieo trồng căn lành gì ? Tu hành công đức gì ? Mà có sức đại thần thông lớn như thế ? Ngài tu trì tam muội gì ?

Xin Đức Thế Tôn hãy vì chúng con đại chúng, nói ra tên của tam muội đó. Chúng con đại chúng cũng muốn tu trì pháp môn tam muội đó, đắc được sức đại thần thông không thể nghĩ bàn như thế rồi, mới có thể thấy sắc thân của vị Bồ Tát Diệu Âm lớn nhỏ, uy nghi tấn chỉ của Ngài như thế nào‘’?

Xin đức Thế Tôn dùng sức thần thông, khi Bồ Tát đó đến, thì khiến cho con được thấy.

Bồ Tát Văn Thù lại nói : ‘’Xin Đức Thế Tôn từ bi, dùng sức thần thông, khi vị Bồ Tát đó đến pháp hội, thì khiến cho chúng con được thấy.’’

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù : Đức Như Lai Đa Bảo diệt độ từ lâu đây, sẽ vì các ông mà khiến cho vị Bồ Tát đó, hiện thân tướng.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : ‘’Đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu đây, sẽ thuận theo yêu cầu của các ông đại chúng, mà khiến cho Bồ Tát Diệu Âm hiện sắc tướng để cho các ông thấy.’’

Lúc đó, đức Phật Đa Bảo liền bảo vị Bồ Tát đó : Thiện nam tử ! Đến đây, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi muốn thấy thân của ông.

Lúc đó, Đức Đa Bảo Như Lai bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : ''Thiện nam Tử ! Đến đây, có Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi muốn gặp ông.''

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm ở cõi nước kia, ẩn thân cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát cùng nhau đến, các cõi nước đi qua, đều có sáu thứ chấn động, thảy đều mưa xuống hoa sen bảy báu, và trăm ngàn thứ nhạc trời, chẳng cổ động mà tự vang lên.

Lúc đó, Bồ Tát Diệu Âm ở thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm về phương đông ẩn thân, Ngài thống lãnh tám vạn bốn ngàn chúng Bồ Tát, mọi người đều cùng nhau đi đến hội Pháp Hoa ở thế giới Ta Bà, nghe Kinh Pháp Hoa. Các cõi nước mà các Ngài đi qua, đều có sáu thứ chấn động, đều mưa hoa sen bảy báu. Lại có trăm ngàn thứ nhạc trời, chẳng cần cổ động mà nhạc trời tự nhiên diễn tấu âm nhạc, rất hay nghe rất êm tai.

Mắt của vị Bồ Tát đó, như hoa sen xanh rộng lớn, ví như trăm ngàn vạn mặt trăng

hợp lại, diện mạo đoan chánh xinh đẹp, thân màu vàng thật, có vô lượng trăm ngàn công đức trang nghiêm, uy đức dũng mãnh, quang minh chiếu sáng, các tướng đầy đủ, thân kiên cố như na la diên.

Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, mắt của Ngài rộng lớn như lá hoa sen xanh, sáng suốt vô cùng, ví như trăm ngàn vạn mặt trăng hợp lại, diện mạo của Ngài đoan chánh xinh đẹp, càng siêu hơn là cảnh giới này. Thân thể của Ngài màu vàng tía, có vô lượng công đức trang nghiêm thân. Uy đức của Ngài rất dũng mãnh, do đó ‘’Có uy đáng sợ, có đức đáng kính.’’ Quang minh chiếu soi tất cả. Bất cứ là một tướng nào, cũng đều đầy đủ viên mãn trang nghiêm. Thân của Ngài kiên cố như na la diên (kim cang lực sĩ), vĩnh viễn chẳng hư hoại, đó là thân tướng thù thắng của Bồ Tát Diệu Âm, chẳng phải các Bồ Tát khác, có thể sánh bằng Ngài được.

Ngồi trên đài bảy báu thăng lên hư không, cách mặt đất bảy cây đa la, các chúng Bồ Tát cung kính vây quanh, đi đến núi Kỳ Xa Quật thế giới Ta Bà.

Bồ Tát Diệu Âm ngồi trên đài hoa sen bảy báu thăng lên hư không, cách mặt đất bảy cây đa la (mỗi cây

đa la cao khoảng sáu chục thước). Tám vạn bốn ngàn chúng Bồ Tát cung kính vây quanh Ngài bốn phía, cùng đi đến núi Kỳ Xa Quật thế giới Ta Bà.

Đi đến rồi, bước xuống đài bảy báu, đem chuỗi ngọc giá trị trăm ngàn lạng vàng, cầm đến chỗ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đầu mặt lễ dưới chân Phật, dâng chuỗi ngọc lên, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, hỏi thăm đức Thế Tôn, ít bệnh, ít phiền não, mạnh giỏi, tứ đại điều hòa chăng! Việc đời nhẫn được chăng, chúng sinh dễ độ chăng, chúng sinh chẳng nhiều tham dục, sân hận, ngu si, đố kỵ, kiêu mạn chăng, chẳng có kẻ bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính bậc sa môn, tâm tà kiến bất thiện, chẳng nhiếp năm tình chăng!

Bồ Tát Diệu Âm đến núi Kỳ Xa Quật rồi, bèn bước xuống đài bảy báu, tay cầm chuỗi ngọc quý nhất, giá trị trăm ngàn lạng vàng, cúng dường cho Đức Phật Thích Ca. Đến chỗ Đức Phật rồi, năm thể sát đất, hướng về Đức Phật đảnh lễ, dâng chuỗi ngọc lên, bèn nói với Đức Phật : ‘’Đức Thế Tôn ! Thầy của con là Đức Phật Tịnh Hoa Tú

Vương Trí, có hỏi thăm Đức Thế Tôn, ít bệnh, ít phiền não chăng ! Mạnh khỏe chăng ! Đi đứng nằm ngồi có an lạc chăng ! Đất nước gió lửa có điều hòa chăng ? Đối với việc thế gian vẫn nhẫn nhục được chăng ! Hết thảy chúng sinh có dễ giáo hóa chăng ? Đại khái chúng sinh chẳng có nhiều tham dục, sân hận, ngu si, chẳng đố kỵ cũng chẳng kiêu mạn chăng ! Chẳng có chúng sinh bất hiếu với cha mẹ chăng ! Chẳng có tín đồ chẳng cung kính bậc sa môn chăng''! Phàm là gặp bậc sa môn (Tỳ Kheo Tăng) phải cung kính đảnh lễ. Bất cứ họ tu hành như thế nào, đều phải cung kính. Vì sao ? Vì họ đắp y cà sa, đại biểu cho Phật pháp, cung kính y cà sa của họ mặc. Người tại gia không thể phê bình chỉ trích lỗi lầm của người xuất gia. Nếu không thì gieo trồng xuống nhân đọa địa ngục, lúc đó hối cải cũng đã muộn. Phàm là Phật giáo đồ, thì phải cung kính Tam Bảo.

Lại hỏi tất cả chúng sinh có tà kiến chăng ? Có tâm chẳng lành chăng ? Tức là thân xuất gia mà tâm chẳng xuất gia, có thu nhiếp năm tình chăng, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển chăng (năm tình : Hỷ, nộ, ái, ác, dục).

Đức Thế Tôn ! Chúng sinh có hàng phục được các ma oán chăng, đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu, ở trong tháp bảy báu có đến nghe pháp chăng, lại thăm hỏi đức

Đa Bảo Như Lai, an ổn ít phiền não, kham nhẫn trụ lâu chăng!

Bồ Tát Diệu Âm lại gọi một tiếng : ''Đức Thế Tôn! Hết thảy chúng sinh có hàng phục được các ma oán chăng ? Ma có bốn thứ :

1). Ngũ ấm ma : Sắc thọ tưởng hành thức năm con ma, hay sinh ra mọi thứ khổ não.

2). Phiền não ma : Tham sân si mạn nghi năm con ma, hay khiến cho thân tâm phiền não.

3). Tử ma : Ma hay đoạn mạng căn.

4). Thiên ma : Ma hay đoạn huệ mạng.

Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ lâu xa về trước, trụ ở trong bảo tháp, có đến nghe Kinh Pháp Hoa chăng ? Bồ Tát Diệu Âm tức nhiên nhìn thấy Đa Bảo Như Lai trụ ở trong bảo tháp, tại sao còn phải hỏi nữa ? Vì Bồ Tát Diệu Âm đại biểu cho thầy của Ngài (Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí) thăm hỏi Phật Thích Ca, cho nên mới hỏi như thế, biểu thị lễ nghi. Vì Đức Đa Bảo Như Lai đã từng phát nguyện, phàm chỗ nào giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Ngài nhất định đến trước để nghe pháp, cho nên Bồ Tát Diệu Âm mới hỏi như thế.

Bồ Tát Diệu Âm thấy tháp bảy báu xuất hiện ở trong hư không, Ngài lại hỏi Đức Đa Bảo Như Lai có mạnh giỏi chăng, có an ổn chăng, ít phiền não chăng, kham nhẫn ở lâu được chăng''?

Đức Thế Tôn ! Nay con muốn thấy thân của đức Phật Đa Bảo, xin đức Thế Tôn chỉ cho con, để cho con được thấy.

Bồ Tát Diệu Âm lại nói : ''Đức Thế Tôn ! Bây giờ con muốn thấy thân tướng của Phật Đa Bảo, xin Đức Thế Tôn từ bi, chỉ thị cho con, để cho con được thấy Đức Đa Bảo Như Lai.''

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với Phật Đa Bảo rằng : Bồ Tát Diệu Âm đây, muốn được thấy thân của Ngài.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca nói với Phật Đa Bảo rằng : ''Vị Bồ Tát Diệu Âm này, muốn thấy Ngài có thể được chăng''?

Lúc đó, đức Phật Đa Bảo nói với Bồ Tát Diệu Âm rằng : Lành thay ! Lành thay ! Ông vì cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nghe Kinh Pháp Hoa, và gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, mà đến nơi này.

Lúc đó, Đức Phật Đa Bảo bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng : '' Lành thay ! Lành thay ! Ông vì cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nghe Kinh Pháp Hoa, và muốn gặp Bồ

Tát Văn Thù Sư Lợi, nên từ cõi Tịnh Hoa Trang Nghiêm ở phương đông, mà đến hội Pháp Hoa núi Linh Thứu ở Thế giới Ta Bà.''

Bấy giờ, Bồ Tát Hoa Đức bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Diệu Âm đó, trồng căn lành gì, tu công đức gì, mà được thần lực như thế ?

Lúc đó, ở trong pháp hội có vị Bồ Tát hiệu là Bồ Tát Hoa Đức bạch Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, trong đời quá khứ Ngài gieo trồng căn lành gì ? Tu công đức gì ? Mà có sức thần thông như thế ? ''

Đức Phật bảo Bồ Tát Hoa Đức rằng : Trong quá khứ, có vị Phật hiệu là Vân Lôi Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Nước đó tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên là Hỷ Kiến. Bồ Tát Diệu Âm ở trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười vạn thứ âm nhạc cúng dường Phật Vân Lôi Âm Vương, và dâng lên cúng dường tám vạn bốn ngàn cái bát bằng bảy báu. Nhờ nhân duyên quả báo đó, nên nay được sinh vào

cõi nước của đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, có sức thần thông như thế.

Đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Hoa Đức rằng : ''Ở trong đời quá khứ, có vị Phật hiệu là Vân Lôi Âm Vương, đầy đủ mười hiệu. Cõi nước của Ngài tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên là Hỷ Kiến.

Bồ Tát Diệu Âm ở chỗ Phật Vân Lôi Âm Vương, trải qua một vạn hai ngàn năm, dùng mười vạn thứ âm nhạc cúng dường Phật, lại dâng cúng tám vạn bốn ngàn cái bát bằng bảy báu. Nhờ nhân duyên quả báo đó, nên được sinh vào cõi nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, mới có sức đại thần thông như thế.''

Hoa Đức ! Ý của ông thế nào ? Thuở đó, Bồ Tát Diệu Âm ở chỗ Đức Phật Vân Lôi Âm Vương, cúng dường âm nhạc và dâng cúng bát báu, đâu phải là người nào khác, nay chính là đại Bồ Tát Diệu Âm này vậy.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''Bồ Tát Hoa Đức ! Ý của ông thế nào ? Bồ Tát Diệu Âm ở chỗ Đức Phật Vân Lôi Âm Vương cúng dường âm nhạc và dâng cúng Tam Bảo bát bằng bảy báu. Ông có biết là ai chăng ? Tức là Bồ Tát Diệu Âm này vậy.''

Hoa Đức ! Bồ Tát Diệu Âm đó, đã từng cúng dường gần gũi vô lượng các đức Phật, từ lâu đã trồng công đức, lại gặp Hằng hà sa trăm ngàn vạn ức na do tha các đức Phật.

Đức Phật Thích Ca lại gọi một tiếng : ''Bồ Tát Hoa Đức ! Vị Bồ Tát Diệu Âm này, trong quá khứ đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, lại từng gần gũi vô lượng chư Phât. Từ lâu xa đến nay đã gieo trồng vô lượng gốc công đức, lại gặp hằng hà sa số trăm ngàn vạn ức na do tha các Đức Phật.''

Hoa Đức ! Ông chỉ thấy thân của Bồ Tát Diệu Âm ở đây, nhưng Bồ Tát đó, hiện đủ thứ thân ở khắp mọi nơi, để vì các chúng sinh diễn nói kinh điển này.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''Bồ Tát Hoa Đức ! Hiện tại ông chỉ thấy thân của Bồ Tát Diệu Âm ở trong pháp hội này, song vị Bồ Tát đó thị hiện đủ thứ thân ở khắp mọi nơi, để vì tất cả chúng sinh diễn nói Kinh Pháp Hoa này.''

Hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân trời Tự Tại, hoặc hiện thân trời Đại Tự Tại, hoặc hiện

thân thiên đại tướng quân, hoặc hiện thân Tỳ Sa Môn Thiên Vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc hiện thân các ông vua nhỏ, hoặc hiện thân trưởng giả, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân tể quan, hoặc hiện thân Bà la môn, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, hoặc hiện thân phụ nữ tể quan, hoặc hiện thân phụ nữ Bà la môn, hoặc hiện thân đồng nam, đồng nữ.

Bồ Tát Diệu Âm đến khắp mọi nơi, vì chúng sinh diễn nói Kinh Pháp Hoa, mà hiện đủ thứ thân hình. Có khi hiện thân Đại Phạm Thiên Vương, có khi hiện thân Đế Thích, có khi hiện thân trời Tự Tại, có khi hiện thân trời Đại Tự Tại, có khi hiện thân thiên đại tướng quân, có khi hiện thân Tỳ Sa Môn, hoặc hiện thân chuyển luân thánh vương, thân các ông vua nhỏ, thân trưởng giả, thân cư sĩ, thân tể quan, thân Bà la môn, thân Tỳ Kheo, thân Tỳ Kheo Ni, thân cư sĩ nam, thân cư sĩ nữ, thân phụ nữ trưởng giả, thân phụ nữ tể quan, thân phụ nữ Bà la môn, thân đồng nam, thân đồng nữ. Tóm lại, đáng dùng thân gì độ được, thì hiện thân đó để vì họ nói Kinh Pháp Hoa. Tại sao ? Vì giống thân phận thì dễ giáo hóa, khiến cho chúng sinh chẳng có tự ti mặc cảm.

Hoặc hiện thân trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, để diễn nói kinh này.

Bồ Tát Diệu Âm vì diễn nói kinh này, mà tùy theo căn cơ hiện thân hình, hoặc là hiện ra thân trời rồng tám bộ chúng, hoặc thân người, chẳng phải người, để diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này, giáo hoá tất cả chúng sinh.

Hoặc trong các địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và nơi các thứ nạn đều cứu giúp, cho đến nơi hậu cung của vua, cũng biến làm thân nữ, để diễn nói kinh này.

Bồ Tát Diệu Âm ở trong ba cõi, hai mươi lăm hữu, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và chúng sinh đui mù câm điếc chẳng được nghe kinh, Ngài đều dùng thần thông cứu giúp họ thoát khỏi nơi chướng nạn, để được gặp Tam Bảo, độ tất cả khổ ách.

Bồ Tát Diệu Âm chẳng những cứu giúp chúng sinh ở trong tam đồ bát nạn, mà cho đến ở nơi hậu cung của nhà vua, Ngài cũng biến ra thân người nữ, để vì phi tần cung nga thể nữ, diễn nói Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ lìa khổ được vui, để đời sau có thể chuyển làm thân nam.

Hoa Đức ! Bồ Tát Diệu Âm đó, hay cứu giúp các chúng sinh ở thế giới Ta Bà. Bồ Tát Diệu Âm đó, biến hóa thị hiện đủ thứ thân hình như thế, ở tại thế giới Ta Bà này, để vì các chúng sinh diễn nói Kinh này, nhưng thần thông trí huệ biến hóa của Ngài, chẳng có tổn hoại giảm bớt.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Vị Bồ Tát Diệu Âm này, hay cứu giúp hộ hết thảy chúng sinh ở thế giới Ta Bà. Vị Bồ Tát đó, tuy hiện biến hóa đủ thứ thân hình như thế, để vì tất cả chúng sinh ở thế giới Ta Bà diễn nói kinh điển này, song thần thông biến hóa trí huệ của Ngài, chẳng có tổn hoại, cũng chẳng có giảm bớt.''

Bồ Tát đó, dùng bao nhiêu trí huệ chiếu soi thế giới Ta Bà, khiến cho tất cả chúng sinh, ai nấy đều biết Phật pháp, ở trong mười phương Hằng hà sa số thế giới, cũng lại như thế.

Vị Bồ Tát đó, dùng đủ thứ trí huệ quang minh để chiếu soi thế giới Ta Bà, khiến cho tất cả chúng sinh, ai cũng đều biết về Phật pháp. Chẳng những ở thế giới Ta Bà

là như thế, mà trong mười phương Hằng hà sa số thế giới, cũng đều như thế. Do đó, đủ biết lòng từ bi của Bồ Tát Diệu Âm rộng lớn vô biên cỡ nào.

Nếu người đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì Ngài liền hiện thân Thanh Văn, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bồ Tát độ được, thì Ngài liền hiện thân Bồ Tát, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Phật, để vì họ nói pháp. Tùy nhân duyên đáng được độ, thì Ngài vì họ hiện đủ thứ các thân hình như thế, cho đến đáng dùng sự diệt độ, mà độ được họ, thì Ngài cũng thị hiện sự diệt độ.

Nếu như có chúng sinh đáng dùng thân Thanh Văn để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Thanh Văn để vì họ nói pháp. Đáng dùng thân Bích Chi Phật để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp. Đáng dùng thân Bồ Tát để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Bồ Tát, để vì họ nói pháp. Chúng sinh đáng dùng

thân Phật để độ được họ, thì Ngài liền hiện thân Phật, để vì họ nói pháp.

Còn có rất nhiều chúng sinh, tùy thuận nhân duyên đáng độ được, thì vì họ hiện thân để giáo hóa họ, vì họ nói pháp, cho đến dùng thân hình vào Niết Bàn để độ được họ, thì Ngài thị hiện Niết Bàn để độ họ.

Hoa Đức ! Đại Bồ Tát Diệu Âm thành tựu sức đại thần thông trí huệ, việc đó là như thế.

Phật lại gọi một tiếng : ''Bồ Tát Hoa Đức ! Vị Đại Bồ Tát Diệu Âm đó, thành tựu sức đại thần thông trí huệ, sự thật là cảnh giới như thế.''

Bấy giờ, Bồ Tát Hoa Đức bạch Đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Diệu Âm đó, trồng sâu căn lành. Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát đó, trụ vào tam muội gì, mà có sự biến hiện độ thoát chúng sinh như thế ?

Lúc đó, Bồ Tát Hoa Đức lại bạch Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, trồng căn lành rất là sâu dày. Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Diệu Âm đó, trụ vào tam muội gì, mà có thần thông biến hiện như thế, có thể biến

hóa hiện thân khắp nơi, để vì chúng sinh nói pháp độ thoát chúng sinh.''

Đức Phật bảo Bồ Tát Hoa Đức : Thiện nam tử ! Tam muội đó tên là hiện nhất thiết sắc thân. Bồ Tát Diệu Âm trụ vào tam muội đó, hay làm lợi ích vô lượng chúng sinh như thế.

Đức Phật bảo Bồ Tát Hoa Đức : ''Thiện nam tử ! Tam muội đó tên là hiện nhất thiết sắc thân (chẳng động đạo tràng mà có thể hiện tất cả thân hình chúng sinh, để vì họ nói pháp). Bồ Tát Diệu Âm trụ ở trong tam muội đó, để lợi ích vô lượng chúng sinh trong mười phương thế giới.''

Khi nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm này, thì tám vạn bốn ngàn người cùng đi đến với Bồ Tát Diệu Âm, thảy đều đắc được tam muội hiện nhất thiết sắc thân. Vô lượng chúng Bồ Tát ở thế giới Ta Bà này, cũng đắc được tam muội đó, và đà la ni.

Khi đang nói phẩm Bồ Tát Diệu Âm này, thì tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát cùng đi đến với Bồ Tát Diệu Âm từ cõi Tịnh Hoa Trang Nghiêm ở phương đông, thảy đều

chứng được hiện nhất thiết sắc thân tam muội. Vô lượng chúng Bồ Tát ở cõi Ta Bà, cũng đắc được tam muội đó, và pháp môn đà la ni.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Diệu Âm cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và tháp của Đức Phật Đa Bảo rồi, bèn trở về nước của Ngài, đi ngang qua các cõi nước, đều có sáu thứ chấn động, lại mưa xuống các hoa sen báu, và vang lên trăm ngàn vạn ức đủ thứ âm nhạc.

Lúc đó, đại Bồ Tát Diệu Âm cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, và tháp của Phật Đa Bảo rồi, bèn trở về cõi nước Tịnh Hoa Trang Nghiêm ở phương đông. Các nước đi ngang qua, thảy đều có sáu thứ chấn động, lại mưa xuống hoa sen báu, và tấu lên trăm ngàn vạn ức các thứ âm nhạc rất long trọng, biểu thị sự hoan nghênh.

Sau khi về đến nước của Ngài rồi, cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát vây quanh, đi đến chỗ đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con đã đến thế giới Ta Bà lợi ích chúng sinh, được gặp

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và thấy tháp của Đức Phật Đa Bảo, lễ lạy cúng dường.

Sau khi Bồ Tát Diệu Âm trở về nước của Ngài rồi, bèn cùng với tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát vây quanh, đi đến chỗ của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, để báo cáo sự việc đã đi qua bèn nói rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con đã đi đến thế giới Ta Bà, đã làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Chúng con đều gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, và tháp của Đức Phật Đa Bảo, chúng con đã lễ lạy cúng dường.''

Lại gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử, và thấy Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Đắc Cần Tinh Tấn Lực, Bồ Tát Dũng Thí .v.v... cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát này, được tam muội hiện nhất thiết sắc thân.

Chúng con lại gặp Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Đắc Cần Tinh Tấn Lực, Bồ Tát Dũng Thí .v..v... các đại Bồ Tát. Cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát cùng đi với con, đều chứng được tam muội hiện nhất thiết sắc thân.

Khi nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm lai vãng này, thì có bốn vạn hai ngàn vị Thiên tử, đắc

được vô sinh pháp nhẫn. Bồ Tát Hoa Đức đắc được tam muội pháp hoa.

Khi Phật nói Phẩm Bồ Tát Diệu Âm vãng lai này, thì bốn vạn hai ngàn vị Thiên tử ở trong pháp hội, đều chứng được vô sinh pháp nhẫn. Bồ Tát Hoa Đức cũng chứng được tam muội pháp hoa.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM PHỔ MÔN BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THỨ HAI MƯƠI LĂM

Phẩm này gọi là Phẩm Phổ Môn, có rất nhiều ý nghĩa. Bây giờ, trước hết giảng về ''Dược châu''. Vì ''Dược châu'' cho nên nói là ''Phẩm Phổ Môn''.

''Dược'' gọi là gì ? ''Dược'' tức là cây Dược Vương; ''châu'' là gì ? ''Châu'' tức là châu như ý . Cây Dược Vương lại là gì ? Tức là rất lâu xa về trước, có một người tiều phu lên núi đốn củi, gánh ra chợ bán, gặp một vị thầy thuốc. Vị thầy thuốc thấy trong bó củi của ông ta gánh phóng ra hào quang, do đó bèn mua số củi đó đem về nhà. Về đến nhà mở bó củi ra xem, thì trong đó có một cây Dược Vương, sau khi ông thầy thuốc được cây Dược Vương rồi, thì bất cứ bệnh gì, chỉ cần dùng cây Dược Vương gõ nhẹ lên thân người bệnh, hoặc đánh nhẹ, thì bất cứ bệnh gì cũng khỏi ngay, cứu được rất nhiều người, do nhân duyên đó mà gọi là ''cây Dược Vương''.

''Châu'' tức là châu như ý. Châu như ý là gì ? Như ý tức là toại tâm như ý, tức cũng là khiến cho bạn hoan hỉ, mãn nguyện theo yêu cầu của bạn. Bạn nghĩ muốn ăn gì, thì châu như ý sẽ hiện ra vật ấy, bạn chẳng cần đi mua. Bạn muốn mặc quần áo gì, thì chỉ cần đối với hạt châu như ý nghĩ đến : ''Tôi muốn một bộ quần áo đẹp nhất, hiếm có trên thế gian'', thì lúc đó hạt châu như ý sẽ hiện ra bộ quần áo mà bạn thích. Thậm chí bạn muốn căn nhà, thì nó cũng có thể hiện ra. Bạn nghĩ : ''Tối nay tôi muốn ở trong một căn nhà lộng lẫy đẹp nhất'', thì hạt châu như ý sẽ hiện ra căn nhà, ở xong đêm đó rồi, thì ngày thứ hai căn nhà cũng tự động trở vào trong hạt châu như ý. Bạn nghĩ muốn ăn gì, thì hạt chây như ý sẽ hiện ra vật đó, cũng chẳng nhiều cũng chẳng ít, rất vừa vặn. Bạn mặc quần áo cũng chẳng cần sắm tủ đựng quần áo, chỉ cần thay ra, thì quần áo tự động trở vào trong hạt châu như ý, cho nên gọi là ''như ý''.

Châu như ý lớn cỡ nào ? Là một hạt châu rất nhỏ, có thể mang trên mình, chẳng nặng cũng chẳng chiếm mất chỗ, cho nên gọi là như ý, toại tâm như ý, diệu đến cực điểm. Tóm lại, hạt ''châu như ý'' cũng là Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm, cũng là cây Dược Vương. Hạt châu như ý, hay toại tâm nguyện, chỉ cần bạn trì tụng Phẩm Phổ Môn, thì cầu mong việc gì cũng sẽ mãn nguyện. Nhưng chẳng phải hôm nay tụng niệm, thì ngày mai có cảm ứng. Trước hết, phải tạo cơ sở cho vững chắc, cũng như xây nhà lầu, thì trước hết phải xây nền móng

cho tốt, nền móng mà không tốt, thì nhà lầu cũng chẳng cách chi xây được. ''Phẩm Phổ Môn'' tuy cảm ứng giống như cây Dược Vương và châu như ý, không thể nghĩ bàn như thế, song trước hết bạn phải tụng niệm Phẩm Phổ Môn, hằng ngày tụng niệm, tụng niệm đến khi nào Bồ Tát Quán Thế Âm cho rằng bạn có tâm thành, thì sau đó bạn sẽ được sở cầu như ý, toại tâm mãn nguyện. Chẳng phải nói lúc bình thường thì chẳng tụng niệm, đến lúc nghĩ muốn cầu sự cảm ứng, thì lập tức có sự cảm ứng, mà bình thường phải dụng công tu hành, đến khi đó ''Phẩm Phổ Môn'' giống như cây Dược Vương, như hạt châu như ý, thì sẽ có cảnh giới không thể nghĩ bàn, bất quá trước hết bạn phải tự mình tụng niệm.

Có người nói : ''Trong Phật giáo có nhiều thứ phải học ! Nào là tụng Chú Lăng Nghiêm, lại tụng Chú Đại Bi, bây giờ giảng ''Phẩm Phổ Môn'', lại phải tụng Phẩm Phổ Môn, thật nhiều khoá lễ quá, chúng ta đâu có nhiều thời gian như thế !'' Bạn không cần nhiều thời gian, chỉ cần mỗi ngày bớt ngủ một tiếng đồng hồ, bớt nói chuyện một chút, thì những khóa lễ đó có thể làm được. Nếu bạn không muốn toại tâm mãn nguyện, nói rằng, tôi chẳng cầu mong gì, tôi chẳng còn tâm tham, tâm sân, tâm si, thì bạn chẳng cần phải tụng, như thế thì chẳng có gì để nói. Nếu bạn cảm thấy tương lại, hoặc sẽ gặp việc gì mà muốn cầu Bồ Tát Quán Thế Âm, hoặc là Phật giúp đỡ, thì bạn nên học thêm một chút Phật pháp. Phật pháp như biển cả, một giọt bạn chưa uống đã hiềm nhiều, thì tương lai nhất

định nước trong biển cả uống chẳng hết được, bất quá chỉ cần tận hết sức của bạn, muốn uống bao nhiêu thì uống bấy nhiêu, Phật pháp thì lấy chẳng hết được, dùng chẳng cạn được, cho nên hãy tận hết sức của bạn để vận dụng tu học Phật pháp.

Vì ý nghĩa ''Dược châu'', cho nên phải nói Phẩm Phổ Môn này.

Còn có một ý nghĩa nữa, gọi là ''Hiển mật''. ''Hiển'' tức là minh hiển; ''mật'' tức là bí mật. Do đó, khi bạn tụng Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm, thì có lúc sẽ đắc được cảm ứng minh hiển, có lúc sẽ đắc được cảm ứng bí mật.

Cảm ứng minh hiển, thì ai ai cũng đều nhìn thấy được, ai ai cũng đều biết. Ví như Bồ Tát Quán Thế Âm cứu chúng sinh, trong Phẩm Phổ Môn có nói : ''Nếu vào lửa lớn, lửa chẳng cháy được.'' Trong Kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm thuật nhĩ căn viên thông cũng nói : ''Lửa chẳng cháy được, tính lửa thật không, tính không thật lửa.'' Ví như, bạn đang ngồi ở trong nhà, một lòng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, mà trong sự vô ý lửa nổi lên, lúc đó, chỉ cần bạn thành tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì nhà cửa kế bên bị cháy, còn nhà của bạn thì không cháy. Nhưng đó là trong sự vô ý, chứ chẳng phải là cố ý. Nếu bạn cố ý đốt một chút lửa lên, để thử xem nhà của bạn có cháy không, thì nhất định sẽ cháy ! Tại sao ? Vì bạn vốn muốn thử nghiệm Bồ Tát Quán Thế Âm, là vì bạn tin chẳng chân thật, cho nên mới muốn thử xem. Đó

cũng giống như có người nọ, có một người bạn, muốn biết người bạn đó đối với mình có tâm chân thật chăng, có phải là người tốt ''gặp vàng không tham'' chăng! Do đó, lúc người bạn đến, bèn cố ý đem năm trăm đồng bạc để dưới đất, chẳng để ý đến. Nếu anh ta là người tốt, thì chẳng lấy tiền bỏ đi.

Tại sao bạn phải thử bạn của bạn ? Vì bạn chẳng thật sự nhận thức người bạn của bạn, chẳng biết anh ta có phải là người tốt thật sự không, cho nên mới thử nghiệm anh ta. Bồ Tát Quán Thế Âm nói ở trong kinh rằng: ''Nếu vào lửa lớn, lửa chẳng cháy được.'' Nếu một chút chỗ này mà bạn chẳng tin, thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng chẳng lo việc của bạn. Bạn nhảy xuống biển tự tử nói :''Tôi nhảy xuống biển xem thử có được chỗ cạn chăng?'' Nếu như, bạn dùng sự thử nghiệm để dò thần thông diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đó là biểu hiện bạn chẳng có niềm tin đối với Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn chẳng có niềm tin đối với Bồ Tát, thì Ngài cũng chẳng muốn lo chuyện của bạn. Bạn nói :''Tôi không thử nghiệm, thì làm sao biết cứu kính là thật hay là giả?'' Bạn biết là thật, thì lại như thế nào ? Bạn không biết là thật thì lại ra sao ?

Minh hiển thì ai ai cũng đều biết, như nhà lân cận cháy, mà nhà của bạn không cháy, đó là ''hiển'', mọi người đều biết : ''Ồ ! Người đó niệm Bồ Tát Quán Thế Âm có sự cảm ứng, người đó tin Phật thật là có sự mầu nhiệm'', có cảm ứng, đó tức là ''hiển''.

Lại có ''bí mật''. Bí mật là bạn vốn có một tai nạn, hoặc là bạn đáng lẽ phải rớt xuống nước, bị nước ngập chết, nhưng trong sự vô hình, Bồ Tát Quán Thế Âm cảm ứng, khiến cho bạn chẳng gặp sự nguy hiểm đó, bí mật làm cho tai nạn của bạn tiêu trừ, đó gọi là bí mật. Người đó đáng lẽ bị lửa thiêu, nhưng vì họ tin Bồ Tát Quán Thế Âm, nên Bồ Tát Quán Thế Âm trong sự yên lặng, làm cho tai nạn tiêu trừ, đó cũng là cảm ứng bí mật. Thậm chí bạn ngồi máy bay, đáng lẽ bị tai nạn máy bay, bây giờ sự giao thông tuy là thuận tiện, song số người chết cũng nhiều, nào là máy bay rớt, tai nạn xe lửa, tai nạn xe hơi, khiến cho nhiều người mất mạng. Ở trong những trường hợp đó, vì bạn tụng trì Phẩm Phổ Môn, vì bạn niệm Chú Đại Bi, vì bạn tin Bồ Tát Quán Thế Âm, thì Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong sự yên lặng, tức là người đó chẳng biết, thì Ngài bèn vì bạn hóa hung thành cát tường. Do đó, có câu :

''Gặp hung hóa cát, gặp nạn hóa tường.''

Do đó, vì sự ''hiển mật'' cho nên nói ''Phẩm Phổ Môn'' này.

Phẩm Phổ Môn có ''Hiển mật viên thông'', hiển cũng viên thông, mật cũng viên thông, hiển mật đều viên thông, cho nên công đức của Phẩm Phổ Môn không thể nghĩ bàn.

Phẩm Phổ Môn này có đủ thứ sự diệu dụng, Chú Đại Bi cũng có những diệu dụng đó. Nay tôi kể một câu chuyện có sự cảm ứng. Tại quê hương Đông bắc của tôi,

có người nông dân làm ruộng, nhà rất giàu có. Mùa thu năm ấy, ông ta thu hoạch xong, dùng xe chở đồ vật lên thành thị bán. Bán xong lương thực mang tiền về, trên đường về cách nhà khoảng ba dặm đường, thì gặp bọn trộm cướp. Ông tài chủ đó, thấy phía trước có trộm cướp, biết làm sao bây giờ? Chạy trốn chăng? Trốn chẳng thoát bọn chúng, nhưng nếu không chạy trốn, thì chắc chắn sẽ bị cướp. Do đó, ông ta bèn niệm Chú Đại Bi, xe vẫn tiến đi về trước. Đi gần đến bọn cướp, thì đột nhiên nhìn thấy từ trong bọn cướp, có một người đi đến trước xe của ông ta nói :''Ông đưa cây roi đánh ngựa cho tôi, để tôi thế ông chạy xe'', ông ta cũng để cho người đó đánh xe ngựa đi, đi qua khỏi bọn cướp mà bọn cướp giống như chẳng thấy chẳng nghe gì cả, cho nên ông ta chẳng bị cướp bóc. Đến lúc bọn cướp chẳng nhìn thấy nữa, thì người đó trả lại cây roi đánh ngựa nói : ''Bây giờ ông hãy đi mau đi, chẳng có việc gì đâu!'' Ông tài chủ nhìn thấy ông ta từ từ trong bọn cướp đi đến, thì nghĩ chắc ông ta là trộm cướp bèn nói : ''Ông bạn ! Hôm nay ông cứu tôi, khiến cho tôi chẳng bị trộm cướp, xin hỏi tên họ của ông? Và ông ở đâu? Để tương lai tôi đến nhà ông mà bái tạ!'' Người đó bèn nói rằng : ''Tên của tôi là A Thệ Dựng''

Các bạn thường niệm Chú Đại Bi, có phải trong Chú Đại Bi có một vị hộ pháp tên là ''A Thệ Dựng'' chăng? Song, lúc ấy ông tài chủ nghĩ : ''Ai gọi là A Thệ Dựng? Là ai?'' Lúc đó ông ta quên mất, quên A Thệ Dựng là một câu Chú ở trong Chú Đại Bi, tức cũng là một vị hộ

pháp. Đến khi A Thệ Dựng đi rồi, nhìn chẳng thấy A Thệ Dựng nữa, ông ta mới nghĩ ra : ''Ồ ! Đây chẳng phải là một vị hộ pháp ở trong Chú Đại Bi chăng?'' Do đó, bèn nghĩ muốn đi tìm A Thệ Dựng cũng tìm chẳng thấy, chẳng biết A Thệ Dựng đã đi đâu? Do đó, đây là một cảnh giới không thể nghĩ bàn ở trong Chú Đại Bi. Nếu như ông tài chủ nghĩ : ''Mình niệm Chú Đại Bi xem thử có linh nghiệm chăng?'' Thì A Thệ Dựng cũng chẳng đến cứu ông ta. Chính vì chẳng có tâm khảo nghiệm, chỉ một lòng tin tưởng : ''Mình niệm Chú Đại Bi, thì có thể gặp hung hóa cát, gặp nạn biến thành tốt.'' Quả nhiên được toại tâm mãn nguyện, chẳng bị bọn cướp trộm cướp.

Bộ Kinh Pháp Hoa này gồm có bảy quyển, hai mươi tám phẩm, phẩm này là phẩm thứ hai mươi lăm. Phẩm này hiển dương công đức thần thông diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Ở trước có nói về ''Dược châu'', bây giờ lại nói đến ''Nhân pháp'' (người và pháp). Nhân pháp là gì ? ''Nhân tức là Bồ Tát Quán Thế Âm, ''Pháp'' tức là pháp môn thị hiện trong Phẩm Phổ Môn. Vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai cầu, cho nên nhân vật không thể nghĩ bàn. Ngài lại nói pháp của phổ môn thị hiện, có cầu tất ứng, vô cảm bất thông. ''Pháp'' này là pháp không thể nghĩ bàn. Vì không thể nghĩ bàn, cho nên gọi là diệu pháp. Vì ''người'' này cũng không thể nghĩ bàn, cho nên cũng gọi là diệu nhân. Tức nhiên là diệu

nhân, diệu pháp, nên mới được tên là ''Phổ môn''. Vì nhân duyên ''nhân pháp'' nên Bồ Tát Quán Thế Âm mới nói ''Phẩm Phổ Môn'' này.

Ý nghĩa thứ hai tức là ''từ bi''. Vì ''từ bi'', cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm nói ''Phẩm Phổ Môn'' này. Từ là gì? Từ hay ban vui; ''bi'' là gì ? Bi hay cứu khổ. Bồ Tát Quán Thế Âm cứu chúng sinh bảy thứ nạn, giải trừ ba thứ độc, ứng chúng sinh hai thứ cầu. Bảy nạn này, ở trong kinh văn nói rất rõ ràng tức là : Nạn nước, nạn lửa, nạn gió, nạn gông cùm, nạn gió đen (hắc phong) .v..v... bảy thứ nạn.

Giải ba thứ độc tức là tham, sân, si ba độc. Ứng hai cầu, tức là cầu con trai, cầu con gái hai thứ cầu.

Chúng sinh đều có ba độc : Tham, sân, si. Nếu người nhiều tham, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi tham lam. Nếu người nhiều sân hận, mà thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi sân hận. Nếu người nhiều si mê, mà thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi si mê. Tham mà nói ra thì nhiều, sân nói ra cũng chẳng ít, còn si mê thì không nhiều mà cũng chẳng ít. Nói nó nhiều, thì cũng chẳng nhiều, mà nói nó ít, cũng chẳng ít. Si mê là gì ? Nói đơn giản tức là ngu si. Ngu si là gì ? Tức là chẳng có trí huệ, chẳng minh bạch, thấy lý lẽ chẳng chân thật, cho nên gọi là ngu si. Gặp lý luận chẳng chánh quyết. Căn cứ vào học thuyết của ông Vương Dương Minh ở Trung Quốc rằng : Người ngu si, là vì họ chưa có thể

‘’Tri hành hợp nhất’’, nghĩa là chưa có thể ‘’hiểu biết, thực hành mà làm một’’. Vương Dương Minh nói : Tại sao người đó không đi làm ? Vì họ chẳng biết, nên họ không (đi) làm, nếu họ biết thì họ sẽ làm. Vương Dương Minh nói, họ biết rồi mà không làm, thì đó vẫn chẳng biết chân thật, nếu biết thật sự thì chắc chắn sẽ làm. Vương Dương Minh là một học giả nổi tiếng của Trung Quốc, học thuyết của ông là :’’Tri hành hợp nhất’’ : Nếu họ biết thật sự, thì chắc chắn họ sẽ thực hành; họ chẳng biết nên nọ chẳng thực hành. Nghĩa là họ phải hiểu biết thật sự, thì họ chẳng làm việc ngu si. Tại sao họ lại làm chuyện ngu si ? Vì họ chẳng hiểu biết. Cho nên, tôi nói đây là thấy lý lẽ chẳng chân thật.

Thử đưa ra một ví dụ để nói, ví như người ngu si nói : ‘’Hoa đẹp thường khiến cho tươi mãi mãi, trăng sáng ước gì đêm nào cũng tròn, nguồn nước dưới đất đều hóa thành rượu, lá rừng đều biến thành tiền.’’ Người tham hoa thì sinh tâm ngu si nói : ‘’Tôi muốn đóa hoa này, luôn luôn tươi mãi mãi chẳng phai tàn, muốn đóa hoa đó nở mãi, tươi đẹp mãi.’’ Người nọ tham trăng tròn, thì nói như vầy : ‘’Mặt trăng sao chẳng tròn mãi mãi ?’’ Tối hôm qua mặt trăng tròn sáng, nếu đêm nào mặt trăng cũng tròn sáng, thì tốt biết bao ! Ngày ngày ra ngoài ngắm trăng, ánh trăng chiếu sáng người, cũng chẳng cần bậc đèn diện, lại chẳng tốn tiền, ánh sáng thiên nhiên tốt quá!’’ Đó chẳng phải là ngu si chăng ? Mặt trăng có tròn có khuyết, hoa có tươi có tàn, khi hoa nở thì có hoa tàn, khi trăng

tròn thì có trăng khuyết, đó là thiên đạo tuần hoàn. Người thích uống rượu thì mua để uống, tốn tiền quá ! Nếu nước các dòng sông đều biến thành rượu, khi nào mình muốn uống rượu, thì xuống lấy uống, đó chẳng phải là sướng lắm ư !'' Còn có người tham tiền nghĩ rằng : ''Bây giờ tôi phải đi làm kiếm tiền rất khổ cực, nếu như lá cây đều biến thành tiền, khi nào muốn dùng tiền, thì mình bèn đến lấy chẳng phải là tiện nghi sao ! Đó là những việc không bao giờ có, đều là huyễn tưởng ngu si. Còn có chuyện đơn giản hơn rằng, có người chẳng đi học, thậm chí chẳng học qua tiểu học, mà anh ta muốn có bằng tiến sĩ. Bạn nói có lý đó chăng ! Chẳng học tiểu học, thì làm sao có bằng tiến sĩ ! Còn có một loại người, anh ta vốn chẳng làm ruộng, mà đến mùa thu hoạch thì muốn thu hoạch mùa màng, đó đều là ngu si. Song, một số người đều phạm phải thứ vọng tưởng mao bệnh, chẳng nhọc sức mà thu hoạch. Nếu có thứ mao bệnh đó thì nên sửa đổi.

Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai sự mong cầu, đó là đại bi, và còn lợi lạc cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, đó là từ bi. Vì đại từ đại bi, cho nên mới nói Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm. Còn một ý nghĩa nữa đó là ''phước huệ''. Phước, sở dĩ Bồ Tát Quán Thế Âm hay tầm thanh cứu khổ, bất cứ là âm thanh thiện, âm thanh ác, âm thanh khổ, âm thanh vui .v.v... Ngài đều phân biệt được, là vì Ngài có trí huệ chân chánh. Trí huệ của Ngài có là từ đâu

đến ? Là vì Ngài bố thí khắp, dùng pháp này thí cho chúng sinh, nên Ngài có phước báu đó, nên phước đức trang nghiêm. Bởi do phước huệ này, mà nói Phẩm Phổ Môn.

Lại còn có sự ''chân ứng''. Chân là Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ diệu lực chân thân của Ngài, để cứu độ bảy nạn, giải trừ ba độc, mãn nguyện chúng sinh hai mong cầu, đó là nhờ diệu lực chân thân. Ngài còn hiện ba mươi hai ứng hóa thân, đây gọi là ứng thân, dùng để giáo hóa chúng sinh, do đó mà có ''chân ứng'' này.

Nói Phẩm Phổ Môn này còn có ''quyền thuật''. Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ sức pháp thân, mà ở trong sự yên lặng, tức là trong sự bí mật để lợi ích chúng sinh, đây gọi là ''thật''. Ngài còn dùng ba mươi hai ứng hóa thân, để giáo hóa chúng sinh, đây là ''quyền''. Quyền tức là quyền xảo phương tiện, tức cũng là phương pháp dùng tạm thời, chẳng phải vĩnh viễn. Bởi Bồ Tát Quán Thế Âm dùng quyền thật, cho nên mới nói Phẩm Phổ Môn này.

Còn có một nhân duyên nữa gọi là ''Bổn tích''. Bổn là gì ? Bổn tức là căn bổn; tích tức là tông tích. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một pháp thân, mà độ khắp tất cả chúng sinh là ''bổn'', Ngài dùng ứng hóa thân để giáo hóa cúng sinh, tức là ''tích''. Pháp thân của Ngài như mặt trăng, tích cũng giống như ''mặt trăng chiếu ngàn con sông''. Do đó, có câu : ''Ngàn con sông có nước, đều có bóng của mặt trăng chiếu xuống.'' Một mặt trăng chiếu xuống mọi con sông, mà mặt trăng ở trong mọi con sông,

đều từ bổn thân của một mặt trăng hiện ra. Mặt trăng ở trong nước tức là ''tích''. Mặt trăng ở trên trời tức là ''Bổn''. Đó là nhân duyên ''bổn tích'' nên nói Phẩm Phổ Môn.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một pháp thân, để hiện khắp vào trong tâm của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh sửa lỗi lầm làm mới lại, cải ác hướng thiện, lìa khổ được vui, cứu kính thành Phật. Giảng đến đây, có người nói : ''Sở dĩ tôi không sửa lỗi lầm làm mới lại, nguyên lai là Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng hiện vào trong tâm của tôi, cho nên tôi có lỗi lầm gì, cũng chẳng muốn sửa đổi.'' Người hút thuốc thì nghĩ : ''Đại khái Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng gia bị cho tôi, chẳng giúp đỡ tôi.'' Người thích uống rượu thì nói : ''Tôi muốn học Phật pháp, đáng tiếc tôi chẳng giữ được giới rượu, đó là lỗi của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng giúp đỡ tôi.'' Do đó, họ bèn sinh ta tâm cừu oán nói :''Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng công bằng, tại sao Ngài giúp đỡ người khác mà chẳng giúp đỡ tôi ?'' Đó thật là ngu si, lại thêm ngu si, đó là hai ngu si nặng nề. Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng gia bị cho bạn ? Là vì bạn chẳng nghe Bồ Tát Quán Thế Âm giáo hóa. Khi Bạn nghe danh hiệu ''Bồ Tát Quán Thế Âm'' thì nên sửa đổi lỗi lầm làm mới lại, nên thanh tịnh phiền não, ''Ngộ dĩ vãng chi bất gián'', biết việc quá khứ thì đã là quá khứ. ''Tri lai giả chi khả truy'', tương lai nên đi trên con đường thiện. Song, bạn hiểu biết mà cố phạm,

đó là tội lại thêm tội. Cho nên trách Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng gia bị cho bạn, đó là sai lầm. Bồ Tát Quán Thế Âm luôn luôn đều gia bị cho bạn, nhưng đáng tiếc bạn đã đóng cửa trong tâm của bạn, chẳng để cho Bồ Tát Quán Thế Âm vào, Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ biết than thở : ''Ôi ! Chúng sinh này thật là đáng thương xót !'' Do đó, bạn đừng trách Bồ Tát Quán Thế Âm, mà nên trách bạn mới đúng.

Ở trên là nói về ''Bổn tích''. Còn có một nhân duyên nữa, tức là ''Duyên liễu''. ''Duyên'' tức là duyên nhân, ''liễu'' tức là ''liễu nhân''. Liễu nhân là gì ? Tức là đoạn cái nhân đó đi, cũng có thể nói là thấu rõ nhân của nhân quả. Chúng ta bây giờ đến nghe kinh nghe pháp, có người đến từ Hoa Thịnh Đốn, có người đến từ Tây Nhạ Đồ (Seatle), có những người bác sĩ, thạc sĩ, cũng đến nghe Phật pháp. Tại sao những người đó từ xa xôi lại đến đây để ngồi thiền, nghiên cứu tu học Phật pháp ? Là vì muốn chấm dứt (liễu) cái nhân này. Nghe kinh tức là hạt giống chấm dứt nhân (liễu nhân). Bạn có nhân duyên nghe kinh, đó là ''duyên'' nhân. Vì nhân duyên ''duyên liễu'', cho nên nói Phẩm Phổ Môn.

Còn có một nhân duyên ''Trí đoạn'' nữa. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng trí huệ của Ngài, trí đức trang nghiêm để giáo hoá chúng sinh, là bậc trí huệ trang nghiêm. ''Trí'' huệ gọi là đoạn đức, tức là đức hạnh của ''trí''. ''Đoạn'' là đoạn đức, tức là đoạn trừ tất cả vô minh. Đoạn

đức ở đây, lại có thể gọi là phước đức, vì Ngài đoạn sạch vô minh, cho nên có phước đức trang nghiêm chân chánh, giống tựa như Phật, phước cũng đủ, huệ cũng đủ. Bồ Tát Quán Thế Âm tuy nhiên là Bồ Tát, nhưng Ngài có phước đức trang nghiêm, cũng có huệ đức trang nghiêm, cho nên ''trí huệ'' cũng gọi là phước huệ.

Tổng cộng ở trên lại, thì có mười thứ nhân duyên, cho nên nói Phẩm Phổ Môn này.

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý bèn từ tòa ngồi đứng dậy, hở y bày vai bên phải, chắp tay hướng về đức Phật, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Quán Thế Âm, do nhân duyên gì, mà được tên là Quán Thế Âm ?

''Bấy giờ'' : Tức là vào lúc đó, lúc đó là lúc nào ? Tức là lúc Bồ Tát Vô Tận Ý ở trong pháp hội, hỏi nhân duyên tên của Bồ Tát Quán Thế Âm; tức cũng là lúc nói xong Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Diệu Âm, bây giờ là lúc nói Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm. Có một vị Bồ Tát Vô Tận Ý. Vô Tận Ý là gì ? Tóm lại có ba ý nghĩ:

⊙ Thứ nhất là : ''Thế giới vô biên trần nhiễu nhiễu''. Thế giới thì vô lượng vô biên, chúng ta đừng cho rằng thế giới tức mắt chúng ta thấy được, tai nghe được, đó tức là một thứ biên giới. Chẳng phải, thế giới ở đây

nhiều vô lượng vô biên, có thế giới này, có thế giới kia, vô lượng các thế giới; nước này, nước kia, vô lượng các nước, vô cùng vô tận, cho nên gọi là ''Thế giới biên trần nhiễu nhiễu''. Nhiễu nhiễu là gì ? Nhiễu tức là nhiễu loạn; nghĩa là bất định; bất định tức là động. Trần tức là chẳng thanh tịnh. Trên thế giới có rất nhiều vi trần (hạt bụi), hãy nhìn vào ánh sáng mặt trời chiếu, thì sẽ thấy vô số hạt bụi, chuyển động lên xuống ở trong hư không. Những hạt bụi này từ đâu đến ? Nhiều hạt bụi trên thế giới từ đâu đến. Truy cứu nguồn gốc những hạt bụi này, rất là quan trọng, những hạt bụi đó từ trong tâm của chúng sinh sinh ra. Tại sao ? Vì trong tâm chúng sinh vọng tưởng quá nhiều. Vọng tưởng giống như hạt bụi, nhiễu nhiễu chẳng yên, luôn luôn biến động. Hãy nhìn xem, chúng ta quan sát vọng tưởng nhiều vô kể chẳng biết là bao nhiêu, có đếm cũng chẳng biết số lượng. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói : ''Trong một niệm có chín mươi sát na''. Sát na là một đoạn thời gian rất ngắn, mà một sát na có chín trăm lần sinh diệt, cho nên ''Thế giới vô biên trần nhiễu nhiễu''.

Thế giới này có như thế nào ? Là vì chúng ta chúng sinh y chân khởi vọng, một niệm vọng tưởng, thì biến thành có sông núi đất đai, nhà cửa phòng ốc, tất cả thế giới thành lập liên tục, đây cũng gọi là ''thế giới vô biên trần liễu liễu.''

⊙ Thứ hai là :''Chúng sinh vô tận nghiệp mang mang''. Thế giới thì vô biên, là vì có thế giới, cho nên

cũng sinh ra chúng sinh. Chúng sinh là chúng duyên hòa hợp mà sinh, có rất nhiều thứ nhân duyên hòa hợp mà sinh. Đại khái có bốn loài :

✳ Loài sinh bằng thai.
✳ Bằng trứng.
✳ Bằng ẩm thấp.
✳ Bằng hóa sinh.

Sao lại có thai sinh ? Thai do tình mà có. Thai sinh là do có thứ ái tình, nên mới có sinh mạng mới. Trứng do tưởng mà sinh. Thấp sinh là nhờ ẩm thấp mà sinh, nơi đó có sự ẩm thấp thì sẽ sinh ra. Hóa sinh tức biến hóa mà sinh ra, là tự nhiên có thể biến hóa mà sinh ra, chẳng nương duyên của cha mẹ mà sinh ra. Nếu nói tỉ mỉ thì có mười hai nhân loài, còn tám loài kia là :

✳ Loài có sắc.
✳ Không sắc
✳ Có tưởng.
✳ Không tưởng.
✳ Chẳng có sắc.
✳ Chẳng phải không có sắc.
✳ Chẳng có tưởng.
✳ Chẳng phải không có tưởng.

Có nhiều loài chúng sinh như thế, đáo để là từ đâu ra ? Chúng sinh là từ Phật tánh mà ra, cho nên mới nói : ''Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật''. Tuy hết thảy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có

thể thành Phật, nhưng chẳng phải nói chúng sinh là Phật, chẳng phải nói chẳng tu thì thành Phật. Nhất định phải dụng công tu hành, tham thiền, học Phật pháp, như thế thì mới có thể trở về cội nguồn mà thành Phật. Chẳng phải nói chúng sinh bây giờ là Phật, chẳng cần dụng công tu hành, đó là thứ tà tri tà kiến ! Mà phải tu hành, học Phật pháp, y giáo phụng hành, mới có thể thành Phật. Cho nên mới nói chúng sinh là từ Phật tánh sinh ra.

⊙ Thứ ba là :''Ái hà vô để lãng thao thao''. ''Ái hà'' là chỉ ái tình giữa nam nữ, chẳng riêng gì nói về ái của con người, mà các loài khác như súc sinh, cũng chấp mê chẳng ngộ, chấp trước về ái này, nhất là súc sinh càng chẳng rõ lý, cho nên tâm dâm dục của chúng rất nặng, chúng luôn lúc nào cũng nghĩ về dâm dục. Nếu thanh tâm quả dục, tự tịnh kỳ ý, cắt ái đoạn dục, thì cách Phật đạo chẳng xa.

''Ái hà'' (biển ái dục) chẳng có đáy, càng hãm vào thì càng sâu, càng sâu thì càng đi xuống, chẳng có ''đáy''. ''Lãng mang mang'', thứ sóng này triền miên không ngừng, giống như sóng nước. Tại sao trong biển lại có sóng ? Là vì trong tâm chúng sinh có sóng. Trong tâm chúng sinh có sóng, là vì biển ái có sóng. ''Ái'' này, bạn muốn xé ra cũng xé chẳng đứt, dùng đao bén muốn chặt đứt ái tình cũng chẳng dễ. Song nếu bạn thật sự có trí huệ, thì đối với đề này giải quyết chẳng có gì khó, do đó có câu :

''Kiếm trí huệ chặt đứt tơ tình''.

Người chẳng có trí huệ, thì bị lún ở trong biển ái, càng lún càng sâu, lún đến đâu ? Vốn chẳng có đáy. Càng lún càng sâu, càng sâu càng lún, đi xuống chẳng khi nào chấm dứt, do đó gọi là Vô Tận Ý.

Bởi ba ý nghĩa đó, cho nên Bồ Tát Vô Tận Ý muốn biến vô lượng thế giới này, thành thế giới Cực Lạc. Muốn giáo hóa vô tận chúng sinh đều thành Phật, và lấp bằng biển ái không đáy. Do đó, Bồ Tát Vô Tận Ý có tên là Vô Tận Ý.

Bồ Tát gọi tắc, nếu nói đầy đủ là ''Bồ đề tát đỏa'', là tiếng Phạn, dịch ra là giác hữu tình, tức cũng là dùng đạo lý giác ngộ, đi giác ngộ tất cả hữu tình, dùng đạo lý tự giác đó, đi giác ngộ tất cả chúng sinh. Tức là mình giác ngộ rồi, cũng muốn tìm cách đi giáo hóa kẻ khác cho được giác ngộ, đây gọi là tự giác giác tha. Bồ Tát từ đâu đến ? Bồ Tát là từ chúng sinh đến. Bồ Tát vốn cũng là chúng sinh, cũng giống như bạn tôi và họ, hết thảy chúng sinh, chẳng có gì khác biệt. Bất quá Ngài là một bậc giác ngộ ở trong chúng sinh, là một bậc giác ngộ ở trong hữu tình. Chúng ta chúng sinh là kẻ mê muội ở trong chúng sinh, vẫn chưa giác ngộ. Nếu hôm nay bạn giác ngộ, thì hôm nay là Bồ Tát; nếu ngày mai bạn giác ngộ, thì ngày mai bạn là Bồ Tát. Giác ngộ cái gì ? Giác ngộ vô minh. Nếu bạn biết nơi đến của vô minh, phá được vô minh, thì đó là ''giác''. Phá được vô minh rồi, thì pháp tánh cũng tự

nhiên hiện tiền, biển ái cũng sẽ khô cạn, biển ái khô cạn rồi, thì trí huệ sẽ hiện tiền, đó là giác ngộ. Bồ Tát là giác ngộ hữu tình, cũng là hữu tình giác ngộ. Bồ Tát còn gọi là chúng sinh ''đại đạo tâm'', đạo tâm của Ngài rất lớn, còn gọi là ''Khai sĩ'', Ngài khai mở ngu si cho chúng sinh, để hiển hiện Phật tánh vốn có, đó gọi là Bồ Tát.

''Bèn từ tòa ngồi đứng dậy'' : Ở hội trong hội Pháp Hoa, khi Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Đức Phật giảng xong Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương rồi, thì Ngài bèn từ toà ngồi đứng dậy. Tại sao phải đứng dậy ? Bất cứ ở trong đại hội nào, khi bạn muốn nói thì phải đứng lên, không thể ngồi ở đó dơ tay lên để hỏi, như thế thì quá tùy tiện. Lúc đó, Bồ Tát Vô Tận Ý muốn nói, chẳng những Ngài đứng dậy mà còn ''hở y bày vai bên phải''. Tại sao phải để vai bên phải lộ ra ? Vì biểu thị cung kính, đó là biểu thị thân nghiệp cung kính.

''Chắp tay hướng về Đức Phật'' : Sau đó Bồ Tát Vô Tận Ý chắp tay lại. ''Mà bạch Phật rằng''. Đối với Phật mà nói.

Từ ''Bấy giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý bèn từ tòa ngồi đứng dậy, hở y bày vai bên phải, chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng''. Đoạn này là Ngài A Nan biên khi kết tập kinh điển. Dùng để miêu tả nhân duyên của pháp hội. Bắt đầu từ ''Đức Thế Tôn'' là lời nói của Bồ Tát Vô Tận Ý.

Bồ Tát Vô Tận Ý gọi một tiếng :''Đức Thế Tôn!'' Thế Tôn là bậc tôn kính của thế gian và xuất thế gian, thế gian và xuất thế gian, đều tôn kính Ngài nhất.

''Bồ Tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì, mà được tên là Quán Thế Âm''? Bồ Tát Vô Tận Ý gọi một tiếng Đức Thế Tôn, rồi bèn nói : ''Bồ Tát Quán Thế Âm có sức thần thông lớn như thế, từ bi nguyện lực của Ngài lớn như thế, Ngài có thể cứu bảy thứ nạn, giải trừ ba độc, ứng hai thứ cầu, mười bốn vô uý (chẳng sợ hãi), mười chín thuyết pháp, ba mươi hai ứng thân, bởi nhân duyên gì, mà gọi là ''Bồ Tát Quán Thế Âm ?'' Bởi nhân duyên gì, tức cũng là hỏi Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong quá khứ tu pháp môn gì, mà được tên là ''Quán Thế Âm''? Đó là Bồ Tát Vô Tận Ý hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý : Thiện nam tử ! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh, chịu các khổ não, mà nghe được danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, một lòng niệm danh hiệu của Ngài, thì Bồ Tát Quán Thế Âm, lập tức quán xem tiếng kêu kia, khiến cho họ đều được giải thoát.

''Đức Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý'': Câu này tôn giả A Nan y chiếu theo văn pháp, mà ghi vào khi kết tạp kinh điển.

‘’Thiện nam tử’’ : Là Đức Phật gọi Bồ Tát Vô Tận Ý nói : ‘’Thiện nam tử ! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh’’. ‘’Nếu có’’ là từ giả thiết, tức là sẽ có mà chưa có, hiện tại thì chưa có, nhưng tương lai sẽ có. Những chúng sinh đó bao quát : Thai, noãn, thấp, hóa, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng có sắc, chẳng không sắc, chẳng có tưởng, chẳng không tưởng, mười hai loài chúng sinh, đều bao quát ở trong đó. ‘’Chịu các khổ não’’ : ‘’Chịu’’ là gặp, gánh lấy. ‘’Các’’ là số nhiều. ‘’Khổ não’’ là sự thống khổ, có bao nhiêu ? Đại khái có bốn thứ :

1). Một người thọ một thứ khổ.
2). Một người thọ nhiều thứ khổ.
3). Nhiều người thọ một thứ khổ.
4). Nhiều người thọ nhiều thứ khổ.

Một người thọ một thứ khổ như câm ngọng, chính người đó có khổ sở người đó biết, cũng không thể nói với họ, do đó có câu : ‘’Câm ngọng ăn huỳnh liên’’ (người câm khổ sở như ăn quả đắng huỳnh liên).

Một người thọ nhiều thứ khổ, ví như người nọ, bất cứ đi đến đâu cũng gặp khổ não, chẳng phải thiên tai thì là nhân họa, chẳng phải trộm cướp thì là nạn lửa. Hết thảy khổ não trên thế gian anh ta đều nếm hết. Một người mà nếm hết các thứ khổ, đây gọi là một người thọ nhiều thứ khổ.

Nhiều người chịu một thứ khổ, ví như chiến tranh hiện tại ở Việt Nam, khi tác chiến thì mưa bom đạn lạc, sinh linh lầm than, chết chẳng biết bao nhiêu người, thật là bi ai. Nhiều người ở trong một nước này, cùng chịu một thứ khổ, thứ khổ não này gọi là nhiều người thọ một thứ khổ. Còn một thứ nữa, như bệnh ôn dịch lưu hành, rất nhiều người đều chịu thứ bịnh truyền nhiễm đó, bệnh như chết sống lại, thứ khổ não đó tuy chưa đến chết, nhưng bệnh tật rất thống khổ, đó cũng là nhiều người chịu một thứ khổ, còn có rất nhiều khổ não khác nữa, nói cũng nói chẳng hết. Thế giới này là thế giới khổ não. Chúng sinh cũng nhiều, khổ não cũng nhiều, cứu kính có bao nhiêu thứ khổ não ? Căn bản chẳng có số lượng để tính. Tổng quát lại thì có tám vạn bốn ngàn thứ khổ.

Vậy khi chịu các thứ khổ não thì làm thế nào ? Ai cũng đều có khổ não. Khi chúng ta chịu khổ não, thì chúng ta đừng quên Bồ Tát Quán Thế Âm.

''Nghe danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm''. ''Nghe'': Là mình vốn chẳng biết, giống như người Mỹ, cứu kính có bao nhiêu người nghe được danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm ? Tôi tin rằng, toàn nước Mỹ nghe được Quán Thế Âm Bồ Tát dù một phần trăm cũng chẳng có ! Bạn hãy nghĩ xem, nhiều người như thế chẳng nghe được danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, mà bạn bây giờ nghe được, nghe cũng tức là minh bạch, biết Bồ Tát Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông, có ba mươi hai ứng thân, thần thông tự tại, đó là ''Nghe Bồ Tát Quán Thé Âm''.

‘’Một lòng niệm danh hiệu của Ngài’’: Quan trọng nhất là ‘’một lòng’’, đừng có hai lòng, cũng đừng có ba lòng, càng đừng có bốn lòng, nếu tâm của bạn càng nhiều, thì tựa như bạn chẳng làm công đức. Nếu tâm mà nhiều quá thì chẳng tốt. Tại sao ? Vì nhiều tâm thì phân tán, mà phân tán thì chẳng chuyên nhất, chẳng chuyên nhất thì chẳng linh, chẳng có công hiệu. Nếu bạn ‘’hai lòng niệm danh hiệu’’ thì cũng chẳng linh, ‘’ba lòng xưng danh’’ thì càng chẳng ích gì.

‘’Bồ Tát Quán Thế Âm’’ : Quán, tức là quán xem. Thế tức là thế gian. Âm là âm thanh. Bồ Tát quán xem tất cả âm thanh của thế gian. ‘’Lập tức Quán Âm thanh kia’’ : Lập tức quán sát âm thanh của chúng sinh đó. ‘’Đều được giải thoát’’ : Hết thảy tất cả khổ não đều được giải thoát. Giải thoát tức là khổ não chẳng còn nữa, khổ não chẳng còn nữa thì được an vui. Giải thoát ở đây tức cũng là đắc được tự tại thật sự, vô câu vô thúc, vô quái vô ngại.

Nếu có người trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, dù vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, do nhờ sức oai thần của Bồ Tát. Nếu bị nước lớn cuốn trôi, mà xưng niệm danh hiệu của Ngài, thì liền được vào chỗ cạn.

Đoạn văn này nói về Bồ Tát Quán Thế Âm cứu nạn lửa và nạn nước hai nạn trong bảy nạn. ''Nếu có người trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm'' : Trì tức là niệm. Nếu có, là hiện tại chẳng có, tương lai sẽ có. Nếu như có người trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Trì là nghĩ nhớ luôn luôn, tức cũng là tâm niệm đều chấp trì : ''Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát''. Bất cứ người nào muốn giải trừ thống khổ bảy nạn, thì trước hết phải luôn luôn cung kính xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

''Dù vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được'' : Đây là nói lúc bình thường bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chứ chẳng phải nói đến lúc bị khốn ở trong lửa lớn, thì mới niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Chẳng phải nói hôm nay mình có tai nạn, thì hôm nay mới niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, đó là :

''Khi bình an thì chẳng thắp hương,
Đến lúc lâm chung thì ôm chân Phật''.

Lúc nhàn thì một cây hương cũng chẳng đốt, đến lúc sắp chết, thì đến ôm chân Phật cầu cứu. Lúc đó, tuy bạn đến ôm chân Phật, nhưng Phật cũng chẳng lý tới bạn. Tại sao ? Vì lúc bình thường bạn chẳng tu hành, đợi khi có nạn thì đến cầu Phật, đó gọi là vừa đốt hương vừa niệm Phật. Song, còn có hạng người lúc bình thường họ cũng chẳng đốt hương, cũng chẳng niệm Phật. Nhưng khi họ có tai nạn, thì Bồ Tát cũng đến cứu họ, cũng khiến cho họ lìa khổ được vui. Đây là đạo lý gì ? Bạn nên biết, mỗi người

chúng ta đều có tiền nhân hậu quả, có thể kiếp trước họ đã từng dũng mãnh tinh tấn tu đạo, siêng năng dụng công niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Thậm chí họ đã từng tạo đủ thứ công đức, cho nên đời này tuy họ chẳng niệm, là vì họ kiếp trước đã niệm rồi, đã từng trồng xuống căn lành đó, cho nên đời này họ chẳng niệm, mà Bồ Tát Quán Thế Âm cũng đến cứu họ, đó là vì sự quan hệ nhân xa. Nhân, có nhân xa, cũng có nhân gần. Nhân xa là nhân trồng kiếp trước; nhân gần là nhân trồng đời này.

Hoặc có người nói : ''Kiếp trước tôi đã trồng nhân xuống rồi, nên bây giờ tôi chẳng cần niệm, tương lai tôi có nạn thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng sẽ đến cứu tôi.'' Song chẳng bảo đảm, dù bạn hướng về tôi mua bảo hiểm, tôi cũng chẳng bán. Nếu bạn ngay đời này bắt đầu thành tâm thành ý niệm, thì tôi có thể làm chứng cho bạn, chắc chắn sẽ được cảm ứng, tương lai bạn có tai nạn gì, thì Bồ Tát Quán Thế Âm nhất định sẽ đến cứu bạn. Vì bạn chẳng phải vừa đốt hương vừa niệm Phật, thì tuyệt đối có cảm ứng.

Trước kia có người nọ, một lòng muốn đến Nam Hải núi Phổ Đà lạy Bồ Tát Quán Thế Âm. Đến ngày anh ta quyết định đến núi Phổ Đà, để lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, vừa mới lên thuyền, thì nhà kế bên cạnh bỗng bị lửa cháy. Người nhà của anh ta chạy đến báo cáo với anh ta : ''Chẳng may rồi ! Anh phải trở về nhà gấp, đừng đi đến

núi Phổ Đà, nhà bên cạnh đã bị lửa cháy, anh phải về nhà lo liệu.''

- Anh ta nói : ''Tôi vì muốn lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, nên đã ăn chay ba năm rồi, bây giờ tôi cũng lên thuyền đi. Nếu nhà bị lửa cháy, thì tôi có xuống thuyền nó cũng vẫn cháy. Nếu không cháy, thì Bồ Tát Quán Thế Âm đã bảo hộ tôi, dù tôi không trở về, nó cũng không cháy. Tôi thành tâm như thế, thì dù nhà có bị lửa cháy, tôi cũng phải đến lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm!'' Anh ta quyết định một lòng đến lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, sau khi lễ lạy xong trở về nhà, thấy những nhà bên cạnh phải trái đều bị cháy sạch, mà một mình nhà của anh ta chẳng bị lửa cháy. Do đó, một số người bèn hỏi anh ta : ''Sao những nhà bên cạnh nhà anh đều cháy sạch, mà nhà của anh chẳng bị lửa cháy.'' Anh ta nói : ''Vì lần này tôi thành tâm lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm nhất, khi tôi đi thì gì cũng chẳng màng đến, nó phải cháy thì để nó cháy, cái gì tôi cũng buông xả hết. Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ cho tôi, nên khiến cho nhà của tôi chẳng bị lửa cháy.'' Đó là : ''Bằng chứng thật dù vào trong lửa lớn, lửa không cháy được.''

''Do nhờ sức oai thần của Bồ Tát'' : Tại sao lửa chẳng cháy được ? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần, cho nên lửa không cháy được.

''Nếu bị nước lớn cuốn trôi'' : Nếu lúc bình thường bạn cũng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì trong sự vô ý, chẳng phải cố ý muốn thử Bồ Tát Quán Thế Âm, đi nhảy xuống biển coi thử có linh nghiệm, không chết

chìm chăng ? Nếu bạn còn có tâm thử nghiệm, thì chẳng phải là tin chân thật, thì tuyệt đối chẳng linh, bạn đi nhảy xuống biển tơ hào chẳng nghi vấn là muốn ngập chìm chết. Tại sao ? Vì bạn còn tâm thử nghiệm Bồ Tát. Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng phải là học sinh, còn bạn cũng chẳng phải là thầy giáo, thì tại sao bạn phải thử Bồ Tát Quán Thế Âm ? Vì bạn chẳng tin Bồ Tát Quán Thế Âm có đại thần thông như thế, cho nên mới muốn thử nghiệm. Bạn thử nghiệm thì chẳng quan trọng, song sinh mạng của bạn phải hy sinh, đừng đem mạng sống ra làm trò đùa. ''Xưng niệm danh hiệu của Ngài, thì liền được vào chỗ cạn'': Bạn xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, trong sự bất tri bất giác, thì sẽ được vào chỗ cạn. Trong biển cả chẳng biết làm thế nào được vào bờ, đó đều là thần lực của Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên mới có cảm ứng như thế.

Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh, vì đi tìm cầu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, các thứ châu báu, vào trong biển lớn. Giả sử, có gió đen thổi thuyền của họ, trôi dạt vào nước quỷ La sát. Trong đó, dù chỉ có một người xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì hết thảy những người kia, đều được thoát

khỏi nạn quỷ La sát, bởi nhân duyên đó, mà có tên là Quán Thế Âm.

Đoạn văn này nói về quỷ La sát trong bảy nạn, cũng có thể nói là nạn gió đen. Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh, vì muốn tìm cầu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu bảy báu. Người thế gian đi tìm cầu khắp nơi, bạn tranh giành, cho rằng đó là quý báu, kỳ thật đều là vật ngoài thân. Bạn chẳng minh bạch châu báu chân thật của tự tánh, mà tham trước châu báu bên ngoài, dù đắc được cũng chẳng có đại tác dụng gì, đối với trong tự tánh của bạn. Song, một số người đều muốn tìm cầu ''vàng''. Mỗi quốc gia đều hoan hỉ vàng, cho nên người dân cũng cho rằng đó là một vật quý báu ít có, nên ngày đêm nghĩ phương pháp để tìm cầu. Cho đến đất nước xảy ra giao tranh cũng vì vàng. Tại sao con người lại cho rằng vàng quý trọng như thế ? Là vì nó rất hiếm hoi, vì ít cho nên trân quý. Nếu vàng mà nhiều như đất, thì con người coi nó cũng chẳng có giá trị gì. Do đó : ''Vật hiếm hoi thì quý.'' Vì ít cho nên ai ai cũng đều hoan hỉ, thậm chí nằm mộng cũng mộng thấy vàng, có người đến phi châu tìm vàng, có người đến nước Mỹ để tìm vàng. Trước kia, nghe nói ở Cựu Kim Sơn rất là nhiều vàng, cho nên chạy đến nước Mỹ, nhất là người Hoa đến nước Mỹ chuyên môn tìm vàng. Khi vàng ở nước Mỹ khai quật rồi, thì chạy về Á Châu. Nước Mỹ có Cựu Kim Sơn, còn Á Châu thì có Tân Kim Sơn, rất nhiều người chuyên môn

tìm vàng. Vì người đến Mỹ để tìm vàng, nên bị chết ở trong biển cũng chẳng biết bao nhiêu người, có thể chết rất nhiều, vì trước kia giao thông chẳng phương tiện như bây giờ, tin tức cũng chẳng linh thông cho lắm, cho nên chết rất nhiều người cũng chẳng biết, đó đều là gặp phải nạn gió đen. Vàng là vật quý báu nhất, bạc là vật quý báu thứ hai. Ngoài ra còn lưu ly, người Trung Quốc gọi lưu ly là ''thanh sắc bảo'', vật quý màu xanh. Xa cừ là một loại đá quý, mã não là một loại đá ngọc, thứ đá này giống như não ngựa, bên trong có đường gân đỏ như huyết, nên gọi là mã não. San hô là cây san hô, có loại cao hơn ba thước, tôi đã thấy qua loại cao hơn một thước. San hô là do một loại trùng trong biển biến thành, đó cũng là một thứ hóa thạch, do trùng biến thành thực vật, giống như cây, chất liệu của nó giống như đá ngọc, nên rất quý giá.

Ở Trung Quốc có một nhà giàu có, gọi là Thạch Sùng, rất thích so sánh sự giàu có với người khác. Một ngày nọ, ông ta đến nhà của hoàng thân để phó yến, nhà này là bà con của hoàng đế. Đương thời hoàng đế tặng cho một cây san hô, cao khoảng hơn hai thước. Vì là vật của hoàng đế tặng nên đặc biệt quý giá. Hoàng thân mời Thạch Sùng đến nhà dùng cơm rồi, bèn đem cây san hô ra cho thạch Sùng ngắm, ai biết Thạch Sùng dùng tay cầm lên rồi ném xuống đất vỡ nát. Khiến cho hoàng thân buồn rầu vô cùng mới nói : ''Đó là vật hoàng đế tặng cho tôi, sao anh lại đập vỡ nó, bây giờ tiền bạc đâu có giá trị gì.'' Thạch Sùng nói : ''Anh đừng có buồn, tôi sẽ tặng anh một

cây san hô, ngày mai mời anh đến nhà tôi tùy ý anh lựa, muốn lấy cây nào thì lấy.''

Ngày kế tiếp hoàng thân đến nhà Thạch Sùng tham quan, thì ngay phòng khách chưng đầy cây san hô cao hơn ba thước, hoàng thân thấy tâm bèn nghĩ : ''Ta tuy là hoàng thân, mà chẳng giàu bằng anh Thạch Sùng.'' Do đó, bèn lựa một cây san hô rồi từ giã ra về. Kết quả Thạch Sùng cũng vì giàu có mà bị đấu tranh đến chết. Do đó :

''Người vì tài mà chết.
Chim vì ăn mà bỏ mạng''.

Chúng sinh là điên đảo như thế. Tại sao mà chết ? là vì '' tiền tài''. Hổ phách là một thứ khoáng vật trong suốt màu vàng, do mỡ của cây hệ tùng biến thành. Trân châu là một loại vật chất hình tròn ở trong ngọc trai, trong suốt óng ánh rất đẹp, gọi là trân châu.

''Vào trong biển lớn'' : Con người vì muốn tìm cầu những báu vật đó, bèn vào trong biển tìm những châu báu. Ở trong biển nhiều châu báu nhất, nên vào trong biển mà tìm cầu. ''Giả sử có gió đen'' : Gió đen là gì ? Tức là gió màu đen, song thứ gió màu đen này, mỗi người cũng đều có. Gì gọi là ''gió màu đen''? Tức là khi bạn nổi giận, thì sắc mặt của bạn phát đen. Vì con người nổi giận nên có gió đen, nếu không nổi giận thì chẳng có gió đen.

''Biển'' là gì ? Tức là ''biển tánh'' của chúng ta, biển tánh của tự tánh. ''Gió đen'' dụ cho vô minh của chúng sinh, ''vô minh'' còn gọi là ''phiền não''. Nếu bạn

sinh phiền não tức là có gió đen. Nếu chẳng có phiền não, thì trong ''biển tự tánh'' của bạn gió yên sóng lặng. Làm thế nào mới tìm cầu được châu báu ? Là đi vào trong tự tánh phát quật chân báu tự tánh. Khi bạn muốn phát quật châu báu tự tánh, thì lúc đó sẽ gặp chướng ngại. Vì sao có chướng ngại ? Là vì đức hạnh của mình chẳng đủ, đức tính chẳng đủ, đạo đức chẳng đủ, công đức chẳng đủ. Vì chẳng làm công đức, nên đức hạnh cũng chẳng viên mãn. Đức hạnh chẳng viên mãn, cho nên mới có gió đen, mới có ma chướng. Nếu đức của bạn lớn, thì gió đen sẽ biến hóa thành mây cát tường. Do đó có câu rằng :

''Đạo cao long hổ phục,
Đức trọng quỷ thần khâm''.

Nếu người đạo hạnh cao, thì dù rồng thấy bạn cũng khoanh lại. Rồng vốn rất là lợi hại, nó có thể dời núi lấp biển, nếu rồng dụng thần thông thì núi cũng sẽ dời đi, biển cũng dời đi, do đó thế lực của rồng rất là lợi hại. Song, nếu bạn có đạo thì tuy rồng có thần thông quảng đại, cũng chẳng dám thị uy ở trước mặt bạn, mà lão lão thật thật khoanh lại. Cọp tuy hung dữ nhất, song nếu bạn thật sự chẳng có nóng giận, thì cọp thấy bạn sẽ thuần phục bạn, cuối đầu vẫy đuôi, tỏ vẻ hoan nghênh, chẳng làm dữ cắn bạn. Song, bạn phải có đức hạnh thì mới có cảnh giới này. Nếu chẳng có đạo đức, thì rồng cũng chẳng khoanh, cọp cũng chẳng nằm.

‘’Đức trọng quỷ thần khâm’’. Nếu bạn đủ đức hạnh viên mãn, thì dù quỷ thần gặp bạn, cũng đều cung kính bạn, tôn trọng bạn, hướng về bạn cuối đầu đảnh lễ. Cho nên quan trọng nhất của con người, là phải có đức hạnh.

‘’Gió đen thổi thuyền của họ trôi dạt vào nước quỷ la sát’’ : Quỷ la sát là loài quỷ ăn tinh khí, đa số nữ tính, chuyên môn ăn tinh khí của người. Nếu thuyền bị gió đen trôi dạt vào nước quỷ la sát, nếu trong đó chỉ có một người phát tâm xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thé Âm, thì tất cả mọi người đó, thậm chí trăm ngàn vạn ức chúng sinh, đều được thoát khỏi nặn quỷ la sát. Bởi nhân duyên đó, nên tên của Bồ Tát đó, gọi là Bồ Tát Quán Thế Âm.

Nói đến ‘’đức hạnh’’, mọi người đều nên chú trọng về đức hạnh, sở dĩ người khác với cầm thú, là vì có đức hạnh. Nếu chẳng trọng đức hạnh, thì chẳng nói về đức hạnh, chẳng phân biệt với cầm thú, mà đạo đức là do tu hành thực tiễn tích thành, bằng không thì vốn chẳng có đạo đức để nói.

Tại quê hương đông bắc, tôi có một người bạn tri kỷ, sao anh ta trở thành bạn tri kỷ của tôi ? Vì anh ta và tôi là đồng đạo. Khi tôi còn tại gia, đã từng vì mẫu thân thủ hiếu, còn anh ta cũng thủ hiếu mẹ bên cạnh mộ phần. Chỗ khác nhau là khi tại gia thì anh ta là kẻ trộm cướp, trước khi thủ hiếu thì anh ta chuyên môn trộm cướp. Có một lần, anh ta trộm cướp đánh lại với họ, chẳng may anh ta thất bại và bị thương, vết thương điều trị hơn nửa năm mà chẳng lành, lúc đó anh ta tỉnh ngộ, bèn nghĩ rằng

:''Do mình làm việc quấy, cho nên vết thương này chẳng lành.'' Do đó, bèn quyết tâm phát nguyện : ''Nếu vết thương này mà lành lại, thì sau này tôi chẳng làm trộm cướp nữa'', và còn đến bên cạnh mộ của cha mẹ thủ hiếu. Anh ta phát nguyện rồi, quả nhiên chưa được mấy ngày, thì vết thương tự nhiên lành hẳn. Do đó, mà tiếp tục thủ hiếu. Trong khi thủ hiếu, có rất nhiều chuyện phát sinh. Nay nói ra một câu chuyện cắt thịt để tế trời.

Khi anh ta thủ hiếu, thì trời mưa cả mấy tháng không ngừng. Anh ta tự nhủ : ''Mùa màng ngũ cốc của dân chúng trồng, sắp bị nước mưa ngập lụt chết.'' Bèn phát tâm vì dân chúng cầu cho trời hết mưa, mà phát nguyện rằng : ''Nếu trong vòng ba ngày mà hết mưa, thì tôi sẽ cắt thịt trên thân của mình, để cúng dường trời Phật.'' Sau khi anh ta phát nguyện rồi, thì thật là lạ thay, chưa đến ba ngày thì trời hết mưa. Anh ta bèn thực hành lời hứa của mình, lấy đao cắt thịt của mình. Anh ta cắt thịt xong, vì đau đớn vô cùng nên bị hôn mê bất tỉnh, lúc sau mới tỉnh đậy. Lúc đó, có vị huyện trưởng đi ngang qua đó, nhìn thấy khắp nơi đều có máu tâm nghĩ : Người này cắt thịt của mình, chẳng biết là để làm gì ? Hay là anh ta bị điên ? Bèn hỏi anh ta thì mới biết anh ta vì dân chúng cầu cho dừng mưa, cắt thịt dâng cúng trời Phật. Ông huyện trưởng nghe rồi thì rất hoan hỉ : ''Anh thật là người tốt''! Có ấn tượng tốt đối với anh ta. Sau đó chẳng biết từ đâu bay đến một con chim nhỏ, con chim đó kêu rất đặc biệt,

kêu rằng: ''Làm nhiều công đức, làm nhiều công đức, làm công đức nhiều thì tốt lắm.'' Kêu như thế rồi bay đi.

Cho nên vì sao mà tôi cũng chẳng sợ khổ, ban ngày làm việc, chẳng có chút thời gian xem kinh Phật, còn ban đêm thì vì mọi người giảng kinh. Vì muốn làm chút bố thí, dùng pháp để bố thí. Ở nước Mỹ, có thể nói là pháp thiếu thốn nhất, do đó tôi phát nguyện, vì các bạn bố thí Phật pháp, dù khổ nhọc tôi cũng chẳng đình công.

Nếu lại có người, bị người khác cầm đao làm hại, xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đao gậy của kẻ kia cầm, bèn gãy ra từng đoạn, mà được giải thoát.

Đoạn kinh này nói về nạn đạo gậy. Nếu như có người, khi bị người khác cầm đao muốn giết hại, nếu người đó xưng niệm danh hiểu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì ''đao gậy của kẻ kia cầm'' : Kẻ kia là chỉ người muốn giết hại anh ta. Đao gậy là vũ khí cầm tay, khi muốn chém bạn thì ''Bèn gãy ra từng đoạn'', khi bạn xưng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên cổ của bạn cứng hơn cây đao. Bổn lai cây đao cứng hơn cổ của bạn, song bây giờ khi cây đao dơ lên chặt cổ của bạn, thì tự nhiên gãy ra từng đoạn. Nếu không tin thì hãy thử xem cái cổ của bạn có cứng như thế chăng ? Cây đao đó sao lại gãy ra từng đoạn ? Chẳng những gãy ra một đoạn, mà còn gãy ra nhiều đoạn, thậm chí cây đao đó gãy vụn ra. ''Mà được

giải thoát'' : Nhờ thế mà thoát khỏi nạn đao gậy. Đạo lý giải thoát được là gì ? Là vì anh ta phát tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Có người hoài nghi : ''Niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, mà có sự linh cảm như thế chăng?'' Chẳng những linh cảm như thế, mà còn linh cảm nhiều hơn việc này ! Chỉ cần bạn thành tâm tin tưởng, thành tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ có những sự việc phát sinh, cảm ứng hơn là việc đó.

Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới, đầy dẫy quỷ Dạ xoa và la sát, muốn đến làm hại người, mà nghe họ xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì các ác quỷ đó, còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn họ, huống chi lại làm hại. Nếu như lại có người, hoặc có tội, hoặc không có tội, bị gông cùm siềng xích, trói buộc thân họ, mà xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì gông cùm siềng xích đều gãy tan, mà được giải thoát.

Đoạn văn này giải trừ nạn quỷ Dạ xoa, quỷ la sát và giải trừ nạn gông cùm siềng xích. ''Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới'' : Ba ngàn đại thiên thế giới là gì ? Vì có chữ ba ngàn, cho nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới. Thế giới của chúng ta đây, có một mặt trời mặt trăng, một

núi Tu Di, một tứ thiên hạ. Một tứ thiên hạ tức là : Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lư Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Đông Thắng Thần Châu, bốn đại bộ châu. Bốn đại bộ châu này là ‘’một tứ thiên hạ’’, ‘’một’’ là chỉ một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, và bốn đại bộ châu. Có một ngàn núi Tu Di, một ngàn mặt trời, mặt trăng, một ngàn một tứ thiên hạ, đây gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại, là một trung thên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới, là một đại thiên thế giới, vì có chữ ba ngàn, cho nên gọi là ‘’ba ngàn đại thiên thế giới’’.

‘’Trong đó đầy dẫy quỷ Dạ xoa’’ : Trong ba ngàn đại thiên thế giới đó, đều đầy dẫy quỷ Dạ xoa. Dạ xoa gồm có phi hành Dạ xoa, địa hành Dạ xoa, không hành Dạ xoa. Những loài quỷ này, chạy đặc biệt rất nhanh, dù hỏa tiển hiện đại, cũng chạy chẳng bằng chúng, cho nên gọi là quỷ tốc tật, hoặc là quỷ tiệp tật (quỷ chạy nhanh). La sát tức là quỷ ăn tinh khí, chúng chuyên môn ăn tinh khí của người. ‘’Muốn đến làm hại người’’ ? Loài quỷ Dạ xoa và quỷ la sát, đều chuyên môn hại người, đi khắp nơi nhiễu hại người. Ví như bạn muốn phát bồ đề tâm, thì chúng nhất định chẳng vui vẻ, cho nên cố ý gây thêm phiền não cho bạn, mà nghĩ ra đủ thứ phương pháp chướng ngại bạn, khiến cho bạn chẳng thể tu hành, kêu bạn thối đạo tâm. Bổn lai bạn phát bồ đề tâm rất dũng mãnh, song, chúng kiềm tỏa thân của bạn, dạy bạn tự nhiên vọng tưởng lên rằng : ‘’Tu để làm cái gì ? Học Phật

pháp có ích gì ? Hay là đừng học Phật pháp, đi đến những nơi khác làm gì cũng rất tự do, muốn nhảy đầm thì nhảy, muốn nghe âm nhạc thì nghe. Học Phật thì những thứ đó chẳng thể làm được, nhiều thứ làm chẳng được, lại không thể xem phim, không thể uống rượu, lại không thể hút thuốc, bạn thấy đó, nhiều thứ không thể làm, Phật pháp càng học càng chán nãn''! Ai có những tư tưởng như thế, tức là quỷ Dạ xoa, la sát đến dạy bạn nghĩ như thế. Có người nghĩ muốn xuất gia làm hòa thượng, thì chúng dạy bạn nghĩ : ''Làm Hòa thượng khổ quá ! Suốt ngày đến tối phải làm việc, lại ăn chẳng ngon, mặc chẳng đẹp, khổ hạnh quá, bạn đi làm Hòa thượng có ý nghĩa gì''? Do đó, bèn thối đại tâm. Lại có người nghĩ muốn làm Tỳ Kheo ni, thì quỷ Dạ xoa la sát cũng đến dạy bạn nghĩ: ''Hay là đi lấy chồng, có chồng thì mỗi ngày đều có chồng lo, toại tâm mãn dục''. Tức là chúng muốn cho bạn không thể phát tâm bồ đề, đó là việc của quỷ Dạ xoa la sát, chuyên môn tổn hại đạo tâm bồ đề, phá hoại người tu hành. Cho nên nói : ''Muốn đến não hại người''. ''Thì các ác quỷ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn'' : Một khi niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên phóng ra đại quang minh, quỷ đó muốn nhìn bạn, cũng nhìn chẳng thấy, vì chúng nhìn bạn tựa như đèn điện chiếu sáng, mắt cũng mở chẳng ra, cho nên nói ''còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn''. ''Huống chi lại làm hại'' : Chúng mắt cũng mở chẳng lên, lại làm sao mà làm hại bạn ? Tự nhiên bèn bỏ bạn chạy

xa. Do đó, bạn nên luôn luôn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì mới bảo đảm.

''Nếu như lại có người'' : Giả sử lại có người như thế. ''Hoặc có tội, hay không có tội'' : Bất cứ là có tội, hoặc chẳng có tội. ''Gông cùm xiềng xích'' : Người có tội thì sẽ bị chính phủ bắt đi, tay bị còng, cổ bị gông cùm, người có tội là chỉ người phạm tội, người chẳng có tội là người bị oan uổng, bị vu cáo, mình vốn chẳng phạm tội, mà bị chính phủ bắt đi nhốt vào lao tù. Gông cùm xiềng xích, đều là hình cụ của người phạm tội mang, trói buộc lại. Nếu bạn lúc đó xưng niệm Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, thì gông cùm xiềng xích đều gãy tan. Những hình cụ đó tự nhiên gãy ra. ''Đều được giải thoát'': Lập tức bèn được giải thoát, tự do. Gông tự động gãy, cùm tự động mở. Tóm lại, bất cứ hình cụ gì trên thân của bạn, đều tự nhiên mở ra, những tình hình như thế tôi thấy qua rất nhiều.

Có một lần, tôi ở chùa Nam Hoa gặp một vị Hòa Thượng, vào thời kỳ Nhật xâm lược Trung Quốc, vị Hòa Thượng đó bị Nhật bắt đi nhốt vào lao ngục, tay chân đều bị còng. Ngài ở trong ngục suốt ngày niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm niệm không ngừng, một đêm nọ, hốt nhiên gông cùm trên thân của Ngài tự động gãy ra rớt xuống, cửa ngục cũng tự động mở ra, cho nên Ngài thoát khỏi ngục tù, được tự do giải thoát.

Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới, đầy dẫy những kẻ oán tặc, có một người chủ buôn, đem theo các người buôn bán, mang theo rất nhiều châu báu quý giá, đi qua con đường hiểm, trong đó có một người xướng lên rằng : Các thiện nam tử ! Chớ có sợ hãi, các ông nên một lòng xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, vì vị Bồ Tát đó, hay đem sự vô úy thí cho chúng sinh. Nếu các ông xưng niệm danh hiệu của Ngài, thì ở nơi oán tặc nầy, sẽ được giải thoát. Các người buôn nghe rồi, đều xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, vì xưng niệm danh hiệu của Ngài, nên được giải thoát.

''Nếu trong ba ngàn đại thiên thế giới'' : Nếu như trong ba ngàn đại thiên cõi nước. ''Đầy dẫy những kẻ oán tặc'' : Trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỗ nào cũng có oán tặc. Oán tặc là có oan trái với bạn trong quá khứ, cho nên đời này làm oán tặc, để đến cướp đồ của bạn. ''Có một người chủ buôn'': Có một người làm chủ buôn bán, đem theo rất nhiều người làm ăn buôn bán, lại mang theo rất nhiều báu vật quý giá, đi qua nơi có trộm cướp. Song,

trong số người buôn đó, có một người đề nghị nói với đại chúng : ''Các vị thiện nam tử, các vị huynh đệ ! Xin mọi người đừng lo âu sợ hãi. Chúng ta mọi người, hãy nên một lòng niệm danh hiệu Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Vì vị Bồ Tát đó, hay đem tinh thần vô úy để bảo hộ hết thảy chúng sinh. Hiện tại nếu mọi người chúng ta niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ thoát khỏi những oán tặc này, mà được giải thoát, và chẳng bị bọn cướp trộm cướp hoặc giết hại''. Những người buôn đó nghe rồi, mọi người đều cùng nhau xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Vì xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, quả nhiên thoát khỏi nạn oán tặc, chẳng bị bọn cướp trộm cướp. Vì đó là cảm ứng không thể nghĩ bàn, cho nên mỗi người đều nên phát tâm tin chân thành, đừng có hoài nghi.

Vô Tận Ý ! Sức oai thần của đại Bồ Tát Quán Thế Âm, rộng lớn như thế.

Đức Phật nói xong đạo lý kinh văn ở trên rồi, lại tiếp tục kêu một tiếng : ''vô Tận Ý ! Sức oai thần của đại Bồ Tát Quán Thế Âm rộng lớn vĩ đại như thế, nói cũng không hết.''

Nếu có chúng sinh nhiều lòng dâm dục, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi lòng dâm dục.

Nếu như có loài chúng sinh đặc biệt nhiều lòng dâm dục. Có người một mặt học Phật, một mặt sinh tâm dâm dục, học Phật pháp càng nhiều, thì tâm dâm dục của họ càng tăng trưởng, suốt ngày đến tối đều vọng tưởng về dâm dục, giống như suối nước chảy không ngừng. Đó là thứ tư tưởng xấu nhất, hành vi và biểu hiện đê hèn. Vậy thì phải làm thế nào ? Bạn đừng lo lắng, đừng buồn rầu. Chỉ cần bạn ''Thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm'', song chỉ tụng niệm Nam Mô Quán Thế Âm thì vẫn chưa đủ, còn phải đem tâm cung kính chân thành ra, hướng về Bồ Tát Quán Thế Âm lễ bái. Đảnh lễ Phật và Bồ Tát là một biểu hiện cung kính nhất. Song một số người chẳng hiểu đạo lý này, nhất là kẻ ngoại đạo thấy mọi người lạy Phật, thì phê bình nói những lời mù : ''Đó là tượng gỗ tượng đá, lạy lại có ích gì ?'' Vì mình chẳng có trí huệ, chẳng nhìn thấy cảnh giới Phật quang phổ chiếu, ngược lại sinh đại ngã mạn, thậm chí xem mình còn lớn hơn Phật, cho nên nói hà tất phải lạy Phật ! Đó là người ngu si đến cực điểm. Nếu thường hay niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tâm dâm dục của bạn tự nhiên sẽ lìa khỏi. Có người nói : ''Không xong rồi ! Tôi thích dâm dục mà bây giờ không còn thì làm sao?'' Nếu bạn thích có dâm dục, thì cũng đừng lo lắng, vẫn có thể có. Nếu không thích có thì có thể không có. Nếu bạn thích có, thì hà tất niệm Bồ Tát Quán Thế Âm ? Cứ giữ nó như thường.

Nếu người nhiều sân hận, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi sân hận.

Sân hận là gì ? Sân hận tức là phiền não, tức cũng là vô minh. Sân hận lợi hại như lửa. Do đó có câu :

''Một đốm lửa nhỏ,
Đốt sạch rừng công đức.''

Cổ nhân cũng nói :

''Ngàn ngày nhặt củi,
Đốm lửa thiêu sạch.''

Nghĩa là bạn nhặt củi cả ngàn ngày, song chỉ cần một chút lửa, thì sẽ đốt sạch đống củi đó. Đây là hình dung công đức lành mà chúng ta làm hằng ngày, tuy tu trì nhiều thời, song một khi bạn nóng giận, thì sinh ra lửa vô minh, đốt sạch công đức đã tích tập từ lâu. Người thích nổi lửa vô minh tức là A tu la, mỗi người đều có con đường xu hướng. Có người hướng về Phật đạo, thì tính cách của họ đa số là từ bi, về cõi tiên thì thích thanh nhàn, về cõi người thì có duyên với người khác, về đường ngạ quỷ thì đa số là tính giảo hoạt, chẳng chịu thiệt thòi, là người chẳng thành thật, về đường súc sinh thì lòng tham dục nặng, về đường A tu la thì thích nổi nóng, thứ người này, động hay chẳng động cũng đều nổi lửa nóng giận. Loại người này phải làm thế nào ? Có phương pháp gì có

thể thay đổi ? Bộ Kinh Pháp Hoa này đã nói rõ ràng, tức là phải thường niệm : ''Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát'', chỉ cần niệm luôn luôn đừng gián đoạn. Mỗi khi đến chùa nào, phàm là có cúng Phật, hoặc cúng Bồ Tát Quán Thế Âm, thì nên cung kính đãnh lễ. Cũng đừng hôm nay lễ, ngày mai thì lại không; sáng nay đảnh lễ, tối thì chẳng lạy. Nếu kiền, thành, hằng, thường kính lễ chư Phật Bồ Tát, thì lâu dần tính nóng giận của bạn sẽ chẳng còn nữa, cho đến chính bạn cũng chẳng biết sự việc thế nào ? Nếu bạn không tin, thì tôi sẽ nói ra một sự kinh nghiệm của chính tôi, để cho các vị mượn làm cảnh.

Trước kia tôi cũng là người rất nóng giận, nói đánh người là đánh người, nói chưởi người thì chưởi người. Khi tôi mười hai mười ba tuổi thì thích chỉ huy, bất cứ bạn lớn cỡ nào ở cùng chỗ với tôi, thì phải nghe sự chỉ huy của tôi, nếu chẳng nghe tôi chỉ huy, thì tôi sẽ đánh ! Chết cũng muốn đánh, đánh đến khi nào bạn đầu hàng mới thôi, đó là hành vi củ A tu la. Về sau, tôi học Phật thì mới giác ngộ tính nóng giận là không đúng, bèn sửa lỗi làm mới, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Cho nên hiện tại làm sư phụ, cũng phải tu hạnh nhẫn nhục. Có khi đệ tử đến coi thường sư phụ, trước hết nổi nóng, song tôi đề thanh hạ khí nhẫn nhục, đến khi anh ta từ từ sẽ hiểu là mình sai quấy. Trước kia, tôi nóng giận với người khác, bây giờ bị đệ tử đến khi phụ tôi, đây có thể nói là báo ứng. Có người nói : ''Đệ tử nào đến khi phụ Thầy ?'' Người khi phụ tôi tức là người đó.

Nếu người nhiều ngu si, thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ lìa khỏi ngu si.

Ở trước đã nói về tham và sân, bây giờ nói về si, đây gọi là ba độc. Ba độc này, đầu độc Phật tánh của con người hôn mê như là ngủ. Tại sao chẳng giác ngộ, một đời đều sống trong cơn say, chết trong ảo mộng ? Là vì ba độc này. Tham tức là dâm dục, dâm dục là lợi hại nhất đối với tự tánh, thế mà một số người cho rằng đó là sự hưởng thụ cao nhất, cho nên cứ làm những hành vi điên đảo, thứ bụi bặm này càng ngày càng nhiều, vì Phật tánh quang minh của bạn chẳng hiển hiện, đó là sự lợi hại của tham độc. Sân độc cũng như tham độc, lợi hại vô cùng.

Bây giờ nói về si độc. ''Ngu si'' là gì ? Tức là cảm thấy mình chẳng ngu si, đó càng là ngu si. Cho rằng mình là người rất thông minh có trí huệ, thật tế bạn hỏi họ : ''Anh từ đâu đến ? Tương lai anh đi về đâu ?'' Thì họ chẳng biết, đến chẳng biết đến, đi chẳng biết đi, bạn nghĩ rằng người như thế là thông minh nhất chăng ? Song họ chẳng thừa nhận mình là người ngu si. Do đó :

''Danh lợi việc nhỏ ai cũng ham
Sinh tử việc lớn chẳng ai màng.''

Trên thế giới này, cầu danh cầu lợi tuy là việc nhỏ, song con người suốt ngày vì nó mà bôn ba lao nhọc,

thậm chí đi hại người, giết người cũng vì ''lợi''. Chẳng phải vì lợi, thì là vì ''danh''. Người của các nước trên thế giới này, nhiều đếm chẳng hết được, song hợp lại mà nói thì chỉ có loại hai người. Tức là, một là cầu danh, một là cầu lợi. Danh và lợi chi phối làm cho con người điên đảo, song vẫn chưa tỉnh, từ sinh ra đến chết đi đều hồ đồ. Có người tham cầu làm quan, có người cầu phát tài, có người cầu con trai con gái, một đời khát vọng các thứ khoái lạc, song hưởng thụ chẳng bao lâu thì chết đi. Chết rồi sinh về đâu cũng chẳng biết. Khi sống thì cho mình là bất phàm, cảm thấy là ngon lành lắm, mình là người có trí huệ rất thông minh, thậm chí học ở nhà trường năm nào tôi cũng đứng nhất lớp, bất cứ làm việc gì tôi cũng đứng đầu, cao hơn mọi người, tự cho rằng thông minh khác thường. Kỳ thật, cho đến mặt mũi của mình cũng chẳng nhận thức được, sự thông minh của bạn đều là giả, đó là thông minh giả. Nếu bạn có trí huệ thật sự, thì chẳng cảm thấy mình có trí huệ. Vậy nói là cảm thấy mình ngu si chăng ? Cũng chẳng cảm thấy mình là ngu si, càng chẳng cảm thấy có trí huệ. Tuy trên bề mặt nhìn lại, đồng thân thể hình trạng với một số người, song những tư tưởng quan niệm bạn đều minh bạch. Minh bạch hết thảy tất cả, như huyễn như hóa. Biết hết thảy tất cả đều giả, thì bạn chẳng tham trước những vinh hoa phú quý ở trong mộng, tham đồ sắc đẹp, tranh ta người, tranh đúng sai, tranh hạng nhất, tranh danh đoạt lợi, mà thấy rõ tất cả đều là vô thường. Cho nên trong Kinh Kim Cang có nói :

''Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán''.

Nghĩa là:

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương cũng như điện
Hãy quán sát như vậy.

Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng. Pháp hữu vi là gì ? Tức là tất cả có hình tướng, có thể nhìn thấy được, đều gọi là pháp hữu vi, tựa như mộng huyễn bọt nước. Bọt nước ở trong biển, bạn nói là thật hay là giả ? Nói là thật, nó lại hóa là không, nói là giả mà nó lại có bọt nước. Tuy có bọt nước, nhưng chẳng thật tại, chẳng có thể tánh chân thật. Bóng cũng là hư huyễn, lại giống như giọt sương, sáng sớm thì có giọt sương, nhưng khi mặt trời xuất hiện, thì nó lại tiêu mất. Điện cũng là có, song điện quang lửa đá chuyển nháy mắt thì mất, cũng chẳng chân thật. Nếu quán tưởng tất cả sự vật như thế, thì có gì để chấp trước ? Chẳng có gì chấp trước, thì mới thật minh bạch, cũng chẳng tưởng đông nghĩ tây, càng không tưởng nam nghĩ bắc, buông xả hết tất cả những trần lao vọng tưởng. Buông xả hết được tất cả trần lao vọng tưởng, thì lúc đó bạn không muốn thành Phật cũng không được,

muốn chẳng có trí huệ cũng không thể được, tự nhiên sẽ có.

Cho nên, khi mình chẳng có trí huệ, thì đừng cho rằng mình có trí huệ. Trí huệ chẳng phải từ bên ngoài đến, đừng sinh ra tâm kiêu ngạo : ''Ở trong tất cả mọi người, ta là thông minh nhất, đẹp nhất, nổi bậc hơn tất cả mọi người, chẳng giống mọi người !'' Nếu bạn có tư tưởng như thế, thì tức là chấp tướng. Tướng vốn là túi da hôi thối, như mộng huyễn bọt bóng. Bạn suốt ngày tới tối mặc quần áo đẹp cho nó, ăn đồ ngon, hết lòng vì nó mà hưởng thụ. Song, đến lúc nó muốn đi, thì nó chẳng màng đến bạn. Có người chuyên vì túi da hôi thối mà hút thuốt, lại uống rượu, lại ăn thịt. Suốt ngày đến tối cứ lấp cho cái đáy sâu không đáy này, lấp đầy rồi lại vơi, vơi rồi lại đầy, vĩnh viễn lấp chẳng đầy, vì mình mà bận tới bận lui.

Tại sao tôi mỗi ngày ăn một bữa ? Là vì sợ phiền não, cho nên ăn ít một chút, thì bớt đi rất nhiều phiền não. Một số người cho rằng, ăn đồ ngon là hưởng thụ tốt nhất, tôi thì cho rằng là việc phiền não. Vậy giải thích sao đây ? Nếu ăn nhiều thì trong bụng chẳng thoải mái, mà ăn ít thì lại sinh tâm tham : ''Vì ăn ngon thì lại ăn thêm một chút.'' Nếu ăn đồ chẳng ngon, thì chẳng sinh ra tâm tham, bụng cũng chẳng thọ tội, cho nên đây đều là việc phiền não. Tại sao con người có những phiền não ? Vì mình quá ngu si, mới tham hưởng thụ, cầu giàu sang, cầu danh lợi, cầu sung sướng, đủ thứ đâu chẳng phải là điên đảo ? Bạn tham cái này, cái kia, kết quả lại thế nào ? Đến lúc vẫn

phải chết như nhau. Khi chết, một chút gì cũng chẳng mang theo được, đó chẳng phải là ngu si chăng ? Nếu ngu si như thế, thì phải làm thế nào ? Y chiếu theo Kinh Pháp Hoa : Thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi ngu si đi rồi, thì trí huệ sẽ đến. Ai biết được mình ngu si, thì người đó mới chân chánh nhận thức được mình, đã có trí huệ, thì mới cảm thấy mình là ngu si, càng chạy càng xa. Mình vốn là ngu si, mà tự cho rằng là thông minh, đó chẳng phải là ngu si lại thêm ngu si chăng ? Một cái ngu si vốn chưa đủ, mà biến thành hai cái ngu si. Nếu bây giờ chúng ta không muốn ngu si, thì phải thường niệm cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Đây là cách diệu nhất, linh nhất, tuyệt đối diệu không thể tả.

Nói về ngu si và trí huệ. Gì là ngu si ? Gì là trí huệ ? Tôi nói về một đạo lý, mà chắt các vị chẳng tin : ''Ngu si tức là trí huệ, trí huệ tức là ngu si.'' Tại sao lại nói như thế ? Ở trong Kinh Bát nhã có nói :''Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc.'' Cảnh giới này nói rõ về chân sắc, là từ chân không sinh ra, chân không là từ chân sắc mà có, cho nên hai mà chẳng hai. Trí huệ và ngu si cũng như đạo lý đó. Nếu bạn dùng được thì càng ngu si. Ngu si và trí huệ cũng chẳng phải hai, xem thử bạn có dùng được chăng ? Nếu bạn dùng được, thì ngu si cũng biến thành trí huệ, nếu chẳng dùng được, thì trí huệ sẽ biến thành ngu si. Nếu bạn thật sự minh bạch đạo lý này, thì chẳng điên đảo.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm có những sức đại oai thần như thế, làm nhiều sự lợi ích, cho nên chúng sinh thường hay niệm. Nếu có người nữ muốn cầu con trai, mà lễ lạy cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ sinh được con trai phúc đức trí huệ. Nếu muốn cầu con gái, thì sẽ sinh được con gái đoan chánh xinh đẹp, thuở xưa đã từng trồng gốc công đức, được mọi người kính mến.

Đức Phật giảng đoạn kinh ở trên xong rồi, lại gọi một tiếng Bồ Tát Vô Tận Ý nói :''Bồ Tát Quán Thế Âm như ở trước có nói, có các thứ sức oai thần cứu bảy nạn, giải ba độc, Ngài còn có thần thông diệu dụng lợi ích chúng sinh, cho nên trong tâm chúng sinh thường hay niệm Bồ Tát Quán Thế Âm''. Chỗ này mọi người đều phải đặc biệt chú ý ! ''Tâm thường hay niệm'' : Chẳng phải miệng niệm mà tâm không niệm. Nếu tâm niệm mà miệng không niệm cũng được. Tóm lại, phải từ từ, vĩnh viễn nhớ danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. ''Nếu có người nữ muốn cầu con trai''. Nếu như có người phụ nữ muốn cầu sinh được một cậu con trai, thì hãy chiếu theo pháp môn đã nói ở trong Kinh Pháp Hoa, tức là phải lễ lạy và

dùng hương hoa trái cây, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên sẽ được con trai đầy đủ phước đức trí huệ. Nếu cầu con gái thì sẽ sinh được con gái tướng mạo xinh đẹp. ‘’Trước đã trồng gốc công đức, được mọi người kính mến. Tại sao lại có tướng đoan chánh xinh đẹp ? Đó đều là do đời trước, hoặc đã từng mua hương hoa, dùng các thứ đồ trang nghiêm, cúng dường chư Phật Bồ Tát, do công đức cúng dường tích tụ trong quá khứ, cho nên cảm ứng đời đời được tướng mạo viên mãn trang nghiêm, ai thấy cũng ưa mến.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần như thế. Nếu có chúng sinh cung kính lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước chẳng tổn giảm, cho nên chúng sinh đều hay thọ trì, danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

Vô Tận Ý ! Nếu có người thọ trì, sáu mươi hai ức Hằng hà sa danh hiệu các Bồ Tát, lại suốt đời cúng dường thức ăn uống, quần áo, đồ nằm, thuốc thang. Ý ông như thế nào ? Người thiện nam, thiện nữ đó, công đức có nhiều chăng ?

Vô Tận Ý nói : Rất nhiều, bạch đức Thế Tôn !

Đức Phật nói : Nếu lại có người, thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cho đến một thời lễ lạy cúng dường, thì phước của hai người đó, bằng nhau không khác, ở trong trăm ngàn vạn ức kiếp không thể hết được.

Đức Phật nói xong cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai cầu ở trên rồi, bây giờ lại nói : ''Vô Tận Ý ! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này, có sức oai thần như đã nói ở trên. Nếu có chúng sinh hay cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm, phát tâm lễ lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước của họ chắc chắn tồn tại, chẳng luống qua. Vì vậy cho nên, có những chúng sinh hay thọ trì tụng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.'' Nếu trong tâm của bạn thường trì niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì được hết thảy phước báo không thể nghĩ bàn, vi diệu khó dò.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ''Vô Tận Ý ! Nếu như có người, thọ trì sáu mươi hai ức Hằng hà sa số danh hiệu các Bồ Tát. Chẳng những chỉ niệm và còn suốt đời dùng hương, hoa, đèn, trái cây, hoặc dùng thức ăn uống, quần áo, đồ nằm, thuốc thang, bốn thứ cúng dường Tam Bảo.

Ý của ông Vô Tận Ý nghĩ như thế nào ? Vị thiện nam tử, thiện nữ đó, đắc được công đức có nhiều chăng ?''

Phật hỏi xong rồi, thì Bồ Tát Vô Tận Ý trả lời rằng: ''Công đức đó rất nhiều.'' Phật nghe Bồ Tát Vô Tận Ý nói rồi bèn nói : ''Nếu như có người khác hay niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, đừng nói người đó suốt đời cúng dường, mà dù trong khoảng thời gian rất ngắn, lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước báu của hai người này đồng nhau, trong trăm ngàn vạn ức kiếp, phước báu đó cũng không hết được.

Vô Tận Ý ! Thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, được lợi ích phước đức vô lượng vô biên như thế.

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Quán Thế Âm vân du thế giới Ta Bà này như thế nào ? Vì chúng sinh thuyết pháp như thế nào ? Sức phương tiện việc đó thế nào ?

Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý : Thiện nam tử ! Nếu có những chúng sinh trong cõi nước, đáng dùng thân Phật độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bích Chi

Phật độ được, thì liền hiện thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì liền hiện thân Thanh Văn, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Phạm Vương độ được, thì liền hiện thân Phạm Vương, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Đế Thích độ được, thì liền hiện thân Đế Thích, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân trời Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Tự Tại, để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân trời Đại Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Đại Tự Tại, để vì họ nói pháp.

Đức Phật lại gọi một tiếng Bồ Tát Vô Tận Ý nói : ''Thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, sẽ đắc được phước đức lợi ích chẳng có số lượng, chẳng có bờ bến như ở trên đã nói.''

Bồ Tát Vô Tạn Ý nghe Phật nói như thế bèn hỏi Đức Phật : ''Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm đó giáo hóa chúng sinh ở thế giới Ta Bà như thế nào ? Làm thế nào để vì chúng sinh nói pháp? Phương tiện nhân duyên Ngài giáo hóa việc đó thế nào ?''

''Thế giới Ta Bà'' là gì ? ''Ta Bà'' là tiếng Phạn, dịch là ''kham nhẫn'', tức cũng là hay nhẫn nhục, nghĩa là nói thế giới này rất khổ, chẳng dễ gì nhẫn thọ.

Đức Phật nghe Bồ Tát Vô Tận Ý hỏi như thế, bèn trả lời : ''Thiện nam tử ! Nếu như có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đáng dùng thân Phật độ được họ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn thị hiện thân Phật, để vì chúng sinh đó nói pháp.''

Giảng đến đây có người hỏi : ''Bồ Tát Quán Thế Âm là Bồ Tát chẳng thành Phật, sao có thể hiện thân Phật để vì chúng sinh nói pháp ? Có phải là mạo xưng Phật chăng ?'' Chẳng phải. Vì Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong vô lượng kiếp quá khứ, sớm đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Sau khi thành Phật, vì chẳng quên chúng sinh, cho nên Ngài lại đến thế giới này ẩn thân Phật, mà hiện ra thân Bồ Tát để cứu hộ chúng sinh, đây gọi là ẩn lớn hiện nhỏ. A la Hán là hồi tiểu hướng đại, Bồ Tát Quán Thế Âm là hồi đại hướng tiểu. Ngài từ thân Phật mà đảo giá từ thuyền, mục đích vì tiếp dẫn chúng ta tất cả chúng sinh khổ não. Cho nên, Bồ Tát Quán Thế Âm tuy bên ngoài hiện thân Bồ Tát, nhưng kỳ thật bên trong ẩn hạnh chư Phật, ở bên trong là hạnh nguyện của chư Phật, hành vi của chư Phật. Sở dĩ Bồ Tát Quán Thế Âm hóa hiện thân Phật, là để vì chúng sinh nói pháp, chứ chẳng phải là mạo xưng Phật để lừa gạt chúng sinh.

Tiếp theo Phật lại nói : ''Người đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Bích Chi

Phật, để vì họ nói pháp.'' Bích Chi Phật nguyên tiếng Phạn là ''Bích Chi Ca La'', dịch ra là ''Duyên giác''. ''Duyên Giác'' lại phân ra có hai : Khi sinh vào thời có Phật ra đời, thì gọi là Duyên Giác, khi sinh vào thời chẳng có Phật ra đời, gọi là Độc giác. Khi có Phật ra đời thì tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, Ngài quán sát làm sao lại có vô minh ? Vô minh rồi sao lại có hành ? Sao lại có thức ? Sao lại có danh sắc ? Có lục nhập ? Sao lại có xúc ? Sau đó có thọ ? Thọ rồi lại có ái ? Có ái thì có thủ ? Vì có ''hữu'', tức cũng có ''sinh'' ? Có đời sau, tức cũng có lão tử ? Suốt ngày quán sát mười hai nhân duyên như thế, biết tất cả đều là khổ, không, vô thường, vô ngã, cho nên buông xả tất cả, thì sẽ khai ngộ. Do quán mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, cho nên gọi là ''Duyên giác''. Lúc sinh ra vào thời không có Phật ra đời, cũng tu mười hai nhân duyên này, và còn quán mùa xuân trăm hoa đua nở, mùa thu quán lá vàng rơi, quán sát đủ thứ trạng thái biến hóa tự nhiên, cho nên giác ngộ được sinh, trụ, dị, diệt; thành, trụ, hoại, không, đủ thứ tình hình chẳng phải một, chẳng phải vô thường, cũng do đó mà giác ngộ, đây gọi là ''Độc Giác'', sự khác biệt giữa Duyên Giác và Độc Giác là, có và không có Phật ra đời, cho nên tên gọi khác.

Bồ Tát Quán Thế Âm vì có ngàn mắt chiếu thấy, ngàn tai nghe được, biết chúng sinh nào đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, thì hiện ra thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp : ''Bạn có biết vô minh từ đâu đến chăng ? Tức là từ một niệm không giác của bạn mà đến. Vì một

niệm không giác, cho nên trong tính Như Lai tạng của bạn sinh ra vô minh. Có vô minh rồi, tiếp theo sinh ra ''hành'', .v.v... Đó là đáng dùng thân Bích Chi Phật, để vì họ nói pháp, khiến cho họ khai ngộ, sau đó họ mới phát tâm bồ đề, hồi tiểu hướng đại.

''Người đáng dùng thân Thanh Văn độ được, thì liền hiện thân Thanh Văn để vì họ nói pháp''. Thanh Văn gọi là gì ? Thanh Văn cũng là A la hán, Duyên Giác cũng là A la hán, đây là người nhị thừa. Thanh là âm thanh, văn là nghe, tức là nghe được âm thanh của Phật mà ngộ đạo. Phật nói âm thanh gì ? Nói pháp bốn đế, nghe âm thanh này mà ngộ đạo, nên gọi là ''Thanh Văn''. Pháp bốn đế là khổ, tập, diệt, đạo. Đức Phật ban đầu vì năm vị Tỳ Kheo, ba lần chuyển bánh xe pháp bốn đế :

''Đây là khổ, tính bức bách
Đây là tập, tính chiêu cảm
Đây là diệt, tính khả chứng
Đây là đạo, tính khả tu''.

''Đây là khổ, tính bức bách'' : Nói sự khổ có tính bức bách mãnh liệt, khiến cho người thọ chẳng thấu. Khổ: Có khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ, còn có khổ về sinh, già, bệnh chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh, tám thứ khổ. Hết thảy những thứ khổ này, bức bách con người; khiến cho con người suốt ngày phiền não khó chịu. Tất cả mọi vấn đề đều do khổ mà sinh ra, cho nên nói khổ là tính bức bách.

‘’Đây là tập tính chiêu cảm’’ : Tập là tập tụ tích lũy, tập tụ những gì lại với nhau ? Tập tụ phiền não lại với nhau. Tại sao lại có phiền não ? Vì có ‘’khổ’’. Trước hết có khổ, bị khổ đè nén thọ chẳng thấu, thì sinh ra phiền não, thì sinh nóng giận. Cho nên nói, phiền não là tính chiêu cảm, do tụ tập mà thành, tức cũng từ ‘’khổ’’ mà có ‘’tập’’.

‘’Đây là diệt tính khả chứng’’ : Diệt tức là tịch diệt, tịch diệt phiền não vô minh. Tịch diệt an vui, Niết Bàn diệu quả có thể chứng đắc.

‘’Đây là đạo tính khả tu’’ : Đạo này ai ai cũng có thể tu, chẳng có người nào không thể tu đạo được. Bất cứ ai cũng có thể tu đạo, bất cứ ai cũng có thể chứng được lý thể Niết Bàn. Đây là chuyển bánh xe pháp lần thứ nhất.

Đức Phật chỉ là hiện thân thuyết pháp, vì năm vị Tỳ Kheo nói pháp bốn diệu đế này, tiếp theo lại nói :

‘’Đây là khổ, ông nên biết,
Đây là tập, ông nên đoạn,
Đây là diệt, ông nên chứng,
Đây là đạo, ông nên tu.’’

Nghĩa là: ‘’Sự khổ này, chẳng phải chỉ mình ta thành Phật mới biết, ông cũng nên biết sự khổ này. Ông cũng nên đoạn trừ tập đế, nên cầu chứng Niết Bàn diệu

quả, cũng nên tu hành bồ đề giác đạo này.'' Đây là lần thứ hai chuyển bánh xe pháp.

Phật nói lần thứ ba chuyển bánh xe pháp :

''Đây là khổ, ta đã biết
Đây là tập, ta đã đoạn
Đây là diệt, ta đã chứng
Đây là đạo, ta đã tu.''

Sự khổ này ta đã biết, tập này ta đã đoạn. Ta biết khổ thì chẳng còn bị khổ làm mê hoặc, ta đoạn sạch phiền não, tức cũng chẳng còn tập đế. Đây là diệt ta đã chứng đắc, ta đã đắc được sự vui tịch diệt thật sự. Đây là đạo ta đã tu hành rồi.

Năm vị Tỳ Kheo nghe Phật ba lần diễn nói chuyển bánh xe pháp bốn đế rồi, lúc đó lập tức khai ngộ. Vì nghe tiếng của Phật mà ngộ đạo, nên gọi là ''Thanh Văn''. Thanh Văn và Duyên Giác lại gọi là ''Nhị thừa'', cũng gọi là tiểu thừa. Có đại thừa, cũng có tiểu thừa. Đại là gì ? tiểu là gì ? Vốn chẳng có đại, cũng chẳng có tiểu, chỉ vì trong tâm chúng sinh có đại, có tiểu. Tâm lượng vốn tận cùng hư không khắp pháp giới, bất quả phàm phu chúng ta chẳng thể dùng tính Như Lai tạng của mình vốn có. Có người chỉ dùng một phần nhỏ, có người dùng một phần lớn, có người dùng toàn bộ. Chư Phật thì dùng toàn bộ, vì đã trở về cội nguồn cội. Bồ Tát thì dùng một phần lớn, vì Bồ Tát có đại trí huệ, cho nên xử dụng một phần

lớn tính Như Lai tạng vốn có. Tiểu thừa biết ít nên cũng dùng ít. Do đó, Bồ Tát Quán Thế Âm gặp cơ duyên, người đáng dùng thân Thanh Văn được độ, thì cũng hiện ra thân Thanh Văn để vì họ nói pháp bốn Thánh Đế.

''Người đáng dùng thân Phạm Vương độ được họ, thì liền hiện thân Phạm Vương để vì họ nói pháp''. Phạm Vương tức là Đại Phạm Thiên Vương, ông ta là hoàng đế ở trên trời Đại Phạm. ''Phạm'' nghĩa là thanh tịnh. Ông ta làm vua ở trên trời cảm thấy rất tự tại, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân Đại Phạm Thiên Vương để vì họ nói pháp.

''Người đáng dùng thân Đế Thích độ được, thì liền hiện thân Đế Thích, để vì họ nói pháp''. Đế Thích, trong Kinh A Di Đà gọi là Thích Đề Hoàn Nhân, ở trong đạo giáo gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Đế Thích không chỉ là một, mà có rất nhiều vị. Cõi trời này mà chúng ta thấy biết gọi là trời Đao Lợi. Đế Thích của trời Đao Lợi tức cũng là Thiên Chúa mà một số người tín ngưỡng. Trong chú Lăng Nghiêm có một câu là : Nam Mô Nhân Đà La Gia, ''Nhân Đà La Gia'' cũng là một tên gọi khác của Thiên Chúa. Hết thảy mọi việc trên trời, đều do vị Đế Thích này thống lãnh và cai quản, năng lực của ông ta rất là quảng đại, quyền lực cũng lớn mà thần thông cũng lớn, song ông ta chỉ ở trên trời, mà tuổi thọ của người trời tương lai cũng có lúc hết. Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn thấy chúng sinh, đáng dùng thân trời Đế Thích độ được, thì hóa hiện ra thân Đế Thích để vì họ nói pháp. Tại sao phải

hiện thân Đế Thích để nói pháp ? Vì đồng loại thì dễ dàng tiếp thọ sự dạy bảo, giống như loài người chúng ta cũng thế. Bất cứ hạng người nào, thì dễ làm bạn với hạng người đó. Người làm ăn thì làm bạn với người làm ăn, người đi học thì làm bạn với người đi học, người học Phật thì làm bạn với người học Phật, người đánh bạc thì tìm người đánh bạc làm bạn, kẻ ăn trộm thì làm bạn với người ăn trộm. Vì quan hệ như thế, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm thường hóa hiện ra thân đồng loại với chúng sinh, thị hiện phương tiện khiến cho chúng sinh, dễ dàng tiếp thọ độ hóa. Song, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chỉ dùng thần thông biến hóa, để hiện thân thuyết pháp, và chẳng nhất định tầm thanh cứu khổ mới ứng hóa, thậm chí Ngài phân linh để đến thế giới này làm người, cũng tu học Phật pháp, sau đó mới giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh. Ví như đối với hạng học sĩ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm hóa thân làm một vị giáo thọ, để vì họ diễn nói Phật pháp khéo dụ, dần dần khiến cho một số học giả cảm thấy hứng thú đối với Phật pháp, tăng thêm niềm tin, mà phát tâm quy y, thọ trì một giới, hai giới, năm giới, cho đến mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh của Bồ Tát, sau đó y chiếu theo pháp môn của Bồ Tát Quán Thế Âm mà tu hành, lại biến ra một Bồ Tát Quán Thế Âm, lại thêm một hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Làm sao có thể có ‘’Ngàn trăm ức hóa thân’’? Tức là bạn mô phỏng Ngài, học tập theo Ngài, thì biến thành hóa thân của Ngài. Do đó, ‘’Pháp chẳng có pháp cố

định'', pháp này chẳng cố định, chẳng chấp trước. Nếu bạn nghĩ chấp trước cố định, thử hỏi chính bạn xem cố định có thể không chết chăng ? Nếu bạn nhất định không chết, thì việc đó cũng đều cố định. Cho nên đạo lý ''trăm ngàn ức hóa thân'', chẳng khó khăn gì, chỉ cần bạn có tâm hằng thường, có nghị lực học tập Bồ Tát Quán Thế Âm, hoằng dương Phật pháp, cứu độ chúng sinh, thì bạn cũng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Có trăm người học Ngài, thì có trăm hóa thân, chỉ cần có người chịu phỏng theo Ngài hoằng dương Phật pháp, thì sẽ có vô lượng vô biên hóa thân, đây là nói về sự, nếu nói về lý tính thì, nếu bạn thành Phật cũng có đầy đủ trăm ngàn ức hoá thân.

''Người đáng dùng thân trời Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Tự Tại, để vì họ nói pháp. Đáng dùng thân trời Đại Tự Tại độ được, thì liền hiện thân trời Đại Tự Tại, để vì họ nói pháp.'' Thân trời Tự Tại là gì ? Tức là thiên ma ngoại đạo. Tôi nói toạt ra cho mọi người biết, thân trời Tự Tại này tức là Thiên Chúa Giáo, Thiên Chúa cơ đốc giáo. Đại Tự Tại Thiên Vương cũng thuộc về loại tôn giáo này. Họ rất cống cao ngã mạn, họ nói chẳng có Phật, chẳng có Pháp, chẳng có Tăng, hủy báng Tam Bảo, tự cho mình là tối cao vô thượng. Tại sao lại như thế ? Vì họ quá tự tại, quá khoái lạc, thật là thân trời Tự Tại ! Song, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng trách loài chúng sinh này, khi cơ duyên của họ thành thục, thì Ngài cũng giảng

giải Phật pháp cho họ nghe, khiến cho họ chuyển mê thành ngộ, trở về nguồn cội.

Người đáng dùng thân thiên đại tướng quân độ được, thì liền hiện thân thiên đại tướng quân, để vì họ nói pháp.

''Thiên Đại Tướng Quân'' này, có hai lối giải thích, một là làm đại tướng quân ở trên trời, và thứ hai là thiên thần ở trên trời.

Khi họ hưởng hết phước trời, thì chuyển xuống nhân gian làm đại tướng quân. Bồ Tát Quán Thế Âm biết nhân duyên của họ có thể độ được, thì liền hiện thân thiên đại tướng quân, để vì họ nói pháp, phá trừ mê hoặc, giác ngộ vô thường, buông xả tất cả khoái lạc thế gian, phát tâm tu hành, cầu chứng khoái lạc chân chánh vô thượng.

Người đáng dùng thân Tỳ Sa Môn độ được, thì liền hiện thân Tỳ Sa Môn, để vì họ nói pháp.

Tỳ Sa Môn tức là tên của một trong bốn vị Thiên Vương, tức cũng là Thiên Vương phương bắc Câu Lưu Châu. Bốn đại bộ châu đều có một vị Thiên Vương, tức là Đông Thiên Vương, Tây Thiên Vương, Nam Thiên Vương và Bắc Thiên Vương. Đáng dùng thân Tỳ Sa Môn độ

được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm hiện ra thân Bắc Phương Thiên Vương để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân ông vua nhỏ độ được, thì liền hiện thân ông vua nhỏ, để vì họ nói pháp.

Thân ông vua nhỏ là chỉ ông vua quản lý một nước, chỉ xưng vua trong một nước. Người đáng dùng thân ông vua nhỏ độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân ông vua nhỏ, để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân trưởng giả độ được, thì liền hiện thân trưởng giả, để vì nọ nói pháp.

''Trưởng giả là gì ?'' Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói, phàm là người có đạo đức, có trí huệ, có danh vọng, quý tộc, niên cao, người trưởng bối, không có ai mà chẳng mến họ, người vãn bối không có ai mà chẳng cung kính họ. Tại sao ai ai cũng đều đối tốt với họ ? Vì họ có tâm từ bi, bình đẳng, nhiệt tâm giúp đỡ mọi người, hết thảy mọi người đều công nhận họ là ''trưởng giả''. Nếu có người đáng dùng thân trưởng giả độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân trưởng giả giàu có, để vì họ nói pháp. Trong Chú Đại Bi có hình tướng đại trượng phu, của Bồ Tát Quán Thế Âm hiện tướng trưởng giả, có râu dài mấy

thước, đoan nhiên chánh tọa, oai phong lẫm liệt, đó tức là tướng trưởng giả giàu có.

Người đáng dùng thân cư sĩ độ được, thì liền hiện thân cư sĩ, mà vì họ nói pháp.

''Người đáng dùng thân cư sĩ độ được'', thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân cư sĩ, để vì người đó nói pháp. Cư sĩ tức là người cư sĩ tại gia, tức cũng là người tại gia tin Phật, giữ gìn năm giới, tu mười điều thiện. Năm giới là gì ? Tức là không sát sinh, không trộm cắp, không ta dâm, không nói dối, không uống rượu. Mười điều lành là gì ? Tức là ngược lại với mười điều ác : Sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Ý có ba điều ác : Tham, sân, si. Miệng có bốn điều ác : Nói dối, nói hai chiều, nói thêu dệt, chưởi mắng. Thân có ba điều ác, ý có ba điều ác, miệng có bốn điều ác, hợp lại là mười điều ác. Chuyển mười điều ác này thì thành mười điều thiện. Mười điều thiện tức là chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói hai chiều, chẳng chưởi mắng.

Bạn chẳng làm ác cũng tức là thiện. Làm cư sĩ thì một mặt phải phụng trì năm giới mười điều lành, một mặt hộ trì Tam Bảo, hộ trì Phật pháp, đề xướng Phật giáo, khiến cho Phật giáo ngày càng hưng thạnh, đó là trách nhiệm của mỗi cư sĩ chúng ta, trách nhiệm của người xuất gia là hoằng dương Phật pháp.

Người đáng dùng thân tể quan độ được, thì liền hiện thân tể quan, để vì họ nói pháp.

Tể tức là tể hạt vạn hóa, nghĩa là làm tể tướng, hoặc là chức quan lớn khác. Người đáng dùng thân làm quan độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân làm quan, hoặc thân tể tướng, để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân Bà la môn độ được, thì liền hiện thân Bà la môn, để vì họ nói pháp.

Đáng dùng thân bàng môn tả đạo ở Ấn Độ, chí tu phạm hạnh thanh tịnh Bà la môn độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn hiện thân ngoại đạo Bà la môn, để vì chúng sinh nói pháp, khiến cho họ minh bạch Phật pháp, y giáo phụng hành, tương lai sẽ thành Phật đạo.

Người đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, độ được, thì liền hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, để vì họ nói pháp.

Tỳ Kheo là tiếng phạn, dịch ra gồm có ba nghĩa :

1). Bố ma : Vì có người xuất gia tu đạo, thọ giới cụ túc, nên quyến thuộc của ma giảm bớt, cho nên khiến cho ma vương sợ hãi.

2). Khất sỉ : Người Tăng sĩ xuất gia, trên khất (xin) pháp của chư Phật để nuôi pháp thân; dưới khất (xin) thức ăn của chúng sinh, để nuôi dưỡng sắc thân.

3). Phá phiền não : Xuất gia tu đạo, y giáo phụng hành, sẽ phá trừ vô minh phiền não, thấy tánh thành Phật, nên gọi là phá phiền não. Tỳ Kheo ni tức là người nữ xuất gia thọ giới cụ túc. Cư sĩ nam, cư sĩ nữ. Tiếng Phạn gọi là ưu bà tắc, ưu bà di, nghĩa là cư sĩ nam, cư sĩ nữ gần gũi Tam Bảo, thường đến chùa lễ Phật, tụng kinh, quét dọn, cúng dường Tam Bảo, làm công đức, làm phước. Bồ Tát Quán Thế Âm thấy tất cả chúng sinh này, đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, độ được, thì liền hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, để vì những chúng sinh đó nói pháp.

Người đáng dùng thân phụ nữ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà la môn, độ được, thì liền hiện thân phụ nữ, để vì họ nói pháp.

Trưởng giả cũng bao quát vợ của trưởng giả, cư sĩ cũng bao quát vợ của cư sĩ, tể quan cũng bao quát vợ của tể quan, Bà la môn cũng bao quát vợ của Bà la môn. Trưởng giả cũng có nữ trưởng giả, cư sĩ cũng có nữ cư sĩ, tể quan cũng có nữ tể quan, Bà la môn cũng có nữ Bà la môn. Do đó, nếu có người đáng dùng đủ thứ thân phụ nữ độ được, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn hiện ra thân phụ nữ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà la môn, để vì họ nói pháp.

Người đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ, độ được, thì liền hiện thân đồng nam, đồng nữ, để vì họ nói pháp.

Bồ Tát Vi Đà trong quá khứ phát nguyện, đời đời kiếp kiếp muốn làm đồng nam, còn Long Nữ Bồ Tát trong quá khứ, cũng phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm đồng nữ, chẳng muốn kết hôn.

Nói về sinh lý của con người thì, đồng nam đồng nữ tức là chẳng phá hoại thân thể. Một khi nam nữ khác tính tiếp xúc với nhau, thì thân thể chẳng còn nguyên vẹn, trên văn pháp Trung Quốc gọi đó là ''phá thân'', tức là thân thể phá hoại. Nếu không trải qua hành vi tính nam nữ đó, tức là thân thể còn nguyên vẹn. Ở Trung Quốc, có một thứ công phu đánh chưởng gọi là đồng tử công, đồng tử công tức cũng là thân thể của họ nhất định phải nguyên vẹn, chẳng bị phá hoại. Thứ công phu này, một khi luyện thành công, thì đao chém chẳng đứt, thương đâm chẳng lủng, đao thương chẳng làm gì được. Tại sao vậy ? Tức là ''Nội luyện nhất khẩu khí'' : Vì bên trong họ nhờ một luồng chánh khí, chẳng bị sự phá hoại, ''Ngoại luyện cân cốt bì'' : Bên ngoài thì luyện gân cốt và da thịt. Cho nên hay sinh ra tát dụng lớn như thế.

Trong Phật giáo, thân đồng nam, đồng nữ là thanh tịnh nhất, chẳng có ô nhiễm, nếu tu đạo hoặc tham thiền, thì sớm sẽ thành tựu, mau khai ngộ, đắc được thiên nhãn.

Do đó, đồng trinh nhập đạo là quý báu nhất. Đồng nam thuộc về (quẻ) càn. Càn tức là thuần dương. Đồng nữ thuộc về (quẻ) khôn, tức thuộc về thuần âm. Một thuần dương, một thuần âm, cho nên ở trong đạo giáo mà nói, thì đây là thân thể thanh tịnh nhất. Bồ Tát Quán Thế Âm quán nhân duyên, nếu người nào đó đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ, tu hành đắc đạo, thì Bồ Tát Quán Thế Âm bèn hiện thân đồng nam, đồng nữ, để vì họ nói pháp, khiến cho họ phát bồ đề tâm, sớm thành tựu Phật đạo.

Người đáng dùng thân trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, độ được, thì liền hiện ra các thân đó, để vì họ nói pháp.

Rồng có rất nhiều loại, có rồng ở trên trời, có rồng ở trong biển, có rồng giữ kho tàng. Rồng trên trời làm hộ pháp ở trên trời, rồng trong biển là ở trong cung rồng làm thủ lãnh cá, rùa, tôm, cua; còn gọi là rồng làm mưa. Rồng giữ kho tàng, tức là rồng bảo vệ châu báu. Thời xưa có rất nhiều rồng, bây giờ một số người chẳng nhìn thấy, bèn nói là không có. Kỳ thật, rồng rất nhiều. Vào thời Lục Tổ Huệ Năng, có một con rồng độc, chuyên môn phun hơi độc. Ai mà trúng chất độc này, thì sẽ sinh bệnh, thậm chí chẳng trị được mà chết. Đương thời, nền đất thiền

đường Chùa Nam Hoa, vốn là một đầm rồng độc, diện tích cái đầm này lớn khoảng một mẫu, chẳng có ai biết đầm rộng đó sâu bao nhiêu, trong đó lại có một con rồng, con rồng này, chẳng phải là rồng tốt mà là rồng độc, chuyên môn hại người, nhất là làm cho những người tu hành ở chùa Nam Hoa thường thường sinh bệnh, không thể tu hành. Một lần nọ, Lục Tổ Huệ Năng đến đầm đó thì nó hiện thân lớn, chật đầy cái đầm rộng một mẫu. Lục Tổ nhìn thấy bèn cười nói : ''Ê ! Ngươi chỉ có bản lãnh hiện thân lớn, mà không thể hiện thân nhỏ, nếu chỉ hiện thân lớn, thì chẳng có bản lãnh bao nhiêu.'' Con rồng nghe rồi bèn ẩn thân lớn hiện ra thân nhỏ, dài khoảng một tất, ở trong nước bơi tới bơi lui. Lục Tổ nói : ''Ê ! Ngươi có chút bản lãnh, có thể hiện lớn, có thể hiện nhỏ, nhưng không dám nhảy vào trong bình bát của ta.'' Lúc đó, con rồng nghe rồi, bèn nhảy vào trong bình bát của Lục Tổ. Lục Tổ nói : '' Đây là ngươi tự động vào, nhưng ra không được''! Con rồng dùng mọi cách nhảy ra ngoài, nhưng chẳng cách chi nhảy ra được. Lục Tổ bèn nói với nó : ''Ngươi hà tất phải vùng vẫy, sao đời này ngươi lại biến thành thân rồng ? Vì đời trước ngươi vốn là người tu hành, cũng có căn lành, từng nghe Phật pháp, bất quá tâm sân của ngươi quá nặng, tính nóng giận quá lớn, đây là thừa cấp giới hoãn (tu theo đại thừa mà chẳng giữ giới), cho nên hiện nay ngươi mới đọa làm thân rồng. Ngươi đừng cho rằng bản lãnh của mình là lớn, có thể biến lớn biến nhỏ, biến có biến không ! Nhưng bây giờ ngươi đã ở trong

bình bát của ta, thì không thể ra được.'' Rồng nghe những lời đó rồi, tức cũng bị hàng phục, chẳng thể ra ngoài được nữa. Do đó, Lục Tổ nói pháp cho nó nghe, nó nghe pháp hiểu rõ rồi, lập tức thoát khỏi thân rồng. Tro cốt con rồng này, được giữ ở chùa Nam Hoa rất lâu, về sau vì chiến tranh binh lửa, nên cốt con rồng cũng mất đi. Đó là một đoạn nhân duyên Lục Tổ Huệ Năng hàng phục rồng độc ở chùa Nam Hoa.

Vào đời Đường ở Trung Quốc, có một thừa tướng tên Ngụy Chưng, ông ta tuy làm thừa tướng ở nhân gian, mà cũng có thể lên trời làm quan. Đương thời, có Tiểu Bạch Long, vì làm mưa sai trật, Ngọc Hoàng kêu y mưa xuống lượng nước một thốn ba tấc, song y mưa xuống lượng nước một thước ba thốn, cho nên ruộng nương đều bị ngập lụt, đây là phạm pháp luật trên trời, trên trời phái Ngụy Chưng đi chém Tiểu Bạch Long. Song, Tiểu Bạch Long biết tin tức đó, nên trước hết y đi báo mộng cho vua Đường Thái Tông, nói với Đường Thái Tông rằng : ''Ngày mai ông hãy cứu tôi, ông cũng là rồng, mà tôi cũng là rồng, do đó ông hãy cứu mạng rồng này.'' Đường Thái Tông nói : ''Ông và tôi đều là rồng, vậy chúng ta là anh em, ông có việc gì tôi nhất định phải giúp đỡ, tôi nên làm thế nào mới có thể cứu ông ?'' Rồng nói : ''Hôm nay tôi phạm pháp luật ở trên trời, vì mưa xuống sai, ngày mai phải chịu quả báu chém đầu, mà người chém tôi, chính là thừa tướng Ngụy Chưng. Ngày mai chỉ cần ông lưu giữ ông ta lại, cần ông ta hầu ông, đừng sai

ông ta làm việc gì cả, như thế thì ông ta chẳng giết được tôi.'' Vua Đường Thái Tông nói : ''Cái đó thì dễ ! Ta là hoàng đế, ông ta làm quan cho tôi, thì ông ta nhất định nghe lời của ta, ông đừng có lo lắng.'' Do đó, ngày thứ hai vua Đường Thái Tông bèn kêu Ngụy Chưng đến đánh cờ. Vua Thái tông nghĩ : ''Ta và ông ấy đánh cờ, thì ông ta không thể lìa khỏi mình được, chắc chắn chẳng đi chém Tiểu Bạch Long kia''. Do đó, hai người đánh cờ với nhau, đánh đến trưa thì thừa tướng Ngụy Chưng bèn ngủ gục. Đường Thái Tông rất vui mừng nghĩ : ''Ông ta đã ngủ, thì chắc chắn chẳng đi chém đầu Tiểu Bạch Long, bây giờ chẳng còn lo lắng nữa.'' Không ngời thừa tướng Ngụy Chưng ngủ, mà thần thức của ông ta xuất ra đi lên trời, dùng thượng phương bảo kiếm chém đầu Tiểu Bạch Long. Sau đó lại trở về tiếp tục đánh cờ với vua Đường Thái Tông, khi đã quá ngọ thì kết thúc ván cờ đó. Vua Đường Thái Tông tự nghĩ rằng Tiểu Bạch Long đã nói với mình, chỉ cần quá ngọ thì thừa tướng Ngụy Chưng chẳng giết y nữa. Do đó, cho rằng : ''Mình đã cứu được anh em của mình, đây là việc công đức không nhỏ.''

Không ngờ đêm hôm đó, Tiểu Bạch Long đến đòi mạng ông ta nói : ''Tôi đã nói chúng ta là anh em, phải cứu tôi mà tại sao ông không cứu tôi ? Để cho tên quan đó giết tôi. Bây giờ tôi phải giết ông để đền mạng cho tôi.'' Vua Đường Thái Tông tỉnh dậy biết Tiểu Bạch Long đến đòi mạng. Ngày thứ hai bèn thảo luận việc này với Từ Mậu Công, Từ Mậu công nói : ''Không quan trọng,

chúng ta đây có hai người Tần Quỳnh và Kính Đức có thể cản được nó. Ngài nên dùng hai người này gát bên ngoài cửa, thì Tiểu Bạch Long chẳng dám đến, Tần Quỳnh là thần tướng mặt vàng, còn Kính Đức là thần tướng mặt đen, sắc mặt của y so với đầu hắc bây giờ còn đen hơn, đen đến nỗi phát quang. Do đó, bèn dùng hai người này giữ cửa, quả nhiên Tiểu Bạch Long tối chẳng dám đến. Về sau, chẳng cần hai người này gát cửa nữa, mà chỉ vẽ hình của hai người này dán lên cửa, để gát cửa cho vua Đường Thái Tông, thì Tiểu Bạch Long vĩnh viễn chẳng dám đến nữa. Cho nên người Trung Quốc mỗi lần qua năm thì vẽ hình của Tần Quỳnh và Kính Đức dán lên cửa, khiến cho yêu ma quỷ quái chẳng dám vào làm loạn.

Nhân quả của loài rồng là vì chúng ''thừa cấp giới hoãn'' (tu đại thừa mà chẳng giữ giới), tu hành rất dụng công, nhưng chẳng giữ gìn giới luật. Vì chúng thừa cấp, cho nên có thần thông biến hóa, lại vì giới hoãn, nên đọa làm súc sinh. Đây là lược nói về rồng.

Dạ xoa cũng gọi là Dược Xoa đề, là tiếng phạn, nghĩa là ''tiệp tật'', tức là chạy nhanh, thậm chí còn nhanh hơn hỏa tiển bây giờ. Loài quỷ này trong một niệm, có thể đến bất cứ nơi nào chúng nghĩ muốn đến.

Càn thát bà, dịch là hương thần, dùng hương làm thức ăn, thân tỏa ra mùi hương. Lại dịch là nhạc thần, là thần tấu nhạc của vua Đế Thích, đội mũ ba góc, tay cầm ống tiêu, ống sáo, thân màu đỏ, búi tóc phóng ánh sáng

màu lửa ngọn. Ở Tây Vực gọi là người ca xướng là Càn Thác Bà.

A tu la là tiếng phạn, dịch là ''phi thiên''. Vì chúng có phước trời, mà chẳng có đức trời, tựa như trời mà chẳng phải trời. Lại dịch là ''Vô đoan chánh'', vì dung mạo của chúng rất xấu xí. Chẳng phải chỉ chúng sinh sinh vào loài A tu la, thì mới là A tu la, mà trong sáu đường cũng có rất nhiều loài, A tu la của ngựa rất nặng, do đó có câu ''ngựa hại bầy''. Thứ ngựa này, sống ở trong bầy ngựa không đá con này, thì cũng cắn con kia. Tóm lại, y khiến cho bầy ngựa đồng loại đều chẳng được bình an, có hại cho bầy ngựa, nên gọi là ngựa hại bầy. Đó cũng là một loài A tu la. Và bò cũng là A tu la, bạn thấy trên đầu bò có hai cái sừng dài, hai cái sừng đó dự bị đánh lộn với người. Vì thuở xưa khi làm A tu la, thì trên đầu thường đội cái mũ che đạn, thân cũng mặc giáp, cho nên khi chuyển sinh làm bò, thì cũng chẳng quên được tính A tu la. Chẳng những bò A tu la, mà gà trống cũng là A tu la biến thành. Gà trống mỗi khi gặp gà trống khác thì muốn đá. Chăng những gà A tu la mà con dế mèn cũng là A tu la, chúng đá với nhau, cho đến khi có một con chết mới thôi. Ngoài ra như rắn, chuột, mèo .v.v... phàm là động vật tính tình thích đấu, thích giết, đều thuộc về A tu la. Chúng sinh chuyển sinh làm A tu la tướng mạo rất là xấu xí, bất đoan chánh nhất, mỏ dài như là mỏ heo, lỗ mũi dài như lỗ mũi voi, mắt như mắt bò, tai như tai chuột. Hoặc là thân người mà đầu heo, hoặc là thân người đầu bò, hoặc

thân người đầu ngựa, hoặc thân người đầu cọp, rất là hung ác. Tuy tướng mạo của nam A tu la rất xấu xí, nhưng nữ A tu la rất xinh đẹp. Nữ A tu la có thể nói, ai thấy cũng ưa, cho nên trời Đế Thích một lần nọ, thấy nữ A tu la xinh đẽp, bèn nói với vua A tu la cầu hôn, vua A tu la cũng đáp ứng, gả con gái cho trời Đế Thích.

Tóm lại, A tu la thì thích nóng giận, thích đấu tranh. Người nào thường nóng giận, thì tương lai đều có thể sinh làm A tu la, cũng có thể hiện tại là A tu la. Nếu sửa đổi tính nóng giận, tu hạnh nhẫn nhục, thì sẽ thoát khỏi quan hệ với đường A tu la.

Ca lâu la tức là đại bàng kim sí điểu, chuyên bắt rồng để ăn. Loài chim này lớn cỡ nào ? Hai cánh của nó xoè ra rộng ba trăm do tuần. Do tuần là số mục ở Ấn Độ dùng để đo lường, phân làm đại do tuần, trung do tuần, và tiểu do tuần. Tiểu do tuần có bốn mươi dặm, trung do tuần sáu mươi dặm, đại do tuần tám mươi dặm. Hai cánh chim đại bàng xoè ra, là ba trăm do tuần, tức cũng là hai vạn bốn ngàn dặm. Mỗi khi nó xoè cánh ra, thì quạt nước biển rẽ làm hai, bắt rồng trong biển ăn. Chúng lấy rồng làm thức ăn, lâu dần rồng con rồng cháu gần như bị tuyệt nòi. Vua rồng chẳng có cách nào khác, bèn đến gặp Phật để cầu cứu. Phật bèn cho vua rồng tấm y cà sa, mang về chia cho mỗi con rồng một sợi tơ cột lên thân, thì chim đại bàng chẳng cách chi ăn được rồng nữa. Vì tấm y cà sa của Phật diệu dụng vô cùng, nên giúp cho loài rồng thoát khỏi hoạn nạn. Song, lần này chim đại bàng kim sí đến

tìm Đức Phật nói : ''Ngài cứu loài rồng cố nhiên là việc tốt, song loài chim của tôi đều bị chết đói ! Chúng tôi chỉ có thể ăn rồng, bây giời chẳng có rồng ăn, chúng tôi biết làm thế nào ?'' Phật bèn vì chim đại bàng kim sí nói pháp thọ năm giới. Chim đại bàng nói : ''Tôi không sát sinh có thể được, nhưng tôi chẳng có gì để ăn, chẳng phải là bị chết đói chăng ?'' Phật nói : ''Ngươi không có chết đói, từ nay về sau mỗi ngày vào giờ ngọ, hết thảy đệ tử của ta khi ăn cơm, thì đem chút cơm cho nhà ngươi ăn.'' Cho nên sau này, phàm là đệ tử của Phật khi ăm cơm trưa, đều có đem chút cơm cúng cho đại bàng kim sí điểu ăn. Từ đó, chim đại bàng thọ trì năm giới, chẳng sát sinh nữa và trở thành hộ pháp ở trong Phật giáo, là một bộ trong Thiên Long Bát Bộ.

Về phương diện ăn uống trong Phật giáo, thì sáng sớm là chư thiên ăn, buổi trưa là Phật dùng, buổi chiều là súc sinh ăn, buổi tối là quỷ ăn. Ngạ quỷ vốn chẳng tìm được thức ăn, chúng nhìn thấy chúng ta ăn, chúng cũng nghĩ tưởng ăn, một khi chúng ta ăn vang ra tiếng động khua chén đũa, thì chúng cướp lấy để ăn, song thức ăn đến miệng chúng thì liền biến thành lửa, đó là nghiệp báo quá nặng. Song, trong tâm của loài quỷ thì cho rằng, con người dùng pháp thuật, biến thức ăn thành lửa do chúng cướp được, chẳng cho chúng ăn, do đó chúng sinh tâm sân hận đánh người, hoặc khiến cho người sinh bệnh. Cho nên buổi tối người xuất gia không ăn, vì là giờ của loài quỷ ăn. Sáng sớm là giờ chư thiên ăn, nếu người xuất

gia sáng có dùng cháo, hoặc bánh nướng, thì đem một chút thí cho chư thiên dùng, hoặc cho quỷ mẹ quỷ con.

La sát quỷ mẹ quỷ con, vốn chuyên môn ăn con nít. Tại sao lại gọi chúng là quỷ mẹ quỷ con ? Vì chúng thống lãnh một ngàn người con của chúng, đi khắp nơi tìm bắt con nít để ăn. Có một nhà nọ, vừa mới sinh ra một đứa bé thì bị chúng bắt đi ăn, cứ như thế dần dần biến thành rất nhiều nhà chẳng còn con nít. Do đó, có người đến cầu Đức Phật, hỏi Phật tại sao con nít đều mất hết chẳng thấy. Phải làm cách nào ? Đức Phật biết số con nít đều bị chúng bắt trộm ăn.

Một ngày nọ, Đức Phật bèn bắt con quỷ út nhất, trong số một ngàn con quỷ bỏ vào trong bình bát đậy lại. Khi chúng về nhà thì thấy mất đứa con út của mình, bèn đi khắp nơi tìm cũng chẳng thấy, mới tìm đến chỗ Đức Phật, thì nghe tiếng khóc con của chúng ở trong bình bát vang ra. Chúng bèn đến chỗ bình bát, tìm cách cứu con của chúng ra, song chúng di động bình bát chẳng nổi, bèn về nhà kêu hết chín trăm chín mươi chín con quỷ con đến, để dùng sức di động cái bình bát, song cũng di động chẳng nổi, tơ hào cũng chẳng động đậy, do đó chúng bèn đến cầu Đức Phật nói : ''Tại sao Ngài bắt trộm con của tôi bỏ vào trong bình bát, mà không trả lại con của tôi ?'' Đức Phật hỏi : ''Nhà người có bao nhiêu người con ?'' Chúng đáp : ''Có một ngàn người con''. Phật nói : ''Ngươi có một ngàn người con, mà bây giờ chỉ mất đi có một đứa, mà sao ngươi lại cấp tốc như thế ?'' Chúng nói :

‘’Tuy chỉ mất một, nhưng tôi cũng chẳng muốn thiếu.’’ Phật nói : ‘’Vậy chứ ngươi bắt trộm hết thảy những đứa con nít của người ta đem đi ăn, thì ngươi tính sao ?’’ Quỷ nói : ‘’Tôi chẳng phải muốn ăn con nít, nhưng tôi chẳng có gì để ăn ! Nếu tôi không đi bắt trộm con nít để ăn, thì một ngàn đứa con của tôi đây sẽ bị chết đói.’’ Phật nói : ‘’Từ nay về sau, ngươi đừng bắt trộm con nít để ăn nữa, ngươi nên quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, đừng sát sinh nữa ! Ngươi nghĩ xem, ngươi có một ngàn người con, mà một người con cũng xả bỏ chẳng đặng, ta chỉ bắt nhốt một người con của ngươi, mà ngươi buồn rầu như thế ! Vậy con của mọi người trên thế gian, ngươi bắt trộm ăn, cha mẹ của họ không buồn rầu chăng ? Ngươi đừng có ích kỷ như thế.’’ Do đó, quỷ mẹ quỷ con bèn đáp ứng Đức Phật, quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới. Đức Phật bèn kêu hết thảy đệ tử, khi dùng cơm vào giờ trưa, thì đem ít hạt cơm hoặc chút thức ăn, thí cho quỷ mẹ quỷ con. Cho nên, khi tống thực thì niệm bài kệ rằng :

‘’Đại bàng kim sí điểu
Khoáng dã quỷ thần chúng
La sát quỷ tử mẫu
Cam lồ tất sung mãn.’’

Nghĩa là :

Chim đại bàng cánh vàng
Quỷ thần nơi hoang dã
Quỷ mẹ con la sát

Cam lồ đều no đủ.

Cam lồ là ví dụ ăn bất cứ vật gì, đều ngon ngọt như cam lồ, vô luận có bao nhiêu thì thảy đều no, đó là kệ cúng thí buổi trưa.

Khẩn na la cũng là một trong tám bộ quỷ thần. Chúng cũng là thần âm nhạc của trời Đế Thích; trên đầu của chúng có một cái sừng, nên còn có tên gọi là nghi thần.

Ma hầu la già là gì ? Tức là đại mãng xà, chúng rất hung ác, còn gọi là địa long. Ở tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc chuyên môn ăn thịt mãng xà, loài mãng xà này béo mập như heo, song có khi chúng cũng ăn người. Vì người ăn chúng, nên chúng cũng ăn người.

Vào thời vua Lương Võ Đế, ông ta là Phật giáo đồ, cung kính phụng sự Tam Bảo, song hoàng hậu Hi Thị vợ của vua thì ngược lại, chẳng kính Phật, chẳng kính pháp, chẳng kính tăng. Vì bà ta chẳng tin Tam Bảo, cho nên khi bà ta chết đi rồi, thì đọa làm đại mãng xà, mà mãng xà đó lại nói được tiếng người. Do đó, bèn trở về nhờ vua Lương Võ Đế siêu độ bà ta bèn nói : ''Ông có biết tôi là ai không ? Tôi là vợ của ông hoàng hậu Hi Thị, vì tôi chẳng kính tin Tam Bảo, cho nên phải đọa làm thân mãng xà.'' Vua nghe rồi bèn thỉnh thiền sư Chí Công đến siêu độ bà ta. Bổn lai vị thiền sư này, là người mà bà ta phản đối nhất khi bà ta còn sống, khi bà ta chết rồi làm thân mãng xà, thì lại đến đảnh lễ sám hối với thiền sư Chí Công. Do đó,

thiền sư Chí Công bèn tạo bộ ''Lương Hoàng Sám''. ''Lương Hoàng'' tức cũng là Lương Võ Đế, ''sám'' là sám hối, để cho vua Lương Võ Đế lạy bộ sám này, siêu độ cho vợ của ông ta. Nhờ công đức lạy bộ Lương Hoàng Sám này, mà vợ của vua Lương Võ Đế thoát khỏi thân mãng xà, được sinh về cõi trời.

Khi Phật còn tại thế thì Ma hầu la già quy y Tam Bảo, cho nên chúng cũng là Phật giáo đồ, là hộ pháp.

''Người và chẳng phải người'' : Người là tất cả loài người chúng ta, chẳng phải người là chỉ tất cả súc sinh. Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn xem chúng sinh đáng dùng thân trời rồng bát bộ độ được, thì liền hiện ra thân rồng, hoặc thân Dạ xoa, hoặc thân La sát, hoặc Càn thát bà, hoặc A tu la, hoặc Ca lâu la, hoặc Khẩn na la, hoặc Ma hầu la già các thứ thân hình, hoặc hiện thân người, và tất cả thân súc sinh chẳng phải người, để vì chúng sinh đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thần chấp kim cang độ được, thì liền hiện thân Thần chấp kim cang, để vì họ nói pháp.

''Thần chấp kim cang'' là hộ pháp của Phật giáo. Lai lịch của Thần Kim Cang, là một vị chuyển luân thánh vương trong quá khứ lâu xa về trước. Ngài sinh được một ngàn người con. Làm sao một bà phu nhân mà có thể sinh được ngàn người con ? Vì tuổi thọ của họ rất lâu dài, tuổi thọ lâu dài, cho nên có một ngàn người con cũng chẳng

lấy làm nhiều, song ông vua chuyển luân còn cảm thấy chưa đủ, lại cưới thêm một bà thiếp. Bà vợ thứ hai này sinh được hai người con, do đó tổng cộng có một ngàn lẻ hai người con. Một ngàn lẻ hai người con này, cùng nhau phát nguyện rằng : ''Tương lai chúng ta tu hành thành tựu, thì chúng ta một ngàn anh em phải theo thứ tự mà thành Phật, cho dù Chuyển Luân Thánh Vương cũng chẳng làm, mọi người chúng ta hãy cùng nhau bắt thăm.'' Đức Phật Thích Ca bắt trúng thăm thứ tư. Ngài là vị Phật thứ tư, tương lai vị Phật thứ năm, thứ sáu, đều sẽ lần lượt ra đời ngàn vị Phật trong kiếp hiền. Một ngàn anh em này đều phát nguyện thành Phật. Và hai người con của bà phu nhân thứ hai cũng phát nguyện. Phát nguyện gì ? Một người phát nguyện : ''Một ngàn người anh của chúng tôi đây, bất cứ người anh nào lúc thành Phật, thì tôi sẽ là người đầu tiên đến thỉnh Ngài thuyết pháp, cung kính cúng dường Tam Bảo''. Còn người kia phát nguyện: ''Tôi phát nguyện tương lai làm hộ pháp, khi mỗi người anh của tôi thành Phật, thì tôi sẽ bảo hộ Ngài, hộ pháp của Ngài.'' Do đó, Ngài thành vị Kim Cang Hộ Pháp, trong tay thường cầm chày kim cang để bảo hộ Phật giáo. Mỗi khi có vị Phật ra đời, thì Ngài đến ủng hộ Phật pháp. Ngoài ra, có một vị Đại Phạm Thiên Vương, mỗi lần có vị Phật mới ra đời, thì ông ta là người đầu tiên thỉnh Phật thuyết pháp.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm đó, thành tựu công đức như thế, dùng đủ thứ thân hình đi khắp trong các cõi nước, để độ thoát tất cả chúng sinh. Bởi thế các ông nên một lòng cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Đại Bồ Tát Quán Thế Âm đó, ở trong nạn khẩn cấp sợ hãi, Ngài hay ban cho sự không sợ hãi. Vì thế mà thế giới Ta Bà đều gọi Ngài là bậc thí vô uý.

Khi Đức Phật nói Bồ Tát Quán Thế Âm dùng đủ thứ hóa thân rồi, lại gọi một tiếng : ''Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm thành tựu đủ thứ công đức như ở trên đã nói, Ngài dùng đủ thứ thân hình, đi đến mỗi cõi nước, để độ thoát hết thảy tất cả chúng sinh; vì nhân duyên đó, cho nên các ông tất cả chúng sinh, nên một lòng cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm'', đừng có hai lòng. Nếu có hai lòng, tức là có tâm hoài nghi. ''Một lòng'' tức là chỉ dùng một niềm tin, nếu bạn có hai lòng thì chẳng có cảm ứng, chẳng có công đức, cho nên mới nói : ''Nên một lòng cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm.'' Đại Bồ Tát Quán Thế Âm là vị đại Bồ Tát, hay ở trong sự sợ hãi nạn khẩn cấp, bố thí cho bạn sự không sợ hãi, khiến cho bạn không sinh tâm sợ hãi, vì thế cho nên thế giới Ta Bà này đều gọi Ngài là Bồ Tát bố thí vô úy.

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Nay con xin cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, bèn cởi chuỗi ngọc các châu báu nơi cổ, giá trị trăm ngàn lạng vàng, dâng lên nói rằng : Xin nhân giả hãy nhận sâu chuỗi ngọc châu báu pháp thí này.

Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Đức Phật nói như thế rồi, cũng muốn cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, bèn bạch Đức Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Nay con nên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm có công đức lớn như thế, sức oai thần không thể nghĩ bàn, cho nên tuy con đã thành Bồ Tát, nhưng con còn phải tài bồi phước báu ở trước Bồ Tát Quán Thế Âm, con nên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm.'' Sau khi nói xong rồi, thì Bồ Tát Vô Tận Ý lập tức cởi sâu chuổi ngọc châu báu nơi cổ, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, cũng chẳng có tơ hào tư lự. Chuỗi ngọc là một loại châu báu rất có giá trị, thứ chuổi ngọc này bên trong rỗng không, nên có thể bỏ đồ vào, người xưa thường dùng nó làm đồ trang sức. Sâu chuỗi này giá trị trăm ngàn lạng vàng, đem dâng lên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm nói : ''Xin Nhân giả hãy nhận sâu chuỗi ngọc châu báu pháp thí này.'' Nhân giả tức chỉ người nhân từ có đức, Bồ Tát xưng hô với Bồ Tát thường dùng ''nhân giả''.

Sâu chuỗi ngọc châu báu này, vốn là thuộc về tài thí, tại sao trong kinh văn Bồ Tát Vô Tận Ý nói là pháp thí ? Trong sự bố thí có tài thí, pháp thí, và vô úy thí. Bồ Tát Vô Tận Ý cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì trong tâm của Ngài chẳng cho rằng, chuỗi ngọc đó là vật đắc tiền, Ngài hoan hỉ thành tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài chũng chẳng nghĩ là trị giá bao nhiêu tiền. Song, tại sao trong kinh văn lại nói là : ''Giá trị trăm ngàn lạng vàng?'' Câu này là tôn giả A Nan thêm vào khi kết tập kinh điển. Đương thời, Bồ Tát Vô Tận Ý chẳng nói trị giá bao nhiêu tiền. Ngài dùng chân tâm để cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, giữa đó đây chẳng có quan niệm về ''tiền tài'', cho nên thuộc về pháp thí. Tuy là tài thí, nhưng cũng biến thành pháp thí. Đây là mọi người dùng tâm ấn tâm. Do đó, Ngài yêu cầu Bồ Tát Quán Thế Âm nhận chuỗi ngọc châu báu pháp cúng dường này.

Lúc đó, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chịu thọ nhận. Bồ Tát Vô Tận Ý lại bạch với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng : Nhân giả ! Hãy thương xót chúng tôi, mà thọ nhận chuỗi ngọc này.

Bồ Tát Vô Tận Ý dùng sau chuỗi ngọc châu báu, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, mà Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chịu nhận. Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng

chịu nhận ? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm dưới tòa của Đức Phật Thích Ca, đang ở trong hội nghe Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Quán Thế Âm chưa được Đức Phật hứa khả, nên Ngài biểu thị khách sáo, chẳng chịu nhận sự cúng dường đó, hơn nữa Ngài cũng chẳng có tâm tham, chẳng giống như phàm phu bèn nghĩ ? ''Ồ ! Sâu chuỗi châu báu này quá quý trọng, có người cho mình, sợ rằng thọ nhận trễ thì họ chẳng cúng dường nữa, thì biết làm sao ?'' Là vì Ngài chẳng có tâm lý như thế, cho nên chẳng sợ người ta không cúng dường. Trong tâm của Ngài vốn chẳng có người thí, vật thí, cũng chẳng có người thọ nhận. Bạn cúng dàng cho tôi và không cúng dường cho tôi, xem đều rất bình thường. Đương nhiên trong sự yên lặng, Bồ Tát Vô Tận Ý là có công đức. Song, Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng chịu nhận sự cúng dường đó, do đó Bồ Tát Vô Tận Ý khẩn cầu. Ngài chẳng giống như một số người, thật sự chẳng muốn cúng dường : ''Bạn không nhận thì tôi chẳng cúng dường.'' Cho nên, Bồ Tát Vô Tận Ý lại khẩn cầu Bồ Tát Quán Thế Âm nói : ''Nhân giả ! Hãy thương xót chúng tôi mà thọ nhận sâu chuỗi này.'' Nghĩa là nói : ''Nhân giả ! Bồ Tát đại từ bi, hãy thương xót tôi, thương xót Vô Tận Ý tôi, và chúng sinh bốn chúng này. Tôi cúng dường Ngài sâu chuỗi này, chẳng phải vì cầu phước cho chính tôi, mà là vì bốn chúng đệ tử này, và hết thảy pháp giới chúng sinh, để cúng dường nhân giả. Tôi là đại biểu cho chúng sinh cúng dường Ngài, cho nên xin Ngài hãy thương xót chúng tôi thọ nhận sâu chuỗi này.'' Bốn chúng

là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ. ''Chúng tôi'', tức là hết thảy tất cả chúng sinh.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm, nên thương xót Bồ Tát Vô Tận Ý, và bốn chúng, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, và chẳng phải người, mà thọ nhận sâu chuỗi đó.

Bồ Tát Vô Tận Ý nhất định phải cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, còn Bồ Tát Quán Thế Âm quyết tâm chẳng thọ nhận sự cúng dường đó bèn nói : ''Vật tốt của Ngài, tôi không dám thọ nhận, tôi chẳng có đạo đức gì, Ngài hãy tự giữ lấy.'' Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Bồ Tát Quán Thế Âm nói như thế, càng khẩn trương, thậm chí cuối đầu đảnh lễ để khẩn nài Bồ Tát Quán Thế Âm. Một người chẳng chịu nhận, còn một người nhất định phải cúng dường, hai bên đều kiên trì. Lúc đó, Đức Phật Thích Ca điều giải vấn đề này, bèn nhìn Bồ Tát Quán Thế Âm, cười và nói : ''Bồ Tát Quán Thế Âm, ông nên thương xót Bồ Tát Vô Tận Ý và bốn chúng đệ tử, chẳng chỉ vì bốn chúng đệ tử này, mà còn có trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca Lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và chẳng phải người. Ông nên thương tất cả những chúng đó, mà thọ nhận sự cúng dường. Bồ Tát Vô Tận Ý rất thành

tâm khẩn thiết bố thí pháp, thì ông đừng cự tuyệt hảo tâm của ông ấy !''

Tức thời Bồ Tát Quán Thế Âm thương xót hàng bốn chúng, và các trời, rồng, người, và chẳng phải người, mà thọ nhận sâu chuỗi đó, chia làm hai phần. Một phần dâng lên đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một phần dâng cúng tháp của Phật Đa Bảo.

Vô Tận Ý ! Bồ Tát Quán Thế Âm có thần lực tự tại như thế, đi khắp thế giới Ta Bà.

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Tận Ý dùng kệ hỏi rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Quán Thế Âm thấy Đức Phật điều giải việc này, Ngài cũng nghe lời Đức Phật, thương xót bốn chúng đệ tử và trời rồng tám bộ, thọ nhận sâu chuỗi ngọc châu báu đó. Song, Ngài nhận rồi lại chia ra làm hai phần để cúng dường. Sâu chuỗi có giá trị đắc tiền mà Ngài cũng chẳng cần, Ngài dâng một phần lên cúng dường Đức Phật Thích Ca, một phần dâng cúng tháp của Đức Phật Đa Bảo.

Sau đó Đức Phật lại gọi một tiếng : ''Vô Tận Ý ! Vị Bồ Quán Thế Âm đó, có các thứ thần thông diệu dụng,

thần lực tự tại như đã nói ở trên, hết thảy chúng sinh đều nên cúng dường ông ta, cung kính ông ta, niệm danh hiệu ông ta. Vị Bồ Tát Quán Thế Âm hay đi khắp thế giới Ta Bà này, để cứu độ tất cả chúng sinh''. Đức Phật nói xong, thì Bồ Tát Vô Tận Ý lại dùng kệ hỏi Đức Phật.

Câu kệ là vì văn trường hàng ở trên, có chỗ nói rất tỉ mỉ, lại có chỗ nói chẳng tỉ mỉ, cho nên dùng kệ để tường thuật lại. Kệ giống như thơ, phải có cách thức nhất định, hoặc là một câu sáu chữ, hoặc một câu năm chữ, một câu bốn chữ, chẳng nhất định, song phải có số chữ nhất định.

Thế Tôn đủ tướng tốt
Nay con xin hỏi Ngài
Vị kia do duyên gì
Tên là Quán Thế Âm ?

Bồ Tát Vô Tận Ý gọi một tiếng : ''Đức Thế Tôn đầy đủ tướng tốt ! Hôm nay con xin hỏi Bồ Tát Quán Thế Âm, bởi nhân duyên gì mà tên gọi là Quán Thế Âm ?'' Vì tướng mạo của Phật viên mãn nhất, đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, cho nên gọi là Thế Tôn đủ tướng tốt, tức là đầy đủ chẳng thiếu chẳng dư. Lại có thể giải thích là phước đầy huệ đủ, nên gọi là Lưỡng Túc Tôn. Nghĩa là có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, tướng tốt này vi diệu không thể nghĩ bàn.

Đấng đầy đủ tướng tốt
Đáp kệ Vô Tận Ý :
Ông nghe hạnh Quan Âm
Khéo ứng khắp mọi nơi.

Vì Bồ Tát Vô Tận Ý dùng kệ hỏi Đức Phật, cho nên Phật cũng dùng kệ để trả lời.

Đức Phật nói : ''Vô Tận Ý ! Ông có biết việc làm và nhân duyên của Bồ Tát Quán Thế Âm chăng ? Ông nên chú ý lắng nghe, nay ta sẽ vì ông giải thích nói. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng thiện xảo phương tiện, quán căn cơ mà vì họ nói pháp, theo bệnh cho thuốc.''

''Quán căn cơ'' tức là nhìn xem chúng sinh đó căn tính thế nào ? Thích cái gì ? Thì Ngài vì họ mà nói pháp. Giống như ở trước đã nói : ''Người đáng dùng thân Phật độ được, thì liền hiện thân Phật để vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Đế Thích độ được, thì liền hiện thân Đế Thích để vì họ nói pháp .v.v...'' Đây gọi là ''khéo ứng khắp mọi nơi''. Bất cứ căn tính như thế nào, Ngài liền dùng phương pháp phương tiên khéo léo để độ bạn, phương pháp này chẳng nhất định. Chẳng nhất định cho nên trong Kinh Kim Cang có nói :

''Là pháp bình đẳng
Chẳng có cao thấp
Chẳng có pháp nhất định''.

Tức là làm vị pháp sư muốn đi giáo hóa người, cũng phải hiểu nhiều đạo lý và pháp thế gian, thấy loại người nào thì nói thứ pháp đó. Ví như gặp người buôn bán thì nói : ''Hiện nay bạn buôn bán như thế nào ? Gần đây buôn bán có đắc không !'' Gặp người làm công thì nói : ''Anh thật là vất vả ! Hôm nay có ngày nghỉ chăng?'' Nên vì họ nói đạo lý làm công, họ nghe thì tâm nghĩ : ''Thật tế cũng có người biết mình vất vả, bận rộn !'' Sau đó mới vì họ giảng chút Phật pháp, thì họ cảm thấy : ''Thật không sai, nguyên lai Phật pháp là như thế.'' Gặp người đi học thì hỏi họ : ''Anh học về ngành gì ? Khoa học ? Hóa học, hay văn học .... ?'' Giống như hôm nay có một số học sinh đến, Quả tôn giảng cho họ nghe về Phật pháp này, họ nghe rồi rất cao hứng, và bắt đầu có ấn tượng đối với Phật pháp, ở trong não hải của họ bèn có ''Phật''. Một khi chữ Phật vào trong não hải của họ, thì ngày càng sẽ tăng trưởng, tương lai cũng sẽ thành Phật. Đó là khéo ứng khắp mọi nơi, theo bệnh cho thuốc, vì người nói pháp. Do đó có câu :

''Phương tiện khéo léo độ chúng sinh,
Khéo ở trong trần lao làm Phật sự.''

Khéo biến tất cả sự việc trong thế gian thành Phật sự.

Hoằng nguyện sâu như biển
Kiếp số không nghĩ bàn

Hầu nhiều nghìn đức Phật
Phát nguyện lớn thanh tịnh.

Vị Bồ Tát Quán Thế Âm đó, trước kia khi Ngài chưa thành Phật, thì có phát hoằng nguyện đại từ bi. Hoằng thệ đó lớn cỡ nào ? Sâu rộng như biển cả. Ngài trải qua đại kiếp không thể nghĩ bàn, tạo công đức không thể nghĩ bàn, phát nguyện lực không thể nghĩ bàn, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm tất cả hết thảy, đều vi diệu không thể nghĩ bàn. Ngài đã từng hầu cận rất nhiều hàng ngàn ức vị Phật, có thể là hàng vạn ức, mặc dù kinh văn chỉ nói là ngàn ức. Ngài phát nguyện đại từ đại bi như thế, cho nên cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm cao sâu khó dò. Bồ Tát Quán Thế Âm phát nguyên thanh tịnh. Nguyện thanh tịnh là gì ? Thanh tịnh là chẳng có tư tưởng ích kỷ, là một người đại công vô tư. Ngài vì chúng sinh mà phát nguyện, hoàn toàn là phát xuất từ tâm từ bi chân chánh, tâm từ thương chúng sinh.

Ta vì ông lược nói
Nghe tên và thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các cõi.

Đức Phật nói : ''Hiện tại ta vì ông nói sơ lược về công đức của Bồ Tát Quán Thế Âm, người có căn lành mới nghe được danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm.''

Nếu người chẳng có căn lành, thì cho đến tên của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng chẳng nghe được, huống chi nói đến thấy thân. Thấy thân chẳng nhất định nói là thấy được nhục thân của Ngài, tức là thấy được hình ảnh của Bồ Tát Quán Thế Âm, hoặc dùng bùn nắn, hoặc dùng gỗ chạm trỗ, hoặc dùng đá tạo, cho đến vàng, bạc, đồng, thiết, đúc thành tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn thấy những tượng nói trên, thì cũng giống như thấy được nhục thân của Ngài. Chỉ cần trong tâm chúng ta niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, đừng khởi vọng tưởng, thì sẽ tiêu diệt được tất cả sự khổ trong các cõi. Các cõi tức là hai mươi lăm cõi trong dục giới, sắc giới, và vô sắc giới.

Nếu người khởi tâm hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Nhờ sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao.

Giả sử có người khởi tâm hãm hại bạn, ví như bạn bè hợp tác làm ăn với bạn, khi cùng đi với bạn đến đỉnh núi cao ngàn trượng. Vì anh ta muốn một mình chiếm đoạt số tiền của bạn, bèn sinh tâm cướp tiền hại mạng xô bạn rớt xuống chân núi. Lúc đó, chỉ cần bạn thành tâm niệm : ‘’Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát’’, thì có thể bình an vô sự. Nếu như xô bạn rớt suống hầm lửa lớn, thì hầm lửa sẽ biến thành ao nước. Bạn bất tất phải dùng phương pháp khác, cũng chẳng cần niệm chú gì, chỉ một lòng

chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thì sẽ có cảm ứng cứu hộ bạn, sự cảm ứng đó không thể nghĩ bàn. Cho nên chúng ta bất cứ lúc nào, đều nên niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tương lai sẽ được Bồ Tát Quán Thế Âm bảo hộ, cảnh giới cảm ứng đó nói chẳng hết được.

Hoặc trôi dạt biển cả
Rồng cá các nạn quỷ
Nhờ sức niệm Quan Âm
Sóng lớn chẳng ngập chết.

Nếu như bị trôi dạt ở trong biển cả, chẳng thấy bờ bến đâu cả, lúc đó rất là nguy hiểm. Trong biển lớn thường có rồng độc, cũng có quỷ la sát, hoặc cá ăn thịt người, lúc đó rất là nguy hiểm. Nếu bạn gặp những nạn đó, thì nên niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, tức sóng to cách mấy, cũng chẳng ngập chết bạn được, trong sự bất tri bất giác, sẽ đưa bạn vào bờ, hoặc tự nhiên trôi dạt vào chỗ cạn, hoặc gặp thuyền đến vớt lên. Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện cứu nạn nước. Ở trên là nạn lửa. Song, nếu bạn chẳng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì rất là nguy hiểm.

Giảng đến đây, tôi nhớ lại lúc ở Hồng Kông, có một người đệ tử quy y chẳng tốt. Chẳng tốt như thế nào ? Ông ta là người đã từng hại người khác, tên của ông ta là Trương Ngọc Giai, nhà mở tiệm thuốc tây, kiếm được

chẳng biết bao nhiêu là tiền. Tiền của ông ta là từ hại người mà có. Lúc đó, sau khi Nhật đầu hàng rồi, vì trải qua chiến tranh, nên có bệnh truyền nhiễm phát sinh, cho nên lúc đó khắp nước Trung Quốc đều có bệnh ôn dịch lưu hành. Do đó, ông ta và một người giàu khác hợp tác làm ăn, hai người cùng đi trên một chiếc thuyền ra ngoại quốc, mua thuốc tây về Hồng Kông bán lại. Thuyền đến giữa biển, thì ông ta xô người bạn xuống biển, người bạn của ông ta vì chẳng biết niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên bị chết. Do đó, ông ta một mình chiếm đoạt hết số tiền vốn.

Trở về kiếm được rất nhiều tiền. Sau ông ta lại làm thuốc giả để kiếm tiền, do đó mà phát tài. Phát tài rồi sau đó ông ta như thế nào? Đại khái là quan hệ oan tương báo, ông ta mắc chứng bệnh ung thư. Đương thời, sáu ông bác sĩ nổi tiếng ở Hồng Kông đều nói rằng, chỉ trong vòng một trăm ngày, thì ông ta sẽ chết. Do đó, ông ta đăng báo xin cứu mạng nói: "Nếu ai chữa được bệnh của ông ta, bảo trì được sinh mạng của ông ta, thì ông ta sẽ bỏ ra hai chục vạn Mỹ Kim". Lúc đó, hai chục vạn Mỹ Kim ở Hồng Kông rất lớn vô cùng, song cũng chẳng có ai có phương pháp cứu mạng ông ta. Do đó, ông ta đến chùa lễ Phật.

Một ngày nọ ông ta đến chùa Tây Lạc Viên hỏi tôi làm thế nào mới chữa được bệnh. Tôi nói với ông ta : ‘’Ông mắc chứng bệnh này, thì nên làm nhiều việc thiện, cúng dường Tam Bảo gieo trồng công đức. Trước hết ông phải quy Tam Bảo, như thế thì có thể chứng bệnh của ông

sẽ hết.'' Do đó, vào ngày 18 tháng 9 âm lịch ông ta quy y với tôi. Quy y rồi, tôi bèn khuyên ông ta phát tâm làm việc thiện. Đương thời, người xuất gia từ Trung Quốc trốn nạn đến Hồng Kông khoảng hai ba ngàn người, nhưng các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, chẳng có đủ quần áo để mặc, cũng chẳng có chỗ đủ để ở. Cho nên tôi kêu ông ta cúng dường mỗi người xuất gia một xấp vải, và hai chục đồng Hồng Kông, ông ta chịu đáp ứng. Song, ở Hồng Kông có nhiều vị Hòa Thượng, nhất là những vị pháp sư già nghe ông Trương Ngọc Giai quy y với tôi, thì ai nấy đều hiện đại thần thông. Hiện thần thông gì ? Bạn cũng tìm bạn bè, họ cũng tìm người quen đến nói với ông Trương Ngọc Giai, kêu ông ta làm công đức ở chùa của họ. Những vị lão pháp sư đó, đều là người có danh vọng, vì có quyền thế trong Phật giáo, cho nên đi phan duyên với ông Trương Ngọc Giai, do đó ông ta đến những chùa đó làm công đức, còn tôi từng kêu ông ta cho mỗi vị pháp sư, đến từ Trung Quốc hai chục đồng Hồng Kông, nhưng ông ta không cho, chỉ cho có năm đồng và một xấp vải. Vì tôi đã nói với những người xuất gia đó, là cho hai chục đòng, bây giờ ông ta chỉ cho mỗi người có năm đồng, biết làm sao ? Do đó, tôi tự đi mượn tiền rất bí mật, cũng chẳng nói cho ai biết. Mượn được tiền rồi, tôi lại tự cầm phân phát cho mỗi người thêm mười lăm đồng nữa, cộng lại là hai chục đồng, đó cũng là để kết duyên với những người xuất gia đó.

Lúc đó, chẳng có vị xuất gia nào biết trong đó có tiền của tôi mượn để cho họ, cho đến hiện tại cũng chẳng biết. Đến khi ông Trương Ngọc Giai nuốt lời, chẳng giữ lời hứa, là vì bị những vị lão pháp sư đó phan duyên, song tôi cũng chẳng trách ông ta, việc này qua rồi thì thôi. Bổn lai các bác sĩ đều đoán chắc là ông ta trong vòng một trăm ngày sẽ chết, chẳng nghi ngờ gì nữa. Trải qua một trăm ngày cũng chẳng chết, do đó những vị lão pháp sư phan duyên ông ta đều nói : ‘’Đó là nhờ chúng tôi vì ông mà sám hối’’! Người khác lại nói : ‘’Đó là nhờ chúng tôi vì ông mà tụng kinh.’’ Vị pháp sư khác lại nói : ‘’Đó là nhờ chúng tôi cầu cho ông ở trước bàn Phật !’’ Mỗi vị pháp sư đều có công.

Lúc đó tôi chẳng có chút công lao nào, tôi cũng chẳng nói với ông ta lời nào. Trải qua sáu năm, ông ta cũng chẳng chết. Lúc đó, tôi đang làm chùa ở tại núi Đại Tự ở Hồng Kông, xây chùa Từ Hưng. Ngôi chùa này đại khái có thể ở trên hai trăm người. Ông ta nghe tôi làm chùa, tức nhiên là đệ tử quy y với tôi, nên sai một người cầm một bao tiền đến cúng cho tôi làm chùa. Số tiền đó tôi chẳng nhìn qua, cũng chẳng mở ra xem, tôi bèn vứt nó ra ngoài cửa, tôi nói với người đó rằng : ‘’Số tiền này kiếm được chẳng chánh đáng, chẳng thanh tịnh, tôi chẳng cần tiền của ông ta như thế, ông hãy mang về trả lại cho ông ta.’’ Người đó đem tiền về đưa lại cho ông ta, lần này ông ta kêu vị pháp sư phan duyên ông ta, tên là Định Tây đến nói lời ngon ngọt và mang tiền đến. Tôi nói : ‘’Bây

giờ công trình làm chùa đã xong, tôi chẳng cần dùng tiền. Ông ta có tiền thì có thể làm công đức chỗ khác, có rất nhiều chùa, nhiều pháp sư, ông ta muốn làm gì cũng được.'' Vị pháp sư đó cũng chẳng vui vẻ trở về. Qua hai năm sau, vào giữa tháng giêng, tôi tuyên bố với mọi người : ''Ông Trương Ngọc Giai đã quy y với tôi tám năm, tôi vốn đợi ông ta thực hiện lời hứa. Vì ông ta đã từng phát nguyện cúng hai chục vạn Mỹ Kim để làm chùa, nhưng cho đến bây giờ ông ta cũng chẳng làm. Tôi chẳng đợi nữa, về sau ông Trương Ngọc Giai bất cứ có vấn đề gì, tôi cũng chẳng lo nữa.'' Nói ra chưa đầy nửa năm, chúng bệnh ung thư của ông ta lại tái phát, về sau khi gần chết, thì sai người của ông ta đến cầu tôi, vì ông ta đến chùa khác cầu lạy, làm công đức Phật sự cũng chẳng linh, chẳng có cảm ứng, cho nên lại đến tìm tôi. Nhưng tôi cũng chẳng lo, tôi nói tôi đã tuyên bố chẳng lo bất cứ việc gì của ông ta nữa, chẳng được mấy ngày thì ông ta chết. Điều lạ lùng là vị pháp sư Định Tây, trước kia phan duyên với ông ta cũng sinh bệnh ung thư, đại khái bệnh hơn một năm thì chết, còn có một vị cư sĩ theo vị pháp sư đó, giúp cho pháp sư Định Tây liên lạc với ông Trương Ngọc Giai, cũng sinh bệnh ung thư mà chết, cho nên ba người họ có thể nói là một thể, sống thì sống chung với nhau, chết thì cũng cùng một chứng bệnh. Tại sao ông Trương Ngọc Giai lại chết như thế ? Vì ông ta xô người bạn của mình xuống biển chết, chắc chắn chết rồi

làm oan hồn, cho nên đến khiến cho ông Trương Ngọc Giai sinh bệnh ung thư.

Bổn lai, ông Trương Ngọc Giai đã quy y Tam Bảo, nếu ông ta chân chánh có niềm tin, thì ông ta chẳng bị chết, do niềm tin chẳng vững chắc.

Hoặc trên đỉnh Tu Di
Bị người xô rớt xuống
Nhờ sức niệm Quan Âm
Như mặt trời trên không.

Tu Di là tiếng phạn, dịch là núi Diệu cao, là núi cao nhất trong vũ trụ. Ở đây nói là trên đỉnh núi Tu Di, chẳng nhất định là chỉ ở trên đỉnh núi Tu Di, mà là ví dụ sự cao như đỉnh núi Tu Di. Hoặc là bạn đang ở trên đỉnh núi cao như núi Tu Di, bị người xô rớt xuống, lúc đó nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì ‘’Như mặt trời trên không’’, giống như mặt trời lơ lửng ở trong hư không, chẳng gây tổn thương cho bạn. Chẳng chỉ nói ở trên đỉnh núi xô rớt bạn xuống tan xương nát thịt, mà cũng có thể nói là có người ở trên chỗ cao, khiến bạn trèo lên cây thang, đợi khi bạn đến chỗ cao nhất, thì họ xô cây thang, lúc đó muốn lên cũng chẳng được, muốn xuống cũng chẳng xong, đó cũng là việc rất nguy hiểm. Tức cũng là mọi người đối sử tốt với bạn, sau đó chẳng đối tốt với bạn nữa, để cho bạn từ trên cao rớt xuống. Lúc đó, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chẳng có vấn đề gì, giống

như mặt trời ở trong hư không chiếu khắp vạn dặm, một chút phiền não cũng chẳng có, ngược lại rất an nhiên tự tại, rất có định lực, cho nên khen chê đều chẳng động tâm, đó cũng là biểu thị ''Như mặt trời trên không'' một ý nghĩa riêng khác.

Hoặc bị người ác đuổi
Ngã xuống núi kim cang
Nhờ sức niệm Quan Âm
Chẳng tổn hại mảy lông.

Người ác là gì ? Tức là người chẳng nói về đạo lý, chuyên môn làm chuyện giết người, phóng lửa, người man rợ chẳng nói đạo lý : ''Anh là tôi, tôi cũng là tôi. Tiền của anh là của tôi, tiền của tôi thì càng của tôi.'' Bạn xem đây có đạo lý chăng ? Đây gọi là người ác, có quyền lực mà chẳng có công lý, chỉ dùng thế lực để bức bách người khác, chẳng nói đến công lý, đó tức là người ác.

Truy đuổi là bạn chạy đến đâu, thì họ cũng đuổi theo bạn đến đó, luôn luôn xem giữ bạn. Nếu bạn bị người ác truy đuổi, vì nhất thời bôn ba chẳng cẩn thận mà rớt xuống núi kim cang sâu vạn dặm, nếu bạn chẳng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chắc chắn sẽ mất mạng, thậm chí tan thân nát xương chẳng tìm được thi thể. Song, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì dù cho một sợi lông cũng

chẳng tổn thương. Bạn nói có kỳ lạ chăng ! ''Núi kim cang'' ở đây, là biểu thị vực thẳm vạn trượng, rất cứng chắc như kim cang. Song nếu bạn gặp trường hợp nguy hiểm như thế, mà niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chắc chắn sẽ có cảm ứng. Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ đến cứu hộ bạn, khiến cho bạn gặp hung hóa cát tường, gặp nạn được bình an, nguy hiểm mà chẳng nguy hiểm.

Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm đao làm hại
Nhờ sức niệm Quan Âm
Thảy đều khởi tâm từ.

Ở trên nói về người ác, bây giờ nói về ''oán tặc'', tức là bọn cướp, giết người phóng lửa, chẳng có việc ác nào mà chẳng làm. Tất cả mọi người mà chúng ta gặp, đều có quan hệ tiền nhân hậu quả. ''Oán tặc'' tức là người có oán hận với chúng ta, hoặc là kiếp trước chúng ta ăn cắp đồ vật của người, hoặc là đã giết người, hoặc đối với người chẳng tốt, cho nên đời này lại gặp nhau, mới biến thành oán tặc. Do đó, có câu :

''Giết người phải đền mạng,
Mắc nợ thì trả tiền''.

Bạn giết mạng người ta, thì người ta cũng muốn lấy mạng của bạn; bạn cướp đoạt tài vật của người ta, cho nên

phải đền tiền cho người ta. Hết thảy tất cả đều có mối liên quan với nhau.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi từng nói cho mọi người biết rằng : ''Tôi đời đời kiếp kiếp chưa từng ăn trộm đồ vật của người khác, luôn giữ giới trộm cắp. Có gì để chứng minh ? Tôi đem châu báu giá trị nhất, để ở ngã tư đường, chẳng nhìn xem đến nó, trải qua ba ngày cũng chẳng bị ai trộm lấy đi. Do đó, có thể chứng minh lời của tôi nói là chân thật''. Nhưng vẫn có người không tin, do đó Ngài đi thử nghiệm, đem châu báu để ở ngã tư đường, nơi mà mọi người đi qua lại tấp nập. Quả nhiên ba ngày sau, cũng chẳng có ai trộm lấy.

Do đời đời kiếp kiếp Ngài đều giữ giới trộm cắp thanh tịnh, cho nên có quả báo như thế. Do đó, nếu bây giờ chúng ta gặp kẻ oán tặc đều phải chấp nhận, tức là mất vật gì, chịu tổn thất gì cũng đừng buồn rầu, nên chấp nhận, đừng có oán trời trách người.

Lúc tôi ở chùa Nam Hoa, thì từng gặp việc như vầy : Vào ngày nọ có rất nhiều kẻ trộm đến cướp chùa Nam Hoa. Bọn chúng đập cửa rất mạnh muốn tiến vào, nhưng tôi chẳng mở cửa. Bọn cướp phá cửa tung vào, ai nấy đều cầm thương vây chung quanh tôi, có người còn muốn đánh tôi. Song, lúc đó tôi chẳng cảm thấy sợ hãi gì cả, rất tự nhiên nói với bọn chúng rằng : ''Tại sao anh muốn đánh tôi ?''

- Anh ta nói : ''Vì ông chẳng mở cửa''

- Tôi nói : ''Nếu anh là tôi, tôi là anh, thì anh có mở cửa không ? Tại sao ? Vì anh đến đây muốn trộm đồ của tôi, chẳng phải đến tặng đồ cho tôi.''

- Tôi nói như thế thì anh ta nói : ''Hãy mau đem tiền ra !''

- Lúc đó tôi mặc chiếc y rách có nhiều chỗ vá víu, tôi nói : ''Anh nhìn xem, tôi mặc chiếc y này, có giống như người có tiền chăng ?''

- Anh ta nhìn rồi hỏi : ''Vậy ai có tiền ?''

- Tôi nói : ''Trong chùa này tôi là ông thầy, còn những người khác là đệ tử, tôi làm ông thầy chẳng có tiền, thì làm đệ tử làm gì có tiền ? Nếu anh không tin tôi thì có thể vào phòng của tôi xem, nếu anh thấy vật gì đáng giá, là đồ quý, thì tùy ý anh lấy !'' Lúc đó ở trong phòng của tôi có hai bửu bối, hai bửu bối này là hai bửu bối sống, bửu bối sống gì ? Tức là chú Sa di và vị pháp sư. Hai vị này nghe thấy bọn cướp đến, lúc gõ cửa thì họ đã cuống lên, thậm chí chẳng đi được nữa, bò dưới đất, bò vào chỗ tôi nói : ''Thầy ơi ! Bây giờ biết làm sao ? Tôi sợ quá !'' Tôi nói : ''Không sao, các vị hãy đi vào trong phòng của tôi, chun xuống giường cây của tôi để trốn.'' Bây giờ tôi lại kêu bọn cướp vào phòng của tôi, xem muốn lấy gì thì lấy. Lúc này hai vị này run lên lập cập, cuối cùng bọn cướp cũng chẳng vào. Lúc đó, có vị pháp sư thấy tôi và bọn cướp nói chuyện tựa như là bạn bè, cũng từ trong phòng chạy ra.

Khi ông ta xuất hiện, thì bọn cướp lập tức dùng thương vây ông ta lại muốn đánh, ông ta sợ quá bèn khóc lên, giống như trẻ con. Lúc đó, trong tâm tôi cảm thấy buồn bã bèn nói : ''Ông ta cũng chẳng có tiền, các ông muốn tiền thì nói với tôi.'' Song bọn cướp chẳng đếm xỉa gì đến tôi, mà hướng về ông ta muốn tiền, ông ta nói : ''Vào trong phòng của tôi lấy.'' Bèn dẫn bọn cướp vào lấy hơn hai trăm đồng, đó là tiền mà ông ta dành dụm mấy năm nay, bèn để cho bọn cướp lấy đi. Sang ngày thứ hai ông ta nói với đồ đệ rằng : ''Chùa Nam Hoa có hơn hai trăm người, mà chỉ có vị Pháp sư này chẳng sợ hãi.''

- Tôi mới nói với họ rằng : ''Chẳng phải chỉ mình tôi, mà trong chùa có bốn vị Hòa Thượng chẳng sợ hãi.'' Thứ nhất là ai ? Là Lục Tổ Huệ Năng, ngồi tại đó như như bất động, lão Tăng nhập định như thế. Thứ hai là Đại Sư Hám Sơn, ngồi nhập định tựa như tướng của Lão Tăng, chẳng động đậy. Thứ ba là tổ sư Đan Điền, Ngài chẳng đủ đại định lực như Lục Tổ, và đại sư Hám Sơn, còn quay đầu lại nhìn bọn cướp. Thứ tư mới đến tôi, cho nên khi bạn gặp oán tặc, thì cũng đừng sinh tâm sợ hãi. Kết quả bọn cướp đó cũng chẳng đánh tôi, hoặc phóng thương. Tại sao ? Đại khái là vì tôi niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, ban đầu họ đối với tôi rất hung hăng, khi nhìn thấy tôi mặc y phục rách rưới thì họ nghĩ : ''Ông thầy này thật đáng thương'', tức cũng khởi tâm từ bi chẳng gây phiền não đến tôi.

Hoặc gặp nạn khổ vua
Muốn hành hình sắp chết
Nhờ sức niệm Quan Âm
Đao bèn gãy từng đoạn.

Luật vua chẳng nói đến nhân tình. Nếu phạm vào vương pháp, thì phải bị chém đầu. Song, cũng có kẻ chẳng phạm pháp mà bị dẫn đi chém đầu, là vì bị người vu cáo, cho nên luật pháp quốc gia có chỗ lợi ích, mà cũng có chỗ hại. Chỗ lợi ích là nó trừng phạt những kẻ phạm tội, chỗ hại là chẳng phạm pháp nhưng bị người khác vu cáo, ví như người làm chứng nói : ''Ông ta làm xấu việc đó, chính mắt tôi thấy !'' Luật sư cũng chẳng màng việc đó ra sao, bèn xử ông ta phạm tội đem đi chém đầu, nhưng thật ra người đó chẳng phạm pháp, luật sư chẳng có chánh nghĩa, có người rõ ràng là phạm pháp, mà có thể biện hộ cho họ vô tội. Có người rõ ràng là vô tội, mà lại chứng minh là có tội. Bạn nói đi tìm chân lý ở đâu trên thế gian này ? Ở trên thế gian vốn chẳng có chân lý, chỉ có quyền thế. Vậy muốn tìm chân lý, thì phải vào trong Phật pháp mà tìm. Cho nên, hoặc có tội, hay không có tội, bị chịu nạn khổ vua, lúc phải bị chém đầu, mạng sống sắp chấm dứt, lúc đó e rằng bạn đã ngất xỉu, sợ quá nên quên hết mọi việc. Song nếu bạn nhớ niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì cái đao chém đầu bạn đó, sẽ tự nhiên gãy ra từng đoạn, đó là chứng minh cái cổ của bạn cứng

hơn là kim cang, cho nên đao mới gãy ra từng đoạn. Nhưng nếu bạn ôm lòng hoài nghi, thì đầu của bạn sẽ rơi. Vì bạn vốn chẳng có niềm tin đối với Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên mới muốn thử nghiệm, nên chẳng có cảm ứng. Nếu có niềm tin thì mọi việc đều có cảm ứng.

Hoặc gông cùm bỏ tù
Tay chân bị xiềng xích
Nhờ sức niệm Quan Âm
Tự nhiên được giải thoát.

Ở tù tức là bắt giam vào ngục, chẳng được tự do. Gông, chẳng những nhốt bạn vào ngục tù, mà còn gông cùm bạn lại, để cho bạn khỏi trốn đi. Cùm, tức là cùm hai chân bạn lại, và còn trói tay bạn.

Lúc trước tôi đã có nói, phàm là người có gia đình, thì nên sớm giác ngộ, đừng để cho ba điều này vây hãm như bị nhốt trong tù. Ba điều gì ? Cha mẹ như là gông cùm cổ, con cái như là cái cần cần tay, đừng cho rằng có con cái là đắc ý, một khi bị cần vào tay thì buông xả chẳng đặng. Có vợ thì như là cái cùm cùm chân, cũng chẳng được tự do giải thoát.

Hôm nay tôi thế một vị đệ tử của tôi, nói chuyện này cho quý vị biết, anh ta nói : ‘’Con có vay của chính phủ hơn hai ngàn đồng, bây giờ muốn xuất gia mà hai ngàn đồng này không thể trả, cho nên trước hết phải đi làm công, để trả hết số tiền này, rồi sau đó mới đi xuất

gia.'' Anh ta nói thật hay giả ? Tôi chẳng màng đến anh ta, bất quá nói cho mọi người biết, có thể tiền trả xong rồi, hoặc là có cái cùm cùm chân (cưới vợ) này cũng chẳng nhất định, song tôi hy vọng chẳng bị cùm vào, có thể làm một vị sư biểu của trời người cho nước Mỹ. Tôi đem ý này ra nói cho mọi người biết, để mọi người đều phát tâm chú nguyện cho anh ta thành công, làm lãnh tụ tốt cho Phật giáo nước Mỹ. Vì nước Mỹ hiện tại rất cần người xuất gia, nếu tất cả mọi người muốn xuất gia, tôi chẳng màng trước kia họ là người như thế nào, tôi đều rất hoan hỉ tán thán, chỉ cần sau khi xuất gia rồi, giữ giới luật quy cụ là được. Tôi tận sức ở tại nước Mỹ này, đào tạo bậc trưởng lão, chính họ trưởng chẳng nổi, vì chẳng có cơ sở, gốc rễ chưa đâm sâu xuống, song tôi nguyện sẽ tài bồi, Phật giáo tại nước Mỹ, mỗi người xuất gia đều là một phần của bậc trưởng lão, thậm chí làm tổ sư của nước Mỹ.

Khi tay chân bị gông cùm mất đi tự do, thì phải làm sao ? Chỉ cần bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tự nhiên sẽ được giải thoát. Trước kia ở Trung Quốc, có một vị hòa thượng bị dân mọi rợ bắt đem đi nhốt vào trong phòng trói cột lại. Thứ dân mọi rợ này rất dã man, chuyên môn bắt người Hán làm thịt để ăn. Vị Hòa thượng đó, bình thường rất tin tưởng Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên lúc đó Ngài cũng chẳng sợ hãi, chỉ một lòng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài niệm tới niệm lui, kết quả niệm đến một con cọp. Con cọp này lại đến phòng giam ông ta, phá tan cái phòng giam, do đó ông ta tự do chạy đi. Gặp hoàn

cảnh nguy hiểm như thế, mà có thể hóa hiểm thành bình an. Cho nên sự linh cảm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm nói chẳng hết được.

Nguyền rủa các thuốc độc
Muốn làm hại thân người
Nhờ sức niệm Quan Âm
Trở lại hại người đó.

Nguyền rủa ở đây là nói về sự niệm chú để trù rủa. Chú cũng có rất nhiều loại, nhất là chú của bàng môn tả đạo, họ chỉ cần niệm bảy ngày, thì có thể người kia sẽ chết. Chú có loại chú hại người, cũng có loại chú lợi người. Chú bây giờ nói là chú hại người. Các thuốc độc cũng bao quát tất cả các thuốc độc. Nếu bạn gặp sự trì chú nguyền rủa các thuốc độc, thì nên một lòng niệm: ''Nam mô Bồ Tát Quán Thế Âm'', tức thì lời nguyền rủa và các thuốc độc đó, chẳng những không thể hại bạn, mà còn trở lại hại người đó.

Trước kia, có một nơi nọ tại Trung Quốc, có người chuyên môn bói toán rất linh nghiệm. Tại sao mà họ bói toán linh nghiệm như thế? Vì bên trong của họ có yêu quái, ma quỷ giúp đở họ. Thứ ma quỷ đó, mỗi năm chỉ cần ăn một đồng nam và một đồng nữ. Cho nên ông thầy bói đó, mỗi năm đều trộm bắt một cặp đồng nam và đồng nữ, để cúng tế cho ma quỷ đó. Song, năm đó ông ta bắt người đồng nữ của gia đình nọ, thường niệm danh hiệu Bồ

Tát Quán Thế Âm. Khi cô ta bị bắt nhốt vào phòng để chờ ma quỷ đến bắt ăn, thì cô ta ở đó luôn luôn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Một lúc sau, ma quỷ đến gian phòng đó, từ cửa sổ thấy cô ta, thì cặp mắt của ma quỷ phóng ra hai luồng ánh sáng chiếu đến thân cô ta, song vì miệng cô ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên từ trong miệng của cô ta, cũng phóng ra ánh sáng. Đột nhiên cô ta cảm thấy có vật gì rất to lớn, từ trên phòng rớt xuống, cô ta còn cho rằng là yêu quái muốn đến ăn thịt cô ta, cô ta sợ quá kêu lên, ngay lúc ấy bên ngoài có lính đi tuần ban đêm nghe tiếng kêu, bèn chạy đến gần thì nghe tiếng cô gái từ trong phòng kêu lên, bèn phá cửa xông vào, đến cửa phòng thì thấy thi thể của con mãng xà rất lớn. Con mãng xà to lớn đó tức là Ma hầu la già.

Kết qủa người bói toán đó, bị cảnh sát bắt đi tra hỏi: "Tại sao ông lại bắt cô gái này đến đây"?

- Ông ta mới nói : "Tôi có một vị tiên giúp đỡ tôi bói toán cho mọi người, vị tiên này mỗi năm phải ăn thịt một cặp đồng nam đồng nữ, đã mấy năm qua tôi đều cúng cho vị tiên đó, cho nên vị tiên đó giúp đỡ tôi bói toán rất linh, kiếm được rất nhiều tiền". Nói xong cảnh sát bắt ông ta giam vào ngục. Ông ta bói toán rất linh, song chẳng bói toán được cho mình, kết quả bị luật pháp trừng phạt chém đầu thị chúng. Câu chuyện như thế, tức là thật sự chứng minh "Nguyền rủa các thuốc độc, muốn làm hại thân người, nhờ sức niệm Quán Âm, trở lại hại người đó". Cho nên hại người tức là hại mình.

Câu "Trở lại hại người đó", đương thời ông Tô Đông Pha từng sửa thành câu "Hai nhà đều vô hại". Ý của ông ta cho rằng, người trù ẻo và người bị trù ẻo đều bình an vô sự. Kỳ thật là sai lầm. Tại sao? Trong Phật giáo có nói về giới sát sinh, phóng sinh, song nếu không trừ khử kẻ ác, thì họ sẽ hại kẻ lương thiện. Tuy họ trù ẻo dùng thuốc độc muốn hại người, kết quả khiến cho họ vô sự, đó chẳng phải là cổ lệ chăng? Họ hại chẳng được người này, lại muốn hại người khác, mà nếu người đó không niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ bị hại chết. Người hay niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đương nhiên họ hại chẳng được, nhưng nhiều người chẳng biết niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên "Hai nhà đều vô sự" là không đúng, "Trở lại hại người đó" là không sai lầm, khiến cho người ác chịu khổ, họ thọ quả báu là đáng, như thế về sau, họ chẳng dám hại người nữa.

Hoặc gặp la sát dữ
Rồng độc các loài quỷ
Nhờ sức niệm Quán Âm
Thời chúng chẳng dám hại.

Hoặc là bạn đến rừng núi hoang dã, đi qua nơi chẳng có người ở, gặp quỷ la sát dữ, loài quỷ này rất hung ác, chúng chuyên môn ăn thịt người. Còn có rồng độc cũng hại người, chúng thường chiếm cứ một vùng, hoặc trong hồ, trong sông, trong kênh, phàm có ai đi qua chỗ

cuả chúng, thì chúng phun khí độc, có thể độc chết người. Có loại rồng độc to lớn, có thể dùng hơi hút luôn cả người lẫn thuyền vào trong bụng, rất là lợi hại. Còn có rất nhiều loài quỷ. Quỷ chẳng phải chỉ có một loại, có quỷ giàu, quỷ nghèo. "Quỷ giàu" như thần thổ địa, thành hoàng, tuy chúng đều là quỷ nhưng đều làm thủ lãnh của quỷ, làm quỷ vương, đây gọi là "quỷ giàu". "Quỷ nghèo", chẳng có tiền, hoặc có rất ít, còn có loài quỷ chẳng có gì cả, vậy nói rằng quỷ vẫn dùng tiền chăng? quỷ vốn chẳng cần tiền, nhưng vì nguyên nhân tập quán ác, cho nên loài quỷ giàu cũng tham ô, quỷ nghèo cũng tựa như người, suốt ngày đến tối đều muốn kiếm chút ít tiền. Tuy nhiên bất tất phải dùng tiền, nhưng vì chúng chấp trước thành tính, biến thành một thứ mê, cho nên ham thích tiền. Chúng dùng tiền bằng giấy, tại Trung Quốc mọi người thường đốt tiền giấy cho loài quỷ.

Nếu bạn gặp những loài quỷ la sát, rồng độc, hoặc các quỷ thần, mà bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chúng tự nhiên sẽ bỏ chạy. Vì sao? Vì khi bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì trong miệng sẽ phóng quang, hết thảy tất cả loài quỷ đều sợ quang (ánh sáng), sẽ không gây thương hại bạn.

Nếu thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Nhờ sức niệm Quán Âm

Chúng vội bỏ chạy đi.

Thú dữ như lang, sói, hổ, báo, chúng là dã thú chuyên môn ăn thịt người. Núi rừng ở Mỹ chẳng có cọp, ở Trung Quốc, Ấn Độ cọp rất nhiều. Lúc còn nhỏ, có một lần tôi chạy vào trong núi, đi năm sáu ngày cũng chẳng thấy người, bèn gặp các thú dữ. Song, rất kỳ quái, cũng chẳng biết tại sao chúng chẳng ăn thịt tôi. Răng nanh của thú dữ sắc bén như dao, cũng cứng như thép. Khi bạn gặp những thú dữ bao vây, thì bạn hãy mau niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng chẳng những chẳng dám làm hại bạn, mà ngược lại vội vàng bỏ chạy. Tại sao phải chạy? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm có sự linh cảm như thế, khiến cho chúng nhìn bạn, thì tự nhiên sẽ sinh tâm sợ hãi, cho nên bỏ chạy xa lìa bạn.

Rắng độc cùng bò cạp
Hơi độc khói lửa đốt
Nhờ sức niệm Quán Âm
Nghe tiếng bỏ chạy đi.

Rắn độc đa số là màu đen. Bò cạp, nếu người nào bị nó cắn, thì lập tức trúng độc mà chết đi, đều là có "Khí độc khói lửa đốt", những thứ độc này rất lợi hại, thậm chí khiến cho người bỏ mạng. Tuy độc hại như thế, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng nghe bạn niệm : "Nam

Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát", thì chúng sẽ ẩn tàng, chạy về chỗ của chúng ở, chẳng dám tác quái nữa.

Mây sấm sét điện chớp
Tuôn mưa đá mưa rào
Nhờ sức niệm Quán Âm
Liền được trời quang tạnh.

Trên trời thường có mây, sấm sét, điện chớp, hoặc tuôn mưa đá, các thứ tai nạn. Có khi mưa đá, cục đá lớn gần bằng quả trứng gà, hoặc có cục đá lớn nặng mấy mươi gam, thậm chí xuống trúng trâu bò, thì trâu bò sẽ chết. Nếu rớt xuống trúng người, thì chẳng cần nói càng làm cho người chết. Hoặc tuôn mưa rào, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chẳng bao lâu những hiện tượng đó sẽ ngừng, chẳng còn nữa.

Chúng sinh bị khốn cùng
Vô lượng khổ bức bách
Nhờ diệu trí Quán Âm
Hay cứu khổ thế gian.

Chúng sinh tức là chúng duyên hòa hợp mà sinh, hơn nữa chúng sinh có trăm ngàn vạn thứ loài khác nhau, nên gọi là chúng sinh. Cũng có thể giải thích nói "chúng sinh" tức là sinh ra quá nhiều. Theo chữ chúng của Trung

Quốc (衆), ở trên là chữ tứ, (四bốn), ở dưới là ba chữ người (人), ba người tụ lại một chỗ nên gọi là "chúng". Ở trong các loài chúng sinh, phiền não nhất là loài gì? Tức là loài người : Lại phải mặc áo, lại phải ăn cơm, lại phải làm việc, vô số việc phiền não, song có đủ trí tuệ nhất vẫn là loài người, còn các loài chúng sinh kia, tuy chẳng có nhiều phiền não, song chúng cũng ngu si nhất, trí huệ chẳng như người, cho nên phải chịu người sai khiến, chi phối. Do đó, có câu: "Con người linh nhất của vạn vật", con người thông minh nhất trong vạn vật, song thông minh nhất có khi cũng làm việc ngu si nhất, tức là chính mình gây phiền não cho chính mình, chính mình vật lộn với chính mình, tức là khi bị khốn cùng, thì có vô lượng sự khổ, như chẳng có cơm ăn là khổ, chẳng có quần áo mặc là khổ, chẳng có nhà ở là khổ, đủ thứ sự khổ. Suốt ngày vì quần áo, cơm ăn, nhà ở, một đời bận rộn vì kiếm cơm ăn, thậm chí đi trộm cắp để duy trì mạng sống của mình. Tại sao phải duy trì mạng sống như thế? Là vì sự khổ bức bách, kết quả càng chiêu lại vô lượng sự khổ bức bách thân. Bồ Tát Quán Thế Âm có sức trí huệ vi diệu không thể nghĩ bàn, hay cứu hộ hết thảy sự khổ ở thế gian, cho nên chúng ta làm người, bất cứ có việc gì không được như ý, không nên ưu sầu khổ não. Bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tất cả mọi vấn đề đều từ từ sẽ giải quyết, chỉ cần bạn có tâm thành đối với Ngài, thì Bồ Tát sẽ đến trợ giúp bạn.

Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Chẳng cõi nào không hiện.

"Đầy đủ" là chẳng thiếu. "Sức thần thông" là gì? Thần thông có sáu thứ.

❶ Thứ nhất là thiên nhãn thông. Thiên nhãn có thể nhìn thấy động tác của chư thiên ở cõi trời Đao Lợi, đều nhìn thấy rõ ràng.

❷ Thứ hai là thiên nhĩ thông, nghe được mọi thứ tiếng của người nhân gian, và chư thiên ở trên trời trong mười phương thế giới.

❸ Thứ ba là tha tâm thông, trong tâm người khác nghĩ gì cũng đều biết hết.

❹ Thứ tư là túc mạng thông, tức nhân quả quá khứ đều biết rõ.

❺ Thứ năm là thần túc thông, còn gọi là thần cảnh thông, tức có thể bay đi biến hóa tự tại.

❻ Thứ sáu là lậu tận thông, thần thông này khó đắc được nhất. Tất cả quỷ thần đều có năm thứ thần thông ở trên, chỉ lậu tận thông là không có. Bồ Tát Quán Thế Âm đều đầy đủ sáu thứ thần thông, cho nên gọi là đầy đủ sức thần thông. "Rộng tu trí phương tiện", do chữ "rộng" nên biết rằng Ngài chẳng những chỉ tu trì một pháp môn, mà còn tu đủ thứ các pháp môn. Giống như chúng ta bây giờ,

chẳng phải chỉ có nghe kinh, mà cũng học Phật pháp, lại phải học Chú Lăng Nghiêm, Chú Đại Bi, còn phải lạy đại bi sám .v.v... phải học tập tinh thần rộng tu trí phương tiện, của Ngài Quán Thế Âm khi Ngài còn tu hành ở tại nhân địa.

Trong các cõi nước trong mười phương, chẳng có một nước nào mà Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng đến, nơi nào Ngài cũng đến, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm đều có duyên với chúng ta tất cả chúng sinh. Chỉ cần ai niệm danh hiệu của Ngài, thì Ngài sẽ bảo hộ người đó. Còn nếu chẳng niệm danh hiệu của Ngài, thì đương nhiên Ngài chẳng đếm xỉa tới. Lý do gì? Vì bạn chẳng quan hệ gì với Ngài. Cho đến danh hiệu của Ngài cũng chẳng biết, cũng chẳng niệm, Ngài bèn nói: "Họ chẳng muốn làm bạn với mình, mình cũng chẳng hơi đâu mà lo chuyện của họ". Nếu bạn muốn làm bạn với Ngài, thì phải niệm "Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm" cho nhiều. Một khi bạn niệm danh hiệu của Ngài, thì Ngài nói: "Ta lại có thêm một người bạn, tốt lắm, nếu người bạn mới này có chuyện gì, thì ta phải giúp đỡ họ".

Có người muốn biết làm thế nào để đắc được "thiên nhãn thông"? Có nhiều phương pháp, nếu bạn chuyên tâm niệm Chú Lăng Nghiêm, cũng sẽ đắc được thiên nhãn thông, hoặc học Chú Đại Bi, và bốn mươi hai tay và mắt của Chú Đại Bi, cũng sẽ được thiên nhãn, hoặc chẳng ngủ để học Phật pháp, cũng sẽ đắc được thiên nhãn thông, bất quá phương pháp này rất nguy hiểm, tôi chẳng muốn họ y

chiếu học pháp môn này, tại sao? Chắc các bạn còn nhớ tôn giả A Na Luật ở trong Kinh Lăng Nghiêm, tôn giả chuyên môn ngủ, về sau bị Phật quở, từ đó tôn giả tinh tấn dụng công, chẳng ngủ nữa, trải qua bảy ngày, mắt của tôn giả bị mù. Phật thương xót tôn giả, bèn dạy Ngài tu tam muội kim cang chiếu minh, kết quả Ngài đắc được thiên nhãn đệ nhất.

A Na Luật là tiếng Phạn, dịch là "không nghèo". Nguyên lai được tên này như thế nào ? Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài là người mới phát tâm bồ đề, tuy chưa làm Phật giáo đồ, nhưng đã hiểu rõ đạo lý bố thí, lúc đó Ngài chỉ là người nông phu làm ruộng, đời sống nghèo nàn khốn khổ. Trong núi gần nhà của Ngài, có một vị Tỳ Kheo già ở tu, đã chứng được quả Bích Chi Phật. Vị Tỳ Kheo già đó, mỗi bảy ngày mới xuống núi để đi khất thực một lần, mỗi lần chỉ khất thực bảy nhà, tuyệt đối không khất thực nhiều nhà, nếu bảy nhà đều bố thí, thì mới đủ ăn bảy ngày. Nếu một nhà không bố thí, thì một ngày không có gì ăn.

Một lần nọ, người nhà mang cơm đến cho người nông phu đó vào buổi trưa, vốn để cho người nông phu làm rồi thì ăn, song thấy vị Tỳ Kheo già nghèo xuống núi hóa duyên, mà cũng chẳng được vật gì, người nông phu sinh tâm bố thí nghĩ : Hôm nay ta không ăn cơm, để đem phần cơm này dâng cho vị Tỳ Kheo già đó đã chứng quả Bích Chi Phật. Vị Tỳ Kheo nhận phần cơm xong, rất đặc biết hoan hỉ và khen ngợi nói : "Như thị, như thị ! Ngươi

rất thành tâm cúng dường, công đức này thật là không thể nghĩ bàn". Sau đó đi trở về núi.

Sau đó, người nông dân nhìn thấy con thỏ chạy đến chỗ ông ta, đột nhiên trèo lên lưng của ông ta, và dính trên thân của ông ta, làm thế nào cũng chẳng rớt xuống. Ông ta lập tức trở về nhà để tìm cách lấy con thỏ xuống. Nhìn rõ ràng thì vốn là con thỏ bằng vàng. Ông ta chặt một cái chân con thỏ đi đổi tiền, trở về nhìn thì cái chân bị chặt lại mọc ra như cũ, cho nên từ đó ông ta giàu có lên. Từ đó về sau, đời đời kiếp kiếp đều giàu có, vĩnh viễn chẳng nghèo thiếu. Do ông ta cúng dường bữa cơm cho vị Bích Chi Phật, với tấm lòng thành mà được quả báo như thế, đời đời kiếp kiếp đều "không nghèo", đó là nguồn gốc tên của Ngài A Na Luật.

Trong Kinh Bốn Mươi Hai Chương có nói : "Cúng dường cho một trăm người ác, chẳng bằng cúng cho một người thiện. Cúng dường cho một ngàn người thiện, chẳng bằng cúng cho một người cư sĩ giữ gìn năm giới. Cúng dường cho một vạn người cư sĩ giữ năm giới, chẳng bằng cúng cho một vị Sa Di giữ mười giới. Cúng dường cho mười vạn vị Sa Di, chẳng bằng cúng cho một Tỳ Kheo. Cúng dường cho một trăm vạn vị Tỳ Kheo, cũng chẳng bằng cúng cho một vị chứng sơ quả Tu Đà Hoàn. Cúng dường một ngàn vạn vị Tu Đà Hoàn, chẳng bằng cúng cho một vị chứng nhị quả Tư Đà Hàm. Cúng dường cho một vạn vạn vị Tư Đà Hàm, chẳng bằng cúng cho một vị

chứng quả A Na Hàm. Cúng dường trăm ngàn vạn vạn vị A Na Hàm, chẳng bằng cúng dường cho một vị chứng tứ quả A La Hán. Song, bạn lại cúng dường vô số chẳng cách chi đếm được số vị A La Hán, cũng chẳng bằng cúng dường một vị 'vô tu vô chứng'. Vô tu vô chứng là gì ? Tức là Phật, tức cũng là chẳng bằng cúng dường cho một vị Phật. Nhưng cúng dường Hằng hà sa số chư Phật vẫn không bằng cúng dường cho một vị vô niệm. Vô trụ, vô tu, vô chứng".

Hôm nay, nói về tôn giả A Na Luật cúng dường một vị Bích Chi Phật, mà đời đời kiếp kiếp không nghèo và còn rất giàu có, không làm thái tử con vua, thì cũng làm con trong gia đình giàu có. Cho nên chúng ta muốn đời đời kiếp kiếp đều không nghèo, thì phải cúng dường Tam Bảo, thì tương lai sẽ có cơ hội giàu có. Song, khi bạn giàu có, thì lại có vấn đề. Vấn đề gì ? đó là :

"Bần cùng bố thí khó,
Giàu sang học đạo khó".

Tôn giả A Na Luật làm sao mà được giàu có ? Vì Ngài nghèo khổ mà biết bố thí, hy sinh bữa cơm trưa của mình, đem cúng dường Tam Bảo, do một niệm chân tâm mà được vô lượng phước báu. Người nghèo chính họ đã không no, mà còn đem đi bố thí, thì chẳng còn gì để ăn, cho nên nói "bố thí khó". Còn giàu có thì sao? thì "học đạo khó". Những người giàu có, bạn kêu họ đến học Phật

pháp, thì họ chẳng chịu đến. Đây là hai điều khó trong hai mươi điều.

Đủ thứ các đường ác
Địa ngục quỷ súc sinh
Khổ sinh già bệnh chết
Dần dần đều dứt hết.

Các đường ác, tức là tất cả những nơi không lành. Đủ thứ là biểu thị nhiều thứ, chẳng riêng gì một đường ác, mà có rất nhiều. Tổng cộng lại thì có bốn: A tu la, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục, đây là bốn đường ác. A tu la ở trước đã giải thích rõ ràng, chúng rất thích đấu tranh, phàm loài chúng sinh nào thích đấu tranh, đều thuộc về A tu la. Địa ngục tạo ra như thế nào? là do nghiệp chướng của mỗi người chúng ta hình thành. Bạn tạo nghiệp ác gì thì có địa ngục đó. Địa ngục lại phân ra rất nhiều loại, trong kinh Địa Tạng có nói: "Địa ngục lớn có mười tám, ngoài ra có năm trăm địa ngục nhỏ, và còn có trăm ngàn vô lượng vô biên địa ngục khác". Địa ngục có phải giống như ngục tù ở nhân gian chăng? Do người xây nhà tù kiên cố, để có ai phạm tội thì nhốt vào tù chăng? Chẳng phải, địa ngục là do nghiệp ác của mỗi người tạo ra mà hiện ra. Bạn tạo nghiệp ác giết người, thì có địa ngục giết người hiện ra; tạo tội ác phóng lửa, thì có địa ngục phóng lửa hiện ra; tạo nghiệp gì thì có địa ngục đó, cho nên loại địa ngục cũng chẳng nhất định. Khi nào bạn trả hết nghiệp,

thì địa ngục chẳng còn nữa, nếu nghiệp chẳng hết thì địa ngục vẫn tồn tại.

Lúc tôi còn ở đông bắc bên Trung Quốc, thì có "Ông họ Lưu tay heo", ông ta có thể nhớ được việc nhân quả ba đời: Ban đầu ông ta là người con có hiếu, đối xử rất tốt với cha mẹ, về sau thì đầu thai vào trong gia đình giàu có. Cha của ông ta bốn mươi tuổi mới sinh ông ra, khi ông ta mươì ba tuổi thì cưới vợ, cô vợ lớn hơn ông ta một hai tuổi. Cha của ông ta tuy đã hơn năm mươi tuổi, mà dâm dục vẫn chưa dứt, lại hỏi thêm một bà vợ bé, bà vợ bé này với cô dâu tuổi xấp xỉ nhau. Ông Lưu có vợ chưa đến một hai năm thì sinh con, và con của ông ta lớn lên được mười ba tuổi, thì ông ta lại hỏi vợ cho người con. Vợ của người con cũng lớn hơn người con của ông ta vài tuổi. Trong thời gian đó, cha mẹ của ông đều đã qua đời, chỉ còn lại bà vợ bé của người cha.

Ông ta thấy bà vợ bé của người cha xinh đẽp, thì coi như là vợ của mình, và lúc đó đứa con của ông ta lại chết, ông ta thấy cô vợ của con mình tướng mạo cũng đẹp. Do đó, cô vợ của người con cũng làm vợ của mình. Lúc đó ông ta chỉ mới khoảng hai mươi tám tuổi. Khi ông ta được bốn mươi tuổi, thì mới bắt đầu giác ngộ, tự nghĩ rằng: "Ôi ta một đời tạo quá nhiều nghiệp ác, lấy mẹ của mình làm vợ, lấy con dâu cuả mình làm vợ, tội nghiệp này chẳng ít". Do đó, ông ta bắt đầu tu, chuyên trì Kinh Kim Cang.

Tụng Kinh Kim Cang hơn mười năm, ông ta vào khoảng hơn năm mươi tuổi thì chết. Chết rồi đến trước vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương là ông vua quản lý tất cả lũ quỷ trong địa ngục, rất là lợi hại, mặt mày đen sì, chẳng đếm xỉa gì đến nhân tình, ông ta bị vua Diêm Vương hỏi : ''Tại sao ông cứ tạo những nghiệp ác ? Bây giờ sẽ bỏ ông vào địa ngục chảo dầu sôi, dùng chảo dầu để chiên ông.'' Do đó, kêu hai con quỷ đến bắt ông ta bỏ vào chảo dầu sôi.

Lúc đó, bên cạnh có ông quan tòa nói : ''Không thể được.'' Vua Diêm vương hỏi : ''Tại sao không được?'' Quan tòa đáp : ''Vì ông ta đọc tụng Kinh Kim Cang, trước hết phải xả Kinh Kim Cang ở trong bụng của ông ta ra hết, rồi sau đó mới dùng chảo dầu sôi chiên.''

Do đó, lại kêu ông ta đầu thai làm người, ông ta đầu thai vào một gia đình nghèo khổ, cha mẹ bán đồ điểm tâm. Đứa trẻ này từ nhỏ rất tham ăn, nên bụng trương lên quá to mà chết, chết rồi cha mẹ của anh ta cùng nói rằng: ''Tại sao bụng của nó lại to như thế ? Đáo để trong bụng có vật gì thế ? Chúng ta hãy mổ bụng nó ra xem thử''. Bèn mổ bụng ra, thì có một vật rất cứng chắc tựa như đá kim cương, lũ quỷ bèn nói : ''Ê ! Bây giờ có thể kêu ông ta vào cạnh chảo dầu sôi là vừa.'' Bèn mang ông ta đến gặp vua Diêm Vương nói : ''Bây giờ có thể kêu ông ta đầu thai làm heo.'' Ông ta lại đầu thai làm heo, bị người nuôi heo cho ăn mập mạp rồi làm thịt. Sau đó lại trở về địa ngục để bỏ vào chảo dầu sôi, thì ông ta nói với vua

Diêm Vương: ''Ông bất tất phải bỏ tôi vào chảo dầu sôi, hãy cho tôi đầu thai đến nhân gian làm người, ông chừa cho tôi một tay heo để làm chứng minh, tôi sẽ khuyên người đời đừng tạo tội nghiệp.'' Vua Diêm Vương nói : ''Như thế cũng tốt.'' Do đó, để cho ông ta đầu thai làm người họ Lưu. Vì ông ta có dấu tích heo, cho nên mọi người kêu ông ta là ''ông Lưu tay heo.'' Người đó tôi đã gặp qua, và còn nói chuyện rất nhiều với ông ta, cho nên mới biết ông ta nhớ việc của mình rất rõ ràng. Đây tức là do nhân duyên tạo thành đường ác. Địa ngục là nơi rất nguy hiểm, hy vọng mọi người đừng tạo nghiệp ác, bằng không thì quả báo khổ khó tránh khỏi.

Còn có một vị pháp sư tại Hợp Nhĩ Tân, một lần nọ, ông ta mắc một chứng bịnh trầm kha, cảm thấy mình chết đi, chết rồi thần thức hướng về phía ngã tư đường chạy, chạy đến cách chùa chẳng bao xa thì đi đầu thai. Đầu thai làm gì? Làm heo. Nhìn thấy mình biến thành thân heo, nhưng chẳng chịu bú sữa nên bị chết đói, chết đói rồi thần thức của ông ta lại trở lại nơi thân của vị pháp sư đó, bèn tỉnh dậy nói: ''Ôi , tôi vừa mới đi đầu thai làm heo!''

- Người bên cạnh hỏi ông ta rằng: ''Ông đến đâu đầu thai làm heo?''

- Ông ta nói: ''Bây giờ bệnh của tôi đã khỏi, tôi sẽ dẫn anh tới nơi đó xem, nơi đó vừa mới sinh bảy con heo con, tôi là một trong số đó, cố ý không bú sữa nên mới chết.'' Bèn dẫn anh ta và các vị pháp sư khác, cùng đi đến

chỗ đó, quả nhiên có gia đình nọ có con heo vừa sinh bảy con heo con, đã chết đi một con.

Đó là chính vị pháp sư đó đã trải qua, và tôi cũng đã gặp ông ta. Do đó có thể thấy, được sinh làm người chẳng phải dễ, chúng ta được thân người rất khó. Do đó có câu:

''Thân người khó được,
Phật pháp khó nghe
Thiện tri thức khó gặp''.

Bạn thử tính xem, tại nước Mỹ này có bao nhiêu triệu người, song có bao nhiêu người được nghe Phật pháp? ''Thiện tri thức khó gặp'': Bạn muốn gặp một vị thiện tri thức chân chánh hiểu Phật pháp, một vị thầy tốt cũng chẳng dễ dàng. Có những người làm sư phụ, mà ngay cả chính mình cũng chẳng hiểu đạo lý, họ giảng đạo lý cũng giảng chẳng đúng.

Ngạ quỷ cũng do nghiệp lực sở cảm, mới bị quả báu làm ngạ quỷ. Về ngạ quỷ tôi đã từng giải thích rất nhiều lần. Bụng của chúng to như trống, cổ họng nhỏ như kim, những vật mà chúng ta ăn, khi vào trong miệng chúng, thì cũng biến thành lửa. Cảnh giới mỗi loài mỗi khác, chư thiên nhìn thấy nước là lưu ly, chúng ta nhìn thấy nước là nước, cá nhìn thấy nước là nhà của chúng, là cung điện của chúng, quỷ nhìn thấy nước là lửa. Đó đều là nghiệp lực cảm nên, cho nê sự thấy cũng khác nhau. Súc sinh, tôi vừa mới nói vị pháp sư đó đầu thai làm heo, còn

có người đầu thai làm gà, bò, ngựa .v.v... đó đều là do người làm thành. Những người nào chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng cung kính sư trưởng, thì những người đó tương lai đều có quan hệ với súc sinh. Và người nào thích ăn thịt, thì cũng rất nguy hiểm, cũng có mối quan hệ như trên. ''Đủ thứ các đường ác'' tức cũng là bao quát bốn đường ác.

Khổ sinh già bệnh chết, nhân sinh có ba thứ khổ, tức là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Khổ khổ tức là khổ trong sự khổ, như người nghèo khốn khổ, tức chẳng có tiền, lại chẳng có cơm ăn, lại chẳng có nhà ở, muốn tìm việc làm lại tìm chẳng được, thật là khổ trong sự khổ. Khổ trong sự khổ này, khiến cho con người không thể chịu đựng được.

Vậy người có tiền thì chẳng khổ chăng? Khổ của người có tiền lại càng lớn, có người nói: ''Pháp sư thầy nói đạo lý này tôi chẳng tin''. Bạn không tin tôi cũng nói như thế, bạn tin tôi cũng nói như thế. Tại sao? Bạn thấy tiền nhiều, thì suốt ngày đến tối đều nghĩ rằng:''Số tiền này bỏ vào ngân hàng nào? Số tiền kia tôi phải đem đi làm ăn, còn số tiền nọ phải .v.v...'' Đếm tới đếm lui, đếm tới đầu bạc, răng rụng, mắt hoa, tai điết, lúc đó vẫn chưa đếm xong. Chưa đếm xong thì bạn nói sẽ thế nào? Có vấn đề xảy đến, vì quá nhiều tiền, suốt ngày đến tối cứ lo đếm tiền, đếm tới đếm lui, bị kẻ trộm biết, tối đến phá cửa xông vào, ăn cắp hết mang đi, đây gọi là hoại khổ. Thứ khổ này, so với khổ bần cùng thì lợi hại hơn, vì khổ người

nghèo là khổ tập quán, chẳng cảm thấy khổ như thế nào. Song, người giàu có đột nhiên mất mát đi, thứ khổ này mới là khó chịu đựng. Nhất là người già, chẳng có tiền, tất cả mọi sự đều bất như ý, đây gọi là hoại khổ.

Nói như thế thì, người không giàu cũng không nghèo thì chẳng khổ? Vẫn khổ. Khổ gì? Tức là hành khổ, do từ nhỏ lớn lên rồi già nua, già rồi chết đi, niệm niệm thay đổi, niệm niệm không ngừng. Tức nhiên chẳng có khổ về bần cùng, chẳng có khổ về giàu sang, mà có hành khổ. Ba thứ khổ này chẳng có ai tránh khỏi.

Lại có tám thứ khổ. Ba thứ khổ đã không ít, lại còn thêm tám thứ khổ. Kỳ thật là thế nào? Tám thứ khổ vẫn chưa nhiều. Sự khổ chẳng phải chỉ có tám, mà là có hàng ngàn hàng vạn vô lượng sự khổ. Khổ nhất là làm người, làm súc sinh còn sung sướng hơn làm người nhiều. Làm gì thì không khổ? Làm Phật thì chẳng khổ. Tại sao nói làm súc sinh thì sung sướng hơn làm người? Súc sinh thì chẳng lo về cái ăn, cái mặc, chỗ ở, chúng có điều kiện sinh hoạt thiên nhiên, chẳng lo lắng, bạn nói có phải chăng? Chỉ có làm người là khổ nhiều nhất. Bây giờ bất tất giảng tám vạn bốn ngàn thứ khổ, cho đến vô lượng thứ khổ, chỉ nói về tám thứ khổ, đó là: Khổ về sinh, già, bệnh, chết, thương yêu mà phải xa lìa, ghét mà gặp nhau, cầu mong chẳng được, năm ấm thiếu đốt. Trong tám thứ khổ này, bạn nói thứ khổ nào khổ nhất? Đó là khổ về sinh, nếu chẳng có sinh, thì chẳng có các thứ khổ kia.

Có người hỏi: ''Khổ về sinh là khổ như thé nào?'' Tôi biết bạn chẳng còn nhớ, đã quên mất khổ về sinh. Do đó, bây giờ tôi nói cho bạn biết: ''Sự sinh này là do tinh cha huyết mẹ kết hợp thành, lại do thân trung ấm đến đầu thai mà có. Bào thai ở trong bụng mẹ vào tuần lễ thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư, đều chẳng có cảm giác. Nếu lúc đó bà mẹ ăn đồ ăn lạnh, thì bạn cảm thấy như ở trong núi băng, cảm giác rất khó chịu, nếu bà mẹ ăn đồ ăn nóng, thì cảm giác như ở trong hầm lửa, nóng vô cùng. Ở trong bụng mẹ thì có những sự khổ như thế. Và nếu bà mẹ khom lưng, thì thai nhi cảm giác như bị núi đè rất khó chịu vô cùng. Đến lúc sinh ra thì mới là khổ nhất, đang lúc sinh thì giống như hai quả núi đè lên, cho nên khi đứa bé chào đời thì khóc oà lên, kỳ thật tiếng khóc là do khổ mà ra, cho nên mới kêu: ''Khổ quá, khổ quá, khổ quá''!

Khi sinh ra thì thống khổ như rùa sống lột mai, song một khi lớn lên thì quên hết sư thống khổ đó, sau khi trưởng thành rồi bất tri bất giác thì già đi. Sự khổ của cảnh già nua cũng rất lợi hại. Tuổi già thì tai cũng điếc, họ mắng thì bạn cũng chẳng nghe. Mắt cũng mờ, nhìn vật gì cũng chẳng rõ ràng. Trước hết là lỗ tai và con mắt chẳng giúp đỡ bạn, tuy nhiên lưỡi chẳng rụng, nhưng răng thì rụng. Trước kia tôi gặp cụ già tám chín mươi tuổi, tôi hỏi ông ta: Ông đã gặp người nào rụng lưỡi chăng? Tại sao răng của ông đều rụng hết?

- Ông ta nói: Không, còn ông đã thấy chưa?

- Tôi nói: Tôi lại càng chẳng thấy qua, ông là người tuổi tác đã cao, mà còn chưa thấy người nào rụng lưỡi, tôi còn trẻ làm sao có thể gặp chuyện lạ như thế?

- Tôi lại hỏi ông ta: ''Ông có biết vì sao lưỡi chẳng rụng không? Trên thế gian chẳng có ai rụng lưỡi mà chỉ rụng răng.''

- Ông ta nói: Đạo lý gì?

- Tôi nói: Vì răng quá cứng, cho nên rụng, còn lưỡi quá mềm, cho nên chẳng rụng.

Răng rụng có gì khổ? Răng rụng ăn gì cũng chẳng biết mùi vị, nhai chẳng nát cắn chẳng đứt, chỉ nuốt vào bụng lại khó tiêu hóa, bạn nói có khổ chăng? Lúc đó mặt mày nhăn nhó, do đó có câu: ''Da gà tóc bạc'', da thịt rất là sù sì nhăn nhó, đầu tóc thì bạc phơ. ''Tóc trắng'' này ở nước Mỹ mà nói, thì chẳng phải là người già, vì người tây phương còn nhỏ khi mới sinh ra, thì tóc đã màu trắng, đó chẳng phải là trắng bạc của người già, mà khi còn rất rẻ cũng có tóc trắng. Tóc bạc của người già là do tóc đen mà biến thành trắng, đen có thể biến thành trắng, trắng thì không thể biến thành đen, song có lúc cũng có thể. Lúc tôi ở tại Hồng Kông, thì tóc của tôi hoàn toàn bạc hết, vì tôi làm chùa, làm quá sức, suy nghĩ nhiều, nên đầu tóc bạc phơ. Về sau mọi việc gì cũng đều buông xả hết, nên tóc đen trở lại. Cho nên việc gì cũng chẳng có nhất định, bây giờ đầu tóc của tôi chỉ có chút tóc bạc.

Sự khổ về già cũng chẳng dễ gì chịu đụng, nếu bạn không tin thì hãy thử xem, đợi đến khi bạn già thì sẽ biết,

bạn đừng ngại sống đến bảy, tám mươi tuổi, hoặc tám, chín mươi tuổi, thậm chí một trăm tuổi, thì lúc đó ăn vật gì cũng chẳng biết mùi vị, lúc đó bạn nghĩ lại: Trước kia có vị thầy nói về sự khổ của tuổi già, mà mình chẳng tin, bây giờ mình mới biết là thật không sai. Lúc bấy giờ bạn mới nghĩ đến việc tu đạo, thì đã quá muộn chẳng còn kịp nữa. Bình đẳng nhất là ''khổ về bệnh''. Bất cứ ai cũng đều có khổ về bệnh, chẳng có bệnh nặng thì có bệnh nhẹ. Đau đầu thì đầu chẳng yên vui, đau chân thì chân chẳng yên ổn, thân đau thì thân chẳng khỏe. Bệnh có rất nhiều thứ, như có bệnh dạ dày, thì ăn vật gì cũng chẳng thoải mái, nếu bệnh phổi tì ho không ngừng. Tóm lại, ngũ tạng (tim, gan, tỳ, phổi, thận) này mà có bệnh thì khổ.

Còn có sự khổ nhất, đó là khổ về ''chết''. Có người nói: ''Khổ về chết? Tôi chẳng biết mùi vị ra sao? Tôi muốn biết trước.'' Vậy thì bạn hãy thử xem, chết trước một lần, song chẳng có ai bảo đảm bạn sẽ sống lại, cho nên đừng nên thử. Chết thì dễ lắm, chết rồi sẽ đi về đâu? Đây là vấn đề rất quan trọng. Chết rồi sẽ đọa vào địa ngục? Hay là súc sinh? Hoặc tái sinh làm người? Vấn đề này chẳng có ai bảo đảm.

Sinh, già, bệnh, chết, đều là khổ. Tại sao Đức Phật phải đi xuất gia? Cũng vì cảm thấy sinh, già, bệnh, chết chẳng dễ gì chịu được. Khi Ngài mười chín tuổi thì, một ngày nọ đi du ngoạn, đi đến cửa hướng đông thì thấy một người phụ nữ đang sinh đứa bé, bèn hỏi người tùy tùng rằng: Đó là việc gì?

- Người tùy tùng đáp: Đó là đang sinh đứa bé.

Thái tử thấy đứa bé đó lớn tiếng khóc la, mà người phụ nữ đó cũng đau khổ vô cùng, do đó tâm chẳng vui, bèn trở về hoàng cung.

Ngày thứ ba lại đến cửa hướng tây, thì thấy một người bệnh, do đó chẳng còn hứng thú đi nữa, bèn trở về.

Ngày thứ tư đến cửa hướng bắc đi du ngoạn, thì thấy một người chết, Ngài lại hỏi tùy tùng: Đó là việc gì?

- Tùy tùng đáp: Người đó đã chết!''

Ngài lại cảm thấy rất buồn rầu, thấy cảnh sinh, già, bệnh, chết, ai cũng phải trải qua, thật là khổ, chẳng có ý nghĩa gì, bèn trở về hoàng cung.

Chính lúc đó lại xuất hiện một vị Sa môn, tức là người xuất gia. Thái tử lại hỏi: Người đó làm gì thế?

- Tùy tùng mới đến hỏi vị Sa môn: Ông làm gì vậy?

- Vị Sa môn nói: Tôi là người xuất gia, tu Phật đạo, mới có thể lìa khỏi sự khổ sinh, già, bệnh, chết.

Thái tử nghe được sự tu đạo sẽ chấm dứt sinh tử, thì rất phấn khởi lại hỏi vị Sa môn: Tôi cũng có thể y theo ông tu đạo có được chăng?

- Vị Sa môn trả lời: Ai tu cũng được, bất cứ ai cũng có thể xa lìa sự khổ về sinh già bệnh chết.

Sau khi Thái tử trở lại hoàng cung, thì nửa đêm cùng với Xa Nặc vượt thành xuất gia tu hành. Đức Phật vì cảm thấy sinh già bệnh chết chẳng có ý nghĩa gì, cũng chẳng biết sinh từ đâu đến ? Cũng chẳng biết chết rồi sẽ

đi về đâu. Cho nên bèn phát tâm xuất gia, đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, vì muốn tránh khỏi sự khổ sinh già bệnh chết. Ai cũng đều có sinh, nhưng chẳng có ai tránh khỏi sự chết, mọi người tương lai đều phải chết, có người chết an lành, có người chết chẳng an lành, có đủ thứ sự chết khác nhau. Có người chết vì bệnh, có người chết vì đói, có người làm việc nhiều quá lao lực mà chết, có người chết vì tai nạn, có người bị đá trên núi lăn xuống đè chết, hoặc có người đánh lộn bị người đánh chết, hoặc chết ngoài chiến trường, hoặc bị thuốc độc mà chết, hoặc có người tự tử, hoặc có người chẳng muốn chết mà chết, có người muốn chết lại không chết, cho nên sự chết có đủ thứ sự khác nhau.

Tuy là chết khác nhau, nhưng quả báo tương lai cũng khác nhau. Ví như những người chết oan, tức là bị xe cán chết, hoặc bị nước ngập chết, hoặc bị lửa thiêu chết, ở trong sự vô ý phát sinh tai nạn mà chết đi, thì những người này thuộc về chết oan. Hồn quỷ của họ vua Diêm Vương chẳng quản, quỷ cũng chẳng quản. Vậy lúc đó họ rất tự do chăng ? Tuy nói là tự do, song là con quỷ tự do, chứ chẳng phải người tự do. Người tự do thì có khi cũng chẳng giữ quy cụ, hà huống là quỷ. Quỷ tự do cũng chẳng giữ quy cụ. Người chết oan thì muốn bắt quỷ khác thay thế họ. Ví như nơi nào đó trên đường lộ, từng xảy ra tai nạn chết người, thì nơi đó cứ mỗi năm, hoặc trong vòng ba năm, lại xảy ra tai nạn chết người nữa. Nguyên nhân gì ? Vì hồn oan quỷ ở tại nơi đó đợi, nhất định phải làm

cho người khác chết để họ đi đầu thai, bằng không thì họ vĩnh viễn ở đó không thể đi đầu thai.

Nếu người tự tử uống thuốc độc chết, đến địa ngục chịu hình phạt rất là thống khổ. Hình phạt gì ? Lúc còn sống uống thuốc độ mà chết, thì ở trong địa ngục phải uống nước cốt sắt nóng, vào trong bụng thì ngũ tạng bên trong đều bị thiêu đốt, chết đi rồi lại có gió xảo phong trong địa ngục thổi thì lại sống dậy. Sống dậy rồi lại uống nước cốt sắt nóng, sau đó bị chết di, chết rồi lại bị gió xảo phong thổi, lại sống dậy, cứ như thế một ngày đêm đều chịu hình phạt như thế, rất khó mà chịu đựng.

Song, nếu bạn có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì dần dần sinh già bệnh chết, đủ thứ sự thống khổ đều chẳng còn nữa.

Đây là nói về bốn thứ khổ về thương mà xa lìa. Thương yêu ai ai cũng biết, thương yêu cũng có thể nói là ham muốn. Có người ham sắc, có người thích danh, có người ham tài, cũng có người thích lợi. Ví như có người giàu có, tính toàn chuyện làm ăn lớn để kiếm tiền song làm ăn thất bại lỗ vốn, mất tiền. Đây là người và lợi xa lìa, vốn chẳng muốn xa lìa khỏi tiền bạc, nhưng tiền chẳng còn nửa, đây cũng là khổ về ái biệt ly. Sắc tức là vấn đề nam nữ, người nam thương người nữ, người nữ thương người nam, hai bên thương yêu với nhau, song vì nhân quả kiếp trước gieo trồng chẳng tốt, cho nên sự thương yêu này chẳng được lâu dài, vào dịp nào đó hai bên sẽ chia ly. Khi chia ly, nếu chẳng có thương yêu chân chánh

thì cũng không sao; còn nếu một bên chấp trước vào ái tình, thì sẽ rất đau khổ. Đây là ái biệt ly khổ về thương yêu sắc đẹp. Còn có ái biệt ly khổ về danh. Danh sao lại có biệt ly ? Có người nói như vầy : ''Danh dự là sinh mạng thứ hai của con người vậy.'' Cho rằng có danh tốt, tức là sinh mạng thứ hai của mình, song sinh mạng thứ hai này bị hủy hoại, thì biến thành danh dự quét đất.

Bổn lai chẳng muốn mất danh dự, song chẳng có cách nào hơn, vì nhất thời làm việc sai lầm, khiến cho danh dự mất đi, đây cũng là một thứ khổ ái biệt ly về danh. Khổ ái biệt ly rất nhiều. Ví như vợ chồng chẳng phân ly, nhưng sinh ra đứa con xinh đẹp dễ thương lại thông minh, quý trọng đứa con như châu báu, song đột nhiên đứa con đó qua đời, lúc đó họ rất đau đớn buồn rầu không ngui, đó cũng là ái biệt ly khổ. Hoặc có người rất có hiếu với cha mẹ, rất cung kính thương yêu, vốn chẳng muốn cha mẹ lìa khỏi mình, song chẳng may cha mẹ qua đời, đó cũng là ái biệt ly khổ.

Tức nhiên biết khổ về ái biệt ly, nhưng đừng chấp trước về ái, đừng đặc nặng sự thương yêu về một người, mà hãy thương yêu bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, hành Bồ Tát đạo để độ tất cả chúng sinh, đừng nghĩ tưởng riêng mình, hãy nghĩ tưởng vì chúng sinh, được như thế thì chẳng có khổ về ái biệt ly.

Sự khổ về ái biệt ly này, có người càng chấp trước về ái tình, chẳng có khổ mà tự mình đi tìm khổ. Giống như có những chàng thanh niên vừa kết hôn rồi, suốt ngày

đến tối cứ buồn rầu. Buồn về chuyện gì ? Sợ vợ của y đi tìm bạn trai khác bên ngoài, đó chẳng phải không có khổ mà đi tìm khổ chăng ? Cũng có những người phụ nữ kết hôn rồi, nhưng người chồng quá đẹp trai, nên suốt ngày cứ buồn bã sợ chồng của cô ta có bạn gái khác, thậm chí nghĩ đến thì không thể ăn cơm. Bạn nói đó có phải là quá ngu si chăng ? Còn những người chẳng thương người mà thương chó, lại có người thương mèo, coi chó mèo như mạng sống của mình, cho đến đối với tất cả súc sinh hoặc vật chất đều sinh tâm thương yêu. Khi sinh tâm thương yêu thì cũng rất xảo diệu, thương chó mà chó chết đi, thương mèo mà mèo cũng mất đi, họ cũng đau đớn khóc lóc, đó cũng là ái biệt ly khổ. Tóm lại, đối với bất cứ sự vật gì mà bạn nhìn chẳng thấu, buông xả chẳng đặng, và khi có sự phân ly, khiến cho bạn chẳng được sở nguyện như ý, thì cảm thấy rất thống khổ, đó đều gọi là khổ về ái biệt ly.

Có người nói : ''Chỉ thương yêu mà có nhiều sự khổ như thế, thì tôi chẳng thương yêu nữa, về sau tôi bắt đầu ghét.'' Ghét tức là không thương, có sự chán ghét, có tâm oán hận, đối với sự vật gì cũng đều chẳng thương yêu, đó là sai lầm. Vậy nói thương yêu là có khổ, còn nếu không thương yêu ? Cũng có khổ như nhau, tức là có khổ về ''Ghét mà gặp nhau.'' Trong trường hợp nào đó, bạn đều cảm thấy rất chán ghét, rất hận những người khác và cũng chẳng có duyên với bất cứ ai, cảm thấy người nào cũng đều không tốt, cho nên ai tôi cũng đều chẳng hoan

hỉ. Bạn chẳng thương người, cũng chẳng thương chó, càng chẳng thương mèo, gì cũng đều chẳng thuận mắt, thấy vật gì cũng đều nổi giận. Do đó, dọn nhà đi đến chỗ khác ở, không ngờ về chỗ đó rồi, lại gặp những người và vật như ở trên, thậm chí còn tệ hơn hoàn cảnh ban đầu.

Những sự tình mà bạn chẳng muốn thấy, càng thấy càng chán ghét, thì những sự tình đó lại càng đến. Rất kỳ lạ, rất kỳ lạ ! Bạn sợ thấy mèo, mà suốt ngày đều có mèo chạy đến chỗ bạn, đánh nói cũng chẳng chạy. Ghét chó, vừa mới thương đó, bây giờ lại ghét, bạn càng ghét nó, thì nó càng gần gũi bạn. Bạn ghét phụ nữ, mà người phụ nữ đó suốt ngày cứ đến tìm bạn. Bạn chẳng vui vẻ lại muốn dọn nhà, đến nơi khác lại có những người và hoàn cảnh như thế, còn tệ hơn lúc trước, chẳng có ngày nào vui vẻ thoải mái. Bạn nói đó có khổ chăng ?

Sự khổ này từ đâu đến ? Vốn từ trong tự tánh của bạn chiêu cảm đến, vì tự tánh của bạn thiếu định lực. Bạn ở nơi đó chẳng có hòa khí với những người lân cận, thì dọn đến chỗ khác cũng chẳng hòa khí, đó chẳng phải là người ta đối với bạn không tốt, mà là chính bạn đối với người không tốt. Vì mình cảm thấy chẳng có duyên với bất cứ ai, cho nên người khác đối với bạn cũng chẳng có duyên. Vậy cảm thấy tốt cũng là khổ, cảm thấy không tốt vẫn là khổ, thì làm cách nào ? Phải hợp với trung đạo, đối với bất cứ việc gì cũng đừng thái quá, thái quá thì cũng như bất cấp. Sự khổ về ghét mà gặp nhau này kỳ quái như thế. Bạn càng không thích điều gì, thì điều đó lại

đến; bạn chẳng muốn gặp người uống rượu, mà người đó suốt ngày ở bên cạnh bạn. Chẳng thích người hút thuốc, mà người hút thuốc cứ đến nhà bạn. Chẳng thích người đánh bạc, mà người đánh bạc mỗi ngày cứ đến tìm bạn. Tại sao ? Vì bạn có sự oán ghét, cho nên tụ lại một chỗ là khổ. Sự khổ về oán ghét gặp nhau, và ái biệt ly, đều là vì mình không minh bạch chân chánh về trung đạo, bị lệch về một bên, lệch về một bên nên mới có khổ. Nếu giữ trung đạo thì chẳng có khổ.

Tin rằng chẳng có ai nhàm chán oán ghét ''tiền bạc'', song nếu bạn càng ghét tiền, càng ham nó, thì nó càng không đến. Ham thích mà nó chẳng đến, tức là ''khổ về cầu chẳng được''.

Vừa mới nói ái là khổ, ghét cũng khổ, trong ái có sở cầu, có sở cầu mà cầu chẳng được. Có người suốt đời muốn cầu phát tài, song lao lực khổ nhọc, từ khi biết làm ăn cho đến già, đều muốn phát tài, nhưng đến khi chết cũng chẳng phát tài, vẫn nghèo sơ nghèo xát, đó là khổ về cầu chẳng được. Có người cảm thấy làm quan là tốt, do đó bằng mọi cách cầu làm quan, song cầu suốt đời cuối cùng cũng chẳng được, đó cũng là khổ về cầu chẳng được. Có người suốt đời cầu danh, song một đời cũng cầu chẳng được. Có người chẳng có con, thì muốn sinh người con thông minh, xinh đẹp, song cầu tới cầu lui, cũng cầu chẳng được, đó cũng là khổ về cầu chẳng được. Suốt cuộc đời không cầu cái này thì cầu cái kia, song chẳng cầu được cái gì cả. Những người đi học thì mong làm bác sĩ,

song quá khứ chẳng tài bồi căn lành học vấn, nên học đến già mắt chẳng còn thấy, tai chẳng còn nghe được nữa, học suốt đời cũng chẳng đậu được bác sĩ. Ở Trung Quốc có người tên là Lương Hạo, học đến tám mươi hai tuổi mới đỗ trạng nguyên, song được trạng nguyên rồi chẳng bao lâu thì chết, tuy cầu được, nhưng chưa hưởng thụ thì chết mất, đó cũng là khổ. Cầu cái này chẳng được, cầu cái kia không thành, tóm lại những gì bạn tham cầu mà chẳng được, đó đều là khổ.

Lại có khổ về năm ấm, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ở trong Tâm Kinh có nói : ''Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc.'' Nếu bạn nhìn nó đều là không, thì chẳng có khổ. Năm ấm này thiêu đốt rất là hừng hẫy, là khổ nhất, song ai ai cũng chẳng lìa được năm ấm này. Bảy thứ khổ ở trên vừa nói là thuộc về cầu khổ; còn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, này có đủ ở trong tự tánh, luôn luôn đều bên cạnh bạn, muốn lìa cũng lìa chẳng được, đây gọi là khổ về năm ấm thiêu đốt.

Quán chân quán thanh tịnh
Quán trí huệ rộng lớn
Quán bi và quán từ
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.

''Quán chân quán thanh tịnh'': ''Quán chân'' là gì ? Tức là quán chân không. Chân không tức là chẳng có

tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, đó gọi là quán chân không. Tuy là chẳng có tướng ta, chẳng có tướng người, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ mạng, nhưng cũng chẳng lìa khỏi tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Do đó, ''vô tướng'' chứ chẳng phải lìa khỏi ta, người, chúng sinh, thọ mạng, mới không có tướng, mà là ở tại tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, chẳng có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, đây gọi là tại tướng mà lìa tướng, tức cũng như lúc trước tôi thường nói:

''Mắt thấy hình sắc bên trong chẳng có,
Tai nghe việc đời tâm chẳng hay.''

Minh bạch có hình có sắc, mà tại sao bên trong chẳng có ? Là vì chẳng chấp trước. Đây là quán không, cũng giống như đại viên cảnh trí.

Trong đại viên cảnh trí, tuy nhiên có vật tất hiện, có tướng tất ứng, có cảnh giới gì, thì hiện cảnh giới đó, song nó chẳng lưu lại dấu vết. Quán chân không của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng tức là như vậy.

Quán thanh tịnh : Thanh tịnh là đối với nhiễm ô mà nói. Nhiễm ô là gì ? Có sự chấp trước tức là mhiễn ô, có sự ái trước cũng là nhiễm ô, có sự tham trước cũng là nhiễm ô. Thanh tịnh là chẳng có mọi sự tham, sân, si, nếu có tham sân si thì chẳng thanh tịnh. Ví như sự bố thí, một số người bố thí thường phạm tư tưởng như vầy : ''Người

này có chút quan hệ với tôi, anh ta là bạn thân của tôi, hoặc là ở gần tôi, tôi phải bố thí cho anh ta, giúp đỡ anh ta.'' Đa số trước khi bố thí, đều so sánh người xa gần, có quan hệ, sau đó mới bố thí cho người xa. Đó là đã có tâm phân biệt xa gần thân sơ, có tâm chấp trước tướng, thì không thể vô tướng bình đẳng bố thí, đó cũng gọi là quán bất thanh tịnh.

Bố thí pháp của Bồ Tát Quán Thế Âm, là Ngài chẳng phân biệt ta người, chẳng phân biệt kẻ thân người lạ, chẳng phân biệt xa gần, chỉ vì bố thí mà bố thí. Bố thí gồm có bố thí tiền tài, bố thí pháp, bố thí vô úy. Bố thí tài lại có bố thí nội tài, và bố thí ngoại tài. Ngoại tài là vật ngoài thân, nội tài là vật trong thân. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo thì có tài thí, tài thí này hướng bên ngoài thí xả đất nước, vợ con, đem tất cả đất nước bố thí cho người khác, đem vợ của mình và con cái của mình, đều bố thí cho chúng sinh, đó mới là thật bố thí, thật xả bỏ, mới đến tất cả ruộng đất, nhà cửa, sự nghiệp, đều bố thí cho người có đạo đức, đây gọi là bố thí ngoại tài.

Bố thí nội tài : Tức là đem đầu, mắt, tủy, não, tính mạng của mình bố thí hết. Trong tâm thường nghĩ : ''Nếu có thể đem thân này để cứu tất cả chúng sinh trên thế giới, thì tôi sẽ đem thân thể này bố thí cống hiến cho thế giới. Cho đến quả tim của tôi cũng bố thí cho người, sinh mạng cũng bố thí cho người. Nếu như có người cần cái đầu của tôi, thì tôi chặt cái đầu này xuống để dâng cho họ.''

Như Ngài Xa Lợi Phất khi thực hành Bồ Tát đạo, thì có người xin Ngài một con mắt, Ngài Xá Lợi Phất bèn móc một con mắt ra bố thí cho anh ta, song anh ta nói : ''Ông lầm rồi, tôi chẳng muốn con mắt này, mà tôi muốn con mắt kia.'' Do đó, Ngài Xá Lợi Phất thối bồ đề tâm. Ngài nghĩ : ''Bồ Tát đạo rất khó thực hành.'' Ngài chỉ xả bỏ một nửa nội tài, còn nửa kia xả chẳng được. Nhưng Bồ Tát thì nghĩ như vầy: ''Nếu có thể lấy não và cốt tủy của tôi làm thành thuốc để cứu người, thì tôi cũng nguyện bố thí.'' Đây gọi là bố thí nội tài. Phàm là những gì thuộc về thân thể, trí huệ, tinh thần, đó đều gọi là nội tài.

Còn có bố thí pháp, tức là thuyết pháp giáo hóa chúng sinh. Sự bố thí này lớn hơn hết, do đó:

''Trong các sự bố thí,
Bố thí pháp là hơn hết.''

Bố thí pháp là quan trọng nhất. Cho nên hiện tại chúng ta ở tại Phật Giáo Giảng Đường này, tuy giảng đường chẳng lớn, nhưng pháp lực cũng không nhỏ. Ngày thứ năm do Quả Địa giảng, ngày thứ sáu do Quả Phổ giảng, ngày thứ bảy do Quả Toàn giảng, ngày chủ nhật thì bắt đầu giảng Phẩm Phổ Môn.

Phật Giáo Giảng Đường này, hằng ngày đều bận rộn, vì pháp mà quên mình, vì Phật pháp mà quên đi thân tâm tính mạng, chẳng lo cho sức khỏe của mình. Mỗi ngày ai cũng đều làm việc, tôi là pháp sư cũng làm việc như nhau, tất cả mọi việc tôi đều làm. Mấy ngày nay thân

thể hơi đau, tối hôm qua tôi cũng lười một chút, chẳng đến vì làm việc quá mệt nhọc khổ cực, song tôi làm khổ cực, lười một chút cũng không sao, vì tôi đã học tập nhiều năm rồi, nên tôi lười biếng một chút tình còn có thể tha thứ. Song, các vị là đệ tử thì không thể lười biếng, bất cứ ai giảng kinh cũng đều phải đến nghe. Nghe pháp tức là biểu hiện hộ trì đạo tràng. Mọi người đến đông thì pháp hội càng lớn, nếu chẳng có ai đến thì pháp hội càng nhỏ. Do đó, muốn ủng hộ Phật Giáo Giảng Đường thì đến nghe giảng kinh.

Trong số các vị có hộ giáo sử, bố giáo sĩ, tuyên giáo sư. Tuyên giáo sư tức giảng kinh thuyết pháp, bố giáo sĩ là phải đến các nơi truyền bá cho Phật giáo rộng lớn. Hộ giáo sử tức là tận tâm ủng hộ đạo tràng, khiến cho đạo tràng ngày càng phát triển, ngày càng phát dương quang đại. Hộ trì đạo tràng tức là hộ trì Phật giáo, hộ trì Phật giáo tức cũng là hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Đó là trách nhiệm củ mỗi quý vị. Người tây phương đối với Phật pháp xưa kia, có thể nói là kiến giải tựa như trẻ con, vốn chẳng hiểu Phật pháp, giống như có những người Mỹ tự xưng là trưởng giả, bậc pháp sư, bây giờ các vị đều đã biết. Khi hỏi họ Phật giáo là gì, thì họ chẳng biết Phật giáo là gì ? Bây giờ các bạn đã nghe Kinh Lăng Nghiêm ba tháng rồi, có thể nói rằng sự hiểu biết về Phật pháp của quý vị chẳng ít. Hiện tại giảng đến bố thí pháp tức là đem sự hiểu biết về Phật pháp của các bạn, giới thiệu đến với tất cả chúng sinh, phải đi tuyên truyền đến với mỗi người.

Vì hoằng dương Phật pháp, có thể quên ăn cơm cũng chẳng cảm thấy đói, quên ngủ cũng chẳng cảm thấy mệt.

Tôi biết quá khứ tôi đã đi tuyên dương Phật pháp, nên đã có sự việc người nào muốn học Phật pháp, thì dù tôi không ăn cơm, không ngủ, cũng vì họ giảng giải. Giảng giải cho họ minh bạch rồi, thì trách nhiệm của tôi mới xong. Tôi hy vọng các bạn cũng y chiếu theo tôi như thế, làm hóa thân của tôi đi hoằng dương Phật pháp, đi bố thí pháp. Bố thí pháp so với bạn xả bỏ bao nhiêu tiền vẫn có giá trị hơn. Hiện tại các bạn tích cực học tập Phật pháp, có mấy người muốn xuất gia, đó thật là việc hiếm có. Ở nước Mỹ có thể nói là phá kỷ lục.

Nhiều người như thế muốn xuất gia, muốn làm hòa thượng, muốn làm Tỳ Kheo ni, đó thật là không thể nghĩ bàn. Hiện tại các bạn nên lập cơ sở và quy cụ cho vững chắc, làm tiền đồ cho Phật giáo nước Mỹ, mỗi người đều phải gánh lấy trách nhiệm, phải nghĩ như vầy: ‘’Tôi còn hơi thở, thì Phật giáo là trách nhiệm của tôi.’’ Nếu người khác nói họ cũng muốn gánh một phần trách nhiệm, như thế thì được, chứ chẳng phải nói tôi gánh trách nhiệm, thì bạn không thể gánh trách nhiệm. Cho nên nói, trách nhiệm của Phật giáo là ai ai cũng có phần, đừng thối thác, các bạn nên đứng vững dậy, lấy việc hoằng dương Phật pháp làm trách nhiệm của mình, đó là điều kiện cơ bản bố thí pháp.

Ngoài ra còn có bố thí vô úy (bố thí không sợ hãi). Bố thí vô úy như Bồ Tát Quán Thế Âm cứu bảy nạn, giải

trừ ba độc, ứng hai cầu, đều là một trong bố thí vô úy. Bố thí vô úy tức là người nào đó, có sự sợ hãi kinh hoàng, khi sắp xả bỏ tính mạng, mà bạn hiện thân vô úy, đem sự vô úy an ủi họ. Hiện thân vô úy là gì ? Ví như có người ở trong nạn lửa, sắp bị lửa thiêu đốt, vì bị khói mù dày đặc chẳng biết đông tây nam bắc, đã chẳng biết lối nào thoát khỏi hầm lửa. Lúc đó bạn chẳng sợ, dấng thân vào trong lửa để cứu họ ra, đó chẳng phải là việc dễ làm được. Đây gọi là xả thân mạng để cứu hộ chúng sinh, tức cũng là bố thí vô úy. Hoặc có người rớt vào trong biển, mắt trông thấy họ sắp bị chết đuối, bạn cũng chẳng nghĩ đến tính mạng của mình, bèn nhảy xuống biển vớt người đó lên bờ. Chẳng những nạn nước lửa, mà cho đến trong đao, binh, pháo lửa, có người bị pháo, hoặc bị giáo thương làm tổn thương, trong chiến trận rất nguy hiểm, mà bạn cũng chẳng màng thân tâm tính mạng của mình, xông vào nơi nguy hiểm nhất để cứu người ra, đó gọi là bố thí vô úy. Tóm lại, tức là lúc người ta sợ hãi, gặp cảnh giới nguy hiểm, mà bạn có thể dùng tâm từ bi, tâm dũng cảm, phát huy tinh thần đại vô úy, tinh thần gì cũng chẳng sợ, đi cứu hộ tất cả chúng sinh. Như Ngài Bồ Tát Trì Địa, tuy Ngài chẳng phải trực tiếp tu bố thí vô úy, mà là tu gián tiếp. Tu như thế nào ? Ngài biết người qua sông thì cần phải có cầu, không có cầu thì không thể qua sông được, do đó Ngài bèn dùng sức của mình làm chiếc cầu gỗ, khiến cho người khi qua sông chẳng có nguy hiểm.

Song, tuy có cầu chẳng nguy hiểm nhưng nếu gặp lúc nước lớn dâng lên, thì cũng rất nguy hiểm. Giống như Hòa thượng Hư Vân từ Cửu Hoa Sơn đi xuống núi, Ngài nhớ nơi đó vốn có chiếc cầu, bèn y theo như xưa đi đến nơi đó muốn qua sông, không ngờ chiếc cầu đó sớm đã bị nước lớn làm gãy cầu, kết quả Ngài bị rớt xuống sông, ở dưới sông trải qua một ngày một đêm, mới được ông đánh cá kéo lưới lên. Khi kéo lưới ông ta nghĩ: ''Ồ ! Lần này nhất định giàu to, trong lưới có con cá thật to.'' Không ngờ kéo lưới lên thì nhìn thấy vốn là một vị hòa thượng, nhưng chẳng còn hơi thở. Ở gần đó có ngôi chùa nhỏ, ông đánh cá bèn chạy vào trong chùa kêu người xuất gia nói :''Hòa thượng! Hòa thượng! Hôm nay tôi kéo lưới lên, thì trong lưới có một vị hòa thượng, hãy theo tôi đến xem.'' Người trong chùa nghĩ: ''Thật là kỳ lạ, sao trong lưới đánh cá lại có vị hòa thượng ? Đến nơi xem thì vị hòa thượng đó chính là hòa thượng Đức Tịnh. Bèn giúp Ngài làm cho nước trong bụng trào ra hết, lúc đó Ngài mới sống trở lại, thật là được mạng sống lần thứ hai.

Sau khi hòa thượng Hư Vân bị nước ngập chìm không chết, Ngài đến Chùa Cao Mân đả thiền thất, bèn sinh bịnh nặng. Song, thầy phương trượng Nguyệt Lãng cũng chẳng tha thứ cho Ngài, còn muốn kêu Ngài làm đại lý phương trượng (chủ trì về khóa thiền thất). Ngài Hư Vân nghĩ : ''Tôi bệnh như thế này, làm sao mà có thể làm đại lý phương trượng?'' Do đó, Ngài Hư Vân từ chối, kết quả bị hòa thượng Nguyệt Lãng đánh hương bản. Bạn

thấy đó, Ngài Hư Vân có thể nói là đại thiện tri thức của Trung Quốc, mà ở chùa Cao Mân khổ chẳng biết bao nhiêu.

Bồ Tát Trì Địa chuyên môn làm cầu sửa đường. Lúc Ngài Hư Vân đi đến Vân Nam, trên đường đi cũng gặp một vị hòa thượng sửa đường, suốt ngày đến tối cầm sẻn làm đường, cũng chẳng nói chuyện, đó cũng là hóa thân của Bồ Tát Trì Địa. Phàm là trên đường có ngói đá, mảnh chai, Ngài đều lượm nhặt để một chỗ bên lề đường, khiến cho đường xá tốt lành.

Suốt ngày Ngài khổ công làm như thế, vậy ai trả tiền công cho Ngài ? Chẳng có ai trả tiền công cho Ngài, bạn nói đó có phải là ngu si chăng ? Song vì Ngài làm công miễn phí, nên mới tu thành Bồ Tát Trì Địa, chứng được cảnh giới vị bất thối, niệm bất thối, hạnh bất thối, đó tức là tu bố thí vô úy. Pháp môn bố thí vô úy rất là rộng lớn. Tóm lại, lúc người ta sợ hãi thì bạn hãy làm bố thí.

Đây là những ví dụ dễ hiểu, nếu như có người đã mấy ngày chẳng có cơm ăn, gần chết đói, trong tâm sợ hãi hoang mang nghĩ rằng : ''Lần này chắc sắp chết mất, chẳng có tiền để mua vật gì ăn, đi ăn cắp chăng ? Lại phạm pháp !'' Trong lúc tiến lùi đều khó khăn, nếu bạn biết được, thấy họ mặt mày vàng vọt ốm yếu, đôi chân chẳng còn sức, đi chẳng nổi, lúc đó bạn hỏi họ : ''Anh thế nào rồi ? Có phải bị bệnh chăng ?'' Họ chắc chắn sẽ nói :

''Tôi đã bốn năm ngày chẳng có gì để ăn.'' Bạn nói : ''Được, để tôi về nhà lấy đồ ăn cho anh.''

Người chẳng có quần mặc, chịu khổ về mùa đông lạnh lẽo, thì bạn cho họ ít đồ để họ mặc; người chẳng có nhà ở, thì bạn cho họ nhà để ở, đây gọi là bố thí vô úy. Song một hai ngày thì có thể, chứ không thể vĩnh viễn được, ở Trung Quốc có câu : ''Có thể cho một bữa chứ không thể cho trăm bữa.'' Cho họ một bữa ăn thì có thể, nhưng nếu ngày nào cũng phải cho bạn ăn, thì không thể được. Vì trên thế giới này, ai ai cũng đều phải đi làm công, không nên sinh tâm ỷ lại. Nếu bạn sinh ra tư tưởng rằng : ''Tôi mong rằng có người hành Bồ Tát đạo, thì tôi cũng chẳng cần làm việc, đến bữa ăn thì đến nhà có người tin Phật nói : ''Hôm nay tôi chẳng có cơm ăn, bạn hãy cho tôi một chút bố thí vô úy, khiến cho tôi chẳng sợ hãi về việc chẳng có cơm ăn, chẳng chịu khổ về đói khác.'' Như thế thì chẳng hợp quy cụ.

Người nào gặp trường hợp bất đắc dĩ, xin người ta giúp đỡ thì được, nhưng nếu bạn còn hơi thở, thì hãy tự cường bất tức, vì thế giới này mà đem lại phước lợi, đừng tiêu hao vật chất của thế giới. Có nghĩa là mọi người đều trợ giúp thế giới này, đừng ỷ lại thế giới này. Trợ giúp cho thế giới như thế nào ? Tức là phải có ích lợi cho người khác, chứ chẳng phải là để cho người khác làm ích lợi cho mình. Nếu bạn có tâm hy vọng người khác lợi ích cho mình, thì đó là tâm ỷ lại mà chẳng có tâm tự cường. Mọi

người đều nên có tâm tự cường bất tức, đừng ỷ lại người khác, đó là tông chỉ của tôi.

Quán thanh tịnh tức là sức quán thanh tịnh, tức là mọi phương diện bố thí, đừng chấp trước về tướng bố thí, đó là quán thanh tịnh, mà chẳng có pháp nhiễm ô. Bồ Tát Quán Thế Âm bố thí chẳng chấp tướng, đều lìa tất cả tướng, cho nên thanh tịnh. Nếu chấp trước thì chẳng thanh tịnh.

''Quán trí huệ rộng lớn'': Bồ Tát Quán Thế Âm có sức quán trí huệ rộng lớn, phổ độ tất cả chúng sinh, giáo hóa chúng sinh.

''Quán bi và quán từ'': Ngài còn có quán bi. Có người hiểu lầm nghĩa kinh nói: ''Bồ Tát Quán Âm cũng thường thường khóc, chẳng hoan hỉ, vì Ngài bi quan''. Đây là sai lầm. Bi ở đây chẳng phải là bi thương, mà nghĩa là thương xót. Bồ Tát sinh tâm thương xót đối với tất cả chúng sinh. Tâm thương xót là gì ? Bồ Tát luôn luôn nghĩ rằng : ''Người này thật đáng thương ! Tôi phải dùng các phương pháp để giáo hóa họ, mà họ vẫn không hiểu, vẫn điên điên đảo đảo.'' Ngài thương xót chúng sinh như thế, nên gọi là quán bi. Vì Ngài thương xót chúng sinh đó, cho nên Ngài phải độ chúng sinh đó. Giống như bạn thấy đứa bé nọ rất là thiên chân hoạt bát, ai thấy cũng thương. Tại sao được mọi người hoan hỉ ? Vì đứa bé được người thương mến.

Sự thương xót này gọi là quán bi. chứ chẳng phải là Bồ Tát Quán Thế Âm suốt ngày đến tối chẳng hoan hỉ,

thậm chí thường thường khóc lóc rơi lệ bi ai. Nếu bạn muốn học Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đừng suốt ngày đến tối khóc lóc sầu muộn mà phải ''Rộng sinh hoan hỉ chẳng sinh buồn''. Quán bi của Ngài như thế, chứ chẳng phải khóc lóc bi quan, do đó đừng nên hiểu lầm.

Quán từ, từ hay ban vui, bi hay cứu khổ. Quán bi tức là giải trừ sự thống khổ của chúng sinh. Quán từ tức là ban cho chúng sinh sự an vui. Sự ban cho niềm vui này, chẳng phải là sự an vui tạm thời, mà là sự an vui vĩnh cữu, là sự an vui chân chánh chứ chẳng phải là sự an vui của thế gian. Sự an vui gì ? Tức là ban cho tất cả các pháp, khiến cho chúng sinh thật sự hiểu biết về Phật pháp, để không còn làm chuyện điên đảo thống khổ, đây gọi là ban vui. Việc điên đảo là gì ? Giống như người thích uống rượu, uống say sưa thì cảm thấy mình tựa như thành thần, đi thì nghiêng qua ngã lại, họ cho rằng như thế là tốt nhất, tri giác của họ như khúc gỗ, thậm chí gì cũng chẳng biết. Bạn nói đó chẳng phải là điên đảo chăng ? Một người có chút thông minh, nếu bị rượu chi phối thì chẳng có việc gì mà chẳng làm, nào là giết người, phóng lửa.

Có một buổi sáng sớm nọ ở tại bến xe bus, có một gã say rượu xin tôi tiền để đi mua rượu uống, vì gã chưa uống đủ. Tôi lại nghĩ ra một chuyện, cũng tại bến xe bus, có một người da đen đi ngang qua chẳng nói gì cả, tôi cũng chẳng quen anh ta, anh ta cũng chẳng quen tôi, không hiểu tại sao anh ta lại quỳ xuống lạy tôi, lạy rồi cũng chẳng nói gì, đứng dậy bỏ đi. Người đó chẳng phải

đến lạy để xin tiền, ở trước mặt một đám đông lạy tôi, lạy xong rồi đi. Cũng chẳng biết anh ta là quỷ hay là thần ? Thật là lạ kỳ, tôi thấy anh ta chẳng phải say rượu, không biết có phải là một sự linh cảm nên anh ta lạy tôi. Đa số quỷ thấy tôi thì lạy, và thần thấy tôi cũng lạy. Mà người đó lại xưng là hắc quỷ cung kính lạy tôi, lạy xong cũng chẳng dám nhìn tôi, bèn bỏ đi. Tôi nghĩ đại khái là trên thân của anh ta có quỷ.

Uống rượu là như thế, hút thuốc thì càng điên đảo hơn. Tại sao ? Bổn lai phổi của bạn sạch sẽ, mà làm cho nó do bẩn. Có người nói : ''Hòa thượng, thầy giảng sai rồi, trong phổi của tôi chẳng sạch sẽ.'' Không sai ! Phổi của bạn chẳng sạch sẽ. Sự không sạch sẽ này vẫn không sao. Bạn dùng khói đem vào phổi, xông ướp phổi ngày càng đen, ngày càng nám, song bạn chẳng thấy nên không biết. Bạn hít vào một hơi khói, thì cũng giống như tấm gương phủ lên một lớp tro, lại hút một hơi nữa, lại phủ lên một lớp tro. Bổn lai phổi là sạch sẽ, song bạn muốn xông ướp những lớp bụi tro, đó chẳng phải là điên đảo chăng ?

Và còn hút nha phiến, á phiện, hút vào thì cảm thấy tinh thần lâng lâng, thậm chí như đi trên chín tầng mây. Khi hút ghiền rồi, thì khắp thân chẳng an vui, rất khó chịu. Cho nên tôi hy vọng những người hút thuốt hãy mau bỏ thuốc; người uống rượi hãy mau bỏ rượu; người siêng năng thì đừng học lười biếng. Nên làm nhiều việc thiện, làm việc thiện mới có công đức, nếu không làm thì chẳng có công đức. Công đức là từ việc thiện mà ra, cứ làm việc

thiện thì tự nhiên sẽ có công đức, tự nhiên sẽ chẳng điên đảo nữa. Bạn không làm công đức, còn sử dụng tiền chẳng đúng chỗ thì đó gọi là điên đảo. Nếu bạn dùng tiền vào việc hữu dụng, thì đây chẳng phải là điên đảo, cho nên điên đảo rất là nhiều thứ.

Bồ Tát Quán Thế Âm, hay chỉ rõ hành vi điên đảo của bạn, kêu bạn đừng điên đảo, khiến cho bạn đắc được an vui thật sự, an vui vĩnh viễn, đây gọi là từ; bi hay cứu khổ, chẳng phải là cứu khổ tạm thời của bạn, mà là cứu khổ đời đời kiếp kiếp của bạn. Song, bạn phải sinh niềm tin. Bạn có niềm tin thì Bồ Tát Quán Thế Âm mới có tâm từ bi. Nếu bạn chẳng có niềm tin, thì quán từ và quán bi của Bồ Tát Quán Thế Âm với bạn, cũng như nước với lửa, nước và lửa chẳng dung hợp. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng từ bi rất lớn, để đối đãi bạn mà bạn lạnh lùng như băng chẳng hợp với Ngài.

Băng lạnh tức là chẳng có niềm tin. Nếu bạn có niềm tin, thì càng hợp với quán từ và quán bi của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hợp với nhau thì bạn sẽ lìa khổ được vui.

Khổ là gì ? Phiền não của con người tức là khổ. Nếu bạn chẳng có phiền não thì sẽ an vui. Tại sao bạn chẳng an vui ? Vì bạn có phiền não; chẳng có phiền não tức là an vui. Bồ Tát Quán Thế Âm hay làm cho phiền não của bạn tiêu trừ, khiến cho bạn đắc được an vui thật sự, đó tức là quán bi và quán từ.

‘’Thường nguyện thường chiêm ngưỡng’’: Tôi nguyện luôn luôn chiêm ngưỡng tướng mạo từ bi của

Ngài Quán Thế Âm, càng nhìn thì càng sinh tâm hoan hỉ, sinh tâm cung kính. Lạy đại bi sám là một sự biểu hiện cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn chẳng lạy đại bi sám, thì cũng giống như người Mỹ chẳng muốn lạy đảnh lễ, cho đến một cái cúi đầu cũng chẳng cúi, đó gọi là tin Phật gì ? Bạn tin ông Phật đó là Phật gì ? Có người nói : ''Tôi tin ông Phật của tôi''. Nếu bạn tin ông Phật của bạn thì chẳng thể có. Vì bạn chẳng tìm được ông Phật của bạn, cho nên Phật bên ngoài mà bạn cũng chẳng biết. Nếu tin ông Phật của mình, thì không thể không lạy Phật. Lạy là biểu thị sự cung kính nhất, đây gọi là năm thể sát đất, cũng là một thứ lễ mạo. Bạn chẳng có lễ mạo thì làm sao nói đến tin Phật ?

Trước kia có một vị bác sĩ, khắp nơi ai cũng đều tin ông ta, xem ông ta như sắp thành Phật. Ông ta bèn kêu họ đừng lễ Phật. Mọi người thì lễ Phật, còn ông ta thì đứng một bên, giống như khúc gỗ. Tại sao ? Vì tướng ta quá to lớn. Người không lạy Phật, thứ nhất là ngã mạn, cảm thấy cái ta rất lớn, còn lớn hơn Phật thì làm sao mà lạy Phật? Vì ông ta cống cao ngã mạn nên thấy Phật cũng chẳng lễ bái. Như thế thì làm sao mà học Phật, tin Phật ? Căn bản ông ta chẳng hiểu gì về Phật giáo, song ông ta đi khắp nơi giảng Phật pháp cho mọi người nghe, đó thật là hại người không ít.

Quang thanh tịnh không dơ

Huệ nhật phá các tối
Hay phục nạn gió lửa
Chiếu sáng khắp thế gian.

Bốn câu kệ này thật diệu không thể tả. Diệu không thể tả như thế nào ? Bốn câu kệ này hay chữa bệnh mắt. Nếu mắt của người nào bệnh, mà có thể luôn luôn niệm bốn câu kệ này, thì bệnh mắt sẽ hết. Tuy bệnh mắt hết nhưng bạn vẫn phải sinh ra trí huệ, thì mới trị hết triệt để. Nếu chẳng sinh ra trí huệ, thì chỉ hết tạm thời thôi, tương lai sẽ tái phát.

Ở trong quyển Quan Âm Dị Ký có ghi là hay chữa trị bệnh mắt. Vậy cứu kính thì chữa bệnh mắt như thế nào ? Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, đó là nhờ sức thần thông gia bị của Bồ Tát Quán Thế Âm. Tóm lại, bạn phải tin kinh văn để ứng dụng vào bất cứ việc gì, thì đều rất linh nghiệm, có hiệu dụng. Nếu bạn không tin thì chẳng có công hiệu. Cho nên Phật pháp như biển cả, chỉ có niềm tin mới vào được. Pháp của Phật vô lượng vô biên như biển cả, chẳng biết lớn cỡ nào, sâu cỡ nào. Nếu bạn có niềm tin, thì Phật sẽ có thể tiếp dẫn bạn vào.

''Không nhơ quang thanh tịnh'': Không nhơ là gì ? Nhơ la bụi bặm, cũng là vật không sạch sẽ. Nếu bạn không có những bụi bặm không thanh tịnh, thì tự nhiên sẽ phóng ra quang minh thanh tịnh. Quang minh thanh tịnh là đối với bụi bặm mà nói, chẳng có bụi bặm thì sẽ có quang minh thanh tịnh; có bụi bặm thì chẳng có quang

thanh tịnh. Do đó, chẳng có bụi bặm dơ bẩn, thì sẽ phóng ra quang minh thanh tịnh. Thế nào thì gọi là chẳng có bụi bặm ? Tức là chẳng còn vọng tưởng. Bạn chẳng còn vọng tưởng thì chẳng có bụi bặm. Nếu bạn khởi một vọng tưởng thì có một lớp bụi bặm, khởi ba lớp vọng tưởng thì có ba lớp bụi bặm. Khởi vọng tưởng càng nhiều, thì bụi bặm tích lũy càng dày. Người tham thiền nói là ''Minh tâm kiến tánh'', minh tâm tức cũng là chẳng có bụi bặm, kiến tánh tức cũng là thấy được quang minh thanh tịnh. Bạn chẳng có bụi bặm thì mới thấy được quang minh thanh tịnh. Nếu có bụi bặm thì chẳng thấy được quang minh thanh tịnh. Cho nên minh tâm kiến tánh tức là thấy rõ bản tâm mình, thấy được bản tánh mình.

Bản tâm tính tức là trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: ''Thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể''. Thường trụ chân tâm tức là minh tâm; tính tịnh minh thể tức là thanh tịnh minh thể, tức cũng là tính Như Lai tạng. Minh tâm kiến tánh tức cũng là minh bạch tính Như Lai tạng của mình vốn có, đây gọi là không nhơ.

''Huệ nhật phá các tối'': Huệ nhật là trí huệ như mặt trời, chiếu phá tất cả chỗ đen tối. Đen tối là gì ? Đen tối có rất nhiều, bây giờ nói đen tối ví như: Bạn chẳng có niềm tin tức là đen tối, bạn chẳng có trí huệ tức la đen tối, bạn chẳng có tâm nguyện cũng là đen tối, chẳng có tâm thực hành cũng là đen tối. Và nữa bạn chẳng giữ giới luật tức là đen tối, bạn chẳng tu định lực là đen tối, bạn chẳng tu huệ là đen tối. Bạn chẳng tu theo con đường giới định

huệ, đó là đi trên con đường đen tối. Bạn y theo giới định huệ tu hành tức là quang minh. Cho nên ''Huệ nhật phá các tối'', trí huệ mặt trời chiếu phá tất cả sự đen tối. Bạn muốn nghe Phật pháp, đó tứ là quang minh. Trong tâm bạn nói: ''Tôi nghe đã mấy ngày rồi, cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Vị pháp sư này ở trên pháp tòa giảng đi giảng lại đều giảng về cái đó, tôi nghe đã nhiều lần rồi, đều kêu mọi người trừ khử tham sân si, tu giới định huệ, tôi nghe đã nhàm quá rồi''. Bạn nghe nhàm rồi, tức là đen tối hiện tiền. Bạn nghe chẳng nhàm, nói : ''Vị pháp sư này giảng càng nghe càng có ý nghĩa, càng nghe càng có vị đạo, thậm chí tôi nghe tiếng nói và dáng cười của Pháp sư, sau khi nghe rồi mà pháp sư vẫn ở tại lỗ tai tôi giảng kinh thuyết pháp, suốt ngày đến tối tôi đều nghe tiếng của pháp sư đang nói pháp bên cạnh tôi''. Đó tức là quang minh. Chẳng thích nghe tức là đen tối.

Giảng đến đây, tôi nhớ ra một câu chuyện : Ở tại Hồng Kông có một vị nữ cư sĩ đến gặp tôi, sau khi gặp tôi rồi, thì khi cô ta đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng đều thấy tôi đang giảng kinh nói pháp ở đó, song vị nữ cư sĩ này nói như thế nào ? Cô ta nói : ''Vị pháp sư Độ Luân này là ma ! Sao tôi luôn luôn đều thấy ông ta ?'' Cô ta thường thấy pháp sư thuyết pháp mà nói là ma. Nếu cô ta thấy ma, chắc cô ta lại cho là Phật. Cho nên người đó thường thấy tôi, mà cứ nói là thấy ma, lại chửi mắng, lại muốn đánh, chưa đến mấy tháng thì vị nữ cư sĩ đó bệnh ung thư chết. Bổn lai tôi muốn cứu cô ta, nhưng cô nói tôi là ma,

nên tôi cũng thương xót mà chẳng giúp được. Hôm nay tôi nhớ đến chuyện này, cho nên cô ta thấy pháp sư mà nói là ma; nếu thấy ma thì cô ta lại thế nào ? Do đó, có rất nhiều người thế gian đều nhận giả làm thật. Thật mà họ cho là giả, khi giả thì họ nói là thật.

Trí huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm như ánh sáng mặt trời, chiếu phá mọi sự đen tối. Chiếu phá những đen tối gì ? Bồ Tát Quán Thế Âm tu quán chân không, chiếu phá đen tối thấy và nghĩ (kiến tư), chứng được đức Bát nhã. Kiến hoặc là gì ? Tức là mê lý khởi phân biệt. Bồ Tát Quán Thế Âm tu quán thanh tịnh, phá trừ đen tối trần sa, chứng được đức giải thoát. Bồ Tát Quán Thế Âm tu quán trí huệ, phá trừ đen tối vô minh, chứng được đức pháp thân.

Đây gọi là ba đức : Đức Bát nhã, đức giải thoát, đức pháp thân. Bồ Tát Quán Thế Âm tu ba quán (quán chân không, quán thanh tịnh, quán trí huệ), mà chứng được ba đức, đoạn trừ đen tối kiến tư, trần sa và vô minh. Cho nên nói huệ nhật phá các tối. Huệ ở đây tức là quán, quán tất cả huệ.

''Hay phục nạn gió lửa'' : Bồ Tát Quán Thế Âm hàng phục được ba tai nạn, đó là nạn nước, gió, lửa. Lửa thiêu hủy đến cõi sơ thiền, nước ngập đến trời nhị thiền, gió thổi tan trời tam thiền. Tại sao trời sơ thiền bị lửa thiêu hủy ? Vì người trời ở cõi sơ thiền, vẫn còn có lửa phiền não, cho nên lửa trong tự tánh của họ dẫn khởi lửa ở thế gian. Lúc đó, trong hư không xuất hiện bảy mặt trời,

thiêu sạch hết tất cả động, thực vật trong đại địa, sau đó thiêu cạn nước trong biển cả, thiêu sạch hết núi non, chẳng còn tồn tại vật gì.

Nạn lửa lớn như thế trải qua bảy lần, rồi sau đó phát sinh một lần nạn nước lớn. Nạn nước lớn ngập đến trời nhị thiền. Tại sao ? Vì người trời ở cõi nhị thiền vẫn còn đầy dẫy nước phiền não, do đó dẫn khởi nạn nước lớn ở thế gian, sóng dâng lên ngập chìm hết tất cả, chẳng còn nơi đất liền nào tồn tại, tất cả động vật và thực vật đều chẳng tồn tại.

Trải qua bảy lần nạn nước lớn rồi, thì phát sinh nạn gió lớn. Nạn gió này còn lợi hại hơn, so với nạn lửa và nước vừa nói ở trên, chẳng những thổi sơn hà đại địa ở thế gian nát thành bụi, mà còn thổi đến trời tam thiền, khiến cho trời tam thiền cũng chẳng tồn tại. Có câu kệ nói rằng :

''Lục dục chư thiên cụ ngũ suy,
Tam thiền thiên thượng hữu phong tai,
Nhậm quân tu đáo Phi Phi Tưởng,
Bất như tây phương quy khứ lai.''

Nghĩa là :

''Sáu cõi trời dục giới có năm tướng suy,
Trên trời tam thiền có nạn gió,
Cho dù tu đến trời Phi Phi Tưởng,
Chẳng bằng sinh về cõi tây phương.''

Năm tướng suy là gì ?

① Thứ nhất là mũ hoa trên đầu héo úa. Người trời dùng hoa làm mũ đội trên đầu, thứ hoa này chẳng phải người trồng, mà là tự nhiên sinh ra làm mũ đội. Đến khi năm tướng suy hiện ra thì hoa úa phai tàn. Lúc chẳng có năm tướng suy hiện ra, thì hoa luôn luôn tươi tốt. Khi hoa bắt đầu phai tàn, thì họ biết tuổi thọ sắp hết.

② Thứ hai là quần áo dơ bẩn. Quần áo của người trời mặc, chẳng giống như quần áo thế gian, mỗi tuần phải giặt một lần, hoặc hai tuần phải giặt một lần. Nếu chẳng giặt thì chẳng sạch. Quần áo của người trời mặc, chẳng cần phải giặt, vì nó chẳng dơ. Song, đến khi năm tướng suy hiện, quần áo của họ dơ bẩn, thì họ biết tuổi thọ sắp hết. Giống như người chúng ta, khi hơi thở chưa tắt mà trên thân có chỗ đã sinh trùng. Bình thường nó chẳng sinh trùng, đến khi hơi thở sắp chấm dứt, thì trên thân rất nhiều chỗ đều có trùng. Quần áo của người trời dính bụi cũng là nghiệp báo chiêu cảm. Tại sao trên thế giới của chúng ta có rất nhiều bụi bặm ? Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói, vì trong tâm của chúng ta quá nhiều vọng tưởng, cho nên bụi trên thế giới cũng biến thành nhiều. Vọng tưởng của chúng ta như là bụi bặm, chẳng có gì khác biệt. Do đó, tất cả bụi bặm đều do tâm vọng tưởng của chúng ta tạo thành. Năm tướng suy của người trời hiện tiền, thì quần áo cũng có bụi bặm.

③ Thứ ba là hai nách ra mồ hôi, thân của người trời chẳng giống như thân của chúng ta, luôn luôn ra mồ hôi,

họ chẳng bao giờ có mồ hôi, song, năm tướng suy hiện tiền thì hai nách ra mồ hôi.

④ Thứ tư là thân thể hôi hám. Thân của người trời suốt ngày đến tối, đều tỏa ra mùi hương thơm, chẳng phải họ xoa dầu thơm, mà là tự nhiên tỏa ra mùi thơm. Khi năm tướng suy hiện tiền, thì trên thân chẳng còn mùi thơm mà tỏa ra mùi hôi hám.

⑤ Thứ năm là chẳng thích ngồi trên tòa nữa. Người trời thật là tự tại, suốt ngày đến tối đều thích ngồi thiền nhập định, chẳng có việc gì để làm. Khi năm tướng suy hiện tiền, thì họ ngồi chẳng yên, ngồi một chút lại đứng lên, đứng lên lại ngồi xuống, cứ đứng lên ngồi xuống như thế, một niệm mất đi tri giác thì sẽ đọa lạc, người trời hết tuổi thọ.

Đó là trời lục dục có năm tướng suy hiện, song trời sơ thiền thì có nạn lửa, trời nhị thiền thì có nạn nước, trời tam thiền thì có nạn gió, vì người trời cõi tam thiền có gió phiền não, cho nên tiếp xúc với luồng gió thế gian, mà dẫn đến nạn gió. Từ khi bạn sinh về cõi trời Phi Phi Tưởng, hưởng thọ phước trời tám vạn đại kiếp, song khi phước trời hết, thì vẫn bị đọa lạc vào nhân gian, hoặc đọa làm ngạ quỷ, súc sinh, hoặc đọa vào địa ngục, chẳng nhất định, cho nên rất là nguy hiểm.

Chẳng bằng tu vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, sau đó trở lại con thuyền từ bi, giống như Bồ Tát Quán Thế Âm đến giáo hóa chúng sinh.

''Chiếu sáng khắp thế gian'': Trí huệ quang minh của Bồ Tát Quán Thế Âm chiếu soi khắp thế giới Phàm Thánh Đồng Cư (thế giới người phàm và Thánh nhân ở với nhau). Nơi hiện nay chúng ta đang ở gọi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tức là nơi phàm phu và bậc Thánh đều ở. Bồ Tát Quán Thế Âm tu đại trí đại huệ, lại chiếu soi khắp thế giới Phương Tiện Hữu Dư, tức là thế giới của hàng nhị thừa ở. Phương tiện tức là thiện xảo phương tiện. Hữu dư là chỉ thế giới đó, phiền não vẫn chưa đoạn sạch, còn dư thừa. Bồ Tát Quán Thế Âm đầy đủ đại trí huệ, lại chiếu khắp thế giới Thật Báo Trang Nghiêm, tức là thế giới Bồ Tát ở. Thế giới của Phật ở là thế giới Thường Tịch Quang, còn gọi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Đại trí huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm đều chiếu khắp cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cho nên nói : ''Chiếu sáng khắp thế gian.''

Bi thế giới lôi chấn
Ý từ diệu mây lớn
Rưới mưa pháp cam lồ
Dập tắt lửa phiền não.

''Bi thế giới lôi chấn'' : Bốn câu kệ này là khen ngợi từ bi của Bồ Tát Quang Thế âm. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng từ bi làm pháp thể của Ngài. Từ bi pháp thể của Ngài từ đâu sinh ra ? Là từ giữ giới mà sinh ra. Lúc ban

đầu Bồ Tát Quán Thế Âm tu đạo, thì chuyên tu giới luật mà sinh ra đại từ bi rộng lớn, pháp thể vô duyên đại từ. Thứ pháp thể này âm thanh lớn như là tiếng sét đánh, đánh thức tất cả chúng sinh, người điết cũng nghe được, người ngu cũng nghe được. Cho nên câu ''Bi thế giới lôi chấn'' này, là khen ngợi thân nghiệp của Bồ Tát Quán Thế Âm không thể nghĩ bàn.

''Ý từ diệu mây lớn'': Bồ Tát Quán Thế Âm dùng từ bi bình đẳng, mắt từ nhìn chúng sinh. Trong bổn kinh cũng nói : ''Mắt từ nhìn chúng sinh, biển phước tụ vô lượng.'' Bồ Tát Quán Thế Âm tu phước đức vô lượng vô biên như biển cả. Ý niệm từ bi của Ngài bình đẳng ban vui cho chúng sinh, cảnh giới không thể nghĩ bàn này, giống như đám mây lớn ở trong hư không.

''Rưới mưa pháp cam lồ'': Rưới nghĩa là mưa xuống, mưa xuống nước pháp cam lồ. Cam lồ là gì ? Cam lồ tức là thuốc trường sinh bất lão ở trên trời, tuổi thọ của người trời lâu như thế, là do uống thuốc trường sinh bất lão. Có người nói : ''Người trời cũng uống thuốc, khó trách người bây giờ muốn khai ngộ cũng uống thuốc.'' Song, thuốc trên trời là tự nhiên, là ở trên trời vốn có, chẳng cần trải qua làm bằng tay, uống thứ thuốc bất lão này thì chẳng già. Mây lớn vi diệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, rưới xuống mưa pháp cam lồ, rưới xuống thuốc trường sinh bất lão, khiến cho tất cả mọi người lìa khỏi khổ sinh già bệnh chết.

''Dập tắt lửa phiền não'': Bồ Tát Quán Thế Âm dập tắt hết lửa phiền não của con người trên thế gian, mỗi người đều có phiền não. Tại sao chẳng thành Phật ? Vì có phiền não. Tại sao chẳng khai ngộ ? Vì có phiền não. Tại sao bạn chẳng được giải thoát, chẳng được tự tại thật sự ? Cũng vì bạn có phiền não. Phiền não tức cũng là chấp trước. Chấp trước tức là một tên khác của phiền não. Bạn có sự chấp trước thì chẳng được giải thoát, có rất nhiều phiền não. Vậy chấp trước lại từ đâu đến ? Là từ tâm ích kỷ lợi mình mà sinh ra. Nếu bạn chẳng có tâm ích kỷ lợi mình, mà đại công vô tư, thì bạn lại có gì để chấp trước ? Nếu bạn chẳng có tâm ích kỷ, thì chẳng có sự chấp trước. Chẳng chấp trước thì chẳng có phiền não, chẳng phiền não thì giải thoát, đắc được giải thoát, thì khai ngộ cũng là thành Phật. Cho nên, phiền não của chúng ta là một vật tệ nhất. Song, mỗi người đều xả bỏ chẳng đặng vật tệ hại này, đều muốn đi đứng nàm ngồi với phiền não, lìa chẳng khỏi, có người nói : ''Tôi luôn luôn an vui, đó gọi là chẳng có phiền não.'' Nếu bạn thật sự đắc được an vui, thì đương nhiên chẳng có phiền não. Nếu chẳng đắc được an vui thật sự, thì tức là miễn cưỡng dùng tâm tạo tác để làm sự an vui này, đó chẳng phải là an vui thật sự, vì phiền não vẫn ẩn tàng ở bên trong. Một ngày nào đó nó sẽ phát tác, giống như dùng một hòn đá lớn đè lên cỏ, tuy cỏ chẳng lớn, nhưng tương lai lấy hòn đá ra, thì cỏ sẽ lớn lên tươi tốt. Trong bốn hoằng thệ nguyện, thì nguyện thứ nhất là : ''Chúng sinh thệ nguyện độ.'' Tại sao Bồ Tát Quán

Thế Âm lại đến thế giới này ? Là vì : ''Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.'' ''Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn'' : Bồ Tát Quán Thế Âm có phiền não chăng ? Ngài đã đoạn sạch phiền não, song Ngài lấy phiền não của chúng sinh làm phiền não của mình. Ngài thấy phiền não của chúng sinh chưa đoạn, nên Ngài dùng đủ thứ pháp môn giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh đoạn trừ phiền não. Phiền não thì chẳng cùng tận, giống như sóng biển, niệm trước diệt thì niệm sau sinh ra; niệm sau diệt rồi, thì niệm sau nữa lại sinh, liên tục không ngừng, phiền não cũng như thế. ''Pháp môn vô lượng thệ nguyện học'': Phật pháp có vô lượng vô biên pháp môn. Có người đọc một bộ kinh, hoặc đọc được hai bộ kinh thì tự mãn, nói họ đã hiểu Phật pháp. Phật pháp mà họ hiểu, thật là chẳng bằng một giọt nước trong biển cả. Giống như con kiến ra biển uống nước, uống no nê đầy bụng rồi nói : ''Tôi đã uống cạn hết nước trong biển.'' Nước ở trong biển, nó chẳng uống được một giọt. ''Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành'': Chẳng có gì cao hơn Phật đạo, do đó mỗi người nên phát nguyện thành Phật, không nên coi mình quá nhỏ bé, phải xem mình bổn lai là Phật. Song, bổn lai là Phật, chứ chẳng phải hiện tại là Phật. Bổn lai ban đầu chúng ta đều đầy đủ Phật tánh như Phật, không hai không khác. Song, hiện tai chúng ta vì chẳng biết tu hành, cho nên chẳng có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, đại bản lãnh của Phật, đó là bốn thệ nguyện lớn. Bồ Tát Quán Thế Âm vốn chiếu theo bốn thệ nguyện

lớn này, để giáo hóa chúng sinh, cho nên rưới mưa pháp cam lồ, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được mát mẻ, chẳng còn phiền não. Đây gọi là ''Dập tắt lửa phiền não.''

Tranh kiện nơi quan tòa
Trong trận chiến sợ hãi
Nhờ sức niệm Quan Âm
Các oán địch lui tan.

''Tranh kiện nơi quan tòa''. Tranh là đấu tranh. Vào thời mạt pháp là thời đấu tranh kiên cố. Khi Phật còn tại thế là thời đại chánh pháp, sau khi Phật diệt độ là thời đại tượng pháp. Sau khi Phật diệt độ trải qua hai ngàn năm, là thời đại mạt pháp. Thời đại chánh pháp là thiền định kiên cố, ai ai cũng đều thích tham thiền, tập định, tu định lực. Thời đại chánh pháp một ngàn năm. Từ khi Phật ra đời đến Phật diệt độ một ngàn năm gọi là thời đại chánh pháp. Qua thời đại chánh pháp thì đến thời kỳ tượng pháp, thời kỳ này là chùa chiền kiên cố, ai cũng hoan hỉ phấn khởi làm chùa, tạo tượng Phật, cho nên trên thế giới có những nước có rất nhiều chùa, thời đại tượng pháp là một ngàn năm. Qua một ngàn năm rồi, thì đến thời đại mạt pháp, pháp đến đoạn cuối.

Thời đại mạt pháp gồm có mười ngàn năm, thời kỳ này chẳng phải thiền định kiên cố, cũng chẳng phải chùa chiền kiên cố, mà là đấu tranh kiên cố. Nước này với nước khác đấu tranh, nhà với nhà kia đấu tranh, người với

người đấu tranh, súc sinh với súc sinh đấu tranh, quỷ với quỷ đấu tranh, khắp nơi đều đấu tranh. Tại sao phải đấu tranh. Vì thời đại mạt pháp, con người chỉ biết đấu tranh. Song, trong thời kỳ mạc pháp cũng có thời đại chánh pháp. Thời đại tượng pháp cũng có thời đại chánh pháp. Nghĩa là thời đại mạt pháp, cũng không thể nói là không có sự tham thiền đả tọa. Giống như hiện tại chúng ta, mỗi người đều bận rộn, hoặc sáng sớm, hoặc buổi tối, hoặc buổi trưa, tranh thủ tu hành, tham thiền đả tọa, đây cũng là thời đại chánh pháp, bất quá một phần ít trong thời đại mạt pháp, ít lại càng ít. Cho nên trong thời đại mạt pháp, chúng ta vẫn giảng kinh thuyết pháp, còn có người rất bận rộn, thậm chí chẳng ngủ, chẳng ăn để nghe kinh, đây cũng là chánh pháp trong thời đại mạt pháp. Bây giờ, mọi người đều đề xướng làm chùa, thành lập đạo tràng, đây cũng là việc làm của thời đại tượng pháp. Cho nên thời đại mạt pháp cũng có thời đại tượng pháp, cũng có thời đại chánh pháp. Thời đại tượng pháp cũng có thời đại chánh pháp, cũng có thời đại mạt pháp. Vì thời đại tượng pháp cũng có người chẳng làm chùa, chẳng tin Phật pháp, đó cũng giống như mạt pháp. Tại sao thời đại tượng pháp phải làm chùa ? Làm chùa có thể khiến cho mọi người tụ lại một chỗ để dụng công tu hành, đây cũng là thời đại chánh pháp. Trong thời đại chánh pháp cũng có tượng pháp và mạt pháp. Thời đại chánh pháp cũng có người làm chùa, giống như thời đại tượng pháp. Thời đại chánh pháp cũng chẳng phải ai ai cũng học Phật pháp, có người

học chút chút Phật pháp, sau đó chẳng học nữa, thì nói chi đến nghiên cứu, đó cũng là mạt pháp ở trong thời đại chánh pháp. Ở trong mỗi thời kỳ, đều có đủ chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp.

Hiện tại thời đại mạt pháp này là đấu tranh kiên cố, mà chúng ta có thể duy trì Phật pháp, khiến cho Phật pháp trụ lâu ở đời, mỗi ngày tụng trì Chú Lăng Nghiêm đều có lợi ích rất lớn đối với thế giới. Tại sao ? Vì nếu trên thế giới chẳng còn ai tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì thế giới này sẽ sớm hủy diệt. Lúc đó yêu ma quỷ quái, tất cả lị mị vọng lượng đều xuất hiện. Tại sao bây giờ chúng chẳng dám xuất hiện ? Vì trên thế giới này còn có người tụng trì Chú Lăng Nghiêm, tu bốn mươi hai tay và mắt của Chú Đại Bi, tu pháp môn thiên thủ thiên nhãn, cho nên yêu ma quỷ quái chẳng dám xuất hiện hoành hành.

Kiện tụng là đến tòa án để nói lý lẽ. Nói lý lẽ phải mời luật sư. Luật sư có thể nói người có lý lẽ thành người chẳng có lý lẽ. Người chẳng có lý lẽ thì có thể nói họ thành có lý lẽ. Đây gọi là điên đảo thị phi. Trước đây mấy tháng, có một phụ nữ giết chồng, song cô ta giàu có bèn ra điều kiện với luật sư, nếu luật sư có thể tẩy sạch tội của cô ta, đánh bại ông tòa, thì cô ta sẽ cho ông ta một số tiền. Vị luật sư đó biết cô ta là người giết chồng, song ở tại tòa án thì ông ta cường từ đoạt lý, biện luận thế cho cô ta, mà chẳng bắt cô ta phải đền mạng. Bạn nói như thế có lý lẽ chăng ? Chỉ cần có tiền thì dù giết người cũng chẳng có tội, đây tức là kiện tụng. Tức nhiên chẳng có tội, chẳng

cần đền mạng, thì thử hỏi trên thế giới này còn có chân lý chăng ? Bổn lai muốn ra tòa án là để nói lý lẽ, song đến đó thì luật sư vì người biện luận có lý lẽ thì biến thành chẳng có lý lẽ, chẳng có lý lẽ cũng biến thành có lý lẽ, chẳng có lý lẽ cũng biến thành có lý lẽ. Bạn nói thế giới này chẳng phải là thế giới đen tối chăng ?

''Nơi quan tòa'': Quan tòa là nơi nói lý lẽ, xem thử ai phải ai trái. Song, lúc đó dù bạn đúng mà chẳng có tiền thì cũng thành có tội. Nếu bạn sai mà bạn có tiền thì cũng thành vô tội. Cho nên trên thế giới này, con người vẫn bị tiền chi phối, làm cho lương tâm con người mất đi.

''Trong trận chiến sợ hãi'': Khi gặp hoàn cảnh sợ hãi, thì bạn nên niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì ''các oán địch lui tan'', tất cả các oán hận đều lui tan. Kiện tụng và ở trong trận chiến đấu tranh với nhau, đều do đời đời kiếp kiếp kết oán quá nhiều, cho nên mới tụ hội lại một chỗ, cùng nhau trả quả báu.

Song, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì những quả báo đó đều sẽ giảm bớt, nặng biến thành nhẹ, nhẹ thì biến thành không có gì cả. Nêu chẳng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì vấn đề đó sẽ nghiêm trọng, nếu bạn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sẽ giảm nhẹ. Do đó, cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm không thể nghĩ bàn, chẳng phải một số người biết được.

Vào thế chiến thứ hai, ở Thượng Hải có một vị cư sĩ tên là Phí Phàm Cảnh, bình thường ông ta đều niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, vào thời kỳ Nhật Bản chiếm Trung

Quốc, thì Thượng Hải thường bị quân Nhật bắn phá thả bom. Ông ta có cảm giác rằng nhà của ông đang ở sẽ có nguy hiểm, sẽ bị bom đạn. Do đó, bèn dọn nhà đến nơi khác. Ông ta vừa mới dọn đi thì, nơi đó quả nhiên bị quân Nhật bắn phá. Nơi mà ông ta mới dọn đến cách bốn năm ngày sau, ông cũng cảm thấy chẳng an toàn lắm, do đó ông ta lại dọn đến khu Tô Giới. Ở Thượng Hải có một khu vực của người nước ngoài mượn của Trung Quốc để ở, cho nên Nhật Bản chẳng dám đến đất Tô Giới để xâm chiếm. Ông ta dọn đến đất Tô Giới rồi, ông ta lại sợ chỗ này cũng chẳng an toàn, lại muốn đi. Nhưng chung quanh bên ngoài Tô Giới đều có lưới điện bao bọc, cho nên ông ta cũng chẳng có cách nào để đi, trong lúc tiến thối lưỡng nan, không thể quyết định thì gặp một đứa bé nói với ông ta rằng : ''Hãy đi mau, đằng sau có quân Nhật đến''. Do đó, ông ta nhìn thấy lưới điện có lỗ trống rộng khoảng hai thước, chỉ vừa đủ một người chun ra. Ông ta thấy cậu bè chun ra, thì cả nhà ông ta cũng đều chun ra chạy. Sau đó họ nhìn bốn phía đất Tô Giới đều có quân đội phòng thủ, cảm thấy rất kỳ lạ, chẳng biết sao họ lại ra được ? Đến khi ông ta tìm đứa bé, thì chẳng thấy nữa, nhìn lại lưới điện thì cũng chẳng thấy lỗ trống đó nữa. Ông ta cảm thấy rất kỳ quái, ông ta bèn đi đến Tô Châu, tai nạn quân đội tác chiến ông ta cũng được bình an vô sự.

Do đó có thể chứng minh, cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm thật là cao sâu khó dò, con người chẳng dễ gì hiểu được. Trong những hoàn cảnh đó, Bồ Tát Quán

Thế Âm sẽ bảo hộ người niệm danh hiệu của Ngài, cho nên mỗi người chúng ta, nên sinh niềm tin chân thành niệm Bồ Tát Quán Thế Âm.

Các oán địch, tức mới vừa nói nước này với nước kia đấu tranh, nhà với nhà đấu tranh, người với người đấu tranh, quỷ với quỷ đấu tranh, đó đều là do nghiệp lực của chúng sinh sở cảm, mà tạo thành cục diện như thế. Bây giờ có rất nhiều nước, song bạn đừng cho rằng trong những nước đó đều là người. Có những bầy chuộc đi đầu thai làm người mà trở thành một nước, nhiều ếch nhái cũng đầu thai làm người, và trở thành một nước. Mùa xuân năm nay, có người đem đến tin tức trong báo nói rằng : Ở Thái Lan có mấy chục ngàn con ếch nhái tự sát. Tại sao ? Vì nước đó cũng là nước có nhiều ếch nhái, cho nên chúng tự sát có thể đi đầu thai làm người. Người trong mỗi nước đều đồng một giống loài, giống loài đó kiếp trước đa số là một loài súc sinh, cho nên cùng nhau làm dân trong một quốc gia. Mùa xuân năm nay tôi nói về vấn đề này thì có người hỏi : ''Đa số người Mỹ là từ giống gì tái sinh ? Là giống loại gì mà thành một nước ? ''Tôi trả lời : ''Người và súc sinh đều có, vì nước Mỹ là do các nước di dân đến, là người và súc sinh tạp nhạp với nhau.'' Đây là sự thật chứ chẳng phải nói đùa. Nếu các bạn mở ngũ nhãn, thì sẽ biết người của thế giới này, chẳng nhất định là người, mà đủ loại. Làm sao nhìn thấy được ? Nếu bạn có mắt Phật, khai mở mắt trí huệ, muốn biết người đời trước là gì ? Ở đời trước làm gì ? Thì bạn

có thể nhìn hình dáng phía sau của người đó, hình dáng kiếp trước đó, đời này vẫn theo họ. Nếu kiếp trước là người, thì hình dáng là người, nếu là súc sinh thì hình dáng là súc sinh, nếu là yêu quái thì có hình dáng yêu quái. Chỉ có người khai mở ngũ nhãn, thì mới có thể nhìn thấy rõ ràng. Nếu người chẳng khai mở ngũ nhãn, thì chẳng phân biệt được.

Cho nên bạn thấy người đừng cho rằng đó là người. Làm thế nào biết được những vấn đề đó ? Nếu bạn đắc được thiên nhãn thông thì sẽ biết dễ dàng. Chỉ cần bạn chân thật dụng công tu hành, thì muốn biết gì cũng đều được. Còn có nước (chẳng phải là tôi chưởi người) rất nhiều người đều là chuột biến thành, bất quá, tuy có rất nhiều chuột, nhưng trong nước đó cũng có rất nhiều người, cũng có rất nhiều quỷ và súc sinh. Tóm lại, mỗi nước đều có trâu ngựa dê gà chó heo, đủ thứ loại. Con người cũng do những chúng sinh đó biến thành. Đạo lý này nói ra thật là vi diệu. Một số người chẳng chứng thật về việc này cho nên không tin. Muốn chứng thật về việc này, thì phải cước đạp thật địa dụng công tu hành, đắc được thần thông thì sẽ nói : ‘’Trước kia có một vị pháp sư nói về đạo lý này, thật chẳng sai chút nào, sao việc vi diệu như thế, Ngài đều có thể nói ra’’, lúc đó bạn sẽ biết.

Tiếng diệu Quán Thế Âm
Tiếng phạm tiếng hải triều
Hơn hẳn tiếng thế gian

Cho nên thường phải niệm.

‘’Tiếng diệu Quán Thế Âm’’: Bài kệ ở trước là: ‘’Quán chân quán thanh tịnh, quán trí huệ rộng lớn, quán bi và quán từ, thường nguyện thường chiêm ngưỡng.’’ Tức là nói về chữ ‘’quán’’. Bây giờ là nói về chữ ‘’tiếng’’ (âm). ‘’Tiếng’’ này là tiếng diệu Quán Thế Âm. Tiếng của Quán Thế Âm là tiếng vi diệu, âm thanh vi diệu này tức là Quán Thế Âm.

‘’Tiếng phạm tiếng hải triều’’: Âm thanh của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những vi diệu, mà còn thanh tịnh, như tiếng hải triều. Khi biển đến lúc nhất đỉnh, thì sẽ phát sinh hải triều. Tiếng thanh tịnh của Bồ Tát Quán Thế Âm như tiếng hải triều.

‘’Hơn hẳn tiếng thế gian’’: Âm thanh của Bồ Tát Quán Thế Âm, hơn hẳn mọi âm thanh của thế gian.

‘’Cho nên thường phải niệm’’: Vì vậy, cho nên chúng ta mỗi người, đều phải thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm.

Niệm niệm chớ sinh nghi
Quán Thế Âm tịnh Thánh
Khi khổ não nạn chết
Hay làm nơi nương tựa.

‘’Niệm niệm chớ sinh nghi’’: Khi chúng ta niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đừng bao giờ sinh tâm nghi ngờ,

đừng nghĩ như vầy: ''Niệm có ích gì? Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chẳng phải là chẳng có ý nghĩa gì chăng ?'' Hằng ngày niệm Bồ Tát Quán Thế Âm mà bạn sinh tâm hoài nghi. Quan trọng nhất là đừng sinh tâm nghi ngờ, trong một niệm cũng đừng sinh tâm hoài nghi, phải sinh niềm tin.

''Quán Thế Âm tịnh thánh'': Bồ Tát Quán Thế Âm là bậc Thánh thanh tịnh.

''Khi khổ não nạn chết'': Khi bạn có khổ não đau đớn, hoặc khi gặp nguy hiểm sắp chết.

''Hay làm chỗ nương tựa'': Lúc đó Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ bảo hộ bạn. Bạn có thể đem thân tâm tính mạng giao cho Bồ Tát Quán Thế Âm, thì Ngài nhất định sẽ trợ giúp bạn.

Đủ tất cả công đức
Mắt từ trông chúng sinh
Biển phước tụ vô lượng
Cho nên phải đảnh lễ.

''Đủ tất cả công đức'': Bồ Tát Quán Thế Âm đầy đủ tất cả thần thông diệu dụng, đầy đủ tất cả các thứ công đức, tất cả thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn đều không thiếu.

''Mắt từ trông chúng sinh'': Bồ Tát Quán Thế Âm đều dùng mắt cha lành nhìn chúng sinh. Bất cứ chúng

sinh có lỗi gì, hoặc chẳng có lỗi lầm, có tội nghiệp, hoặc chẳng có tội nghiệp, Ngài đều từ bi đến cứu độ như nhau.

''Tụ biển phước vô lượng'': Vì Bồ Tát Quán Thế Âm dùng đại từ bi bình đẳng phổ độ chúng sinh, cho nên phước báu của Ngài tu lớn như biển cả, vô lượng vô biên, sâu không thể dò.

''Cho nên phải đảnh lễ'': Vì công đức của Bồ Tát Quán Thế Âm đều đầy đủ, cho nên chúng ta mỗi người, đều nên đảnh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bây giờ đã giảng xong phần bài kệ. Chúng ta có cơ hội được nghe toàn bộ Kinh Pháp Hoa, thật là khó được gặp gỡ. Hiện tại đừng nói là nước Mỹ, dù ở Trung Quốc, cũng chẳng dễ gì được nghe toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Ở Hồng Kông, Đài Loan có cơ hội này, nhưng cũng rất khó khăn. Hiện tại chúng ta đang sống an toàn ở nước Mỹ, mà nghe được Bộ Kinh Pháp Hoa này, thật là may mắn. Bạn đến nghe kinh trong sự vô hình, trợ giúp cho thế giới này. Chúng ta đang nghe kinh ở đây, mà khắp thế giới đều tràn trề bầu không khí cát tường. Phàm là nơi nào có pháp hội giảng kinh, thì trời rồng tám bộ chúng đều đến ủng hộ đạo tràng. Chúng ta có cơ hội này, đều là người có căn lành lớn. Nếu chẳng có căn lành, muốn đến nghe cũng đến chẳng được. Khi muốn đến nghe thì chẳng phải ma chướng này sinh, thì ma chướng kia sinh ra. Tóm lại, khiến cho bạn chẳng thể nào đến nghe kinh được. Hiện tại chúng ta nghe kinh nghe pháp, công đức này thật là vô

lượng vô biên, không thể hết được. Đến nghe kinh mỗi người đều có công đức.

Bấy giờ, Bồ Tát Trì Địa bèn từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật bạch rằng : Đức Thế Tôn ! Nếu có chúng sinh nghe được Phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm này, nghiệp tự tại phổ môn thị hiện sức thần thông, thì nên biết người đó công đức chẳng ít. Khi đức Phật nói Phẩm Phổ Môn này, thì có tám vạn bốn ngàn chúng sinh ở trong chúng, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ là lúc đó, tức là sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong phần bài kệ. Bồ Tát Trì Địa tức là Bồ Tát Trì Địa mà trong Kinh Lăng Nghiêm có nói đến. Vị Bồ Tát này, ở trong vô lượng kiếp về trước, là một vị chẳng đọc sách, chẳng biết chữ, nhưng sức lực của Ngài rất lớn. Sức của Ngài chẳng những mạnh, mà còn vô cùng vô tận. Có đồ vật mà một số người chẳng khiên nổi, mà Ngài một mình vác nổi, có đồ vật mà một số người gánh chẳng nổi, mà Ngài gánh nổi, việc mà một số người chẳng làm được, mà Ngài làm được. Ngài làm gì ? Tức là tu sửa đường bằng phẳng, làm đường, làm cầu. Có khi xe qua cầu mà qua chẳng được, Ngài bèn giúp họ đẩy xe. Có

người gánh đồ khổ cực, thì Ngài giúp họ gánh đồ. Song, Ngài chẳng đòi giá cả, chẳng đòi tiền công. Ngài thực hành khổ hạnh như thế rất lâu. Có một lần nọ, gặp Đức Phật Phù Xá Lô, Phật hỏi Ngài :

- ''Tại sao con phải tu sửa đường bằng phẳng?''

- Ngài nói : ''Con tu sửa đường bằng phẳng, là để cho những người đi được an toàn.''

- Phật Phù Xá Lô nói: ''Con làm đường bằng phẳng là bỏ gốc theo ngọn, đây là dụng công phu trên ngọn ngành, chỉ tu hành ở ngoài da.''

- Phật Phù Xá Lô nói tiếp: ''Con muốn tu sửa đường bằng phẳng, thì trước hết phải tu sửa "đất tâm" cho bằng phẳng. Tại sao đường xá chẳng bằng phẳng? Thế giới có núi cao, có đất bằng, có biển cả, là vì tâm của con người chẳng bằng phẳng. Trong tâm của con người có núi cao, cho nên đất chẳng bằng chẳng. Nếu đất tâm của con bằng phẳng, thì thê giới chẳng có chỗ nào mà không bằng phẳng.'' Bồ Tát Trì Địa nghe Phật Phù Lô Xá giáo hóa rồi, bèn tu pháp môn "đất tâm", làm bằng phẳng mảnh đất trong tâm, tu thành chứng quả, đắc được quả vị Bồ Tát. Do đó, Ngài có tên là ''Bồ Tát Trì Địa.''

Bồ Tát, ở trên đã có nói rồi, tức là giác hữu tình, giác ngộ hữu tình chúng sinh. Cũng là một bậc giác ngộ ở trong chúng sinh. Bồ Tát Trì Địa bèn từ tòa ngồi của Ngài đứng dậy, hướng về Đức Phật nói : ''Đức Thế Tôn ! Nếu như có chúng sinh nào nghe được Phẩm Bồ Tát Quán Thế Âm nghiệp tự tại, phổ môn thị hiện ba mươi hai ứng thân,

bốn vô úy thần thông lực như thế, thì nên biết công đức của người đó chẳng ít, công đức họ nghe được Phẩm Phổ Môn không thể hạn lượng.'' Không ít tức là nhiều, chẳng có số lượng, vô lượng vô biên. Khi Đức Phật Thích Ca diễn nói Kinh Pháp Hoa, nói đến Phẩm Phổ Môn, thì ở trong chúng có tám vạn bốn nghìn chúng sinh, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là A nậu đa la tam miệu Tam bồ đề.

''Tám vạn bốn nghìn chúng sinh là gì ? Tám vạn bốn nghìn chúng sinh ở đây, tức cũng là tám vạn bốn nghìn phiền não của chúng ta. Mỗi một phiền não là một chúng sinh, hơn nữa ở trong thân của mỗi người chúng ta, đều có tám vạn nghìn vi sinh vật, vi sinh vật tức là vi khuẩn. Trong thân của chúng ta đều có vi trùng. Con người chúng ta là trùng lớn, ở trong thân trùng lớn này, có trùng nhỏ, ở trong máu, ở trong thịt, trong ngũ tạng, chẳng biết có bao nhiêu vi trùng ? Con người chúng ta làm thế nào mà có thể sinh tồn ? Tức cũng là thân trùng lớn nuôi dưỡng những trùng nhỏ, trùng nhỏ trợ giúp cho trùng lớn. Bạn cho rằng con người là gì ? Ở trong thân thể có vô lượng vô biên vi sinh vật (sinh bật nhỏ bé).

Một vi sinh vật là một chúng sinh. Vậy có bao nhiêu vi sinh vật ? Có nhiều đếm không hết được. Tóm lại, thì có tám vạn bốn nghìn. Kỳ thật, chẳng phải chỉ tám vạn bốn nghìn, hoặc là mười vạn tám nghìn, cũng chẳng nhất định. Trong tự tánh của mỗi người chúng ta, đều đầy đủ tám vạn bốn nghìn chúng sinh. Tám vạn bốn nghìn

chúng sinh ở trong pháp hội đó, tức cũng là tám vạn bốn nghìn thứ niệm ở trong tâm, niệm niệm sinh diệt, niệm niệm chẳng ngừng, niệm sinh tức là một chúng sinh, niệm diệt cũng là một chúng sinh. Sinh sinh diệt diệt có tám vạn bốn nghìn chẳng lìa khỏi tự tánh. Tám vạn bốn nghìn chúng sinh đều phát tâm vô đẳng đẳng, chẳng có gì có thể bằng tâm, chẳng có gì có thể sánh với tâm, tức là tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề là tiếng phạn. A dịch là vô, nậu đa la dịch là thượng, tam dịch là chánh, miệu dịch là đẳng, bồ đề dịch là giác, hợp lại là vô thượng chánh đẳng chánh giác. ''Vô thượng'' là chẳng có gì cao hơn nữa. ''Chánh đẳng'' là chân chánh đồng với Phật. ''Chánh giác'' là giác ngộ của Phật. Chân chánh đồng quả vị giác ngộ của Phật, tức cũng là phát tâm thành Phật. Có tám vạn bốn nghìn chúng sinh phát tâm thành Phật. Phát tâm thành Phật rồi, sau đó mới đắc được quả vị. Trong pháp hội đó, có tám vạn bốn nghìn chúng sinh nghe Phẩm Phổ Môn rồi, đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đó là nhân duyên rất thù thắng.

Hiện tại chúng ta đang giảng Phẩm Phổ Môn, ở trong Phật Giáo Giảng Đường có hơn hai mươi người đến nghe kinh. Hơn hai mươi người này, mỗi người đều có tám vạn bốn nghìn chúng sinh, bạn tính xem nó bao nhiêu vạn chúng sinh ? Nhưng bao nhiêu vạn chúng sinh đó, có phải đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ? Tôi tin rằng tuy chẳng phát tâm như thế, đa số cũng phát tâm

muốn thành Phật. Ở trong hội Pháp Hoa này, người nào nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tương lai đều có phần sẽ thành Phật. Hiện tại chúng ta nghe được Phẩm Phổ Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm, đều do trong quá khứ đã trồng căn lành, cho nên bây giới cũng có nhân duyên, để tụ lại một chỗ cùng nghiên cứu Phật pháp, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là quả vị cao nhất, tức là quả vị Phật, dịch ra là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chánh giác là nói người khai ngộ được chánh giác. Hàng nhị thừa A la Hán đắc được sự khai ngộ chánh giác, nhưng chưa đắc được chánh đẳng. Bồ Tát thì đắc được chánh đẳng và chánh giác. Chánh giác nơi Phật cho nên gọi là đẳng giác. Chánh giác là A la Hán, chánh đẳng là Bồ Tát. Bồ Tát có thể thành chánh đẳng, nhưng không thể thành vô thượng. A la Hán có thể thành chánh giác, nhưng không thể thành chánh đẳng. Vì Bồ Tát là Hữu Thượng Sĩ, ở trên Ngài còn có bậc cao hơn. Phật gọi là Vô Thượng Sĩ, tức là chẳng có gì cao hơn Ngài nữa. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc, đắc được ba giác tròn, vạn đức đầy, chẳng có gì cao hơn vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chỉ có Phật mới có tư cách xưng danh hiệu này. Ngoài ra các Bồ Tát, A la Hán đều không thể sánh được, cho nên đây là quả vị cao nhất. Quả vị cao nhất này làm thế nào mà thành ? Có phải từ chỗ cao nhất mà thành chăng ? Chẳng phải. Quả vị tối cao là từ chỗ thấp nhất mà thành. Khi bạn

tu đạo, thì nên nhớ đừng có tâm tự mãn, tâm cống cao ngã mạn, đó tức là từ chỗ thấp nhất mà thành quả vị cao nhất.

Ngài Lão tử có nói : ''Nước khéo lợi ích vạn vật mà chẳng tranh, ở nơi mà mọi người không thích ở.'' Nước lợi ích cho tất cả vạn vật mà chẳng tranh. Vật tức là chỉ phi tiềm động thực, hết thảy tứ sinh (thai noãn thấp hóa), đều cần nước bồi dưỡng tưới tẩm, song bản thân của nước chẳng bao giờ có tư tưởng như vầy : ''Hết thảy những vạn vật của các vị, đều do tôi lợi ích cho các vị, do tôi đến trợ giúp các vị.'' Chẳng tranh gì ? Tức là chẳng kể công, chẳng tuyên truyền với mọi người rằng : ''Việc đó là do tôi làm, công đức đó là do tôi làm thành, ngôi chùa đó là do tôi làm, cái cầu kia là do tôi xây'', chẳng bao giờ có tâm như thế, nó chẳng ích kỷ, chẳng tư lợi, cho nên Lão tử mới nói, nên học tập giống như nước. Nước khéo lợi ích vạn vật mà chẳng tranh, chẳng kể công, chẳng tranh danh, chẳng tranh lợi. ''Ở nơi mà mọi người không thích ở'' : Nước ở chỗ thấp, chẳng ở trên cao. Có người nói : ''Sao nước lại chẳng ở trên cao ? Khi trời mưa thì nước từ trên cao mưa xuống !'' Không sai, bạn nói rất có lý, trời mưa xuống là từ trên cao mưa xuống. Vậy nó làm thế nào mà đi lên cao ? Nó từ nơi thấp mà đi lên cao, chứ chẳng phải nguyên lai là ở trên cao. Nó ở trên cao vẫn phải rơi xuống đất thấp, ở dưới đất thấp lại chảy vào biển, vào sông, vào suối, vẫn chảy xuống chỗ thấp, bất quá tạm thời ở trên cao mà thôi. Cho nên nước ở chỗ mà chúng sinh chẳng thích, ở chỗ mà con người chẳng hoan hỉ. Tại sao người tu

đạo chẳng ở nhà tốt ? Suốt ngày đến tối ở trong sơn động ? Tức cũng là học giống như nước, ở chỗ thấp. Vì nước ở chỗ mà chúng sinh chẳng thích, nên hợp với đạo. Bạn muốn thành vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng như thế, cũng phải từ chỗ thấp mà hướng đi lên, chẳng phải từ trên cao mà rớt xuống, cũng chẳng phải một đời sinh ra, thì được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bạn muốn thành Phât, thì trước hết phải làm chúng sinh cho thật tốt. Làm chúng sinh tốt như thế nào ? Tức là bất cứ làm việc gì, đều phải làm việc thiện việc lành, chớ đừng làm ác, do đó có câu :

''Lựa việc thiện mà theo,
Việc ác thì sửa đổi''.

Con đường lành thì nên làm, đường chẳng lành thì sửa đổi, phải sửa lỗi làm mới lại, phải đạo thì tiến tới, trái với đạo thì thối lùi, hợp với đạo thì tiến bước về trước, chẳng hợp với đạo thì lùi về sau, như thế mới có thể đắc được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Chỗ diệu của Phẩm Phổ Môn là vô cùng vô tận, chẳng phải thời gian ngắn mà nói hết được. Tương lai khi nào có cơ hội sẽ nghiên cứu sâu hơn bước nữa. Thứ bảy này là ngày vía Bồ Tát Quán Thế Âm thành đạo, bây giờ chúng ta đã giảng xong Phẩm Phổ Môn, Biết được thần thông diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đến ngày đó mọi người phát tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, và lạy đại bi sám cầu nguyện

Bồ Tát Quán Thế Âm hiển hiện diệu dụng không thể nghĩ bàn. Ai có sở cầu thì có thể âm thầm cầu Ngài gia bị, tin tưởng Ngài, thì nhất định sẽ khiến cho bạn toại tâm mãn nguyện. Kinh Pháp Hoa là kinh thành Phật, ai nghe được Kinh Pháp Hoa, thì sẽ có phần thành Phật, cho nên đây là cơ hội rất khó được gặp.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM ĐÀ LA NI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Đà la ni dịch là tổng trì, tức là tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa, cũng có thể nói là nhiếp ba nghiệp (thân khẩu ý) thanh tịnh, giữ sáu căn (mắt tai mũi lưỡi thân ý). Nhiếp tâm thì có thể nói là nhiếp tâm giữ thân. Nhiếp tâm thì có thể đắc được tam muội pháp hoa, giữ thân thì có thể đắc được Đà la ni pháp hoa.

Làm thế nào có thể nhiếp thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh ? Tức là thân chẳng phạm giới sát, trộm, dâm ba điều ác, miệng chẳng phạm nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi và chưởi mắng bốn điều ác, ý chẳng phạm tham sân si ba điều ác. Chẳng phạm mười điều ác này, mà thực hành mười điều thiện, thì ba nghiệp sẽ thanh tịnh.

Làm thế nào giữ mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu căn tự tại diệu dụng ? Nếu ba nghiệp thanh tịnh, thì sáu căn tự

nhiên sẽ được thanh tịnh. Thanh tịnh rồi thì tự nhiên thì sẽ đắc được cảnh giới sáu căn dụng với nhau.

Đà la ni còn dịch là chú. Chú hay sinh thiện diệt ác, bảo hộ hành giả được cát tường như ý. Chú cũng giống như chiếu chỉ của hoàng đế, quan dân nhất định phải tuân lệnh. Lại giống như khẩu lệnh ở trong quân đội, người trong quân đội đều biết rõ, nếu không thì sẽ bị xử phạt, hoặc có sự nguy hiểm đến tính mạng.

Phẩm này do Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát dũng Thí, Tỳ Sa Môn Thiên Vương, Trì Quốc Thiên Vương, mười nữ la sát phát nguyện nói ra các bài chú, dùng thần lực để trì Kinh Pháp Hoa, khiến cho những pháp sư thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh Pháp Hoa, ở trong đời ác, tâm cung kính. Bèn nói với Phật, đó là biểu thị miệng cung kính. Người thỉnh pháp nhất định phải ba nghiệp thanh tịnh, mới biểu thị chân tâm thành ý cung kính.

Bồ Tát Dược Vương nói : ‘’Đức Thế Tôn ! Nếu như tương lai có người thiện nam, người thiện nữ, phát tâm thọ trì (thọ nơi tâm, trì nơi thân) Kinh Pháp Hoa, hoặc là đọc (thuộc lòng) Kinh Pháp Hoa, chẳng những thông đạt nghĩa lý, mà còn đọc tụng rất nhanh, toàn bộ quyển kinh chẳng sai một chữ, chẳng sót một câu, đó tức là thuộc lòng. Hoặc cung kính biên chép quyển Kinh Pháp Hoa, hoặc giảng giải Kinh Pháp Hoa. Pháp sư làm như thế thì đắc được phước báu bao nhiêu’’?

Đức Phật bảo Dược Vương : Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, cúng dường tám vạn ức na do tha Hằng hà sa các đức Phật, thì ý của ông thế nào ? Phước báu đó đắc được có nhiều chăng ? Rất nhiều, đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo Bồ Tát Dược Vương rằng : ''Ở đời vị lai, nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào cúng dường tám trăm vạn ức na do Hằng hà sa số các đức Phật, thì ông cảm thấy thế nào ? Họ đắc được phước báu có nhiều chăng ?'' Bồ Tát Dược Vương nói : ''Đức Thế Tôn ! Rất nhiều, rất nhiều ! Chẳng cách gì tính đếm được.''

Đức Phật nói : Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, hay ở nơi kinh này, cho đến thọ trì bài kệ bốn câu, đọc tụng hiểu nghĩa, theo như lời trong kinh nói mà tu hành, thì công đức rất nhiều.

Đức Phật lại nói với Bồ Tát Dược Vương : ''Nếu như có người thiện nam, hoặc người thiện nữ, ở nơi Kinh Pháp Hoa, mà thọ trì một bài kệ bốn câu, hoặc là đọc tụng, hoặc là thấu hiểu nghĩa lý vì người khác nói, hoặc là y theo pháp tu hành, thì công đức đắc được nhiều hơn so

với công đức của người cúng dường, tám trăm vạn ức na so tha Hằng ha sa số các Đức Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Dược Vương bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con nay vì người thuyết pháp mà nói chú đà la ni, để bảo hộ họ, bèn nói chú rằng:

Lúc đó, Bồ Tát Dược Vương nghe Đức Phật nói pháp rồi, bèn bạch với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Bây giờ con sẽ vì pháp sư đọc tụng, giảng nói, tu trì Kinh Pháp Hoa, mà nói chú đà la ni, để bảo hộ vị pháp sư đó, khiến cho thân tâm họ an ổn, khiến cho họ chuyên tâm giảng giải.'' Bèn lập tức nói thần chú. Chú là mật ngữ của chư Phật, hay hàng phục thiên ma ngoại đạo, ác quỷ tà thần. Thuở xưa dịch kinh có năm quy định không dịch:

1). Bí mật không dịch : Như lời chú.

2). Tôn trọng không dịch : Như Bát nhã, Bồ Đề.

3). Thuận cổ không dịch : Như A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

4). Đa hàm không dịch: Như Tỳ Kheo, A la hán.

5). Thử phương vô bất dịch : Như quả Án ma la.

Nguyên nhân chú không dịch, là muốn bảo trì âm phạn, mới có thể thu nhận được công hiệu của chú, chỉ cần niệm âm vần cho đúng, thì sẽ có cảnh giới không thể nghĩ bàn, quan hệ về ý nghĩa của chú là chẳng cần biết rõ.

An nhĩ mạn nhĩ, ma nỉ ma ma nỉ, chỉ lệ giá lê đệ, xa mị, sa lý đa vĩ, chiên đế, mục đế, mục đa lý, sa lý, a vĩ sa lý, tang lý, sa lý, soa duệ, a xoa dụê, a kỳ nị, chiên đế, sa lý, đa la ni, a lô già bà sa, bả già tỳ xoa nị, nỉ tỳ thế, a tiện đa la nỉ, lý thế a đàn đa ba lệ thâu địa, âu cứu lệ, mâu cứu lệ, a la lệ, ba la lệ, thủ ca sai, a tam ma tam lý, Phật đà tỳ cát lợi biểu đế, đạt ma ba lợi sai đế, tăng già niết cù sa nỉ, bà xá bà xá thâu địa, mạn đa la, mạn đa la xoa dạ đa, bưu lâu đa, bưu lâu đa kiều xá lược, ác xoa la, ác xoa dã, a bà lô, a ma nhược na đa dạ.

Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, là của sáu mươi hai ức Hằng hà sa các đức Phật nói. Nếu có kẻ nào xâm hủy vị pháp sư này, tức là xâm huỷ các đức Phật vậy.''

Bồ Tát Dược Vương nói xong thần chú ở trên rồi, lại bạch với Đức Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, chẳng phải con nói, mà là của sáu mươi hai ức các Đức Phật trong quá khứ nói. Nếu như có kẻ thiên ma ngoại đạo, ác quỷ tà thần đến xâm hủy vị pháp sư thọ trì

Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh Pháp Hoa, biên chép Kinh Pháp Hoa, thì tội cũng như xâm hủy sáu mươi hai ức Hằng hà sa số các đức Phật.''

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi Bồ Tát Dược Vương nói : Lành thay, lành thay ! Dược Vương, ông vì có tâm thương xót ủng hộ vị pháp sư đó, mà nói đà la ni này, rất có lợi ích đối với các chúng sinh.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi Bồ Tát Dược Vương rằng : ''Lành thay, lành thay! Ông có tâm thương xót vì ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, mà nói ra thần chú đà la ni này. Thần chú này rất có lợi ích đối với chúng sinh ở trong tương lai.''

Bấy giờ, Bồ Tát Dũng Thí bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con cũng vì ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, mà nói đà la ni. Nếu vị pháp sư đó được đà la ni này, thì dạ xoa, hoặc la sát, hoặc phú đơn na, hoặc cát giá, hoặc cưu bàn trà, hoặc ngạ quỷ, muốn tìm cầu lỗi lầm của người đó, thì

không thể được tiện lợi, bèn ở trước Phật nói chú rằng:

Lúc đó, lại có vị đại Bồ Tát tên là Bồ Tát Dũng Thí bạch với Đức Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con cũng phát tâm ủng hộ vị pháp sư đọc tụng, thọ trì, giải nói, biên chép Kinh Pháp Hoa, cho nên nói thần chú đà la ni, khiến cho vị pháp sư đó, đắc được sự bảo hộ của thần chú, thân tâm được yên ổn.''

Hoặc có dạ xoa, dịch là quỷ tiệp tật; hoặc có la sát, dịch là quỷ ăn người; hoặc có phú đơn na, dịch là quỷ thối vị; hoặc có cát giá, dịch là khởi tử; hoặc có cưu bàn trà, dịch là quỷ yểm mị; hoặc có ngạ quỷ .v.v... Những loài quỷ này, chuyên môn tìm người nhiễu hại. Nếu người thế gian âm nhiều dương ít (làm nhiều việc ác), thì chúng sẽ đến xâm hại. Nếu người thế gian âm ít dương nhiều (làm nhiều việc thiện), thì chúng sẽ xa lìa chẳng dám gần gũi, do đó có câu ''tà chẳng thắng chánh''.

Những ác quỷ đó, tìm chỗ sơ hở của người thọ trì Kinh Pháp Hoa cũng chẳng có cơ hội tìm được, cho nên chẳng có phương tiện nhiễu hại người thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Bồ Tát Dũng Thí vì ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, cho nên ở trước Đức Phật nói ra bài chú dưới đây.

Ế lệ, ma nha ế lệ, úc chỉ, mục chỉ, a lệ, a la bà đệ, niết lệ đệ, niết lệ đa bà đệ, y trí, ni

vĩ trí ni, chỉ trí ni, niết lệ tê ni, niết lê tê bà để.

Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, của Hằng hà sa các đức Phật nói, cũng đều tùy hỉ. Nếu có xâm hủy vị pháp sư đó, tức là xâm hủy chư Phật đó vậy.

Bồ Tát Dũng Thí nói thần chú rồi, lại nói : ''Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này chẳng phải con nói, mà là của Hằng hà sa các đức Phật trong quá khứ nói. Chẳng những chư Phật nói chú này, mà còn tùy hỉ ủng hộ chú này. Nếu như có thiên ma ngoại đạo, ác quỷ thần đến xâm hủy vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì tội cũng như gián tiếp xâm hủy Hằng hà sa số các Đức Phật.''

Bấy giờ, Tỳ Sa Môn Thiên Vương hộ đời bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Con cũng vì thương xót chúng sinh, ủng hộ vị pháp sư đó, mà nói đà la ni này, bèn nói chú rằng:

Bồ Tát Dũng Thí nói công đức trì chú này rồi, thì lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương (một trong bốn vị tứ thiên vương hộ đời, tức là Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương) bèn bạch với Đức Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con cũng

thương xót hộ niệm chúng sinh, ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, mà nói thần chú đà la ni'', bèn nói chú rằng:

A lê, na lê, na lê, a na lô, na lý, câu na lý.

Đức Thế Tôn ! Con dùng thần chú này, ủng hộ vị pháp sư, con cũng sẽ tự ủng hộ người trì kinh này, khiến cho nội trong một trăm do tuần, chẳng có các sự rủi ro hoạn nạn.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương lại nói : ''Đức Thế Tôn ! Con dùng thần chú này, để ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, và bổn thân con cũng sẽ ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, khiến cho nội trong một trăm do tuần, tứ phía chẳng có sự rủi ro hoạn nạn.''

Bấy giờ, Trì Quốc Thiên Vương ở trong hội này, cùng với ngàn vạn ức na do tha chúng Càn thát bà, cung kính vây quanh, đi đến trước đức Phật, chắp tay hướng về đức Phật bạch rằng : Đức Thế Tôn ! Con cũng

dùng thần chú đà la ni, ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, bèn nói chú rằng:

Sau khi Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói xong lời nguyện ở trên rồi, thì lúc đó đông phương Trì Quốc Thiên Vương ở trong hội Pháp Hoa, cùng với ngàn vạn ức na do tha chúng Càn thát bà, cung kính vây quanh đi đến trước chốn Đức Phật, chắp tay lại bạch với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con cũng dùng thần chú đà la ni để ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa.'' Bèn nói thần chú rằng:

A già nỉ, già nỉ, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đặng kỳ, thường cầu lợi, phù lâu sa ni, át để.

Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, của bốn mươi hai ức các đức Phật nói. Nếu có kẻ nào xâm hại hủy phạm vị pháp sư đó, tức là xâm hại hủy phạm các đức Phật đó vậy.

Trì Quốc Thiên Vương nói : ''Đức Thế Tôn ! Thần chú đà la ni này, là của bốn mươi hai ức các Đức Phật nói. Nếu như thiên ma ngoại đạo, ác quỷ tà thần, đến xâm hại hủy phạm vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì tội cũng như xâm phạm hủy hại bốn mươi hai ức các Đức Phật.''

Bấy giờ, có các nữ La sát, một tên là Lam Bà, hai tên là Tỳ Lam Bà, ba tên là Khúc Sỉ, bốn tên là Hoa Sỉ, năm tên là Hắc Sỉ, sáu tên là Đa Phát, bảy tên là Vô Yểm Túc, tám tên là Trì Anh Lạc, chín tên là Cao Đế, mười tên là Đoạt Nhất Thiết Chúng Sinh Tinh Khí. Mười nữ la sát đó, cùng với quỷ tử mẫu và con cái, quyến thuộc của chúng, cùng đến chỗ đức Phật, đồng thanh hướng về đức Phật bạch rằng:

Lúc đó có mười quỷ la sát.

1). Lam Bà : Dịch là trói buộc.

2). Tỳ Lam Bà : Dịch là cởi trói buộc.

3). Khúc Sỉ : Răng hình uống cong.

4). Hoa Sỉ : Răng hình như hoa.

5). Hắc Sỉ : Răng màu đen.

6). Đa Phát : Chẳng những đầu có nhiều tóc, mà lông trên mình cũng dài như tóc.

7). Vô yểm Túc : Tham chẳng biết chán, chẳng có khi nào biết đủ.

8). Trì Anh Lạc : Trong tay đều cầm sâu chuỗi, chẳng khi nào bỏ xuống.

9). Cao Đế.

10). Đoạt Nhất Thiết Chúng Sinh Tinh Khí.

Nữ la sát là ác quỷ ăn người. Chúng rất xinh đẹp, mà tính tình rất hung ác, người định lực không đủ mà gặp chúng, thì sẽ bị mê hoặc, chưa đến một trăm ngày thì tinh khí sẽ hết, bị chúng ăn thịt. Song, mười vị nữ la sát này, đã cải tà trở về chánh, làm thiện thần hộ pháp.

Trong tâm của con người có bảy giọt nước ngọt, dưỡng tinh khí thần. Nếu bị quỷ ăn đi một giọt, thì khiến cho đau đầu, bị quỷ ăn đi ba giọt, thì khiến cho con người bất tỉnh nhân sự. Nếu bị quỷ ăn đi bảy giọt, thì tinh khí thần sẽ hết, khiến cho người chết. Một lòng đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì tất cả ác quỷ tà thần nghe tiếng mà bỏ đi, chẳng dám đến nhiễu loạn.

Trước kia, ở Trung Quốc có vị pháp sư, khi giảng kinh thì có rất nhiều thiện nam tín nữ đến cúng dàng. Tại sao? Vì nghe pháp sư giảng kinh thì trong sự vô hình, đắc được vô lượng công đức, và có thể tiêu tai sống lâu, nhất cử được hai. Có những pháp sư tuy nhiên xuất gia, nhưng mắt chẳng tỏ, không thể tụng kinh, càng không thể giảng kinh, cho nên đối với tín đồ nói sai lầm rằng : Tu hành là tu hành, hà tất phải giảng kinh, hà tất phải nghe kinh. Đó là người mù, là tư tưởng của ma con ma cháu. Nếu xuất gia tu hành mà chẳng nghe kinh, thì cũng giống như người đui tu luyện mù, cuối cùng chẳng đắc được gì cả. Dù có tu đến trần sa kiếp cũng chẳng thành tựu. Ví như nấu cát chẳng bao giờ thành cơm. Người tu hành mà

chẳng học giáo lý, thì tu đi tu lại vẫn là người hồ đồ, thật là đáng thương xót.

Mười vị nữ la sát và quỷ tử mẫu, cùng với con cái quyến thuộc của chúng, cùng nhau đến chỗ Đức Phật, mọi người khác miệng cùng tiếng hướng về Đức Phật thưa.

Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ được tiêu trừ rủi ro hoạn nạn. Nếu có kẻ nào rình tìm lỗi lầm của pháp sư, thì khiến cho họ chẳng được tiện lợi, bèn ở trước đức Phật mà nói chú rằng:

‘’Đức Thế Tôn ! Chúng con xin nguyện ủng hộ vị pháp sư đọc tụng, giải nói, biên chép, thọ trì Kinh Pháp Hoa, để khiến cho họ tiêu trừ mọi sự khốn kkhổ hoạn nạn. Nếu như thiên ma ngoại đạo, ác quỷ ta thần đến tìm lỗi lầm của vị pháp sư, làm nhiễu loạn vị pháp sư thì chúng con sẽ ủng hộ vị pháp sư, khiến cho tất cả ma quỷ chẳng tiện lợi đến nhiễu loạn thân tâm của pháp sư, bèn ở trước Phật nói ra thần chú dưới đây.

Y đề lý, y đề mẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, lâu ê, lâu ê, lâu ê, lâu ê, đa ê, đa ê, đa ê, đâu ê, nâu ê.

Thà ngồi lên đầu chúng con, chớ đừng não hại vị pháp sư. Nếu dạ xoa, hay la sát, hoặc ngạ quỷ, phú đơn na, cát giá, tỳ đà la, kiền đà, ô ma lặc già, a bạt ma la, dạ xoa cát giá, nhân cát giá, hoặc nhiệt não. Hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, hoặc đến bảy ngày, hoặc thường nhiệt não. Hoặc hình nam, hình nữ, hoặc hình đồng nam, hoặc hình đồng nữ, cho đến ở trong mộng, cũng không cho những loài quỷ đó làm não hại vị pháp sư. Bèn ở trước đức Phật nói bài kệ rằng:

Mười nữ la sát và quỷ tử mẫu thưa với Đức Phật rằng : ‘’Đức Thế Tôn ! Chúng con thà để cho những loài quỷ đó ngồi ở trên đầu chúng con, hoặc đại tiểu tiện lên đầu chúng con, đều có thể nhẫn chịu được, chứ chẳng cho họ đi nhiễu loạn vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa. Bất luận là dạ xoa, la sát, ngạ quỷ, phú đơn na, cát già, tỳ đà la (quỷ màu đen), a bạt ma la (quỷ màu xanh), dạ xoa cát giá, nhân cát giá, nhiệt não. Hoặc là một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, cho đến bảy ngày, hoặc thường nhiệt não, hoặc có hình quỷ nam, hình quỷ nữ, hình quỷ đồng nam, hình quỷ đồng nữ, cho đến ở

trong mộng, cũng chẳng cho những lũ quỷ đó đến nhiễu hại vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa.'' Bèn ở trước Đức Phật nói bài kệ.

Nếu chẳng thuận chú con
Não loạn người nói pháp
Đầu vỡ làm bảy mảnh
Như nhánh cây a lê.
Như tội giết cha mẹ
Cũng như vạ ép dầu
Cân đấu lường gạt người
Tội Điều Đạt phá Tăng.
Xâm phạm pháp sư đó
Bị tai ương như thế.

Nếu như những lũ ác quỷ đó, chẳng thuận theo thần chú của con, chúng đi xâm phạm hủy hại vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc não loạn vị pháp sư giải thích nói Kinh Pháp Hoa, thì đầu của chúng tự nhiên sẽ vỡ làm bảy mảnh, giống như cành cây a lê rớt xuống đất, bị gảy làm thành bảy phần. Lại như đại tội giết cha, giết mẹ, giết A la Hán, sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián. Lại giống như vạ ép dầu, tạo nghiệp sâu nặng. Thời xưa, ở Ấn Độ khi ép dầu thì giã hạt mè ra cho thật nát, cố ý làm cho sinh dòi, đợi khi dòi lớn lên cùng ép ra làm dầu, chất dầu cũng rất

nhiều và vị đầu cũng rất thơm. Hàng ngàn hàng vạn sinh mạng đều bị ép dầu mà chết. Lại giống như người buôn bán chẳng có đạo đức, chuyên môn dùng đấu lớn cân nhỏ để lường gạt người, tương lai chắc chắn sẽ đọa địa ngục, giống như Điều Đạt tức là Đề Bà Đạt Đa, ông ta là phản đồ của Phật giáo, ông ta phạm tội phá hoại Tăng đoàn, lại phạm tội làm thân Phật chảy máu, lại phạm tội giết A la Hán, lại phạm tội xúi giục vua A Xà Thế giết cha nhốt mẹ. Tóm lại, phạm tội ngũ nghịch cho nên bị đọa vào địa ngục lúc còn sống. Nếu có ai xâm phạm hủy hại vị pháp sư trì Kinh Pháp Hoa, thì sẽ chịu những tai ương như thế.

Các nữ la sát nói kệ đó rồi, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng sẽ ủng hộ, người thọ trì đọc tụng tu hành kinh này, khiến cho họ được an ổn, xa lìa các sự hoạn nạn, tiêu trừ các thuốc độc.

Mười nữ la sát nói xong bài kệ rồi, lại bạch với Đức Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng sẽ ủng hộ vị pháp sư thọ trì, đọc tụng, tu hành, biên chép, giải nói, truyền bá Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ được an lạc, thân tâm khinh an, xa lìa tất cả hoạn nạn, tiêu trừ tất cả thuốc độc, bất cứ chất độc mạnh nào cũng đều biến thành nước cam lồ.''

Đức Phật bảo các nữ la sát rằng : Lành thay, lành thay ! Các ngươi chỉ ủng hộ người thọ trì danh hiệu Kinh Pháp Hoa, mà phước báu đã không thể lường được, hà huống là ủng hộ đầy đủ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, và cúng dường quyển kinh.

Đức Phật nói với mười nữ la sát rằng: ''Lành thay, lành thay! Các ngươi ủng hộ người trì danh hiệu Kinh Pháp Hoa, mà phước báu đắc được đã không thể lường, hà huống là các ngươi ủng hộ đầy đủ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì phước báu đắc được càng vô lượng vô biên. Các ngươi lại thành tâm thành ý dùng hương hoa để cúng dường quyển Kinh Pháp Hoa, phước báu đắc được cũng không thể nói. Tóm lại, ủng hộ Kinh Pháp Hoa thì có công đức không thể nghĩ bàn.''

Hoặc dùng hương hoa chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, phan lọng, âm nhạc. Đốt các thứ đèn: Đèn tô, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, đèn dầu hoa tô ma na, đèn dầu hoa thiềm bặc, đèn dầu hoa bà sư ca, đèn dầu hoa ưu bát la hoa, hết thảy trăm ngàn thứ cúng dường như thế.

Cúng dường quyển Kinh Pháp Hoa, hoặc dùng các thứ hoa, hoặc dùng các thứ hương, hoặc dùng chuỗi, hoặc dùng các thứ hương bột, hương hoa, hương đốt, có khi cúng dường tràng phan, lọng báu, âm nhạc. Có khi đốt các thứ đèn, hoặc đèn dầu tô, đèn dầu thơm, đèn dầu hoa tô ma na (thiện ý), đèn dầu hoa thiềm bặc (màu vàng), đèn dầu hoa bà xư ca (hạ sinh), đèn dầu hoa ưu bát la (linh đan), dùng các thứ hoa, hương, đèn như thế, để cúng dường quyển Kinh Pháp Hoa, ước có hàng trăm ngàn thứ.

Cao Đế ! Các ngươi và quyến thuộc, nên ủng hộ vị pháp sư như thế, khi đức Phật nói Phẩm Đà La Ni này, thì có sáu vạn tám nghìn người, đắc được vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật gọi một tiếng: ''Cao Đế! Các ngươi và quyến thuộc, nên phát tâm nguyện, chân tâm ủng hộ vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa.'' Khi Phật nói xong Phẩm Đà La Ni này, thì có sáu vạn tám ngàn người đắc được vô sinh pháp nhẫn. Vô sinh pháp nhẫn là gì ? Tức là chẳng thấy có chút pháp sinh, chẳng thấy có chút pháp diệt, nhẫn thọ nơi tâm, tức cũng là biết rõ các pháp vốn là không tịch, an trụ ở hiện cảnh không sinh không diệt, do đó :

''Các pháp tùng bản lai,
Thường tự tịch diệt tướng.''

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM BỔN SỰ CỦA BỒ TÁT VUA DIỆU TRANG NGHIÊM THỨ HAI MƯƠI BẢY

Rất lâu xa về trước, vua Diệu Trang Nghiêm là một Tỳ Kheo tu đạo, ngoài ra còn có ba vị Tỳ Kheo khác, phát tâm tu đạo ở trong rừng sâu. Vì chẳng có người cúng dường, vì đời sống ưu lự nên ảnh hưởng đến sự tu hành. Trong đó có một Tỳ Kheo (tiền thân của vua Diệu Trang Nghiêm), phát tâm cúng dường ba vị Tỳ Kheo, khiến cho họ an tâm tu đạo, chẳng vì cơm áo chỗ ở mà phân tâm. Do đó, quyết định hoàn tục để đi làm việc kiếm tiền, để cúng dường ẩm thực, quần áo, thuốc thang, ngọa cụ, các thứ đồ cần dùng hằng ngày, cho ba vị Tỳ Kheo đó.

Một ngày nọ, Ngài làm việc ở gần cung vua, thấy ông vua đi du tuần rất là oai phong, trước sau có hộ vệ rất là oai võ. Tâm bèn sinh vọng tưởng : ''Kiếp sau ta mà làm vua thì rất là oai phong, ai ai cũng đều cung kính ta ! Lúc

đó, ta sẽ cúng dường tất cả các vị Tỳ Kheo.'' Một niệm đó sinh ra, quả nhiên đời sau làm vua Diệu Trang Nghiêm, nhưng quên mất lời nguyện làm hộ pháp.

Sau đó, ba vị Tỳ Kheo đều chứng quả Thánh, dùng pháp nhãn quán sát nhân duyên hộ pháp, thì biết được vị này là người hộ pháp, do công đức xưa kia mà tái sinh làm vua. Ông vua đó có tâm từ bi thương dân như con. Song, tin về tà giáo, trong tâm có tà tri tà kiến. Ba vị Thánh nhân muốn báo ân hộ pháp xưa kia, nên mới bày cách cứu ông ta ra khỏi biển khổ, mới cùng nhau tìm cách giải cứu. Một vị phát nguyện làm vợ của ông ta (Tịnh Đức phu nhân), hai vị kia phát tâm làm con của ông ta (Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn). Tại sao ? Vì phải nhờ vợ và con có hiếu, dùng cảm tình để làm sức ảnh hưởng, mới làm thay đổi được tư tưởng tà tri tà kiến tin ngoại đạo của ông vua.

Phẩm này thuật lại vua Diệu Trang Nghiêm, nhờ sự cảm hóa của hai người con Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn (Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng), khai mở tri kiến của Phật, đắc được pháp ích, sau đó theo Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí xuất gia tu đạo, mà chứng được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng rằng : Về đời xa xưa, trải qua vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, có vị Phật hiệu là Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa

Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Cõi nước tên là Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên là Hỷ Kiến. Ở trong Phật pháp đó, có vị vua tên là Diệu Trang Nghiêm, phu nhân tên là Tịnh Đức, có hai người con, một tên là Tịnh Tạng, hai tên là Tịnh Nhãn.

Sau khi nói xong Phẩm Đà La Ni, thì lúc đó Đức Phật bảo đại chúng trong hội Pháp Hoa rằng : Vào thuở xa xưa trong quá khứ, trải qua vô lượng vô biên số kiếp A tăng kỳ không thể nghĩ bàn. Lúc đó, có vị Phật ra đời danh hiệu là Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai. Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác. Ứng Cúng, xứng đáng thọ chúng sinh trong chín pháp giới cúng dường. Chín pháp giới là gì ? Tức là pháp giới của Bồ Tát, pháp giới của Duyên Giác, pháp giới của Thanh Văn, pháp giới của trời, pháp giới của loài người, pháp giới của A tu la, pháp giới của súc sinh, pháp giới của ngạ quỷ, pháp giới của địa ngục.

Mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu. Đó là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, có đủ mười danh hiệu này, mới đủ

tư cách xưng là Thế Tôn, tức là Thánh nhân tôn quý nhất của thế và xuất thế.

Vào thời Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, có một cõi nước tên là Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên là Hỷ Kiến. Ở trong Phật pháp đó, có một ông vua tên là Vua Diệu Trang Nghiêm. Phu nhân của vua tên là Tịnh Đức phu nhân. Ông vua có hai người con, một tên là Tịnh Tạng, hai tên là Tịnh Nhãn. Tiền thân của bốn người này, trong quá khứ là bốn vị Tỳ Kheo cùng tu với nhau ở trong rừng sâu.

Hai người con đó, có đại thần lực phước đức trí huệ, từ lâu đã tu hành Bồ Tát đạo, đó là đàn Ba la mật, Thi la Ba la mật, Sàn đề Ba la mật, Tỳ ly gia Ba la mật, thiền Ba la mật, Bát nhã Ba la mật, phương tiện Ba la mật, từ bi hỉ xả, cho đến ba mươi bảy phẩm pháp trợ đạo, đều thấu suốt thông đạt.

Hai người con của Diệu Trang Nghiêm là Tịnh Tạng (Bồ Tát Dược Vương) và Tịnh Nhãn (Bồ Tát Dược Thượng), đều có sức đại thần thông, có thể hiện mười tám biến. Phước đức trí huệ đầy đủ, từ lâu đã tu đạo Bồ Tát, tức cũng là pháp môn mười Ba la mật. Ba la mật là gì ? Dịch là đến bờ kia. Tập quán của Ấn Độ là phàm làm việc

gì xong đều là Ba la mật. Nay lược giải mười Ba la mật như sau :

1). Đàn Ba la mật: Đàn dịch là bố thí. Bố thí có ba:

a. Tài thí.

b. Pháp thí.

c. Vô úy thí.

2). Thi la Ba la mật : Thi là dịch là giới. Giới là mẹ thành Phật. Phạm giới giống như chiếc thuyền ở giữa biển, phát hiện đáy thuyền có lỗ lủng. Nếu lập tức tu sửa, thì còn có thể khỏi nguy hiểm. Bằng không thì thuyền sẽ chìm, người sẽ chết, hối hận đã quá muộn. Tu bổ như thế nào? Tức là làm nhiều công đức, có tiền thì bố thí tiền, có sức thì bố thí sức, ủng hộ đạo tràng, do đó có câu: ''Lập công chuộc tội''.

3). Sàn đề Ba la mật : Sàn đề dịch là nhẫn nhục. Việc không nhẫn được cũng phải nhẫn, không thể chịu đựng được cũng phải chịu, đó là thuốc hay tiêu trừ tội chướng. Tóm lại, khi nóng giận thì nên nhẫn nhịn, đừng bạo phát, vì ''Nhẫn thì an ổn''.

4). Tỳ ly gia Ba la mật : Tỳ ly gia dịch là tinh tấn. Người học Phật pháp nhất định phải tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày tinh tấn, đêm tinh tấn. Tóm lại, dũng mãnh tinh tấn cũng như thuyền đi ngược dòng, không tiến thì lùi.

5). Thiền Ba la mật: Thiền dịch là tĩnh lự, làm lắng đọng tư tưởng, tức cũng là ngưng vọng tưởng. Tu đến cảnh giới như như bất động, thì mới đắc được liễu liễu

thường minh. Lúc đó sẽ nhậm vận tự tại, tùy theo ý muốn, chẳng bị gì hạn chế, đó tức là ‘’Thần thông diệu dụng’’.

6). Bát nhã Ba la mật: Bát nhã dịch là trí huệ. Vì Bát nhã gồm có ba nghĩa, cho nên không dịch.

A. Văn tự Bát nhã : Tức là tất cả kinh điển.

B. Quán chiếu Bát nhã : Tức là dùng văn tự để quán chiếu tất cả cảnh giới, mới thấu hiểu được chân thật nghĩa.

C. Thật tướng Bát nhã : Từ văn tự Bát nhã mà phát khởi quán chiếu Bát nhã; từ quán chiếu Bát nhã mà khế hợp với thật tướng Bát nhã. Ba điều này đều có mối quan hệ vơi nhau.

7). Phương tiện Ba la mật.

8). Nguyện Ba la mật.

9). Lực Ba la mật.

10). Trí Ba la mật.

Bốn Ba la mật này, đều do Bát nhã phân ra, hợp làm mười pháp môn Ba la mật, đây là hạnh môn của Bồ Tát tu.

Tu đạo của Bồ Tát thực hành, chẳng những có bốn tâm vô lượng từ bi hỷ xả, mà còn phải tu bố thí, ái ngữ, lợi hành, và đồng sự, bốn pháp nhiếp, mới là hành Bồ Tát đạo. Bốn tâm vô lượng là gì ? Tức là :

1). Từ : Khiến cho tất cả chúng sinh được an vui.

2). Bi : Cứu tất cả khổ nạn của hết thảy chúng sinh.

3). Hỷ : Tức là hoan hỉ, hoan hỉ người ta có được chuyện vui.

4). Xả : Tức là bố thí. Bố thí vật mà người ta cần.

Bốn pháp nhiếp là gì ? Tức là :

1). Bố thí : Người thích tiền tài thì bố thí tiền tài, người thích pháp thì bố thí pháp.

2). Ái ngữ : Dùng lời diệu dàng thân thiết để an ủi họ.

3). Lợi hành : Khởi thân khẩu ý hành lợi ích chúng sinh.

4). Đồng sự : Cùng làm việc với họ, khiến cho họ có tâm hướng thiện. Phối hợp bốn pháp nhiếp và bốn tâm vô lượng mới là hành Bồ Tát đạo.

Lại phải tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tức là:

❹ Bốn niệm xứ
❹ Bốn chánh cần
❹ Bốn như ý túc
❺ Năm căn,
❺ Năm lực
❼ Bảy bồ đề phần
❽ Tám chánh đạo.

Cộng lại là ba mươi bảy phẩm. Đây là chánh đạo của pháp tiểu thừa, ở trong đại thừa là pháp trợ đạo, tại Phật thừa cũng chẳng phải là chánh đạo, cũng chẳng phải là trợ đạo; ngược lại cũng là chánh đạo, cũng là trợ đạo. Vì Phật thừa là viên giáo, tức là giáo lý viên dung vô ngại, do đó có câu:

‘’Viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc’’.

Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, là hai vị Bồ Tát đều thấu suốt thông đạt mười pháp Ba la mật, bốn tâm vô lượng, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, chẳng có gì chướng ngại.

Lại đắc được các tịnh tam muội của Bồ Tát, đó là tam muội nhật tinh tú, tam muội tịnh quang, tam muội tịnh sắc, tam muội tịnh chiếu minh, tam muội trường trang nghiêm, tam muội đại oai đức tạng. Nơi các tam muội này, cũng đều thông đạt.

Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, hai vị Bồ Tát lại chứng được các thứ tam muội của Bồ Tát. Tam muội dịch là chánh định chánh thọ.

1). Tịnh tam muội : Tức là viên tịnh ba cấu. Ba cấu là gì ? Tức là tham, sân, si, hoặc là kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc. Làm cho ba cấu bẩn này đều thanh tịnh.

2). Tam muội nhật tinh tú : Nhật (mặt trời) ví như thật trí, tinh (ngôi sao) ví như quyền trí, quyền thật không hai, nên gọi là tam muội nhật tinh tú.

3). Tam muội tịnh quang : Bổn tính thanh tịnh, thì hiện ra vô lượng quang minh.

4). Tam muội tịnh sắc : Bổn thân thanh tịnh thì hiện tất cả màu sắc.

5). Tam muội tịnh quang minh : Tịnh là thể của tam muội, chiếu sáng là dụng của tam muội; tức cũng là tự tánh thanh tịnh, chiếu soi tất cả.

6). Tam muội trường quang minh : Dùng sự trang nghiêm của Phật, mà tự trang nghiêm tam muội.

7). Tam muội đại oai đức tạng : Đại oai phục chúng, đại đức lợi sinh, tức cũng là oai đức của thập lực. Hai vị Bồ Tát này, đều hoàn toàn thông đạt bảy thứ tam muội này.

Bấy giờ, đức Phật đó muốn dẫn dắt vua Diệu Trang Nghiêm, và thương xót chúng sinh, mà nói Kinh Pháp Hoa này.

Lúc đó, Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, muốn dẫn dắt Vua Diệu Trang Nghiêm vào Phật trí, và vì thương xót tất cả chúng sinh, cho nên giảng giải chân thật nghĩa của Kinh Pháp Hoa. Kinh này là kinh điển thành Phật, nên xưng là vua trong các kinh.

Lúc đó, Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn hai người con đến chỗ người mẹ, chắp tay lại bạch rằng : Xin mẹ hãy đi đến chỗ đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, chúng con cũng sẽ theo hầu gần gũi cúng dường lễ bái. Tại sao ? Vì đức Phật đó, đang ở trong tất cả

đại chúng trời người, nói Kinh Pháp Hoa, chúng ta nên đến đó để nghe.

Lúc đó, hai vị Bồ Tát Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn đến chỗ người mẹ (Tịnh Đức phu nhân), chắp tay lại thưa với mẹ rằng : ''Chúng con xin thỉnh mẹ đi đến đạo tràng của Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, để nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Chúng con sẽ hầu theo mẹ cùng nhau đi đến chỗ Phật để gần gũi, cúng dường, lễ bái vị Phật đó. Tại sao ? Vì vị Phật đó bây giờ đang ở trong đại chúng trời người, diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cơ hội khó gặp, chúng ta nên đi nghe, không thể bỏ qua cơ hội thành Phật.''

Người mẹ bảo các người con rằng : Cha của các con tin sâu pháp ngoại đạo Bà la môn. Các con nên đến thưa với cha, để chúng ta cùng đi với nhau.

Tịnh Đức phu nhân nói với hai người con : Cha của các con chẳng tin Phật pháp, mà tin tà pháp trường sinh bất lão, xuất huyễn nhập hóa, tin sâu chấp trước pháp Ba la môn. Các con nên đến chỗ cha nói rõ tin tức này, để chúng ta cùng đi đến chốn Phật nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.''

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn chắp tay lại thưa với người mẹ rằng : Chúng con là con của đấng Pháp Vương, mà sinh vào nhà tà kiến này.

Hai vị vương tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn bèn chắp tay lại, nói với người mẹ rằng : ''Chúng con thuở xưa tu Bồ Tát đạo, đã là con của đấng Pháp Vương, nhưng lại bất hạnh, sinh vào nhà tà kiến này, chúng con phải sửa đổi trở thành nhà chánh kiến.''

Người mẹ bảo các người con rằng : Các con nên thương nghĩ đến cha của các con, mà hiện thần thông biến hóa. Nếu cha của các con mà thấy được, thì chắc tâm sẽ thanh tịnh, hoặc nghe lời của chúng ta, mà cùng nhau đi đến chỗ đức Phật.

Tịnh Đức phu nhân lại nói với hai người con rằng : ''Các con nên có tâm hiếu thuận, thương nghĩ đến cha của các con, trong quá khứ ông ta là hộ pháp của các con. Bây giờ các con đến độ ông ta thành Phật, ông ta mê tín ngoại đạo, chẳng chịu tin chánh đạo. Các con nên vì ông ta mà hiện các thứ thần thông biến hóa, nếu ông ta thấy được chắc tâm của ông ta sẽ thanh tịnh, sẽ giác ngộ hoặc

sẽ nghe tin lời của chúng ta nói, và cùng nhau đi đến chốn Phật, nghe Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí diễn nói Kinh Pháp Hoa.''

Lúc đó, hai người con vì thương nghĩ đến người cha, mà vọt lên hư không cao khoảng bảy cây đa la, hiện các thứ thần thông biến hóa. Ở trong hư không đi đứng nằm ngồi, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa; dưới thân ra nước, trên thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, rồi lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, biến mất trong hư không, hốt nhiên ở dưới đất, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất. Hiện các thứ thần thông biến hóa như thế, khiến cho vua cha tâm được thanh tịnh tin hiểu.

Hai người con của vua Diệu Trang Nghiêm vì nghĩ nhớ đến người cha, muốn độ cho cha cải tà quy chánh, mới đến chỗ người cha vọt thân lên hư không, cao khoảng bảy cây đa la (khoảng bốn mươi chín trượng), hiện ra đủ thứ thần thông biến hóa. Ở trong hư không đi đứng nằm ngồi rất tự tại. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hoặc dưới thân ra nước, trên thân ra lửa. Nước lửa cùng nhau

hòa hợp, chẳng có xung đột. Hoặc hiện ra thân lớn đầy khắp hư không. Hoặc thân lớn lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, biến hóa khó dò, khiến cho người thấy lấy làm hoan hỉ, được chưa từng có. Thân ở trong hư không lại biến mất, hốt nhiên lại hiện ra ở dưới đất. Vào đất dễ như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, có thể nói nhậm vận tự tại, tùy theo ý muốn. Hai vị vương tử hiện ra đủ thứ biến hóa như thế, mục đích là khiến cho tâm của vua cha được thanh tịnh, sinh tâm hiểu Phật pháp, xả bỏ pháp ngoại đạo.

Khi ấy, người cha thấy thần lực của các người con như thế, thì tâm đại hoan hỉ, được chưa từng có, chắp tay lại hướng về các người con nói rằng : Thầy của các con là ai ? Các con là đệ tử của ai ?

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm thấy hai người con có thần lực như thế, biến hóa vô cùng, tâm sinh đại hoan hỉ, đắc được cảnh giới áo diệu chưa từng có. Do đó, bèn chắp hai tay lại hướng về hai người con hỏi : ‘’Thầy của các con là ai ? Các con là đệ tử của ai.’’

Hai người con bạch rằng : Thưa đại vương ! Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, nay ở dưới cội bồ đề bảy báu, ngồi

ở trên pháp tòa, ở trong tất cả thế gian chúng trời người, diễn nói Kinh Pháp Hoa, là thầy của chúng con, chúng con là đệ tử.

Hai vị Bồ Tát Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn bèn nói với vua Diệu Trang Nghiêm rằng : ''Thưa Đại Vương ! Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí đó, hiện nay đang ngồi ở trên pháp tòa, dưới cội bồ đề bảy báu, vì tất cả thế gian chúng trời người diễn nói Kinh Pháp Hoa, Ngài là thầy của chúng con, chúng con là đệ tử của Ngài.''

Người cha nói với con rằng, nay cha cũng muốn gặp thầy của các con, chúng ta cùng đi với nhau.

Vua Diệu Tang Nghiêm nói với hai người con rằng : ''Hiện nay cha cũng muốn đi đến gặp thầy của các con. Các con có thần thông như thế, thì thầy của các con chắc chắn thần thông không thể nghĩ bàn, cha và các con cùng nhau đi đến chốn Phật, để nghe Kinh Pháp Hoa.''

Hai người con bèn từ hư không xuống, đến chỗ người mẹ chắp tay thưa với mẹ rằng : Thưa mẹ ! Phụ vương nay đã tin hiểu, đã phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Chúng con đã vì cha mà làm Phật sự, xin mẹ

cho phép chúng con ở nơi đức Phật đó, xuất gia tu đạo.

Hai người con của vua Diệu Trang Nghiêm ở trong hư không hiện mười tám biến rồi, từ hư không đi xuống đến chỗ Tịnh Đức phu nhân ở, chắp tay thưa với người mẹ rằng : ''Thưa mẹ ! Cha của chúng con, hiện nay chẳng còn tin pháp tà tri tà kiến của ngoại đạo nữa, mà tin Phật pháp, hiểu Phật pháp. Hiện tại cha đã phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Chúng con đã vì cha làm đại Phật sự. Hy vọng mẹ thấy và nghe rồi, cho phép chúng con anh em hai người đến chỗ Đức Phật, theo Phật xuất gia, tu vô thượng đạo.''

Bấy giờ, hai người con muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn muốn thuật lại ý nghĩa vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói.

Xin mẹ cho chúng con
Xuất gia làm Sa môn
Chư Phật rất khó gặp
Chúng con theo Phật tu.
Như hoa ưu đàm bát
Gặp Phật càng khó hơn

Khỏi các nạn cũng khó
Xin cho con xuất gia.

‘’Chúng con anh em hai người, xin mẹ từ bi thương xót, cho chúng con xuất gia tu đạo làm Sa môn, sau đó sẽ thành Phật đạo. Sa Môn dịch là siêng tức, tức là siêng tu giới định huệ, tức diệt tham sân si. Chư Phật ra đời chẳng dễ gì gặp được. Hiện tại có Phật ra đời, chúng con xin đi theo Phật tu học Phật pháp.

Giống như hoa ưu đàm bát la, ba ngàn năm hoa mới nở một lần, rất khó được gặp. Gặp được Phật cũng khó như thế. Thoát khỏi các hoạn nạn cũng rất khó, hy vọng mẹ đáp ứng yêu cầu của các con, cho phép các con xuất gia tu đạo.’’

Người mẹ nói rằng : Cho các con xuất gia, tại sao ? Vì Phật khó được gặp.

Tịnh Đức phu nhân nói với hai người con rằng : ‘’Tốt lắm ! Mẹ cho phép các con xuất gia tu đạo. Tại sao ? Vì Phật chẳng dễ gì gặp được. Mong rằng sau khi các con xuất gia rồi, ngày đêm tinh tấn tu Bồ Tát đạo.’’

Hai người con bèn thưa với cha mẹ rằng : Lành thay cha mẹ ! Xin cha mẹ đi đến chỗ đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa

Trí, để gần gũi cúng dường. Tại sao ? Vì Phật rất khó gặp được.

Hai người con của vua Diệu Trang Nghiêm nói với cha mẹ rằng : ''Lành thay ! Cha mẹ thương yêu chúng con, cho phép chúng con xuất gia tu đạo. Vì không thể báo ân dưỡng dục của cha mẹ, xin cha mẹ tha thứ tội chưa làm tròn bổn phận thiếu thảo. Hy vọng cha mẹ đi đến chỗ đạo tràng của Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, để gần gũi, cúng dường Phật. Tại sao ? Vì Phật ra đời, nếu người chẳng có căn lành, thì chẳng dễ gì được gặp.''

Như hoa ưu đàm bát la, như rùa một mắt gặp lỗ khúc gỗ nổi, mà chúng con phước báu đời trước sâu dày, nên sinh ra được gặp Phật pháp, do đó mà cha mẹ cho chúng con xuất gia tu đạo. Tại sao ? Vì chư Phật rất khó gặp, thời cơ cũng khó gặp.

Giống như hoa ưu đàm bát la, chẳng dễ gì gặp được lúc nở. Hoa này nở ra là tàn liền, thời gian rất ngắn, trong chốc lát thì tàn rụng. Lại giống như con rùa một mắt, ở trong biển cả, muốn tìm lỗ khúc gỗ nổi để nương náu, thật chẳng dễ gì, khó như mò kim dưới đáy biển. Muốn gặp Phật cũng khó khăn như thế.

Vì chúng con gieo trồng phước báu trong kiếp trước đặc biệt sâu dày, cho nên sinh vào thời có Phật ra đời, gặp được Phật, nghe được pháp, may mắn thay ! Vì vậy, nên cha mẹ cho phép chúng con xuất gia tu đạo. Vì sao ? Vì chư Phật rất khó gặp, thời cơ khó thấy, đừng để mất cơ hội tốt, phải nắm lấy cơ hội xuất gia tu hành.

Khi đó, tám vạn bốn ngàn người đi theo vua Diệu Trang Nghiêm, thảy đều thọ trì Kinh Pháp Hoa này. Bồ Tát Tịnh Nhãn từ lâu đã thông đạt tam muội pháp hoa, Bồ Tát Tịnh Tạng thì ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, đã thông đạt tam muội ly chư ác thú. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, lìa khỏi các đường ác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói : ‘’Lúc đó, tám vạn người cung nga thể nữ, đi theo vua Diệu Trang Nghiêm thảy đều thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: Lúc đó tám vạn bốn ngàn người cung nga thể nữ đi theo vua Diệu Trang Nghiêm, thảy đều thọ trì Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Tịnh Nhãn từ lâu đã thông đạt vô ngại tam muội pháp hoa (pháp quyền thật không hai). Bồ Tát Tịnh Tạng ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, đã thông đạt tam muội ly chư ác thú (bốn đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A

tu la). Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi các đường ác.

Phu nhân của vua đắc được chư Phật tập tam muội, biết được tạng bí mật của chư Phật. Hai người con khéo dùng sức phương tiện như thế, để giáo hóa người cha, khiến cho sinh tâm tin hiểu, ưa thích Phật pháp.

Phu nhân của vua đắc được chư Phật tập tam muội, tức là chư Phật ở trong định thuyết pháp, phu nhân cũng thấu hiểu được bảo tàng diệu pháp bí mật không truyền cuả chư Phật nói. Hai vị Bồ Tát Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn dùng phương tiện thiện xảo như thế, để độ hoá người cha cuả các Ngài, khiến cho chúng sinh tín ngưỡng Phật pháp, hiểu rõ ý của Phật pháp, ưa thích Phật pháp và nghiên cứu Phật pháp.

Vua Diệu Trang Nghiêm với quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức phu nhân với tùy tùng thể nữ, và hai người con của vua, cùng với bốn vạn hai nghìn người, đều tụ lại cùng nhau, đi đến chỗ đức Phật. Đến rồi, đầu mặt lễ dưới chân Phật, và nhiễu đức Phật ba vòng, rồi đứng qua một bên.

Vua Diệu Trang Nghiêm với quần thần quyến thuộc cùng nhau đi đến chốn Phật. Tịnh Đức phu nhân và cung nga thể nữ cùng quyến thuộc cùng nhau đi đến chốn Phật. Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn và bốn vạn hai ngàn người cùng nhau đi đến chốn Phật. Sau khi đến chỗ Đức Phật rồi, đều năm thể sát đất đảnh lễ Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, sau đó đi nhiễu Phật ba vòng, biểu thị cung kính, rồi lui về một bên, lắng nghe Phật chỉ dạy.

Bấy giờ, đức Phật đó vì vua Diệu Trang Nghiêm nói pháp, chỉ thị giáo hóa, khiến cho vua được lợi ích hoan hỉ, vua rất vui mừng.

Lúc bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm và phu nhân cởi chuỗi ngọc châu báu nơi cổ, giá trị trăm ngàn lạng vàng, rải lên trên đức Phật, ở trong hư không hóa thành đài báu bốn trụ. Trong đài có giường báu lớn, giăng bày hàng trăm ngàn vạn thứ y trời. Trên đó, có đức Phật ngồi kiết già, phóng đại quang minh.

Lúc đó, Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, vì vua Diệu Trang Nghiêm nói pháp, chỉ thị giáo hoá, khiến cho vua đắc được lợi ích, sinh tâm hoan hỉ và rất vui mừng.

Lúc đó, Vua Diệu Trang Nghiêm và phu nhân Tịnh Đức cởi xâu chuỗi ngọc châu báu đang đeo nơi cổ giá trị trăm ngàn lạng vàng rải lên cúng dường Đức Phật. Chuỗi ngọc châu báu đó, ở trong hư không hóa thành đài báu bốn trụ (biểu thị cho tứ hoằng thệ nguyện), ở trong đài báu có giường báu lớn, trên giường báu bày hàng trăm ngàn vạn thứ y trời, ở trên đó có Phật ngồi kiết già phóng đại quang minh, chiếu khắp mười phương thế giới.

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm nghĩ như vầy : Thân Phật rất ít có, đoan chánh trang nghiêm đặc thù, thành tựu sắc thân vi diệu bậc nhất.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm nghĩ như vầy: Thân Phật phóng quang ít có trong thế gian. Dung mạo của Phật đoan chánh trang nghiêm, vừa thù thắng vừa tốt đẹp, thành tựu sắc thân vi diệu bậc nhất. Phật có ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp. Những tướng trang nghiêm thân đó, do sự tu hành mà có được, do đó có câu:

"Ba tăng kỳ tu phước huệ,
Trăm kiếp trồng tướng tốt".

Lúc đó, đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, bảo bốn chúng rằng : Các ông có thấy vua Diệu Trang Nghiêm, đang chắp tay đứng ở trước ta chăng! Ông vua này, ở trong pháp của ta xuất gia làm Tỳ Kheo, siêng năng tu tập, giúp Phật hoằng dương Phật pháp, sẽ được thành Phật hiệu là Sa La Thụ Vương, cõi nước tên là Đại Quang, kiếp tên là Đại Cao Vương.

Lúc đó, Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí nói với bốn chúng rằng : ''Các con có thấy vua Diệu Trang Nghiêm đang chắp tay ở trước ta chăng ?

Ông vua này ở trong pháp của ta xuất gia làm Tỳ Kheo, tinh tấn siêng năng tu tập Phật pháp, giúp Phật hoằng dương chánh pháp, tương lai sẽ chứng được quả vị Phật, hiệu là Sa La Thụ Vương Phật, cõi nước tên là Đại Quang, kiếp tên là Đại Cao Vương.

Đức Phật Sa La Thụ Vương đó, có vô lượng chúng Bồ Tát, và vô lượng hàng Thanh Văn, cõi nước đó bằng phẳng, công đức như thế.

Vị Phật Sa La Thụ Vương đó, có vô lượng đệ tử Bồ Tát, có vô lượng đệ tử Thanh Văn. Cõi nước Đại Quang đó bằng phẳng, chẳng có chỗ lồi lõm. Hết thảy công đức trang nghiêm như thế.

Vua Diệu Trang Nghiêm lập tức đem cõi nước giao cho người em, cùng với phu nhân, hai người con, và các quyến thuộc, ở trong Phật pháp xuất gia tu đạo.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói : ''Vua Diệu Trang Nghiêm sau khi nghe Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí nói như thế rồi, thì lập tức xả bỏ ngôi vua, đem đất nước giao phó cho người em cai trị, cùng phu nhân, Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, hai người con và các quyến thuộc, xuất gia tu đạo với Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.''

Vua xuất gia rồi, ở trong tám vạn bốn ngàn năm, thường siêng năng tinh tấn, tu hành Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua thời gian đó rồi, đắc được tam muội nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm, bèn thăng lên hư không, cao khoảng bảy cây đa la, mà bạch với đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Hai

người con của con đây, đã làm việc Phật sự, dùng thần thông biến hóa chuyển hóa tâm tà của con, khiến cho con an trụ vào trong Phật pháp, được thấy đức Thế Tôn.

Sau khi Vua Diệu Trang Nghiêm xuất gia rồi, ở trong tám vạn bốn nghìn năm, thường siêng năng tinh tấn, chẳng giải đãi, dũng mãnh tinh tấn tu hành Kinh Pháp Hoa. Qua thời gian đó rồi, đắc được tam muội nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm, bèn vọt lên trong hư không cao khoảng bảy cây đa la (khoảng 49 trượng), bèn nói với Phật rằng : '' Đức Thế Tôn ! Hai người con của con đây, trong quá khứ đã làm Phật sự, hai vị đó dùng sức thần thông chuyển hóa tâm tà của con, khiến cho con được an ổn trụ trong Phật pháp. Nhờ vậy mà con mới được thấy Đức Thế Tôn !''

Hai người con đây là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành trong quá khứ, lợi ích cho con, mà đến sinh vào nhà con.

Vua Diệu Trang Nghiêm nói với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Hai người con đây là thiện tri thức của con. Hai vị đó vì muốn phát khởi căn lành của con trong quá khứ, vì lợi ích cho nên mới đến sinh vào nhà của con.

Nếu chẳng có hai vị đó khuyên hóa, thì con vẫn còn tin pháp tà''

Bây giờ, đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, bảo vua Diệu Trang Nghiêm rằng : Như thế, như thế ! Như lời ông nói. Nếu người thiện nam, người thiện nữ, gieo trồng căn lành, thì đời đời được gặp thiện tri thức. Thiện tri thức đó, hay làm Phật sự, khai thị giáo hóa, khiến cho được lợi ích, sinh tâm hoan hỉ, khiến cho được vào A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Lúc đó, Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí bảo Vua Diệu Trang Nghiêm rằng : ''Như thế, như thế ! Đúng như lời ông nói. Nếu như có người thiện nam, người thiên nữ, vì gieo trồng căn lành, cho nên đời đời kiếp kiếp đều được gặp thiện tri thức. Bậc thiện tri thức đó, đều hay làm đại Phật sự, khai thị chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, lợi ích chúng sinh, khiến cho chúng sinh, sinh tâm hoan hỉ, khiến cho vào A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.''

Đại vương nên biết ! Bậc thiện tri thức là đại nhân duyên, hay giáo hóa khiến cho

được gặp Phật, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ bề.

Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí nói : ''Đại Vương ! Ông nên biết, bậc thiện tri thức là đại nhân duyên.'' Thiện tri thức là gì ? Nói đơn giản là giáo hóa chúng sinh, xa lìa tội lỗi mười điều ác, tu hành pháp thập thiện. Người học Phật pháp, phải có mắt chọn pháp, phàm là đại công vô tư, tất cả vì chúng sinh, đó là thiện tri thức. Nếu ích kỷ, chuyên nghĩ về lợi ích cho mình, đó tức là ác tri thức. Phải gần gũi thiện tri thức, xa lìa ác tri thức, nhận thức rõ ràng mới không bị họ hại mà được sự lợi ích.

Thiện tri thức hay giáo hóa dẫn dắt chúng sinh, thấy Phật nghe pháp, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Thiện Tài đồng tử đi tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức, đi khắp nơi cầu pháp, làm thế nào phát bồ đề tâm, làm thế nào hành Bồ Tát đạo, cuối cùng chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đại vương ! Ông có thấy hai người con này chăng ! Hai người con này đã từng cúng dường, sáu mươi lăm trăm ngàn vạn ức na do tha Hằng hà sa chư Phật, gần gũi cung kính, ở chỗ chư Phật thọ trì Kinh Pháp Hoa,

thương xót những chúng sinh tà kiến, mà khiến cho họ trụ vào chánh kiến.

''Đại Vương ! Ông có thấy hai người con này của ông chăng ? Hai vị đó trong quá khứ, đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn vạn ức na do tha Hằng hà sa các Đức Phật, gần gũi chư Phật, cung kính chư Phật, ở trong đạo tràng của chư Phật, đời đời kiếp kiếp đều thọ trì Kinh Pháp Hoa, thương xót những chúng sinh có tư tưởng tà kiến, khiến cho họ trụ vào chánh kiến ở trong Phật pháp.''

Vua Diệu Trang Nghiêm bèn từ hư không đi xuống, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Như Lai rất ít có, do nhờ công đức trí huệ, nên nhục kế ở trên đỉnh phóng ra quang minh chiếu sang, mắt của Ngài dài và rộng, có màu sắc xanh biếc, tướng hào quang giữa chặng mày trắng như ngọc kha, răng trắng vừa đều vừa khít, thường có quang minh, môi màu đỏ tươi như quả tần bà.

Vua Diệu Trang Nghiêm bèn từ hư không đi xuống, đến trước Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, bạch

rằng: ''Đức Thế Tôn ! Như Lai rất ít có. Vì có tất cả công đức và nhất thiết trí huệ, cho nên trên đỉnh của Như Lai có tướng nhục kế, phóng quang minh, chiếu khắp mười phương. Mắt của Như Lai vừa dài vừa rộng, màu sắc xanh biếc. Giữa chặng mày của Như Lai có tướng hào quang trắng như ngọc kha. Răng của Như Lai vừa trắng, vừa đều, vừa khít, thường phóng quang minh. Môi của Như Lai màu đỏ tươi như quả tần bà.''

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm khen ngợi vô lượng trăm ngàn vạn ức công đức của Phật như thế rồi, ở trước Như Lai một lòng chắp tay lại, bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chưa từng có vậy, pháp của Như Lai thành tựu đầy đủ công đức vi diệu không thể nghĩ bàn, giáo hóa chúng sinh, khiến cho được an ổn, vui sướng.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm khen ngợi Phật có vô lượng công đức như thế rồi, ở trước Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, một lòng chắp tay bạch Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con chưa bao giờ thấy thân sắc đẹp trang nghiêm của Như Lai. Pháp của Như Lai nói rất viên mãn, thành tựu đầy đủ công đức vi diệu không thể nghĩ bàn. Giáo hóa chúng sinh, đừng làm các điều ác, làm các việc lành, khiến cho chúng sinh được an ổn, vui sướng.''

Bắt đầu từ nay, con chẳng tùy thuận tâm hành của mình nữa, chẳng sinh tâm tà kiến, kiêu mạn sân hận điều ác. Nói như thế rồi, bèn lễ Phật lui ra.

Vua Diệu Trang Nghiêm nói : '' Từ nay trở đi, con chẳng tùy thuận vọng tâm đi làm việc nữa, chẳng theo tâm điên đảo làm việc nữa. Từ nay về sau chẳng sinh tâm tà kiến, chẳng sinh tâm kiêu mạn, chẳng sinh tâm ngã mạn, chẳng sinh tâm sân hận. Tóm lại, chẳng sinh tâm ác.'' Vua Diệu Trang Nghiêm nói như thế rồi, năm thể lễ Phật sát đất, lễ rồi lui đứng về một bên, đợi Phật khai thị.

Đức Phật bảo đại chúng ! Ý của các ông thế nào ? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải là ai khác, nay là Bồ Tát Hoa Đức, còn phu nhân Tịnh Đức, nay là Bồ Tát Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng, đang ở trước đức Phật. Vì thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và các quyến thuộc, nên sinh vào ở trong nước đó.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với đại chúng trong hội Pháp Hoa rằng : ''Trong tâm của đại chúng, các ông

như thế nào ? Vua Diệu Trang Nghiêm mà ta nói đó, các ông có biết là ai chăng ? Tức hiện tại là Bồ Tát Hoa Đức này vậy. Còn Tịnh Đức phu nhân, tức hiện tại là Bồ Tát Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng đang ở trước Phật vậy, vì thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và tất cả quyến thuộc, cho nên sinh vào ở trong nước đó, để làm vợ của vua, cảm hóa vua Diệu Trang Nghiêm cải tà quy chánh, tin sâu Phật pháp, thọ trì Kinh Pháp Hoa.''

Hai người con Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, nay là Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng, thành tựu các công đức lớn như thế. Đã từng ở chỗ vô lượng trăm ngàn vạn ức các đức Phật, trồng các gốc công đức, thành tựu các công đức lành không thể nghĩ bàn.

Hai người con của vua là Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn, các ông có biết là ai chăng ? Tức là Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng này vậy. Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng thành tựu các công đức lớn như thế, thật là không thể nghĩ bàn. Hai vị đó đã từng ở chốn đạo tràng của vô lượng trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, trồng các căn lành, trồng các gốc công đức, thành tựu các công đức lành không thể nghĩ bàn.

Nếu có ai biết được danh hiệu của hai vị Bồ Tát này, thì tất cả thế gian chư thiên, nhân dân, cũng nên lễ bái.

Nếu như có người nào, biết được hoặc nghe được danh hiệu của hai vị Bồ Tát đó, trì nơi tâm, nhớ mãi không quên, thì tấ cả chư thiên loài người, đều nên lễ bái Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng.

Khi đức Phật nói Phẩm Bổn Sự của Vua Diệu Trang Nghiêm, thì có tám vạn bốn ngàn người xa lìa trần cấu, ở trong các pháp đắc được pháp nhãn thanh tịnh.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Phẩm Bổn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì có tám vạn bốn ngàn người đắc được pháp ích, xa lìa trần lao, thoát khỏi trần cấu, ở trong các pháp đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Quán sát được tất cả pháp thế gian là vô thường, khổ không, vô ngã. Biết được pháp xuất thế là thường, lạc, ngã, tịnh.

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BẢY

PHẨM KHUYẾN PHÁT CỦA BỒ TÁT PHỔ HIỀN THỨ HAI MƯƠI TÁM

Phổ Hiền tiếng phạn là ''Tam mạn đa bạt đà la''. Tam mạn dịch là Phổ, bạt đà la dịch là Hiền, do đó :

''Thể tính khắp cùng là phổ,
Tùy duyên thành đức là hiền.''

Lại dịch là Biến Cát, biến (khắp) tức là phổ, cát tức là hiền. Tuy danh từ khác nhau, nhưng ý nghĩa như nhau. Địa vị của Bồ Tát Phổ Hiền chỉ khác Phật chút chút. Giống như trăng ngày mười bốn so với trăng rằm, chỉ sai một chút về tròn sáng.

Bồ Tát Phổ Hiền là một trong bốn đại Bồ Tát, đ□a vị rất cao. Ngài ủng hộ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói pháp, ở trong hội Hoa Nghiêm thì Ngài là thuyết pháp chủ. Có Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phát mười đại nguyện vương, đó là pháp môn Bồ Tát phải tu.

Trong hội Pháp Hoa, Bồ Tát Phổ Hiền hướng về đại chúng pháp hội nói sau cùng, khuyên đại chúng phát bồ đề tâm, thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh Pháp Hoa, biên chép Kinh Pháp Hoa. Tóm lại, khiến cho đại chúng cúng dường, lễ bái, khen ngợi,

ấn tụng, truyền bá Kinh Pháp Hoa, thì chắc chắn có công đức không thể nghĩ bàn.

Bồ Tát Phổ Hiền tu hành tinh tấn nhất, chẳng những nguyện lớn mà hạnh cũng lớn. Đem thân phận và địa vị của Ngài khuyên đại chúng phát tâm ủng hộ Kinh Pháp Hoa, thì đại chúng chắc chắn sẽ tin lời của Ngài nói mà y pháp tu hành. Phẩm này là phẩm cuối cùng của Kinh Pháp Hoa, cho nên là Phẩm Khuyến Phát của Bồ Tát Phổ Hiền thứ hai mươi tám.

Đã giảng Kinh Pháp Hoa hết mười bốn tháng. Hôm nay (ngày 5 tháng 3 năm 1971) giảng đến phẩm hai mươi tám gần hết.

Tiếp theo là giảng Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, do đó có câu :

''Chẳng đọc Kinh Hoa Nghiêm,
Chẳng biết Phật giàu sang thật.''

Sự giàu sang của Phật, nằm hết ở trong Kinh Hoa Nghiêm. Kinh đó đạo lý vô cùng vô tận, hy vọng mọi người đừng bỏ lỡ cơ hội nghe Kinh Hoa Nghiêm.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Hiền dùng sức thần thông tự tại, uy đức danh văn, cùng với các đại Bồ Tát, vô lượng vô biên không thể tính đếm. Từ phương đông đến, các cõi nước đi qua thảy đều chấn động.

Khi nói Phẩm Khuyết Phát của Bồ Tát Phổ Hiền, thì Bồ Tát Phổ Hiền dùng sức thần thông tự tại, có uy đức có danh văn. Ngài và các đại Bồ Tát số nhiều vô lượng vô biên, từ phương đông đến pháp hội Linh Sơn, thế giới Ta Bà, Nam Diêm Phù Đề. (Bồ Tát Phổ Hiền nương chân lý mà ở, nên chẳng có một cõi nước cố định). Tất cả các cõi nước mà Ngài đi qua, thảy đều phát sinh chấn động, biểu thị sáu căn của tất cả chúng sinh đều thanh tịnh.

Mưa xuống các hoa sen báu, vang lên vô lượng trăm ngàn vạn ức các thứ âm nhạc.

Bồ Tát Phổ Hiền và vô lượng các đại Bồ Tát đi ngang qua các cõi nước, chẳng những có sáu thứ chấn động, mà hư không còn mưa xuống các hoa sen báu, ở trong hư không còn vang lên vô lượng trăm ngàn vạn ức các thứ âm nhạc, rất là êm tai, khiến cho người nghe hoặc thấy được, đều sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Cùng với vô số các hàng trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và chẳng phải người, hết thảy đều vây quanh, ai nấy đều hiện sức thần thông oai đức, đến núi Kỳ xà quật ở thế giới Ta Bà.

Bồ Tát Phổ Hiền cùng với các chúng trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và chẳng phải người, hết thảy đại chúng vây quanh, ai nấy đều hiện ra thần thông oai đức, đến núi Kỳ xà quật ở thế giới Ta Bà.

Đến rồi, đại chúng đều đảnh lễ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhiễu bên phải bảy vòng, bèn bạch Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con ở cõi nước của đức Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, xa nghe thế giới Ta Bà này nói Kinh Pháp Hoa, nên con và vô lượng trăm ngàn vạn ức các chúng Bồ Tát cùng nhau đến nghe.

Bồ Tát Phổ Hiền đến pháp hội Linh Sön, cùng với đại chúng năm thể sát đãt, đảnh lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và nhiễu bên phải Đức Phật bảy vòng. Biểu thị bảy bồ đề phần. Sau đó, bạch với Phật rằng : ''Đức Thế Tôn ! Con ở trong cõi nước của Đức Phật Bảo Oai Thượng Vương, xa nghe ở thế giới Ta Bà nói Kinh Pháp Hoa. Chúng con vô lượng các đại chúng Bồ Tát, cùng nhau đến pháp hội Linh Sơn để nghe Kinh Pháp Hoa.''

Xin đức Thế Tôn, hãy vì đại chúng mà nói. Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, sau khi Như Lai diệt độ, làm sao có thể được Kinh Pháp Hoa này ?

Bồ Tát Phổ Hiền và vô lượng các Bồ Tát nói : ''Xin Đức Thế Tôn từ bi, hãy vì chúng con đại chúng mà nói. Nếu như có người thiện nam người thiện nữ, sau khi Như Lai diệt độ, thì họ làm thế nào có thể được Kinh Pháp Hoa này ? Làm sao được thọ trì Kinh Pháp Hoa này ?

Đức Phật bảo Bồ Tát Phổ Hiền : Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thành tựu bốn pháp này, thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ được Kinh Pháp Hoa này.

Đức Phật Thích Ca nói với Bồ Tát Phổ Hiền : ''Phổ Hiền ! Nếu có người nam làm thiện, người nữ làm thiện, họ thành tựu bốn pháp này, thì sau khi Như Lai diệt độ, tự nhiên họ sẽ được Kinh Pháp Hoa này.''

Một là được chư Phật hộ niệm. Hai là đã gieo trồng các gốc công đức. Ba là vào chánh định tụ. Bốn là phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh. Người thiện nam, người thiện

nữ, thành tựu bốn pháp như thế, thì sau khi Như Lai diệt độ, sẽ được Kinh Pháp Hoa.

Bốn pháp này tức là :

1). Được chư Phật hộ niệm : Làm thế nào mới được chư Phật hộ niệm ? Tức là phải thọ trì Kinh Pháp Hoa, và tu trì các thứ pháp lành, đây là thường.

2). Trồng các gốc công đức : Tức là gieo trồng các căn lành, tu các pháp lành, đây là lạc.

3). Vào chánh định tụ : Tức là vào sâu trong chánh định tụ, đây là thật ngã.

4). Phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh, đây là tịnh.

Nếu như người nam tu thiện, người nữ tu thiện, thành tựu được bốn pháp này, thì sau khi Như Lai diệt độ, chắc chắn sẽ được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bốn pháp này, có thể nói là bốn an lạc hạnh, được chư Phật hộ niệm là thân an lạc hạnh, trồng các gốc công đức là khẩu an lạc hạnh, vào chánh định tụ là ý an lạc hạnh, phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh là nguyện an lạc hạnh.

Lại có thể nói là được chư Phật hộ niệm, và vào chánh định tụ, hai pháp này là mặc y Như Lai. Trồng các gốc công đức là ngồi tòa Như Lai. Phát tâm cứu hộ tất cả chúng sinh là vào nhà Như Lai. Bốn pháp này là khai thị ngộ nhập vào tri kiến của Phật. Được chư Phật hộ niệm là khai mở sự thấy của Phật; gieo trồng các gốc công đức là

mở bày tri kiến của Phật; vào chánh định tụ là vào tri kiến của Phật; phát tâm cứu hộ tất cả chúng sinh là ngộ tri kiến của Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Hiền bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vào đời ác trược năm trăm năm sau, như có người thọ trì kinh điển này, thì con sẽ bảo hộ người đó, trừ diệt mọi tai nạn, khiến cho họ được an ổn, làm cho thiên ma ngoại đạo chẳng được tiện lợi, xâm phạm người đó.

Lúc đó, Bồ Tát Phổ Hiền nói với Đức Phật Thích Ca rằng : ''Đức Thế Tôn ! Vào đời ác năm trược năm trăm năm sau, như có ai thọ trì, đọc tụng giải nói, biên chép, cúng dường, lễ bái, ủng hộ, ấn tống kinh, truyền bá Kinh Pháp Hoa, thì con (Bồ Tát Phổ Hiền) phát nguyện bảo hộ người đó, diệt trừ tất cả tai nạn chẳng cát tường của người đó, khiến cho họ được an ổn, làm cho thiên ma ngoại đạo, quỷ thần chẳng tìm được cơ hội, chẳng tiện lợi xâm phạm người thọ trì Kinh Pháp Hoa.''

Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm đầu tiên là thời kỳ giải thoát kiên cố, ai ai biết tu hành thì đều được giải thoát. Năm trăm năm kế tiếp, là thời kỳ thiền định kiên cố, ai ai cũng tu tập thiền định. Năm trăm năm thứ ba là

thời kỳ chùa tháp kiên cố, ai ai cũng xây chùa tạo tháp làm công đức. Năm trăm năm thứ tư là thời kỳ đa văn kiên cố, ai ai cũng nghiên cứu kinh nghĩa, nhưng chẳng chú trọng tu hành. Năm trăm năm thứ năm là thời kỳ đấu tranh kiên cố, người vào thời đại mạt pháp chỉ biết đấu tranh, chẳng biết tu hành. Tức là chỉ người vào thời kỳ hiện tại này, bạn tranh tôi giành. Tại sao ? Là vì danh vì lợi.

Nếu ma, hoặc con trai của ma, hoặc con gái của ma, hoặc dân ma, hoặc có người bị ma mê hoặc, hoặc dạ xoa, hoặc la sát, cưu bàn trà, tỳ xá xà, cát giá, phú đơn na, vĩ đà la, hết thảy muốn não hại người, thì chẳng được tiện lợi.

Hoặc là Ma Vương, con trai của ma, con gái của ma, dân ma, người bị ma mê hoặc mất đi tri giác, tinh thần hoảng hốt, ý chí chẳng tỉnh táo, miệng nói lảm nhảm, nói những việc quái dị. Hoặc dạ xoa, la sát, cưu bàn trà (quỷ cái vò), tỳ xá xà (quỷ ăn tinh), cát giá (quỷ ăn tử thi), phú đơn na (quỷ hôi thối), vĩ đà la (quỷ yểm đảo), những loài quỷ này dùng chú để chi phối người, khiến cho người đi xâm hủy người khác. Con sẽ khiến cho những thiên ma ác quỷ đó, chẳng được cơ hội não hại người thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Người đó, nếu đi hoặc đứng đọc tụng kinh này, thì lúc đó con sẽ cỡi voi chúa trắng sáu ngà, cùng với chúng đại Bồ Tát, cùng đi đến chỗ người đó, mà tự hiện thân, cúng dường bảo hộ an ủi tâm của người đó, và cũng vì cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Bồ Tát Phổ Hiền lại nói : ''Nếu người đó, đi hoặc đứng mà tụng Kinh Pháp Hoa, thì lúc đó con sẽ cỡi voi chúa trắng sáu ngà (sáu ngà đại biểu cho sáu độ), cùng với tất cả chúng đại Bồ Tát, cùng nhau đi đến chỗ người đó thọ trì Kinh Pháp Hoa. Tự hiện thân để cúng dường chư Phật và bảo hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, dùng tâm khen ngợi an ủu họ, chủ yếu cũng là cúng dường Kinh Pháp Hoa.''

Nếu người đó ngồi suy nghĩ về kinh này, thì lúc đó con cũng sẽ cỡi voi chúa trắng hiện thân ở trước người đó. Nếu người đó ở nơi Kinh Pháp Hoa, có quên mất một câu, một bài kệ, thì con sẽ chỉ dạy họ, hoặc cùng đọc tụng với họ, khiến cho họ thông đạt.

‘’Nếu người đó, ngồi một lòng suy nghĩ về chỗ chẳng thấy thân thể của con, khiến họ sinh tâm đại hoan hỉ, so với trước càng tinh tấn dụng công tu hành. Vì thấy được thân con, nên liền đắc được tam muội (chánh định), lại đắc được đà la ni (tổng trì), tên là toàn đà la ni.

Toàn đà la ni do một nghĩa mà minh bạch nhiều nghĩa, do nhiều nghĩa mà quy về một nghĩa, do đó :

‘’Một làm vô lượng, vô lượng làm một’’.

Có trăm ngàn vạn ức đà la ni, đều thông đạt vô ngại. Lại có pháp âm phương tiện đà la ni. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa, hay đắc được những đà la ni như đã nói ở trên‘’.

Đức Thế Tôn ! Nếu đời sau này, vào đời ác trược, năm trăm năm sau, có hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ nào, thọ trì, đọc tụng, biên chép, muốn tu tập Kinh Pháp Hoa này, trong hai mươi mốt ngày, một lòng tinh tấn, mãn hai mươi mốt ngày rồi, con sẽ cỡi voi trắng sáu ngà, cùng với vô lượng chúng Bồ Tát mà tự vây quanh, dùng tất cả thân mà chúng sinh thích thấy, để hiện ra ở trước người đó, mà vì họ nói

pháp, khai thị giáo hóa, khiến cho họ được lợi ích, hoan hỉ.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng : '' Đức Thế Tôn ! Nếu như năm trăm năm sau, vào đời ác năm trược, có hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ nào, thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hoặc biên chép Kinh Pháp Hoa. Muốn y theo pháp trong Kinh Pháp Hoa mà tu tập, nội trong hai mươi mốt ngày, chuyên tâm dũng mãnh tinh tấn, chẳng giải đãi, tu mãn hai mươi mốt ngày rồi, thì con sẽ voi chúa trắng sáu ngà, cùng với vô lượng chúng Bồ Tát, tự vây quanh, dùng tất cả thân mà chúng sinh ưa thấy, để hiện ra ở trước người đó, mà vì họ nói pháp của Kinh Pháp Hoa, khai thị, giáo hóa họ, khiến cho họ được lợi ích, được hoan hỉ.''

Tại sao phải nói là hai mươi mốt ngày ? Vì thân thể của con người, sau bảy ngày thì có tiểu biến hóa (tiểu quang minh). Sau mười bốn ngày thì có trung biến hóa (trung quang minh). Sau hai mươi mốt ngày thì có đại biến hóa (đại quang minh). Nếu trì chánh pháp thì đen tối (vô minh) sẽ biến thành quang minh (trí huệ), do đó : ''Một ngọn đèn trừ diệt được ngàn năm đen tối, một khi khai mở trí huệ thì tiêu diệt được vạn năm ngu si.'' Vô minh tiêu diệt rồi, thì trí huệ sẽ hiện tiền. Tu đạo tức là diệt vô minh hiển pháp tính.

Hôm nay kể chuyện về trì tụng, và biên chép Kinh Pháp Hoa.

Trước kia, có một vị pháp sư phát tâm biên chép Kinh Pháp Hoa. Một số người biên chép kinh này, thì đa số đều dung mực để biên chép kinh, song vị pháp sư đó dùng máu của chính mình để biên chép kinh. Vì kiền thành đến cực điểm, nên có cảm ứng, do đó :

''Tin thành đến mức, vàng đá cũng tan.''

Khi pháp sư đó biên xong Kinh Pháp Hoa rồi, thì đến ao nước rửa bút, cảnh giới bèn hiện ra, nước trong ao sinh ra hoa sen. Cảnh giới này diệu không thể tả.

Lại có một vị pháp sư, mỗi ngày đều chí thành tụng Kinh Pháp Hoa, chưa bao giờ gián đoạn. Một ngày nọ, trong chùa có một con bò (chỗ làm ruộng) đột nhiên chết. Đêm đó vị pháp sư mộng thấy con bò nói rằng : ''Tôi là mẹ của ông, vì tôi trong đời trước chẳng tin Tam Bảo, chẳng tin nhân quả, cho nên sau khi chết đi, đọa vào đường súc sinh làm bò, cày ruộng cho chùa để chuộc tội. Bây giờ, ông kiền thành đọc tụng Kinh Pháp Hoa, tôi đắc được lợi ích nên thoát khỏi thân bò, được sinh làm người lân cận.'' Do đó, có thể thấy, thọ trì Kinh Pháp Hoa có công đức không thể nghĩ bàn.

Con cũng cho chú đà la ni, vì được chú đà la ni, nên chẳng có ai có thể phá hoại

được, cũng chẳng bị người nữ mê hoặc nhiễu loạn, con cũng thường bảo hộ người đó.

Bồ Tát Phổ Hiền lại nói. ''Con cũng cho người thọ trì Kinh Pháp Hoa thần chú đà la ni này. Vì đắc được đà la ni, nên chẳng bị ai có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ mê hoặc nhiễu loạn. Người thế tục vốn rất thông minh, song gặp người nữ đẹp thì sẽ hồ đồ, bị cảnh giới chuyển, do đó : ''Anh hùng khó qua ải mỹ nhân.'' Tôi (Bồ Tát Phổ Hiền) phát nguyện thường hộ trì vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, hiện thân để vì họ nói thần chú đà la ni này.''

Xin đức Thế Tôn nghe con nói chú đà la ni này, bèn ở trước đức Phật mà nói chú rằng :

Bồ Tát Phổ Hiền nói : ''Xin Đức Thế Tôn từ bi cho phép con nói chú này.'' Đây là biểu thị tôn trọng, được đồng ý của Phật. Phật yên lặng hứa khả. ''Cung thỉnh Đức Thế Tôn ! Nghe con nói chú đà la ni này, bèn ở trước Phật nói ra thần chú dưới đây.

A đàn địa, đàn đà bà địa, đàn đà bà đế, đàn đà cưu xá lệ, đàn đà tu đà lệ, tu đà lệ, tu đà la bà để, Phật đà ba thiên nỉ, tát bà đà la

ni, a bà đa ni, tát bà bà sa a bà đa ni, tu a bà đa ni, tăng già bà lý xoa ni, tăng già niết già đà ni, a tăng kì, tăng già bà già địa, đế lệ a nọa tăng già suất lược, a la đế ba la đế, tát bà tăng già địa tam ma địa già lan địa, tát bà đạt ma tu ba lợi sát đế, tát bà tát đõa, lâu đà kiều xá lược, a nậu già địa, tân a tỳ cát lợi địa đế.

Đức Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát nghe được đà la ni này, thì nên biết đó là nhờ sức thần thông của Phổ Hiền.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng: ''Đức Thế Tôn !Nếu như có Bồ Tát được nghe chú đà la ni này, thì nên biết, đó là nhờ sức thần thông của Bồ Tát Phổ Hiền mà thành tựu. Thần chú đà la ni này có đủ công đức.''

Nếu Kinh Pháp Hoa truyền bá ở cõi Diêm Phù Đề, có người thọ trì, thì nên nghĩ rằng, đều là nhờ sức oai thần của Phổ Hiền.

Nếu như bộ Kinh Pháp Hoa này mà lưu truyền ở cõi Diêm Phù Đề (Nam Thiệm Bộ Châu). Tại sao gọi là Diêm Phù Đề ? Vì ở Nam Thiệm Bộ Châu có rừng Diêm Phù Đề, cây đó kết trái rụng xuống sông, chất nước trái cây nhiễm vào cát thành màu vàng, ánh sáng màu vàng này

rất thù thắng đặc biệt, sáng hơn màu vàng khác gấp trăm lần, cho nên gọi là màu vàng tía, do đó mà gọi là Diêm Phù Đề.

Người ở Diêm Phù Đề, thọ trì Kinh Pháp Hoa thì nên nghĩ như vầy : ''Hiện tại tôi đang thọ trì Kinh Pháp Hoa, là nhờ sức đại oai đức và đại hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền mà thành tựu, bằng không thì tôi chẳng có cơ hội đọc tụng bộ kinh này.''

Nếu có người thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, giảng giải nghĩa lý của kinh này, và y theo lời nói trong kinh mà tu hành, thì nên biết người đó thực hành hạnh của Phổ Hiền, ở chỗ vô lượng vô biên các đức Phật trồng sâu căn lành, được các đức Như Lai lấy tay rờ đầu.

Nếu như có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, giải nói nghĩa lý kinh này, tức là khai ngộ nhập tri kiến của Phật. Nếu y theo pháp mà tu hành, thì nên biết người đó tu hạnh môn của Bồ Tát Phổ Hiền. Người đó đã ở chỗ mười phương vô lượng chư Phật trồng sâu căn lành, được Chư Phật rờ đầu thọ ký.

Nếu chỉ biết biên chép, thì người đó sau khi mạng chung, sẽ được sinh về cõi trời

Đao Lợi, lúc đó có bốn vạn tám ngàn thiên nữ, tấu lên các thứ âm nhạc đến nghinh tiếp. Người đó bèn đội mũ bảy báu, ở trong các thể nữ vui cười khoái lạc.

Nếu như có người chỉ biên chép Kinh Pháp Hoa, thì sau khi người đó chết đi, sẽ được sinh lên cõi trời Đao Lợi. Lúc đó, có tám vạn bốn nghìn cô thiên nữ, tấu lên các thứ âm nhạc đến nghinh tiếp người đó, đầu người đó được đội lên mũ bằng bảy báu tạo thành, và ở trong các thể nữ hưởng thụ vui chơi khoái lạc.

Hà huống là thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, giải nghĩa lý kinh điển, theo như lời nói trong kinh mà tu hành.

Chỉ biên chép Kinh Pháp Hoa, mà có công đức như thế. Hà huống là thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, nghĩ nhớ chân chánh, giải thích nghĩa lý trong kinh, theo như lời trong kinh nói mà tu hành. Công đức đắc được càng không thể suy nghĩ, không thể luận bàn.

Nếu có người, thọ trì đọc tụng, giải nghĩa lý trong kinh, thì sau khi người đó chết đi, sẽ được ngàn vị Phật dũi tay rờ đầu, khiến cho họ chẳng sợ hãi, chẳng đọa vào ba

đường ác, bèn được vãng sinh về cõi trời Đâu Suất, chỗ của Bồ Tát Di Lặc.

Nếu như có người, hay thọ trì, đọc tụng, giải nói, nghĩa lý của kinh này thì người đó sau khi mạng chung sẽ được ngàn vị Phật dũi tay rờ đầu thọ ký, khiến cho họ chẳng sinh tâm sợ hãi, khiến cho họ chẳng đọa lạc vào bốn đường ác, lập tức được sinh về cõi trời Đâu Suất nội viện, chỗ của Bồ Tát Di Lặc. Nội viện này là chỗ ở của các đại Bồ Tát bổ xứ thành Phật sau này. Còn ngoại viện là chỗ của chư thiên ở.

Bồ Tát Di Lặc có ba mươi hai tướng, có các chúng đại Bồ Tát cùng vây quanh, lại có trăm ngàn vạn ức thiên nữ, và quyến thuộc cùng sinh ở trong đó, có các công đức lợi ích như thế.

Bồ Tát Di Lặc tên là A Dật Đa. Di Lặc dịch là Từ Thị, A Dật Đa dịch Vô Năng Thắng. Ngài là Đương Lai Hạ sinh Di Lặc Tôn Phật. Hiện tại, Ngài đang ở trên nội viện cung trời Đâu Suất, vì chúng sinh thuyết pháp. Ngài có đủ ba mươi hai tướng đại nhân, và tám mươi vẻ đẹp. Còn có chúng đại Bồ Tát vây quanh, lại có trăm ngàn vạn ức thiên nữ làm quyến thuộc, sinh ở trong nội viện, có công đức lợi ích như thế.

Do đó, người có trí nên một lòng biên chép Kinh Pháp Hoa, hoặc khiến người biên chép, thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, theo như lời nói trong kinh mà tu hành.

Vì vậy cho nên người có trí, nên một lòng chuyên tâm biên chép Kinh Pháp Hoa, nếu mình không thể biên chép, thì khiến người khác biên thế, thì có công đức đồng nhau. Thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, theo như lời nói trong kinh mà tu hành, thì chắc chắn có vô lượng công đức.

Đức Thế Tôn ! Con nay dùng sức thần thông để bảo hộ kinh này. Sau khi Như Lai diệt độ, sẽ rộng truyền bá kinh này ở trong cõi Diêm Phù Đề, khiến cho chẳng đoạn tuyệt.

Bồ Tát Phổ Hiền lại gọi một tiếng: ‘’Đức Thế Tôn ! Hiện tại con dùng sức thần thông để bảo hộ giữ gìn Kinh Pháp Hoa. Sau khi Như Lai diệt độ, sẽ rộng truyền bá Kinh Pháp Hoa này khắp cõi Diêm Phù Đề, chẳng khiến cho đoạn tuyệt.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen rằng : Lành thay, lành thay ! Phổ Hiền,

ông hộ trì giúp kinh này, khiến cho hết thảy chúng sinh được lợi ích an lạc. Ông đã thành tựu công đức không thể nghĩ bàn, lòng từ bi sâu rộng, từ lâu xa đến nay, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, hay phát nguyện thần thông đó, bảo hộ kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông, bảo hộ người thọ trì danh hiệu của Bồ Tát Phổ Hiền.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca khen ngợi Bồ Tát Phổ Hiền nói : ''Lành thay, lành thay ! Phổ Hiền ! Ông phát tâm bảo hộ trợ giúp Kinh Pháp Hoa, lưu truyền lâu dài trong thế gian, khiến cho chúng sinh thọ trì Kinh Pháp Hoa đều được an lạc, đắc được lợi ích, ông đã thành tựu công đức không thể nghĩ bàn. Tâm đại từ bi của ông cũng không thể nghĩ bàn. Ông từ lâu xa đến nay, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, mà hay phát nguyện thần thông đó, bảo hộ Kinh Pháp Hoa, công đức vô lượng. Ta sẽ dùng sức thần thông, bảo hộ tất cả bất cứ ai thọ trì danh hiệu Bồ Tát Phổ Hiền, khiến cho họ đắc được công đức không thể nghĩ bàn.''

Phổ Hiền ! Nếu có người thọ trì đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, tu tập biên chép Kinh Pháp Hoa này, thì nên biết người đó,

tức thấy được Phật Thích Ca Mâu Ni, như từ miệng của đức Phật được nghe kinh điển này. Nên biết người đó, cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Nên biết người đó, được Phật khen lành thay. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca Mâu Ni lấy tay rờ đầu. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca Mâu Ni lấy y trùm cho.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói : '' Phổ Hiền ! Nếu như có người thọ trì, đọc tụng, nghĩ nhớ chân chánh, tu tập, biên chép Kinh Pháp Hoa, thì nên biết người đó thấy được Phật Thích Ca Mâu Ni, như từ miệng của Phật nói, nghe được bộ kinh này. Nên biết người đó thân tự cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Nên biết người đó được Phật khen ngợi : Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca lấy tay rờ đầu thọ ký. Nên biết người đó, được Phật Thích Ca lấy y của Phật trùm cho.''

Người như thế, chẳng còn tham trước sự vui của thế gian, chẳng thích xem nghe kinh sách của ngoại đạo nữa, cũng chẳng ưa gần gũi những người đó, và những kẻ ác như đồ

tể, kẻ giết loài súc vật, heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, hoặc người buôn bán nữ sắc.

Người như thế, chẳng còn tham luyến sự vui của thế gian nữa, chẳng thích đọc sách vở ngoại đạo, cũng chẳng xem sách vở của ngoại đạo, chẳng gần gũi kẻ ngoại đạo, cũng chẳng gần gũi những kẻ ác như đồ tể, người nuôi súc vật, heo dê gà chó, thợ săn, buôn bán sắc đẹp, đều phải xa lìa, không thể làm bạn với họ, bằng không thì bị nhiễm lây, sẽ bị họ hại.

Người đó tâm ý chất trực, có sự nghĩ nhớ chân chánh, có phước đức, người đó chẳng bị ba độc làm não hại, cũng chẳng bị đố kị, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn, làm não hại. Người đó ít muốn biết đủ, hay tu hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền.

Người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, chẳng tham sự vui năm dục của thế gian, chẳng ưa thích đọc sách vở của ngoại đạo, chẳng gần gũi với kẻ ác. Tâm của người đó rất chất trực, chẳng có tâm quanh co, có sự nghĩ nhớ chân chánh, có phước đức. Người đó chẳng bị tham sân si ba độc não hại, cũng chẳng bị đố kị, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn, làm não hại. Người đó ít dục vọng, mọi việc

đều biết đủ, do đó : ''Biết đủ thì an vui'', hay tu hành hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền.

Phổ Hiền ! Nếu sau khi Như Lai vào Niết Bàn, năm trăm năm sau. Nếu có người nào, thấy người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì nên nghĩ rằng : Người đó chẳng bao lâu sẽ ngồi ở đạo tràng, phá các quân ma, được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chuyển bánh xe pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, mưa pháp vũ, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử, ở trong đại chúng trời người.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi một tiếng : ''Phổ Hiền ! Nếu sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau. Nếu có vị pháp sư thấy được người thọ trì, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì nên nghĩ như vầy : Vị pháp sư đó chẳng bao lâu, tương lai sẽ ngồi ở Bồ Đề Đạo Tràng, phá tan tất cả thiên ma ngoại đạo, chứng được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, chuyển bánh xe pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, mưa pháp vũ. Vị pháp sư đó sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử, ở trong đại chúng trời người, thọ trời người cúng dường cung kính lễ bái thuyết pháp độ sanh.''

Phổ Hiền ! Nếu ở đời sau, có người thọ trì đọc tụng kinh này, thì người đó chẳng còn tham trước y phục, đồ nằm, thức ăn uống, các vật chất. Có nguyện cầu những gì, thảy đều thành tựu, cũng ở trong hiện đời, đắc được phước báu.

Phổ Hiền ! Nếu như ở đời sau này, có người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì chẳng còn tham cầu y phục, đồ nằm, ăn uống và tất cả mọi vật chất. Những gì người đó nguyện cầu đều thành tựu. Tại sao ? Vì chẳng tham trước. Chẳng tham trước, có nguyện cầu gì thì sẽ thành tựu. Nếu tham trước thì dù có cầu gì cũng chẳng thành tựu. Người đó ở trong hiện đời đắc được phước báo.

Nếu có người khinh khi phỉ báng nói : Ông là người cuồng, làm những việc vô ích, chẳng có đắc được gì cả. Tội báo như thế, đời đời sẽ không có mắt.

Nếu như có người khinh khi phỉ báng người thọ trì Kinh Pháp Hoa, nói như vầy : ‘’Ông là người cuồng, ông làm việc đó có ích gì ? Chỉ là lãng phí thời gian, chẳng có được gì cả.’’ Nếu như người đó phê bình ác ý như thế, thì

tội báo của người đó, đời đời kiếp kiếp chẳng có mắt, thành người mù, vĩnh viễn chẳng thấy ánh sáng.

Nếu có người cúng dường khen ngợi, thì hiện đời sẽ đắc được quả báo lành.

Nếu như có người, hay cúng dường vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, khen ngợi vị pháp sư đọc tụng giải nói Kinh Pháp Hoa, thì người đó hiện đời đắc được quả báo lành.

Nếu lại có người, thấy người thọ trì kinh này, sinh tâm gây tội lỗi, hoặc thật, hoặc không thật, thì người đó hiện đời mắc bệnh bạch lại.

Nếu như có người, nhìn thấy người thọ trì Kinh Pháp Hoa, mà sinh tâm hủy báng nói như vầy : '' Tên ác ôn này cầm sâu chuổi, mạo xưng là người thiện, đừng bao giờ tin ông ta. Ông ta trước kia đã làm nhiều chuyện ác, giết người, phóng lửa, tội cực ác. Bây giờ lương tâm phát hiện, đọc tụng kinh để tiêu trừ tội lỗi, đó chẳng phải là chân tu hành, chỉ là trốn tránh hiện thực.'' Chẳng màn là việc đó thật, hoặc là hư vọng chẳng thật, thì người đó trong không sinh có, tạo lời bịa đặc sinh không, ở trong hiện đời bị mắc bệnh bạch lại, tức cũng là bệnh về da. Các vị nhìn xem, những người bệnh đó chẳng cần hỏi mà

cũng có thể biết, họ kiếp trước hoặc đời này, từng phỉ báng người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, cho nên mới bị quả báo như thế.

Nếu khinh khi cười người thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì đời đời răng sẽ thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghẻ nhọt máu mủ hôi hám, bụng phình hơi ngắn, các chứng bệnh ác nặng.

Nếu như có người, nhìn thấy người thọ trì Kinh Pháp Hoa, chẳng nói mà khinh cười, trong tâm nghĩ : ''Người này mê tín, tụng kinh lạy kinh có ích gì ! Thật là lãng phí thời gian, hành vi của người ngu.'' Nên biết người đó, đời đời kiếp kiếp răng chẳng những thưa thớt, mà còn thiếu hụt. Môi của họ xấu xí vô cùng, mũi của họ xẹp lép, hai lỗ chầu trời thật là khó coi. Tay chân của họ cong queo chẳng thẳng, hành động khó khăn. Mắt của họ lé chẳng ngay, hoặc là hình tam giác, phàm là người mắt như thế, hay thích nói lời giả dối, quỷ kế đa đoan. Thân thể của họ hôi hám dơ dáy, ung nhọt lở loét, máu mủ chảy ra hôi hám vô cùng. Bụng phình như trống, hơi thì ngắn. Những bịnh nặng ác tính như thế, chẳng cách gì chữa được, đó là nghiệp chướng sở cảm.

Do đó Phổ Hiền ! Nếu thấy người thọ trì kinh này, thì nên đứng dậy ra xa nghinh tiếp, như cung kính Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói : ''Vì nhân duyên đó. Phổ Hiền ! Nếu có người thấy vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc là cư sĩ, thì nên lập tức đứng dậy ra xa nghinh tiếp vị pháp sư đó, giống như cung kính Phật.''

Khi đức Phật nói Phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát này, thì có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhiều như số cát sông Hằng, đắc được ngàn vạn ức toàn đà la ni, có các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới, đầy đủ đạo của Bồ Tát Phổ Hiền.

Khi Đức Phật nói Phẩm Khuyến Phát của Bồ Tát Phổ Hiền, thì có vô lượng vô biên Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng, đều đắc được trăm ngàn vạn ức toàn đà la ni. Lại có các Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới, đều đầy đủ đạo của Bồ Tát Phổ Hiền thực hành, tức cũng là mười đại nguyện vương :

1). Lễ kính chư Phật.
2). Xưng tán Như Lai.
3). Quảng tu cúng dường.

4). Sám hối nghiệp chướng.
5). Tùy hỉ công đức.
6). Thỉnh chuyển pháp luân.
7). Thỉnh Phật trụ thế.
8). Thường tùy Phật học.
9). Hằng thuận chúng sinh.
10). Phổ giai hồi hướng.

Khi đức Phật nói kinh này, thì Bồ Tát Phổ Hiền, và hết thảy các Bồ Tát, Ngài Xá Lợi Phất, và các hàng Thanh Văn, cùng trời, rồng, người và chẳng phải người, tất cả đại hội, thảy đều đại hoan hỉ, thọ trì lời của đức Phật nói, làm lễ rồi lui ra.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong Kinh Pháp Hoa, thì Bồ Tát Phổ Hiền và các đại Bồ Tát, tôn giả Xá Lợi Phất và các đại Thanh Văn, cùng với trời rồng tám bộ chúng, người và chẳng phải người, tất cả đại chúng trong đại hội thảy đều hoan hỉ, thọ trì lời của Phật nói, y pháp tu hành. Sau khi nghe xong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đại chúng đảnh lễ Đức Phật, cảm tạ Đức Phật, sau đó đều trở về chỗ của mình ở.

Bộ Kinh Pháp Hoa này bắt đầu giảng từ ngày 10 tháng 1 năm 1970, giảng đến nay là ngày 9 tháng 4 năm 1971 đã viên mãn.

Đây là pháp hội đầu tiên ở tây phương, giảng kinh dài như thế. Hy vọng các vị học bộ kinh này, để đi khắp nơi giáo hóa chúng sinh, chuyển đại pháp luân, đánh trống pháp lớn, thổi loa pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được pháp ích của Kinh Pháp Hoa. Các vị phải gánh vác trách nhiệm ‘’Tục Phật huệ mạng’’, khiến cho Phật Giáo phát dương quang đại, khiến cho ai ai cũng đắc được pháp hỉ sung mãn, tức công đức vô lượng vậy !

Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng nầy, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thảy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức nầy
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân nầy
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú Đại Bi giảng giải.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lăng nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 1.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 2.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 3.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 4.
- Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 5.(trọn bộ)

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây, sẽ tiếp tục lần lược in ra những tập kế tiếp.

Nếu khinh khi cười người thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì đời đời răng sẽ thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghẻ nhọt máu mủ hôi hám, bụng phình hơi ngắn, các chứng bệnh ác nặng.